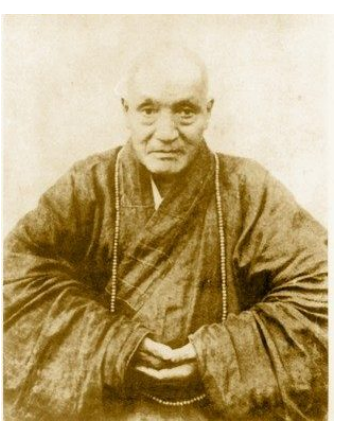
ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

QUYỂN 1 & 2



Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa

Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

QUYỂN THỨ NHẤT

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

ẤN TỐNG 2013

印光法師

文鈔

增廣正編

(越語譯本)

弟一卷

寶光寺弟子如和敬譯

淨業行人明進與慧莊校正

LỜI GIÃI BÀY

Nếu là một liên hữu Việt Nam, có lẽ không ai không biết đến Ấn Quang đại sư qua dịch phẩm Thiền Tịnh Quyết Nghi của hòa thượng Trí Tịnh và Lá Thư Tịnh Độ của cố hòa thượng Thiền Tâm. Khi đọc Lá Thư Tịnh Độ, chúng tôi vẫn luôn kỳ vọng sau này có thiện duyên sẽ được đọc toàn bộ Ấn Quang Văn Sao. Khi được quen biết với đạo hữu Vạn Từ, anh nhiều lần khuyên chúng tôi khi nào có dịp hãy cố dịch toàn bộ tác phẩm này sang tiếng Việt bởi lẽ văn từ của Tổ càng đọc càng thấm, càng thấy có lợi ích. Những giáo huấn của Tổ rất gần gũi, hữu ích cho thời đại chúng ta, nhất là những giáo huấn về Tín - Hạnh - Nguyện, xử thế, tu trì... Khi được biết chúng tôi chưa có nguyên bản Ấn Quang Văn Sao, anh đã sốt sắng lái xe đến khắp các chùa người Hoa trong vùng Nam California để tìm cho được một bản, nhưng cơ duyên chưa tới, vẫn không sao tìm được. Ngay tại một đạo tràng lớn như Phật Quang Sơn Tây Lai Tự vẫn không có một bản Ấn Quang Văn Sao nào. Mãi đến mùa Hạ năm 2001, đạo hữu Minh Lập từ Seattle mới tìm được cho mạt nhân bộ Ấn Quang Văn Sao (do chùa Từ Nguyện ấn tống, không rõ năm in, và được thí tặng bởi chùa Địa Tạng Viên Quang Tự) và Ấn Quang Gia Ngôn Lục (do Phật Quang Viện ở Bản Kiều, Đài Loan, 1982 ấn hành, cũng do chùa Địa Tạng thí tặng). Khi nghe tin đã tìm được Ấn Quang Văn Sao, đạo hữu Vạn Từ mừng rỡ khôn xiết, anh khẩn khoản mạt nhân hãy ráng dịch cho được dẫu chỉ vài phần trọng yếu của tác phẩm này, nhưng do tánh ngại khó cũng như do nhiều chướng duyên, mạt nhân đành thoái thác, không đáp ứng ý nguyện của người bạn đạo thân kính.

Mãi đến giữa Hè 2003, nhân đạo hữu Vinh Quyền yêu cầu lần nữa, mạt nhân mới đánh bạo tạm dịch thử bản Gia Ngôn Lục. Khi đó, sau khi đọc và sửa lỗi bản dịch, các đạo hữu Huệ Trang và Vạn Từ đã tha thiết yêu cầu hãy dịch toàn bộ Ấn Quang Văn Sao, bởi lẽ nếu không đọc được toàn bộ một lá thư, chỉ đọc một vài đoạn trích, khó thể cảm nhận trọn vẹn ý Tổ. Nhưng nhìn vào kích thước của bộ sách này, mạt nhân thật e ngại sức mình không thể kham nổi, đành khất lần: "Nếu ba năm sau không ai dịch tác phẩm này, tôi sẽ đánh liều dịch thử". Rồi như một nhân duyên ước hẹn, cuối năm 2003, đạo hữu Minh Tiến từ California lại gởi tặng một bộ Ấn Quang Văn Tập hoàn chỉnh (gồm Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Văn Sao Tam Biên và Ấn Quang Văn Sao Tục Biên) do Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường ấn hành năm 2002 và bộ Linh Phong Tông Luận (do liên xã Đài Trung ấn hành). Những tác phẩm này do Tịnh Tông Học Hội Los Angeles lưu thông. Mỗi lần nhìn vào hai bộ sách ấy đặt trên bàn, mạt nhân lại cảm thấy áy náy vì chưa đáp đền những ân tình của các bạn đạo đã dành cho mình. Nay dẫu thời hạn ba năm chưa đến, nhưng quang âm trôi

qua vùn vụt, lúc này không làm, e vô thường chợt đến, có muốn làm cũng không kịp nữa!

Đã biết mình không đủ sức mà vẫn cố gượng làm, quả thật là dối mình, dối người, tội ương khó tránh khỏi. Thế nhưng, ngẫm lời các đạo hữu đã khuyên: "Cứ cố hết sức mình ngõ hầu pháp nhũ của chư Tổ phần nào được thể hiện, như sữa đem pha nước dẫu nhạt vẫn còn đôi chút vị sữa", mạt nhân vẫn thầm mong được Tam Bảo gia hộ để không phạm lỗi xuyên tạc ý Tổ, ý kinh quá đáng đến nỗi lương phương trở thành độc dược. Chỉ e nghiệp chướng sâu dày, kiến văn quả lậu, kiến giải quá lệch lạc đến nỗi thâm ý, bản hoài của Tổ bị diễn đạt sai lệch hoàn toàn, không đem lại chút lợi ích cỏn con nào cho các liên hữu.

Ngưỡng mong, bản dịch nháp này sẽ khiến những bậc đại tâm đại đức, kiến văn quảng bác xót thương, rủ lòng từ bi phủ chính hoặc dịch lại toàn bộ cho chánh xác khiến cho hành nhân Tịnh Độ Việt Nam sẽ được lãnh hội đúng đắn giáo huấn quý báu của Tổ Ấn Quang. Còn nếu như việc làm liều lĩnh này có chút phần công đức nào, xin hồi hướng đến bổn sư Thượng Tọa thượng Giải hạ Thắng, tọa chủ Bửu Quang Tự, quận 7, Sài Gòn, lịch đại phụ mẫu, sư trưởng, tông thân, cùng các đạo hữu Vạn Từ, Minh Lập, Minh Tiến, Huệ Trang, các liên hữu thuộc Tịnh Tông Học Hội Đài Loan, cùng hết thảy pháp giới chúng sanh đều được vãng sanh Cực Lạc. Còn như nếu việc làm liều lĩnh này tạo thành tội nghiệp, xin tự mình gánh chịu tội ương, không dám liên lụy ân sư và những liên hữu đã hỗ trợ, khuyến khích, chịu thương chịu khó cùng mình trong suốt thời gian qua.

Ngày 13 tháng 07, năm 2005,

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch

Xả Tây Phương tiệp kính, cửu giới chúng sanh, thượng hà dĩ viên thành Phật đạo,

Ly Tịnh Độ pháp môn, thập phương chư Phật, hạ bất năng phổ lợi quần manh.

Bỏ đường tắt Tây Phương, cửu giới chúng sanh trên dùng gì viên thành Phật đạo?

Lìa pháp môn Tịnh Độ, mười phương chư Phật dưới chẳng thể lợi khắp quần manh

Nếu biết thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó được nghe hơn, nay may mắn được làm thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó được nghe nhất, có dám để quang âm hữu hạn bị tiêu hao sạch nơi thanh sắc, vật chất, lợi lộc, khiến cho vẫn sống thừa chết uổng y như cũ, vẫn bị trầm luân lục đạo, không mong có ngày thoát ra hay sao? Phải đem một chữ Chết (chữ Chết này hay lắm) dán cho rủ xuống trán. Phàm khi những cảnh tham luyến [đáng lẽ] chẳng nên có [mà lại] hiện tiền liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, sẽ trọn chẳng đến nỗi như con thiêu thân gieo mình vào lửa, tự đốt thân mình.

Ngày Ba Mươi tháng Chạp chính là ngày cuối cùng của một năm, nếu trước đó chưa từng dàn xếp cho khéo thì chủ nợ oan gia lũ lượt kéo đến bức ngặt, há dung cho ông sao? Lúc mạng sắp hết chính là ngày Ba Mươi tháng Chạp của một đời người vậy. Nếu tư lương Tín - Nguyện - Hạnh chưa đầy đủ, ác tập khí tham - sân - si vẫn còn thì oán gia chủ nợ trong vô lượng kiếp đều kéo đến bắt tính sổ, há chịu dễ dãi với ông ư? Đừng nói chi kẻ không biết đến pháp môn Tịnh Độ không biết làm sao, phải tùy nghiệp thọ sanh; dẫu cho kẻ biết đi nữa, nhưng không thật sự chuyên chú tu tập cũng sẽ giống như thế, bị ác nghiệp lôi vào trong tam đồ lục đạo, vĩnh viễn luân hồi. Muốn cầu đường trọng yếu để thoát khổ chỉ có niệm niệm sợ chết và sợ chết đi phải đọa lạc trong tam đồ ác đạo thì niệm Phật sẽ tự thuần, Tịnh nghiệp sẽ tự thành, hết thảy trần cảnh sẽ chẳng thể đoạt được chánh niệm nữa!

Ấn Quang đại sư

(Trích thư trả lời cư sĩ X… ở Ninh Ba)

MỤC LỤC

LỜI GIÃI BÀY i
QUYỂN THỨ NHẤT 1
I. THƯ TỪ 1
1. Thư gởi Hòa Thượng Thể An chùa Đại Hưng Thiện 1
2. Thư bàn luận cùng bạn hữu về cương yếu của việc giảo chánh kinh điển 6
3. Thư gởi Dung Minh đại sư 7
4. Thư gởi sư Ngộ Khai 8
5. Thư trả lời sư Hải Thụ 10
6. Thư gởi sư Căn Kỳ chùa Tứ Minh Quán Tông 11
7. Thư gởi tòa báo Phật Học (lược trích) 13
8. Thư trả lời cư sĩ Bộc Đại Phàm 18
9. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ nhất) 22
10. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ hai) 23
11. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ nhất) 25
12. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ hai) 27
13. Thư trả lời cư sĩ Đặng Tân An 30
14. Thư gởi cư sĩ Lưu Đình Thành ở Phước Kiến 32
15. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ nhất) 33
16. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ hai) 35
17. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ ba) 37
18. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ tư) 40
19. Thư gởi cư sĩ Trần Tích Châu 44
20. Thư gởi cư sĩ Tâm Nguyện (viết thay cho bạn) 50
21. Thư gởi cư sĩ Vệ Cẩm Châu 51
22. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ nhất) 55
23. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ hai) 57
24. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ nhất) 60
25. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ hai) 62
26. Thư trả lời anh em cư sĩ X… ở Vĩnh Gia 68
27. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất) 72
28. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai) 73
29. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba) 75
30. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tư) 78
31. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm) 82
32. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu) 95
33. Thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền 98
34. Thư gởi sư Khang Trạch 104
35. Thư gởi pháp sư Đế Nhàn 105
36. Thư gởi sư Ngọc Trụ 107
37. Thư gởi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên ở Quảng Đông (viết thay thầy Khang Trạch) 108
38. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo luận về chuyện tý hương 112
39. Thư gởi hiếu liêm Tiêu Vĩnh Hoa ở Quảng Đông (viết thay thầy Khang Trạch) 113
40. Thư gởi cư sĩ X… (viết thay sư Liễu Dư) 114
41. Thư gởi phu nhân X… ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngộ Khai) 115
42. Thư gởi Cố mẫu Từ phu nhân ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngộ Khai) 116
43. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất) 117

44. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai) 118
45. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)..... 120
46. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tư) 120
47. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm) 122
48. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu) 123
49. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy)..... 124
50. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám) 125
51. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín) 126
52. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh ở Vĩnh Gia..... 127
53. Thư trả lời sư Hoằng Nhất..... 129
54. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tích Âm ở Vô Tích..... 129
55. Thư dự định trả lời vị cư sĩ X… 131
56. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên 133
57. Thư hỏi thăm bệnh pháp sư Đế Nhàn..... 136
58. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ nhất)..... 138
59. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ hai)..... 141
60. Thư trả lời cư sĩ Uông Mộng Tùng 141
61. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu 144
62. Thư trả lời ông Ly Ẩn Tẩu 145
63. Thư trả lời cư sĩ Vưu Hoằng Như..... 150
64. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ nhất)..... 152
65. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ hai)..... 153
66. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ ba)..... 154
67. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ nhất)..... 155
68. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ hai)..... 157
69. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ nhất) 159
70. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ hai) 160
71. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ ba) 161
72. Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên..... 162
73. Thư trả lời cư sĩ Lưu Trí Không 163
74. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu..... 164
75. Thư trả lời cư sĩ X… 168
76. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Trí Hải 169
77. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù 172
78. Thư gởi cư sĩ Nhiếp Vân Đài 174
79. Thư trả lời cư sĩ Kiều Trí Như..... 174
80. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên 175
81. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên..... 176
82. Thư trả lời cư sĩ Uông Vũ Mộc 178
83. Thư trả lời sư Thịnh Cơ..... 179
84. Thư trả lời cư sĩ Phương Viễn Phàm..... 182
85. Thư trả lời cư sĩ Huệ Lãng 183
86. Thư trả lời Bàng Khế Trinh..... 185
87. Thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuần..... 186
88. Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu..... 188
89. Thư gởi Châu Pháp Lợi đồng tử..... 192
90. Thư gởi Mã Khế Tây 192

MỤC LỤC QUYỂN THỨ HAI

QUYỂN THỨ HAI 199
91. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ nhất) 199
92. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ hai) 200
93. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất) 202
94. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai) 205
95. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba) 205
96. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư) 206
97. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm) 207
98. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu) 207
99. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy) 208
100. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám) 208
101. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín) 209
102. Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh 210
103. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ nhất) 212
104. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ hai) 214
105. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ ba) 214
106. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ tư) 216
107. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ năm) 217
108. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ sáu) 218
109. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ bảy) 219
110. Thư trả lời cư sĩ Hồng Quán Lạc 220
111. Thư trả lời cư sĩ Uông Cốc Nhân 221
112. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ nhất) 221
113. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ hai) 222
114. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ ba) 223
115. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ tư) 225
116. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ năm) 227
117. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ sáu) 227
118. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ bảy) 229
119. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo 229
120. Thư trả lời cư sĩ X… ở Ninh Ba 231
121. Thư gởi bạn 232
122. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu 233
123. Thư gởi Tịch Sơn Hòa Thượng ở chùa Vạn Thọ, Dương Châu 233
124. Thư trả lời cư sĩ Lê Đoan Phủ ở Giang Tây 235
125. Thư gởi tổng nhung Trương Liên Thắng 238
126. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ nhất) 240
127. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ hai) 241
128. Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham 242
129. Thư gởi cư sĩ Tạ Dung Thoát 244
130. Thư trả lời cư sĩ Cố Hiển Vi 248
131. Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên 253
132. Thư gởi cư sĩ Ngô Bích Hoa 256
133. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ nhất) 256
134. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ hai) 257

135. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ ba) 259
136. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tư)..... 260
137. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ năm) 261
138. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ sáu)..... 262
139. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ bảy) 263
140. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tám)..... 263
141. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ chín) 264
142. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười) 266
143. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười một) 267
144. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười hai)..... 268
145. Thư gởi đốc quân Trần Bá Sanh ở Thiểm Tây 269
146. Thư trả lời cư sĩ X… ở Dũng Giang..... 273
147. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như 275
148. Thư trả lời hai vị cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như..... 277
149. Thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền 278
150. Thư gởi Hoằng Nhất thượng nhân..... 278
151. Thư trả lời đại sư Pháp Hải..... 279
152. Thư trả lời cư sĩ Vương Dữ Tiếp..... 281
153. Thư gởi cư sĩ X… ở Vĩnh Gia..... 283
154. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ nhất)..... 287
155. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ hai)..... 289
156. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ ba)..... 291
157. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ tư) 292
158. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh 293
159. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu 295
160. Thư trả lời cư sĩ Thang Xương Hoằng 298
161. Thư gởi hội Phóng Sanh ở Đại Đồng, Tuyền Châu..... 300
162. Thư trả lời hiệu trưởng Vạn An ở An Huy..... 302
163. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng..... 303
164. Thư trả lời cư sĩ X… 304
165. Thư trả lời tiên sinh Trương Quý Trực..... 305
166. Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn 306
167. Thư trả lời ông Dương Minh Trai, Phó Tư Lệnh Đệ Ngũ Quân ở Hà Nam..... 313
168. Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do..... 314
169. Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cửu..... 321
170. Thư trả lời cư sĩ Mã Thuấn Khanh 326
171. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ nhất)..... 330
172. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ hai)..... 331
173. Thư gởi cư sĩ Phương Thánh Dận 332
II. LUẬN 334
1. Tịnh Độ Quyết Nghi Luận..... 334
2. Tịnh Độ pháp môn phổ bị tam căn luận 351
3. Tông - Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận..... 353
4. Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bổn Luận..... 361
5. Như Lai Tùy Cơ Lợi Sanh Thiển Cận Luận..... 364
6. Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận 365
7. Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận 366

8. Văn hồi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên luận 376
III. SỚ 382
1. Sớ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm 382
2. Bài sớ về ao phóng sanh chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa 386
3. Bài sớ [kêu gọi đóng góp] xây dựng viện mồ côi Phật giáo chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng 388
4. Sớ phổ khuyến thí tiền khắc in Đại Tạng 391
5. Sớ sáng lập chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Cát Lâm 392
6. Sớ duyên khởi thành lập liên xã chùa Di Đà tại Hàng Châu 394
7. Sớ trùng tu bảo tháp của Vinh Quốc Thiền Tự ở Nam Cao Phong, Hàng Châu 397
8. Sớ mộ duyên làm đàn thủy lục vạn niên ở Phật Đảnh Sơn 399
9. Sớ quyên mộ tu bổ điện đường, tăng phòng và vét ao phóng sanh của chùa Di Đà, núi Thạch Kinh, Hàng Châu 399
10. Sớ quyên mộ xây bến thuyền cho Phổ Đà Sơn 402
11. Sớ quyên mộ tu bổ điện Tam Thánh chùa Thượng Phương Quảng núi Thiên Thai 404
12. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện Bán Sơn Am ở Phổ Đà Sơn 406
13. Sớ quyên mộ thiết lập đại đạo tràng Phổ Môn Vô Giá 407
14. Sớ khuyên đóng góp cho viện tàn tật ở Thượng Hải 408
15. Sớ quyên mộ tu bổ Cảnh Đức Thiền Tự núi La Hán, Vĩnh Gia 409
16. Sớ thuật duyên khởi thành lập liên xã chùa Thanh Liên ở Lô Sơn 411
17. Sớ quyên mộ tu bổ điện Thiên Vương và lầu trống chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà 413
18. Sớ thuật duyên khởi mở Niệm Phật Đường chuyên tu Tịnh nghiệp tại chùa Chân Như ở Gia Hưng 414
19. Sớ quyên mộ đúc chuông U Minh chùa Pháp Vân sông Tam Xoa, Nam Kinh 416
20. Sớ quyên mộ thiếp vàng tượng La Hán chùa Pháp Vũ 418
21. Sớ quyên mộ xây dựng Như Ý Liêu chùa Pháp Vũ 419

MỤC LỤC QUYỂN THỨ BA

QUYỂN THỨ BA 425
IV. TỰ 425
1. Lời tựa in tặng tranh Cực Lạc 425
2. Lời tựa in lại Phật Thuyết A Di Đà Kinh 427
3. Lời tựa khắc lại cuốn Di Đà Lược Giải Viên Trung Sao, khuyên nên thọ trì 428
4. Lời tựa giảo chánh khắc in lại sách Tùy Tự Ý Tam Muội 430
5. Lời tựa bản thạch ấn Phổ Đà Sơn Chí 432
6. Lời tựa cho bức khánh đồ (tranh diễn tả chuyện vui mừng) nhà ông Hà Lãng Tiên ở Thiệu Hưng 435
7. Lời tựa quyên mộ làm chay cúng dường ngàn vị Tăng 438
8. Lời tựa khắc in lại sách Hộ Pháp Lục của Tống Văn Hiến Công đời Minh 438
9. Lời đề từ và tựa bản in lại Long Thư Tịnh Độ Văn 442
10. Tựa chung cho các sách Phật Học Chỉ Nam, Phật Học Khởi Tín Biên và Lục Đạo Luân Hồi Lục 444
11. Lời tựa tái bản bộ An Sĩ Toàn Thư (lời tựa thứ nhất) 448
12. Lời tựa tái bản bộ An Sĩ Toàn Thư (lời tựa thứ hai) 451
13. Lời tựa đúc bản kẽm lưu thông sách Tứ Huấn của ông Viên Liễu Phàm 453
14. Lời tựa tái bản sách Tứ Thư Chú Giải của ngài Ngẫu Ích 456
15. Lời tựa sách Pháp Hoa Nhập Sớ 459
16. Lời tựa cho tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Sớ Sao Hiệt 461
17. Lời tựa cho tác phẩm Kim Cang Thứ Hỗ 464
18. Lời tựa cho bản đúc kẽm tác phẩm Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết 465
19. Lời tựa tái bản bộ Tán Lễ Địa Tạng Bồ Tát Sám Nguyện Nghi 468
20. Lời tựa khắc lại bộ Giản Ma Biện Dị Lục 469
21. Lời tựa bản thạch ấn sách Giản Ma Biện Dị Lục 472
22. Lời tựa cho sách Tam Thập Nhị Tổ Truyện Tán 474
23. Lời tựa sách Tịnh Nghiệp Lương Đạo 475
24. Lời tựa sách Phật Học Sơ Giai 476
25. Lời tựa sách Thích Giáo Tam Tự Kinh 477
26. Lời tựa cho tập Mô Tượng Thi của cư sĩ Lưu Viên Chiếu 478
27. Lời tựa cho bản đúc kẽm lưu thông cuốn Phật Học Thuật Yếu 480
28. Lời tựa tái bản cuốn Cách Ngôn Liên Bích 480
29. Lời tựa tái bản sách Bất Khả Lục 482
30. Lời tựa [khuyên] giữ vẹn luân lý cho sách Bất Khả Lục 484
31. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ bàn giao Phổ Tế Thiền Tự 485
32. Lời tựa cho từ đường mới của Thống Tổ ở Biệt Am 487
33. Lời tựa cho Miên Vân Từ Đường 488
34. Lời tựa cho từ đường của Thông Trí pháp sư 489
35. Lời tựa cho nhà từ đường của con cháu chi phái Lập Sơn lão nhân 493
36. Lời tựa quyên mộ dựng thảo xá Dược Vương 494
37. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ chùa Pháp Vũ 495
38. Lời tựa nhà từ đường Hóa Văn Lão Nhân 497
39. Lời tựa cho cuốn pháp phổ am Bạch Hoa 497
40. Lời tựa cho bản quy củ Hương Tích Trai Tăng Hội 498
41. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ am Viên Thông 500

42. Lời tựa cho từ đường của Vĩnh Ngộ hòa thượng 502
43. Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam 503
44. Lời tựa in lại kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện Công Đức..... 505
45. Lời tựa cho bản tu chánh điều lệ quản trị chùa miếu và văn cảo hộ giáo..... 507
46. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu 510
47. Lời tựa trần thuật duyên khởi của Hạ Môn Phật Kinh Lưu Thông Xứ 514
48. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ của am Pháp Như 516
49. Lời tựa sách Phó Đại Sĩ Truyện Lục 516
50. Lời tựa khắc lại cuốn Quán Hà Tập..... 520
51. Lời tựa lưu thông bản thạch ấn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh 521
52. Lời tựa cho Phật Quang Nguyệt Báo..... 523
53. Lời tựa quyên mộ tu sửa tháp viện của Vân Cốc thiền sư..... 526
54. Lời tựa tái bản bộ Tây Phương Công Cứ 527
55. Lời tựa cho Hồng Kiều Tịnh Độ Đường ở Lạc Thanh 529
56. Lời tựa sách A Di Đà Kinh Trực Giải 532
57. Lời tựa sách Thập Tam Kinh Độc Bản..... 533
58. Lời tựa dùng phẩm Đoạn Thực Nhục (dứt ăn thịt) của kinh Lăng Già để răn thần đừng hưởng đồ cúng mặn 535
59. Lời tựa cho Đồng Giới Lục của chùa Phổ Chiếu ở Dương Châu..... 536
60. Lời tựa khắc lại bộ Thủy Lục Nghi Quỹ 538
61. Lời tựa quyên mộ tu bổ, xây dựng ao phóng sanh chùa Đại Phật ở Tân Xương ... 539
62. Lời tựa truyền giới của Kim Sơn Giang Thiên Thiền Tự..... 541
63. Lời tựa cho bộ Trừng Tín Lục Tu Bổ Cầu Cống từ huyện Cận đến Khưu Ải Trấn544
64. Lời tựa sách Tịnh Độ Thích Nghi..... 545
65. Lời tựa cho lần tái bản tác phẩm sớ giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của ngài Thiện Đạo 547
66. Lời tựa cho bài Phổ Thuyết Tam Quy Ngũ Giới tại nhà giam thứ nhất ở kinh đô trong ngày Nguyên Đán năm Giáp Tý 548
67. Lời tựa khắc kinh Kim Cang lên đá 550
68. Lời tựa khắc in lưu thông cuốn Phật Di Giáo Kinh Giải..... 552
69. Lời tựa sách Tâm Kinh Thiển Giải..... 556
70. Lời tựa thuật duyên khởi sách Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng .. 556
71. Lời tựa in lại sách Giáo Quán Cương Tông Thích Nghĩa Ký 559
72. Lời tựa cho Phật Học Nghiên Cứu Tùng Thư của Thế Giới Cư Sĩ Lâm tại Thượng Hải 560
73. Lời tựa sách Kim Cang Công Đức Tụng..... 561
74. Lời tựa sách Nho Thích Nhất Quán..... 562
75. Lời tựa sách Cận Đại Vãng Sanh Truyện..... 565
76. Lời tựa cho sách Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp Tùy Văn Lục 567
77. Lời tựa sách Nhân Quả Lục..... 569
78. Lời tựa cho sách Sanh Tây Kim Giám 571
79. Lời tựa cho đạo tràng niệm Phật quanh năm tại Thê Chân thường trụ 572
80. Lời tựa cho đồng tu tịnh nghiệp của Quy Tông tinh xá..... 573
81. Lời tựa trình bày duyên khởi của hội Phật Giáo Đài Loan 575
82. Lời tựa Phát Ẩn cho Ngô Tùng Phật Giáo Cư Sĩ Lâm..... 577
83. Lời tựa cho Phật Hóa Tùy San 578
84. Lời tựa duyên khởi cho Đôn Bản Học Hiệu ở Phật Xuyên..... 580

85. Lời tụng và lời tựa bức tranh ngàn vị Phật 583
86. Lời tựa sách Phật Pháp Yếu Luận 584
87. Lời tựa trình bày duyên khởi cho hội Thí Quan Tài Thể Nhân ở Phổ Đà 586
88. Lời tựa cho Vạn Niên Bạ của Tam Thánh Đường 587
89. Lời tựa cho sách Anh Minh Tập của cư sĩ Sái Bá Luân 588
90. Lời tựa sách Giáo Hối Thiển Thuyết 589
91. Lời tựa trình bày duyên khởi của Hoành Siêu Liên Xã 590
92. Lời tựa khắc lại mộc bản sách Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng .. 591
93. Lời tựa cho sách A Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích 593
94. Lời tựa phổ khuyến thọ trì lưu thông sách Dục Hải Hồi Cuồng 594
95. Lời tựa cho sách Thọ Khang Bảo Giám 596
96. Lời tựa cho bài văn quở trách tà thuyết tự do kết hôn 600
V. BẠT 601
1. Lời bạt cho Quy Tâm Đường 601
2. Lời bạt cho sách Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Bồ Tát Giới Sớ Chú Tiết Yếu . 602
3. Lời bạt cho bản Thạch Ấn bài Tâm Kinh chép bằng lối chữ thảo của vị Tăng lạ lùng là Thủ Tùng 604
4. Lời bạt cho bài văn bia ngự chế của Thanh Thế Tông ở chùa Pháp Vũ tại Phổ Đà. 605
5. Lời bạt cho Lục Độ Thất 606
6. Lời bạt cho Tâm Quy Tịnh Xứ 606
7. Lời bạt cho sách Định Hải Huyện Giám Ngục Giảng Kinh Tham Quan Ký của Hạng Bá Xuy 607
8. Lời bạt cho sách Vãng Sanh Luận Chú 609
9. Lời bạt cho bản điều lệ sắc lệnh quản lý chùa miếu của Đại Tổng Thống 610
10. Lời bạt cho bản in lại kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện 612
11. Lời bạt cho Văn Kinh Thất 613
12. Lời bạt cho sách Tín Nguyện Niệm Phật Quyết Định Vãng Sanh Thiển Thuyết .. 613
13. Lời bạt cho Liên Vinh Đường 614
14. Lời bạt cho nghĩa trang của Đặng Bộc Quân 615

MỤC LỤC QUYỂN THỨ TƯ

QUYỂN THỨ TƯ 619
VI. KÝ 619
1. Bài ký về việc nghênh đón chân thân Xá Lợi của Thích Ca Như Lai 619
2. Bài ký lễ rước tượng Thích Ca Như Lai bằng ngọc về điện Tỳ Lô chùa Vạn Niên núi Nga Mi 622
3. Bài ký về duyên khởi chuyên tu Tịnh nghiệp của Đại Giác Nham Tây Lâm thảo am tại Nam Ngũ Đài Sơn, tỉnh Thiểm Tây 623
4. Bài ký tự trách lỗi trong việc chép kinh Hoa Nghiêm 627
5. Bi ký về việc trùng tu tháp Thái Tử và xây lan can quanh hồ sen tại Phổ Đà 628
6. Bi ký sáng lập Bi Phường bằng xi-măng bên đường ven biển và trùng tu Hồi Lan Đình (đình ngăn sóng) tại Phổ Đà 630
7. Bi ký thuật duyên khởi Vô Trước Lão Nhân sáng lập Thường Minh Am 632
8. Bi ký ghi công đức xây giếng Tiên Nhân ở Phổ Đà 634
9. Bi ký của Trinh Tiết Tịnh Độ Viện thuộc Lưu Trang Trường tại Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô 635
10. Bài ký về tịnh nghiệp trinh hiếu của trinh nữ Trần Thánh Tánh 637
11. Bi ký lễ phóng sanh nhằm sinh nhật của phu nhân cư sĩ Châu Mộng Pha ở Ô Trình 640
12. Bài ký nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Tuần Cai Tiểu Trúc 642
13. Bi ký về việc tạo lan can sắt bên đường lên Phật Đảnh Sơn 644
14. Bi ký trùng hưng chùa Tịnh Cư ở Tế Nam 645
15. Bi ký Vạn Niên Niệm Phật Hội ở Thường Minh Am 648
16. Bài ký nơi tháp hóa thân của chùa Phổ Tế tại Phổ Đà 649
17. Bài ký nơi tháp hóa thân chùa Pháp Vũ, Phổ Đà 650
18. Bài ký về chuyện Lý Thái Phu Nhân ở Trấn Hải thắp đèn soi sáng biển 651
19. Bài ký trùng tu tháp viện của ngài Bách Trượng Đại Trí Hoài Hải thiền sư 653
20. Bi ký công đức xây lại Ngũ Phật Trấn Mãng Tháp tại Tiểu Bạch Lãnh 656
21. Bài ký huấn dụ của Diệu Ngộ Luật Viện ở Kim Lăng 659
22. Bi ký thuật duyên khởi của con đường Giáp Thọ 661
23. Bi ký thuật duyên khởi Cư Sĩ Niệm Phật Lâm Liên Xã tại Cửu Giang 663
24. Bài ký về chuyện thếp vàng tượng Phật Tiếp Dẫn trong hang đá của Trung Am thuộc Bí Ma Nham núi Ngũ Đài 664
25. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Nhạc Vận Sanh 666
26. Bài ký về chuyện vãng sanh của phu nhân Uông Hàm Chương 667
27. Bài ký về chuyện vãng sanh của Dương Thái Phu Nhân mẹ ông Từ 670
28. Bài ký về chuyện cảm ứng của cư sĩ Lục Tây Lâm 672
29. Bài ký về chuyện Ô Vưu Sơn Tự dựng Tàng Kinh Các 674
30. Bài ký tháp Phổ Đồng ở Ô Vưu Sơn 676
31. Bi ký thuật duyên khởi sáng lập Bồ Đề Tinh Xá 678
32. Bi ký ghi công đức sáng lập Tây Phương Tam Thánh Điện (viết thay thầy Hoa Đức) 680
33. Bi ký trùng tu miếu Địa Mẫu của chùa Đông Chiếu ở Loa Đầu Miếu 681
34. Bài ký về chuyện vãng sanh của Kim Thái Đại Sư 682
35. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Triệu Tôn Nhân 684

36. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Sa Kiện Am 684
37. Bài ký về chuyện thoát nạn của cư sĩ Trầm Dực Tiên 686
38. Bài ký trùng tu [cầu và đình thờ tượng] Quán Âm và sự linh cảm của Quán Âm Bồ Tát ở Đông Quan thuộc Vĩnh Xuân..... 688
VII. TẠP TRƯỚC 690
1. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương – bài 1..... 690
2. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương – bài 2..... 695
3. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương – bài 3..... 696
4. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương – bài 4..... 697
5. Nói về chuyện bột ngọt có thể vãn hồi kiếp vận 699
6. Nói về chuyện ông Nhạc Bộ Vân vì cha mẹ lập Phật đường 701
7. Phổ khuyến yêu tiếc sanh mạng loài vật và dùng xà-phòng Thanh Minh chế tạo từ dầu thực vật để giảm sát nghiệp 701
8. Đề nghị biện pháp dự phòng để tiêu tai, bảo vệ sanh mạng..... 703
9. Bàn về nhân quả là căn bản của thánh giáo Nho và Thích..... 706
10. Phổ khuyến kiêng giết ăn chay để vãn hồi kiếp vận..... 709
11. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng về hành trạng của Phùng Bình Trai Nghi Nhân 715
12. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Khang Mẫu Vãng Sanh Kỷ Niệm San..... 717
13. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Giang Mẫu Quách Thái Phu Nhân Tây Quy Sự Lược..... 718
14. Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh..... 720
15. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của Đại Từ Bi Thất..... 724
16. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín về sự thực vãng sanh của Diêu Phu Nhân nhà họ Mã..... 727
17. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của chuyện cư sĩ Liễu Nghĩa Tào Vân Tốn thí nhà để lập Niệm Phật Lâm..... 729
18. Bày tỏ những ý nghĩa ẩn kín của lời tựa chúc thọ cho tiên sinh Cừu Trác Đình và phu nhân 730
19. Nêu bày nghĩa lý ẩn kín về hành trạng của Lâm Phu Nhân mẹ ông Tôn..... 732
20. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín trong chuyện vãng sanh của Tôn phu nhân mẹ ông Thôi. 735
21. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của bộ sách Từ Bi Kính..... 736
22. Trình bày nghĩa lý ẩn kín của việc xây kèm tháp của ni sư Thanh Liên thuộc am Đại Thành vào phần mộ cha mẹ họ Đường..... 737
23. Bày tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc lập trường học trong nhà thờ ông Đường Hiếu Tử 740
24. Duyên khởi của Hội Nghiên Cứu Phật Học Cao Châu, tỉnh Quảng Đông..... 742
25. Duyên khởi của Thượng Hải Phật Học Biên Tập Xã..... 744
26. Đề từ và duyên khởi của Thường Trai Hội 747
27. Duyên khởi quyên mộ xây dựng Tịnh Độ Đường tại Liễu Thị, Lạc Thanh..... 749
28. Bài văn cung thỉnh pháp sư Tịnh Quyền giảng kinh Pháp Hoa 750
29. Bài văn cung thỉnh pháp sư Tịnh Quyền giảng Di Đà Sớ Sao 751
30. Quảng cáo khai trương tiệm bán đồ chay của Ninh Ba Công Đức Lâm..... 751
31. Bài Tiểu Thamdành cho lễ cử hành pháp hội Thủy Lục 753
32. Bài Tiểu Tham dành cho các vong linh..... 754
33. Bài Tiểu Tham dành cho vong linh trong trai hội Thủy Lục..... 755
34. Bài Tiểu Tham dành cho vong linh trong lễ cầu siêu cha mẹ ông Trương Tổng Nhung 756
35. Văn tế ông Thịnh Dần Hoài..... 757

36. Văn tế cư sĩ Hàn Sơn Hy 757
37. Văn tế bà nội ông Hồ Gia Khoa 758
38. Tán dương tượng Phật A Di Đà 759
39. Bài tán dương bức hình Quán Âm ở đầu cuốn sách Quán Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 759
40. Bài tán dương bức hình vị Tăng bị điên 760
41. Tịnh Độ Vấn Đáp và Lời Tựa 760
42. Vì tại gia đệ tử lược nói Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện 763
43. Dạy bà tỳ-kheo-ni X 767
44. Giới Đường Tiểu Thực Bảng 768
45. U Minh Giới Điệp 769
46. Dạy Trần Sanh 771
47. Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận 773
48. Biện định về sự sai ngoa trong việc sát sanh tế lễ tại Chiêu Văn Cổ Hội 777
49. Bài chúc tụng nhân việc khánh thành ngôi chùa mới của Thế Giới Phật Giáo Cư Sĩ Lâm 779
50. Bài tụng phổ hồi hướng việc quyên mộ khắc kinh Hoa Nghiêm 780
51. Đề từ cho tập sách Hám Sơn Đại Sư Lục Vịnh 780
52. Đề tại Tâm Phật Các 781
53. Đề Minh Tâm Kiến Tánh Trai 781
54. Đề từ cho sách Tiên Phật Hợp Tông 781
55. Vì chủ rạp hát X… thượng đường 783
56. Lời chúc dành cho dịp xuất bản Đại Vân nguyệt san 784
57. Diễn từ hoan nghênh hội Phật giáo Đông Doanh (Nhật Bản) đến thăm núi 784
58. Bài minh trên bia mộ của Hoàng Thái Phu Nhân mẹ ông Lý 785
59. Bài ca ngợi nhân dịp mừng cư sĩ Phan Đối Phù sắp được bảy mươi tuổi 788
60. Ca tụng hạnh cao đẹp của cư sĩ Vương Hân Phủ 788
61. Ca ngợi chuyện quy Tây của Tưởng Thái Phu Nhân mẹ ông Vương 788
62. Ca ngợi chuyện quy Tây của Uẩn Không Trương Phu Nhân 789
63. Ca ngợi hạnh đẹp của Dương Thái Phu Nhân mẹ ông Vương 789
64. Ca tụng điềm lành do chép kinh của phu nhân Cung Viên Thường 790
65. Nêu bày ý nghĩa ẩn tàng của việc khuyên trì kinh Kim Cang 790
66. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của ba mươi hai ứng thân Quán Thế Âm Bồ Tát 792
67. Đề từ cho bộ Gia Ngôn Lục 794
68. Đề từ cho sách Phật Thuyết Luân Chuyển Ngũ Đạo Tội Phước Báo Ứng Kinh Tập Giải 796
69. Bài ca tụng việc nghiền vàng để vẽ những hình tượng thuộc phẩm Phổ Môn 797
VIII. PHỤ LỤC 798
1. Bài ký về chuyện Quán Âm Bồ Tát ứng tích tại chùa Viên Quang, Nam Ngũ Đài Sơn 798
2. Ghi lại lời sờ voi (nói mò) về Niệm Phật Tam Muội 801
3. Khuyên thiêu hủy dâm thư 803
4. Phương thuốc thần diệu để cai thuốc phiện 804
5. Nguyên bạt 806
6. Công đức in tạo kinh tượng 806
6.1. Cơ hội in tạo kinh tượng 811
6.2. Phương pháp in tạo kinh tượng 814

6.3. Dạng thức văn phát nguyện 815
6.4. Lúc chép, lúc vẽ nên chú ý: 817
6.5. Kết luận: 817
7. Những điều cần chú ý để giảm thiểu tội lỗi khi lật giở xem đọc kinh sách 818
8. Bài thơ vịnh ngài Tam Tạng Nghĩa Tịnh đời Đường qua Tây Vực thỉnh kinh 819
9. Nêu tỏ ý nghĩa in tạo kinh văn 819
10. Bài văn cùng thệ nguyện trong Tây Tư Xã của Chứng Thông pháp sư 820
11. Cách lưu thông kinh sách hữu ích cho thế đạo nhân tâm 821

Giữ vẹn Luân Thường,
Trọn hết Bổn Phận,
Tránh lòng Tà,
Giữ lòng Thành,
Tín Nguyện Niệm Phật,
Cầu sanh Tịnh độ

Ấn Quang đại sư

Ngài Mộng Đông nói:

"Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật".

Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn Niệm Phật. Đoạn khai thị này tinh vi, khẩn thiết đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ.

Ấn Quang Đại sư
Trích thư trả lời cư sĩ Vưu Hoằng Như

Nếu muốn tự được lợi ích thật sự trong đời này, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ quyết định liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng nương vào pháp môn Niệm Phật, đừng nói chi kẻ chưa đắc chân truyền của Phật giáo chẳng thể liễu, ngay cả người đắc rồi cũng chẳng thể liễu. Vì sao vậy? Vì được chân truyền chỉ là bậc đại triệt đại ngộ, chưa phải là thật chứng. Có chứng mới liễu được, còn ngộ thì chưa thể liễu. Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng Chân mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hành cả Chánh Hạnh lẫn Trợ Hạnh thì chẳng những quyết định vãng sanh mà phẩm vị còn ưu thắng. Không riêng gì kẻ tinh ròng, thuần thành, sốt sắng quyết định được vãng sanh, ngay cả phường Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng lo sợ lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng, ngay khi đó bèn mạng chung, cũng quyết định được vãng sanh. Do lòng từ của Phật rộng lớn, chuyên chăm chú độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được Phật nhiếp thọ. Đấy gọi là "cậy vào từ lực của Phật, đới nghiệp vãng sanh". Chúng sanh đời Mạt chẳng y vào Tịnh Độ, tu các pháp môn khác, chỉ được phước báo trời người và thành nhân duyên đắc độ trong tương lai mà thôi. Do không có sức đoạn Hoặc, nên cội rễ sanh tử vẫn còn, sao không nẩy mầm sanh tử cho được?

Ấn Quang đại sư
(Trích thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu)

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO
(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa chuyển ngữ
(theo bản in của
Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)

QUYỂN THỨ NHẤT

I. THƯ TỪ

1. Thư gởi Hòa Thượng Thể An chùa Đại Hưng Thiện

(trong bản cảo năm Mậu Tuất, đối với Giáo – Hạnh – Lý, chỉ luận về Giáo, nay dùng Giáo Lý để phân định Giáo, dùng Hạnh Quả để ước định căn cơ, tức là: nương vào Giáo Lý để khởi Hạnh, Hạnh viên mãn mới chứng được Quả)

Giáo, Lý, Hạnh, Quả là cương tông[1] của Phật pháp. Nhớ Phật, niệm Phật, thật là đường tắt để đắc đạo. Xưa kia, tu pháp nào cũng đều đủ cả bốn điều này. Nhưng trong hiện thời, nếu bỏ Tịnh Độ thì chứng quả hoàn toàn không có. Bởi lẽ cách thánh[2] đã xa, căn tánh con người tệ kém, không cậy vào Phật lực, quyết khó được giải thoát. Như pháp môn Tịnh Độ vừa nói đó, nhiếp khắp các căn thượng, trung, hạ, cao vượt trội Giới, Giáo, Thiền Tông. Thật là chư Phật tâm bi triệt để, chỉ cho chúng sanh thể tánh vốn sẵn đủ, gộp tam thừa ngũ tánh[3] cùng về tịnh vực[4], dạy thượng thánh hạ phàm cùng chứng chân thường. Chúng sanh trong chín pháp giới lìa khỏi pháp này, trên thì chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này, dưới thì chẳng thể lợi ích khắp mọi quần sanh. Do vậy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng đến, ngàn kinh muôn

[1] Cương tông: cương lãnh và tông chỉ.
[2] Cách thánh: Ý nói cách Phật, cách Bồ Tát và thánh chúng đã lâu.
[3] Ngũ tánh: năm tánh khác nhau của chúng sanh do chủng tử vốn có trong A Lại Da Thức quyết định. Đây là thuyết do tông Pháp Tướng lập ra, gồm:
1) Định tánh Bồ Tát.
2) Định tánh Duyên Giác
3) Định tánh Thanh Văn.
4) Bất định tánh tam thừa
5) Vô chủng tánh (hữu tình không có tánh)
[4] Tịnh vực tức là Tịnh Độ.

luận chốn chốn chỉ quy. Kể từ sau Hoa Nghiêm dẫn về [pháp này], các đại Bồ Tát trong tận mười phương thế giới hải không ai chẳng cầu sanh. Kể từ lúc diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, phàm mọi trước thuật dù Tây Thiên hay Đông Độ, cuối cùng đều kết quy Liên Bang.

Kể từ khi đại giáo truyền sang Đông, Lô Sơn khởi đầu dựng liên xã, một tiếng xướng, trăm giọng hòa, không ai chẳng thuận theo; nhưng những người có công lớn lao rõ ràng nhất thì đời Bắc Ngụy có ngài Đàm Loan. Đàm Loan là bậc không thể suy lường. Do có việc xuống Nam Triều gặp Lương Võ Đế, sau lại trở về đất Bắc. Võ Đế hướng về phương Bắc, cúi lạy nói: *"Loan pháp sư là nhục thân Bồ Tát"*. Đời Trần - Tùy thì có Trí Giả, đời Đường có Đạo Xước, noi theo lời dạy của ngài Đàm Loan chuyên tu Tịnh nghiệp, suốt đời giảng ba kinh Tịnh Độ hai trăm mấy mươi lần. Từ cửa Đạo Xước, nẩy ra ngài Thiện Đạo, cho đến Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Thiếu Khang, Đại Hạnh[5] thì liên phong[6] đã thổi khắp trung ngoại[7]. Do vậy, tri thức các tông không ai chẳng lấy đạo này để mật tu hiển hóa[8] ngõ hầu tự lợi, lợi tha vậy. Ngay như Thiền Tông, nếu chỉ đề khởi hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn không kể đến, huống gì niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Ấy là Chân Đế: Một đã không, hết thảy đều không. Như câu nói: *"Thật Tế Lý địa chẳng nhiễm mảy trần"*, hiển thị tánh thể. Nếu bàn luận đích xác về mặt tu trì thì chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc bèn không ăn, huống chi niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đấy tức là nơi Tục Đế, một đã lập thì hết thảy đều lập. Như câu nói: *"Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp",* hiển thị tánh vốn đầy đủ.

Muốn vứt bỏ Tục Đế để bàn Chân Đế, sẽ không có Chân Đế. Nếu muốn bỏ Tứ Đại, Ngũ Uẩn để tìm tâm tánh thì thân đã không còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đế để sáng tỏ Chân Đế thì thật có Chân Đế. Như tại mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, dùng Tứ Đại, Ngũ Uẩn để hiển lộ tâm tánh vậy. Đấy chính là ý chỉ lớn lao "ngầm tu Tịnh Độ" của chư Tổ từ trước, nhưng chưa truyền thuật rộng rãi, rõ ràng; nếu không hiểu sâu xa ý Tổ sẽ chẳng thể biết được. Thế

---

[5] Đại Hạnh là một vị Tăng sống vào thời Đường, người xứ Lịch Thành, Sơn Đông, không rõ họ tên. Ngài còn được gọi là Diệu Hạnh. Trong niên hiệu Cần Phù, giặc cướp nổi lên như ong, dân không sống yên được, Sư bèn vào Thái Sơn, kết cỏ làm áo, lột vỏ cây để ăn, chuyên hành sám pháp Pháp Hoa, Phổ Hiền suốt cả ba năm, cảm được Phổ Hiền Bồ Tát hiện thân. Do vậy càng thêm tinh tấn, sốt sắng nghĩ tưởng pháp của đức Như Lai, tu hành quên ăn bỏ ngủ. Về sau, nghĩ thân vô thường, lo thân sau không biết sẽ về đâu, bèn rút thăm một bản kinh để lựa pháp môn tu hành tối hậu. Ngài rút được kinh A Di Đà bèn sớm tối trì tụng, đến giữa đêm ngày thứ 21, thấy cõi đất lưu ly tịnh khiết sáng rực trước mặt, tâm nhãn rỗng rang, thấy được Phật A Di Đà và Quán Âm, Thế Chí cùng vô số hóa Phật. Từ đấy, Sư chuyên dùng pháp niệm Phật giáo hóa Tăng, tục. Đường Hy Tông nghe danh ngài, triệu vào cung giảng pháp yếu, sắc phong là Thường Tinh Tấn Bồ Tát, ban cho tước Khai Quốc Công. Một năm sau, Ngài thị hiện mắc bệnh, lại thấy đất lưu ly, bèn thị tịch trong ngày hôm đó, không rõ thọ bao nhiêu tuổi.

[6] Liên phong: Gió sen, chỉ pháp môn Tịnh Độ.

[7] Trung là trong nước, ngoại là ngoài nước. Cũng có nghĩa là tại Trung Hoa và những nước ngoài Trung Hoa.

[8] Mật tu hiển hóa: Bản thân ngầm tu Tịnh Độ, bề ngoài hoằng dương giáo pháp của tông mình.

nhưng ngài Bách Trượng lập quy chế cầu đảo cho vị tăng mắc bệnh và hóa tống[9] vị Tăng đã tịch, đều quy về Tịnh Độ. Lại nói: *"Tu hành thì niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng"*. Cho đến ngài Chân Hiết Liễu bảo: *"Một pháp Tịnh Độ nhắm thẳng vào chuyện tiếp dẫn hàng căn khí thượng thượng, kiêm độ hàng căn tánh trung hạ"*. Lại nói: *"Trong tông Tào Động đều chăm chú ngầm tu, bởi sanh về Tịnh Độ thấy Phật giản dị hơn Tông môn nhiều lắm"*. Lại nói: *"Dù Phật, dù Tổ, dẫu Giáo, hay Thiền đều tu Tịnh Độ, cùng về một nguồn"*. Có thể thấy sơ lược như thế đó.

Kịp đến Vĩnh Minh đại sư, mang thân Cổ Phật, thừa nguyện xuất thế, mới lưu lại ngôn giáo rõ ràng, viết sách truyền dạy, hoằng dương, lại sợ người không hiểu rõ đường lối, lợi - hại hỗn loạn, bèn cực lực nói ra bài kệ Tứ Liệu Giản, có thể nói đã nêu được cương tông của Đại Tạng, làm bậc dẫn đường nơi ngõ rẽ, khiến cho kẻ học từ tám mươi chữ ấy đốn ngộ đạo trọng yếu xuất sanh tử, chứng Niết Bàn. Tâm đau đáu cứu thế, thiên cổ chưa hề có. Sau đấy, các tông sư đều lưu lại ngôn giáo rõ ràng, riêng khen ngợi pháp này, như ngài Trường Lô Trách, như Thiên Y Hoài, Viên Chiếu Bổn, Đại Thông Bổn, Trung Phong Bổn, Thiên Như Tắc, Sở Thạch Kỳ, Không Cốc Long[10] v.v…Chư đại tổ

---

[9] Hóa tống: Làm đám ma và đưa đi thiêu hay chôn.

[10] Trường Lô Trách: Pháp sư tên là Tông Trách, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi, tinh thông sách Nho. Năm 29 tuổi, lễ Tú Thiền Sư ở chùa Trường Lô tại Chân Châu làm thầy thế độ, hiểu sâu xa lẽ Thiền. Sau tham yết ngài Trường Lô Ứng Phu đắc pháp, nối pháp của ngài. Sư đón mẹ về ở phía Đông phương trượng, khuyên mẹ nên xuống tóc và niệm Phật suốt bảy năm không gián đoạn. Mẹ niệm Phật qua đời. Về già, Sư xuất lãnh tứ chúng kết liên xã chuyên tu niệm Phật, Sư ngồi niệm Phật qua đời năm 1092, thọ 83 tuổi. Còn để lại hai tác phẩm là lời tựa Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh và Khuyên Người Niệm Phật Kiêm Tu Tịnh Độ.

Thiên Như Hoài: Húy là Nghĩa Hoài, người xứ Lạc Thanh, Vĩnh Gia. Cha làm nghề đánh cá, lúc bé, Sư ngồi cuối thuyền, cha bắt được con cá nào, bèn lén thả đi. Cha đánh mắng vẫn không thay đổi. Lớn lên, đến kinh đô, xin làm tiểu ở chùa Cảnh Đức. Trong niên hiệu Thiên Thánh (1023-1031), thi Kinh trúng tuyển, được thọ Cụ Túc. Ngài đến tham học với Tuyết Đậu Hiển thiền sư, giữ chức Thủy Đầu (chuyên gánh nước), một bữa đòn gánh gãy, chợt ngộ, được ấn khả. Sư giáo hóa độ chúng rất nhiều, thường đem pháp môn Tịnh Độ dạy người. Ai đến tham học cũng dạy: *"Nếu nói 'bỏ uế lấy tịnh, chán đây ưa kia là tình kiến lấy bỏ' thì là chúng sanh vọng tưởng. Nếu nói không có Tịnh Độ thì là trái lời Phật, nên tu Tịnh Độ như thế nào?"* Chúng im lặng, Sư tự đáp: *"Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật đi! Ví như nhạn bay qua trên không, bóng chìm nước lạnh, nhạn trọn chẳng có ý để lại dấu vết, nước không có tâm giữ bóng hình"*. Sư mất năm Trị Bình nguyên niên (1064), thọ 72 tuổi.

Viên Chiếu Bổn: Húy là Tông Bổn, người xứ Vô Tích, Thường Châu. Năm 19 tuổi, xuất gia với ngài Đạo Thăng ở Vĩnh An Viện tại Thừa Thiên, về sau yết kiến ngài Thiên Như Hoài, được khế ngộ. Sư về trụ trì chùa Thụy Quang, được Tống Triết Tông ban hiệu Viên Chiếu Thiền Sư. Tuy hoằng dương Thiền Tông, nhưng Sư ngầm tu Tịnh nghiệp. Các vị Lôi Phong Tài Công, Tư Phước Hy Công nhập định, thần thức đến chơi Tịnh Độ, thấy trên tòa sen vàng có đề tên Sư. Mọi người hỏi Sư: "Thầy truyền Trực Chỉ, sao lại được ghi danh trên đài sen?" Sư đáp: *"Ở tại Tông Môn, kiêm tu Tịnh Độ!"* Sư mất năm Nguyên Phù thứ hai (1099) đời Tống.

Đại Thông Bổn: Húy là Thiện Bổn, người xứ Khai Phong. Thi kinh Hoa Nghiêm trúng tuyển, được thọ Cụ Túc, tham yết ngài Viên Chiếu Bổn, thầm lãnh ngộ yếu chỉ nhà Thiền, siêng tu suốt năm năm, khế ngộ. Sư vâng chiếu trụ trì chùa Pháp Vân, được ban hiệu là Đại Thông. Sau ngài về chùa Tượng Ô ở Hàng Châu, chuyên tu Tịnh nghiệp. Trong định thấy thân kim sắc của Phật A Di Đà. Năm Đại Quan thứ ba (1109) ngày Giáp Tý tháng Chạp, Sư gập ba ngón tay bảo môn nhân: "Chỉ còn ba ngày nữa thôi!" Ba hôm sau, Sư ngồi yên, hướng mặt về Tây, nhập diệt, thọ 75 tuổi.

Trung Phong Bổn: Húy là Minh Bổn, người xứ Tiền Đường. Năm 15 tuổi, quyết chí xuất gia, lễ Phật, đốt cánh tay, thề giữ Ngũ Giới, hằng ngày tụng Pháp Hoa, Viên Giác, Kim Cang, đêm thường đi kinh hành không ngủ.

sư tuy hoằng Thiền Tông, lại riêng khen Tịnh Độ. Cho đến ngài Liên Trì đại sư tới tham học với ngài Tiếu Nham đại ngộ rồi, bèn bỏ pháp kia, giữ lấy pháp này: *"Nếu tịnh nghiệp mà thành thì Thiền Tông tự đắc. Ví như tắm trong biển cả, ắt đã dùng nước của cả trăm sông. Thân đã ở trong điện Hàm Nguyên, còn hỏi Trường An chi nữa!"* Sau đấy, Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tỉnh Am, Mộng Đông v.v… chư đại tổ sư không vị nào chẳng vậy. Ấy là bởi do thời thế mà đặt ra nghi tắc, pháp phải hợp với căn cơ. Nếu không như thế, chúng sanh chẳng thể đắc độ.

Từ đấy về sau, Phật pháp suy dần, lại thêm giặc tóc dài[11], giặc Hồi, pháp luân gần như ngừng xoay. Dẫu có trí thức, nhưng ai lo nghiệp nấy, không rảnh sức lo đến, bỏ qua đạo này không ai hỏi đến. Nếu ai bàn đến chuyện này, người nghe tợ hồ bị vấy bẩn. May có một hai vị tại gia, xuất gia có đại tâm, in khắc lưu truyền, khiến cho giáo huấn của chư Tổ không bị diệt mất, khiến đời sau được nghe một phần, thật không gì may mắn lớn lao hơn!

Đệ[12] là kẻ Xiển-đề[13] xuất gia, tự thẹn căn tánh hèn kém, tội nghiệp rộng sâu, nên với hai nẻo Tông và Giáo, trọn chẳng dám tu bừa, lạm dự; nhưng chỉ khá tin tưởng nơi một pháp cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Đã mười năm qua, sống uổng, sống phí, chẳng được lợi ích mảy may. Nhưng từ Tây qua Đông, từ Bắc xuống Nam, qua lại hơn vạn dặm, gặp gỡ nhiều người. Có kẻ bình thời tự cậy thông Tông, thông Giáo, coi Tịnh Độ như đồ nhơ, sợ bẩn lây mình. Lâm chung đa phần tay chân cuống quít, kêu cha gọi mẹ. Có kẻ chất phác trì giới niệm Phật, dẫu tín - nguyện chưa tột bậc, tướng lành chưa hiện,

---

Sau qua tham với ngài Cao Phong Diệu thiền sư ở núi Thiên Mục. Do nhìn suối chảy được đại ngộ. Năm Đại Đức thứ 10 (1306) thời Nguyên, Sư về trụ trì Sư Tử Viện, thường được gọi là Trung Phong hòa thượng. Tuy dạy Thiền, ngài vẫn đề cao Tịnh Độ. Từng soạn Hoài Tịnh Độ Thi gồm 108 bài, viết Báo Ân Viện Ký xiển minh Tịnh Độ. Đến năm Chí Trị thứ ba (1323), Sư về Đông Cương núi Thiên Mục, đang viết bèn thị tịch, thọ 61 tuổi. Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự là một sám nghi nổi tiếng của Ngài.

Thiên Như Tắc: Húy là Duy Tắc, pháp tự Thiên Như, người xứ Vĩnh Tân, huyện Cát An (Giang Tây), từng tham học với các vị Trung Phong, Đại Thiết, đắc ngộ, về trụ trì chùa Sư Tử Lâm ở Tô Châu. Ngài soạn Tịnh Độ Hoặc Vấn để phá các nghi hoặc, sách tấn Tịnh nghiệp và soạn bộ Lăng Nghiêm Kinh Hội Giải rất thạnh hành. Sư mất năm Chí Chánh 14 đời Nguyên (1354).

Sở Thạch Kỳ: Húy là Phạm Kỳ, người xứ Tượng Sơn, Ninh Ba. Lên chín xuất gia tại chùa Vĩnh Tộ, thọ Cụ Túc năm 18 tuổi. Đọc Lăng Nghiêm có chỗ ngộ, qua tham học với ngài Đoan Thiền Sư ở Kính Sơn. Một đêm, nghe tiếng trống bèn ngộ. Sư tin pháp môn Tịnh Độ từ nhỏ, mỗi sáng tu Thập Niệm cầu được vãng sanh, chưa hề bỏ sót ngày nào. Khi về trụ trì chùa Thiên Ninh, Sư chuyên tu Tịnh nghiệp. Ngài dùng hiệu Tây Trai để làm thơ Tịnh Độ (được gộp thành Tây Trai Tịnh Độ Thi). Năm Hồng Vũ thứ ba (1370), Sư trụ trì chùa Thiên Giới, thị hiện mắc bệnh vào mùa Thu, tắm gội thay áo, viết kệ xong, bảo với Mộng Đường Khương pháp sư: "Ta đi đây!" Mộng Đường hỏi: "Đi đâu?" Đáp: "Tây Phương!' Mộng Đường hỏi: "Tây Phương có Phật, Đông Phương chẳng có Phật sao?" Sư quát lớn, rồi nghiễm nhiên tịch diệt, thọ 75 tuổi.

Không Cốc Long: Húy là Cảnh Long, hiệu là Không Cốc, người Tô Châu. Từ bé chẳng ăn mặn, ngồi yên như đang nhập thiền. Xuất gia năm 28 tuổi, tham học với ngài Biện Sơn Lãn Vân hòa thượng, được ấn khả. Sư kiêm tu Tịnh nghiệp, có làm 108 bài Tịnh Độ thi, mất năm Thành Hóa thứ hai (1466) đời Minh, thọ 79 tuổi.

[11] Chỉ loạn Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn.

[12] Đệ: lời tỏ Ấn Quang tự xưng, coi mình như vai em của hòa thượng Thể An.

[13] Xiển Đề: Tức Nhất Xiển Đề, kẻ đoạn diệt thiện căn.

nhưng đều an nhiên mạng chung. Là vì lẽ gì vậy? Là do tâm thủy lặng trong vì phân biệt mà sôi động, sóng thức dâng trào, nhờ Phật hiệu mà lặng dừng. Bởi thế, thượng trí không bằng hạ ngu, khéo quá hóa vụng.

Lại xin Hòa Thượng phát tâm Bồ Đề hoằng dương pháp này; ví phỏng kinh luận Tịnh Độ đều thông triệt hết, may mắn nào hơn? Nếu chưa thể nghiên cứu dùi mài cùng tận, hoặc sợ trái với tông mình, chẳng dám xứng tánh phát huy, hãy tạm ngừng tay công phu nơi hai môn Tông và Giáo tạm thời. Phàm có ai xiển dương Tịnh Độ, hãy bình tâm hòa khí đọc thử, ngõ hầu cái tâm "xiển dương Thiền, đè nén Tịnh Độ" chẳng bị tơ hào vướng mắc, ắt thấu suốt lý do Phật, Tổ riêng khen ngợi pháp này, [thấu suốt] sự lợi - hại khi tứ chúng tuân thủ hay chống trái pháp này, chẳng bị môn đình gây trở ngại, hòng có thể dám đối trước những người tu Thiền, Giáo, Luật xứng tánh phát huy không còn sợ hãi.

Nhưng sách Tịnh Độ rất nhiều, quan trọng nhất chỉ có sách Tịnh Độ Thập Yếu. Trong bộ Thập Yếu, đoạn nghi sanh tín thì các sách Hoặc Vấn, Trực Chỉ, Hợp Luận là những công thần đột phá, tinh nhuệ nhất. Ngoài ra, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép đủ sự tích vãng sanh của các Bồ Tát, tổ sư, cư sĩ, phụ nữ và ác nhân, súc sanh, đọc rồi sẽ biết tứ chúng thuộc Thiền, Giáo, Luật các đời cầu sanh Tịnh Độ như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước chảy về Đông. Sách Long Thư Tịnh Độ Văn ngôn từ nông cạn, nhưng nghĩa lý hoàn bị, là sách trọng yếu bậc nhất để tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Nếu muốn lợi lạc khắp chúng sanh, vạn phần chẳng được coi thường quyển sách này.

Đệ trước kia gặp người giỏi Tử Bình[14] phê rằng: "Thọ chẳng quá ba mươi tám tuổi", nay sắp mãn số, sợ vô thường xộc tới, nên chuyên trì Phật hiệu, đợi trước lúc lâm chung. Nếu vô thường quả thật xảy đến, không dịp gặp gỡ lần nữa, muốn rửa sạch cái tội hủy báng Phật pháp khi còn tại gia, nên chẳng nề kỵ húy, nhặt nhạnh sơ sài món rau dại, dâng dưới tòa bậc đại phú trưởng giả no đầy tiệc vua[15], xin thương xót nhận lấy, phước cho xứ Tần[16] của tôi, nêu chánh lệnh của ngài Vĩnh Minh, tuân di quy của ngài Liên Trì, khiến cho mình lẫn người cùng thoát sanh tử, u - hiển cùng sanh Tây Phương, Tịnh Độ hưng, nhưng Tông phong chẳng đọa. Chúng sanh có phước, quốc vận thường tốt đẹp. Đúng là *"dời hoa quyến bướm tới, mua đá được mây giăng"*. Viết thư này lòng thành như đại hạn mong mưa, mong mỏi niềm vui cùng về Liên Bang, mong rủ lòng khoan dung thì may mắn cho pháp môn, may mắn cho chúng sanh lắm.

---

[14] Tử Bình: Một môn bói toán, còn gọi là Bát Tự, dựa trên ngày, tháng, năm, giờ sanh để phán định số mạng, gần giống với Tử Vi, nhưng đơn giản hơn.

[15] Cỗ vua (vương thiện): ý nói pháp bảo tối thượng viên mãn. Kinh Pháp Hoa, ngài Ca Chiên Diên ví mình như kẻ được đãi bữa ăn của vua nhưng không dám ăn, dẫu nghe Phật nói mình có khả năng thành Phật, nhưng không được thọ ký vẫn chưa dám tin.

[16] Tổ Ấn Quang là người tỉnh Thiểm Tây. Thiểm Tây xưa thuộc nước Tần thời Chiến Quốc.

2. Thư bàn luận cùng bạn hữu về cương yếu của việc giảo chánh kinh điển

Kinh Phật nghĩa lý vô cùng, tùy theo kiến giải của mỗi người mà tự trước thuật. Chỉ là một kinh nhưng phán định thành Biệt, Viên, Chung, Đốn khác nhau, do duyên quán tâm nên giải thích sai khác. Huống chi sau này bậc đại hạnh đạo Thiền, ai nấy đều thích nghe thuyết Trực Chỉ, cho là thân thiết, thống khoái, dễ được lợi ích. Do vậy, đa số dùng ý Tổ để giải thích ý kinh, ép lời Phật theo lời mình, phế sạch sự tướng, chuyên bàn bổn phận. Hoặc dùng lời cơ phong[17] để phân tích, hoặc giải thích là biểu thị pháp, chỉ có thể chẳng trái nghịch Tâm tông[18] thì đều [xem là] đáng hỗ trợ lời Phật nói. Dẫu chẳng thể độ khắp ba căn, xứng Phật bổn hoài, cũng có thể lợi ích một loại căn cơ khiến họ theo đường trở về nhà, lại hiển lộ ý nghĩa sâu thẳm, cao xa của kinh. Phật lý viên thông, pháp pháp quy chân, mỗi mỗi hợp đạo. Bởi cái tâm ấy như thái hư không, không ngăn mé, chẳng vì con người sống mỗi nơi khác nhau mà chia thành Nam, Bắc, Đông, Tây. Như châu Ma Ni, chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng… khi gặp xanh bèn hiện sắc xanh, gặp vàng hiện sắc vàng, nhưng xanh hay vàng không phải là màu sắc vốn có của nó. Màu sắc vốn có của nó chẳng lìa xanh hay vàng; nếu muốn lìa xanh hay vàng để tìm màu sắc vốn có của châu, nếu không phải là bậc đại sĩ "Ngũ Uẩn đều không" sẽ không thể làm được.

Như Hoa Nghiêm Luận của Lý Trưởng Giả, như Pháp Hoa Kích Tiết của ngài Hám Sơn, như Tam Tông Thông của ông Tăng Phụng Nghi[19] và Thiền Tông lấy niệm Phật làm câu thoại đầu để khán, và thuyết coi y báo, chánh báo của Tịnh Độ như bổn phận v.v… chẳng được nhất loạt đánh giá những sách ấy theo cách thức thông thường bên Giáo, cho những sách đó là lầm lạc rồi bèn sửa đổi đôi chút. Bởi lẽ những thuyết ấy thuộc riêng về một tông, gộp hết thảy pháp để chỉ quy hướng thượng. Nếu sửa đổi thì mạch văn của phần trước phần sau bản chú giải sẽ bị đứt đoạn, và ý nghĩa giáo lý phần trước, phần sau chẳng còn phù hợp nữa. Vừa bị sửa đổi đôi chút thì cả hai đàng đều mất. Khoét thịt thành vết thương, chỉ tổn hại vô ích. Cứ để cho bản lai diện mục của nó được lưu thông hậu thế. Ví như lan mùa Xuân, cúc mùa Thu, mỗi loại riêng phô sắc, tận trung hành hiếu, cùng chấn hưng cương thường. Sư ở tại Hải Sơn, bảo lời chú giải kinh Pháp Hoa của ngài Hám Sơn có những chỗ chẳng hợp với ý chỉ kinh; đó là vì Hám Sơn đa phần ước theo bổn phận để bàn lẽ Trực Chỉ.

Hơn nữa, chuyện giảo chánh kinh thật không dễ dàng. Chỉ sợ Sư không rảnh rỗi để làm, ủy cho người khác làm. [Người làm chuyện này] cần phải có

---

[17] Những câu Thiền ngữ giúp cho đương cơ triệt ngộ thiền cơ, còn gọi là chuyển ngữ hay công án.

[18] Tâm Tông: tức Thiền Tông.

[19] Tăng Phụng Nghi, tự Thuần Vi, hiệu Kim Giản, quê ở Hành Dương, Hồ Nam, đậu Tiến Sĩ đời Vạn Lịch nhà Minh. Ông từng gặp một vị Tăng, cùng nhau tranh luận ba ngày không dứt. Do vậy tin Phật, trì giới, ăn chay, nghiên cứu kinh luận. Một hôm thấy trăng lặn, mặt trời mọc, hoát nhiên đại ngộ. Ông soạn bộ Tam Tông Thông gồm Thủ Lăng Nghiêm Kinh Tông Thông, Lăng Già Kinh Tông Thông và Kim Cang Kinh Tông Thông.

kiến thức lỗi lạc, mười phần tinh tế, lại phải đôi ba lượt tra xét kỹ càng, thêm siêng tra cứu, mới hòng sửa đúng những sai ngoa, khiến cho những lỗi tệ được sạch hết, thiên chân hiển lộ triệt để. Nếu không, thà cứ theo đúng dạng mà vẽ hồ lô, mới khỏi đến nỗi làm mất đi sự chân xác vốn có vậy.

3. Thư gởi Dung Minh đại sư

Cổ nhân nói: *"Thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó giải quyết xong"*. Chúng ta may được thân người, sanh chính giữa đất nước, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không sức đoạn Hoặc để mau thoát tam giới, liễu sanh thoát tử. Nhưng lại may mắn được nghe đức Như Lai ta tâm bi triệt để nói ra pháp môn Tịnh Độ đại quyền phương tiện khéo lạ khiến cho hàng phàm phu sát đất được đới nghiệp vãng sanh. Thật không còn may mắn nào lớn hơn được nữa! Nếu không phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dầy, há nghe được pháp chẳng thể nghĩ bàn này ư? Chẳng gấp sanh lòng tin chân thật, phát nguyện cầu sanh ư?

Nay thấy tứ chúng xuất gia, tại gia hảo tâm, đa phần chuộng cao ưa xa, chẳng chịu nghiêm túc chuyên tu Tịnh nghiệp. Toàn là do thiện căn đời trước cạn mỏng, đời này chưa gặp người thông suốt, tuy ông hơi có niềm tin đối với Tịnh Độ, nhưng chẳng hiểu rõ lý Tịnh Độ đến nơi đến chốn. Lại ở nơi vắng vẻ Phật pháp không lưu truyền đến, tôi thật ngại ông thường ngày cùng người đời thù tạc, lâu ngày chầy tháng, cũng bị đồng hóa, *"gần mực thì đen, gần lửa thì cháy"*, thế khó tránh khỏi! Phải luôn luôn nỗ lực, nếu có thể hãy niệm niệm nơi đạo, dù bận hay rảnh, chẳng lìa danh hiệu Di Đà. Thuận cảnh, nghịch cảnh, chẳng quên vãng sanh Tây Phương thì có thể tùy duyên thường trụ nơi quê cha đất mẹ. Nếu không thể như thế, nên đến Tịnh nghiệp đạo tràng nơi khác và thân cận Tịnh nghiệp tri thức, mới chẳng phụ bạc mọi điều may mắn lớn lao vừa nói ở trên cũng như niềm may mắn không gì lớn lao hơn là được nghe pháp môn Tịnh Độ.

Đế pháp sư (tức ngài Đế Nhàn) chuyên tu Tịnh nghiệp, tôi cho rằng ông ta ắt được lợi ích lớn lao. Bởi lẽ những tâm nắm giữ đạo tràng đã đều chết sạch không sót, cái tâm niệm Phật lại càng khẩn thiết đến cùng cực. Chỉ e ông ta đã đạt tam-muội sâu xa, tôi còn chưa thể nhất tâm, ngày sau mặt mũi nào gặp gỡ ông ta. Vì thế, với việc nhân chẳng nhường, tôi lại toan bế quan. Nói chung vẫn ở Phổ Đà, không biết sẽ ở chắc chắn nơi đâu. Sợ ông bỏ lỡ pháp môn Tịnh Độ

thì đáng tiếc một phen hộ quan[20] ba năm nhọc nhằn, nên khôn ngăn đôi co như thế. Mong thấu hiểu sâu xa nỗi lòng thô lậu canh cánh thì may mắn lắm thay.

4. Thư gởi sư Ngộ Khai

Trộm nghe pháp môn Tịnh Độ là pháp phơi bày thông suốt rốt ráo bản hoài của chư Phật, vượt trỗi hết thảy Thiền, Giáo, Luật, thống nhiếp hết thảy Thiền, Giáo, Luật. Nói đại lược thì một chữ, một câu, một sách có thể bao quát không còn sót. Nói rộng thì dù những lời huyền diệu thuộc Tam Tạng mười hai bộ kinh, diệu nghĩa của các tổ sư năm tông[21] cũng không thể diễn tả trọn. Dẫu cho chúng sanh trọn khắp đại địa cùng thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí huệ, vi trần nói, cõi nước nói, sôi nổi nói, nói không gián đoạn, há có thể nói hết được ư? Ấy là vì Tịnh Độ vốn chẳng thể nghĩ bàn. Thử xem bộ kinh lớn Hoa Nghiêm, vua toàn Tam Tạng, cuối cùng quy trọng nguyện vương. Áo điển Pháp Hoa mầu nhiệm đứng đầu các kinh, nghe đến liền được vãng sanh, địa vị bằng bậc Đẳng Giác.

Còn như ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ quy là có lý do vậy. Văn Thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến tấn; Như Lai thọ ký trong kinh Đại Tập rằng: *"Trong đời Mạt Pháp, nếu không nhờ pháp này không thể đắc độ"*. Trong luận Tỳ Bà Sa, ngài Long Thọ dạy giản dị là *"đạo dễ hành, mau thoát sanh tử",* nên vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, há vô ích sao? Đúng là giáo pháp cả một đời [đức Phật] đều đặt để nơi pháp môn Niệm Phật. Không chỉ như thế, phàm hết thảy cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn như núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, sắc, thanh, hương v.v… có pháp nào không phải là văn tự xiển dương Tịnh Độ? Lạnh - nóng đắp đổi, già - bệnh đưa đẩy, lụt, hạn, binh đao, dịch bệnh, bè lũ ma, tà kiến, có thứ gì chẳng phải là lời cảnh sách lay tỉnh con người sớm cầu vãng sanh? Nói rộng ra há có thể hết được hay chăng?

Nói một chữ thống nhiếp trọn hết thì chính là chữ Tịnh. Tịnh đến cùng cực ắt sáng suốt, sao không đạt đến Diệu Giác. Một chữ này há dễ đảm đương? Nghiên cứu bài tụng về Lục Tức Phật [22] ắt sẽ biết!

---

[20] Hộ quan: trông chừng, chăm sóc người đang bế quan tu luyện.

[21] Năm tông: năm tông phái nhà Thiền, tức Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng và Pháp Nhãn.

[22] Lục Tức Phật: Sáu hạnh vị của Viên Giáo do Thiên Thai Trí Giả đại sư lập ra, gồm: Lý Tức Phật (chưa nghe Phật pháp, nhưng tự tánh chính là Phật), Danh Tự Tức Phật (đã nghe Phật pháp), Quán Hạnh Tức Phật (ngoại phàm, tương đương với Thập Tín của Biệt Giáo), Tương Tự Tức Phật (Nội Phàm, thuộc địa vị Thập Tín), Phần Chứng Tức Phật (bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, từ Thập Trụ trở lên), Cứu Cánh Tức Phật (quả vị Phật).

Một câu là Tín - Nguyện - Hạnh. Không có Tín sẽ chẳng thể khởi Nguyện, không có Nguyện sẽ chẳng thể dẫn dắt Hạnh. Không có diệu hạnh trì danh sẽ không thể thỏa mãn sở nguyện hòng chứng được Tín ấy. Hết thảy kinh luận Tịnh Độ đều phát minh ý chỉ này.

Một kệ là kệ tán Phật[23], nêu chánh báo để nhiếp y báo; nêu lên hóa chủ để bao gồm đồ chúng. Tuy chỉ có tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của ba kinh Tịnh Độ.

Một sách là Tịnh Độ Thập Yếu, mỗi chữ đều là lời hướng dẫn trong đời Mạt Pháp, mỗi lời đều là gương báu của Liên Tông. Buồn khóc ứa lệ, mổ tim vẩy máu, xứng tánh phát huy, tùy căn cơ mà chỉ bày. Dẫu có ví là vớt người chết đuối, cứu kẻ đang bị lửa thiêu cũng không thể sánh ví được nỗi lòng thống thiết của bộ sách ấy. Bỏ cuốn sách này đi thì chánh tín không thể do đâu mà sanh, tà kiến không do đâu mà diệt! Trong cuốn sách ấy, quan trọng nhất là sách Yếu Giải. Sách này chính là hướng dẫn tốt lành trên đường hiểm để người sơ tâm nhập môn đoạn nghi sanh tín, chỉ bày nẻo ắt phải theo để về được bảo sở[24]. Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn của ngài Thiên Như, sách Trực Chỉ của ngài Diệu Hiệp, thật là những bậc công thần đột phá kiên nhuệ nhất.

Hãy nên biết pháp môn Tịnh Độ có đủ bốn pháp giới, tất cả sự tướng đều là pháp giới sự sự vô ngại, đọc rồi tu, chẳng thể chấp Lý phế Sự. Nếu chấp thì cả Lý lẫn Sự cùng mất. Giống như người biết Ý căn tối thắng nhưng phế bỏ năm căn thì Ý căn cũng không có chỗ nào để lập được. Chỉ có dùng Sự để rõ Lý, dùng Lý để dung Sự mới hòng không lầm lỗi. Như nói đến yếu chỉ Tịnh Độ thì toàn Sự chính là Lý, Lý - Sự viên dung, liền khế hợp bản thể. Sớm biết Sư đã no đẫy cỗ vua, vẫn miệt mài hiến món rau cần, chẳng qua là để biểu thị tấc dạ đứa con cùng quẫn[25] mong trở về nhà, đồng thời muốn tẩy sạch tội khiên báng pháp trước kia[26].

---

[23] Tức bài kệ tán *"A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân"*....

[24] Bảo sở: Nơi chốn có của báu. Kinh Pháp Hoa dùng chữ Bảo Sở để ví cho quả Chánh Giác.

[25] Kinh Pháp Hoa dùng tỷ dụ con ông trưởng giả cự phú, bỏ cha trốn sang xứ người, phải làm mướn kiếm ăn, không biết mình sẵn có gia tài cự vạn. Cũng như chúng sanh có kho tàng tánh đức trong tự tâm, nhưng mãi chạy theo ngũ dục, lục trần nhỏ nhặt, hư giả, bỏ quên kho báu tánh đức.

[26] Khi còn trẻ, do say mê Tống Nho, tổ Ấn Quang từng viết sách công kích đạo Phật.

5. Thư trả lời sư Hải Thụ

Bạn bè gởi cho tôi bài văn gợi ý đăng trên tờ Thời Sự Tân Báo, Quang tôi mong tọa hạ phát huy đạo Phật, Tổ nhiệm mầu để kết pháp duyên. Tọa hạ nêu lên bảy đề tài:

1) Chấp tâm ở bên trong:
2) Trực chỉ kiến tánh là tâm, không phải là nhãn.
3) Sắc Ấm vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh.
4) Nhãn Nhập vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh.
5) Mười hai xứ vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh.
6) Địa đại châu biến (trọn khắp)
7) Nhất tâm nhị môn.

Sai Quang tôi soạn luận, bảo là để làm khuôn mẫu. Quang tôi tuổi nhỏ kém học vấn, lớn lên vô tri, lại thêm túc nghiệp sâu nặng. Vừa sanh ra đã mắc bệnh mắt, gần hơn mười năm qua, hết thảy kinh luận đều chẳng thể đọc, chỉ chấp trì Phật hiệu, sám trừ túc nghiệp; mong cậy vào Phật từ lực, mau sanh về Tây Phương mà thôi. Làm sao có thể soạn luận, huống gì làm khuôn mẫu cho được? Khiêm cung tự chăn giữ mình quả thật còn tốt hơn, chứ ý kiến sai lầm, sao có thể trình bày tường tận cho được? Phàm muốn phát huy những chỗ sâu thẳm của kinh Lăng Nghiêm, của Luận Khởi Tín, sao không lấy ý Thích Ca Như Lai và Mã Minh Bồ Tát, cùng những chú giải kinh này, luận này của lịch đại cổ đức? Trái lại, còn toan lấy ý Quang tôi làm khuôn phép. Khác nào nhà Nho muốn phát huy học vấn truyền thừa[27] của nhị đế tam vương, Khổng, Mạnh, nhưng không lấy Tứ Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh làm khuôn mẫu, lại lấy câu ca tiếng hát của tiều phu, mục đồng làm khuôn mẫu; người dệt vải muốn dệt gấm cổ hồi văn chẳng lấy cách thức của người dệt gấm làm mẫu mực, lại lấy cách thức của người bện chiếu cói làm khuôn mẫu. Sao lại điên đảo đến nỗi như thế!

Tuy vậy, con người giao tiếp với nhau, chỉ quý ở chỗ ai nấy tận hết sức mà thôi. Xưa có đứa bé trai ôm cát cúng Phật, Phật liền tán thán thâu nhận, bởi lẽ cát là thứ mà sức đứa trẻ có thể lo liệu được. Lòng thành cúng cát và sự cúng dường trân tu diệu vị bằng nhau chẳng khác. Nay Quang tôi đem cát là thứ mình dễ sắm sửa được để dâng lên tọa hạ. Dẫu biết là vô dụng, giãi bày lòng thành, cũng có thể dùng để trải đất, mong diệt được tội cấu của mình, tăng trưởng ruộng phước cho tôi. Do vậy, bèn đem bảy đề tài gộp cả lại, để bàn luận hàm hồ cho xong trách nhiệm, luận rằng: Chấp tâm ở bên trong, bên ngoài, hay

[27] Nguyên văn là "tân truyền", tức cách nói gọn của thành ngữ Tân Tận Truyền Hỏa (củi hết lửa còn) ý nói học vấn được truyền thừa từ đời này sang đời khác.

trung gian v.v… chính là tình kiến của phàm phu. Chấp tâm nhất định chẳng ở bên trong, bên ngoài, hay trung gian cũng là tình kiến của phàm phu. "Trực Chỉ Kiến Tánh là Tâm chứ không phải là Nhãn" không đúng, dùng ngọn để tỏ bày cái gốc, chỉ ra sóng chính là nước, đó là chân trí. Vì sao? Do Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại, mỗi mỗi đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh trọn khắp pháp giới. Nếu có chỗ nào tồn tại và chỗ nào đó không tồn tại thì chẳng phải là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh vì không trọn khắp. Bởi lẽ Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh chứa đựng, nuôi dưỡng chúng sanh, bao quát có, không, thế gian, xuất thế gian, không một pháp nào có thể vượt ra ngoài, không ở trong đó được! Dùng phàm tình để nhìn thì chẳng những Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều thuộc về sanh diệt, đều chẳng phải là Chân Như, mà ngay cả đoạn Hoặc chứng Chân, thành Đẳng Chánh Giác cũng chẳng vượt ra ngoài sanh diệt được!

Nhìn bằng Thánh Trí thì chẳng những đoạn Hoặc chứng Chân, thành Đẳng Chánh Giác cố nhiên thuộc về Chân Như, mà ngay cả Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại toàn thể là Chân Như. Vốn từ trước đến nay, chưa hề có được mảy may tướng sanh diệt nào. Luận cao hơn nữa thì Chân cũng chẳng lập vì Như vốn vô danh. Nhất tâm còn chẳng có, huống gì có hai môn để luận nữa ư! Đấy là Chân Như rốt ráo, Như Lai Tạng Diệu Tánh Chân Như rốt ráo. Tâm rốt ráo chính là cái được gọi là *"Ngũ Uẩn đều không, độ các khổ ách; viên mãn Bồ Đề trở về cái không thể đạt được"* vậy! Một phen bàn luận như trên chính là do hai mươi năm trước Quang tôi ngẫu nhiên mộng tưởng viết ra, nay vâng theo nhã ý, hiến lên tọa hạ. Còn như nói phải luận từng phần, tỏ tường văn nghĩa, ngữ mạch, chỉ thú thì không phải là chuyện Quang tôi [vốn là kẻ] tâm mục suy đồi, học vấn hoang đường có thể lo liệu được nổi. Thỉnh cầu chư cổ đức và các vị giảng sư hiện thời thì họ sẽ có thể trình bày thông suốt bản hoài của tọa hạ, hợp với chí vốn có của tọa hạ vậy.

6. Thư gởi sư Căn Kỳ chùa Tứ Minh Quán Tông

Nhận được thư và sách Hiển Cảm Lợi Minh Lục[28], khôn ngăn hoan hỷ, biết Đế Công giảng kinh lần này, so với lần trước càng cảm thấy rạng rỡ hơn nữa.

[28] Theo pháp sư Hội Tánh, Hiển Cảm Lợi Minh Lục là bộ sách do môn nhân thuật chuyện Quan Đế đến cầu được khai thị với ngài Đế Nhàn. Theo Đế Nhàn Niên Phổ ghi: *"Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), Bắc Kinh mở hội giảng kinh. Sư sai ông Từ Văn Úy chủ trì lo liệu. Ông Từ thỉnh Sư giảng kinh Viên Giác, cho nên mùa Xuân năm ấy, ông Từ về Nam, đến chùa Quán Tông, đón Sư lên kinh đô… Lúc Sư giảng kinh tại kinh đô, thành hoàng của kinh thành là ông Bạch giảng cơ tại nhà ông Vũ Tấn Trạch tại ngõ Lưu Ly ở phía Tây kinh thành, tự nói mỗi tối đến chỗ Sư giảng nghe kinh, nay muốn hỏi pháp, sai [người hầu cơ] đến thương lượng mời Sư đến đàn cơ một phen, Sư chấp thuận. Trước hết, thần nói bộ hạ toàn là ngạ quỷ rất khổ, cầu xin pháp cứu tế… Tiếp đó, nói Quan Thánh cũng muốn hỏi pháp, hiềm là thần lực quá lớn, sợ người hầu cơ không chịu đựng nổi, nên sai ông Bạch chuyển lời, cho biết: Bất luận sau này Sư giảng kinh tại đâu, ắt sẽ đến đạo tràng ấy ủng hộ!"*

Nhân đó bèn đọc một lượt xong, liền đưa cho người khác. Có nhiều chỗ thấy nghe, thật quá quái lạ; riêng cho rằng: "Đế Công đã chứng thánh quả, Quan Đế còn chưa minh tâm". Quang tôi nghe vậy, bảo: Chuyện này phải nhìn từ chỗ dụng tâm của họ Bạch và họ Quan mà xét thì cả Sự lẫn Lý đều thỏa đáng, trọn không mắc lỗi lạm thánh khuất hiền.

Bạch Công hãy để đó không bàn tới. Còn Quan Đế lúc còn sống là bậc đại trượng phu phú quý không dâm, khi nghèo hèn không thay đổi, oai vũ không khuất phục được. Mất đi, quy y với ngài Trí Giả, nguyện vì Già Lam hộ trì Phật pháp. Từ ngài Trí Giả đến nay đã hơn một ngàn ba trăm năm, Quan Đế làm chủ nhân của mọi tùng lâm trong thiên hạ. Có nhiều bậc Pháp Thân đại sĩ nương nguyện hoằng pháp, Quan Đế đều thân cận hộ trì từng vị; có lẽ đến nay vẫn còn chưa hết, vậy mà vẫn phải cầu Đế Công khai thị dứt khoát. Chẳng lẽ người thông minh như Đế Quân[29] mà lại ngu độn chẳng được lợi ích nơi pháp như thế ư?

Rất có thể là nay nhằm thời Mạt Pháp, Tăng đa phần thuộc loại tệ hại, chỉ biết chuyện lãnh thọ đại giới bèn gọi là Tăng. Chứ còn danh nghĩa, sự nghiệp của Tăng đa số trọn chẳng biết gì. Người tại gia có tín tâm, nếu có thể nghiên cứu Phật pháp, cuối cùng đều coi rẻ tăng lữ. Còn những kẻ không tin, thấy các ông Tăng du hành trong nhân gian, tạo đủ mọi nghiệp, bèn nói: "Tăng đều như thế, Phật pháp vô ích cho nước, có hại cho đời". Do có những thứ tri kiến ngã mạn, tà kiến, hèn kém như thế, Quan Đế tâm hộ pháp thiết tha, thấy kinh sư (kinh đô) là chỗ đất trọng yếu trong thiên hạ, cao nhân danh sĩ đều tụ về đó, bèn hiện thân thuyết pháp, thỉnh Đế Công khai thị hòng trấn áp phàm tình ngã mạn, tà kiến của hàng tại gia, chấn động ý niệm xấu xa không hổ, không thẹn của những ông Tăng hèn kém.

Cổ nhân nói Như Lai chẳng bỏ phước nhỏ nhặt như mũi kim đâm, nói: "Như ông già tám mươi múa may để dạy con cháu''. Quang tôi đối với Quan Đế cũng nghĩ thế. Tuy là suy bậy đoán mò, nếu chất vấn Quan Đế và Đế Công, các ngài đều gật đầu mỉm cười, chẳng hé môi: "Không, không phải như thế!" Luận như trên là ước theo Tích mà luận. Còn bàn về Bổn của Quan Đế và Đế Công thì chỉ có Quan Đế và Đế Công tự biết, Quang tôi làm sao suy lường bình luận cho được!

---

[29] Chỉ Quan Đế, tức Quan Công (húy Quan Vũ, hiệu Vân Trường), thời Minh Thần Tông, ông được phong là Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Oai Viễn Chấn Thiên Tôn Quan Thánh Đế Quân (do đó, dân gian thường gọi là Quan Thánh). Theo Phật Tổ Thống Ký, quyển 6, khi Trí Giả đại sư nhập định tại Ngọc Tuyền Sơn, thấy Quan Đế hiển linh, biến nơi ấy thành bằng phẳng, dâng cúng cho tổ Trí Giả lập đạo tràng hoằng pháp. Quan Đế lại xin cầu thọ Ngũ Giới với Tổ; từ đó, ông trở thành vị hộ pháp thủ hộ Già Lam. Do vậy, người Tàu còn gọi ông là Già Lam Bồ Tát.

Căn Mẫn tuy đạo tâm khẩn thiết, e là chưa thấu hiểu quy củ, không hiểu cách thức dụng công, xin hãy dạy hắn tu hành tùy sức, chớ nên gắng gượng quá đáng đến nỗi thân tâm đều bệnh, sẽ khó tự đạt được lợi ích nơi pháp. Nghe ông X… chẳng khéo dụng tâm, đến nỗi thổ huyết không ngừng. Do vậy, trở thành bỏ phế, lơ là. Với những người sơ học đều nên bảo cho biết ý này.

7. Thư gởi tòa báo Phật Học (lược trích)

Đại Giác Thế Tôn trong vô lượng kiếp lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, trích huyết làm mực, lấy tủy làm nước để lưu thông thường trụ Pháp Bảo hòng phổ độ hết thảy chúng sanh. Một cuốn Phật Học Tùng Báo khiến cho Phật pháp được lưu thông trong nước lẫn ngoài nước, mọi hàm thức cùng chứng Nhất Thừa. Nhưng thế tục đọc sách trọn chẳng kính dè. Sáng dậy chẳng súc miệng, vào nhà xí chẳng rửa ráy, hoặc bỏ sách nơi chỗ ngồi, giường chõng, hoặc dùng gối đầu, đêm nằm xem, bỏ chung với đồ lót. Sách để đọc nơi bàn thì bỏ lẫn lộn cùng tạp vật. Coi lời lẽ của thánh hiền giống như giấy tờ cũ nát, trọn chẳng dè dặt, chẳng mảy may kính nể. Thậm chí phụ nữ nhà thư hương, sách để đọc trong khuê phòng toàn là kinh truyện; tôi tớ những nhà giàu có lau chùi đồ đạc toàn dùng [giấy in] văn chương. Đủ mọi nỗi khinh nhờn khó thể kể hết. Thói tệ tích tập lâu ngày, quen đi chẳng xét. Nếu chẳng riêng nêu họa phước, quyết định khó tránh khinh nhờn, chưa từng được ích, trước hết đã phải chuốc lấy đại tội. Thương kẻ vô tri nên phải chỉ bày ngăn ngừa trước.

Theo ngu kiến, những hình ảnh ngoài bìa có thể không cần phải in hoặc ghi tên bên cạnh như các sách in theo cách thức thông thường. Chính giữa trích mấy câu kệ, hoặc ghi mấy câu văn xuôi, ít thì mấy câu, nhiều thì hơn mười câu, nên dùng chữ đơn giản, trong sáng, [kích thước] chữ phải thô to, răn nhắc cho người xem phải để tâm trân trọng, đừng làm bẩn. Đạo mầu độ sanh của Đại Giác pháp vương kính thì được phước, khinh ắt chuốc họa!

Mặt bìa trong nên dùng chữ nhỏ, trình bày rõ cuốn sách này tuy gọi là báo, nhưng thật ra giống như kinh Phật. Vả nữa, phần đầu có in tượng Phật, Bồ Tát, những bài văn bên trong hoặc là trích dẫn kinh văn, hoặc nêu bày ý nghĩa kinh, chẳng giống như ngôn ngữ cõi tục, đáng nên kính trọng tột bậc. Lại dẫn những đoạn kinh luận, truyện ký nêu chứng cớ tội phước của việc kính trọng hay khinh nhờn kinh điển, ngõ hầu kẻ biết tốt - xấu chẳng đến nỗi giữ nguyên thái độ cũ, lầm tạo ác nghiệp. Cứ hai số hoặc mỗi số lại thay đổi, hoặc xen kẽ thay đổi một lần, hoặc vĩnh viễn không đổi chỉ dùng một loại văn tự đều được. Nếu có thay đổi thì chỉ được đổi văn, không được đổi nghĩa, ngõ hầu do thầy nghiêm mà đạo được tôn trọng vậy. Bìa sau cuốn báo đừng in chữ để khỏi bị bôi dơ hòng tỏ lòng kính trọng.

Vị tổ thứ hai mươi mốt ở Tây Thiên (Ấn Độ) là tôn giả Bà Tu Bàn Đầu (Vasubandhu) tự nói trong kiếp xưa khi sắp chứng Nhị Quả, nhân vì lầm lỗi dựa mình vào hình Phật vẽ trên vách nên bị thoái thất hết sạch. Tôi nói: *"Bậc Nhị Quả còn mất quả vị. Nếu là phàm phu ắt vĩnh viễn mất thân người, thường ở trong ác đạo chẳng còn ngờ chi"*. Ví như kẻ cự phú phạm phải đại tội, dốc sạch của cải trong nhà để chuộc tội chết, còn kẻ nghèo ắt lập tức bị chém đầu. Chuyện này được chép nơi chương ghi về vị tổ thứ hai mươi là Xà Dạ Đa tôn giả trong sách Truyền Đăng Lục. Vì thế biết tội khinh mạn chẳng phải nhỏ.

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu[30], trong bốn biển cùng là đồng bào, triều Thanh tuy thuộc giống Mãn Châu, rốt cuộc là cùng một cha mẹ. Huống nữa thánh đức của các đời đáng sánh cùng trời cao đất dầy; dẫu Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang cũng không hơn được thế! Gần đây, chiến tranh, đói kém liên miên, bị lân quốc hùng mạnh áp bức, hiến pháp, chánh trị dẫu đổi mới, vẫn có chút sai ngoa; nhưng xét đến lòng nhân của vua thì vẫn y như cũ. Chỉ vì cảnh duyên không tốt đẹp hơn, đến nỗi bị lật đổ. Nay đã thành chế độ cộng hòa, đúng là phải nên coi như cùng một thể.

Luận về chánh thể thì nhiệt liệt khen ngợi chế độ cộng hòa, luận về triều Thanh trước kia thì tán dương lòng nhân của hoàng đế. Ví như vị tân quan sau khi nhậm chức, chẳng ngại dựng bia lập đền để phô bày cái đức của vị quan cũ. Sau khi chế độ cộng hòa được thành lập, hơn hai trăm năm vỗ về tài bồi [của triều Thanh] há có thể quên ngay? Tôi thấy trong số báo thứ ba, có những lời lẽ [lên án] như độc đoán, chuyên chế, nô lệ v.v… lòng rất ấm ức. Phàm đất nước ta từ khi mở cõi đến nay, bậc đại thánh nhân kế thừa ngôi trời cai quản thiên hạ cũng chưa chắc đã không lo nghĩ đến điều đó; có thể là vì các ngài sợ dân hung bạo, chẳng tuân hành hiệu lệnh, thành ra đến nỗi loạn vong. Đấy là bản tâm của việc thánh nhân truyền ngôi lại cho con cháu; há phải đâu Phục Hy, Thần Nông, Thang, Vũ muốn hưởng lợi ích riêng! Nếu không như vậy thì chẳng đủ để chấn chỉnh cương thường, dứt bặt mầm mống tranh chấp, cũng là do thời thế khiến thành như vậy; chứ không phải là các bậc thánh như Phục Hy, Thần Nông không có đức hổ thẹn! Ngày nay mọi người là của chung, cộng hòa rất mực bình trị cũng là do thời thế khiến thành ra như vậy, phải đâu người đời nay tốt đẹp hơn các vị thánh Phục Hy, Thần Nông v.v…

Hãy nên đề cao cộng hòa, bất tất phải chỉ trích triều Thanh đời trước thì mới phù hợp với bản chất của cộng hòa, tránh khỏi cái tội khinh miệt cổ thánh. Nước Tỳ Da Ly thời Phật áp dụng cách này. Trong các kinh, Như Lai cũng chưa hề chê trách Luân Vương đời đời truyền nhau là sai. Đúng như Khổng tử đã nói: *"Quân tử truyền cho thiên hạ là vì không có con nối dõi, không ai là*

[30] Quẻ Càn tượng trưng cho trời, quẻ Khôn tượng trưng cho Đất. Câu này ý nói: Trong vòng trời đất.

không vậy". Ý nghĩa giống như ở đây. Nghĩa giống như ở đây là vì thích nghi với thời thế. Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn, chẳng thể bảo là sai, cũng chẳng thể chấp chặt một pháp. Chỉ cầu sao cho thích nghi thì sẽ có đại lợi, không chút điều tệ nhỏ. Nhưng nhân tâm bất nhất, vẫn còn có những bài đăng chứa đựng ý tứ ấy, mong hãy sửa chữa cho được hoàn thiện, ngõ hầu đời sau đọc đến bội phục tấm lòng đại công vô tư của các vị.

Phật pháp giữ chí nguyện bình đẳng, tất cả ngôn luận chỉ nhằm đề cao Lý, trọn chẳng thiên vị. Do vậy, xưa nay những bậc đại thánh đại hiền không ai chẳng dốc lòng đề cao vậy. Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng vượt ngoài hai chữ "tâm tánh", chuyện thế gian hay xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ "nhân quả". Chúng sanh chìm đắm trong chín giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng - giảm mảy may. Sở dĩ thăng - trầm thật khác, khổ - vui khác biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa khác nhau, đến nỗi thọ dụng quả địa mỗi người mỗi khác.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ: Chỉ bàn về lý tánh thời hàng trung hạ căn chẳng thể được lợi ích. Chuyên luận nhân quả thì bậc thượng thượng thường chán nghe đến. Sách này phân ra mười môn cách thức khác biệt, tốt nhất là cùng nêu lên cả Sự lẫn Lý, theo đuổi cả Đốn lẫn Tiệm, ngõ hầu hợp cả ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều được lợi ích. Nên đăng tải những chuyện do học Phật được đắc lực xưa nay, những sự tích đại trung, đại hiếu, thuần nhân, thuần nghĩa, và chuyện họa - phước do cung kính Tam Bảo hay hủy báng Tam Bảo, và những lời lẽ tốt lành yên đời dẫn dắt cõi tục của bậc cao nhân, những lời bàn luận chí lý về kiêng giết, phóng sanh. Những loại sau số báo nào cũng đăng tải thì ngu phu, ngu phụ cũng được lợi lạc, mà hạng thông thạo giỏi giang do ngộ lý cũng muốn thực hiện. Từ đấy chẳng dám lắc đầu, bịt tai, lại còn gấp gáp ưa thích muốn nghe. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời nhau thì cả hai cùng bị tổn thất, gộp lại thì cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *"Kẻ khéo bàn tâm tánh chẳng thể bỏ lìa nhân quả; nhưng kẻ tin sâu nhân quả cuối cùng ắt hiểu rõ tâm tánh. Lý này thế tất nhiên phải như vậy"*.

Nhưng chúng sanh Mạt Pháp căn cơ hèn tệ, các pháp Thiền, Giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, huống hồ liễu thoát? Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dẫu là Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tối thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này nên bàn cả Lý lẫn Sự, khuyên răn ăn chay, bố thí, rền tiếng hải triều, tưới mưa đại pháp, phá tà chấp của bọn Lỗ Xuyên, nối tiếp pháp mạch của các vị như Liên Trì v.v… ngõ hầu thiên hạ đều cùng được lợi ích nơi Phật pháp, khiến cho đại địa cùng cảm đức

của các vị, pháp tràn ngập hoàn vũ. Cõi đời lại trở về thời đại Đường Ngu[31], đạo thông đến cả những loài vô hình trong trời đất; ân thấu tới những dị loại bay, lặn.

Nếu luận về sự suy vi của Phật pháp thì thật ra không phải là vào cuối đời Minh. Vào cuối triều Minh, các tông đều suy. Từ thời Vạn Lịch[32] trở đi, đột nhiên hưng thạnh, tông Hiền Thủ thì có ngài Liên Trì, Tuyết Lãng chấn hưng mạnh mẽ Viên Tông. Tông Thiên Thai thì có ngài U Khê, Ngẫu Ích tận lực hoằng dương Quán đạo[33], Thiền Tông thì ngài Huyễn Hữu[34] có bốn vị đệ tử, nhưng Thiên Đồng, Khánh Sơn pháp khắp thiên hạ. Tông Tào Động thì có Thọ Xương, Bác Sơn, đời nào cũng có cao nhân. Luật Tông được ngài Huệ Vân trung hưng, thật đáng là Ưu Ba[35], ngài Kiến Nguyệt nối gót, vốn là Ca Diếp. Nhưng Diệu Phong, Tử Bách, Liên Trì, Hám Sơn, Ngẫu Ích đúng là những bậc siêu quần bạt tụy, đời Mạt Pháp chẳng dễ thấy. Tuy chẳng bằng thời kỳ hưng thạnh đời Đường, đời Tống, nhưng có thể nói là Phật nhật lại được sáng lòa.

Kịp đến khi nhà Đại Thanh mở nước, tôn sùng, kính trọng càng nhiều, những bậc ẩn dật chốn lâm tuyền đa số được lễ kính như ngài Ngọc Lâm, Hám Phác, Mộc Trần v.v… Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) tuân phụng Phật chế, mở rộng phương tiện, bỏ lệ thí tăng[36], cho được tùy ý xuất gia, nhân đó truyền hoàng giới, chế ra Hộ Giới Điệp, từ nay vĩnh viễn miễn độ điệp. Phật pháp bị suy thật sự bắt nguồn từ đây. Đương thời cũng có cao nhân đông đảo xuất hiện, tợ hồ hữu ích. Thanh Thế Tông (Ung Chánh) dùng phương tiện đại quyền nương nguyện, kiến trung lập cực[37], phát huy ngôn luận huệ mạng của Phật, Tổ, tinh thâm rộng rãi, nhập tạng[38], lưu thông không cần phải nói nữa. Ngoài ra, vua còn soạn Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục, tám quyển, bốn tập; bạn tôi là Nhậm Thị, khất thực ở kinh đô tìm được cuốn này ở một chợ sách, gởi cho ông Dương Nhân Sơn, bảo gởi sang Đông Dương (Nhật Bản), in kèm vào trong bản Đại Tạng mới in. Tôi cho rằng khi sách ấy được phát hành, những người hiếu

---

[31] Đường Ngu là thời Nghiêu - Thuấn, vua Nghiêu (Y Kỳ Phóng Huân) đặt quốc hiệu là Đường, truyền ngôi cho Thuấn (Diêu Trọng Hoa), vua Thuấn đổi quốc hiệu là Ngu.

[32] Vạn Lịch là niên hiệu của Minh Thần Tông (1574-1619). Sau Thần Tông, nhà Minh chỉ truyền được ba đời nữa, tức là 25 năm sau bèn mất ngôi vào tay nhà Thanh.

[33] Gọi là Quán đạo vì tông Thiên Thai đề xướng lối tu Chỉ Quán.

[34] Ngài Long Trì Huyễn Hữu (1521-1581), húy là Chánh Truyền, pháp tự Nhất Tâm, pháp hiệu Huyễn Hữu, là một thiền sư nổi tiếng của tông Lâm Tế, đắc pháp với sư Tiếu Nham Đức Bảo, bốn người đệ tử đắc pháp nổi tiếng là Mật Vân Viên Ngộ, Tuyết Kiểu Viên Tín, Khán Sơn Viên Tu, và Bão Phác Viên Liên.

[35] Tức ngài Ưu Ba Ly, vị đại đệ tử trì giới bậc nhất của Phật.

[36] Thí Tăng: Các tăng sĩ muốn được thọ giới phải đậu kỳ thi sát hạch về giáo pháp, kinh nghĩa.

[37] Từ ngữ này không thể dịch cho gọn nên phải để nguyên. Theo giáo sư Từ Quốc Đống tại Đại Học Hạ Môn, Trung và Cực là hai giá trị tối cao trong Nho Học, thể hiện đặc tính hợp lý hài hòa của vũ trụ nhân sinh, tương đương với khái niệm Nhất Chân pháp giới của Phật giáo. Trung là không thiên lệch, hợp lý, thỏa đáng, Cực là cao đẹp tột bậc. Như vậy, *"kiến trung lập cực"* có thể hiểu là kiến lập hai mục đích nói trên.

[38] Nhập Tạng: Đưa những bản kinh Phật đã được chư cao tăng cổ đức công nhận vào Đại Tạng.

cổ thích lạ đọc thử sách ấy, chẳng những hữu ích cho tánh mạng, mà học thức văn chương đột nhiên cao lên gấp bội. Ôi! Hưng thạnh thay!

Thanh Thế Tông thật sự làm cho pháp được lưu truyền nơi Chấn Đán (Trung Hoa), là người độc nhất vô nhị trong các hoàng đế. Vua đã như vậy thì tể quan, tăng lữ ắt biết được đại khái. Từ đời Cao Tông (Càn Long) trở đi, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, ngu phu ngày càng lắm, lại thêm binh lửa liên miên, khiến nhiều hạng thô bỉ, bại hoại, vô lại xen lộn vào pháp môn. Tự mình đã không biết gì về Phật pháp, làm sao có thể dạy đồ chúng tu hành! Từ đấy mỗi ngày mỗi tệ, đời sau chẳng bằng đời trước; đến nay Tăng tuy không ít, nhưng kẻ biết chữ mười người chưa được một, mong chi hoằng dương đại giáo, lợi khắp quần sanh nữa ư? Do vậy, bậc cao thượng, ngoại trừ những vị kiếp trước có đại căn, trông thấy Tăng chẳng biết đạo bèn chán ghét, chẳng dự vào Tăng chúng.

Phàm lưu truyền Phật pháp chẳng phải là một sáng một chiều mà được; ắt phải thâm mưu viễn lự, tùy cơ đặt bày cách thức, những gì Phật chế định cố nhiên chẳng thể không tuân, nhưng những phương cách chế định theo thời cũng không thể không nghiên cứu cặn kẽ, nhằm dự phòng thời thế biến đổi, mới không đến nỗi nghiêng ngửa chẳng thể có sức như Phật pháp ngày nay vậy. Nếu các vị không thừa dịp nhìn nhận nhạy bén, tôi e lúc này, trong nước Chấn Đán không còn nghe tiếng tăm, dấu vết Phật pháp nữa! Ôi chao! Nguy hiểm thay! Phật pháp cao sâu, chẳng phải do sự thấy biết nông cạn mà hòng nhìn trộm được. Nếu muốn biết sâu xa, ắt phải từ Giáo mà vào, rồi mới đến Thiền Tông thì mới khỏi bị tệ hại. Bọn Tống Nho như Châu, Trình, Trương, Châu v.v… đời trước cố nhiên có linh căn, nhưng thoạt đầu thân cận toàn những bậc tông sư Trực Chỉ, đối với một buổi giảng, một công án tợ hồ lãnh hội được sự hư linh bất muội, nhưng đối với ý nghĩa "đầy đủ các lý ứng với vạn sự" thật sự chưa triệt ngộ tự tâm, bèn tự cho là đã đắc, vạch đất làm giới hạn, chẳng chịu tiến lên. Ấy là do dậm chân tại con đường nghĩa lý, trọn chưa từng thật sự tận lực tham cứu. Lại thấy nhà Thiền pháp nào, chuyện nào cũng chỉ quy hướng thượng. Do vậy, dù có xem kinh giáo cũng đem ý nhà Thiền ra để giải thích, để hiểu, bảo Phật pháp chỉ có vậy mà thôi. Với những lý thật, sự thật, nhân quả họa phước cũng dùng ý kiến chỉ quy hướng thượng để lãnh hội, đến nỗi mê muội tự tâm, bác không nhân quả. Cướp lấy vật của người ta cho là gia bảo; nhặt lấy những thứ sót thừa của Phật pháp để chống đỡ môn đình Nho Giáo. Lại sợ hậu sinh đề cao họ Thích, bèn khéo bày phương cách, lập kế trộm linh[39], ngang ngược bày lời phỉ báng, phô bày họa hại, nhốt kín hậu sinh vĩnh viễn chẳng thoát ra được. Lại còn sợ hậu sinh chưa chết lòng trọn ý [tin theo], bèn

[39] Trộm linh ở đây liên quan đến từ ngữ "bịt tai trộm linh" (linh là cái chuông nhỏ có quả lắc). Đi ăn trộm cái linh, bịt tai lại để khỏi nghe tiếng linh kêu, cứ nghĩ người khác không biết.

lấy bản thân để giảng giải: "Ta trước kia cầu đạo, cũng từng thân cận Thích, Lão, nhưng đều không đạt được gì. Sau trở về cầu nơi sáu kinh bèn được. Từ đấy, phá vòng Thích, Lão, mỗi mỗi thấy thấu suốt, theo thuyết thành ý chánh tâm của chư tử, dốc sức tu dưỡng, thật đáng làm bậc sư biểu cho cửa Nho!"

Nhưng do ý niệm phù trì môn phái quá nặng, đến nỗi từ chỗ đáng biểu dương cảm phục, lại thành ra biến sở trường của người ta thành sở đoản, cái mình có được là từ người ta, lại nói ngược người ta không bằng mình, khiến cho thành ý chánh tâm dù dốc lòng thực hiện chẳng thể viên mãn hoàn bị, cắt đầu xén đuôi. Ôi! Đáng buồn đến thế! Cư sĩ Nhất Thừa bảo là *"khách vào nhà quơ giáo, ồn ào lấn chủ"*. Lời ấy thật xác đáng, nhưng nếu không nêu rõ căn nguyên, người trong ải (tức những kẻ chấp vào học thuyết Tống Nho) sẽ chẳng chịu phục. Nên đem chỗ "chư tử học Phật được lợi ích và do dùng ý nhà Thiền hiểu lầm giáo nghĩa, do vậy, không tin nhân quả, chẳng tin luân hồi, không những nghịch Phật mà còn trái nghịch cả kinh Nho; lại còn bảo là cầu đạo nơi Thích, Lão đều chẳng được, về sau từ sáu kinh được ích" trình bày, biện luận cặn kẽ, rõ ràng thì chứng cớ ăn cắp đầy đủ, chẳng những kẻ bế quan bội phục mà còn ngay lập tức ra khỏi cửa. Dẫu cho chư tử sống lại cũng sẽ nhận lỗi tự trách, không thể già hàm cãi bướng; từ đây, huệ phong quét sạch mây chướng, Phật nhật lại sáng tỏa vũ trụ.

8. Thư trả lời cư sĩ Bộc Đại Phàm

Xa nhận tờ mây, thật hổ thẹn sâu xa. Bất Huệ[40] tôi tuổi nhỏ kém học vấn, lớn lên vô tri, lênh đênh nẻo khách, ăn bám Phổ Đà. Không ngờ các hạ xưa đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai, lãnh hội được tâm tông cả Nho lẫn Phật, thấu hiểu tột cùng bí tạng Tánh - Tướng, tham học khắp kẻ Tăng người tục, là bậc hào kiệt lỗi lạc chuyên tu Tịnh nghiệp. Bậc đại nhân rộng lượng chẳng hiềm hạ mình hỏi đến. Hỏi tới kẻ cắt cỏ mà khiêm tốn quá sức khiến người không còn chỗ dung thân. Ví thử đại địa có kẽ nứt, ắt sẽ triệt để rúc sâu vào, dám đâu ngửa đáp. Thường nghĩ các hạ học vấn rộng như thế, kiến giải cao như thế, mấy câu Ngài nêu ra đó nghĩa lý thật thiển cận, há lẽ nào thật sự hoài nghi chẳng quyết đoán được ư? Chắc có lẽ là muốn phát khởi đồng nhân đó thôi. Các hạ liễu tri làm như vô tri, Bất Huệ tôi cũng không ngại gì lấy không biết làm biết. Do vậy bèn căn cứ theo từng khoản mà phê phán, thuận theo lời lẽ mà mổ xẻ. Chẳng dám bắt chước vị quan già đời phán án, bất quá chỉ như khóa sinh nộp quyển đó thôi. Trình bày lời mọn giãi bày như trong phần sau có được hay chăng? Mong ngài rủ lòng sửa lại cho đúng.

[40] Bất Huệ: tổ Ấn Quang tự xưng, ngụ ý mình không có trí huệ.

Niệm Phật tuy quý là tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba thứ thân - khẩu - ý hỗ trợ cho nhau. Nếu tâm nghĩ nhớ, thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng, cũng sẽ khó được lợi ích. Thế gian nâng vật nặng còn phải hò reo để giúp sức, huống hồ muốn nhiếp tâm để chứng tam-muội ư? Do vậy, kinh Đại Tập dạy: *"Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ"*. Cổ đức nói niệm lớn tiếng thì thấy thân Phật lớn, niệm nhỏ tiếng sẽ thấy thân Phật nhỏ. Nhưng phàm phu đầy dẫy phiền não, tâm thường hôn trầm, tán loạn, nếu chẳng nhờ vào sức lễ tụng của thân - miệng, mà muốn đắc nhất tâm thì không thể được. Nơi Thật Tế Lý Địa mới là vô sanh diệt. Trong cửa Phật sự, có pháp nào không phải là pháp sanh diệt? Đẳng Giác Bồ Tát phá bốn mươi mốt phẩm vô minh, chứng bốn mươi mốt phần bí tạng, cũng không ra ngoài lẽ sanh diệt. Sanh diệt ấy chính là gốc rễ sanh tử, mà cũng là gốc của Bồ Đề, tùy thuộc người ta sử dụng như thế nào mà thôi! Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối chính là đem cái sanh diệt "trái nghịch với giác, xuôi theo trần lao" chuyển thành sự sanh diệt "trái nghịch trần lao, hiệp với giác" để cầu chứng được Chân Như Phật Tánh bất sanh bất diệt, niệm niệm nơi Tịnh Độ mới có thể vãng sanh, mà cũng là thân phận Thượng Phẩm Vãng Sanh. Nếu chấp chặt nghĩa này để tự cầu thượng phẩm, còn gì lành hơn? Còn nếu chấp chặt vào nghĩa này để dạy kẻ trung, hạ căn sẽ trở ngại sự tiến lên của người khác không ít. Vì sao? Bởi họ ắt sẽ nghĩ pháp này quá cao, bèn cam phận hèn kém, chẳng chịu tu trì.

Hơn nữa, việc niệm Phật tuy thuộc về ý thức, nhưng các thức đều đủ, chẳng thấy đoạn kinh văn đã nói *"nhiếp trọn sáu căn"* trên đây hay sao? Sáu căn đã nhiếp thì sáu thức sẽ làm gì? Những gì sáu thức đưa vào Hàm Tàng Thức (A Lại Da Thức) cũng chỉ là chuyện này mà thôi. Đoạn văn *"đao chém không vào"* vốn không thể nghi, do các hạ chưa phân định giới hạn giữa Tự Lực và Tha Lực, giữa Thiền Tông và Tịnh Tông nên đến nỗi thành một khối nghi lớn. Một pháp Niệm Phật là nương Phật lực thoát ra tam giới, sanh về Tịnh Độ. Nay đã không phát nguyện, cũng không có lòng tin (có lòng tin chân thật ắt có nguyện thiết tha), Tín lẫn Nguyện hoàn toàn không có, chỉ niệm Phật trì danh thì vẫn thuộc Tự Lực. Do không Tín - Nguyện nên chẳng cảm ứng đạo giao với Di Đà hoằng thệ. Nếu đoạn hết Kiến Tư Hoặc, có thể được vãng sanh. Còn nếu hoàn toàn chưa đoạn và đoạn chưa hết thì nghiệp căn vẫn còn, làm sao thoát khỏi luân hồi cho được? Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh [41] v.v… chính là những

[41] Ngũ Tổ là tên núi, đồng thời là tên chùa. Sư Giới thiền sư, người thời Tống, thuộc tông Vân Môn, nối pháp của ngài Song Tuyền Sư Khoan, trụ trì chùa Ngũ Tổ núi Ngũ Tổ tại Tô Châu, nên thường gọi là Ngũ Tổ Giới, chấn hưng tông phong mạnh mẽ. Theo Tây Quy Trực Chỉ, quyển ba: *"Thanh Thảo Đường thiền sư khá có giới hạnh, tuổi ngoài chín mươi, thường được nhà họ Tăng cúng dường hậu hĩ, bèn hứa thác sanh vào nhà ấy làm con. Sau họ Tăng sinh được một người con, cho người đến tìm Thảo Đường thì sư đã tọa hóa"*. Theo Viên Anh pháp sư, Thanh Thảo Đường là người đời Tống, là bậc tông tượng trong nhà Thiền, tuổi già, thấy vị tể tướng đã cáo lão hồi hương hết sức vinh diệu, chợt khởi tâm niệm hâm mộ, bèn thác sanh vào nhà ấy. Về sau, trở thành tể tướng Tăng Lỗ Công. Do một tâm niệm tham luyến mà công hạnh tu Thiền cả đời bị vứt bỏ!

bằng chứng xác đáng. Phải biết: Nếu bỏ tín nguyện mà niệm Phật thì chẳng khác gì nhà Thiền tham cứu. Nếu được vãng sanh thì nhân quả chẳng khế hợp nhau vậy! Ngài Ngẫu Ích nói: *"Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do tín nguyện có hay không? Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn"*, ấy là lời phán định sắt đá.

Như kinh nói *"nhất tâm bất loạn"* là tiếp ý đoạn kinh văn giảng về công đức y báo, chánh báo ở tận phía trên, nhằm dạy cho sanh tín; còn nếu thừa tiếp ý của đoạn văn gần đó, tức đoạn *"chúng sanh nghe vậy, phải nên phát nguyện, nguyện sanh cõi ấy"* thì chính là dạy phải phát nguyện. Đã thế, đoạn văn tiếp theo đó là khuyến tín, khuyến nguyện, không gì chẳng đủ. Các hạ cắt xén những đoạn văn trước, chỉ chấp một câu, nên mới có mối nghi "không trọng phát nguyện". Lại còn xem "không tín nguyện nhất tâm" và "có tín nguyện nhất tâm" bình đẳng như nhau, nên mới thấy có đoạn kinh đao chém không vào, há phải đâu không thuần nhất; sao lại nghi ngờ chuyện *"không tín nguyện trì danh không được vãng sanh"?*

Hơn nữa, [luận về chuyện] ngoài việc niệm Phật có niệm thứ hai xen tạp thì khó thể nêu hết. Chỉ nêu lên những cái chánh thì như cầu đại triệt đại ngộ, cầu được Đại Tổng Trì v.v… [đó chính là xen tạp], chứ không phải phát nguyện là niệm thứ hai [xen tạp]. Phải biết một pháp Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Hạnh như bò kéo xe, Nguyện như người cầm cương, Tín như người dẫn đường. Người dẫn đường và người đánh xe mới là chánh yếu để quyết định sự tiến bước của con bò kéo xe. Vì thế, sáng chiều phải hướng về Phật phát nguyện. Hơn nữa, lúc không niệm Phật cũng chớ câu nệ. Dẫu cho mỗi lần niệm cả vạn năm cũng chẳng ngại có một ngày tạm ngưng. Nếu bảo "có lúc không niệm, có lúc phát nguyện sẽ thành gián đoạn, xen tạp, sẽ khó thành tựu" thì thử hỏi một tâm niệm ấy cũng từng thấy sắc, nghe tiếng, mặc áo, ăn cơm, giở tay, động chân, có hay không? Nếu có, với những chuyện ấy đã không gián đoạn, xen tạp, sao riêng mình chuyện này (tức chuyện phát nguyện) lại có gián đoạn, xen tạp? Nếu không, trừ phi là bậc Pháp Thân đại sĩ. Nhưng bậc Pháp Thân đại sĩ ở yên một chỗ mà hiện thân khắp trần sát[42]; những gián đoạn, xen tạp ấy còn nhiều không xiết! Tâm có đủ các lý ứng với vạn sự, lẽ nào chỉ tính đến phát nguyện và niệm Phật cùng một lúc mà thôi! Ước theo sự tu trì thường ngày, nên phát nguyện vào lúc sáng tối, cũng có khi niệm Phật xong liền phát nguyện.

Các hạ thông đạt Tánh - Tướng sâu xa, bảo niệm Phật và ý niệm cầu sanh Tịnh Độ chẳng thể đầy đủ cả hai thì tợ hồ đối với cái lý tròn đầy "Sự Sự vô ngại" chưa thể tin triệt để. Lại có đoạn ngài viết niệm này có thể chia thành hai,

[42] Trần sát: cõi nước (Phật sát độ) nhiều như vi trần.

một nửa quy về Phật, một nửa quy về Nguyện. Nếu thế, một người lẽ ra phải thành hai vị Phật! Trong cuộc sống hằng ngày, lúc các hạ mắt thấy sắc thì tai, mũi, lưỡi, ý chẳng thể nghe tiếng, duyên theo pháp ư? Nếu chúng cùng hoạt động chẳng mâu thuẫn nhau, sao lại riêng nghi nơi chuyện này? Phải biết Thể của một niệm tâm, tác dụng vô lượng. Tám thức há chẳng phải là Dụng của một tâm thể ư? Chúng đã chẳng trở thành tám vị Phật thì sao cái niệm này lại thành ra hai vị Phật được? Kẻ bình sinh trọn không tín nguyện, lúc lâm chung chắc chắn khó thể nhờ vào Phật lực. Đã nói *"thiện ác cùng một lúc nhanh chóng hiện ra"* thì đừng nói chi bốn chữ A Di Đà Phật không hiện bèn không được vãng sanh, dẫu có hiện cũng chẳng được vãng sanh. Vì sao? Do chẳng nguyện sanh vậy. Do chẳng cầu Phật nên chẳng được Phật tiếp dẫn.

Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi"*. Cổ đức nói: *"Như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước"*. Tâm tình lắm mối, đặt nặng nơi đâu sẽ rơi về đó. Nay thiện - ác đều hiện, do không tín nguyện, liền chẳng thể làm gì được ác nghiệp. Phải biết: Cậy vào Tự Lực thì dẫu có tí ti ác nghiệp cũng chẳng thể thoát khỏi sanh tử, huống gì là nhiều! Lại nữa, không Tín - Nguyện, niệm đến nhất tâm, trong vô lượng vô biên kẻ, họa may có hai ba kẻ được vãng sanh, quyết chẳng thể lấy đó làm chuẩn để đoạn thiện căn vãng sanh Tịnh Độ của hết thảy thiên hạ và người đời sau. Vì sao? Cậy vào Tự Lực, niệm đến mức nghiệp tận tình không, chứng Vô Sanh Nhẫn, cả thế gian ít có một, hai người. Nếu như ai nấy đều hành trì theo đó, bỏ Tín - Nguyện đi không theo đuổi nữa thì biết bao nhiêu chúng sanh vĩnh viễn ở trong biển khổ, không nhờ vào đâu để xuất ly được. Lời nói ấy toàn là ngây ngô, thế mà kẻ ấy còn dương dương đắc ý, cho là lời lẽ thật cao, chẳng biết là đoạn Phật huệ mạng, là lời cuồng vọng khiến chúng sanh bị lầm lạc (thiện nghiệp thế gian chẳng ra khỏi luân hồi, nếu sánh với tín nguyện đầy đủ vãng sanh tịnh nghiệp thì thiện nghiệp kia vẫn là ác nghiệp).

Than ôi! Một pháp Tịnh Độ, phải nhìn bằng con mắt riêng, chớ dùng giáo nghĩa thông thường để so đọ. Giả sử Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời mạt không thể nào thấy được cách giải quyết sanh tử. Sách Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư Lý - Sự đều đạt đến cùng cực, kể từ khi có kinh này đến nay, nó là bản chú giải bậc nhất. Hành theo sách ấy thì ngày sau phẩm vị vãng sanh của các hạ không ai sánh bằng. Cổ nhân tu hành đều chứng được đạo, người đời nay tu hành ít thấy ai minh tâm. Nào có phải là do căn tánh con người chẳng bình đẳng ư? Cũng chỉ là do kính trọng hay khinh mạn mà ra! Xem khắp truyện ký của cao nhân, đều thấy họ coi kinh tượng như Phật sống. Sự kính nể của họ dẫu trung thần thờ thánh chúa, hiếu tử đọc di chúc, há tương tự được một hai phần? Do cung kính đến cùng cực, nên có thể đoạn Hoặc

chứng Chân, siêu phàm nhập thánh. Xem Nhị Tổ đứng trong tuyết[43], [Dương, Du] đứng trong tuyết ngoài cửa họ Trình[44], là đủ thấy. Người đời nay coi tượng Phật như đất, gỗ, coi kinh Phật như giấy cũ. Dẫu có tín tâm, đọc tụng, thọ trì, cũng chẳng qua là để nhanh mồm nhạy miệng mà thôi, nào có lợi ích thật sự gì để bàn được nữa! Tuy gieo được viễn nhân, nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể nghĩ tưởng được nổi. Nguyện các hạ dùng học vấn quảng bác, ngôn từ sâu rộng, lúc đề xướng Phật pháp, thường đem điều này lợi ích khắp hết thảy thì may mắn cho pháp môn lắm, may mắn cho chúng sanh lắm đấy.

9. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ nhất)

"Ngô hữu tri hồ tai! Vô tri dã! Hữu bỉ phu vấn vu ngã, không không như dã. Ngã khấu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên!" (Tạm dịch: "Ta biết gì đâu! Không biết gì! Có bỉ phu hỏi ta thì là rỗng không như thế; chuyện được hỏi và căn cơ người hỏi phù hợp với nhau vậy[45]"). Đấy là thánh nhân do tâm chính mình không có niệm lự nên tùy cơ thuyết pháp dạy người, trọn chẳng thể coi đó là lời nói khiêm. Tâm thánh nhân giống như gương sáng rỗng rang, trọn chẳng có một vật, nào có biết gì? *"Bỉ phu đến hỏi"* là như Hồ đến, Hán đến[46], *"khấu lưỡng đoan nhi kiệt"* là như Hồ hiện, Hán hiện. Chữ *"khấu"* có nghĩa là *"tức"* (chính là), *"lưỡng đoan"* (hai bên) là chuyện được hỏi và căn cơ của người hỏi, *"nhi kiệt yên"* là vừa vặn phù hợp, không thái quá, không bất cập, tức là như nhà Phật gọi là *"khế lý, khế cơ"*. Nếu chỉ khế lý mà không khế cơ sẽ không có ích gì cho người ấy, trở thành lời nói thừa thãi. Như ông hỏi về nhân, về hiếu, về chánh v.v… thì câu hỏi giống nhau, nhưng lời đáp khác nhau, tức là thuận theo căn cơ của người hỏi mà đáp cho, như nhìn lỗ tra chốt, đối bệnh phát thuốc vừa vặn thích nghi, trọn chẳng mảy may có lỗi dạy chẳng phù hợp căn cơ. Nếu tâm chẳng trống không như gương, sao có thể được như vậy?

Giải thích "không không" có nghĩa là "bỉ phu" thì có thể nói là uổng công đọc sách thánh hiền. Tâm Khổng Tử chí thành không vọng, nên bảo là *"không không như dã"*. Nhan Tử kém hơn đức Thánh một bậc, tuy chưa thể rốt ráo không vọng, mà vọng cũng chẳng còn mấy, nên cũng đã mấy lần đạt được cái

[43] Nhị Tổ Thần Quang cầu đạo với tổ Bồ Đề Đạt Ma, đứng ngoài cửa chờ Tổ đáp lời đến nỗi tuyết ngập đến tận đầu gối.

[44] Thời Tống, Dương Thời và Du Thố đến cầu học với Trình Di, họ Trình ngồi nhắm mắt trong nhà, Dương và Du hai người đứng chờ ngoài cửa cho đến khi họ Trình nhận ra, kêu vào, tuyết đã xuống dày cả thước. Nho gia thường dùng điển tích *"Trình môn lập tuyết"* này để diễn tả sự cung kính của trò đối với thầy (theo Vương Đồng Ức, Tân Thế Kỷ Hiện Đại Hán Ngữ Từ Điển)

[45] Câu này được dịch dựa theo lời giải thích của tổ Ấn Quang trong lá thư này.

[46] Phải đọc cả đoạn này theo mạch văn, ý Tổ nói: Tâm thánh nhân như cái gương trong suốt, người Hồ đến hay người Hán đến đều hiện bóng, người nào đến hiện bóng người ấy, gương không phân biệt.

không. *"Ba tháng không trái nghịch"* chính là chuyện này. Vì thế, phu tử bảo Nhan Tử *"gần như đạt được"*. Nếu cho rằng do Nhan Tử dẫu giỏ cơm, bầu nước mấy lần trống rỗng vẫn vui vẻ không thay đổi nên được coi là *"gần như đạt"* thì là bỏ gốc theo ngọn, đánh mất lời bàn luận chí lý dựa trên căn cơ để phê bình của thánh nhân vậy. Còn như luận về chuyện Tử Cống buôn bán là tùy loại mà luận, há có thể đem hai người ấy sánh đôi với nhau ư? Thánh nhân do người mà luận người, há nên bắt chước người đời sau làm thơ cử nghiệp, phải đối nhau thật chặt chẽ mới là hợp cách ư?

Thế nhưng các hạ chí mộ Phật pháp, nên chẳng ngại đem tâm thánh nhân ra tùy cơ chỉ điểm. Nếu các hạ đến dạy trẻ học vỡ lòng ở Tam Gia Thôn hãy nên tuân theo lời chú giải của Châu Hy. Nếu không bọn chấp chặt vào văn chương sẽ gièm báng tứ tung; chẳng những không thể biết cái tâm thánh nhân, mà trái lại còn hủy báng Phật pháp. Do vậy, họ vĩnh viễn chìm trong biển khổ, đánh mất ý chỉ sâu xa *"khấu lưỡng đoan nhi kiệt yên"* vậy!

10. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết các hạ chưa thọ giới Cụ Túc và tình hình Phật pháp lưu thông tại quê hương ông, vui khôn ngăn nổi. Tuy nhiên, trong lúc vui, tôi không thể không hết sức lo lắng, vì sao nói vậy? Phàm Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không ai không nên tu mà cũng không ai chẳng thể tu. Người trì trai niệm Phật nhiều, xét đến hiệu quả thì người hưng long pháp đạo, phong tục thuần thiện chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt. Còn như kẻ xuất gia làm Tăng hòng giữ gìn đạo pháp Như Lai và lập bày cách để lưu thông đạo pháp; nếu người ấy lập chí hướng thượng, phát đại Bồ Đề, nghiên cứu Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, rộng học Tam Học[47] nhưng riêng khen ngợi Tịnh Độ thì trong một đời sẽ mau thoát khỏi khổ luân, người như vậy chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt.

Nếu là kẻ hơi có tín tâm, không có đại chí, muốn dựa vào cái danh làm Tăng để ăn không ngồi rồi, sống bám Phật pháp, mang danh Phật tử, chứ thật sự chỉ là gã trọc đầu. Dẫu không tạo ác nghiệp nhưng đã là hạt giống hư hoại nơi pháp, là phế nhân của đất nước. Nếu còn phá giới tạo nghiệp, nhục lây Phật pháp, dẫu sống trốn được phép nước, lúc chết quyết định đọa địa ngục. Đối với pháp, đối với bản thân, cả hai vô ích. Một kẻ như thế còn chẳng được, huống chi là nhiều!

[47] Tam Học: tức Giới, Định, Huệ.

Cổ nhân nói: *"Xuất gia là chuyện của bậc đại trượng phu, kẻ quan cao lộc cả không thể làm được"*[48] không phải là ức chế kẻ quan cao lộc cả đề cao Tăng Già đâu! Là vì gánh vác gia nghiệp của Phật, nối tiếp Phật huệ mạng, không phải là kẻ phá vô minh hòng khôi phục bản tánh, hoằng dương đạo pháp hòng lợi lạc chúng sanh sẽ không thể làm được. Nay kẻ làm Tăng đa số là hạng bỉ lậu, bại hoại, vô lại, mong sống thảnh thơi, nhàn nhã, những kẻ chỉ trì trai niệm Phật còn chưa được mấy, huống gì là những người có thể gánh vác gia nghiệp, nối tiếp huệ mạng?

Phật pháp ngày nay lụn bại sát đất là vì Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) không xét thời cơ, ngửa tuân theo quy chế nhà Phật, bỏ lệ Thí Tăng của triều đại trước, vĩnh viễn miễn độ điệp[49], cho tùy ý xuất gia, gây nên sai lầm. Phàm tùy ý xuất gia đối với người thượng thượng căn thì có lợi ích lớn, nhưng với kẻ hạ căn lại có hại lớn. Nếu như đời toàn là thượng sĩ thì cách thức ấy cố nhiên hữu ích cho đạo pháp. Nhưng bậc thượng sĩ như vẩy lân, kẻ hạ căn như lông bò, lợi ích tạm thời khi ấy (trong khoảng đầu nhà Thanh đến thời Càn Long, thiện tri thức như rừng, nên có ích), họa lan rộng đến hậu thế. Tới nay, sự lạm dụng, xô bồ đến mức cùng cực, dẫu có tri thức chỉnh đốn một phen, cũng chẳng biết bắt đầu từ đâu, chẳng đáng buồn ư?

Từ rày về sau người cầu xuất gia, thứ nhất phải là thật sự phát tâm đại Bồ Đề lợi mình, lợi người, thứ hai là phải có thiên tư hơn người thì mới được xuống tóc. Nếu không, không được! Nếu là nữ nhân có tín tâm, nên bảo họ tu hành tại gia, muôn vàn chẳng cho xuất gia. E rằng có chuyện sai xẩy đến nỗi ô bại Phật môn chẳng nhẹ vậy! Người nam nếu là chân tu, xuất gia càng dễ, vì có thể tham phỏng tri thức, y chỉ tùng lâm. Nữ dẫu chân tu xuất gia vẫn khó, bởi hành động dễ chuốc lấy miệng đời gièm báng, mọi việc thường khó lòng tùy ý được. Chọn lựa thế độ như trên, chẳng độ ni chúng chính là hộ trì Phật pháp trong đời Mạt, là yếu nghĩa bậc nhất để chỉnh lý pháp môn. Mong hãy tha thiết nói với lệnh sư[50] và hết thảy những vị Tăng quen biết thì công đức sẽ vô lượng vô biên. Mong lắm thay, mong lắm thay!

---

[48] Nguyên văn: *"Xuất gia nãi đại trượng phu chi sự, phi tướng tướng sở năng vi"*. Trong bài giảng Sa Di Luật Nghi Yếu Lược, Hòa Thượng Tịnh Không giảng chữ Tướng thứ nhất là tướng quân, chữ Tướng thứ hai là tể tướng. Ngài nói Tướng Tướng ở đây có nghĩa là người cao sang, quyền uy tột bậc.

[49] Thời Minh quy định Tăng sĩ phải trúng tuyển khoa thi sát hạch về kinh điển, giới luật. Ai trúng tuyển sẽ được cấp giấy chứng nhận gọi là độ điệp. Ai thi hỏng bị đuổi về nhà làm dân.

[50] Lệnh sư: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng thầy người khác.

11. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ nhất)

Kể từ khi quen biết đến nay, chớp mắt đã sáu năm, chẳng những tinh sương đã mấy lượt thay đổi, mà quốc lịch cũng chẳng còn y như cũ[51]. Tướng thế gian vô thường, thật đáng than thở. Nhận được thư, biết ông không phế Tịnh nghiệp, thật quá tốt đẹp, nhưng ông nói thân tâm đến nỗi chẳng an. Vì cảnh ngộ không tốt mà đến nỗi bất an hay sao? Hay là bệnh tật triền miên, nên đến nỗi bất an vậy?

Nếu do cảnh ngộ không tốt thì hãy lùi một bước, suy nghĩ, thử nghĩ coi trong đời kẻ hơn được mình cố nhiên là nhiều, nhưng những người không được như mình cũng chẳng ít! Chỉ cần không đói, không rét, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo mạng trời, tùy ngộ nhi an (an vui theo cảnh duyên). Như thế sẽ chuyển được phiền não thành Bồ Đề, há chẳng thể chuyển ưu khổ thành an lạc ư?

Nếu bị tật bệnh dây dưa thì hãy đau đáu nghĩ thân này là gốc khổ, sanh lòng nhàm lìa hết mức, ra sức tu Tịnh nghiệp, thề cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy, nên thành Phật đạo. Chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly. Phải biết phàm phu đầy dẫy phiền não, nếu không khổ vì bần cùng, tật bệnh v.v... ai có thể sẽ không suốt ngày rong ruổi trong trường thanh sắc, danh lợi, ai chịu trong lúc đắc ý lừng lẫy, quay đầu nghĩ đến lúc chìm đắm trong tương lai? Mạnh Tử nói: *"Trời vì muốn giao phó trách nhiệm lớn lao cho người nào thì trước hết phải làm khổ tâm chí, nhọc nhằn gân cốt người ấy, khiến thân người ấy đói khát, thân thể trống thiếu, gây nên những điều trái ngược với những gì người ấy làm. Do vậy, nẩy sanh tánh Nhẫn, tăng thêm [khả năng làm được] những điều người ấy không thể làm"*. Do vậy, biết rằng: Trời muốn thành tựu người thường hay tạo ra nghịch cảnh, con người chỉ nên thuận theo mạng trời là được.

Cái gọi là *"trách nhiệm lớn"* như Mạnh Tử đã nói chính là tước vị thế gian, vậy mà còn phải lo âu, nhọc nhằn như thế mới chẳng phụ lòng trời. Huống chi chúng ta là phàm phu sát đất, muốn trên thì gánh vác gia nghiệp của đấng Pháp Vương, dưới hóa độ pháp giới hữu tình, nếu không bị chút nghèo - bệnh vùi dập thì phàm Hoặc ngày càng lẫy lừng, Tịnh nghiệp khó thành, mê muội bản tâm, vĩnh viễn đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không mong có lúc thoát ra. Cổ đức từng nói: *"Chẳng trải một phen lạnh buốt xương, há được hoa mai thơm ngát mũi",* chính là nói về điều này vậy. Hãy nên chí tâm niệm Phật để

[51] Tinh sương: chỉ thời gian năm tháng. Cả câu ý nói: Không những thời gian đã thay đổi mà chế độ cũng khác xưa.

tiêu nghiệp cũ, trọn chẳng nên khởi lòng bực bội, lo nghĩ, oán trời hận người, cho là nhân quả hư huyễn, Phật pháp không linh.

Phải biết: Chúng ta từ vô thỉ đến nay, ác nghiệp đã tạo vô lượng vô biên. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi*", huống gì tu trì lơ là, hờ hững, há có thể tiêu hết được nổi ư? Do vậy, Thích Ca, Di Đà, hai vị giáo chủ hai cõi, đau đáu nghĩ chúng sanh không sức đoạn Hoặc, riêng mở ra pháp môn cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh này. Lòng từ, đại bi sâu thẳm, dẫu trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể ví bằng một phần Hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng hổ thẹn, phát tâm sám hối, sẽ được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an. Nếu bệnh khổ đến mức dữ dội, chẳng thể nhẫn chịu được, thì ngoài lúc niệm Phật hồi hướng sáng tối ra, hãy chuyên tâm dốc ý, niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Âm hiện thân trong sát-na, tầm thanh cứu khổ. Người nào trong lúc nguy cấp, nếu có thể trì tụng, lễ bái, không khi nào không thuận theo lòng cảm mà ứng, Bồ Tát liền rủ lòng từ che chở khiến cho thoát khỏi khổ não, được an vui.

Một pháp Niệm Phật là pháp giản dị nhất, dễ dàng nhất, rộng nhất, lớn nhất, nhưng phải khẩn thiết, chí thành đến cùng cực mới có thể cảm ứng đạo giao, được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Nếu biếng trễ, lười nhác, không mảy may kính sợ, dẫu gieo được viễn nhân, nhưng cái tội khinh nhờn khó thể tưởng được nổi. Dẫu cho được làm người, sanh lên trời, trọn khó thể dự vào hải hội. Đối với tượng Phật nên coi như là Phật thật, chẳng thể xem như đất, gỗ, đồng, sắt v.v... Kinh điển là thầy của tam thế chư Phật, như xá-lợi của Pháp Thân Như Lai, cũng nên xem như Phật thật, chẳng được coi như giấy, mực v.v... Lúc đối trước kinh tượng, nên như trung thần thờ thánh vương, như con hiếu đọc di chúc. Làm được như thế thì không nghiệp chướng nào chẳng tiêu, không phước huệ nào chẳng đủ. Nay những sĩ đại phu học Phật thì nhiều, nhưng thảy đều là đọc kinh văn, hiểu ý nghĩa, lấy đó để ăn nói, hòng được tiếng là một tay thông gia mà thôi. Còn như cung kính chí thành, y giáo tu trì, thật khó được mấy kẻ!

Tôi thường nói: *"Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước huệ một phần. Có mười phần cung kính, thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước huệ mười phần. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm"*. Than ôi! Hễ gặp bạn tri giao, hãy nên ra rả đem lời này bảo cho họ biết, không còn pháp thí nào lớn hơn. Pháp môn Tịnh Độ nếu tin đến nơi, còn tốt chi bằng! Nếu trí mình chưa tỏ, hãy nên ngửa tin lời thành thật của chư Phật, chư Tổ, trọn đừng có một niệm nghi tâm. Hễ nghi ắt trái nghịch Phật, lâm chung chắc chắn khó thể cảm thông. Cổ nhân nói: *"Pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo.*

Đăng Địa Bồ Tát[52] *còn chẳng thể biết được chút phần"*. Ôi! Đăng Địa Bồ Tát còn chẳng thể biết trọn vẹn, nữa là phàm phu sát đất vọng sanh ức đoán ư?

Nếu muốn nghiên cứu, nên xem sách Tịnh Độ Thập Yếu. Cuốn sách này do Ngẫu Ích đại sư chọn lấy những tinh hoa trong các sách Tịnh Độ, khéo léo khế hợp thời tiết và căn cơ, thật là bậc nhất. Mở đầu sách là Di Đà Yếu Giải, kể từ khi đức Phật nói kinh này đến nay, trong Tây Thiên, Đông Độ, là bản chú giải có một không hai, nên khéo tuân thủ, chớ nên xem thường. Nay người thông minh tuy học Phật pháp, do chưa thân cận bậc thiện tri thức có đủ hai mắt, thảy đều chuyên trọng Lý Tánh, bác bỏ Sự Tu[53] và nhân quả. Đã bác Sự Tu, nhân quả thì Lý Tánh cũng mất. Do vậy thường có những kẻ tài cao, ngôn từ kinh khiếp quỷ thần, xét đến hành vi chẳng khác gì gã vô tri vô thức đầu đường xó chợ. Gốc bệnh đều là do phế Sự Tu, nhân quả mà nên nỗi, khiến bậc thượng trí nẩy lòng xót thương, kẻ hạ ngu dựa theo đó làm xằng. Đấy đúng là dùng thân báng pháp, tội lỗi vô lượng.

Sách Pháp Uyển Châu Lâm (một trăm quyển. Chùa Thiên Ninh ở Thường Châu phân thành ba mươi tập. Mã Não Kinh Phòng ở Tô Châu chia thành hai mươi bốn tập. Bản của Mã Não Kinh Phòng hư nát, mờ mịt. Bản của chùa Thiên Ninh là khắc mới) bàn luận chi tiết về nhân quả, Lý - Sự cùng nêu, rành mạch phân minh. Đọc đến khiến người không lạnh mà rét buốt; dẫu ở trong nhà tối, phòng kín thường như đối trước Phật, trời, chẳng dám chớm một tí ác niệm. Thượng, trung, hạ căn trọn chẳng đến nỗi nhận lầm đường nẻo, chấp Lý phế Sự, xuôi theo cái tệ thiên tà cuồng vọng. Ngài Mộng Đông nói: *"Người khéo bàn tâm tánh ắt chẳng lìa nhân quả. Người tin sâu nhân quả, cuối cùng ắt hiểu được thấu suốt tâm tánh. Lẽ tất nhiên là phải như vậy"*. Mấy lời này của ngài Mộng Đông đúng là lời bàn luận chí lý ngàn đời chẳng thay đổi được, mà cũng là nhát kim đâm xuống đỉnh đầu bọn rông rỡ cuồng huệ vậy. Sách này các chỗ phát hành kinh sách đều có, hãy nên thỉnh về xem. Lợi ích nên tự biết, cũng nên làm cho hết thảy tri giao đều đọc sách ấy. Lệnh đệ[54] mùa Thu năm ngoái lên núi, tôi cũng từng đem thuyết cung kính khuyên lơn, nhưng không biết anh ta có coi lời tôi là đúng hay không?

12. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ hai)

Nhận được thư, đọc thư thấy tinh thần vui sướng. Cừ Bá Ngọc[55] khi năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước sai trái. Khổng Tử tuổi gần bảy mươi

[52] Đăng Địa Bồ Tát: Hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên.
[53] Sự tu: tu hành nơi mặt sự tướng,
[54] Lệnh đệ: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng em trai người khác.
[55] Cừ Bá Ngọc: Người đời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Vệ, là đệ tử của Khổng Tử (theo tự điển Từ Hải)

còn muốn trời cho sống thêm vài năm để học xong kinh Dịch ngõ hầu khỏi mắc lỗi lớn. Cái học của thánh nhân chưa bao giờ chẳng đặt rốt ráo nơi khởi tâm động niệm. Vào thời gần đây, Nho gia chỉ học từ chương, chánh tâm thành ý gác lại chẳng giảng. Tuy hằng ngày đọc sách thánh hiền, trọn chẳng hiểu cái ý để lại sách răn đời của thánh hiền. Những gì miệng họ nói, những gì thân họ làm cùng với ngôn ngữ, hành vi của hiền thánh khác nào tối - sáng chẳng hòa, tròn - vuông chẳng khớp vậy. Hiếm hoi thay những ai rảnh rang học hỏi cho thấu suốt những lẽ ẩn vi!

Kinh Phật dạy người thường hành sám hối ngõ hầu đoạn sạch vô minh, viên thành Phật đạo. Tuy địa vị đến bậc Đẳng Giác như Di Lặc Bồ Tát vẫn trong mười hai thời lễ mười phương chư Phật để mong hết sạch vô minh, viên chứng Pháp Thân, huống gì những kẻ thấp hơn! Thế nhưng phàm phu sát đất khắp thân là nghiệp lực, chẳng sanh hổ thẹn, chẳng tu sám hối; tuy nhất niệm tâm tánh bình đẳng với chư Phật, nhưng do phiền não ác nghiệp chướng lấp nguồn tâm, chẳng thể hiển hiện. Ví như tấm gương báu tròn lớn bao kiếp bụi phủ, chẳng những trọn không có ánh sáng mà chất đồng cũng không hiển hiện được. Nếu biết bản thể cái gương bị bụi lấp ấy có đủ ánh sáng soi trời chiếu đất, ra sức chùi mài, ngày lại qua ngày, đổ công chẳng thôi, chất đồng tự lộ, lại càng gia công, quang minh dần dần lộ ra. Quang minh tuy đã phát, nhưng chùi mài càng thêm sốt sắng, lực cực công thuần, chất dơ hết, ánh sáng hiện, soi trời chiếu đất, là vật quý nhất trong thế gian. Phải biết quang minh ấy gương vốn sẵn đủ, chẳng phải do mài mà có. Nếu không sẵn có, do mài mà có thì mài gạch mài đá lẽ ra cũng phải tỏa ánh sáng.

Thêm nữa, phải biết: Quang minh ấy gương tuy sẵn có, nhưng không chùi sẽ vĩnh viễn chẳng có ngày tỏa sáng. Tâm tánh chúng sanh cũng giống như thế, dẫu bình đẳng với Phật. Nếu chẳng cải ác tu thiện, trái nghịch trần lao, hiệp theo giác thì tánh có đủ công đức sẽ trọn chẳng thể phát hiện. Dùng tâm thức sẵn đủ Phật tánh để tạo nghiệp khổ trầm luân bao kiếp dài lâu, khác nào chạm phải vật báu trong nhà tối, chẳng những không thể thọ dụng, trái lại còn đến nỗi bị tổn thương, đáng buồn làm sao!

Một pháp Niệm Phật chính là trái nghịch trần lao, hiệp với tánh giác, là diệu pháp bậc nhất để phản bổn quy nguyên; đối với thân phận người tại gia lại càng thân thiết. Do người tại gia thân vướng lưới thế gian, công việc đa đoan, nhiếp tâm tham thiền và tịnh thất tụng kinh v.v…thì hoặc là do tình thế chẳng thể làm, hoặc sức không làm xuể. Chỉ một pháp Niệm Phật là thuận tiện nhất. Sáng tối đối trước Phật tùy phận, tùy lực, lễ bái trì niệm, hồi hướng phát nguyện. Ngoài ra, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, hết thảy thời, hết thảy chỗ đều khéo niệm. Nhưng nếu ở nơi sạch sẽ, lúc cung kính thì hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm đều được. Nếu đến nơi không sạch sẽ (như

vào nhà xí v.v…) hoặc lúc không cung kính (như ngủ nghỉ, tắm rửa v.v…) thì nên niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Không đúng thời, không đúng chỗ chớ nên niệm [ra tiếng]. Lúc ngủ niệm ra tiếng thì chẳng những không cung kính mà lại còn tổn khí, lâu ngày thành bệnh. Công đức niệm thầm cũng giống như lúc bình thường. Đó gọi là niệm đâu tâm đó, gấp rút cũng như thế, lúc khốn khổ cũng như thế.

Cư sĩ đã có thể phát lộ sám hối, dễ tương ứng nhất đối với pháp môn Tịnh Độ. Đấy chính là *"tâm tịnh cõi nước tịnh"*. Nhưng đã biết lỗi, lại chịu phát lộ sám hối, ắt phải cải ác hướng thiện. Nếu chẳng đổi ác hướng thiện thì nói đến sám hối chỉ là bàn xuông, chẳng được lợi ích thật sự. Còn như nói muốn cho tâm chẳng tham sự bên ngoài, chuyên niệm Phật, nhưng không thể chuyên, cứ muốn chuyên chuyện khác, chẳng thể niệm, cứ niệm chuyện khác, chẳng thể nhất tâm, cứ muốn nhất tâm nơi khác v.v…thì cũng không có pháp tắc áo diệu chi khác: Chỉ đem một chữ Chết dán trên trán cho rủ xuống tận mày, tâm thường niệm rằng:

- Tôi tên là… từ vô thỉ mãi cho đến đời này đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Nếu như ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng. Đời trước do may mắn nào nay được thân người, lại nghe Phật pháp. Nếu không nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, một khi hơi thở ra không hít vào, chắc chắn hướng vào trong địa ngục, vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao mà thọ khổ chẳng biết bao nhiêu kiếp. Dẫu ra khỏi địa ngục, lại đọa vào ngạ quỷ, bụng to như biển, họng bé như kim, bao kiếp dài lâu đói khát, trong họng lửa cháy, chẳng nghe đến tên nước, nước trái ép, khó được tạm no. Dẫu thoát khỏi ngạ quỷ, lại làm súc sanh để cho người cưỡi, hoặc gieo thân vào nhà bếp của người. Dẫu được thân người, ngu si vô tri, lấy tạo nghiệp làm đức năng, coi tu thiện như gông cùm, không biết mấy mươi năm, rồi lại đọa lạc không biết bao nhiêu trần điểm kiếp luân hồi lục đạo. Tuy muốn xuất ly chẳng có cách nào.

Niệm được như thế thì những sở cầu như trên sẽ được thành tựu ngay. Do vậy, Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền đích thân thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Trong trăm ngàn vạn ức pháp môn khác của giáo pháp suốt một đời đức Phật không hề thấy có lợi ích như thế. Tôi thường nói: *"Chúng sanh trong chín pháp giới lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh"*, là nói về điều này. Nếu tâm sanh tử quả thật khẩn thiết, tin đến nơi, tâm chẳng sanh một niệm nghi hoặc, thì tuy chưa ra khỏi Sa Bà, đã không còn là khách lâu ngày của Sa Bà nữa. Chưa sanh về Cực Lạc, nhưng đã là khách quý chốn Cực Lạc. Thấy người hiền mong được bằng, gặp việc nhân chẳng nhường ai, há chịu lần chần, biếng trễ, coi thường để

đến nỗi lầm lỡ một phen trở thành lầm lỡ vĩnh viễn ư! Trượng phu có huyết tánh trọn chẳng chịu sống làm thịt đi thây chạy, chết mục nát cùng cỏ cây. Gắng lên, gắng lên!

Thêm nữa, niệm Phật cố nhiên quý ở chuyên nhất; nhưng cư sĩ trên có cha mẹ, dưới có vợ con, những chuyện lo toan ngoài bổn phận vọng động mong được giàu vui, quả thật không nên. Còn những chuyện thuộc bổn phận phải làm, càng nên gắng sức làm, đừng vứt bỏ hết thảy thì mới là tu hành. Nếu vứt bỏ hết thảy mà chẳng khuyết chuyện nuôi nấng cha mẹ, vợ con thì được. Nếu không, liền thành trái nghịch với hiếu đạo; tuy nói là tu hành, nhưng thật sự trái nghịch lời Phật dạy, điều này lại chẳng thể không biết! Lại phải đem lợi ích của pháp môn Tịnh Độ khuyên cha mẹ, khiến cho họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu họ tin nhận vâng làm, lúc lâm chung quyết định vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì ngay lúc ấy siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cao dự hải hội, thân cận Di Đà, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Cái hiếu của thế gian làm sao sánh bằng được! Nếu lại có thể đem chuyện này bảo khắp đồng nhân, khiến cho cha mẹ của họ đều được vãng sanh thì công đức giáo hóa ấy quy về mình, khiến cho phẩm vị của mình và của cha mẹ càng cao hơn. Kinh Thi có câu: *"Hiếu tử chẳng nghèo, vĩnh viễn ban cho ngươi"*. Muốn hiếu với cha mẹ hãy nên suy nghĩ sâu xa, tận lực thực hành.

13. Thư trả lời cư sĩ Đặng Tân An

Mùa Xuân năm nay lệnh huynh gởi thư đến, xem ý khẩn khoản thiết tha. Do vậy, Quang tôi chẳng nề mình bỉ lậu, trình bày đại lược. Đến khoảng tháng Tư lại gởi một lá thư, nêu lỗi tự trách, xin chỉ cho những điều trọng yếu, khá phù hợp hạnh khắc kỷ, giữ lễ, thân cận thầy bạn. Quang tôi đọc xong, vui mừng khôn xiết. Nhân đấy, cũng phân tích trình bày cặn kẽ để trả lời. Nay nhận được thư của cư sĩ, tuy ngôn từ không nhiều, nhưng ý tứ cũng chẳng kém gì thư lệnh huynh cho mấy. Có thể nói là "anh lẫn em đều hy hữu". Thiên luân, Phật pháp đều là đồng khí liền cành, nếu không phải là nhiều kiếp cùng trồng thiện căn, đồng tu tịnh hạnh, há được như thế!

Nay cư sĩ có những câu hỏi về lợi ích, Quang tôi thật khó phúc đáp. Vì sao? Do cư sĩ chí lớn, cái biết của Quang tôi lại nhỏ nhoi. Lớn - nhỏ chẳng phù hợp nhau, căn cơ - giáo pháp chẳng khế hợp! Tuy nhiên, trong Nhất Thừa Thật Tướng, tìm tướng lớn hay nhỏ trọn chẳng thể được! Trong cái bất khả đắc ấy, nếu nêu ra cái lớn thì lớn là pháp giới, hết thảy pháp hướng về cái lớn, không vượt qua được. Nói đến nhỏ thì nhỏ là pháp giới, hết thảy pháp đi về cái nhỏ, không lọt ra được. Quang tôi biết pháp nhỏ, chính là pháp bao gồm pháp của hết thảy chư Phật trong mười pháp giới.

Thiện Đạo hòa thượng nói: *"Nếu muốn học Giải thì từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, hết thảy các pháp không pháp nào chẳng nên học. Nếu muốn học Hạnh thì nên chọn lấy một pháp khế lý, khế cơ, tinh chuyên ra sức mới mau chứng được lợi ích thật sự. Nếu không, dầu trải kiếp này sang kiếp khác vẫn khó được xuất ly"*. Nói đến pháp khế lý khế cơ thì không gì bằng tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Pháp ấy được giảng đầy đủ trong sách Di Đà Yếu Giải và các sách Tịnh Độ. Hãy tìm lấy đầu mối, pháp này không quá rườm rà. Phải biết Phật pháp chính là pháp chung của mười pháp giới, không một ai chẳng nên tu, cũng không một ai chẳng thể tu.

Ai nói Phật giáo vứt bỏ nhân luân, hại thánh đạo thì đều là kẻ chưa thấy màu sắc mà bàn luận mù quáng. Do đâu mà nói như thế? Phật đối với cha dạy từ, đối với con dạy hiếu, đối với vua dạy nhân, đối với bầy tôi dạy trung, phu xướng phụ tùy, anh nhường em kính, mọi lời lẽ tốt đẹp, mọi hạnh tốt lành trong Thế Đế kinh Phật không gì không trình bày rõ ràng nhân đời trước, quả đời này, nhân đời này, quả đời sau. Những lời dạy về từ, về hiếu v.v… giống với Nho Gia, nhưng giảng tường tận về nhân quả ba đời thì trong Nho Giáo còn chưa nghe đến, huống chi chuyện đoạn Hoặc chứng Chân, viên mãn Bồ Đề, quy về pháp vô sở đắc! Tiếc cho kẻ ấy chưa thấy, nếu đọc kỹ, nghĩ sâu, ắt sẽ đau buồn trào lệ, tiếng rền cả đại thiên thế giới, buồn tiếc cho tội lỗi báng Phật.

Tuy nhiên, dùng lời lẽ để báng bổ, tội ấy còn nhỏ; dùng thân để báng tội ấy lớn lắm. Nay miệng bàn Đại Thừa, tự cho mình ngộ đạo: "Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật nữa! Phiền não chính là Bồ Đề, cần gì phải đoạn phiền não! Dâm - nộ - si chính là Giới - Định - Huệ, cần gì phải đoạn dâm - nộ - si?" Do vậy, lời nói cao vót chín tầng mây, hạnh thấp tệ xuống tuốt chín tầng đất. Những hạng như vậy gọi là oán gia của nhà Phật; so với những kẻ không biết gì về Phật pháp mà hủy báng tội càng sâu hơn vạn phần. [Kẻ ấy] từng nghiên cứu Phật pháp không phải là hoàn toàn vô ích, nhưng chỉ tạo thành cái nhân đắc độ trong tương lai. Cái tội dùng thân để báng pháp không biết trải bao kiếp, trong tam đồ chịu các tội khổ.

Cư sĩ nên lấy việc nghiên cứu kinh luận Đại Thừa khai viên đốn giải để dẫn đường, lấy tín nguyện trì danh cầu sanh Tây Phương làm Chánh Hạnh. Còn nếu chú tâm nơi hành sự, e làm quá mức không biết, phước tiêu không hay. Nên đọc kỹ bộ An Sĩ Toàn Thư và bộ Pháp Uyển Châu Lâm, sẽ tự nhiên với mỗi pháp, mỗi sự biết được pháp tắc, tâm tâm niệm niệm không đến nỗi trái vượt. Nếu như sợ mình xem xét không đến nơi, hãy nên thực hành theo Công Quá Cách của Phù Hựu Đế Quân sẽ siêu phàm nhập thánh, đoạn Hoặc chứng Chân. Tại Chấn Đán Trung Quốc sẽ tôn ông là bậc nhất. Công Quá Cách là do Vân Cốc thiền sư đời Minh truyền cho ông Viên Liễu Phàm. Chớ cho sách ấy vụn vặt rồi coi thường. Lệnh huynh nhiều lần viết thư cho biết sách ấy đối với thân

tâm tánh mạng có lợi ích lớn lao. Không tự oán, tự đoạn như thế, trọn khó thể khắc kỷ, giảm lỗi. Nay gởi kèm [sách ấy] theo thư này, chỉ mong cư sĩ cũng giống như lệnh huynh tự mình oán thì tự mình đoạn, ngõ hầu sau này đoạn Hoặc chứng Chân, viên mãn Bồ Đề mà thôi.

14. Thư gởi cư sĩ Lưu Đình Thành ở Phước Kiến

Chư Phật vốn do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời. Đại sự nhân duyên vừa nói đó không có gì khác hơn là muốn cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, ngay đó thành Phật mà thôi! Do vì căn tánh chúng sanh bất nhất, nên giáo pháp của Như Lai muôn vàn sai khác. Do vậy, giáo pháp cả một đời tùy cơ diễn sướng. Pháp môn tuy rộng nhiều như cát bụi, nhưng hành nhân y giáo tu trì, rốt ráo quy nguyên, đều chứng tự tánh chính nơi tâm mình. Nhưng trong trần sa pháp môn, tìm lấy pháp chẳng lìa Sự tu, phô bày trọn vẹn tâm tánh, trùm khắp ba căn, lợi độn cùng thâu, thượng thượng căn chẳng vượt được ải này, hạ hạ căn cũng đến được nơi ấy, cao trỗi hết thảy Thiền, Giáo, Luật, thống nhiếp hết thảy Thiền, Giáo, Luật, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh, thuận lợi nhất trong đời Mạt Pháp, vượt thẳng ngũ trược thì không gì thù thắng siêu tuyệt như pháp trì danh Niệm Phật của Tịnh Độ.

Quả thật có thể nói là chúng sanh trong chín pháp giới lìa pháp này trên chẳng thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp này dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Do vậy, ngàn kinh muôn luận nơi nơi chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về như các ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, vạn dòng nước chảy về Đông. Cư sĩ đã tin sâu niệm Phật, nhưng nếu chưa tham học với Tịnh nghiệp thiện tri thức, lại không đọc rộng các kinh luận Tịnh Độ thì lòng tin chân thành, nguyện thiết tha do đâu mà phát sanh cho được? Dẫu có thể chấp trì danh hiệu, nhưng vì chẳng cầu xuất ly, liền thành cái quả nhân thiên, thọ hưởng si phước. Do phước tạo nghiệp, lại chìm trong ác đạo. Nếu đường nẻo vẫn không đúng, lạc vào tà kiến thì thiện nhân lại chiêu ác quả, phước báo nhân - thiên còn chưa thể được, bao kiếp khó thoát khỏi sự khổ cùng cực trong A Tỳ. Ví như vào biển đã không có hoa tiêu, lại thiếu la bàn, trôi nổi trong sóng cuồng, sóng lớn, mịt mờ chẳng biết đi về đâu! Dẫu có thể chèo chống, lèo lái, khó khỏi bị chìm đắm. Quang thuở nhỏ ít học, lớn lên vô tri, chỉ với pháp Tịnh Độ còn hơi rành rẽ, cảm lòng thành của ông, nay đem những điều thiết yếu nhất của kinh luận Tịnh Độ giới thiệu sơ lược một hai điều, mỗi điều chỉ nêu đại ý. Nếu có thể quay về mà cầu, tâm lãnh hội, tinh thần thể hội, ắt sẽ múa tay giậm chân mà không biết, vượt xa kẻ ngu cứ nói lem lém.

15. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ nhất)

Ông Tạ Ân Quang lên núi cầm theo thư của các hạ. Mở ra xem thấy tâm mộ đạo khẩn thiết, nguyện lực rộng lớn, thề mong thâm nhập, nhưng chẳng cho chút ít là đủ, tôi mừng vui vô lượng. Còn như quá khen ngợi Bất Huệ khiến người hổ thẹn khôn cùng. Các hạ muốn liễu sanh tử đại sự, nhưng tuổi tác đã gần tri mạng[56], tháng ngày còn lại không nhiều, lại không có tri thức, bạn bè hữu ích để thân cận. Nhưng không chuyên tu Tịnh nghiệp, nhất tâm niệm Phật, lại muốn nghiên cứu rộng rãi nghĩa lý áo diệu và điển cú của các kinh, dường như là vì chưa biết sâu xa duyên do của Tịnh Độ vậy. Hãy nên đến chùa Hoa Nghiêm mượn đọc bộ Tịnh Độ Thập Yếu và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, lắng lòng đọc kỹ, ắt tự biết chỗ hướng về.

Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là vị lai chư Phật. Giết để ăn sao nuốt cho trôi? Nếu biết nghĩa này, dẫu táng thân mất mạng cũng chẳng thể ăn hết thảy loại thịt. Nhưng Phật dạy người khéo dẫn dụ dần dần, với bậc thượng căn liền dạy đoạn hoàn toàn. Với trung hạ căn bèn dạy giảm dần cho đến khi hoàn toàn đoạn được.

Bài văn Phát Nguyện tuy văn từ rộng sâu, nhưng phải chân thật từ tâm mà phát, vậy mới gọi là Nguyện. Nếu không, tâm và miệng trái nghịch nhau, sao gọi là Nguyện cho được? Với cái nguyện trong đời này tuy cũng không trở ngại, nhưng muốn sanh con cháu phước huệ, phải cầu nơi tích tụ âm đức lớn lao, rộng hành phương tiện. Huống chi các hạ năm nay tuổi đã bốn mươi tám, đã cưới ba vợ, nhưng chỉ sanh con gái, cho thấy đời trước đời này đều kém tài bồi. Nay muốn chuyển hồi lòng trời, ắt phải chân thật sửa lỗi làm lành như tiên sinh Viên Liễu Phàm cuối đời Minh đã dốc sức thực hiện vậy, trọn chưa có ai không được cảm ứng, thỏa mãn điều nguyện. Lại đừng nói nhà mình bần hàn, chẳng thể rộng tích âm đức, rộng hành phương tiện. Phải biết: Ba nghiệp thân - miệng - ý đều ác thì không gì ác lớn hơn. Nếu như ba nghiệp đều thiện thì không gì tốt lành lớn lao hơn!

Đối với kẻ ngu không tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng, ương bướng cứng đầu, hãy theo những gì An Sĩ Toàn Thư đã giảng mà diễn nói khiến cho họ bắt đầu tin nhân quả dần dần, lần hồi sẽ tin sâu Phật pháp, cuối cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Một người như thế công đức còn vô lượng vô biên, huống chi nhiều người. Nhưng chính mình tận lực thực hành không sai sót mới hòng cảm hóa người chung quanh. Vợ con mình nếu tin nhận, phụng hành, người khác nhìn vào thấy là thiện, há có phải vì

[56] Tuổi tri mạng: năm mươi tuổi, do câu nói "ngũ thập tri thiên mạng" nên thường gọi tuổi năm mươi là tuổi tri mạng.

nhiều của cải ư? Chỉ cầu không đói, không rét, mong chi phát tài cự vạn? Để cho con một rương vàng đầy không bằng dạy cho con một quyển kinh. Tổ đức bị khuyết, bèn thẹn đến chết; tổ nghiệp dù bị khuyết, nào thương tổn gì?

Nhưng đến giờ đây, thân không còn nhiều ngày tháng nữa, nghĩ muốn nhanh chóng khôi phục [tổ nghiệp], uổng sanh vọng tưởng, trọn không có lợi ích thật sự gì. Hãy nên tùy duyên qua ngày chính là tri mạng, vui theo lẽ trời. Sống vừa thọ vừa khỏe trong đời, chỉ thuận không nghịch, người đời ai không mong được vậy, nhưng người được như thế rất ít, người không được thật nhiều. Do đời trước, đời này, không vun bồi lớn lao, không nhân chẳng thể có được quả vậy. Nay các hạ muốn sanh Tây Phương liễu sanh tử, hãy nên nguyện thần thức của cao, tằng tổ phụ mẫu[57] v.v… nương vào sức tu trì tịnh nghiệp tự hành, dạy người của chính mình liền được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Như vậy mới đáng gọi là "đại hiếu tôn thân" vậy. Còn như cúng tế tổ tiên chẳng dứt và khôi phục tổ nghiệp v.v… đều là cảnh giới thấy biết thiển cận của khắp phàm tình thế gian.

Hơn nữa, cầu sanh Tây Phương không được sợ chết. Nếu chết ngay ngày hôm nay thì hôm nay bèn sanh về Tây Phương, như câu nói*: "Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ"* (Buổi sáng nghe đạo, tối chết cũng được); há đâu hôm nay phải chết lại chẳng muốn chết. Đã tham luyến trần cảnh, chẳng thể buông xuống, bèn do tham thành chướng, cảnh Tịnh Độ không hiện, cảnh giới theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác bèn hiện. Cảnh hiện sẽ theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác vậy. Chuyện vãng sanh Tây Phương bèn thành bánh vẽ! Vì thế, người tu Tây Phương hôm nay chết cũng được, dẫu phải sống tới một trăm hai mươi tuổi mới chết cũng xong. Hết thảy phó mặc nghiệp trước, chẳng vọng sanh so đo. Nếu tín nguyện chân thành, thiết tha, khi báo hết mạng tận, thần thức bèn siêu nơi tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa chín phẩm, trong một đời được Phật thọ ký.

Lại nữa, người đời không con thường lấy thêm nhiều vợ lẽ, chẳng biết vun quén đức, tiết dục. Làm như vậy chính là cách để chết cho mau, chẳng phải là phương cách cầu con. Chuyện này liên quan đến phong hóa và thờ cúng tổ tiên, ai nấy đều mạo muội mà làm. Chuyện liên quan mối luân thường lớn lao của con người nên tôi cũng chẳng thẹn mà bàn bạc. Bất Huệ tôi người kém đức mỏng, trăm điều chẳng làm được một, ăn bám Phổ Đà, tạm kéo dài hơi tàn, không dám làm thầy cho người. Vì thế, trước kia ông Tạ Ân Quang cũng nói lời ấy, nhưng đều từ tạ chẳng nhận.

[57] Cao, Tằng, Tổ Phụ Mẫu: Tổ là đời ông bà, Tằng là đời bố mẹ của ông bà, tức Cố; Cao là bố mẹ của Cố, ta thường gọi là ông Sơ.

Các hạ quy y Tam Bảo thì hãy chọn lấy người phẩm hạnh đoan chánh, đàng hoàng ở chỗ mình, bái người ấy làm thầy bèn trở thành đệ tử của Như Lai. Từ đây về sau, trong thư từ chớ nhắc đến chữ 'quy y' nữa. Quê ngài đã không có người thông minh, Quang tôi tự thẹn đạo nghiệp chưa thành, chẳng dám làm thầy, nhưng vẫn tùy duyên khai thị. Ví như người không chân, một bước khó dời, ngồi yên giữa ngã ba, có người muốn về thẳng quê nhà, nhưng không biết đường lối, bèn chỉ cho người ấy đường đúng, mau về quê nhà. Người muốn về nhà ấy trọn chẳng vì người chỉ đường kia không đi được mà vứt bỏ lời ấy vậy.

16. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ hai)

Ông gởi thư cho biết đang lễ kinh Pháp Hoa, nhiếp tâm niệm Phật, và muốn bớt lỗi nhưng chưa thể, toan dựa theo Công Quá Cách để thường ngày kiểm điểm. Đủ thấy gần đây ông siêng năng tu, đáng cho tôi học theo, chẳng như người đời nay chỉ muốn mua danh chuốc dự, dối mình lừa người mới cam. May mắn thay, may mắn thay!

Lễ tụng trì niệm, các thứ tu trì đều phải lấy thành kính làm chủ. Nếu thành kính cùng cực thì công đức sẽ như trong kinh nói: *"Dẫu thuộc địa vị phàm phu, tuy chưa thể viên đắc, nhưng sở đắc của người ấy đã khó thể nghĩ bàn"*. Nếu không thành kính sẽ giống như diễn tuồng, khổ, sướng, buồn, vui đều là giả vờ, chẳng do nội tâm phát ra. Dẫu có công đức cũng chẳng thể vượt khỏi si phước trong nhân thiên mà thôi; nhưng ắt sẽ lại ỷ vào si phước ấy tạo ác nghiệp, cái khổ tương lai khi nào hết được? Hãy đem ý này bảo khắp bè bạn, ngõ hầu tu thì phải chân tu, hành thì phải thật hành, lợi ấy rộng khắp! Quy củ bái kinh [như ông] đã lập về Lý cố nhiên vô ngại, nhưng nếu luận về sự tướng, nếu lễ bái chung chung thì nên niệm Nam Mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, lễ xuống, tưởng bài kệ lễ kinh như sau:

Chân không pháp tánh như hư không,
Thường trụ pháp bảo nan tư nghị,
Ngã thân ảnh hiện pháp bảo tiền.
Nhất tâm như pháp quy mạng lễ
(Tạm dịch:
Chân không pháp tánh như hư không,
Pháp bảo thường trụ khó nghĩ bàn,
Thân con hiện bóng trước pháp bảo,
Nhất tâm như pháp quy mạng lễ)

Tưởng toàn bộ kinh văn phóng quang, và những vị Phật, Bồ Tát đã nói trong kinh đều phóng quang chiếu đến thân mình và pháp giới hữu tình. Nếu lễ từng chữ hãy niệm *"nhất tâm đảnh lễ Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh chữ…. Pháp Bảo*", lễ chữ nào niệm chữ đó, từ *"như thị ngã văn"* cho đến hết kinh đều niệm như vậy. Nhưng pháp quán tưởng thật chẳng phải là chuyện dễ. Nếu chẳng rõ thấu Lý và tâm thức rối loạn, rất có thể khởi lên các ma sự. Chỉ lấy chí thành cung kính làm chủ, quán được thì quán. Nếu không, cứ dốc cạn lòng thành đến cùng cực, cứ lễ thẳng ngay vào kinh thì cũng được công đức vô lượng.

Như ông lập chương trình [lễ kinh] là đối trước kinh mà lạy, lạy xuống tưởng bài kệ, ngẩng lên lại niệm Phật, quán Phật thì chẳng bằng thờ kinh trước tượng Phật, chuyên lễ một đức A Di Đà Phật cho chuyên tinh nhất trí. Chớ bảo duyên tưởng một vị Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tưởng nhiều vị Phật. Phải biết A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân, một mình Phật A Di Đà có đủ toàn thể công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu trọn khắp ngàn hạt châu, nêu lên một mà thâu trọn tất cả, chẳng thiếu, chẳng thừa. Nếu là bậc đại sĩ tu hành đã lâu thì cảnh duyên rộng lớn chẳng ngại, cảnh càng rộng tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mạt học mà duyên cảnh rộng thì tâm thức phân tán, nhưng chướng sâu huệ cạn rất có thể khiến cho các ma sự khởi lên. Vì thế, đức Phật Thế Tôn ta và chư Tổ các đời đều dạy nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là vì lý do này. Đợi đến khi nào niệm Phật chứng được tam-muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, thảy đều đầy đủ. Cổ nhân nói: *"Đã tắm trong biển cả ắt dùng nước trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên, cần gì hỏi Trường An chi nữa!"* có thể nói là hình dung [ý này] khéo nhất.

Còn như việc dứt ác tu thiện, cật lực kiểm điểm, xét mình thì tuy không gì hay hơn Công Quá Cách, nhưng nếu tâm chẳng lấy thành kính làm chủ, dẫu hằng ngày ghi công, chép tội cũng chỉ là viết xuông. Ở nơi đây, chưa có sách Công Quá Cách. Theo như tôi thấy, chỉ nên trọng lòng kính, giữ lòng thành, trong mười hai thời, chẳng có một niệm hư phù lười nhác, coi thường. Ứng xử với người đời chỉ giữ lòng trung hậu, khoan thứ thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, ác niệm chẳng thể khởi từ đâu được! Ví như túc nghiệp xui khiến, ngẫu nhiên phát sanh, nhưng luôn giữ lòng thành kính, trung hậu, khoan thứ, sẽ tự có thể vừa khởi niệm liền nhận biết, biết rồi liền mất, quyết chẳng đến nỗi phát sanh, nẩy nở khiến cả ba nghiệp phải xuôi theo nó.

Sở dĩ tiểu nhân giả vờ làm thiện mà thật ra làm ác là vì nghĩ rằng người khác không biết mà mình biết, chẳng biết rằng những kẻ không biết chỉ là phàm phu thế gian đó thôi. Nếu là thánh nhân đắc đạo cố nhiên biết rành rẽ; chư thiên,

quỷ thần tuy chưa đắc đạo nhưng do quả báo đắc Tha Tâm Thông cũng đều biết rõ ràng. Huống hồ Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật: Tha Tâm đạo nhãn thấy trọn ba đời như nhìn lòng bàn tay ư? Muốn người khác không biết, chỉ có chính mình không làm mà thôi! Nếu tự mình biết thì thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát v.v… không vị nào không biết, không thấy tất cả. Nếu biết nghĩa này thì dẫu ở trong nhà tối phòng kín cũng chẳng dám coi thường, biếng nhác. Dẫu nơi người ta không biết cũng chẳng dám manh nha ác niệm bởi thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát v.v… đều cùng biết. Dẫu là kẻ không biết hổ thẹn, biết được nghĩa này, cũng sẽ hổ thẹn vô ngần, huống gì bậc chân tu thực tiễn!

Vì thế, muốn giảm bớt lỗi, trước hết phải khởi đầu từ chỗ sợ chư thánh - phàm đều biết đều thấy. *"Thấy tiên triết nơi canh, nơi tường, cẩn thận, dè dặt ngay cả với bóng áo"*[58], vẫn chỉ là lời nói thiển cận ước theo tình kiến thế gian. Thật ra, tâm ta cùng mười phương pháp giới bản thể hợp nhau khít khao. Do ta mê nên cái biết bị hạn cuộc nơi một thân. Mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng Pháp Giới Tạng Tâm sẵn có nơi tự tâm, phàm hết thảy hữu tình trong pháp giới khởi tâm động niệm thì các ngài không gì chẳng tự biết, tự thấy. Vì cớ sao? Vì cùng bẩm thọ Chân Như, ta - người không hai. Nếu biết nghĩa này, ắt sẽ run sợ, kiêng dè, chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, thoạt đầu phải ra sức dứt vọng, lâu ngày không vọng nào có thể khởi được! (Ác niệm vốn thuộc vọng tưởng, nếu không giác chiếu sẽ thành ác thật sự. Nếu có thể giác chiếu thì vọng tưởng giảm, chân tâm hiện)

17. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ ba)

Mỗi lời trong thư đều chân thật, muốn được lợi ích nơi Phật pháp, chỉ vì chưa biết duyên do Tịnh Độ, tâm nguyện bèn thành trái nghịch Phật nguyện. Trong thế gian, người tu trì cầu liễu sanh tử thì nhiều, nhưng thường là dùng ngu kiến của chính mình để suy lường đại pháp chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, đến nỗi xoay xe sai hướng[59], không thể liễu thoát. Đời này còn chưa chánh kiến, huống chi đời mai sau! Vạn nhất lại được thân người, lại bị si phước đã tu trong đời này làm mê, mong chi lại càng tinh tấn cầu xuất ly nữa ư?

---

[58] Nguyên văn: *"Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh"*. Canh tường là điển tích nói về vua Ngu Thuấn do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ "canh tường" để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cùng cực. "Thận độc" là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng cẩu thả. "Khâm ảnh" là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ "khâm ảnh vô quý" (chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy "thận độc khâm ảnh" ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.

[59] Nguyên văn *"Bắc viên thích việt"* (càng xe vừa xoay về phương Bắc), theo ý thành ngữ: *"Bắc viên thích Sở"*. Ý nói: muốn đi về nước Sở ở phương Nam mà quay đầu xe về phương Bắc, ý nói: Chí nguyện và hành động tương phản.

Phật nói hết thảy pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật đều phải cậy vào công lực của chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát được sanh tử. Nếu còn sót mảy may Hoặc nghiệp, sanh tử quyết định khó ra. Do vậy, từ đời này sang đời khác, từ kiếp này qua kiếp khác, xoay vần tu trì, nếu có sức lực đầy đủ, tiến thẳng chẳng lùi, ắt được liễu thoát. Đa phần là đang giác chợt mê, tiến ít lùi nhiều trải kiếp số như bụi trần, chẳng thể xuất ly. Do vậy, ông lẫn tôi đến nay vẫn là phàm phu, đều là vì không biết đến pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chí cực viên đốn của Như Lai vậy. Dẫu ông chưa thân cận tri thức nhưng đã từng tụng kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, Thập Lục Quán kinh, và các bài Tịnh Độ Phát Nguyện Văn, Long Thư Tịnh Độ Văn, Quy Nguyên Trực Chỉ, những sách ấy thảy đều dạy vãng sanh ngay trong đời này, riêng ông lại muốn chuyển sang đời sau.

Phật thương chúng sanh không sức đoạn Hoặc, khó liễu sanh tử; vì thế riêng mở pháp môn hoành siêu[60] cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Bất luận đoạn Hoặc hay không, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật (đây là Chánh Hạnh) và tu trì các điều thiện, hồi hướng vãng sanh (đây là Trợ Hạnh), không một ai chẳng được vãng sanh. Dẫu kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu tâm thức không mê, nghe thiện tri thức dạy niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu niệm được mười tiếng, hoặc chỉ một tiếng, ngay khi đó mạng chung cũng được vãng sanh (điều này chép trong Thập Lục Quán Kinh, Hạ Phẩm Hạ Sanh Chương là lời chân thành từ kim khẩu). Đã vãng sanh liền được cao dự hải hội, vĩnh viễn thoát luân hồi; dần dần tấn tu viên thành Phật Quả. Tội nhân nghịch ác như thế nếu chẳng được nghe pháp chẳng thể nghĩ bàn này, trải kiếp số nhiều như vi trần, khó thoát khỏi địa ngục. Ngạ quỷ, súc sanh còn khó được sanh vào, huống gì lại được làm thân người để tu hành liễu sanh tử?

Hãy nên phát tâm quyết định, lâm chung nhất định muốn sanh về Tây Phương. Đừng nói chi thân người tầm thường kém cỏi chẳng muốn thọ nữa, ngay cả làm vua trời - người và xuất gia làm Tăng, nghe một hiểu ngàn, đắc Đại Tổng Trì, làm thân cao tăng đại hoằng pháp hóa, lợi khắp chúng sanh cũng xem như cỏ độc, rừng tội, quyết định chẳng sanh một niệm tâm muốn hưởng. Quyết định như thế thì Tín - Nguyện - Hạnh của chính mình mới có thể cảm được Phật; thệ nguyện của Phật mới nhiếp thọ được mình, cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, lên thẳng chín phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Tam Quy, Ngũ Giới là cửa ban đầu để vào Phật pháp, tu các pháp môn khác đều nương vào đây để nhập, huống chi pháp môn Tịnh Độ giản dị, dễ dàng nhất, chí

[60] Hoành siêu: Siêu việt tam giới theo chiều ngang. Sở dĩ gọi là Hoành Siêu vì những pháp môn kia phải theo thứ tự vượt từ Dục Giới lên Sắc Giới rồi mới thoát khỏi tam giới, còn pháp môn Tịnh Độ từ nhân gian vượt thẳng sang Tịnh Độ.

viên, chí đốn chẳng thể nghĩ bàn? Chẳng soi xét tam nghiệp, chẳng trì Ngũ Giới sẽ không có phần được thân người lần nữa, huống gì muốn được thân liên hoa hóa sanh, đầy đủ quang minh tướng hảo ư?

Ông nói chiều tà đường xa, nên theo đường thẳng tắt thì hãy chuyên đọc tụng ba kinh Tịnh Độ và Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, nghiên cứu chú sớ của các kinh Tịnh Độ, còn các Ngữ Lục, Kim Cang, Pháp Hoa hãy nên để ra ngoài, vì việc nào cần gấp thì phải làm trước, không chia tâm làm hai vậy.

Còn như chuyện giảm bớt lỗi, quả thật là công phu thiết yếu của cả Nho lẫn Phật. Cừ Bá Ngọc lúc năm mươi tuổi biết bốn mươi chín năm trước sai trái, bảo với người khác: *"Muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể"*. Chuyện này quả thật là dụng công nơi ý, chứ không phải là thân - miệng có lỗi! Tại gia cư sĩ hằng ngày cùng người đời thù tạc, phải nên khăng khắng đề phòng. Nếu không, chẳng những ý nghiệp không tịnh, mà thân - miệng cũng có thể ô uế không tịnh. Muốn cho cả mình lẫn người cùng được lợi, không gì bằng biết nhiều về những lời lẽ hành vi [của cổ nhân] để làm khuôn phép. An Sĩ Toàn Thư quả là kỳ thư bậc nhất xưa nay, dung thông tâm pháp cả Phật lẫn Nho, trình bày rõ nhân quả báo ứng và phương pháp tu trì cho cả đạo lẫn tục, nên thường mở ra xem, ngõ hầu không mối nghi nào chẳng được gỡ, không hạnh nào chẳng cẩn thận. Pháp Uyển Châu Lâm lại càng rộng lớn, tuy không phải là kinh điển thậm thâm, nhưng [sách ấy giúp] kẻ sơ tâm từ cạn vào sâu, không bị phạm lỗi hiểu lầm. Nếu trước hết chẳng hiểu tội phước nhân quả, lại toan dò ngay vào diệu lý Đệ Nhất Nghĩa Đế Thật Tướng, chỉ e kiến giải không rõ ràng, hiểu nhầm ý nghĩa, coi mê là ngộ, cầu thăng lên trái lại bị đọa!

Ông đã chuyên tu Tịnh nghiệp, nên lấy bài Tân Định Tịnh Độ Phát Nguyện Văn của đại sư Liên Trì làm chánh (Tỉnh Am Ngữ Lục quyển Hạ có chú giải bài phát nguyện này, tự đọc sẽ biết được chỗ hay khéo của nó). Ông tự lập bốn nguyện, hoặc dùng kèm hoặc không dùng đều được. Bài nguyện văn ấy Sự lẫn Lý chu đáo, trọn không sót một pháp, một nghĩa nào. Ngài nói bao quát pháp giới không sót; ông lại nói là đại thiên, đem so với lượng của pháp giới khác gì đem một hạt bụi sánh với đại địa, đem một giọt nước sánh với biển cả.

Xem khắp thư ông, tợ hồ chân thật dụng công nơi tâm địa, nhưng kẻ học ngày nay thường hay chuyên nói lời giả, chẳng tu thật hạnh. Ý muốn mua danh chuốc dự để cầu thể diện, trọn chẳng phải là chân thật tự xét, giảm lỗi mà nói lời ấy. Đấy gọi là tự hại, là tự vứt bỏ, là đại vọng ngữ, là không biết hổ thẹn. Nếu không phải vậy thì là bậc thánh hiền. Nếu mang cái thói ấy thì là phường hạ lưu, là tội nhân nơi pháp, là nghịch tử của Phật. Có thì hãy sửa, không thì càng cố gắng, trực tâm trực hạnh mới hợp với Phật. Lại tự mình đã tu trì Tịnh nghiệp (tức là sửa lỗi hướng thiện và niệm Phật, ngay trong đời này liền nguyện vãng sanh

Tây Phương) thì cũng nên dạy hết thảy những người quen biết cũng tu Tịnh nghiệp. Hãy nên dựa theo phần Phổ Khuyến trong Long Thư Tịnh Độ Văn khiến họ tùy phận tùy lực gieo thiện căn chẳng thể nghĩ bàn này.

Nay đã muốn dạy người thì phải từ thân đến sơ, nỡ để thê thiếp con cái chẳng được lợi ích này ư? Văn Vương nêu gương cho vợ mình, [gương ấy] lan đến anh em, rồi lan ra khắp đất nước khiến nước nhà yên ổn[61]. Tự hành, hóa tha trong thế gian hay xuất thế gian không ai chẳng vậy. Ông chuyên cầu vãng sanh, sáng sớm ngoài mười niệm ra, phàm đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ, đều nên lấy sáu chữ hồng danh đặt nơi tâm - miệng. Nhưng ở chỗ đúng pháp, đúng thời thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều tùy nghi. Nếu nhằm lúc đại tiểu tiện, ngủ nghỉ, chỉ nên niệm thầm, chớ niệm ra tiếng. Niệm thầm công đức vẫn bằng như niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng thì không cung kính, nếu nằm niệm lại còn bị tổn khí, không thể không biết!

Phải biết Tây Phương Cực Lạc thế giới đừng nói là phàm phu không hiểu, ngay cả thánh nhân Tiểu Thừa cũng không thể hiểu nổi, bởi pháp này thuộc về cảnh giới Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn vậy. Tiểu thánh hồi tâm hướng Đại mới hòng đạt tới. Phàm phu nếu không dùng tín - nguyện để cảm Phật, dẫu có tu hết thảy các hạnh thù thắng khác cùng với hạnh trì danh thù thắng vẫn chẳng thể vãng sanh. Do vậy, tín - nguyện là khẩn yếu nhất. Ngài Ngẫu Ích nói: *"Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn",* đấy chính là lời phán định đanh thép dẫu ngàn đức Phật xuất thế cũng không thay đổi được. Tin cho tới nơi, đảm bảo ông sẽ có phần nơi Tây Phương (A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh – còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, [ba kinh này] gọi là Tịnh Độ Tam Kinh. Thêm vào Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh, hình như chỉ có một bản Tịnh Độ Tứ Kinh. Còn như bản Vô Lượng Thọ Kinh do ông Ngụy Thừa Quán khắc in thì lại y theo những kinh khác để tăng bổ thêm. Về lý tuy là hữu ích, nhưng sự thật lại sai lầm nhiều, không thể noi theo đó được)

18. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết gần đây cư sĩ tu trì thân thiết, tự trách, bớt lỗi, mong thành thánh thành hiền, chẳng phải là uổng mang hư danh tu hành mà thôi, mừng vui vô lượng. Phàm muốn học Phật, Tổ liễu sanh tử, phải bắt đầu từ hổ

[61] Đây là một câu lấy từ kinh Thi, bài Tư Tề: *"Văn Vương hình ư quả thê, chí ư huynh đệ, dĩ ngự ư gia bang"*. Sách Mạnh Tử Tập Chú giảng "hình" là nêu gương, làm gương, lấy thân mình làm mẫu mực. "Quả thê" là tiếng Văn Vương gọi vợ (vua xưng là quả nhân), rồi chú thích câu này như sau: Văn Vương lấy thân mình làm gương cho vợ, gương ấy thấu đạt đến anh em Ngài, rồi lan ra khắp đất nước khiến cho nước nhà yên ổn.

thẹn, sám hối, dứt ác tu thiện (hổ thẹn, sám hối, dứt ác tu thiện chính là tự trách, giảm lỗi, khắc kỷ, giữ lễ. Nếu có thể tự trách sẽ tự nhiên ít lỗi, ít lỗi chính là thực hành chuyện khắc kỷ. Đã khắc kỷ sẽ tự nhiên giữ được lễ). Ăn chay, răn nhắc, ý thật chân thành, thiết tha. Nhưng phải thật sự thực hiện, tận lực mà làm. Nếu không sẽ trở thành vọng ngữ bậc nhất trong các vọng ngữ. Biết không khó, làm được mới khó. Thế gian bao kẻ thông minh, đều chỉ nói chứ không làm, hết cả đời này, uổng công đến núi báu trở về tay không. Đáng đau tiếc thay! Đáng đau tiếc lắm!

Còn như vọng niệm đầy dạ, thấp thoáng qua lại quấn quýt nơi ý tưởng là vì chưa thật sự đề khởi chánh niệm vậy. Nếu như chánh niệm chân thành, khẩn thiết, ắt ý tưởng sẽ xuôi theo chuyên chú chánh niệm một cảnh vậy. Đấy gọi là kiềm chế đúng pháp khiến cho giặc cướp đều thành con đỏ. Kiềm chế sai đường, dẫu chân tay cũng trở thành oán gia. Còn là phàm phu, ai không phiền não? Phải đề phòng trước trong lúc bình thời; tự nhiên gặp cảnh chạm duyên, phiền não chẳng đến nỗi bộc phát. Dẫu có phát cũng sẽ nhanh chóng giác chiếu khiến phiền não bị tiêu diệt.

Cảnh khởi phiền não, nào phải chỉ một, nhưng gây nên phiền não nhiều nhất chỉ có mấy cảnh như tài sắc và thuận - nghịch mà thôi. Nếu biết của cải vô nghĩa, hại quá rắn độc, sẽ chẳng lâm vào cảnh phiền não vì lấy của cẩu thả. [Biết] tạo phương tiện cho người, rốt cuộc vẫn là tạo tiền trình cho chính mình, sẽ không bị phiền não khi gặp kẻ cùng quẫn, cấp bách, hoạn nạn cầu cứu mà do tiếc của chẳng chịu giúp cho. Về sắc thì dẫu đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, thường giữ ý tưởng coi như chị, như em. Dẫu nhìn thấy kỹ nữ, vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không bị phiền não thấy sắc đẹp động lòng ham muốn. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi thê thiếp như ân nhân giúp mình có con nối dõi, chẳng dám coi họ như món đồ thỏa dục hành lạc thì không bị phiền não do ham sắc dục đến nỗi diệt thân, vợ không thể sanh, con không thể thành lập. Dạy dỗ, uốn nắn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não con cái ngỗ nghịch cha mẹ, bại hoại môn phong. Còn như gặp cảnh ngang trái phải sanh lòng thương xót, thương nó vô tri, không biết suy xét. Lại nên nghĩ do mình đời trước từng não hại nó nên nay mới gặp cảnh này hòng trả nợ xưa, tâm sanh hoan hỷ sẽ không có phiền não ngang trái báo thù. Nhưng những điều vừa nói trên đây là dành dạy cho kẻ sơ cơ.

Nếu là bậc đại sĩ tu lâu đã rõ Ngã Không thì vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng. Ví như đao do mài mà bén, vàng do luyện được thuần, sen do bùn lầy bón tưới mới được thanh tịnh sáng sạch. Cảnh không tự tánh, tổn hại hay ích lợi là do người. Tam nghiệp, tứ nghi (tứ nghi là đi, đứng, nằm, ngồi) thường giữ như "bốn điều không" của Nhan Uyên. Ngũ Giới, Thập Thiện phải học theo "ba lần phản tỉnh" của Tăng Tử. Dẫu nhà tối không ai thấy, nhưng thiên địa, quỷ thần đều biết. Niệm vừa mới manh nha, ẩn kín, vi tế, tội - phước

đã phân định rạch ròi một trời, một vực! Nếu có thể tu tỉnh như vậy, sẽ thấy mọi cử động đều lành, ác chẳng thể sanh từ đâu cho được! Đây chính là quy củ rộng lớn của việc chánh tâm thành ý, chớ cho là đạo Thích vụn vặt, chẳng giản dị, nhanh chóng như đạo Nho. Nếu luận về pháp môn Niệm Phật thì chỉ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông yếu, đầy đủ ba pháp quyết định vãng sanh. Nếu không tin thật, nguyện thiết, dẫu có chân hạnh cũng chẳng thể vãng sanh, huống gì tu hành hời hợt, hờ hững ư? Ngài Ngẫu Ích đã nói: *"Được sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp là do trì danh sâu hay cạn"*. Đấy chính là lời bàn luận thường hằng ba đời chẳng đổi được, là đạo mầu độ khắp ba căn vậy, phải dốc toàn thân dựa theo đó mới hòng chứng được ích lợi thật sự. Ba điều Tín - Nguyện - Hạnh đều được giải thích tường tận trong sách Thập Yếu, nhưng trọng yếu nhất là phần thứ ba là phần Minh Tông (minh định tông chỉ của một bản kinh) thuộc đoạn Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của sách Yếu Giải đã phát huy ba pháp này đến mức tinh xác, tường tận nhất. Trong những phần sau, đoạn nào, tiết nào cũng đều chỉ bày, hãy nên đọc kỹ, không thể viết đầy đủ hết.

Còn như niệm Phật, tâm khó quy nhất, hãy nên nhiếp tâm khẩn thiết niệm, sẽ tự có thể quy nhất. Pháp nhiếp tâm không pháp nào chẳng trước hết phải chí thành khẩn thiết. Tâm không chí thành mà muốn nhiếp tâm thì không có cách nào cả! Nếu đã chí thành mà vẫn chưa thuần nhất, hãy nên lắng tai nghe kỹ, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều phải niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng lọt ra, âm thanh lọt vào tai (niệm thầm dẫu miệng không động, nhưng trong ý vẫn có tướng miệng niệm), tâm - miệng niệm cho rõ ràng, rành mạch, tai nghe cho rõ ràng, rành mạch. Nhiếp tâm như thế, vọng niệm tự dứt.

Nếu vọng niệm vẫn còn nổi sóng, thì dùng pháp Thập Niệm Ký Số, tức là đem sức lực toàn tâm đặt nơi một tiếng Phật hiệu, dẫu muốn khởi vọng cũng không có sức. Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rốt ráo này xưa kia các vị hoằng truyền Tịnh Độ chưa đề cập đến là vì căn tánh con người [khi ấy] còn thông lợi, chẳng cần phải làm như thế mới có thể quy nhất được! Ấn Quang do tâm khó chế phục, mới biết cái hay của pháp này. Càng thử càng thấy hay, chẳng phải là nói mò đâu nhé. Nguyện khắp thiên hạ những kẻ độn căn đời sau đều cùng sử dụng khiến cho vạn người tu vạn người về.

Pháp Thập Niệm Ký Số vừa nói đó chính là trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm

ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự được.

Phải biết mười niệm này giống như cách nhiếp vọng bằng pháp Thập Niệm buổi sáng, nhưng công dụng khác xa. Buổi sáng mười niệm thì hết một hơi là một niệm, chẳng luận số câu niệm Phật nhiều - ít. Cách này lấy một câu Phật hiệu làm một niệm, còn cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng. Nếu niệm hai mươi, ba mươi hơi sẽ tổn khí thành bệnh. Cách niệm này một niệm là một câu Phật hiệu, tâm biết một câu, niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười, dẫu cả ngày niệm mấy vạn tiếng cũng đều nhớ như thế. Chẳng những trừ vọng lại còn dưỡng thần tốt nhất. Niệm mau hay chậm trọn không trở ngại, từ sáng đến tối, không gì không thích hợp.

So với cách lần chuỗi nhớ số, lợi ích khác nhau một trời một vực. Cách kia (tức cách niệm bằng lần chuỗi) thân mệt, thần động, cách này thân nhàn tâm an. Nhưng lúc làm việc nếu khó nhớ số thì cứ khẩn thiết niệm thẳng. Làm việc xong, lại nhiếp tâm nhớ số như cũ. Dẫu ý niệm loang loáng đến đi, cũng vẫn quẩn quanh chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đại Thế Chí nói: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất"*. Kẻ lợi căn chẳng cần phải nói nữa, nếu là hạng độn căn như bọn ta, bỏ pháp Thập Niệm Ký Số này, muốn nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, thật khó khăn lắm!

Lại phải biết pháp nhiếp tâm niệm Phật này tuy cạn mà sâu, tuy nhỏ mà lớn, là pháp chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ nên thường ngửa tin lời Phật, chớ vì mình thấy không đến nơi đến chốn bèn sanh nghi hoặc, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây bị mất, chẳng thể rốt ráo tự đạt được lợi ích thật sự, đáng buồn lắm! Lần chuỗi niệm Phật chỉ nên làm trong hai lúc đi và đứng. Nếu tịnh tọa dưỡng thần, do tay động nên thần chẳng an, lâu ngày thành bệnh. Pháp Thập Niệm Ký Số này đi, đứng, nằm, ngồi, không gì chẳng thích hợp. Lúc nằm chỉ nên niệm thầm, không được niệm ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng thì một là bất kính, hai là tổn khí, hãy nhớ kỹ, nhớ kỹ!

Cư sĩ nay đã gần năm mươi, thân bị ràng buộc, chưa tham tầm tri thức, muốn liễu thoát trong đời này hãy chỉ nên chuyên chú một môn Tịnh Độ. Kim Cang, Pháp Hoa hãy gác ra ngoài, đợi đến khi thông suốt Tịnh Độ, đã đắc nhất tâm rồi mới lại nghiên cứu cũng không muộn. Nếu theo đuổi ngay trong lúc này, e trí lực không đủ, được cái kia mất cái này. Một pháp chưa tinh, hai điều lợi đều mất! Sách Giản Ma Biện Dị Lục thuộc Thiền Tông, dẫu bậc thông đạt giáo lý sâu xa còn chưa dễ gì biết được, huống là cư sĩ! Phàm những sách vở của Thiền Tông, nhất loạt chớ nghiên cứu, bởi Thiền Tông *"ý tại ngôn ngoại"*, nếu dựa theo mặt chữ để hiểu nghĩa sẽ hiểu lầm Phật pháp, do nhân lành chuốc lấy

quả ác! Thích Thị Kê Cổ Lược là sách sử truyện, lấy Thiền Tông làm chánh. Phàm những sách như thế hãy gác lại chớ nghiên cứu thì mới nên.

Tôi thường nói: "*Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính thì diệt được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, diệt mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước huệ. Nếu trọn chẳng cung kính, dẫu gieo được viễn nhân, nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể tưởng được nổi!*" Phàm thấy hết thảy những người tín tâm, đều đem ý này bảo họ. Đây chính là thật nghĩa quyết định từ sơ tâm cho đến rốt ráo. Nếu coi đó là lời bàn cổ hủ của ông Tăng hủ bại thì chính là tự hại, tự vứt bỏ, nào phải là cô phụ Ấn Quang, mà là cô phụ chính mình đó thôi!

19. Thư gởi cư sĩ Trần Tích Châu

Như Lai xuất thế, thuyết pháp độ sanh, vốn muốn cho hết thảy chúng sanh ngay đây được liễu sanh thoát tử, tự chứng vô thượng giác đạo mà thôi. Nhưng do căn cơ không bình đẳng, chẳng thể rốt ráo diễn giảng thông suốt bản hoài của Phật, chỉ đành tùy thuận cơ nghi, khéo dẫn dụ dần dần. Với kẻ đại căn bàn thẳng lẽ xứng tánh, giảng cho Phật thừa khiến họ ngay trong đời này viên chứng Phật quả, như Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm, như Long Nữ trong kinh Pháp Hoa v.v…

Hạng kém hơn thì giảng Bồ Tát thừa, Thanh Văn thừa khiến họ dần dần tu tập, dần dần chứng quả. Thấp hơn nữa thì giảng Ngũ Giới, Thập Thiện, khiến cho họ chẳng đọa ác đạo, được thân trời, người, dần dần gieo thiện căn, tùy thiện căn đã gieo lớn hay nhỏ, trong tương lai sẽ nơi pháp tam thừa, tùy thiện lực đời trước phát hiện mà hoặc là nương vào Bồ Tát thừa, tu lục độ vạn hạnh, tự chứng được Pháp Thân, hoặc nương theo Duyên Giác - Thanh Văn thừa, ngộ Thập Nhị Nhân Duyên và pháp Tứ Đế để đoạn Hoặc chứng Chân hòng có thể siêu xuất luân hồi, liễu sanh thoát tử.

Những pháp môn này tuy lớn - nhỏ bất đồng, tiệm - đốn đều khác, nhưng mỗi một pháp đều phải do sức chính mình tu tập sâu xa mới hòng đoạn Hoặc chứng Chân, mới có thể vượt thoát luân hồi, liễu sanh thoát tử. Nếu trong tam giới, hai thứ Kiến Hoặc, Tư Hoặc dẫu còn sót lại mảy may chẳng đoạn thì căn bản sanh tử chưa thể cắt đứt, dẫu có sức Định Huệ sâu, vẫn cứ y như cũ không nhờ đâu được giải thoát. Ngay như Tam Quả thánh nhân còn phải sanh trong

Ngũ Bất Hoàn thiên[62], phải qua nhiều kiếp mới chứng Tứ Quả. Nếu chứng Tứ Quả thì căn bản sanh tử đoạn sạch không sót; nhưng chỉ là Tiểu Quả Thanh Văn, vẫn phải đem Tiểu Quả mình đã chứng hướng về đại đạo của Như Lai, thừa nguyện thọ sanh trong mười phương thế giới, rộng hành lục độ vạn hạnh. Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh, tùy theo công hạnh của chính mình sâu hay cạn, là Tiệm hay Đốn sẽ dần dần dự vào các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác. Đến Đẳng Giác lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần Tam Đức[63], liền nhập địa vị Diệu Giác thành Phật.

Trong giáo pháp cả một đời Như Lai, những pháp môn đã nói tuy vô lượng vô biên, nhưng địa vị chứng nhập rốt ráo chẳng thể vượt ngoài những địa vị như vậy. Tuy Thiền Tông chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật, thật là viên đốn thẳng chóng, nhưng kiến tánh thành Phật là ước trên Pháp Thân vốn có, chứ chẳng luận trên nhân quả tu chứng của phàm thánh. Nếu luận theo địa vị tu chứng thì cũng trọn chẳng khác gì đường lối của bên Giáo. Nhưng trong đời mạt, căn tánh con người hèn kém, tri thức hiếm hoi, còn khó tìm được người ngộ, huống hồ bậc thật chứng!

Như Lai biết các chúng sanh chỉ cậy vào tự lực khó thể liễu thoát, nên ngoài hết thảy các pháp môn, riêng mở một môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ: Chỉ cần chân tín, nguyện thiết tha, dẫu kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác tội lỗi cực nặng, lúc mạng sắp dứt, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật. Nếu niệm Phật được mười tiếng, hoặc chỉ mấy tiếng, hoặc chỉ một tiếng, cũng được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Huống hồ những ai tu hành sự thiện thế gian, chẳng tạo các điều ác? Nếu là người tinh tu phạm hạnh, sức Thiền Định sâu thì phẩm vị vãng sanh càng cao, thấy Phật nghe pháp thật chóng. Dẫu là người đại triệt đại ngộ, đoạn Hoặc chứng Chân cũng cần hồi hướng vãng sanh để mong viên chứng Pháp Thân, mau thành Phật quả.

Các pháp môn khác pháp nhỏ thì đại căn chẳng cần tu, pháp lớn thì tiểu căn chẳng thể tu nổi! Chỉ có một môn Tịnh Độ này, độ khắp ba căn, lợi - độn gồm thâu. Trên thì như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới thì Ngũ Nghịch, Thập Ác, chủng tánh A Tỳ địa ngục cũng có thể dự vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt muốn trong đời này liễu sanh thoát tử trọn chẳng có hy vọng gì! Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Do vậy, nếu không phải là kẻ đời trước có thiện căn Tịnh Độ sẽ khó thể tin chắc không nghi. Chẳng những phàm phu không tin, Nhị Thừa còn đa nghi. Chẳng những Nhị Thừa không tin,

---

[62] Ngũ Bất Hoàn thiên: Năm tầng trời phía trên của Sắc Giới (tức Vô Tưởng, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh), do không còn dục tưởng, không đọa trong nhân gian và Dục Giới nên gọi là Ngũ Bất Hoàn. Do chư thiên cõi này toàn là thánh nhân Tam Quả, không có phàm phu thiên nên còn gọi là Tịnh Cư Thiên.

[63] Tam Đức: Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát

quyền vị Bồ Tát rất có thể còn ngờ. Chỉ có Đại Thừa Bồ Tát thuộc những địa vị sâu xa mới có thể triệt để thỏa đáng tin tưởng không nghi.

Có thể sanh lòng tin sâu xa đối với pháp này, dẫu là phàm phu đầy dẫy triền phược thì chủng tánh ấy đã trội vượt bậc Nhị Thừa. Ví như thái tử rớt xuống đất, vẫn cao quý hơn quần thần. Tuy tài đức chưa lập, nhưng cậy vào sức vua, cảm được báo như thế. Người tu Tịnh Độ cũng giống như vậy. Do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật, bèn có thể đem cái tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật, cho nên ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Muốn nói pháp tu Tịnh Độ mà không nêu đại lược sự khó khăn của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát, và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực vãng sanh này thì nếu không nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu có mảy may tâm nghi sẽ do nghi mà thành chướng. Đừng nói gì không tu, dẫu có tu cũng chẳng thể được lợi ích thật sự rốt ráo. Do vậy phải nói: Một pháp Tín phải gấp gáp suy cầu, ngõ hầu tạo lòng tin sâu xa đến cùng cực vậy!

Nói đến Tín thì phải tin Sa Bà quả thật là khổ, Cực Lạc quả thật là vui. Sa Bà khổ vô lượng vô biên, nói tóm lại chẳng ngoài tám khổ, tức là: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu không được, Ngũ Ấm hừng hực. Tám nỗi khổ này dù sang đến cực phẩm hay hèn như ăn mày, ai nấy đều có. Bảy nỗi khổ đầu là quả do đời quá khứ cảm thành. Suy nghĩ kỹ ắt tự biết, không cần phải viết tường tận, nói nhiều quá tốn bút mực. Cái khổ thứ tám là Ngũ Ấm hừng hực chính là hiện tại khởi tâm động niệm và những hành động, nói năng, chính là nhân của cái khổ trong vị lai. Nhân quả kéo dắt nhau, nối tiếp không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, không thể giải thoát!

Ngũ Ấm chính là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức chính là cái tâm khởi huyễn vọng khi tiếp xúc cảnh. Do những pháp "thân tâm huyễn vọng" này bèn khởi Hoặc tạo nghiệp nơi sáu trần cảnh như lửa cháy hừng hực chẳng thể ngưng tắt nên gọi là *"xí thạnh"* (cháy hừng hực) vậy. Ngoài ra, Ấm 陰 (bộ Phụ) có nghĩa là che kín, đồng nghĩa với chữ Ấm 蔭 (cũng có nghĩa là che lấp, bộ Thảo), do năm pháp này che lấp chân tánh chẳng thể hiển hiện, như mây dầy che khuất mặt trời. Tuy mặt trời tỏa sáng rực rỡ, trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che, nên chẳng chiếu sáng được. Phàm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp, bị năm Ấm này chướng ngăn, mặt trời trí huệ nơi bầu trời chân tánh chẳng thể hiển hiện, cũng giống như thế. Sự khổ thứ tám này là gốc của hết thảy các khổ.

Người tu đạo sức Thiền Định sâu, đối với cảnh giới sáu trần, trọn chẳng chấp trước, chẳng khởi yêu - ghét. Từ đây gia công dụng hạnh, tiến lên chứng Vô Sanh, Hoặc nghiệp sạch hết, cắt đứt gốc rễ sanh tử. Nhưng công phu này thật chẳng dễ dàng, trong đời Mạt đạt được thật khó. Vì thế nên chuyên tu Tịnh

nghiệp, cầu sanh Cực Lạc, nương Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, không có các khổ. Thuần là tướng đồng nam (bé trai), thọ như hư không, thân không tai biến. Những cái tên như già, bệnh, chết v.v… chẳng còn nghe đến, huống gì thật có. Theo chân thánh chúng, thân cận Di Đà, nước, chim, cây cối đều diễn pháp âm, tùy căn tánh mình do nghe pháp bèn chứng. Thân còn trọn chẳng thể được, huống gì có oán! Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ ăn bèn có ăn; lầu, gác, nhà, viện đều do bảy báu hợp thành, chẳng nhọc sức người, chỉ là hóa ra. Biến bảy sự khổ nơi Sa Bà thành bảy niềm vui. Lại thêm thân có đại thần thông, có đại oai lực, chẳng lìa chỗ mình liền có thể trong một niệm ở khắp trong mười phương thế giới chư Phật làm các Phật sự, thượng cầu hạ hóa. Tâm có đại trí huệ, có đại biện tài, từ một pháp biết Thật Tướng của các pháp. Tùy cơ thuyết pháp không lầm lạc, dẫu nói bằng ngôn ngữ Thế Đế nhưng đều khế hợp diệu lý Thật Tướng, không có nỗi khổ Ngũ Ấm hừng hực, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Vì thế kinh nói: *"Không có các khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc"*.

Sa Bà khổ, khổ không nói nổi; Cực Lạc vui, vui chẳng ví tầy. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là chân tín. Chớ nên dùng tri kiến phàm phu ngoại đạo lầm sanh suy lường, bảo các thứ thù thắng trang nghiêm mầu nhiệm trong Tịnh Độ đều là ngụ ngôn, tỷ dụ tâm pháp, chẳng phải là cảnh thật! Nếu có sự thấy biết tà vạy, sai lầm như thế sẽ mất lợi ích thật sự được vãng sanh Tịnh Độ, tai hại quá lớn! Không thể không biết!

Đã biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui, hãy nên phát tín nguyện thiết thực, nguyện lìa Sa Bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui. Nguyện khẩn thiết như đang té trong hầm xí mong gấp được thoát ra. Lại như đang bị trói buộc trong lao ngục, tha thiết nhớ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự ra, ắt phải cầu người có đại thế lực kéo ra. Hết thảy chúng sanh trong thế giới Sa Bà đối với cảnh thuận hay nghịch, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có, khác nào hầm xí không đáy. Đã tạo ác nghiệp phải chịu ác báo, trải kiếp dài lâu, luân hồi lục đạo, không được tha khỏi lao ngục.

A Di Đà Phật trong kiếp xưa, phát ra bốn mươi tám nguyện độ thoát chúng sanh, có một nguyện là: *"Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh nước ta, dẫu chỉ mười niệm, nếu như chẳng sanh, chẳng lấy Chánh Giác"*. A Di Đà Phật thệ nguyện độ sanh. Nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng làm gì được! Nếu chí tâm xưng danh, thệ cầu xuất ly Sa Bà, không ai chẳng được Phật rủ lòng từ nhiếp thọ. A Di Đà Phật có đại thế lực, cứu được người trong hầm xí không đáy, trong lao ngục không tha, ngay đó được xuất ly, đều được đặt yên nơi quê nhà Cực Lạc vốn có, khiến được nhập Phật cảnh giới, thọ dụng giống như Phật. Muốn sanh Tây Phương, trước hết phải có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu có

tu hành, chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và thành cái nhân đắc độ trong tương lai mà thôi. Nếu tín nguyện đầy đủ thì vạn người tu vạn người về, không sót một ai. Tổ Vĩnh Minh nói: *"Vạn người tu, vạn người về"* là chỉ những người có đủ tín nguyện. Đã có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Dùng Tín - Nguyện để dẫn đường, Niệm Phật là Chánh Hạnh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng không Tín -Nguyện, chẳng thể vãng sanh. Có Tín - Nguyện không Hạnh cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ không khuyết, quyết định vãng sanh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn do Tín - Nguyện có hay không; phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

Nói đến Chánh Hạnh Niệm Phật thì tùy theo sức mình mà lập, chẳng được chấp cố định một pháp. Nếu như thân không bận việc, cố nhiên phải từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, giữ cho một câu hồng danh thánh hiệu này chẳng lìa tâm - miệng. Nếu khi tắm táp, súc miệng thanh tịnh xong, mũ áo tề chỉnh, và ở nơi thanh khiết thì niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, lõa lồ, tắm rửa, đại tiểu tiện và lúc đến những nơi ô uế không sạch, chỉ nên thầm niệm, chớ nên niệm ra tiếng. Công đức niệm thầm cũng giống vậy. Niệm ra tiếng là không cung kính, chứ không phải là ở những nơi, những lúc ấy, không được niệm Phật! Phải biết: Trong những nơi, những lúc ấy, không được niệm ra tiếng. Thêm nữa, lúc nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính mà còn đến nỗi bị tổn khí, không thể không biết!

Tuy là trường thời niệm Phật không gián đoạn, nhưng cần phải vào lúc sáng sớm hướng về Phật lễ bái xong, trước hết niệm kinh A Di Đà một biến, niệm chú Vãng Sanh ba biến, liền niệm bài kệ tán Phật: *"A Di Đà Phật thân kim sắc..."* Niệm xong, niệm Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, tiếp đó chỉ niệm sáu chữ nam mô A Di Đà Phật, hoặc là một ngàn tiếng, hoặc năm trăm tiếng. Nên vừa đi nhiễu vừa niệm. Nếu không tiện nhiễu thì quỳ hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được. Lúc niệm sắp xong, trở về chỗ quỳ, niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát mỗi danh hiệu ba lần. Rồi mới niệm bài Tịnh Độ Văn để phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Niệm bài Tịnh Độ văn thì phải theo văn nghĩa mà phát tâm. Nếu chẳng y theo văn nghĩa mà phát sẽ trở thành uổng công đọc văn xuông, chẳng được lợi ích thật sự. Đọc Tịnh Độ Văn xong, niệm Tam Quy Y, lễ bái lui ra. Đấy là công khóa buổi sáng; buổi tối cũng giống như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì trong lúc niệm Phật, lúc trở về chỗ thì ngoài việc lễ Phật bao nhiêu đó, lúc xưng danh hiệu Bồ Tát chín lần, bèn lễ chín lạy.

Lễ xong bèn phát nguyện hồi hướng, hoặc sau khi niệm xong công khóa bèn lễ bái, miễn sao thuận tiện cho mình đều được. Nhưng phải khẩn thiết chí thành, chẳng được láo nháo qua loa. Bồ đoàn không được quá cao, nếu cao sẽ thành ra không cung kính.

Nếu công việc đa đoan, hầu như không rảnh rỗi, nên vào lúc sáng sớm, súc miệng xong, nếu có tượng Phật bèn lạy ba lạy, đứng ngay ngắn chắp tay, niệm nam mô A Di Đà Phật, hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi, bèn niệm bài Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ *"nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung…"* Niệm xong lễ Phật ba lạy, rồi lui. Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá bái, chiếu theo cách trên để niệm. Đây gọi là pháp môn Thập Niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vua quan quá bận rộn chánh sự không rảnh rỗi để tu trì mà lập ra.

Vì sao phải niệm hết một hơi? Do chúng sanh tâm tán, lại không rảnh rỗi để chuyên niệm. Lúc niệm như thế, mượn hơi thở nhiếp tâm, tâm tự chẳng tán. Nhưng phải tùy theo hơi thở dài - ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều, hễ cưỡng niệm sẽ bị tổn khí. Lại chỉ được niệm mười niệm, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi. Niệm nhiều cũng tổn khí. Do tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh nên pháp này có thể làm cho tâm quy một chỗ, nhất tâm niệm Phật quyết định vãng sanh. Số câu niệm tuy ít, nhưng công đức khá sâu. Kẻ cực nhàn hay cực bận đều có pháp riêng, còn kẻ nửa nhàn nửa bận hãy tự châm chước thời gian để định pháp tắc tu trì.

Lại nữa, người niệm Phật đối với mỗi sự phải giữ lòng trung hậu, khoan thứ, tâm luôn đề phòng lỗi hại. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu không như thế là trái nghịch Phật, quyết khó cảm thông. Lại phàm lễ bái đọc tụng kinh điển Đại Thừa, và làm hết thảy những chuyện có ích cho đời cho người, đều đem chuyện đó hồi hướng Tây Phương, chẳng nên chỉ đem việc niệm Phật hồi hướng Tây Phương, còn những công đức khác hồi hướng cho phước báo thế gian. Làm vậy, niệm chẳng quy nhất sẽ khó vãng sanh. Phải biết người thật sự niệm Phật chẳng cầu phước báo thế gian, mà tự được phước báo thế gian (như trường thọ, không bệnh, gia đình yên vui, con cháu phát đạt, các duyên như ý, vạn sự cát tường v.v…) Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh thì phước báo thế gian đạt được lại thành hèn kém, do tâm không chuyên nhất, vãng sanh lại càng khó quyết định! Pháp môn Niệm Phật này kinh điển Đại Thừa trong cả một đời giáo hóa [của đức Phật] thảy đều tán dương. Trong kinh Tiểu Thừa tuyệt chẳng nhắc đến. Có kẻ không thông giáo lý, chê pháp này là Tiểu Thừa, thật là vô tri tà thuyết, chớ nên nghe theo!

Lại những lời nói trong những đàn cầu cơ, đa phần là những linh quỷ dựa theo kiến thức của người cầu cơ mà nói ra. Nếu nói về đạo lý thế gian may ra chúng còn biết nhiều, chứ bàn về Phật pháp thì không phải là điều chúng tự biết, bèn đặt ra lời đồn đãi xằng bậy. Như cuối sách Kim Cang Trực Giải, in kèm bảo hiệu của tiên thiên cổ Phật, chính là diệt huệ mạng, làm mù con mắt chánh pháp của người khác, là lời tồi tệ cực ác khôn sánh. Đem sách ấy thí cho người thì tội lỗi vô lượng!

20. Thư gởi cư sĩ Tâm Nguyện (viết thay cho bạn)

Tâm là chủ của thân, là tông của muôn pháp. Thuận theo sẽ mau thành Bồ Đề, trái nghịch ắt phải chìm mãi trong sanh tử. Hết thảy chúng sanh mê trái bổn tâm, đuổi theo vọng cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, luân hồi trong lục đạo, ngụp lặn trong tam giới, trải kiếp dài lâu không thể xuất ly. Ông đã phát tâm quy y Tam Bảo, làm đệ tử Phật, hãy nên phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện của Bồ Tát, tự lợi, lợi tha.

Tứ Hoằng Thệ Nguyện là *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Phải biết Tứ Hoằng Thệ Nguyện này chính là thệ nguyện gốc của hết thảy tam thế chư Phật. Hằng ngày, ông khởi tâm động niệm phải hợp với nguyện này. Nếu hợp, hãy mở rộng cho viên mãn. Nếu chẳng hợp, hãy đoạn trừ cho sạch hết. Muốn lợi tha trước hết phải tự lợi. Nếu chính mình không xuất sanh tử trước, sao có thể độ chúng sanh thoát sanh tử? Ví như người đang chết chìm trong biển, chẳng thể cứu người khác bị chết đuối trong biển. Như Lai nói ra vô lượng vô biên pháp môn liễu sanh thoát tử, chỉ có mỗi một pháp Tịnh Độ hạ thủ dễ dàng, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh. Nếu muốn thành tựu ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ chẳng có cách nào cả!

Nói đến pháp Tịnh Độ thì phải sanh tín, phát nguyện, niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quả thật tín nguyện chân thành, khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật, đến lúc lâm chung quyết định được Phật tiếp dẫn vãng sanh cõi ấy. Đã được vãng sanh liền tạ từ xác phàm, cao dự dòng thánh, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn, thần thông, trí huệ chẳng thể nghĩ bàn! Rồi lại nương theo bổn nguyện trở vào Sa Bà, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, như Quán Thế Âm Bồ Tát: Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy mà thuyết pháp, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh đồng thoát sanh tử, cùng thành Phật đạo, rồi mới viên chứng tâm diệu Chân Như chính mình sẵn đủ. Như thế mới là rốt ráo khế hợp Tứ Hoằng Thệ Nguyện của Bồ Tát, với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật và mười

đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Ý nghĩa của Tâm Nguyện là như vậy. Nếu có thể nhìn vào danh nghĩ đến ý nghĩa, ra sức thực hành thì có thể gọi là bậc trượng phu lỗi lạc, sen mọc trong lửa, là con thật sự của đức Như Lai, là đích tôn của Đại Sĩ, hãy gắng lên, hãy cố lên!

21. Thư gởi cư sĩ Vệ Cẩm Châu

(ông này do nhà hàng xóm cháy lan qua, nên nhà cửa, của cải mất sạch, vợ kinh hãi thành bệnh, vì thế tâm thần mê loạn, như say, như cuồng)

Kinh Pháp Hoa dạy: *"Ba cõi không yên, ví như nhà lửa. Các khổ dẫy đầy, rất đáng kinh sợ"*. Do trời muốn thành tựu người nên có khổ, có vui, có nghịch, có thuận, có họa, có phước, vốn không nhất định. Chỉ cần người trong cuộc có con mắt thông suốt, khéo hiểu ý trời thì không khổ, không vui, không nghịch, không thuận, không họa, không phước vậy! Do vậy, quân tử vui theo mạng trời, trên chẳng oán trời, dưới chẳng hận người, tùy ngộ nhi an, không lúc nào không tự tại tiêu dao. Do vậy, *"tố phú quý hành hồ phú quý"* (Tố có nghĩa là hiện tại, Hành có nghĩa là thong dong, nhàn hưởng. Hễ giàu thời chu cấp kẻ bần cùng, hễ quý hiển bèn tận trung với vua, yêu dân, tận bổn phận phú quý. Ấy gọi là *"tố phú quý hành hồ phú quý"*), *"tố bần tiện hành hồ bần tiện"* (nếu nhà không dư dật, thân chưa làm quan thì giữ khí tiết thanh bần, chẳng dám làm bậy), *"tố di địch hành hồ di địch"* (nếu tận trung mà bị sàm tấu, bị biếm ra nơi xa, như các vùng Vân Nam, Quý Châu, Lưỡng Quảng, Hắc Long Giang v.v… thì tâm bình khí hòa, chẳng oán vua, chẳng hận kẻ sàm báng, tự sống như người ở nơi ấy), *"tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn"* (hoặc có thể chẳng những bị biếm truất, lại còn bị xử tội, nhẹ thì đánh đập, giam cầm, nặng thì chém đầu, phân thây, hoặc đến nỗi diệt môn, vẫn chẳng oán vua, chẳng hận gian đảng, cũng như chính mình đáng bị như thế. Đối với hoạn nạn do người gây ra còn như thế, huống chi những hoạn nạn do trời giáng xuống, há oán hận ư? Người như vậy được người yêu thương, trời hộ trì, trong đời này hoặc trong đời sau hoặc là đời con cháu quyết định được hưởng phước báo vô cùng để xứng với đức ấy). Cư sĩ tuy có tư chất ham làm lành, nhưng chưa rõ lý tột cùng của Nho và Phật; vì thế, vừa gặp nghịch cảnh bèn đâm ra cuồng loạn. Nay tôi khuyên rằng: Rộng dày, cao minh nhất trong thế gian không gì hơn thiên địa, nhật, nguyệt. Mặt trời đứng bóng rồi chênh; trăng tròn rồi khuyết, bờ cao thành hang, hang sâu thành vách núi, biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển xanh.

Xưa nay người đạo cao đức trọn vẹn nhất không ai bằng Khổng Tử, thế mà còn bị tuyệt lương nơi đất Trần, bị vây nơi đất Khuông, chu du liệt quốc, rốt cuộc không gặp được minh quân, chỉ có một người con, tuổi mới năm mươi liền bị chết mất; may còn một cháu nối dõi. Tính trở xuống thì Nhan Uyên đoản mạng, Nhiễm Bá Ngưu[64] cũng đoản mạng, Tử Hạ [65]bị mù, Tả Khâu Minh[66]

[64] Nhiễm Bá Ngưu (tên thật là Nhiễm Canh), là người được Khổng Tử ngợi khen về đức hạnh. Khi Nhiễm Canh bị mù, Khổng Tử đến thăm, cầm tay than: *"Là số mạng vậy! Người như thế này mà bị mù là vì số mạng vậy!"*

cũng bị mù, Khuất Nguyên tự trầm dưới sông (Khuất Nguyên tận trung bị gièm, sau Sở Hoài Vương bị vua Tần bắt giữ, khôn ngăn ưu phẫn, không làm gì được, ngày mồng Năm tháng Năm tự trầm nơi sông Mịch La), Tử Lộ[67] bị bằm vụn (chữ 醢 đọc là Hải, có nghĩa là thịt làm thành mắm. Tử Lộ làm quan nước Vệ, Vệ Khoái Quý và con toan chiếm nước. Tử Lộ bị chết trong nạn ấy, bị quân địch băm vụn ra).

Thiên địa, nhật nguyệt còn chẳng thể thường hằng bất biến, đại thánh đại hiền cũng chẳng thể chỉ có thuận không nghịch; chỉ vui theo mạng trời thì không chuyện gì chẳng an vui, lại được trăm ngàn đời sau, từ thiên tử cho đến thứ dân, không ai không ngưỡng mộ. Nếu luận theo tình cảnh khi ấy, tợ hồ họ vô phước; nhưng nếu luận trên mức độ được truyền tụng hậu thế thì không ai có phước bằng được họ! Người sống trong thế gian, nghĩ ngàn lối, tính muôn bề, đặt bày mọi cách, xét đến rốt ráo chẳng qua là để nuôi thân miệng, để lại của cải cho con cháu mà thôi. Nhưng thân thì vải thô cũng đủ che mình, cần gì phải lụa, là, the, đoạn? Miệng thì canh rau đủ nuốt trôi cơm, cần gì phải cá thịt, hải sản? Con cháu thì hoặc là đọc sách, hoặc cày ruộng, hoặc buôn bán tự nuôi được thân, cần chi phải giàu có trăm vạn?

Vả nữa, từ cổ đến nay, những kẻ mưu cầu phú quý muôn đời cho con cháu ai bằng Tần Thủy Hoàng, thôn tính lục quốc, đốt sách, chôn học trò, thâu binh khí thiên hạ đúc thành chuông lớn, không chuyện gì chẳng nhằm làm cho nhân dân ngu yếu chẳng thể nổi dậy. Nào biết Trần Thiệp vừa khởi, quần hùng đua nhau, sau khi nhất thống chưa đầy mười hai mười ba năm bèn đến nỗi thân chết nước tan, con cháu bị giết sạch hết, khác nào cắt cỏ trừ rễ, nào còn sót gì? Đấy là muốn cho con cháu yên vui, lại đến nỗi làm chúng mau chết sạch!

Thời Hán Hiến Đế, Tào Tháo làm Thừa Tướng, chuyên đoạt uy quyền, những việc hắn làm không gì chẳng nhằm làm suy yếu quyền thế nhà vua, tăng thêm quyền lực cho bản thân; muốn khi mình chết đi, con mình sẽ làm vua. Kịp đến khi chết đi, Tào Phi bèn soán ngôi, xác cha chưa liệm, Tào Phi đã dời hết cả phi tần đưa sang cung mình. Tháo chết đi, mãi mãi đọa trong ác đạo, đến hơn một ngàn bốn trăm năm sau, nhằm đời Càn Long nhà Thanh, tại Tô Châu có người giết heo, moi gan phổi ra, thấy đề hai chữ Tào Tháo. Xóm giềng có kẻ trông thấy sợ hãi vô cùng, liền lập tức xuất gia, pháp danh là Phật An, nhất tâm

---

[65] Tử Hạ tên thật là Bốc Thương, tự là Tử Hạ. Sau khi Khổng Tử mất, ông lui về Tây Hà dạy học, con chết, ông khóc đến mù mắt.

[66] Tả Khâu Minh: Người thời Xuân Thu, làm quan thái sử nước Lỗ. Ông giám định, nhuận sắc tác phẩm Xuân Thu, nên bản ấy được gọi là Tả Thị Xuân Thu (thường gọi tắt là Tả Truyện). Khi về già, ông bị mù.

[67] Tử Lộ: Tên thật là Trọng Do, tự Tử Lộ, hoặc Quý Lộ, là đệ tử của Khổng Tử, tánh hiếu dũng, thờ cha mẹ rất có hiếu, thường đi đội gạo thuê cả trăm dặm để có tiền phụng dưỡng cha mẹ. Ông là một trong số 24 gương hiếu tử trong tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu Diễn Ca của Lý Văn Phức. Ông có tài cai trị nên thoạt đầu làm quan nước Lỗ, rồi sang làm quan nước Vệ.

niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương. Chuyện này được ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục.

Ôi! Tào Tháo phí sạch tâm cơ, vì con bày mưu, dù làm hoàng đế nhưng chỉ được bốn mươi lăm năm, nước liền diệt vong. Nhưng hằng ngày cùng Tây Thục, Đông Ngô tranh chấp, có ngày nào được an lạc đâu? Sau đó, như hai nhà Tấn[68], Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy và Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu thời Ngũ Đại đều chẳng dài lâu. Tựu trung, chỉ có nhà Đông Tấn dài nhất, cũng chỉ được 103 năm, những triều đại khác hoặc hai ba năm, hoặc tám chín năm, mười, hai mươi năm, bốn mươi, năm mươi năm liền bị diệt vong. Đấy chỉ mới kể những triều đại chánh thống, chứ còn những kẻ chiếm cứ bừa bãi, tiếm xưng ngụy quốc, số lượng càng nhiều, thời gian tồn tại càng ngắn hơn nữa. Xét đến cái tâm ban đầu, không ai không muốn cho con cháu được phú quý, tôn vinh; nhìn vào hiệu quả thật sự, trái lại khiến cho con cháu gặp phải kiếp nạn tru lục, diệt môn tuyệt hộ! Dù quý như thiên tử, giàu khắp bốn biển, còn chẳng thể khiến cho con cháu đời đời hưởng phước, huống hồ kẻ phàm phu hèn mọn. Từ vô lượng kiếp đến nay đã tạo ác nghiệp dầy hơn đại địa, sâu quá biển cả, há có thể giữ cho gia đạo thường hưng thạnh, có phước không tai ương được ư?

Phải biết vạn pháp trong thế gian đều là hư giả, trọn không chân thật, như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như sương, như chớp, như ánh trăng trong nước, như hoa đốm trên hư không, như ánh nước gợn khi trời nắng, như thành Càn Thát Bà (Phạn ngữ Càn Thát Bà, Hán dịch là Tầm Hương, chính là nhạc thần của Thiên Đế, thành của họ huyễn hiện, không thật. Thế tục thường gọi là *"thần lâu hải thị"* (lầu sò chợ biển) chính là nó đấy). Chỉ một niệm tâm tánh của chính mình hằng cổ hằng kim, chẳng biến, chẳng hoại. Dẫu không biến hoại nhưng thường tùy duyên. Hễ ngộ tịnh duyên bèn thành Thanh Văn, thành Duyên Giác, thành Bồ Tát, thành Phật. Do công đức có cạn - sâu nên quả vị có cao - thấp. Hễ mê nhiễm duyên bèn sanh lên trời, sanh trong nhân gian, đọa vào Tu La, đọa trong súc sanh, đọa vào ngạ quỷ, đọa xuống địa ngục. Do tội - phước có nặng - nhẹ nên khổ - vui có dài - ngắn. Nếu là người không biết Phật pháp thì không biết phải nên làm như thế nào.

Ông đã sùng tín Phật pháp, sao chẳng do nghịch cảnh này, thấy thấu suốt tướng thế gian, bỏ duyên mê nhiễm, ngộ theo tịnh duyên, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương? Từ đây vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi lục đạo, cao chứng quả vị Tứ Thánh. Há chẳng phải là nhân họa nhỏ này mà thường hưởng phước

[68] Tây Tấn (266-316) do Tư Mã Viêm thành lập. Đến thời Tấn Nguyên Đế (Tư Mã Duệ), chư hầu nổi dậy, phải dời đô sang Đông gọi là nhà Đông Tấn, truyền đến đời Tấn Phế Đế bèn bị diệt vong (năm 369), vừa đúng 103 năm. Nam Triều: Nhà Lưu Tống truyền được 59 năm (420-478), nhà Tiêu Tề truyền được 23 năm (479-501), nhà Tiêu Lương của Lương Võ Đế truyền được 55 năm (502-556), nhà Trần được 32 năm (557-588), nhà Tùy 29 năm (589-617). Thời Ngũ Đại gồm nhà Hậu Lương truyền được 16 năm (907-922), nhà Hậu Đường 13 năm (923-935), nhà Hậu Tấn 11 năm (936-946) và nhà Hậu Châu 9 năm (951-959).

to ư? Lại mịt mờ chẳng rõ, như say, như cuồng. Nếu như lo nghĩ quá độ, đến nỗi táng thân mất mạng sẽ bao kiếp dài lâu khó thoát khỏi luân hồi, lại còn vợ yếu con côi lấy gì tự lập? Vốn muốn tự lợi, lợi người, lại trở thành tự hại, hại người (chữ "người" ở đây chỉ vợ con). Sao lại ngu si đến nỗi như thế?

Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Bồ Tát sợ gặp ác quả nên đoạn trừ sẵn ác nhân. Do vậy, tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường gây nhân ác, muốn tránh quả ác, như dưới mặt trời toan trốn bóng, uổng công nhọc nhằn rong ruổi! Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm chút điều lành nhỏ nhoi bèn mong phước to, vừa gặp nghịch cảnh bèn nói làm thiện mắc họa, không có nhân quả. Từ đó, lui hối cái tâm ban đầu, quay ngược lại phỉ báng Phật pháp, nào biết ý chỉ sâu huyền *"báo thông ba đời, chuyển biến do tâm"!*

"Báo thông ba đời" có nghĩa là đời này làm thiện, làm ác; ngay đời này được phước, mắc họa, đó gọi là Hiện Báo. Đời này làm thiện, làm ác, ngay trong đời sau hưởng phước, mắc họa, đó gọi là Sanh Báo. Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn vạn đời, hoặc đến vô lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước, mắc họa, đó gọi là Hậu Báo. Hậu Báo sớm - trễ không nhất định. Hễ gây nghiệp quyết định không thể không thọ báo.

"Chuyển biến do tâm" là ví như có người tạo ác nghiệp, sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục, chịu khổ bao kiếp dài lâu. Về sau, người ấy sanh lòng hổ thẹn lớn lao, phát đại Bồ Đề tâm, cải ác tu thiện, tụng kinh niệm Phật, tự hành dạy người, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, đời này hoặc bị người khác khinh rẻ, hoặc bị chút bệnh khổ, hoặc bị bần cùng đôi chút, hoặc gặp hết thảy chuyện chẳng như ý, cái nghiệp vĩnh viễn đọa địa ngục bao kiếp chịu khổ dài lâu đã trót tạo trước kia nay liền tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Kinh Kim Cang dạy: "*Nếu có người thọ trì kinh này, bị người khác khinh rẻ là do tội nghiệp đời trước của người ấy đáng lẽ đọa ác đạo, vì đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp đời trước bèn tiêu diệt, sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"*. Đấy chính là ý nghĩa "chuyển biến do tâm" vậy.

Người đời vừa gặp chút tai ương, nếu không oán trời thì cũng trách người, trọn chẳng có ý tưởng trả nợ, sanh lòng hối tội. Phải biết: *"Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu"*. Trồng cỏ dại chẳng thể được hạt thóc ngon, trồng gai góc mong chi thóc nếp! Làm ác mà được phước là do đời trước tài bồi sâu xa. Nếu không làm ác, phước còn lớn hơn nữa! Ví như con cháu nhà giàu có, ăn uống phung phí, xài vàng như đất, nhưng không đến nỗi đói rét là do vàng nhiều. Nếu cứ ngày ngày như thế, dẫu giàu có đến trăm vạn, chẳng mấy năm sẽ nhà tan người chết, hết sạch sành sanh! Làm lành mắc họa là do tội nghiệp đời

trước sâu dày. Nếu không làm lành, tai ương càng lớn hơn. Ví như kẻ phạm tội nặng, chưa kịp xử phạt, lại lập công nhỏ; do công nhỏ nên chưa được tha hoàn toàn, đổi tội nặng thành tội nhẹ. Nếu có thể ngày ngày lập công, do công nhiều thành lớn nên tội hết, được tha miễn. Lại còn được phong hầu bái tướng, thế tập tước vị[69], tồn tại mãi cùng đất nước.

Đại trượng phu sống trong thế gian, nên có tri kiến vượt trội, há để vật ngoài thân phiền lụy, hủy hoại thân mình. Ví như vàng ngọc đầy nhà, cường đạo lại cướp, chỉ nên bỏ đó trốn lẹ, há nên giữ của đợi chết ư? Bởi lẽ vàng ngọc tuy quý, nhưng so với thân mạng vẫn hèn kém hơn! Đã chẳng thể toàn vẹn đôi bề, chỉ có thể bỏ vàng ngọc để toàn thân mạng. Tài vật của ông đã cháy hết, buồn xuông ích gì? Chỉ nên tùy duyên sống qua ngày, dốc hết sức niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì trong đời vị lai, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Như thế thì do nạn lửa này, bèn thành đạo vô thượng. Phải cảm ân, báo đức còn không xuể; há lại oán hận, buồn phiền như thế chăng?

Xin hãy đem lời tôi suy nghĩ cặn kẽ, ắt sẽ được gỡ rối giải thoát. Như vẹt mây mù thấy được mặt trời, từ đây tai ương biến thành người dẫn đường tốt lành, chuyển ngay nóng bức thành mát mẻ. Nếu cứ chấp mê không ngộ, ắt sẽ phát điên phát cuồng, bổn tâm bị mất, tà ma dựa thân, dẫu ngàn đức Phật xuất thế cũng không cách nào giúp được ông!

22. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ nhất)

Bất Huệ học Nho không xong, học Phật chẳng thành, lìa quê cũ đã lâu, muốn quay về nhưng chưa được. Mỗi phen tự xét, thẹn thùng không biết ẩn vào đâu. Chợt tiếp được thư ông, khác nào gặp lại cố nhân, nhưng trong thư khen ngợi quá lẽ, khiến người như phải chịu búa rìu. Sau này có viết thư, xin chớ dùng lời khách sáo ấy nữa! Được gặp mặt lệnh huynh Chi Phần hôm mười bốn tháng Bảy, nhân đấy hỏi thăm chuyện tu trì, gia cảnh cư sĩ. Ông ta cho biết cư sĩ cật lực làm lành, đạo niệm ngày càng tăng trưởng, nhưng gia đình bất hạnh, lệnh lang[70] mất sớm, hai cháu còn thơ, khá đáng ưu tư.

Tôi nghe xong khôn ngăn thở dài, phải biết: Cảnh nghịch xảy đến hãy thuận theo mới gọi là *"vui theo mạng trời"*. Tu thân trồng đức mới là "tận tánh". Đời có kẻ ngu, chẳng biết thiện - ác đời trước, chỉ nhìn chuyện tốt - xấu trước mắt, thấy làm lành mắc họa bèn bảo "chẳng nên làm lành, làm ác được phước". Còn

[69] Tước vị của cha, con trưởng được kế thừa, thường gọi là Tập Ấm.
[70] Lệnh lang: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng con trai người khác.

nói: "Ác chẳng đáng kiêng"; chẳng biết thiện báo, ác báo chẳng phải một sớm một chiều mà thành, phải do dần dần mà ra. Ví như ba thước băng há do một ngày lạnh bèn có thể ngưng đọng, nước trăm sông ngập tràn há vì trời nóng một bữa liền tiêu được ư? Chớ nên oán trời trách người, do dự, ngã lòng, hối hận. Hãy nên học theo Du Tịnh Ý tu thân, học theo Viên Liễu Phàm lập mạng, sẽ thấy hai cháu thành đạt, sẽ thấy sanh nhiều con quý[71].

Còn như việc trùng tu chùa Hoa Nghiêm, thật không công đức nào lớn bằng, nhưng ở chốn núi sâu, quyên mộ khó lắm, chỉ nên tùy duyên, chớ nên miễn cưỡng. Có chánh điện để thờ Phật, có liêu phòng để an thân, có chỗ để hành đạo, cư ngụ là đủ rồi, cần gì phải dựng nhiều điện vũ, xây nhiều nhà ngang, chẳng lợi ích gì cho mình lẫn người, chỉ nhằm sướng con mắt tục ư?

Tạ Hữu tài chí tuy cao, đáng tiếc là chưa gặp được người thông hiểu, tự nói đáng tiếc thời đã qua khó học, chuyên theo cử nghiệp. Nào biết chuyện học thánh, học hiền chẳng có thời mà cũng chẳng có chuyện lỡ thời, mà học [theo thánh hiền] cũng chẳng khó, chẳng dễ. Vì sao nói vậy? Khổng Tử bảy mươi tuổi còn muốn sống thêm vài năm để học Dịch, hòng tránh được lỗi lầm lớn. Há vì từ nghĩa tinh thông bèn vùng vẫy bút mực để hòng được tước vị cao ư? Năm mươi tuổi dốc chí nơi học, bảy mươi tuổi vẫn còn học. Ông ta tuổi gần bốn mươi, há phải đâu là đã quá thời chẳng thể học ư?

Đạo Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi! Cả ngày khắc kỷ, giữ lễ, thiên hạ quy về nhân. Thánh nếu mất niệm sẽ thành cuồng, cuồng mà khắc chế được niệm ắt thành thánh. Trong ấy, há có khó - dễ gì để luận được ư? Tôi nói: Tạ Hữu mà học thì không gì tốt hơn lúc này, có cha mẹ để tận hiếu, có anh em để hết dạ thương yêu, có con cái để giáo huấn, có thi thư để bắt chước theo, thật hợp với đạo "ở nhà mà tham dự quyền chánh trị"[72] của Phu Tử. Lúc này không học thì đúng là lỡ thời khó học vậy. Dẫu cho văn chương quán thế, quan cao nhất phẩm, rốt cuộc vẫn chỉ là người tài khéo cùng cực vi diệu, há nào phải kẻ sĩ hợp thời tận lực học! Do nghe lời Phật bèn ăn chay trường, đủ biết túc căn sâu dầy, nhưng vứt bỏ công sức trước kia, ý muốn xuất gia, đủ thấy đạo nhãn còn mê muội.

Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh. Gặp cha nói về Từ, gặp con nói đến Hiếu, ngoài tận hết nhân luân, trong tiêu tịnh lự, ngõ hầu khôi phục chân tâm vốn có. Đấy gọi là đệ tử Phật, nào phải luận trên đầu tóc? Huống chi quê ông ở sâu trong núi thẳm, người biết pháp thì ít, kẻ cao minh vì không thông ngôn ngữ không đến nơi ấy. Nương theo tâm lành ấy dốc tận sức học đạo, tu hiếu đễ để cảm hóa xóm giềng, lập trai giới hòng giết - trộm dần tiêu, nghiên

[71] Nguyên văn là "lân nhi" (Con kỳ lân) ví cho đứa trẻ thông minh, giỏi giang.
[72] Ý nói tuy không ra làm quan, vẫn góp phần giúp vua giữ yên đất nước.

cứu kinh luận Tịnh Độ hòng biết yếu đạo xuất khổ. Thọ trì An Sĩ Toàn Thư sẽ biết khuôn mẫu tốt lành để an cõi đời. Đem pháp môn Tịnh Độ khuyến dụ cha mẹ, đem pháp môn Tịnh Độ dạy cho con và những người thân quen.

Phải nên vì sanh tử đại sự mà đau đáu xót thương thân sau. Bất tất phải chọn riêng một chỗ, gia đình chính là đạo tràng, lấy toàn bộ cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích làm pháp quyến, tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân làm gương, khiến họ cùng về cõi Tịnh, cùng thoát vòng khổ, đáng gọi là bậc cao tăng để tóc, là Phật tử tại gia vậy! Nên dùng ý thô tệ này để bảo với ông ta. Nếu nghe lời này không phỉ báng, vẫn muốn tiến bước nhưng đường nẻo chưa dứt khoát được, mà nếu rảnh rang thì chẳng ngại gì đích thân đến Phổ Đà gặp gỡ một phen. Nếu không, chỉ xem Tịnh Độ Thập Yếu và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục sẽ tự biết đường lối, chẳng cần phải nhọc công hỏi ai khác nữa!

Lệnh huynh trung hậu có thừa, dường như có duyên với đạo này, hãy khuyên ông ta thọ trì An Sĩ Toàn Thư ngõ hầu chẳng uổng một phen gặp gỡ. Di Đà Sớ Sao, An Sĩ Toàn Thư mỗi thứ một bộ gởi kèm theo thư để kết tịnh duyên.

23. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ hai)

Mấy phen chưa gặp gỡ, lòng luôn nghĩ nhớ. Mùa Thu năm nay lệnh huynh Chi Phần đi thi Hương, mang thư lên núi, mới rõ sự tu trì gần đây của cư sĩ, lại nói gia đình bất hạnh, phải chôn con yêu, sáng tối lo buồn, chẳng thể yên dạ. Tôi muốn trình bày rõ sự lý nhân quả, nhưng [lệnh huynh] kẹt khóa thi Lục Di[73] buổi sáng, không thể ở lại đêm, cho nên phải nói đại lược. Nay ngày Rằm thanh nhàn, thầy Triệt Quyền đến thăm cho biết tình trạng oán hận của cư sĩ, bảo với vô tri tục nhân rằng: "Làm lành mắc họa, tu hành vô ích" v.v… đủ mọi tà thuyết. Tôi nghe xong, đau xót, sợ bậc thượng trí nhân đó biếng nhác tu hành, kẻ hạ ngu dám làm chuyện ác.

Vì thế chẳng nề bỉ lậu, đem lời nói thẳng trình bày. Như Lai giảng kinh báo thông ba đời. Phàm sanh con đại lược có bốn nhân. Báo thông tam thế là:

1) Thứ nhất là Hiện Báo, nghĩa là hiện tại làm lành, làm ác, đời này được phước, mắc họa. Như sĩ tử tập tành cử nghiệp, đời này được công danh. Đây là điều mắt phàm thấy được.

2) Thứ hai là Sanh Báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, ngay đời sau được phước, chịu tội, như tổ phụ trọng học vấn, cháu con mới phát đạt. Mắt

[73] Thời Minh – Thanh, trước khi thi Hương, có thêm một khóa thi bổ sung gọi là Lục Di. Ai đỗ khóa ấy mới được vào thi Hương. Mục đích của khóa thi này nhằm loại bớt những sĩ tử kém cỏi.

phàm chẳng thấy được điều này, thiên nhãn vẫn có thể thấy được (Đời này, đời sau là ước theo người ấy mà nói, nhưng chuyện cách đời khó thể dùng thí dụ để chỉ rõ nên mới đành tạm thời dựa vào con cháu, tổ phụ cho người khác dễ hiểu, chẳng được chấp vào từ ngữ, khiến ý nghĩa bị trở ngại).

3) Thứ ba là Hậu Báo, nghĩa là đời này làm lành, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc thứ tư, năm, sáu, bảy, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc một, mười, trăm, ngàn, vạn kiếp, hoặc đến vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp mới chịu báo thiện hay ác. Như vương nghiệp nhà Thương, nhà Châu, thật ra bắt đầu nền móng từ lúc ông Tắc, ông Khiết[74] phù tá vua Thuấn, vua Vũ. Nếu là chuyện ba đời, thiên nhãn có thể thấy được. Nếu như trăm ngàn kiếp, thiên nhãn chẳng thể thấy được, nhưng đạo nhãn của Thanh Văn còn thấy được. Nếu là vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp, chỉ có ngũ nhãn viên minh của Như Lai mới thấy được, còn chẳng phải là cảnh giới của đạo nhãn Thanh Văn, huống gì thiên nhãn, nhục nhãn!

Biết được ý nghĩa ba thứ báo này thì làm lành sẽ được điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành phải vướng tai ương, thánh ngôn vốn chẳng sai lầm! Giàu - sang, nghèo - hèn, thọ - yểu, cùng, thông, mạng trời chưa hề thiên vị. Cảnh duyên xảy tới như gương hiện bóng. Người trí biết sửa hình dung ngoài gương, kẻ ngu uổng công ghét hình ảnh hiện trong gương. Cảnh nghịch xảy đến bèn thuận chịu mới là vui theo mạng trời. Chẳng oán chẳng hờn mới hòng lập mạng. Con có bốn nhân: Một là báo ân, hai là báo oán, ba là trả nợ, bốn là đòi nợ.

1) Báo ân là cha mẹ sanh con, đời trước có ân với nó, nên để báo ân bèn sanh vào làm con hòng hầu hạ, phụng dưỡng, sống thờ chết chôn, khiến cho lúc sống thì cha mẹ vui vẻ, lúc mất bèn thờ cúng. Thậm chí tận trung với vua, yêu dân, danh lưu sử xanh, khiến thiên hạ hậu thế do kính người ấy bèn kính trọng cả cha mẹ. Như ông Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành (Ba vị Tăng, Trần, Vương đều là danh thần đời Tống, ông Sử là trạng nguyên đầu đời Thanh. Bốn vị đều tin Phật, chỉ mình ông Trung Tú ngộ nhập rất sâu, bởi đời trước từng là cao tăng, nên dẫu có địa vị cao vẫn không quên nhân gốc). Con hiếu cháu hiền đời này đều thuộc về loại này.

2) Báo oán là cha mẹ đời trước phụ ơn. Để báo oán bèn sanh vào làm con. Nhỏ thì ngỗ nghịch mẹ cha, lớn lên gây họa vạ lây cha mẹ. Sống chẳng phụng dưỡng ngọt bùi, chết đi mang nhục nơi chín suối. Lại quá mức đến nỗi con giữ ngôi vị oai quyền, mưu mô trái lẽ, diệt môn sát tộc, quật mồ cuốc mả, khiến

[74] Tắc là Hậu Tắc, thủy tổ nhà Châu, làm quan coi việc nông thời vua Nghiêu. Ông Khiết là thủy tổ nhà Thương.

thiên hạ hậu thế thóa mạ kẻ ấy lẫn cha mẹ. Như Vương Mãng, Tào Tháo, Đổng Trác, Tần Cối v.v… là loại này.

3) Trả nợ là con đời trước đoạt của cha mẹ, nay để đền nợ bèn sanh vào làm con. Nếu mắc nợ nhiều thì có thể sống với cha mẹ suốt đời. Nếu nợ ít, chẳng tránh khỏi giữa đường chết mất. Như học sắp thành danh bèn táng mạng, buôn bán vừa có lời bèn mất thân.

4) Đòi nợ là cha mẹ đời trước mắc nợ tiền tài của con; để đòi nợ ấy nó bèn sanh vào làm con. Nợ nhỏ uổng phí lễ vật[75], tiền sính lễ mời thầy, cưới vợ cùng răn dạy đủ cách, mong con thành tài, nhưng đại hạn đã tới, chợt chết mất đi. Nợ nhiều thì chẳng phải chỉ vậy, ắt phải táng gia bại sản, nhà tan người chết mới thôi.

Xét kỹ con ông, e rằng là hạng đến để đòi nợ. May là nợ ít nên vừa qua tuổi nhược quan (20 tuổi) liền mất. Hãy nên sám hối túc nghiệp, nỗ lực siêng tu, trời ắt ban cho ông đứa con tốt lành, rỡ ràng nhà cửa. Huống chi Khổng Tử là bậc thánh nhân, tuổi trung niên chôn con, Nhan Uyên là bậc đại hiền, đang tuổi tráng niên chết yểu. Nguyên Hiến nghèo rớt, Tử Lộ tuẫn nạn, Di Tề chết đói nơi Thủ Dương[76], Bá Ngọc cùng quẫn nơi nước Vệ. Há có thể nói là thánh nhân do tu đức mà bị trời khiển trách ư? Hay là sanh tử hữu mạng, phú quý tại trời ư? Chỉ trách đức mình chẳng chân thành, chớ hỏi trời báo họa phước! Làm được như thế, tự nhiên ngũ phước lâm môn[77], lục cực[78] quyết định tránh khỏi nhà mình. Cho lời tôi nói không đáng tin thì kìa như vầng dương sáng chói: Phải biết người sống trong thế gian có đủ tám khổ, dẫu sanh lên trời chưa khỏi ngũ suy[79]. Chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới không có các sự khổ, chỉ hưởng những sự vui.

Chẳng phải là do ông đề xướng, chỉ dạy Tịnh Độ mà trời bèn dùng đứa con vô phước, vô thọ làm một nhát kim đâm vào đảnh đầu ông khiến cho ông biết ba cõi không yên, khác nào nhà lửa, các khổ dẫy đầy, thật đáng kinh sợ hay sao? Mạng người vô thường, nhanh như ánh chớp, đại hạn xảy tới, ai lo phận nấy. Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Với điều này còn không

[75] Nguyên văn là Thúc Tu (một loại thịt muối), lấy điển tích khi xưa Khổng Tử dạy học, học trò đến học bèn biếu thầy một miếng Thúc Tu để xin nhập môn. Cho nên, cổ văn hay dùng chữ Thúc Tu để chỉ quà cáp, lương bổng trả cho thầy để xin cho con theo học.

[76] Khi Trụ Vương bị Châu Võ Vương hưng binh tru diệt, nhà Thương mất ngôi; Bá Di, Thúc Tề là con cháu nhà Thương không chịu ăn thóc nhà Châu, nhịn đói đến chết.

[77] Ngũ phước lâm môn: Năm thứ phước vào cửa, tức là phú, quý, thọ, khang, ninh (giàu, sang, sống lâu, mạnh khỏe, yên ổn).

[78] Lục Cực: Theo Từ Tỉnh Dân trong bài Nho Học Giải Thuyết thì lục cực là bị vùi dập, bệnh tật, lo buồn, nghèo cùng, bị ghét bỏ và thân thể suy yếu.

[79] Ngũ suy: năm tướng suy hiện ra khi một vị trời sắp hết tuổi thọ, tức là hoa trên mão héo úa, nách rịn mồ hôi, áo quần nhơ nhớp, thân mất vẻ oai nghi có mùi hôi và mắt thường hay chớp, không thích chỗ ngồi cũ của mình hoặc làm những việc thô tháo với ngọc nữ.

tỉnh ngộ, dốc sức tu tịnh nghiệp thì khác gì gỗ đá vô tình cùng sanh trưởng trong vòng trời đất. Là trang nam tử có huyết tánh, há chịu sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình lại chịu phận phàm ngu, gặp lời cảnh sách lớn lao chẳng phát phẫn, nghe đạo của thánh hiền, Phật, Tổ lại chẳng chịu hành, ấy là trời phụ người hay người phụ trời vậy? Xin hãy rủ lòng dùng trí huệ quán sát.

24. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ nhất)

Lý Cương[80] là một tác gia thông đạt, ông ta đem kinh Dịch đối chiếu với Hoa Nghiêm để bàn luận, bảo chúng hoàn toàn phù hợp nhau. Ông ta là bậc thiện tri thức không cự tuyệt người đến học, dẫn người vào chỗ thù thắng, mở rộng tầm hiểu biết. Như Mạnh Tử do thấy vua Tề bất nhẫn trước cái chết của một con trâu; suy lòng trắc ẩn ấy, biết vua có thể bảo bọc dân, làm vua thiên hạ, chứ không phải là do yêu thương xuông một con trâu mà hòng làm vua thiên hạ. Đấy là dẫn dụ, chứ không phải là luận khít khao; phàm đọc văn tự của cổ nhân quý ở chỗ lãnh hội được ý. Nếu không chỉ là nhai bã hèm mà thôi!

Ôi! Hoa Nghiêm là pháp tự chứng của Như Lai; tất cả các Độ, các địa vị đều là sự thật, đều có thể biểu thị pháp. Tứ Quả Thanh Văn tuy dự pháp hội, còn như câm điếc, nhân thiên thuộc địa vị phàm phu há thấy biết được ư? Dẫu có thiên long bát bộ [tham dự pháp hội] nhưng đều là những bậc đã đích thân chứng được Pháp Thân, nhằm thượng cầu hạ hóa lợi ích hữu tình, nên đặc biệt hiện thân tám bộ đó thôi, chứ không phải là phàm phu nghiệp báo thật sự vậy! Còn kinh Dịch lập ra những hình tượng hư giả để đoán định cát hung, thuận thiên lý để hướng dẫn tình cảm con người, là thường pháp để trị thế, không phải là đại đạo xuất thế, là nghi tắc, tiêu chuẩn luân thường, chứ không phải là chuẩn mực của Phật đạo. Nhưng với người thông đạt Phật pháp, không pháp gì, chuyện gì chẳng phải là đạo. Nói dọc, nói ngang, nào có dấu vết? Nếu chẳng thể hiểu rõ triệt để tự tâm, cũng bắt chước nói theo như gã thầy thuốc dốt chưa biết chẩn mạch đã bắt chước róc xương. Lông vũ yếu ớt, đậu trên cành còn khó đã toan bay cao, chẳng khiến cho cả mình lẫn người cùng mất mạng là chuyện hiếm lắm!

[80] Lý Cương, tự Bá Kỷ, người xứ Thiệu Vũ, ra làm quan dưới thời Tống Huy Tông. Trong thời Tĩnh Khang, ông thuộc phe chủ chiến nên bị giáng chức. Khi Cao Tông nối ngôi, ông được triệu ra làm tể tướng. Lý Cương rất tin Phật pháp, đặc biệt hâm mộ kinh Hoa Nghiêm. Ông mất năm Thiệu Hưng thứ 10 (1126), thọ 58 tuổi. Trong cuốn Dịch Dữ Hoa Nghiêm Đối Luận (So sánh kinh Dịch và kinh Hoa Nghiêm), ông viết: *"Dịch lập ra hình tượng để diễn đạt ý, kinh Hoa Nghiêm mượn sự để biểu thị pháp. Lý vốn không hai. Thế gian và xuất thế gian cũng không hai đạo. Vì sao vậy? Thiên địa vạn vật, hữu tình không gì chẳng nhiếp!"*

Nay tôi dùng thí dụ để nói rõ: Kinh Dịch gọi cha mẹ là "nghiêm quân", cổ nhân cũng gọi ấp lệnh[81] là Quân, há có phải cha mẹ, ấp lệnh bằng vai phải lứa với thánh thiên tử, chẳng có cao - thấp hay chăng? Lại như gọi một bọt nước là biển, nêu một hạt bụi là cõi đất; biết bọt nước và hạt bụi là chút phần của biển và đất thì được, chứ nói bọt nước và biển cùng sâu rộng như biển cả, cùng rộng dầy như cõi đất thì chẳng được. Một tia nắng qua kẽ hở chính là mặt trời chiếu trời, soi đất; mảnh trời nhìn qua ống hẹp cũng là cõi trời không ngắn, không mé; nhưng phải ra khỏi cửa ngắm mặt trời, bỏ ống hẹp để ngửa trông bầu trời. Há có nên nói ngoài kẽ hở không có mặt trời, ngoài ống chẳng có bầu trời hay chăng?

Cổ nhân gọi Nho là Đạo, đa phần nói như thế. Nếu bảo nói như thế là thật, ắt có lẽ thánh thiên tử và ấp lệnh cùng tôn quý như nhau, biển cả, cõi đất cùng bọt nước, hạt bụi sâu rộng, rộng dầy như nhau hay sao? Mặt trời nơi kẽ hở và bầu trời trong ống cùng mặt trời, bầu trời rộng lớn không ngắn mé cùng trọn khắp như nhau hay sao? Ấy là lời luận bàn tệ hại của những kẻ nhà quê vùng Tề Đông[82], chẳng phải là pháp ngôn của bậc minh tâm kiến tánh. Các hạ nên tự trì giới niệm Phật, lấy sự tu trì của Nho gia làm thường pháp, lấy sự tu trì của Phật giáo làm gia hạnh. Bàn sâu vào lý ắt mất mấy năm, muốn học Phật, Tổ, trước hết phải noi theo thánh hiền. Nếu chính mình thực hiện còn có tỳ vết, trái nghịch luân thường thì đáng gọi là tội nhân danh giáo, sao xứng là đệ tử Phật?

Phật giáo tuy là pháp xuất thế, nhưng gặp vua nói đến Nhân, gặp bầy tôi nói Trung, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, do cạn mà vào sâu, học cái thấp thỏi nhưng đạt được điều cao cả. Hãy đọc kỹ An Sĩ Toàn Thư, ắt biết được đại khái. Phàm phu sửa lỗi hướng thiện và tu Tịnh nghiệp chỉ quý nơi chân thành, kỵ nhất hư giả, chẳng được phô trương cái danh hành thiện tu hành bề ngoài, bên trong ôm lòng bất trung, không khoan dung. Cừ Bá Ngọc lúc năm mươi tuổi biết bốn mươi chín năm trước là sai. Có như thế mới mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ là công thần danh giáo, làm con đích thật của Như Lai. Vì thế, chẳng phải do kẻ Tăng, người tục cùng quẫn hay thông đạt mà luận vậy.

Điều Bất Huệ mong mỏi nơi các hạ cũng chính là điều mong mỏi nơi hết thảy những người thân quen, có vậy mới khỏi bõ công một phen đến Phổ Đà triều bái Đại Sĩ, gặp gỡ Bất Huệ, như thế chính là nghe Phật thừa vậy.

---

[81] Ấp lệnh: người đứng đầu một ấp.

[82] Nguyên văn *"Tề Đông dã nhân chi bỉ luận"*. Tề Đông Dã Nhân là một thành ngữ, hàm nghĩa những lời đồn đãi không có bằng chứng, toàn là ngoa truyền. Tương truyền, người vùng Tề Đông thường nói những lời không đúng sự thật, thích đồn thổi.

25. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ hai)

Phật pháp đến nay suy tàn quá đỗi. Chúng sanh mờ mịt như kẻ mù không ai dẫn đường. Dẫu có một hai thiện tri thức khai thị, nhưng do nghiệp sâu chướng nặng, chánh trí chẳng khai, tuy nghe chánh pháp, chẳng sanh tin tưởng. Dẫu sanh tin tưởng cũng vẫn là phù phiếm, như say, như mộng, trọn chẳng có định kiến. Vừa gặp tà ma, ngoại đạo bèn như nhặng bu theo mùi thối, như thiêu thân đâm đầu vào lửa. Kiến bu, chim tụ, xúm xít muôn ngàn. Vì thế năm đầu niên hiệu Quang Tự (1875), ở Quan Đông[83] có tà phái gọi là Hỗn Nguyên[84], mỗi năm người quy y hơn mười vạn người, đến năm Quang Tự mười một, mười hai, do thói tệ đã bộc lộ, người ta thường ghét thấy. Trong vòng một năm, [kẻ theo tà phái ấy vẫn] còn được mấy vạn.

Gần đây có kẻ xuất gia là con cái ma, toan muốn được đại danh lợi; ba mươi năm trước gã đã cắt xén ngữ lục của cổ nhân hòng lập ngôn, thay đầu đổi mặt, bảo là ngữ lục của chính mình. Nhưng gã ma con ấy một là không thông Tông, hai là chẳng thông Giáo, ba là không học vấn, sợ người khác nói mình không học vấn, làm sao có thể nói được như thế, bèn đặc biệt dùng rất nhiều chữ sai cho giống thật[85], khiến người khác bảo hắn đúng là đại triệt đại ngộ, thuận miệng nói ra, từ ngữ lẫn lý lẽ cao siêu, mầu nhiệm! Chuyện không thích đáng nhất là do gã chưa từng đọc sách, chẳng thông hiểu nghĩa chữ nên bợ

---

[83] Quan Đông: vùng đất ở phía Đông ngoài Sơn Hải Quan, nay thuộc vùng Đông Tam Tỉnh, tức đất Mãn Châu khi xưa.

[84] Hỗn Nguyên Môn là một thứ tà giáo thời Minh Thanh, vốn là một chi phái của Bạch Liên Giáo. Giáo phái này còn có tên là Hồng Dương Giáo, Nguyên Thuần Giáo, do Hàn Thái Hồ ở Khúc Châu, tỉnh Trực Lệ sáng lập. Giáo này phát triển rầm rộ tại vùng Đông Bắc Trung Hoa. Hàn Thái Hồ sanh năm Long Khánh thứ 4 (1570). Năm Vạn Lịch 16 (1588), ông ta đến núi Thái Hổ ở Lâm Thành thuộc tỉnh Trực Lệ tu hành. Sau ba năm tự xưng đắc đạo sáng lập Hồng Dương Giáo, tôn giáo tổ La Thanh của Vô Vi Giáo làm tổ sư, tự xưng mình chính là hậu thân của La Thanh, mô phỏng bộ La Tổ Ngũ Bộ Kinh để soạn ra Hồng Dương Thán Thế Chân Kinh, tạo thành Ngũ Đại Bộ Kinh của giáo phái mình. Rồi trộm lấy những thần chú, Phật hiệu nhà Phật, sửa chữa, cắt xén tạo thành bộ Tỏa Thích Hỗn Nguyên Vô Thượng Đại Đạo Huyền Diệu Chân Kinh gồm 5 bộ khác nhau, gọi là Tiểu Ngũ Bộ. Năm Vạn Lịch 23, ông ta đến Bắc Kinh truyền giáo. Lúc ấy, triều đình nhà Minh rất sùng bái thuật đồng cốt, họ Hàn bèn kết giao với tổng thái giám. Do vậy, được triều đình phong tặng danh hiệu Hộ Pháp, phong thưởng tước vị. Năm Vạn Lịch 26 (1598), Hàn Thái Hồ chết, chỉ mới 29 tuổi. Giáo đồ nhân đó thêu dệt rất nhiều chuyện để thần bí hóa họ Hàn. Vị thần được giáo phái này tôn sùng nhất là Hỗn Nguyên Lão Tổ (còn gọi là Vô Sanh Lão Mẫu), tất cả các kinh sách của đạo này đều bắt đầu bằng Hỗn Nguyên, Hồng Dương hay Hoằng Dương. Giáo nghĩa chủ yếu của họ là thế giới sắp tận thế, ai tu theo Hồng Dương Giáo sẽ được cứu độ. Vào những ngày đản sanh của Phật, Quán Âm, Địa Tạng, và sáng tổ của đạo hoặc các dịp ma chay, giáo đồ tụ tập cử hành tế lễ, tuyên niệm những bài kinh Hoằng Dương Khổ Công Ngộ Đạo Kinh, Hỗn Nguyên Hồng Dương Lâm Phàm Phiêu Cao Kinh, Hộ Quốc Hựu Dân Phục Ma Bảo Quyển, Thái Sơn Đông Nhạc Thập Vương Bảo Quyển v.v… Các hình thức trị bệnh bằng bùa chú, ban thánh thủy, thánh dược cũng rất thạnh hành. Trong thời vua Gia Khánh, giáo phái này giao tranh khốc liệt với Thiên Lý Giáo nên bị nhà Thanh đàn áp, nên suy yếu dần. Hỗn Nguyên Môn mạnh mẽ trở lại vào thời Quang Tự rồi lại bị suy yếu. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc liệt giáo phái này vào danh sách những tà giáo. Đến nay, ở Trung Hoa Đại Lục vẫn còn một hai nhóm theo giáo phái này.

[85] Ý nói: Cố ý dùng những chữ không đúng chỗ, không thích hợp để làm ra vẻ như đang thuận miệng giảng nói, chứ không phải là do biên soạn ra nên từ ngữ không được trau chuốt, gãy gọn.

nguyên xi Vạn Pháp Quy Tâm Lục, Lục Tổ Đàn Kinh, thi kệ của Hàn Sơn chỉ đổi dăm ba chữ mà thôi. Tất cả câu chữ đều như thế, bèn lưu truyền gần xa, nhưng cũng không quyến dụ được nhiều!

Gần đây, gã lại khoe đắc "diệu pháp" khiến cho thiện nam, tín nữ bắt chước nhau quy y, lại bảo muốn đắc diệu pháp nào ắt sẽ được như thế. Do gã ma con ấy thoạt đầu vờ xưng ngộ đạo, người ta chưa quy phục. Gần đây, hắn bèn dối xưng đắc đạo, nên xa gần tranh nhau theo về, tự nói: "Pháp của ta nói khiến người dễ đắc đạo!" Vì thế cả một vùng như cuồng, cùng nhau sùng phụng. Dối xưng đắc đạo thì phải có sự thật người ta mới chịu tin; vì thế, hắn phóng túng không e dè, thuận miệng nói càn, thường bảo cùng người: "Ta có thể nhập định siêu độ cho vong hồn được sanh lên trời, hoặc sanh về Tịnh Độ! Có thể biết hết thảy người đã mất sanh lên trên trời hoặc sanh trong nhân gian và ba ác đạo. Lại biết người này thượng phẩm vãng sanh Tây Phương, người kia trung phẩm vãng sanh, người nọ sanh vào hạ phẩm". Do vậy, chẳng những ngu phu, ngu phụ cố nhiên ngả theo chiều gió, ngay cả những bậc sĩ đại phu không thông Phật lý cũng tưởng hắn thật sự đắc đạo, bèn quy y tin thờ.

Chuyện như vậy nay thấy nhiều lắm. Dẫu có người trí chê là cuồng vọng, nhưng vì tà thuyết đó đã ăn sâu vào lòng người nên chẳng ai tin [lời bậc trí giả]. Từ xưa, cao tăng hoặc Phật tái lai hoặc Bồ Tát thị hiện đều giữ phận phàm phu, trọn chẳng nói ta là Phật, ta là Bồ Tát. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Sau khi ta diệt độ, truyền cho các Bồ Tát và A La Hán ứng thân sanh trong thời Mạt Pháp, hiện đủ mọi hình, độ những kẻ đang luân chuyển, trọn chẳng được tự nói mình thật là Bồ Tát, thật là A La Hán, tiết lộ mật nhân của Phật, dễ dãi nói cùng kẻ chưa học. Chỉ trừ khi mạng chung, ngầm để lại dặn dò"*.

Như Trí Giả đại sư thật sự là hóa thân của Phật Thích Ca, đến lúc lâm chung, có người hỏi đến địa vị chứng nhập, bèn đáp: *"Nếu ta không lãnh chúng, ắt tịnh sáu căn. Do tổn mình lợi người nên chỉ dự vào Ngũ Phẩm",* tức là vẫn còn thuộc địa vị phàm phu. Ngũ Phẩm chính là địa vị Quán Hạnh trong Viên Giáo, sở ngộ ngang với Phật, đã khuất phục trọn vẹn Ngũ Trụ Phiền Não, nhưng chưa thể đoạn Kiến Hoặc. Ngài Trí Giả lúc lâm chung còn chẳng hiển Bổn, ý muốn cho hàng hậu học dốc chí tu hành tinh ròng, chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, cũng như chẳng lấy phàm lạm thánh vậy! Nay lũ ma kia bịp xằng đắc đạo chính là hoại loạn Phật pháp, là kẻ đại vọng ngữ lầm lạc chúng sanh. Cái tội đại vọng ngữ ấy thậm chí còn nặng gấp trăm ngàn lần tội Ngũ Nghịch, Thập Ác! Thầy đó, trò đó sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục A Tỳ trải Phật sát vi trần kiếp số [86] luôn chịu cực khổ còn chưa được xuất ly. Sao lại

[86] Phật sát vi trần kiếp số: Tức số lượng nhiều như số tất cả hạt vi trần trong một cõi Phật.

khổ vì danh lợi hư phù một lúc, cam chịu hình phạt thảm khốc bao kiếp? Danh lợi mê hoặc người đến nỗi như thế ấy!

Gã ma con kia bảo pháp hắn đã nói khiến người dễ đắc đạo tức là hiểu cái tâm sanh diệt là thường trụ, tưởng *"không làm thiện, không đoạn ác"* là bất sanh bất diệt, bác không nhân quả, sụp hầm tà kiến. Đấy chính thực tế của chuyện gã ma con chèo kéo đồ chúng, khiến họ [lầm tưởng] đều đã đắc đạo. Vì thế, có kẻ thường ngày trì trai niệm Phật, vừa thân cận bọn chúng liền không trì trai, không niệm Phật nữa! Kỳ dư, hết thảy những chuyện cải ác hướng thiện, biết nhân hiểu quả, vun đức trồng phước v.v… thảy đều bỏ hết.

Chúng chỉ dạy người ta khán một câu thoại đầu, nhưng thật ra chẳng biết khán như thế nào, thế nào là thoại đầu? Bèn đem những lời đối ứng căn cơ của cổ nhân bảo người khác y văn giải nghĩa, suy lường, dò đoán. Như những câu *"con chó không có Phật tánh, cây bách trước sân, que cứt khô, ba cân gai, cái áo vải nặng bảy cân"* v.v… thảy đều bóc trần từng chữ để giảng nghĩa, cho là tu tham Thiền, là thấu triệt công án. Vừa mới ngồi yên được một chút và có thể giải nghĩa dựa theo văn tự, bèn ấn chứng: "Người này túc căn sâu dầy, người kia hiện đang tu hành tinh thuần, nên dụng công chưa lâu đã thấu triệt". Chuyện tham Thiền nói dễ dàng sao? Cổ nhân như ngài Triệu Châu Thẩm thiền sư, xuất gia từ nhỏ, đến lúc ngoài tám mươi vẫn còn hành cước[87]. Vì thế có bài tụng rằng:

Triệu Châu bát thập do hành cước,
Chỉ vị tâm đầu vị tiêu nhiên.
(Triệu Châu tám chục còn hành cước,
Do bởi trong tâm chửa rỗng rang)

Ngài Trường Khánh ngồi rách bảy cái bồ đoàn rồi mới khai ngộ; ngài Dũng Tuyền đến năm bốn mươi vẫn còn nhọc nhằn, Tuyết Phong ba lần lên gặp ngài Đầu Tử, chín lượt lên Động Sơn. Những vị đại tổ sư đại triệt đại ngộ còn khó khăn như thế. Bọn ma con kia vừa mới nghe ma thuyết đều khai ngộ ngay, những vị tổ sư vừa nói ấy có xách giày cho chúng cũng chẳng đáng hay sao?

Phải biết tổ sư ngộ là từ mê đến ngộ, hễ ngộ rồi sẽ ngộ vĩnh viễn, còn cái "ngộ" của bọn ma là do mê bèn lầm, hễ lầm rồi bèn vĩnh viễn lầm. Tuy đồng âm với Ngộ[88], nhưng sự thật trái nghịch với Ngộ. Do bọn ma kia từ lúc mới phát tâm, một là không giới hạnh, hai là không có chánh trí, ba là chẳng biết thoại đầu là phương tiện để đánh động, tham thấu tự tâm, cứ tưởng dựa theo

[87] Hành cước: Thiền khách đi tham học khắp với các bậc tôn túc đã chứng ngộ trong tùng lâm thiên hạ.
[88] Ngộ 悟 (bộ Tâm) là giác ngộ, còn Ngộ 誤 (bộ Ngôn) là lầm lẫn, mê lầm. Ngộ của bọn ma chính là Ngộ (lầm lẫn).

văn nghĩa suy đoán chính là tham [thoại đầu]. "Tham Thiền" kiểu đó thì người thông minh trong thế gian sẽ đều là bậc đại triệt đại ngộ hết.

Như kẻ chẳng biết ma-ni bảo châu thấy mắt cá, quý trọng cất đi, khoe khoang cùng người: "Tôi đã có được châu ấy". Mọi người cũng chẳng biết thế nào là châu, thế nào là mắt cá, bèn xúm xít tìm cầu, ai nấy đều được châu ấy. Từ đó, phát đại thệ nguyện khiến cho khắp đồng bào nghèo khổ đều được châu ấy. Một mai gặp được khách thương người Hồ[89], muốn đổi châu lấy nhiều vàng. Khách thương người Hồ ném đi, mắng rằng: "Sao lại đem mắt cá làm bẩn mắt ta?" mới biết mình đã phí sạch tâm cơ, chỉ đành hổ thẹn muốn chết mà thôi!

Nhưng thói thường con người buông lung thì dễ, câu thúc thì khó. Dạy trì trai niệm Phật bèn cảm thấy miệng ăn mất ngon, thân tâm thường khổ sở, nhọc nhằn. Gã ma kia bảo chỉ cần giữ cái tâm tốt, cần gì phải ăn chay? Ngươi vốn là Phật, cần gì phải niệm Phật? Do vậy, thật là hợp với cái tánh lười nhác, biếng trễ của mình, chẳng muốn bó buộc, mặc tình phóng túng như tù được lệnh tha, vui mừng khôn xiết! Nếu hỏi đến duyên do, bèn nói:

- Đạt Ma từ trời Tây sang đây, không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật. Ngươi chỉ khán một câu thoại đầu ắt thấy được tánh. Thấy được tánh rồi liền gọi là thành Phật. Đã thành Phật rồi, hết thảy đều không: không nhân, không quả, không tu, không chứng, một pháp chẳng lập, gọi là chân giải thoát. Ai dạy người trì trai niệm Phật, cải ác tu thiện, sợ nhân quả, vun bồi phước đức, đều là chẳng biết trong Tự Tánh không pháp nào chẳng đủ, cũng như không thể lập được một pháp nào. Ngươi chấp trước pháp tướng, chẳng chịu lìa bỏ. Bỏ gốc đuổi theo ngọn, không dây mà tự buộc. Người như thế gọi là Tiểu Thừa. Sao có thể coi là thiện tri thức để thân cận được ư? Phải biết những pháp Như Lai nói về nhân quả, tu chứng v.v… đều là lấy lá vàng giả làm vàng để dỗ trẻ nín khóc; bọn họ lại chấp là thật, vậy là trí bọn họ có khác gì trẻ nít đâu! Nếu là đại trượng phu, Phật còn chẳng thể được, há còn có những pháp nhân quả, tu chứng v.v… Nếu lập một mảy trần, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Ông chỉ tự biết mình đã là Phật thì dù cho ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm, không pháp nào chẳng phải là Phật pháp! Trên thiên đường, dưới địa ngục, áo trời, thức ăn trời, vạc dầu, lò than, có cảnh nào chẳng phải là Phật cảnh? Tự ta chính là Di Đà, ngay nơi đây chính là Cực Lạc; há nên khuấy động cái tâm vọng tưởng nghiệp thức, quang quác cái miệng do cha mẹ sanh ra để cả đời niệm Phật suốt ngày, chịu nhiều oan uổng ư? Cầu đến lúc lâm chung vãng sanh Tây Phương, bỏ mình cầu nơi người, bỏ nhà lang thang, há chẳng phải là tri kiến điên đảo, tu tập lầm loạn hay sao?

[89] Nguyên văn "Cổ Hồ" là những lái buôn người Hồ. Xưa những người từ Tây Vực, Tân Cương thường vào Trung Hoa buôn bán, người Trung Hoa nhất loạt gọi họ là người Hồ.

Các thứ ma thuyết đại để là như thế. Nay thử luận xem:

- Nếu "chỉ cần tâm tốt cần gì phải trì trai" thì giết thân mạng chúng sanh để sướng cái miệng là hảo tâm hay không hảo tâm? Vả nữa, khi binh kiếp, giặc đến giết người cũng nên coi đó là hảo tâm. Ví như lúc ngươi bị nó giết bèn sẽ cảm ơn hay oán hận vậy? Ngươi vốn là Phật, chẳng chịu niệm đức Phật nào khác, sao lại chịu giết chúng sanh để ăn? Những chúng sanh ấy chẳng phải đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai hay sao? Như vậy, tâm tánh của ngươi vốn đã là Phật, nhưng hành vi của ngươi vốn là chúng sanh, sao chưa đắc bảo là đắc, đem phàm xen lộn thánh, coi niệm đức Phật khác là nhục, coi sát sanh là vinh hiển như vậy?

Đạt Ma từ trời Tây qua, không lập văn tự là vì muốn cho con người chứng ngộ triệt để bản thể, chẳng chú trọng đọc tụng ngôn ngữ xuông. Nếu khế nhập bổn thể thì văn tự chính là bản thể, chính là tướng giải thoát. Suốt ngày đọc tụng, y giáo tu hành, rốt ráo chẳng có được tướng văn tự. Như các bậc đại lão Vĩnh Minh Diên Thọ, Thủ Sơn Niệm, Thê Hiền Thực, Dục Vương Vi v.v… đều suốt đời đọc tụng, há các Ngài đều không biết ý chỉ *"chẳng lập văn tự"* hay sao? Chỉ do ngươi hiểu lầm ý nghĩa "bất lập" là phế bỏ, bèn nói hết thảy kinh điển Tiểu, Đại Thừa, vô lượng pháp môn do Như Lai đã nói đều là dùng lá vàng giả làm vàng để phỉnh phờ trẻ nhỏ. Nếu như vậy, Ca Diếp, A Nan, Mã Minh, Long Thọ, Vĩnh Minh, Thủ Sơn v.v… đều là những gã chơi với lá vàng. Ngươi đã cho là họ đều sai sao còn truyền thừa pháp của họ, bảo mình là Thiền Tông. Nếu họ đúng thì "Thiền Tông" của nhà ngươi chẳng phải là Thiền Tông của họ! Ngươi chỉ mạo danh họ, là ác tặc phá hoại pháp của họ mà thôi!

Hơn nữa, ngươi chấp trước vứt bỏ văn tự mới là "không lập văn tự" thì Lục Tổ nói: *"Chỉ một câu 'chẳng lập' ấy đã là văn tự, huống gì còn có tám chữ chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật!"* Mười sáu chữ ấy của tổ Đạt Ma từ trời Tây qua là văn tự hay không phải là văn tự? Lại nữa, hết thảy đều không, không nhân, không quả, không tu, không chứng, một pháp chẳng lập gọi là chân giải thoát, thế sao lại lập phá trai, báng Phật? Sao chẳng chịu để cho các pháp nương vào ác, phế thiện, mê muội nhân quả, chiết phước tổn đức v.v… đều không? Thượng trí biết Không càng tăng tấn đức, hạ ngu biết Không bèn bỏ thiện. Ngàn trăm năm trước, Phật, Tổ sớm đã vì ngươi phán định, ngăn ngừa.

Ngươi gièm báng người khác chấp vào thiện pháp là "bỏ gốc theo ngọn, là không dây tự trói, là Tiểu Thừa", còn ngươi chấp vào ác pháp, chẳng chịu vứt bỏ, đời này sẽ chịu phép nước, chết đi đọa mãi trong A Tỳ, ấy có phải là bỏ ngọn theo gốc, ấy có phải là trói mà không trói, ấy có phải là Đại Thừa hay chăng? Ngươi nói: "Đại trượng phu Phật còn chẳng thể được, huống hồ có nhân quả tu chứng. Nếu lập một mảy trần thì không phải là Phật pháp; cho nên Phật,

nhân quả, tu chứng đều là mảy trần, đều chẳng được lập", nhưng ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm, há chẳng phải là mảy trần đều lập được hay sao?

Lại hỏi: Cái tâm ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm là tâm Phật hay tâm chúng sanh? Nếu bảo là tâm Phật, há Phật giữ cái tâm ấy ư? Làm những chuyện ấy ư? Nếu bảo là tâm chúng sanh thì há có còn là vượt ngoài nhân quả, có còn chẳng phải là trần, có còn là Phật pháp nữa hay chăng? Địa ngục vẫn là cảnh Phật, ngay nơi đây chính là Tây Phương thì khổ cũng chẳng chán, vui cũng chẳng cầu, không lấy, không bỏ, quên ghét, quên yêu, sao lại tham cầu danh lợi đời này, hư vọng mong chết đi để lại tiếng tốt? Xén trộm lời cổ nhân, thay đầu đổi mặt, cho là ngữ lục của chính mình, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng bảo đã chứng, đem phàm xen lộn thánh, dối xưng tri thức, dạy nhiều nam nữ thiện tâm đọa hầm tà kiến, chôn mất huệ mạng, từ đây đọa mãi trong ác đạo, muốn thoát ra không có cách nào! Xét đến bổn nhân của gã ma con ấy chẳng qua là muốn được danh lợi hư phù, mong người khác gọi mình là bậc đại thiện tri thức mà thôi. Biết rõ hậu báo thì tình trạng đau đớn thê thảm dẫu hết sạch trúc[90] khó chép hết được nổi, chẳng đáng buồn sao?

Ông đã phát tâm niệm Phật, nên dựa theo những gì đã nói trong kinh luận Tịnh Độ mà tu. Những lời gã ma con nói chỉ là ăn cắp từ lời lẽ của các tổ sư Tông Môn, do bản thân gã hiểu lầm ý nhà Thiền, nên gã nói gì cũng đều dường như là đúng nhưng thật ra là sai, thật sự trái nghịch đạo lý nhà Thiền, thật sự là kẻ oán của Phật pháp. Nếu bị hắn dụ, theo bè đảng hắn sẽ khó tránh khỏi vì hảo tâm mà chuốc lấy quả ác, trọn chẳng thể thân cận gã ma con ấy! Nên khăng khăng giữ lấy quy củ của liệt tổ Tịnh tông đã thành lập, trì trai niệm Phật, cải ác hướng thiện, biết nhân hiểu quả, vun phước trồng đức, để mong đời này tiêu trừ nghiệp chướng, lâm chung chánh niệm vãng sanh mới hòng khỏi uổng một đời này, đích thân làm đệ tử Như Lai! Phải biết một pháp Thiền Tông gọi là *"giáo ngoại biệt truyền"* (truyền riêng ngoài giáo), phàm những gì đề xướng đều là *"ý tại ngôn ngoại"*, ngàn lời vạn lẽ đều nhằm chỉ về Pháp Thân Lý Thể chẳng dính dáng gì đến nhân quả, tu chứng, phàm, thánh, chúng sanh, Phật, để con người trước hết ngộ được Thể này, rồi mới bắt đầu tu nhân, chứng quả, siêu phàm nhập thánh, tức là chúng sanh thành Phật đạo về mặt Sự.

Thế nhưng những lời ứng với căn cơ gọi là "cơ phong", hoặc gọi là "chuyển ngữ" ấy đều là muốn cho người ta tham thấu tự hiểu, nên không có nghĩa lý gì. Nếu hiểu được thì là may mắn lớn. Nếu không hiểu thì lấy câu nói ấy làm bổn mạng nguyên thần, quên ăn bỏ ngủ, suốt ngày thâu đêm như một người chống lại vạn người, chẳng dám có chút gián đoạn, phóng túng. Một năm

[90] Thời cổ dùng thẻ tre làm giấy ghi chép, nên thường có thành ngữ *"khánh trúc nan thư kỳ tội"* (hết sạch trúc khó chép hết nổi tội)

chẳng ngộ bèn tham hai năm, mười năm chẳng ngộ bèn tham hai mươi năm. Một đời chẳng ngộ bèn đời đời tham. Nếu quả thật dốc trọn thâm tâm này mà tham cứu câu ấy, quyết chẳng có lẽ nào không ngộ! Ngộ rồi, bèn gọi là "ngộ đạo", vẫn phải trải qua các cảnh duyên để rèn giũa tập khí, ngõ hầu phiền hoặc hết sạch mới gọi là chứng đạo. Gã ma con kia tưởng lầm là ngộ, ngộ của hắn xét về toàn thể là ngộ nhận, nói chi đến chứng, nhưng chẳng biết hổ thẹn, chẳng sợ nhân quả, đến nỗi vô lượng nam nữ hảo tâm bị gã dụ dỗ cùng đoạn thiện căn. Ông dốc lòng tin vào lời này sẽ chẳng bị gã đó hãm hại. Hãy nhớ lấy, nhớ lấy!

26. Thư trả lời anh em cư sĩ X… ở Vĩnh Gia

Giữa Xuân vừa hết, đã sang tiết Hè, quang âm vùn vụt, thật đáng kinh người. Thường nhớ hai vị tín tâm chân thành, khẩn thiết, pháp nhãn chưa tỏ, nên đến nỗi bỏ chỗ cao minh chọn lấy chỗ tối tăm, hèn tệ. Khác nào bỏ vị Phật sống trong nhà đi thờ pho tượng đất ngoài đồng; chẳng những tự đánh mất chánh kiến còn để tiếng chê cười cho thiên hạ. Tuy Quang tôi tiến thoái lưỡng nan, thẹn thùng sâu xa, vẫn gởi thư để sau này quý vị có dịp sẽ tùy thời xem đến. Quang tôi mắt mờ, sức yếu, nếu không có chuyện gì bèn chẳng gần gũi bút mực; ví như có chuyện phải đụng đến thì khác gì gom chữ, chồng giấy, nào có khả quan gì? Nhưng sợ cô phụ lòng mong mỏi, nay bèn đem những cơm thừa, canh cặn trước đây tạm gom thành một hai món. Nếu chẳng hiềm chua hôi cũng có thể coi như là thứ khác thường để nếm vị diệu tuyệt của tự tánh.

Bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận là do vào năm Dân Quốc thứ ba (1914), cư sĩ Địch Sở Thanh vì ông Đoan Phủ trở về quê, số báo thứ mười ba không đủ bài nên mới bảo tôi viết một hai bài cho xôm tụ. Sau này, không người chủ trì bèn ngừng không xuất bản. Bài luận văn ấy tuy dở vụng, nhưng giúp đoạn nghi sanh tín không ít. Phần giải thích về bài Tứ Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh nên xem kỹ càng. Nếu không tin tưởng như thế bèn thành hư văn. Đấy là những điều Bất Huệ tôi đau lòng nhức óc phát huy trong mấy mươi năm, muôn vàn chớ vì người đời nay nói này nói nọ mà cô phụ tâm đại từ bi của tổ Vĩnh Minh. Bài luận *"Lợi ích của việc trì kinh phải do tâm mà luận*" là vì người đời nay thọ trì kinh điển trọn chẳng sanh khởi lòng kiêng dè mà viết. Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải cầu nơi kính sợ. Có thể dốc kiệt lòng thành, dốc cạn lòng kính thì dẫu là quả đức rốt ráo còn có thể chứng được, huống chi những thứ kém hơn ư?

Các bài khác đều là tùy sự mà viết, đấy chính là lấy đá nơi núi khác chế biến thành ngọc, chỉ xét đến phần lợi ích – đừng so sánh về hình tích – thì sẽ

được lợi ích nhỏ nhoi, nếu đem sánh với trước tác của cổ đức ắt phải đem đốt ngay không chần chừ, huống hồ còn có thể để lọt vào mắt được ư?

Sách Giản Ma Biện Dị Lục văn lý cao sâu, Thiền Giáo dung quán, soạn từ mùa Hạ năm Ung Chánh thứ mười một (1733) đến năm mười ba (1735) mới xong, chưa kịp khắc in, xe rồng đã lên làm khách cõi trời. Đến sau này lúc in, do nguyên bản dùng nhiều chữ Thảo để thay thế[91], kẻ chép lại không xem xét kỹ bèn thay nhiều [chữ Thảo] bằng chữ đủ nét [nhưng không xét đến văn cảnh] khiến tác phẩm bị sai ngoa nhiều không kể xiết. Giả sử Thanh Thế Tông (Ung Chánh) còn sống, chắc chắn chẳng đến nỗi như thế. Mùa Xuân năm nay, tôi giảo chánh tường tận hai lượt, mong hoàn lại bản lai diện mục [của sách], đợi sau này đầy đủ nhân duyên, ngõ hầu chẳng phụ Thế Tông một phen dốc cạn tâm ý.

Thiện Đạo hòa thượng là Di Đà hóa thân, có đại thần thông, có đại trí huệ, xiển dương Tịnh Độ rộng rãi, không chuộng huyền diệu, chỉ trọng chỗ chân thật, thiết thực, bình phàm, thực tiễn dạy người tu trì. Lời dạy của Ngài về hai cách Chuyên Tu và Tạp Tu lợi ích vô cùng.

1) Chuyên Tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (phàm những khi đi nhiễu và hết thảy những khi thân chẳng buông lung thì chính là thân nghiệp chuyên lễ), khẩu nghiệp chuyên xưng (phàm tụng kinh chú, có thể chí tâm hồi hướng thì cũng có thể gọi là chuyên xưng), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương vạn người chẳng sót một.

2) Tạp Tu là kiêm tu các pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất khó được lợi ích, trong trăm người khó được một, hai; trong ngàn kẻ hiếm được ba bốn người vãng sanh.

Đấy là lời thành thật từ kim khẩu, là lời phán định đanh thép ngàn đời chẳng đổi được. Hai vị nên dùng lời này để tự lợi, lại nên dùng lời này để lợi khắp hết thảy. Còn như pháp trì chú chỉ có thể dùng làm Trợ Hạnh, chẳng được coi pháp Niệm Phật là hạnh tu kèm, coi Trì Chú là Chánh Hạnh. Tuy pháp môn Trì Chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phàm phu vãng sanh hoàn toàn do tín nguyện chân thành, khẩn thiết, cảm ứng đạo giao với hoằng thệ đại nguyện của Phật A Di Đà, nên được tiếp dẫn. Nếu chẳng biết ý này, thì pháp nào, hạnh nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, tùy ý tu pháp nào cũng đều thấy là pháp nào cũng được, bèn thành *"không Thiền, không Tịnh Độ; giường sắt và cột đồng, vạn kiếp lẫn ngàn đời, không một ai nương tựa!"*.

[91] Ý nói trong nguyên bản có nhiều chỗ dùng lối chữ Thảo để viết tắt, hoặc dùng chữ đồng âm để viết cho gọn (tức là lối Giả Tá). Khi người ta sao lại để in không xét kỹ ngữ cảnh, cứ thay bằng chữ đủ nét tương ứng nhưng không phù hợp ngữ cảnh làm cho sai lạc ý nghĩa.

Nếu tự biết mình là phàm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân, không dựa vào hoằng thệ nguyện lực của Như Lai, quyết khó thể trong đời này thoát khỏi luân hồi, mới biết lực dụng của giáo pháp cả một đời [đức Phật] đều chẳng thể sánh với một pháp Tịnh Độ. Trì chú, tụng kinh để trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được! Nếu sanh tâm lầm lạc, muốn cầu thần thông thì có thể nói là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu tâm ấy cố kết, lại còn chẳng thông mặt Lý, giới lực không vững, tâm Bồ Đề chẳng sanh, tâm ta - người càng thạnh, ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng. Phàm muốn đắc thần thông, trước hết phải đắc đạo; hễ đắc đạo sẽ tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức nơi đạo, chỉ cầu thần thông, đừng nói chi thần thông chẳng đắc, dẫu có đắc cũng trở thành chướng đạo. Vì thế, chư Phật, chư Tổ đều nghiêm cấm chẳng cho người tu học vậy. Do trong đời thường có hạng người kiến giải như vậy nên phải thuật tỉ mỉ nhiều lượt.

Lệnh thân[92] của hai vị còn tại thế, hãy nên đem pháp môn Tịnh Độ, sự tích, cảm ứng thường giảng giải cho họ, ngõ hầu họ sanh tâm hoan hỷ, tin nhận, phụng hành. Nếu chẳng coi đó là hiếu, dẫu có thực hiện trọn những điều thế gian gọi là Hiếu rốt cuộc có lợi ích gì cho cha mẹ đâu? Đại Vũ là bậc đại thánh nhân chẳng cứu nổi hồn ông Cổn hóa thành con hoàng nãi[93] chui vào vực Vũ Uyên. Thấy điều đó chẳng đáng kinh sợ ư? Nếu đã tỉnh ngộ, hãy cầu sao dẫn dắt được thần thức của cha mẹ cao dự hải hội, thân cận Di Đà, hòng chứng được vô lượng quang thọ sẵn có nơi tự tâm.

Cư sĩ Chí Liên tuy siêng khổ hạnh, chỉ e tông chỉ Tịnh Độ còn chưa biết, rất có thể lòng bà ta sẽ cầu chuyển được thân nữ, hoặc cầu sanh vào chốn an vui trong cõi trời người, chẳng thể triệt để buông xuống, đến nỗi đánh mất vô biên lợi ích nơi những chuyện vui nhỏ nhặt của thế gian. Cũng nên thường giảng nói cho bà ta biết khiến chí hướng được quyết định. Phàm khuyên một người sanh Tịnh Độ chính là thành tựu cho một chúng sanh làm Phật. Phàm thành Phật ắt độ vô lượng chúng sanh, công ấy do ta khởi đầu, công đức lợi ích há thể nghĩ bàn được ư?

Lại nữa, tự mình đã tu Tịnh Độ, phải nên đem pháp môn này khuyên khắp hết thảy, huống hồ với thê thiếp, con cái há chẳng nên khuyên phát tâm khiến họ bị mất lợi ích lớn lao hay sao? Nếu họ do thiên tánh thân cận pháp này thì còn gì thiện bằng; nếu họ hơi trái nghịch cũng sẽ dần dần tiêm nhiễm, ắt sẽ từ xa thành gần. Đấy mới là yêu thương sâu xa, mới là lòng từ rộng lớn. Bỏ đi điều này mà bảo là từ ái thì chỉ là hữu danh vô thực mà thôi!

---

[92] Lệnh thân: tiếng tôn xưng cha mẹ của người khác.

[93] Chữ Hán ghi là Hoàng Năng 黃能, tổ Ấn Quang chú thích: *"Âm Nãi, bình thanh, tức tam túc miết"* (đọc là Nãi, đọc thanh ngang, chính là con ba ba có ba chân). Ông Cổn là bố vua Đại Vũ.

Nói xuông chẳng đủ để thuyết phục, tạm chép một hai điều để hai vị thấy đại lược, muốn xem tường tận hãy đọc Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Lạc Bang Văn Loại[94] v.v… ắt sẽ có căn cứ để bắt chước theo, không còn hoài nghi được nữa. Một bộ Pháp Uyển Châu Lâm[95] thuật rõ nhân quả, lý sự đều cao, có thể đối trị cố tật mù quáng bài bác nhân quả, phóng túng, không e dè gần đây. Phàm ai có tín tâm đọc sách nên thường khuyên họ đọc sách ấy, chẳng những hữu ích cho thân tâm tánh mạng, lại còn thật sự có ích cho chuyện cách vật trí tri[96], văn chương, học vấn. An Sĩ Toàn Thư cũng có tác dụng tương tự, kẻ văn nhân đều chẳng thể không biết. Nỗi khổ Sa Bà nói chẳng thể hết, dẫu nhằm thời thanh bình vẫn thường ngày khổ não, do chúng sanh tiếp xúc lâu ngày thành quen nên chẳng tự biết.

Gần đây, Trung Quốc trải mấy lượt binh biến, đúng là khổ chẳng thể nói. Nhưng các nước bên Âu Tây đại chiến ba năm, người chết gần ngàn vạn, mở đầu cuộc binh kiếp lần thứ nhất, nhưng tình hình chiến tranh vẫn còn dữ dội, chẳng biết rốt cuộc thế nào? Lặng im suy nghĩ, quả thật đáng sợ hãi, bên kia họ đang tận lực tìm cách tàn diệt nước khác. Ác báo do ác nghiệp của chúng sanh trong quá khứ chiêu cảm cũng chưa lúc nào đến nỗi cực độ như thế. Nay nghe lời này, hãy nên phát phẫn đại tâm, mau cầu vãng sanh. Sau đấy, trở vào Sa Bà, phổ độ hết thảy. Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Bồ Tát sợ chuốc lấy quả ác nên đoạn nhân ác. Nhân ác đã đoạn thì quả ác không sanh từ đâu được. Chúng sanh đua nhau gây nhân ác, đến nỗi thọ quả ác. Khi hứng chịu quả ác, chẳng biết tự sám hối nghiệp cũ, lại gây tạo pháp ác nghiệp để đối trị nên oan oan tương báo bao kiếp chẳng ngơi. Chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ sao? Biết rồi mà chẳng cầu sanh Tịnh Độ thì chẳng phải là người nữa!

---

[94] Lạc Bang Văn Loại: Tác phẩm này gồm năm quyển do ngài Tông Hiểu (1151-1214) soạn vào đời Nam Tống, hoàn thành vào năm Khánh Nguyên thứ sáu (1200). Nội dung bao gồm các đoạn văn trọng yếu trong các kinh luận liên quan đến Tịnh Độ, cũng như liệt kê tên các trước thuật, thi kệ, truyện ký của chư tổ sư, phân thành mười bốn môn (đề mục), chia thành hơn 220 thiên. Về sau, ngài Tông Hiểu soạn thêm cuốn Tục Biên Lạc Bang Di Cảo để bổ sung.

[95] Pháp Uyển Châu Lâm tổng cộng gồm 100 quyển do ngài Đạo Thế (?-683) soạn vào năm đầu niên hiệu Tổng Chương đời Đường (668). Đây là một loại bách khoa toàn thư vô cùng quý giá về các kinh luận Phật giáo. Ngài Đạo Thế đã dựa theo bộ Đại Đường Nội Điển Mục Lục và Tục Cao Tăng Truyện của anh mình là Đạo Tuyên để biên soạn. Tác phẩm này gồm một trăm thiên, chia thành 668 tiểu loại, trình bày đại lược tư tưởng, thuật ngữ, pháp số v.v… của Phật giáo. Sách dẫn rộng các kinh, luật, luận, ký, truyện (hơn cả bốn trăm thứ). Rất nhiều tác phẩm được Pháp Uyển Châu Lâm nhắc đến nay đã bị thất lạc.

[96] Cách vật trí tri: Theo cách hiểu thông thường của Tống Nho, cách vật trí tri nghĩa là học hỏi nghiên cứu sự vật để hiểu biết thấu đáo. Tổ Ấn Quang giảng câu này phải hiểu là "cách trừ vật dục" (tức trừ khử lòng ham muốn) mới thấu đáo được đạo.

27. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

Nhìn chung, ông chọn lựa học vấn trong hai mươi năm, trải đủ nạn hiểm rồi mới có thể từ Nho học Phật, từ Tục tu Chân, bỏ tự lực, chuyên đề cao Tịnh Độ.

Có thể nói là *"tam sanh hữu hạnh",* đồng về một đạo vậy. May mắn lắm! An ủi lắm! Phàm con người trong đời trước quả thật đã trồng thiện căn thì đừng nói là vì học cầu đạo nên có thể tạo thành cơ sở tốt đẹp cho đại sự xuất thế, mà ngay cả phiền não Hoặc nghiệp tham - sân - si, tật bệnh dây dưa, đủ mọi ác báo vẫn đều có thể tạo thành nhân duyên xuất sanh tử nhập Phật pháp, tùy thuộc người ấy có thể tự tỉnh ngộ hay không!

Không thể tự phản tỉnh thì đừng nói chi kẻ tầm thường bị cái học thế gian câu thúc, ngay cả Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v… tuy học vấn, tu dưỡng, kiến giải thảy đều kỳ đặc, trác tuyệt, nhưng rốt cuộc cũng chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Học vấn, tu dưỡng, kiến giải của họ có thể dùng làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng họ không biết tự phản tỉnh, rốt cuộc thành chướng ngại cho việc nhập đạo. Đủ biết nhập đạo khó khăn, đúng là khó hơn lên trời vậy!

Những câu như "chớ chấp trước" về Lý thì đúng, nhưng về Sự lại chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất có thể làm được! Suốt ngày mặc áo, ăn cơm, bèn nói khơi khơi chẳng chấp đói lạnh, bảo với kẻ bụng rỗng, suốt ngày chẳng được chén nước hạt cơm, sắp chết đói rằng: "Ta xem gan rồng, tủy phượng giống như vật nhơ, nghĩ đến muốn ói, huống gì nuốt xuống được!" Cùng là một loại nói xuông như vậy thôi. Hiện thời người không rõ giáo lý, ngay những kẻ tham Thiền thường đa phần mắc bệnh giải thoát xuông này. Còn như khi tịnh tọa lắng lòng, không cảnh hiện tiền, bất quá là do ngưng lặng khuất phục vọng tưởng nên ngẫu nhiên huyễn cảnh phát hiện. Nếu tưởng lầm đó là dấu hiệu [chứng tỏ mình chứng ngộ] rồi sanh hoan hỷ lớn ắt sẽ mất trí thành cuồng, Phật cũng khó lòng trị được! Nếu may mắn quan sát kỹ, không chấp trước, vứt bỏ huyễn vọng, chợt quán thông các pháp môn, có thể nói là: *"Đi trong gai góc đã lâu, chợt đến chỗ quang đãng"*.

Con người đời Mạt căn tánh hèn kém, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng cậy vào Phật từ lực, chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cậy vào tự lực, tham khấu Thiền Tông thì những người đạt được minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân, hiếm có một ai; kẻ tưởng huyễn là chân, coi mê là ngộ, ma dựa phát cuồng, thật nhiều vô kể! Do vậy, các vị Vĩnh Minh, Liên Trì v.v… quán xét căn cơ đương thời, cực lực chủ trương pháp môn Tịnh Độ. Nếu như sánh ví thì đấy chính là lý luận xác đáng ngàn phần đúng, vạn phần đúng trong hiện tại. Hưng điều lợi, trừ thói tệ, ắt phải xét đến kết quả rốt ráo trong tương lai thì mới hợp thời. Nếu không

lại noi theo vết xe đổ: Chặt bỏ đầu, chân hòng để trị bệnh nơi đầu và chân, há chẳng khiến người khác đau buồn ứa lệ, thở than dài ư? Còn đối với câu hỏi lời đáp về chuyện tín tâm chân thành, khẩn thiết, hạnh nguyện chuyên nhất, xét về Lý tuy đích xác, nhưng chưa thể khai phát tín tâm cho người, trình bày chủ kiến của chính mình, nay tôi xin đáp thay rằng:

- Tôi đã nghiên cứu khắp giáo lý, xem khắp các thánh, nên mới được như thế, há nào phải là nghiên cứu, thân cận tầm thường ư? Vì sao nói thế? Pháp môn Tịnh Độ do Thích Ca và Di Đà kiến lập, do Văn Thù, Phổ Hiền chỉ bày, hướng dẫn về, do Mã Minh, Long Thọ hoằng dương, do các vị Khuông Lô[97], Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích phát huy, đề xướng, hướng dẫn hòng khuyên khắp dù thánh hay phàm, dù ngu hay trí. Các vị Bồ Tát đại sĩ ấy từ ngàn trăm năm trước, sớm đã vì tôi nghiên cứu khắp Tạng Giáo, đặc biệt chọn ra diệu pháp *"chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào Bổ Xứ, ngay trong một đời này quyết định xổ lồng"* chí viên, chí đốn, hết sức giản dị, thống nhiếp Thiền, Giáo, Luật, vượt trỗi Thiền, Giáo, Luật, vừa cạn, vừa sâu, vừa Quyền, vừa Thật, đặc biệt, siêu việt thiên nhiên này. Tôi tin tưởng Phật, Tổ, lấy cổ đức làm thầy, há chẳng bằng thân cận thiện tri thức đời nay hay sao? Kinh Hoa Nghiêm vua trong Tam Tạng, cuối cùng quy trọng nguyện vương. Hoa Tạng hải chúng đều chứng Pháp Thân, đều cầu vãng sanh hòng viên thành Phật quả. Tôi là hạng người nào dám chẳng tuân theo? Hãy bỏ cái tâm cuồng ấy, tận lực hành theo đạo ấy, công đức lợi ích sẽ tự chứng biết, nào phải đợi đến khi tham học rộng khắp mới là biết pháp ư!

28. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Sách Di Đà Trung Luận, dù kinh hay luận đều có công với Tịnh nghiệp hành nhân, mà cũng là đầu mối để người đời sau bài bác cổ nhân xằng bậy; lỗi ấy thật chẳng phải cạn cợt! Như sách ấy viết: Hãy nên chọn lấy pháp bế quan chuyên tu, hoặc kể từ khi ngài Khuông Lô sáng lập Liên Tông đến nay, không ai hiểu nghĩa lý kinh, tự chứng tam-muội, chỉ một mình Tỉnh Nhất đại sư. Đấy là lời bàn luận thiên kiến, hạn hẹp, khinh miệt cổ đức thậm tệ, mở ra đầu mối ngã mạn, mưu toan ngang hàng với bậc thông triết, há chẳng phải là vì báng Pháp, báng Tăng nên mới lập ra thuyết ấy, thật ra là muốn phô mình tự được chân truyền của bậc thánh sư, đúng là công thần bậc nhất của Tịnh tông mà thôi. Còn như tác giả chỉ trích các vị Tử Các, Vân Thê, Ngẫu Ích v.v… càng lộ rõ sự ít thấy ít nghe, chẳng thông đạt các pháp môn Quyền - Thật của Như Lai, muốn lấy căn cơ của mỗi một mình ông ta làm chuẩn!

[97] Khuông Lô: Chỉ sơ tổ Tịnh Tông, tức ngài Huệ Viễn. Ngài dựng Liên Xã nơi núi Khuông Lô. Chữ Lô còn đọc là Lư, nên có sách viết là Khuông Lư.

Như cổ đức nói: *"Một mắt lưới bắt được chim, chẳng thể nói mắt lưới ấy chính là toàn thể cái lưới. Một người có công trị quốc, chẳng thể coi một người là cả đất nước"*. Ông Vương Canh Tâm quyết muốn coi một mắt lưới là cái lưới, coi một người là đất nước, nên lập ra luận ấy, khá là kiêu căng. Vẫn là tuổi trẻ bụng rỗng tâm cao, nhưng chớ nên giữ thái độ ngông cuồng ấy suốt đời. [Ông ta] khoe mình bế quan hai kỳ, cũng có sở chứng, thật khó tin tưởng! Vì sao nói thế? Người chứng tam-muội chẳng lập ra nghị luận biện bác như thế, chỉ tâm bình khí hòa, chỉ đề cao Lý. Nếu cuốn luận của ông ta có nhiều chỗ hợm mình chê người, ấy chính là lời lẽ của kẻ biện bác *"kiên bạch đồng dị"*[98], không phải là bộ luận khế lý, khế cơ quyết định! Dẫu có công đi nữa, tôi chẳng dám hướng về người khác tán thán, bảo họ thọ trì, lưu thông.

Lưu thông Phật pháp thật chẳng phải chuyện dễ; phiên dịch kinh luận chẳng phải là chuyện chơi. Do vậy, trong dịch trường phải có vị chủ dịch, vị dịch ngữ, vị chứng nghĩa, nhuận văn, nào dám tùy tiện tự tâm cắt xén, truyền bá kinh Phật! Bản kinh Đại Di Đà[99] của ông Vương Long Thư từ triều Tống đến cuối đời Minh được nhiều người thọ trì; do ngài Vân Thê chê có những chỗ không hợp lý thích đáng nên từ đó về sau dần dần ẩn mất. Ông Ngụy Thừa Quán học thức không bằng Vương Long Thư, tự cho mình hơn hẳn Long Thư, noi theo dấu vết của người khác mà ra công nên dễ đắc lực, phải đâu Thừa Quán vượt trội Long Thư? Tổ Liên Trì còn không lưu thông bản của họ Vương, bọn ta dám đâu lưu truyền bản của họ Ngụy, bởi lẽ sẽ tạo đầu mối cho hậu nhân lầm lạc sửa đổi kinh Phật và tạo thành nạn bài xích Phật, chê: "Kinh Phật toàn do người đời sau biên soạn, chứ chẳng phải từ ban đầu kinh quả thật được dịch từ nước Phật ra!"

Nhưng nếu bậc chân tu thượng sĩ xem đến kinh[100] ấy, luận ấy ắt có lợi ích lớn, chỉ chọn lấy những gì ích lợi mà chẳng bị nhiễm những điều tệ. Nếu kẻ hạ căn xem đến, chẳng được ích lợi gì, trước hết còn bị tổn hại, bắt chước thói tệ sửa kinh, chê cổ đức, chẳng học đòi hạnh thẳng chóng, chuyên tinh. Quán sát

---

[98] Công Tôn Long (320-250 trước Công nguyên), người nước Triệu, tân khách của Bình Nguyên Quân, chủ trương thuyết hình danh (mọi sự vật tồn tại chỉ do cái tên), mang nặng tính ngụy biện. Tác phẩm đặc trưng của ông ta là Kiên Bạch Luận và Danh Thật Luận. Luận điểm chủ yếu của ông ta là: *"Ngựa trắng không phải là ngựa. Vì trắng là màu sắc, ngựa là hình trạng. Ngựa và Trắng chỉ là hai khái niệm độc lập không ăn nhập gì với nhau"*. Luận điểm thứ hai là "Kiên bạch thạch tam": *"Kiên (cứng) là tánh, Bạch là màu, Thạch (đá) là hình, ba tướng này cũng là ba khái niệm tách rời nhau, không liên quan gì với nhau, không thể nhận biết đồng thời được"*. Từ đó, Công Tôn Long quan niệm vật chất không tồn tại, chỉ thừa nhận quan niệm tinh thần tồn tại, không có sự vật cụ thể. Vì thế, người ta thường dùng từ ngữ "kiên bạch đồng dị" để chỉ luận thuyết của Công Tôn Long. Ở đây, Tổ dùng từ ngữ này hàm ý những luận thuyết của Vương Canh Tâm đều là ngụy biện, biện luận hàm hồ.

[99] Đại A Di Đà Kinh là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Vương Nhật Hưu đời Tống, bản này được hội tập từ bốn bản nguyên dịch. Ông Vương có hiệu là Long Thư.

[100] Kinh ở đây chỉ bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Ngụy Thừa Quán được ông Vương Canh Tâm nhuận sắc, phân đoạn. Di Đà Trung Luận là bộ luận do Vương Canh Tâm soạn nhằm giải thích kinh A Di Đà.

căn cơ mà dạy cho thích hợp, đối chứng bệnh mà phát thuốc. Dạy chẳng khế hợp căn cơ, cho thuốc chẳng đúng bệnh vậy! Dám vì một hai điều chấp nhận được bèn cho lưu thông rộng khắp hầu tạo tội khiên cho kẻ hạ căn ư? Bộ Thích Quần Nghi Luận, Quang tôi trước kia chưa từng thỉnh được, cũng đã từng được xem qua một lần. Do mục lực chẳng đủ, đành chịu lỗi chẳng thể đọc nhiều lượt.

Nếu luận về sách phù hợp căn cơ hay nhất thì nên lấy Tịnh Độ Thập Yếu làm đầu, sách Di Đà Yếu Giải là lời chú giải tinh diệu nhất của ngài Ngẫu Ích, trong những bản chú giải kể từ khi đức Phật nói ra kinh này đến nay, nên tôn sách này là bậc nhất. Dẫu cho cổ Phật tái xuất trong đời, hiện tướng lưỡi rộng dài, chú giải lại kinh này, cũng chẳng thể hay hơn được nữa! Huống hồ kẻ hậu sinh nghe hiểu nông cạn, lại toan chê trách, mong trỗi vượt hơn ư? Đem lửa đom đóm sánh với mặt trời, thật chẳng biết lượng sức! Tiếc cho họ Vương sao lại khổ sở như thế! Chú Am hỏi đến sách nào đều đọc được, đấy chính là Tha Tâm Thông! Tôi muốn trình bày rõ ý chỉ ấy nhưng cần phải tu bổ [lầu] Tàng Kinh nên không rảnh, đành đợi khi khác.

29. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

[Để hiểu] kinh A Di Đà nên dựa theo sách Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích, những lời giải thích trong sách Di Đà Trung Luận phần nhiều là ý kiến tùy tiện của chính tác giả, trái nghịch ý chỉ kinh, không thể tin cậy được! Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới thuyết pháp, há có nên vì trí lực của mình chẳng thấu tới bèn đoan quyết chẳng có lý ấy hay chăng? Lời giải thích về đoạn kinh *"từ một ngày đến bảy ngày"* chứng tỏ tác giả đã đem chính mình so lường chín pháp giới. Nếu nói như vậy, không riêng gì bộ kinh Di Đà chẳng thể thống nhiếp mọi căn cơ, mà ngay cả toàn bộ những đàm luận nhiệm mầu viên đốn trong giáo điển cả một đời đức Phật cũng sẽ do trí của chính mình không hiểu thấu mà trở thành vọng ngữ! Báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, tội chẳng thể dung! Dẫu sách ấy cũng có chỗ cảnh tỉnh, khải phát hạng hạ căn, nhưng làm tổn hại đại thể. Do vậy, Quang tôi chẳng dám khuyên người khác thọ trì.

Pháp môn Tịnh Độ khác nào biển cả; sông to, rạch lớn đều đổ vào biển. Chén nước, giọt nước cũng đổ vào. Bậc chứng ngang với chư Phật còn cầu vãng sanh; kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác cũng dự vào phẩm cuối. Há có nên đem chuyện đắc nhất tâm và tam-muội để cự tuyệt người chưa đắc? Chỉ nên học theo như trên, hòng được như vậy, tự mình quyết chí cầu sanh, hãy chỉ nên mong mỏi được như thế. Nếu nói không nhất tâm và đắc tam-muội quyết định chẳng được vãng sanh thì chính là tự lập luận thuyết, chẳng nương theo lời Phật nói. Ba kinh Tịnh Độ lưu thông từ cổ cùng với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là bốn kinh, há nên nói là chẳng đáng tôn làm khuôn phép ư?

Nay người tu Tịnh nghiệp, đa số chẳng biết tông chỉ, chỉ dựa theo sự tướng. Nói dễ dãi thì cũng có thể gọi là hành nhân Tịnh tông. Nhưng nếu nói nghiêm khắc, thật ra trong trăm người có đến chín mươi lăm người đều thuộc loại *"không Thiền, không Tịnh Độ"*. Há có thể lấy những người như vậy làm chuẩn được sao? Do Tiểu Bổn (kinh A Di Đà) văn giản dị, nghĩa phong phú, nên được dùng làm kinh nhật tụng, còn những kinh kia thì tùy mỗi người thọ trì khác biệt. Những gì được nói trong sách Di Đà Trung Luận, cố nhiên có nhiều điều hữu ích, nhưng những điều gây trở ngại lại cũng chẳng ít. Nếu không có mắt trí huệ chọn lựa pháp, chỉ e chẳng được lợi ích gì, lại còn bị tổn hại hết cả, như những lời sách ấy giải thích về một ngày đến bảy ngày, thập niệm chẳng độ v.v…

Thọ trì đọc tụng từ đầu đến cuối là Chánh Hạnh của nhà Phật; dẫu là kẻ chuyên chú tham cứu trong Thiền Tông cũng phải thọ trì như thế, như các vị Dược Sơn, Ngưỡng Sơn, Vĩnh Minh, Thủ Sơn, Thê Hiền Thực, Dục Vương Vi v.v… Chỉ khăng khăng đề cao hướng thượng thì tợ hồ có bài bác việc thọ trì, chẳng biết đề cao hướng thượng thì khắp thế gian, pháp gì, chuyện gì cũng đều quy về bổn phận. Còn những kẻ chưa đắc môn ấy, chỉ hiểu nghĩa lý trên mặt văn tự rồi từ đó tham Thiền, đa phần miệt thị kinh giáo. Bọn họ tuy tự xưng là Thiền nhân, nhưng thật ra là tội nhân của pháp môn, là nghịch tử của Như Lai, sao đáng nói đến? Khuyên nên thọ trì đọc tụng thì các kinh không kinh nào chẳng dạy như thế, há nào phải chỉ mình Kim Cang hạnh nguyện?

Kinh Hoa Nghiêm vua trong Tam Tạng, cuối cùng quy trọng nguyện vương, nhưng coi trọng Hoa Nghiêm chẳng được coi thường các kinh khác vì các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Thể của kinh. Kinh Hoa Nghiêm lớn lao vì là đại pháp vượt ngoài pháp giới bàn thẳng vào chuyện xứng tánh, chẳng gồm Nhị Thừa. Pháp Hoa hay khéo ở chỗ gom ba thừa về Nhất Thừa, khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bổn[101]. Vì thế tông Thiên Thai bảo kinh Pháp Hoa "thuần viên độc diệu", bởi lẽ Hoa Nghiêm vẫn còn nói kiêm về Quyền Giáo (tức là kinh Hoa Nghiêm còn nói đến những địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Những địa vị ấy thuộc về Quyền Giáo). Nhưng đối với kinh Pháp Hoa, Phật khen ngợi Pháp Hoa là vua trong các kinh; với Hoa Nghiêm cũng thế. Sau này, những người hoằng truyền kinh trong thế gian quyết định trong năm bộ phận lớn[102], chia ra kinh này cao, kinh kia thấp, chẳng phải là kinh nào cũng riêng được khen ngợi ư? Người tu Thiền ca ngợi Thiền Tông, người tu Tịnh Độ ca ngợi Tịnh Độ. Nếu không như thế sẽ chẳng thể khiến cho con người sanh chánh

[101] Khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bổn: Chỉ rõ pháp nào là Quyền (tạm thời, phương tiện), pháp nào là Thật, tức pháp Nhất Thừa. Tích là những gì do Pháp Thân hóa hiện nhằm thích ứng căn cơ, Bổn là Pháp Thân. Bổn còn có nghĩa là địa vị thật sự chứng đắc của một vị Pháp Thân đại sĩ, còn Tích là những gì các Ngài thị hiện nhằm giáo hóa chúng sanh.

[102] Tông Thiên Thai chia toàn bộ kinh điển nhà Phật thành năm bộ phận lớn (ngũ thời) là Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và Pháp Hoa - Niết Bàn.

tín, phát khởi lòng ngưỡng mộ. Phải khéo hiểu ý nghĩa, chớ để văn từ hại ý. Mạnh Tử ca ngợi Khổng Tử là vị thánh chưa từng có trong trăm họ, nhưng Khổng Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng, lòng bắt chước, ngưỡng mộ ba vị thánh ấy sao mà chí thành đến mức cùng cực như thế!

Người niệm Phật chỉ cần chân thật, khẩn thiết niệm Phật sẽ tự có thể cậy vào Phật từ lực, tránh khỏi đao binh, nước, lửa. Nếu có gặp thì là do túc nghiệp kéo lôi cũng như vì được chuyển tội nặng trong địa ngục thành báo nhẹ trong đời này nên mới gặp phải những nạn ấy. Nhưng do thường ngày có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, chắc chắn lúc ấy sẽ được Phật tiếp dẫn. Nếu đã chứng tam-muội trong hiện tại, cố nhiên đã dự vào dòng Thánh, tự thân như huyễn, đao binh, nước, lửa đều chẳng gây trở ngại được. Dẫu hiện thời gặp nạn, thật ra không khổ, trong thế giới mênh mông được mấy ai như thế?

Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm nghĩa lý rộng mênh mông, văn tự vi diệu, tụng phẩm này sẽ khiến cho những chấp trước "ta, người, chúng sanh" của người tụng trở nên không còn nữa; thiện căn vãng sanh Tịnh Độ ngày càng tăng trưởng. Lẽ ra phải nên tự hành, dạy người, nhưng chớ nên vì không trì kinh này, tu ngay Tịnh Độ, [mà cho rằng người như vậy] cũng thuộc hạng bạc phước, kém cỏi. Các vị Liên Trì, Ngẫu Ích cũng đều cực lực hoằng dương kinh này, trong Di Đà Yếu Giải có câu: *"Trong giáo pháp suốt cả một đời của Như Lai, chỉ có mình kinh Hoa Nghiêm luận về sự viên mãn ngay trong một đời, nhưng cái nhân để được viên mãn trong một đời thì đến cuối cùng Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười nguyện vương dẫn về Cực Lạc, khuyến khích Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng. Ôi! Bẩm tánh của kinh Hoa Nghiêm đã được đặt trọn trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay tin ít ngờ nhiều, viết càng lắm, nghĩa càng hao, tôi chỉ còn có cách mổ tim vẩy máu mà thôi"*.

Do vậy, ngài Vô Ẩn nói kinh Hoa Nghiêm chính là quảng bổn (bản kinh giảng chi tiết) của kinh Di Đà, Di Đà chính là lược bổn của Hoa Nghiêm. Ngẫm lời hai vị đại sư liền biết: Nếu xem kinh mà không có con mắt viên dung sẽ cô phụ Phật ân nhiều lắm! Những gì Bất Huệ vụng về viết ra, tuy nghĩa lý có chỗ đáng dùng được, thật chẳng đáng coi là tác phẩm kiệt xuất thiên cổ, chẳng phải là thứ văn chương thường được khen ngợi cả một đời, chớ nên đem phàm xen lộn thánh, xem miếng gỗ một tấc trội hơn lầu cao!

Trong thư trước, ông nói sẽ qua Dương Châu, xin cứ tùy hỷ, tôi chưa từng đến đó. Lại nghĩ ông trên có mẹ già, trong nhà vợ yếu con thơ, lẽ ra nên tu trì tại gia, chớ nên rong ruổi bên ngoài. Chủ nhân có mặt ắt những chuyện bất ngờ bên ngoài tự nhiên chẳng khởi. Nếu ra ngoài lâu ngày không về, chẳng những

hiếu giáo[103] bị khuyết, chỉ e tiểu nhân thừa dịp, trộm, cướp, nước, lửa đều nên đề phòng. Chẳng những không nên đi Dương Châu, ngay cả Phổ Đà cũng không nên tới. Nếu muốn chuyện trò, giãi bày, đã có bưu cục thay mình thông báo. Đôi bên đã thấu tình nhau, tốn kém quả thật chẳng mấy, sao không tính cho đôi bề vẹn lẽ vậy? Mong từ đây về sau đừng đánh điện tín, nếu có chuyện gì cần trình bày, hãy đợi ba tháng rưỡi sau hãy gởi.

Đi qua Dương Châu nói chung là bốn tháng rưỡi, nếu lại quyết định muốn lên núi [Phổ Đà] thì cũng nên tới vào ba tháng rưỡi sau. Nay đang nhằm lúc mọi người lên núi dâng hương, không biết khách dâng hương quá nhiều, mọi chuyện khó lòng đúng pháp. Gần đây đường tàu đã mở, từ tháng Giêng đến tháng Tám đều có người đến. Lúc rảnh thì mọi chuyện đều đúng thứ tự, lúc bận bịu thì mọi việc đều trở thành láo nháo hết. Người chân tâm lễ yết Đại Sĩ không thể không biết. Phật đạo không sâu, không cao, không cạn, không lớn, phải vừa sâu vừa cạn mới gọi là thường trụ. Ngôn từ chẳng diễn đạt được ý, nên nói là "vừa cạn, vừa sâu, vừa nhỏ, vừa lớn, pháp nào cũng viên thông nên gọi là Thường Trụ" .

30. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Vân Thê đại sư lập pháp dạy người đều là những chuyện thực hiện trong cuộc sống thường nhật, thực tiễn. Tu trì theo đó thì ngàn phần thích đáng, vạn phần ổn thỏa, trọn chẳng đến nỗi được chút ít cho là đủ, bị ma dựa phát cuồng. Vương Canh Tâm chưa mười phần hiểu rõ yếu chỉ nhập đạo, lại mặc tình múa bút, mặc sức huênh hoang mạt sát hết thảy. Dẫu có tâm hoằng pháp, nhưng thật ra mắc lỗi hoại pháp. Đấy đều là do hai chứng bệnh "chẳng gần gũi bậc tri thức sáng mắt" và "chẳng phản tỉnh tự vấn" mà nên nỗi.

Tâm gặp ác mộng là dấu hiệu ác nghiệp đời trước hiện ra, nhưng cảnh được hiện không có thiện - ác, chuyển biến ở nơi chính mình. Ác nghiệp hiện nhưng chuyên tâm niệm Phật thì ác nhân duyên biến thành thiện nhân duyên, ác nghiệp đời trước chuyển thành người hướng dẫn cho đời này. Tiếc cho người đời thường bị nghiệp buộc ràng, chẳng thể chuyển biến, thành ra đã té giếng còn bị ném đá, khổ càng thêm khổ! Quang tôi do mắt quáng chẳng thể xem kinh viết chữ, mùa Hạ này toan soạn bài luận nói về sự dốc kiệt lòng thành mới được lợi ích thật sự, nhưng viết chưa được một nửa thì thị lực đã không kham nổi, do đó phải ngừng giữa chừng. Vẫn muốn trong những tháng mùa Đông sẽ chuyên tâm sám hối túc nghiệp, ngõ hầu sức nhìn mạnh hơn một chút, sẽ tiếp tục hoàn thành [bài luận ấy]. Lại do năm ngoái đáp ứng lời cư sĩ Trần Tích

[103] Hiếu giáo: Hiếu dưỡng mẹ, dạy dỗ con.

Châu tu chỉnh cuốn Phổ Đà Sơn Chí, vì Quang nhãn lực như thế chắc cũng phải kéo dài hai ba năm. Nếu mắt sáng sẽ nguyện tận lực trong năm sáu năm, đem hết những sự tích về Quán Âm trong Đại Tạng phân môn chia loại, soạn theo thể phú, chép tường tận dưới bản văn. Sách soạn thành, khắc thành hai bản, một để tại chỗ in kinh, còn một giữ ở Phổ Đà, mong cho hết thảy những ai hữu duyên cùng được thấm nhuần sự chẳng thể nghĩ bàn của Đại Sĩ. Nếu mắt vẫn như cũ, chỉ đành nói số mạng như thế, biết làm sao được!

Đại giáo truyền sang Đông, tất cả tông phái thạnh suy, nếu không đọc thấu suốt toàn bộ Đại Tạng, vừa nghe liền nhớ ngay sẽ chẳng thể hiểu. Nếu khinh suất làm bừa, ắt chẳng những không thể phát dương quang đại Phật pháp, trái lại còn làm nhục Phật pháp! Thập Vãng Sanh kinh nay trong Đại Tạng không có, chẳng cần phải tìm trọn khắp. Tập Chư Kinh Lễ Sám Hối Văn, Tây Phương Lễ Tán v.v… dù kệ hay văn đa phần là trích từ văn trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo. Nếu xem kỹ lời chú trong chương Thượng Phẩm Vãng Sanh của Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ sẽ biết: Nói đến Quán Kinh, chỉ nêu một câu trong Quán Kinh, rồi ở dưới bèn giải thích tường tận, chứ không phải toàn thể [những câu trong tác phẩm ấy] đều thuộc về kinh văn.

Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo ở Trung Quốc thất truyền đã lâu, gần đây từ Đông Doanh (Nhật Bản) thỉnh về, Kim Lăng[104] khắc bản lưu truyền đã lâu, sai ngoa rất nhiều. Ngay cả Chư Kinh Lễ Sám Hối Văn cũng bị sai ngoa không ít. Đem Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ và Sám Hối Văn so sánh, cũng có thể sửa đúng được ít phần. Những chỗ còn lại có thể dựa theo nghĩa lý mà sửa cho đúng. Mười năm trước, Quang từng một phen duyệt sửa, tuy chưa dám nói đã khôi phục được diện mạo ban đầu, nhưng cũng có thể nói là những phần sửa đúng thì nhiều, những phần sửa sai thì ít[105]. Tôi tự tin như thế!

Tha Tâm Thông có nhiều thứ bất đồng, nếu luận theo sự chứng đạo thì như ông Chú Am[106] hễ hỏi đến bất cứ sách nào, liền có thể đọc được thông suốt hết thảy, không sai một chữ. Ông ta chưa hề đọc sách, sao lại làm được như thế? Ấy là do nghiệp tận, tình không, tâm như gương sáng; lúc không ai hỏi, trong tâm một chữ cũng chẳng có. Đến khi ai hỏi tức là người ấy đã đem những gì chính mình từng đọc qua từ trước ra hỏi, người hỏi tuy đã lâu không nhớ,

---

[104] Chỉ nhà in kinh Kim Lăng Khắc Kinh Xứ ở Nam Kinh.

[105] Ý Tổ nói: Trong những phần Ngài đính chánh, đa phần là sửa những chỗ sai thành đúng, còn những chỗ Ngài do hiểu sai nên sửa đúng thành sai, hoặc sửa từ cái sai này sang cái sai khác thì ít.

[106] Theo sách Di Đà Trung Luận, sư Chú Am người xứ Cam Tuyền, Giang Nam, lúc nhỏ tính tình thô lỗ, vô lại, không giữ giới luật, thường sống tại Dương Châu thiền tự, hay cà khịa với vị sư giữ chức Phạn Đầu, chửi bới tục tằn, vô lễ. Trụ Trì quở trách. Về sau, Sư hối cải, bế quan ba năm, chuyên trì chú Đại Bi. Lúc xuất quan, phong cách thay đổi hẳn, khiêm nhường nhũn nhặn, ai trông thấy cũng phải lấy làm lạ, kính ngưỡng. Bất cứ sách vở thế gian, kinh điển nhà Phật nào, ngay cả những thứ tiểu thuyết nhảm nhí chẳng cần đem sách lại, hễ hỏi đến Sư bèn đọc ra thông suốt.

nhưng trong tám thức điền vẫn còn giữ lại hình ảnh của những câu chữ ấy (xem kinh Phật cũng giống như thế. Cổ nhân nói: *"Nhất nhiễm thức thần, vĩnh vi đạo chủng"* (một phen lọt vào thần thức, vĩnh viễn thành hạt giống đạo). Hãy nên tin tưởng chắc điều này). Người kia cố nhiên vì vô minh che lấp kín mít, trọn chẳng hay biết, còn người này có Tha Tâm Thông, nên thấy rõ ràng rành mạch những hình ảnh trong tâm thức của người kia, vì thế hỏi đến bèn đọc ra, không sai sót gì. Nếu người hỏi chưa từng đọc sách ấy, cũng có thể thấy trong tâm thức của người khác mà đọc ra. Đấy là dùng tâm người khác làm tâm mình, chứ không phải trong tâm người ấy ghi nhớ không quên rất nhiều kinh sách như thế. Phàm phu không rõ, cho là thật kỳ đặc, thật sự chỉ là do nghiệp tiêu huệ rạng, chướng tận trí viên mà thôi!

Cầu cơ đa phần là linh quỷ giả mạo tiên, Phật, thần thánh, con quỷ nào kém cỏi sẽ không có sức thần thông ấy. Quỷ nào khá hơn thì biết được tâm người, vì thế, nó có thể mượn dùng trí thức và sự thông minh của con người. Ông Kỷ Văn Đạt bảo: *"Cầu cơ đa phần là linh quỷ giả vờ. Tôi cùng anh là Thản Nhiên*[107] *hầu cơ bút, tôi làm được thơ nhưng viết chữ xấu. Khi tôi hầu cơ bút thì thi từ mẫn tiệp, chữ viết nguệch ngoạc. Thản Nhiên hầu cơ bút thì thi từ tầm thường, chữ viết ngay ngắn, cứng cỏi. Quỷ giả mạo cổ nhân, hỏi đến những điều bí hiểm, sâu kín trong những tác phẩm của cổ nhân*[108]*, bèn bảo niên đại quá lâu, không còn nhớ được. Do vậy biết không phải thật!"* Nhưng sự linh thiêng của quỷ là chỉ có thể mượn dùng những gì tâm con người hiện đang biết, còn những gì được ghi nhớ trong thần thức nhưng hiện nay người hỏi không biết, hoặc những nghĩa chính người hỏi cũng không biết thì quỷ chẳng thể nêu ra để chỉ dạy cho người. So với Tha Tâm Thông của người nghiệp tận tình không thì khác hẳn một trời một vực, nhưng nhìn vào tình cảnh khá tương tự. Lại sợ các ông bị mê hoặc bởi những lời giáng cơ, nên mới phải bất đắc dĩ nhắc đến chuyện này. Lại trong sách Tống Cao Tăng truyện có chép ngài Tăng Giam đến thọ trai nơi Vương Xử Hậu. Xử Hậu đọc ra văn chương thật đắc ý; nhân đó, Sư hỏi:

- Đang đọc những văn từ gì vậy?

Xử Hậu nói:

- Đó là bài văn đậu tiến sĩ của tôi.

Sư nói:

- Dưới mái hiên hóng gió, thong dong đến thế ư?

Liền lấy một tập sách trong bọc ra, bảo:

---

[107] Pháp sư Hội Tánh nói: Khi in Ấn Quang Văn Sao, tên ông này bị ghi sai, đúng ra phải là Thản Cư.

[108] Nguyên văn là Tập, các tác phẩm cổ điển của Trung Hoa được chia thành bốn loại lớn: Kinh, Sử, Tử, Tập. Tập chính là các tác phẩm, thi tập của những văn nhân, thi sĩ nổi tiếng.

- Đây chẳng phải là bài văn sách của ông hay sao?

Xử Hậu đọc thấy chính là nguyên bản bài văn sách khi trước, bèn hỏi:

- Về sau tôi đã gọt giũa bài này.

Tăng Giam nói:

- Dĩ nhiên tôi biết nó không phải là bài văn sách gốc của ông.

Nhân đó bèn hỏi:

- Trong bọc của Sư sao lại có bài văn sách này của tôi?

Tăng Giam đáp:

- Chẳng những chỉ có bài văn sách này. Phàm những sách ông đã đọc từ trước đến nay, thậm chí một nét, một vạch đùa bỡn, trong bọc của tôi đều có đủ hết!

Xử Hậu hoảng sợ, chẳng dám hỏi tới. Chú Am tuy có Tha Tâm Thông, nhưng chưa thấy có thần thông; Tăng Giam vừa có Tha Tâm Thông lại có cả đại thần thông, có thể hiện những gì trong tâm thức người khác thành sách, hiện thành hình chất để chỉ bày cho người khác, chứ không phải là trong bọc mình thật sự có chứa sẵn để lôi ra.

Gần đây, Thượng Hải rầm rộ mở đàn cầu cơ, những gì cơ bút khai thị về sửa lỗi hướng thiện, tiểu luân hồi, tiểu nhân quả v.v…đều có lợi ích cho thế đạo, nhân tâm. Còn như giảng về cõi trời, giảng về Phật pháp đúng là nói lăng nhăng! Chúng ta là đệ tử Phật, chẳng được bài xích pháp ấy kẻo mắc lỗi chướng ngại người khác hướng thiện, nhưng cũng chẳng được phụ họa, khen ngợi pháp ấy, bởi những gì cơ bút giảng về Phật pháp toàn là nói mò, sợ rằng đến nỗi tạo thành tội khiên lầm lạc hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh. Ấn Quang xưa nhiều ác nghiệp, đến đời này có mắt như mù, trọn chẳng dám thuận theo tình cảm chẳng dựa vào lý, tự lầm, lầm người. Mong hãy châm chước tình và lý mà hành mới không bị tệ hại.

Với mười thứ lợi ích của việc Niệm Phật xin hãy xem cẩn thận mười thứ lợi ích thù thắng nơi cuối quyển hạ của Tịnh Độ Chỉ Quy Tập. Từ Vân Sám Chủ[109]

---

[109] Từ Vân Sám Chủ: tức ngài Tuân Thức (964-1032), cao tăng đời Tống, người huyện Lâm Hải, Thai Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang), họ Diệp, tự Tri Bạch. Xuất gia năm 18 tuổi với ngài Nghĩa Toàn của tông Thiên Thai, 20 tuổi thọ Cụ Túc Giới. Lúc đầu, Ngài chuyên học Luật, từng đốt một ngón tay trước tượng Phổ Hiền Bồ Tát để cúng dường, thề hoằng dương giáo pháp Thiên Thai. Ngài lãnh hội sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai từ ngài Nghĩa Thông chùa Bảo Vân. Ngài giảng rất nhiều kinh, như Pháp Hoa, Duy Ma, Niết Bàn, từng nhóm tăng chúng chuyên tu Tịnh nghiệp. Ngài chuyên giảng kinh, tu sám ở vùng Hàng Châu, Tô Châu, học chúng rất đông hơn ngàn người. Đời Tống Chân Tông, năm Càn Hưng nguyên niên (1022), Ngài được vua ban hiệu là Từ Vận. Dưới ảnh hưởng của Ngài, giáo điển của Thiên Thai Tông đã được đưa vào Đại Tạng Kinh thời Tống. Hầu như đối với kinh nào Ngài cũng soạn sám nghi nên được xưng tụng là Bách Bổn Sám Chủ, hoặc Từ Vân

bảo các kinh đều có nói, chưa biết trích ra từ kinh nào, hoặc là ước theo nghĩa lý mà viết gọn lại cũng chưa biết chừng. Trong mấy trang đầu có nói đến chuyện lớn tiếng niệm Phật, tụng kinh và lễ Phật đều có mười thứ công đức[110], ghi là trích từ kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, kinh Hộ Tịnh, tôi chưa kiểm, lúc rảnh rỗi sẽ đọc. Những câu ghi trên bìa sách đừng ghi nhiều, chỉ nên ghi giản dị, rõ ràng. Nếu dẫn nhiều thì hãy nên đăng nơi bìa trong cuốn sách, hoặc nơi bìa sau in riêng một trang. Niệm Phật hồi hướng chẳng được bỏ đi, hồi hướng chính là tín nguyện được phát ra từ miệng, nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi xong khóa tối, và sau khi niệm Phật, tụng kinh trong ngày xong. Nên niệm Phật từ sáng đến tối không gián đoạn, trong tâm chỉ có ý niệm nguyện sanh chính là "thường thời hồi hướng" (luôn luôn hồi hướng). Nếu theo nghi thức tụng niệm mà hồi hướng thì lẽ cố nhiên chẳng được thường xuyên như thế.

Các kinh Đại Thừa kinh nào cũng đều làm cho chúng sanh được vào thẳng Phật đạo, hiềm vì chúng sanh chẳng thành tâm niệm tụng, cho nên không được lợi ích hoàn toàn. Phần cuối quyển năm kinh Lăng Nghiêm, tức chương Đại Thế Chí Bồ Tát, chính là phần khai thị tối thượng của Tịnh tông. Chỉ riêng một chương này đã có thể sánh cùng bốn kinh Tịnh Độ thành năm kinh, há cứ phải văn từ dài dòng mới đáng nể ư? Quân tử học vì mình, niệm niệm nhắc nhở mình tự tỉnh[111]. Tỉnh và mộng như một, chỉ có công phu đến nơi đến chốn mới có thể làm được. Chỉ cần luôn tu dưỡng trong lúc thức thì lâu ngày trong mộng cũng tự có thể chẳng làm chuyện gì sai quấy lớn.

31. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)

Từ tháng Chạp năm ngoái đến hạ tuần tháng Ba đã nhận được bốn lá thư, và Sư Trân đã mang đến lời vấn đáp giữa hai vị và ông Từ[112], cùng với vải vóc, thực phẩm v.v… đủ thấy lòng vì đạo pháp thiết tha, lòng thương mến tôi sâu xa. Thoạt tiên thì mong ngóng ông Từ đến, tiếp đấy lại phải duyệt bản Văn Sao do ông ta đứng in, tợ hồ mắt tôi càng yếu thêm vì thế mới phải phúc đáp thư trễ

Sám Chủ, Từ Vân Tôn Giả, Linh Ứng Tôn Giả, Thiên Trúc Tôn Giả (vì cuối đời Ngài trụ tại chùa Thiên Trúc). Tác phẩm Tịnh Độ Sám Nghi của Ngài được đặc biệt lưu truyền rộng rãi. Ngài mất năm Đạo Nguyên nguyên niên (1032) đời Tống Nhân Tông, thọ 67 tuổi.

[110] Nghiệp Báo Sai Biệt Kinh nói: *"Lớn tiếng niệm Phật, tụng kinh, có mười thứ công đức: Trừ được buồn ngủ, thiên ma kinh sợ, tiếng vang khắp mười phương, tam đồ dứt khổ, tiếng bên ngoài chẳng lọt vào, tâm chẳng tán loạn, dũng mãnh tinh tấn, chư Phật hoan hỷ, tam-muội hiện tiền, vãng sanh Tịnh Độ"*.
Kinh Lễ Phật Công Đức Nghiệp Báo Sai Biệt nói: *"Lễ Phật một lạy thì từ đầu gối xuống đến Kim Cang Tế, mỗi một hạt bụi là một ngôi Chuyển Luân Vương, được 10 thứ công đức: được diệu sắc thân, nói ra người khác tin tưởng, ở trong chúng không sợ hãi, được Phật hộ niệm, có đại oai nghi, mọi người thân cận, chư thiên kính yêu, có đại phước đức, mạng chung vãng sanh, mau chứng Niết Bàn"*.

[111] Sách Luận Ngữ Kim Giải giảng câu này có nghĩa là: Người quân tử nhằm bồi dưỡng học vấn của chính mình nên nỗ lực học tập.

[112] Tức cư sĩ Từ Úy Như, người in Ấn Quang Văn Sao lần đầu.

tràng. Thư tháng Chạp năm ngoái quả thật đã nêu lên cái nghĩa dùng tình bạn hòng hỗ trợ điều nhân, nhưng đề cao tôi quá mức khiến người càng thêm hổ thẹn!

Phàm giềng mối lớn của đời người chỉ có năm, tức là vua - tôi, cha - con, anh - em, chồng - vợ, bè - bạn, nhưng cha sanh, thầy dạy, vua nuôi, ba mối quan hệ này trọng bằng nhau; vì sao trong Ngũ Luân không nhắc đến thầy? Không biết rằng thầy có đức tánh thành tựu cho ta, do vậy thầy giống như cha. Kế đến, khuyên nhủ, khen thưởng, khuyến khích cho mình thành tài nên thầy giống như anh. Vì thế Mạnh Tử nói: *"Thầy cũng là cha anh"*. Tiếp đến, thầy trò tạo lợi ích tốt đẹp cho nhau giống như hai vầng trăng cùng chiếu, như hai tay giúp đỡ lẫn nhau, nên thầy giống như bạn (Chữ Bằng do hai chữ Nguyệt ghép lại, chữ Hữu do hai chữ Thủ ghép lại). Vì thế, nhà Phật thường nói *"tìm thầy hỏi bạn"*. Ấn Quang trọn chẳng có thật đức, chẳng dám làm thầy người, chỉ có cái tâm làm bạn để giúp điều nhân. Vì vậy, từ lúc dốc chí theo đuổi việc học cho đến ngày nay chưa từng quên nghĩ tới, nhưng người ta chẳng khoan dung với mình, chẳng những không dùi mài cho mình, có lúc còn vứt bỏ.

Ông mong tôi đích thân chứng tam-muội. Lại sợ phụ mất ý nguyện ban đầu nên gởi thư khuyến tấn chẳng tiếc sức thừa. Tôi từ lúc búi tóc đọc sách đến nay, chưa từng gặp được bạn bè hữu ích như thế, cảm thấy thật xấu hổ! Nhưng bốn chữ tử tội là từ ngữ do kẻ bầy tôi ngay thẳng can vua nói khích để vua phải nghe theo, đem áp dụng vào chỗ thầy - bạn thật không thích hợp! Ấn Quang túc nghiệp sâu nặng, mới sanh ra được nửa năm đã mắc bệnh mắt sáu tháng, gào la khóc lóc, trừ lúc ăn ngủ ra, không ngưng khóc một khắc nào. Nỗi thống khổ ấy không biết ví như thế nào? May nhờ sức thiện căn xưa, được thấy mặt trời, thật là vạn hạnh. Tuổi niên thiếu đọc sách, do túc nghiệp dẫn phát đến nỗi nhiễm phải bả độc báng Phật của họ Hàn, họ Âu[113], sau đấy tỉnh ngộ sâu xa, tự xét, tự biết hổ thẹn, quy mạng Tam Bảo, xuất gia làm Tăng. Nếu không phải là Tam Bảo rủ lòng ngầm gia bị khiến cho tôi tự tỉnh ngộ thì ngay trong lúc ấy đã vào địa ngục A Tỳ từ lâu rồi, chịu các sự khổ dữ dội, há còn có thể cùng các vị quân tử chỉ Đông nói Tây, bàn về Tự Lực và Tha Lực để mong cùng chứng chân thường, sanh lên bờ giác nữa ư? Kết thất đã mãn, tam-muội chưa thành: Một là do túc nghiệp sâu nặng, hai là vì tinh thần suy yếu mà nên nỗi. Nhưng cố nhiên Phật chẳng bỏ kẻ tội nhân, phải nương theo hạnh ấy để được vãng sanh.

[113] Âu là Âu Dương Tu (1007-1072) là một văn gia kiêm sử gia thời Tống. Ông này đã viết Bản Luận gồm ba thiên cực lực bài xích tư tưởng Phật giáo. Lúc biên soạn Tân Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử, ông ta còn cắt bỏ hơn 200 bài ký sự về Phật giáo. Sau này, về già, ông lại trở thành tín đồ Phật Giáo. Còn họ Hàn chính là Hàn Dũ (768-824), hiệu là Xương Lê, văn nhân thời Đường, cực lực báng Phật, đòi đốt kinh Phật, dẹp chùa, đuổi Tăng về làm dân.

Phép Thập Niệm Ký Số không phải là Sổ Tức (đếm hơi thở), do vì đếm từ một đến mười nên giống với Sổ Tức. Lại do sách Liên Tông Bảo Giám chép sai là niệm đến trăm, đến ngàn, đến vạn, e sẽ bị bệnh. Ông dẫn điều ấy để chứng minh, gọi cách ấy là Sổ Tức Trì Danh, hoàn toàn không thể được! Muốn chứng tam-muội thì đã có cách do Phật, Tổ đã dạy, ba đời chẳng đổi, sao lại còn phải hỏi đến sở chứng của tôi rồi mới chịu tu tập? Kinh Di Đà dạy: *"Chấp trì danh hiệu hoặc một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn"* (câu "một ngày cho đến bảy ngày" chỉ là nêu thí dụ, không thể chấp chặt. Nếu là bậc căn tánh Đẳng Giác thì chỉ một niệm đã có thể chẳng loạn, cần gì phải mất một ngày! Nếu là căn tánh nghịch ác, suốt đời còn khó được nhất tâm, huống chi bảy ngày. Vương Canh Tâm gộp bừa thượng, trung, hạ căn thành một loại, đưa ra lời bàn luận, thật quá kiêu căng, cho là mình đã phát huy được điều người xưa chưa hề phát. Thật ra là trên trái nghịch lời chân thành của Phật, dưới mở đường cho kẻ hậu tiến cuồng vọng, khiến người khôn ngăn đau xót, buồn thương, không gì ngăn dứt được!)

Quán Kinh dạy: *"Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, lúc các ngươi nghĩ đến Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật"* (Chữ "làm" chỉ tâm tưởng, chữ "là" chỉ "tâm làm". Quán tưởng đã là "làm", trì tụng, lễ bái lẽ nào chẳng phải là "làm"? Nêu một điều, phủ nhận ba điều, nhà Nho mà còn như thế, huống gì phàm phu sát đất? Ngửa trông Phật ý, há có nên không y theo viên đốn diệu giải, cứ tự đem cái nhìn hẹp hòi của mình để suy lường ư?) Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất"*. Trong bài kệ chọn lựa pháp Viên Thông, ngài Văn Thù nói: *"Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo"* (Xoay tánh nghe lại để nghe nơi tự tánh thì tánh trở thành vô thượng đạo). Nay tôi phỏng theo nói: *"Xoay cái niệm lại niệm nơi tự tánh thì tánh thành vô thượng đạo"*. Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy: *"Hễ tâm đặt nơi một chỗ thì không sự gì chẳng làm được"*. Ngài Mộng Đông nói: *"Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm. Dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật"*. Mười sáu chữ ấy là đại cương tông của pháp môn Niệm Phật. Sao chẳng toàn thân dựa theo những câu, những chữ ấy? Chẳng lấy thánh ngôn làm lượng, sao lại lấy kẻ phàm phu tội nghiệp như tôi làm chuẩn? Há chẳng phải điên đảo quá đáng ư?

Nhưng ông thốt ra lời ấy chắc cũng có nguyên do. Ấy là do sách Trung Luận thuật rõ cảnh được thấy bởi Tỉnh Nhất đại sư và ông Vương Canh Tâm bảo mình được thừa truyền tâm ấn của Sư, hàm ý: Mình có đủ mọi diệu cảnh chẳng thể nghĩ bàn và những bí quyết mầu nhiệm do miệng truyền tâm nhận vậy! Chẳng biết: Tam-muội, tiếng Hán gọi là Chánh Định, hoặc còn dịch là Chánh Thọ. Chánh Định có nghĩa là Tịch và Chiếu cùng dung hội. Chánh Thọ có nghĩa là vọng bị khuất phục, chân hiện ra. Tịch và Chiếu cùng dung hội thì còn có cảnh giới nào để được nữa? Tâm kinh nói: *"Soi thấy Ngũ Uẩn đều*

không, độ hết thảy khổ ách". Lại nói: *"Do không có gì để đắc nên tam thế chư Phật chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"*. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Viên mãn Bồ Đề trở về chỗ không được gì"*.

Người tu Thiền Định (chỉ Tứ Thiền, Bát Định) và người tham Thiền chỉ cậy vào tự lực, không cầu Phật gia hộ. Vì thế, lúc công phu đắc lực, chân và vọng chống chọi nhau nên thường thấy các cảnh giới huyễn hoặc hiện ra, mất đi. Ví như lúc mưa dầm sắp tạnh, mây dầy bị xé toạc, chợt thấy ánh nắng, trong khoảng chớp nhoáng biến hiện không lường được. Không phải là người thật sự có đạo nhãn sẽ chẳng thể phân biệt, nhận biết được tất cả cảnh giới! Nếu lầm tưởng là dấu hiệu chứng ngộ, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao trị được! Người niệm Phật dùng tín nguyện chân thật, khẩn thiết, trì vạn đức hồng danh, ví như vầng mặt trời sáng rỡ giữa không trung, đi trên đường lớn của vua, chẳng những lỵ mỵ võng lượng[114] mất bặt tăm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, thị phi cũng không sanh khởi được.

Xét đến cùng cực chẳng qua là: *"Niệm đến công thuần, tận sức thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm và Phật không hai, tâm - Phật như một"* mà thôi! Lý này, hạnh này chỉ sợ người ta không biết, chẳng thể hợp với nguyện phổ độ chúng sanh của Phật, lẽ đâu bí mật không truyền, chỉ truyền riêng cho ông ư? Nếu có những bí quyết mầu nhiệm chỉ truyền miệng, ghi nhớ trong lòng, dạy ở nơi kín đáo thì đấy chính là tà ma, ngoại đạo, không phải là Phật pháp. Nhưng Ấn Quang quả thật có bí quyết người khác không đắc, chỉ mình tôi đắc, do ông cầu thỉnh bèn chẳng ngại gì đem bảo khắp các Phật tử trong thiên hạ. Bí quyết ấy chỉ có gì? Là Thành, là Cung Kính. Những chữ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo ấy cả thế gian đều lầm. Ấn Quang do tội nghiệp sâu nặng, mong tiêu trừ tội chướng để báo ân Phật nên thường tìm cầu khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ đức, do vậy mới biết Thành và Cung Kính quả thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Vì thế, tôi thường ra rả bảo cùng những ai hữu duyên. Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận tuy đã nêu ra đầu mối, nhưng chưa nói rõ nguyên tắc đại lược. Toan muốn dài dòng một hai vạn chữ, dẫn đủ khắp những chuyện thành kính và đạo cảm ứng của cổ đức hòng phụ thêm vào lời nói dở tệ của mình, phát huy bình luận, ngõ hầu ai đọc đến hiểu phân minh pháp và giới, biết lấy và bỏ như thế nào, chẳng đến nỗi do cái nhân to chỉ được quả nhỏ, do thiện nhân lại phải chuốc lấy ác quả! Những lời ấy tôi đã nói với ông Từ. Phải biết Thành và Kính, không riêng gì học Phật mới nên như thế mà hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian muốn được tinh nhất

[114] Lỵ mỵ võng lượng: Lỵ mị (Lỵ đúng ra phải đọc là Si) là loài quỷ trong núi sâu, võng lượng là loài quỷ trong rừng. Nói chung, lỵ mị võng lượng là các loài quỷ quái do sơn thần, thủy tinh biến hiện hại người.

thì không thể không lấy thành và kính làm cơ bản. Nhìn vào chuyện Mạnh Tử lấy Dịch Thu[115] để dạy về chuyện đánh cờ vây thì biết.

Ông Từ vốn sẵn linh căn từ đời trước, lại đời đời thờ Phật, từ lúc ra đời đến nay đã được dạy dỗ đàng hoàng, lại còn có cái học vấn lịch duyệt hai ba mươi năm, sao lại bỏ cái cao minh để chọn lấy cái hèn tệ, trân trọng đem văn Ấn Quang lưu truyền trong đời như vậy? Phải biết hoằng pháp lợi sanh quý ở chỗ biết thời cơ, pháp người đời nay nên nhận cũng như căn bệnh người đời nay mắc phải, bậc cao minh không chịu nói rõ, những lời họ nói dẫu huyền diệu cùng cực, đa phần không phải là thuốc trị đúng bệnh, e rằng diệu dược ấy lại làm bệnh nặng thêm!

Ấn Quang khác nào gã thầy lang dốt vô tri vô thức, chẳng những không biết gốc bệnh, cũng chẳng biết dược tánh, chỉ biết dùng thuốc A Già Đà Vạn Ứng Hoàn của tiên tổ đã ngầm chế tạo thành, mọi căn bệnh hư, thực, hàn, nhiệt đều cắt thuốc ấy. Nếu chẳng nghi hoặc, lấy thuốc ấy uống vào, lập tức khỏi hẳn, dẫu là chứng bệnh Tần Hoãn, Biển Thước phải chịu bó tay, vừa uống thuốc này lập tức khởi tử hồi sanh. Do vậy, ai có tâm cứu người giúp đời bèn cho phát hành rộng rãi hòng những ai có bệnh cùng được uống thuốc này. Tuy biết tài thần diệu của những người như Tần Hoãn chẳng thể nào lường được, nhưng chẳng thể chỉ dạy rộng rãi, vì căn bệnh này thuộc về túc nghiệp, dẫu thần tiên cũng chẳng trị được, huống gì thần y!

Còn những lời phán định [của ông] về những lời lẽ trong sách Trung Luận, quả thật là đau lòng rát miệng rọi sáng thêm cho Ấn Quang, riêng muốn mở chánh nhãn cho người, không phải là tô vẽ cho Ấn Quang. Những lời bình luận của cụ Nhân (Dương Nhân Sơn) cũng cực thống thiết, nhưng còn chưa chỉ rõ tâm bệnh của chàng Vương (Vương Canh Tâm) cũng như những điều tác tệ của [Di Đà] Trung Luận. Những lời Ấn Quang đã nói đa phần chú trọng vào hai điều ấy. Còn những lời đáp khác đều thích đáng trọn vẹn.

Riêng đoạn văn luận về bốn cõi thì về Lý cố nhiên không trở ngại chi lớn, nhưng ước theo Sự còn thiếu tinh tường. Bởi lẽ, hai cõi Phàm Thánh Đồng Cư độ và Phương Tiện Hữu Dư độ là ước theo phàm phu đới nghiệp vãng sanh và bậc tiểu thánh đã đoạn Kiến Tư Hoặc mà lập, chứ không thể ước theo Phật mà luận. Nếu ước theo Phật mà luận thì không riêng gì toàn thể của bốn cõi Tây Phương đều là Tịch Quang; mà ngay cả ngũ trược ác thế, tam đồ ác đạo nơi đây nếu nhìn từ phía Phật thì không gì chẳng phải là Tịch Quang. Vì thế nói: *"Tỳ*

[115] Dịch là một loại cờ vây. Mạnh Tử nói Dịch Thu là một người thời cổ do giỏi đánh cờ vây mà mang tên là Dịch Thu. Trong sách Mạnh Tử, thiên Cáo Tử, có chép: *"Phàm phu học nghề đánh cờ vây là nghề mọn, chẳng chuyên tâm dốc chí sẽ không học được. Dịch Thu là người giỏi cờ vây nhất nước. Nếu Dịch Thu dạy hai người, một người chuyên tâm dốc chí, chỉ lắng nghe Dịch Thu; người kia tuy nghe Dịch Thu nói nhưng lại nghĩ có con chim hồng hộc bay tới, mình sẽ giương cung bắn. Tuy là cùng học, kết quả lại chẳng giống nhau!"*

Lô Giá Na trọn hết thảy mọi nơi, chỗ Phật ở được gọi là Thường Tịch Quang". Khắp mọi nơi đều là cõi Thường Tịch Quang, cứ hễ viên chứng được Pháp Thân Quang Minh Biến Chiếu Tỳ Lô Giá Na bèn tự được thọ dụng. Ngoài ra đều là phần chứng. Nếu xét từ bậc Thập Tín trở xuống phàm phu, về Lý thì có, nhưng về Sự lại không. Muốn hiểu tường tận nên đọc kỹ đoạn luận về bốn cõi trong sách Di Đà Yếu Giải, mà sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng bàn luận rõ ràng (Tỳ Lô Giá Na, Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, là hiệu chung của Pháp Thân thanh tịnh được chứng bởi hết thảy chư Phật khi đã viên chứng cực quả rốt ráo. Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na cũng thế. Còn Thích Ca, Di Đà, Dược Sư, A Súc v.v… là những danh hiệu khác biệt của mỗi hóa thân Phật. Lô Xá Na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do Hoặc nghiệp đã hết sạch, trí huệ viên mãn. Đây là ước trên trí đức và đoạn đức cảm được quả báo mà nói).

Lại phải biết Thật Báo và Tịch Quang vốn cùng là một cõi. Nếu ước theo cái quả do xứng tánh cảm được thì gọi là Thật Báo, nếu ước theo cái lý rốt ráo chứng được thì gọi là Tịch Quang. Bậc Sơ Trụ vừa dự vào Thật Báo, chứng một phần Tịch Quang. Diệu Giác mới là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác đều chỉ chứng được một phần hai cõi ấy. Đến Diệu Giác cực quả mới được rốt ráo cả hai cõi ấy. Nói đến Thật Báo là chỉ ước trên phần chứng, còn Tịch Quang là ước trên rốt ráo. Tịch Quang không có tướng, Thật Báo có đủ vi trần số những trang nghiêm vi diệu chẳng thể nghĩ bàn của Hoa Tạng thế giới hải. Ví như hư không, thể của nó không có các tướng, nhưng hết thảy các tướng đều do hư không mà phát hiện. Lại như gương báu, trống sáng rỗng rang, trọn chẳng có một vật, nhưng hễ người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán. Thật Báo và Tịch Quang là một mà lại hai, tuy hai nhưng một. Muốn cho con người dễ hiểu nên nói là hai cõi.

Những gì được dạy trong Kim Luân chú pháp chính là nhân quả ba đời, làm thợ săn, làm vị tăng đều là nhân quả đời trước. Nay được làm người, phước hết sẽ đọa. Đấy là ước theo người mê không tu bèn dạy nhân trước quả sau. Niệm Phật, đọc kinh, ngộ lý Nhị Không[116], chứng pháp Thật Tướng, là luận theo người tỉnh ngộ tu trì mà chỉ dạy hiện nhân hậu quả. Chớ có buông tuồng mặc ý, cho rằng đời này sẽ lại được như thế. Trong đời này người chứng được Thật Tướng không phải là không có ai; chỉ e hiền khế[117] không có thiện căn ấy. Nếu chẳng trình bày rõ nguyên do, e sẽ hư vọng mong mỏi chứng thánh, chí cao nhưng hạnh không thấu, lâu ngày chầy tháng ắt đến nỗi táng tâm cuồng dại, chưa đắc nói đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, cầu thăng lại đọa, hóa khéo thành vụng. Xét đến kết quả, khó tránh khỏi vĩnh viễn chìm đắm trong đường

[116] Nhị Không: Ngã Không và Pháp Không.
[117] Hiền khế: tiếng gọi tỏ vẻ trân trọng bạn hữu.

ác. Chẳng những mai một linh tánh của chính mình, mà quả thật còn cô phụ ơn Phật.

Cái lý Nhị Không chỉ nói về ngộ thì phàm phu lợi căn có thể làm được, như những người thuộc vào địa vị Danh Tự trong Viên Giáo, tuy Ngũ Trụ Phiền Não chưa phục đoạn[118] được mảy may, nhưng sở ngộ đã bằng với chư Phật không hai, không khác (Ngũ Trụ: Kiến Hoặc là một trụ, Tư Hoặc gồm ba trụ. Hai loại này thuộc về giới nội. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc gộp thành một trụ. Hai loại này thuộc về giới ngoại). Nếu nói theo nhà Thiền thì gọi là đại triệt đại ngộ, còn nói theo Giáo thì gọi là đại khai viên giải. Đại triệt đại ngộ và đại khai viên giải không phải là lờ mờ, phảng phất hình như hiểu rõ đâu nhé! Như Bàng cư sĩ[119] nghe Mã Tổ nói: *"Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết",* ngay khi đó, Bàng cư sĩ bèn quên ngay nhân ngã, thấu hiểu lẽ huyền. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ nói: *"Gió Nồm từ phương Nam thổi đến, điện gác đều mát mẻ"* cũng thế. Trí Giả tụng Pháp Hoa đến câu *"là chân tinh tấn, gọi là pháp cúng dường Như Lai chân thật"* trong phẩm Dược Vương Bổn Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy một hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi là đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải.

Nếu nói đến việc chứng pháp Thật Tướng thì không phải là chuyện hạng phàm phu sát đất có thể làm được. Nam Nhạc Tư đại thiền sư, là thầy đắc pháp của ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lâm chung có người hỏi đến sở chứng, bèn nói: *"Thoạt đầu ta mong được Đồng Luân* (tức địa vị Thập Trụ, phá vô minh, chứng Thật Tướng, vừa dự vào Thật Báo, phần chứng Tịch Quang. Bậc Sơ Trụ có thể thị hiện làm thân Phật trong tam thiên đại thiên thế giới giáo hóa chúng sanh. Bậc Nhị Trụ có thể hiện trong một ngàn tam thiên đại thiên thế giới, Tam Trụ thì một vạn, địa vị càng cao lên thì con số càng tăng gấp mười, há tiểu căn làm được ư?). *Nhưng vì lãnh chúng quá sớm, chỉ chứng được Thiết Luân mà thôi!* (Thiết Luân là địa vị Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc. Bát, Cửu, Thập Tín phá Trần Sa Hoặc, khuất phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở vào địa vị Thập Tín, còn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Nếu phá một phẩm vô minh, liền dự vào Sơ Trụ, mới có thể nói là viên chứng pháp Thật Tướng).

---

[118] Phục đoạn: Khuất phục, đè nén chứ chưa đoạn trừ cội rễ.

[119] Bàng cư sĩ tên là Bàng Uẩn, tự Đạo Huyền, người xứ Hành Dương, học Nho, từ nhỏ đã ngộ trần lao, chí cầu xuất thế. Năm đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) đời Đường, tham yết sư Thạch Đầu, hỏi: "Chẳng cùng vạn pháp làm bạn thì là ai?" Thạch Đầu lấy tay che miệng. Đột nhiên Bàng Uẩn hơi tỉnh ngộ, sau tham yết Mã Tổ, hỏi lại câu trên đây. Mã Tổ đáp: "*Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết",* ngay khi đó bèn đốn ngộ huyền chỉ. Khi cư sĩ sắp nhập diệt, bảo với con gái là Linh Chiếu: "Huyễn hóa không thật, tùy ngươi duyên theo. Hãy ra ngoài xem mặt trời, khi nào đúng Ngọ bảo cha!" Linh Chiếu ra khỏi cửa, trở vào bảo: "Mặt trời đứng bóng rồi lại chênh, hãy ra xem thử!" Cư sĩ ra cửa xem, Linh Chiếu bèn lên tòa của cha, chắp tay qua đời. Cư sĩ cười: "Con ta lanh lẹ quá!" Bèn dời ngày chết lại bảy hôm. Người đứng đầu vùng ấy là Vu Công Đốn đến hỏi thăm, cư sĩ nói: "Chỉ nguyện không vô sở hữu, chớ đừng mọi thứ đều thật, chẳng phải không! Khéo trụ trong thế gian, đều như bóng, như tiếng vang". Nói xong, tựa đầu vào gối ông Vu, qua đời.

Trí Giả đại sư là hóa thân của Phật Thích Ca, lâm chung có người hỏi: "Chưa rõ đại sư chứng nhập địa vị nào?" Bèn đáp: *"Nếu ta không lãnh chúng ắt tịnh được sáu căn"* (tức là thuộc địa vị Thập Tín, sáu căn đều tịnh, như đã thuyết minh trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa), *do tổn mình lợi người nên chỉ chứng được Ngũ Phẩm* (Ngũ Phẩm là Quán Hạnh vị, đã khuất phục hoàn toàn phiền não nhưng chưa đoạn trừ được Kiến Hoặc).

Ngẫu Ích đại sư lúc lâm chung để lại bài kệ:

Danh tự vị trung chân Phật nhãn,

Vị tri tất cánh phó hà nhân?

(Chân Phật nhãn trong địa vị Danh Tự còn chưa biết rốt ráo, giao phó cho ai đây?)

(Người thuộc địa vị Danh Tự đã viên ngộ Tạng tánh, ngang với chư Phật, nhưng Kiến Tư còn chưa khuất phục được, huống chi là đoạn! Những người đại triệt đại ngộ trong đời Mạt đa phần mang thân phận này. Ngũ Tổ Giới làm thân Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh trở thành Lỗ Công, còn là bực thượng. Kế đến là như Hải Ấn Tín làm con gái của Châu Phòng Ngự. Kém hơn nữa là như vị tăng ở Nhạn Đãng trở thành con nhà họ Tần mang tên Cối. Rõ ràng là vì Lý tuy đã đốn ngộ, nhưng Hoặc chưa khuất phục được, trải qua một phen thọ sanh, rất có thể bị mê mất. Tạng tánh chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, tức là tên gọi khác của Thật Tướng).

Ngẫu Ích đại sư thị hiện thuộc địa vị Danh Tự, Trí Giả thị hiện thuộc địa vị Ngũ Phẩm, Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thập Tín, nhưng bổn địa của ba vị đại sư chẳng thể lường được, nhưng các Ngài thị hiện ba địa vị Danh Tự, Quán Hạnh, Tương Tự cho thấy Thật Tướng không dễ chứng, hàng hậu tấn khó thể vượt lên. Quả thật các Ngài sợ rằng hậu nhân chưa chứng nói đã chứng, nên bèn hiện thân thuyết pháp khiến cho họ tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng. Ân thị hiện sau cùng của ba vị đại sư chúng ta dẫu nát xương tan thân cũng không báo đáp được! Ông hãy tự suy nghĩ xem mình có thể trội hơn được ba vị đại sư ấy hay chăng? Nếu nói Niệm Phật, duyệt kinh hòng vun bồi thiện căn; sau khi vãng sanh, thường hầu Di Đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh sâu hay cạn, ắt sẽ chứng Thật Tướng sớm hay muộn thì đấy là lời quyết định không nghi, hết thảy người vãng sanh cùng được chứng đắc.

Lại như Kim Luân chú pháp chẳng cho hỏi việc gì khác, chỉ cho hỏi về thiện căn, hỏi về pháp môn. Chúng sanh đời Mạt bất luận có thiện căn hay không đều nên quyết định chuyên tu Tịnh Độ, cũng chẳng cần hỏi đến pháp môn nữa, hãy nên nỗ lực! Nếu không có thiện căn hãy cứ tận lực vun bồi, nên cũng không cần phải hỏi về thiện căn nữa! Chỉ nên trì chú để trợ tu Tịnh nghiệp, chớ tự tiện tác pháp làm phiền Phật, thánh. Nếu bộp chộp tác pháp, nhưng thân tâm chẳng cung kính, hoặc chẳng chí thành, rất có thể khiến cho ma sự khởi.

Chỉ có mỗi một việc nên tác pháp nhưng không phải là phận sự của ông. Tức là nếu như có người muốn xuất gia, nhưng tự mình chưa chứng đạo, chẳng thể quán sát căn cơ kẻ ấy, bèn trên cầu Phật từ, ngầm dạy cho mình biết kẻ ấy có thích hợp hay không, ngõ hầu khỏi bị cái nạn những kẻ giặc cướp, bại hoại xen lẫn [vào cửa Phật]. Nhưng nay người ta thâu đồ chúng, chỉ sợ không thâu được nhiều, dẫu biết rõ kẻ đó là phường hạ lưu, vẫn cứ gấp gáp muốn thâu nạp, chỉ sợ hắn vuột thoát! Ai chịu làm pháp này để quyết định! Tham danh lợi, ưa quyến thuộc đến nỗi làm cho Phật pháp bị suy bại sát đất, không sao hưng khởi được!

Còn như ai nghiệp chướng nặng nề, tham sân lừng lẫy, sức yếu tâm khiếp nhược, chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các chứng bệnh đều sẽ tự khỏi. Phẩm Phổ Môn nói: *"Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa khỏi"*. Niệm Phật cũng thế, nhưng phải tận tâm kiệt lực, không còn ngờ vực thì chẳng cầu gì không được. Quán Âm có nhân duyên lớn với Sa Bà. Ngoài việc niệm Phật ra, trì thêm danh hiệu Quán Âm cũng được, hoặc kiêm trì các chú Lăng Nghiêm, Đại Bi v.v… cũng đều được cả. Còn như duyệt kinh, nếu muốn làm pháp sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy nên đọc kinh văn trước, kế đến là đọc chú sớ. Nếu tinh thần không sung túc, kiến giải không hơn người, chớ nên uổng công lao tâm lao lực, uổng phí năm tháng.

Nếu muốn tùy sức chứng được lợi ích thật sự, phải chí thành khẩn thiết, thanh tịnh ba nghiệp, trước hết đoan tọa một lát để thân tâm ngưng lặng, rồi sau đấy mới lễ Phật tụng ra tiếng, hoặc chỉ thầm đọc, hoặc lễ Phật rồi đoan tọa một chút, sau đấy mới mở kinh ra. Cần phải ngồi ngay ngắn nghiêm chỉnh như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám chớm một niệm lười nhác, cũng chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc thẳng từ đầu đến cuối, bất luận dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dụng công để hiểu. Đọc kinh như thế, người lợi căn liền có thể ngộ được lý Nhị Không, chứng pháp Thật Tướng. Nếu như căn cơ độn, kém, cũng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Lục Tổ nói: *"Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh"*, tức là nói đến cách xem như vậy đó. Vì thế nói *"chỉ"*. Có thể xem như thế thì xem kinh Đại Thừa nào cũng có thể minh tâm kiến tánh, há phải riêng gì kinh Kim Cang là như vậy!

Nếu cứ một bề phân biệt, câu nói này nghĩa là gì, đoạn này nghĩa là gì, bèn hoàn toàn thuộc vào phàm tình vọng tưởng, đoán mò, suy lường, há có thể ngầm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh, nhân đó nghiệp chướng tiêu trừ, phước huệ tăng cao ư? Nếu biết cung kính, còn trồng được một chút thiện căn. Nếu hoàn toàn như nhà nghiên cứu già dặn đọc sách Nho sẽ thấy cái tội khinh nhờn như núi cao vút, như vực sâu thăm thẳm. Do nhân lành chuốc lấy quả ác,

chính là hạng người này đấy! Cổ nhân chuyên trọng nghe kinh vì tâm chẳng thể khởi phân biệt. Như có một người đọc tụng ra tiếng, người khác ở bên cạnh nhiếp tâm lắng nghe kỹ càng từng chữ từng câu sao cho phân minh. Tâm người ấy chuyên chú chẳng dám duyên theo hết thảy thanh sắc bên ngoài. Nếu hơi phóng túng liền bị đoạn tuyệt, văn nghĩa chẳng thể quán thông được. Người tụng có kinh văn để nương vào, tâm chẳng cần chuyên chú lắm vẫn có thể tụng rõ ràng. Người nghe chỉ có thể nhờ vào âm thanh nên nếu phóng túng sẽ bị đứt đoạn. Nếu nghe được như thế sẽ bằng với công đức chí thành cung kính của người tụng. Nếu người tụng hơi kém cung kính thì công đức khó thể sánh bằng người nghe.

Con người hiện thời coi kinh Phật như giấy cũ, để lẫn lộn kinh với những thứ khác trên án kinh, tay chẳng rửa ráy, miệng không súc sạch, thân đung đưa, chân gác lên, thậm chí phóng thí[120], gãi chân, hết thảy phóng túng chẳng e sợ mà muốn đọc kinh để được phước tiêu tội thì chỉ có ma vương muốn tiêu diệt Phật pháp mới chứng minh, tán thán, bảo là hoạt bát viên dung, phù hợp sâu xa với diệu đạo chẳng chấp trước của Đại Thừa! Phật tử chân tu thực sự tu hành, trông thấy chỉ đành ngấm ngầm đau lòng, lặng lẽ ứa lệ, than thở quyến thuộc ma hoành hành, chẳng biết làm sao!

Trí Giả tụng kinh, hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, há có phải là do tâm phân biệt mà hòng đạt được ư? Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú bèn được niệm cực tình vong, đến khi trời tối mịt vẫn cứ viết mãi. Thị giả vào nói trời đã tối đen rồi sao vẫn viết mãi, liền duỗi tay ra chẳng thấy được bàn tay[121]. Duyệt kinh như thế cùng với tham thiền, khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật có cùng sự chuyên tâm chuyên chí. Ra sức như thế, lâu ngày ắt có bữa sẽ được lợi ích hoát nhiên quán thông.

Thời Minh, Tuyết Kiểu Tín thiền sư người phủ thành Ninh Ba, không biết chữ nào, trung niên xuất gia, nhọc nhằm tham cứu tận lực, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những điều người khác không thể làm, hành những hạnh khổ người khác quả thật khó thể làm được. Lâu ngày đại triệt đại ngộ, thuận miệng nói ra những điều khéo khế hợp thiền cơ, dẫu không biết chữ, chẳng thể viết được, nhưng lâu ngày bèn biết chữ. Lâu sau ngọn bút vẫy vùng, nghiễm nhiên thành một nhà thư pháp lớn. Các lợi ích này đều cầu từ nơi chẳng phân biệt, chuyên tinh tham cứu. Người duyệt kinh cũng nên lấy cách này làm pháp tắc. Ngữ lục của vị này đã được đưa vào tạng kinh đời Thanh. Đàm Tảo Am mang danh Tiến Sĩ, quy y dưới tòa, soạn bài bia thuật đạo hạnh của Sư hơn một vạn chữ.

---

[120] Phóng thí: tức trung tiện (break the wind, passing gas)

[121] Theo Tử Bách Lão Nhân Tập, quyển 22, vị Tăng này chính là Nhất Am thiền sư sống vào thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh.

Lúc duyệt kinh trọn chẳng được khởi phân biệt, tự nhiên vọng niệm nép phục, thiên chân phát hiện. Nếu muốn nghiên cứu nghĩa lý hoặc đọc chú sớ, nên dành lúc khác chỉ chú trọng nghiên cứu. Trong lúc nghiên cứu, tuy không nghiêm túc như lúc duyệt kinh, cũng chẳng thể hoàn toàn không cung kính, bất quá so với lúc duyệt kinh thư thả hơn một chút. Chưa thể nghiệp tiêu trí rạng thì lấy duyệt kinh làm chánh, nghiên cứu chỉ là phụ kèm theo. Nếu không, quanh năm suốt tháng chỉ lo nghiên cứu, dẫu nghiên cứu đến mức như vẹt mây thấy mặt trăng, mở cửa thấy núi, cũng chỉ là lưu loát ngoài miệng, đối với thân tâm sanh mạng và chuyện sanh tử trọn không can dự mảy may. Ngày Ba Mươi tháng Chạp xảy đến, quyết định chẳng dùng được tí ti nào. Nếu có thể duyệt kinh như vừa mới nói ắt nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, ba thứ tình kiến sẽ quy về chốn làng quê chưa hề có. Nếu không duyệt như thế, chẳng những ba thứ tình kiến chưa chắc không phát sanh, lại e do sức túc nghiệp dẫn khởi tà kiến, bác không nhân quả, và giết - trộm - dâm đủ mọi phiền não nối tiếp nhau dấy lên như lửa cháy hừng hực, nhưng cứ tưởng mình là người tu Đại Thừa, hết thảy vô ngại, bèn vin vào lời Lục Tổ *"tâm đã bình cần gì phải nhọc lòng trì giới*", bèn cho các giới đều phá mà không phá mới là chân hành trì, thật là tu hành khó được chân pháp vậy! Do vậy, chư Phật, chư tổ chủ trương Tịnh Độ, nương vào Phật từ lực để chế phục nghiệp lực, chẳng cho nghiệp lực phát hiện.

Nên lấy Niệm Phật làm chủ, duyệt kinh làm phụ. Như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Kim Cang, Viên Giác, hoặc chuyên chú một kinh, hoặc lần lượt duyệt sáu kinh này cũng được. Nhưng cách duyệt trọn chẳng thể không tuân theo cách tôi đã trình bày. Nếu làm cẩu thả đến nỗi lợi ích chẳng thể nghĩ bàn bị mất vì phóng túng không kiêng dè và phân biệt, vọng tình thì há chẳng đáng buồn ư?

Trước kia, tôi cho rằng ông và Sư Trân đã có thể triệt để tin theo pháp môn Tịnh Độ; đến khi xem những thư từ hỏi đáp giữa ông và ông Từ thấy ông lại muốn trì chú, lại toan nghiên cứu Giới học, cho rằng mật chú có công đức thù thắng chưa hề thấy xưng thuật trong Tịnh Độ, tâm bèn chao đảo, không có mảy may ý kiến nhất định nào! Ông căn cơ như thế nào mà muốn pháp gì cũng đều thông cả vậy? Do bị những chuyện cấp thiết khuấy động lâu ngày rất có thể bị mất trí, tôi bảo ông Từ: "Mong ông hãy cực lực khai thị cho ông ta để trọn tình thầy bạn cùng một pháp môn". Sư Trân cho rằng Mật Tông [nói đến những chuyện] hơi xông, bụi dính[122] đều được giải thoát, còn Tịnh tông không có những lợi ích ấy, sao chẳng xét Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng bèn được vãng sanh? Lại chẳng thấy những vị Đẳng

[122] Trong Mật Tạng, có nói những bài chú nếu gió thổi qua người trì tụng chạm vào người khác, người khác cũng được lợi ích. Như chú Đại Tỳ Lô Giá Na Quán Đảnh, tụng vào cát đem rải lên xương người chết, người chết cũng được giải thoát.

Giác trong hội Hoa Nghiêm chứng ngộ bằng với chư Phật, vẫn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh để cầu viên mãn Phật quả đó ư? Nếu bảo là có pháp nào thù thắng hơn pháp này, bèn muốn bỏ pháp này để tu pháp kia thì sao chẳng suy xét Phật, Tổ trong ngàn kinh muôn luận đã đinh ninh ân cần dốc cạn ý vậy?

Nói thật ra, các pháp môn Đại Thừa pháp nào cũng đều viên diệu, nhưng do căn cơ có sống - chín, duyên có cạn - sâu, nên lợi ích thành ra có dễ đạt và khó đạt! Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di Đà, Ngài dạy Chuyên Tu vì sợ hành nhân tâm chí bất định, bị các pháp môn khác đoạt chí. Dẫu cho khắp tất cả từ Sơ, Nhị, Tam, Tứ Quả thánh nhân và các Bồ Tát Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, Đẳng Giác, cuối cùng là mười phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới, hiện thân phóng quang khuyên bỏ Tịnh Độ, giảng cho diệu pháp thù thắng cũng chẳng chịu nhận, bởi thoạt đầu đã phát nguyện chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy. Hòa thượng Thiện Đạo đã sớm biết người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có tí ti định kiến nào nên mới nói như vậy hòng giết chết cái tâm chụp giựt cuồng vọng cứ luôn mong mỏi, ngưỡng mộ lòng vòng! Ai biết lấy ngài Thiện Đạo làm thầy mà chẳng thuận theo. Người thuận theo [ý tổ Thiện Đạo] chỉ e không thấy nhiều. Há chẳng phải là ác nghiệp đời trước sai khiến đến nỗi pháp khế cơ khế lý nhất ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thành ra kẻ nghiệp thức mờ mịt không Thiền, không Tịnh Độ, luân hồi không có gốc rễ để nương tựa đó ư? Buồn thay!

Tôi thấy tâm ông tha thiết muốn học hỏi, nhưng nếu thường gởi thư hỏi han, đôi bên đều bị phiền rộn. Do vậy, hỏi Sư Trân có hay không những sách giảng về Giáo Thừa Pháp Số[123] để thỉnh ắt sẽ có cái để tra duyệt. Sách Phiên Dịch Danh Nghĩa thuộc về [loại giải thích] danh nghĩa tiếng Phạn. Thích Thị Kê Cổ Lược là sách chuyên chép sự tích nhiều đời trong nhà Phật. Duyệt Tạng Tri Tân là sách tóm tắt đại ý của các kinh luận, ngữ lục và những trước thuật trong Đại Tạng. Long Tạng Vựng Ký chính là mục lục của Đại Tạng Kinh đời Thanh. Những sách ấy đều thuộc loại không thể không có. Có những cuốn sách ấy như có một vị thầy theo sát bên cạnh, hễ hỏi liền đáp.

Người chưa đoạn Phiền Hoặc cần phải y theo mặt Sự để sám hối, khẩn thiết đến cùng cực thì diệu lý chẳng thể nghĩ bàn sẽ triệt để phô bày trọn vẹn. Nếu bỏ Sự nói Lý sẽ chỉ được lợi ích bánh vẽ; lúc nói thì có, lúc dùng thì không. Lại như trong những tập một, hai, ba, bốn của Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép những lời lẽ, hành vi tốt đẹp của cổ đức. Đọc đến tâm sẽ tự vui sướng

[123] Ở đây Pháp Số chỉ những sách chuyên giải nghĩa những thuật ngữ Phật giáo như Tam Quy, Ngũ Giới, Tâm Vương, Tâm Sở, Ngũ Trụ, Tứ Đảo v.v…

ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, tự cam phận ở nơi hèn kém, mất mát lớn lao. Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp. Đọc đến chẳng bị ma tà, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá được thành lũy tà kiến của chúng. Những sách này đọc đến có thể làm cho chánh kiến kiên cố, có thể hỗ trợ chứng minh cho kinh giáo. Chớ nói mình nhất tâm duyệt kinh, gác những sách ấy ra ngoài không hỏi tới, kẻo tri kiến sai biệt chẳng mở mang, gặp địch ắt bị đánh bại nhục nhã vậy. Những điều trình bày trong thư có những chỗ chưa nêu ra, nhưng nếu chú tâm suy xét thì những ý nghĩa ấy sẽ tự hiện rõ.

Lại nữa, Nhị Không chính là Ngã Không và Pháp không. Ngã Không có nghĩa là đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, hiểu rõ dù Sắc hay Tâm (Sắc là sắc pháp, bốn thứ sau chính là tâm pháp) đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra. Nhân duyên tách rời bèn diệt, trọn không có được cái chủ tể thật ngã. Pháp Không là đối với pháp Ngũ Ấm, hiểu rõ Thể của chúng hoàn toàn là không. Tâm Kinh nói *"soi thấy năm Uẩn đều không"* chính là nghĩa này. Lý Pháp Không này chính là Thật Tướng. Do phá vô minh, chứng Thật Tướng, nên nói *"độ hết thảy khổ ách"*. Thật Tướng là Pháp Thân Lý Thể, bỏ lìa trọn vẹn các tướng sanh, diệt, đoạn, thường, không, có v.v…, là gốc của hết thảy các tướng, là chân thật nhất. Vì thế gọi là Thật Tướng. Thật Tướng ấy chúng sanh và Phật cùng có, nhưng phàm phu, Nhị Thừa do mê trái nên chẳng thọ dụng được. Giống như minh châu trong áo, do không biết nên chẳng tránh khỏi bần cùng, chứ không phải là phàm phu đang mê và hàng Nhị Thừa chứng Chân Đế không có Lý Thể ấy.

Hễ ngộ thì rành mạch phân minh như mở cửa thấy núi, vẹt mây thấy mặt trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về, cũng như kẻ sĩ nghèo lâu ngày chợt mở được kho báu. Người chứng như theo đường về nhà, khỏi phải đi nữa, ngồi yên ổn, cũng như nắm được kho báu này tùy ý thọ dụng. Về ngộ thì đại tâm phàm phu giống như chư Phật, còn chứng thì Sơ Địa chẳng biết được chỗ cất chân, hạ chân của Nhị Địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này tự nhiên chẳng khởi Tăng Thượng Mạn, chẳng bị thoái khuất mà cái tâm cầu sanh Tịnh Độ dẫu vạn con trâu cũng khó kéo lại được.

Lại nữa, phàm sao lục văn tự ắt phải xét kỹ càng, tinh tường, chẳng được làm qua loa cho xong việc. Bài tựa sách Di Đà Yếu Giải, lúc soạn xong, đại sư Ngẫu Ích bỏ đi những câu chữ chưa trọn vẹn. Nhưng câu cuối [trong bài tựa], đại sư đã viết: *"Chẳng dám đua chen khác với hai vị*[124]*, cũng chẳng bắt tất phải ép cho giống với hai vị. Ví như nhìn nghiêng thành chỏm, nhìn ngang*

[124] Hai vị ở đây là Liên Trì và U Khê đại sư (tác giả Di Đà Viên Trung Sao)

thành rặng đều là chân cảnh Lô Sơn bất tận, không cần phải bỏ đi cái nhìn Lô Sơn của riêng mỗi người". Khi ấy, Sư lược bỏ thí dụ này. Chữ Tất trong *"bất tất phải ép cho giống với hai vị"* bị sửa sai thành chữ Cảm (dám), bèn thành ngã mạn tự đại, miệt thị hai vị kia, ngụ ý: Trong những lời chú của hai vị có những điều trái nghịch với kinh, chẳng dám nương theo những ý nghĩa ấy, đâm ra tương phản với thí dụ tiếp theo đó. Quả thật là oan uổng cho ngài Ngẫu Ích, khiến hậu học bị lầm lạc, khiến cho người đọc đến phải đau lòng buốt óc!

Nay đang là lúc nào? Nam Bắc đánh lẫn nhau, trong ngoài chống chọi nhau, ba bốn năm nay, người chết bốn năm ngàn vạn, kể từ khi có loài người đến nay, chưa từng nghe thê thảm như thế. Đã thế lại còn gió lốc, nước ngập, động đất, ôn dịch xảy ra liên miên khắp mọi nơi. Lại thêm lũ lụt, hạn hán, không một năm nào chẳng kèm thêm những tai nạn ấy. Vật giá đắt đỏ hơn trước mấy lần, ngay trong lúc như vậy, may sao còn được sống, dám chẳng kiệt lực chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu được vãng sanh Tịnh Độ ư? Dám do may được thân người bèn phóng túng tâm chí, chẳng chuyên chú một pháp, phù phiếm, ơ hờ phí sức nơi pháp môn chẳng khế cơ, khế thời ư? Ví như một hơi thở ra không hít vào được, muốn lại được nghe pháp môn thẳng tắt này, chỉ sợ rằng chẳng được may mắn như thế nữa đâu!

32. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

Quang đã không có học vấn, lại không có sức lực, nếu nói quá nhiều mắt bèn đỏ au, khó xem được chữ, sao có thể giảng kinh? Huống hồ hiện thời còn bận chuyện in sách, vạn phần chẳng rảnh tay giúp người khác. Dẫu không bận chuyện gì cũng chẳng thể đáp ứng được chuyện này. Lời của ông nói chính là vì hình hài gỗ đất mà thếp vàng, nghe rất hay, còn đối với người hiểu thấu suốt thì chẳng đáng nửa đồng. Từ nay về sau chẳng nên nói như vậy nữa, để Quang tôi khỏi phải hổ thẹn, kẻo người ta biết đâm ra chê cười. Người học đạo nếu đạo niệm nặng một phần thì phàm tình nhẹ được một phần. Đấy là cái thế tất nhiên. Nhưng người chưa đoạn Hoặc thường phải nỗ lực. Nếu vừa phóng túng, bệnh cũ nhất định sẽ lại nổi dậy.

Người đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới có thể khéo tùy ý bay nhảy, không cần bó buộc nhiếp trì. Nhà nào muốn hưng thạnh thì gia quy nhà ấy ắt phải nghiêm nhặt từ đầu. Nhà nào muốn lụn bại, ắt gia quy nhà ấy phải suy đồi, phế bỏ ngay từ đầu. Muốn con em thành người thì phải bắt đầu từ hành vi của chính mình có phép tắc, làm gương cho con em. Đấy là lý nhất định. Nay muốn khởi sự từ chỗ bớt việc, bớt tốn sức nên lấy nhân quả báo ứng làm câu đầu tiên để bắt đầu, khiến cho tập quen thành tánh, ngõ hầu sau này chẳng đến nỗi phạm phải sai

sót lớn. Đấy chính là diệu pháp bậc nhất để yên đời, làm cho dân lương thiện, tề gia, dạy con.

Trí Giả đại sư được đời xưng tụng là Thích Ca hóa thân, ai biết được sở chứng của Ngài. Nhưng Phật vì chúng sanh hiện thân làm gương nên tự mang thân phận phàm phu, nói: *"Nếu ta không lãnh chúng, ắt tịnh sáu căn"*. Dùng chính mình để răn người, hiện thân thuyết pháp vậy. Do đại sư thoạt đầu cầu đoạn Hoặc chứng Chân, mong dự vào những bậc Địa, Đẳng (Địa là Thập Địa, Đẳng là Đẳng Giác), do hoằng pháp lợi sanh nên bỏ lỡ công phu Thiền Định của chính mình, vì thế chỉ chứng được địa vị Ngũ Phẩm Quán Hạnh trong Viên Giáo mà thôi. Do vậy, Ngài nói: *"Tổn mình lợi người chỉ chứng Ngũ Phẩm"*.

Ngũ Phẩm chính là tùy hỷ, đọc tụng, giảng nói, kiêm hành lục độ, chánh hành lục độ, năm thứ như vậy. Địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo viên ngộ Tạng tánh (Tạng tánh là diệu lý Thật Tướng. Khi tại triền (còn triền phược) thì gọi là Như Lai Tạng; khi thoát khỏi triền phược thì gọi là Pháp Thân. Triền là vô minh, do vô minh chưa đoạn nên gọi là *"tại triền"*), sở ngộ trọn không khác gì Phật. Khuất phục trọn vẹn Kiến Tư, Vô Minh, Trần Sa phiền não, nhưng chưa đoạn được Kiến Hoặc. Nếu đoạn được Kiến Hoặc sẽ chứng Sơ Tín. Cho đến Thất Tín, đoạn sạch Tư Hoặc, thật sự chứng sáu căn tùy ý chẳng nhiễm sáu trần; nên gọi là địa vị *"lục căn thanh tịnh"*. Lại trong mỗi một căn có đủ công đức của sáu căn, sáu căn làm Phật sự, vì thế còn gọi là *"lục căn hỗ dụng"* (sáu căn dùng lẫn cho nhau) như trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa đã nói, ngài Nam Nhạc Tư thị hiện chứng địa vị này. Người thuộc địa vị này chẳng những có đại trí huệ mà còn có đại thần thông, thần thông ấy Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng. Vì thế ngài Nam Nhạc lúc sống cũng như sau khi mất, đều có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn khiến cho kẻ thấy, người nghe đều phát khởi tín tâm.

Nam Nhạc lẫn Trí Giả đều là Pháp Thân đại sĩ, địa vị các Ngài thật sự chứng không ai dò được mức cao thâm. Chẳng qua là muốn khuyên hậu thế chuyên tinh học đạo nên thị hiện thấp kém như thế, há phải họ thật sự chỉ chứng địa vị Thập Tín Tương Tự hay Ngũ Phẩm Quán Hạnh mà thôi! Hạng phàm phu sát đất chúng ta sao kham bắt chước các Ngài, chúng ta chỉ nên khéo thô trì trọng giới[125], nhất tâm niệm Phật, kiêm tu những điều thiện thế gian để làm Trợ Hạnh, nương theo cách của các vị Vĩnh Minh, Liên Trì mà hành thì không gì chẳng được lợi! Tự mình cải ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật.

Phàm với hết thảy những người thân thiết và hữu duyên cũng nên đem pháp này dạy cho. Với những ai phản đối nên sanh ý tưởng thương xót, chẳng được cưỡng bức họ phải hành, đè đầu bò bắt gặm cỏ, muôn vàn chẳng nên! Nếu nói ta nhất tâm niệm Phật, mặc kệ mọi việc, chẳng những trở ngại nơi pháp thế gian

[125] Gọi là thô trì vì chỉ mới giữ được giới tướng trên mặt sự tướng, chưa lãnh hội được giới thể.

mà còn chẳng phù hợp Phật pháp. Hành xử theo đúng địa vị mới nên. Khuyên người niệm Phật tu hành, cố nhiên là công đức bậc nhất, dưới là vợ con, anh em, trên là cha mẹ, ông bà đều nên khuyên lơn. Nếu chẳng thể uyển chuyển phương tiện trong gia đình khiến cho thân thuộc của mình cùng được lợi ích liễu sanh thoát tử chẳng thể nghĩ bàn này thì chính là bỏ gốc theo ngọn, làm lợi cho kẻ sơ chẳng tính lợi cho người thân, há có nên chăng?

Công khuyên người niệm Phật sách Tịnh Độ nói rất nhiều, chỉ sợ phí bút mực, nên chẳng viết cặn kẽ. Ông và Sư Thọ đã tu tịnh nghiệp, chỉ nên tại gia niệm Phật, chẳng nên thường đến Phổ Đà. Còn những danh sơn khác nếu có triều yết, cũng chẳng qua là ngắm phong cảnh núi non mà thôi. Sao không ở nhà tu trì, chẳng phí tiền tài, thời gian, chẳng nhọc thân tâm bôn ba có tốt hơn không? Lại kẻ ngu vô tri lấy tai làm mắt[126], một người bịa chuyện, truyền đến vạn người thành thật, đồn xằng Địa Tạng Bồ Tát chính là thái tử nước Tiêm La (Thái Lan). Đến tháng Bảy nhuận, quốc vương nước ấy đích thân đến mở cửa tháp thờ nhục thân. Đấy toàn là những chuyện không chứng cớ, trọn chẳng nên coi đó là thật. Đợi tới lúc ấy mà đến thì do người đông đất chật, có thể bị xô đẩy, chen lấn, chịu đủ mọi đau khổ. Thật ra, Ngài là vương tộc nước Tân La[127] xuất gia, họ Kim tên Kiều Giác, vào thời Đường Huyền Tông đến núi Cửu Hoa, sống ở đó mấy mươi năm, sau tọa thoát (ngồi mà tịch), nhục thân bất hoại, đem toàn thân nhập tháp, trọn chẳng có chuyện mở cửa tháp.

Trong thời Đường, Cao Ly gồm ba nước: Một là Cao Câu Ly, hai là Tân La, ba là Bách Tế. Sau này Cao Câu Ly thôn tính hai nước kia, nên chỉ gọi là Cao Ly. Cận đại, kẻ ngu không biết đến nước Tân La, bèn ngoa truyền là Tiêm La. Thời Đường cũng chưa có danh xưng Tiêm La. Danh xưng này gồm hai nước: Một là nước Tiêm (Siam), hai là nước La Hộc (Lavo)[128]. Sau này hợp thành một nên mới gọi là Tiêm La. Sự tích của vị Tăng ấy được chép đầy đủ trong Cửu Hoa Chí và Tống Cao Tăng Truyện.

Nếu muốn lễ pháp nhan, nên chọn nhằm lúc vắng vẻ. Nhằm đúng kỳ dâng hương ở Cửu Hoa sơn, khách dâng hương đông đảo gấp trăm lần Phổ Đà, huống chi năm nay lại có lời đồn ấy, người lên núi lễ không biết đông gấp mấy lần thường kỳ. Huống chi tháp xây ở chỗ cao, nếu trước tháp có chừng hai ba trăm người, ắt sẽ có chuyện chen lấn, xô đẩy. Nếu không hiểu chuyện, mang theo phụ nữ, do chen lấn bị táng thân mất mạng, hoặc cũng khó giữ gìn. Há có

[126] Ý nói nghe tin đồn rồi tin tưởng như chính mắt mình thấy.

[127] Tân La (Silla) một vương quốc cổ ở Đại Hàn. Cùng với Cao Câu Ly (Koguryo) và Bách Tế (Pakje) hợp thành thế chân vạc, sử Triều Tiên gọi là Tam Quốc thời đại.

[128] Lawo hoặc Lavo là một vương quốc cổ của người Mon-Khmer, nay thuộc tỉnh Lobpuri của Thái Lan (thành phố Lobpuri có tên xưa là Lavo). Sau khi vương quốc Ayuthaya thành lập, Lavo trở thành kinh đô thứ hai. Siam được phiên âm sang tiếng Hán là Tiêm, nhưng ta thường đọc là Xiêm.

nên chẳng y theo pháp ngôn, chuyên tin lời đồn, tự chuốc lấy phiền não? Quang thấy hai vị lệnh tôn tuổi đã cao, sợ các vị không biết lợi - hại, cứ cho như vậy mới là tận hiếu, nên khôn ngăn dài dòng, mong hãy xét kỹ thì may mắn thay!

33. Thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền

Tôi ăn bám Phổ Đà hơn hai mươi năm, trọn chẳng giao thiệp cùng hai chúng tại gia. Do lão hữu Chí Ngu trụ tích[129] tại Từ Nham nên thường gặp nhau trò chuyện. Gần đây, thầy Phước Nghiêm đến đây chưa đầy một tuần, thường đến chỗ tôi, nhắc đến sự trinh tháo của bà liền khởi lòng thương xót,. Nhân đấy, tôi bèn an ủi rằng: "Tuy bà ta trinh liệt đáng phong tặng, nhưng đáng tiếc là không biết đường tu ra sao? Tôi sẽ trình bày đại lược những điểm cương yếu để bà tùy phận tùy sức, dốc lòng tu tịnh nghiệp". Thầy Nghiêm bèn lễ thỉnh khẩn thiết, nhân đó, tôi bảo:

- Phật pháp chính là pháp vốn có trong tâm hết thảy chúng sanh. Tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát), lục phàm (thiên, nhân, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) đều nên tuân hành. Tại gia hay xuất gia đều có thể thọ trì. Huống chi thân nữ nhiều chướng ngại, chuyện gì cũng không được tự do. Lìa quê sang tỉnh khác, dễ chuốc lấy lời chê trách, gièm xiểm, hủy nhục của người ngoài. Vì lo nghĩ đến điều ấy, [theo tôi] bà chỉ nên ở nhà trì giới niệm Phật, quyết chí cầu sanh Cực Lạc thế giới, trọn chẳng nên xa lìa quê nhà, xuất gia làm ni. Còn như nghiên cứu kinh giáo đến cùng tột, tham phỏng minh sư quyết định là phận sự của nam tử, nữ nhân chẳng nên bắt chước! Nữ nhân chỉ nên dốc lòng tu Tịnh nghiệp, chuyên trì Phật hiệu.

Nếu thật sự có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, tự nhiên trong đời này tự chứng Niệm Phật tam-muội, lâm chung vãng sanh Thượng Phẩm. Dẫu chưa thể tự chứng tam-muội cũng được cao dự hải hội, hầu cận Di Đà mãi mãi. Do đấy, tự chứng Vô Sanh, khôi phục tâm tánh vốn có, nên vô biên giáo hải thảy đều hiểu rõ, như gương báu đặt trên đài, muôn hình ảnh đều hiện. Sau đấy, nương vào từ lực của Phật và bổn nguyện của mình chẳng lìa An Dưỡng, trở vào Sa Bà, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, mong hết thảy hữu tình cùng lên Liên Bang, đều chứng Vô Sanh, ngõ hầu chẳng phụ một phen tâm quyết liệt tu trì, đáng gọi là hoa sen trong lửa, là bậc trượng phu của nữ giới. Phàm tu Tịnh nghiệp, phải lấy quyết chí cầu sanh Tây Phương làm gốc. Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông.

[129] Tích là tích trượng, cây gậy có những vòng sắt để vị Tăng cầm đi đường hoặc khất thực. Trụ tích là ở lại một nơi nào đó tu hành.

Nói đến Tín thì phải tin Sa Bà là khổ, khổ không nói nổi! Cực Lạc là vui, vui không thể ví. Cái khổ trong Sa Bà là sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương phải chia lìa, chán ghét cứ phải gặp gỡ, cầu không được, Ngũ Ấm (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) hừng hực (Ngũ Ấm hừng hực nghĩa là chúng sanh đối với năm Ấm Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức khởi Hoặc tạo nghiệp, như lửa cháy bừng bừng, chẳng thể ngưng dứt. Cái khổ này thuộc về nhân chiêu cảm quả khổ, bảy thứ trước là quả khổ được chiêu cảm. Cái khổ trong Sa Bà tuy nhiều hơn cát sông Hằng, nhưng tám thứ khổ này bao gồm trọn hết không sót. Các nỗi khổ đích thân đã trải qua, nên không cần phải giải thích chi tiết).

Sự vui trong Cực Lạc nếu ước theo căn thân thì hoa sen hóa sanh, trường sanh bất tử, mang thân nam, trọn không có hình dáng nữ, chẳng nghe đến cái tên ác đạo, huống gì thật có! Ước theo khí thế giới thì vàng ròng làm đất, bảy báu làm ao, hàng cây kín trời, lầu gác trụ trên không. Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ đến ăn được ăn, phàm những thứ gì mình thọ dụng không gì chẳng được như ý, nhưng những gì dùng đến đều là hóa hiện; không như cõi này phải do sức người tạo tác mới thành. Di Đà đạo sư tướng hảo, quang minh vô lượng vô biên, vừa thấy từ dung liền chứng Pháp Nhẫn. Huống hồ còn có Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải hội, mỗi vị đều phóng tịnh quang cùng tuyên diệu âm. Vì thế, tuy là phàm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân nhưng nếu như tín nguyện chân thành, khẩn thiết liền được Phật từ nhiếp thọ. Vừa vãng sanh, phiền não, ác nghiệp bèn bị tiêu diệt triệt để, công đức, trí huệ rốt ráo hiện tiền. Tin được như thế thì gọi là chân tín. Muốn biết tường tận nên đọc kỹ kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, những kinh này được gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, chuyên giảng về duyên khởi, sự lý Tịnh Độ.

Những kinh Đại Thừa khác đều nói kèm Tịnh Độ, nhưng kinh Hoa Nghiêm là lúc Như Lai mới thành Chánh Giác vì bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ xứng tánh giảng thẳng vào diệu pháp Nhất Thừa. Cuối cùng Thiện Tài đồng tử tham học khắp các thiện tri thức, chứng ngang với chư Phật, bèn được Phổ Hiền Bồ Tát dạy cho mười đại nguyện vương, khiến cho Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Trong Quán Kinh, Hạ Phẩm Hạ Sanh Ngũ Nghịch Thập Ác đủ mọi chuyện bất thiện, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy niệm Phật. Người ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đủ mười tiếng liền thấy hóa Phật xòe tay, tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh Đại Tập chép: *"Đời Mạt Pháp ức ức người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo, chỉ có niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử"*. Do vậy, biết một pháp Niệm Phật chính là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là hạnh chung để hành của mọi người dù ngu hay trí, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, là đạo pháp siêu việt đường lối thông thường. Người xưa nói: *"Học đạo nơi các môn*

khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như căng buồm xuôi gió, thuận nước". Có thể gọi là khéo hình dung nhất!

Nếu muốn nghiên cứu kinh A Di Đà thì có bản Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích soạn, lý sự đều đạt đến tột bậc, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi Phật đã giảng kinh này. Hay khéo, xác đáng cùng cực, quả thật dẫu cổ Phật tái sanh nơi đời chú giải lại kinh này cũng không thể hay hơn được! Chớ có xem thường, hãy nên tin nhận kỹ càng. Kinh Vô Lượng Thọ có bản sớ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải thích ý nghĩa theo kinh văn rất trong sáng, gãy gọn.

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có bản Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo, do muốn độ khắp ba căn nên đa phần Ngài ước theo sự tướng mà phát huy. Cuối chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, Ngài lại phát huy sự hơn - kém giữa hai cách Chuyên Tu và Tạp Tu, khiến [người đọc] sanh tín tâm kiên cố, chân thật: Dẫu Thích Ca và chư Phật hiện thân bảo bỏ pháp Tịnh Độ này, tu những pháp môn khác, cũng chẳng đổi dời ý chí đôi chút. Có thể nói lời ấy chính là kim chỉ nam cho hành giả Tịnh Độ vậy. Như Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai đế lý cực viên dung, nhưng người trung hạ căn chưa thể được lợi ích. Vì thế chẳng bằng Tứ Thiếp Sớ độ khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn cùng được lợi ích.

Đã biết những nghĩa lý như trên vừa nói thì phải nương theo đó mà tin tưởng chắc chắn, tự mình nhận biết, tin tưởng được như thế. Nếu như mình không thấy được như thế thì cũng nên tin tưởng như thế. Ngửa tin lời Phật, trọn chẳng nên vì phàm tình suy lường không được rồi nẩy sanh mảy may nghi niệm thì mới gọi là chân tín. Đã sanh lòng tin rồi, ắt phải phát nguyện: Nguyện lìa Sa Bà như đang bị tù mong thoát khỏi lao ngục; nguyện sanh Cực Lạc như đứa con cùng quẫn mong về lại cố hương.

Nếu trước khi được sanh về Tịnh Độ, dẫu được trao ngôi vua trong cõi trời cõi người cũng nên coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn chẳng có một niệm mong mỏi, hâm mộ. Còn [những chuyện] như đời sau chuyển nữ thành nam, xuất gia từ tấm bé, nghe một hiểu ngàn, đắc Đại Tổng Trì, cũng nên coi như là đường tu đi vào ngõ rẽ, tâm trọn chẳng có một niệm mong mỏi. Chỉ muốn lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ở vào địa vị Bất Thoái, chứng Vô Sanh Nhẫn. Ngoảnh lại nhìn những chuyện làm vua trời người và xuất gia làm Tăng, không biết đến Tịnh Độ, tu các pháp môn khác, trải bao kiếp nhọc nhằn, không do đâu được giải thoát, giống như lửa đóm sánh cùng mặt trời rạng ngời, tổ kiến sánh cùng Thái Sơn, buồn bã khôn ngăn, thương xót khôn cầm! Vì thế người tu Tịnh Độ trọn chẳng thể cầu mong phước lạc nhân thiên trong đời sau và xuất gia làm Tăng v.v… Nếu tâm có mảy may mong cầu đời sau thì chính là không chân tín,

nguyện thiết, bị cách ngăn với thệ nguyện của Phật Di Đà, chẳng thể cảm ứng đạo giao, chẳng được Phật tiếp dẫn, biến diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này thành cái nhân phước báo hữu lậu nhân thiên. Huống chi lúc hưởng thụ ắt tạo ác nghiệp! Đã tạo ác nghiệp, khó tránh khỏi ác báo, như bỏ chất độc trong Đề Hồ có thể giết người. Chẳng khéo dụng tâm còn tệ hơn thế. Phải triệt để chém đứt những ý niệm ấy mới mong được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh Độ, toàn thân thọ dụng. Đã có chân tín, nguyện thiết, ắt phải chí tâm chấp trì sáu chữ thánh hiệu "nam mô A Di Đà Phật", bất luận đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và lúc đại tiểu tiện v.v… đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh (hoặc trì bốn chữ cũng được), ắt phải dốc toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật không hai; tâm - Phật như một. Nếu có thể niệm đâu chú tâm đó, niệm đến cùng cực, bao tình kiến mất hết, tâm không, Phật hiện, thì trong đời này tự có thể chứng được tam-muội. Đến lúc lâm chung, sanh vào Thượng Thượng Phẩm, có thể nói là đã tu trì đến cùng cực vậy.

Ngay trong sanh hoạt thường ngày, với tất cả những điều thiện nhỏ nhặt và các thiện căn như tụng kinh, lễ bái… đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thảy hạnh môn đều thành trợ hạnh cho Tịnh Độ, như gom các trần thành đất, tụ các dòng nước thành biển, rộng lớn sâu thẳm, ai cùng tột được! Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, tất cả công đức tu trì hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh bốn ân ba cõi. Giống như đổ dầu vào lửa, như mạ gặp mưa; đã kết pháp duyên sâu xa cùng hết thảy chúng sanh lại còn có thể mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng cho chính mình. Nếu không biết nghĩa này thì là kiến giải tự lợi của phàm phu, Nhị Thừa, dẫu tu diệu hạnh này, chỉ cảm được quả hèn kém.

Tuy hết thảy thời, hết thảy lúc niệm Phật đều không trở ngại, nhưng phải thường nên kiêng dè; coi tượng Phật giống như Phật sống, coi kinh Phật, lời Tổ giống như Phật, Tổ đang hướng về mình thuyết pháp, chẳng dám ôm lòng hoài nghi, khinh mạn tí nào. Dẫu hiếu tử đọc di chúc, trung thần vâng sắc chỉ cũng chẳng thể hơn được. Trong lúc bình thời niệm Phật, niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy ý, còn lúc ngủ nghỉ hoặc đại tiểu tiện, tắm gội, rửa chân v.v…và đi qua chỗ hôi nhơ, chẳng sạch đều nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng là không cung kính, niệm thầm công đức cũng thế.

Tôi thường nói muốn được lợi ích nơi Phật pháp phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính ắt tiêu một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phước huệ. Nếu trọn chẳng cung kính thì dù có trồng viễn nhân, nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể tưởng tượng được! Nay những kẻ tại gia đọc kinh Phật đều phạm phải những bệnh ấy. Vì thế, đối trước những kẻ hữu duyên phải thường ra rả nói. Niệm Phật cần phải nhiếp tâm, niệm từ tâm

khởi, tiếng từ miệng phát ra, đều phải mỗi câu mỗi chữ phân minh rành rẽ. Lại phải lắng tai nghe kỹ, từng câu từng chữ nạp vào trong tâm. Nhĩ căn đã nhiếp thì các căn kia không cách chi rong ruổi bên ngoài, mới hòng mau đạt nhất tâm bất loạn.

Đại Thế Chí Bồ Tát nói: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa ấy là bậc nhất"* chính là chỉ về điều này vậy. Ngài Văn Thù nói: *"Quay trở lại nghe nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo"* cũng nhằm chỉ điều này. Chớ bảo pháp Trì Danh là thiển cận rồi bỏ bê, tu theo những pháp Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng. Phàm trong bốn cách niệm Phật chỉ có Trì Danh là khế cơ nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng hiển lộ toàn thể, Tây Phương diệu cảnh triệt để phô bày trọn vẹn. Do trì danh chứng được Thật Tướng, chẳng cần quán tưởng vẫn thấy được thấu triệt Tây Phương. Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Người đời nay giáo lý quán pháp chẳng hiểu rõ. Nếu tu quán tưởng Thật Tướng rất có thể bị ma dựa, khéo quá hóa vụng, cầu thăng hóa đọa. Nên tu hạnh dễ hành, ắt tự cảm được quả chí diệu.

Sách Tịnh Độ Thập Yếu là do Ngẫu Ích đại sư dùng con mắt Kim Cang, từ các sách xiển dương Tịnh Độ chọn lấy những quyển khế lý khế cơ cùng tột không còn thêm gì được nữa. Thứ nhất là Di Đà Yếu Giải do chính đại sư tự chú thích, văn uyên thâm nhưng dễ hiểu, lý viên đốn duy tâm, không còn gì tuyệt diệu hơn, hãy nên thường nghiên cứu! Còn chín tác phẩm sau không cuốn nào chẳng lý viên mãn, từ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa. Tuy chưa chắc có thể hoàn toàn hiểu rõ từng cuốn, nhưng mỗi lần đọc đều giống như uống tiên đơn, lâu ngày chầy tháng xác phàm sẽ thành cốt tiên vậy! (Đây là nói ví von pháp môn mầu nhiệm, chẳng được hiểu lầm là thành tiên!).

Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép tường tận những hạnh nguyện của Phật Di Đà khi còn tu nhân cũng như công đức khi đã chứng quả, và những chuyện tự hành hóa tha của các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Kế đến chép sự tích vãng sanh của Viễn Công (tổ Huệ Viễn), Trí Giả và các đại tổ sư, thiện tri thức cho đến đầu đời Thanh và những chuyện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, vua, quan, sĩ thứ, phụ nữ, ác nhân, súc sanh niệm Phật vãng sanh. Lại còn chọn lọc những ngôn luận thiết yếu chép vào từng truyện, ngõ hầu người đọc có căn cứ để bắt chước, không còn gì nghi ngờ, lấy cổ nhân làm thầy, tận lực tu tịnh nghiệp. So với tham phỏng tri thức lại càng chân thành, khẩn thiết hơn!

Long Thư Tịnh Độ Văn đoạn nghi khởi tín, phân môn chia loại, chia chẻ pháp môn tu trì thành từng điều cặn kẽ, là cuốn sách kỳ diệu dẫn dụ sơ cơ bậc nhất. Nếu muốn lợi khắp hết thảy, chẳng thể chẳng khởi đầu từ sách này. Ba

thứ trên đây và Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, tổng cộng năm loại; trước đây, tôi đã bảo thầy Phước Nghiêm thỉnh rồi gởi qua bưu điện, không biết đã thỉnh được chưa? Nếu không, hãy hồi âm để gởi lại. Có những cuốn sách ấy, ắt biết trọn các nghĩa lý Tịnh Độ, dẫu không đọc khắp các kinh, cũng chẳng bị thiếu khuyết gì! Nếu chẳng biết pháp môn Tịnh Độ, dẫu thâm nhập Kinh Tạng, triệt ngộ tự tâm, muốn liễu sanh tử còn chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới hòng mãn được nguyện ấy! Thuốc A Già Đà (Phạn ngữ A Già Đà, Hán dịch là Phổ Trị (trị khắp tất cả), trị được hết thảy bệnh tật) trị được vạn bệnh. Không biết điều này, đáng đau tiếc thay! Biết nhưng không tu, hoặc tu chẳng chuyên tâm dốc lòng, càng đáng đau tiếc hơn nữa! Nữ nhân ra khỏi cửa bị trở ngại lớn. Huống chi độ dụng (chi phí hằng ngày) gian nan, càng thêm bất tiện!

Đối với việc thọ giới nếu nam tử xuất gia làm tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ của chốn tùng lâm, giữ đúng oai nghi của Tăng thì du phương hành cước mới trọn không bị trở ngại. Nếu không, thập phương tùng lâm không cách nào ở được! Nếu là nữ nhân, nhà cửa giàu có, tự mình làm chủ thì đến chùa thọ giới cũng không phải là không được. Còn như gia cảnh khốn cùng, cần gì phải làm như thế? Chỉ nên đối trước Phật khẩn thiết, chí thành, sám hối tội nghiệp bảy ngày, tự thệ thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xướng rằng: "Đệ tử là Phước Hiền, thề giữ năm giới, làm mãn phận Ưu Bà Di (Ưu Bà Di, Hán dịch là Cận Sự Nữ, nghĩa là đã thọ năm giới, kham vâng thờ Phật. Mãn Phận nghĩa là cả năm giới đều trì). Suốt cuộc đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (nếu có vợ chồng thì nói là "không tà dâm"). Suốt cả một đời không vọng ngữ, suốt cả một đời không uống rượu". Nói ba lần như thế, liền được đắc giới. Nhưng phải tự chí tâm thọ trì, công đức trọn chẳng hơn - kém. Chớ bảo kẻ tự thệ thọ giới chẳng đúng pháp. Điều này chính là thánh huấn của Như Lai trong kinh Phạm Võng.

Phổ Đà mùa Thu không truyền giới. Truyền giới bắt đầu vào thượng tuần tháng Giêng đến ngày Mười Chín tháng Hai là viên mãn. Nhưng tôi mong bà hãy ở yên tu trì Tịnh nghiệp, chớ nên bôn ba lặn lội. Nếu vẫn chấp trước không đổi chính là không phân tốt - xấu, trở ngại sự thanh tu của chính mình, phụ lời trung thực của lão tăng. Tôi mong bà đời này thành tựu đạo nghiệp, chứ trọn chẳng ngăn trở pháp duyên của bà. Bà hãy nên suy nghĩ kỹ, tự biết lấy - bỏ ra sao. Còn như chẳng thể xuất gia toan bỏ mạng này, ý niệm ấy tuy trinh liệt, nhưng tâm ấy thật si khờ. Tăng - ni đời nay ai có thể kham làm thầy? Trụ trì am miếu cường bạo thật nhiều. Bà là phận gái, bậc thượng sĩ khó thể dạy dỗ, uốn nắn vì phải tỵ hiềm, kẻ hạ ngu bèn kiệt lực chạy theo duyên do muốn tạo nghiệp.

Bà chỉ biết xuất gia làm ni là giải thoát, không biết xuất gia làm ni là chướng ngại. Vì thế chẳng ngại phiền toái, ân cần bảo ban. Bà tưởng xả mạng

là giải thoát ư? Chẳng biết thức bị nghiệp lôi đi, lại phải thọ sanh vào trong bụng ngựa cái, lừa cái cũng không biết chừng! Muốn lại có được thân người nữ, chỉ e không được may mắn lớn lao như thế! Dẫu lại được làm thân người nữ, hoặc làm thân nam, hoặc làm vua trong loài người, vua cõi trời, há dám bảo đảm gặp được Phật pháp bèn tin nhận ư? Há dám chắc còn gặp được pháp môn Tịnh Độ liễu thoát ngay trong đời này ư? Dẫu cho gặp được, sao bằng đời này nhẫn nại cố sống, báo hết liền sanh về Tây Phương chẳng hơn ư?

Từ lúc sanh ra đến nay, có ai vì bà tính toán như vậy hay chăng? Nếu vẫn không tin lời tôi tức là vong ân phụ nghĩa, cái khổ trong tương lai còn vô lượng vô biên gấp bội ngày nay. Nắm tay người ta kéo đi không được, phải là tự người ta có chịu đi thì mới tương ứng. Có nghe lọt tai hay không? Mong bà hãy tự suy xét! Cũng mong bà đem những lời này bảo cho trinh nữ Phước Liên biết.

34. Thư gởi sư Khang Trạch

Quang tôi túc nghiệp sâu nặng, hiện hạnh yếu kém, dẫu [bế quan tu luyện] trường kỳ trọn chẳng tiến bộ; vọng niệm nhiều hơn Phật niệm, nghiệp thức chướng lấp tri thức. Phật từ thấm khắp mà tôi vẫn chẳng thể được lợi ích. Mỗi lần nghĩ đến lại hổ thẹn khôn ngằn. Dù Phật chẳng nhiếp thọ kẻ dối trá đi nữa, Quang tôi ắt phải đến chết mới cam lòng thất bại (Nguyên văn: "dĩ tử kỳ bại liệt". Đây là phương ngôn của người phương Bắc. Liệt là công oanh liệt, Bại là bại hoại (thua chết), như Trương Tuần giữ Duy Dương, thề phá giặc công lao oanh liệt, lấy cái chết làm hạn, quyết chẳng thất bại. Nếu không chết quyết định phải thành tựu công lao oanh liệt ấy. Nếu chết mới chịu thất bại. Đây là thành ngữ người phương Bắc thường dùng, người phương Nam chưa từng nghe đến nên phải ghi ý nghĩa này ở đây), buồn thương cầu gia bị; dẫu nay chưa được gia bị, nhưng rốt cuộc cũng có ngày được gia bị. Nay tôi tính từ ngày Ba Mươi theo đại chúng đón năm mới, đến ngày mồng Một bèn lại bắt đầu kỳ [bế quan] cho đến khi Hòa Thượng thoái ẩn mới thôi, lại định chương trình cho sau này, quyết định phải tâm tương ứng Phật, mới hơi yên dạ.

Hiện thời, pháp đạo ngày càng thấy suy đồi, nghiêng ngửa, sự thể sau này chẳng đành lòng nói đến! Hãy nên dốc sức niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng uổng công xuất gia tu hành. Nếu không, e rằng sau này muốn tu hành cũng không chỗ nào tu được. Dẫu muốn cầu pháp cũng chẳng có pháp gì để cầu. Biết làm sao đây? Trong kỳ hạn [bế quan] sẽ đem Vô Lượng Thọ Kinh Sớ đọc kỹ hai lần. Phần huyền đàm phán định chung của bản sớ này tuy chẳng bằng tông Thiên Thai, nhưng phần giải thích kinh văn, ý nghĩa thật rõ ràng, không thể không xem! Đọc Quán Kinh Sớ ba lượt. Hòa thượng Thiện Đạo chuyên lấy sự tướng bình thường thực tiễn của pháp môn để tiếp dẫn phàm phu đời Mạt, chẳng dùng đến những pháp môn huyền diệu quán tâm ước giáo, có

thể nói là lòng từ bi đến mức cùng cực không gì hơn được nữa! Ấy là vì nghiệp thức chưa tiêu, tam-muội chưa thành, dẫu có bàn đến lý tánh, cũng trọn thành bánh vẽ!

Lại vì cổ nhân nghe nói đến lý tánh, "ngay nơi bản thể chính là" liền tiến triển thật nhanh, người đời này nghe đến những lời lẽ ấy bèn vứt bỏ đạo nghiệp, chỉ muốn mặc tình mặc sức coi nghiệp thức mờ mịt là thiên chân! Sách này trong nước, ngoài nước sao lục, biên chép sai lầm nhiều quá đỗi. Những chỗ ông Dương Nhân Sơn chấm câu để đọc đều thích đáng, còn như việc giảo chánh những chỗ sai lầm cũng chỉ là đối chiếu cho có lệ, chưa hoàn toàn chỉnh hết những sai ngoa. Đối với những bản Di Đà Sớ Sao đã khắc, Quang chẳng ngại mắc tội, đại lược đính chánh. Biết nỗi lòng đau đáu của ngài Thiện Đạo càng thêm thân thiết, nhưng chẳng dám được xem như ông Dương và những vị hoằng pháp đương thời. Nếu bọn họ xem đến lại khác nào như [tôi] công khai nhục mạ người thông minh. Đọc Vãng Sanh Luận Chú một lượt, văn nghĩa hiển lộ, rộng rãi, thẳng tắt, trên thật sự có thể kế tục ngài Khuông Lô, dưới có thể dẫn khởi các vị Thiên Thai, Tây Hà, Trường An[130] v.v... hãy nên đọc kỹ. Những chữ sai lầm trong ba bộ sách ấy đều ghi bên trái mỗi dòng[131], đợi đến hết kỳ hạn [bế quan] mùa Xuân năm sau sẽ trình cho thầy rõ.

35. Thư gởi pháp sư Đế Nhàn[132]

Quang từ khi xuất gia đến nay liền tin một pháp Tịnh Độ. Nhưng do nghiệp chướng ngăn che, đã hai mươi năm, phè phỡn sống thừa, miệng tuy niệm Phật, tâm chẳng nhiễm đạo. Gần đây được pháp sư dạy dỗ, khuyến khích, thệ lập kỳ [tu tập hòng] chẳng phụ tấm lòng đau đáu. Hiềm rằng hôn tán chen lẫn, vẫn cứ

[130] Thiên Thai là ngài Trí Giả, Tây Hà là ngài Đạo Xước, Trường An là ngài Thiện Đạo.

[131] Nguyên văn: *"Tiêu ư đính cách"*. Theo Vương Đồng Ức, "đính cách" là cách viết ghi chú sao cho chữ đầu của mỗi hàng ghi chú nằm đúng ngay bên trái dòng ấy.

[132] Đế Nhàn (1858-1932), danh tăng tông Thiên Thai sống vào cuối đời Thanh cho đến đầu thời Dân Quốc, người Hoàng Nham, Chiết Giang, họ Châu, tên Cổ Hư, hiệu Trác Tam. Thuở bé thấy sa-môn liền vui mừng, lúc trẻ học Y, năm hai mươi tuổi từng nhiều lần thí thuốc cho người nghèo ở Hồ Ấp. Về sau, vợ chết, con mất, bèn bỏ vào núi Bạch Vân, xuất gia với ngài Thành Đạo. Năm 24 tuổi, thọ Cụ Túc Giới ở chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai. Lần lượt học Pháp Hoa, Lăng Nghiêm với các vị Mẫn Hy, Hiểu Nhu, Đại Hải v.v… Năm Quang Tự 12 (1886), được ngài Tích Thụy Dung Tổ truyền pháp, kế thừa tông phong Thiên Thai đời thứ bốn mươi ba. Trước sau ngài bế quan ba lần chuyên tu Thiền Quán. Ngài từng làm trụ trì các chùa Đầu Đà ở Vĩnh Gia, chùa Giới Châu ở Thiệu Hưng, chùa Long Hoa ở Thượng Hải, chùa Quán Tông ở Cẩn Huyện. Ngài giảng kinh thuyết pháp hơn 40 năm. Năm Tuyên Thống thứ 2 (1910), lập Phật Giáo Sư Phạm Học Hiệu ở Nam Kinh, kiêm nhiệm vai trò hiệu trưởng. Năm 1919, lập Quán Tông Học Xá tại chùa Quán Tông. Các vị Thường Tỉnh, Nhân Sơn, Hiển Ấm, Đàm Hư, Giới Trần, Trì Tùng, Diệu Chân, Tưởng Duy Kiều, Hoàng Thiếu Hy là những học trò nổi tiếng của Sư. Ngài nhập diệt tháng 7 năm 1932. Trước thuật nổi tiếng nhất là các bộ Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa, Kim Cang Kinh Tân Sớ, Chung Thủy Tâm Yếu Giải, Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa… được gom thành bộ Đế Nhàn Đại Sư Di Tập.

lẩn quẩn y như cũ. Nhân đó mỗi ngày đọc hơn mười tờ kinh điển Tịnh Độ để phát khởi tâm thắng tấn.

Thử dùng pháp môn Bảo Vương Tùy Tức[133] liền nhận thấy vọng niệm không còn trào dâng, ồ ạt như trước. Nghĩ tu cách này lâu ngày ắt sẽ có lúc sương tan, mây tiêu, thấy tỏ mặt trời. Lại tra trong sách Lạc Bang Văn Loại, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều có chép đoạn này. Nhân đó, hiểu phép Thập Niệm của ngài Từ Vân nhờ vào hơi thở để trói buộc cái tâm, cội gốc là đấy, nhưng Liên Tông Bảo Giám[134] cũng chép cách này. Đủ thấy cổ nhân đã thấy trước cơ nghi của hậu thế, không có cách này chẳng nhập được, bèn lập sẵn pháp ấy. Nhưng cổ nhân không thường đem cách ấy dạy người, bởi căn tánh con người [khi ấy] còn thông lợi, hễ chịu phát tâm bèn tự được nhất tâm.

Nhưng người đời nay như Quang, chướng nặng căn độn, e cả đời chẳng đạt được nhất tâm bất loạn. Vì thế trình bày chuyện mình để hỏi bậc cao minh nên hay không nên, xin bảo rõ cho. Quang lại cho rằng chỉ một pháp này có đủ cả Ngũ Đình Tâm Quán[135]. Nếu có thể niệm Phật theo hơi thở bèn gồm cả hai pháp quán Sổ Tức, Niệm Phật. Nhiếp tâm niệm Phật sẽ có thể dần dần đoạn được nhiễm tâm, sân khuể ắt chẳng lừng lẫy, hôn trầm, tán loạn vừa hết, trí huệ hiện tiền, ngay cả ngu si cũng phá được, lại chính là pháp môn nhiếp trọn sáu căn của ngài Đại Thế Chí. Theo ngu ý cho rằng đối với kẻ niệm Phật hờ hững hiện thời, có lẽ không nên dạy họ tuân theo pháp này; sợ rằng do không nhớ số bèn thành giải đãi.

---

[133] Bảo Vương Tùy Tức do ngài Phi Tích đời Đường chế ra. Trong Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận, quyển trung, ngài dạy như sau: *"Người trên đời đa phần dùng bảo ngọc, thủy tinh, hạt Kim Cang, hạt Bồ Đề, hạt Mộc Hoạn để làm xâu chuỗi, còn ta dùng hơi thở ra vào để làm xâu chuỗi. Xưng danh hiệu theo hơi thở thì chắc chắn lắm, nào sợ thở ra không hít vào được bèn thuộc đời sau! Ta đi - đứng - nằm - ngồi thường dùng xâu chuỗi này, dẫu cho mê mệt cũng ôm Phật mà ngủ, thức lại niệm tiếp. Ắt trong mộng thấy được đức Phật!"*

[134] Bộ sách này do ngài Ưu Đàm Phổ Độ chùa Đông Lâm, Lô Sơn (sống vào đời Nguyên) soạn, gồm 10 quyển. Còn có những tên gọi khác như Lô Sơn Ưu Đàm Bảo Giáo, Lô Sơn Liên Tông Bảo Giáo Niệm Phật Chánh Nhân, hoặc Niệm Phật Bảo Giám. Ngài Ưu Đàm coi mình là người nối tiếp chí hướng của sơ tổ Huệ Viễn, xiển dương giáo nghĩa của ngài Từ Chiếu Từ Nguyên thời Nam Tống. Sách gồm những trích lục trọng yếu về pháp Niệm Phật Tam Muội, sử truyện của Tịnh Tông. Ngài soạn tập sách này nhằm thuyết minh cặn kẽ giáo nghĩa Tịnh Độ được xiển dương bởi ngài Huệ Viễn và Tử Nguyên nhằm bài trừ những tà thuyết, kiến giải sai lầm của những người tự xưng là Tịnh Độ thời ấy. Nội dung chia thành các mục Niệm Phật Chánh Nhân, Niệm Phật Chánh Giáo, Niệm Phật Chánh Tông, Niệm Phật Chánh Phái, Niệm Phật Chánh Tín, Niệm Phật Chánh Hạnh, Niệm Phật Chánh Nguyện, Niệm Phật Vãng Sanh Chánh Quyết, Niệm Phật Chánh Báo, Niệm Phật Chánh Luận. Mỗi quyển gồm có phần tổng thuyết, rồi đến những đoạn kinh luận trọng yếu, hành trạng của cổ đức, giáo ngữ v.v…

[135] Ngũ Đình Tâm Quán: Năm pháp quán để dứt phiền não, mê hoặc gồm:

Bất Tịnh Quán (quán tưởng thân thể mình và người khác dơ bẩn để dứt tham ái),

Từ Bi Quán (quán tưởng lòng từ bi để đối trị sân hận),

Duyên Khởi Quán (quán tưởng 12 nhân duyên thuận và nghịch để đối trị ngu si),

Giới Phân Biệt Quán (quán tưởng các pháp của 18 giới đều do đất, nước, gió, lửa, không và thức hòa hợp để đối trị Ngã Chấp), và

Sổ Tức Quán (đếm hơi thở để đối trị tâm tán loạn và khiến cho tâm dừng lặng nơi một cảnh)

Có ai chịu bằng lòng tu tập thì nếu không theo pháp này, e chắc chắn khó thành tam-muội. Pháp sư nương nguyện lợi ích người, tuy tự mình chẳng dùng, nhưng nên vì hậu học thử dùng để dạy cho thông sáng về sau. Nếu là kẻ lợi căn, trong một thất, hai thất quyết định được nhất tâm. Như Quang là kẻ hôn ám, độn căn, thô lậu, hèn kém, nghĩ phải mười năm, tám năm thì có lẽ sẽ được bất loạn!

36. Thư gởi sư Ngọc Trụ

Trộm nghe Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời, tùy cơ lập giáo, nói đủ mọi pháp, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật mà thôi. Nhưng chúng sanh vốn sẵn có tri kiến Phật, do mê muội từ vô thỉ sâu hay cạn khác nhau, nên người mê cạn thì tu một pháp bèn được ngộ nhập. Nếu như mê sâu mà không nhờ vào sức hoằng thệ nguyện của Phật Di Đà vãng sanh Tịnh Độ quyết khó được chứng đắc. Huống hồ pháp này là chỗ quy túc của các pháp, là chỗ cùng cực của tu chứng. Lúc Như Lai mới thành Chánh Giác, nói kinh Hoa Nghiêm có đủ vô lượng pháp môn, thâu tóm căn tánh Nhất Thừa; nhưng Thiện Tài sau khi chứng ngộ bằng với chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy phát mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc và khuyên hải hội đại chúng cùng cầu vãng sanh. Do vậy, các kinh Đại Thừa đều cùng tán dương, nhưng ba kinh Tịnh Độ chuyên thuyết minh điều này cặn kẽ nhất. Có kẻ bảo Tịnh Độ là Quyền Tiệm Tiểu Thừa, chẳng chịu tu tập, lại còn ngăn trở người khác tu; toàn là do chưa thể nghiên cứu kinh luận Đại Thừa, chỉ chấp vào ý chỉ Trực Chỉ, chưa thấy vầng trăng nơi tự tánh. Cứ xem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm thì biết. Huống chi Ca Diếp, A Nan, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh v.v… các đại tổ sư đều chú giải kinh, tạo luận, cực lực tán dương. Đó không phải là sáu phương chư Phật hóa thân, là người kế thừa đích thật của giáo chủ hai cõi ư? Vì thế nói là *"ngàn kinh muôn luận, chốn chốn chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về!"* Huống hồ trong đời Mạt này, căn tánh con người hèn tệ, tri thức hiếm hoi, bỏ pháp này sao yên cho được? Xin huynh lúc rảnh rang nơi Tông, Giáo, hãy phân tâm nơi pháp này ngõ hầu tự lợi, lợi tha, báo ân sâu của Phật. Nếu như còn nghi hoặc, hãy nên đọc nhiều kinh luận Tịnh Độ. Sách Tịnh Độ Thập Yếu đoạn nghi khải tín, là bậc công thần đột phá tinh nhuệ nhất, hãy nên đọc trước.

Các sách Di Đà Sớ Sao và Diễn Nghĩa quả thật là hướng dẫn tốt lành cho những người tham cứu Tông, Giáo. Càng đọc kỹ, suy nghĩ tinh tường, sẽ thấy những sách ấy chẳng chỉ phát huy Tịnh Độ mà thôi. Ngài Trung Phong nói: *"Thiền là Thiền nơi Tịnh Độ, Tịnh Độ là Tịnh Độ của Thiền"*. Hai sách ấy quả

thật là như vậy. Hơn nữa, nếu huynh muốn tham khảo khắp các lời chú giải hay khéo trong tông Hiền Thủ (Hoa Nghiêm) thì hai sách Sớ Sao[136] quả là lời chú giải hay khéo thiết thân nhất cho sự tu chứng của thân tâm. Hãy nên rắp tâm nghiên cứu thì lợi ích mầu nhiệm ấy ngay cả đệ cũng chẳng thể hình dung được nổi!

37. Thư gởi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên ở Quảng Đông (viết thay thầy Khang Trạch)

Cư sĩ ở nơi thiện đường, tận lực làm thiện sự, suốt ngày tuyên giảng khuyên người làm lành, gánh vác cái đạo *"ở nhà giúp nước, ngoài nội tận trung"* của thánh hiền, tuân thủ pháp *"đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành"* của Phật, Tổ; mỗi lần nghĩ tới, ngưỡng mộ khôn cùng! Nhưng thiện sự có lớn, nhỏ sai khác; thiện thư (sách khuyến thiện) cũng có cạn - sâu khác biệt. Muốn cho mình lẫn người cùng lên cõi thiện hãy nên chọn lấy những thiện thư tinh vi, rõ ràng nhất để ấn loát, lưu truyền, khiến cho thiên hạ hậu thế thấy nghe những sách ấy đều sửa lỗi làm lành, mong thành thánh, thành hiền, khác nào các hạ nói rót vào tai khắp thiên hạ hậu thế khiến cho họ đều nghe lời vậy. So sánh với việc tuyên giảng một lúc, một chỗ thì công đức lớn - nhỏ dẫu cả năm cũng không thể nói hết!

Thiện thư tuy nhiều, nhưng toàn là dạy về tiểu nhân, tiểu quả thế gian, chỉ riêng mình An Sĩ Toàn Thư giác thế, mở mang trí óc cho dân, tận thiện, tận mỹ, giảng đạo, luận đức tuyệt cổ siêu kim; ngôn từ giản dị nhưng bao quát, lý sâu nhưng dễ hiểu, dẫn sự tích làm chứng cứ đích xác, nêu những lời nghị luận thông suốt, uyên nguyên. Quả thật là của báu truyền đời quý nhất, cũng là một cuốn kỳ thư về mặt tuyên giảng. Lời nào cũng đều là tâm pháp của Phật, Tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu để đời yên, dân lành, là phương thuốc bí truyền để sáng tỏ sự trước, an vui sự sau. Nếu hành theo sách ấy thì có thể nối tiếp thánh hiền, liễu sanh thoát tử như đưa bằng khoán ra lấy lại vật cũ. So với những thiện thư được lưu thông trong đời kia, khác nào quả núi sánh với ổ kiến, biển cả sánh với vũng nước vậy. Nhân vì thầy Liễu Đắc từ Phổ Đà đến triều bái Cửu Hoa, lão nạp[137] riêng nhờ thầy tiện đường qua Kim Lăng (Nam Kinh) thỉnh sách ấy gởi qua, trình cho các hạ, mong hãy chú tâm vui thích đọc, nếm món ngon biết được ý chỉ, học đạo tột cùng biết được điều thiện. Cái tâm in khắc, lưu truyền bố thí rộng rãi để giúp chúng sanh ắt sẽ có cái thế [như] sông ngòi [cuồn cuộn] khôn ngăn được!

---

[136] Gọi là "hai sách Sớ Sao", vì ngài Liên Trì viết Di Đà Sớ Sao, đệ tử Ngài viết cuốn A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa để chú giải thêm lời Sớ Sao.

[137] Lão nạp: Tiếng tự xưng của các vị tăng sĩ. Do ca-sa bằng các mảnh vải khâu chằm lại, nên thường gọi là nạp-y (áo chằm vá), các tăng sĩ cũng thường xưng là lão nạp hay nạp tử.

An Sĩ tiên sinh họ Châu tên Mộng Nhan, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông suốt mọi kinh sách Tam Giáo, tin tưởng sâu xa pháp môn Niệm Phật. Đến tuổi nhược quan (20 tuổi) vào trường, bèn chán khoa cử, phát Bồ Đề tâm, soạn sách giác ngộ con người, muốn cho dân chúng trước hết tạo lập được căn bản không lầm lỗi, rồi do đấy bèn thoát khỏi biển sanh tử. Vì thế, ông viết sách khuyên kiêng giết là Vạn Thiện Tiên Tư, sách khuyên kiêng dâm là Dục Hải Hồi Cuồng, bởi lẽ chúng sanh tạo nghiệp chỉ có hai điều này là nhiều nhất, sửa lỗi cũng chỉ hai điều này là trọng yếu nhất. Lại còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa khiến cho con người đối với pháp gì, chuyện gì cũng đều biết phải theo khuôn phép nào, đều biết ngăn dè. Phê bình, biện luận thông suốt tinh vi, có thể nói là công thần của Đế Quân[138], trực tiếp đem cái tâm rủ lòng giáo huấn [của Đế Quân] triệt để mở toang ra, giãi bày trọn vẹn, khiến cho ngàn đời về trước, ngàn đời về sau, người dạy, người được dạy không ai còn tiếc nuối gì. Do kỳ tài diệu ngộ, ông dùng văn tự và sự tích thế gian để phát huy ý nghĩa áo diệu, u vi của Phật, Tổ, thánh hiền để kẻ nhã, người tục cùng xem, trí - ngu cùng hiểu.

Lại do pháp môn tu hành chỉ có Tịnh Độ là thiết yếu nhất, ông lại soạn cuốn Tây Quy Trực Chỉ nhằm thuyết minh đại sự niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Ấy là vì tích đức tu thiện chỉ được phước nhân thiên, phước hết lại phải đọa lạc, còn niệm Phật vãng sanh liền dự vào địa vị Bồ Tát, quyết định thẳng đến thành tựu Phật đạo. Ba cuốn sách trước tuy dạy người đời tu thiện, nhưng cũng có đủ pháp liễu sanh thoát tử. Cuốn sách này tuy dạy người liễu sanh thoát tử nhưng lại phải tận lực hành thiện sự thế gian. Đúng là hiện thân cư sĩ, thuyết pháp độ sanh; nếu bảo ông ta không phải là Bồ Tát tái lai, tôi không tin!

Trộm nghĩ, Ngu - Thuấn làm lành, bỏ mình theo người; Thương Thư[139] [luận về] tu đức lấy thiện làm thầy. Đã biết các hạ và các vị thiện nhân chung một thiện đường không việc gì chẳng lập, có chuyện thiện gì đều dung nạp, nên mới dám thỉnh cầu in khắc, tuyên giảng, lưu thông, xoay vần truyền bá, tuyên dương [những sách này] ngõ hầu ánh đèn tiếp nối đến tận đời vị lai, ai nấy đều

[138] Âm Chất Văn là thiên sách tương truyền do Văn Xương Đế Quân soạn ra. Ông Châu Mộng Nhan chú giải thiên sách này tường tận nên gọi là công thần của Đế Quân. Người ta thường đồng nhất Đế Quân với sao Văn Xương (tức Văn Xương Tinh Quân). Theo thiên Kê Chí của Minh Sử, Văn Xương Đế Quân còn có hiệu là Tử Đồng Đế Quân, họ Trương, tên Á Tử, làm quan nhà Tấn, tử trận được lập miếu thờ tại Độc Thất Khúc Sơn (thuộc huyện Tử Đồng, tỉnh Tứ Xuyên). Có thuyết nói Ngài sống vào thời Đường, sùng tín Đạo Giáo, do phẩm đức cao đẹp nên sau khi chết được dân lập miếu thờ tại Độc Thất Khúc Sơn. Miếu ấy nay vẫn còn tên là Thanh Hư Quán. Lúc đó, Ngài chỉ mới được gọi là Tử Đồng Thần. Đến thời nhà Nguyên, vào năm Diên Hựu thứ 3 (1316), Đế Quân được Nguyên Nhân Tông phong tặng là Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lục Hoằng Nhân Đế Quân, nên từ đó ngài thường được gọi là Văn Xương Đế Quân. Theo Đạo Giáo, Ngài được Thượng Đế giao cai quản phủ Văn Xương, chủ trì văn học, đỗ đạt. Bản Âm Chất Văn xuất hiện vào thời Nam Tống.

[139] Thương Thư là một thiên sách của kinh Thư, gồm những bài ngắn ghi lại những sự việc liên quan đến nhà Thương.

được thọ ân. Xin hãy phát tâm đau đáu cứu thế, chớ vì người [cầu thỉnh] kém cỏi mà bỏ lời này thì may mắn lắm!

Cư Sĩ Truyện do tiến sĩ Bành Thiệu Thăng[140] ở Trường Châu, Tô Châu đời Càn Long, thanh nhàn xem khắp các sách, chọn lấy những gương đại trung, đại hiếu, thanh bạch, trung chánh, liêm khiết, có công danh giáo, thông hiểu Phật pháp sâu xa từ đời Hán đến nay, chép lại chuyện nhập đạo tu chứng cũng như những bài văn phát huy Phật pháp của họ. Số người được chọn hơn mấy trăm, viết thành sáu tập.

Tam Giáo Bình Tâm Luận do học sĩ Lưu Mật đời Nguyên soạn. Trước hết, thuyết minh Tam Giáo đều khuyên con người dứt ác hành thiện, chẳng thể phế bỏ một đạo nào, kế đến thuyết minh công năng cùng cực sâu - cạn khác nhau, cuối cùng phá rộng rãi thuyết của Hàn Dũ, Trình, Châu, Âu Dương [Tu][141].

Thích Thị Kê Cổ Lược[142] lấy các niên kỷ lịch đại làm cương, lấy các sự tích Nho - Thích làm mục[143] từ đời Phục Hy cho đến cuối đời Minh: Quốc gia bình trị hay loạn lạc, Phật pháp hưng hay suy, tội phước của việc tin nhận hay hủy báng, lợi ích của việc tu trì, pháp ngôn của tổ sư, hành trạng của cao tăng và những gương trung hiếu lỗi lạc, kẻ gian ác cùng cực đều chép những chuyện chánh yếu khiến cho ai đọc đến bèn biết pháp giới, ngồi yên mà xem khắp cổ kim. Nào phải chỉ hữu ích cho người tu đạo mà quả thật còn là kỳ trân trong tay áo của người đọc sách bàn chuyện cổ. Phật pháp chỉ dạy người dứt ác tu thiện, minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử.

Cả Đại Tạng Kinh trọn chẳng có một chữ nào dạy người vận khí luyện đan, cầu thành tiên bay lên trời, trường sanh bất lão. Năm đầu thời Dân Quốc (1911),

---

[140] Bành Thiệu Thăng (1740-1796), cư sĩ học giả đời Thanh, người Trường Châu (Ngô Huyện), tỉnh Giang Tô, tự Doãn Sung, hiệu Xích Mộc, còn hiệu là Nhị Lâm cư sĩ, pháp danh là Tế Thanh. Ông đậu tiến sĩ đời Càn Long, nhưng không ra làm quan. Ông thông suốt sách Nho, rất giỏi về Lý Học, tu Tiên suốt ba năm không thành tựu gì. Về sau, đọc kinh Phật mãi đến năm 29 tuổi mới chuyển sang tin Phật, tự đặt hiệu là Tri Quy Tử. Ông xem khắp Đại Tạng Kinh, thọ Bồ Tát giới, ăn chay, trì giới. Rồi lại học Tịnh Độ với ngài Văn Học Định Công (1712-1788), bế quan ở Văn Tinh Các tại Tô Châu tu Nhất Hạnh tam-muội. Bình sinh ông tận lực hoằng dương Tịnh Độ, chủ trương Thiền Tịnh dung hợp, Phật Nho nhất trí. Những tác phẩm tiêu biểu của ông là Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, Tịnh Độ Tam Kinh Tân Luận, Cư Sĩ Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v…

[141] Trình Minh Đạo, Trình Y Xuyên và Châu Hy là những người sáng lập Tống Nho, đã vay mượn lý thuyết Phật giáo để đưa những khái niệm như Lý và Khí vào trong Nho Giáo, rồi lại quay ra đả kích Phật giáo.

[142] Thích Thị Kê Cổ Lược (gọi tắt là Kê Cổ Lược) là một bộ biên niên sử Phật giáo do sư Bảo Châu Giác Ngạn soạn vào niên hiệu Chí Chánh thứ mười bốn đời Nguyên (1354), gồm bốn cuốn, được xếp vào tập 46 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Nguyên lai, bộ này chép từ lúc đạo Phật được truyền vào Trung Hoa cho đến cuối đời Nam Tống. Năm Sùng Trinh thứ 11 (1638) đời Minh; Huyễn Luân soạn tiếp bộ Thích Thị Kê Cổ Lược Tục Tập gồm ba quyển, chép từ năm Chí Nguyên nguyên niên đời Nguyên (1264) đến năm Thiên Khải thứ 7 (1627) đời Minh.

[143] Ý nói sách chép theo lối biên niên, tức là những sự kiện được trình bày theo thứ tự thời gian.

gã dân ma Liễu Hoa Dương[144] soạn Huệ Mạng Kinh, tận dụng kinh Phật, lời Tổ hòng chứng thực pháp luyện đan, biến chánh thành tà, dùng pháp báng pháp. Người chưa mở mắt thấy tà thuyết ấy tưởng là chân thật, chánh kiến vĩnh viễn bị mất. Lời lẽ, pháp tu trong sách ấy đều là phá hoại Phật pháp, nhưng cứ nhơn nhơn tự đắc bảo ta may mắn gặp được chân thừa, được nghe chánh pháp. Đó là nhận giặc làm con, nấu cát thành cơm, một kẻ quáng dẫn lũ mù, kéo nhau sụp hầm lửa! Chẳng đáng buồn ư? Pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, hết mức là thành tiên thăng thiên, còn chưa phải là chân truyền của Lão Tử, huống hồ là chánh đạo Phật pháp ư? Khổng Tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được vậy!) Lão Tử nói: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"* (Ta có mối lo lớn là vì ta có thân). Nếu lãnh hội được những lời này sẽ chẳng bị chúng nó mê hoặc

Và nếu có thể đọc kỹ những sách An Sĩ Toàn Thư, Cư Sĩ Truyện, [Tam Giáo] Bình Tâm Luận, [Thích Thị] Kê Cổ Lược v.v… sẽ như gương sáng đặt trên đài, tốt - xấu tự phân biệt. Lò luyện lớn thử vàng, thật - giả biết ngay lập tức! Chỉ sợ ông đã từng theo đuổi sách ấy nên mới khôn ngăn dài dòng nhiều lẽ. Pháp Thiền Tông chỉ dạy người chân tham thật ngộ, vì thế tất cả câu lời đều không có ý nghĩa gì. Chẳng nên dùng tri kiến phàm phu để lãnh hội nghĩa lý trên mặt văn tự! Nếu không thân cận bậc thiện tri thức sáng mắt và không một phen liều mạng chết lòng công phu tham cứu ắt chẳng thể đốn minh tự tâm. Tâm đã chẳng minh ắt chẳng hiểu ý chỉ tổ sư. Chớ nên hiểu nghĩa theo mặt văn tự, học "khẩu đầu thiền" (thiền nói xuông ngoài miệng). Ví như dân hèn ngoài rẫy bái, núi non, xưng bừa là đế vương, tội ắt diệt tộc. Phàm hết thảy những cơ phong chuyển ngữ trong Kê Cổ Lược, Cư Sĩ Truyện và hết thảy ngữ lục chớ có hiểu xằng, mong mỏi lắm thay! .

---

[144] Liễu Hoa Dương không rõ năm sanh, môn nhân của ông ta thường ngoa truyền họ Liễu sanh vào năm đầu niên hiệu Càn Long (1736) để chứng tỏ ông ta đã thành tiên sống rất lâu. Họ Liễu là người làng Hồng Đô (nay là Nam Xương, tỉnh Giang Tây), lúc nhỏ học Phật từng xuất gia tại chùa Song Liên ở Hoán Thủy, sau bỏ theo học tu tiên với đạo sĩ Ngũ Thủ Dương của Toàn Chân Giáo Long Môn Phái. Do vậy, đôi khi các sách vở Đạo Giáo vẫn gọi ông ta là Liễu Hoa Dương thiền sư thay vì Liễu Hoa Dương Chân Nhân. Theo môn nhân, một đêm kia, Hoa Dương nghe một vị trưởng lão nói: "Xưa Ngũ Tổ vào lúc canh ba, bí mật truyền đạo cho Lục Tổ", bèn hoát nhiên đại ngộ, biết chứng đạo phải được bí truyền! Tìm không được vị thầy nào khai ngộ, ông ta bèn tham học khắp các vị thầy thuộc Tam Giáo. Về sau, gặp được Ngũ Thủ Dương (Xung Hư Chân Nhân) bèn ngộ áo chỉ, biết được huệ mạng. Tương truyền, ông ta gặp Hồ Linh đạo sĩ núi Khuông Lô căn dặn: "Pháp tu Phật - Đạo song hành nay đã thất truyền, ngươi nên khéo nối tiếp huệ mạng". Phái đạo sĩ của Ngũ Thủ Dương và Liễu Hoa Dương được gọi là Ngũ Liễu Tiên Tông. Họ vay mượn một số khái niệm Thiền học để pha trộn với bí quyết luyện đan, vận khí cũng như luyện phù chú Ngũ Lôi. Xin trích một đoạn Huệ Mạng Kinh để minh thị những lập luận nhập nhằng của họ Liễu*: "Tu luyện tánh mạng không gì bằng quy nhất. Cổ thánh tiên hiền đem tông chỉ tánh mạng quy nhất khéo léo ví dụ với ngoại vật, chẳng chịu chỉ rõ bàn thẳng, nên hậu thế không ai tu được. Tôi đọc được đồ hình [luyện khí], chẳng dám tiết lộ bừa bãi, tức là tuân theo pháp Lậu Tận trong kinh Lăng Nghiêm, biểu thị diệu chỉ của kinh Hoa Nghiêm, gom những lời rải rác trong các kinh để đưa về đồ hình chánh yếu… Lập ra đồ hình này là nguyện những ai cùng chí hướng hiểu rõ cơ trời song tu này, chẳng đọa bàng môn, mới biết chủng tánh chân thật do đây mà thành, Lậu Tận do đây mà thành, xá-lợi do đây mà luyện…"* Trong đoạn này, y đã nhập nhằng bảo phải do luyện đan, vận khí theo đồ hình do y chỉ dạy mới đạt được Lậu Tận, thành tựu xá-lợi!

38. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo luận về chuyện tý hương

Tý hương là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Ngẫu Ích) mỗi ngày trì hai kinh Lăng Nghiêm và Phạm Võng, vì thế từng đốt hương nhiều lần. Ấy là vì hết thảy chúng sanh không ai chẳng yêu tiếc thân mình, quý báu gìn giữ thân mình, lại giết thân kẻ khác, ăn thịt, tâm càng vui sướng. Đối với chính mình, muỗi đốt, gai đâm liền cảm thấy khó thể chịu đựng được. Trong các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Phạm Võng… đức Như Lai xưng tán khổ hạnh, dạy đốt thân, đốt cánh tay hay ngón tay cúng dường chư Phật nhằm đối trị tâm tham và tâm yêu tiếc bảo trọng tự thân. Trong sáu Ba La Mật, cách này thuộc về Bố Thí Độ vì bố thí có nội -ngoại bất đồng. Ngoại là quốc thành, vợ con; nội là đầu, mắt, tủy, não.

Thắp hương đốt thân đều gọi là Xả, cần phải chí thành, khẩn thiết, ngưỡng mong Tam Bảo gia bị, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu huệ rạng, tội diệt phước tăng (Nói "mình lẫn người" nghĩa là dù thật sự vì mình, nhưng lại nên đem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh, nên nói là "mình lẫn người"). Tâm trọn chẳng mảy may vì cầu tiếng tăm và cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh mà hành thì công đức vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Ấy gọi là *"tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp"*[145]. Công đức do tâm nguyện nên rộng lớn, quả báo do tâm nguyện nên nhanh chóng đạt được. Nếu vì tâm chuộng hư danh, hoặc mong cầu chấp trước rồi bắt chước [thực hiện] cái hạnh trừ chấp trước thì đừng nói là đốt tý hương, dẫu có đốt sạch toàn thân cũng chỉ là khổ hạnh vô ích!

Do tâm chấp trước, ý niệm cầu danh dự nên đã không hiểu nổi ý chỉ tam luân thể không, mà cũng chẳng có cái tâm tứ hoằng phổ nhiếp. Biến pháp phá trừ Thân Kiến của Như Lai thành tăng Thân Kiến[146] thêm kiên cố. Tội phước do tâm phân định. Quả báo do tâm mà khác! Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Ngưu ẩm thủy thành nhũ, xà ẩm thủy thành độc. Trí học chứng Niết Bàn, ngu học tăng sanh tử"* (Bò uống nước thành sữa, rắn uống nước thành nọc. Trí học chứng Niết Bàn, ngu học thêm sanh tử).

[145] Tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp: Tam luân thể không là người thí, người nhận, vật được thí thể đều không; tứ hoằng phổ nhiếp là bao gồm trọn vẹn bốn Hoằng Thệ Nguyện.
[146] Thân kiến: chấp thân này thật có.

39. Thư gởi hiếu liêm[147] Tiêu Vĩnh Hoa ở Quảng Đông (viết thay thầy Khang Trạch)

Sách Ngũ Đăng Hội Nguyên[148] trong danh mục của các nhà xuất bản kinh đều không có, không cách nào thỉnh được. Chỉ vì không biết do lẽ gì các hạ tìm sách này nên khôn ngăn hỏi đi hỏi lại:

1) Vì làm bậc chân tham thật ngộ, thấu suốt rõ ràng tự tâm, thấy triệt để diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra?

2) Hay là muốn học một gậy, một tiếng hét[149], hét Phật mắng Tổ, ngõ hầu miệng lưỡi biện bác trơn tru hòng được tiếng khen trong cõi tục? Hoặc là muốn nhớ được lời lẽ để bút lực mạnh mẽ, ngõ hầu lúc vung ngọn bút viết lách thần cơ hoạt bát, văn từ u huyền, thâm thúy như bọn ông Tô Tử Chiêm[150] phun châu nhả ngọc, gần như không phải là người ăn cơm thế gian có thể làm được!

Nếu muốn được như trường hợp thứ nhất, trước hết hãy nên nghiên cứu kinh Phật cho thông suốt giáo pháp. Lại phải thân cận bậc cao nhân sáng mắt, được nghe một chữ, một câu, tận lực tham cứu đến cùng cực, đến khi tận sức công thuần tự nhiên "tro lạnh, đậu nổ"[151], triệt ngộ tự tâm như duỗi tay thấy được lòng bàn tay, trọn chẳng còn mối nghi ta - người. Lại cần có cao nhân ấn chứng, kẻo sợ hiểu lầm dấu hiệu. Nếu làm được như thế thì hãy xem sách ấy và hết thảy sách Thiền. Người trong nhà và người trong cùng một nhà nói chuyện trong nhà, chỉ có ích chứ không tổn hại mảy may gì! Nếu chưa thể dụng công như thế và chưa được khai ngộ ấn chứng mà trước đó lại toan coi sách Thiền mong được khai ngộ thì cũng như gương cổ bụi lấp, muốn mau tỏa ánh sáng, chẳng mài chất nhơ, chỉ bôi phấn trắng. Bôi bao nhiêu kiếp cũng chẳng tỏa sáng. Đấy gọi là nương theo người khác để hiểu, tự lấp cửa ngộ, kể chuyện ăn, đếm của báu, sao cứu được đói, nghèo!

---

[147] Hiếu liêm vốn là một khoa thi phát xuất từ thời Hán nhằm tuyển người ra làm quan, tiêu chuẩn thời ấy là những người ấy phải vừa hiếu thuận vừa liêm khiết. Đến thời Minh - Thanh vẫn giữ khoa này, tuy thế chỉ thuần là khoa cử, không còn dựa trên tiêu chuẩn hiếu và liêm nữa! Người đậu khoa này được gọi là Hiếu Liêm.

[148] Do ngài Phổ Tế đời Nam Tống soạn, gồm 25 quyển, được xếp vào tập 138 của Tục Tạng Kinh. Bộ sách này toát yếu năm bộ sách Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Quảng Đăng Lục, Tục Đăng Lục, Liên Đăng Hội Yếu, Phổ Đăng Lục, nên gọi là Ngũ Đăng Hội Nguyên. Nội dung chép sự tích quá khứ thất Phật, hai mươi tám vị Tổ Ấn Độ, các vị tổ Thiền Tông Trung Hoa từ Lục Tổ cho đến ngài Nam Nhạc và những vị thiền sư đích truyền thuộc pháp hệ này.

[149] Thiền Tông Lâm Tế dùng gậy đánh và tiếng hét để khai thị cho học nhân.

[150] Tức Tô Thức (1036-1101), người huyện Mi Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên, sống vào đời Bắc Tống, tự là Tử Chiêm, hiệu Đông Pha, là một trong tám đại văn hào thời Đường - Tống; rất hâm mộ Phật pháp, chủ trương Thiền Tịnh song tu, thường giao du mật thiết với ngài Phật Ấn. Ông biện luận Phật pháp rất thông suốt, thường mang theo một bức tượng Phật Di Đà bên mình, nói "đây là sự nghiệp chung thân của ta" nhưng không chuyên tâm tu Tịnh nghiệp, cuối cùng vẫn không được vãng sanh.

[151] Câu thành ngữ "lãnh hôi đậu bộc", có nghĩa là trong tro lạnh chợt nổ ra hạt đậu nóng, ngụ ý chuyện không thể có được. Ở đây, Tổ dùng thành ngữ này với ngụ ý: thực hiện được chuyện tưởng chừng như không thể nào xảy ra được.

Nếu muốn được như trường hợp thứ hai thì tuy là nhân lành nhưng trái lại chuốc lấy quả ác. Đây chính là cái hố sâu vạn trượng Tăng - tục hiện thời bị hãm trong ấy. Bởi những gì Thiền Tông nêu bày, đề xướng đều một mực quy về hướng thượng. Người ngộ giải sẽ lãnh hội thần diệu, kẻ mê hoàn toàn bị ngôn ngữ chuyển, chẳng hiểu ý cổ nhân đập gậy, hét, chửi, bèn lấy đó để hành trì. Sự tổn thất ấy há nào phải chỉ là Vương Mãng[152] học đòi Châu Công, Tào Tháo học đòi Văn Vương. Đề-hồ thượng vị được cõi đời trân trọng gặp phải những người ấy biến thành độc dược. Ông Bùi Công Mỹ[153] nói: *"Hiểu được ý thì mau thành Phật đạo, đánh mất ý chỉ sẽ vĩnh viễn vào Nê Lê (địa ngục)"*. Chẳng đáng sợ ư? Nguyện các hạ đừng manh nha ý niệm ấy. Còn như muốn trước tác giống như cổ nhân, không biết cổ nhân ai nấy đều đã tỏ rõ tự tâm lớn lao. Vì thế, nói lời thốt chữ diệu hợp thiền cơ, ví như đầu bếp xẻ trâu, Dưỡng Do Cơ bắn vượn[154], không thể chỉ học mà được như thế đâu!

40. Thư gởi cư sĩ X… (viết thay sư Liễu Dư)

Giữa Xuân lên núi, chớp mắt đã nửa năm; dẫu thọ trăm năm, khảy tay liền qua. Còn một hơi thở nên cầu đường ra, chớ để đến lúc lâm chung hối không kịp nữa! Thường nhớ kinh dạy: *"Thân người khó được, chính giữa đất nước khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó sanh"*. Ông may mắn hội đủ cả bốn điều ấy, càng phải nên nỗ lực, như lên núi báu phải được Ma Ni. Do còn ở địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc nghiệp, sanh tử chưa giải quyết khó khỏi đọa lạc.

Vì vậy, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát chân tín tâm và tâm nguyện khẩn thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Mọi công đức như: cúng dường Tam Bảo, trọn đời giữ giới, hết thảy việc làm… chớ dùng để cầu phước báo nhân thiên trong đời sau, chẳng cầu đời này trường thọ, mạnh khỏe, bình yên, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh Độ, tương khế, tương hợp với thệ nguyện của chư Phật, cảm ứng đạo giao nhất định mãn sở nguyện.

---

[152] Vương Mãng người đời Hán, vốn là cháu của Hiếu Nguyên Hoàng Hậu. Sau được làm Đại Tư Mã cầm binh quyền. Hán Ai Đế băng, Mãng lập Bình Đế lên ngôi, bắt vua lấy con gái mình làm hoàng hậu. Mãng độc đoán chuyên quyền, coi mình như Châu Công, tự xưng là Hán An Công. Không lâu sau, Mãng giết Bình Đế, lập con Bình Đế là Lưu Anh lên ngôi, gọi là Nhụ Tử, được ba năm bèn soán ngôi, đổi quốc hiệu là Tân. Mãng làm vua được 15 năm (từ năm thứ 9 Công Nguyên đến năm 23 Công Nguyên), khi tông thất nhà Hán là Quang Vũ Đế nổi dậy, khôi phục nhà Hán, thương nhân Đỗ Ngô bèn lập mưu giết Vương Mãng.

[153] Bùi Công Mỹ tên thật là Bùi Hưu, tự Công Mỹ, làm tể tướng đời Đường Tuyên Tông, đắc pháp với thiền sư Hoàng Bá Hy Vận. Ông có để lại tác phẩm Truyền Tâm Pháp Yếu.

[154] Nguyên văn: *"Bào đinh giải ngưu, Do Cơ xạ viên"*. *"Bào đinh giải ngưu"* là điển cố xuất phát từ thiên Dưỡng Sanh Chủ của Trang Tử: Văn Huệ Quân thấy mổ trâu bèn nói: "Ôi! Giỏi thay! Tuyệt đến mức ấy", người bào đinh (đầu bếp) thưa: "Thần khéo léo được như vậy là do tập quen, khéo léo dần". Từ ngữ "bào đinh giải ngưu" được dùng để ví sự khéo léo, nhanh nhẹn đến cùng cực do tập luyện. Dưỡng Do Cơ là một tay thiện xạ nổi tiếng bách phát bách trúng "bách bộ xuyên dương" (bắn trúng lá dương liễu ở cách xa một trăm bước) thời Chiến Quốc. Tương truyền, Dưỡng Do Cơ đi săn, loài vượn thấy ông ta bèn khóc ròng vì biết không thể nào tránh tên được, cho nên ở đây mới nói: "Do Cơ bắn vượn".

Như người té xuống biển, có thuyền đến cứu, nếu chịu ngồi lên thuyền liền lên được bờ kia. Cầu phước nhân thiên, chẳng cầu sanh Tịnh Độ giống như không chịu lên thuyền, khó khỏi chết chìm. Phật muốn khiến cho ông siêu phàm nhập thánh, ông lại chỉ nguyện được phước hữu lậu. Khi phước báo hết rồi, đọa mãi trong tam đồ, như dùng châu Ma Ni để bắn chim sẻ, được thì ít, mất thì nhiều! Chẳng đáng tiếc ư? Hãy nên cảnh tỉnh!

Phải biết một pháp niệm Phật vãng sanh chính là đạo trọng yếu bậc nhất để hết thảy chúng sanh mau thoát khỏi sanh tử, quả thật là pháp môn tối thượng để hết thảy chư Phật mau thành Chánh Giác. Đừng nghĩ pháp này giản tiện, dễ hành, rồi coi là chuyện nhàn hạ, phải chí tâm siêng năng, khẩn thiết mới có thể thành tựu. Còn như pháp tắc tu trì thì trong Long Thư Tịnh Độ Văn đã ghi đủ. Lại có An Sĩ Toàn Thư chép đủ pháp tắc niệm Phật vãng sanh và những việc để tích đức, sống trong cõi trần học đạo, tề gia, dạy con, làm cho đời yên, dân lành, đủ mọi pháp tắc đều bàn luận áo diệu đến cùng cực. Có thể nói là bộ sách độc nhất vô nhị thông Nho lẫn Phật, là tác phẩm vô song xưa nay, hết thảy Tăng, tục, nam, nữ đều có thể lấy sách ấy làm gương mẫu vậy!

41. Thư gởi phu nhân X… ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngộ Khai)

Thân chính là cái gốc chuốc khổ, chán ghét nó chính là cơ sở để được vui. Do túc nhân sâu dày, hiện tại nhiều điều thiện, nên báo nặng nhiều kiếp biến thành báo nhẹ phải thọ trong đời hiện tại, mắc tai họa nhưng dũng mãnh tu trì thì sự đau khổ cõi Sa Bà biến thành đạo sư cho Cực Lạc. Nên nghĩ như mình phải trả nợ thì áo não, phiền muộn tự tiêu. Nếu sanh lòng oán hận thì tội nghiệp nối tiếp nhau khởi lên. Cảnh nghịch xảy đến hãy thuận chịu mới là người biết vui theo mạng trời. Chán cõi này, ưa cõi kia mới là người tu Tịnh niệm Phật. Nghĩ cư sĩ sùng tín đại pháp, nhờ vào đức hạnh trong đời lẽ ra phải được hưởng báo khỏe mạnh, bình yên; do duyên gì thân lại mang bệnh ngặt? Phải chăng là Di Đà Như Lai, Quán Âm đại sĩ tha tâm, thiên nhãn, phóng đại quang minh nhờ cơn bệnh huyễn của phu nhân để làm lời cảnh tỉnh cho những kẻ đồng nhân, ngõ hầu cứu vớt khắp mọi kẻ đang đắm chìm trong biển khổ? Dám mong bà hãy sâu xa khuyên từ con, dâu, cho đến tôi tớ và xóm giềng, thân quyến bên ngoài đều cùng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, thì gia pháp của Tịnh Như ngàn năm mãi tốt đẹp, ngõ hầu tước lộc rỡ ràng, lưu danh thơm muôn đời. Như thế thì cái thân bệnh thê lương này trở thành mái chèo thoát biển khổ, lời than bệnh ủ rũ trở thành hướng dẫn tốt lành cho trần thế. Nào còn phải đợi chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn mới có thể vào cõi tục độ sanh, nào phải lên địa vị Bất Thoái mới có thể hiện thân thuyết pháp!

Kinh dạy: *"Chí tâm niệm Phật một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử*". Dạy người niệm Phật một tiếng hơn bố thí bảy báu suốt trăm năm! Chỉ cần chí tâm niệm Phật thì không bệnh nào chẳng lành, hãy theo vết chân thơm của bà phu nhân họ Phùng dạy người niệm Phật thì phẩm vị vãng sanh tối cao, chẳng kém khuôn mẫu tốt đẹp của Kinh Vương[155] phu nhân cho mấy. Dùng điều đó cầu đảo nơi Phật lập tức thấy thuyên giảm. Xin hãy dốc sức, chớ nên nghi ngờ. Thêm nữa, cuốn Di Đà Sớ Sao Hiệt (trích yếu Di Đà Sớ Sao) của Tịnh Như ngôn từ giản dị nhưng tinh xác, lý sâu nhưng dễ hiểu, là một cuốn sách quan trọng trong Tịnh Độ, quả thật là người hướng dẫn tốt lành cho kẻ sơ cơ, hãy nên đọc kỹ. Mong rằng có ai đến đem về mấy bộ để cuộc thí pháp của Tịnh Như được mở rộng.

42. Thư gởi Cố mẫu Từ phu nhân ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngộ Khai)

Người tên X… lên núi, hỏi đến cuộc sống của bà, cho biết: Bà thường ngày đọc Thiền Lục, thường bàn luận công án. Ngu tôi cho rằng: Lúc tuổi già suy, nên siêng niệm Phật, lấy Tịnh Độ làm tông mới có thành tựu thật sự. Xin thử bàn xem: Thiền và Tịnh Độ lý vốn không hai. Nếu luận trên mặt Sự tu thì tướng trạng khác nhau một trời, một vực. Thiền nếu không triệt ngộ triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, ngài Quy Sơn nói: *"Nơi chánh nhân thì có thể đốn ngộ, còn xuất trần phải tiến từ từ theo thứ tự. Nếu đời đời bất thoái thì thành Phật quyết định có kỳ"*. Lại nói: *"Sơ tâm do duyên đốn ngộ tự tánh, nhưng hãy còn có tập khí từ vô thỉ bao kiếp chưa thể diệt ngay được, nên phải dạy ngươi trừ cho hết hiện nghiệp lưu thức"*. Ngài Hoằng Biện[156] nói: *"Đốn ngộ tự tánh bằng với chư Phật, nhưng chưa thể nhanh chóng hết sạch tập khí vô thỉ. Cần phải nhờ vào đối trị mới hòng khởi công dụng thuận theo Tánh được, như người ăn cơm chẳng thể ăn một miếng liền no ngay!"* Ngài Trường Sa Sầm[157] nói: *"Thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng quả Niết Bàn là vì công hạnh chưa bằng với chư thánh vậy"*. Do vậy, Ngũ Tổ Giới lại trở thành Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại thành Lỗ Công. Cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào Tự Lực, chẳng cầu Phật gia bị, Hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận thì sanh tử quyết chẳng thể thoát khỏi.

---

[155] Đây là những vị nữ nhân tu pháp Trì Danh Niệm Phật được vãng sanh, tiểu truyện của họ được ghi lại trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục.

[156] Hoằng Biện là người nối pháp (pháp tự) của ngài Chương Kính Huy thiền sư, sống vào thời Đường Tuyên Tông. Câu nói trên trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên trong cuộc vấn pháp của nhà vua vào năm 851.

[157] Trường Sa Cảnh Sầm là người nối pháp của ngài Nam Tuyền Phổ Nguyện. Câu nói trên cũng trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên.

Tịnh Độ hễ có đủ ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh liền có thể đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền thoát sanh tử, kẻ ngộ chứng bèn mau lên Bổ Xứ, kẻ chưa ngộ cũng chứng A Bệ Bạt Trí (Bất Thoái Chuyển). Vì thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh; các tri thức bên Tông, bên Giáo cùng sanh Tịnh Độ. Là vì hoàn toàn cậy vào Phật lực, lại thêm tự mình tâm khẩn thiết. Vì thế, được cảm ứng đạo giao; do vậy, mau thành Chánh Giác.

Nay tôi vì bà tính toán: Hãy nên gạt bỏ hết Thiền Lục, chuyên tu Tịnh nghiệp. Dùng cái tâm mảy trần chẳng nhiễm trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, không xen tạp, không gián đoạn. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn, lâu ngày chầy tháng sẽ tự thành phiến, đích thân chứng Niệm Phật tam-muội, tự biết Tây Phương tông phong. Đấy là đem cái công phu "xoay trở lại nghe nơi tự tánh" của Quán Âm để tu tịnh nghiệp "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thì tu Tịnh mà là Thiền, còn gì diệu bằng!

43. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

Người niệm Phật cũng không phải là không được trì chú, nhưng Chủ và Trợ phân minh thì Trợ cũng quy về Chủ. Nếu cứ tràn lan không phân biệt, coi đều như nhau thì Chủ cũng không phải là Chủ. Chuẩn Đề và Đại Bi nào có hơn, kém; nếu tâm chí thành, pháp nào cũng linh. Tâm không chí thành, pháp nào cũng không linh! Một câu Phật hiệu bao quát trọn vẹn không sót cả Đại Tạng giáo. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể thật sự làm người niệm Phật chân chánh. Nhưng người không biết gì, không làm được gì, chỉ cần miệng nói được thì cũng có thể là người niệm Phật chân chánh. Ngoài hai hạng này ra thì chân chánh hay không chân chánh đều là do chính mình có nỗ lực, có y giáo phụng hành hay không?

Còn như tu hành Tịnh Độ đã có lý quyết định không nghi, cần gì phải hỏi đến sự hiệu nghiệm nơi người khác! Dẫu người khắp thế gian đều không có hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh một niệm nghi tâm, lấy lời thành thật của Phật, Tổ làm bằng chứng. Nếu hỏi đến sự hiệu nghiệm của người khác tức là chưa tin cùng cực vào lời Phật, phải lấy lời người để quyết định nên thành cái tâm mong ngóng, không thể thành tựu. Làm thân nam tử anh hùng, tráng liệt trọn chẳng đến nỗi bỏ Phật ngôn để tin lời người khác, tâm mình vô chủ, chuyên muốn lấy sự hiệu nghiệm của người ta để hướng dẫn tiền đồ, chẳng đáng buồn ư?

Tùy Tự Ý tam-muội chính là đường tu chung từ phàm đến thánh, tuy nói là Sơ Tâm Bồ Tát bao gồm hết thảy phàm phu, nhưng thật ra là hạng Sơ Trụ Bồ Tát phát trọn vẹn ba tâm, tam đức viên chứng trong Viên Giáo (nếu ước theo Biệt

Giáo thì là Sơ Địa): Do lấy phát Lý tâm làm chánh nhân nên chứng Pháp Thân đức, do phát Huệ tâm làm liễu nhân nên chứng Bát Nhã đức, do phát thiện tâm làm duyên nhân nên chứng Giải Thoát đức. Vì thế có thể hiện thân mười pháp giới ứng khắp mọi căn cơ trong mười phương thế giới, thượng cầu hạ hóa; ông lại nói Sơ Phát Tâm chỉ là kẻ sơ phát tâm vừa mới phát tâm tu hành thôi ư? Ông thấy Kim Luân [chú pháp] đã dạy *"ngộ pháp Nhị Không chứng lý Thật Tướng"* liền hớn hở, vui mừng, bèn muốn gánh vác; Quang sợ ông bị ma dựa, nên trình bày rõ thân phận khiến cho ông trọn chẳng còn lầm lạc nữa. Ngộ pháp Nhị Không, chứng lý Thật Tướng chính là thân phận của Sơ Phát Tâm Bồ Tát vậy! Pháp được giảng trong sách ấy phàm phu đều có thể y theo đó để tu trì, nhưng đừng hiểu thân phận được sách nhắc đến là phàm phu [thật sự]! Thanh Văn, Duyên Giác có đại thần thông còn chẳng thể đạt đến, huống gì phàm phu! Lúc khắc in riêng sách ấy nên xem kỹ:

1) Vô trụ sanh tâm.

2) Chẳng trụ vào pháp để hành bố thí.

3) Tam luân thể không.

4) Ý nghĩa nhất đạo thanh tịnh.

(Bốn câu này là cương yếu của Phật pháp, người xem kinh tu hành phải nên biết) thì sẽ được thông hiểu lớn lao!

Quang muốn đem những nghĩa này làm thành bài tụng để người xem đến biết được cương yếu. Đã bàn cùng Úy Như nhưng bận rộn lắm việc chưa thể rảnh rỗi, phải đợi năm sau. Khắc in Thập Vãng Sanh Kinh[158] và ba thứ Tịnh nghiệp ban đầu trong Quán kinh để lưu truyền trong đời cũng được, tôi đã bảo với Úy Như nhưng chưa rảnh để sửa những chữ sai trong bản ấy, nên đem nguyên bản gởi đi. Chữ cổ tuy không sai, nhưng không nên dùng. Còn như nói quán thân, chẳng quán hết thảy, chỉ quán vô duyên thì vô duyên là Tùy Tự Ý tam-muội, nghĩa là tánh không, vô sở hữu; đã vô sở hữu nên không có gì để vin nắm (phan duyên). Nếu chẳng một nhát dao chặt đôi từ căn bản thì tâm duyên trùng trùng, giải thoát sao được? Mấy lời này giản lược cùng cực, nhưng ý nghĩa sâu rộng. Mong hãy bảo với ông Úy Như.

44. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Hòa thượng Pháp Tràng xưa đã sẵn linh căn, thoạt đầu là bậc chân Nho, sau thành bậc chân Thích, có thể nói là chẳng uổng công đọc sách học đạo vậy! Đời

[158] Thập Vãng Sanh kinh chính là kinh Phật Thuyết Thập Vãng Sanh A Di Đà Phật Quốc, được xếp vào quyển 87 của Vạn Tục Tạng Kinh, không rõ ai đã dịch kinh này từ Phạn sang Hán. Nội dung kinh này dạy 10 pháp quán niệm để được vãng sanh Cực Lạc thế giới.

có bậc chân Nho nên mới có chân Tăng. Bọn vô lại xuất gia kia cố nhiên đều là ma vương ngoại đạo phá hoại Phật pháp! Ngữ lục của Hòa Thượng thống khoái thẳng chóng, mở rộng tâm mắt con người, đáng nên khắc in lưu thông làm pháp bảo cho Thiền gia, nhưng sách ấy chỉ phát huy đạo *"chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật"*, chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp chớ nên sờ soạng, dò lường lời Ngài đến nỗi đánh mất lợi ích cả hai bên. Không thể không biết điều này! Điều được nhà Thiền đề xướng là chỉ hướng về bổn phận, ngoài ra [mọi chuyện khác] đều không xiển phát. Chuyện tu nhân đạt quả, đoạn Hoặc chứng Chân của họ đều là tự ngầm tu trì. Người ngoài thấy nhà Thiền chẳng đề xướng những đạo lý tu chứng ấy bèn bảo nhà Thiền không dùng đến những pháp đó, thành ra hủy báng Thiền, báng Phật, báng pháp.

Mã Tăng Ma[159] kiến địa cao siêu, văn tự khéo léo, đẹp đẽ, cũng đáng nên khắc bản lưu thông. Vương Huyễn Như không thấu hiểu Tông môn chỉ vì không chịu nghiên cứu sâu xa giáo lý và cũng do chưa hề thân cận tri thức, vì thế chỉ thành một kẻ hiểu biết Tông Môn trên mặt văn tự mà thôi. Năm Quang Tự hai mươi mốt, tức mùa Xuân năm Ất Mùi (1895), người ấy đến Phổ Đà, được thế phát bởi hòa thượng Hóa Văn trụ trì chùa Pháp Vũ, chưa thọ giới, sống được nửa năm bèn trở về nhà, lại trở thành cư sĩ. Trong cuốn đầu, ông ta viết năm Bính Thân (1896) đến Phổ Đà làm tri kỷ của sư Hóa Văn, toan muốn xuất gia, nhưng vì gia sự thúc bách phải quay về. Từ chỗ này có thể thấy ngôn hạnh chẳng tương ứng!

Quang từng gặp người này, nhưng chưa hề nói với nhau một lời. Hỏi đến những người ông ta thường gặp gỡ xem ông ta hành trì những gì; họ nói ông ta không niệm Phật mà cũng chẳng xem kinh. Những gì chép trong sách Minh Tâm Lục của ông quá nửa là những câu dựa theo sách Kính Hoa Tập xưa kia. Ông ta có sở đắc nơi ý Thiền Tông, nhưng hạnh nhà Thiền chưa từng thực sự tu tập. Do vậy mới đến nỗi chẳng biết thời vụ, trao xằng pháp dược, khiến cho những kẻ vô tri vô thức học phải những lời sáo rỗng ấy bèn quay ra bài bác, vứt bỏ những lý thật, sự thật trong kinh, khiến mình mù, làm cho người mù, từ đầu đến cuối sách chẳng hé lộ triều đại và niên hiệu với thâm ý khiến người đời sau tưởng mình là bậc cao nhân thời thượng cổ mà thôi! Toàn thể sách ấy là cái tâm phàm phu sanh tử kết nghiệp, chớ hề có ý nghĩa tùy duyên mặc lòng tự vui Thiên Chân. Hạng người như vậy chẳng nên tán thán; chỉ sợ do tôi tán thán [người đời] bèn tưởng ông ta hoàn toàn đúng, mà cũng không nên báng bổ vì sợ do tôi gièm báng người khác bèn cho là ông ta hoàn toàn sai! Nhưng ông giữ pháp của ông, tôi giữ đạo của tôi mà thôi! Rảnh công đâu bàn chuyện rỗi hơi của người ta chẳng ăn nhập gì đến mình!

[159] Mã Tăng Ma là thọ nghiệp sư của hòa thượng Pháp Tràng.

Bài tiểu tự của sách Vạn Liên Tịnh Độ Thi, hai dòng đầu nêu lên thuyết "nhất tâm được biểu hiện hay che lấp" chính là lý luận sai lầm. Lời dạy chuyên tu Tịnh Nghiệp của ngài Thiện Đạo có thể gọi là "tỏ rõ tâm chuyên nhất", nhưng ngài Vĩnh Minh dạy "vạn thiện đều tu" há có thể gọi là "ngăn lấp tâm chuyên nhất" ư? Đúng là sai lầm đến cùng cực! Phải nói là pháp môn Tịnh Độ có Chuyên và Viên. Do căn khí của chúng sanh bất nhất, nên chư Tổ lập pháp bất đồng. Ngài Thiện Đạo dạy người nhất tâm trì danh, không dạy tu tạp nghiệp là vì sợ người căn tánh trung hạ do tạp nghiệp đến nỗi tâm khó quy nhất. Do vậy, Ngài dạy Chuyên Tu. Ngài Vĩnh Minh dạy người vạn thiện đều tu, hồi hướng Tịnh Độ là vì sợ bậc thượng căn hạnh chấp vào một bên, đến nỗi phước huệ chẳng thể xứng tánh viên mãn nên dạy Viên Tu.

Nếu là người chưa đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ thì lập ngôn quyết khó khỏi mắc điều tệ. Ví như ếch ngồi đáy giếng chỉ thấy được khoảng trời xanh chừng bằng miệng giếng mà thôi! Bài tựa giảo chánh tái bản sách Tùy Tự Ý Tam Muội, nếu nói thông thường thì đại tâm phàm phu là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, và nói đúng ra thì phải hiểu Sơ Phát Tâm Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Hiểu như thế sẽ không mắc cả hai lỗi Ngã Mạn và Thoái Khuất.

45. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

Đã đến Phổ Đà mấy lần, hãy nên ở nhà lắng lòng niệm Phật, chẳng nên tới thường. Đến đây tốn phí công sức, thời gian, hao tài, đối với mình lẫn người đều không có lợi ích gì. Nếu chưa từng đến thì đến chiêm bái đạo tràng Bồ Tát một lần cũng được. Nếu đã đến rồi nên ở nhà cúng dường, cung kính, lễ bái, lẽ đâu Bồ Tát chỉ ở tại Phổ Đà, chẳng cảm ứng khắp pháp giới ư? Quán Âm Bồ Tát thường trụ trong khởi tâm động niệm của hết thảy chúng sanh, hiển lộ đại thần thông, diễn thuyết diệu pháp; tiếc là chúng sanh mê trái bỏ lỡ, cô phụ từ ân. Nếu có thể thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ sẽ tự thường được Ngài che chở. Nên đem ý này bảo lại cùng hết thảy kẻ tri giao.

46. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Biết ý ông muốn sống ở Thông Châu, tuy có chí muốn thành tựu con em, nhưng không biết con em được thành tựu chỉ là do gia đình dạy dỗ! Đối với con cái, từ nhỏ phải dạy hiếu, đễ, trung, tín, cần (siêng năng), kiệm (tiết kiệm), ôn (ôn hòa), cung (cung kính), thì khi đến lớn đi học đọc sách mới có cơ sở để hưởng được lợi ích. Nếu từ nhỏ dung túng thành quen thói, đừng nói chi những đứa không có thiên tư, không khéo dạy; ngay cả những đứa có thiên tư, được

khéo dạy cũng chỉ thành một gã thợ khéo văn chương, thành phường bại hoại trong làng Nho mà thôi! Đời có kẻ tài cao Bắc Đẩu, học khắp năm xe[160], nhưng hành vi đều ỷ vào thông minh, độc hại sanh linh, hủy diệt đạo nghĩa! Nguyên nhân đều bắt đầu do lúc ban đầu thiếu gia giáo vậy! Văn Vương nêu gương cho vợ, gương ấy thấu đến anh em, rồi lan ra khắp nước nhà; điều này cùng một ý vị với điều được nói trong sách Đại Học: *"Muốn bình trị thiên hạ, quốc gia thì phải khởi đầu từ cách vật trí tri, thành ý, chánh tâm"*. Đây chính là bí quyết vô thượng dạy người mong thành thánh thành hiền của Nho Gia vậy. Bỏ nơi đây cầu nơi khác đều là chạy theo cái ngọn!

Nay tôi bàn tính: Khi con cái đã có thể nói năng, hiểu biết thì trong gia đình trước hết phải dạy cho con biết mặt chữ (con gái tuy không cần phải có học vấn rộng, nhưng trọn chẳng thể chỉ dạy cho con biết mặt chữ, không thông ý nghĩa. Mẹ còn phải nên dạy con từ thuở còn nằm trong thai. Nếu con gái biết chữ, thông văn lý thì con cái do mình sanh ra sẽ càng dễ dạy). Mỗi một tờ giấy chỉ viết một chữ, đừng viết cả hai mặt. Nếu viết hai mặt khác sẽ giống như nhớ khẩu quyết vậy[161]. Mỗi ngày hạn định mấy chữ, mỗi ngày phải nhận rành mặt chữ, lại phải nhận được mặt chữ hai ba lần. Chưa đầy một năm đã biết được nhiều chữ. Về sau lúc đọc sách, hễ đọc đến đều nhận được mặt chữ, chẳng đến nỗi vướng cái tệ chỉ nhớ ca kệ.

Phàm những gì trẻ làm được đều nên dạy nó thường tập quen siêng năng (như quét tước, dọn dẹp v.v...) Phàm thức ăn, y phục chớ nên hoa mỹ. Nếu trẻ phung phí ngũ cốc và làm hư đồ đạc, bất luận là vật sang, hèn, nặng, nhẹ đều nên bảo cho nó biết vật ấy chẳng dễ có, và những nghĩa lý chiết phước tổn thọ! Nếu vẫn như thế nhất định phải trách phạt, quyết chẳng bỏ qua. Như thế, trẻ sẽ tự mình kiệm ước, trọn chẳng đến nỗi xa xỉ, phung phí. Khi trẻ đọc được sách nên đem những sách Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên dạy trẻ đọc thuộc, thuận theo mặt chữ mà diễn giảng. Những hành vi thường nhật nếu hợp với điều thiện thì chỉ cho trẻ thấy điều ấy hợp với những điều thiện được nêu trong hai cuốn sách trên mà khen thưởng. Nếu làm điều bất thiện thì chỉ cho trẻ thấy điều ấy phù hợp với chuyện bất thiện được nói trong hai sách ấy để quở trách (nhà cư sĩ Bành Nhị Lâm (Bành Tế Thanh) đỗ đạt đứng đầu tỉnh Giang Tô, đời đời tuân thủ hai sách ấy. Nhà ấy Trạng Nguyên thật nhiều, nhưng suốt đời đều tuân thủ hai sách ấy không thay đổi). Như vàng đổ vào khuôn, như nước có đê ngăn, há lẽ nào chẳng thể thành đồ vật, vẫn cứ chảy ngang y như cũ hay sao? Căn bản để con người làm người là đây! Không giảng điều này mà muốn thành con người hoàn toàn, trừ phi là hạng có thiên tư bằng Mạnh Tử trở lên mới được mà thôi!

---

[160] Điển cố *"học phú ngũ xa"* (học khắp năm xe) xuất phát từ câu văn trong sách Trang Tử: *"Huệ Thí hữu phương, kỳ thư ngũ xa*". Huệ Thí là một triết gia thời Chiến Quốc, học vấn rất rộng. Câu trên có ý nói Huệ Thí học rất rộng, đọc rất nhiều sách, phải dùng năm cái xe mới chở hết được!

[161] Ý nói: Nếu viết nhiều chữ trong một tờ giấy, trẻ có thể nhớ âm đọc, cầm lên đọc nằm lòng nhưng không nhận biết từng chữ.

Nhưng đến lúc đi học, chẳng nên cho con vào ngay những trường đã lập hiện thời, nên để con ở nhà vài năm, mời một vị thầy văn chương lẫn đức hạnh đều khá, tin sâu nhân quả để dạy trẻ học Tứ Thư và Ngũ Kinh trước. Đến khi trẻ học được vài phần, đối với toàn bộ văn tự đạo lý chẳng bị tà thuyết tục luận mê hoặc thì mới cho con vào trường hòng mở mang tầm mắt, biết so sánh sự việc, chẳng đến nỗi hành xử trái thời, không cách nào tiến lên được! Làm được như vậy thì đứa có thiên tư sẽ tự thành đạt, đứa không thiên tư cũng thành lương thiện, tốt lành cho mình lẫn người, tự lợi, lợi tha, quả thật chẳng ngoài những điều lão tăng thường nói.

Lại nữa, trước kia ở Dương Châu có thỉnh mười ba bộ Cảm Ứng Vựng Biên tặng cho người, Vân Lôi cũng tặng một bộ. Ngày hôm sau Vân Lôi đến chỗ tôi ở, tôi bảo ông ta mang cho ông một bộ, ông ta đem tặng cho người khác, nói ông có thể thỉnh được sách nơi thư cục chánh, không biết đã thỉnh hay chưa? Những văn bút đàm luận trong sách này đều siêu diệu (sách ấy có đôi ba chỗ hơi trở ngại đôi chút, nhưng xét về toàn thể đều tốt nên có thể dùng được), nhưng không quán thông Phật pháp bằng An Sĩ Toàn Thư. Ngoại trừ An Sĩ Toàn Thư ra, nên coi sách này là nhất, nhưng chẳng dễ gì chỉ dạy cho đàn bà, con trẻ. Quang ở Dương Châu nhân thấy sách này phần đầu chưa khắc Cảm Ứng Thiên, bèn cho khắc bổ sung. Do tìm sách bèn gặp được một bản Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, sách ấy do một bậc đại thông gia soạn, lời chú giống với lối văn Bạch Thoại, đọc theo mạch văn ý nghĩa càng rõ ràng, rất thích hợp cho con cái đang tuổi thơ ấu. Nay đem sách ấy gởi đi, mong ông sẽ dùng sách ấy để răn dạy con cái, tương lai ắt được lợi ích thật sự mà lại còn thiết thân nữa (Ông Vương Lôi vào mùa Hạ từng khắc Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục của ông Bành Hy Tốc, đều là những chuyện thực trong chánh sử, rất dễ làm cho người khác [đọc đến] phải kiêng dè, [sách này] chỉ có hai bản).

47. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)

Những lời Úy Như nói hơi có đạo lý. Nhưng tôi là một gã vô tri vô thức chỉ biết lo tự độ[162], dạy người cũng dùng những pháp tắc để tự độ, còn ông ta muốn cho người khác thông hiểu rộng rãi Phật pháp rồi nhờ đó mà tin sâu Tịnh Độ; do vậy mới đến nỗi bề ngoài tợ hồ không phù hợp, nhưng bên trong quả thật do chú trọng đến những điểm khác nhau, ai nấy có sở trường riêng và cũng có khuyết điểm riêng nên mỗi cách có những thiếu sót riêng. Nếu có thể chọn lấy

[162] Nguyên văn: "Tự liễu hán", từ điển Phật Quang Sơn giảng: "Tự liễu hán: Chỉ hạng người không có ý niệm lợi tha, chỉ mong chính mình được lợi ích. Chỉ biết đến thân mình, không quan tâm đến đại cuộc. Nhà Thiền thường gọi kẻ chỉ tự mình tu hành, không có ý niệm độ sanh là Tự Liễu Hán". Ở đây, Tổ tự xưng mình là Tự Liễu Hán vì có những người chỉ trích pháp môn Tịnh Độ là ích kỷ, chỉ lo cầu giải thoát cho riêng mình.

những chỗ lợi ích thì chẳng đến nỗi trở thành thói tệ, pháp môn sẽ may mắn lắm!

Tuy vậy, rất khó! Pháp do Như Lai, chư Tổ đã lập, hậu nhân làm theo còn bị biến thành tệ hại, huống gì bọn ta? Ai nấy chỉ nên giữ lấy một pháp ngõ hầu tự lợi và kiêm dùng pháp đó để lợi ích người hữu duyên thì mới nên! Kẻ vô duyên Phật còn chẳng độ được, dù chúng ta có lập đủ cách cũng sẽ chỉ có thể nói "không làm gì được" mà thôi! Hai lá thư của Úy Như đã khen ngợi Bất Huệ quá mức khiến cho người ta thẹn thùng không lánh vào đâu được! Trọn chẳng được học theo cái lối ấy, học theo sẽ khiến người khác nghi ngờ, miệt thị cổ nhân, đâm ra cả mình lẫn người cùng bị tổn hại! Thư ông viết cũng rất hữu lý, nhưng Quang sự việc quá nhiều, không rảnh rang trình bày rõ. Những lời thỉnh vấn nếu phù hợp bèn đáp, nếu không hợp bèn bảo đi hỏi cao nhân khác. Như các cửa tiệm ngoài chợ, mỗi tiệm có bán hàng hóa chuyên biệt: Hoặc chỉ một món hàng mà có thể thông thương làm nước giàu, hưng gia lập nghiệp; hoặc bán nhiều món hàng nhưng chẳng qua cũng chỉ nhằm để thông thương, nước giàu, hưng gia, lập nghiệp mà thôi.

Chúng tôi đã chẳng dựng đại pháp tràng, nhặt cơm thừa canh cặn bị vất bỏ ở cửa nhà trưởng giả đại phú để tự nuôi thân; nếu ai chẳng nề hà hôi chua bèn chẳng ngại chuyền tay trao lại. Nếu không, hãy cứ mặc lòng lấy gan rồng tủy phượng để tự bồi bổ, há có nên nói "tặng hết cho mọi người, khiến cho ai nấy đều hưởng thứ cơm thừa canh cặn của ta mới đẹp dạ mình" ư? Ở chợ, nếu cửa hàng chuyên bán một thứ luôn luôn phát đạt thì kẻ bán nhiều mặt hàng cũng sẽ trích vốn [để buôn mặt hàng đó]. Sao riêng chuyện hoằng pháp lợi sanh lại chẳng giống như thế? Ngàn căn cơ đều cùng dạy chính là lý do xuất thế của Như Lai. Như Lai giáng tích thị hiện làm thiện tri thức, cũng chẳng lấy đó làm chuẩn. Tôi pháp gì cũng chẳng thông, chỉ chịu niệm Phật thì cũng có thể cậy vào đó để liễu sanh tử; tôi cũng chẳng thẹn vì mình không thông, chỉ thẹn mình ngôn hạnh không tương ứng, hữu danh vô thực mà thôi!

48. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

Giấc mộng tốt lành kỳ lạ, đặc biệt, ắt có con quý xuất loại bạt tụy nối dòng thư hương, kế nghiệp tổ tông, do Phật, trời ban cho. Lòng vui mừng, an ủi khôn cầm, chúc mừng, chúc mừng! Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Hết thảy chúng sanh đều có đủ đức tướng, trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc"*. Do vậy, biết trí huệ, đức tướng chúng sanh và Phật giống nhau. Ấy chính là Tánh Đức! Do có vọng tưởng, chấp trước và lìa vọng tưởng, chấp trước nên chúng sanh và Phật khác hẳn nhau. Đấy chính là Tu Đức vậy.

Tu Đức có thuận, có nghịch. Tu thuận theo tánh thì càng tu càng gần, tu đến cùng cực bèn chứng triệt để, tuy chứng nhưng trọn chẳng được điều gì! Tu nghịch với tánh thì càng tu càng xa, tu đến cùng cực bèn vĩnh viễn đọa trong ác đạo, đọa nhưng trọn chẳng mất gì. Hiểu rõ điều này thì kẻ ngu có thể là hiền, kẻ hiền có thể là ngu, kẻ thọ bị chết yểu, kẻ chết yểu được sống thọ, phú quý, bần tiện, con cháu đầy đàn hay tuyệt diệt, mỗi chuyện đều có thể tự mình làm chủ, có chỗ nương tựa có thể thành không nơi nương tựa, không nơi nương tựa có thể thành có nơi nương tựa; như núi cao không lên được, con người không có cách nào thì cũng chẳng ngại đục vách núi xếp bậc rồi cũng lên thẳng được chót đỉnh. Con người xưa nay không biết đến nghĩa lý *"tùy tâm tạo nghiệp, tùy tâm chuyển nghiệp";* bao nhiêu kẻ đại thông minh, đại học vấn trở thành bỏ sạch mọi công trước, lại còn di hại bao kiếp!

Nếu chẳng tu đức thì thân dù giàu trùm thiên hạ, quý như thiên tử, hoặc quan vị cao cùng cực, thanh thế lừng lẫy như địa vị tể tướng, phụ thần, có hay không những kẻ ngay trong đời này thân bị giết, nhà tan cửa nát? Như vậy những gì thân mình tự có được đều chẳng thể nương cậy được! Viên Liễu Phàm khá hiểu nghĩa này, nên coi hết thảy những gì mình được hưởng thụ không gì chẳng phải do nhân trước định sẵn! Thế tục thường gọi "tiền nhân" là trời, "thiên định thắng nhân" nghĩa là khó chuyển được cái nhân trước! Nhân định cũng có thể thắng được trời nghĩa là tu trì chống lại nghiệp thì nhân trước chẳng đáng nương cậy! Tức là dùng cái nhân hiện tại làm nhân để tiêu diệt cái nhân trước. Nếu mặc tình làm càn thì sẽ trở thành trái ngược lại. Hiểu điều này thì kẻ ngu sẽ thành hiền, kẻ dở tệ, tầm thường sẽ thành siêu quần, bạt tụy; đều do chính mình giữ cái lòng tu đức và tùy thời khéo dạy mà thôi! Há chẳng nên nỗ lực tài bồi ngõ hầu giấc mộng tốt đẹp trở nên có căn cứ hay sao?

49. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy)

Nhất Hạnh Cư Tập[163] nét chữ khắc quá nhỏ, in tạm mấy ngàn bộ, là do các vị Úy Như v.v… không chăm sóc tử tế. Bản in được duyệt sửa khá tinh tế, không thấy sai ngoa. Sách này quả thật là đại hộ vệ cho Tịnh tông, nhưng cũng có chỗ có thể làm cho người khác mắc bệnh. Nay tôi không thể không bảo cho ông biết, những người khác cũng do đây mà hiểu đại lược. Nhị Lâm cư sĩ (Bành Tế Thanh) rất tin vào cầu cơ, những lời giáng cơ được ông chép lại rất phù hợp với giáo pháp. Nếu chịu hành trì theo đó ắt được đại lợi ích. Nhưng thời thế khi ấy khác, thời này lại khác! Nếu chấp rằng lời giáng cơ ắt đều phù

[163] Đây là một tác phẩm của Bành Thiệu Thăng, xiển dương Tịnh Độ, đồng thời dẫn dụng những công án bên Nho để xiển dương Phật pháp. Ông viết tác phẩm này trong khi đang bế quan tu Nhất Hạnh tam-muội tại Văn Tinh Các.

hợp với giáo pháp nhà Phật, đều có thể nương theo những lời ấy ắt sẽ mắc lỗi do cầu cơ bèn nghịch giáo. Những kẻ giáng cơ đa số là linh quỷ, chân tiên rất ít! Dẫu chân tiên đi nữa, há có thể hơn được chư Phật, chư Tổ ư? Chớ nên viện cớ "Nhị Lâm cư sĩ còn tin vào lời giáng cơ, lẽ nào chúng ta dám không tin!" thì là lầm lạc quá lắm!

Trong sách ấy có lời Bạt ghi Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa kinh do chính Phật đã nói. Ông Nhị Lâm chưa mở mang Sai Biệt Trí, nên tạo thành đầu mối bịa đặt bừa bãi cho người đời sau. Kinh này ở chùa Pháp Vũ trước kia cũng có một bản, Quang đã từng đọc qua; lời lẽ thật sự không có lỗi lầm gì, nhưng toàn là những câu trích từ các kinh Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Viên Giác, Kim Cang…và Lục Tổ Đàn Kinh, cũng như những câu dung hội hai tông Thiền - Tịnh trong Tịnh tông ghép thành. Bậc thông gia xem thấy cố nhiên được lợi ích, còn kẻ không thông suốt dùng chuyện này làm chuẩn để đánh giá mọi lời giáng cơ thì trật rồi. Do vậy, Quang bèn đốt đi để diệt mối hại. Nhị Lâm đem sách ấy giảo chánh, in lại; đó là vì trí của Nhị Lâm chỉ biết đến mặt lợi ích, không biết sách sẽ gây ra mối tệ vô cùng: Mai sau có những kẻ biến tà thuyết thành chánh giáo đều sẽ dùng lời Bạt ấy để xướng xuất. Nếu Ấn Quang khắc in sách ấy sẽ trọn chẳng khắc lời Bạt ấy. Lưu thông Phật pháp chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt, há chẳng nên cẩn thận từ đầu ư?

Tôi là người ngoài cõi đời, cần gì phải mừng Tết, mừng thọ? Năm Dương Lịch đã hết, cần gì phải gởi thiệp chúc mừng? Há chẳng phải là vô sự bèn sanh sự? Dẫu hết năm Âm Lịch cũng chẳng cần phải ăn mừng. Thói tục phù phiếm nhân tình thế gian ấy nếu có nhân duyên tiện dịp bèn đề vài câu còn được, chứ riêng vì lẽ mừng tuổi bèn từ xa vài ngàn dặm gởi đến một phong thư thì chẳng bằng lắng lòng, giảm việc, có hay hơn không?

50. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám)

Nhận được thư, biết ông trong cơn bệnh nhờ sức Tam Bảo biến hiểm thành lành, mới biết sanh tử trắng tay; nếu không thâm nhập một môn sẽ chẳng làm được gì. Nhân nghiên cứu, đọc các sách Tịnh tông mới biết Di Đà vì ta phát nguyện, lập hạnh để mong thành Phật. Ta do trái nghịch Di Đà hạnh nguyện nên bao kiếp dài lâu thường luân hồi lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di Đà là Phật trong tâm ta, ta là chúng sanh trong tâm Di Đà. Đã là một mà phàm và thánh khác nhau một trời một vực là vì ta một mực mê trái nên mới thành ra nông nỗi ấy. Tín tâm như thế mới là chân tín. Từ tín tâm này, phát ra cái nguyện quyết định vãng sanh, hành cái hạnh quyết định niệm Phật, ngõ hầu thâm nhập pháp giới Tịnh Độ, thành tựu ngay trong một đời, siêu nhập thẳng vào Như Lai địa như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn.

Tuy nhiên, biết không khó, làm được mới khó. Trong đời có hạng người nói xuông, khoe mẽ[164] nghe được lý *"tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt"*, hoặc do duyệt Giáo tham Tông ngộ được lý ấy, bèn nói: "Ta đã giống hệt Phật thì tu hay chứng còn có ích gì", bèn buông tâm phóng ý trong hết thảy cảnh duyên, lầm lạc bảo: "Sáu trần chính là giác, tham - sân - si chính là Giới - Định - Huệ, cần gì phải chế tâm nhiếp thân, không dây tự trói?" Loại kiến giải này hèn kém nhất, chính là chấp Lý phế Sự, bác không nhân quả, như dùng bánh vẽ để khỏi đói, xây nhà trên không, tự lầm, lầm người, tội há thể cùng tận nổi? Do thiện nhân chuốc lấy ác quả, tam thế chư Phật gọi kẻ ấy là "hạng đáng thương xót". Ông nên nương vào lý tâm Phật, nhân quả bất nhị này để thiết thực tu trì pháp Tín - Nguyện - Hạnh thì vãng sanh sẽ có ngày, có hy vọng thành Phật, may mắn lắm thay!

Bài tựa Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa Kinh nơi sách Nhất Hạnh Cư Tập tôi đã nói với ông Úy Như rồi, ông ta viết thư trả lời: "Ông ta chưa hề thấy kinh ấy, nên lúc khắc đã sơ ý bỏ qua, sẽ bỏ bài tựa ấy đi, ngõ hầu khỏi tạo nên nghi ngờ, lầm lạc". Tôi lại bảo khắc chữ to hơn, hòng [sử dụng bản gỗ khắc] in được nhiều lần hơn; ông ta cũng cho biết đã bảo thợ khắc chữ to hơn, lại còn cho biết trong đầu tháng Hai sẽ lên miền Bắc. Quang cũng chẳng hỏi ông ta đã trở lại làm việc cho chính quyền hay chưa? Ở Bắc Kinh hiện đang lập xưởng in kinh, nếu Úy Như không chăm sóc sẽ không xong. Toa thuốc cữ hút thuốc phiện[165] truyền xa bốn phương, ai nương theo đó cữ thuốc, khi dùng hết thuốc bệnh bèn lành, quả thật là thần phương (bài thuốc tuyệt hay).

Như Lai thuyết pháp vốn thích ứng căn cơ, vì thế mới có chuyện vì Thật bày ra Quyền, khai Quyền hiển Thật, năm thời ban bố giáo pháp. Lại vì cậy vào Tự Lực để liễu thoát thì khó khăn, cậy vào Phật Lực để liễu thoát thì dễ dàng; lại thêm chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém; do vậy, Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ, ngõ hầu ba căn thượng, trung, hạ cùng được lợi ích, cùng chứng Bất Thoái. Đời có kẻ ham cao chuộng xa, chẳng xét thời cơ, thường dạy người tu tập những pháp đa phần chẳng thể khế ngộ, ý họ tuy rất tốt lành, nhưng ước về Giáo lại chẳng thể thích hợp căn cơ, nên dùng sức nhiều lại được lợi ích ít ỏi!

51. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín)

Thư ông gởi đến khá hợp thuyết Chuyên Tu của ngài Thiện Đạo, lại còn khế ngộ người căn cơ tầm thường, hèn kém. Rất vui! Chúng sanh mỗi người

[164] Nguyên văn là "lược hư hán", tự điển Phật Quang Sơn giải thích: Đây là thuật ngữ nhà Thiền chỉ kẻ thích nói xuông, làm ra vẻ tu hành. Lược là "lược thủ" (cướp lấy), Hư là hư vọng không thật. "Lược hư" tức là nói xuông, mô phỏng ngôn ngữ của người khác, làm ra vẻ.

[165] Bài thuốc này được đăng tải trong phần phụ lục thuộc quyển 4 của Ấn Quang Văn Sao.

tập khí sai khác, mỗi người thiên về một chỗ. Kẻ ngu thiên về hèn kém, tầm thường, bậc trí thiên nơi cao thượng. Nếu kẻ ngu yên chịu phận ngu, chẳng dụng tâm tạp loạn, chuyên tu Tịnh nghiệp thì ngay trong đời này quyết định được vãng sanh, có thể nói là không ai sánh kịp kẻ ngu ấy. Nếu người trí chẳng cậy vào trí, vẫn cứ theo đuổi một môn cậy vào Phật từ lực, cầu sanh Tịnh Độ, thì có thể nói là "đại trí". Nếu ỷ vào kiến giải của chính mình, miệt thị Tịnh Độ sẽ thấy từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân ác đạo, có muốn được bén gót những gã ngu trong hiện thời cũng hoàn toàn chẳng thể được!

Tôi thật sự yêu mến, hâm mộ những kẻ hiểu sâu xa Tánh, Tướng, Tông, Giáo kia, nhưng chẳng dám thuận theo. Vì sao? Dây ngắn chẳng kéo được nước sâu, giấy nhỏ không thể bọc rộng, nguyên do là vậy! Chứ không phải là hết thảy mọi người đều phải bắt chước việc tôi làm. Nếu cũng hèn kém giống như tôi mà muốn học theo hành vi của bậc đại thông gia, muốn diệu ngộ ngay tự tâm, xem đọc biển giáo, tôi sợ chẳng thể thành bậc đại thông gia; trái lại còn bị hạng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót! Há chẳng phải là quá khéo biến thành vụng to, bay lên không lại rớt xuống vực sâu ư? Một lời bao trùm hết: Phải tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi! Chúng ta chỉ nên an phận chịu ngu, mặc cho người khắp cõi đời đều là bậc thông gia, chỉ mong Phật pháp được rực sáng trong đời, chúng sanh đều được độ thoát mà thôi, còn gì sướng hơn! Cũng mong ông đem lời này bảo với Sư Thọ. Thầy Hoằng Nhất muốn lánh vào ở trong núi sâu, đáng gọi là bậc có lòng tin sốt sắng, chân tu, tôi vui mừng vô lượng!

52. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh ở Vĩnh Gia

Lời ông nói khá có đạo lý, tôi cảm thấy an ủi lắm! Đại sự sanh tử cần phải lo liệu sẵn! Nếu đợi đến lúc ra đi mới tu chỉ sợ bị nghiệp lực đoạt mất! Bế phương tiện quan, cự tuyệt những sự duyên không cấp bách: Rất hữu ích! Ông La Đài Sơn[166] không vãng sanh mà đọa vào chỗ phước báo là vì tập khí văn tự quá nặng! Tập khí ấy đã nặng thì dù bảo là niệm Phật, nhưng thật ra niệm niệm luôn đặt nơi công phu văn tự, công phu niệm Phật chỉ là duy trì bên ngoài mà thôi. Đấy là căn bệnh chung của văn nhân, không riêng gì La Đài Sơn! Phật bảo Thế Trí Biện Thông là một trong tám nạn chính vì lẽ này.

Niệm Phật muốn được nhất tâm, ắt phải phát tâm chân thật vì liễu sanh tử, chẳng vì để được cái danh người đời gọi ta là "kẻ chân thật tu hành". Lúc niệm phải từng chữ, từng câu từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai, một câu

[166] La Đài Sơn: người Giang Tây, đậu Cử Nhân thời Càn Long, sống cùng thời với Bành Thiệu Thăng. Ông mất sớm, chỉ thọ bốn mươi sáu tuổi. Trong Nhất Hạnh Cư Tập có sao lục những thư từ trao đổi giữa Bành Thiệu Thăng và La Đài Sơn.

như thế, trăm ngàn vạn câu cũng như thế. Làm được như vậy thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp! Lại phải khéo dụng tâm, chớ chấp trước quá mức đến nỗi thân tâm chẳng yên, hoặc đến nỗi khởi các ma sự. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành theo đó, quyết chẳng bị lầm lạc đi vào đường rẽ.

Không biết Liễu Phàm Tứ Huấn [ông nhắc đến trong thư] là bản chép từ An Sĩ Toàn Thư hay bản được lưu thông riêng. Quang thấy trong một bản đang được lưu thông, thiên Tích Thiện khuyết mười điều sự tích nhân quả. Nếu muốn in, nên đem so với bản được chép sau cuốn An Sĩ Toàn Thư, hễ thiếu bèn bổ sung, hễ sai bèn sửa. Lời tựa đến hơn một ngàn chữ, ý nghĩa chấp nhận được, nhưng văn từ chẳng thông suốt, Quang vốn muốn phát huy những ý chỉ chưa được thông suốt của Liễu Phàm Tứ Huấn, ý nghĩa bị ngôn từ gây trở ngại nên rốt cuộc chưa được nêu tỏ, nhưng đặt bài tựa ấy nơi đầu sách cũng có cái lợi nhỏ là có thể dùng để tham khảo, làm chứng lẫn nhau.

Lại nữa, cái chí muốn được thấy Phật trong hiện tại có thể nói là chân thiết, nhưng sự này há phải dễ dàng! Nên lấy *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* để cầu nhất tâm bất loạn làm điều chánh yếu quyết định. Trước khi chưa được nhất tâm, trọn chẳng nên manh nha ý niệm thấy Phật. Hễ được nhất tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, không thấy cũng không trở ngại gì! Nếu muốn gấp thấy Phật, tâm niệm lăng xăng, cái ý niệm muốn thấy Phật cố kết trong bụng dạ, trở thành căn bệnh lớn cho việc tu hành. Lâu ngày, oan gia nhiều đời nương theo cái tình tưởng vọng động ấy hiện thành thân Phật hầu báo túc oán. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn thể là khí phận ma. Hễ thấy bèn sanh hoan hỷ, từ đấy ma nhập vào tâm tạng, bị ma dựa phát cuồng. Dẫu có Phật sống cũng chẳng biết làm sao được!

Chỉ nên nhất tâm, nào cần phải tính sẵn có thấy Phật hay không? Nhất tâm rồi sẽ tự biết tốt - xấu! Khi không thấy đã tăng tiến công phu, thì khi được thấy, lại càng phải lắng lòng chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ có lợi ích thắng tấn. Người thế gian không hiểu lý, vừa có chút tu trì đã ôm lòng mong mỏi quá phận. Ví như mài gương, nếu hết bụi nhơ quang minh quyết định tỏa lộ chiếu trời soi đất. Nếu chẳng tận lực mài gương, chỉ mong gương tỏa sáng, toàn thể gương là cấu uế thì nếu có quang minh cũng chỉ là ánh sáng quỷ quái, chứ không phải là ánh sáng của gương. Quang sợ ông không khéo dụng tâm đến nỗi tự mình đánh mất lợi lành, lui sụt tín tâm của người khác, nên mới viết thêm. Ngài Vĩnh Minh nói: *"Chỉ được thấy Di Đà, lo gì không khai ngộ"*. Nay tôi cũng bắt chước nối đuôi rằng: *"Chỉ cầu tâm bất loạn, chẳng kể thấy, không thấy!"* Biết vậy hãy dốc sức nơi đạo tâm hợp với Phật vậy!

53. Thư trả lời sư Hoằng Nhất

Nhận được thư biết Sư phát đại Bồ Đề tâm, thề chứng Niệm Phật tam-muội, định kỳ yểm quan hầu thỏa đại nguyện ấy. Quang đọc xong khôn ngăn hoan hỷ, còn như Sư xin lời huấn thị tối hậu, Quang nào dám nhận, nhưng há chẳng nên đem hết lòng ngu thành của mình dâng lên hay sao? Tuy đã biết tọa hạ dùng cách nói ràng buộc ấy, nhưng bằng hữu qua lại, giàu - nghèo đều trọn phận, không riêng gì trí hay ngu đều chẳng như thế! Chỉ tận tấm lòng ngu thành mà thôi, chẳng kể người khác có dùng được hay không!

Trộm thưa: Tâm ấy của tọa hạ thuộc tâm chẳng thể nghĩ bàn, nhưng trong lúc bế quan dụng công nên lấy chuyên tinh bất nhị làm chánh. Nếu tâm thật sự chuyên nhất sẽ tự có cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Lúc chưa được nhất tâm, chớ nên vọng động cầu được cảm thông trước. Nhất tâm rồi quyết định có cảm thông. Cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Đó gọi là gương sáng đặt trên đài gặp hình liền hiện bóng, hình tự lăng xăng, can chi đến mình! Chưa nhất tâm mà cầu cảm thông thì cái tâm cầu cảm thông ấy bèn trở thành đại chướng bậc nhất cho việc tu đạo. Huống chi vọng động mong mỏi chuyện phi thường rất có thể khiến cho ma sự khởi, phá hoại tịnh tâm. Ngài Đại Thế Chí nói: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất"*. Dám vì tọa hạ trình bày!

54. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tích Âm ở Vô Tích

Cư sĩ vô ngã, thích được rèn giũa, nhưng mắc lỗi hiểu lầm ý Quang, nên đầu thư gọi Quang là "sư tôn", không dùng bốn chữ "Ấn Quang pháp sư" khiến cho Ấn Quang và bản thân cư sĩ đều bất an. Ấn Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo, xưng là "pháp sư" thì đã quá phận cùng cực rồi! Dẫu là xưng hô chung chung thông thường cũng chẳng thể không gọi như vậy. Nếu như không gọi tên, lại gọi là "sư tôn" thì quả thật đã mất đi cái đạo chánh danh giao hữu vậy; lần sau chớ dùng cách xưng hô sáo rỗng ấy. Còn như ký tên, cổ kim thông dụng, phàm với những người ngang hàng đều nên ghi như thế, chứ không phải chỉ đối trước bậc đáng tôn trọng mới dùng từ ngữ *"hòa nam*[167] *đảnh lễ"* v.v… Nay lễ giáo bị tước bỏ, phàm người nghiên cứu học Phật gởi thư cho tri thức đa phần hay dùng những câu như *"chắp mười ngón tay kính cẩn thưa lên",* nhưng chẳng chịu kém cạnh tí nào.

Vua Vũ lạy và nhận lời nói hay, Tử Hạ mù mắt oán trời, bị Tăng Tử quở trách, còn quăng gậy lễ tạ. Người ngang hàng với mình có một lời dạy dỗ mình,

[167] Hòa nam (Vandana): có nghĩa là kính lễ, đảnh lễ.

đều phải cúi mình lễ tạ. Như nay đi tới chỗ ngõ rẽ, không thể quyết đoán [nên đi đường nào], muốn hỏi người ta còn phải chắp tay, huống chi muốn được giúp đỡ về đại sự liễu sanh tử lại dùng cung cách chào nhau ngoài đường để tiếp nhận thì là khinh pháp vậy! Khinh pháp sẽ chẳng thể được lợi ích thật sự nơi pháp. Xưa kia, Cổ Linh Tán thiền sư sau khi đại ngộ, muốn báo ân thầy thế độ bèn nhiều phen khơi gợi. Thầy Ngài lấy làm lạ, bảo hãy vì mình tuyên nói, Ngài bảo: "Nên bày pháp tọa", bảo thầy đón mình lên tòa lễ bái, rồi mới nói sau. Thầy Ngài tuân theo, ngay trong lúc Ngài đang nói, vị thầy ấy bèn đại ngộ. Nếu Cổ Linh chẳng trọng pháp như thế, và vị thầy chẳng trọng người đắc pháp như thế, đừng bảo là không nói, dù có nói cũng chỉ là tri kiến văn tự mà thôi, quyết chẳng thể ngay trong một lời bèn minh bạch bổn tâm.

Sách Luận Ngữ nói: *"Chẳng hạ thấp hơn người khác thật sâu, chẳng được lẽ chân"*. Như Lai diệt độ, chỉ còn kinh tượng tồn tại. Nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v… là Phật thật sẽ diệt được nghiệp chướng, phá phiền hoặc, chứng tam-muội xuất sanh tử. Nếu coi là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v... thì chỉ là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ mà thôi; khinh nhờn đất, gỗ, vàng, sơn vẽ thì không mắc lỗi gì. Nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng sơn vẽ thì tội ngập trời. Đọc tụng kinh Phật, lời Tổ phải nghĩ Phật, Tổ đang hiện diện đích thân nói cho chúng ta, chẳng dám manh nha ý niệm lười nhác, coi thường. Tôi nói người làm được như thế ắt được vãng sanh, cao đăng phẩm vị, chứng ngộ triệt để Nhất Chân. Nếu không, bèn là đùa cợt với pháp môn, được lợi ích bất quá là thấy nhiều, biết nhiều, nói trơn tru, chẳng được thọ dụng thật sự mảy may gì, chỉ thành chuyện nghe lỏm nói mò!

Đối với Tam Bảo, cổ nhân luôn giữ lòng kính trọng thật sự, chẳng phù phiếm bàn xuông! Người bây giờ ngay một chữ "khuất" còn không nói được, huống gì thực hành? Xưa kia, Thanh Thế Tổ Chương Hoàng Đế (Thuận Trị) bái ngài Ngọc Lâm Thông Tú[168] thiền sư làm thầy, còn muốn xin được đặt cho một pháp danh. Ngài Thông Tú nói: "Đế vương cần gì phải dùng đến thứ này!" Vua không chịu, xin được đặt cho một cái tên xấu xí. Ngọc Lâm liền viết hơn mười chữ xấu xí cho nhà vua tự chọn, vua bèn chọn lấy chữ Si. Thiền phái ấy

[168] Ngọc Lâm Thông Tú (1614-1675): Người Thường Châu, tỉnh Giang Tô. Năm 19 tuổi xuất gia thọ Cụ Túc Giới với ngài Khánh Sơn Viên Tu (thuộc dòng pháp Long Trì Huyễn Hữu. Ngài Viên Tu còn được gọi gọi là Thiên Ẩn Viên Tu) thuộc tông Lâm Tế. Sau khi ngài Thiên Ẩn Tu viên tịch, bèn được kế thừa pháp tịch, trụ trì chùa Báo Ân ở Vũ Khang, tỉnh Chiết Giang. Năm Thuận Trị 15 (1658), vâng chiếu vào cung, hoằng dương đại pháp tại Vạn Thiện Điện. Không lâu sau, Ngài lui về núi, lưu đệ tử là Hành Sâm ở lại hoằng pháp nơi Bắc Kinh. Năm Thuận Trị 17, vua thọ giới Bồ Tát, đặc biệt yêu cầu ngài Ngọc Lâm làm bổn sư truyền giới, ban hiệu Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư. Khi giảng pháp trong cung, Sư có soạn một thiên sách gọi là Khách Vấn. Đại học sĩ Kim Chi Tuấn phụng chiếu viết lời bình chú và viết lời tựa để lưu hành. Về già, Sư sáng lập chùa Thiền Nguyên tại núi Tây Thiên Mục thuộc Chiết Giang, thường trụ nơi đó. Ngài thị tịch vào ngày mồng Mười tháng Tám năm Khang Hy 14 (1675) tại am Từ Vân ở Hoài An, thọ 62 tuổi. Đệ tử nối pháp hơn 20 người, lưu lại Ngữ Lục gồm 12 quyển. Vua Ung Chánh do đọc Ngữ Lục này mà lãnh hội pháp yếu.

đến đời vua là chữ Hành, nên vua có pháp danh là Hành Si. Phàm mỗi khi vua viết thư cho đệ tử ngài Ngọc Lâm đều ký tên là *"pháp đệ Hành Si hòa-nam"*. Khai quốc hoàng đế còn tự khuất mình như thế. Nếu người đời nay suy xét, trước hết phải phạt tội, rồi mới vấn pháp thì mới hợp cách thức. Nếu không, dân thường không còn là dân thường, hoàng đế không còn là hoàng đế!

Đối với Phật học, Quang không đạt được điều gì, như kẻ mù đối trước ngũ sắc, như kẻ điếc nghe ngũ thanh, trọn chẳng biết tiếng như thế nào, màu sắc ra sao! Nhưng đối với phương diện chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, tôi nguyện dốc hết lòng ngu thành, để trọn vẹn cái lợi ích nhỏ nhoi đá nơi núi khác[169]. Đã là tâm giao hãy nên bỏ đi những trò phiền toái.

55. Thư dự định trả lời vị cư sĩ X…

Đính kèm thư của vị cư sĩ ấy:

Bỉ nhân là tín đồ Tịnh Độ, đã quyết định phụng hành, nhưng với hai chữ "nguyện, hạnh" còn phải xin chỉ dạy: Nguyện và hạnh là hai thứ vận dụng riêng biệt hay là phải cùng vận dụng?

1) Nếu bảo là [vận dụng] hai thứ [riêng biệt] thì lúc niệm Phật trước hết phải phát nguyện cầu sanh như bài Thập Niệm Cầu Sanh Văn của ngài Từ Vân rồi mới niệm. Chỉ lúc niệm Phật mới giữ ý chỉ "ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm", tâm và miệng như một, cứ như thế mà niệm mãi. Trong mỗi niệm chỉ giữ ý niệm ấy, cũng chẳng có ý nguyện cầu sanh. Niệm theo cách như thế thì đều vãng sanh thượng phẩm. Đây là chiếu theo lời của Triệt Ngộ thiền sư.

2) Nếu nói phải vận dụng cả Nguyện lẫn Hạnh cùng một lúc thì lúc niệm Phật mỗi tiếng như trẻ nhỏ té xuống nước gấp gáp gọi mẹ đến cứu. Đây là thuyết của ngài Ngọc Phong thiền sư ở Hàng Châu. Lại như Kiên Mật[170] đại sư nói: "Sáu chữ hồng danh trong mỗi một niệm có đủ cả ưa thích và nhàm chán", cũng giống với thuyết của ngài Ngọc Phong[171].

---

[169] Câu này dựa theo thành ngữ *"Dĩ tha sơn thạch công tự kỷ chi ngọc"*: Lấy đá nơi núi khác làm ngọc cho mình.

[170] Kiên Mật: Cao tăng đời Thanh, người huyện Khâm, Huy Châu. Xuất gia năm 28 tuổi, tham học rộng khắp các bậc tông tượng Thiền, Giáo. Đến khi gặp được Liên Trì đại sư, kính mộ vô cùng, thề suốt đời y chỉ hoằng truyền đạo thầy. Ngài tịch năm Khang Hy 17 (1678). Ba ngày trước khi đại sư vãng sanh, mùi hương lạ tràn ngập thất (theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

[171] Ngọc Phong đại sư pháp húy Cổ Côn, người cuối đời Thanh, tự Ngọc Phong, hiệu Luyến Tây, người huyện Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, không rõ sanh vào năm nào, xuất gia năm mười tuổi tại chùa Phổ Ninh, thọ Cụ Túc Giới tại chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, nhân nghe tiếng chuông bèn đại ngộ. Về sau, Sư trụ tại chùa Sùng Phước ở Hàng Châu, đọc bộ Di Đà Viên Trung Sao của đại sư U Khê Truyền Đăng bèn cảm ngộ, tự xưng mình là hậu duệ truyền pháp của ngài U Khê. Sư nghiêm trì giới luật, nhất tâm thệ nguyện cầu vãng sanh. Tự hạn định mỗi ngày trì danh sáu vạn biến, hai thời hồi hướng. Sư cực lực san khắc kinh luận Đại Thừa và những sách đề cao Tịnh Độ. Năm Quang Tự thứ mười lăm (1892), Sư thị hiện có bệnh rồi nhập diệt. Trước tác gồm các bộ: Tịnh Độ Tùy Học (2 quyển), Tịnh Độ Tất Cầu, Liên Tông Tất Độc, Niệm Phật Yếu Ngữ, Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết (bộ này được đưa vào Tục Tạng Kinh), Tịnh Độ Tự Cảnh Lục, Tịnh Độ Thần Châu, Tây Quy

Trong hai thuyết trên, theo thuyết thứ nhất thì trong lúc niệm Phật tợ hồ thiếu ý khẩn thiết, Ngẫu Ích đại sư từng nói: "Cầu sanh Tịnh Độ hoàn toàn dựa vào tín nguyện. Nếu không có tín nguyện dẫu niệm đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa chẳng ướt được như tường bạc vách sắt, cũng không thể được vãng sanh". Như vậy dù có niệm được nhất tâm bất loạn, sợ rằng vẫn chưa được mười phần ổn thỏa, thích đáng! Theo như thuyết thứ hai, lúc niệm Phật có đủ cả hạnh lẫn nguyện, nhưng trong mỗi niệm, trong tâm thường còn chứa một nguyện, e rằng đối với nhất tâm bất loạn chẳng thuần. Gần đây vị sư… ở Hàng Châu cũng lo ngại về chuyện không thể kiêm nguyện và không thể không kiêm nguyện [như tôi]. Ngài Ngọc Phong có thí dụ dụng binh, kẻ mạt học độn căn chưa hiểu rõ rốt ráo, mong bậc cao hiền ắt có lời bàn luận xác đáng để làm bến bờ cho hàng hậu học.

Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chẳng thể được. Các hạ đã dốc chí tu Tịnh nghiệp thì một chữ Tín ắt đã đảm đương trọn vẹn, rốt ráo không nghi. Đối với hai pháp Nguyện và Hạnh vẫn còn có chấp trước hai thứ đối đãi như thế, chẳng thể dung hội quán thông đến nỗi đối với pháp viên dung vô ngại, sanh khởi nhiều chướng ngại, để rồi ánh trăng viên mãn muôn hào quang chiếu khắp của ba vị đại sư Triệt Ngộ, Kiên Mật, Ngẫu Ích chỉ vì một sợi tơ nơi mắt mình bèn thành phân cách. Tiếc thay!

Nay tôi bảo người thật sự niệm Phật thì lúc niệm Phật ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đều toàn thể đầy đủ như con nhớ mẹ, không hề có chuyện gián đoạn và cũng không có ý niệm hồ nghi chẳng tin và chẳng mong thấy mẹ! Ông nói đến chuyện "cùng vận dụng" hay "vận dụng riêng rẽ", cho rằng "hễ có Nguyện thì nhất tâm chẳng thuần". Chúng vốn là một, sao lại trên đầu chồng thêm đầu rồi lo ngại "chẳng thể kiêm" và "chẳng thể không kiêm"? Xem những gì các hạ đã nói và lời bàn luận của vị Tăng nọ quả thật là chưa thể thật sự theo đuổi [Tịnh nghiệp], ấy chính là trước lúc chưa cất bước đã lo bàn cảnh tượng khi về đến nhà. Vì thế, đối với pháp ngôn đối trị phân biệt của cổ nhân nẩy sanh đủ mọi phân biệt. Thử hỏi: *"Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm"*, nếu chẳng khẩn thiết có làm được như thế hay chăng? Không tín nguyện có làm được như vậy hay chăng? Lời của hai vị Triệt Ngộ và Kiên Mật tuy khác nhau, nhưng ý nghĩa thật sự hỗ trợ, hoàn thành lẫn nhau.

Ông nghĩ có chuyện "cùng vận dụng" và "vận dụng riêng rẽ" thì có thể nói là thiếu con mắt chọn lựa pháp. Còn lời ngài Ngẫu Ích nói chính là pháp dược cho hạng dựa dẫm Tông Môn, niệm tự tánh Di Đà, sanh duy tâm Tịnh Độ, và những kẻ chẳng y theo tông chỉ Tịnh Độ để tu, chỉ lấy chuyện "niệm đến nhất tâm bất loạn" làm cùng cực rốt ráo. Sao lại dẫn chuyện ngoài cửa Tịnh tông để so sánh với chuyện chân tu tín nguyện đầy đủ đến nỗi đường lối bị lộn xộn! Đây là nói chung trên mặt Lý.

Hành Nghi, Vĩnh Minh Thiền Sư Niệm Phật Quyết, Niệm Phật Khai Tâm Tụng, Thượng Phẩm Tư Lương v.v…

Nếu luận riêng theo Sự thì sớm tối lúc niệm Phật xong (pháp Thập Niệm buổi sáng thì cũng niệm Phật trước, phát nguyện sau) có thể dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn. Nếu thân tâm rảnh rang nên dùng bài Tân Định Tịnh Độ Văn của Liên Trì đại sư [để hồi hướng]. Bài này ngôn từ lẫn nghĩa lý đều châu đáo, đứng đầu cổ kim. Nên biết: Phát nguyện đọc văn thì phải nương theo văn để phát nguyện, không phải cứ đọc văn hồi hướng một lượt là đã phát nguyện đâu nhé! Ngoại trừ sáng tối phát nguyện ra, trong hết thảy thời chỉ chí thành khẩn thiết niệm Phật là được rồi!

56. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên

Nam Ngũ Đài Sơn, một ngàn ba trăm năm trước đây, Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân tỳ-kheo hàng phục rồng độc ở đó[172], đáng gọi là đạo tràng cổ. Nơi ấy cũng là chỗ bắt nguồn trung hưng Liên Tông của vị tổ Liên Tông thứ tám: Vân Thê Liên Trì đại sư. Thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh, có lão hòa thượng Tánh Thiên Văn Lý ẩn cư trên động Vô Môn của núi này. Sau này, do Ngài vân du đến Hàng Châu, trụ tại Tây Sơn Hoàng Long Am, Liên Trì đại sư ngưỡng mộ đạo phong của Ngài, cùng với phu nhân họ Thang quy y dưới tòa. Không đầy hai, ba năm sau, lại theo Ngài xuất gia. Nếu vị này không có đạo đức lỗi lạc, sao có thể khiến cho đại sư là một bậc quân tử bác học, văn chương lỗi lạc, chú trọng thực tiễn, đức hạnh sung mãn chịu khuất thân dưới tòa, thủy chung y chỉ làm đệ tử? Sau khi đại sư xuất gia, lão nhân lại quay về Quan Trung (Thiểm Tây). Đại sư chí hâm mộ tham học rộng khắp nên không thể theo hầu.

Đạo pháp ở Quan Trung sau thời Càn Long ngày càng suy vi, bậc hiền triết mất đi, sách vở truyện ký bị thất lạc, đến nỗi lời hay hạnh đẹp của lão nhân không được lưu truyền mãi mãi cho hậu thế, đáng cảm thán khôn cùng! Nhưng một vị Tăng từ nơi khác lại có thể khiến cho ngài Liên Trì quy y xuất gia thì có thể hình dung Ngài là người như thế nào! Chuyện này có thể đọc từ bài minh nơi tháp của Liên Trì đại sư trong bộ Vân Thê Pháp Vựng. [Bài kệ truyền dòng của] phái này là:

Tông phước pháp đức nghĩa,
Phổ Hiền hạnh nguyện thâm,
Văn Thù quảng đại trí,
Thành Đẳng Chánh Giác quả[173].

[172] Xin xem bài ký Quán Âm Bồ Tát Ứng Tích Tại Chùa Viên Quang thuộc Nam Ngũ Đài Sơn trong phần Phụ Lục của quyển 4.
[173] Theo sách Phật Tổ Tâm Đăng, đây là bài kệ truyền thừa pháp phái của ngài Khuê Phong Tông Mật thuộc tông Hiền Thủ đời Đường.

Đại sư thuộc hàng chữ Thù, sau đổi thành chữ Châu. Vào thời Hồng Vũ (1368-1398), có một vị cao tăng, vua Hồng Vũ (Minh Thái Tổ) triệu kiến, rất sủng ái, đặc biệt dùng chén ngọc đựng sữa ban cho Sư uống. Nhân đó, Sư làm thơ tạ ơn, có câu:

Nhất trản quỳnh tương lai thù vực,
Cửu trùng ân đức tự thượng phương.
(Một chén quỳnh tương từ xứ lạ,
Phương trên ân đức chín tầng ban)

Vua Hồng Vũ họ Châu[174] liền nghĩ: "Chữ Thù chính là "ngạt châu"[175] (họ Châu xấu xa), Sư có ý mắng ta" liền ra lệnh chém. Chém rồi, mới biết Sư không có ý mạ lỵ vua, nhưng hối cũng không kịp. Đây là do sát nghiệp đời trước cảm thành, lúc nghiệp lực hiện không thể tự chủ được. Sát nghiệp khó tiêu như thế, chẳng kiêng dè ư? Trong các giới của Như Lai đều lấy sát giới làm đầu, lòng từ bi sâu xa rộng lớn đến cùng cực không gì hơn được nữa! Nhưng ngu phu điên đảo, mê hoặc không biết cảm ân, trái lại còn phỉ báng, tất nhiên từ kiếp này sang kiếp khác giết hại lẫn nhau, chẳng đáng buồn ư?

Liên Trì đại sư do nguyên nhân ấy, bỏ bộ Ngạt 歹 trong chữ Thù 殊, thay bằng bộ Y 衣, nên trở thành chữ Châu 袾[176]. Thế gian không xem xét, thường viết sai chữ Châu 袾 với bộ Thị 示, không hiểu nghĩa chữ, tâm khí thô phù, nên mới sai như vậy, khiến cho cái đạo cẩn thận, tế nhị, dứt mầm họa, chánh danh thuận ngôn của đại sư bị mai một, tiếc thay!

Vô Môn Động chính là Tương Tử Động ngày nay, nhớ xưa kia còn có tên là Tương Tử Động, khi lão nhân (tức hòa thượng Tánh Thiên Văn Lý) ngụ ở đó bèn đổi tên là Vô Môn Động. Khi lão nhân mất đi, kẻ tăng người tục vô tri, không biết ý nghĩa chữ Vô Môn, coi chuyện Hàn Tương Tử[177] thành tiên mới là kỳ lạ nên vẫn gọi động ấy là Tương Tử Động. Vì sao biết vậy? Nam Ngũ Đài Sơn không có động lớn để ở được, cũng không có cái động nào tên là Vô Môn cả. Chỉ có Tương Tử Động cao sâu rộng rãi, có thể ở được, lại còn khuất sau núi, dưới vách đá treo, lại rất gần dòng suối thánh, củi nước đều thuận tiện. Địa thế lại còn hướng về phía Nam[178], Đông ấm, Hạ mát. Du khách, tiều phu đều

[174] Minh Thái Tổ tên là Châu Nguyên Chương.
[175] Chữ Thù gồm chữ Ngạt và chữ Châu ghép lại.
[176] Pháp danh của đại sư vốn là Thù Hoằng, nhưng thay bộ Ngạt bằng bộ Y nên thành Châu Hoằng (trong âm Quan Thoại, hai chữ này có âm đọc gần giống nhau). Châu 袾 (bộ Y) là màu đỏ sậm; còn chữ Châu 袾 (bộ Thị) lại có nghĩa là nguyền rủa. Chữ Châu thứ hai nghĩa không đẹp, trong tiếng Tàu âm đọc lại không giống với chữ Thù lắm, nên Tổ mới chê những người viết sai là tâm khí thô phù!
[177] Hàn Tương Tử là một trong bát tiên của Đạo Giáo (những người kia như Lã Động Tân, Hà Tiên Cô, Lý Thiết Quải, Tào Quốc Cữu v.v…), là một nhân vật có thật thời Đường. Ông ta chính là cháu của văn hào Hàn Dũ. Sự tích ông tiên này được chép trong cuốn tiểu thuyết Đông Du Bát Tiên.
[178] Nguyên văn "hướng Dương", phía Nam của núi gọi là Dương.

chẳng đến đó, thật là chỗ tối thắng để tu tập. Từ thời Hàm Phong, Đồng Trị đến nay, binh lửa liên miên, vì thế đã lâu không có ai ở.

Đến đầu triều Quang Tự, các vị Pháp Nhẫn, Dã Khai v.v… chọn ngụ nơi này, đến nay trở thành đại lan-nhã. Đạo do người hoằng, đất do người mà linh, chẳng đáng tin ư? Gọi là Vô Môn vì Đại Sĩ (Quán Thế Âm Bồ Tát) dùng đạo pháp Phổ Môn độ thoát chúng sanh, lão nhân bắt chước Đại Sĩ nên gọi nơi mình ở là Vô Môn, cũng lấy Lăng Già Phật ngữ tâm làm tông, Vô Môn có nghĩa là pháp môn. Phải biết Vô Môn chính là Phổ Môn. Bởi lẽ pháp nào, chuyện nào nếu mê đều sẽ khởi Hoặc tạo nghiệp, còn ngộ thì đều có thể đoạn Hoặc chứng Chân. Vì thế, hai mươi lăm vị thánh giả trong kinh Lăng Nghiêm đối với lục căn, lục trần, lục thức, thất đại mỗi mỗi đều chứng viên thông. Do vậy, không pháp nào không phải là diệu lý Tam Đế[179], mà cũng không pháp nào chẳng khế hợp bí tạng tam đức. Do tất cả đều là môn (cửa vào) nên không cần phải lập riêng một môn, vì thế gọi là Vô Môn.

Cư sĩ may mắn được ở núi này, rất có thể trước kia đã được pháp nhuận của vị sư này thấm đến, hãy nên đem ý này trình bày rõ cùng vị tăng chủ ngôi chùa tranh để ông ta biết rõ chuyện xưa của bậc cao nhân cũng như biết tên gọi chân chánh sâu xa là gì, chẳng nên gọi chốn ấy theo cái danh xuông do ngoại đạo truyền lại đến nỗi cái tên chánh đáng trong nhà Phật bị mất đi.

Nhiếp Thân Nham đỉnh ngọn chót vót, chớn chở, vách núi cao vạn nhận[180], lên tận chót núi nhìn xuống, khôn ngăn run rẩy, sợ hãi, thân tâm run sợ, vọng tưởng tiêu diệt, chánh niệm tỏ ngời, chính là giống như ý câu kinh Lăng Nghiêm: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*". Do thân là tên gọi chung, sáu căn là chia ra từng hạng mục riêng, dùng chung để thâu tóm riêng, nên chỗ này chỉ gọi là Nhiếp Thân mà thôi. Sau này, triết nhân mất đi, sách vở truyện ký bị thất lạc, tản mác, vô tri Tăng tục bèn gọi sai là Xả Thân. Sai lầm truyền mãi, không ai cải chánh, phỉ báng danh sơn không gì bằng vậy! Nếu có Bồ Tát hiện thân khai sơn, lẽ đâu lại đem cái tên hại đạo lầm người để đặt cho ngọn núi ấy?

Lại có gã dân ma, tạo tác ma thuyết, nói Quán Âm xả thân ở đấy nên mới thành đạo quả để lừa dối ngu phu, ngu phụ. Những lời nói vô căn cứ như thế ở huyện Tề Đông[181] (thuộc tỉnh Sơn Đông) làm ô danh Đại Sĩ, làm nhục pháp đạo, chuốc lấy điều tà báng của ngoại đạo, gợi lên những suy nghĩ quỷ quái nơi

[179] Tam Đế: Không, Giả, Trung.
[180] Nhận: Đơn vị đo chiều dài. Đời Châu tám thước là một nhận, tức khoảng 6.48 m.
[181] Tề Đông: Tương truyền, dân vùng này hay đồn nhảm nên những lời nói không căn cứ thường được gọi là "Tề Đông dã nhân chi ngữ".

người ngu, mối hại thật chẳng cạn cợt! Chuyện này cũng giống như ở Phổ Đà, tảng đá Quán Âm Thiếu (Quán Âm dõi nhìn) bị hiểu sai thành Quán Âm Khiêu (Quán Âm nhảy)[182], cùng một loại ma kiến. Thật khiến cho người ta cảm thấy đáng than, đáng hận, đáng buồn, đáng thương xót!

Duyên khởi khai sơn của Nam Ngũ Đài Sơn xưa kia trọn không có căn cứ, năm Quang Tự thứ mười một (1885), Quang ở Đại Đảnh, đích thân hầu hương đèn cho Đại Sĩ. Một ngày nọ xuống núi, đến chùa Tây ở Lưu Thôn (thuộc về hạ viện của Đại Đảnh), thấy vài tấm bia, những chuyện ghi chép trên ấy đều không phải là duyên khởi tối sơ. Trong số ấy có một tấm bia bị nước và chất bẩn phủ kín giống như một miếng đá. Quang lấy gạch cạo, thì ra là tấm bia dựng năm Chí Nguyên thứ bảy (1271) đời Nguyên tường thuật duyên khởi cổ nhất. Nếu Quang không cạo ra, biết đâu kẻ vô tri tăng tục chẳng dùng tấm bia ấy như một tấm đá thì sự tích linh thiêng cứu khổ chẳng thể nghĩ bàn của Đại Sĩ vĩnh viễn bị mai một. Nay may mắn đã mất mà lại khôi phục được, nên tôi vì cư sĩ trình bày cặn kẽ. Kính chép lại lời ghi trên bia để ông giữ xem (phần văn bia được chép vào phần Phụ Lục)

57. Thư hỏi thăm bệnh pháp sư Đế Nhàn

Hạ tuần tháng Hai, nghe Ngài từ Ôn Châu trở về, thân mắc bệnh ngặt, chân tay cử động khó khăn. Đương nhiên, Quang biết Ngài bi tâm sâu nặng, muốn thị hiện ngõ hầu các đệ tử và hết thảy tứ chúng phải sớm nỗ lực tu hành, đừng đợi đến lúc con ma bệnh vào thân sẽ chẳng dễ gì thoát khỏi. Dẫu trực tiếp dùng miệng nói còn e chẳng thân thiết, bèn hiện thân để nói. Có thể nói là đại từ bi sâu xa không chi hơn được nữa! Quang tự thẹn cả pháp lẫn tài đều khuyết, muốn bắt chước bày tỏ tấm lòng ngu thành nhưng không có sức, nên chỉ hỏi qua những người như Căn Kỳ, Căn Nhiên, Căn Vân… Sau nghe Phật Hy nói Ngài bệnh đã lành, nhưng chân không thể đi nhiều được. Tôi cứ nghĩ rằng: Đi thì vẫn đi được, nhưng khó đi ra ngoài mà thôi! Hôm qua, gặp mặt trụ trì Vạn Niên Tự là thầy Liễu Ngộ, hỏi thăm, thầy cho biết: "Ăn cơm, nói năng không khác gì người bình thường, chỉ có tay chân trọn chẳng thể cử động được, muốn ăn uống, tiêu tiểu, nhất nhất phải nhờ người khác châu toàn cho!"

Quang trộm nghĩ tình hình bệnh tật như thế làm sao hoằng pháp cho được, rất có thể khiến cho kẻ hiểu biết nông cạn nói Phật pháp không linh. Bởi lẽ một vị đại pháp sư giảng kinh nổi danh mấy mươi năm trong thiên hạ, thân mắc

[182] Cái sai này đến nay vẫn còn. Nay ở Phổ Đà vẫn còn tảng đá khắc rất to ba chữ Quán Âm Khiêu. Thậm chí người ta còn đặt ra truyền thuyết Quán Âm đại sĩ giành núi Phổ Đà với xà vương, và tảng đá Quán Âm Khiêu là do lúc Bồ Tát từ Cực Lạc trở về nhảy xuống in dấu chân trên tảng đá này.

bệnh ngặt, cầu thầy uống thuốc cũng chẳng thấy lành! Những gì ông ta hay nói: *"Y giáo tu trì chuyển được định nghiệp và thuốc A Già Đà chữa được vạn bệnh"* đều là dối người. Nếu không dối người, vị pháp sư ấy hãy nên y giáo chuyển định nghiệp, ông ta tôn sùng Tịnh Độ sao không lấy danh hiệu Di Đà làm thuốc A Già Đà để uống đi? Lại lúc giảng giải phẩm Phổ Môn Quán Âm Viên Thông không biết bao nhiêu là đạo lý, nào là xưng danh cầu cứu Bồ Tát liền đến. Nếu đã như vậy, sao không buông xuống thân tâm, dốc hết tánh mạng chí tâm niệm Quán Âm Bồ Tát để cầu thân tâm đều được an ổn và được đại giải thoát, đạt được chân viên thông? Quang nghĩ người đời đa phần nghĩ như thế.

Nếu như ngài ngưỡng cầu Đại Sĩ rủ lòng từ khiến cho quý thể được khôi phục, phước huệ cao rạng thì những kẻ tri kiến nông cạn kia sẽ đoạn sạch hồ nghi, tăng trưởng chánh tín, đưa nhau ra khỏi đường tà, vào trong Phật đạo, ngõ hầu lợi khắp mình người không gì chẳng trọn vậy. Ấy quả thật là dùng lòng đại từ bi hiện thân thuyết pháp, lợi ích lớn lao thay! Theo cuốn Quán Âm Trì Nghiệm Ký của Châu Khắc Phục[183] có chép câu chuyện bệnh tật gần giống như bệnh của Ngài, nhân phẩm kẻ ấy kém xa Ngài một trời một vực, kẻ ấy còn được Bồ Tát gia bị khiến cho túc nghiệp nhanh chóng tiêu trừ, cố tật lành ngay! Huống chi Ngài là người bậc nhất trong pháp môn trong hiện tại, pháp đạo hưng suy tùy thuộc vào sự tồn vong của một thân Ngài. Nếu có thể đem những gì Ngài thường ngày giảng cho người khác về phẩm Phổ Môn và toàn bộ tinh thần viên thông của Quán Âm để xưng niệm hồng danh, thường chẳng lìa tâm ấy, sẽ được tiêu túc nghiệp lại được an ổn, khiến những kẻ trước kia đã sanh lòng gièm báng, chê cười Phật pháp chẳng linh đều nương theo quy y tín phụng, chỉ sợ bị tụt hậu!

Năm Tân Tỵ (1641) niên hiệu Sùng Trinh nhà Minh, tại Đồ Huyện, Quan Vu, có một người bại liệt từ Sơn Đông đến, dùng tay thay chân, ăn xin ở chợ, thường bị người ta chán ghét. Kẻ liệt tuy bệnh nhưng tánh tình nóng nảy, bị chửi mắng liền bất bình, nghe nói ở am Đường Kiều có một vị Tăng tu hành tên Thủy Cốc, bèn đến kể lể nỗi niềm khất thực gian nan, thầy Thủy Cốc nói: "Nếu ông có thể phát tâm xuất gia, nương theo đại lực từ bi thì có thể có người thí cho". Người liệt thuận theo, bèn xuống tóc, thọ trai giới, dẫu ăn xin nhưng không ăn mặn, dẫu bị nhục mạ vẫn yên lặng chịu đựng.

Thầy Thủy Cốc lại dạy niệm danh hiệu Quán Thế Âm và trì chú Chuẩn Đề, thọ trì hơn hai năm, vào mùa Thu năm Mậu Tý (1648), chợt mộng thấy một bà lão kêu: "Ngươi đứng lên, đứng lên!" Người liệt nói: "Tôi là người liệt, sao

[183] Châu Khắc Phục là một vị cư sĩ đầu đời Thanh. Cuốn Quán Thế Âm Bồ Tát Kinh Chú Trì Nghiệm Ký được xếp vào Vạn Tục Tạng Kinh.

đứng lên được?" Bà lão dùng tay chỉ vào hai chân, cảm thấy chân thẳng ra không co quắp nữa, sáng ra liền khỏi bệnh liệt, nghiễm nhiên thành một ông Tăng hiên ngang, lẫm liệt, lấy hiệu là Bán Nhai, liền có người cúng dường. Chuyện này trích từ sách Kỷ Cầu của ông Đường Nghi Chi[184].

Quán Âm đại sĩ chuyên lấy việc tầm thanh cứu khổ làm sự nghiệp, từ xưa đến nay, người được cảm ứng lìa khổ não nào chỉ phải trăm ngàn vạn ức, những gì được chép trong truyện tích chỉ là đại lược thấy một hai kẻ trong ức vạn người mà thôi! Lẽ dĩ nhiên, Quang chẳng biết được ý Ngài, cứ ước theo thiển kiến của mình mà luận thì: Để thật sự được an lạc, trọn không khổ não cũng nên cầu Bồ Tát cứu khổ, nêu gương cho đại chúng vậy!

58. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ nhất)

Tọa hạ dũng mãnh, tinh tấn, làm được điều người khác khó thể làm. Lại muốn trích máu chép kinh, có thể nói là "trọng pháp, khinh thân, ắt thỏa được đại nguyện lớn lao!" Tuy vậy, Quang xin tọa hạ trước hết hãy chuyên chú tu Niệm Phật tam-muội, đợi khi nào chứng đắc rồi mới hành pháp sự này. Nếu thoạt đầu đã làm ngay hạnh này e rằng máu thiếu, tinh thần kém, khó lòng xoay trở. Nhập đạo có nhiều cửa, chỉ do chí hướng của mỗi người, trọn không có một pháp nhất định. Cái nhất định là Thành, là Cung Kính. Hai sự này dẫu chư Phật tột cùng đời vị lai xuất thế cũng chẳng thể thay đổi được. Nhưng bọn phàm phu sát đất chúng ta muốn tiêu nghiệp lụy nhanh chóng, mau chứng Vô Sanh lại chẳng dốc sức nơi hai chuyện này thì ví như cây không rễ lại muốn xum xuê, chim không cánh lại muốn bay, há có được chăng?

Nay tôi sẽ đem những điều hay - dở của cách thực hiện và lấy sự chứng nghiệm của tiền nhân để trình bày đại lược một hai điều, ngõ hầu Ngài tùy ý tác pháp: Trích huyết chép kinh có người chỉ dùng máu để chép, có người pha thêm vàng, thêm chất son, hay mực. Chuyện pha vàng chúng ta không đủ sức làm. Hám Sơn đại sư chép kinh được hoàng thái hậu cung cấp giấy và vàng. Chép bằng chữ vàng thì phải dùng giấy màu lam mới nổi chữ, giấy trắng không hiện rõ. Dù là giấy lam chữ vàng vẫn không rõ bằng giấy trắng mực đen và chữ son, Quang từng đã thấy qua. Nếu trộn chung vàng, mực, son v.v… thì chỉ có chút máu để biểu lộ lòng chí thành.

[184] Đường Nghi Chi là một danh sĩ cuối thời Minh, đậu Tiến Sĩ trong niên hiệu Gia Tĩnh. Châu Khắc Phục lấy câu chuyện này từ sách Kỷ Cầu của ông Đường Nghi Chi.

Như ngài Hám Sơn ở am Diệu Đức, núi Ngũ Đài, rạch lưỡi lấy máu pha vàng chép kinh Hoa Nghiêm. Ngài Diệu Phong[185] mỗi ngày khứa lưỡi trích máu hai phần, một phần hòa son để chép kinh Hoa Nghiêm, một phần dành để soạn nghi thức Mông Sơn Thí Thực, thí cho quỷ thần. Ngài Nam Hồ Kỳ thiền sư của Cao Ly thấy cuốn Di Đà Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích muốn lưu thông rộng rãi, bèn khứa lưỡi lấy máu hòa mực chép Yếu Giải để làm bản mẫu khắc in, ngõ hầu sách này lưu thông trọn khắp pháp giới đến tận cùng đời vị lai. Cứ viết một chữ lại lạy ba lạy, nhiễu ba vòng, xưng mười hai tiếng Phật hiệu, có thể nói là thấy biết siêu quần, tu trì tinh chuyên vậy.

Ba vị này khứa lưỡi trích máu chẳng làm cách nào khác cả, máu trích ra bèn hòa ngay với vàng, son, mực để chép ngay; quyết chẳng phải là thuần dùng huyết, pha thêm nước vào. Nếu chuyên dùng máu để viết thì lúc trích máu phải để sẵn chén nhỏ để hứng, dùng kim dài tận lực khuấy để loại gân máu ngõ hầu máu chẳng quánh ngọn bút mới hòng tùy ý biên chép. Nếu chẳng loại những sợi gân máu ra, bút sẽ bị những sợi gân máu bó cứng chẳng thể viết được. Xưa có người trích máu chép Hoa Nghiêm, gân máu ngày ngày tích lại đem đắp thành tượng Phật, cao hơn một tấc.

Thêm nữa, tánh của máu là trong và nhạt, dính giấy liền lan ra, trọn không thành nét bút, mà thành một đốm máu. Giấy ấy trước hết phải dùng phèn trắng xát lên mới có thể dùng được. Giấy bôi phèn xong không thấm, đỡ hao máu, trong những tiệm bán giấy lớn có bán loại này, không cần phải tự chế. Loại giấy này dành cho người vẽ theo lối tỉ mỉ từng nét bút sử dụng. Giấy đã nhúng phèn đặc biệt dầy nặng, lại còn để được lâu. Như giấy vàng đã nhuộm phèn bèn cứng chắc, giấy chưa nhuộm thì khô giòn. Cổ nhân trích huyết từ lưỡi hoặc ngón tay, hoặc cánh tay, hoặc trước ngực không nhất định. Nếu trích trên thân thì từ tim trở xuống trọn chẳng được dùng. Nếu dùng sẽ mắc tội chẳng cạn! Không biết tọa hạ tính chép kinh gì; nếu là bộ kinh nhỏ thì máu nơi lưỡi cũng đủ dùng. Nếu là bộ kinh lớn và dùng thuần máu để chép e rằng máu nơi lưỡi khó đủ! Phải dùng máu nơi ngón tay và cánh tay mới hòng đủ được. Do lưỡi là chót ngọn của tim, nếu lấy máu quá nhiều sợ rằng tâm lực bị tổn thương, khó thể tấn tu.

Quang thấy những người trích máu chép kinh gần đây đúng là tạo nghiệp, trọn chẳng cung kính. Mỗi lần trích máu quá nhiều, nhằm tiết Xuân, tiết Thu,

[185] Diệu Phong: Cao tăng đời Minh, tên Phước Đăng, quê ở Bình Dương, Sơn Tây. Ngài sanh ra có hình dáng lạ lùng, môi hớt, răng vẩu, mũi huếch, hầu lộ. Năm bảy tuổi mồ côi phải đi chăn dê cho người khác. Năm 12 tuổi, xin xuất gia tại một ngôi chùa gần nhà, bị Tăng chúng ngược đãi quá mức phải bỏ đi ăn xin ngoài chợ, đêm ngủ tại Văn Xương Các do Sơn Âm Vương dựng. Sư xin vị trụ trì chùa Vạn Cố là Lãng Công cho ở nhờ. Một ngày nọ, Sơn Bình Vương trông thấy, bảo Lãng Công: *"Đứa nhỏ này ngũ quan đều lộ, nhưng thần thí ngưng đọng, xương cứng, sau này sẽ thành bậc đại pháp khí, nên thâu làm đồ chúng"*. Vương tu bổ Thê Nham lan nhã ở Điều sơn, dạy Sư bế quan ở đó chuyên tu Thiền quán. Về sau, Sư trụ tại Thanh Lương thuộc Ngũ Đài.

hai ba ngày sau bèn trở mùi, mùa Hạ chỉ nửa ngày là hôi, cứ dùng để chép. Lại có kẻ còn đem máu phơi khô, mỗi lúc chép dùng nước hòa máu khô để viết. Lại còn chép nguệch ngoạc, chẳng cung kính mảy may, đúng là trò đùa trẻ nít, chẳng phải là dùng máu để biểu lộ chí thành, mà là dùng máu chép kinh hòng chuốc cái danh chân tâm tu hành. Tôi trộm nghĩ: Máu nơi ngón tay, máu nơi lưỡi, mỗi lần chẳng được trích quá nhiều. Nếu ở cánh tay, mỗi lần trích máu có thể hứng chừng nửa chén. Còn như máu đã hôi vẫn dùng và máu phơi khô nghiền ra dùng thì chẳng bằng lúc ban đầu hòa huyết với son làm thành thỏi, phơi khô để dùng, vừa không phí máu, lại chẳng bị máu hôi làm ô uế kinh, tiện lợi đôi bề! Nhưng thỏi son máu này không có chất keo, sợ lâu ngày son sẽ rã ra, lúc trộn nên trộn thêm Bạch Cập[186] để khỏi bị rã. Thêm nữa, nếu sắp trích huyết thì trước đó mấy ngày nên bớt ăn muối và những thứ nêm nhiều gia vị. Nếu không kiêng những thứ đó trước thì máu sẽ tanh tưởi; nếu kiêng những thứ ấy máu sẽ không có mùi tanh.

Vả nữa, chép kinh chẳng giống như viết bình[187] cốt sao diễn đạt được cái thần, [viết bình] không cần phải tề chỉnh, nắn nót. Nếu viết kinh hãy nên như chàng tiến sĩ viết bài văn sách, mỗi một nét bút chẳng được cẩu thả, viết tắt. Kiểu chữ dùng phải tuân theo thể loại chánh thức. Nếu tọa hạ dùng kiểu chữ viết trát thì không thể được! Xưa nay, người ta đa số dùng lối Hành Thư, Thảo Thư để viết kinh, Quang trọn chẳng tán thành. Bởi lẽ, thầy Khoan Huệ ở Dương Châu phát tâm chép kinh Hoa Nghiêm, đã chép được hơn sáu mươi quyển, nét bút luông tuồng. Người biết đẹp - xấu trọn chẳng muốn xem. Quang cực lực chê trách, bảo mỗi một nét bút, mỗi một vạch phải cung, phải kính, lại còn bảo thầy ấy viết bài ký trách lỗi để nêu lỗi mình hòng giãi bày cùng người đọc. Ông ta nhờ Quang viết giùm, nên tôi chép thêm vào trong cuốn Văn Sao dở tệ này. Muốn dùng cách [chép kinh] này để đoạn phiền hoặc, liễu sanh tử, độ chúng sanh, thành Phật đạo, há có nên biến thành trò đùa ư?

Trong thời đại này, người đàm huyền thuyết diệu không thiếu! Nếu từ đây mà kiểm điểm thì lại càng thưa thớt. Ông Vưu gởi thơ đến, lời lẽ khá khiêm cung, Quang phúc đáp xong, lại gởi thơ cảm tạ, có thể gọi là hạng có lòng tin sốt sắng; tuy thế còn mang tri kiến xã hội, chưa thể ở trong Phật pháp lắng lòng thật sự cầu được lợi ích. Vì sao thấy thế? Như nay có người đi đường, không biết đường phía trước, muốn hỏi người, còn phải chắp tay. Trong hai lá thư gởi đến, phần ký tên, ông Vưu chỉ viết là *"hợp thập"* (chắp mười ngón tay); vậy là pháp liễu sanh tử chỉ bằng với người đi đường [hỏi đường] thôi ư? Viết thư còn

[186] Bạch Cập (Hyacinth Bletilla): là một loại thảo mộc thuộc họ Lan, có tên khoa học là Bletilla Striata, rễ nó thường được dùng làm chất cầm máu trong Đông Y.

[187] Viết bình hay đề bình: Lối viết chữ đề trên bình phong, trên quạt hoặc trên những mảnh giấy dài rộng để phô diễn tài thư pháp.

chưa thấy khuất mình, làm sao chịu tự khuất để lễ Tăng cho được? Quang và tọa hạ là bạn tâm giao, mà cũng là bạn tâm giao của ông Vưu, không phải là trách ông ta ngạo mạn mà chỉ là thật sự mong ông ta được lợi ích đó thôi!

59. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ hai)

Nhận được thư, dạng chữ khéo, chỉnh, có thể y theo đó để chép kinh. Phàm chép kinh là muốn chuyển cái tâm thức phàm phu thành trí huệ Như Lai, giống như chàng tân tiến sĩ vào trường thi trong đền vua, phải nghiêm cung, dè dặt, không giải đãi, coi thường chút nào. Làm được như thế ắt mới có thể biến cái tâm nghiệp thức thành Như Lai Tạng, mới hòng đậu Trạng Nguyên trong trường thi tuyển Phật. Người hiện thời chép kinh, mặc tình ngoáy bút, không phải là chép kinh mà chỉ là nhờ vào việc này để luyện chữ, cũng như muốn lưu lại bút tích cho hậu thế mà thôi! Chép kinh như vậy không phải là hoàn toàn vô ích, bất quá chỉ thành cái nhân đắc độ trong vị lai, nhưng cái tội khinh nhờn cũng chẳng cạn nhỏ!

Tọa hạ gởi thư cho Vưu cư sĩ, mấy hôm trước ông ta cũng gởi thư đến, ông ta nghĩ Quang là hạng người chỉ muốn được người khác cung kính, nên vừa mở đầu thư đã xưng Quang là "sư tôn", không dùng bốn chữ "Ấn Quang pháp sư" nữa! Quang đã trình bày cặn kẽ duyên do. Đầu thư của tọa hạ cũng nên dùng hai chữ "Ấn Quang", chẳng nên quá khiêm hư kẻo trở thành khách sáo như thế tục. Như cổ nhân nếu có người ngang hàng với mình dạy cho mình một lời đều làm lễ cảm tạ, ấy là lễ nghi thông thường bất luận Tăng, tục. Nay lễ giáo sa sút, vì thế thường hay tập thành thói quen ngã mạn, tự đại. Dẫu học một tài, một nghề khéo mà không chịu ở dưới người khác còn là chuyện chẳng nên, huống chi học đạo vô thượng Bồ Đề! Đây chính là tấm lòng thành ngu muội dùng đá nơi núi khác làm ngọc cho chính mình của Quang. Chuyện trích máu chép kinh xin hãy thư thả, trước hết hãy lấy chuyện nhất tâm niệm Phật làm trọng, e rằng huyết hao thần suy, đâm ra thành chướng ngại. Thân có an thì đạo mới tăng tấn. Trong địa vị phàm phu, chẳng được học đòi khổ hạnh của địa vị Pháp Thân đại sĩ, như vậy mới có hiệu quả. Hễ được nhất tâm thì pháp nào cũng đều viên dung!

60. Thư trả lời cư sĩ Uông Mộng Tùng

Hôm qua nhận được thư, phô trọn nỗi lòng. Tuy chưa gặp mặt đã thấu lòng nhau. Quang chỉ là một ông Tăng dở tệ, chẳng có một mảy gì tốt đẹp, chẳng qua những gì tôi nói ra chỉ là dựa trên bổn phận của chính mình, chẳng dám nói chuyện lớn lao vượt quá sức mình, lừa mình, bịp người. Cư sĩ Úy Như do thấy

ý kiến của tôi phù hợp với mình bèn đem [những thư từ của tôi] nhiều lần in ra lưu truyền đến nỗi mùi [thức ăn] thừa cặn chua hôi nhức tai gai mắt khắp mọi người. Không ngờ các hạ chẳng cho đó là chua hôi đáng vứt bỏ, lại còn đề cao, khôn ngăn người ta thẹn thùng không biết ẩn vào đâu! Qua một lá thư này, biết được đức và lỗi của các hạ, chẳng nề hà Quang vô tri, cứ xin Quang nói cho một vài điều đại lược.

Chán ghét nhà Nho mượn kinh truyện thánh hiền để dối đời trộm danh, chán kẻ học Phật mượn cớ phổ độ chúng sanh để lừa gạt tiền tài. Ông mang ý chí mạnh mẽ chẳng ngơi ấy, ắt có thể chánh tâm thành ý, trở thành bậc chân Nho, đoạn Hoặc chứng Chân, thành người học Phật thật sự. Cái tâm chán ghét càng khẩn thiết thì cái tâm tu hành càng đắc lực. Cái tâm tu hành càng đắc lực thì lợi ích chứng đắc càng lớn lao. Cái đức ấy quả thật có thể kế tục người xưa, mở đường cho hàng hậu lai. Nếu chỉ biết chán nhưng không chịu theo đuổi thì chỉ thành chí khí, tiết tháo của một kẻ ngay thẳng yếm thế ghét đời. Có thể nói là chẳng khéo dùng lòng ghét, đức trở thành lỗi vậy! Dường như các hạ một dạ ôm lòng chán ghét, nay hãy chuyển mình nơi lòng chán ghét ấy, hoàn toàn biến khuyết điểm thành đức thì với tâm pháp của Nho và Phật ắt sẽ nhân đó tự đạt được.

Dám vì các hạ tính sẵn: Muốn làm một Phật tử chân thật, trước hết phải thành một nhà Nho chân thật đã! Nếu chẳng đôn đốc, tu dưỡng nơi chánh tâm thành ý, khắc kỷ, giữ lễ, trọng lòng kính, giữ lòng thành, hiếu thuận [với cha mẹ], yêu thương anh em, bè bạn, cung kính v.v… thì căn cơ chẳng vững, làm sao học Phật cho được! Tuyển trung thần từ nơi hiếu tử, lẽ nào kẻ hành vi trái nghịch Nho đạo lại có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai, trên tiếp nối huệ mạng, dưới hóa độ chúng sanh ư? Phật pháp không gì to lớn chẳng bao hàm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Thế gian, xuất thế gian không pháp nào chẳng thuộc phạm vi Phật pháp. Những kẻ nông nổi trong đời thường cho xuất gia làm Tăng là trái luân lý, đã chẳng suy nghĩ đến nơi đến chốn, trái lại còn hủy báng thêm, như kẻ mắc nghẹn bèn bỏ ăn, tự mất tánh mạng, thật đáng thương xót!

Nếu có thể mở rộng tầm mắt, mới hay Phật pháp lưu truyền khắp trong nước, ngoài nước, hai ngàn năm qua, đạo pháp thạnh hành, được không biết bao nhiêu vua thánh tôi hiền, bậc kiệt sĩ vĩ nhân hộ trì truyền bá, cố nhiên trong ấy phải có cái đạo chân thật mà phàm tình chẳng thể suy lường được! Dẫu có một hai nhà Nho nông cạn chê trách, hoặc vua bạo ác hủy diệt, rốt cuộc một tay không bịt nổi mặt trời, ngửa mặt nhổ lên trời càng lộ rõ cái lỗi thấy nghe kém ít, làm càn, làm bậy của chính họ, chứ rốt cuộc có tổn hại gì đến Phật đâu! Lại có kẻ bề ngoài ra vẻ chê trách, bác bỏ, nhưng bên trong lại thật sự tu chứng. Từ đời Tống trở đi, phàm những tay cự phách trong làng Nho không ai chẳng vậy.

Như Quang nói: *"Thành ý chánh tâm do vậy bị khiếm khuyết"* quả thật là lời bàn luận quyết định vậy!

Các hạ túc căn sâu dầy, nên từ trong lòng chán lại mong cầu được cái chân thật, chẳng nề hà cầu tìm cho được lối vào nơi Quang là hạng không ra gì. Nhưng cái học của Quang khác nào con muỗi uống nước biển cả, chỉ biết no bụng, chẳng suy lường nổi sự sâu rộng của biển. Nếu muốn làm bậc đại thông gia, phải từ đường lối chung học Phật mà luận. Khởi Tín Luận, Lăng Nghiêm kinh là thiết yếu nhất, nên chuyên chú dụng công nơi chúng để làm cái gốc tự lợi, lợi người, thượng cầu, hạ hóa. Nhưng đạo lý rộng sâu, chỉ hoàn toàn thông suốt đã chẳng dễ gì, huống gì là do thông suốt bèn tự chứng! Những kinh luận Đại Thừa khác đều nên nghiên cứu, nhưng pháp môn vô lượng, ắt phải lấy hai pháp Thiền và Tịnh làm gốc. Như thế thì tự mình có thể hoằng dương pháp hóa, dẫn dắt lợi lạc chúng sanh. Nếu không phải là bậc thiên tư cao tột, thật khó thể đạt được lợi ích lớn lao!

Nếu muốn tùy phận, tùy sức tu trì, liễu sanh tử ngay trong đời này thì nên chuyên chú vào một môn Tịnh Độ. Dùng lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận công phu sâu hay cạn, không ai lúc lâm chung không được toại nguyện. Pháp này chính là do Như Lai vì chúng sanh đời Mạt không đủ sức đoạn Hoặc, chẳng thể liễu sanh tử bèn đặc biệt lập ra một pháp quyết định liễu thoát vậy! Nếu Phật chẳng mở ra pháp này thì kẻ không sức đoạn Hoặc đều chẳng có hy vọng gì liễu thoát sanh tử! May mắn sao gặp được pháp này, dẫu không phải là kẻ căn cơ lớn lao tự đoạn được Hoặc vẫn đới nghiệp vãng sanh mau thoát sanh tử, nào còn thiếu sót, tiếc nuối gì? Một pháp này thống nhiếp hết thảy, người tự đoạn được Hoặc, tự liễu sanh tử, còn nên hồi tâm hướng về mới mau chứng được địa vị Phật. Chớ bảo pháp này là pháp thiển cận dành cho hạng ngu phu, ngu phụ tu tập, sẽ tự đánh mất lợi ích. Hãy nên xem trong bộ Văn Sao của Quang cũng có trình bày đại lược một hai điều, nay không nhắc lại nữa.

Muốn niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải biết nhân hiểu quả, những gì thân làm, những gì tâm nghĩ phải hợp với Phật. Nếu trái nghịch Phật, dù có niệm Phật cũng khó vãng sanh! Đó là vì đạo cảm ứng chẳng tương giao! Nếu có thể sanh lòng hổ thẹn, sợ hãi lớn lao, sửa lỗi như trừ ghẻ độc, lập chí như giữ bạch ngọc thì vạn người không sót một ai, ai nấy đều được vãng sanh. Ý này trong bộ Văn Sao của Quang và các sách Tịnh Độ đều đã trình bày cặn kẽ nên chẳng cần phải nhiều lời.

61. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu

Nhận được thư, biết tấm lòng mộ đạo của cư sĩ cực kỳ khẩn thiết, an ủi khôn cùng! Nhưng do phải giảo định An Sĩ Toàn Thư và bận rộn nhiều việc, chẳng rảnh phúc đáp, nên mới lần chần đến bây giờ. Tâm tham - sân - si ai nấy đều có. Nếu biết đấy là bệnh thì thế lực của chúng khó thể lừng lẫy. Ví như kẻ giặc vào nhà người ta, nếu chủ nhân coi nó là người nhà thì toàn bộ những thứ quý báu trong nhà đều bị nó lấy trộm hết sạch. Nếu biết nó là giặc, chẳng cho nó lưu lại trong nhà mình một khắc, phải đuổi nó đi xa cho khuất mắt, ngõ hầu của cải chẳng bị mất mát, chủ nhân mới yên dạ. Cổ đức nói: *"Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm"*. Tham - sân - si vừa khởi nhận biết liền thì ngay lúc ấy chúng sẽ bị tiêu diệt. Nếu coi tham - sân - si là chủ nhân chánh thức của nhà mình thì cũng như nhận giặc làm con, của cải quý báu trong nhà ắt phải tiêu tán!

Lúc niệm Phật chẳng thể khẩn thiết là vì không biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui vậy! Nếu nghĩ đến thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó gặp gỡ, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp gỡ. Nếu không nhất tâm niệm Phật, một khi hơi thở không hít vào được, chắc chắn sẽ theo ác nghiệp nặng nề nhất trong đời này hay đời trước đọa trong tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu, trọn không có ngày thoát ra. Như vậy chính là *"nghĩ địa ngục khổ, phát tâm Bồ Đề"*. Bồ Đề tâm là tâm địa lợi mình, lợi người. Tâm ấy vừa phát ra giống đồ vật nhiễm điện, như thuốc pha thêm lưu huỳnh, sức chúng rất lớn, lại rất mau chóng. Điều này tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ; không phước đức, thiện căn bình thường nào có thể sánh ví cho được! Bị cảnh giới xoay chuyển là do sức tu dưỡng (tháo trì) còn cạn nên hỷ - nộ còn bị động, xấu - tốt hiện ra mặt. "Tháo trì" có nghĩa là hàm dưỡng vậy! Nếu coi trọng chánh niệm thì hết thảy những thứ khác đều thành nhẹ. Vì vậy, người thật sự tu hành phải giồi mài trong trần lao, ắt phải làm cho phiền não tập khí dần dần tiêu diệt thì mới là công phu thực tại.

Người tại gia không ở trong chúng, mỗi người niệm Phật, ngồi, đứng, đi nhiễu, quỳ đều được cả, nhưng chẳng nên chấp cứng một pháp. Nếu chấp chặt một pháp sẽ dễ bị nhọc nhằn, nhưng tâm khó được tương ứng. Hãy nên châm chước tùy theo sức lực và công phu của mình để chọn hạnh thích hợp. Nếu hành theo cách thông thường thì trước hết nên đi nhiễu, rồi ngồi, rồi quỳ. Đi nhiễu hay quỳ cảm thấy nhọc nhằn thì hãy nên ngồi niệm. Nếu ngồi niệm mà thấy hôn trầm thì hãy nên nhiễu niệm, hoặc đứng niệm. Hết hôn trầm lại ngồi niệm. Nên dựa theo giờ, chẳng nên lần chuỗi vì lần chuỗi sẽ khó dưỡng tâm.

An Sĩ Toàn Thư quả thật là hướng dẫn tốt lành tối thắng trong đời mạt. Cư sĩ Vưu Tích Âm cực lực muốn cho sách này được lưu truyền toàn quốc ngõ hầu mọi người đều mở rộng tầm mắt, nhờ đấy vãn hồi thế đạo nhân tâm, ngừng dứt

thiên tai nhân họa. Nay đã quyên được hơn một vạn bộ, nhưng vẫn còn khó thể rộng lưu truyền. Nay gởi một bản thông cáo và một trang biện pháp, mong các hạ đọc xong, tùy phần tùy sức giúp đỡ, tùy duyên, tùy cơ khuyên lơn. Không đủ sức bỏ tiền của thì dùng lời lẽ khen ngợi khiến người ta phát tâm, cũng là công đức! Cốt sao bọn mê muội nghe tiếng chuông ban mai tỉnh giấc mộng, lũ tham ái thấy nhân quả lòng run sợ! Nếu chuyển được lòng người thiên tai sẽ tự tiêu. Đây thuộc về cái đạo "nguồn trong, gốc chánh", tuy là pháp thiển cận thuộc Thế Đế, nhưng đạt được phương tiện tối thắng của pháp xuất thế sâu xa không thể suy lường. Với những ai tri giao hãy nên khuyến phát. Với người không tin chớ có khuyên ép. Bởi điều này thuộc về kết thiện duyên, nếu miễn cưỡng bèn xen tạp phiền não, dẫu có công lao nhỏ nhoi, nhưng quả thật là lỗi lầm lớn, chưa thể đạt được lợi ích lớn lao, trở ngại cái tâm tự lợi, lợi tha.

62. Thư trả lời ông Ly Ẩn Tẩu

Ngày hôm qua từ chỗ Hải Thi Đạo Nhân ở Gia Hưng chuyển thư các hạ tới, biết ngài dốc sức nơi Đạo học (tu tiên) đã lâu, có sở đắc sâu xa, nay lại muốn hỏi đến ngọn ngành pháp môn Tịnh Độ thành thỉ thành chung trong Phật pháp, có thể nói là đời trước từng gieo thiện căn sâu dầy nơi Phật pháp, không chấp vào kiến giải hẹp hòi của Hà Bá[188], muốn biết những điều trọng yếu nơi biển pháp vậy. Ngài đã biết Hải Thi đạo nhân [189], sao không hỏi ông ta, lại bỏ bậc cao minh tìm người hèn tệ, đến nỗi phụ lòng mong mỏi. Ông Hải Thi thông suốt cả Tông lẫn Giáo, Thiền - Tịnh song tu, quả thật là thuyền đại nguyện trong biển sanh tử; nhưng do khiêm tốn quá mức nên lấy tên là Thi (xác chết). Nếu trong biển sanh tử gặp được cái xác ấy bảo đảm mau lên được bờ kia, về nhà ngồi yên vậy. Còn Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết đến cơm

[188] Hà Bá: Họ Mã, tên Di, còn có tên khác là Băng Di. Do qua sông chết đuối nên được Thượng Đế phong làm thần sông. Thiên Thu Thủy của sách Trang Tử có câu: *"Hà Bá vui sướng vô ngần, cho mọi vẻ đẹp trong thiên hạ đều thuộc về mình"*. Do vậy mới có thành ngữ *"Hà Bá chi câu kiến"* (sự thấy biết câu nệ, hẹp hòi của Hà Bá). Ở đây, Tổ dùng điển tích này với ý nghĩa khiêm nhường, cho cái thấy biết của mình cũng như sự thấy biết của Hà Bá, không thể sánh với sự hiểu biết rộng rãi như biển cả của Hải Thi Đạo Nhân.

[189] Hải Thi Đạo Nhân chính là cư sĩ Phạm Cổ Nông (1881-1951), một nhà nghiên cứu Phật giáo cận đại. Ông có hiệu là Huyễn Am, biệt hiệu là Ký Đông, thường dùng bút danh là Hải Thi Đạo Nhân, quê ở Gia Hưng tỉnh Chiết Giang. Thoạt đầu, ông đã không thích con đường cử nghiệp, không hâm mộ Phật pháp. Sau giao du với các ông Quế Bá Hoa, Lê Đoạn Phủ, bèn chịu ảnh hưởng. Sau ông đọc được bộ Viên Giác Kinh Đại Sớ, tâm vô cùng khâm phục, tự theo đuổi chương trình học Phật do ông Dương Nhân Sơn đề ra, lãnh hội sâu sắc. Năm 1911, nhân nghe giảng kinh A Di Đà, nghiên cứu Đại Thừa Khởi Tín Luận, ông tin tưởng sâu xa pháp môn Tịnh Độ. Năm 1918, quy y, thọ Cụ Túc Giới với Đế Nhàn đại sư, lại thông hiểu giáo nghĩa Thiên Thai. Về sau, ông chuyên giảng kinh hoằng pháp tại Thượng Hải, Hàng Châu, Giang Tô, Dương Châu v.v… Ông cũng thông hiểu sâu xa Duy Thức Tông, thường nói: *"Học lý cao sâu không gì bằng Thành Duy Thức Luận, phương pháp hành trì không gì hơn được Du Già Sư Địa Luận"*. Ông cũng xuất bản các báo Phật Học Bán Nguyệt San, biên tập bộ Phật Học Tiểu Tùng Thư, Phật Học Bách Khoa Tùng Thư, Hải Triều Âm Văn Khố, cũng như chủ trì việc ấn tống Đại Tạng Kinh theo bản đời Tống.

cháo, trong pháp môn chẳng biết được chuyện gì. Ngài đã lầm hỏi đến nên chẳng ngại vì ngài trừ bớt đôi chút nghi nan mà thôi!

Trộm nghĩ cội nguồn Thích, Đạo vốn không hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái quả thật khác xa một trời, một vực. Phật giáo dạy người trước hết phải tu Tứ Niệm Xứ Quán: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết thân, thọ, tâm, pháp đều là huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì diệu tánh Chân Như tự có thể hiển lộ. Đạo giáo nguyên sơ chánh truyền cũng chẳng coi trọng việc "luyện đan, vận khí, chỉ cầu trường sanh bất tử"; hậu thế hễ tu theo Đạo giáo không một ai chẳng coi chuyện đó là chánh tông. Phật giáo không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, chẳng những phát huy trọn vẹn cái đạo thân tâm tánh mạng không còn sót, mà ngay cả những sự nhỏ nhặt thuộc Thế Đế như Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ v.v…không bỏ sót mảy may điều thiện nào. Chỉ có những chuyện luyện đan, vận khí v.v… là tuyệt đối không nhắc đến một chữ, lại còn ngăn cấm nghiêm nhặt. Bởi lẽ một đằng biết thân tâm là huyễn vọng, một đằng lại khư khư thân tâm là chân thật. Cái tâm vừa nói đó chính là cái tâm sanh diệt tùy duyên, không phải là chân tâm vốn có. Một pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, tột bậc là thành tiên sanh lên trời. Nếu bảo là liễu sanh thoát tử khác gì lời nói trong mộng!

Các hạ đã biết kiếp tiên có số, Phật thọ vô lượng, thì ngay trong lúc cao niên này đúng là lúc nên tu pháp môn Niệm Phật, chuyên tinh dốc sức, còn các pháp Thiền, Giáo khác hãy nên giản lược. Bởi lẽ các pháp ấy rộng lớn sâu xa, chẳng dễ nghiên cứu đến cùng tột. Dẫu cho đạt đến chỗ cùng cực, vẫn phải nên quy hướng, đề cao pháp môn Tịnh Độ mới hòng rốt ráo thành tựu được. Phàm với kinh luận Tịnh Độ hãy nên gấp gáp nghiên cứu đến cùng, y giáo phụng hành, chẳng nên vì mình không hiểu bèn sanh chút niệm nghi tâm. Ngửa tin lời thành thật của Phật, Tổ, sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật, sẽ tự được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Hễ được vãng sanh sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, hầu cận Di Đà dài lâu, theo gót hải chúng, rồi sẽ chứng ngộ triệt để Vô Sanh, mau đạt lên Bổ Xứ. Nhìn lại những chuyện thành tiên bị Thiên Đế cai quản, cách xa một trời, một vực!

Những lời các hạ dẫn từ Mộng Đông Ngữ Lục và lời ông Bành Thiệu Thăng tựa hồ đều đã bị bọn luyện đan sao chép sửa đổi xằng bậy, không phải là những lời trích từ tác phẩm gốc. Bởi lẽ, trong số những người luyện đan cũng có kẻ coi tịnh tọa là tham Thiền nên nói *"niệm Phật và tham Thiền giống nhau, hơi khác một chút với pháp Đạo giáo". Câu "hơi khác một chút với pháp Đạo Giáo"* là do bọn luyện đan thêm vào. Bỏ câu ấy ra, những đoạn văn trước và sau đó tuy ý nghĩa không sai lầm lớn, nhưng cũng lủng củng, mập mờ. Mộng Đông Ngữ Lục trọn chẳng có đoạn văn ấy. Bọn họ sao lục lấy ý nghĩa ấy,

nhưng quả thật chẳng hiểu duyên do, nhưng vẫn cứ sao lục. Nay tôi cũng không cần phải biện luận cặn kẽ, mong ngài hãy lắng lòng xem Mộng Đông Ngữ Lục ắt sẽ tự biết.

Còn như lời cư sĩ Bành Nhị Lâm đã được trích dẫn cũng giống như trên, sai lạc quá mức! Như nói: *"A Di Đà Phật bốn chữ dễ niệm, chỉ cần niệm niệm tiếp nối nhất tâm bất loạn thì nhất khí mới có thể tuần hoàn, tinh - khí - thần ngưng tụ một chỗ, lâu ngày sẽ thành xá-lợi tử, lại lâu hơn nữa bèn kết thành Bồ Đề châu, bèn thành Phật!"* Lời này biến pháp Niệm Phật thành pháp luyện đan, tuyệt đối Nhị Lâm chẳng nói như vậy! Chánh nhãn chưa mở, kéo chánh thành tà, chuyện như vậy nhiều lắm. Huệ Mạng Kinh, Tiên Phật Hiệp Tông[190] những thứ như vậy càng tệ hơn nữa: Dẫn lời người nhưng chẳng hiểu ý nghĩa, sửa đổi, cắt xén xằng bậy để chứng minh pháp của mình. Cái tội miệt thị lý, vu báng người, dối đời lầm người chẳng thể dùng lời lẽ, bút mực kể hết được! Tham cầu hư danh nhất thời, chẳng sợ họa thật sự bao kiếp dài lâu, Như Lai gọi người như vậy là "kẻ đáng thương xót!"

Còn cái pháp hồi quang phản chiếu như ông nói đó dẫu không gây trở ngại lớn, hai mắt nhìn vào đầu ngón tay chính là "nhìn vào chót mũi" bị ngoa truyền. Có thể cách này do cư sĩ Nhị Lâm lập ra, tuy cũng có ích, nhưng chắp tay một lúc lâu thật rất tốn sức, chẳng an lạc tự tại bằng nhìn xuống ánh sáng trắng nơi chót mũi, thân lẫn tâm đều thảnh thơi. Do sơ tâm tập định, niệm khó thể quy nhất. Nếu có thể thường quán chót mũi thì tâm sẽ chẳng vọng động rong ruổi bên ngoài. Cách này thuộc về pháp quán thiển cận ban đầu. Mộng Đông Ngữ Lục do cư sĩ Tiền Y Am trích lấy những câu nói chuyên dạy về Tịnh Độ từ Mộng Đông Di Tập đem lưu truyền ở phương Nam để thỏa lòng những ai mong đợi đã lâu nhưng không có duyên hội ngộ. Toàn tập ở Bắc Kinh thì có, nhưng phương Nam chỉ có lược bản của Tiền Y Am. Cuốn sách này từ ngữ, nghĩa lý tinh diệu, là trước tác bậc nhất sau thời các vị Ngẫu Ích, Tỉnh Am. Nếu có thể thấu triệt cuốn sách này, tin tưởng chắc chắn không nghi, Quang dám bảo đám búp sen của các hạ sẽ nở tươi trong ao quý, lâm chung gởi thân nơi đó, làm khách quý nơi Tịnh Độ.

Di Đà Yếu Giải là bản chú giải mầu nhiệm từ khi có kinh này đến nay, quả thật là chỉ nam cho người tu Tịnh nghiệp. Cuốn này được chép làm quyển đầu trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Tịnh Độ Thập Yếu là do đại sư trích lấy những trước thuật Tịnh Độ khế lý khế cơ nhất hợp thành bộ này, tổng cộng gồm mười quyển, nên gọi là Thập Yếu. Do Yếu Giải chú thích kinh nên được xếp đầu tiên để tỏ ý tôn trọng kinh.

[190] Huệ Mạng Kinh là tác phẩm của Liễu Hoa Dương, Tiên Phật Hiệp Tông Ngữ Lục là tác phẩm của Ngũ Thủ Dương. Hai người này trộm lấy rất nhiều ý nghĩa trong kinh Phật, diễn giải xuyên tạc để chứng minh cách tu Tiên luyện đan của họ.

Như nói đến Xá Lợi thì đó là tiếng Phạn, Hán dịch là Thân Cốt (xương nơi thân), hoặc Linh Cốt (xương thiêng), do Giới - Định - Huệ của người tu đạt được, chứ không phải do luyện Tinh - Khí - Thần hợp thành. Đây chỉ là biểu thị tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, chẳng phải riêng gì chết rồi đem thiêu, thịt, xương, tóc trên thân biến thành xá-lợi. Xưa có vị cao tăng tắm gội bèn được xá-lợi. Lại còn Tuyết Nham Khâm thiền sư[191] cạo đầu, tóc rớt xuống biến thành một chuỗi xá-lợi. Lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá-lợi. Lại có người khắc bản Long Thư Tịnh Độ Văn, từ trong ván in hiện ra xá-lợi. Lại có người thêu hình Phật, thêu kinh, kim đâm xuống bèn được xá-lợi. Lại có người chết đem thiêu xá-lợi vô số, môn nhân ai nấy đều có. Có một người đi xa chưa về, lúc về, cúng tế trước tượng, cảm khái đau buồn, bèn được xá-lợi ngay trước tượng. Ngày thiêu hóa Trường Khánh Nhàn thiền sư trời nổi cơn gió lớn, khói bay xa ba bốn mươi dặm. Chỗ nào khói lan tới đều có xá-lợi, nhặt gom lại được hơn bốn thạch[192].

Nên biết xá-lợi do đạo lực tạo thành, kẻ luyện đan không biết căn do, đoán bừa là do Tinh - Khí - Thần luyện thành, vì những kẻ luyện đan thấy danh tướng trong nhà Phật, chẳng xét đến nguồn gốc chỉ chấp vào hình tích. Vì thế, đem những chuyện thuộc lãnh vực luyện đan của mình ghép bừa vào. Đắc Bồ Đề đạo là thành Phật, chứ chưa hề nghe nói luyện Tinh - Khí - Thần trước hết thành xá-lợi tử, sau đó thành Bồ Đề châu là thành Phật! Kẻ luyện đan khư khư gìn giữ sắc thân, cho là giữ đến mức cùng cực sẽ thành Phật. Lấy đó làm chứng, người mắt sáng trông thấy chẳng bõ một trận cười. Nhà luyện đan nói đến tánh, nói đến mạng đều là những điều biện luận dựa trên sắc thân, lại nói ngược Phật pháp chỉ biết tu tánh, không biết tu mạng, không biết những điều họ đang theo đuổi đều là những điều bị Phật giáo phá trừ. Quán Tứ Niệm Xứ sẽ tự biết rõ.

Huệ Mạng Kinh là do gã ma dân Liễu Hoa Dương soạn vào đầu đời Thanh. Gã xuất gia làm Tăng, nhưng chủng tánh tà vạy, vì thế gã dùng những điều trích dẫn kinh Phật nhất nhất được hiểu theo ý nghĩ sai lầm của chính gã để chứng minh pháp luyện đan. Chỗ nào bất tiện bèn sửa đổi câu chữ, lại còn tự chú thích, ý mong người khác coi mình là cao nhân bậc nhất từ xưa tới nay. Những kẻ vô tri vô thức bèn khắc in, truyền dạy riêng cho nhau, chỉ sợ người mắt sáng biết đến thì họa ương chẳng nhỏ. Phàm ai xem những loại sách ấy đều là hạng tà - chánh chẳng phân. Nếu người có đủ mắt xem đến sẽ quăng ngay

---

[191] Tuyết Nham Khâm thiền sư là một vị cao Tăng thuộc tông Tào Động. Sư từng nói: *"Sơn tăng xuất gia lúc năm tuổi, được hầu Thượng Nhân, nghe ngài trò chuyện cùng khách, liền biết có sự này, liền tin tưởng đến nơi, bèn học tọa thiền… Nếu luận về sự thực hành thì phải vận dụng công phu, như người đi đường, đi được một hai dặm chỉ nói được những gì thuộc một hai dặm. Đi được ngàn dặm, vạn dặm mới nói những lời ngàn dặm, vạn dặm".*

[192] Thạch: Đơn vị đo dung tích thời xưa. Mỗi thạch là mười đấu, tức một trăm thăng (ta thường gọi là Thưng). Ngoài ra, Thạch còn là đơn vị đo trọng lượng, mỗi thạch bằng 120 cân Tàu (gần bằng 120 pounds).

vào lửa mạnh, để khỏi làm hại chánh nhãn của thiên hạ hậu thế. Sách Tiên Phật Hiệp Tông vu báng Phật pháp so với Huệ Mạng Kinh còn tệ hơn nữa. Phàm muốn luyện đan thì lấy ngôn luận của chính các nhà luyện đan để đề xướng, hướng dẫn thì được, sao lại biến chánh thành tà, bày kế bịt tai trộm linh[193]? Dẫn lời người nhưng chẳng dựa theo nghĩa của người, đã mộ cái danh nhưng lại ghét cái thật, há chẳng mất trí thành cuồng, cầu thăng hóa đọa ư? Những chuyện này vốn chẳng đáng nhắc đến, sao lại còn bày tỏ cặn kẽ? Chỉ vì các hạ chưa biết cội nguồn của đây và kia (tức Phật và Đạo giáo) tuy đồng, nhưng những gì phát sanh từ bên kia, bên đây lại khác. Nếu chẳng phân biện, vẫn cho phép luyện đan là đủ[194], chẳng thể như Trang Phục Chân[195] bỏ ngay đạo kia, chọn lấy pháp này; há Quang chẳng nên biện luận kỹ hay sao? Thật sợ rằng nếu chỉ nói hàm hồ sẽ khiến cho các hạ đối với cả hai môn đều chẳng được lợi ích.

Quán Thế Âm Bồ Tát trong kiếp xa xưa, thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh. Nhưng do tâm từ bi thiết tha nên tuy an trụ trong cõi Thường Tịch Quang lại thùy tích trong ba cõi Thật Báo, Phương Tiện, Đồng Cư. Tuy thường hiện thân Phật, nhưng lại còn hiện đủ mọi thân Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn và thân trong sáu đường trời người lục đạo, tuy thường hầu Di Đà, nhưng lại hiện sắc thân trong khắp mười phương vô tận pháp giới, có thể nói là "chỉ có lợi ích, không ai không ngưỡng mộ, sùng kính". Nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Phổ Đà Sơn là chỗ Bồ Tát ứng tích, muốn cho chúng sanh có chỗ gởi tấm lòng thành nên bèn thị hiện tại núi này, nào phải Bồ Tát chỉ ở Phổ Đà, không ở nơi khác!

Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, vạn con sông đều hiện bóng, dẫu nước nhỏ như một chước[196], một giọt thảy đều hiện trọn vẹn bóng trăng. Nếu nước

---

[193] Yểm nhĩ đạo linh: Bịt tai để khỏi nghe tiếng linh kêu, hòng ăn trộm cái linh đó. Ý nói làm chuyện ngây ngô, rồ dại, tự mình dối mình.

[194] Nguyên văn *"dĩ luyện đan vi phụ quách điền"* (coi pháp luyện đan là khoảnh ruộng gần bờ thành): "Phụ quách điền" là một điển tích xuất phát từ Tô Tần Liệt Truyện trong sách Sử Ký. Tô Tần nói: *"Nếu ta có được hai khoảnh ruộng gần thành Lạc Dương, ta há còn có thể mong đeo ấn sáu nước nữa ư?"* Đời sau thường dùng chữ "Phụ Quách Điền" để chỉ được chút ít đã thỏa mãn, không còn mong mỏi tiến lên nữa.

[195] Trang Phục Chân là một danh sĩ thời Minh tên là Quảng Hoàn, người xứ Đồng Hương, tỉnh Chiết Giang. Lúc nhỏ học Nho, năm bốn mươi chán ngán sự đời bèn học thuật Dưỡng Sinh của đạo sĩ, lâu ngày thành bệnh, bèn tậu một miếng vườn nhỏ, trồng hoa cỏ, sắp xếp sơn thủy tự vui. Một bữa thấy hoa nở rồi tàn, ngộ thân vô thường, liền hủy khu vườn ấy, bế quan tọa Thiền, tụng kinh Kim Cang. Về sau, qua chơi Hàng Châu, cùng người khác bàn về đạo Phật. Người ấy nói: "Ông học Phật, ai là thầy ông?" Đáp: "Chưa có ai!" Người kia lại hỏi: "Chưa đọc cuốn Phục Khí của Liễu Tử Hậu phải không? Sách ấy nói ở Vân Thê có Liên Trì thiền sư đó!" Ông bèn đến yết kiến ngài Liên Trì. Đại sư dạy niệm Phật, bèn thọ Ngũ Giới. Trở về nhà lập thường khóa mỗi ngày niệm năm vạn câu danh hiệu Phật, chưa đầy nửa năm, tâm địa rỗng rang. Năm ông 80 tuổi lại đến thọ Bồ Tát Giới với đại sư Liên Trì. Do thương xót người trong làng không biết chánh pháp, thường sùng tín tà thuyết bèn soạn bộ Tịnh Độ Tư Lương Tập để khuyến hóa họ.

[196] Chước: Đơn vị đo lường dung tích rất nhỏ, có thuyết nói khoảng chừng 1centilitre (cl). Sách Tôn Tử Toán Kinh chỉ mô tả như sau: *"Mười toát là một sao, mười sao là một chước, mười chước là một hợp, mười hợp là một thăng…"* Nếu hiểu Thăng tương ứng 1 lít hiện thời thì một Chước bằng một centilittre. Nhưng Thăng biến đổi theo các triều đại nên cũng khó thể nói nhất định một Chước là bao nhiêu.

vừa đục vừa xao động, bóng trăng chẳng thể phân minh. Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ Tát thì Bồ Tát liền ngay trong lúc niệm ấy bèn khiến cho được lợi ích hiển hiện hoặc thầm kín. Nếu tâm không chí thành, không chuyên nhất, ắt khó được cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy xem trong Ấn Quang Văn Sao bài tựa Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí sẽ tự biết. Ngài có tên là Quán Thế Âm, là vì lúc tu nhân Bồ Tát do quán tánh Nghe chứng được viên thông, lúc đắc quả do quán sát âm thanh xưng danh của chúng sanh để ban bố sự cứu hộ nên có tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ Tát lớn lao không ngằn, tùy thuận khắp mọi căn tánh của chúng sanh, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, chẳng lập riêng một môn. Như trong đời có ngàn căn bệnh nên thuốc có vạn phẩm, chẳng chấp nhất định một pháp nào, tùy theo con người mê chỗ nào và chỗ nào người ấy dễ ngộ, liền chỉ điểm cho. Như nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, mỗi mỗi đều có thể chứng viên thông. Do vậy, pháp gì, chuyện gì cũng đều là cửa để thoát sanh tử thành Chánh Giác, nên gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ Tát chỉ ở tại Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ vậy! Đối với sự lý chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát, các hạ đã chẳng dốc lòng suy xét; vì thế, đối với những sự thiển cận này đều mê muội không rõ.

Những điều vừa nói chính là vì các hạ hỏi nên mới bàn, chứ quả thật chưa phải là chuyện để các hạ rốt ráo được lợi ích nơi pháp môn Tịnh Độ vậy. Nếu muốn trình bày cặn kẽ, quá tốn bút mực, xin hãy đọc Vô Lượng Thọ kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngữ Lục. Xem rồi sẽ tự biết phải tu như thế nào, chứng như thế nào. Vả nữa, cư sĩ Từ Úy Như gom góp những thư từ trao đổi của Ấn Quang hai lần đem in ở kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, hai bản, đã gởi đi hết. Mùa Xuân năm nay lại nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán tái bản và giữ lại bản lưu; nhưng nhà in nói chi nhánh các nơi của họ sẽ phân phối giùm, đến nay còn chưa ra sách, có lẽ vào cuối năm sang đầu Xuân sẽ in xong, mong hãy thỉnh về đọc. Tuy không phát huy lớn lao, nhưng hơi có chút lợi ích nhỏ nhoi cho kẻ sơ cơ. Vì thế, Từ Úy Như mới đem in nhiều lần, ngõ hầu được lưu truyền rộng rãi. Xem đến thì giới hạn giữa Thiền và Tịnh sẽ phân minh, lợi ích lớn - nhỏ giữa Tự Lực và Phật Lực rõ ràng như xem ngọn lửa. Chẳng đến nỗi tự mình muốn liễu sanh tử nhưng không biết đường nẻo, trong hết thảy pháp, thấy pháp nào cũng viên diệu nhưng chẳng đến nỗi theo đuổi pháp không thích hợp vậy!

63. Thư trả lời cư sĩ Vưu Hoằng Như

Các hạ túc căn sâu dầy, tâm mộ đạo tha thiết, lại là bạn thân thiết với đại sư Hoằng Nhất, nay muốn buộc Quang làm pháp khế[197] trong hội Liên Trì, khôn ngăn vui sướng, nhưng do nhân duyên phơi kinh nên chẳng rảnh rỗi để trả lời ngay, thiếu sót quá! Quang tuổi nhỏ thiếu học vấn, đến già không biết gì. Hai ba năm gần đây, thường có những người lầm nghe lời người khác, hỏi đến, chỉ đem những gì mình biết được, mình làm được ra đáp. Còn như những nghĩa lý tinh vi trong Phật pháp, thật chứng nơi Thiền Định, Quang không biết được, cũng chẳng dám không biết coi như biết, vọng động bàn luận. Sư Hoằng Nhất bác học đa văn, còn Quang hèn kém, nhưng giữ tấm lòng khá chân thật, chuyện tu hành đương nhiên y theo bổn phận của kẻ kém hèn, nên châu toàn cho nhau, quả thật chẳng dám chạm mặt. Nay Sư phát tâm bế quan, cự tuyệt hết thảy, ắt sẽ tự chứng Niệm Phật tam-muội hòng giúp hết thảy kẻ hữu duyên, khôn ngăn mong mỏi. Người đời nay nghiên cứu Phật pháp, đa số muốn thành một bậc đại thông gia, mong đối trước hết thảy đại chúng thanh đàm cao luận, khiến cho người khác nể phục, ít ai vì liễu sanh tử mà chuyên học Phật pháp. Nếu các hạ muốn thành một người bậc nhất thì tri kiến của Quang trọn chẳng thể đưa lại lợi ích kém cỏi nào, hãy nên cầu học với bậc đại thông gia trong giới Tăng - tục đương thời mới hòng chẳng uổng lòng kỳ vọng. Còn nếu muốn trong cõi tục tu chân, dùng quang âm hữu hạn để kiêm lo liệu chuyện đời, lại mong ngay trong đời này nhất định liễu sanh tử thì Quang chẳng ngại đem những gì mình nghe được từ cổ nhân thuật lại cùng các hạ.

Ngài Mộng Đông nói: *"Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật"*. Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn Niệm Phật. Đoạn khai thị này tinh vi, khẩn thiết đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ. Mộng Đông Ngữ Lục từ ngữ lẫn lý lẽ đều châu đáo, là kim chỉ nam cho Tịnh tông. Nếu muốn tìm cầu cao hơn thì có bộ Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích lão nhân gia, quả thật là người hướng dẫn tốt lành thiên cổ độc nhất vô nhị. Nếu có thể chết lòng nương theo hai bộ sách ấy thì chẳng cần phải nghiên cứu hết thảy kinh luận, chỉ thường xem đọc ba kinh Tịnh Độ và Thập Yếu, ngửa tin lời thành thật của Phật, Tổ, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện khẩn thiết, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật. Dẫu ở trong nhà tối phòng kín vẫn như đối trước Phật, trời, khắc kỷ, giữ lễ, cẩn thận, kiêng dè, giữ lòng thành, chẳng học đòi những phường thông nhân trong thế gian gần đây trọn chẳng câu thúc, phóng túng không kiêng dè. Quang tuy là sanh tử phàm phu, dám bảo đảm các hạ trong đời này sẽ từ tạ Sa Bà, cao dự hải hội, đích thân làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn lành của Đại Sĩ. Nhưng đối với pháp Tịnh Độ, nếu chẳng chết sạch cái lòng mong ngóng ngấm nghé[198], quyết chí tu trì, trọng lòng kính,

[197] Pháp khế: bạn đạo

[198] Nguyên văn: Thâu tâm (có nghĩa là cái tâm trộm cắp). Đây là dụng ngữ nhà Thiền, chỉ cái tâm hướng ngoại phân biệt, khởi tâm mong ngóng, luôn đứng núi này trông núi nọ. Hòa Thượng Tịnh Không giảng "thâu tâm" là

giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, lại toan đem lễ không chấp trước để làm lá bùa khéo léo che đậy thói coi thường, tán loạn, buông lung mà hòng được lợi ích thì Quang do hiểu biết kém tệ chẳng thể nào hiểu được chuyện ấy! Những điều khác trong bộ Văn Sao dở tệ của Quang đã trình bày rõ. Do vậy, không cần đọc nhiều, xem kinh thì chỉ có cung kính mới được lợi ích. Nếu không cung kính, dẫu có được lợi ích thì chẳng qua cũng chỉ là hiểu ý nghĩa theo mặt chữ, chứ nghiệp tiêu trí rạng, triệt ngộ tự tâm, trọn chẳng thể cầu may như thế. Huống chi cái lỗi khinh nhờn càng không thể nói được. Đấy là căn bệnh chung của cả thế gian, chỉ đành đau đớn khóc lóc thở dài mà thôi!

64. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ nhất)

Đã ở Hàng Châu hãy nên lắng lòng tu đạo, cần gì phải chờ đến kỳ hội dâng hương lại đến Phổ Đà? Đại Sĩ không cõi nào chẳng hiện thân, có chỗ nào lễ bái, cúng dường chẳng tốt? Nếu nói vì cốt ý để gặp Quang thì cũng không cần phải đến. Bộ Văn Sao được in lần này có hơn chín mươi thiên, những thứ tầm thường đầy ắp trong bụng Quang đã lôi hết ra cả rồi, há còn có bí quyết "miệng truyền tâm nhận" nào để truyền riêng cho ông nữa ư? Quang học thức nông cạn, không phát huy điều gì lớn lao, nhưng nếu có thể hành theo đó, quyết định sẽ có ích không bị tổn hại, quyết định liễu sanh tử trong đời này, hầu cận Di Đà sau khi mất. Chỉ e rằng ông coi đó là hèn kém thì nó trở thành hèn kém vậy! Ví như đối với tượng Phật được làm bằng vàng, gỗ, đất nặn, hay sơn vẽ mà kính trọng như đức Phật thật thì bèn có thể thành Phật. Coi những tượng ấy chỉ là vàng, gỗ, đất nặn, sơn vẽ thì chúng chỉ là vàng, gỗ, đất nặn, sơn vẽ mà thôi. Nhưng khinh nhờn vàng, gỗ, đất, sơn vẽ thì không bị tội khiên gì; nếu khinh nhờn tượng Phật bằng vàng, gỗ, đất, sơn vẽ thì tội lỗi sẽ ngập trời.

Người khéo được lợi ích thì đối với mọi chuyện, không chuyện gì không được lợi ích: Quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, gió động, không gì chẳng chỉ bày Thiên Chân[199] con người vốn sẵn có (Thiền Tông gọi là "ý của Tổ Sư từ trời Tây sang"), huống gì bộ Văn Sao của Quang, văn tuy vụng về, chất phác; nhưng những điều được viết trong đó bất quá đều là tùy ý tùy cơ lấy những lời đã nói của Phật, Tổ biến thành những lời nói thông dụng mà thôi, nào phải Quang tự bịa ra ư? Quang chỉ truyền dịch lại để người sơ cơ dễ hiểu đó thôi! Dẫu là sơ cơ nhưng nếu thực hiện đến cùng cực thì cũng chẳng thể bỏ những điều này để tu

---

cái tâm không kiên định tu một pháp môn nào, nay chạy theo pháp này, mai chạy theo pháp khác, luôn nghĩ cách tu tắt, cầu may, chẳng hạn nghe nói trì chú này có công hiệu bèn trì chú đó, được vài bữa, thấy nghe nói chú khác có công hiệu lớn lao bèn bỏ chú này trì chú khác. Nay học pháp thiền này, mai đi nghe giảng lại bỏ theo cách thiền khác, suốt đời học táp nham, không chuyên tu được một pháp nào.

[199] Thiên Chân: Chân lý tồn tại tự nhiên không cần phải tạo tác. Sách Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển 1 giảng: *"Lý không tạo tác, nên gọi là Thiên Chân"*.

điều gì khác, bởi một pháp Tịnh Độ là pháp thông trên thấu dưới, chẳng giống như pháp Tiểu Thừa không thích hợp cho người Đại Thừa tu tập!

65. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ hai)

Thầy Quang Thuận đến đây cầm theo thư của ông và hạt sen Hạ Bố đưa cho Quang, thuật những chuyện như ông đã trụ tại am thầy ấy v.v… Trộm nghĩ ông đã không dư dật, sao còn phải bắt chước thói người thế gian làm cái trò đem đào bù mận? Ông và tôi quen biết nhau qua tình đạo, hãy nên trực tiếp hành xử theo đạo. Những gì đã gởi đến sẽ dùng để làm phước, cảm ơn lắm. Lệnh nghiêm, lệnh nhạc mẫu[200] đã sanh lòng tin tưởng, hãy nên đem lợi ích của Tịnh Độ khuyên chỉ, khiến cho tín tâm của họ từ nhỏ nhặt trở thành rõ ràng. Nếu như tín nguyện chân thiết, quyết định được sanh về Tịnh Độ, đấy là hiếu vậy! Cái hiếu thế gian há sánh bằng được ư? Ông còn chưa hiểu rành rẽ cách tu Tịnh Độ, hãy nên lấy việc xem đọc, nghiên cứu Tịnh Độ làm chánh, nửa ngày học Giải, nửa ngày học Hành, ngõ hầu rõ thấu đầu đuôi, trọn không nghi hoặc mới được!

Lăng Nghiêm Chánh Mạch[201] hãy khoan tính đến, dẫu có đích thân thấy được Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh cũng chẳng thể liễu sanh tử được ngay. Thấy Tánh là ngộ, chưa phải là chứng; chứng rồi mới liễu sanh tử được! Nếu chỉ ngộ chưa chứng, dẫu chỗ ngộ cao sâu, mà nếu hai thứ Kiến Hoặc và Tư Hoặc chẳng thể nhanh chóng đoạn được ngay thì chuyện luân hồi trong ba cõi quyết chẳng thể do đâu mà thoát lìa được! Nếu chẳng thông hiểu Lăng Nghiêm, nhưng tu pháp môn Tịnh Độ, ngửa tin lời Phật quyết định không nghi, tin chân thật, nguyện khẩn thiết, do tu thật hạnh sẽ quyết định được vãng sanh, làm người trong thế giới Cực Lạc. Huống chi hiện tại cõi nước nguy ngập, vẫn toan trong lúc nguy hiểm, tinh thần hữu hạn làm những pháp vụ không cần gấp, mong được cái tiếng đại thông gia để thỏa thể diện đến nỗi chuyện chuyên tu của chính mình rốt cục trở thành lan man ư? Nếu đã tin chắc, biết sâu xa pháp môn Tịnh Độ thì có nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm và các kinh luận cũng chẳng ngại gì.

Trước kia, ông đã xin Quang khai thị, Quang gởi bộ Văn Sao cho, nhưng ông vẫn không thể xem trọn mỗi điều, đương nhiên Quang biết ông không biết đâu là chuyện thong thả, đâu là chuyện gấp gáp, cứ lan man bắt chước người thời nay nghiên cứu kinh Phật chỉ mong thành một bậc đại thông gia đó thôi!

---

[200] Lệnh nghiêm: Tiếng gọi tỏ ý tôn trọng cha người khác.
Nhạc mẫu: mẹ vợ hoặc mẹ chồng. Ở đây là mẹ vợ.

[201] Lăng Nghiêm Chánh Mạch là tác phẩm chú giải kinh Lăng Nghiêm của Giao Quang đại sư đời Minh.

Bộ Văn Sao của Quang văn tự tuy kém cỏi, vẫn có thể chỉ cho người khác đường lối tu trì. Xưa kia Đại Trí luật sư[202] thông hiểu sâu xa giáo pháp của tông Thiên Thai, nghiêm tịnh Tỳ Ni (giới luật), hạnh nguyện tinh thuần, chí lực rộng lớn, chỉ đối với Tịnh Độ chẳng sanh tin tưởng. Về sau, do bệnh nặng mới biết lỗi trước, từ đó trở đi hơn hai mươi năm tay chẳng rời kinh, chuyên nghiên cứu Tịnh Độ, mới biết pháp này lợi ích siêu việt thù thắng, bèn dám đối trước mọi người xứng tánh phát huy trọn chẳng sợ hãi. Dẫu là đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm Phật, ông còn chưa nhận biết rõ ràng đường lối pháp môn này, lại chẳng bị thời hạn giảng giải [kinh điển] bức bách như vị giảng sư muốn chống đỡ môn đình, cần gì phải nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm trước, chẳng coi chuyện biết đường về nhà là cấp bách? Những lời Quang đã nói bất quá nhằm ngăn chặn chuyện sai để khỏi phụ lòng gởi thư đến, chứ nào phải là đã thật sự hiển thị ý nghĩa trọng yếu của kinh Lăng Nghiêm! Đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh theo đường về nhà, vì thế bảo hai mươi lăm vị thánh trình bày túc nhân của chính mình để chúng sanh đời Mạt bất luận căn cơ thượng, trung, hạ, đều dùng pháp môn Niệm Phật của ngài Thế Chí tự lợi, lợi tha, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, quay lại niệm nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo. Đây chính là điều cư sĩ nên dốc sức, còn chuyện "chỉ tâm, biện định cái Thấy, phá Ấm, siêu trược", hãy đợi đến khi niệm đến mức tâm - Phật bất nhị, tâm lẫn Phật cùng mất, tự chứng Niệm Phật tam-muội rồi hãy tính, giống như đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên, Ca Diếp mỉm cười vậy. Nếu không, vào biển đếm cát đầu choáng váng, tâm mê muội, kể chuyện ăn, đếm của báu, chẳng đỡ đói rét! Người biết tốt - xấu quyết chẳng coi thường lời tôi.

66. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ ba)

Ý Quang muốn cho các hạ ở yên nơi nhà mình, tu chân ngay trong cõi tục, trên có thể cảm phát bậc trưởng thượng phát sanh lòng tin trong sạch, dưới có thể dắt dìu vợ con đồng thấm ơn Phật. Nếu ông cứ muốn sống nhờ ở chùa người ta thì cũng được. Đối với chuyện nghe kinh không cần phải đến chùa Linh Ẩn[203], bởi lẽ Huệ Minh pháp sư thường bỏ bớt, nêu đại lược ý nghĩa kinh

[202] Đại Trí Luật Sư (1048-1116) là ngài Thích Nguyên Chiếu, tự là Trạm Nhiên, hiệu An Nhẫn Tử, người xứ Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang. Ngài xuất gia từ nhỏ, thọ Cụ Túc Giới năm 18 tuổi, theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng rất hâm mộ Tỳ Ni. Về sau, Sư thọ Bồ Tát Giới với ngài Quảng Từ, nối tiếp Nam Sơn Luật Tông. Trong thời Nguyên Phong nhà Tống, Sư trụ trì chùa Chiêu Khánh, hoằng truyền giới luật. Về già trụ trì chùa Linh Chi, nên thường được gọi là Linh Chi Tôn Giả. Khi ngài mất, được tôn thụy hiệu là Đại Trí Luật Sư.

[203] Chùa Linh Ẩn nằm ở núi Linh Ẩn tại Tây Hồ, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Năm Hàm Hòa nguyên niên (326) nhà Đông Tấn, sa-môn Ấn Độ Huệ Lý đến nơi này, thấy ngọn Phi Lai, khen ngợi: *"Ngọn núi nhỏ của Linh Thứu không biết bay đến đây từ năm nào? Hồi Phật còn tại thế, nhiều vị tiên linh ẩn cư nơi này"*. Bèn lập chùa sau núi, đặt tên là Linh Ẩn, gọi tên ngọn núi đó là Phi Lai. Năm Cảnh Đức thứ tư đời Tống (1007), đổi tên là Cảnh Đức Linh Ẩn Thiền Tự. Đến năm cuối niên hiệu Kiến Viêm, chùa bị hủy hoại trong loạn lạc, trong năm

văn, chuyên chú trọng dẫn chứng những công án nhà Thiền; có lẽ ích lợi cho bậc đại đạt, chứ kẻ sơ cơ sẽ bị hoang mang, không biết về đâu. Đối với người thông minh đôi chút rất có thể bị xen lạm hỗn độn giữa Tông và Giáo, lỗi ấy quả thật chẳng nhỏ cạn. Mười nguyện Phổ Hiền, một hạnh Văn Thù[204], nếu có thể tinh tu dẫu chẳng quán thông hết thảy kinh luận vẫn có thể thoát nhanh khỏi lồng rọ phiền não, cao dự hải hội. Nếu đối với pháp cậy vào Phật từ lực này lòng tin không chân thật, không dựa chắc vào, dù có thông Tông, thông Giáo cũng chỉ là tam-muội ngoài cửa miệng. Muốn dùng tam-muội ngoài miệng ấy để liễu sanh tử thì đúng là như muốn dùng bánh vẽ để khỏi đói, ắt đến nỗi cùng đường hối hận sâu xa, chẳng được lợi ích mảy may. Đời, đạo hiện thời chẳng biết tương lai sẽ như thế nào, còn toan dùng quang âm sắp hết để làm chuyện không gấp rút nữa ư?

Tuy trước kia, Quang có ý nguyện tu sửa bộ Sơn Chí[205], nhưng nếu không được Đại Sĩ thầm gia hộ khiến cho mục lực được sáng quyết chẳng thể theo đuổi được. Nếu mục lực có thừa, ở đâu mà chẳng soạn tập được, cần gì phải muốn sang Hàng Châu ở nhờ chỗ người ta! Mong hãy chuyên tâm niệm Phật, đấy mới là quyến thuộc thật sự trong pháp môn, chớ đừng đến núi này khiến cho đôi bên đều bị khốn khó. Còn chuyện ông muốn xuất gia hãy nên lễ thỉnh bậc tri thức cao minh khác, trọn chớ vì Quang ngăn ngại mà bèn chẳng lễ các vị thầy khác, đến nỗi mất lợi ích lớn lao! Đế pháp sư (ngài Đế Nhàn) ở chùa Quán Tông, Ninh Ba, bệnh chưa lành, cũng không cần phải qua đó nghe kinh. Cổ nhân nói: *"Thật ít hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng, nói được một trượng không bằng làm được một tấc"*. Người thật lòng vì mình phải suy nghĩ những câu ấy.

67. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ nhất)

Một pháp Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm Tông, chỉ khi nào có đủ lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết thì mới dốc sức thực hành. Khi họa hại bức bách khẩn thiết mới thành khẩn, còn lúc nhàn nhã vô sự bèn hoãn

---

Thiệu Hưng mới được tái lập. Năm Chí Chánh thứ 19 (1359) đời Nguyên, chùa lại bị phá hủy, rồi được tái lập trong niên hiệu Hồng Vũ đời Minh, đổi thành tên hiện đại là Linh Ẩn. Trong niên hiệu Khang Hy, chùa được sắc tứ là Vân Lâm Thiền Tự, nhưng dân gian vẫn gọi theo tên cũ.

[204] Văn Thù Nhất Hạnh: Tức Nhất Hạnh tam-muội được dạy trong kinh Văn Thù Bát Nhã: *"Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành Nhất Hạnh tam-muội, nên vào chỗ vắng vẻ, bỏ các loạn ý, chẳng chấp vào hình tướng, dốc lòng chuyên xưng niệm danh hiệu một đức Phật. Tùy theo đức Phật ở phương nào bèn hướng thẳng về đó. Nếu có thể đối với một đức Phật niệm niệm liên tục, thì ở ngay trong ấy sẽ thấy được quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật. Vì sao? Niệm một đức Phật công đức vô lượng vô biên, cùng một công đức với niệm vô lượng chư Phật không hai. Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn vô phân biệt"*.

[205] Tức bộ Phổ Đà Sơn Chí, tức bộ sách ghi chép lịch sử truyền thừa của Phổ Đà Sơn.

đãi, đấy là bệnh chung của phàm phu. Nhưng trong lúc này, tình hình đời đạo như đang nằm yên trên đống củi, phía dưới đã bốc lửa mạnh chưa đốt đến thân, nhưng nháy mắt bèn cháy bùng toàn thể, khắp pháp giới không trốn tránh vào đâu được, thế mà vẫn còn hờ hững, coi thường để ngày tháng trôi qua, chẳng thể chuyên chí cầu cứu nơi một câu Phật hiệu thì cái tri kiến ấy nông cạn quá sức vậy!

Tu trì trong các tông của Phật pháp ắt phải đạt đến chỗ hạnh khởi giải tuyệt mới có ích lợi thật sự, chứ chẳng riêng gì tu quán trong Tịnh tông là phải như vậy. Nhà Thiền lấy một câu thoại đầu không có ý nghĩa gì đặt vào trong tâm, coi như bổn mạng nguyên thần, chẳng kể ngày giờ thường luôn tham cứu câu ấy. Đến khi nào thân tâm, thế giới thảy đều chẳng biết, mới có thể đại triệt đại ngộ, chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Lục Tổ nói: *"Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh"*, chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Ngu tôi cho rằng: Một chữ Khởi nên hiểu nghĩa là Cực, chỉ có ra sức đến cùng cực thì mới đạt đến Năng lẫn Sở cùng mất, nhất tâm hiển lộ triệt để. Hạnh nếu chưa cùng cực, dẫu có quán niệm vẫn là có Năng, có Sở. Toàn là phàm tình dụng sự, toàn là tri kiến phân biệt, toàn là tri giải, sao có thể đạt được lợi ích chân thật? Chỉ dùng sức đến cùng cực thì tình kiến Năng - Sở mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới hiển hiện. Vì thế, xưa kia có người đầu như gỗ khô[206], về sau đạo phong [của vị ấy] chói lọi cổ kim. Lợi ích đều chỉ ở một chữ Cực mà thôi!

Người đời nay đa phần bàn xuông, chẳng trọng thực tiễn, khuyên tu Tịnh nghiệp hãy nên nêu cả Lý lẫn Sự, nhưng cần nhất là phải lấy Sự làm phương cách tu trì, vì sao? Vì đối với người hiểu rõ Lý thì toàn Sự chính là Lý, suốt ngày Sự Trì chính là suốt ngày Lý Trì. Nếu chưa hiểu trọn vẹn Lý - Sự, vừa nghe đến Lý Trì liền cảm thấy nghĩa này thâm diệu, lại còn hợp với cái tánh lười nhác, biếng trễ, sợ trì niệm nhọc nhằn của mình, bèn chấp Lý phế Sự. Đã phế Sự thì Lý cũng chỉ thành bàn xuông. Mong các hạ đem cái lý *"toàn Sự chính là Lý"* của bậc viên ngộ khuyên hết thảy mọi người thì lợi ích lớn lao lắm!

[206] Nguyên văn : Mộc đầu nhân, là một thành ngữ chỉ những người ngu độn, ương bướng.

68. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ hai)

Trung Ấm[207] là thức thần, không phải là thức thần biến thành Trung Ấm, thế tục thường gọi là "linh hồn" vậy. Như nói Trung Ấm cứ bảy ngày lại sống chết một lần, bốn mươi chín ngày bèn đầu thai v.v… chớ nên câu nệ, chấp trước. Nói đến sự sống chết của Trung Ấm chính là nói đến những tướng sanh diệt được hiện trong cái tâm vô minh của Trung Ấm; chẳng thể ngờ nghệch đem những tướng sanh tử của người đời để luận. Trung Ấm thọ sanh nếu nhanh thì như trong khoảng khảy ngón tay, liền vào trong tam đồ lục đạo; chậm thì bốn mươi chín ngày hoặc hơn bốn mươi chín ngày v.v…

Kẻ mới chết có thể cho người quen biết trông thấy trong ban ngày, ban tối, hoặc tiếp xúc cùng người khác, hoặc nói năng, chuyện này không phải chỉ Trung Ấm mới như vậy. Dẫu đã thọ sanh trong đường lành, nẻo ác, cũng vẫn có thể hiện hình trước người quen biết, thân thiết. Tuy điều này do ý niệm của chính người đó biến hiện, nhưng thực ra do những vị thần kỳ chủ trì quyền tạo hóa làm ra, ngõ hầu tỏ rõ con người chết đi thần minh bất diệt và quả báo thiện - ác chẳng dối vậy. Nếu không, người dương gian chẳng biết chuyện cõi âm, cái lý luận mù quáng "con người chết đi thân hình đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán" ắt sẽ được người đời xúm nhau phụ họa; người cả cõi đời bị hãm trong hầm sâu tà kiến "không nhân, không quả, không đời sau, hậu thế", khiến cho người trông thấy điều thiện chẳng càng dè dặt, gắng sức tu đức, kẻ ác càng cùng hung cực ác muốn tạo ác! Tuy có lời Phật dạy, nhưng không có gì để chứng minh, ai chịu tin nhận? Do có những chuyện hiện hình cho thấy như thế, đủ chứng tỏ lời Phật nói không dối, quả báo phân minh, chẳng những người lành càng thêm hướng đến điều lành, mà tâm kẻ ác cũng bị những tình lý ấy chiết phục, cũng chẳng đến nỗi mười phần cạn tàu ráo máng. Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người biết được điều này, nên mới có chuyện người chết hiện thân trong nhân gian, người cõi dương xử án chốn U Minh v.v…đều nhằm để phù trợ Phật pháp, giúp đỡ, khen ngợi trị đạo. Lý này rất vi tế, quan hệ rất lớn. Những chuyện này xưa nay được ghi chép rất nhiều, nhưng chưa thuật rõ quyền ấy do đâu cũng như chưa nêu lên mối quan hệ lợi ích của những chuyện ấy.

Trung Ấm tuy đã lìa thân xác, nhưng vẫn còn mang tình kiến thân xác như cũ. Đã có tình kiến thân xác, cố nhiên cần phải có cơm áo để đắp đổi. Do phàm

[207] Còn gọi là Trung Hữu, là khoảng tồn tại trung gian sau khi đã chết, trước khi thọ sanh. Câu Xá Tông cho nhất định là có Trung Ấm, Thành Thật Tông bác quan điểm này. Còn Đại Thừa cho rằng Trung Ấm có hay không chẳng nhất định: Người cực thiện hay cực ác sẽ không có thân Trung Ấm vì sanh thẳng vào thân sau. Còn những người khác sẽ có thân Trung Ấm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: *"Khi mạng báo đã hết, thì gọi là Vô Hữu. Sau khi sanh ra, trước khi chết đi thì gọi là Bổn Hữu. Giữa hai thân ấy thì hình dáng hiện trong cõi Âm gọi là Trung Hữu"*.

phu nghiệp chướng sâu nặng, chẳng biết Ngũ Uẩn vốn không, không khác gì người thế gian. Nếu là bậc có đại trí huệ sẽ ngay trong lúc thoát xác không nơi nương dựa, Ngũ Uẩn trống không, các khổ bèn tiêu diệt, Nhất Chân hiển hiện, nên vạn đức trọn bày. Tuy cảnh giới ấy không nhất định phải giống nhau, nhưng chẳng ngại tùy tình kiến của mỗi người mà giúp đỡ cho. Như đốt áo giấy cho người chết, trong tâm người sống chỉ có ý nghĩ ban cho áo, tuy lớn, nhỏ, dài, ngắn làm sao vừa vặn, thích hợp cho được, nhưng do tình kiến của người sống và tình kiến của kẻ mất kia [tương ứng], nên [những áo ấy] đều vừa khít, thích hợp. Từ điều này có thể thấy được cái nghĩa lớn lao *"hết thảy pháp chuyển biến theo tâm"*. Sau khi chết đi, khi chưa thọ sanh trong sáu đường, thì gọi là Trung Ấm. Nếu đã thọ sanh trong lục đạo thì chẳng gọi là Trung Ấm. Những hồn dựa vào người khác để nói chuyện khổ, chuyện vui đều là tác dụng của thần thức.

Đầu thai ắt phải do Thần Thức hòa hợp với tinh huyết của cha mẹ, lúc thọ thai, Thần Thức đã trụ trong thai. Lúc sanh nở từng có trường hợp tận mắt thấy người ấy (tức người sẽ đầu thai làm con) đi vào nhà mẹ, vì lúc cha mẹ giao cấu đã có Thức khác thay thế thần thức của người ấy nhập thai. Đến lúc thành thai, Bổn Thức (tức Thức của người thật sự sẽ đầu thai làm con nhà ấy) đến, cái Thức thay thế mới ra đi. Sách Dục Hải Hồi Cuồng quyển ba, trang thứ mười hai, dòng tám, chín, mười, mười một, mười hai đã từng hỏi về chuyện này, nhưng lời đáp chưa trúng lý lắm! Quang bèn sửa cho đúng, hãy nên tra duyệt. Lời đáp nguyên thủy như sau: *"Ví như trứng gà, có trứng có cồ, có trứng không có cồ. Khi chưa có thức gá vào thai giống như trứng chưa có cồ vậy!"* Chẳng biết trứng không có cồ, dẫu đem cho gà ấp cũng chẳng thể nở, làm sao sánh ví cho được? Quang chỉ mong Lý được sáng tỏ, chẳng nề hà chuyện tiếm quyền, vượt phận, nên vì cư sĩ trình bày duyên do. Bà mẹ của sư Viên Trạch[208] mang thai ba năm chính là vì lẽ này. Đấy là luận theo lẽ thông thường.

---

[208] Viên Trạch: Trong lần khai thị tại pháp hội Tức Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, tổ Ấn Quang đã kể chuyện thiền sư Viên Trạch đời Đường như thế này: Do cha của Lý Nguyên làm quan trấn thủ Đông Đô bị An Lộc Sơn làm phản, giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, bèn biến căn nhà mình ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ngay tại đấy. Qua mấy năm, Lý Nguyên muốn triều bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định theo đường thủy Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền dặn dò hậu sự, rồi cùng Lý Nguyên ngồi thuyền đi. Thuyền bơi đến thượng du Kinh Châu, sắp gần đến Giáp Sơn, thế nước chảy xiết, chưa đến tối đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, ra kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: "Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy bà ta còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào không làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Đến ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp lại ta". Nói xong, Viên Trạch tọa thoát. Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đứa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin Sư Viên Trạch chẳng phải là thường nhân. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm Rằm tháng

Phải biết nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, như người Tịnh nghiệp đã thành, dẫu thân chưa chết nhưng thần thức đã hiện nơi Tịnh Độ; kẻ ác nghiệp sâu nặng, thân còn nằm trên giường bệnh nhưng thần thức đã bị xử phạt nơi U Minh. Mạng tuy chưa tận, Thức đã đầu thai. Đợi đến lúc sắp sanh, toàn phần tâm thức mới gieo vào trong thai ấy. Lý này cũng chẳng phải là hoàn toàn không có; nên thông thường, đa phần là có Thức thay thế để thọ thai vậy. Các pháp trong tam giới duy tâm sở hiện. Chúng sanh tuy mê, nhưng nghiệp lực của họ chẳng thể nghĩ bàn chính là do tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cũng là do thần thông đạo lực của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Hơn mười năm gần đây, sức nhìn của Quang chẳng ra gì nên chẳng thể dẫn rộng kinh luận để làm chứng, nhưng cố nhiên lý ấy chẳng phải do Quang bịa ra nói mò để phải chuốc lấy tội lệ! Sanh tử là chuyện lớn của chúng sanh, nhân quả là phương tiện giáo hóa lớn lao, nguyện các hạ chẳng tiếc tướng lưỡi rộng dài dùng nhân quả báo ứng chuyển phiền não sanh tử thành sự trợ giúp cho Bồ Đề Niết Bàn thì pháp môn may lắm, chúng sanh may mắn lắm!

69. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ nhất)

Một pháp Niệm Phật ước có bốn thứ là Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tưởng, và Thật Tướng. Trong bốn pháp này, chỉ có mỗi pháp Trì Danh nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, hạ thủ dễ dàng nhất, chẳng đến nỗi khởi ma sự. Như muốn quán tưởng thì phải đọc kỹ Quán Kinh, biết sâu xa *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*, và *"tâm tịnh Phật hiện, cảnh chẳng từ bên ngoài đến, duy tâm sở hiện"*, chẳng sanh chấp trước thì cảnh càng thêm sâu mầu, tâm càng thêm tinh nhất. Làm được như vậy thì sự lợi ích của việc quán tưởng thật chẳng nhỏ nhoi. Nếu quán cảnh không thuần thục, chẳng rõ lý luận, do tâm bộp chộp, vọng động muốn cảnh hiện gấp thì toàn thể là vọng, đều chẳng tương ứng với cả Phật lẫn tâm liền đọa vào thai ma. Do vậy, vọng động muốn thấy cảnh, tâm càng thêm vọng động, ắt đến nỗi khơi động nhiều kẻ oan gia hiện ra cảnh giới.

Tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chăn trâu, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, hát:

Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn
Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn
Thẹn thấy cố nhân tìm đến gặp
Thân này tuy khác, tánh thường còn.

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đứa bé lại đọc:

Thân trước, thân sau sự vấn vương
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường
Ngô Việt giang sơn chơi khắp cả.
Gác chèo mây khói, ẩn ao chuôm.

Rồi ruổi trâu đi mất.

Nhân địa lúc ban đầu đã không thật, làm sao biết những cảnh đó do ma nghiệp hiện ra cho được, bèn sanh lòng hoan hỷ lớn, tình chẳng tự yên, ma bèn dựa thân, mất trí thành cuồng, dẫu có Phật sống hiện thân cứu độ cũng không làm gì được! Hãy nên tự lượng căn tánh, chớ có ham cao xa, đến nỗi cầu được lợi ích lại trở thành tổn hại. Thiện Đạo hòa thượng nói: *"Chúng sanh đời Mạt Pháp thần thức chông chênh, tâm thô, cảnh tế, quán khó thành tựu. Vì thế, Đại Thánh bi mẫn, riêng khuyên chuyên trì danh hiệu, vì xưng danh dễ dàng, [niệm Phật] liên tục bèn được sanh"*. Thật chỉ sợ có kẻ chẳng khéo dụng tâm đến nỗi lạc vào ma cảnh! Hãy nên tự suy xét tường tận. Lại nữa, chí thành khẩn thiết chính là pháp mầu nhiệm để tiêu trừ sự vọng động, bộp chộp, ma cảnh. Hãy nên tận tâm dốc sức mà hành thì may mắn lắm!

70. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ hai)

Được dự pháp hội Lăng Nghiêm, mừng rỡ, may mắn khôn ngằn! Một pháp quán tưởng nếu không hiểu rõ đạo lý, không thông thuộc quán cảnh, tâm vọng động mong gấp đạt được, không có chí vững vàng chẳng dời, ắt sẽ bị tổn hại nhiều, lợi ích ít. Còn về Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh theo đường lối thông thường của hết thảy pháp môn trong cả một thời giáo hóa [của đức Phật]. Như pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai, pháp Tham Cứu Hướng Thượng của nhà Thiền đều là nó cả, tức là niệm đức Phật Thiên Chân[209] nơi tự tánh vậy. Kinh Lăng Nghiêm thật sự là pháp niệm đức Phật nơi Thật Tướng thiết yếu nhất. Lại như Trì Danh Niệm Phật, quyết chí cầu sanh Cực Lạc là vô thượng đại giáo, sao có thể nói gì cho được? Mới thoạt đầu mà đã nêu bày cái tâm, biện định cái thấy, thì chỉ e coi vọng là chân, hiểu lầm tin tức. Đợi đến khi ngộ rồi hãy chỉ bày Ấm, Nhập, Giới, Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, bèn biết pháp nào, sự nào cũng đều thuộc Thật Tướng. Đã ngộ Thật Tướng thì trọn chẳng thể tìm được cái tướng của Ấm, Nhập, Giới, Đại, mà Ấm, Nhập, Giới, Đại bày ra la liệt cũng chẳng ngại gì. Hai mươi lăm pháp Viên Thông đã dạy đó, ngoại trừ pháp Viên Thông của ngài Thế Chí là pháp dạy thẳng vào Trì Danh và kiêm cả ba pháp niệm Phật kia, những pháp khác đều là pháp môn Niệm Thật Tướng Phật. Còn như nhân quả của bảy đường[210], địa vị Tứ Thánh[211], cảnh Ngũ Ấm Ma, không pháp nào chẳng hiển thị duyên do thuận - nghịch, mê - ngộ lý Thật Tướng.

Niệm đức Phật nơi Thật Tướng như thế nói có vẻ dễ dàng, nhưng tu chứng thật là khó nhất trong những điều khó. Nếu không phải là bậc đại sĩ tái lai, ai có

[209] Đức Phật thiên chân là tên gọi khác của Pháp Thân.
[210] Bảy đường (Thất Thú): Tức là lục thú (nhân, thiên, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) và Tiên đạo.
[211] Tứ Thánh: Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác.

thể tự chứng ngay trong đời này? Do khó như vậy nên đặc biệt khuyên nhủ, khen ngợi pháp Trì Danh Niệm Phật. Hiểu rõ điều này rồi mà vẫn muốn cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục tâm tánh vốn có, chẳng chịu sanh lòng tin, phát nguyện, chấp trì Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, quyết chẳng có lẽ ấy! Do Thật Tướng trọn khắp hết thảy pháp, một pháp Trì Danh là một đại pháp môn *"Sự chính là Lý, tuy cạn mà sâu, tu chính là tánh, tâm phàm phu chính là tâm Phật"* vậy. Do Trì Danh biết được Thật Tướng ngay nơi Thể, lợi ích ấy rộng sâu. Ngoài cách Trì Danh, cứ chuyên tu Thật Tướng thì trong vạn người khó được hai, ba kẻ thật chứng; nếu được quả báo như Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng v.v… vẫn còn là bậc thượng! Một sự liễu sanh thoát tử há có thể dùng chí to, lời lẽ lớn lao để hoàn thành được ư? Hãy nên tự suy xét cặn kẽ thì biết lý Thật Tướng chẳng thể không biết, dứt lòng nghiên cứu Lăng Nghiêm thì phàm - thánh, nhân - quả, mê - ngộ, tu - chứng dù Sự hay Lý đều rõ như xem ngọn lửa. Tự lực, Phật lực, Trì Danh - Thật Tướng lợi ích lớn - nhỏ cũng rõ ràng như xem ngọn lửa. Vì thế, dù là mình hay người, đều mong lấy Trì Danh để tu Thật Tướng, quyết chẳng đến nỗi ham cao chuộng xa, bỏ pháp Trì Danh tu Thật Tướng khiến cho uổng có tâm tu, nhưng chẳng chứng quả!

71. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ ba)

Phật thấy chúng sanh đều là Phật, chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Phật thấy chúng sanh đều là Phật nên tùy thuận cơ nghi vì chúng sanh thuyết pháp ngõ hầu chúng sanh tiêu trừ vọng nghiệp, tự chứng cái mình sẵn có. Dẫu cho hết thảy chúng sanh đều chứng được Niết Bàn rốt ráo, Phật trọn chẳng thấy ta là người hóa độ, chúng sanh là kẻ được hóa độ; bởi lẽ họ chính là Phật. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh nên chín mươi lăm thứ ngoại đạo ở Tây Thiên (Ấn Độ) và những nho sĩ câu nệ, hủ bại không ai chẳng tận tâm tận lực hủy báng nhiều cách ngõ hầu Phật pháp loạn diệt, trọn chẳng còn tiếng tăm, dấu tích gì nữa, tâm họ mới vui sướng! Mặt nhật rạng ngời giữa hư không toan dùng một tay bưng bít càng khiến quang minh Phật pháp sáng tỏ, càng phơi bày sự thiển cận, hèn kém của chính mình mà thôi! Kẻ có túc căn do nhân duyên báng Phật, chê Phật, bèn lại quy y Phật pháp, làm đệ tử Phật, thay Phật hoằng dương, giáo hóa. Kẻ không túc căn sẽ do nghiệp lực vĩnh viễn đọa trong A Tỳ địa ngục. Đến khi nghiệp báo hết, thiện căn "nghe được danh hiệu Phật trong kiếp xưa" bèn phát hiện; do vậy mới nhập Phật pháp, rồi sẽ gieo thiện căn dần dần đến khi nghiệp tận tình không mới hoàn lại cái mình sẵn có mà thôi. Thật là ơn Phật rộng lớn, sâu xa, không thể nào hình dung được!

Một câu nhiễm vào thần thức, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Ví như nghe tiếng cái trống đã bôi thuốc độc, dù xa hay gần đều chết. Ăn chút Kim Cang, quyết định chẳng tiêu. Sanh được lòng tin như thế thì gọi là Chánh Tín, ông hãy gắng lên. Thêm nữa, kẻ khéo được lợi ích, không gì chẳng phải là lợi ích. Kẻ cam chịu tổn hại thì không gì là chẳng tổn hại. Người đời nay hay cậy vào Thế Trí Biện Thông nghiên cứu Phật học, vừa biết chút nghĩa lý liền bảo mình đã đích thân chứng đắc. Từ đó, tự đặt mình lên cao, miệt thị cổ kim: Đừng nói là người thời nay chẳng thèm để vào mắt, dẫu bậc cao tăng mấy ngàn, mấy trăm năm trước đa phần là cổ Phật tái lai hoặc là Pháp Thân Bồ Tát thị hiện đều bị kẻ ấy coi là tầm thường, chẳng đáng học hỏi. Chưa đắc nói là đắc, chưa chứng khoe đã chứng, nghe lời họ nói cao vượt chín tầng trời, xét cái tâm họ hèn tệ tụt dưới chín tầng đất. Tập nhiễm như thế phải nên trừ gấp; nếu không, sẽ như đựng Đề Hồ trong đồ chứa có chất độc, sẽ giết được người.

Nếu có thể niệm niệm quay trở lại soi xét tự tâm thì chẳng những được lợi ích nơi những pháp đức Như Lai đã nói, mà với tảng đá, gạch, ngói, đèn, lồng, trụ trống và tất cả mọi hình sắc, âm thanh khắp cõi đại địa không gì chẳng phải là diệu lý Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa Đế. Nói "cổ kim không có ai" há từng mộng thấy, mong hãy tin chắc, gắng sức hành.

72. Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên

Chiều hôm qua, cư sĩ Hạc Niên đem đến bản kinh Pháp Hoa do Trang cư sĩ chép, thấy bút pháp của ông ta cứng cáp, tinh xảo, đẹp đẽ, khôn ngăn khâm phục. Nhưng cách viết của ông ta vẫn còn tập khí của kẻ văn nhân, đối với chuyện lưu thông pháp đạo tợ hồ chưa thích hợp. Như Tục Thể, Thiếp Thể, Biến Thể[212] v.v… là thuận theo thói tệ thế tục, lại còn chấp nệ vào Cổ Thể, như chữ Ma 魔 viết thành Ma 磨, chữ Huyền 懸 viết thành Huyền 縣, Mã Não Xa Cừ 瑪瑙硨磲 viết thành Mã Não Xa Cừ 馬腦車渠, Trận 陣 viết thành Trần 陳 v.v… mắc lỗi trái thời[213]. Nếu nói phải y theo Cổ Văn thì lúc này phải theo Chánh Thể, những chữ viết như vậy đều chẳng thích hợp, mỗi chữ đều phải sửa đổi, không dùng được một chữ [viết theo lối cổ] nào! Ông Dương Nhân Sơn đả phá

[212] Tục Thể là lối viết thường dùng trong dân gian cho nhanh, không đúng với cách viết chánh thức của chữ Hán, như chữ Đăng 燈 viết thành 灯, Thiên 遷 viết thành 迁 v.v... Đặc điểm lớn nhất của Tục Thể là giản lược nét bút, đôi khi biến cải âm thanh. Đa số chữ Tục Thể biến thành chữ Hán giản thể hiện thời.
Thiếp Thể là lối viết trên các tờ thiếp, bình phong, quạt cho đẹp, mềm mại hơn lối viết cứng cỏi dùng để khắc bia.
Biến Thể là cách viết biến đổi tự dạng sao cho thật đẹp, thật bay bướm trong thư pháp, gần với lối chữ Thảo.
Nói chung, ba thể loại này khiến người không chú ý dễ đọc sai chữ, hoặc hiểu lầm ý nghĩa, thậm chí không nhận được mặt chữ, nên bị Tổ quở.

[213] Sở dĩ nói là trái thời vì thời cổ, các chữ ấy được dùng lẫn nhau không phân biệt. Nay nếu viết theo lối cổ, sẽ gây hiểu lầm; ví dụ chữ Ma 魔 (ma quỷ) khác với Ma 磨 (mài).

những người nệ cổ như sau: *"Chữ viết phải theo thời, việc gì cứ phải nệ cổ! Nếu như cứ muốn theo lối cổ thì xin trước hết hãy từ hai chữ Nhân 亻(người) và Nhập 入(vào) mà sửa đổi! Chữ Nhân viết theo lối cổ là 入, chữ Nhập 入 viết là Nhân 亻. Nếu Nhân và Nhập không sửa được thì cần gì phải riêng thay đổi những chữ khác! Vả lại Cổ Thể cũng chẳng phải là những chữ được chế ra thời Thương Hiệt[214], không biết biến đổi đến thế nào mới thành ra dạng như vậy!"*

Ông đã chuộng cổ hãy nên lấy "trùng văn điểu thư"[215] làm Chánh Thể thì tôi không còn cách nào chõ miệng vào được nữa! Nếu không, rốt cuộc là vô sự bèn sanh sự, nhọc nhằn vô ích, sống thời bây giờ lại quay về thời cổ, bậc thánh đã có lời minh huấn. Nếu Trang cư sĩ có chí lưu thông, hãy nên quét sạch tập khí văn nhân, chữ nào cũng tuân theo thời bây giờ. Phàm những lối Phá Thể[216], Tục Thể v.v… đều nhất loạt không dùng, ngõ hầu mỗi nét bút, mỗi vạch đều có thể làm khuôn mẫu để khắc in, lưu truyền, khiến cho người khác trông thấy, đọc đến, phát khởi tín tâm. Dù Quang hèn tệ cũng sẽ làm bài tựa khen ngợi. Bản chép kinh này nên giữ trong nhà hòng làm di niệm cho con cháu đời sau.

Thêm nữa, phàm chép kinh, những chỗ giấy xếp[217] giữa hai trang sách nên đề tên kinh, số quyển, số trang để người đọc vừa nhìn vào liền biết ngay. Dẫu có sắp lộn trang cũng xếp lại không khó, sao không theo cách này khiến cho người đời sau xem đến nếu không thông Phật pháp sẽ chẳng bị mắc cái vạ điên đảo, lầm lẫn! Mong hãy viết bổ túc vào chỗ giáp trang tên sách, số trang thì công đức chép kinh mới là viên mãn! Quang mục lực không đủ lại thêm không rảnh rỗi, chưa thể xem trọn, chỉ tùy tiện nêu ba bốn chữ trong bản chép ấy, những chỗ khác chưa coi, không thể biết được!

73. Thư trả lời cư sĩ Lưu Trí Không

Hôm qua nhận được thư mới biết bệnh đã lâu nay mới lành, khôn ngăn mừng vui. Sanh tử đại sự, vô thường nhanh chóng. Kẻ nghe đến hoảng sợ không thống thiết bằng người đích thân trải qua, hãy nên phát khởi tâm đại Bồ Đề để dạy người nhà, quyến thuộc và bằng hữu, người quen biết cũ bên ngoài cũng như kẻ hữu duyên thì lợi ích lớn lao vậy! Trong thư ông nói hễ niệm Phật

[214] Thương Hiệt: Theo truyền thuyết, Thương Hiệt là sử quan của Hoàng Đế, ông là người đầu tiên sáng tạo ra chữ Hán.

[215] Trùng văn điểu thư: chỉ lối chữ Hán theo lối cổ, lối viết ngoằn ngoèo giống như con nòng nọc nên còn gọi là chữ Khoa Đẩu, "trùng văn điểu thư" là chữ viết trông giống như con trùng, hoặc vết chân chim.

[216] Phá Thể là những chữ viết tự sáng chế không tuân theo năm thể loại Tục Thể, Thiếp Thể, Biến Thể, Bi Thể cũng như không tuân thủ các loại chữ Hành, Chân, Khải, Thảo.

[217] Khi xưa chép kinh, chép sách trên một mặt mảnh giấy dài, chép đủ bao nhiêu trang đó sẽ xếp tờ giấy ấy sao cho có mặt có chữ lộ ra ngoài, khâu lại thành sách. Những chỗ xếp giấy giữa hai trang thường có dòng chữ đề tên sách và số trang.

gấp thì bị hụt hơi là do ông chưa khéo dụng tâm mà nên nỗi! Phàm chuyện niệm Phật phải tùy sức mỗi người, tùy tiện niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, lớn tiếng hay nhỏ tiếng, không gì là không được! Cớ sao cứ một mực niệm lớn tiếng đến nỗi tổn khí mắc bệnh vậy? Chứng bệnh nặng của ông tuy do tổn khí mà ra, nhưng thật ra là vì nghiệp lực từ vô lượng kiếp đến nay biến hiện. Do ông tinh tấn niệm Phật nên chuyển hậu báo thành hiện báo (báo trong đời này), chuyển báo nặng thành báo nhẹ. Căn bệnh ấy không biết đã tiêu bao nhiêu tội tam đồ ác đạo mấy kiếp! Phật lực khó nghĩ tưởng, Phật ân khó báo, hãy nên sanh ý tưởng may mắn, mừng rỡ lớn lao, sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng tin trong sạch lớn lao, dùng một pháp Tịnh Độ để tự hành, dạy người, ngõ hầu quyến thuộc trong nhà và hết thảy những ai hữu duyên cùng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ căn bệnh này và Phật vì mình hiện thân vậy! Phổ Đà không cần phải tới, bởi lẽ phí tổn đi về nặng gấp mười lần, ở nhà niệm Phật một là công hạnh dễ tiến, hai là chẳng tốn kém, tốt lắm, hay lắm!

74. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu

Thưa cư sĩ Châu Mộc! Nhận được thư, biết ông sanh lòng tin trong sạch, muốn quy y Phật pháp. Nhưng quy y Phật pháp thì cần phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết sức mình, sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại còn phải kiêng giết, cứu giúp sanh mạng, ăn chay. Nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn thì cũng chớ nên tham ăn là được rồi! Lại nên giữ sáu ngày chay[218], hoặc Thập Trai. Nếu không, sẽ trái nghịch với Phật. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Trí Mậu, vì tâm tánh như cây cối: Do phiền não chướng lấp nên tâm tánh chẳng thể hiện, như cây khô kháo. Đã có trí huệ thì phiền não chẳng sanh, cây tâm tánh cố nhiên xum xuê, tươi tốt.

Còn về Ngũ Giới, hãy tự xét tâm mình, nếu có thể thọ được chẳng phạm thì hãy hỏi Hóa Tam về quy củ thọ giới trước đức Phật, ông ta sẽ dạy cho ông, Quang không viết đầy đủ ra. Đã quy y Phật pháp hãy nên đọc kỹ bộ Văn Sao, hành theo đó, sẽ chẳng đến nỗi bị người tầm thường gây lầm lạc. Còn những

[218] Sáu ngày chay (Lục Trai): Còn gọi là Nguyên Thủy Lục Trai, tức mỗi tháng ăn chay sáu ngày: mồng tám, mười bốn, rằm, hai mươi ba, hai mươi chín, ba mươi. Theo những kinh trong tạng A Hàm như Tứ Thiên Vương Kinh, Tạp A Hàm Kinh, Phật Bổn Hạnh Kinh, Thập Tụng Luật, trong sáu ngày này, Tứ Thiên Vương giáng thế tuần tra nhân gian thiện ác.
Thập Trai: Thập Trai chỉ tồn tại trong những truyền thống Phật giáo chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc, tức là mỗi tháng ăn chay mười ngày để lễ kính một vị Phật hoặc Bồ Tát tương ứng. Mồng Một: Đỉnh Quang Phật, mồng Tám: Dược Sư Như Lai, ngày 14: Phổ Hiền Bồ Tát, ngày 15: A Di Đà Phật, ngày 18: Quán Thế Âm Bồ Tát, ngày 23: Đại Thế Chí Bồ Tát, ngày 24: Địa Tạng Bồ Tát, ngày 28: Tỳ Lô Giá Na Phật, ngày 29: Dược Vương Bồ Tát, ngày 30: Thích Ca Như Lai. Mười ngày chay này đôi khi còn gọi là Chuẩn Đề Thập Trai (theo Phật Quang Sơn Đại Từ Điển).

chuyện cầu phước báo trong đời sau và luyện đan, vận khí của ngoại đạo để cầu thành Tiên v.v… nếu ông thật sự lãnh hội được ý nghĩa của bộ Văn Sao, dù có trăm ngàn ngoại đạo cũng chẳng thể dao động cái tâm ông. Chớ bảo những điều ấy do Quang nói ra chỉ sợ không đủ làm chứng cứ, nên biết rằng Quang chỉ nói dựa theo ý của Phật, Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức, chứ không phải do Quang tự nghĩ ra nói bậy. Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm thay!

Tâm ông cao như trời, chí hèn như đất, miệng tuy nói "nương theo những gì Quang nói", nhưng thật ra hoàn toàn dựa theo thiên kiến của chính mình. Pháp môn Tịnh Độ chỉ lấy Tín làm gốc, tin đến cùng cực thì Ngũ Nghịch, Thập Ác đều được vãng sanh. Tin chưa tới thì dù là bậc thông Tông, thông Giáo chưa hề đoạn Hoặc cũng chẳng có phần! Ông đã không thể thông Tông, thông Giáo, đoạn Hoặc chứng Chân, cậy vào Tự Lực để liễu sanh tử, lại không tin Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không một ai không được sanh. Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn viên đốn thẳng chóng vô thượng để liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu còn chưa hiểu rõ phương hướng của pháp môn này, tâm cuồng vọng ham cao chuộng xa bèn nghiên cứu Khởi Tín Luận. Khởi Tín Luận quả thật là cương yếu để học Phật, nhưng đối với kẻ căn cơ kém cỏi và sơ cơ cũng khó được lợi ích [nơi luận ấy]. Dù nghiên cứu Khởi Tín Luận thông triệt không nghi ngờ, nhưng dụng công vẫn phải nương vào pháp môn Niệm Phật cầu sanh thì mới ổn thỏa, thích đáng; huống hồ Pháp Tướng, Thiền, Giáo dù tinh vi, áo diệu, cao sâu, vẫn không thể mong bằng được!

Tâm ông cao như thế, chính là không biết phân lượng của cái cao. Chí ông lại cho rằng mình căn tánh kém yếu, mong chi sanh Tây? Chỉ cần chẳng đọa ác đạo đã rất an ủi rồi! Ông không biết chẳng sanh Tây Phương, tương lai ắt đọa ác đạo. Đây chính là trái nghịch lời Phật dạy và những gì đã nói với Quang; sao có thể nói là từ đầu đến cuối phụng hành lời răn dạy, nhất tâm trì niệm Phật Di Đà cho được? Nay đem cái thân của ông hứng lấy thức nghiệp của người, lại không phải là tư cách thượng đẳng, cái chí và tâm ông đã lập ấy thật đáng khiến cho người khác than thở, cười cợt! Ông nên dứt cái lòng cuồng vọng muốn thành bậc đại thông gia, hãy chuyên tâm nghiên cứu những sách thuộc pháp môn Tịnh Độ. Trong Văn Sao, Quang đã nói đầy đủ trong những lá thư gởi cho ông Cao Thiệu Lân hoặc Từ nữ sĩ. Thuận theo những gì đã khai thị, sanh lòng tin, phát nguyện, chẳng vì căn khí của mình hạ liệt bèn đề cao sự vãng sanh là chuyện vượt khỏi sức mình.

Phải thường dù động hay tịnh, lấy một câu Di Đà làm bổn mạng nguyên thần; giữ lòng cư xử phải hợp với tông chỉ *"chớ làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*. Nếu còn thừa sức thì tùy ý thọ trì, đọc tụng các kinh Đại Thừa

cũng chẳng trở ngại gì. Nên lấy việc chí tâm thọ trì làm gốc, chớ chuyên chú mong gấp được thấu triệt nghĩa lý. Nếu có thể chí thành đến cùng cực sẽ tự thấu triệt giáo lý. Nếu cứ muốn thấu triệt trước, chẳng thuận thọ trì đọc tụng, dẫu thấu triệt cũng không có lợi ích thật sự, huống hồ thật khó thấu triệt ư? Pháp Tướng, Thiền, Giáo nghiên cứu cả đời cũng khó nắm được chỗ chỉ quy. Dẫu được, ai là người có thể chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà liễu sanh thoát tử? Muốn đoạn Hoặc nghiệp, liễu sanh thoát tử, chỉ sợ dù có mộng cũng không thể mộng nổi!

Ông còn chưa đọc kỹ bộ Văn Sao, nên mới nói những lời cao thấu trời thẳm, ngõ hầu vào được chốn biển rộng. Bộ Văn Sao đã nhiều lần nói đến những sách nên xem và pháp tắc xem kinh, cũng như chỗ khó được lợi ích nơi Pháp Tướng, Thiền, Giáo. Do pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực, các pháp môn khác đều phải cậy vào chính mình. Một đằng là giáo lý thông thường, như kẻ sĩ trong đời do tư cách bèn làm quan. Một đằng là giáo lý đặc biệt như vương tử trong đời, dù có té xuống đất vẫn được hết thảy quan tướng cung kính. Hai thứ pháp môn chẳng thể đem ra đối biện được! Kẻ phàm phu có đủ Hoặc nghiệp há nên chẳng cẩn thận chọn lựa ư? Quỹ lưu thông kinh sách nếu muốn tăng thêm nên làm biện pháp quyên mộ như thế nào ư? Nếu ai có tín tâm có tài lực thì hãy thương lượng với họ, ngõ hầu họ giúp đỡ thì cũng được!

Thêm nữa, kinh điển rất nhiều, tâm ông muốn mở rộng môn đình, nhưng ở Trịnh Châu có mấy ai thỉnh! Nên chọn những kinh sách mà người bình thường có thể đọc được, thỉnh về để sẵn. Hãy tính sẵn những sách mà đại đa số người bình thường chưa xem đến, hãy thay họ thỉnh trước thì sẽ giảm được tiền vốn mà cũng chẳng đến nỗi thỉnh về bán không được, tốn tiền nhưng chẳng có lợi ích. Ông tự nói ngày tháng không còn nhiều, thực lực hữu hạn, nên Quang mới nói như thế. Nếu không phải như vậy thì cứ y theo tâm tướng của chính mình mà hành, Quang cũng không miễn cưỡng ông. Làm được một bậc đại thông gia cũng là điều may mắn cho cửa Phật; chỉ sợ ông không thành bậc đại thông gia được, lại tin pháp môn Tịnh Độ chẳng tới nơi, cả hai đầu đều hỏng! Đời này tu chút công đức, đời sau nhất định sanh vào nhà phú quý, ông thử chú tâm nghĩ kỹ xem: Người phú quý có mấy ai chẳng tạo nghiệp? Ngày nay vận nước nguy ngập, dân không sống nổi, đều là do những người tu hành không có trí huệ, đời sau có phước báo bèn khuấy đảo mà ra. Ông khởi vọng tưởng khó thể cùng tận như thế, muốn chẳng đọa ác đạo, chẳng sanh Tây Phương thì một đời không đọa ác đạo còn may ra, chứ hai đời không đọa thì hiếm lắm!

Phật nói kinh chú rất nhiều, ai có thể trì được hết tất cả? Cổ nhân chọn lấy những thứ trọng yếu gộp thành khóa tụng hằng ngày, buổi sáng thì Lăng Nghiêm, Đại Bi, mười chú nhỏ, Tâm Kinh. Niệm xong bèn niệm Phật bao nhiêu tiếng đó, hồi hướng Tịnh Độ. Khóa tối thì kinh Di Đà, Đại Sám Hối,

Mông Sơn, niệm Phật hồi hướng. Nay tùng lâm đều muốn giảm bớt công phu, sáng chỉ tụng chú Lăng Nghiêm, Tâm Kinh; khóa tối thì ngày lẻ niệm kinh Di Đà và Mông Sơn, ngày chẵn niệm Đại Sám Hối, Mông Sơn. Ông nói Thiền Môn Nhật Tụng kinh chú quá nhiều, không biết ngoài Khóa Tụng Sáng Tối còn có phần phụ lục. Cư sĩ tại gia công khóa hoặc chiếu theo Thiền Môn Công Khóa mà hành hoặc cũng có thể tùy ý lập ra, như khóa sáng chuyên niệm kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hoặc khóa sáng chuyên niệm chú Đại Bi, niệm Phật, khóa tối thì niệm kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hoặc có người trì kinh Kim Cang cũng được. Bất luận tụng kinh nào, trì chú nào, cũng đều phải niệm Phật bao nhiêu tiếng đó rồi hồi hướng thì mới hợp với tông chỉ tu Tịnh nghiệp.

Những điều ông nói chính là thấy khác, nghĩ lệch, dẫu là hảo tâm, nhưng thật ra tâm không có chủ định, bị chuyển theo cảnh. Kinh nào, chú nào chẳng xưng tán công đức thù thắng? Theo cái tri kiến của ông, hễ xem kinh này ắt phải bỏ kinh kia, trì chú này ắt phải bỏ chú kia, do sức chẳng thể xem hết nên tình thế tất nhiên phải như thế! Như vậy còn được gọi là bậc chân tu hiểu rõ lý hay chăng?

Nói rộng hơn nữa, nếu ông gặp người tham Thiền khen ngợi Thiền, chê trách Tịnh Độ ắt sẽ theo người ấy tham Thiền. Gặp những tông khác như Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân[219], Bí Mật[220], cứ hễ gặp một vị tri thức đề xướng bèn bỏ pháp này tu theo pháp kia, không biết ông thuộc căn tánh nào! Muốn làm bậc đại thông gia pháp nào cũng thông nhưng nghiệp sâu, trí cạn, không làm bậc đại thông gia được, lại gác pháp cậy Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh ra ngoài, đợi đến lúc lâm chung nếu chẳng tiến vào vạc sôi, lò than, thì chắc cũng đi vào thai lừa, bụng ngựa! Dẫu may mắn không mất thân người thì đời này tuy không có chánh trí, nhưng còn có si phước do tu hành. Do hưởng thụ si phước ấy bèn tạo ác nghiệp, một hơi thở ra không hít vào được, bèn vào thẳng Tam Đồ. Muốn được biết danh hiệu thiên địa, cha mẹ còn không thể, huống gì là biết được pháp môn Tịnh Độ nữa ư?

Ông xem bộ Văn Sao của Quang hiểu như thế nào? Phải biết một câu A Di Đà Phật, trì đến cùng cực thì thành Phật vẫn còn dư! Há nên bảo niệm kinh Di Đà, niệm Phật chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp như tiền, do người khéo dùng, ông có tiền thì làm gì mà chẳng được? Ông chuyên tu một pháp, cầu gì chẳng được? Há cứ khăng khăng trì chú này, niệm kinh này sẽ được

[219] Hiền Thủ là tông Hoa Nghiêm, do ngài Hiền Thủ hoằng dương tông này nên gọi là tông Hiền Thủ. Từ Ân: Tức Pháp Tướng Tông hay Duy Thức Tông. Tông này do ngài Huyền Trang sáng lập, nhưng đệ tử ngài Huyền Trang là pháp sư Khuy Cơ ở chùa Từ Ân (thuộc kinh đô Trường An đời Đường) cực lực xiển dương nên thường gọi là tông Từ Ân.

[220] Bí Mật: Chỉ Mật Tông (còn gọi là Chân Ngôn Tông).

công đức này, chẳng được những công đức khác ư? Hãy khéo hiểu lời Quang, tự có thể hiểu rõ một điều thì trăm điều sẽ rõ. Nếu không, dù nói cho nhiều, tâm ông vẫn không có định kiến, có ích gì đâu?

Phàm phu đang mê, tín tâm bất định, nên lúc tin, lúc ngã lòng, lúc tu, lúc tạo nghiệp, cũng do người dạy ban đầu chẳng hiểu đường lối mà ra. Nếu thoạt đầu, khởi đầu từ những chuyện nhân quả thiển cận sẽ chẳng đến nỗi có những chuyện mê hoặc, điên đảo như thế. Tội dĩ vãng dẫu cực sâu nặng, nhưng nếu dốc chí nơi chí tâm sám hối, sửa đổi tu tập, dùng chánh tri kiến dốc lòng tu tập Tịnh nghiệp, lợi mình, lợi người thì tội chướng như sương tiêu, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì thế, kinh nói: *"Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là không tạo tội, hai là tạo rồi biết sám hối"*. Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm không hối thật sự, nói gì cũng vô ích! Ví như đọc đơn thuốc nhưng không uống thuốc, quyết chẳng mong gì lành bệnh! Nếu có thể theo toa uống thuốc, sẽ được bệnh lành, thân yên. Chỉ sợ lập chí chẳng vững, một ngày nóng mười ngày lạnh, chỉ uổng có hư danh, chẳng ích lợi mảy may gì!

75. Thư trả lời cư sĩ X…

Dịch vốn do thánh nhân xem xét hình tượng rồi lập pháp nhằm dạy cho con người cái đạo làm sáng tỏ minh đức, tân dân[221], chứ chẳng phải chỉ nhằm để bói tốt xấu mà thôi! Người đời sau học đến, bỏ gốc theo ngọn, Dịch trở thành một nghề khéo, đáng buồn làm sao! Thử xem phần Đại Tượng của mỗi Quái (quẻ), lời lẽ thiết thực, tường tận, rõ ràng. Như quẻ Càn thì nói: *"Thiên Hành Kiện, quân tử gắng sức không ngơi"*. Quẻ Khôn thì là: *"Địa Thế Khôn, quân tử dùng đức dầy để chở vật"*. Từ những Đại Tượng của sáu mươi bốn quẻ[222], chép thành một bức, có thể dùng làm tiêu chuẩn để lập thân hành đạo. Do những điều ấy có thể kế tục quá khứ, mở mang tương lai, há phải đâu cứ khăng khăng biến Dịch thành một nghệ thuật đoán số mạng hòng cầu cơm áo mà thôi? Nếu thấy lời tôi chẳng đủ để thuyết phục, xin hãy thử đọc kỹ phần Đại Tượng của mỗi quẻ, ắt sẽ tự biết, huống hồ toàn văn của mỗi quẻ và toàn văn của cả bộ Dịch vậy! Dịch chính là cội nguồn của thánh đạo, vì thế Khổng Tử đọc kinh

[221] Tân dân: Tuy mặt chữ viết là thân dân (親民) nhưng phải đọc là "tân dân", vì thời cổ Tân 新 và Thân 親 dùng lẫn nhau. Thông thường, "tân dân" được hiểu là làm cho dân bỏ cũ đổi mới, tức là bỏ điều ác hướng đến cái thiện.

[222] Quẻ (Quái): Kinh Dịch dùng một vạch liền tượng trưng cho Dương, một vạch đứt tượng trưng cho Âm (Âm và Dương gọi là Lưỡng Nghi). Chồng hai vạch lên nhau, ta có được bốn tượng (hai vạch liền, đứt trên liền dưới, hai vạch đứt, liền trên đứt dưới) đặt tên là Thái Dương, Thiếu Dương, Thái Âm, Thiếu Âm (gọi chung là Tứ Tượng). Chồng mỗi vạch Âm hay Dương lên bốn quẻ này ta có được tám quẻ (gọi là Bát Quái). Lần lượt chồng tám quẻ ấy lên nhau, ta có được sáu mươi bốn quẻ kép. Chẳng hạn như quẻ Càn trên, quẻ Khôn dưới thì gọi là Thiên Địa Bĩ. Đối với mỗi quẻ, lại có lời giải thích ý nghĩa của từng quẻ, thường gọi chung là các "đại tượng".

Dịch đến nỗi ba lần đứt lề sách, đến tuổi bảy mươi còn mong trời cho sống thêm vài năm để học Dịch hòng tránh được lỗi lớn. Tự gắng sức không ngơi, dùng đức dầy chở vật là như thế nào vậy? Xin hãy suy nghĩ cặn kẽ, sâu xa thì may mắn lắm thay!

76. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Trí Hải

Nhận được thư biết ông tu trì nghiêm mật, mừng vui vô cùng. Người đã ngoài năm mươi tuổi lại thêm công chuyện đa đoan, chỉ tốt nhất là chuyên tu Tịnh nghiệp. Nếu cứ nghiên cứu tràn lan, sợ rằng chẳng thể thông suốt kinh luận, Tịnh nghiệp đâm ra trở thành chuyện phụ. Nói đến sự phân biệt giữa Tánh, Tâm và Ý, thì Tâm đa phần là ước theo Thể mà nói, Ý chính là niệm lự, tức là

Dụng của Tâm. Tánh chính là luận trên phương diện bản thể không biến động của Tâm. Nếu nói chung chung thì Tâm và Tánh có thể dùng lẫn cho nhau, nhưng Ý thì chỉ có thể chỉ cho niệm lự mà thôi. Nhưng Tâm có Chân Tâm và Vọng Tâm. Nếu ước theo Thể thì Tâm chỉ Chân Tâm, Vọng Tâm cũng thuộc về niệm lự, tức là vọng niệm nơi Tâm Thể vậy. Bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên chính là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh nói ra những pháp phù hợp. Do có những nghĩa ấy nên ngài Trí Giả dựa theo ý nghĩa mà lập ra những tên gọi ấy.

1) Tạng Giáo là vì căn tánh Tiểu Thừa, nói ra ba tạng Kinh, Luật, Luận, do đó gọi là Tạng Giáo. Đại Thừa cũng có ba tạng, ở đây chỉ nói riêng về Tiểu Thừa.

2) Thông Giáo là Đại Thừa sơ môn, do căn tánh bất đồng, độn căn thông với Tạng Giáo ở trên, lợi căn thông với Biệt Giáo, Viên Giáo ở phần sau, nên gọi là Thông Giáo.

3) Biệt là khác biệt, giáo này là pháp để dạy riêng cho Bồ Tát. Tất cả giáo, lý, trí đoạn, hạnh, vị, nhân quả, mỗi mỗi đều khác biệt, chưa thể viên dung bao gồm lẫn nhau như Viên Giáo, nên gọi là Biệt Giáo.

4) Viên là viên mãn, viên dung. Do pháp nào cũng viên dung, pháp nào cũng trọn đủ, nên gọi là Viên Giáo. Giáo này là Phật pháp tối thượng, do đức Phật đem những lý chính mình đã ngộ, đã chứng, giảng cho hết thảy đại căn Bồ Tát. Hãy xem Giáo Quán Cương Tông[223] sẽ tự biết được nghĩa ấy. Nếu muốn

[223] Giáo Quán Cương Tông là tác phẩm của ngài Trí Húc Ngẫu Ích (1599-1655) soạn vào đời Minh, được xếp vào quyển 43 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, trình bày đại lược những giáo nghĩa trọng yếu của tông Thiên Thai. Do nhận thấy cuốn Thiên Thai Tứ Giáo Nghi của tổ Trí Giả giảng về cách tu hành Chỉ Quán quá đại lược, nên Tổ soạn thêm cuốn này để xiển dương giáo nghĩa ấy.

dùng bút mực để trình bày rõ, chẳng những quá tốn công lại còn chẳng bằng xem sách ấy tự hiểu vậy.

Chúng sanh đời Mạt căn cơ mỏng ít, muốn được lợi ích chân thật nơi giáo nghĩa Thiền Tông hết sức khó khăn, chỉ có pháp môn Tịnh Độ là nương cậy được. Hãy thử xem cái chết của Hiển Ấm[224] kém xa những kẻ ngu phu, ngu phụ, những gì Hiển Ấm biết được, kẻ ngu phu, ngu phụ không sao mong bằng được, nhưng những gì kẻ ngu phu, ngu phụ đạt được, Hiển Ấm lại không sao mong bằng được. Chính là như Quang đã nói: *"Tánh thủy lặng trong, do phân biệt bèn xao động, đục ngầu, sóng Thức bủa giăng, nhờ Phật hiệu bèn ngừng lặng"*. Do vậy, thượng trí chẳng bằng hạ ngu, khéo quá biến thành vụng to. Xin cư sĩ hãy chuyên chí Tịnh nghiệp, đừng hâm mộ chuyện Tông thông, thuyết thông, ngõ hầu chuyện liễu sanh thoát tử chẳng bị biến thành bánh vẽ.

Ông Châu Đức Quảng ngày mồng Hai tháng Hai, ngồi niệm Phật qua đời, không có tâm tình bi luyến, vẻ mặt vui vẻ, ắt vào thẳng Liên Bang, làm đệ tử Phật Di Đà vậy! Năm ngoái, ông Châu sanh bệnh, phát nguyện dùng một vạn đồng mình đã để dành dùng làm điều thiện. Nhân đó, đem bảy ngàn đồng giao cho Quang, ba ngàn bốn trăm đồng dùng in Đại Sĩ Tụng một vạn bộ, một ngàn sáu trăm đồng in bộ Bất Khả Lục[225], hai ngàn đồng để in bộ Tăng Quảng Văn Sao mới san định xong, còn dư ba ngàn đồng làm những thiện sự khác. Bốn người con ông Châu đều không dư giả lắm, nhưng có thể đem tiền cha đã để dành vì cha làm công đức, chẳng chịu dùng tiền đó để tự mình xài, cũng đáng nói là đã làm được chuyện khó làm vậy!

Mong ông chuyên chí nơi Tịnh tông, đừng bị lay động bởi thuyết *"thành Phật ngay nơi thân này"* của Mật Tông. Thành Phật ngay trong thân đời này chính là Lý Tánh, chứ không phải là sự thật. Nếu hiểu là sự thật thì Tây Tạng, Đông Dương (Nhật Bản), Phật nhiều vô kể, đừng nói chi là hạng bình dân, ngay cả tâm hạnh, hành vi của Ban Thiền[226] còn chưa có phong thái của Phật,

---

[224] Hiển Ấm (1902-1925), người xứ Sùng Minh, tỉnh Giang Tô, tự là Đại Minh, đệ tử xuất gia của ngài Đế Nhàn, thiên tư thông mẫn, học thông Tam Tạng, giỏi nhất là về mặt từ chương. Năm Dân Quốc 12 (1923) cùng với Bao Thừa Chí qua Nhật Bản học Mật tông tại Thiên Đức viện ở núi Cao Dã, được truyền quán đảnh. Năm Dân Quốc 14 quay về Thượng Hải, Hàng Châu truyền thọ Mật pháp, nổi danh một thời, nhưng cũng thị tịch ngay trong năm ấy, chỉ thọ 24 tuổi

[225] Bất Khả Lục chính là bộ Thọ Khang Bảo Giám, nội dung khuyên nên tiết chế sắc dục, cũng như nêu những chuyện phước báo do biết chế ngự sắc dục, những ngày tháng nơi chỗ, dịp nào, vợ chồng không nên chung đụng để khỏi bị tổn hại v.v…

[226] Ban Thiền (Panchen Lama): là vị lãnh tụ tôn giáo đứng hàng thứ hai của Tây Tạng sau Đại Lai Lạt Ma. Khi Đại Lai Lạt Ma đời thứ năm (Ngawang Lobsang Gyatso) thống nhất Tây Tạng, ông đã phong cho thầy mình là Lobsang Chokyi Gyatsen tước vị Panchen Lama và truy tặng lên đến ba đời trước đó. Do vậy, Lobsang Chokyi Gyatsen được coi là Ban Thiền Lạt Ma đời thứ tư. Ban Thiền có nghĩa là "đại trí huệ, đại học giả". Ông này được coi là hóa thân của vị đệ tử thứ tư (tức Kherabje) của tổ Tông Khách Ba (Tsong Khapa) thuộc Hoàng Giáo (Gelugpa) Tây Tạng. Vua Thuận Trị nhà Thanh phong cho Ban Thiền tước hiệu Bác Khắc Đa (Bác Khắc Đa là tiếng Mông Cổ, có nghĩa là Duệ Trí Anh Vũ). Đến đời Ban Thiền thứ năm, lại được Thanh Thánh Tổ

huống gì bảo là thành Phật được ư? Vì ông ta nhằm lúc dân không lẽ sống, vẫn chẳng biết tiếc thương xương máu của bá tánh, mặc tình bày vẽ hao phí, tiền lọt đến tay quý như tánh mạng, chẳng có mảy may ý niệm từ bi hỷ xả. Hiển Ấm tự khoe mình đắc chánh truyền nơi Mật Tông, bảo Phật pháp truyền sang Đông đến Trung Quốc, chỉ có mình giáo lý của Hoằng Pháp đại sư[227] là viên diệu, thường chê bai tổ sư các tông phái Trung Quốc, đều chê họ chẳng được chánh truyền như Hoằng Pháp đại sư, nhưng lúc chết rốt cuộc trở thành kẻ nghiệp thức mịt mờ, không có cội gốc gì để nương cậy. Ông ta đã thành Phật ngay nơi thân này, sao kết quả lại như thế? Mong ông hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

Tâm Bồ Tát ví như thái hư, không gì chẳng bao gồm, muốn lợi ích chúng sanh làm đủ mọi phương tiện, trước hết dùng Dục để lôi kéo, sau dạy họ nhập Phật trí, chớ nên dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy, bởi các ngài đã chứng Pháp Nhẫn, trọn không còn Ta - Người, chỉ muốn nhiếp thọ hết thảy chúng sanh vào trong biển pháp đại giác của Như Lai. Nếu so lường, suy tính sẽ thuộc về tình kiến, chẳng thể ngầm khế hợp với đạo vô nhân ngã cho được! Nói các ngài bố thí đầu, mắt, tủy, não là thật, còn như nói bố thí kỹ nữ, thể nữ v.v… bất quá nhằm diễn tả rộng cái tâm Bồ Tát, chớ vì lời hại ý[228]. Nếu chấp chết vào từ ngữ để hiểu đoạn văn *"kỹ nữ đầy khắp A Tăng Kỳ thế giới"* thì sẽ an trí họ nơi đâu? Điều này nhằm hiển thị Bồ Tát trong ngoài đều bỏ được, trọn chẳng tham tiếc. Trong là đầu, mắt, tủy, não; ngoài là quốc thành, vợ, con, chẳng sanh tham đắm một pháp nào; vì thế, trong sanh tử riêng Ngài được giải thoát.

(Khang Hy) phong thêm hiệu Ngạch Nhĩ Đức Ni (Erdeni), nghĩa là Quang Hiển. Ban Thiền thường được coi là hóa thân của Phật A Di Đà vì Đại Lai Lạt Ma thứ năm tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ban Thiền đời thứ chín do bất hòa với Đại Lai nên chạy sang Trung Quốc sống ở Bắc Kinh, đến năm 1935 theo lời mời của Đại Lai thứ 13 mới trở về Tây Tạng, nhưng mất trên đường về. Vị Ban Thiền được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây xét theo niên đại chính là vị Ban Thiền thứ chín.

[227] Hoằng Pháp đại sư (Kobo Dashi 774-835): Khai tổ Chân Ngôn Tông Nhật Bản. Sư xuất gia năm 12 tuổi tại Hòa Tuyền Trấn Vĩ Sơn Tự, pháp danh là Giáo Hải, sau đổi là Như Không, thọ Cụ Túc Giới ở chùa Đông Đại năm 14 tuổi, được đổi tên là Không Hải. Năm 15 tuổi, trong mộng từng cảm được kinh Đại Nhật, nhưng chưa giải ngộ. Năm 23 tuổi, vượt biển sang Trung Hoa, được thọ pháp Mật Tông nơi A-xà-lê Huệ Quả chùa Thanh Long, được quán đảnh làm A-xà-lê, mật hiệu Biến Chiếu Kim Cang. Năm Đại Đồng nguyên niên (806), Sư trở về Nhật Bản, giảng kinh Đại Nhật ở chùa Cửu Mễ thuộc Kinh Đô (Kyoto), cực lực hoằng dương Mật Tông, biện luận khuất phục các vị Đạo Hùng của Hoa Nghiêm Tông, Viên Chứng của Thiên Thai Tông nên được triều đình cho phép hoằng dương Mật Giáo rộng khắp nước Nhật. Ngài từng truyền thọ Mật pháp Kim Cang Giới cho các vị Tối Trừng (tổ dòng Thai Mật), Hòa Khí, Chân Cương v.v… Năm Hoằng Nhân thứ bảy (817), Sư được vua ban cho Cao Dã Sơn để kiến lập đạo tràng, được ban hiệu là Truyền Đăng pháp sư. Năm thứ 14, vua ban chiếu công nhận Cao Dã Sơn là đạo tràng vĩnh cửu của Mật Tông. Sư nhập diệt năm Thừa Hòa thứ hai (835), thọ 62 tuổi. Những trước tác quan trọng nhất Biện Hiển Mật Nhị Giáo Luận, Bí Tạng Bảo Thược, Thập Trụ Tâm Luận, Tức Thân Thành Phật Nghĩa, Thanh Tự Nghĩa, Hồng Tự Nghĩa, Bát Nhã Tâm Kinh Bí Kiện (những tác phẩm này được coi là cơ sở lý luận kinh điển cho Chân Ngôn Tông Nhật Bản), Phó Pháp Truyện, Ngự Di Cáo, Đại Tất Đàm Chương, Triện Lệ Vạn Tượng Danh Nghĩa, Văn Bút Nhãn Tâm Sao, Tánh Linh Tập v.v...

[228] Ý nói chớ hiểu lầm văn tự, đến nỗi không hiểu được ý nghĩa chân thật của kinh.

Những kẻ nhận bố thí, được nguyện lực của Bồ Tát nhiếp trì sẽ ngay trong lúc ấy hoặc vào đời sau không ai chẳng tự hưởng lợi ích liễu sanh thoát tử. Như vua Ca Lợi[229] cắt chặt thân thể [của Nhẫn Nhục tiên nhân], về sau thành người được độ đầu tiên tức ngài Kiều Trần Như. Tâm đại Bồ Đề lượng như thái hư sao có thể dùng tiểu tri tiểu kiến của phàm phu để dò lường cho được? Phải biết: Phàm phu chưa đắc Pháp Nhẫn trong tâm hãy nên kính mộ đạo Bồ Tát, nhưng hành động nên học theo những lý thông thường của phàm phu . Nếu không, bèn đối với việc trụ trì pháp đạo rất có thể bị phương ngại. Nếu chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn tức là chưa trụ trì pháp đạo, cũng chẳng nên học theo những chuyện bỏ đầu, mắt, tủy, não v.v… của Bồ Tát, bởi sức mình chưa đủ, chẳng kham nhẫn chịu được, dù mình hay người đều không ích lợi gì. Phàm phu phải hành theo những gì mình có thể làm thì mới nên!

77. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù

Trước kia đại mộng chưa tỉnh, nên có xung đột, khôn ngăn hổ thẹn! Nay tỉnh mộng rồi, vốn chẳng muốn nói năng chi, nhưng sợ các hạ có chỗ chưa thấu tỏ nên phải bèn trình bày đại lược. Mạnh Tử nói: *"Có tiếng tăm không ngờ tới, ắt sẽ bị cái vạ chê trách cầu toàn"*. Mạnh Tử nói lời ấy hết sức xác đáng, nhưng chưa nêu rõ được nguyên do. Phật nói hết thảy lợi, suy, đề cao, hủy báng, khen ngợi, chê trách, khổ, vui, mỗi điều đều có tiền nhân nên hiện thời chịu quả. Hiểu rõ điều này thì chỉ nên tự sám hối túc nghiệp, hơi đâu oán trách người khác! Vì vậy, quân tử trên chẳng oán trời, dưới chẳng hờn người, hễ phú quý bèn sống theo phú quý, hễ bần tiện bèn sống theo bần tiện, hễ sống nơi mọi rợ bèn sống theo lối mọi rợ, gặp hoạn nạn bèn thuận theo hoạn nạn, được sủng ái bèn sợ, bị nhục chẳng oán, cảnh nghịch xảy đến bèn thuận theo, không gì chẳng tự tại tiêu dao!

Bài truyện ấy[230] viết vào năm Dân Quốc thứ mười ba (1924), ông ta ở công ty Duyệt Lai tại Thanh Đảo, gởi thư cho Quang, chứ quả thật chưa gởi tác phẩm đến, Quang cực lực chê trách, bảo ông ta hãy hủy bản cảo đi. Đến tháng Tư năm nay, ông ta đem cuốn Niên Phổ do mình soạn đưa cho Quang xem. Trong phần Niên Phổ năm Dân Quốc thứ mười ba (1924) có chép đoạn văn ấy.

---

[229] Vua Ca Lợi (Kalingarā) là một vị vua trong kiếp quá khứ của Phật, đôi chỗ còn phiên âm là Yết Lợi Vương, Ca Lăng Già Vương, Yết Lăng Già Vương, hoặc Già Lam Phù Vương, hoặc dịch nghĩa là Đấu Tránh Vương, Ác Sanh Vương, Ác Thế Vương, Ác Thế Vô Đạo Vương. Thuở quá khứ, Phật là một vị tiên nhân tu Nhẫn Nhục, ông vua này ác nghịch vô đạo. Một hôm, vua rời cung du hành. Khi vua ngủ, các thị nữ bỏ đi chơi, gặp vị tiên nhân đang tọa thiền bèn ngồi lại nghe pháp. Vua tỉnh giấc, đi tìm, thấy vậy, ghen tức, sai người chặt chân tay tiên nhân. Tiên nhân vẫn không sân hận, lại còn thề khi thành Phật sẽ độ vua này trước. Vị tiên nhân khi ấy nay là Phật Thích Ca, vua Ca Lợi là ngài Kiều Trần Như.

[230] Bài Ấn Quang Pháp Sư Truyện do Mã Khế Tây viết.

Quang xé nát bài truyện ấy, cực lực quở trách, bảo ông ta là người như thế nào mà lại tự soạn Niên Phổ, cớ sao lại bịa chuyện hãm Quang vào cái tội cực đại "đem phàm lạm thánh, miệt thị những bậc tri thức Tông, Giáo và những bậc hiền sĩ, đại phu trong thiên hạ", bảo ông ta vĩnh viễn không được chép nữa! Đến tháng Tám, do thúc giục nhà in ấn loát bản Quán Âm Tụng, đến đất Thân (Thượng Hải), từ nơi chỗ bè bạn, trông thấy bản văn của ông ta được in dầu[231], Quang đem về xé đi. Khi ấy, ông ta cũng đang ở nhờ chùa Thái Bình, tôi bảo ông ta: "Ông xưng tụng Quang như thế này, thật còn hơn cầm dao giết Quang trăm ngàn vạn lần, chớ nên lưu truyền", không ngờ bài ấy đã sớm gởi cho tờ Hải Triều Âm[232] đăng báo rồi!

Đến khi các hạ gởi bài tới, Quang vẫn cho rằng mới in chưa lâu, vẫn còn có thể thâu thập được, cho nên mới bảo Úy Như khuyên các hạ tận sức thiêu hủy, mới là yêu thương tôi thật sự. Lại bảo những tờ lâm san[233], nguyệt san của Thượng Hải Cư Sĩ Lâm, Tịnh Nghiệp Xã đăng bài thanh minh kẻo người không biết tưởng ông ta thuận theo ý Quang mà viết bài đó. Đến khi các hạ gởi thư tới mới biết chẳng thể thâu thập, bèn ngộ được sự lý của những lời Mạnh Tử, Tử Tư[234], Phật đã nói, trong tâm không còn bận lòng về chuyện ấy nữa. Ấy là do túc nghiệp sai khiến, chỉ có thể oán đời trước ít chịu vun bồi, hơi đâu oán ông ta tạo lời đồn đãi xằng bậy! Đối với hành động ấy của Mã Khế Tây, và đối với hết thảy cảnh trước, Quang đều chẳng bận lòng nghĩ đến, may ra trở lại được với thiên chân của chính mình, rốt cuộc chẳng thẹn với tâm mình thì nhân họa bèn được phước, thật là may mắn lắm!

Các hạ in truyện ấy tùy ý các hạ, đốt đi cũng tốt, vứt đi cũng xong. Nếu như lòng thật yêu thương tôi, xin hãy đem những lời tôi khuyên răn ông ta trình bày tóm tắt độ vài trăm chữ in vào phần giấy trắng ở mặt trong bìa sách, ngõ hầu người không biết khỏi bắt chước theo thì càng tốt, chứ hoàn toàn chẳng phải nhằm rửa sạch lời vu báng ấy để khỏi bị người khác thóa mạ. Vì sao? Người ta thóa mạ càng nhiều, Quang được lợi ích càng sâu, bởi Quang không tự làm, lại bị thóa mạ, bèn được tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, như trong phần thứ mười sáu của kinh Kim Cang đã nói. Quang sắc lực suy nhược, bận rộn nhiều việc, đến nỗi công phu Tịnh nghiệp xao nhãng thật đáng thẹn. Do nhân duyên này, chẳng tu mà được lợi ích, may mắn nào hơn! .

---

[231] Du ấn: Một lối in dùng mực pha dầu để in, ta thường gọi là quay ronéo.

[232] Hải Triều Âm là tờ tạp chí Phật giáo trứ danh do Thái Hư đại sư, Tưởng Tác Bảo, Trần Nguyên Bá, Hoàng Bảo Thương v.v… sáng lập. Thoạt đầu báo có tên là Giác Xã Tùng Thư, ra số đầu vào tháng 11 năm Dân Quốc thứ 7 (1918), cứ ba tháng ra một số, đăng tải những bài nghiên cứu và hoằng dương Phật pháp. Sau khi phát hành được năm kỳ bèn đổi thành nguyệt san và đổi tên là Hải Triều Âm. Tờ báo này hiện vẫn còn đang phát hành tại Đài Loan.

[233] Lâm san: Tạp chí của Cư Sĩ Lâm.

[234] Tử Tư chính là cháu của Khổng Tử, ông tên thật là Khổng Cấp. Tương truyền, Mạnh Tử học đạo với ông này.

78. Thư gởi cư sĩ Nhiếp Vân Đài

Nhận được lời của Ngài khôn ngăn khâm phục, các hạ đã tiếp thừa được tâm pháp của Văn Chánh Công[235], vì thế có thể thoát ly tập khí phú quý, vui theo cái thiên chân của chính mình, chẳng bị vật chuyển. Còn như cuốn sách của ông X… nọ quả thật là diệu pháp để chấn hưng tình thế suy đồi, chỉ e ông X… nọ không có chí hướng ấy thì trọn chẳng có ích lợi gì. Nhưng phổ biến cho mọi người xem, ắt có người chịu hành theo. Trộm nghĩ nếu thúc đẩy nhân duyên đến cùng cực ắt có thể làm thánh, làm hiền, sẽ là bài văn chí lý để cứu thế; do sách ấy sẽ biết được đạo nhân quả thật sâu, thật xa. Ông ta cho nhân quả là Quyền Tiệm Tiểu Thừa, toàn là nghe lỏm nói mò đó thôi. Quang thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để bậc thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong thời thế hiện tại, nếu chẳng đề xướng nhân quả, báo ứng, dẫu Phật, Bồ Tát, thánh hiền cùng xuất hiện trong đời cũng chẳng làm gì được!"* Lại nói: *"Khéo dạy con cái là cái gốc để bình trị thiên hạ, nhưng dạy con gái là quan trọng nhất"*. Lại nói: *"Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa"*. Đời ít hiền nhân là vì thế gian thiếu hiền nữ! Có hiền nữ ắt có hiền thê, hiền mẫu vậy. Có hiền thê, hiền mẫu mà chồng, con người ấy chẳng hiền cũng hiếm hoi lắm.

Trường học đề xướng nam nữ bình quyền, thật là chẳng biết thời thế. Phải biết: Nam có nam quyền, nữ có nữ quyền. Giúp chồng dạy con chính là thiên chức của người nữ, quyền ấy cực lớn! Chẳng thấu hiểu điều đó, cứ đề xướng phụ nữ tham dự chánh trị là bình quyền, đúng là không phân đen, trắng, tạo thành mối loạn. Ngu kiến của Quang là như vậy đó, không biết các hạ có chấp nhận hay không? Nếu không quá sai lầm, trái nghịch, dám mong các hạ hãy ra sức phát huy rộng rãi điều này, cũng là một phương cách hỗ trợ cho thế đạo chưa hẳn là không thể vãn hồi được.

79. Thư trả lời cư sĩ Kiều Trí Như

Phàm nhân làm việc phải nghiêm túc làm, chớ nên qua quít, tắc trách, huống chi đệ tử Phật làm người giáo hóa trong nhà tù, có cái tâm cảm hóa con người, mang trách nhiệm thành tựu chánh khí! Sách Luận Ngữ nói: *"Quân tử chẳng nghĩ ra ngoài địa vị"*. Đã nhận lãnh chức ấy ắt phải đặt nặng chuyện mong mỏi tù nhân sửa đổi tấm lòng, nhận lãnh sự giáo hóa thì công đức ấy lớn lắm.

[235] Văn Chánh Công là thụy hiệu của danh thần Tăng Quốc Phiên đời Thanh. Nhiếp Vân Đài chính là cháu ngoại của Tăng Quốc Phiên. Ông Tăng học rộng, văn chương tinh áo, có tài chính trị, cùng với Lý Hồng Chương, ông đã tích cực dẹp yên nội loạn dưới thời vua Quang Tự. Những trước tác của ông được tập hợp thành bộ Tăng Văn Chánh Công Toàn Tập rất nổi tiếng.

Ông nói ba vị nữ cư sĩ muốn quy y, hãy bảo họ nên ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chẳng được cầu phước báo trời người trong đời sau, cần phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, cứu vớt sanh mạng, khéo dạy con cái. Con cái tuy còn nhỏ, vạn phần chẳng được để chúng nó mặc tình quen thói kiêu ngạo, thường phải nói chuyện nhân quả báo ứng cho chúng biết, khiến cho trong tâm chúng thường mang lòng kinh sợ, tự nhiên chẳng đến nỗi mai sau làm chuyện thương thiên tổn đức.

Chuyện đề xướng nhân quả báo ứng ấy và khéo dạy con cái chính là căn bản pháp luân khiến thiên hạ thái bình. Đối với hết thảy mọi người đều nên dùng điều này để khuyên lơn, chứ chẳng riêng gì nữ nhân. Bà Trần Ngô Thị pháp danh là Chí Thanh, bà Khang Kim Thị[236] pháp danh là Chí Tịnh, bà Nghê Khang Thị pháp danh là Chí Trừng, nói chung thể hiện ý chí lìa khỏi thế giới trược ác này, sanh về cõi Phật thanh tịnh kia mà thôi! Mong ông gởi thư đến họ, nói kèm ý cầu chúc của Quang, khiến họ trở thành người chân thật tu hành, cũng như dạy con cái tu hành, ngõ hầu chẳng thẹn với đại sự quy y Phật pháp vậy. Thiên hạ trị hay loạn là do sự rèn luyện trong gia đình có đạo đức hay không, căn bản ấy là điều nghị luận thiết thực vậy.

80. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên

Nhận được thư biết pháp môn Tịnh Độ ở quý địa do chính các hạ đề xướng khiến được thạnh hành, tôi lấy làm an ủi lắm. Quang chỉ uổng phô trương hư danh, chẳng có mảy may đức hạnh thật sự gì! Nhưng muốn người khác được ích lợi nên vờ phô trương thanh thế, dẫu tổn hại mình, nhưng có ích cho người khác cũng vui lòng. Như nói đến quả mơ miệng thấy chua, nghĩ đến vách đá, chân thấy run; tuy không phải là chuyện thật, nhưng người ta khởi tâm ấy cũng không phải là vô ích. Các hạ toan bắt chước chuyện cũ ở Từ Giác, thật là khiến cho Quang hổ thẹn không còn chỗ nào lánh được, Quang còn mong gởi đi hai mươi bộ Văn Sao, mong ông gởi cho những ai hữu duyên, cũng như giữ trong thư viện để người ta xem đọc lâu dài.

Lại như nay đề xướng Phật học, nên chuyên trọng pháp môn Tịnh Độ và nhân quả báo ứng, dạy người dự vào liên xã ai nấy đều phải kiêng giết, cứu vật, ai nấy khéo dạy con cái. Đất nước hoang loạn do thiếu người hiền, nguyên nhân là do trong gia đình không khéo dạy mà ra! Trong sự giáo dục gia đình, sự giáo dục của mẹ lại càng khẩn yếu. Vì thế, dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn dạy con trai! Có gái hiền ắt có vợ hiền, mẹ hiền. Con người lúc nhỏ có mẹ hiền, lớn lên có vợ hiền, muốn chẳng thành người hiền cũng không được! Đấy là

[236] Đây là cách nói quen thuộc của người Tàu thời xưa, khi đã có chồng không gọi tên tục (nhũ danh) mà gọi ghép họ chồng và họ mình. Khang Kim Thị nghĩa là bà họ Kim vợ ông họ Khang.

"gốc chánh nguồn trong" để mong cầu thái bình yên ổn vậy, mong các hạ lúc đề xướng Phật học, hãy ra rả nhắc đến điều này ngõ hầu Phật pháp lẫn thế gian pháp đều được chấn hưng.

81. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên[237]

Xem thư ông thấy nói đến chuyện làm học sinh, khó khiến người ta không bật cười. Nay tôi nêu một thí dụ. Ví như quan Ngự Y ở Thái Y Viện, phàm là sách thuốc, gốc bệnh, bí quyết xem mạch[238], đọc nhuần như gương sáng hiện bóng, nhưng đến lúc chẩn bệnh bèn rối beng không biết đường nào mà lần, chẳng biết nên dùng thuốc gì! Lời hỏi của ông chẳng khác với kiến thức của ông thầy thuốc ấy mảy may nào! Phật pháp vốn dạy người liễu sanh tử, chẳng phải chỉ là một kiểu nói năng cao siêu huyền diệu. Những kẻ tri kiến hèn kém kia dùng Triết Học để nghiên cứu Phật pháp, ắt trước hết phải bảo cho họ biết duyên do Phật thuyết pháp là vì muốn đối trị tập khí của con người, rửa lòng gột ý, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, từ bi, nhân nhượng, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, tự lợi, lợi tha cùng chứng Chân Thường, tu tập dần dần, cho đến khi thành Phật đạo. Tất cả kinh giáo đều nhằm nêu tỏ những sự lý như trên vừa nói. Nếu chỉ mong hiểu rõ, chẳng muốn thật hành, khác gì kép hát đóng tuồng, còn nói là học sinh được ư?

Như ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp, nghiên cứu các tông Tánh, Tướng chẳng trở ngại gì, nhưng vẫn phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chỗ nương về, ngõ hầu chẳng đến nỗi có nhân không quả, biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời nói trơn tru ngoài miệng, không do đâu được lợi ích thật sự. Ắt phải trọng lòng kính, giữ lòng thành, xem kinh - tượng như vị Phật sống, chẳng dám chớm chút ý coi thường, ngõ hầu tùy lòng thành của mình lớn hay nhỏ sẽ được những lợi ích sâu hay cạn! Đối với người độn căn, hãy nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ. Nếu quả thật tin cho tới nơi, giữ cho chắc, nhất định trong đời này sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ hiểu sâu xa kinh luận chẳng thật hành pháp môn Tịnh Độ thì lợi ích đúng là khác biệt một trời một vực. Những điều vừa nói đó, bất luận là tư cách nào, lúc ban đầu cứ cho uống loại thuốc Một Vị này, bất luận những căn bệnh như tà chấp, thấy

[237] Ông này là người Vũ Cương, tỉnh Hồ Nam, không rõ năm sanh, mất năm 1941. Thoạt đầu quy y với Ấn Quang đại sư, tu học Tịnh Độ, sau ngả theo học Duy Thức, từng đảm nhiệm vai trò giáo vụ của Phật Học Viện Vũ Xương, chủ biên những tạp chí Hải Triều Âm, Đông Phương Văn Hóa. Ông cũng là trợ thủ trọng yếu cho sự nghiệp hoằng pháp của Thái Hư đại sư trong thời kỳ đầu. Ông viết rất nhiều về Duy Thức như các tác phẩm Phật Học Giảng Diễn Tập, Duy Thức Nghiên Cứu Thuật Yếu, Duy Thức Dị Giản…

[238] Chỉ chung các loại sách dạy về cách xem mạch chẩn bệnh như Bình Hồ Mạch Quyết, Vương Thúc Hòa Mạch Quyết.

biết sai lầm, ngã mạn, phóng túng, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình cam phận hèn kém, không bệnh nào kê thuốc A Già Đà Nhất Vị trị chung vạn bệnh này mà chẳng lành.

Ông học đầy một bụng Phật pháp, đối với hai loại học sinh ấy không biết làm sao? Cho thấy ông chỉ biết nói đến thuốc, chứ tự mình chưa từng thực hành. Nếu ông thực hành, trọn chẳng đến nỗi ôm mối nghi ấy. Xưa kia, có kẻ coi các ngài Văn Thù, Phổ Hiền như bè bạn ngang hàng, đều là do không thể phân biệt chân - ngụy, đến nỗi bối rối không biết làm sao, rất có thể coi ngụy là chân. Cha ông không thể ăn chay là do không chú tâm suy xét, quay trở lại quán thân. Nếu như thấy chính mình là con vật bị giết để ăn, sẽ trọn chẳng mong người ta giết mình ăn thịt. Nay có ngũ cốc để dưỡng mạng, vẫn còn muốn thỏa lòng tham, sanh tử chẳng xong, đến lúc bị người ta giết, thật đáng thương xót, nhưng không thể cứu giúp, buồn thay! Niệm Như đã xuống tóc, thọ giới, đương nhiên là chánh lý, cần gì phải chờ đợi! Chỉ cần xét kỹ tâm mình, và suy xét cảm tưởng trong lúc đối cảnh hằng ngày, nếu có thể tu dưỡng trong sạch bèn thành tựu Tăng tướng. Dù có gần gũi khí tượng ấy, nhưng nếu khó trọn cái tâm sắt son trăm lần vấp ngã chẳng lùi thì lấy chồng vẫn tốt hơn, Niệm Quang cũng vậy!

Trong một số báo nào đó, ông cho đăng tải những lời nghị luận của hai người Niệm Như, Niệm Quang, Quang tôi trọn chẳng cho đó là đúng. Dẫu quả thật đó là lời của bé gái chín tuổi nói thì không đăng báo có mất gì đâu! Nếu là viết thác ra như thế lại thành dối đời lừa người, trở thành trá ngụy. Nếu do chính những người đó viết thì chắc là tự kiêu, tự thị, trở thành ngã mạn. Đấy đều là vì ông gặp chứng bệnh không biết cách bốc thuốc vậy. Ông đã không coi Quang là vô tri thì Quang cũng chẳng ngại lấy vô tri làm hữu tri, thưa cùng ông: Ông trọn chẳng biết pháp tắc dạy người tiểu căn nên mới làm như vậy. Nếu ông biết sẽ trọn chẳng đăng báo! Hiển Âm thiên tư cực thông minh, ông ta vốn háo thắng, háo danh, Đế pháp sư (ngài Đế Nhàn) chẳng thể cắt thuốc để đè nén cái bệnh phô trương, kiêu căng của ông ta, rồi sau ông ta đoản mạng chết đi. Đối với Niệm Quang, ông cũng giống như thế.

Cư sĩ Vô Đắc có cha già sáu mươi tuổi, có nên xuất gia chăng? Nếu không xuất gia không cách nào nghe pháp tu hành, vẫn có cách bổ cứu. Nay những rào ngăn đã rỡ bỏ[239], người tại gia nghiên cứu tu tập nhiều như rừng, mà lợi ích sanh về Tây Phương cũng thường có chuyện như thế, cần gì phải bỏ cha xuất gia? Quang tuyệt đối chẳng tán thành chuyện này. Dựa theo sự thực mà nói, trong việc tu hành hiện thời, tu tại gia vẫn tốt hơn, vì sao? Do hết thảy vô ngại.

[239] Ý nói những hạn chế về việc nghiên cứu kinh giáo đã bị bỏ đi, chẳng hạn như xưa kia tại gia cư sĩ không được nghiên cứu Luật Tạng.

Người xuất gia có nhiều chướng ngại hơn người tại gia. Vì thế, những ai không thật sự phát đạo tâm đều trở thành phường hạ lưu, không ích lợi gì cho pháp, nhục lây đến Phật!

82. Thư trả lời cư sĩ Uông Vũ Mộc

Đính kèm thư của ông Uông:

Vũ Mộc niệm Phật mười năm, biết đại lược chỉ thú. Trộm nghĩ, phương pháp Niệm Phật dạy bởi các đại sư Linh Phong, Mộng Đông và bộ Văn Sao của thầy tôi đại để đều vì ngu phu, ngu phụ nói chung mà lập thuyết. Nếu bọn chúng tôi là những người thông hiểu văn tự, tâm tư phức tạp mà vẫn dùng phương pháp Niệm Phật của hàng ngu phu, ngu phụ ấy, chắc chắn chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Ý kẻ hèn này cho rằng người niệm Phật cầu được vãng sanh, trước hết phải biết "người niệm Phật là ai", có thấy được vị chủ nhân ông thì niệm Phật mới có ích lợi, vãng sanh mới nắm chắc được! Chẳng riêng gì niệm Phật phải như thế, ngay cả niệm kinh, trì chú, cũng không thể không như vậy! Người ta bây giờ cứ động đến bèn nói "thật thà niệm Phật, chết lòng niệm Phật liền được vãng sanh", không biết rằng nếu không biết "người niệm Phật là ai?" làm sao thật thà niệm Phật cho được, làm sao chết lòng niệm Phật cho được, dù có ngày đêm niệm mười vạn tiếng, đối với sanh tử nào có liên can chi! Có người đem chuyện "cổ nhân đa phần chuyên chú trì danh, chẳng tham cứu người niệm Phật là ai" để cật vấn, Vũ Mộc nói: "Đấy là chuyện của cổ đức sau khi đã tham cứu xong, kẻ sơ tâm chẳng thể bắt chước được!" Vũ Mộc thấy người niệm Phật ngày nay mười người hết chín chẳng hiểu ý chỉ này, thật đáng thương xót, thường luôn luôn rát miệng khuyên người, nhưng trong hàng cư sĩ có người cho tôi là kẻ tà kiến. Chân nghĩa của Phật pháp chìm tối đến như thế, khôn ngăn buồn đau than thở! Nay riêng tỏ bày nỗi ưu hoài, kính cầu ấn chứng, cũng như khai thị cho rõ thêm thì chúng sanh may mắn lắm, nào phải riêng mình Vũ Mộc may mắn mà thôi!

Xem kỹ thư ông gởi đến, khôn ngăn khâm phục. Các hạ muốn cho hết thảy mọi người tự thấy được bổn lai, thẳng lên Thượng Phẩm. Quán kinh nói *"đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa, phát Bồ Đề tâm, khuyến tấn hành giả"* có phải là nói đến các hạ đấy chăng? Tuy nhiên, thuyết pháp phải xét căn cơ. Nếu chẳng xét căn cơ, trao lầm pháp dược, thì chẳng khác gì gã thầy thuốc dốt dùng thuốc giết người. Phải biết hai tông Thiền, Tịnh, quy về gốc là một, nhưng cách tu khác nhau: Thiền lấy thấy thấu triệt bản lai diện mục làm tông, Tịnh lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh làm tông. Nếu cõi đời đều là thượng căn thì những gì các hạ nói quả thật hữu ích. Nhưng thượng căn rất ít, trung căn, hạ căn thật

nhiều, chẳng dạy họ lấy tín nguyện cầu sanh mà lại dạy họ tham cứu "người niệm Phật là ai", tham thấu tỏ được thì may mắn vô cùng, nhưng vẫn phải chú trọng phát nguyện thiết tha cầu được vãng sanh. Nếu tham không thấu, trong tâm giữ hoài ý niệm không biết "người niệm Phật là ai" thì chẳng thể vãng sanh, sẽ trọn chẳng có chuyện cảm ứng đạo giao cùng Phật, đích thân được Phật tiếp dẫn.

Nhưng hiện thời người tham cứu thật sự đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ được mấy kẻ? Phàm ai hiểu "người niệm Phật là ai" chính là người đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh vậy. Đừng nói ai khác, ngay đến các hạ cũng chưa hề đạt đến địa vị ấy! Vì sao biết các hạ chưa đạt? Vì nếu đạt, quyết chẳng dám nói những câu: *"Các vị Linh Phong, Mộng Đông vì kẻ ngu phu, ngu phụ mà lập thuyết, không biết người niệm Phật là ai, dù có thật thà niệm Phật, chết lòng niệm Phật, cũng chẳng được gọi là thật thà, chết lòng. Dù ngày đêm niệm mười vạn tiếng, đối với sanh tử chẳng liên can gì!"* cũng như bảo: *"Cổ nhân chuyên chú trì danh vì đã tham cứu xong. Sơ tâm chẳng thể bắt chước theo"*. Do vậy tôi nói rằng: Tâm các hạ quả thật muốn tự lợi, lợi người, nhưng lời các hạ quả thật là mình lầm, làm người khác lầm, xin hãy nín lặng chớ nói. Nếu không một đại pháp môn phổ độ chúng sanh của Như Lai bị các hạ đóng chặt, lấp kín, không cách gì khai thông được! Tội ấy bằng với tội báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, há chẳng thận trọng ư!

Các hạ thấy biết như vậy là vì chẳng biết khế lý khế cơ, lầm chấp pháp lợi lạc bậc thượng căn, nên khuyên khắp mọi người đều tu tập, thành ra thiên chấp, thấy lầm; đem pháp chẳng hợp căn cơ lầm lạc khuyên người khác tu, cho đó là chân nghĩa của Phật pháp. Quang tuy tầm thường, hèn kém, nào dám tán thành, chấp nhận cái tội báng Phật, báng Pháp, báng Tăng của các hạ ư? Nếu các hạ cho là không đúng, xin hãy quăng [thư này] vào ngọn lửa, ai theo đường nấy mà thôi! Quang há có thể cưỡng các hạ bỏ cái học của chính ông để theo cái học của mình được sao? Chẳng qua các hạ hỏi đến, chẳng thể không thẳng thắn dâng lòng ngu thành. Mong các hạ thấu hiểu cho thì may mắn lắm!

83. Thư trả lời sư Thịnh Cơ

Hôm qua nhận được thư thầy, khôn ngăn cảm thán. Thầy học Phật, há có nên dùng tri kiến của chính mình để suy lường cảnh giới Phật ư? Suy không thấu bèn nẩy sanh nghi hoặc ư? Phàm chứng Chân Như thì tam tế[240] đều đoạn, mười giới[241] chìm hết. Do có nhân duyên nên cũng có thể trong một niệm hiện

[240] Tam tế, còn gọi là tam thế, tức quá khứ, hiện tại, vị lai.

[241] Mười giới chính là thập pháp giới gồm lục phàm pháp giới (trời, người, súc sanh, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ) và tứ thánh pháp giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật).

vô lượng kiếp, biến vô lượng kiếp thành một niệm, niệm và kiếp viên dung, nhưng hai thứ chẳng lẫn lộn. Thầy nói *"mười sáu tiểu kiếp giống như một bữa ăn, năm mươi tiểu kiếp chỉ như nửa ngày"* không thể có sự - lý ấy, như vậy những chuyện kinh nói lớn - nhỏ vào trong nhau, niệm và kiếp hiện lẫn nhau đều là nói dối ư? Như Lai lúc mới thành Chánh Giác, hiện tướng Báo Thân viên mãn, vì bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ nói kinh Hoa Nghiêm, hàng Nhị Thừa trong hội chẳng thấy chẳng nghe, chỉ thấy đức Phật mang hình tướng một vị lão tỳ-kheo, pháp họ được nghe chính là sanh diệt Tứ Đế. Vì thế, kinh Duy Ma nói: *"Phật dùng một tiếng diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy mỗi loại đều được hiểu"*. Ông nói không có sự - lý ấy hay sao? Phải biết Thời không phải là pháp nhất định, tùy mỗi người thấy khác nhau. Hãy gác cảnh giới của Phật, Bồ Tát lại; chỉ lấy cảnh giới của phàm phu, tiểu trí để bàn. Con của Châu Linh Vương là Tử Tấn[242] học đạo Tiên, qua bảy ngày, xuất hiện tại Hầu Sơn, đã qua đời Tấn. Vì thế có thơ rằng:

Vương tử khứ cầu tiên,
Đan thành nhập cửu thiên,
Động trung phương thất nhật,
Thế thượng kỳ thiên niên.
(Vương tử học đạo tiên,
Đan thành[243] lên trời thẳm,
Trong động vừa bảy bữa,
Ngoài đời gần ngàn năm)

(Chữ Kỷ 幾 đọc âm bình thanh, có nghĩa là gần. Từ Châu Linh Vương đến đời Tấn gần một ngàn năm).

Lại như Lữ Thuần Dương[244] gặp Chung Ly Quyền nơi quán trọ Hàm Đan, họ Chung khuyên học đạo Tiên, ông Lữ muốn được phú quý rồi mới học, ông Chung đưa cho một cái gối bảo nằm ngủ. Họ Lữ mộng thấy làm quan chức từ nhỏ đến lớn, làm đến Tể Tướng, năm mươi năm phú quý vinh hoa hiếm có trong đời, con cháu đầy nhà, vui sướng không tai ương. Về sau chỉ do một

[242] Tử Tấn: theo truyền thuyết ông này vốn là thái tử của Châu Linh Vương, thường được gọi là Vương Tử Tấn, tính thích thổi tiêu, vào Tung Sơn tu luyện ba mươi năm, sau cỡi bạch hạc bay lên tận đỉnh Hầu Sơn. Về sau thành tiên. Hầu Sơn nay thuộc huyện Yển Sư, tỉnh Hà Nam.

[243] Những người tu Tiên về sau theo thuyết của Cát Hồng thường nấu luyện thủy ngân, chì, vàng, lưu huỳnh... theo những phương thức bí truyền thành một loại thuốc họ tin là uống vào sẽ trường sanh bất tử, thành tiên bay lên trời, gọi là Kim Đan. Vì thế, khi ai tu thành tiên cũng gọi là "đan thành" (luyện Kim Đan thành công). Rất nhiều người đã trúng độc chết do uống những thứ Kim Đan này.

[244] Lữ Thuần Dương: Tức Lữ Nham, tự Động Tân, đạo hiệu Thuần Dương Tử, là người huyện Vĩnh Lạc, Phố Châu. Trong thời Đường Vũ Tông (841-846), ông hai lượt thi rớt Tiến Sĩ, lúc ấy đã 64 tuổi, ở Trường An (Hàm Đan), gặp được Vân Phòng tiên sinh (Chung Ly Quyền), thị hiện giấc mộng như Tổ Ấn Quang đã thuật trong đoạn văn trên. Họ Lữ tỉnh mộng, theo Chung Ly Quyền tu học, sau thành Tiên.

chuyện không hợp ý bề trên, bèn bị giáng. Tỉnh dậy, thấy lúc mới ngủ, chủ quán trọ nấu nồi cháo kê vàng; ra vào làm tướng, trong giấc mộng bao nhiêu là chuyện suốt cả năm mươi năm, đến lúc tỉnh, nồi cháo kê vàng vẫn chưa chín! Đấy chẳng qua là những cảnh do Tiên hiện, trong một niệm còn hiện được những sự nghiệp cảnh giới trong năm mươi năm, huống chi là cảnh giới của Phật là trời của các vị trời, thánh của các thánh, cảnh giới của các vị Bồ Tát đã chứng Pháp Thân ư?

Vì thế, Thiện Tài vào lầu gác của Di Lặc Bồ Tát, vào trong lỗ chân lông của ngài Phổ Hiền, đều trong mười phương thế giới hành Lục Độ vạn hạnh, trải Phật sát vi trần số kiếp[245]. Ông xem đoạn kinh văn ấy có suy lường được hay không? Phải biết Tam Tế không có thật thể, phận phàm phu chỉ thấy được những cảnh phàm phu có thể thấy, chẳng nên vin vào cảnh được thấy bởi phàm phu rồi cho là Phật, Bồ Tát cũng giống như thế, trọn chẳng khác gì! Nay tôi dùng thí dụ để luận rõ, như tấm gương chiếu mấy mươi tầng nước non, lầu gác, thật không có gần - xa, nhưng lại thấy xa - gần rành rành. Sắc pháp thế gian còn được như thế, huống gì tâm pháp đã chứng duy tâm tự tánh? Bởi thế, nói: *"Trong một đầu lông, hiện cõi Bảo Vương*[246]*, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân"*. Mười đời xưa - nay, đầu - cuối chẳng lìa cái niệm hiện tại, vô biên cõi nước, ta - người chẳng cách đầu một sợi lông. Thầy đã phát tâm bế quan, hãy nên khẩn thiết chí thành lễ bái, trì tụng cầu Tam Bảo gia bị khiến cho nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao.

Phàm những gì thuộc cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chỉ nên ngửa tin lời Phật, chớ suy lường xằng. Nếu có thể khẩn thiết đến cùng cực, sẽ tự có thể hiểu rõ, cũng không cần phải hỏi ai khác! Nếu chẳng dốc sức khẩn thiết, chí thành lễ bái, trì tụng, suốt ngày lầm lạc suy lường những cảnh giới mà phàm phu chẳng thể suy lường được sẽ đi vào vết xe đổ của Huyễn Nhân pháp sư[247], muốn chẳng vướng lấy tội báo báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, há có được chăng? Mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm.

---

[245] Cuối phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi tham học với năm mươi mốt vị thiện tri thức, Thiện Tài gặp vị thiện tri thức thứ 52 là ngài Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát dẫn Thiện Tài vào Tỳ Lô Giá Na Tạng lâu các của mình. Thiện Tài quán sát những cảnh tượng trong ấy bèn tự chứng ngộ Pháp Thân.

[246] Bảo Vương là một danh hiệu tôn xưng đức Phật, nói đủ là Bảo Vương Như Lai, ý nói đức Phật quý báu không gì bằng. Cõi Bảo Vương tức là phạm vi hóa độ của đức Phật (tối thiểu là một tam thiên đại thiên thế giới).

[247] Huyễn Nhân pháp sư là một nhà sư sống cùng thời tổ Ấn Quang. Sư không tin Tịnh Độ, thường chê cười Tịnh Độ. Trong Thái Hư Đại Sư Toàn Tập cũng có cho biết vị này từng tranh biện với tổ Ấn Quang.

84. Thư trả lời cư sĩ Phương Viễn Phàm

Người thế gian bệnh tật phần nhiều đều do chính họ tự tạo. Ngay cả căn bệnh của lệnh nghiêm[248] là do chẳng biết cẩn thận bụng miệng, ham ăn trái cây và những thứ lạnh mát mà ra! Đến khi mắc bệnh lại chẳng khéo dưỡng sức để khôi phục, cứ một mực thay đổi nhiều thầy thuốc. Mỗi khi thầy thuốc gặp được người bệnh giàu có liền hoan hỷ quá đỗi, bèn dùng đủ mọi phương pháp bày vẽ, rồi mới làm cho bệnh bớt đi, ngõ hầu thâu được nhiều tiền. Nhưng người giỏi thuốc cũng chỉ chữa được bệnh, chẳng thể chữa được nghiệp. Ngay như Tử Trọng mắc bệnh loét ruột, bác sĩ bảo không giải phẫu không được, bà thím Tư của ông chẳng cam lòng, bèn không chữa, cùng Đức Chương liều mạng niệm Phật, niệm kinh Kim Cang, năm ngày bèn khỏi. Căn bệnh ấy có thể nói là ngặt nghèo nhất, nguy hiểm nhất, nhưng không trị năm ngày bèn khỏi. Tử Tường bị điên là do túc nghiệp, do bà thím Tư của ông chí thành lễ tụng, nửa năm bèn khỏi. Cha ông đã quy y Phật pháp, hãy nên y theo lời Phật, chớ tin tưởng bác sĩ Tây Y phải đến chữa tại y viện của họ

Nếu như hết thảy bệnh đều do y học chữa lành, không chữa sẽ không lành thì hoàng đế và những kẻ đại phú quý xưa nay đều vĩnh viễn không đổ bệnh, cũng vĩnh viễn không chết mất. Nhưng kẻ nghèo khó lại ít bệnh, thường sống lâu, kẻ phú quý lắm bệnh, lại hay đoản thọ! Nguyên nhân vì đâu? Do một là tự gây ra bệnh, hai là do thầy thuốc gây nên bệnh. Có hai công năng tạo bệnh như thế mà muốn thoát khỏi bệnh khổ há có được ư? Mong ông hãy bảo cùng cha, không cần phải lên Thượng Hải cầu Tây Y, cứ ở nhà cầu A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát đại y vương, sẽ tự có thể không dùng thuốc mà bệnh lành. Cầu Tây Y thì lành hay không chỉ có một nửa, cầu đại y vương thì hoặc là thân lành bệnh, hoặc là thân chưa lành nhưng thần thức chắc chắn thấy tốt hơn.

Nếu muốn được khỏe ngay, hoàn toàn phế bỏ những giới đã giữ trước kia, thật giống như khoét thịt thành vết thương, bị tổn hại vô ích! Khi Tây Y chưa truyền vào Trung Quốc, người Trung Quốc có bệnh đều chẳng thể trị lành ư? Vì thế, phải buông vọng tưởng xuống, đề khởi chánh niệm, sẽ cảm ứng đạo giao, có thể tự khỏi hoàn toàn! Như nói "trời lạnh thân yếu, phải mặc áo tơ lụa; nếu không, chẳng thể sống được!" Nếu mượn cớ lạnh yếu để tự mong cầu loại vải nhẹ nhàng, hoa mỹ thì là kẻ không biết hổ thẹn, bởi phải giết mạng tằm quả thật không ít! Còn như chuyện uống A Giao[249] càng không nên hỏi, có khác gì ăn thịt đâu! Uống A Giao có khỏi lạnh được chăng? Nếu hằng ngày lễ bái thân thể tự nhiên sẽ mạnh mẽ, cần gì phải dùng A Giao? Những người nghèo khó

[248] Lệnh nghiêm: tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng cha người khác.
[249] A Giao: tên một loại thuốc, đặc sản của huyện A tỉnh Sơn Đông. Thuốc chế bằng cách dùng nước giếng A Tỉnh nấu da con lừa đen thành keo, nên gọi là A Giao.

kia họ cũng sống qua được mùa Đông, có ai cần dùng vải lụa, A Giao đâu? Một lời tóm gọn hết: "Không biết hổ thẹn!" và "chẳng biết mình là hạng người gì" mà thôi! Mong hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

85. Thư trả lời cư sĩ Huệ Lãng

Nhận được thư khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng. Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết đến cơm cháo, sao có thể cùng các vị luận bàn ngoại điển[250]? Nhưng đã nhờ cậy đến, chỉ đành nói đại lược duyên do. Muốn biết nghĩa lý ấy và chủ trương của Liệt Tử[251] thì trước hết phải biết Mạng là vật gì, Lực là vật gì, cũng như nơi ý ông ta hiểu hai chữ ấy nghĩa là gì, rồi mới bàn đến chủ trương thì mới là ngôn luận hữu ích cho thế đạo nhân tâm. Nếu điều gì cũng không biết thì cái thuyết Lực - Mạng ấy, cả Nho lẫn Phật đều không chấp thuận!

Mạng là gì? Chính là quả báo của những gì đã làm trong đời trước, lại là những gì có được do thuận theo đạo nghĩa mà hành thì mới gọi là Mạng. Cái gì có được do chẳng theo đạo nghĩa mà hành đều chẳng được gọi là Mạng, bởi sau khi đạt được, cái khổ đời sau sẽ chẳng nỡ thấy nghe được nổi! Như trộm cướp tiền tài của người ta, dường như tạm thời giàu có, một mai quan phủ biết được, ắt phải đầu một nơi, thân một nẻo, sao có thể lấy cái vui tạm thời gọi là Mạng cho được?

Lực là gì? Là những gì đã làm trong đời này. Nhưng cái làm ấy có hai thứ, một đằng là chuyên dùng tài trí mưu mô dối trá, một đằng là chuyên dùng khắc kỷ, giữ lễ để tu trì. Liệt Tử nói đến Mạng lẫn lộn chẳng phân biệt, nói đến Lực đa phần chú trọng đến mánh khóe, lừa dối. Vì thế, [khi bị bắt bẻ] "dẫu dốc sức nhưng sao vẫn bị mạng đè nén", không thể trả lời được! [Liệt Tử] xem chuyện Khổng Tử bị khốn đốn ở đất Trần, đất Sái, xem chuyện Điền Hằng[252] chiếm nước Tề là Mạng, như vậy còn có thể bảo là biết Mạng được chăng? Khổng Tử chẳng gặp được vua hiền, chẳng thể làm cho thiên hạ bình trị yên vui, là do nghiệp lực của dân chúng trong thiên hạ cảm vời, nào có liên can gì đến Khổng Tử! Nhan Uyên chết yểu, nghĩa cũng giống như thế. Điền Hằng có được nước Tề là do soán đoạt mà được, sao có thể gọi là Mạng? Nay tuy là vua Tề, nhưng một hơi thở ra không hít vào được, liền thành tù nhân trong A Tỳ địa ngục. Gọi

[250] Ngoại điển: Những kinh sách không phải của Phật giáo đều gọi là ngoại điển.
[251] Liệt Tử: Tức Liệt Ngự Khấu, một tư tưởng gia thời Chiến Quốc. Tác phẩm của ông ta cũng được gọi là Liệt Tử, hay gọi theo truyền thống Đạo Gia là Xung Hư Kinh. Thiên văn sách được nói đến trong lá thư này chính là thiên Lực Mạng của sách Liệt Tử.
[252] Năm 418 trước Công nguyên, Điền Hằng đánh bại tướng của Tề Giản Công. Tề Giản Công phải bỏ trốn, sau bị giết, Điền Hằng trở thành vua nước Tề. Tề Giản Công là hậu duệ của Khương Thượng (Khương Tử Nha).

đó là Mạng thì chính là dạy người đừng tu đạo nghĩa mà hãy mặc sức cướp đoạt vậy!

Vì thế, tôi nói: *"Liệt Tử không biết mạng! Chẳng thấy Mạnh Tử luận về Mạng hay sao?"* Cái mạng ắt phải do cùng lý tận tánh mà đạt được mới gọi là Chân Mạng. Nếu chẳng y theo đạo nghĩa mà được, hoặc chẳng y theo đạo nghĩa mà mất đều chẳng thể gọi là Mạng. Liệt Tử luận về Lực, đa phần thuộc về tài trí mánh khóe, biến trá, thánh hiền không thèm nói đến! Hiền thánh đều nói chuyện khắc kỷ, giữ lễ để tu trì: *"Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, nhưng cuồng khắc chế được niệm sẽ thành thánh. Nhà tích thiện ắt điều mừng vui có thừa, nhà chất chứa bất thiện ắt tai ương có thừa. Làm lành trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành trăm họa ương giáng xuống! [Cưa] cây dõi theo dây mực ắt thẳng, vua nghe theo lời can gián nên thành thánh, thuận theo đạo dẫn đến điều tốt lành, trái nghịch lại là xấu, chỉ là do ảnh hưởng vậy! Đến năm mươi tuổi biết bốn mươi chín năm trước là sai, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể, cho ta sống thêm vài năm, năm mươi tuổi học Dịch hòng tránh lỗi lầm lớn. Ai cũng đều có thể là Nghiêu, Thuấn, kiêng dè cẩn thận ngay cả khi không bị nhìn thấy, kinh sợ ngay cả khi không bị nghe thấy"*, đấy đều là Lực. Đấy chính là những gì đạo Nho nói.

Còn như Phật giáo thì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, dạy sám hối nghiệp cũ, cải ác tu thiện, phải mong sao đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng Giới để giữ thân, chẳng làm điều phi lễ, dùng Định để nhiếp tâm, chẳng khởi vọng niệm, dùng Huệ đoạn Hoặc, thấy rõ bản tánh, đều dùng cái Lực khắc kỷ, giữ lễ tu trì. Hành theo cái Lực ấy còn thành được Phật đạo, huống gì những thứ thấp hơn ư? Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Cầu vợ được vợ* (cầu vợ là cầu người vợ hiền lành, trí huệ, trinh tịnh; nếu không như thế, làm sao hướng về Bồ Tát cầu cho được!) *cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn đắc Đại Niết Bàn"*. Đại Niết Bàn chính là Phật Quả rốt ráo, đều do y giáo tu trì mà được, Lực ấy lớn lắm, nào có hạn lượng!

Viên Liễu Phàm gặp Khổng tiên sinh đoán những chuyện trước việc sau, nhất nhất ứng nghiệm, bèn cho rằng "mạng có nhất định"; về sau gặp Vân Cốc thiền sư[253] khai thị, bèn ra sức tu trì cẩn thận, những điều ông Khổng đã đoán, không ứng nghiệm mảy may nào. Liễu Phàm là người hiền, dù ông ta có làm xằng, làm bậy, lời đoán của ông Khổng cũng chẳng linh. Do vậy, biết rằng:

[253] Hòa Thượng Vân Cốc không rõ năm sanh và mất, là một vị cao Tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào thời Nam Tống. Thoạt đầu theo học với Thạch Khê Nguyệt Tâm, được nối pháp vị này. Năm Bảo Hựu thứ 4 (1256) đời Tống Lý Tông, Sư trụ trì chùa Thánh Thọ ở Tô Châu, rồi chùa Bản Giác ở Gia Hưng, chùa Khai Nguyên ở Kiến Ninh (Giang Tây), cuối cùng trụ trì chùa Vân Nham tại núi Hổ Khâu ở phủ Bình Giang, còn để lại bộ Vân Cốc Hòa Thượng Ngữ Lục gồm 2 quyển.

Hiền thánh răn đời chỉ chú trọng tu trì. Như Lai dạy người cũng giống như thế! Vì vậy, Phật nói pháp môn Quyền, Thật, Đại, Tiểu, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh đoạn trừ Hoặc nghiệp huyễn vọng, chứng triệt để Phật tánh vốn sẵn có. Vì trong đời có kẻ cực ngu, cực độn, tu trì lâu ngày liền trở thành đại trí huệ, đại biện tài. Liệt Tử quy hết thảy về Mạng chính là ngăn trở cái chí mong thành thánh, thành hiền của người khác, khen ngợi cái tâm soán đoạt, gian ác, khiến kẻ thấp hèn bị họa hại vô cùng, người bậc thượng cũng nhụt chí phấn đấu gắng công cùng thời thế, đến nỗi suốt đời chẳng được dự vào hàng thánh hiền, trở thành một kẻ tầm thường xoàng xĩnh. Thiên văn sách ấy (tức thiên Lực Mạng trong sách Liệt Tử) hoàn toàn vô ích cho đời, nào có giá trị gì đáng để nghiên cứu! Quang lúc nhỏ không nỗ lực, tuổi già chẳng biết gì, ngẫu nhiên có ai hỏi đến, cứ mặc tình đáp theo ý mình, đúng hay sai mặc người chỉ dạy. Hơn nữa, Quang tuổi gần bảy mươi, tinh thần suy lụn, lại thêm bận việc quá nhiều, thật chẳng thể gắng gượng được. Xin đừng đem những chuyện như thế này lại hỏi. Nếu còn hỏi nữa, sẽ gởi lại nguyên thư, quyết chẳng hồi đáp kẻo khỏi vô ích cho người, tổn hại cho mình. Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm.

86. Thư trả lời Bàng Khế Trinh

Đạo Tế [254] thiền sư là bậc thánh nhân đại thần thông, muốn cho hết thảy mọi người sanh tâm chánh tín, nên thường hiện những chuyện chẳng thể nghĩ bàn, như uống rượu, ăn thịt để che giấu cái đức của bậc thánh nhân, ngõ hầu kẻ ngu thấy Ngài là người điên cuồng, chẳng theo khuôn phép; do đó, chẳng thể tin tưởng. Nếu không, Ngài sẽ chẳng thể ở trong thế gian này. Phàm Phật, Bồ Tát hiện thân, nếu thị hiện giống như phàm phu thì chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người khác, trọn chẳng hiển lộ thần thông. Còn nếu hiển lộ thần thông sẽ chẳng thể ở trong thế gian này. Chỉ khi nào thị hiện điên cuồng mới có thể hiển lộ thần thông không trở ngại gì, chứ không phải là người tu hành đều nên uống rượu, ăn thịt vậy! Người lành trong thế gian còn chẳng nên uống rượu ăn thịt, huống gì đệ tử Phật! Nếu muốn giáo hóa chúng sanh nhưng chính mình chẳng y giáo phụng hành thì chẳng những chẳng thể làm cho người khác sanh lòng tin, trái lại còn khiến họ thoái thất tín tâm. Vì thế, chẳng thể học đòi uống rượu, ăn

[254] Đạo Tế (1150-1209), người huyện Lâm Hải (tỉnh Chiết Giang) đời Tống, thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. Sư họ Lý, tên Tâm Viễn, tự là Hồ Ẩn. Năm 18 tuổi, xuống tóc tại chùa Linh Ẩn, thị hiện cuồng điên, ăn thịt chó, uống rượu, nên người đời gọi là Tế Điên. Trước sau, Sư tham học với các vị Pháp Không Nhất Bổn chùa Quốc Thanh, Đạo Thanh ở chùa Kỳ Viên, Đạo Tịnh chùa Quán Âm, sau trở thành môn hạ của ngài Hạt Đường Huệ Viễn ở núi Hổ Khâu, nối pháp vị này. Sư lại ở nhờ chùa Tịnh Từ, khi chùa bị cháy, Sư bèn đi quyên mộ xây dựng lại. Sư thường hiện nhiều chuyện thần dị. Chẳng hạn như cư dân ở Tần Hồ ăn ốc chặt bỏ phần đuôi vỏ ốc. Sư thường nhặt lấy bỏ xuống hồ, ốc sống lại không có đuôi. Năm Gia Định thứ hai (1209), Sư đoan tọa nhập diệt, thọ sáu mươi tuổi.

thịt. Ngài ăn thứ chết vào, mửa ra thứ sống, ông ăn thứ chết vào còn chẳng thể mửa ra miếng thịt nguyên dạng, làm sao học đòi Ngài ăn thịt cho được?

Ngài uống rượu vào, bèn có thể biến thành vàng để thếp tượng Phật, có thể khiến cho vô số cây gỗ lớn từ trong giếng trồi lên. Ông uống rượu vào, khiến cho nước giếng còn chẳng trồi lên nổi, sao học đòi Ngài cho được? Truyện Tế Công có mấy thứ, chỉ có truyện Túy Bồ Đề là hay nhất. Gần đây, truyện ấy được lưu truyền đến tám loại, đa phần do người đời sau thêm thắt. Túy Bồ Đề cả văn lẫn nghĩa đều hay, thuật những chuyện đều là sự thật khi ấy. Người đời chẳng biết nguyên do, nếu không học đòi xằng bậy thì lại lầm lạc hủy báng. Học xằng sẽ quyết định đọa A Tỳ địa ngục, hủy báng bậy bạ chính là đem tri kiến phàm phu dò lường bậc thánh nhân thần thông, cũng là tội lỗi! So với những kẻ học đòi, còn nhẹ hơn nhiều lắm! Thấy chỗ chẳng thể nghĩ bàn, nên sanh kính tín, thấy chỗ uống rượu ăn thịt trọn chẳng chịu học, sẽ được ích lợi chẳng bị tổn hại. Mong hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

87. Thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuần

Nhận được thư của Đại Viên cho biết cư sĩ và phu nhân cùng lệnh lang đều muốn quy y với Quang, nhưng Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo hủ bại không ra gì, Đại Viên chẳng xét tường tận nên lầm lạc quy y. Sao cư sĩ lại noi theo cái sai lầm ấy, chẳng coi đó là nhơ bẩn vậy? Tuy nhiên, tượng Phật bằng đất nặn, gỗ chạm, kính trọng cũng có thể sanh phước, ông đã phát tâm, bèn đem lầm lạc đáp tạ lầm lạc, một mai ngộ ra đó chẳng phải là Phật thật cũng chẳng ngại gì chuyển sang kính trọng vị Phật thật, cố nhiên chưa hề không thể được!

Nay đặt cho ông pháp danh là Trí Thuần, lệnh phu nhân là Trí Bổn, bởi chúng sanh vốn sẵn có Phật trí, do phiền não xen tạp như vàng trong quặng, chẳng thể thật sự thọ dụng nên cái trí sẵn có ấy biến thành vọng tri. Tuy vọng tri ấy từ Bổn Trí mà khởi, nhưng Thể và Dụng của Bổn Trí hoàn toàn bị mất. Nếu xoay ngược lại, niệm Phật để nhiếp tâm thì trí sẽ dần dần quy về Thuần, đạt được Bổn. Đấy là đại ý đặt tên cho vợ chồng ông vậy, chẳng biết có hợp ý ông hay không? Thêm nữa, Trí Bổn đã có thể một tháng ăn chay mười ngày, một năm ăn chay ba tháng, sao không trường trai? Ăn thịt loài vật để nuôi thân ta, con người ta vốn đã quen nên yên lòng. Hãy thử nghĩ lại, ắt sẽ run sợ chẳng yên, huống gì thật sự giết chúng để ăn hay sao? Mạnh Tử nói: *"Nếu biết điều gì là phi nghĩa nó sẽ mau kết thúc"* Chồng và con đều trường trai, sao bà nỡ chẳng ăn chay trường? Chánh nhân Tịnh nghiệp lấy từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp làm điều đầu tiên. Người ăn thịt, dẫu chẳng tự giết, cũng khó tránh khỏi

sát nghiệp, bởi không giết sẽ không có thịt, dùng tiền ép người giết thay cho mình.

Phù Cầu nên gọi là Phước Cầu. Cái họa trên hoàn cầu là do không biết sự lý nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi, nên tâm mình mặc tình dã man, gây nên thảm sự kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, tàn hại lẫn nhau. Ông đã quy y Phật pháp, chính mình hãy nên thực hành sự này, do mình tự hành sẽ dần dần thấu đến người khác, khiến cho hết thảy trong là quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, làng nước và hết thảy những ai quen biết cùng biết đến lý này, cùng đều chẳng làm các điều ác, cùng vâng làm các điều thiện, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật thì sát nghiệp tiêu, phong tục thuần hậu, thần và người hòa thuận, thiên hạ thái bình.

Hai câu *"đừng làm các điều ác…"* chính là Giới Kinh nói giản lược của tam thế chư Phật, chớ nên coi thường, phải xét kỹ từ nơi khởi tâm động niệm. Nếu có thể thực hiện điều này đến cùng cực sẽ còn có thể thành Phật đạo, huống là những quả vị phước huệ khác! Trong kinh Đại Thừa, Phật đã nói đến nhiều lần, chứ không phải câu này trích từ bài Âm Chất Văn, mà chính là Văn Xương Đế Quân trích dẫn kinh Phật vậy! Còn những thuyết tu trì Tịnh nghiệp khác trong Văn Sao đã nói đủ, không cần phải viết cặn kẽ. Đường đời hiện thời chính là tình thế hoạn nạn, nếu chẳng lấy A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát để làm chỗ nương tựa mà thường niệm, khi họa hoạn xảy tới hoặc gặp chuyện bất trắc và những chuyện thình lình xảy tới, kêu xuông ích gì? Nếu trì niệm sẵn ắt sẽ được ngầm chuyển dời, huống khi sanh tử xảy đến, ai cũng phải có ngày này, vì thế phải nên thường nghĩ đến khi lâm chung thì sẽ chẳng phí sức theo đuổi hết thảy những vọng tưởng trái phận và những pháp môn chẳng giúp ích gì cho việc liễu sanh tử, bỏ phế không tu pháp quyết định có thể nương cậy để liễu sanh tử này. Nguyện vợ chồng, cha con ông cùng không cho lời Quang là hủ bại thì may mắn lắm.

Chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém, chẳng nương theo pháp môn Tịnh Độ, quyết định chẳng nhờ đâu liễu thoát được! Những phường ham cao chuộng xa, đa phần vượt quá phận mình, tự kiêu, biết được sự uyên thâm của lý tánh Thiền, Giáo, bèn chẳng chú trọng Tịnh Độ. Do vậy, bỏ Phật lực cậy vào tự lực, hóa ra đến lúc kết cục đều trở thành gieo cái nhân xa, trọn chẳng được lợi ích thật sự. Trí Bổn đã kết nghĩa vợ chồng cùng ông, nếu ông thật hành, lâu ngày chầy tháng bà ta trông thấy sẽ được cảm hóa, không còn phải lo lắng nữa! Đàm Bích Vân ham gấp [thành tựu], không phải mình ông ta mắc căn bệnh này, hết thảy người học Phật, đa phần phạm phải căn bệnh ấy! Đã có căn bệnh ấy, nếu không chiêu cảm ma cảnh cũng sẽ chưa đắc nói là đã đắc. Phải biết tâm vốn là Phật, do chưa trừ phiền não nên phải oan uổng làm chúng sanh. Hễ tiêu diệt được phiền não, Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện giống như mài kính vậy,

chỉ mong trừ sạch chất bẩn, đừng lo không có ánh sáng. Giống như chữa bệnh mắt, trừ được màng mộng, mắt tự sáng lại. Khi chưa trừ sạch cấu uế, chưa khử được màng mộng, muốn cho quang minh sáng tỏ há có được ư? Nếu quang minh có phát thì chỉ là yêu ma hiển hiện, quyết chẳng phải là quang minh thật sự của kính hay mắt vậy! Phàm với những ai mới phát tâm đều nên đem ý này bảo rõ!

88. Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu

Ông nói do Phật Học Toát Yếu[255] chợt nẩy sanh chánh tín thì một là do thiện căn đời trước, hai là do nghiêm từ[256] un đúc nên được như vậy. Ấn Quang là một ông Tăng tầm thường, đối với pháp đạo chẳng hiểu biết gì, chỉ tin tưởng chắc chắn nơi Tịnh Độ mong đới nghiệp vãng sanh; với những ai có chí nguyện tương đồng bèn tùy tiện lấy việc đối đáp làm sự nghiệp của chính mình. Về ý tợ hồ có thể dùng được nhưng văn bút nông cạn, kém cỏi, thật đáng bị bậc cao minh chê cười, khôn ngăn hổ thẹn, bàng hoàng, sao dám nhận tiếng khen "văn từ lẫn nghĩa lý đều viên diệu" cho được! Chẳng sợ vì thế phải vướng lấy tội khiên "đem phàm lạm thánh" hay sao?

Như nói đến Niệm Phật tam-muội, nói có vẻ dễ, đạt được thật khó! Chỉ nên thường nhiếp tâm, khẩn thiết niệm, lâu ngày sẽ tự đạt được. Dù chẳng thể đạt được, vẫn do công đức tin tưởng chân thành, nguyện thiết tha, nhiếp tâm tịnh niệm ắt sẽ ngầm được đức Phật tiếp dẫn, đới nghiệp vãng sanh. Sự nhất tâm, nếu ước về Lý theo như đại sư Ngẫu Ích đã phán định thì còn chưa phải là thân phận của người tu hành hiện thời, huống gì Lý nhất tâm ư? Vì đoạn Kiến Tư Hoặc mới gọi là Sự nhất tâm; phá vô minh chứng Pháp Tánh mới gọi là Lý nhất tâm. Nếu là bậc trong ngầm tu hạnh Bồ Tát ngoài hiện làm phàm phu thì với hai thứ nhất tâm này cố nhiên đều chẳng khó khăn gì! Nhưng nếu thật sự là hạng phàm phu đầy dẫy phiền não thì Sự nhất tâm còn chưa mấy ai đạt được, huống gì Lý nhất tâm? Xin hãy xem kỹ bức thư trao đổi thật dài giữa Ấn Quang và vị cư sĩ X… ở Vĩnh Gia ắt sẽ biết.

Còn như sau khi ngộ Vô Sanh, hộ trì, gìn giữ, tiêu dung tập khí còn thừa sót, lúc ấy sẽ tự hiểu rõ, cần gì phải hỏi trước? Như người uống nước, lạnh - nóng tự biết. Nếu không, dù người uống có mô tả đến mười phần đích xác, người chưa uống rốt cuộc vẫn chẳng biết mùi vị ra sao! Vì cư sĩ xem chuyện ngộ Vô Sanh Nhẫn là dễ dàng, lại sợ mình ngộ rồi chẳng biết gìn giữ hộ trì đến nỗi các

[255] Tác phẩm này do ông Đinh Phước Bảo biên soạn. Trong Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 4, phần thư gởi cho Đinh Phước Bảo, Tổ có khen ngợi: *"Sách này từ cạn vào sâu, sự tích nhân quả, luân hồi báo ứng và vãng sanh Tây Phương đều như đèn soi cho người đang ở trong nhà tối"*.

[256] Nghiêm từ: tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng cha mẹ người khác.

tập khí khác lại khởi lên, được rồi lại bị mất đi nên mới hỏi như thế. Chân Vô Sanh Nhẫn, kẻ tiểu căn thật không thể đạt được, vì phải phá vô minh chứng Pháp Tánh, thấp nhất là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo [mới hòng làm được], nói dễ dàng sao! Xin hãy hành theo những gì đã nói trong Ấn Quang Văn Sao, đợi đến khi nào biết được gốc ngọn của pháp môn Tịnh Độ cũng như Tín - Nguyện - Hạnh chẳng bị các dị thuyết của hết thảy tri thức lung lạc, khi ấy nếu còn thừa sức sẽ chẳng ngại gì nghiên cứu kèm thêm các kinh luận Đại Thừa để mở mang trí thức hòng làm căn cứ hoằng dương Tịnh Độ. Như thế dẫu là phàm phu, vẫn có thể tùy cơ lợi sanh, hành Bồ Tát đạo, đừng lầm mong cao xa, sợ rằng chẳng rõ Sự lẫn Lý, khó khỏi bị ma dựa. Lá thư dài trả lời vị cư sĩ X… ở Vĩnh Gia chuyên trị căn bệnh ấy. Bệnh ông và bệnh ông ấy tuy tên gọi khác nhau, nhưng tánh chất là một. Cố nhiên Quang chẳng muốn nói nhiều, mong ông sẽ lãnh hội nơi lá thư đó.

Phải biết người đã ngộ rồi và người chưa ngộ tu trì vẫn giống nhau, nhưng tâm niệm lại khác. Người chưa ngộ Vô Sanh thì cảnh chưa xảy đến bèn săn đón, cảnh hiện tiền bèn nắm níu, cảnh qua rồi bèn nghĩ nhớ (Hai chữ *"phan lãm"* 攀攬 (tạm dịch là *"nắm níu"*) chỉ chung những ý niệm yêu ghét, ưa nhàm, đừng nói là yêu mến mới là nắm níu, còn ghét nhàm không phải là nắm níu). Người ngộ Vô Sanh thì cảnh tuy sanh diệt nhưng tâm không sanh diệt, giống như gương sáng, đến không dính, đi không lưu dấu. Tâm đối cảnh như gương hiện hình, trọn chẳng có mảy may tư tưởng chấp trước đam luyến. Tuy là đối cảnh vô tâm, nhưng sóng trào biển Hạnh, mây phủ cửa Từ, phàm mọi cương thường luân lý thế gian và những chuyện thượng hoằng hạ hóa mỗi mỗi đều nỗ lực thực hành. Dẫu mất thân mạng, cũng chẳng trái vượt. Lại đừng tưởng "đối cảnh vô tâm" là đối với những chuyện tu trì tự lợi, lợi tha, thượng hoằng hạ hóa đều bỏ sạch; nếu hiểu vậy là dính sâu vào Không Ma, đọa vào Ngoan Không. Do vậy, bác không nhân quả, mặc tình làm điều tối tăm, trở thành đem phàm lạm thánh, hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, lầm lạc, là chủng tử A Tỳ địa ngục. Chuyện này quan hệ rất sâu, do vậy Quang chẳng thể không trình bày đại lược sự lợi - hại vậy! Con người hoằng được đạo, chứ không phải đạo hoằng người. Thế gian loạn là do ác nghiệp của chúng sanh đồng phận cảm vời. Các thuyết tà vạy, hủy báng cũng thế. Phong tục cõi đời biến đổi thoạt đầu là do một hai người phát khởi; trị - loạn, tà - chánh, không gì đều chẳng phải vậy. Sao không luận nơi sức người có thể chuyển biến mà lại chuyên quy về Phật, Bồ Tát hiển lộ thần thông biến hóa? Không phải là Phật, Bồ Tát chẳng thể hiển lộ thần thông biến hóa, nhưng vì chúng sanh nghiệp nặng nên cũng không làm gì được! Ví như mây dầy sương phủ kín, mờ mịt chẳng thấy được mặt trời, há có thể nói là mặt trời không có hay sao?

Con người cùng trời đất gọi là Tam Tài; Tăng và Phật, Pháp gọi là Tam Bảo, gọi như thế là là vì ý nghĩa tham dự hỗ trợ công cuộc sanh trưởng, hoằng dương pháp đạo, ông muốn chuyên vứt bỏ sức người, phó mặc cho sức của Phật, Bồ Tát, thiên địa, thì còn có thể được gọi là biết đạo hay chăng? Đời đại loạn, đại bi Bồ Tát thị hiện cứu giúp cũng chỉ cứu được người hữu duyên. Do loạn là đồng nghiệp, còn những túc nhân (nhân trong đời trước), duyên hiện thời chính là biệt nghiệp. Có biệt nghiệp cảm được Bồ Tát thì sẽ được Bồ Tát gia bị cứu giúp, há nên bàn luận hỗn độn! Phương tiện thuận - nghịch của Bồ Tát, sự cứu giúp chúng sanh, chẳng phải là chỗ thấy biết của kẻ thấy lầm biết sai!

Nay tôi vì ông nêu một thí dụ, do đây sẽ suy ra, đừng nói chi Bồ Tát, dẫu là oan gia thật sự cũng có thể khéo tạo thành nền tảng để nhập đạo thành Phật. Chư Phật lấy Tám Khổ làm thầy, thành vô thượng đạo, khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu Bất Tịnh Quán, quán lâu ngày sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, thành A La Hán, như vậy Bất Tịnh lại chính là cái gốc của thanh tịnh. Người Bắc Câu Lô Châu[257] trọn không có khổ, vì thế chẳng thể nhập đạo. Nam Diêm Phù Đề sự khổ quá nhiều nên người nhập đạo liễu sanh tử chẳng thể tính nổi số! Giả sử thế gian trọn không có những nỗi khổ sanh lão bệnh tử, đao binh, thủy, hỏa v.v… thì ai nấy sống say chết mộng trong vòng dục lạc, ai chịu phát tâm xuất thế để cầu liễu sanh thoát tử? Còn như nói người nắm giữ quân mạnh, ở địa vị cao, gây ra đủ mọi chuyện khổ não chúng sanh cũng rất có thể là bậc đại bi thị hiện đó chăng? Nghĩa này chỉ có thể nói với người thông hiểu, chẳng thể nói cùng kẻ vô tri thức! Nếu là người thông suốt thì dù gặp ác ma thật sự cũng được lợi ích; kẻ vô tri nếu biết nghĩa này sẽ chẳng biết phát tâm tu hành; trái lại còn hủy báng Phật pháp! Ví như dùng thuốc, trẻ nít chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi lên vú, trẻ không uống bèn thành ra uống. Ông muốn làm bậc thông nhân phô rộng nghĩa này thì hại người nhiều, lợi người ít, xin hãy im lặng, chớ bàn nói xằng. Cảnh giới của Phật, Bồ Tát, phàm phu chẳng thể dò lường được!

---

[257] Bắc Câu Lô Châu (Uttara-kuru), còn phiên là Bắc Uất Đan, Bắc Đan Việt, Uất Đan Việt, Uất Đa La La Cứu Lưu, Ốt Đát La Câu Lô, dịch nghĩa là Thắng Xứ, Thắng Sanh, Cao Thượng. Theo các kinh Trường A Hàm, kinh Đại Lâu Thán, kinh Khởi Thế, kinh Đại Pháp Cổ, Lập Thế A Tỳ Đàm Luận và Câu Xá Luận thì Uất Đan Việt là một trong bốn đại châu ở quanh núi Tu Di, thuộc vùng biển nước mặn ở phía Bắc Tu Di. Châu này vuông vắn, mỗi bề rộng hai ngàn do-tuần, hình dáng như nắp hộp, được bao quanh bởi bảy núi vàng và núi Đại Thiết Vi. Vàng ròng làm đất, ngày đêm luôn sáng sủa. Nhân dân cõi ấy mặt mũi giống nhau, luôn an vui, không có những khổ nạn, người ác, tranh chấp. Đồ vật toàn bằng chất báu như vàng bạc, lưu ly… Mọi tài sản là của chung. Nam nữ sống riêng mỗi nơi, nếu khởi dâm dục bèn ân ái cùng nhau. Người nữ mang thai bảy ngày bèn sanh con, đặt bên vệ đường, mọi người đều đến nuôi dưỡng, dùng đầu ngón tay đút cho liền tiết sữa. Bảy ngày liền khôn lớn, bằng với người hai mươi tuổi ở Diêm Phù Đề, sống thọ ngàn năm. Đến khi lâm chung sanh lên trời Đao Lợi hoặc trời Tha Hóa Tự Tại. Ba châu khác đều có địa ngục, riêng châu này không có (theo Phật Quang Sơn Tự Điển).

Trung Quốc nghèo yếu là do chẳng nương vào lễ nghĩa, nếu y theo lễ nghĩa đâu đến nỗi yếu nghèo! Thử hỏi đến cái nhân của sự yếu nghèo chẳng phải điều thứ nhất là do bọn tham quan ăn hối lộ làm lợi cho ngoại nhân đó ư? Ông chưa nhận rõ nguồn bệnh, nên mới nói thuốc không kiến hiệu, có thể gọi là trí hay chăng? Ngoại quốc mạnh là vì nước họ nhỏ, nếu chẳng đồng tâm hiệp lực, sẽ chẳng thể tự lập. Trung Quốc mỗi người một ý, dù có đồng tâm, nhưng hễ ngoại nhân đem lợi ra dụ, bèn bị của hối lộ xoay chuyển, chẳng những không đoái đến nước, đến dân, ngay cả chính bản thân mình cũng chẳng đoái hoài, rồi bảo là do phụng hành lễ nghĩa nên bị thua thiệt, há có được chăng? Xưa Lâm Văn Trung Công[258] đuổi kẻ mọi rợ, chính là chứng cớ. Bất cứ chuyện lớn - nhỏ nào về sau, có chuyện nào chẳng phải là thay mặt cho Trung Quốc châu toàn đó ư? Người Trung Quốc quá nửa là hạng người quên mất tám chữ (tức hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sỉ), cho nên ngoại quốc mới mạnh như thế, Trung Quốc yếu ớt như thế! Nếu như ai nấy đều tuân thủ lễ nghĩa thì những hàng hóa vô ích của ngoại quốc tiêu thụ vào đâu, Trung Quốc mỗi năm tiết kiệm được mấy ngàn vạn vạn đồng. Người Trung Quốc không làm, nhưng thật sự có thể nói là làm đến cùng cực. Mạnh Tử nói: *"Kẻ làm quan không được sủng ái, đứa con dòng thứ, thường bận lòng về những nguy cơ, lo lắng hoạn nạn sâu xa, cho nên thông đạt"*[259].

Ông tuy đọc sách trải đời, nhưng không biết cái đạo đọc sách thấu hiểu đời nên mới có lời hỏi như thế! Kế sách ngày nay là phải nên đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và cải ác tu thiện, tín nguyện vãng sanh là kế bậc nhất để vãn hồi kiếp vận, cứu nước cứu dân. Đàm huyền thuyết diệu còn phải xếp vào loại kém hơn. Nhưng muốn cứu thế mà chính bản thân không tận lực hành, trọn chẳng có hiệu quả thật sự. Từ bản thân đến cả nhà, từ cả nhà đến cả ấp, từ ấp đến nước. Phong hóa ấy vừa xướng, rất có thể sẽ có hiệu quả chẳng thể nghĩ tưởng được nổi! Nếu không, sẽ khó thể mộng thấy được!

---

[258] Lâm Văn Trung Công chính là Lâm Tắc Từ (1785-1850), người Hầu Quan, tỉnh Phước Kiến, đỗ tiến sĩ dưới đời vua Gia Khánh, tự là Thiếu Mục và Nguyên Vũ. Ông lo việc chính sự sốt sắng, chăm lo đê điều rất hiệu quả nên rất được Thanh Triều coi trọng. Do tận lực bài trừ nha phiến, tháng 6, 1840, ông đã chủ trương tấn công tô giới Hương Cảng, tịch thâu và đốt các rương đựng thuốc phiện. Dưới áp lực của Anh, nhà Thanh cách chức ông đầy đi Y Lê. Do Hoàng Hà vỡ đê, ông lại được triệu về Hà Nam đốc thúc đắp đê rồi lại trở về Y Lê (Tân Cương). Mãi đến năm 1845, mới được xá tội, thăng chức. Hiện ông còn miếu thờ ở Phước Kiến, dân gian gọi là Lâm Văn Trung Công Từ (miếu thờ Lâm Văn Trung Công).

[259] Nguyên văn: *"Độc cô thần nghiệt tử kỳ tháo tâm dã nguy, lự hoạn dã thâm, cố đạt"*. Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của sách Tứ Thư Dị Giải. Ở đây, "Nghiệt tử" theo từ điển Từ Hải là đứa con dòng thứ, Nghiệt có nghĩa là ngành nhánh, không thuộc dòng chính.

89. Thư gởi Châu Pháp Lợi đồng tử

Con người một đời thành hay bại đều do lúc niên thiếu nhiều phen tài bồi mà ra. Ngươi đã thành đồng[260], phải biết tốt - xấu, trọn chẳng được học đòi những thói thời thượng, hãy nên học Hiếu, học Đễ, học Trung Hậu, Thành Thật. Trong lúc tuổi trẻ này, tinh lực cường tráng, nên nỗ lực đọc sách. Phàm đọc qua những sách gì nên nghĩ đến những điều sách đã nói, phải hành theo điều đó, chẳng phải là đọc xong rồi thôi! Những điều sách nói nếu chẳng dễ lãnh hội thì Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên v.v… đều là nói thẳng, hãy khéo lãnh hội! Hãy nên thường đọc, thường ngẫm nghĩ, sửa lỗi hướng thiện, trong lúc rảnh nên niệm A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để mong tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, chớ cho như vậy là nhọc nhằn. Cổ ngữ nói: *"Trẻ khỏe không nỗ lực, già lớn luống buồn thương!"* Lúc này nếu để lỡ làng quang âm, sau này dù có nỗ lực cũng khó thành tựu, bởi thời giờ đã qua, sức nhớ đã kém, học phải dùng sức nhiều nhưng hiệu quả ít ỏi!

Thứ nhất phải làm một người tốt, thấy người hiền mong được bằng, thấy người không hiền trong lòng tự cảnh tỉnh. Thứ hai là phải biết nhân quả báo ứng, nhất cử nhất động chớ mặc tình phóng ý, cần phải nghĩ việc này có ích gì cho mình, cho người thân và cho mọi người hay không? Chẳng những làm việc như thế, mà ngay cả suy nghĩ động niệm cũng nên như thế. Khởi tâm tốt sẽ có công đức, khởi tâm xấu sẽ mắc tội lỗi! Phải nghĩ mong được quả báo tốt, phải giữ tâm tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, có lợi cho người và vật, vô hại cho mình - người mới nên. Nếu không thể như vậy, há có báo tốt gì để mà mong? Ví như đem hình tượng xấu đặt trước gương sáng, quyết định chẳng thể có hình ảnh đẹp đẽ xuất hiện! Hình bóng hiện ra trọn chẳng khác gì hình tượng xấu xí ấy! Nếu ngươi hiểu sâu xa nghĩa này, tương lai ắt thành một bậc chánh nhân quân tử, khiến cho hết thảy mọi người đều tôn trọng ái mộ! Mong hãy suy nghĩ cẩn thận, xét nghĩ kỹ càng thì may mắn lắm thay!

90. Thư gởi Mã Khế Tây

Con người sống trong thế gian phải biết giữ yên bổn phận, làm chuyện vượt phận cũng như khen ngợi những chuyện đó đều là cội nguồn chiêu họa, chuốc nhục. Quang là một ông Tăng tầm thường, hèn kém, chỉ biết cơm cháo, vì đâu ông lại soạn truyện cho tôi, bạo gan dám viết bốn câu: "*Nay cách thánh đã xa, bậc chân tu hành ít ỏi…"* gán cho tôi khiến tôi đắc tội với bậc thiện tri

[260] Thành đồng: tuổi chuyển tiếp từ thiếu niên sang thanh niên, từ 15 tuổi trở lên, 19 tuổi trở xuống.

thức, hiền sĩ, đại phu trong Tông, Giáo. Ý ông cho rằng càng nói dễ nghe là càng vinh hạnh ư? Chẳng biết mình đã đem phàm lạm thánh, tội chẳng thể dung! Ông cũng đã từng xem kinh Lăng Nghiêm, sao chẳng biết phạm đại vọng ngữ, tội ấy nặng hơn tội sát, trộm, dâm trăm ngàn vạn ức lần ư? Ông biết sai cứ làm, chẳng những chính ông tội lỗi quá sức, ngay cả Quang cũng đang bị người sáng mắt thóa mạ, tương lai phải chịu khổ báo nơi A Tỳ địa ngục, không có ngày ra. Ví như thứ dân xưng bừa là đế vương, tội ắt phải diệt tộc. Ấy là vì đại vọng ngữ hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, lầm lạc chúng sanh. Ông có nên bày ra lời bịa đặt ấy chăng?

Mong hãy đem bản thảo ấy thiêu đi, từ nay về sau chớ nên viết gì nữa. Tôi chỉ mong được sanh Tây Phương, muốn truyền lại [truyện ấy] để làm gì? Ông cho rằng do vậy mới có thể lưu tiếng thơm trăm đời ư? Không biết mù quáng soạn cuốn truyện bịa đặt ấy, chẳng những để tiếng xấu vạn năm lại còn phải chịu khổ vĩnh kiếp. Nếu cho lời tôi nói là sai thì chính là quyến thuộc của ma vương, xin từ nay hãy đoạn tuyệt!

QUYỂN THỨ NHẤT HẾT

Đại Thế Chí Bồ Tát nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa ấy là bậc nhất" chính là chỉ về điều này vậy. Ngài Văn Thù nói: "Quay trở lại nghe nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo" cũng nhằm chỉ điều này. Chớ bảo pháp Trì Danh là thiển cận rồi bỏ bê, tu theo những pháp Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng. Phàm trong bốn cách niệm Phật chỉ có Trì Danh là khế cơ nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng hiển lộ toàn thể, Tây Phương diệu cảnh triệt để phô bày trọn vẹn. Do trì danh chứng được Thật Tướng, chẳng cần quán tưởng vẫn thấy được thấu triệt Tây Phương. Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Người đời nay giáo lý quán pháp chẳng hiểu rõ. Nếu tu quán tưởng Thật Tướng rất có thể bị ma dựa, khéo quá hóa vụng, cầu thăng hóa đọa. Nên tu hạnh dễ hành, ắt tự cảm được quả chí diệu

Ấn Quang Đại sư
Trích thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền

Phàm tu Tịnh nghiệp, phải lấy quyết chí cầu sanh Tây Phương làm gốc.

Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông.

Nói đến Tín thì phải tin Sa Bà là khổ, khổ không nói nổi! Cực Lạc là vui, vui không thể ví. Cái khổ trong Sa Bà là sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương phải chia lìa, chán ghét cứ phải gặp gỡ, cầu không được, Ngũ Ấm hừng hực. Sự vui trong Cực Lạc nếu ước theo căn thân thì hoa sen hóa sanh, trường sanh bất tử, mang thân nam, trọn không có hình dáng nữ, chẳng nghe đến cái tên ác đạo, huống gì thật có! Ước theo khí thế giới thì vàng ròng làm đất, bảy báu làm ao, hàng cây kín trời, lầu gác trụ trên không. Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ đến ăn được ăn, phàm những thứ gì mình thọ dụng không gì chẳng được như ý, nhưng những gì dùng đến đều là hóa hiện; không như cõi này phải do sức người tạo tác mới thành. Di Đà đạo sư tướng hảo, quang minh vô lượng vô biên, vừa thấy từ dung liền chứng Pháp Nhẫn. Huống hồ còn có Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải hội, mỗi vị đều phóng tịnh quang cùng tuyên diệu âm. Vì thế, tuy là phàm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân nhưng nếu như tín nguyện chân thành, khẩn thiết liền được Phật từ nhiếp thọ. Vừa vãng sanh, phiền não, ác nghiệp bèn bị tiêu diệt triệt để, công đức, trí huệ rốt ráo hiện tiền. Tin được như thế thì gọi là chân tín. Muốn biết tường tận nên đọc kỹ kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, những kinh này được gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, chuyên giảng về duyên khởi, sự lý Tịnh Độ.

Kinh Đại Tập chép: "Đời Mạt Pháp ức ức người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo, chỉ có niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử". Do vậy, biết một pháp Niệm Phật chính là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là hạnh chung để hành của mọi người dù ngu hay trí, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, là đạo pháp siêu việt đường lối thông thường. Người xưa nói: "Học đạo nơi các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như

căng buồm xuôi gió, thuận nước". Có thể gọi là khéo hình dung nhất!

Đã sanh lòng tin rồi, ắt phải phát nguyện: Nguyện lìa Sa Bà như đang bị tù mong thoát khỏi lao ngục; nguyện sanh Cực Lạc như đứa con cùng quẫn mong về lại cố hương. Nếu trước khi được sanh về Tịnh Độ, dẫu được trao ngôi vua trong cõi trời cõi người cũng nên coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn chẳng có một niệm mong mỏi, hâm mộ. Còn [những chuyện] như đời sau chuyển nữ thành nam, xuất gia từ tấm bé, nghe một hiểu ngàn, đắc Đại Tổng Trì, cũng nên coi như là đường tu đi vào ngõ rẽ, tâm trọn chẳng có một niệm mong mỏi. Chỉ muốn lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ở vào địa vị Bất Thoái, chứng Vô Sanh Nhẫn. Ngoảnh lại nhìn những chuyện làm vua trời người và xuất gia làm Tăng, không biết đến Tịnh Độ, tu các pháp môn khác, trải bao kiếp nhọc nhằn, không do đâu được giải thoát, giống như lửa đóm sánh cùng mặt trời rạng ngời, tổ kiến sánh cùng Thái Sơn, buồn bã khôn ngăn, thương xót khôn cầm! Vì thế người tu Tịnh Độ trọn chẳng thể cầu mong phước lạc nhân thiên trong đời sau và xuất gia làm Tăng v.v… Nếu tâm có mảy may mong cầu đời sau thì chính là không chân tín, nguyện thiết, bị cách ngăn với thệ nguyện của Phật Di Đà, chẳng thể cảm ứng đạo giao, chẳng được Phật tiếp dẫn, biến diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này thành cái nhân phước báo hữu lậu nhân thiên. Huống chi lúc hưởng thụ ắt tạo ác nghiệp! Đã tạo ác nghiệp, khó tránh khỏi ác báo, như bỏ chất độc trong Đề Hồ có thể giết người. Chẳng khéo dụng tâm còn tệ hơn thế. Phải triệt để chém đứt những ý niệm ấy mới mong được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh Độ, toàn thân thọ dụng.

Đã có chân tín, nguyện thiết, ắt phải chí tâm chấp trì sáu chữ thánh hiệu "nam mô A Di Đà Phật", bất luận đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và lúc đại tiểu tiện v.v… đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh (hoặc trì bốn chữ cũng được), ắt phải dốc toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật không hai; tâm - Phật như một. Nếu có thể niệm đâu chú tâm đó, niệm đến cùng cực,

bao tình kiến mất hết, tâm không, Phật hiện, thì trong đời này tự có thể chứng được tam-muội. Đến lúc lâm chung, sanh vào Thượng Thượng Phẩm, có thể nói là đã tu trì đến cùng cực vậy.

Ngay trong sanh hoạt thường ngày, với tất cả những điều thiện nhỏ nhặt và các thiện căn như tụng kinh, lễ bái… đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thảy hạnh môn đều thành trợ hạnh cho Tịnh Độ, như gom các trần thành đất, tụ các dòng nước thành biển, rộng lớn sâu thẳm, ai cùng tột được! Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, tất cả công đức tu trì hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh bốn ân ba cõi. Giống như đổ dầu vào lửa, như mạ gặp mưa; đã kết pháp duyên sâu xa cùng hết thảy chúng sanh lại còn có thể mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng cho chính mình. Nếu không biết nghĩa này thì là kiến giải tự lợi của phàm phu, Nhị Thừa, dẫu tu diệu hạnh này, chỉ cảm được quả hèn kém.

Tuy hết thảy thời, hết thảy lúc niệm Phật đều không trở ngại, nhưng phải thường nên kiêng dè; coi tượng Phật giống như Phật sống, coi kinh Phật, lời Tổ giống như Phật, Tổ đang hướng về mình thuyết pháp, chẳng dám ôm lòng hoài nghi, khinh mạn tí nào. Dẫu hiếu tử đọc di chúc, trung thần vâng sắc chỉ cũng chẳng thể hơn được. Trong lúc bình thời niệm Phật, niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy ý, còn lúc ngủ nghỉ hoặc đại tiểu tiện, tắm gội, rửa chân v.v…và đi qua chỗ hôi nhơ, chẳng sạch đều nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng là không cung kính, niệm thầm công đức cũng thế. Tôi thường nói muốn được lợi ích nơi Phật pháp phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính ắt tiêu một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phước huệ. Nếu trọn chẳng cung kính thì dù có trồng viễn nhân, nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể tưởng tượng được! Nay những kẻ tại gia đọc kinh Phật đều phạm phải những bệnh ấy. Vì thế, đối trước những kẻ hữu duyên phải thường ra rả nói.

Niệm Phật cần phải nhiếp tâm, niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng phát ra, đều phải mỗi câu mỗi chữ phân minh rành rẽ. Lại phải lắng tai nghe kỹ, từng câu từng chữ nạp vào trong tâm. Nhĩ căn đã nhiếp thì các căn kia không cách chi rong ruổi bên ngoài, mới hòng mau đạt nhất tâm bất loạn.

Đã biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui, hãy nên phát tín nguyện thiết thực, nguyện lìa Sa Bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui. Nguyện khẩn thiết như đang té trong hầm xí mong gấp được thoát ra. Lại như đang bị trói buộc trong lao ngục, tha thiết nhớ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự ra, ắt phải cầu người có đại thế lực kéo ra. Hết thảy chúng sanh trong thế giới Sa Bà đối với cảnh thuận hay nghịch, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có, khác nào hầm xí không đáy. Đã tạo ác nghiệp phải chịu ác báo, trải kiếp dài lâu, luân hồi lục đạo, không được tha khỏi lao ngục.

Sách ấn tống. Không được bán.

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

QUYỂN THỨ HAI

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

ẤN TỐNG 2013

印光法師

文鈔

增廣正編

(越語譯本)

弟二卷

寶光寺弟子如和敬譯

淨業行人明進與慧莊校正

Quả đúng là "ba cõi không yên, giống như nhà lửa", đấy cũng là lời răn nhắc thiết yếu nhất đối với chuyện tín nguyện niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết. Nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: "Nghĩ cái khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ Đề". Đấy chính là khai thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu thật sự suy nghĩ! Cái khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của nước - lửa sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bèn run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường là vì một đằng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy, còn một đằng là chính mắt thấy, bất giác lông tóc đều dựng đứng!

Ấn Quang đại sư

Trích thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền

MỤC LỤC QUYỂN THỨ HAI

QUYỂN THỨ HAI 199
91. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ nhất) 199
92. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ hai) 200
93. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất) 202
94. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai) 205
95. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba) 205
96. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư) 206
97. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm) 207
98. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu) 207
99. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy) 208
100. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám) 208
101. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín) 209
102. Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh 210
103. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ nhất) 212
104. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ hai) 214
105. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ ba) 214
106. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ tư) 216
107. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ năm) 217
108. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ sáu) 218
109. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ bảy) 219
110. Thư trả lời cư sĩ Hồng Quán Lạc 220
111. Thư trả lời cư sĩ Uông Cốc Nhân 221
112. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ nhất) 221
113. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ hai) 222
114. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ ba) 223
115. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ tư) 225
116. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ năm) 227
117. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ sáu) 227
118. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ bảy) 229
119. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo 229
120. Thư trả lời cư sĩ X… ở Ninh Ba 231
121. Thư gởi bạn 232
122. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu 233
123. Thư gởi Tịch Sơn Hòa Thượng ở chùa Vạn Thọ, Dương Châu 233
124. Thư trả lời cư sĩ Lê Đoan Phủ ở Giang Tây 235
125. Thư gởi tổng nhung Trương Liên Thắng 238
126. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ nhất) 240
127. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ hai) 241
128. Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham 242
129. Thư gởi cư sĩ Tạ Dung Thoát 244
130. Thư trả lời cư sĩ Cố Hiển Vi 248
131. Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên 253
132. Thư gởi cư sĩ Ngô Bích Hoa 256
133. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ nhất) 256
134. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ hai) 257

135. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ ba) 259
136. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tư)..... 260
137. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ năm) 261
138. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ sáu)..... 262
139. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ bảy) 263
140. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tám)..... 263
141. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ chín) 264
142. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười) 266
143. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười một) 267
144. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười hai)..... 268
145. Thư gởi đốc quân Trần Bá Sanh ở Thiểm Tây 269
146. Thư trả lời cư sĩ X… ở Dũng Giang..... 273
147. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như 275
148. Thư trả lời hai vị cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như..... 277
149. Thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền 278
150. Thư gởi Hoằng Nhất thượng nhân..... 278
151. Thư trả lời đại sư Pháp Hải..... 279
152. Thư trả lời cư sĩ Vương Dữ Tiếp..... 281
153. Thư gởi cư sĩ X… ở Vĩnh Gia..... 283
154. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ nhất)..... 287
155. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ hai)..... 289
156. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ ba)..... 291
157. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ tư) 292
158. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh 293
159. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu 295
160. Thư trả lời cư sĩ Thang Xương Hoằng 298
161. Thư gởi hội Phóng Sanh ở Đại Đồng, Tuyền Châu..... 300
162. Thư trả lời hiệu trưởng Vạn An ở An Huy..... 302
163. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng..... 303
164. Thư trả lời cư sĩ X… 304
165. Thư trả lời tiên sinh Trương Quý Trực..... 305
166. Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn 306
167. Thư trả lời ông Dương Minh Trai, Phó Tư Lệnh Đệ Ngũ Quân ở Hà Nam..... 313
168. Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do..... 314
169. Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cửu..... 321
170. Thư trả lời cư sĩ Mã Thuấn Khanh 326
171. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ nhất)..... 330
172. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ hai)..... 331
173. Thư gởi cư sĩ Phương Thánh Dận 332
II. LUẬN 334
1. Tịnh Độ Quyết Nghi Luận..... 334
2. Tịnh Độ pháp môn phổ bị tam căn luận 351
3. Tông - Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận..... 353
4. Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bổn Luận..... 361
5. Như Lai Tùy Cơ Lợi Sanh Thiển Cận Luận..... 364
6. Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận 365
7. Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận 366

8. Vãn hồi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên luận 376
III. SỚ 382
1. Sớ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm 382
2. Bài sớ về ao phóng sanh chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa 386
3. Bài sớ [kêu gọi đóng góp] xây dựng viện mồ côi Phật giáo chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng 388
4. Sớ phổ khuyến thí tiền khắc in Đại Tạng 391
5. Sớ sáng lập chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Cát Lâm 392
6. Sớ duyên khởi thành lập liên xã chùa Di Đà tại Hàng Châu 394
7. Sớ trùng tu bảo tháp của Vinh Quốc Thiền Tự ở Nam Cao Phong, Hàng Châu 397
8. Sớ mộ duyên làm đàn thủy lục vạn niên ở Phật Đảnh Sơn 399
9. Sớ quyên mộ tu bổ điện đường, tăng phòng và vét ao phóng sanh của chùa Di Đà, núi Thạch Kinh, Hàng Châu 399
10. Sớ quyên mộ xây bến thuyền cho Phổ Đà Sơn 402
11. Sớ quyên mộ tu bổ điện Tam Thánh chùa Thượng Phương Quảng núi Thiên Thai 404
12. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện Bán Sơn Am ở Phổ Đà Sơn 406
13. Sớ quyên mộ thiết lập đại đạo tràng Phổ Môn Vô Giá 407
14. Sớ khuyên đóng góp cho viện tàn tật ở Thượng Hải 408
15. Sớ quyên mộ tu bổ Cảnh Đức Thiền Tự núi La Hán, Vĩnh Gia 409
16. Sớ thuật duyên khởi thành lập liên xã chùa Thanh Liên ở Lô Sơn 411
17. Sớ quyên mộ tu bổ điện Thiên Vương và lầu trống chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà 413
18. Sớ thuật duyên khởi mở Niệm Phật Đường chuyên tu Tịnh nghiệp tại chùa Chân Như ở Gia Hưng 414
19. Sớ quyên mộ đúc chuông U Minh chùa Pháp Vân sông Tam Xoa, Nam Kinh 416
20. Sớ quyên mộ thiếp vàng tượng La Hán chùa Pháp Vũ 418
21. Sớ quyên mộ xây dựng Như Ý Liêu chùa Pháp Vũ 419

Dẫu thọ trăm năm, khảy tay liền qua. Còn một hơi thở nên cầu đường ra, chớ để đến lúc lâm chung hối không kịp nữa! Thường nhớ kinh dạy: "Thân người khó được, chính giữa đất nước khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó sanh". Ông may mắn hội đủ cả bốn điều ấy, càng phải nên nỗ lực, như lên núi báu phải được Ma Ni. Do còn ở địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc nghiệp, sanh tử chưa giải quyết khó khỏi đọa lạc. Vì vậy, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát chân tín tâm và tâm nguyện khẩn thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Mọi công đức như: cúng dường Tam Bảo, trọn đời giữ giới, hết thảy việc làm chớ dùng để cầu phước báo nhân thiên trong đời sau, chẳng cầu đời này trường thọ, mạnh khỏe, bình yên, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh Độ, tương khế, tương hợp với thệ nguyện của chư Phật, cảm ứng đạo giao nhất định mãn sở nguyện.

Ấn Quang đại sư
Trích thư gởi cư sĩ X...

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO
(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa chuyển ngữ
(theo bản in của
Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)

QUYỂN THỨ HAI

91. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ nhất)

Vừa nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng. Ấn Quang là một ông Tăng chỉ biết đến cơm cháo, những chuyện trong pháp môn nhất loạt chẳng biết gì, chỉ có mỗi Tịnh Độ là khá muốn cho cả mình lẫn người cùng được vãng sanh. Bởi vậy, nếu có kẻ Tăng, người tục hỏi đến, đều dùng chuyện này để phụng đáp. Cư sĩ Từ Úy Như cho rằng những phân tích rõ ràng giới hạn giữa Thiền và Tịnh, cũng như những nghị luận ngoài da về sự khó - dễ, được - mất giữa Tự Lực và Phật Lực, cũng như việc trọng lòng kính, giữ lòng thành [của tôi] đều hơi có ích cho hàng sơ cơ cho nên tuy văn từ tệ vụng cũng chẳng vứt bỏ, ba bốn lượt ấn loát lưu thông, ngõ hầu những ai có chí liễu sanh tử đều cùng nhận lấy những lời nghị luận ngô nghê này[1] mà thôi. Nhưng đem cơm thừa canh cặn bày trước mặt người đã no ứ tiệc vua ắt sẽ nhớm gờm mắc ọe, nào còn dám chú giải kinh?

Các hạ chẳng cho [lời tôi] là chua hôi, đáng vứt bỏ, nên kính tặng một bộ Văn Sao hủ bại. Bản này do ông Từ Úy Như yêu cầu Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ in riêng. Năm nay in ra, do Thư Quán sợ bán không được nên chỉ in hai ngàn bản. In sách xong, chưa kịp phát hành đã bán hết sạch. Tuy còn bản lưu, nhưng do Thư Quán ấy chú trọng những cuốn sách mới mang tính thời thượng cho nên đến nay vẫn chưa in lần thứ hai. Một hai năm nay, cũng có bạn bè quen biết khuyên Quang khắc in, Quang tính đợi cho Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp xếp sách hoàn chỉnh rồi mới cho khắc ván để đỡ tốn tâm lực. Năm ngoái, miền Bắc mất mùa lớn, các thiện sĩ lập cách quyên mộ, Quang bèn đem hết số tiền dự định khắc kinh ra đóng góp cho công cuộc cứu trợ, làm như thế hai lần tổng

[1] Nguyên văn là *"sô nghị"* (lời nghị luận của kẻ tiểu phu), ý nói chẳng phải là cao kiến gì nên tạm dịch là *"lời nghị luận ngô nghê"*.

cộng là năm trăm đồng. Nếu như [sách này] có ích cho hàng sơ cơ, hãy nên in ra, lưu truyền, chưa hề chẳng có lợi cho người khác vậy!

92. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ hai)

Biển cả sanh tử không nhờ niệm Phật không cách nào vượt được! Muốn biết gốc cội của pháp niệm Phật nhưng chẳng xem kinh luận Tịnh Độ, làm sao biết được? Vì thế, hằng ngày nên tụng kinh A Di Đà, thường xem kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Đó là Tịnh Độ Tam Kinh. Đọc những kinh ấy sẽ biết thệ nguyện rộng sâu của Phật A Di Đà, cảnh duyên thù thắng của Tịnh Độ, hành tướng vãng sanh của hành nhân. Ngoài ra, khai thị phương pháp niệm Phật thân thiết nhất thì có chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông ở cuối quyển năm kinh Lăng Nghiêm. Lại còn có phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Đọc những kinh này sẽ biết pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bước cuối cùng để thành Phật trong một đời của kinh Hoa Nghiêm, là phương tiện tối thắng để tự lợi lúc tu nhân, để lợi tha khi đã chứng quả của mười phương tam thế chư Phật. Những kẻ nói xằng pháp môn Tịnh Độ là Quyền - Tiệm - Tiểu Thừa đều là những kẻ có tội cực nặng hủy báng kinh Hoa Nghiêm và hủy báng Phật - Pháp - Tăng. Còn những bản chú giải ba kinh Tịnh Độ và những sách Tịnh Độ nên chuyên tinh xem đọc thì trong lá thơ gởi cho bà Từ nữ sĩ trong bộ Văn Sao tôi đã trình bày đầy đủ. Ở đây không phải viết chi tiết nữa!

Phép Thập Niệm buổi sáng nên thực hành vào lúc súc miệng, rửa ráy xong và trước khi thực hành công khóa. Trong Tịnh Độ Thập Yếu và Tây Quy Trực Chỉ đều có nghi thức này, làm theo đó là được rồi! Nhưng chẳng được niệm hơn mười niệm vì niệm nhiều sẽ bị tổn khí, trong bộ Văn Sao, Quang cũng đã nhiều lần nêu lẽ lợi - hại. Công khóa sáng tối cứ chiếu theo công khóa mà niệm là được. Nếu công việc đa đoan, chẳng rảnh rỗi để niệm công khóa thì dùng cách Thập Niệm cũng được! Ngoài ra thì chỉ niệm một câu "nam-mô A Di Đà Phật" là được rồi!

Pháp Thập Niệm vừa nói đó cứ hết một hơi là một niệm, niệm mười hơi như thế thì gọi là Thập Niệm. Như người hơi mạnh, một niệm có thể niệm được nhiều đến mười, hai mươi câu; người khí yếu, chỉ niệm được vài câu. Bất luận niệm Phật nhiều ít, chỉ lấy từ một hơi đến mười hơi làm chừng. Chỗ mầu nhiệm của pháp này trong bộ Văn Sao cũng đã nói rồi. Nếu niệm nhiều sẽ bị tổn khí thành bệnh, không thể không biết. Cổ nhân nói: *"Thông minh chẳng cự nổi nghiệp, phú quý chẳng khỏi luân hồi"*. Sanh tử xảy đến không dựa vào đâu được, chỉ có A Di Đà Phật là nương dựa được. Tiếc là người đời biết điều này

quá ít; tuy biết nhưng chân tín thật niệm lại càng ít hơn nữa! Ông Vương Thiết San ở Thông Châu[2] từng làm chức Phiên Đài[3] ở Quảng Tây vào đời nhà Thanh trước kia, cõi ấy thổ phỉ rất nhiều, ông bày kế tiễu trừ, giết không biết bao nhiêu mà kể. Năm trước mắc bệnh, nhắm mắt liền thấy mình ở trong nhà tối, quỷ thật đông cùng xông đến bức bách, hoảng sợ thức dậy. Suốt ba ngày ba đêm như thế, vừa chợp mắt liền thấy cảnh ấy. Con người suy sụp, hơi thở thoi thóp. Bà vợ ông ta khuyên ông niệm Phật, liền niệm mấy mươi tiếng bèn ngủ được. Do ngủ được đẫy giấc, tinh thần dần dần tỉnh táo, bệnh liền giảm bớt. Ông liền trường trai niệm Phật. Nếu lúc ấy không có ai đem pháp Niệm Phật bảo cho, e rằng vạn phần chẳng sống được đến bây giờ. Vì thế, dạy người niệm Phật công đức vô lượng; những người biết đến lợi ích niệm Phật đều là do thiện căn nhiều đời nhiều kiếp tạo thành.

Những chuyện lệnh thân đã được thấy quả thật là hiếm lạ, có thể nói là đời trước đã có thiện căn, nhưng phải tự gắng tu trì thật cẩn thận, ngõ hầu chẳng uổng giấc mộng ấy. Nếu vì tri kiến phàm phu, lầm lạc bảo mình đã được Tam Bảo gia bị, đã dự vào dòng Thánh, từ đó sanh ra đại ngã mạn, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng nói là chứng thì là do thiện nhân chuốc lấy ác quả. Người trong đời Mạt tâm trí hèn kém, thường mắc cái bệnh này! Ấy là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: *"Tâm chẳng coi đó là thánh [cảnh] thì gọi là cảnh giới lành. Nếu hiểu là cảnh thánh sẽ bị mắc vào các tà",* chính là nói về điều này vậy! Xin hãy đem chuyện tận lực tu pháp môn Tịnh Độ để tự khích lệ thì tương lai chắc chắn đạt được đại lợi ích.

Phải biết một pháp Tịnh Độ chính là lò luyện lớn để nung phàm luyện thánh của mười phương ba đời chư Phật. Chúng sanh trong chín pháp giới nếu không vào trong lò ấy thì không ai thoát ra ngoài [chín pháp giới] được, bởi thoát ra chính là rốt ráo thành Phật vậy! Tin tưởng được như thế mới gọi là Chánh Tín, mới gọi là *"có Tịnh Độ"* vậy!

---

[2] Thông Châu: tên đất cũ, có hai nơi:
1) Ở tỉnh Hà Bắc, nay đổi thành Thông Huyện.
2) Tại tỉnh Giang Tô, nay đổi thành huyện Nam Thông.
Không rõ Thông Châu nói ở đây là Thông Châu thuộc tỉnh nào; nhưng trong những lá thư sau Tổ có nói là Bắc Thông Châu, nên chúng tôi đoán Thông Châu nói ở đây thuộc tỉnh Hà Bắc.

[3] Phiên Đài chức quan tương đương với Bố Chánh của ta, lo việc trị an trong một tỉnh.

93. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

Ngày hôm qua nhận được thư luận về chuyện dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc, có thể nói là ông đã thấy thấu triệt được cái lý. Nhà Châu lập quốc nền tảng là do ba bà Thái. Văn Vương thành thánh là nhờ thai giáo[4]. Do vậy, biết đời không có bậc thánh hiền là do thế gian ít có người mẹ thánh hiền mà nên nỗi! Nếu như bà mẹ nào cũng giống như ba bà Thái thì con họ dẫu chẳng là Vương Quý, Văn Vương, Châu Công[5] thì cũng chẳng là kẻ gian ác, điều này cũng rõ ràng lắm! Nhưng người đời chỉ biết yêu thương con gái, mặc tình cho nó kiêu căng thành thói, chẳng biết đem lễ mẫu nghi ra dạy. Đấy chính là một điều đại bất hạnh của nước ta!

Con người lúc nhỏ thường kề cận bên mẹ, nên chịu ảnh hưởng thói quen của mẹ rất sâu. Những kẻ làm con gái người ta hiện thời, ngày sau sẽ là mẹ người ta. Ai muốn bồi đắp quốc gia phải lấy chuyện dạy con gái làm nhiệm vụ cấp bách. Chớ nói: "Con gái là con người ta, cần gì phải uổng công chịu đựng nhọc nhằn, lo lắng làm gì?" Phải biết rằng: Vì trời đất, vun bồi một người dân lành biết giữ phận thì không có công đức nào lớn hơn! Huống chi nếu người nữ có thể giữ vững đức hạnh của nữ nhân thì con cái cô ta sẽ phỏng theo khuôn mẫu tốt lành, còn vinh dự nào hơn; huống gì con dâu, cháu dâu của chính mình cũng đều là con gái nhà người ta đó thôi! Muốn cho nước nhà quật khởi hưng thạnh, nếu không có hiền mẫu sẽ không có gì hỗ trợ được! Đời không có mẹ hiền thì chẳng những nước không có lương dân, mà nhà cũng chẳng có con ngoan! Ngay cả những gã sư tăng tồi tệ ăn bám Phật pháp cũng đều chẳng phải do những người mẹ tốt lành sanh ra! Nếu như người mẹ thật sự hiền, bọn ấy trọn chẳng đến nỗi kém hèn đến thế! Tiếc thay!

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Ví như một trận mưa thấm khắp, cây cỏ cùng tươi tốt. Cái đạo tu thân, tề gia, trị quốc, tân dân không gì chẳng đầy đủ. Xưa nay những kẻ văn chương lừng lẫy một thuở, công nghiệp vang rền vũ trụ, và những người nhân hiếu rất mực, muôn đời kính ngưỡng, người ta chỉ biết đến hình tích chứ chưa xét đến cội nguồn. Nếu khảo sát kỹ căn do thì tinh thần, chí khí, tiết tháo của họ đều do học Phật vun bồi mà ra. Những chuyện khác không cần phải nhắc đến, chứ

[4] Thai giáo: Dạy con từ khi con còn nằm trong bụng mẹ. Người mẹ khi mang thai phải tập tánh hiền lành, ăn nói khoan thai, từ tốn, không nói lời thô ác, không làm những cử chỉ hung bạo, xem kinh sách của thánh hiền v.v…

[5] Vương Quý là sáng tổ nhà Châu. Châu Công tên thật là Cơ Đán, là con thứ của Châu Văn Vương, em của Châu Vũ Vương, từng phù tá Vũ Vương diệt nhà Ân Thương. Khi Vũ Vương chết, con là Thành Vương còn bé, ông nắm quyền nhiếp chính, tận lực bảo vệ vương quyền nhà Châu. Tương truyền, phần Tượng trong kinh Dịch do ông viết. Vì thế sau này, có rất nhiều tác phẩm bói toán được gán cho ông làm tác giả, như cuốn Châu Công Giải Mộng chẳng hạn.

ngay như tâm pháp của thánh nhân do Tống Nho[6] phát minh cũng phải nhờ vào Phật pháp để làm khuôn mẫu vậy, huống gì những thứ khác! Thế nhưng bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế cho rằng những điều ấy do chính trí của họ tìm ra, nên đặt ra những lời chê trách Phật để làm kế "bịt tai trộm linh", từ đời Tống đến nhà Nguyên rồi sang nhà Minh, không lúc nào chẳng vậy! Thử dốc lòng khảo sát thì không ai chẳng lấy Phật pháp để tự làm lợi cho mình! Còn như họ nói đến chuyện tịnh tọa, nói đến chuyện tham cứu, đều là chứng cớ chứng tỏ họ dụng công; lâm chung biết trước lúc mất, nói cười ngồi thác là những chứng cớ sau cùng để phát hiện [họ có tu Phật]. Những chuyện như vậy chép trong các truyện ký của Lý Học không thể nào nêu trọn. Há có phải học Phật là mối lo cho xã hội ư?

Tống Cát Phồn[7] hằng ngày làm chuyện lợi người, Triệu Duyệt Đạo[8] ban ngày làm điều gì, ban đêm ắt thắp hương tâu cùng Thượng Đế. Viên Liễu Phàm lập mạng, Châu Mộng Nhan soạn sách, không vị nào chẳng tha thiết mong người đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tỏ nhân quả, chỉ tội phước, khiến cho người khác biết: Khởi tâm động niệm thì thiên địa quỷ thần không gì chẳng đều thấy đều biết. Dẫu muốn dối người nhưng vì thiên địa đều thấy biết tất cả nên chẳng dám làm. Từ đấy, gắng sức làm lành, thật tâm kiêng ác, tuy là kẻ ương ngạnh khó giáo hóa nhất chẳng thể dùng lý để dẫn dụ được, nhưng do nghe đến cái đạo nhân quả ba đời ắt sẽ dần dần chừng lại, thậm chí chuyển bạo ác thành lương thiện không biết là bao nhiêu!

Tôi trộm cho rằng: Cha mẹ yêu con không gì chẳng lo lắng, chỉ có bệnh tật hoạn nạn mới đành cam chịu. Trẻ nhỏ vừa mới biết nói liền dạy niệm *"nam-mô A Di Đà Phật"* và danh hiệu *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"*. Dẫu cho đời trước ít vun bồi, nhờ vào nguyện lực này ắt có thể tiêu được họa ngay khi chưa

---

[6] Tống Nho là Nho Học theo quan điểm diễn dịch của Trình Hạo, Trình Di, Châu Hy đề xướng (thường được gọi là Lý Học). Họ vay mượn, xuyên tạc những khái niệm nhà Phật để biện minh cho Nho Học, rồi cực lực đả kích Phật pháp.

[7] Tống Cát Phồn: Người xứ Trừng Giang, tuổi trẻ đã đỗ đạt. Theo truyện ký, có một viên quan lên kinh đô tìm mua hia, thấy một đôi hia rất to, nhận ra đó là đôi hia đã chôn theo cha mình, bèn hỏi người thợ sửa hia do đâu mà có? Người đó bảo do một viên quan mang đến sửa và hứa sẽ trở lại lấy. Viên quan ấy bèn chờ, quả nhiên thấy cha mình, trả tiền lấy hia. Người con lạy cha, cha chẳng thèm ngó tới, thót lên ngựa, phóng đi. Người con đuổi theo hai ba dặm vẫn không đuổi kịp, gào lên: "Đã là cha con một thuở với nhau, sao chẳng nói một lời?" Cha bảo: "Hãy học theo Tống Cát Phồn". Người con bèn tìm hỏi, mới biết Cát Phồn đang làm thái thú Trấn Giang. Hỏi nguyên do vì sao ông được người cõi âm nể trọng, họ Tống đáp: "Tôi thoạt đầu mỗi ngày làm một chuyện lợi người, rồi tăng dần lên cho đến mười chuyện. Suốt bốn mươi năm nay, chưa từng bỏ phế ngày nào". Lại hỏi: "Lợi người bằng cách nào?" Cát Phồn chỉ xuống cái ghế kê chân: "Nếu như vật này không ngay, tôi kê lại cho ngay. Nếu người ta đang khát, tôi cho họ chén nước, cũng là chuyện lợi người vậy. Hễ gặp chuyện gì có lợi cho người bèn làm". Cát Phồn làm quan ở đâu cũng lập một gian tịnh thất để thờ Phật. Có lần ông vào thất lễ tụng, cảm được xá-lợi giáng xuống. Ông thường khuyên người khác niệm Phật, cảm hóa được rất nhiều người, trong định từng dạo chơi Cực Lạc. Về già, không bệnh tật gì, ngồi ngay ngắn hướng mặt về Tây mà mất (theo Long Thư Tịnh Độ Văn và Tây Quy Trực Chỉ).

[8] Triệu Duyệt Đạo làm quan Ngự Sử thời Tống Nhân Tông, chí công vô tư, được người đời xưng tụng là Thiết Diện Ngự Sử (Ngự Sử mặt sắt).

chớm, phước đưa đến mà không biết, có thể không còn phải lo gì đến những chuyện bệnh tật, tai ương, hiểm nạn. Con vừa mới hiểu biết, liền dạy cho con trung hậu, khoan thứ, nhân từ, kiêng giết, phóng sanh và những sự tích nhân quả ba đời rõ ràng, ngõ hầu con tập thành tánh. Lúc nhỏ, chẳng dám tàn bạo đối với loài trùng kiến nhỏ nhặt, lớn lên trọn chẳng đến nỗi làm chuyện gian ác, làm nhục tổ tiên cha mẹ. Phật pháp gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, gặp anh nói nhường, gặp em nói kính, chồng xướng vợ thuận theo, chủ đối xử có nghĩa, tớ trung thành. Tuy gọi chung là "pháp xuất thế", nhưng quả thật đầy đủ những khuôn phép tốt lành để sống trong đời.

Những khuôn phép tốt lành để sống trong đời cũng giống như Nho Giáo, nhưng Nho Giáo chỉ dạy con người tận nghĩa, còn Phật giáo mỗi mỗi đều nói đến nhân quả. Tận nghĩa chỉ có thể dạy người thượng trí, khó cảm hóa kẻ hạ ngu. Nhân quả thì thượng trí hạ ngu không ai chẳng được lợi ích. Trong xã hội ngày nay, chuyên lấy trí xảo làm chủ thể. Vì thế, đề ra chuyện gì đều mượn cái danh vì dân, vì hạnh phúc của chế độ Cộng Hòa, chứ thật ra là anh em một nhà đánh nhau, khiến cho thế nước ngày càng nguy ngập, nhân dân ngày càng thêm khốn khổ vì chuyện tranh chấp ý kiến, tranh chấp quyền lực. Trở thành ra kết quả như vậy toàn là do chẳng biết nhân quả báo ứng. Nếu ai cũng biết nhân quả thì tự lợi, lợi tha, tự lập, lập người, sao đến nỗi cùng cực như thế này? Nói "dạy trẻ học Phật" chỉ là học mấy nghĩa như vừa đã nói đó mà thôi, há nào phải dạy chúng những chuyện tham Thiền ngộ tánh, xem kinh giáo, quán sát cái tâm? Ông Vương chưa biết Phật pháp nên mới lo lắng quá mức như thế. Nếu làm như lời ông ta nói thì dù gần hết cả một đời cũng chẳng dám nói đến Phật pháp. Trong thư phúc đáp ông Vương, ông nên dùng những ý Quang vừa nói để dung hội và mở rộng ra.

Như tôi đã viết nhiều lần về pháp danh, trộm nghĩ: Trẻ nhỏ chọn lấy một tên thích hợp là được rồi, cần gì nhất định phải chọn lấy ba tên. Tên của Khổng Tử chính là nhũ danh, nào có phải nhũ danh[9] chỉ dùng lúc nhỏ thôi ư? Pháp danh cũng do đời sau đặt ra, tên các vị đệ tử Phật không tên nào chẳng phải là tục danh tại gia. Nay dùng pháp danh là để phân biệt người đã nhập pháp hay chưa. Nếu con cái ngay thoạt đầu đã chọn đặt cho cái tên đẹp đẽ thì có thể dùng tên ấy suốt đời. Cần gì phải mất công đặt hai ba tên? Trước hết tận lực việc người, sau nghe theo mạng trời. Chuyện gì con người không tính được bèn cậy vào oai thần Tam Bảo thì sẽ âm thầm tự nhiên có chuyển biến chẳng thể nghĩ bàn.

[9] Nhũ danh: tên sữa, tên đặt lúc mới sanh ra, ta thường gọi là "tên hèm" ("hèm" là kiêng kỵ, không nhắc đến) hoặc "tên húy". Đến khi lớn lên lại đặt tên tự và hiệu. Khi xưng hô với nhau chỉ dùng tên tự hoặc hiệu. Khi chết, căn cứ vào đức hạnh của người ấy khi còn sống lại đặt cho một cái tên gọi là "thụy hiệu" dùng để đọc trong văn tế khi cúng giỗ. Chẳng hạn Chu Văn An có thụy hiệu là Văn Trinh, Phạm Trọng Yêm có thụy hiệu là Văn Chánh.

94. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư ông, biết tâm của Sư Thọ đã xoay chuyển, không còn nhất quyết muốn xuất gia. May mắn thay! Người đời nay hay coi chuyện xuất gia như một cách để dựa dẫm, sống bám, tìm chỗ yên thân. Kẻ kém hơn nữa thì do không còn đường sống bèn tính kế ăn bám, nên những kẻ xuất gia ngày nay phần nhiều đều là phường vô lại, cho nên pháp đạo suy sụp sát đất đều là vì hạng xuất gia này làm chuyện bại hoại mà nên nỗi!

Quang thấy căn tánh của Sư Thọ nếu tu trì tại gia sẽ chẳng uổng là một bậc thiện sĩ trong làng xóm. Dẫu chẳng thể hoằng dương giáo pháp rộng lớn, nhưng đều có lợi ích thiết thực cho cả mình lẫn người. Nếu xuất gia, do tuổi tác quá thời, lại do thân yếu đuối chẳng kham chịu khổ được. Đối với chuyện tham Thiền học Giáo nếu không hỏi đến bờ bến sẽ trọn chẳng biết đâu là phương hướng. Nếu đi tham học thì dù có dốc hết sức cả một đời này, vẫn còn chưa thể thấu đạt. Tông, Giáo không biết thì đối với cái đạo Niệm Phật chỉ có thể lợi ích cho mình, chứ chuyện lợi người [thì không thể, vì] còn thiếu tham học. Do vậy, chẳng bằng ở nhà theo cách tu trì của các vị Long Thư, An Sĩ, Nhị Lâm thì tốt hơn!

95. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được thư biết ông lại có con quý, vui lắm! Những điều ông viết trong thư đều có đạo lý. Chuyện ông Trương Hoán Bá dạy con cái là biết Thể nhưng không biết Dụng, chẳng thể hoàn toàn học theo cách ấy. Con còn bé, khi con đi học về phải lấy chuyện nhân quả báo ứng và lợi ích của pháp môn Tịnh Độ để ra rả giáo huấn khiến cho con cái hiện thời được lợi ích nơi niệm Phật, ắt khỏi phải lo lắng những chuyện xảy ra ngoài dự liệu; trong tương lai khi lập gia đình, lập nghiệp, đó lại là cái gốc tiêu tội được phước. Nếu hoàn toàn chẳng giao thiệp cùng trường học sẽ chẳng am hiểu thời vụ, dẫu đứa có khả năng cũng khó tiến bộ, huống chi những đứa tầm thường!

Người tại gia trước hết phải tìm được một cách mưu sinh, cách cư xử của Hoán Bá chỉ có thể dùng được trong ba mươi năm trước, chẳng thích hợp cho hiện thời. Thời bây giờ là thời như thế nào? Chính là cái thời "gian dối đua chen, tranh giành lẫn nhau", nếu hoàn toàn chẳng giao thiệp với những kẻ ấy ắt sẽ bị chúng dối lừa, làm nhục, khó thể an thân!

Còn về pháp danh, đứa lớn đã quy y, không cần phải chọn tên khác nữa. Những đứa còn lại lấy chữ Phước làm chữ đầu, [chữ thứ hai lần lượt là] Huệ, Dung, Uyên, Hòa, Minh. Mẹ chúng nó nên đặt tên là Sư Việt. Do bà Kinh

Vương phu nhân họ Vương đời Tống, tự hành, dạy người, chuyên tu Tịnh nghiệp, đứng đầu hàng nữ lưu, nên nếu đặt tên cho bà [vợ ông] là Sư Vương tợ hồ chẳng thích hợp. Do Kinh Vương phu nhân còn xưng là Việt Quốc phu nhân nên đặt tên là Sư Việt thì ổn thỏa.

Thêm nữa, lìa ngũ trược, sanh về Tịnh Độ, chính là siêu việt phàm tục trược ác, sau khi vãng sanh dần dần thăng lên, cũng là sự siêu việt vậy. Danh là khách của Thực, ắt phải thường răn dạy khiến cho con cái biết đạo lý thế gian, biết đạo lý Phật pháp, tương lai khi chúng trở thành cha mẹ, tự có thể lập ra quy tắc cho con cái, chẳng đến nỗi tuy có thiên tư thượng đẳng như ông Tăng nọ, như kẻ tục nọ, đều có thiên tư kham làm Phật, làm Tổ, nhưng lại vùi lấp đường chánh nhân - thiên của mình lẫn người, đào hố sâu địa ngục! Nguyên do đều là vì cha mẹ những kẻ ấy thoạt đầu chẳng đem nhân quả báo ứng dù Sự hay Lý để bảo ban cho mà ra. Nếu nhân quả chẳng giảng thì Danh và Thực trọn chẳng tương ứng, huống còn muốn được hiệu quả thật sự làm thánh, làm hiền, làm Phật, làm Tổ ư? Hai chữ "nhân quả" chính là nghĩa lý trọng yếu "gốc chánh nguồn trong" để cứu nước trị dân cho ngày nay vậy. Bỏ điều này sẽ không còn phương cách nào khác, huống chi là chuyện dạy con cái ư?

96. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Gia thuộc của ông đông quá. Khi các cô em dâu, em gái, con gái đi học về, nên đem những chuyện nhân quả báo ứng và lợi ích niệm Phật bàn luận cùng họ, ngõ hầu trong tâm ai nấy biết tâm mình thông với thiên địa quỷ thần, tương thông cùng từ phụ Di Đà. Do vậy, đoạn trừ ác niệm, tăng trưởng chánh tín, ngõ hầu hiện tại họ kham làm vợ hiền của người, tương lai làm mẹ hiền cho người. Biến điều ấy thành phong tục cho làng xóm thì cũng là căn bản pháp luân để bình trị thiên hạ quốc gia vậy. Bồ Tát sống trong cõi tục để lợi sanh, chẳng lập riêng quy cách, đối bệnh phát thuốc, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà mới thôi.

Nay những phụ nữ trong chốn học đường đa phần lầm lạc nẩy sanh những mong muốn lạ lùng, muốn nắm giữ chánh quyền, chẳng biết giữ bổn phận. Giúp chồng dạy con chính là căn bản để thiên hạ thái bình. Do vậy, vương nghiệp nhà Châu có nền tảng là ba bà Thái. Các bà Thái Khương, Thái Tự, Thái Nhậm chính là bậc thánh nhân trong nữ giới, chỉ chú trọng âm thầm giúp đỡ chồng, dạy con từ thuở còn trong thai. Người đời nay chẳng học theo gương đó, những điều họ tính toán, lo nghĩ đều là những mầm mống mưu mô gây loạn thiên hạ, còn nói gì được nữa! Quang vốn là người ngoài cõi đời, há nên bàn chuyện phụ nữ! Do vì gia quyến ông đàn bà đông quá [nên mới bàn đến], mong

rằng họ sẽ là gương mẫu cho hàng nữ lưu trong tương lai, là gương tốt cho chốn khuê khổn[10] hòng phát dương ánh sáng mặt trời Phật pháp vậy!

97. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)

Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản. Cái căn bản vừa nói đó chính là hiếu với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, tận tụy, lấy thân làm gương, lấy đức làm khuôn phép; như nung chảy vàng hay đồng, đổ vào khuôn. Khuôn ngay ngắn sẽ đúc ra vật ngay ngắn, khuôn méo mó sẽ đúc ra vật méo mó. Lớn - nhỏ, dày - mỏng, trước khi đổ khuôn đã có thể biết trước, huống gì lúc đã trút khỏi khuôn! Gần đây con người đa phần chẳng biết điều này. Vì thế, những con em có thiên tư đa số là cuồng vọng, trái nghịch; những đứa không có thiên tư lại thành ra ương bướng, hèn tệ. Đó là do lúc nhỏ đánh mất khuôn phép, như vàng lỏng rót vào khuôn hư trở thành đồ hư hỏng. Cố nhiên vàng là một, nhưng đồ vật lại sai khác một trời một vực! Tiếc thay! Phật lấy Vô Ngã để dạy, người đời nay hễ có chút tri kiến bèn nghếch mắt lên tận trời thẳm, là vì chỉ biết Phật pháp qua nghĩa lý văn tự, chẳng biết Phật pháp chính là tu thân tịnh tâm, diệt trừ ngã tướng, tận lực tu Định - Huệ, ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân!

98. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

Thế giới Sa Bà là một lò luyện lớn, ai chịu được chưng luyện sẽ không còn là người trong thế gian nữa. Ai không chịu nổi sự chưng luyện thì lò luyện lớn lao bèn thành món đồ độc hại, thành món đồ gây khổ não, ấy là do tùy mỗi người mà tự được lợi ích. Người cùng một nhà nên trong lúc nhàn hạ vô sự, nhẹ nhàng, uyển chuyển, trình bày, mở mang những lý tột cùng khiến cho họ biết có những chuyện đúng - sai, nên hay không nên thì tâm thức họ sẽ bất tri bất giác dần dần bị ảnh hưởng rồi chuyển biến. Nếu gặp lúc tánh tình ngu bướng, ngạo mạn [của kẻ ấy] lộ ra, nếu như đối trị được thì hãy dùng những câu danh ngôn chí lý, hòa dịu bình tâm để đối trị. Nếu không, cứ để mặc đó, nhất loạt không bận tâm đến nữa, đợi khi nào hết nóng, lại dùng tâm bình khí hòa bàn luận đến đầu đến đũa, lâu ngày kẻ ấy sẽ được cảm hóa. Nếu dùng thủ đoạn mạnh bạo, nặng nề để trói buộc thì hoàn toàn không thích hợp, do kẻ ấy có chỗ dựa dẫm (chỗ dựa dẫm chính là con cái người ấy) cũng như đánh mất pháp tắc giáo huấn con cái. Niệm Phật phải luôn nghĩ mình sắp chết, sắp bị đọa địa ngục thì không khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, không tương ứng cũng tự tương ứng; vì cái tâm sợ khổ mà niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để thoát khổ, cũng là diệu pháp bậc nhất để tùy duyên tiêu nghiệp.

[10] Khuê khổn: Chỗ ở của nữ nhân gọi là khuê khổn, hoặc khuê phòng.

99. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy)

Linh Phong lão nhân (tổ Ngẫu Ích) là người độc nhất vô nhị trong đời Mạt Pháp, lời lẽ, lý - sự của Ngài đều trọn đủ, há lường được lợi ích ư? Tùy theo căn cơ của mỗi người, ai nấy được hưởng lợi ích. Con em có tài hoa, nếu được khéo dạy sẽ dễ thành tựu chánh khí; không khéo dạy thì đa số trở thành phường bại hoại! Ngày nay dân không lẽ sống, vận nước gian nan, gần như sụp đổ, đều là do những kẻ có tài hoa nhưng không được khéo dạy dần dần ấp ủ tạo thành [mối họa]. Đứa không tài hoa cố nhiên nên dạy nó thành thật, đứa có tài hoa càng nên dạy nó thành thật, nhưng dù là đứa thành thật cũng có thể làm điều dối trá. Thoạt đầu phải dạy lẽ nhân quả báo ứng và chuyện *"một khởi tâm động niệm của con người thiên địa quỷ thần đều thấy biết hết từng điều*", thường nên khuyên dạy như thế.

Phải dạy chúng đọc thuộc Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, đừng cho đấy không phải là sách Phật rồi coi thường. Do phàm phu tâm lượng thiển cận, nếu dùng những lẽ xa xôi, lớn lao, sâu xa để trình bày sẽ khó thể lãnh hội. Những sách ấy dù già hay trẻ nghe đến đều được lợi ích, huống chi [những sách ấy] đều chú trọng lấy vô thường làm thầy, lấy điều thiện làm thầy!

Phật còn dạy con người ta quán tử thi, phẩn uế, rắn độc để chứng A La Hán, số người chứng quả còn nhiều hơn cát sông Hằng. Huống chi những câu nói thiết thực, nuôi dưỡng thiện tánh, cảnh tỉnh, tự xét của những sách này. Kinh Lăng Nghiêm, nếu người không biết pháp Tịnh Độ đọc đến sẽ cho là công thần bậc nhất để đả phá Tịnh Độ; còn người đã biết Tịnh Độ sẽ thấy kinh này là hướng dẫn tốt lành cho Tịnh Độ. Vì sao nói thế? Dùng tự lực để ngộ đạo khó lắm, còn vãng sanh Tịnh Độ lại dễ. Nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi phân minh. Nếu chẳng cậy vào Phật lực, dù phá được một hai Ấm, vẫn có thể bị ma dựa, trở thành chủng tử địa ngục. Đã thế, hai mươi bốn công phu Viên Thông, người bây giờ ai có thể tu tập được? Chỉ có niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ ai có tâm đều phụng hành được. Hễ tịnh niệm tiếp nối bèn tự chứng được Tam Ma (Chánh Định). Người biết tốt - xấu đọc đến có còn chịu chỉ cậy vào Tự Lực, chẳng nương vào Phật lực hay chăng? Kẻ không phân tốt - xấu thì ngược lại, chỉ muốn trở thành một bậc thông gia, không hề có cái tâm liễu sanh tử!

100. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám)

Thư gởi đến nêu rõ chuyện kính trọng toàn thể Tăng Ni, lý ấy, sự ấy quả thật rất xác đáng, nhưng về chuyện dạy dỗ con cái lại phải bàn đi luận lại, bởi lẽ nếu chỉ nhắc đến một lần, e rằng ông chẳng biết chọn lấy điều thân - sơ, rất có

thể bị tổn hại! Ví như có người, dù thơ hay văn, dù Tông hay Giáo, thảy đều cao siêu, nhưng phẩm hạnh kém hèn, chẳng đáng làm gương cho người khác. Nếu chẳng biết phân biệt, cứ nhất loạt thân cận thì thân cận người như vậy chẳng những là hành vi có thể bị xoay chuyển theo, gã đó lại còn dùng những ý kiến ức đoán của chính mình nói ra những đạo lý xằng bậy nên kẻ không có tri kiến chân chánh rất có thể bị lầm lạc bởi gã đó. Như vậy, phải giữ tấm lòng "đối với người hiền hay kẻ ngu đều cung kính, chẳng sanh lòng ngạo mạn", nhưng về mặt hành sự thân cận thì phải thân hiền, xa ngu, chọn ưu, bỏ hèn. Như thế sẽ tránh được cái tệ bị lây nhiễm cũng như khỏi bị lầm lạc oan uổng. Chuyện thiên hạ có lý nhất định, nhưng không có pháp nhất định. Nếu chẳng dùng tình và sự để định đoạt, như chữa bệnh có biến chứng mà cứ chấp chặt vào một phương thuốc ắt sẽ chết nhiều, sống ít. Lý và tình cần phải phù hợp, pháp và sự phải tương ứng thì mới nên.

101. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín)

Trong thư gởi đến, những điều ông viết đều từ sự suy xét những tập khí nơi thân tâm của chính mình, khôn ngăn mừng rỡ, cảm động! Nhưng ở địa vị phàm phu, tuy không thể không có bệnh, nhưng cũng chẳng nên mặc kệ không trị. Cách chữa trị ít tốn sức nhất lại được lợi nhiều là lấy ngay bệnh làm thuốc. Lấy ngay bệnh làm thuốc thì bệnh chẳng làm phiền rộn mình được. Như cái bệnh yêu thương con cái quyết chẳng thể đoạn được thì chẳng ngại gì lấy ngay lòng yêu thương đó làm gốc, muốn cho con cái lúc sống làm người chân chánh, lúc chết sanh về Tịnh Độ. Yêu thương như vậy chính là dùng phàm tình thế gian để thành tựu thánh quả xuất thế gian. Nếu chẳng khéo dùng lòng yêu thương, mặc lòng dung dưỡng thói kiêu căng còn hơn giết con trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên lần. Đất nước diệt vong, nhân dân điêu đứng đều vì những bậc cha mẹ chẳng hiểu sự việc này ấp ủ thành. Chẳng đáng buồn ư?

Công khóa mỗi ngày hồi hướng mỗi mỗi đều vì pháp giới chúng sanh. Nếu làm công khóa này vì chuyện này, công khóa kia vì chuyện kia, tuy không phải là không được, nhưng cần phải có cái nguyện hồi hướng rộng khắp thì mới tương ứng với ba thứ hồi hướng. Ba thứ hồi hướng thì một là hồi hướng Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp; hai là hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn; ba là hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Mỗi người ai nấy có chí, ai nấy có nghiệp (nghiệp là thức nghiệp), cứ tùy duyên tùy phận là được rồi, bất tất mọi người đều phải giống nhau.

102. Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh

Nhận được thư biết cư sĩ có chí hướng thượng, nhưng chưa biết duyên do và thời cơ của pháp môn. Nếu đã từng đọc Văn Sao của Quang thì ông cũng chưa xét rốt ráo những ý chỉ Quang đã nói. Phàm tu hành dụng công vốn là vì liễu sanh tử. Nếu dụng công nhưng chẳng thể liễu sanh tử là vì chẳng chịu hành theo pháp có thể liễu được sanh tử, há chẳng phải là gánh gai bỏ vàng[11], tự chuốc lấy vạ hay sao? Tham Thiền dù có đại triệt đại ngộ như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, Đoạn Nhai Nghĩa[12] còn chẳng thể liễu, hễ thọ sanh lần nữa bèn bị mê mất, kém xa đời trước, huống hồ bọn ta! Vị hòa thượng X… tuy đã biết phương hướng của Thiền Môn, nhưng chưa vượt ra được giới hạn của Thiền Tông nên chẳng thể làm cho các hạ lắng lòng niệm Phật.

Ý ông cho rằng hễ ngộ ắt sẽ không có sanh tử để kết liễu, cũng chẳng có Niết Bàn để chứng, nhưng chẳng biết rằng dẫu có ngộ đến địa vị "thấy không có sanh tử để kết liễu, không có Niết Bàn để chứng đắc" thì vẫn cứ ở trong sanh tử y như cũ, chẳng thoát ra được, chẳng thể chứng được Niết Bàn. Chúng sanh đời Mạt cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử rất ư là khó; huống chi ông đã quán sát nhất niệm rớt vào chốn nào thì phải luôn luôn quán sát niệm ấy đi về đâu. Ngoại trừ chuyện này ra, bất cứ điều gì khác cũng không quan tâm đến, thật giống như truy tầm oan gia, chẳng chịu lãng ý một nháy mắt kẻo nó trốn mất, phải sao cho bắt được nó ngay khi đó, khiến cho nó táng thân mất mạng mới thôi! Nhưng ông nói rằng khi cái niệm ấy khởi lên đủ mọi cảnh giới bèn bỏ toàn thể chuyện quán sát những cảnh giới ấy đi về đâu, cho rằng mọi cảnh giới đã hiện ra chính là do tâm đạt được, tức là chẳng biết những cảnh giới ấy đều do tịnh định mà phát hiện, quả thật là chướng ngại cho sự tham Thiền. Vì sao? Vì quên mất chuyện suy xét đến tận cùng xem cái niệm này đi về đâu, tưởng huyễn cảnh là điều mình đạt được. Vả nữa, cảnh giới ấy còn xen tạp những cảnh giới của bọn luyện đan. Trước đây, các hạ đã từng dùng qua công phu ấy, nên nay do tịnh định, chúng bèn hiện ra. Nếu cho đó là chứng đắc, ắt có mối lo sau này sẽ bị ma dựa. Các hạ chẳng biết vứt bỏ toàn bộ

---

[11] Trong chuyện ngụ ngôn Tàu có câu chuyện một anh chàng đang cầm vàng đi thấy bên đường có một đống sợi gai to. Thấy đống gai to bèn tối mắt, vứt vàng đi để cặm cụi gánh gai về.

[12] Chân Như Triết: Húy là Mộ Triết, quê ở Lâu Xuyên, theo học với ngài Vĩnh An Viên Giác Luật Sư ở Kiến Xương, thọ trì giới luật tinh nghiêm. Khi Thúy Nham Chân Thiền Sư du phương, Sư đến cầu học, Ngài bảo ba bốn mươi năm sau, Chân Như Triết sẽ làm Phật sự lớn lao. Khi Chân Thiền Sư mất, Ngài y chỉ Tổ Hoàng Bá, chấn hưng tông phong.

Đoạn Nhai Nghĩa: Trong vạn người cầu pháp với Nguyên Diệu đại thiền sư ở Thiên Mục Sơn, chỉ có ngài Đoạn Nhai và Trung Phong Minh Bổn đắc pháp. Không rõ hành tích của Ngài, chỉ biết trong Thiền Quan Sách Tấn, Tổ Liên Trì có ghi lại một đoạn pháp ngữ của Sư: *"Muốn siêu phàm nhập thánh, vĩnh viễn thoát khỏi trần lao, thì phải thay da đổi xương, chết đi sống lại, như tro lạnh sanh lửa, như cây khô tươi tốt lại. Há nên nghĩ là dễ dàng"*.

những chuyện ấy, vẫn cứ mong thường giữ được lâu dài. Do chẳng thể đạt được bèn bứt rứt, than thở, há chẳng phải là nhận giặc làm con, giao cho nó giữ gia nghiệp hay sao? Kinh Kim Cang dạy: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng",* Tâm Kinh nói: *"Soi thấy Ngũ Uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách"*. Tướng ấy của các hạ là tướng hay phi tướng vậy? Là Ngũ Uẩn hay không phải Ngũ Uẩn vậy? Nếu là tướng, là Ngũ Uẩn thì đều phải bỏ đi, sao lại trân quý nó? Nếu nó là phi tướng, là phi Ngũ Uẩn thì cái niệm để thấy còn chẳng thể có, những cảnh tướng ấy do đâu mà có? Cổ nhân nói: *"Người học đạo chẳng hiểu lẽ chân đều là vì từ trước chẳng hiểu được thức thần là cái gốc của vô lượng kiếp sanh tử, người ngu cho đó là con người sẵn có của mình"*. Câu nói đó chính là món thuốc mầu nhiệm thật thích hợp để trị chứng bệnh của các hạ vậy. Há có nên vọng động đem ý mình để tham Thiền ư? Hãy nên ngay trong lúc một niệm khởi, phải quán xem ý niệm ấy đi về đâu. Chẳng dốc sức vào đó thì sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, lại còn cho đó là đắc, há chẳng quá đáng buồn hay sao? Tuy thế, Quang chẳng phải là Thiền khách, trọn chẳng dùng Thiền học để dạy người. Đây chẳng qua là vì các hạ không biết cảnh nào là tà - chánh, đúng - sai, nên mới khôn ngăn biện luận, phân tích đôi chút. Nếu các hạ muốn dựng cao cờ xí nhà Thiền, lấy đại triệt đại ngộ làm chuyện chánh yếu, hãy nên tham học với những bậc đại lão trong Thiền Tông. Nếu nói "tôi trong một đời này, quyết định phải liễu sanh tử" thì xin hãy đem ý niệm tham Thiền vứt ra ngoài Đông Dương đại hải, y theo pháp môn Tịnh Độ, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nương vào Phật từ lực, chắc chắn sẽ được mãn nguyện. Nếu chẳng y theo pháp môn Tịnh Độ thì tất cả những gì đã tu trì đều trở thành phước báo nhân thiên và nhân duyên để đắc độ trong tương lai mà thôi, muốn liễu sanh tử khó thể mộng thấy được! Muốn biết nguyên do của Thiền và Tịnh mà không xem rộng khắp các sách Thiền - Tịnh sẽ không thể nào hiểu được. Dẫu có thể xem rộng khắp, nhưng nếu không có mắt chọn lựa pháp cũng sẽ thành dõi nhìn biển cả thở than, mịt mờ chẳng biết về đâu. Do vậy, hãy nên chuyên đọc các trước thuật Tịnh Độ, nhưng các trước thuật về Tịnh Độ rất nhiều, người chưa nhập môn khó nắm được cương yếu. Tìm lấy một tác phẩm dẫn người tiến vào chỗ thù thắng, phân tích minh bạch giới hạn giữa Thiền và Tịnh, Phật lực và tự lực, không gây nghi ngờ, trệ ngại, ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, nghĩa lý bình thường, thực tế, là hướng dẫn ban đầu để nghiên cứu các trước thuật của cổ đức, thì có lẽ là bộ Ấn Quang Văn Sao chăng? Xin hãy lắng lòng nghiên cứu ắt sẽ tự biết!

103. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ nhất)

Ngài Ngẫu Ích sanh vào cuối đời Minh, mất vào đầu đời Thanh[13], một đời hoằng pháp đều ở phương Nam, chưa từng lên đất Bắc. Thêm nữa, trong những năm đầu thời Thuận Trị, phương Nam còn nhiều chỗ chưa quy phục, sau khi vua Sùng Trinh[14] thăng hà, lãnh thổ nhà Minh tan nát, phàm trước thuật gì, đại sư đều chỉ ghi năm tháng, không ghi quốc hiệu và niên hiệu. Đến khi các xứ Ninh Ba, Phước Kiến quy thuận [nhà Thanh], chưa đầy một hai năm sau, đại sư bèn nhập Niết Bàn, nhưng trong tông Thiên Thai có người bắt chước, trước thuật vào thời Khang Hy cũng chẳng ghi quốc hiệu và niên hiệu, có thể nói là vu báng, khinh miệt ngài Ngẫu Ích lẫn quốc gia vậy. Do chẳng khéo học nên mới có chuyện như thế!Học giả ở phương Nam đa số thiên về giáo pháp Thiên Thai, các học giả phương Bắc đa số chuộng giáo nghĩa Hiền Thủ hoặc Từ Ân. Do không người học tập nên những tác phẩm [của tông Thiên Thai được lưu hành ở phương Bắc] cũng ít. Thanh Thế Tông (Ung Chánh) tuy đề xướng khắc in Đại Tạng, nhưng đầu mùa Hạ năm ấy đã lên làm khách cõi trời. Những kinh sách được đưa vào hay gạt ra khỏi Đại Tạng đời Thanh thường nói là do Thanh Thế Tông định đoạt, nhưng thật ra quá nửa là do vị thân vương đặc phái và vị đại hòa thượng thủ lãnh tổng lý việc in khắc Đại Tạng chủ trì.

Hơn nữa, những vị Tăng sắp đặt việc in khắc đều là người thuộc các tông Hiền Thủ, Từ Ân, Lâm Tế. Tông Thiên Thai chỉ có một vị, nhưng chỉ giữ vai trò giảo duyệt, không có quyền quyết định. Những trước thuật của ngài Ngẫu Ích được nhập tạng chỉ có hai thứ là Tướng Tông Bát Yếu[15] và Thích Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn[16], những thứ khác ở phương Bắc không có, lấy đâu mà nhập tạng cho được? Đây là chuyện thuộc về cuối đời Ung Chánh, đầu đời Càn Long. Đến cuối đời Càn Long, ở kinh đô, những trước thuật của ngài Ngẫu Ích

[13] Ngài Ngẫu Ích sanh năm 1599 (năm Vạn Lịch thứ 27 đời Minh), mất năm 1655 (nhằm năm Thuận Trị thứ 12 nhà Thanh). Dẫu nhà Thanh đã chiếm được Trung Hoa, nhưng con cháu nhà Minh vẫn chiếm cứ một số vùng ở Nam Trung Hoa, xưng là Nam Minh, như Phước Vương (Châu Do Tung), Đường Vương (Châu Duật Kiện) và Quế Vương (Châu Do Lang). Mãi đến năm Khang Hy thứ hai (1663), nhà Thanh mới hoàn toàn diệt được con cháu nhà Minh, bình định được Trung Hoa. Dư đảng di thần nhà Minh một số theo Trịnh Thành Công chạy ra Đài Loan tiếp tục phù Minh phản Thanh.

[14] Sùng Trinh là vua cuối đời Minh. Trước khi quân Mãn Châu chiếm Trung Hoa, Lý Tự Thành đã nổi loạn lật đổ nhà Minh, xưng quốc hiệu là Đại Thuận, làm vua gần được hai năm (1644-1645).

[15] Tướng Tông Bát Yếu: Tên gọi đầy đủ của tác phẩm này là Tướng Tông Bát Yếu Trực Giải, là một tác phẩm chú thích của ngài Ngẫu Ích cho tám tác phẩm trọng yếu của tông Pháp Tướng (Duy Thức). Tám tác phẩm ấy là: 1. Bách Pháp Minh Môn Luận của ngài Thế Thân 2. Duy Thức Tam Thập Luận cũng của ngài Thế Thân 3. Quán Sở Duyên Duyên Luận của ngài Trần Na 4. Lục Ly Hợp Thích Pháp Thức của ngài Trừng Quán (cuốn này trích từ bộ Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao) 5. Quán Sở Duyên Duyên Luận Thích của ngài Hộ Pháp 6. Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận của ngài Thương Yết La Chủ 7. Tam Chi Tỷ Lượng của ngài Huyền Trang và 8. Bát Thức Quy Củ Tụng cũng của ngài Huyền Trang.

[16] Đây là tác phẩm chú giải bộ Đại Thừa Chỉ Quán của ngài Huệ Tư (thầy ngài Trí Khải).

không còn được bao nhiêu. Triệt Ngộ lão nhân đọc bộ Duyệt Tạng Tri Tân[17], liền muốn khắc in. Ngài mong tìm được một bộ thì chẳng cần phải chép riêng[18] hòng giảm bớt tâm lực nên tìm tòi khắp nơi, chỉ được một bộ. Phàm những trước thuật của đại sư được truyền đến kinh đô thì ngài Triệt Ngộ và môn nhân của ngài Triệt Ngộ đều cho khắc bản, cũng được mười hay hai mươi loại.

Những kẻ không biết thời thế cứ đổ riệt Thanh Thế Tông chẳng chọn lấy những tác phẩm ấy, đúng là đã vu báng vua Thế Tông. Nếu như Thanh Thế Tông được thấy toàn bộ những trước tác của ngài Ngẫu Ích chắc chắn sẽ cho nhập tạng toàn bộ, chẳng sót bộ nào. Phải biết: Đại Tạng kinh đời Thanh do Thanh Thế Tông khởi xướng, đến khi Thanh Thế Tông băng hà, Cao Tông (Càn Long) kế vị, phàm những chuyện khắc in Đại Tạng đều do những người có quyền thế trong giới Tăng - tục thời ấy làm chủ, chẳng qua Cao Tông cũng chỉ chủ trì trên danh nghĩa đó thôi. Vì sao biết như vậy? Bộ Giản Ma Biện Dị Lục[19] do Thế Tông soạn vừa mới hoàn tất bản thảo, còn chưa sửa chữa hoàn chỉnh, vua liền băng hà ngay. Tuy Cao Tông sai người biên chép, khắc bản, nhưng chẳng rảnh rỗi để kiểm điểm. Do vua không sai một bậc đại thông gia chủ trì, nên rốt cuộc sai ngoa không biết bao nhiêu mà kể. Di bút của cha mà còn để như thế, huống gì là Đại Tạng?

Vả nữa, lúc Thế Tông bắt đầu soạn tác phẩm này liền ban lời dụ, trong đó có nhắc đến chuyện nhập tạng lưu thông. Về sau, chỉ khắc bản in sách, rốt cuộc không nhập tạng, chỉ đem lời dụ này in kèm vào sau cuốn Ngữ Lục của Viên

---

[17] Duyệt Tạng Tri Tân gồm bốn mươi tám quyển, là một loại sách tổng mục, phân định 1.773 bộ kinh sách trong Đại Tạng thành bốn loại Kinh, Luật, Luận và Tạp. Đối với mỗi tác phẩm đều có những lời giải thích thiết yếu. Nội dung gồm:

1) Kinh Tạng: gồm 976 bộ kinh Đại Thừa (căn cứ theo tiêu chuẩn ngũ thời phán giáo của tông Thiên Thai) và 211 bộ kinh Tiểu Thừa.

2) Luật Tạng gồm 30 bộ Luật Đại Thừa và 61 bộ Luật Tiểu Thừa.

3) Luận Tạng gồm luận Đại Thừa, chia thành 71 bộ Thích Kinh Luận (luận nhằm giải thích kinh theo từng đoạn kinh) và 117 bộ Tông Kinh Luận (giải thích giáo nghĩa chánh yếu của một kinh), 32 bộ Chư Luận Thích (chú giải các bộ luận)) và 47 bộ luận Tiểu Thừa.

4) Tạp Tạng gồm các thể loại: Tây Phương (những kinh điển của ngoại đạo hoặc bị nghi ngờ là ngụy tạo của Ấn Độ, gồm 48 bộ) và Thử Độ (những nghi thức sám hối, các trước tác Tịnh Độ, Thiên Thai, Thiền Tông, Hiền Thủ Tông, Từ Ân Tông, Mật Tông, Luật Tông, truyện ký, hộ pháp, âm nghĩa, mục lục, bài tựa, bài tán, pháp sự v.v… của Trung Hoa, tổng cộng 176 bộ).

[18] Thuở xưa, in sách bằng ván gỗ (thường gọi là in mộc bản). Trước hết phải nhờ người chữ tốt chép lại bản sách ấy rõ ràng, rồi đưa bản chép ấy cho thợ khắc gỗ khắc ngược những chữ ấy lên ván gỗ. Nhà in sẽ dùng những ván gỗ ấy, phết mực lên, áp xuống giấy trắng để in thành sách.

[19] Bộ sách này gồm tám quyển, biên soạn vào năm Ung Chánh thứ 11 (1733). Nguyên khởi là do sư Hán Nguyệt Pháp Tạng thuộc dòng Thiền Lâm Tế soạn cuốn Ngũ Tông Nguyên, môn nhân của Sư là Đàm Cát Hoằng Nhẫn cũng soạn cuốn Ngũ Tông Cứu để đả kích giáo nghĩa dòng Thiền Tào Động lúc ấy, gây nên tranh luận ồn ào trong chốn Thiền lâm bấy giờ, cho đến tận đời Thanh vẫn còn chưa dứt. Thanh Thế Tông bèn soạn tác phẩm này, phán định chủ trương của Hán Nguyệt và Hoằng Nhẫn là tà ma dị thuyết, phê phán những cuốn Ngữ Lục của hai vị này. Vua còn chê trách môn nhân của hai vị trên ăn thịt, uống rượu, hủy phá giới luật, gây nguy hại cho Phật giáo rất lớn, cần phải phế trừ.

Minh cư sĩ[20], há cũng nên bảo là vì Thế Tông tỵ hiềm sách ấy có tập khí nên không được nhập tạng ư? Nguyên nhân chẳng được nhập tạng là vì những kẻ ngoại hộ của con cháu sư Hán Nguyệt Tạng[21] đa phần là những người đang nắm quyền, nên chẳng ai dám đề xướng [nhập tạng sách ấy] mà thôi. Nếu luận về tập khí, có thể nói ngài Ngẫu Ích hoàn toàn không có; thế nhưng những kẻ thiền hòa[22] mù quáng cho là Ngài uổng có văn tự, nhưng chưa đại ngộ, cống cao ngã mạn. Những kẻ như thế ngửa mặt nhổ lên trời, há có nên lấy những lời của họ để làm cơ sở bình luận ư? Những kẻ hủy báng Thanh Thế Tông cũng như hủy báng ngài Ngẫu Ích, đều là những kẻ nghe lỏm nói mò, hùa theo phụ họa mà thôi!

104. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được tin từ Sư Đạo cho biết tháng trước bệnh tình ông thật nguy ngập, gần đây đã thuyên giảm, may mắn thay! Con người xử thế, nhất nhất nên án theo bổn phận, chẳng được lầm lạc lo lắng vượt ngoài bổn phận. Đấy là như câu nói: *"Quân tử chẳng nghĩ ra ngoài địa vị"*. Lại nói: *"Quân tử chỉ thuận theo địa vị mà hành"*. Tuy ông đã hơi sanh tín tâm đối với pháp môn Tịnh Độ, nhưng vẫn còn có ý niệm ham cao chuộng lạ chưa buông xuống được, chưa chịu tu tập như hàng ngu phu, ngu phụ. Phải biết liễu sanh tử đối với ngu phu, ngu phụ thì dễ, bởi tâm họ chẳng có dị kiến; còn nếu là bậc thông Tông, thông Giáo mà khắp thân buông xuống được, thực hành công phu của kẻ ngu phu, ngu phụ thì cũng dễ. Nếu không, bậc cao nhân thông Tông, thông Giáo lại chẳng bằng kẻ ngu phu, ngu phụ đới nghiệp vãng sanh! Pháp môn Tịnh Độ lấy vãng sanh làm chánh yếu, tùy duyên, tùy phận, chuyên tinh chí hướng; chắc chắn Phật chẳng dối người! Nếu không, cầu thăng hóa ra bị đọa, đấy chính là tự mình tạo lỗi, nào phải lỗi Phật đâu!

105. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ ba)

Học Phật phải chuyên chú lấy việc giải thoát cho chính mình làm chuyện chánh yếu, nhưng cũng phải tùy phần tùy sức làm chuyện công đức. Nếu là người có sức lớn lao thì mới có thể triệt để buông xuống, triệt để đề khởi. Còn người trung hạ căn, nếu hết thảy đều không làm sẽ trở thành biếng nhác, lười

[20] Viên Minh là một biệt hiệu khác của Ung Chánh. Tác phẩm này có tên là Viên Minh Bách Vấn, trích ra từ quyển thứ 12 của bộ Ung Chánh Ngự Soạn Ngữ Lục. Tác phẩm này gồm một trăm đoạn văn ngắn biện định về Thiền Tông.

[21] Tức sư Hán Nguyệt Pháp Tạng. Đệ tử tại gia của môn nhân ngài Hán Nguyệt Pháp Tạng là những kẻ đương nắm giữ quyền chức thời ấy nên họ tìm cách ngăn không cho cuốn Giản Ma Biện Dị Lục được nhập tạng.

[22] Thiền hòa: Gọi tắt của "thiền hòa tử" hoặc "thiền hòa giả", là tiếng để chỉ những người tham Thiền.

trễ, ngay cả tự lợi cũng chẳng nỗ lực, chuyện lợi người hoàn toàn gác qua một bên, rớt vào thói tệ *"dù chỉ nhổ một sợi lông để làm lợi cho người khác cũng chẳng chịu làm"* của Dương Tử[23]. Vì thế, phải hành cả hai pháp để bổ trợ cho nhau, nhưng chuyên chú nơi tự lợi. Cũng chớ nên hiểu lầm lời của ông Nhị Lâm (Bành Tế Thanh). Hiểu lầm sẽ đắc tội với ông Nhị Lâm chẳng nhỏ! Ý của ông Nhị Lâm là phải chuyên chú nơi tự lợi, chứ không phải hoàn toàn vứt bỏ chuyện tùy phần tùy sức dạy người khác tu tập pháp môn Tịnh Độ. Chuyện lợi người chỉ bậc đại Bồ Tát mới có thể gánh vác nổi, những kẻ kém cỏi hơn nào ai dám nói lời lẽ lớn lao ấy? Người trung hạ căn phải biết tùy phần tùy lực để làm chuyện lợi ích người khác thì mới hợp với cái đạo tu hành tự lợi vậy! Do vì pháp môn tu hành có Lục Độ, vạn hạnh; nên tự mình chưa độ thoát thì lợi người vẫn thuộc về tự lợi.

Nhưng chẳng nên chuyên chú làm những chuyện thuộc về hình tích bên ngoài, còn chuyện đối trị phiền não tập khí trong tâm mình bèn gác lại, không nhắc gì tới, tức là có ngoại hạnh, nhưng công phu bên trong hoàn toàn bỏ phế! Do đấy, đâm ra nẩy sanh ngã mạn, tự cho công hạnh lợi tha là đức hạnh, sẽ bị tổn thất rất nhiều. Ví như ăn cơm phải có thức ăn kèm vào, cũng như thân thể phải dùng áo mũ để trang hoàng. Trên con đường tu hành để liễu sanh tử dài dằng dặc, sao lại muốn thâm nhập một môn, phế sạch các môn khác? Thâm nhập một môn[24], bỏ hết các môn khác chỉ có lúc đả thất thì được. Bình thời, nếu không phải là Bồ Tát tái lai, trọn chưa có ai chẳng vướng mối tệ trở thành giải đãi, khinh mạn! Bởi cái tâm phàm phu hễ cái gì thường có quá ắt sẽ sanh chán!

Trời sanh ra muôn vật ắt phải dùng trời tạnh, mưa dầm xoay vần, nóng - lạnh đắp đổi thì mới có thực tế sanh thành tạo hóa. Nếu cứ thường tạnh hoặc mưa mãi, hoặc nóng mãi, lạnh mãi thì dưới gầm trời sẽ không có một vật nào cả! Huống chi tâm bọn ta như khỉ vượn, chẳng dùng đủ mọi pháp đối trị muốn cho nó ở yên một chỗ, chẳng rong ruổi lung tung thì rất ư là khó! Con người hãy nên tự lượng sức mình, chớ nên thiên chấp một pháp, cũng chớ nên tràn lan không lớp lang gì, lấy trì giới niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chánh. Gặp hết thảy mọi người, trên là cha mẹ, giữa là anh em, bè bạn, dưới là vợ con, đầy tớ, đều đem chuyện này chỉ dạy, há có nên nói đây chẳng phải là tự lợi ư? Một ngọn đèn chỉ là một ngọn đèn, một ngọn đèn thắp truyền sang trăm ngàn vạn ức

---

[23] Tức Dương Châu, tự Tử Cư, người nước Vệ, sống vào thời Chiến Quốc, chủ trương Vị Ngã, nhổ một cái lông mà có lợi cho người khác cũng không làm.

[24] Ở đây, xin đừng hiểu lầm ý Tổ. Tổ nói quở trách người thâm nhập một môn là người chấp khăng khăng vào pháp môn của chính mình, bài xích các pháp môn khác, không chịu học hỏi kinh điển nhà Phật, chứ không hề dạy tu tập tràn lan, pháp nào cũng tu, pháp nào cũng học, không biết lượng sức. Vì thế, chư Tổ Tịnh Độ thường đề xướng *"thâm nhập một môn, trường thời huân tu"*. Đọc kỹ những lời giáo huấn của Tổ, sẽ thấy Tổ quở trách chuyện học tràn lan không chuyên nhất. Ý của Tổ ở đây nhằm quở trách những kẻ chỉ cho niệm Phật là đủ, không bận tâm tu tập các trợ hạnh khác để hỗ trợ chánh hạnh Niệm Phật.

ngọn đèn, nhưng ngọn đèn ấy trọn chẳng bị tổn hại gì, ai được, ai mất, nào đến, nào đi? Còn phải đợi hỏi người khác mới hiểu rõ nữa ư?

106. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ tư)

Ngày Rằm tháng trước nhận được thư ông. Do ông bảo khi Mạnh Do[25] đến, ông sẽ lên đường ngay, nên sợ Thư trả lời sẽ bị lạc mất. Vì thế, không phúc đáp. Trưa nay lại nhận được thư ông, biết Mạnh Do còn chưa về lại tỉnh nhà. Do ông ta nấn ná chưa về, nên ông không dám dứt khoát. Nếu ông ta trở về, ông sẽ dứt khoát lên đường. Sao ông không hiểu lòng tôi và tấm lòng những người khác mà thành ra đạo lý ương ngạnh như thế? Quang cũng là người xuất gia, há cứ nhất định phải ngăn trở ông, trở ngại ông, học theo thói người tại gia lưu luyến nhà cửa, chẳng muốn cho người khác mau được giải thoát ư? Nhưng cơ duyên gặp gỡ của mỗi người có muôn vàn kiểu chẳng giống nhau.

Luận theo phần ông, quả thật tại gia có ích rất lớn, còn xuất gia chỉ được lợi ích nhỏ nhoi. Tổ nghiệp của ông gần như sống qua ngày được, trên có mẹ hiền để thờ, giữa có anh em để nương tựa, trong nhà có vợ hiền, dưới gối không con cái. Nhưng anh cả của ông khá tin tưởng vào Phật pháp, chú Ba, chú Tư cũng chẳng chống trái đạo pháp lắm. Ông tại gia dốc sức tu Tịnh nghiệp, cũng có thể hướng dẫn khiến cho mẹ hiền sanh lòng tin niệm Phật, ngõ hầu được liễu thoát mà cũng có thể vì anh em đang ở ngoài lo liệu chuyện trong gia đình, cũng như suất lãnh vợ, em dâu v.v… cùng tu Tịnh nghiệp, cùng thoát vòng khổ. Bên ngoài thì xóm giềng, thân thích, tùy duyên hướng dẫn, chỉ vẽ, thì nhà cửa bèn thành đạo tràng, hết thảy mẹ, anh em, vợ con, cháu chắt, xóm giềng, thân bằng đều thành pháp quyến. Tùy sức, tùy phận, thân làm gương, miệng giáo hóa khiến cho mọi kẻ lạc đường ở Vĩnh Gia cùng những kẻ chủng tánh tà kiến kia cùng được nạp vào trong lò luyện lớn là pháp môn Tịnh Độ chí cực viên đốn của Phật pháp, cùng trở thành pháp khí[26], cùng tu Tịnh nghiệp, tương lai cùng lên Liên Bang, cùng chứng Bồ Đề. Há chẳng bằng ông xuất gia làm Tăng, bỏ mẹ đi xa, người trong nhà ôm mối hận không người nương cậy, mẹ đem lòng oán con hay sao? Đã thế, những kẻ chẳng hiểu rõ lý cùng cực sẽ đâm ra nói Phật pháp trái nghịch thế đạo, lầm sanh hủy báng, khiến cho những kẻ ấy tạo ác nghiệp, đọa ác đạo. Chưa thấy ích gì mà trước hết đã mắc lấy những tổn hại to lớn như thế, như vậy là tốt hơn hay sao?

Huống chi mẹ ông đã không bằng lòng, há có nên chẳng tuân theo ý mẹ, vẫn cứ ôm ấp ý niệm ấy? Nếu như mẹ ông trọn chẳng bằng lòng cho ông tu

[25] Mạnh Do là anh ruột của Châu Quần Tranh.

[26] Pháp khí: Chỉ những người có thể tu hành Phật đạo. Sách Sơn Đường Tứ Khảo chép: *"Nhị Tổ Huệ Khả thờ ngài Đạt Ma đã lâu, chưa được nghe giáo huấn, bèn chặt tay cầu pháp, Sư biết là pháp khí, bèn trao cho y bát"*.

hành, thì [chuyện bỏ nhà đi xuất gia] còn chấp nhận được! Chứ ông tu hành mẹ rất hoan hỷ, lẽ đâu lại muốn bỏ mẹ đi tu? Trong Phật pháp có đủ mọi công nghiệp, Lục Độ vạn hạnh đều vì lợi ích chúng sanh. Ông không xuất gia sẽ có lợi ích lớn lao cho mẹ, chỉ nội một điều này đã nên chiều theo lòng mẹ, sống trong cõi trần học đạo, khiến cho mẹ hằng ngày trông thấy quen mắt, chẳng mong mẹ tin tưởng mà mẹ tự nhiên tin tưởng, còn công đức nào lớn lao hơn? Huống chi nào phải chỉ một mình mẹ [được lợi ích]?

Hơn nữa, mẹ đã không chấp thuận, thì về mặt đạo nghĩa, chẳng nên nghĩ tới chuyện xuất gia nữa! Vì trong giới luật nhà Phật, cha mẹ chẳng bằng lòng cho con xuất gia, mình cứ tự tiện xuất gia thì [nhà chùa] chẳng được phép dung nạp, xuống tóc, và thọ giới v.v… Nếu không cả thầy lẫn trò đều mắc tội. Ông đã thờ Quang làm thầy, coi Quang là thiện tri thức, tuy Quang thật chẳng phải là thiện tri thức, nhưng chuyện trái nghịch Phật pháp quyết chẳng dám làm. Chỉ mong ông nghe theo lời Quang, thuận lòng mẹ, tại gia tu hành mới nên! Cổ nhân có người vì tri kỷ, chẳng ngại đem thân đền đáp. Huống chi mẹ ông đã lưu giữ ông, Quang khuyên ông: Lẽ nào lại chống trái, cố chấp không thay đổi ư? Phải biết: Hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện Nghiệp, chính là chánh nhân để vãng sanh Tây Phương. Hãy nên học đòi Vương Hư Trung[27], Châu An Sĩ, Bành Xích Mộc (Bành Thiệu Thăng) ba vị tiên sinh thì mới chẳng thẹn là đệ tử Phật!

107. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ năm)

Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên, chuyện được thành hay chăng đều do nhân duyên gây ra. Tuy có người làm cho chuyện ấy thành hay bại, nhưng quyền lực thực tế là do cái nhân trước của chính ta, chứ không do cái duyên hiện tại. Hiểu điều này sẽ vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hận, thuận theo địa vị mà hành, không trong hoàn cảnh nào chẳng tự tại vậy! Riêng ông chẳng biết phận làm con, đúng lý ra phải nghe lời cha mẹ. Thêm nữa, muốn làm học trò của người ta, nên nghe theo lời thầy. Những gì cha mẹ mưu tính cho con cái rất có thể không thích đáng, là vì yêu thương sâu nặng nên có thể bị thiên lệch, còn thầy đã có thể coi là bậc tri thức, trọn chẳng đến nỗi tính toán những điều quá sai lầm.

Sống trong cõi trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục, chính là chuyện đạt nhân danh sĩ lẫn ngu phu, ngu phụ đều có thể làm được. Gắng sức tu trì, do tại gia có đủ mọi hệ lụy, nên coi như những lời cảnh tỉnh[28], lâu dài sanh cái tâm

[27] Chính là ông Vương Nhật Hưu, tác giả bộ Long Thư Tịnh Độ Văn.

[28] Nguyên văn "đương đầu bổng hát": Tông Lâm Tế dùng gậy đánh, tiếng hét để khai ngộ. Nên "đương đầu bổng hát" cũng có nghĩa là nhân duyên, cảnh tượng giúp mình tỉnh giác.

chán lìa, ngõ hầu sẽ dài lâu nuôi lớn cái tâm ưa thích, lấy bệnh làm thuốc, biến tắc thành thông, trên chẳng khiến mẹ phải thở than, dưới gia đình riêng của mình chẳng mất nơi nương tựa, lại còn khiến cho hết thảy mọi người do cùng thấy nghe bèn được tăng trưởng Tịnh nghiệp, còn vui nào bằng?

Chỉ mong ông trên là nghe theo lời mẹ, cũng như thuận theo lòng Quang, tùy phận tùy duyên tự lợi, lợi tha. Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não để cứu chúng sanh đói khát. Tại gia tu hành đối với mẹ, đối với ông đều có lợi ích lớn lao, sao lại lầm sanh chống trái? Như ông cứ nhất quyết muốn y theo tâm hạnh của mình, làm sao Quang có thể chấp nhận như thế được, chỉ mong hãy đem cái danh tự thầy trò giả tạm thủ tiêu đi, ông cứ việc bái vị cao tăng nào đó làm thầy, Quang hoàn toàn không hỏi đến nữa. Ngày sau gặp gỡ như người đi trên cùng một đường gặp nhau, đừng giữ cái lễ thầy trò nữa!

Nếu không như thế thì xin hãy nghe theo lời tôi nói, thay Quang khuyến hóa trai gái vùng Âu Giang[29] cùng vào Liên Trì Hải Hội. So với việc ông cứ muốn làm Tăng, khiến cho mẹ chẳng vui lòng, anh em, vợ con đều buồn bã, người xứ Âu Giang lầm lạc khởi lên tâm nghiệp phỉ báng Phật pháp. Lẽ được - mất khác biệt tựa hồ một trời, một vực, ông hãy thử nghĩ kỹ xem: Quang vì ông hay là hại ông vậy? Quang đã nói hết lời, chẳng thể viết thêm một chữ thừa thãi nào nữa, mặc lòng ông tự tiện mà thôi!

108. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ sáu)

Một pháp nhân quả là bước đầu để nhập môn Phật giáo, cũng là phương sách trọng yếu để thành tâm, chánh ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Cuốn sách của họ Đinh[30] dù có sai sót, nhưng về đại thể là tốt. Chớ vì họ Viên thiếu đức mà cho là chẳng đáng lưu thông. Họ Viên[31] đã mất rồi, người biết ông

---

[29] Âu Giang: Con sông lớn thứ hai của tỉnh Chiết Giang, phát nguyên từ núi Đồng Cung, chảy theo hướng về Đông Nam đến huyện Thanh Điền mới có tên là Âu Giang, đổ ra biển ở thành phố Ôn Châu.

[30] Họ Đinh ở đây là ông Đinh Phước Bảo, trong lá thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn, Tổ có nói: *"Cuốn Phật Học Đại Từ Điển do ông Đinh Phước Bảo biên soạn, danh tướng thật rộng, nhưng khảo cứu chưa thật tường tận. Nói chung, cứ ba mươi điều có một điều bị sai lạc, chỉ có bậc thông gia mới phân biệt được, nếu không rất có thể do đó bị lầm"*.

[31] Họ Viên ở đây là ông Viên Tử Tài (1716-1797). Lời tựa cuốn Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu có chép: *"Từ đời Thanh đến nay, người bác học đa văn thì tiên sinh Giang Thận Tu là bậc nhất, kế đến là Kỷ Văn Đạt rồi đến là ông Viên Tử Tài… Viên Tử Tài thoạt đầu bài bác Phật, đến tuổi trung niên trở đi, lịch duyệt ngày càng sâu, bèn sanh lòng tin chân thật đối với Phật pháp, chỉ vì cuồng vọng, tự đại, lười nhác, biếng trễ, chẳng chịu thân cận cao nhân, lắng lòng nghiên cứu…"*. Qua lời nhận định này, có thể đoan chắc họ Viên nói ở đây là ông Viên Tử Tài. Ông tên thật là Viên Mai, tự Tử Tài, hiệu Tùy Viên Lão Nhân, là người Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, đỗ tiến sĩ dưới đời vua Gia Khánh, từng làm tri huyện bốn lần. Về sau, từ quan sống ở Tiểu Thương Sơn tại Nam Kinh, dựng Tùy Viên để hưởng nhàn, chuyên tâm viết lách, nghiên cứu nghệ thuật ẩm thực. Ngoài danh hiệu lý luận gia lừng danh, ông cũng là một nhà văn nổi tiếng biết thưởng thức món ăn ngon. Thi văn của ông trang nhã, bóng bẩy, tình tứ. Bộ Tùy Viên Thực Đơn của ông nổi tiếng đến nỗi được xuất bản

ta thiếu đức được mấy người? Nếu như chuyện nhân quả báo ứng đập vào mắt, thấm vào lòng, dẫu họ Viên hèn kém cũng nên giảm lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, mong chính mình tránh khỏi tội lệ, vun trồng phước đời sau, chớ vì một lỗi mà giấu kín đi.

Hơn nữa, họ Viên lúc ban đầu bài bác Phật, sau đọc nhiều, đọc sâu hơn, biết đích xác nhân quả không sai chạy mảy may, tuy chưa dứt khoát nghiên cứu sách vở nhà Phật, nhưng xem đến những sự tích cảm ứng đã được ghi chép thì quả thật tâm đã vui mừng, khâm phục Phật pháp. Sở dĩ, ông ta chưa được như ông Bành Nhị Lâm là vì do văn tự chướng ngại sâu xa, lại thêm biếng nhác, trễ nãi, thành ra kết quả chỉ là gieo nhân cho tương lai, đáng tiếc thay! Tôi cho rằng do ông Viên, ông Kỷ[32] học rộng mà còn chăm chú gom soạn nhân quả báo ứng như thế, người sau xem đến, há đâu chẳng cảm động sâu xa ư? Nếu không muốn lưu thông thì thôi, còn muốn lưu thông hãy nên lưu thông, đừng có nên nghĩ ngợi thái quá!

109. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ bảy)

Giảng Khởi Tín Luận rất tốt, chỉ e ít người lãnh hội được, nên kẻ căn cơ nông cạn sẽ bị mất lợi ích nhiều. Có lẽ nên giảng kèm pháp môn Tịnh Độ khiến cho họ trước hết biết được đạo trọng yếu để liễu sanh tử, lại còn biết được tâm pháp trọng yếu của Phật pháp thì cả Lý lẫn Cơ đều được khế hợp. Để đối chứng cấp thuốc cho người hiện thời thì nhân quả báo ứng là bậc nhất, còn trong các pháp nên tu thì Tịnh Độ là bậc nhất. Nếu nghiên cứu Khởi Tín Luận thì tuy cũng có nhân quả Tịnh Độ, nhưng tri kiến phàm phu không thể lãnh hội trọn vẹn nghĩa lý, lại còn chẳng thể nương theo luận ấy để khởi tu, chỉ hiểu được ý nghĩa mà thôi! Bất luận căn tánh nào, không thể không trước hết nghiên cứu nhân quả, Tịnh Độ; còn về giáo tướng thì cũng phải chọn người mà thí, bởi lẽ học trò mỗi người có chuyện phải học riêng, Phật học chỉ là chuyện kèm thêm. Nếu người căn cơ thiên tánh cạn cợt lại chuyên chú vào giáo tướng, rất có thể sẽ quăng Tịnh Độ ra sau ót, đến nỗi thành ra kết quả "có nhân mà không có quả"! Đấy là lập cách chẳng phù hợp căn cơ vậy.

Nay trong những kẻ tôn sùng Tướng tông, thói tệ ấy cũng giống như thế. Chuyện họ đề xướng chẳng thật sự vì liễu sanh tử mà chỉ vì thông suốt Lý Tánh để thuyết giảng mà thôi! Nếu như họ biết được nỗi khó khăn của việc dùng Tự

---

ngay trong đời Thanh, và được phiên dịch sang tiếng Nhật. Năm 1983, Quảng Đông Khoa Kỹ Xuất Bản Xã đã tái bản cuốn sách này.

[32] Ông Kỷ ở đây là Kỷ Văn Đạt (1724-1805) tên thật là Kỷ Quân, tự Hiểu Lam, tên thụy là Văn Đạt. Người huyện Hiến, tỉnh Hà Bắc, làm quan đến chức thượng thư bộ Lễ, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, từng đảm nhiệm việc biên tập tác phẩm đồ sộ Tứ Khố Toàn Thư dưới thời Càn Long.

Lực để liễu sanh tử, quyết sẽ chẳng chịu dốc sức nơi chuyện ấy, bỏ qua Tịnh Độ không hỏi đến! Nếu kẻ nào chê bai thì kẻ ấy đều thuộc hạng ham cao chuộng thù thắng, chẳng biết duyên do của sự cao, sự thù thắng. Nếu thật sự biết thì dù có giết họ, họ cũng chẳng chịu gác bỏ Tịnh Độ không dốc sức tu! Thật là học đạo khó khăn thay! Chí của sư Hoằng Nhất chỉ có mình ngài Hoằng Nhất biết rõ. Nếu chẳng đại tinh tấn, tâm sanh tử không khẩn thiết sẽ thành hạng biếng nhác, bê trễ.

Tăng nhân ngày nay thật khó khiến cho người ta tin tưởng, nhưng đã truy điệu Tăng nhân, há nên phỉ báng Tăng nhân. Nếu nêu lên những điều thiện, răn dè những điều bất thiện thì không mắc lỗi gì. Nhưng nếu đã dự vào hàng học trò người ta, thì chuyện chỉ trích cũng nên im lặng. Chuyện ấy chỉ có người đức cao trọng vọng mới có thể tiến hành, không phải là chuyện hàng chim non miệng vàng nên làm.

Những kinh hư rách không thể tu bổ được thì đốt đi cũng không sao! Nếu còn xem được, còn có thể tu bổ được thì chẳng nên thiêu. Nếu chẳng biết lẽ biến thông, cứ một mực không dám thiêu, kinh ấy rốt cuộc chẳng thể xem, mà cũng không được cất giữ như kinh tốt, thành ra khinh nhờn, lại còn tạo thành cái lỗi khinh nhờn cho người đời sau vậy, há có nên chẳng biết quyền biến ư? Quang thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh"*. Lúc này nếu chẳng coi nhân quả là nhiệm vụ cấp bách để cứu nước cứu dân thì dù ông trí xảo, đạo đức cao siêu đến đâu cũng chỉ uổng công, bởi lẽ chẳng giảng đạo lý cũng như không có vương pháp vậy!

110. Thư trả lời cư sĩ Hồng Quán Lạc

Thánh hiền xưa kia không ai chẳng dè dặt, kinh sợ tự tu trì; vì thế, tâm họ chẳng bị phú quý, cùng - thông xoay chuyển. Nếu bần cùng thì riêng một thân mình thiện, còn hiển đạt sẽ kiêm làm điều lành cho thiên hạ. Người đời nay trong cách cư xử, nói năng hằng ngày, giữa cha con, anh em, vợ chồng với nhau còn chẳng thể mỗi mỗi đều đúng pháp. Có chút tri kiến liền lầm lạc mong thành bậc cao nhân lỗi lạc; nếu chưa có quyền lực bèn mặc tình cuồng vọng biện luận mù quáng lừa đời dối dân. Khi đã có địa vị bèn phô bày ác niệm bạo ngược của chính mình rối nước hại dân. Cái gốc bệnh là do lúc ban đầu cha mẹ, thầy bạn kẻ ấy chưa từng đem cái đạo nhân quả báo ứng ra dạy dỗ cho kẻ đó. Nếu hắn biết chút ít về nhân quả báo ứng thì khởi tâm động niệm ắt sẽ có chỗ kiêng sợ, chẳng dám phóng túng. Dẫu chẳng mong thành thánh thành hiền, cũng vẫn dè dặt, kiêng sợ như rớt xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng, không thể không như vậy được. Do vậy, kẻ có thiên tư cao lại càng phải bắt tay

từ chỗ thiển cận, đừng thấy điều thiện nhỏ bèn không làm, đừng cho là điều ác nhỏ rồi cứ làm. Lúc nhỏ huân tập thành tánh, như cây lúc nhỏ đã mọc ngay thẳng, đến khi lớn, muốn cho nó cong vẹo cũng không thể nào được!

111. Thư trả lời cư sĩ Uông Cốc Nhân

Chân cảnh có hạn lượng, do không biết hai chữ "chân cảnh" nên tính toán lầm lạc. Thế giới không đồng - dị, chỉ bậc đã viên chứng Tịch Quang mới thấy được như thế. Sanh tử và Niết Bàn cùng một nguồn, nhưng do mê - ngộ khác biệt nên mới có trói buộc và giải thoát sai khác. Chân và vọng vốn không hai thể, nhưng mê chân thành vọng, nên chỉ thấy được vọng, chẳng thấy được chân. Nếu hỏi vì sao thành ra như thế, xin hãy tự tham cứu nơi chính mình. Đến khi nào thấy ngay cả chính mình cũng chẳng thể được thì sẽ tự biết. Như người uống nước, lạnh - nóng tự hay. Nếu hướng về người khác hỏi han hòng biết rõ, dù người khác nói rất rành rẽ, cũng giống như nghe nói về bánh, chính mình làm sao biết được mùi vị, dứt cơn đói khát cho được?

Toàn thể chân biến thành vọng, há hỏi bản thể của cái chân nếu có thì có ở chỗ nào? Nếu toàn thể vọng biến thành chân, há có thể hỏi tướng vọng vốn không, cái không ấy đi về đâu? Những kẻ hỏi như vậy chẳng gọi là người trí. Dẫu Phật ngữ như sấm, nhưng tâm đầy nghiệp chướng thì làm sao đây? Nếu thật sự thông đạt Nhất Thừa thì Tứ Đại đều mất bổn tánh, sáu căn thảy đều dùng lẫn cho nhau. Lý Thể như thế nói có vẻ dễ, chứng được thật khó. Xưa kia may ra còn có người chứng đắc, chứ hiện thời toàn là những kẻ ham cao chuộng xa, chẳng trọng thật tu, toàn là những kẻ hư vọng, vờ vịt bàn xằng Bát Nhã. Xin hãy đọc kỹ Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, cùng cầu vãng sanh với những vị Đẳng Giác Bồ Tát đã chứng ngang bằng với Phật, đấy chính là điều Quang tôi mong mỏi sâu xa. Nếu không, ai giữ chí nấy, chẳng cần phải thương lượng nữa!

112. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ nhất)

Người chưa thọ giới chẳng được xem Luật Tạng:

1) Một là vì sợ kẻ chưa hiểu lý sâu, trông thấy hành vi của những người phạm giới cấm, chẳng biết là bậc Đại Quyền Bồ Tát thị hiện, vì mong Phật chế giới hòng lợi lạc cho đời sau, bèn hiện tướng chẳng như pháp để Phật có dịp chế lập giới, nêu khuôn phép. Do chẳng hiểu lý này, chỉ căn cứ vào những hành vi trước mắt, cho là khi Như Lai tại thế, các đệ tử Phật phần nhiều chẳng như pháp. Từ đấy, khởi lên tà kiến miệt thị Tăng chúng, tội đó chẳng nhỏ.

2) Hai là những chuyện trong Luật Tạng chỉ Tăng được biết, nếu để kẻ chưa phải là Tăng đọc được, rất có thể có kẻ ngoại đạo giả vờ dự vào hàng tỳ-kheo, làm chuyện sai pháp, vu báng Phật pháp thì hại chẳng nhỏ.

Do vậy, nghiêm cấm như thế là để dự phòng. Còn như kẻ hảo tâm hộ pháp, giảo chánh, lưu thông, há có nên cứ tuân theo thường lệ chăng? Nếu chấp chặt vào lời ấy thì Luật phải do Tăng chép, Tăng khắc, Tăng in, Tăng truyền mới khỏi trái nghịch cấm chế của Phật. Vạn sự trong thiên hạ đều có lý nhất định, làm điều gì phải thuận theo cái lý nhất định, nhưng cách thực hiện thì phải tuân theo cái đạo thích nghi thời tiết, nhân duyên. Lý khế hợp với Quyền, pháp phù hợp cùng đạo mới nên. Trong Luật ắt có những đoạn văn nói rõ [điều ấy], Quang mắt mờ chẳng thể xem trọn. Bộ Tỳ Ni Tập Yếu của ngài Ngẫu Ích cũng nhắc đến nghĩa lý này, ông cũng không cần phải kiểm lại.

Nếu đã không vướng vào những lỗi như: không phải người hiểu lý sâu xa, chỉ biết căn cứ vào chuyện trước mắt, muốn biết chuyện cơ mật trong Phật pháp, hoặc muốn giả vờ dự vào chúng tỳ-kheo v.v… thì cứ thanh thản yên tâm giảo chánh, lưu thông. Công đức ấy vô lượng vô biên, cần gì phải lo nghĩ quá? Nhưng phải im lặng, chẳng được đem những sự tướng chép trong Luật tuyên nói cho kẻ vô tri vô thức, cũng như trích đăng bừa bãi trong những văn tập tầm thường, khiến kẻ vô tri lầm lạc tạo khẩu nghiệp. Lý thế gian hay xuất thế gian về lý đều nhất định, nhưng pháp không nhất định. Lớn như chuyện giữ nước yên đời, nhỏ như một miếng ăn hớp uống không chuyện gì chẳng như vậy. Sao lại riêng chấp khăng khăng nơi Luật Tạng?

113. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ hai)

Trước kia tôi ở Dương Châu, biết thái phu nhân mắc bệnh, các hạ phải trở về đất Thân (Thượng Hải) để chăm sóc. Tôi cho rằng bà cụ đã ngoài bảy mươi, Tịnh nghiệp đã thuần, rất có thể là vì muốn răn nhắc những người đồng hàng nên dùng đại sự Tây quy để nhân đó họ được tỉnh ngộ đó chăng? Cho đến ngày mồng Bốn tháng Chín, Quang đến đất Thân, hôm sau gặp Vân Lôi, cho biết thái phu nhân thân thể đã mạnh khỏe, các hạ cũng đã quay lại Bắc Kinh mấy ngày rồi! Khôn ngăn mừng rỡ vô cùng! Ai ngờ thái phu nhân rốt cuộc chẳng muốn trụ lâu trong thế giới này, dùng chính thân mình thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thảy thân bằng quyến thuộc đều biết tướng thế gian vô thường, hễ sanh ắt có tử, dốc sức tu Tịnh nghiệp, cầu mau được thoát khỏi đời ác ngũ trược này, chứng triệt để thiên chân Phật tánh chúng ta vốn sẵn có mới thôi! Có thể nói thật là đại từ bi, hiện thân thuyết pháp vậy!

Nhận được tin từ Vân Lôi, tâm tôi rất bi thương; kế đó nghĩ thái phu nhân quả thật muốn cho chúng ta khỏi chịu khổ luân hồi, nên mới thị hiện đến - đi. Điều đáng bi thương chỉ là ông mất nơi nương cậy, mất đi mẹ hiền mà thôi. Tuy vậy, thần thức cụ đã siêu về tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen chín phẩm nở hoa, Phật thọ ký ngay trong một đời. Do các hạ thiên nhãn chưa mở, chẳng thể thấy thấu suốt, xét về phần được thái phu nhân chở che, cố nhiên tơ hào chẳng cách, nhưng đã thành chuyện dĩ vãng rồi! Xin ông bớt buồn, lấy chuyện niệm Phật ngõ hầu phẩm sen của cụ được cao thêm, mau chứng Vô Sanh làm trọng. Quyết chớ nên quá bi thương, đến nỗi hai bên đều vô ích. Quang may chẳng bị ghét bỏ, được dự vào hàng bè bạn của ông, pháp lẫn tài đều nghèo, biết lấy chi làm lễ, chỉ đành vào lúc sáng tối lễ tụng, vì thái phu nhân hồi hướng Bồ Đề, để tận tình bạn bè phương ngoại [33] mà thôi.

114. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được thư cùng thiệp báo tin buồn, đọc xong, khôn ngăn buồn than khôn xiết. Phàm chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ nghĩ thương chúng sanh, thị hiện sanh trong thế gian, hòa quang đồng sự[34] dùng hạnh giáo hóa, khiến cho dù nam, dù nữ, hoặc quốc vương, đại thần, phi hậu, đại gia, và những kẻ bần cùng hạ tiện trông thấy đều được cảm hóa, phát khởi, bất cứ đâu, bất cứ ai đều được nhập vào Nhất Thừa viên diệu, sâu xa mà chẳng tự biết. Như thế thì pháp đạo lưu thông, như Xuân về trên lãnh thổ của vua Vũ, mặt nhật rạng ngời trời Nghiêu, không chỗ nào, không một ai chẳng được hưởng quang minh, được thấm nhuần nuôi dưỡng. Xét việc làm của cả một đời thái phu nhân và tình hình khi lâm chung, trước đây Quang đã từng bảo bà cụ là bậc thừa nguyện thị hiện, mang thân phận nữ nhân mà thuyết pháp, luận như vậy là đích xác nhất.

Quang uổng mang thân nam, lạm chen vào Tăng chúng, bốn mươi năm qua chẳng được mảy may lợi ích gì nơi pháp môn cả. Đọc thấy thái phu nhân sốt sắng lưu thông Đại Tạng, khắc in những sách khế lý khế cơ, thẹn đến chết được! Sáng chiều lễ tụng hồi hướng chỉ để giãi bày tấm lòng thành của tôi, còn mong thái phu nhân từ mẫn, dẫn thánh chúng của Phật Di Đà mau đến độ tôi, sao có thể nói là tôi làm pháp thí cho cụ bà được? Nhưng tôi chẳng ngại nhờ vào duyên sự này để tăng trưởng cái tâm tự lợi, lợi tha. Do vậy, hàng phàm phu sát

[33] Phương ngoại có nghĩa là thế ngoại (ở ngoài cõi đời). Tăng sĩ kết bạn với tục gia đệ tử thường xưng là "phương ngoại hữu", tức là người bạn ở ngoài cõi đời. Trong Thiền Lâm, khi một vị tăng đảm nhiệm mới đến đảm nhiệm trụ trì một ngôi chùa, các vị thân sĩ viết bài văn chúc mừng, bài văn ấy cũng gọi là Phương Ngoại Sớ.

[34] Hòa quang đồng sự, còn gọi là hòa quang đồng trần: Sống chung với chúng sanh, sanh hoạt, xử sự giống như chúng sanh để dễ bề giáo hóa.

đất, trong lúc lễ tụng còn vì chư Phật hồi hướng, huống chi những vị thị hiện địa vị phàm phu thì về mặt Lý nào có ngại gì?

Trong thời gian làm thất và trong hết thảy lúc, hết thảy sự, đều nên lấy niệm Phật làm chánh, chứ nào phải chỉ trong lúc chưa đưa đám! Do hiện nay, đa số Tăng lười nhác, người không biết tụng kinh thì nhiều, mà Tăng lại đọc nhanh như nước chảy, người khác dù có biết tụng kinh nhưng không thuộc cũng chẳng thể niệm theo. Dẫu có mười mấy người, số người niệm theo chẳng được mấy. Chỉ có niệm Phật thì ngoại trừ những kẻ không phát tâm ra, chắc chắn không có cái tệ chẳng niệm theo. Lại dù họ chẳng chịu niệm, nhưng một câu Phật hiệu đã lọt qua tai vào tâm thì tự được lợi chẳng cạn. Đấy chính là lý do Quang tuyệt chẳng đề xướng làm các đạo tràng khác.

Người đang lúc lâm chung, chỉ đồng thanh niệm Phật hiệu là có ích. Nếu thức tâm [của người sắp mất] chưa rời khỏi [xác thân] thì tắm rửa, cất tiếng khóc v.v… đều gây trở ngại lớn. Do vậy, người tu Tịnh nghiệp trong lúc bình thời phải thuật rõ duyên do cùng thân quyến ngõ hầu họ chẳng đặt lòng yêu thương sai chỗ. Nếu là người có sức lớn lao, là bậc cao sĩ lỗi lạc, ắt sẽ chẳng sợ bị những thứ ấy gây vướng mắc. Bởi lẽ, những vị ấy phước đức sâu dầy, ngay trong lúc uế nghiệp đã diệt, tịnh cảnh hiện tiền, liền ngay trong lúc ấy, những gì họ thấy họ nghe đã không còn thuộc vào thế gian này nữa!

Thái phu nhân vốn đã chẳng phải hạng tầm thường; vì thế chẳng nên theo lệ thường. Bà cụ ắt vãng sanh, phẩm vị ắt chẳng thuộc vào Trung, Hạ, nhưng Phật pháp rộng sâu, chỉ khi nào thành Phật rồi mới có thể buông tay, muốn quyết định được vãng sanh, quả thật chẳng ngại gì khẩn thiết niệm Phật, thường hành truy tiến[35], tức là như kinh Phật thường nói: *"Tuy biết tội tánh vốn không, nhưng thường hối tội trước, chẳng nói mình đã được thanh tịnh"*. Ngài Liên Trì cũng nói:*"Trong năm, thường nên truy tiến tiên vong[36] chẳng được bảo họ đã được giải thoát nên chẳng cử hành"*.

Phải biết niệm Phật, tụng kinh tuy nói là để cầu siêu cho người thân, nhưng thật ra là để cho quyến thuộc hiện tiền tự biết, khai tâm địa, trồng thiện căn, và đem tất cả công đức cầu siêu cho người thân để hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới, hòng mở rộng tâm lượng của mình lẫn người, của kẻ còn, người mất, nhằm tiêu diệt những chấp trước trở ngại còn - mất của mình lẫn người. Còn như không lấy lòng thành làm chánh, chỉ cốt xa hoa, bày vẽ, phô trương với người thì đúng là dùng đám tang cha mẹ để bày trò náo nhiệt, chẳng phải là điều kẻ làm con nên làm. Các hạ thông hiểu Phật pháp sâu xa, quyết chẳng đến nỗi như thế, chỉ e quyến thuộc, người quen bị ảnh hưởng bởi những

[35] Truy tiến: Làm các pháp sự hoặc thiện sự để hồi hướng cầu cho người đã mất được siêu sanh Tịnh Độ.
[36] Tiên vong: Những người đã mất.

thói ưa thích xa hoa của những nhà giàu có gần đây, nên tôi chẳng ngại nhắc nhở các hạ, ngõ hầu ngăn chặn những tâm trái pháp, trái lý, xu thời vậy.

115. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ tư)

Hôm trước, Vân Lôi gởi đến cuốn Kim Cang Liễu Nghĩa của Vô Y đạo nhân, đọc xong, biết Phật học của các hạ đến nay cũng sâu xa lắm, khôn ngăn cảm phục. Mạnh Do gởi đến cuốn Nhất Hạnh Cư Tập, tôi thấy chữ cũng nhỏ quá, không thể dùng để in lâu được[37], đấy chính là điều nhà khắc kinh ở Bắc Kinh chưa nghĩ đến. Bản để in kinh sách nên khắc chữ thật to, bản in hiện thời nhỏ quá, chẳng thể chiếu theo cách ấy, nhưng cũng nên phỏng theo cách thức ở Dương Châu, Nam Kinh. Mong ông hãy gởi thư đến người trông coi, nhắc đến nguyên do, sao cho cứ một bức gỗ khắc in được cả mấy ngàn cuốn, lợi ích rất lớn.

Thêm nữa, Nhất Hạnh Cư Tập cả văn lẫn lý đều hay, chỉ có phần Bạt, nói về Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa Kinh quả là trong đề-hồ có lẫn chất độc. Bản kinh ấy do đàn cầu cơ mà có, toàn nhặt nhạnh những câu trong Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Viên Giác cũng như Lục Tổ Đàn Kinh gộp thành, và gom góp những đoạn văn trong các Ngữ Lục Thiền, Tịnh. Bậc đại thông gia xem đến cố nhiên là hữu ích, nhưng người không đầy đủ con mắt [trí huệ] sẽ cho rằng kinh này từ đàn cầu cơ mà có, do chính miệng vàng nói ra. Từ đó, sẽ bảo những kinh có được từ đàn cầu cơ đều là kinh Phật. Xưa kia có kẻ nhắm mắt tụng ra kinh, nhưng những kinh ấy đều chẳng được lưu thông, vì sợ rằng sẽ tạo thành đầu mối bịa đặt vậy! Nhân Hiếu hoàng hậu thời Minh mộng cảm được kinh[38], nghĩa lý lợi ích đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng trong bộ Duyệt Tạng Tri Tân, Linh Phong lão nhân xếp kinh ấy vào loại nghi ngụy[39]. Đầu đời Thanh kinh này cũng được khắc in, nhập tạng; nhưng sau đời Cao Tông (Càn Long) bèn bỏ ra để phòng chuyện ngụy lạm. Nhị Lâm kiến địa thật cao, cớ sao chẳng nghĩ đến điều ấy! Ở chùa Pháp Vũ trước kia cũng có một bản, Quang đã đốt đi để ngăn mối họa, đối với bậc tri kỷ pháp môn chẳng ngại gì dài dòng một phen.

---

[37] Thời ấy in bằng mộc bản (chữ khắc trực tiếp trên ván) nên nếu khắc chữ nhỏ quá, khi bôi mực lên ván rồi ép xuống giấy in thành sách, bị ép nhiều, chữ sẽ bị vỡ, phải khắc bản gỗ mới.

[38] Đại Minh Nhân Hiếu Hoàng hậu chính là hoàng hậu Từ Nghi Hoa của vua Minh Thành Tổ, bà vốn là con gái của Khai Quốc Công Thần Từ Đạt của nhà Minh, sanh năm 1361. Năm 1376 lấy Châu Lệ, được sách phong Yên Vương Phi, rồi được phong Hoàng Hậu khi Châu Lệ lên ngôi. Bà mất năm 1497, hưởng thọ 46 tuổi. Bản kinh bà mộng thấy mang tên Đại Minh Nhân Hiếu Hoàng Hậu Mộng Cảm Phật Thuyết Đệ Nhất Hy Hữu Đại Công Đức Kinh, là bản kinh số 10, tập X01 của Vạn Tục Tạng.

[39] Nghi ngụy: là kinh bị coi là do người đời bịa đặt ra, không phải là kinh Phật thật sự.

Hiện thời, nước cùng quẫn, dân khốn khó đã đến mức cực điểm, cái nạn hút thuốc phiện đã dính đến tận xương, chưa thể trừ được, cũng là một mối lo nghĩ lớn cho những ai nặng lòng trách nhiệm với thế đạo dân sinh. Mùa Hạ năm nay có người bạn từ Cáp Nhĩ Tân[40] đến, cho biết nơi ông ta cấm thuốc phiện rất ngặt, cũng có hai ba người bạn muốn cai thuốc nhưng khổ vì không có phương thuốc hay. Trước kia, Quang nghe nói ông Trần Tích Châu có bài thuốc cai thuốc phiện linh nghiệm phi thường, trước nay chưa hề có. Đến khi ông ta lên núi thăm tôi, bèn bảo ông ta viết ra gởi đi, lại còn chép lại một bản giao cho phó tự của chùa mình bảo phân phát cho người khác, vì ông ấy đã từng đến làm việc trong Thương Vụ, giao du ắt phải rộng, chỉ mong bài thuốc ấy được phổ biến lưu truyền. Giữa tháng 11, từ Cáp Nhĩ Tân có thư gởi đến, nói bài thuốc do Quang gởi cho linh nghiệm phi thường, xin thay mặt cho những bạn bè đã cai được thuốc hết sức cảm tạ. Khôn ngăn hoan hỷ!

Nhân đó tôi hỏi thăm vị phó tự của chùa mình, ông cho biết vợ của ông Uông Thiềm Thanh (bạn của ông ta), do bị khí thống nên hút thuốc phiện, về sau muốn cai, liền mua thuốc viên bán ngoài chợ về uống, nhưng trọn chẳng dứt tận gốc được. Nếu chẳng uống thuốc thì cơn thèm thuốc phiện lẫn bệnh khí thống cùng nổi lên, được phương thuốc này uống một liều liền khỏi, hai chứng ghiền thuốc và khí thống đều hết sạch! Con ông ta mở tiệm thuốc Uông Lý Tế Đường, sanh lòng cảm kích lớn lao, in bài thuốc ấy tặng cho người, và theo toa chế thành thuốc viên, thuốc nước hòng giúp người, bán ở các tiệm thuốc của mình. Quang liền yêu cầu in ra hai trăm tờ bài thuốc này, để hễ gởi thư cho những tri giao xa gần đều gởi kèm một toa. Người có sức sẽ in ra lưu truyền rộng rãi. Trộm nghĩ các hạ và Vân Lôi đều là những người có tâm làm lợi cho người khác, hãy nên đem toa thuốc này đăng lâu dài trên báo để khắp cõi đời đều biết đến thì công đức vô lượng vậy. Tôi đã bàn với Vân Lôi sẽ bỏ ra một nửa tiền đăng báo. Khoản phí tổn ấy nên kiếm dăm ba người có lòng với thế đạo chia sẻ thì sự việc ắt sẽ tiến hành được, đối với tòa báo, đối với chính mình đều không trở ngại gì. Nếu ai muốn cai thuốc liền có thể nhanh chóng thoát khỏi nỗi khổ ấy, đây cũng là một đầu mối để cứu nước cứu dân vậy! Đối với các xứ Quảng Đông, Vân Nam, Quang đều gởi kèm bài thuốc ấy theo Văn Sao, bảo họ in bài thuốc ấy ra phổ biến truyền bá. Lúc gởi cho người bạn ở Cáp Nhĩ Tân trước kia, cũng bảo ông ta kiếm dăm ba người có tài lực chịu lợi người bỏ tiền ra đăng báo suốt năm trên hai tờ báo ở nơi đó, ngõ hầu người nơi ấy và người chung quanh đều biết đến. Nay đã tự đạt được sự hiệu nghiệm, ắt phải nên thường đăng báo. Người thật sự tu đạo, sao lại xen vào chuyện người khác? Nhưng toàn thân chưa thể buông xuống, cắt đứt muôn duyên thì chẳng ngại gì vun bồi

[40] Cáp Nhĩ Tân (Harbin) là thủ phủ của tỉnh Hắc Long Giang, tỉnh cực Bắc của Trung Quốc (Vùng Mãn Châu khi xưa nay được chia thành ba tỉnh Cát Lâm, Liêu Ninh và Hắc Long Giang). Thành phố này nằm ở phía Nam sông Tùng Hoa, ngay giao lộ của đường xe lửa Trường Xuân.

tâm địa, ngõ hầu cứu vớt phần nào *(Bài thuốc được in kèm ở cuối Văn Sao, quyển 4)*.

116. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ năm)

Cư sĩ Vương Hoằng Nguyện tuy sùng tín Mật Tông, khá có hiệu nghiệm[41], nhưng lúc đầu do nhận lầm tin tức[42] nên mới mắc lỗi chưa đắc đã bảo là đắc; về sau, do đọc nhiều giáo điển mới biết mình sai lầm. Lại thêm hiện thời tuy công phu đắc lực nhưng hư hỏa bốc lên, không cách nào trị được. Do hai điều này, Quang nhận định rằng một pháp Mật Tông chẳng thể độ khắp ba căn, chẳng bằng Tịnh Độ ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng, có thể nói là ông ta xưa đã có linh căn, kiến địa cao siêu, mà còn hiểu lầm cũng như mắc bệnh chẳng biết đối trị thì biết: Người đời do chẳng bằng ông ta sẽ thành ra như thế nào rồi!

Ông ta cho là Mật Tông vượt trội Hiển Giáo, dẫn đủ mọi ngôn luận để biện bác, nhưng Phật không hai tâm, cũng không hai pháp, muốn đề cao Mật Tông nhưng chỉ luận về những chỗ cao siêu của Mật Tông, bởi xét về mặt chứng đắc thì chỗ mầu nhiệm của Mật Tông và chỗ mầu nhiệm của Hiển Giáo giống như nhau, dù có muốn suy tôn thì thật ra vẫn ngang như nhau. Lời luận của ông ta là ước theo giáo pháp, bỏ sót căn cơ; Quang ước theo chỗ lợi ích cho từng căn cơ mà luận giáo. Bởi khế lý nhưng chẳng khế cơ thì không thể cảm ứng đạo giao, nghĩa là thuyết pháp chẳng hợp với căn cơ thì chỉ thành lời nói xuông, đại ý là như vậy. Những gì Quang nói đa số là lập đi lập lại, lại thêm mục lực chẳng đủ, những thư từ nói chung không giữ lại bản nháp. Hai câu nói: *"Một vị bao gồm hết thảy vị, từ cạn đến sâu, hành tướng vẫn phải luôn rõ ràng như thế. Viên dung chẳng trở ngại gì đến việc bố thí"* rất thích đáng. Bởi lẽ viên dung chính là viên dung nơi việc hành bố thí. Nếu không hành bố thí sao nói là viên dung được? Hành bố thí chính là hành bố thí nơi viên dung, nếu không viên dung thì sự bố thí ấy sẽ thành sanh diệt, bèn thuộc đế lý Tiểu Thừa, chẳng phải là cái đạo "bao gồm nhân, thấu triệt quả"!

117. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ sáu)

Nhận được thư và bản Quán Kinh Nghĩa Sớ của Gia Tường đại sư, duyệt kỹ một lần nữa, văn chương của bản chú sớ ấy quả thật khiến người đọc rối ren.

---

[41] Ý nói tu tập, tác pháp đã được đôi chút cảm ứng, hảo tướng đã hiện.

[42] Trong Mật Tông, khi trì chú, tác pháp thường cầu những hảo tướng như mộng thấy thân mình bay lên hư không, được Bổn Tôn cho ăn sữa và những thức ăn màu trắng, thấy pháp khí tỏa sáng, tràng phan lay động v.v… để cầu ấn chứng pháp mình đang tu đã được hành trì đúng cách. Rất nhiều hành giả Mật Tông thấy những tướng trạng ấy tưởng mình đã thành tựu, dự vào hàng Thánh, nên gọi là "lầm nhận tin tức".

Một câu nói đi nói lại nhiều lần, ý nghĩa hàm hồ, lại chỉ chú trọng giải thích danh nghĩa, trước đã không giảng tường tận duyên do, sau lại chẳng kết về chỗ quy túc. Quang phỏng đoán bản chú sớ chưa chắc đã do chính Gia Tường[43] đại sư viết, có lẽ là do bọn người Nhật Bản cả tin mạo danh đại sư soạn ra. Nếu không, dẫu bị sao chép sai ngoa, cũng chẳng đến nỗi toàn bộ không thành văn lý, tạp nhạp, lụn vụn, trọn chẳng hiển thị được đại nghĩa. Như đoạn văn *"núi Tu Di cao vượt khỏi biển cả, tám thứ gió thổi chẳng động, dẫu khiến cho tốt đẹp lại thêm trang nghiêm, vẫn chẳng thể dời động một chữ"* thật đáng nghi. Thập Nhất Diện Sớ[44] cũng thế! Bọn họ hâm mộ tên tuổi của bậc cao nhân nước ta, bèn xằng bậy viết sách [mạo danh], chẳng biết chính mình chẳng phải là cao nhân, dù có mạo danh thì cũng chẳng mạo danh được!

Thêm nữa, gần đây ở Bắc Kinh in sách dùng loại giấy Mao Biên, giấy này hiện giờ trông thấy khá tốt, nhưng để lâu bèn bị giòn vụn. Lúc Quang ở Bắc Kinh, thấy những cuốn sách đã hơn trăm năm, giấy đều đã giòn vụn, kẻ thô tâm giở xem, sẽ bị vỡ nát. Tâm tôi đã trộm ngờ, nhưng chẳng biết nguyên do. Năm Quang Tự thứ 31 (1905), hỏi tiên sinh [Dương] Nhân Sơn, ông nói: "Do bị muội than hun". Thuyết ấy tuy hữu lý nhưng cũng chưa thể dứt lòng ngờ, bởi sách được cất giữ nhiều, há đều cất ở những chỗ có muội than ư? Ở Hồng Loa[45] không có than, sách cũng bị giòn, mới biết tiên sinh nói ra lời ấy cũng chỉ là nghĩ ra lý do, chứ chưa phải căn cứ vào thực nghiệm.

Cho đến năm ngoái, vào Tàng Kinh Viện, cùng một vị chuyên làm sách già đời bàn về tánh chất của giấy; nhân đó nhắc đến chuyện sách cũ ở Bắc Kinh đều bị giòn gẫy, ông cho biết: *"Vì in bằng loại giấy Mao Biên! Giấy Mao Biên lúc mới cảm thấy rất dày cứng, kiên cố, do dùng chất liệu bằng cỏ nhiều, chất liệu tre ít, nên để lâu ngày bèn bị giòn. Chất giấy Mao Thái, Trọng Thái không*

[43] Gia Tường Đại Sư tức ngài Cát Tạng (549-623), người đời Tùy, họ An, húy là Thế, sanh tại tỉnh An Huy, vốn là người Hồ, sau dời đến Kim Lăng (Nam Kinh), nên còn được gọi là An Cát Tạng hoặc Hồ Cát Tạng. Năm lên bốn tuổi, theo cha mẹ đến yết kiến pháp sư Chân Đế nên được đặt pháp danh là Cát Tạng. Về sau, cha ngài xuất gia, ngài thường theo cha đến chùa Hưng Hoàng nghe ngài Pháp Lãng giảng Tam Luận. Năm bảy tuổi (có thuyết nói là 13 tuổi), xuất gia với ngài Pháp Lãng. Do ngài Pháp Lãng là truyền thừa của ngài La Thập về giáo học Tam Luận Tông, nên ngài Cát Tường chuyên học các bộ Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận. Đến năm 19 tuổi, đại sư lên giảng kinh. Năm 21 tuổi thọ Đại Giới. Năm 581, sư Pháp Lãng thị tịch, Ngài bèn qua Giang Đông, đến chùa Gia Tường ở Cối Kê, tỉnh Chiết Giang, chuyên tâm giảng thuyết trước tác. Phần nhiều những chú sớ Tam Luận được hoàn thành tại chùa này, nên Sư thường được gọi là Gia Tường đại sư. Ngoài Tam Luận, đại sư còn hết sức uyên thâm giáo nghĩa các kinh Pháp Hoa, Niết Bàn. Ngài cũng từng gởi thơ cho đại sư Trí Giả để học thêm về giáo nghĩa Thiên Thai Tông. Ngài chuyên chú phục hưng Tam Luận Tông, nên được coi là một vị tổ sư của Tông này. Đại sư còn tự tay chép được hai ngàn bộ Pháp Hoa. Năm Vũ Đức thứ sáu đời Đường (623), Sư tắm gội thanh tịnh, đốt hương niệm Phật, viết bài luận "Chết Không Sợ Hãi" rồi nhập diệt, thọ 75 tuổi. Bình sinh đại sư giảng kinh thật nhiều, chẳng hạn như giảng Tam Luận hơn trăm lần, giảng kinh Pháp Hoa hơn ba trăm lần, viết rất nhiều chú sớ cho các kinh Đại Thừa. Bản Quán Kinh Nghĩa Sớ này cũng được đưa vào Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh.

[44] Thập Nhất Diện Sớ là bản chú giải kinh Phật Thuyết Thập Nhất Diện Quán Âm Tâm Chú kinh.

[45] Núi Hồng Loa thuộc tỉnh Liêu Ninh, có chùa Tư Phước là đạo tràng tu tập của tổ Triệt Ngộ.

dày chắc như giấy Mao Biên, nhưng để lâu không bị biến chất. Người ngoài nghề thường cho giấy Mao Biên là tốt, những người in sách chúng tôi cũng thích in sách bằng giấy Mao Biên, bởi nó cứng cáp dễ in. Thật ra giấy Mao Thái, Trọng Thái để được lâu hơn". Quang nghe xong, tâm nghi dứt sạch.

118. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ bảy)

Quán Kinh Sớ thích văn thích nghĩa hết sức thiếu sót, qua loa; việc phân khoa ba bốn lượt nhắc đi nhắc lại, thật là dở tệ vô cùng. Nay các hạ cũng biết sách ấy là ngụy tạo, có lẽ nên bảo người phát tâm ngừng việc in khắc để Gia Tường đại sư khỏi bị vu oan. Phàm lưu thông chú sớ của cổ nhân cần phải lấy tiêu chuẩn chọn lựa là "chọn những bản mà nghĩa lý văn tự khải phát lòng người, phô bày triệt để ý nghĩa kinh". Còn những sớ văn như cuốn này khắc in có ích gì? Dù bảo Quang tu chỉnh cũng không khá hơn được! Nếu sửa chữa quá nhiều sẽ thành ra một trước tác khác, chẳng thể gọi là tu chỉnh được. Huống chi các bộ sớ của ngài Thiên Thai, Thiện Đạo đã được lưu thông khắp pháp giới, sao chẳng tiếc tiền của đem làm chuyện vô ích này? Đem những bản tốt đẹp lưu thông thì sẽ làm rạng rỡ cổ nhân, tạo ích lợi cho hậu học. Nếu chẳng xét chân - ngụy, đều cùng lưu thông hết sẽ khiến cổ nhân bị vu hãm, hàng hậu học nhọc lòng phiền trí, trọn chẳng ích lợi gì! Mong hãy nói cùng ông đó. Năm trước, Quang thấy bản sớ giải kinh Thập Nhất Diện cũng là ngụy tạo, nhưng chưa bàn luận rõ ràng. Những loại sách như thế đừng lưu thông thì mới nên!

119. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo

Gần đây, hàng sĩ đại phu đa số có kiến giải hẹp hòi, câu nệ, có người nếu đem chuyện nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi nói với họ, sẽ bảo: "Những chuyện do dã sử, tiểu thuyết vụn vặt bịa đặt ra, há đáng tin tưởng được!" Hạng người ấy đã từng đọc kinh, duyệt sử, tuy thấy những sự tích ấy nhưng chẳng hiểu được duyên do, nên mới có cái nhìn hạn hẹp, câu nệ như vậy. Cư sĩ đem những chuyện nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi trong lịch sử biên soạn lại, trên là Lân Kinh[46], dưới là Minh Sử, những sự tích rành rành có thể khảo chứng được. Những kẻ câu nệ hẹp hòi kia đọc đến ắt sẽ câm họng chẳng dám bảo là chuyện bịa không có căn cứ được nữa!

Còn như chuyện học Phật thì phải trọn vẹn đạo làm người mới hòng tiến vào được. Nếu đối với những chuyện hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ

[46] Tức kinh Xuân Thu, đây là một bộ cổ sử do Khổng Tử san định. Khổng Tử được coi như kỳ lân trong loài người (theo truyền thuyết khi sắp sinh ra Ngài, thân mẫu mộng thấy kỳ lân. Khi hiệu đính bộ sử này, Ngài nghe tin ngoài đồng bắt được kỳ lân bèn ngưng không viết tiếp), nên bộ sử do Ngài san định được gọi là Lân Kinh.

không thực hiện một điều nào, dẫu có suốt ngày thờ Phật, Phật cũng chẳng thể nào gia hộ được! Ấy là vì Phật pháp bao trùm hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy, với cha nói đến từ, với con nói hiếu, thảy đều cho ai nấy tận hết đạo làm người, rồi sau đấy mới tu pháp xuất thế. Ví như muốn xây lầu cao vạn trượng, trước hết phải đắp vững nền móng, khai thông đường nước thì lầu cao vạn trượng mới xây dần lên được, lại còn vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng không chắc, ắt đến nỗi chưa xây xong đã sụp. Sách Luận Ngữ nói: *"Tuyển trung thần nơi nhà hiếu tử",* người học Phật cũng phải như thế. Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Khoa thiền sư[47]: *"Thế nào là đại ý Phật pháp?"* Sư nói: *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*. Muốn học Phật pháp, trước hết phải khắc kỷ, cẩn thận, dè dặt, sự sự đều phải từ tâm địa chân thật mà làm. Người như thế đáng gọi là đệ tử thật sự của Phật. Nếu tâm gian ác mà muốn nhờ vào Phật pháp để khỏi tội nghiệp thì có khác gì trước hết uống thuốc độc rồi lại uống thuốc tốt lành để thân thể nhẹ nhàng, khỏe mạnh, há có sống thọ được ư?

Bộ sách thực nghiệm quả đã phá được cái tệ ấy, lưu thông trong đời lợi ích lớn lao. Lại nữa, ông Bành Hy Tốc[48] ở Tô Châu từng soạn cuốn Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục trích tuyển hơn một trăm tám mươi điều liên quan đến sự thật nhân quả trong lịch sử, không biết các hạ đã có cuốn sách ấy hay chưa? Nếu có, hãy nên in ra để mở rộng tầm mắt cho bọn câu nệ, hẹp hòi. Hơn nữa, hai mươi bốn bộ sử[49] ghi chép rất nhiều chuyện lạ, cư sĩ đọc rộng không sót, hãy nên đem những chuyện phàm tình không thể thấu hiểu được, giống như những

---

[47] Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng Thiền Ngưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm chín tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc) thọ Cụ Túc Giới ở chùa Quả Nguyện. Sau qua theo học kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận với Phục Lễ pháp sư ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau Ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tần Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi Ngài là Ô Khoa thiền sư (Khoa là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: *"Hang ổ gọi là Khoa, tổ chim gọi là Sào"*). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên Ngài còn được gọi là Ô Sào thiền sư. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi Ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho Ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc Ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là Ô Sào thiền sư. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

[48] Bành Hy Tốc, tự Lạc Viên, hiệu Lan Đài, người xứ Nguyên Hòa ở Tô Châu, vốn là cháu ông Bành Tế Thanh. Cùng với Bành Tế Thanh, ông đảm nhiệm việc tu đính bộ Vãng Sanh Tập của ngài Vân Thê, tạo thành bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Năm Càn Long 58, ông vừa bị bệnh sốt rét, vừa bị kiết lỵ, bèn đến chỗ mẹ ở, tuyệt không nhắc đến việc nhà, chỉ tận lực khuyên mẹ niệm Phật, bảo: "Ngày nọ tướng hảo Tây Phương đã hiện". Trước hôm mất ba bữa, ông thỉnh Trừng Cốc hòa thượng đến trước giường bệnh, lập bàn thờ thọ Tam Quy Ngũ Giới, sám hối phát nguyện, càng thêm khẩn thiết. Sáng ngày Ba Mươi, ông bảo người nhà treo tượng Phật, dời giường hướng về Tây, thưa với hòa thượng: "Phiền thầy niệm Phật cho con!" Đến tối, miệng niệm Phật râm ran, nằm trên hông phải qua đời, mùi hương lạ ngập thất, thọ 33 tuổi. Vợ ông là Cố Thị, cực thông minh, giúp chồng rất lớn trong việc biên tập, trước đó đã niệm Phật qua đời vào năm bà 29 tuổi

[49] Hai mươi bốn bộ sử gồm Sử Ký, Hán Thư, Hậu Hán Thư, Tam Quốc Chí, Tấn Thư, Tống Thư, Nam Tề Thư, Lương Thư, Trần Thư, Ngụy Thư, Bắc Tề Thư, Châu Thư, Nam Sử, Bắc Sử, Tùy Thư, Cựu Đường Thư, Tân Đường Thư, Cựu Ngũ Đại Sử, Tân Ngũ Đại Sử, Tống Sử, Liêu Sử, Kim Sử, Nguyên Sử và Minh Sử. Thời Càn Long, hai mươi bốn bộ sử này được chỉnh lý, nhuận sắc và hợp thành một bộ lớn gọi chung là Nhị Thập Tứ Sử.

chuyện đã được nêu lên trong phần sau bộ Dục Hải Hồi Cuồng và những chuyện nhân quả luân hồi chép hết soạn thành một bộ sách để giúp cho việc trị quốc an dân, liễu sanh thoát tử thì công đức ấy lớn lắm. Chẳng biết ông có chịu thỏa mãn ý nguyện ngu muội của tôi hay không?

120. Thư trả lời cư sĩ X… ở Ninh Ba

Nhận được thư biết ông mang cái tâm đối trị tập khí, tuy siêng năng, khẩn thiết, nhưng chưa đạt, chưa thấy được hiệu quả tập khí tiêu trừ. Vì sao như vậy? Ấy là vì cái tâm sanh tử chưa khẩn thiết, chỉ biến chuyện siêu phàm nhập thánh, tiêu trừ Hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm thành chuyện nói xuông ngoài miệng, nên không có hiệu quả thật sự. Nếu biết thân người khó được, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó được nghe hơn, nay may mắn được làm thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó được nghe nhất, có dám để quang âm hữu hạn bị tiêu hao sạch nơi thanh sắc, vật chất, lợi lộc, khiến cho vẫn sống thừa chết uổng y như cũ, vẫn bị trầm luân lục đạo, không mong có ngày thoát ra hay sao?

Phải đem một chữ Chết (chữ Chết này hay lắm) dán cho rủ xuống trán. Phàm khi những cảnh tham luyến [đáng lẽ] chẳng nên có [mà lại] hiện tiền liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, sẽ trọn chẳng đến nỗi như con thiêu thân gieo mình vào lửa, tự đốt thân mình. Phàm với những chuyện thuộc về bổn phận nên làm, liền biết đấy chính là bè từ để thoát khổ của ta vậy, quyết chẳng đến nỗi thấy việc nhân bèn nhường cho người khác, thấy điều nghĩa chẳng làm. Như vậy thì trần cảnh sẽ trở thành duyên để nhập đạo, cần gì phải tuyệt sạch muôn duyên mới tu hành được? Vì đã làm chủ được tâm, chẳng chuyển theo cảnh thì trần lao chính là giải thoát. Vì thế, kinh Kim Cang nhiều lượt dạy con người tâm chẳng nên trụ vào tướng, phát tâm độ tận hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy ta là người độ, người khác và chúng sanh là kẻ được độ, cũng như chẳng thấy tướng thọ giả, Vô Dư Niết Bàn để đắc thì mới là thật sự hành Bồ Tát đạo. Nếu thấy có ta là người độ, chúng sanh là kẻ được độ, và pháp Vô Dư Niết Bàn dùng để độ, thì tuy là độ sanh nhưng thật ra chẳng thể khế hợp đạo Nhất Thừa Thật Tướng. Vì chẳng hiểu rõ bản thể của chúng sanh chính là Phật, Phật tánh bình đẳng, lầm lạc khởi lên phàm tình toan hiểu trí thánh, đến nỗi chẳng được lợi ích, trở thành công đức hữu vi; huống chi khằn chặt vào thanh sắc, của cải, lợi lộc?

Nhưng người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì, phải tận tình, tận phận, quyết chẳng mong ngóng ra ngoài bổn phận, trách nhiệm. Sĩ, nông, công, thương ai nấy chăm chú nghề mình để làm cái gốc nuôi thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy sức chấp trì Phật hiệu, quyết chí cầu sanh. Phàm những việc lành sức

mình có thể làm được bèn bỏ ra tiền của, hoặc giúp lời nói, ra sức tán trợ. Nếu không làm được như thế bèn phát tâm tùy hỷ thì cũng là công đức. Dùng những điều này để vun trồng phước điền, tạo thành Trợ Hạnh vãng sanh. Như thuận nước giương buồm, lại thêm lèo lái, đến được bến bờ chẳng càng nhanh hơn ư?

Ngày Ba Mươi tháng Chạp, chính là ngày cuối cùng của một năm, nếu trước đó chưa từng dàn xếp cho khéo thì chủ nợ oan gia lũ lượt kéo đến bức ngặt, há dung cho ông sao? Lúc mạng sắp hết chính là ngày Ba Mươi tháng Chạp của một đời người vậy. Nếu tư lương Tín - Nguyện - Hạnh chưa đầy đủ, ác tập khí tham - sân - si vẫn còn thì oán gia chủ nợ trong vô lượng kiếp đều kéo đến bắt tính sổ, há chịu dễ dãi với ông ư? Đừng nói chi kẻ không biết đến pháp môn Tịnh Độ không biết làm sao, phải tùy nghiệp thọ sanh; dẫu cho kẻ biết đi nữa, nhưng không thật sự chuyên chú tu tập cũng sẽ giống như thế, bị ác nghiệp lôi vào trong tam đồ lục đạo, vĩnh viễn luân hồi. Muốn cầu đường trọng yếu để thoát khổ chỉ có niệm niệm sợ chết và sợ chết đi phải đọa lạc trong tam đồ ác đạo thì niệm Phật sẽ tự thuần, Tịnh nghiệp sẽ tự thành, hết thảy trần cảnh sẽ chẳng thể đoạt được chánh niệm nữa! Tâm Kinh nói: *"Soi thấy Ngũ Uẩn đều không, độ hết thảy khổ ách"*. Trong là căn thân, ngoài là khí thế gian, thế giới, bao gồm trọn trong Ngũ Uẩn, thấy được chúng đều là Không thì từ ngay nơi Ngũ Uẩn sẽ lìa được Ngũ Uẩn; pháp gì, chuyện gì cũng đều là pháp môn đại giải thoát, là cảnh giới đại Niết Bàn!

121. Thư gởi bạn

Phàm là thiện tri thức, nhất cử nhất động đều có liên quan đến huệ mạng của Như Lai và thiện căn của chúng sanh, chứ không phải chỉ lên tòa thuyết pháp mới là hoằng pháp lợi sanh mà thôi! Tôi đọc bộ Tục Truyền Đăng Lục[50], thấy ngài Đầu Tử Ngung thiền sư có đại trí huệ, có đại bản lãnh, lên tòa đoái nhìn chung quanh khiến cho Phú Trịnh Công ngay khi đó biết chỗ chỉ quy, từ ấy tận lực tham cứu, thành tựu nhanh chóng. Nhưng do thiền sư có đến hơn mười người gánh theo hành lý khiến cho quan Tư Mã Ôn Công[51] muốn đến gặp thiền sư nhưng nửa đường dừng lại, rốt cuộc cả đời làm kẻ đứng ngoài cửa đối với đại pháp của Như Lai và bổn tánh của chính mình. Nếu như Ngung thiền sư một trượng, một bát, chưa chắc Ôn Công đã kém Trịnh Công, nhưng Ôn Công

[50] Gồm ba mươi sáu quyển, do ngài Viên Cực Cư Đảnh soạn vào đời Minh để tiếp theo bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, chép phổ hệ truyền thừa của nhà Thiền từ môn nhân đời thứ 10 của tổ Huệ Năng đến đời thứ 20, chú trọng ghi lại những câu thoại đầu, chỉ chép sơ sài sự tích, tổng cộng gồm 1.203 vị. Sự tích các vị này lấy từ các sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, Phật Tổ Huệ Mạng, Tăng Bảo Truyện, Thiền Môn Tông Phái Đồ, Chư Tổ Ngữ Lục v.v...

[51] Phú Trịnh Công là thừa tướng Phú Bật đời Tống, Tư Mã Ôn Công chính là Tư Mã Quang, ông này cũng từng làm tể tướng thời Tống, từng chống đối Vương An Thạch.

lo thổi lông tìm vết, tự đánh mất lợi ích lớn lao. Ngung thiền sư dùng đồ vật quá nhiều, tổn phước điền của đại chúng, có trách nhiệm với pháp đạo, xin hãy coi gương ấy!

122. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu

Nếu muốn tự được lợi ích thật sự trong đời này, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ quyết định liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng nương vào pháp môn Niệm Phật, đừng nói chi kẻ chưa đắc chân truyền của Phật giáo chẳng thể liễu, ngay cả người đắc rồi cũng chẳng thể liễu. Vì sao vậy? Vì được chân truyền chỉ là bậc đại triệt đại ngộ, chưa phải là thật chứng. Có chứng mới liễu được, còn ngộ thì chưa thể liễu. Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng Chân mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hành cả Chánh Hạnh lẫn Trợ Hạnh thì chẳng những quyết định vãng sanh mà phẩm vị còn ưu thắng. Không riêng gì kẻ tinh ròng, thuần thành, sốt sắng quyết định được vãng sanh, ngay cả phường Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng lo sợ lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng, ngay khi đó bèn mạng chung, cũng quyết định được vãng sanh. Do lòng từ của Phật rộng lớn, chuyên chăm chú độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được Phật nhiếp thọ. Đấy gọi là *"cậy vào từ lực của Phật, đới nghiệp vãng sanh"*. Chúng sanh đời Mạt chẳng y vào Tịnh Độ, tu các pháp môn khác, chỉ được phước báo trời người và thành nhân duyên đắc độ trong tương lai mà thôi. Do không có sức đoạn Hoặc, nên cội rễ sanh tử vẫn còn, sao không nẩy mầm sanh tử cho được?

123. Thư gởi Tịch Sơn Hòa Thượng ở chùa Vạn Thọ, Dương Châu

Ngưỡng mộ cao phong đã lâu, chưa được một phen gặp gỡ. May nhờ pháp duyên Khai Mông của Thông Công[52], được nghe tiếng đằng hắng[53]. Ngài chẳng khinh mạt học, hạ cố hỏi đến kẻ tiều phu, cắt cỏ; nỗi lòng cảm khái, thẹn thùng,

[52] Thông Công: tức là ngài Thông Trí Tầm Nguyên.

[53] Nguyên văn "khánh khái". Tiếng đằng hắng là một trong mười thần lực Phật thị hiện trong kinh Pháp Hoa. Khánh khái có nghĩa là trước khi muốn nói, bèn đằng hắng cho cổ họng thông suốt. Theo Pháp Hoa Văn Cú, "khánh khái" có hai nghĩa:

1) Khánh khái để tỏ ý sự việc đã xong, tức là hơn bốn mươi năm thuyết pháp, ẩn giấu sự thật, nay trong hội Pháp Hoa khai Quyền hiển Thật, bèn được diễn tả thông suốt, trọn không ngăn trệ. Vì thế, trước khi cất tiếng diễn bày thông suốt đại sự bèn đằng hắng.

2) Khánh khái phó chúc, nghĩa là Phật muốn đem pháp này giao phó cho các vị Bồ Tát để các Ngài chỉ dạy lại cho chúng sanh đời sau, nên bèn đằng hắng.

Ở đây, Khánh Khái là một cách diễn tả tôn trọng, ý nói may được Hòa Thượng thương tưởng đến ban cho pháp ngữ.

bút mực khôn bày tỏ hết. Hôm qua, thầy Ngộ Khai nhận được thư Ngài[54] bèn đưa cho xem, biết cư sĩ Lê Đoan Phủ chấp thuận sửa chữa [tác phẩm này], đã định kỳ hạn hoàn thành. Vãn bối mừng vui lộ rõ ra ngoài, khôn ngăn chân tay múa may. Lúc ngài ở núi này, vãn bối cũng từng nhắc đến ông Lê, chỉ lo ông ta đã nhận lời mời sửa chữa bộ Địa Luận, chỉ e không rảnh rỗi để làm.

Nay ông ta đã chấp thuận lời Ngài mời mọc, cho thấy bậc đại sĩ trí huệ khác nào vầng mặt trời giữa trưa, chiếu khắp đại địa, bọn chúng tôi cầm lửa đom đóm dõi theo từng nét chữ dễ hòng sánh được nổi sao! Bộ Khai Mông của Thông công quả thật đã tuyển chọn được tinh hoa của các nhà, những lý tánh được sách ấy phát huy có thể nói là thâm thiết rõ ràng, nhưng vì bản tánh thật thà, chẳng quan tâm đến chi tiết, cho nên sử dụng từ ngữ, lập luận không chỗ nào chẳng vướng cái tệ sơ sót. Nếu lược bỏ những chỗ tạp nhạp để chọn lấy cái tinh túy ắt phải đợi người được ý quên lời; còn kẻ ưa tranh ảnh, sợ rồng thật, chỉ có thể dõi theo mấy hàng mực[55]. Nếu chẳng sửa chữa thật nhiều, quyết khó thể lợi ích trọn ba căn. Trộm nghĩ kinh Xuân Thu là sử nước Lỗ, qua tay Trọng Ni[56] gọt dũa mới thành bộ đại kinh thiên cổ quý giá. Hám Sơn Toàn Tập do giao cho Khiêm Ích hiệu đính, sửa chữa mới thành tác phẩm nhiệm mầu được nhập tạng, lưu thông. Xưa đã như thế, nay cũng nên như vậy.

Chỉ mong hiển lộ triệt để diện mục của Lô Sơn, bất tất cứ phải theo quy củ giữ đúng nguyên bản. Ví như rỡ toang lầu Ngũ Phượng để xây lại, tách rời bài tựa của họ Tả để soạn thành tập riêng, tài liệu tuy vẫn y như cũ, nhưng kết cấu phải thuận theo việc đáng nên làm, chẳng ngại lấy cột làm kèo, mặc tình cắt dài nối ngắn. Văn rườm rà thì bỏ bớt, nghĩa thiếu sót bèn thêm vào, đáng để ở phần trước thì dời lên trước, đáng đem ra sau bèn để ra sau, ngõ hầu lý Đại Phật Đảnh[57], tánh thường viên thông, dù văn hay lý đều được phơi bày triệt để, giãi bày trọn vẹn. Dù là thượng, trung hay hạ căn không ai vừa đọc đến không liền hiểu rõ, ai nấy được lợi ích lớn lao, [như vậy] mới có thể làm cho bản hoài của ông Thông, ông Lê và ngài được phô diễn thông suốt rốt ráo.

Nếu chỉ hạn định trong vòng hai tháng sẽ xong, e rằng chỉ thành sửa chữa sơ sài. Kỳ hạn quá ngắn, tài khéo của ông Lê chưa thành hình, sửa chữa hiệu đính không tinh tường, cái tâm tha thiết của ông Lê bị khuất lấp. Khắc in, lưu

---

[54] Nguyên văn là "hoa hàn": Hoa là hoa tiên, một thứ giấy đẹp để viết thư, Hàn là bút mực. Cổ văn hay dùng chữ này để tôn xưng thư từ, giấy tờ viết lách của người khác.

[55] Nguyên văn: *"Nhược phù lược huyền hoàng nhi thủ thần tuấn, tu đãi đắc ý vong ngôn chi nhân, ngoạn đồ tượng nhi bố chân long, mỗi đa tâm sổ hàng mặc"* (nếu lược bỏ những con ngựa sắc đen vàng xen tạp, chọn lấy con ngựa hay, phải đợi người được ý quên lời, còn kẻ thích chơi tranh ảnh, lại sợ rồng thật, chỉ có thể thường đọc dò theo câu văn). "Tâm sổ hàng mặc" là một thành ngữ, ý nói chỉ biết đọc thông mặt chữ, không lãnh hội được ý nghĩa. Ở đây, Tổ tự khiêm mình tài hèn sức kém, không làm công việc nhuận sắc, biên tập được.

[56] Trọng Ni là tên tự của Khổng Tử, Khổng Tử húy là Khâu (Khưu).

[57] Lý Đại Phật Đảnh: Chỉ những giáo lý của kinh Lăng Nghiêm, kinh Lăng Nghiêm có tên gọi đầy đủ Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh.

truyền, muốn được cùng tồn tại mãi trong cõi đời với bản chú giải khác của kinh Lăng Nghiêm e khó đạt được! Xin hãy bỏ đi ý niệm [mong cho] chóng xong, tăng thêm thời hạn vài tháng nữa để xem đi xét lại nhiều lần, tra xét kỹ càng, sửa chữa tinh xác, tự nhiên trên khế hợp với diệu tâm của chư Phật, dưới thỏa mãn hoằng nguyện của các vị, được lưu thông đến tận đời vị lai, khắp mọi loài chúng sanh được độ mới thôi.

Phần tựa đề bộ sớ hai vị cùng viết, trước hết đề Ức Liên Sa Môn Thông Trí Tầm Nguyên soạn, rồi đề Đoan Phủ cư sĩ Lê Dưỡng Chánh hiệu đính. Tuy ông Lê tâm dạo chơi cõi Hoa Tạng, mang chí hướng lợi người, ngộ nhân ngã đều không, hiểu rõ ta - người bất nhị, nhưng trong phần cảm ân ca tụng đức, cố nhiên chúng ta nên trình bày như thế. Sửa chữa, hiệu đính đã xong, liền trao cho thợ in không cần phải gởi đến nữa. Ông Lê là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho, là bến bờ trong biển pháp, Tông thuyết cùng thông, hạnh giải tương ứng. Nếu không phải là Quán Âm, Phổ Hiền ứng hóa, chắc chắn là Phương Sơn, Vô Vi[58] tái lai. Tất cả trước thuật đều khế lý khế cơ, nếu treo tác phẩm ấy trên cửa Ngọ Môn[59], ai đổi được một chữ thưởng một ngàn vàng, sẽ thấy hết năm rốt tháng không ai dám sửa một nét bút, há nào còn ngờ chi, cần gì phải có người ngoài chứng minh nữa?

Đợi đến khi toàn bộ khắc in xong, mong hãy rủ lòng pháp thí rộng khắp. Vãn bối tuy mắt lòa, chẳng thể đích thân thấy được ánh mặt trời, nhưng trong đêm dài tăm tối cũng thường mong được chiếu thấu. Cầm bút dò dẫm, chẳng thể [phô diễn] theo ý tưởng được.

124. Thư trả lời cư sĩ Lê Đoan Phủ ở Giang Tây

Phương Đông hết rét, mong xiển dương tông chỉ Hiển Mật dung thông; mặt trời giáo hóa tỏa rạng, nguyện được hưởng ánh sáng Phật Đảnh viên mãn. Ngửa trông Đoan Phủ Lê Công đại cư sĩ, kiếp xưa đã gieo cội đức, thừa nguyện tái lai, rộng xem cùng tột các sách, thâm nhập Kinh Tạng. Thương giáo pháp đời Tượng Pháp suy đồi, làm sáng tỏ cương yếu của pháp tánh, xuất ngôn thành

[58] Phương Sơn chính là Trưởng Giả Lý Thông Huyền, tác giả bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận. Ông ẩn cư tại Phương Sơn vào niên hiệu Khai Nguyên thời Đường. Còn Vô Vi chính là Dương Kiệt đời Tống, tự Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, đắc pháp với ngài Thiên Y Hoài Nghĩa. Sau do cưu tang mẹ, duyệt Đại Tạng kinh, ngộ pháp môn Tịnh Độ thù thắng, bèn tận lực tu trì dạy người. Lâm chung nói kệ, nghiễm nhiên qua đời.

[59] Nguyên văn là "quốc môn" tức cái cửa chánh nơi đền vua, chúng tôi dịch là Ngọ Môn, theo cách gọi cửa chánh vào cung điện Huế. Ở đây nhắc đến chuyện ngài Huyền Trang khi sang Tây Thiên thỉnh kinh, nhằm năm Ngài 41 tuổi, vua Giới Nhật mở đại hội Vô Giá ở thành Khúc Nữ, mời toàn bộ các luận sư Đại Tiểu Thừa và hàng Bà La Môn ở mười tám tiểu quốc của Ấn Độ đến dự, cùng nhau biện luận về Phật pháp. Đại sư nhận lời vua thỉnh, làm chủ tọa đại hội, xưng dương Đại Thừa, Ngài soạn bản luận Chân Duy Thức Lượng treo ngoài cửa quốc thành suốt cả mười tám ngày. Vua Giới Nhật truyền lệnh ai sửa được một chữ sẽ thưởng ngàn vàng. Không ai bắt bẻ được một chữ nào!

chương, khế cơ, khế lý, lập nguyện cứu đời, giải hạnh đều cao, tiếng sấm phá mộng tỉnh mê vang rền kinh động cái tâm, giúp Giáo hoằng Tông, ban bố cơ duyên tỉnh ngộ, thành tựu điều tốt đẹp cho người chẳng nài nhọc khổ. Khéo léo dẫn dắt kẻ mạt học, hòa quang lợi vật. Nếu chẳng phải là Phổ Môn ứng hiện, ắt phải là hậu thân của Duy Ma[60], có phải là như vậy hay chăng?

Quang tuổi nhỏ thiếu học vấn, lớn lên chẳng biết gì. Cửa Tông Môn cao ngất không thể dấn bước, đành nương Tịnh Độ để ẩn náu. Thiên tư kém hèn; vì thế, không thể tham học với nhiều bậc tri thức, nẻo khách lênh đênh, do vậy đành cam ăn bám Phổ Đà hai mươi năm. Giữa Đông năm Nhâm Tý (1912), được xem Phật Học Tùng Báo, mới biết bậc hoằng pháp đại sĩ phần nhiều hiện thân trong làng Nho, hoan hỷ cảm thán, không lời lẽ nào sánh ví nổi! Đối những trước thuật của các hạ càng thêm khâm phục, chỉ hận mình độn căn, cốt cách ruỗng nát, chẳng thể thường theo hầu nơi trượng thất, hòng lạm dự phần được gọt dũa.

Cuối Thu, Tịch công[61] ở chùa Vạn Thọ do nhân duyên san định bộ Khai Mông, hạ cố đến chỗ Quang, nhân khuyên nên sửa chữa, tu đính, tôi nhắc nhở đến ngài. Lại lo ngài không rảnh rỗi để làm, may sao Tam Bảo gia bị, đã hiện sẵn điềm mộng, đã được hứa khả, may mắn nào hơn? Tịch công bèn gởi thư nêu duyên do, hạn định hai tháng sẽ hoàn thành. Quang sợ rằng ngài chưa đọc kỹ nguyên cảo, ngài Tịch Sơn chưa trình bày rõ cách thức biên tập, chỉ sợ ngài thuận theo ý Sư sửa chữa đại lược. Do vậy, tôi trình bày những điều khó khăn gởi đến Tịch công; chẳng ngờ [thư ấy] được chuyển đến Ngài soi xét, cảm kích, thẹn thùng vô cùng. Đến bữa khác, nhận được thư ngài dạy dỗ, chứng tỏ Ngài tiếp độ mọi loài đọc kinh, đúng như cái chuông lớn treo trên giá hễ gõ bèn kêu, gương báu đặt trên đài, không hình sắc nào chẳng hiện! Cảm kích lắm!

Trộm nghĩ bản thảo Khai Mông tuy do Thông Công (tức ngài Thông Trí Tầm Nguyên) soạn, nhưng phát huy, nhuận sắc hoàn toàn nhờ vào các hạ. Nếu tinh thần không đủ thì chỉ thành ra làm đãi bôi cho xong. Nếu sắc lực mạnh mẽ, chẳng ngại gì ngoài Hiển Giáo ra, ở những chỗ khác, với mỗi chỗ bèn nêu thêm cương yếu của Mật giáo ngõ hầu người đọc đến biết Hiển Mật viên thông, pháp môn vô nhị. Về Sự tu nên thâm nhập một môn, về Lý Tánh cố nhiên hai pháp ấy nhiếp trọn lẫn nhau. Xin đừng tiếc bút lực như rường cột, khiến cho Phật Đảnh phóng quang minh viên mãn, phổ chiếu hết thảy hữu tình tận cùng đời vị lai. Hơn nữa, những nhà giảng giải đời Mạt thường thích luận Thiền, khiến cho thính chúng đa phần bị những câu thoại đầu xoay chuyển. Trộm nghĩ, những câu cơ phong chuyển ngữ của Thiền gia trọn chẳng có ý nghĩa gì, chỉ nhắm vào

[60] Duy Ma (Vimakirti): Gọi đủ là Duy Ma Cật, dịch nghĩa là Tịnh Danh. Ngài là một vị đại Bồ Tát hiện thân cư sĩ thời đức Phật. Những lời Ngài giảng về pháp môn Bất Nhị được ghi trong kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh.
[61] Tức hòa thượng Tịch Sơn ở chùa Vạn Thọ vừa được nhắc đến trong lá thư trước.

căn cơ của người đến tham phỏng mà chỉ về lẽ hướng thượng, chỉ nên tham cứu, chớ nên giảng nói! Giảng kinh như thế thì chỉ bậc đại sĩ tư chất thù thắng mới được lợi ích; còn những kẻ trung hạ căn khác thảy đều mắc bệnh. Đối với Tông thì cơ phong chuyển ngữ chẳng biết tận lực tham cứu, tự lầm lạc suy đoán ý nghĩa. Đối với Giáo thì do những lý thật, sự thật chẳng phải là cảnh của mình, bèn cho những điều đó chỉ nhằm ngụ ý biểu thị pháp. Dùng Tông phá Giáo, dùng Giáo phá Tông, gần đây thói tệ ấy không gì tệ bằng. Mong ngài hãy hiện tướng lưỡi rộng dài, cứu vớt những kẻ chết đuối ấy.

Thêm nữa, thầy Ngộ Khai túc căn sâu chắc, tâm hiếu thắng mạnh mẽ, thoạt đầu chuyên chú Thiền Tông, miệt thị Tịnh Độ. Về sau, dự vào pháp hội của ngài Thông Trí, từ đó mới dần dần sanh tín tâm, tuy ấp ủ tánh cuồng vọng, chí nguyện cao chẳng thể đè lấn được, nhưng sắc lực yếu đuối, hành trì thật khó tương ứng, mùa Đông năm ngoái từng bộc lộ bản ý, Quang bèn cực lực quở trách. Hiềm vì tâm chấp quá nặng, chẳng vãn hồi được! Có lẽ nên cũng thưa cùng các hạ: Ngày 21 vào tháng mùa Đông, thầy ấy ôm bệnh về núi, kể cho sư huynh nghe chuyện ngoài núi chưa xong, liền chẳng nói được nữa, đến giờ Mùi hôm sau bèn qua đời, nào có tướng cảm ứng tốt lành nào để nói đâu? Dương Thứ Công[62] nói: *"Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà; niệm bất nhất, chẳng sanh Cực Lạc"*. Thầy Ngộ Khai chẳng phải là không tin có Tây Phương, nhưng do ái căn cố kết, ý niệm bất nhất, những điều bình sinh mong mỏi đều thành bánh vẽ. [Thầy ấy] mong thấy được đạo, mong lâm chung hiện đủ mọi tướng lành đều hé lộ ái căn, *"thoạt đầu chẳng gặp tác gia[63], đến già trọn thành đống xương"* là nói về thầy Ngộ Khai vậy. Buồn thay!

Lại nữa, tháng Chạp năm Nhâm Tý, do đọc Phật Học Tùng Báo, [thấy] báo in bằng giấy Tây, chẳng để được lâu như giấy Tàu, khiến cho những bài văn, bài luận kỳ vĩ của quý vị vì dùng loại giấy ấy đều bị mất hết, chẳng thể tạo ích lợi rộng rãi, dài lâu! Do vậy, tôi chẳng nề hà mắc tội, trình bày đại lược những điều hèn tệ mình đang ấp ủ, tuy có vài điều, nhưng điều này là chánh! Vào mồng Một tháng Giêng năm Quý Sửu (1913), đã gởi đến ban biên tập, có lẽ ông Nhất Thừa Bộc[64] chê là lầm cầm trọn chẳng để mắt tới, Cao cư sĩ (Cao Hạc Niên) đến đây bèn sao lục lại, chuyển đạt tới các vị ngõ hầu các vị biết rõ cái hại của loại giấy Tây, chẳng biết đã lọt vào mắt xanh hay chưa?

Nay tuy Tùng Báo đã đình bản, nhưng vẫn phải ngửa lên thưa trình: Cái hại của loại giấy Tây còn hơn cả nước lũ, mãnh thú, nghèo nước, khốn dân, đoạn diệt Nho Thích thánh giáo, cái họa ấy không có cùng cực! Mong có bậc đại lực

[62] Dương Thứ Công chính là Dương Kiệt, hiệu là Thứ Công, tức Vô Vi Tử trong chú thích ở phần trên.
[63] Tác gia: Chữ "tác gia" thoạt đầu là chỉ người giỏi soạn thơ văn. Do Thiền Giả cũng thường dùng thơ văn để trình bày yếu chỉ nhà Thiền nên nếu ai khéo lãnh hội nghĩa Thiền, khéo độ được người cũng được gọi là tác gia.
[64] Nhất Thừa Bộc: cư sĩ Bộc Đại Phàm, một trong những người biên tập tờ Phật Học Tùng Báo.

dứt trừ thói quen ấy thì phước cho đồng bào, pháp đạo được vĩnh truyền vậy! Ông Địch Sở Thanh có chí lưu thông, có chánh thư cục, gần đây in mấy đầu sách đều dùng giấy Tây. Nếu chẳng thống thiết trình bày lợi hại, tương lai các nơi in khắc Đại Tạng chắc chắn khó lòng không dùng loại giấy ấy; do vậy, lưu thông lại thành ra diệt vong nhanh chóng! Đấy là điều Bất Huệ tôi đau lòng buốt óc, vô phương khẩn cầu. Nay may được ngài rủ lòng dạy dỗ, nên mới dám trình lên.

Sức học của ngài trùm khắp cả nước, đạo cao ngút đời, giao du khắp cả trong nước, ngoài nước, ngôn luận khuất phục lòng người. Khẩn khoản xin ngài bảo cùng khắp những vị hoằng pháp, và soạn thuật một bài văn rộng lớn đăng lâu dài trên báo chí, ngõ hầu đồng bào cả nước đều biết họa hại. Phàm những gì thuộc loại kinh sách thánh hiền lưu truyền trong đời và khế ước, văn bằng, đều nhất loạt chẳng dùng loại giấy ấy, ngõ hầu Tam Giáo chẳng đến nỗi mau diệt vong, ngũ tộc [65] cùng thấm nhuần ơn lớn rộng vậy.

125. Thư gởi tổng nhung Trương Liên Thắng (viết thay cho bạn)

Xuân về trên lãnh thổ vua Vũ[66], ngày Nghiêu vĩnh cửu, Bắc Uyển mai nở, hoa trình ngũ phước như Cơ Tử đã phân định, vườn Đông trúc mướt, lá báo Hoa Phong tam đa [67]. Kính khen tổng nhung Trương Đại Nhân tài kiêm văn võ, giữ chức trọng yếu, đạo luôn rỡ ràng, hưng thạnh; tước ngày càng nâng cao. Từ đầu Xuân đến nay, vinh hiển lãnh phẩm trật cao quý; đã thế, chỗ nhậm chức ở gần Nam Hải, rất gần Quán Âm. Đấy chính là do nhiều đời nhiều kiếp từng gieo thiện căn nơi Đại Sĩ, và Đại Sĩ bi tâm muốn nhờ vào oai lực [của tổng nhung để] hộ trì pháp môn nên khiến ra như thế. Đạo thể khỏe mạnh, yên vui, nơi ăn chốn ở hưởng phước không cần coi bói cũng có thể biết; mừng rỡ, vui sướng chúc mừng.

Trộm nghĩ Phổ Đà là đất ứng hóa của Đại Sĩ, trải các triều đại đều được sắc tứ kiến tạo, cả đời đều kính ngưỡng, sùng mộ, nhất là có đại nhân duyên đối với các tổng nhung. Xưa kia thì không biết, chứ gần đây, có ba người có công huân

---

[65] Ngũ tộc: năm sắc dân chính của Trung Hoa là Hán, Tây Tạng, Mông Cổ, Hồi, Mãn Châu.

[66] Nguyên văn "Vũ điện": Điện là lãnh thổ cai trị. Vũ là vua Đại Vũ, khai sáng nhà Hạ.

[67] Ngũ phước phát xuất từ thiên Hồng Phạm trong sách Thượng Thư gồm: thọ, phú, khang ninh, tố hảo đức, khảo mạng chung (sống lâu, giàu có, mạnh khỏe bình yên, làm điều đức hạnh tốt, chết yên lành). Tương truyền tác giả là Cơ Tử.

Tam đa: đa phước, đa thọ, đa tử (phước nhiều, sống lâu, lắm con) Theo sách Hoa Nhạc Chí, quyển 1 đời Thanh, di chỉ Hoa Phong ở phía Đông Bắc Hoa Sơn. Cũng theo sách Hoa Dương Huyện Chí, thiên Cổ Tích, có chép một đoạn đối thoại giữa vua Nghiêu và dân vùng này: *"Đào Đường Đế đến Hoa Sơn, dân Hoa Phong thưa: 'A! Xin chúc thánh nhân lắm phước, lắm thọ, lắm con cái'. Vua nói: 'Thôi đi! Lắm con thì lo nhiều, lắm phước ắt lắm chuyện, lắm thọ càng lắm nhục".* Vì thế, mới có điển tích "Hoa Phong tam đa".

lớn lao đối với núi này. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, tổng nhung Hầu Kế Cao, khi rảnh rỗi về việc võ bị, bèn biên soạn, tu chỉnh Sơn Chí, hộ trì, lưu thông, khắng khít nơi chuyện này. Từ thời mở nước đến nay[68], vùng biển chẳng yên, chùa núi hư nát, đến năm Khang Hy thứ hai mươi tám (1689), cõi đời yên bình, xa giá hoàng đế tuần du phương Nam[69], tổng nhung Hoàng Đại đến khải tấu tình trạng đổ nát của danh sơn, vua liền ban công khoản sắc truyền tu sửa. Chưa đầy năm ấy, ông Hoàng đã được thăng tước.

Năm sau, tổng nhung Lam Lý đến thay, phụng chỉ trông nom việc xây dựng, cúc cung tận tụy, kiệt lực lo liệu. Chuyện nhà Phật, chuyện vua một vai ông gánh vác, hai ngôi chùa trước và sau núi đều lập miếu thờ sống ông, vĩnh viễn theo Đại Sĩ hưởng hương đèn, mà ông Hoàng cũng được thờ cúng. Những bậc quan võ khác hộ trì núi này khó thể nêu hết, là vì các quan võ mỗi khi quân trận đối địch, xông pha ngọn giáo mũi tên, thường hay thầm niệm Đại Sĩ, ngầm được Ngài hộ trì, gia hộ. Nhờ vậy, lập chiến công được thái bình, nên họ mới hộ trì [núi này] như thế. Dẫu nhằm lúc yên ổn, cũng nhờ oai lực của Đại Sĩ, trấn quân oai giữ yên cõi xa, tiêu họa loạn trước khi chớm nẩy. Bởi chịu ân đã sâu nên báo ân cũng thiết tha. Do báo ân thiết tha nên cúng tạ cũng hậu. Như hai vị Hoàng và Lam, và những vị như Tăng, Bành, Tả v.v… vào thời gần đây không ai chẳng đều như vậy.

Hiện nay nhằm lúc Mạt Pháp, pháp nhược ma cường, thường có kẻ vô lại trà trộn pháp môn, chẳng giữ thanh quy, bại hoại Phật pháp. Do vậy, hàng Nho sĩ chẳng hiểu lý sâu trông thấy Tăng sĩ du hành nhân gian tạo tác ác nghiệp, bèn nói Tăng chúng trong cả cõi đời không ai là chẳng giống vậy. Từ đấy, một giọng xướng, trăm tiếng hòa, phỉ báng, vùi dập, thậm chí phá hủy chùa miếu, thiêu đốt kinh tượng. Chẳng biết ngọc tuy phát xuất từ dãy Côn Luân[70], nhưng ngọc ẩn, đá lộ. Nếu chẳng đục khoét thì chỉ thấy đá, chẳng thấy được ngọc. Do không thấy ngọc, bèn muốn đốt cháy sạch [cả núi] thì vì đá xấu bèn đốt sạch ngọc đẹp vậy!

Xưa có người ôm [tảng đá] có ngọc báu hiếm có trong đời của núi Kinh còn bị chặt đứt hai chân [71], huống chi người ôm diệu bảo Thật Tướng của núi Vô

[68] Ý nói kể từ đầu triều đại nhà Thanh.

[69] Nguyên văn *"thúy hoa nam hạnh"*: Nam hạnh là hoàng đế đi tuần sát phương Nam, thúy hoa là một loại cờ hiệu của hoàng đế, phía trên gắn lông đuôi chim phỉ thúy (chim bói cá), nên được gọi là "thúy hoa".

[70] Một rặng núi lớn ở Tây Nam Trung Quốc, bắt nguồn từ cao nguyên Pamir đến tận tỉnh Tứ Xuyên, toàn bộ rặng núi dài đến 2.500 km. Theo truyền thuyết, đây là nơi cư ngụ của các vị tiên và có nhiều ngọc quý.

[71] Đây là chuyện Biện Hòa thời Chiến Quốc, biết trong tảng đá có ngọc quyết dâng lên vua, bị gièm pha đến nỗi bị chặt chân, cứ ôm tảng đá ngồi khóc ngoài đồng. Sau có người thương tình tâu lên vua, vua sai chẻ tảng đá ra, quả thật có ngọc quý vô giá, thường gọi là "ngọc liên thành". Sau Tần Thủy Hoàng cướp ngọc ấy, cho khắc thành ấn truyền quốc.

Thượng Đại Niết Bàn, tri kiến thế tục làm sao biết được, nên lắm phen bị hủy nhục. Kính mong các hạ hộ trì danh sơn, dẹp tà giúp chánh, làm nanh vuốt cho đất nước, làm kim thang[72] cho Đại Sĩ, nối gót thơm của ông Hoàng, ông Lam, gỡ màng mộng trong mắt thế tục, đấy là cúng tạ vậy. Ắt sẽ được chứng quả Vô Sanh, đạt địa vị Bất Thoái, thành Chánh Giác trong tương lai, làm bậc điều ngự trượng phu, há nào phải chỉ ấn phong biến thành vuông, ngạch trật chuyển sang quan văn[73], trăm năm phước thọ, tiếng thơm truyền đến cả con cháu mà thôi!

126. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ nhất)

Lương Nhậm Công[74] có tài xuất chúng, đáng kính nể trong đời, sao chẳng dùng hoài bão, tài năng sẵn có để quay sang tận lực tham cứu đại pháp xuất thế, ngõ hầu triệt ngộ diệu tánh sẵn có. Lại còn tận lực tu Tịnh nghiệp, hồi hướng vãng sanh, ngõ hầu mỗi điều đã ngộ đều tự chứng đắc. Sau đấy, lại nương vào đại nguyện, thị hiện sanh trong cõi đời ác trược, dùng thần thông biến hóa chẳng thể nghĩ bàn, bày cách đối trị: đối với kẻ mạnh bạo chẳng hòa hoãn bèn đối trị bằng cách cứng rắn, với kẻ hòa hoãn, bèn đối trị bằng cách mềm dẻo; bất luận trung hạ căn, không ai chẳng được gội ơn. Đấy chính là nghĩa tự lợi lợi tha rốt ráo của bậc đại trượng phu nối tiếp quá khứ, mở đường tương lai. Trong đời này, thời này, nếu chẳng kiệt lực nghiên cứu, uổng lòng ôm cái tâm lo lắng cho đời, khó tránh mối lo bị nguy đến thân; mà là hành vi của kẻ anh hùng hào kiệt phẫn thế buồn đời, chẳng phải là bản sắc *"tùy theo địa vị mà hành xử, vui theo mạng trời"* của thánh hiền vậy.

Kiếp xưa vun bồi được huệ căn này, cố nhiên chẳng dễ dàng. Nếu chẳng chuyên tinh dốc sức nơi đây ngõ hầu tự chứng thì sẽ giống như chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngắn ngủi, mạng người được mấy? Một hơi thở ra không trở lại là đã thuộc đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê vạn người có đến mười ngàn, từ ngộ tăng thêm ngộ, trong ức người chưa được một hai! Nỡ để cái chén vô thượng pháp khí, qua cơn mưa "tái sanh" lại trở thành bụi đất ư? Nhậm Công và Quang trọn không có giao tình, gần đây nghe lầm lời người, cũng muốn làm bạn tri kỷ. Tri kỷ phải tính toán cho tri kỷ, phải vì đại thể nói lời trọn vẹn mới chẳng đánh mất tình *"vì một lời hợp nhau, cả đời làm bạn tri kỷ"*. Chẳng biết ông Lương xem thấy như vậy sẽ gật đầu hay là lắc đầu, mong hãy đem ý này chuyển đạt đến ông ta.

---

[72] Kim Thang: Chữ Kim chỉ tường thành chế tạo bằng kim loại; Thang chỉ sông hào bảo vệ vây quanh thành. Ý nói phương tiện bảo vệ kiên cố.

[73] Theo quy chế thời ấy, quan võ phẩm trật kém hơn quan văn, không được sử dụng ấn vuông.

[74] Lương Nhậm Công chính là Lương Khải Siêu (1873-1929), tự là Trác Như, hiệu Nhậm Công, còn có biệt hiệu là Băng Thất Chủ Nhân. Người xứ Tân Hội, Quảng Đông, sanh vào thời Đồng Trị. Ông là một nhà tư tưởng lẫy lừng thời cận đại, đồng thời là một nhà nghiên cứu Phật giáo. Cùng với Khang Hữu Vi mưu giúp vua Quang Tự lật đổ Từ Hy Thái Hậu nhưng thất bại, ông phải lưu vong một thời gian.

127. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ hai)

Cuốn sách Nhập Phật Vấn Đáp dẫn dắt kẻ chưa ngộ, khiến họ sanh chánh tín, tùy cơ khai thị, từ từ thâm nhập, biếu tặng kết duyên quả thật không công đức nào lớn hơn. Nhưng sách ấy chỉ bàn chung chung về sự lý nhập môn nhà Phật, tuy cũng khen ngợi Tịnh Độ, nhưng quả thật chưa hoằng dương rộng lớn được yếu chỉ của pháp môn này. Nếu đã có tín tâm hãy nên đọc các sách Tịnh Độ. Nếu chẳng thể đọc nhiều thì cuốn rõ ràng, giảng rộng nhất là cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính[75] (Đường tắt hơn hết trong số các con đường tắt). Cuốn sách này tuyển chọn lấy yếu nghĩa của các nhà, phân môn chia loại, khiến cho người đọc chẳng phí nhiều công sức xem đọc, tiến thẳng vào chỗ uyên áo của Tịnh Độ. Sách này có lợi ích rất lớn đối với người sơ cơ. Còn những trình tự nghiên cứu được trình bày trong bộ Nhập Phật Vấn Đáp chỉ có người thiên tư cao, túc căn sâu mới kham đảm nhiệm được. Nếu cả hai điều này đều kém thì dù muốn dựa theo những điều sách ấy đã chỉ dạy để nghiên cứu thì e rằng chẳng thể thông suốt hoàn toàn giáo lý, mà đối với pháp Tịnh Độ, do dốc sức nghiên cứu giáo lý bèn thành ra lui sụt. Phật pháp vì con người mà lập bày, trọn chẳng thể chấp vào quy củ thông thường được, khiến thành ra bị trái nghịch căn cơ đến nỗi bị mất lợi ích thù thắng "liễu sanh tử ngay trong đời này". Cốt sao người đương cơ tự biết căn tánh để chọn pháp tu trì vậy.

Học chú Vãng Sanh bằng tiếng Phạn cũng rất tốt, nhưng chẳng được sanh tâm phân biệt, cho bài chú giản lược [được lưu truyền trong cõi này] là sai hoàn toàn. Khởi lên ý niệm ấy thì sẽ sanh lòng nghi đối với toàn bộ các chú trong Đại Tạng, cho là không hợp ý Phật. Phải biết người dịch kinh chẳng tầm thường, sao lại vì họ dịch khác nhau bèn liền xem thường? Hơn ngàn năm qua người trì tụng [chú ấy] đã được lợi ích, biết bao nhiêu mà kể, há có phải là mọi người hơn ngàn năm qua đều chẳng biết Phạn văn hay sao? Cố nhiên là nên học nhưng chẳng được khởi ý niệm hơn - kém, thua - trội, thì lợi ích chẳng thể nghĩ bàn được! Hơn nữa, một pháp trì chú gần giống với khán thoại đầu. Do khán một câu thoại đầu không có nghĩa gì nên dứt được phàm tình phân biệt, chứng Chân Trí vốn sẵn có. Trì chú chẳng biết được ý nghĩa câu chú, chỉ chí thành khẩn thiết mà trì, dốc kiệt tấm lòng thành đến cùng cực, sẽ tự được nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, phước cao, lợi ích chẳng thể nào nghĩ bàn cho thấu được!

---

[75] Kính Trung Kính Hựu Kính: là tác phẩm của Trương Sư Thành thời Minh. Trương Sư Thành tự là Tâm Hữu, hiệu Lan Chử, người Quy An, Hồ Châu. Cha mộng thấy mặt trời chiếu vào cửa sổ, tỉnh dậy thì thấy Sư Thành được sanh ra. Ông thờ cha hiếu có tiếng, đỗ đạt từ lúc nhỏ, đảm nhiệm việc trấn giữ biên cương. Khi làm tuần vũ tỉnh Giang Tô, thấy người địa phương sát nghiệp nên nhiều lần ban cáo thị khuyên kiêng sát sanh, nghiêm cấm bắt cá. Trong dinh ông không tiệc tùng, không sát sanh. Ông trường trai thờ Phật, dốc lòng nơi Tịnh Độ, tự lấy hiệu là Nhất Tây Cư Sĩ. Cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính của ông được đưa vào Vạn Tục Tạng kinh, tập 62, đánh số 1185.

Nghi thức lễ Phật đối với người rất bận chẳng cần phải lập riêng, chỉ cần chí thành khẩn thiết xưng niệm Phật hiệu, thân lễ dưới chân Phật, ắt phải thành kính như Phật đang hiện diện là được rồi! Cõi đời đang nhằm lúc Kiếp Trược, giết cướp lẫn nhau, chẳng có đạo bùa nào để hộ thân, quyết khó thể vĩnh viễn không bị họa hại. Cái gọi là *"đạo bùa hộ thân"* cũng chỉ là chí thành lễ niệm A Di Đà Phật mà thôi! Nhưng Quán Âm đại sĩ bi nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ, hễ cảm liền ứng, hãy nên ngoài lúc sáng tối lễ niệm Phật ra, hãy kèm thêm lễ niệm Đại Sĩ thì sẽ ngấm ngầm được gia bị, tự có thể chuyển họa thành phước, gặp nạn mà hóa ra lành, nhưng chẳng tự biết! Đây chính là cách của kẻ ngờ nghệch lánh ngoài cõi đời này dùng làm phương pháp vì tri kỷ cứu đời vậy. Có thể nói là khắp cõi đời không ai chẳng thể cứu, chỉ có người chẳng chịu hành theo pháp này thì đành chẳng biết làm sao được!

128. Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham

Thư ngừng chiến đọc qua một lượt, có thể nói Giang Thần Đồng quả là người phi thường, ôm chí hướng phi thường, tính làm chuyện phi thường, làm cho khắp thiên hạ nhân dân đạt được "đạo thường hằng" phi thường, thật là thiên cổ hy hữu! Nếu chẳng phải là thánh hiền tái thế thì cũng là Bồ Tát thị hiện thọ sanh, cuộc đời này chẳng uổng phí vậy! Muôn nước trong khắp thiên hạ trong đêm dài sẽ đều được lay tỉnh bởi tiếng ngân của quả chuông to này. Do muốn mình được thành tựu bèn giúp người thành tựu, mình muốn thành đạt bèn khiến cho người thành đạt, tự lợi, lợi tha, coi người khác như chính mình, cùng về trong cảnh giới vô ngã, cùng hưởng ngọn gió đại đồng. Quang đã già rồi, chỉ e không kịp thấy, chẳng ngại gì không chúc mừng trước muôn nước.

Tuy nhiên, phương cách đã lập ấy vẫn có chỗ không hợp thời, cơ, xứ. Quang vô tri, vô thức, sao dám bình luận trước thuật của ông Giang; nhưng trước mặt người tri kỷ, chẳng ngại gì một phen bàn bạc, mong chẳng bắt tội. Thế đạo nhân tâm hiện thời hư hoại đến cực điểm, muốn cứu vãn mà chỉ dùng đạo đức của ngũ giáo[76] thánh hiền để uốn nắn thì cách ấy chỉ có thể chuyển biến được người có bẩm tánh cao sâu, còn đối với hàng trung hạ căn mặc sức ông nói nát môi, cháy lưỡi, dù họ có lãnh hội cũng chẳng thấy ăn nhằm gì đến tâm họ, huống gì kẻ không lãnh hội được lại chiếm hơn quá nửa, thành ra đổ sức nhiều mà hiệu quả ít ỏi. Muốn cho vạn quốc cùng sốt sắng thực hiện đề nghị này trừ phi người trong vạn quốc đều là hạng thiên tư thượng đẳng, muốn tận lực cầu lấy đạo thánh hiền nhưng chưa rõ đường lối thì mới có lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu ông có giảng ra rả, người ta nghe lời ông nói bèn xem

[76] Ngũ giáo: Phật Giáo, Khổng Giáo, Đạo Giáo, Thiên Chúa Giáo và Y Tư Lan Giáo (Islam).

thường. Vệ Võ Công[77] đã sớm nói như vậy từ hai ngàn năm trước rồi! Giang Thần Đồng[78] có thể nói là "biết Thể" nhưng chưa "biết Dụng", đắc Căn Bản Trí nhưng chưa khai Sai Biệt Trí. Cách tổ chức hội nghị của ông ta lại quá lớn, chỉ sợ không có món chi phí lớn lao như thế, không thành chuyện bàn xuông thì cũng hóa ra có đầu không đuôi.

Hơn nữa, loại đại hội như vậy há có nên lập riêng một đại hội cho nữ giới? Lập ra đại hội nữ giới sẽ khiến cho nữ nhân toàn quốc lầm lạc ra sức tranh quyền, chuyện gì cũng đều phải nghĩ nam nữ cùng một bản thể. Nếu được như hai bà phi của đời Ngu, ba bà Thái của nhà Châu, mới thật là may mắn lớn lao. Nếu không, sẽ tệ hại không thể nào diễn tả được! Trời sanh bậc kỳ nhân phi thường, nhưng mở ra mối tệ này, quả thật Bất Huệ tôi rất đau lòng, tiếc nuối. Tôi nói *"quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân nắm giữ quá nửa!"* Do giúp chồng dạy con trong gia đình sẽ khiến cho đứa con nào có thiên tư liền mong thành thánh, thành hiền, gây dựng đức nghiệp lớn lao; đứa không có thiên tư cũng có thể thuận theo quy củ, làm một kẻ lương dân. Nếu bỏ điều này không xét đến, cứ muốn cho nữ nhân nắm quyền giống như nam giới thì chính là đại họa gây loạn thiên hạ bậc nhất vậy. Sao ông Thần Đồng không nghĩ đến điều này?

Bài văn ấy luận về Phật giáo cũng có chỗ sai sót lớn. Nếu bậc thượng đẳng nghe đến ắt sẽ gấp gáp cầu nơi Giới - Định - Huệ - Không. Nếu kẻ hạ đẳng nghe đến ắt sẽ rất có thể khiến cho cái thói muốn lấy người ép người, đốt sách của người ta liên tiếp khởi lên. Ngay trong lúc sát kiếp lừng lẫy này, chẳng lấy lòng Từ trọn khắp, vô hình, tâm bi cứu bạt ba đời của Phật làm nghĩa trọng yếu cứu nước cứu dân bậc nhất để răn dạy, lại đề xướng ý kiến cho Phật giáo là tà ngụy, nêu chứng cớ là Phật giáo vứt bỏ luân thường, bàn chuyện họa phước! Phàm nhân quả báo ứng chính là đại phương tiện để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh của thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian. Ngay trong lúc tâm con người đắm chìm này, đúng là lúc nên đề xướng nhân quả, báo ứng. Dẫu là kẻ trung hạ căn, tuy muốn làm ác nhưng không dám, dẫu không muốn làm thiện nhưng chẳng thể.

---

[77] Vệ Võ Công, tên là Cơ Hòa, người xứ Triều Ca, là con của Vệ Ly Hầu, ở ngôi vua từ 812 đến 758 trước Công Nguyên. Năm 771 trước Công Nguyên, quân Khuyển Nhung giết Châu U Vương. Vệ Võ Công cùng chư hầu hợp binh giúp nhà Châu dẹp loạn có công, được Châu Bình Vương phong tước Công. Vua chăm lo chánh sự, lo cho dân giàu nước mạnh, rất được dân chúng hai nước Châu, Vệ kính trọng.

[78] Không rõ Giang Thần Đồng ở đây là ai? Nhưng trong thư gởi cho cư sĩ Sái Khế Thành năm 1923, Tổ Ấn Quang có viết: *"Giang Thần Đồng là quỷ thần dựa vào thân mà có năng lực ấy, chứ không phải thật sự là thần đồng. Năm trước, bạn tôi là ông Trương Chi Minh đem bài Thư Đình Chiến của Giang Thần Đồng đưa cho Quang xem, nhờ phê bình những chỗ không thích hợp để xem có nên lưu truyền hay không. Đến khi Quang chỉ ra những khuyết điểm, người bạn ấy nhất loạt không đề cập đến nữa. Tôn Giáo Đại Đồng Hội là gì? Thích Ca Hóa Thân là gì? Người có trí thức nghe đến liền biết hắn ta là ma vương hiện chuyện lạ lùng để mê hoặc con người, cần gì phải hỏi ai nữa?"* Căn cứ vào đoạn văn trên, Giang Thần Đồng phải là một đứa bé nổi tiếng thần đồng thời ấy.

Thế mà ông ta lại bài xích, đả phá họa - phước là tà ngụy, là đáng đau hận, há có phải thật sự hiểu biết Phật giáo hay chăng? Nhưng bỏ qua luân thường, bàn về họa - phước có bao giờ không ngụy, cũng như có bao giờ chẳng là chân? Nếu đã nhất loạt coi là ngụy thì Thích Ca bèn thành kẻ tội lỗi đứng đầu, những người thấp hơn Phật còn đáng bàn nữa hay chăng? Nếu bảo các hiền nhân chê trách [Phật giáo] chính là bằng cớ thì là chưa biết sự thật, tôi không bàn tới. Nếu bảo "chư hiền chê trách là ngụy là do lỗi nơi Phật giáo, chứ chẳng phải lỗi của chư hiền", cho rằng câu nói "Phật giáo là ngụy" không phải là diệt trừ Phật giáo, chỉ giữ lại Giới - Định - Huệ - Không, thì chẳng thể được! Phàm Giới, Định, Huệ, Không lúc Phật chưa xuất thế, pháp chưa truyền sang Đông, nhưng đã ngập tràn vũ trụ, không khiếm khuyết chút nào, nhưng các vị thánh như Nghiêu, Thuấn, Châu Công, Khổng Tử cũng chưa tỏ rõ được, đến khi Phật giáo truyền sang Đông mới biết chúng ta đang sống trong Giới - Định - Huệ - Không, từ sống đến chết, chẳng thể ra ngoài những điều này được! Nhưng kẻ bỗng dưng đâm sợ cái đầu chạy cuồng lên [79] thật là đáng thương.

Thầy thuốc trị bệnh, gấp thì trị đằng ngọn, thong thả bèn trị nơi gốc. Ví như có người cổ họng ủng thũng, ăn uống khó trôi, hít thở khó khăn, ắt phải làm tiêu chứng thũng trước, rồi mới có thể dựa theo nguồn bệnh, điều hòa tạng phủ. Nếu chẳng tiêu trừ chứng thũng trước, người ta đã chết mất, dù có bài thuốc hay khéo trị tận gốc cũng không sao thi thố được! Nhân quả chính là diệu pháp để tiêu trừ chứng thũng hiện thời; nhưng một pháp nhân quả trị chung cả đằng ngọn lẫn đằng gốc! Kẻ sơ cơ nương theo đó sẽ có thể cải ác tu thiện; người thông hiểu nương vào đó sẽ có thể đoạn Hoặc chứng Chân. Chính là pháp thông trên thấu dưới, từ phàm phu sát đất cho đến viên mãn Phật quả đều chẳng thể lìa pháp này được, há nào phải chỉ để trị chứng bịnh đằng ngọn mà thôi!

129. Thư gởi cư sĩ Tạ Dung Thoát

Quê ông được biết đến pháp môn Tịnh Độ là do ông Lâm Giới Sanh thỉnh kinh sách Tịnh Độ. Nếu trong đời trước các vị cư sĩ đối với pháp môn này chưa từng gieo thiện căn, sao có thể lấy cổ nhân làm thầy, vừa mới nghe bèn sanh lòng tin, phát nguyện, tự hành, dạy người, khiến chưa đầy mười lăm năm, đạo ấy đã được thạnh hành như thế? Quán thiên tư, cảnh duyên của các hạ và pháp vận, thời cơ hiện tại, tợ hồ nên giữ Ngũ Giới hộ trì Tam Bảo, hoằng dương Tịnh Độ để khuyên khắp mọi người vãng sanh mới chính là yếu nghĩa khế lý khế cơ bậc nhất. Vì sao nói thế? Các hạ niên kỷ đã ngoài bốn mươi, thiên tư chẳng phải là bậc thượng đẳng, muốn nghiên cứu cùng tận kinh tạng, tham phỏng tri thức thì e rằng pháp môn vô lượng, quang âm không nhiều, sẽ phải

[79] Kinh Lăng Nghiêm có nhắc đến chàng Diễn Nhã soi gương thấy cái đầu mình đâm ra hoảng sợ, phát cuồng!

than thở dẫu muốn dùi mài nhưng không thực hiện được!

Hơn nữa, hiện tại tuy có tri thức, nhưng Tăng đa phần hỗn tạp, thiếu người cùng hạnh (cùng hạnh còn gọi là "nội hộ", tức người có thể rèn giũa, nâng đỡ mình tinh tấn nơi đạo). Nếu chí hướng thượng bị suy bèn xuôi theo lười nhác, biếng trễ, chẳng còn sốt sắng nữa. Như Bất Huệ năm hai mươi mốt tuổi, từ biệt cha mẹ đi tu, cũng có thể nói là phát chân tâm lập hạnh dũng mãnh, đến nay năm mươi ba tuổi dù Tông hay Giáo đều chẳng biết gì. Uổng công phụ ân cha mẹ, uổng làm Phật tử, may là đối với một pháp Tịnh Độ, khi xuất gia lúc học kinh Di Đà đã sanh tín tâm, quả thật chưa từng được một vị tri thức nào khai thị, bởi nghiệp sư[80] và các vị tri thức khi ấy đều chú trọng tham cứu, bao nhiêu khai thị đều đả phá Tịnh Độ. Tôi tự lượng sức mình, chẳng bị người khác lay chuyển, dẫu Phật, Tổ hiện thân vẫn chẳng thay đổi, huống chi những lời tri thức nói!

Thêm nữa, hiện nay pháp nhược ma cường, muốn hộ trì Phật pháp, ở cõi tục thì dễ, làm Tăng lại khó. Nếu các hạ có thể nghiêm trì Ngũ Giới, chuyên niệm Phật Di Đà, khắc kỷ, giữ lễ, ngôn hạnh tương ứng; sau đấy, thực hiện việc hóa độ người khác một cách rộng rãi, lợi khắp muôn loài, chớ nghĩ mình là thầy rồi tự cao, chớ nhận tiền tài để tự lợi ích. Ở nhà vì cả nhà diễn thuyết, đối với đại chúng bèn trình bày cặn kẽ thì mọi người đều ngưỡng mộ đức, tin vào lời nói, đấy chính là không tự truyền lệnh mà người hành theo, gió thổi qua cỏ phải rạp! Lệnh lang không tin đạo này, cũng chớ nên cưỡng bách. Cứ để đến khi gặp cảnh chạm duyên, thiên cơ phát hiện, bèn chỉ bảo cho, sẽ tự có cái thế cuồn cuộn không thể chế ngự được!

Liên xã vừa mở, cần phải có quy củ nhất định, cho nữ nhân tham dự thì trọn chẳng thể được! Chẳng được bắt chước cách của người ta luông tuồng không ước thúc, khiến cho một pháp vừa lập, trăm nghiệp tệ hại bèn nẩy sanh! Điều này quan trọng lắm! Chẳng thể lễ xá-lợi, chẳng thể thân cận tùng lâm, nào có thiếu sót gì đâu? Cứ hễ thấy tượng Phật, liền nghĩ đó là đức Phật thật, thấy kinh Phật, lời Tổ, liền tưởng như Phật, Tổ đang đối mặt dạy mình, phải cung, phải kính, không biếng nhác, không coi thường thì chẳng phải là suốt ngày thấy Phật, suốt ngày thân cận chư Phật, Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức, xá-lợi, tùng lâm hay sao?

Người xuất gia nếu chẳng phải là chân tu thì tập khí đầu đường xó chợ còn quá kẻ tục. Nếu muốn xa lìa, trước hết phải hiểu rõ hết thảy các pháp trong thế gian đều là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã, là bất tịnh thì tham - sân - si ba độc không do đâu khởi được! Nếu chưa ngưng dứt được thì hãy dùng trung hậu, tha thứ, nhẫn nhục để đối trị, nó sẽ tự dứt. Nếu vẫn không dứt, phải lập

[80] Vị thầy độ cho mình đi xuất gia gọi là nghiệp sư.

cách nghĩ đến chữ Tử thì tự nhiên vô biên nhiệt não hóa thành thanh lương. Kinh Báo Ân (tức kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân) dạy *"theo thứ tự thọ giới";* nay người xuất gia thọ giới, trước hết cũng phải thọ Tam Quy, rồi đến Ngũ Giới, tiếp đến Thập Giới, rồi đến Cụ Túc Giới, rồi đến Bồ Tát Giới. Nhưng thuở xưa, người thọ giới là vì phát tâm liễu sanh tử, người đời nay thọ giới đa phần chỉ để được làm đại Tăng cho thỏa thể diện, chuyện đắc giới chưa hề thực hiện hay nghĩ tưởng đến. Vì vậy, bọn lỗ mãng, phường hạ lưu bên ngoài không ai chẳng được dự Tam Đàn Đại Giới[81] trở thành Tăng.

Mối tệ này là do Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) bãi lệ thí Tăng, miễn độ điệp, cũng như vì những vị sư trong thời gần đây tham lợi danh, thích quyến thuộc đông đảo mà nên nỗi! Tôi chỉ sợ chư Tăng ở chỗ ông chẳng biết đến nghĩa này, tưởng độ người xuất gia là chuyện tốt bậc nhất, đến nỗi kẻ giặc trà trộn trong pháp, pháp bị diệt theo. Vì thế, chẳng nề hà phiền phức, bao lượt bàn ra. Phải biết một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên chí đốn trong giáo pháp của cả một đời Như Lai (một pháp trọn đủ hết thảy pháp nên gọi là Viên, tu trong đời này liền được vãng sanh ngay trong đời này nên gọi là Đốn). Hạng phàm phu lè tè sát đất cũng có thể dự vào trong pháp này, Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thể vượt ra ngoài pháp này được! Quả là một con đường tắt để thượng thánh hạ phàm mau thành Phật đạo, là một chiếc thuyền từ để chư Phật, chư Tổ phổ độ chúng sanh. Chẳng có lòng tin nơi pháp này hoặc tin không chân thành, khẩn thiết, tức là nghiệp sâu chướng nặng, chẳng hợp liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, muôn đời muôn kiếp ở trong thế gian này thường xoay vần trong lục đạo, không có lúc nào ra. Dù có được làm trời - người, nhưng thời gian thật ngắn ngủi như người khách ở trọ, một phen đọa tam đồ thời gian rất dài như ở yên nơi quê nhà. Mỗi phen nghĩ đến, lông tóc dựng cả lên. Chẳng sợ rát họng khẩn khoản bảo cùng đồng nhân.

Nay tôi vì các hạ dẫn một chuyện chứng minh ngõ hầu khơi gợi mạnh mẽ cái tâm tín nguyện, cổ vũ sức tán dương rộng rãi vậy! Pháp môn này chỉ có kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Vô Lượng Thọ chuyên nói. Trong hết thảy các kinh Đại Thừa khác không kinh nào chẳng nêu tỏ chuyện này. Khỏi cần nói đến kinh nào khác, một kinh Hoa Nghiêm chính là lúc đức Phật mới thành đạo, vì hàng Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ giảng thẳng vào đại pháp vượt khỏi các giới, chẳng chung cùng phàm phu, Nhị Thừa. Cuối cùng là phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài đồng tử ("đồng tử" là tiếng xưng tụng người đoạn Hoặc chứng

[81] Tam Đàn Đại Giới: Quy củ truyền thọ giới pháp, chia làm ba giai đoạn: sơ đàn, nhị đàn và tam đàn. Sơ đàn truyền Sa Di, Sa Di Ni giới, nhị đàn truyền Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni giới, tam đàn truyền Bồ Tát giới. Khi Sơ Đàn và Nhị Đàn đã xong, Phật tử tại gia mới được dự Tam Đàn cùng thọ Bồ Tát Giới. Một đàn truyền đại giới phải hội đủ tam sư (Đắc Giới Hòa Thượng, Yết Ma A Xà Lê, Giáo Thọ) và bảy vị tôn chứng A Xà Lê đóng vai trò chứng minh. Thông thường đàn truyền giới được cử hành trong ba ngày liên tiếp.

Chân, phá vô minh, khôi phục bổn tánh, chứ không phải như tượng đắp thường tạc hình một đứa bé nhỏ mới là đồng tử đâu nhé! Trong kinh Hoa Nghiêm có chỗ gọi Văn Thù Bồ Tát là Văn Thù đồng tử, các kinh khác cũng chỗ gọi Ngài bằng danh xưng này) tuân lời ngài Văn Thù dạy, tham học khắp các tri thức, đầu tiên gặp Đức Vân, liền được Ngài dạy pháp môn Niệm Phật, bèn chứng Sơ Trụ. Từ đấy, hễ tham học bèn chứng, đến vị thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền dùng sức oai thần gia bị, khiến cho Thiện Tài được chứng ngang bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật (đây gọi là Đẳng Giác Bồ Tát). Sau đấy, ngài Phổ Hiền dạy Thiện Tài cùng Hoa Tạng hải chúng hết thảy các đại Bồ Tát phát mười đại nguyện vương. Đem công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mong được viên mãn Phật quả.

Lại như kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh: Hạ Phẩm Hạ Sanh là nếu có chúng sanh gây nghiệp bất thiện, Ngũ Nghịch, Thập Ác, đủ mọi điều bất thiện, kẻ ngu như thế đáng phải đọa vào ác đạo trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng. Lúc mạng sắp dứt, gặp thiện tri thức dạy xưng danh hiệu Phật, đủ mười tiếng xong, diệt tội vãng sanh. Trong Long Thư Tịnh Độ Văn có kể chuyện các ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ v.v… đều là người như thế. Trên thì như ngài Văn Thù (Văn Thù Bồ Tát có kinh phát nguyện), Phổ Hiền, là những bậc đại Bồ Tát đã thành Phật đạo từ lâu, dưới thì như kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác là những chúng sanh sắp đọa địa ngục, đều nương sức tiếp dẫn của A Di Đà Phật, đều là căn cơ được nhiếp thọ bởi Tịnh Độ. Có thể thấy là pháp môn này lớn lao, trọn chẳng phải là thứ bỏ đi, Phật nguyện rộng sâu, coi chúng sanh đều bình đẳng. Tôi thường có câu liễn rằng:

Xả Tây Phương tiệp kính, cửu giới chúng sanh, thượng hà dĩ viên thành Phật đạo,

Ly Tịnh Độ pháp môn, thập phương chư Phật, hạ bất năng phổ lợi quần manh.

(Bỏ đường tắt Tây Phương, cửu giới chúng sanh trên dùng gì viên thành Phật đạo?

Lìa pháp môn Tịnh Độ, mười phương chư Phật dưới chẳng thể lợi khắp quần manh)

Các hạ nên phát đại dũng mãnh, đại tinh tấn gánh vác pháp này. Đem những ngôn luận hoằng dương Tịnh Độ thích hợp căn cơ của cổ nhân để đề xướng trong làng xóm, sống trong cõi trần chẳng nhiễm, tu chân ngay trong cõi tục, mới hợp ý nghĩa đặt tên là Dung Thoát, bởi Dung Thoát là hòa quang nhưng chẳng đồng trần vậy. Ý kiến hèn tệ của tôi như vậy đó, không biết các hạ nghĩ như thế nào? Mong hãy tự suy xét!

130. Thư trả lời cư sĩ Cố Hiển Vi

[Sở dĩ] lệnh hữu[82] là ông X…. có những thứ tình kiến đối với Phật học, và trong thư trả lời các hạ viết đến mấy trăm câu, là vì đối với nhân quả, có - không, sự - lý, tánh - tướng bị lầm loạn, cho nên đối với Kim Cang, đối với Tịnh Độ đều chẳng thể nương theo lời thành thật của Phật, Tổ để sanh khởi lòng tin, lầm lạc đem chuyện trái nghịch lý để suy xét lý, muốn làm người đại trí huệ lỗi lạc, chẳng chịu ép mình theo khuôn khổ của hàng ngu phu, ngu phụ, tự cho mình bị lý chướng, nhưng thật ra là nghiệp chướng nơi tâm. Như kẻ mù nhìn mặt trời, trọn chẳng thấy được tướng ánh sáng, lại bảo người thấy được [tướng sáng ấy] là hư vọng, há chẳng đáng buồn lắm ư? Thứ tri kiến ấy chẳng dễ gì phá được. Huống chi những gì Quang nói lời lẽ vụn vặt, khó thể thấu triệt lý. Vì thế, sẽ càng làm cho người ta nghi ngờ, chỉ tổn hại, chứ không có ích gì!

Muốn chẳng tuân mạng, nhưng lại sợ bị trách móc, đành làm chuyện tắc trách, bình luận xằng bậy, mong đừng gởi thư này đến ông X… Nếu không, rất có thể khó tránh khỏi bị xé nát, giẫm đạp. Nếu là những câu văn bình luận của Quang thì đáng bị như vậy. Còn những câu trong ấy nếu không dẫn kinh văn thì cũng đề cao ý nghĩa kinh, mà chữ nghĩa lại là của quý báu nhất trong thế gian, lại bị ông ta giẫm đạp thì chẳng những ông ta tự chuốc lấy tội chẳng cạn, mà các hạ lẫn Quang cũng bị mắc tội không cạn.

Nay tôi thay mặt các hạ, trả lời: Xem kỹ thư ông gởi đến, mọi điều nghị luận có thể nói tóm gọn một lời: *"Dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy Phật trí mà thôi!"* Vả nữa, chúng ta từ sống đến chết, trong là thân tâm, ngoài là cảnh giới, nào có biết nguyên do của vật nào đâu! Từ khi có tri thức đến nay, thấy người trước làm sao, cũng làm theo như thế thì thân thể được thành lập, mọi việc được trót lọt, thích đáng, thân tâm yên vui; từ lúc sanh ra cho đến chết, thọ dụng tự tại. Nếu đối với lời dẫn dụ của đức Như Lai, do chính mình chẳng biết cội nguồn tri kiến Phật và cội nguồn của pháp Tịnh Độ, dù Phật, Tổ nói lời thành thật cũng vẫn chẳng chịu nhân đó phát sanh lòng tin thì hãy suy tìm xem: Các hạ suốt ngày ăn cơm, suốt ngày mặc áo, nhưng cội nguồn của chuyện chống đói, ngăn lạnh có biết hay là không? Nếu bảo là biết thì người biết là ai, xin hãy chỉ ra xem! Nếu chỉ không được, mà vẫn cứ ăn cơm mặc áo, noi theo quy củ do người đời trước đã thành lập, thì sao đối với diệu pháp bậc nhất để liễu sanh thoát tử lại cứ phải đòi tìm biết cho được cội nguồn trước đã rồi mới chịu tin, trọn chẳng chịu do lời thành thật của Phật, Tổ mà sanh lòng tin vậy?

[82] Lệnh hữu: Tiếng gọi tỏ vẻ trân trọng bạn người khác.

Thêm nữa, các hạ có bệnh cần phải uống thuốc thì trước tiên phải đọc hết các sách Bản Thảo[83], Mạch Quyết, hiểu biết dược tánh, nguồn gốc bệnh, rồi thì mới căn cứ trên bệnh tình để kê toa, sau đấy mới uống thuốc; hay là ngay lập tức mời thầy lang chẩn mạch, lập tức uống thuốc vậy? Nếu lập tức uống thuốc thì chuyện trị bệnh và học Phật đâm ra mâu thuẫn lẫn nhau! Dù có đọc hết Bản Thảo, Mạch Quyết, biết được dược tánh, nguồn gốc bệnh, thì vẫn mâu thuẫn với chuyện học Phật. Vì sao vậy? Bản Thảo, Mạch Quyết là tác phẩm của người đời trước; ông chưa thể đích thân thấy được họ, sao lại tin lời? Nếu bảo lời lẽ của Bản Thảo, Mạch Quyết chẳng thể không tin thì lời của Phật, Tổ, thiện tri thức vì sao đều chẳng tin, cứ muốn tự thấy rồi mới chịu tin? Theo sự thấy biết của ông, nếu luận rạch ròi thì trước hết phải thấy được thuốc sẽ chạy theo kinh[84] nào, trị bệnh gì rồi mới chịu kê toa, uống thuốc, trọn chẳng thể dựa theo những gì sách Bản Thảo, Mạch Quyết đã nói để kê toa, uống thuốc! Vì sao vậy? Vì chưa thấy! Nay chưa thấy được cội nguồn của chuyện dứt đói, chống lạnh, trị bệnh, mà vẫn cứ ăn cơm, mặc áo, uống thuốc, còn cội nguồn của Phật và Tịnh Độ do tự mình chưa đích thân thấy nên chẳng chịu tin tưởng lời thành thật của Phật, Tổ, là vì lẽ gì vậy? Một đằng vì liên quan đến tánh mạng, dẫu chẳng biết cũng chẳng dám không làm như thế. Một đằng là tự phụ cao minh, ắt phải thấy thấu suốt rồi mới chịu tu trì pháp ấy.

Xưa nay không biết bao kẻ hào kiệt lỗi lạc, do vì tri kiến này cả một đời chẳng được lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Ông ta nói những kẻ ngu phu, ngu phụ, thoạt đầu cũng chẳng biết nhưng có thể nương theo quy củ của tiền nhân đã lập, cắm cúi niệm Phật; do vậy, ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu, bèn được đới nghiệp vãng sanh hay đoạn Hoặc vãng sanh, rồi sẽ ắt chứng Phật quả, huống hồ những người đã biết được nguồn cội! Nhưng những kẻ tự mệnh danh là lỗi lạc ấy, do nghi ngờ bèn phỉ báng, ắt sẽ bị từ kiếp này sang kiếp khác đọa trong ác đạo dài lâu, bị những kẻ ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh thương xót, muốn ra tay cứu giúp cũng không thể được! Vì sao? Do vì ác nghiệp bất tín trong đời trước gây chướng ngại!

Trí của các hạ như Can Tương, Mạc Gia[85], chặt ngọc như bùn. Do chẳng khéo dùng trí ấy, khác nào dùng Can Tương, Mạc Gia chém bùn nhưng chẳng thể chém được, uổng phí gươm bén, chẳng đáng buồn ư? Phật pháp là tâm pháp,

---

[83] Tức Bản Thảo Cương Mục của Lý Thời Trân soạn vào đời Minh, một loại bách khoa tự điển về dược tánh của các cây cỏ, vật liệu dùng làm thuốc. Mạch Quyết là những sách dạy bắt mạch để chẩn đoán bệnh tật.

[84] Theo Đông Y, kinh lạc là đường tuần hành khí huyết đi nuôi dưỡng toàn thân, duy trì mọi hoạt động sinh lý của cơ thể, chống ngoại tà, bảo vệ cơ thể. Kinh là đường đi theo chiều dọc, Lạc là đường đi theo chiều ngang. Đông Y cho rằng cơ thể gồm 12 kinh chính, 12 biệt kinh, 15 kinh lạc, 8 mạch v.v…

[85] Tên hai thanh gươm báu thời Chiến Quốc, tương truyền do Can Tương đúc ra. Hùng kiếm gọi là Can Tương, thư kiếm là Mạc Da (hoặc Mạc Tà). Theo truyền thuyết, Can Tương nấu đồng sắt cả tháng không chảy, vợ là Mạc Da bèn tắm gội sạch sẽ, nhảy vào lò nấu sắt, sắt bèn chảy tan ra. Nhờ đó, Can Tương đúc được hai thanh kiếm báu chém sắt như chém bùn.

hết thảy pháp thế gian chẳng thể sánh ví được! Những ví dụ chẳng qua chỉ nhằm để con người lãnh hội ý nghĩa, há nên chấp chết cứng nơi Sự, rồi coi hai đằng giống hệt như nhau để luận bàn ư? Giơ cái quạt để ví mặt trăng, nhờ vào cây lay động để chỉ gió, há có nên cầu quang minh nơi cái quạt, tìm sự phe phẩy nơi cây cối, như thế có còn được gọi là trí hay chăng? Mộng cảnh là giả, nhân quả là thật, cũng chẳng ngại gì dùng mộng cảnh để sánh ví nhân quả, coi chúng giống như nhau. Vì sao? Vọng tâm là nhân, mộng cảnh là quả. Nếu không có vọng tâm, quyết chẳng có mộng cảnh. Đấy là lời bàn luận quyết định không thay đổi được! Tâm thiện - ác và sự tu trì là Nhân, được quả báo thiện - ác và quả báo tu trì là Quả. Các hạ có tin hay không? Vọng tâm làm nhân cho mộng nên được mộng cảnh. Cái tâm niệm Phật là nhân để thành Phật, gần là được vãng sanh Tây Phương, xa là rốt ráo viên thành Phật đạo. Điều này khiến ông nghi ngờ hay khởi lòng tin vậy?

Chuyện Phật rốt ráo là có hay không hãy tạm gác lại, các hạ cứ muốn cật vấn Phật là có hay không, xin hỏi [bản thân] các hạ rốt ráo là có hay không? Nếu bảo là không thì những lời lẽ dông dài đây do ai thuật nói? Nếu bảo là có, xin hãy chỉ ra người thuật nói là ai? Ngôn ngữ là do họng, lưỡi và thức tâm kết hợp mà có văn tự, cũng do thức tâm, tay, bút vận động mà hiện ra. Hai thứ này đều chẳng ra ngoài Ngũ Uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều chẳng phải là bản thân các hạ! Nếu lìa ngoài năm pháp này mà chỉ ra được thì tôi sẽ chấp nhận câu hỏi *"Phật rốt ráo là có hay không?"* của các hạ là câu hỏi đại trí huệ! Nếu không chỉ ra được chính mình rốt ráo là có hay không, cứ muốn biết *"Phật là có hay không?"* trước đã, thì chính là câu hỏi cuồng vọng không đáng nói, chứ không phải là câu hỏi tột cùng lý thiết thực cho chính mình vậy! Phật rốt ráo là có, do phàm tình của ông chưa gột sạch, nên trọn chẳng thể thấy được. Chính các hạ cũng là có, do Ngũ Uẩn của ông chưa rỗng không nên cũng chẳng thể lìa Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức mà hòng chỉ ra đích xác được.

Kinh Kim Cang dạy Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, phát tâm độ tận hết thảy chúng sanh, khiến họ đều chứng Vô Dư Niết Bàn, nhưng chẳng thấy có một chúng sanh nào được diệt độ. Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu Lục Độ, Vạn Hạnh. Nêu lên bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ cho đến vạn hạnh đều chẳng được trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà tu. Chỗ này kinh văn nói đại lược, chỉ nêu bố thí để bao gồm mọi điều khác. Không trụ vào đâu để sanh cái tâm, không có tướng "ta, người, chúng sanh, thọ giả", tu hết thảy thiện pháp. Hãy nói xem: Những lời như vậy là có tướng hay không có tướng? Tướng quang minh rộng lớn như thế đầy lấp hư không mà lại bảo là không thì có khác gì kẻ mù từ lúc mới lọt lòng?

Nói *"không một chúng sanh nào đắc độ, chẳng trụ tướng, vô tướng, không trụ vào đâu"* là muốn cho con người chẳng vướng mắc vào tướng chấp trước dù phàm tình hay thánh kiến. Nói *"độ tận chúng sanh, hành bố thí, sanh tâm, tu thiện pháp"* là vì muốn cho con người xứng tánh tu tập pháp tự lợi, lợi tha, ngõ hầu cả mình lẫn người cùng được viên mãn Bồ Đề mới thôi! Chẳng nhìn thấy điều này, lầm lẫn chấp vô tướng là rốt ráo, chính là cùng một tri kiến với kẻ nhai bã hèm, há còn được gọi là người có trí huệ ư? Sanh khởi lòng tin nào khó khăn gì, trừ khử nghi hoặc há khó khăn chi, mà ông quyết định chẳng khởi, quyết định chẳng trừ khử? Dù Phật đích thân thuyết pháp cũng không thể làm gì được, huống chi bọn tôi là phàm phu sát đất ư!

Muốn biết Phật là giả hay thật thì sao không khởi tín đoạn nghi đối với những lý lẽ đã luận, đối với những sự việc đã chép trong Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ[86]? Có nên cho những ngôn luận, sự tích ấy đều là bịa đặt, đồn thổi, chẳng đáng lọt vào mắt ư? Nếu thấy như vậy thì linh hồn quyết định chẳng đọa vào năm đường kia, chỉ đọa trong A Tỳ địa ngục đến tột cùng đời vị lai, sẽ hưởng mãi vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao do tâm biến hiện ra, [coi những cảnh đó] giống như cảnh vui đủ mọi thứ thọ dụng vậy, không gì sánh ví được!

Cứ muốn biết Phật là giả hay thật, [cho] những gì Tịnh Độ Văn và Tây Quy Trực Chỉ đã nói đều chẳng phải thật, chỉ có điều gì mình đích thân thấy được, chứng được mới là thật thì nay tôi đem một sự hỏi ông, ông phải thẳng thắn đáp lời, chẳng được hàm hồ trả lời qua loa. Ông Vương Thiết San ở Bắc Thông Châu vào triều Thanh trước kia từng làm Phiên Đài ở Quảng Tây. Khi ấy, Quảng Tây rất nhiều thổ phỉ. Lúc ông Vương coi việc binh ở tỉnh ấy, liền lập kế tiễu trừ phỉ đảng, giết hại rất nhiều. Bốn năm trước, ông mắc bệnh rất nặng, vừa chợp mắt bèn thấy mình ở trong nhà tối. Cái nhà ấy rất to lại rất tối, quỷ vô số đều ùa tới bức bách, ông bèn hoảng kinh, thức dậy. Một lúc sau chợp mắt lại thấy cảnh như thế, lại kinh hãi tỉnh giấc. Suốt ba ngày đêm chẳng dám nhắm mắt, người đã thở thoi thóp. Nhân đó, vợ ông ta khuyên dụ: *"Ông như vậy làm sao khá được? Ông niệm nam mô A Di Đà Phật đi! Niệm Phật sẽ khỏe ngay!"* Thiết San vừa nghe lời ấy bèn cố sức niệm, được một chốc bèn thiếp đi, ngủ được đẫy giấc, không còn thấy cảnh tượng gì nữa, bệnh cũng dần dần được lành. Do đó, ông ta ăn chay trường, niệm Phật. Năm trước, Thiết San và Trần Tích Châu có lên núi [Phổ Đà] đích thân kể chuyện này với Quang.

Nếu các hạ lâm vào cảnh ấy, có cần phải biết "Phật là thật hay giả" trước đã rồi mới chịu niệm, hay là vừa nghe bèn niệm liền? Nếu lúc ấy chẳng rảnh để xét xem "Phật là giả hay thật" rồi mới niệm thì nay sao lại xét ngôn luận sự tích

[86] Tịnh Độ Văn chính là Long Thư Tịnh Độ Văn, tác phẩm của ông Vương Nhật Hưu. Tây Quy Trực Chỉ là sách của ông Châu Mộng Nhan, được in trong bộ An Sĩ Toàn Thư.

của tiền nhân dạy người là giả hay thật, nhất loạt coi đó là vọng? Chỉ cầu lấy điều không chánh yếu, vin vào cái tâm cảnh lờ mờ mê man này để rồi phải khóc lóc ư? Phú quý còn có thể coi như chiếc giày rách, sao chẳng thể coi chấp trước này cũng giống như chiếc giày rách, bỏ cho hết sạch đi? Ông tưởng thứ tri kiến ấy là cửa ngõ để nhập đạo ư? Không biết nó chính là đường để đọa vào A Tỳ địa ngục đấy! Dùng mộng ví với Phật, vọng tâm là nhân, mộng cảnh là quả. Ví niệm Phật là nhân, vãng sanh thấy Phật là quả, há có nên lấy sáu thí dụ[87] trong kinh Kim Cang để làm chứng?

Phàm ngôn ngữ, văn tự thế gian tuy mỗi chữ là một sự, nhưng chẳng ngại gì cùng nêu lên cái cao quý lẫn cái hèn kém, cùng chỉ cả sự tốt lẫn điều xấu. Như một chữ Tử, dùng để chỉ riêng mình Phu Tử (tức Khổng Tử) cũng được, mà dùng để chỉ một kẻ bình thường cũng được, mà dùng để chỉ con cái cũng được. Cần phải dựa vào văn cảnh để hiểu nghĩa, trọn chẳng thể giải thích Phu Tử cũng có nghĩa là con cái. Cõi Phật là mộng cảnh đợi khi nào các hạ thành Phật hãy nói. Bây giờ mà nói như vậy thì chỉ tổn hại chứ không ích lợi gì! Sự - lý, tánh - tướng, có - không, nhân - quả hỗn độn chẳng phân; chỉ nên học theo ngu phu, ngu phụ, cắm cúi niệm Phật, chí cung, chí kính, chỉ nên thành khẩn, lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao. Cái tâm nghi ấy triệt để rớt mất thì Phật có hay là không, chính mình có hay là không, đường nẻo vào cửa Phật, căn cứ đích xác nơi bờ kia, cần gì phải hỏi ai khác nữa! Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí niệm Phật, chỉ hiểu đôi phần từ miệng người khác bàn bạc thì cũng giống như xem kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Xem Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ chẳng sanh tín tâm là do nghiệp chướng trong tâm nên chẳng thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, cố nhiên mặt trời ở trên không, thấy được [mặt trời] là nhờ có mắt. Kẻ không thấy quang minh và lúc chưa thấy không khác gì nhau. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy tướng quang minh. Một pháp Niệm Phật chính là pháp thiết yếu nhất để mắt được sáng lại. Muốn thấy tướng quang minh hãy nên dốc cạn lòng thành nơi pháp này, ắt sẽ có lúc được thỏa nguyện điều mình ấp ủ.

Muốn đích thân thấy được Chân Ngã, mà chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ thì sẽ không thể nào thấy được! Muốn chứng nhưng nếu chẳng đoạn Hoặc chứng Chân sẽ không thể nào được. Muốn viên chứng mà Tam Hoặc[88] chẳng đoạn sạch, nhị tử[89] không vĩnh viễn mất thì sẽ không thể nào đạt được. Nếu luận về nơi chốn thì các hạ sẽ luân hồi bao kiếp dài lâu, cũng như những lời cật vấn trái lý hiện thời đều là nhờ vào sức của Chân Ngã để thực hiện; do trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên chẳng thể chân thật thọ dụng. Ví như cái đầu

[87] Tức là lộ, điển, mộng, huyễn, bào, ảnh (sương đọng, ánh chớp, mộng, huyễn, bọt nước, hình bóng).
[88] Tam Hoặc: Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc.
[89] Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

của chàng Diễn Nhã, châu nơi vạt áo[90], từ đầu đến cuối chưa hề mất, lầm sanh sợ hãi, lầm chịu nghèo cùng. Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn, chính là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao. Tuy chẳng lìa tưởng tâm, nhưng cũng chẳng được nói đó chỉ là tâm tưởng biến hiện, trọn chẳng có chuyện Phật - thánh nghênh tiếp! Tâm tạo địa ngục thì lúc lâm chung tướng địa ngục sẽ hiện. Tâm tạo cõi Phật thì lúc lâm chung tướng cõi Phật sẽ hiện!

Nói *"tướng tùy tâm hiện"* thì được, còn bảo *"chỉ có tâm không cảnh"* thì chẳng thể được. *"Chỉ có tâm không cảnh"* thì phải là bậc Đại Giác Thế Tôn đã viên chứng duy tâm nói ra thì mới không mắc lỗi gì. Nếu các hạ nói sẽ đọa vào đoạn diệt tri kiến thì sẽ là tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của Như Lai. Chẳng thể không thận trọng. Nếu mỗi điều đều nói cặn kẽ sẽ quá tốn bút mực, biết một điều sẽ suy được ba điều kia chẳng còn sót nghĩa nào!

131. Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên

Vừa nhận được thư, biết Nho - Phật tâm pháp nơi quý địa do một vai ông gánh vác, mừng rỡ, vui sướng không chi bằng. Chuyện ông khen ngợi Bất Huệ gần như rớt vào kiểu cách khách sáo thế tục, khoe mắt cá quý hơn bảo châu, đúng là coi tấc gỗ trội hơn lầu cao khiến người thẹn thùng không chỗ lánh. Quang chỉ là một ông Tăng tầm thường, không có pháp gì để tự dùng, thường ăn xin nơi cửa bậc trưởng giả đại phú, thấy những cơm thừa canh cặn bị vứt bỏ bèn nhặt lấy để tự nuôi thân. Ai không hiềm hôi chua thì cũng đem những thứ ấy trao lại. Từ Úy Như nghĩ những thứ ấy có ích cho người đói nên nhiều lần lưu truyền; tuy ý nghĩa có thể chấp nhận được, nhưng văn từ chẳng đáng xem, chẳng ngờ rốt cuộc làm bẩn mắt xanh của các hạ, cảm thấy hổ thẹn khôn xiết!

Bộ Văn Sao hèn tệ được in hai lần là vì mùa Hè, Úy Như về cưu tang mẹ, rời Bắc Kinh, nhờ người bạn giảo chánh, đối chiếu. Do người hiểu biết ấy không chú tâm, nên đến nỗi sai ngoa mấy mươi chỗ. Mùa Xuân năm ngoái, Úy Như lại yêu cầu Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán in soạn riêng và giữ lại bản lưu (lần này giảo chánh, đối chiếu khá kỹ càng), đến tháng Giêng mùa Xuân năm nay in xong. In được hai ngàn bộ, chưa hết tháng Giêng đã bán sạch. Nhà in bận bịu nên chưa rảnh để in lần nữa. Về sau, do những người muốn thỉnh sách nhiều lần thôi thúc, nhà in bèn thừa dịp rảnh rỗi in trước một ngàn cuốn để cung ứng. Đợi sau này rảnh rỗi sẽ in nhiều hơn, nay kính dâng lên ông hai bộ,

[90] Chàng Diễn Nhã trong kinh Lăng Nghiêm soi gương thấy đầu mình đâm ra hoảng sợ phát cuồng. Còn châu trong vạt áo là ví dụ trong kinh Pháp Hoa (phẩm thứ 8). Ví dụ này do năm trăm vị La Hán đã nói sau khi được Phật thọ ký: Gã nghèo đến chơi nhà bạn, ngủ say, bạn buộc châu vô giá vào trong áo để giúp cho khỏi bị đói nghèo, nhưng gã không biết, thân mang vật quý vô giá, nhưng vẫn phải làm thuê làm mướn vất vả kiếm sống.

mong ông hãy xét duyệt. So với hai lần in ở Bắc Kinh, bản in lần này nhiều hơn ba mươi thiên. Trong bộ sách này, những ý chỉ *"chánh tâm thành ý, dốc lòng thành, cạn lòng kính"* cũng được phát huy đại lược hòng đối trị thói hướng ngoại mong cầu cũng như cái bệnh phóng túng không kiêng dè của người hiện thời, cũng có ích đôi chút cho người sơ học. Nếu bậc thông Tông, thông Giáo trông thấy không khỏi phát ói. Nhưng nếu quả thật họ ói sạch những thứ thức ăn nặng nề chẳng tiêu của Tông, của Giáo, thì những thứ cơm thừa canh cặn này cũng có thể bồi bổ nguyên khí, đợi khi nào sức lực sung túc sẽ lại dùng tiệc vua thì mới được lợi ích thật sự.

Ở Tứ Xuyên, nếu có những người chẳng hiềm hôi chua thì hãy nên thay cho chi nhánh Thương Vụ Ấn Thư Quán đại diện phát hành ở đó cũng được. Các pháp môn Luật, Giáo, Thiền, Tịnh, pháp nào hợp căn cơ ư? Hãy nên lắng lòng đọc kỹ Tịnh Độ Quyết Nghi Luận[91] sẽ tự biết đại khái; nay tôi chẳng viết kỹ. Còn như bảo dùng Phật pháp hỗ trợ đạo Nho, cùng hành hai pháp ngõ hầu hết thảy mọi người đối với pháp thế gian là chân Nho, đối với pháp xuất thế là chân Thích. Nếu là bậc đại thông gia thì Thiền Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm chánh. Nếu là hạng người bình thường, cũng bất tất phải nghiên cứu rộng rãi các kinh luận sâu xa, uyên áo, chỉ nên đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương là được rồi! Những người này chẳng bỏ nghiệp tại gia nhưng kiêm tu pháp xuất thế. Tuy dường như là bình thường không kỳ lạ gì, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Ấy là vì ngu phu, ngu phụ cắm cúi niệm Phật liền sẽ ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu, so với những bậc đại thông gia dò đoán, suy lường, suốt ngày thần thức miệt mài trong vòng phân biệt, thì lợi ích càng nhiều hơn. Vì thế, ngu phu, ngu phụ niệm Phật dễ được lợi ích. Bậc đại thông gia nếu có thể buông xuống toàn thân, cũng dễ được lợi ích. Nếu chỉ suy lường nghĩa lý sẽ chẳng được lợi ích, trái lại còn thành bệnh, và có kẻ còn chưa được nói đã được, nhập vào bọn cuồng nữa kia!

Một pháp tham Thiền chẳng phải là pháp con người hiện thời nên học. Dù có học cũng chỉ thành tri kiến văn tự, quyết chẳng thể nhanh chóng sáng tỏ tự tâm, đích thân thấy tự tánh. Vì sao vậy? Một là không có thiện tri thức đề trì[92], quyết trạch[93] cho, hai là kẻ học chẳng biết căn cội của Thiền. Tuy gọi là tham Thiền, nhưng thật ra là hiểu lầm. Trong những bài Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận (Luận về sự chẳng nên lẫn lộn giữa Tông và Giáo) và Tịnh Độ

[91] Tịnh Độ Quyết Nghi Luận là một bài viết về Tịnh Độ của tổ Ấn Quang, được in trong quyển thứ hai của bộ Ấn Quang Văn Sao này. Tổ mượn lời Mộ Liên pháp sư ở núi Hồng Loa bàn định về giới hạn giữa Thiền và Tịnh.

[92] Đề trì: phương pháp của vị thầy trong nhà Thiền dùng để hướng dẫn học trò, tức là nhằm tiếp độ hàng hậu học, thầy bèn dùng những cử chỉ, hành vi, lời nói để phá sạch những kiến giải, Ngã Kiến sẵn có của trò, chỉ cho đường nẻo hướng thượng.

[93] Quyết trạch (nairvedhika): Nói đầy đủ là "quyết đoán giản trạch", tức là dùng Vô Lậu Thánh Trí để đoạn trừ dứt khoát (quyết đoán) các mối nghi, phân biệt chọn lựa (giản trạch) những gì phù hợp với Tứ Đế.

Quyết Nghi Luận, Quang đã chỉ bày đại khái. Con người hiện thời bất luận thượng, trung, hạ căn đều phải chuyên chú tận lực giữ vẹn luân thường, đề cao lòng kính, giữ lòng thành, tin sâu nhân quả, rộng hành các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Một pháp nhân quả chính là lò luyện lớn lao để nung phàm luyện thánh của thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu thoạt đầu chẳng xét thấu nhân quả thì sau khi thông Tông, thông Giáo, vẫn còn có chuyện hiểu lầm nhân quả. Hễ hiểu lầm nhân quả thì đọa lạc ắt có phần, không do đâu siêu thăng được! Đừng cho lý này là thiển cận rồi coi thường. Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa tam đồ đều chẳng ra ngoài nhân quả.

Nhưng phàm phu tâm lượng nhỏ nhoi rất có thể sẽ chẳng lãnh hội được những chuyện đại nhân quả nói trong kinh, nên lấy chuyện nhân quả thế gian làm phương tiện để nhập vào sự thù thắng; như Văn Xương Âm Chất Văn, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên v.v… (ở Trung Hoa Thư Cục có Cảm Ứng Thiên Vựng Biên là tác phẩm chú giải bậc nhất về Cảm Ứng Thiên từ xưa đến nay, văn và lý đều hay, có hai bản), hãy đọc nhuần, nghĩ kỹ rồi hành theo thì ai nấy đều có thể thành lương dân, ai nấy đều được liễu sanh thoát tử. Năm ngoái, Quang từng khắc An Sĩ Toàn Thư (trong Văn Sao có hai bài tựa, có thể biết được đại khái), tồn bản ở Dương Châu, các chỗ phát hành kinh đều có lưu thông, quả thật là một bộ sách quan trọng khiến cho đời yên dân lành vậy.

Niệm Phật chú trọng tại vãng sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, chứ không phải Niệm Phật hoàn toàn chẳng ích gì cho đời hiện tại. Xưa kia, Minh Giáo Tung thiền sư[94] công khóa mỗi ngày niệm mười vạn thánh hiệu Quán Âm; về sau, đối với mọi kinh sách thế gian không cần đọc đều biết. Nên xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục mới biết được sự hay khéo của việc niệm Phật, trong bộ Văn Sao dở tệ của Quang từng nhắc đến nhiều lần. Cư sĩ bảo [niệm Phật] là vô ích cho đời hiện tại tức là không những ông chưa thấu hiểu sâu xa các kinh luận Tịnh tông mà đối với bộ Văn Sao của Quang cũng chỉ cưỡi ngựa xem đèn, chưa bỏ công đọc kỹ.

Luật không phải chỉ là những sự việc thuộc về mặt thô mà thôi; nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ lòng thành thì cũng là phạm luật, nhưng nhân quả là cốt lõi của Luật. Nếu ai không biết nhân quả và lầm lẫn nhân quả thì đều là phạm Luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiền, Tịnh cùng hành cả. Phải biết: Hết thảy các pháp môn đức Như Lai đã dạy đều phải đoạn Hoặc chứng Chân mới hòng liễu sanh tử, trọn chẳng có chuyện Hoặc nghiệp chưa đoạn mà được liễu thoát.

---

[94] Tức ngài Khiết Tung đời Tống. Sư là người Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng, tỉnh Quảng Tây), thông suốt các nội ngoại điển tịch, có tài trước thuật. Năm Gia Hựu thứ 7 (1062) đời Tống Nhân Tông, Sư soạn bộ Truyền Pháp Chánh Tông Ký. Phụ Giáo Thiên v.v… được nhập tạng, nên được vua ban hiệu là Minh Giáo Đại Sư.

Riêng trong pháp môn Niệm Phật, người đoạn Hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Pháp Thân; người còn đủ Hoặc nghiệp vãng sanh cũng đã siêu lên địa vị thánh. Một đằng cậy vào Tự Lực, một đằng là nương theo Phật Lực, lại kiêm Tự Lực. Hai đằng khó - dễ, khác nào trời với vực. Thường có kẻ thông minh xem tràn lan sách Thiền, biết được mùi vị ấy bèn muốn lấy Thiền làm tánh mạng, muốn làm bậc cao nhân thông suốt. Đấy đều là hạng chẳng biết căn cội của Thiền và Tịnh, lầm lạc tự cho mình là cao quý. Tri kiến như thế trọn chẳng thể nương theo! Nếu nương theo tri kiến ấy, sợ rằng dù trải qua số kiếp nhiều như bụi trần vẫn không có hy vọng gì được liễu sanh thoát tử! Mong hãy xem kỹ bộ Văn Sao của Quang ắt sẽ biết.

132. Thư gởi cư sĩ Ngô Bích Hoa

Tâm tánh của bọn ta giống hệt như Phật, chỉ do mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai thương xót, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi hàm thức theo đường trở về nhà. Pháp môn tuy nhiều, nhưng trọng yếu chỉ có hai, tức là Thiền và Tịnh liễu thoát dễ nhất. Thiền chỉ có Tự Lực, Tịnh kiêm Phật Lực. So sánh hai pháp, thì Tịnh khế cơ nhất. Như người vượt biển, nhờ vào thuyền bè, mau đến được bờ kia, thân tâm thản nhiên. Chúng sanh đời Mạt chỉ kham hành được pháp này. Nếu không thì là trái cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành! Phát đại Bồ Đề, sanh chân tín nguyện, suốt đời giữ vững, chỉ nghĩ đến Phật, niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch, tuy niệm mà vô niệm, diệu nghĩa Thiền Giáo triệt để hiển hiện, đợi đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, thẳng lên Thượng Phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn. Có một bí quyết tha thiết bảo ban: *"Cạn lòng thành, tận lòng kính",* mầu nhiệm làm sao!

133. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ nhất)

Nói *"ngoài việc trường trai niệm Phật ra, nên giữ quy luật",* chính là tận sức hiếu [với cha mẹ], hòa thuận [cùng anh em], chuyên chú trọn hết luân thường, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, chẳng để lòng động niệm nơi tà vạy, hư ngụy, hễ làm việc cho người bèn trọn hết chức trách, gặp kẻ hữu duyên bèn khuyên lơn khiến cho nhập đạo. Những hành tướng ấy chẳng cần phải nêu ra hết, chỉ khuyên ông nên đọc Ấn Quang Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư sẽ tự biết. Phải biết: Làm đệ tử Phật, phàm những hành vi đều phải vượt trỗi những hành vi thế tục, thì chính mình mới hưởng lợi ích thật sự, khiến cho người ta trông vào thấy là lành. Nếu miệng nói tu hành, tâm ôm ấp những điều bất thiện, đối với cha mẹ, anh em và hết thảy mọi người trên cõi đời chưa thể trọn hết bổn phận thì người như thế gọi là thiện nhân giả dối; nhân địa đã hư

ngụy, làm sao đạt lợi ích thật sự cho được! Cái học của thánh hiền đều khởi đầu từ cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, huống chi muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ư? Về *"cách vật trí tri"* nên xem bài tựa bản in lại cuốn chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích và bài tựa sách Liễu Phàm Tứ Huấn của ông Viên Liễu Phàm [95].

Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Khoa thiền sư: *"Thế nào là đại ý của Phật pháp?"* Ngài Ô Khoa đáp: *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*. Ông Bạch nói: *"Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói như thế được!"* Ngài Ô Khoa nói: *"Tuy đứa trẻ lên ba nói được, ông lão tám mươi làm không được!"* Phải biết lời này chính là lời nói tổng quan thiết yếu cho hết thảy những ai học Phật pháp. Các điều ác, những điều thiện đều là từ tâm địa mà luận, chứ không chuyên chỉ về sự thực hành nơi mặt sự tướng mà thôi. Trong tâm địa trọn chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm Phật như thế hơn công đức của người bình thường niệm Phật trăm ngàn vạn ức lần. Muốn được tâm địa "chỉ thiện không ác" thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, phải chú trọng lòng kính, giữ lòng thành như đối diện Phật, trời, mới hòng đạt được! Nếu tâm vừa phóng túng thì các ý niệm không đúng pháp sẽ theo nhau khởi lên.

134. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ hai)

Trong phần giải quyết mối nghi về Quyền, Thật, Tiệm, Đốn của sách Tây Phương Lộ (con đường Tây Phương), trước hết phải giảng rõ bốn chữ Quyền, Thật, Tiệm, Đốn; rồi mới luận đến niệm Phật, tham Thiền là Quyền, hay Thật, là Tiệm hay Đốn thì mới trọn chẳng bị nghi ngờ nghĩa lý! "Quyền" có nghĩa là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh, bày ra phương tiện khéo léo. "Thật" có nghĩa là Phật án theo những nghĩa chính tâm Ngài đã chứng mà nói. "Đốn" là chẳng cần theo thứ tự, thẳng tắt, mau chóng, hễ vượt khỏi liền chứng nhập ngay. "Tiệm" nghĩa là dần dần tu cao lên, chứng nhập theo thứ tự, cần phải tốn nhiều đời nhiều kiếp mới có thể đích thân chứng được Thật Tướng.

Những kẻ tham Thiền nói pháp Tham Thiền chính là pháp *"chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật; do vậy, Thiền là Thật, là Đốn"*; nhưng chẳng biết Tham Thiền dù có đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới chỉ là thấy được vị Phật Lý Tánh sẵn có trong tự tâm. Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì hễ ngộ bèn chứng, tự có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát khỏi tam giới. Từ đấy, thượng cầu, hạ hóa, dùng đó làm nền tảng để trang nghiêm cả phước lẫn huệ. Loại căn tánh này nếu luận trong số những người đại triệt đại ngộ thì cũng phải cả trăm ngàn người mới có được một hai! Nếu căn khí kém hơn, dù có thể diệu

[95] *Bài số 14 và 13 trong Văn Sao, Quyển 3*

ngộ, nhưng Kiến Tư phiền não chưa thể đoạn trừ thì vẫn ở trong tam giới chịu sống, chịu chết. Đã bị sống - chết thì từ ngộ thành mê sẽ nhiều, từ ngộ vào ngộ hiếm lắm!

Do vậy, tuy pháp này là Thật, là Đốn, nhưng nếu không đúng người cũng sẽ chẳng được hưởng lợi ích thật sự nơi Thật, nơi Đốn, vẫn trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi! Vì cớ sao? Do cậy vào tự lực! Nếu tự lực mười phần đầy đủ thì còn may mắn nào hơn! Hễ kém khuyết một chút sẽ chỉ ngộ được Lý Tánh, chẳng thể đích thân chứng được Lý Tánh. Ngày nay, kẻ đại triệt đại ngộ còn khó kiếm được, huống gì người chứng được điều họ đã ngộ!

Một pháp niệm Phật thông trên thấu dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể phê phán bằng giáo lý thông thường. Trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chủng tánh A Tỳ đều nên tu tập (Đây gọi là "thông trên thấu dưới" vậy!) Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thảy chúng sanh liễu sanh thoát tử. Các pháp môn khác bậc thượng căn có thể giải quyết ngay trong một đời này, kẻ hạ căn bao kiếp vẫn khó thành được! Chỉ có mình pháp này, bất luận căn tánh nào, đều vãng sanh Tây Phương, liễu được sanh tử ngay trong đời này. Thẳng chóng như thế đó, há gọi là Tiệm được ư?

Tuy có căn cơ nhưng chẳng phải là loại căn cơ như trong những pháp viên đốn thông thường nên có vẻ giống như Tiệm. Nhưng oai lực của pháp môn này nằm ở chỗ thệ nguyện của Như Lai khiến cho những căn tánh hèn kém mau được đại lợi ích. Lợi ích ấy hoàn toàn do cậy vào Phật từ lực. Phàm những kẻ giảng Thiền, nếu chưa nghiên cứu Tịnh Tông, không ai chẳng miệt thị Tịnh Độ là thiển cận. Nếu nghiên cứu Tịnh Tông sâu xa, ắt sẽ tận tâm kiệt lực hoằng dương, há còn chấp trước vào những biện luận sai lầm Quyền, Thật, Tiệm, Đốn để tự lầm, lầm người nữa ư?

Niệm Phật phải khéo phát tâm, tâm là chủ của sự tu trì. Nếu hợp với Tứ Hoằng Thệ Nguyện thì niệm một câu Phật hiệu, làm một chuyện lành, công đức vô lượng, vô biên. Huống chi ba nghiệp thân - khẩu - ý luôn chú trọng lấy niệm Phật để lợi sanh! Nếu tâm chỉ cầu tự lợi, chẳng muốn lợi người, tuy làm nhiều việc, nhưng đạt được công đức rất ít; huống chi lại đèo thêm ý niệm khuynh loát người, hại người, cũng như cái tâm khoác lác, tự kiêu thì cái tâm niệm Phật, điều thiện đã làm ấy cũng chẳng phải hoàn toàn là không có công đức gì, nhưng thật ra trong trăm ngàn vạn ức phần chỉ đạt được một phần, hay nửa phần, nhưng cái lỗi ác niệm cũng chẳng nhỏ nhoi đâu! Vì vậy, người tu hành đều phải khéo phát tâm, chứ không riêng gì người niệm Phật!

Nếu ước theo Thật Nghĩa rốt ráo để nạn ("nạn" nghĩa là cật vấn) chuyện "lấy - bỏ" thì tức là chẳng biết "rốt ráo không lấy không bỏ" chính là chuyện sau khi

đã thành Phật. Nếu chưa thành Phật thì trong khi ấy, đoạn Hoặc chứng Chân đều thuộc về lấy - bỏ. Đã chấp nhận đoạn Hoặc chứng Chân là lấy - bỏ thì sao không chấp nhận chuyện lấy - bỏ trong việc bỏ Đông, lấy Tây, lìa cấu lấy tịnh? Nếu trong pháp Tham Thiền, lấy - bỏ đều sai, thì trong pháp Niệm Phật lấy - bỏ lại đều là đúng. Bởi một đằng chuyên suy xét Tự Tâm, một đằng kiêm nhờ Phật lực. Những người chẳng xét đến duyên do của pháp môn, lầm lẫn dùng pháp Tham Thiền để phá pháp Niệm Phật, tức là dùng sai ý nghĩa.

Chuyện không lấy - bỏ vốn là Đề Hồ, nhưng người muốn niệm Phật cũng chẳng lấy - bỏ thì lại thành độc dược! Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn, chẳng thể trái nghịch mà cũng chẳng thể cố chấp, chỉ chọn lấy những gì thích nghi sẽ có lợi ích không gì tệ hại! Chỉ mong ông dốc sức trọn hết luân thường, chuyên chí niệm Phật. Nếu còn sức thì đối với cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu v.v… tùy phần tùy sức khuyên dạy, ngõ hầu họ đều cùng được lợi ích nơi Niệm Phật để khỏi uổng dịp gặp gỡ trong kiếp sống này!

135. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ ba)

Phó Đại Sĩ Ngữ Lục[96] sai ngoa không biết bao nhiêu mà kể, lại thêm những bài kệ tụng trong ấy đa phần đề xướng Thiền Tông, sợ ông không đủ học thức,

[96] Tác phẩm gồm bốn quyển, do ngài Lâu Dĩnh triều Đường biên tập kể về hành trạng của Phó Hấp (497-569). Bộ sách này còn có tên là Thiện Huệ Đại Sĩ Ngữ Lục, hoặc Thiện Huệ Đại Sĩ Lục, được xếp vào tập 120 của Vạn Tự Tục Tạng Kinh. Nội dung gồm những pháp ngữ, hành trạng và thi ca do Phó Hấp sáng tác, cũng như những lời vấn đáp về đạo giữa người tham học và Phó Hấp. Nguyên tác phẩm này gồm tám quyển, đến đời năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống, Lâu Chiếu san định, lược bỏ những chỗ rườm rà, sai sót, thâu gọn thành bốn quyển. Phó Hấp (497-569) là một vị tôn túc trong Thiền Tông đời Lương Nam Triều, người huyện Đông Dương (nay thuộc Nghĩa Ô, tỉnh Chiết Giang), tự là Huyền Phong, hiệu là Thiện Huệ. Còn được gọi là Thiện Huệ đại sĩ, Ngư Hành đại sĩ, Phó đại sĩ, Đông Dương đại sĩ v.v… Cùng với ngài Bảo Chí, được đời xưng tụng là "hai vị đại sĩ đời Lương" (Lương đại nhị đại sĩ). Ngài thường cùng người bắt cá, mỗi khi bắt cá bèn bỏ vào giỏ tre, nhúng xuống chỗ nước sâu, bảo: *"Muốn đi thì đi, muốn ở thì ở"*. Người khi ấy cho Ngài là kẻ ngu. Năm mười sáu tuổi, lấy bà Lưu Diệu Quang, sanh được hai con là Phổ Kiến, Phổ Thành. Năm hai mươi bốn tuổi, đang bắt cá bên sông, chợt gặp Hồ Tăng Tung đầu đà (tức tổ Đạt Ma) bèn vứt bỏ đồ bắt cá, vào dựng am ở Tùng Sơn thuộc huyện Ô Thương, tự xưng là Song Lâm Thụ Hạ Đương Lai Giải Thoát Thiện Huệ Đại Sĩ, tự cho biết mình từ trời Đâu Suất xuống giảng kinh thuyết pháp. Ban ngày làm lụng, ban đêm kinh hành, khổ hạnh bảy năm, tự bảo đã đắc Thủ Lăng Nghiêm Định, người theo về học đông dần. Năm Đại Thông thứ sáu (534), đời Lương Võ Đế, ông sai đệ tử dâng lên vua ba thiên sách. Tháng 12 nhuận năm ấy, vua truyền nhập cung, giảng kinh tại Trùng Vân Điện, vua đích thân đến nghe. Mọi người thấy vua đến đều đứng lên, riêng Ngài ngồi im bất động. Quần thần bắt bẻ, Ngài đáp: *"Pháp địa nếu động, hết thảy bất an"*. Tháng Tư năm Đại Đồng nguyên niên (535) lại trở về Tung Sơn. Năm Đại Đồng thứ năm, lại vào Thọ Quang Điện giảng Chân Đế cho vua nghe, dâng bài kệ. Năm Đại Đồng thứ sáu, ngài dựng điện Phật tại Tùng Sơn, xây tháp gạch chín tầng, chép kinh luật hơn ngàn quyển. Năm Đại Đồng thứ bảy, tự xưng là một trong ngàn vị Phật ở Hiền Kiếp. Năm Thái Thanh thứ hai (549) muốn thiêu thân cúng dường Tam Bảo, đệ tử van nài, có đến 19 người xin thiêu thân thế thầy, Ngài bèn thôi. Đồ chúng tại gia của Phó Hấp rất đông, Ngài thường hay suất lãnh đồ chúng thiêu ngón tay đốt cánh tay cúng dường Phật, tổ chức pháp hội tụng Pháp Hoa hai mươi mốt lần, nhiều lần tổ chức Vô Giá Hội. Ngoài ra, Ngài còn có chỗ phát huy độc đáo về giáo thuyết Nhất Tâm Tam Quán của tông Thiên Thai, đề xướng thuyết Tam Quán Nhất Tâm Tứ Vận. Tháng Tư năm Thái Kiến nguyên niên (569) đời Trần, dặn dò đệ tử

nếu không nghi Đại Sĩ nói sai cũng sẽ dựa theo ý kiến của chính mình hiểu lầm ý Ngài thì tội lỗi vô lượng. Hãy nên đưa cho bậc thông gia coi, còn ông ngàn vạn lần chớ nên xem! Nếu muốn coi thì đợi đến năm sau, Hưng Từ pháp sư khắc ván in lần thứ hai xong, mới lại thỉnh về coi. Thoạt đầu, Hưng Từ pháp sư được bản này bèn giám định, khắc bản; năm ngoái gởi cho Quang một bộ. Quang lắng lòng giảo chánh, khuyên thầy ấy khắc bản khác. Thầy ấy định năm sau mới in, bản này đáng nên đọc kỹ nhiều lần.

Sách Hộ Pháp Lục[97] rất hay, nhưng không chuyên chú Tịnh Độ, những chỗ sách ấy bàn về Thiền chớ nên hiểu sai, nhưng đọc đến lời hay hạnh đẹp của bậc cao Tăng sẽ trưởng dưỡng thiện căn. Đối với Vãng Sanh Luận Chú[98] nên chiếu theo những gì Quang đã chỉ bày, có chiếu theo được hay chưa? Cuốn sách này cả văn lẫn lý đều thật tuyệt, hãy nên đọc kỹ.

Cái tâm vọng tưởng của ông ngập trời trùm đất, không biết lắng lòng niệm Phật, có thể nói là "hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang". Học Phật như thế rất khó được lợi ích thật sự! Mạnh Tử nói: *"Đạo học vấn chẳng có gì khác, cầu sao buông được cái tâm mà thôi!"* Ông học Phật mà chẳng biết lắng lòng niệm Phật, đối với Nho Giáo còn chưa thật sự tuân thủ, huống gì đối với Phật giáo là pháp thật sự lắng lòng ư? Quán Thế Âm Bồ Tát xoay trở lại nghe nơi Tự Tánh, Đại Thế Chí Bồ Tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, kinh Kim Cang không trụ vào đâu để sanh tâm, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí, cho đến vạn hạnh; Tâm Kinh *"soi thấy năm Uẩn đều không"* đều nhằm dạy cho con người diệu pháp "từ cảnh biết được tâm" vậy. Nếu cứ một mực muốn xem rộng khắp hết thảy thì sẽ không có lợi ích gì. Hễ nghiệp chướng chưa tiêu, sẽ chưa đạt lợi ích ấy, mà trước hết còn bị mắc bệnh!

136. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tư)

Những sách của ngài Vĩnh Minh có sách nào không hợp? Ông hãy nên nghiêm túc niệm Phật. Một cuốn sách Tịnh Độ Thập Yếu xem nhiều lần là đủ rồi, những thứ khác đợi đến khi nào tài trí có thừa hãy thỉnh về mà đọc cũng chẳng trễ tràng đâu! Niềm vui niệm Phật chỉ người thật sự niệm Phật tự biết,

---

xong, Ngài ngồi kiết già tịch diệt. Đệ tử làm lễ trà-tỳ trên đảnh núi Song Lâm, đặt hiệu cho thầy là Di Lặc Hạ Sanh. Những trước tác của Ngài gồm có Vương Tâm Minh, Ngữ Lục bốn quyển, Hoàn Nguyên Thi v.v…

[97] Hộ Pháp Lục gồm mười quyển, do ngài Tống Liêm soạn vào đời Minh, Tiền Ích Khiêm giảo đính. Tống Liêm đã từng đọc hết Đại Tạng Kinh ba lần, là một bậc thâm nho đa văn. Tác phẩm này bao gồm những bài nói về hộ trì Tam Bảo trích từ cuốn Kim Hoa Văn Tập của chính ông, kèm thêm những bài minh, bài bia, bài ký, bài tựa, cáo, tán, tụng, kệ, thuyết, đề bạt do ông ta soạn.

[98] Tác phẩm gồm hai quyển do ngài Đàm Loan thời Bắc Ngụy soạn, nhằm chú giải bộ Vãng Sanh Luận của ngài Thế Thân soạn. Bộ luận này nguyên mang tên là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Ba Đề Xá Nguyện Sanh Kệ.

nhưng cần phải chí thành khẩn thiết, nhiếp tâm mà niệm, chẳng được chấp trước cảnh tướng bên ngoài. Nếu không, tâm địa chẳng thông, quán đạo chẳng rành, ma cảnh hiện tiền cũng chẳng hiểu rõ thì tệ lắm! Hãy nhớ lấy, nhớ lấy nhé!

Nay những người thật sự hoằng dương Tịnh Độ thật khó có ai. Nếu đổi ý niệm "tham học với khắp các tri thức" thành "nhất tâm niệm Phật" thì lợi ích lớn lao lắm! Nếu không, sẽ thành ra nhọc nhằn, bôn ba mà thôi! Nên thỉnh giáo nhiều ở chỗ Đế Pháp Sư (ngài Đế Nhàn), những người khác Quang không biết. An Sĩ Toàn Thư đứng đầu các thiện thư xưa nay, hãy nên khắc in phổ biến lưu truyền, nhờ đó vãn hồi thế đạo nhân tâm. May là cư sĩ Vưu Tích Âm đã cực lực chuyên lo quảng cáo, khuyên khắp mọi người in tặng, nhân đó cho làm ra bốn khuôn in, tính in hai mươi, ba mươi vạn bộ, ngõ hầu những chỗ quan trọng thuộc hai ngàn bốn mươi mốt huyện trong toàn quốc và những người quan trọng đều được xem đến, về sau sẽ càng lưu thông phổ biến xa rộng hơn nữa. Nhưng thành sự tại trời, chẳng cần phải tính trước, chỉ lấy chuyện cứu quốc cứu dân làm trọng, tận lực mà làm đó thôi!

Niệm Phật chẳng thể thuần nhất thì phải chế ngự tâm chẳng cho nó đuổi theo bên ngoài, lâu dần sẽ tự có thể thuần nhất. "Thành phiến" là thuần nhất không tạp. Đại trượng phu nếu như văn chương trùm lấp thiên hạ, công nghiệp rền vang vũ trụ, nhưng không thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử là vì chấp vào cái bên ngoài, bỏ phế cái bên trong, chấp vào cái ngọn hữu vi, bỏ sót cái gốc vô vi. Người thế gian ai có thể vẹn toàn mọi điều, chúng ta chỉ giữ lấy chuyện trọn hết luân thường, tận lực tu Tịnh nghiệp mà thôi! Cần gì phải tính toán chi khác nữa!

137. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ năm)

Lúc niệm Phật, ai nấy hãy cốt sao thích hợp với mình. Nay niệm Phật đường trong các tùng lâm đều trước hết niệm kinh Di Đà, tụng kinh xong, niệm chú Vãng Sanh ba biến hoặc một biến, sau đó mới cử bài kệ tán Phật, niệm kệ xong, niệm tiếp *"nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật"*, liền vừa đi nhiễu vừa niệm. Phải đi nhiễu từ Đông qua Nam, qua Tây rồi lên Bắc. Đó là thuận chiều, là tùy hỷ. Nhiễu theo chiều thuận có công đức, Tây Vực coi trọng nhất là đi nhiễu quanh. Phương này (Trung Hoa) cũng thực hiện chuyện đi nhiễu cùng với lễ bái. Nếu đi từ Đông sang Bắc, đến Tây, đến Nam là đi nhiễu ngược chiều, có tội lỗi, chẳng thể không biết. Nhiễu niệm một nửa [thời gian] rồi ngồi niệm thầm ước chừng một khắc, lại niệm ra tiếng. Niệm xong lại quỳ niệm Phật mười tiếng, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lượt. Sau đó, niệm bài văn phát nguyện. Người tại gia

sợ rằng thất nhỏ khó đi nhiễu thì đứng, quỳ, ngồi niệm, đều án theo tinh thần mà định, đúng là chẳng cần cậy người khác lập pháp tắc cho mình.

Niệm nhưng không niệm, vô niệm mà niệm, niệm đến lúc tương ứng thì tuy thường niệm Phật, nhưng trọn chẳng có tướng khởi tâm động niệm (trước lúc tương ứng, chẳng khởi tâm động niệm để niệm thì sẽ không có niệm). Tuy chẳng khởi tâm động niệm, nhưng một câu Phật hiệu thường luôn xưng niệm, hoặc ức niệm, vì thế nói *"niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*. Chớ hiểu *"vô niệm"* là không niệm, *"vô niệm mà niệm"* nghĩa là không có cái tướng khởi tâm động niệm để niệm, nhưng vẫn niệm niệm không gián đoạn, cảnh giới này thật chẳng dễ đạt được, chớ có hiểu sai! Pháp quán tưởng tuy hay, nhưng phải biết rõ tượng Phật ta thấy được vốn thuộc về duy tâm sở hiện. Nếu cho đó là cảnh bên ngoài sẽ rất có thể bị ma dựa phát cuồng, không thể không biết [điều này]. *"Duy tâm sở hiện"* là tuy những hình tướng ấy rành rành phân minh, nhưng quả thật chẳng phải là vật cụ thể. Nếu nghĩ là cảnh bên ngoài, coi nó là thật có thì liền thành ma cảnh. Nhắm mắt hay mở mắt cứ thuận tiện là được!

Kiêm trì thánh hiệu Quán Thế Âm đáng là pháp để nương tựa, hết thảy mọi người đều nên tu như thế. Lúc làm lụng chẳng thể *"niệm đâu chú tâm vào đó"* là vì chưa đạt đến cảnh giới nhất tâm bất loạn nên tâm không thể dùng vào hai việc cùng một lúc được, khó tránh khỏi bị gián đoạn. Nếu có thể thường giữ được sự giác chiếu thì không trở ngại gì. Con người ai nấy nên tuân thủ bổn phận, ông trên còn có bà nội, có cha mẹ, dưới có em nhỏ, vợ con, nhưng công việc cực nhàn, dễ dàng tu trì nhất, chẳng thể chân thật, khẩn thiết dụng công trong cảnh ấy lại vọng động mong muốn xuất gia tu hành. Nếu xuất gia thì ông có được cơ duyên tốt như thế để chuyên tâm tu đạo hay chăng? Ông chẳng biết xuất gia có công chuyện xuất gia, ai mà có thể việc gì cũng chẳng cần phải ngó ngàng tới? Ngay như Quang trọn chẳng có chuyện gì mà cũng gần như bận bịu quanh năm, chẳng rảnh rỗi để chuyên tâm niệm Phật, huống gì những người khác? Mong hãy tùy phận, tùy lực tu trì, chớ mong tưởng chuyện ngoài bổn phận thì may mắn lắm!

138. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ sáu)

Người tu hành phải lắng lòng tịnh dưỡng. Ông tên là Tịnh Am, sao chẳng nghĩ đến ý nghĩa của cái tên ấy, cứ một mực vô sự bày ra chuyện, khiến cho hết thảy mọi người chán nhàm, tự mình bụng dạ chương phềnh, chóng mặt, mệt trí, lại chẳng biết tự giữ sức khỏe, đến nỗi thổ huyết. Nhẹ thì sẽ thành bệnh dây dưa, nếu nặng thì ắt đến nỗi tổn mạng, đâm ra khiến cho người ta nói: "Ông học Phật tu hành chẳng những vô ích mà còn bị tổn hại". Từ đó, những kẻ vô tri bèn chê Phật pháp sai trái; nhân đấy, phỉ báng, ngăn trở, đoạn mất thiện căn của

người, chứ họ đâu biết là vì ông chẳng y theo lời Phật dạy để tu hành nên mới bị như thế. Ông phải tự biết tốt - xấu!

Tu hành chuyện gì phải tận hết sức mình, ngầm tu thầm khế hợp thì mới nên. Bệnh của ông là do chính ông tự chuốc lấy, nói gì bây giờ? Hãy gấp gáp sửa lỗi, nhiếp tâm niệm Phật, ngay cả kinh cũng tạm thời chẳng nên xem. Một hai tháng sau bèn được phục hồi. Nếu không, bèn tuyệt giao, ngày sau gặp nhau, đối đãi với nhau như người đi trên đường thấy nhau mà thôi!

139. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ bảy)

Danh để biểu thị cái thực, có danh có thực cũng chẳng lấy làm vinh, vì sao? Vì thuộc về bổn phận. Không có thật mà được danh thì còn gì nhục bằng! Huống hồ muốn phô trương dấy động cho người ta nghe biết, ắt phải đăng trên khắp báo chí. Kẻ nào phô phang như thế, ắt phải nghi ngờ, đoán định kẻ ấy là kẻ dối đời trộm danh vậy. Ông chỉ biết một, chẳng biết đến hai, do vậy không thể không bảo rõ một lần nữa. Ông tín tâm khá sâu, nhưng ưa phô phang, ham giao du, ham kết giao, quả thật là đại chướng ngại cho việc tu hành. Ông mới hơn hai mươi tuổi mà đã kết giao như thế, sau này lúc học Phật thông suốt rồi, suốt ngày sẽ chẳng thể rảnh rỗi! Mong ông hãy náu mình ẩn tiếng, ắt được lợi ích vô lượng. Hãy coi chừng!

140. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tám)

Đã nhiều lần răn nhắc ông nên náu mình, kín tiếng, nhất tâm niệm Phật, nhưng rốt cuộc vẫn không chịu buông xuống thói quen phô phang, Hiển Ấm đã đem bản thảo ghi những chuyện đã biết cho đăng trên tờ Hải Triều Âm, đó đã là chuyện không thông hiểu sự việc, ông lại lấy làm đắc ý, chẳng phải là cũng chỉ nhằm cầu danh hay sao? Việc quyên góp in Ấn Quang Văn Sao nên dừng lại, vì chưa phải là lúc ông nên làm chuyện đó. Hãy nên lắng lòng niệm Phật, đừng cầu đọc rộng khắp. Lệnh nội[99] đã phát tâm quy y, tôi bèn đặt pháp danh là Khế Tịnh. Tên ấy có nghĩa là tuy hiện thời chưa có công phu, nhưng đến lúc rảnh sẽ hành. Những câu hỏi trong phần sau của thư ông quả thật đều là những chuyện thiết yếu, chỉ vì ông chẳng lắng lòng niệm Phật nên vẫn ngẩn ngơ chẳng biết đi về đâu. Ông hãy nên nghiêm túc niệm Phật, lâu dần ắt tự biết, không cần ai bảo cho nữa! Lệnh nội đã quy y, nên khiến cho bà ta tâm y theo lời Phật, trừ khử tập khí nữ nhân, ngõ hầu được đại lợi ích. Y theo lời Phật chính là nương vào Tứ Hoằng Thệ Nguyện, và đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện.

[99] Lệnh nội: Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng vợ người khác.

Tuy chưa phải là bổn phận của bà ta, nhưng cố nhiên phải nên phát cái tâm lợi mình lợi người. Trừ khử tập khí nữ nhân, đừng chăm chút trang điểm, đừng ôm lòng dua vạy. Đối với người trưởng thượng, hoặc kẻ ngang hàng đều tận hiếu, tận tình hòa thuận. Như thế mới chẳng thẹn là đệ tử Phật vậy!

141. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ chín)

Tiện Mông Sao[100] là tác phẩm được soạn bởi Mộ Liên pháp sư ở núi Hồng Loa vào năm cuối triều Đạo Quang, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận đặc biệt mượn giọng điệu của Ngài để phát khởi. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), ông Địch Sở Thanh gởi thư bảo tôi viết bài luận ấy để đóng góp tài liệu cho Phật Học Tùng Báo. Quang trước đó đã không muốn dùng cái tên Ấn Quang, nên bèn mượn tên ngài. Dưới tựa đề ghi rằng *"Di cảo của Hồng Loa Sơn Mộ Liên pháp sư, Vân Thủy Tăng Thường Tàm[101] sao chép"; đến khi gởi cho ông Mạnh Do thì đề là "mượn khẩu khí của Mộ Liên pháp sư ở Hồng Loa"*. Khi ông Úy Như ấn hành, cả hai thứ tiêu đề ấy đều bị lược bỏ mất, nên ông mới nghi Ấn Quang đã từng soạn sách ấy; trước kia đã hỏi, nay trình bày rõ.

Tâm vốn không có hình tượng, nhưng sâm la vạn tượng đều do tâm hiện. Tâm vốn không có pháp (pháp là sự, phàm những gì có thể gọi tên đều gọi chung là "pháp"), nhưng hết thảy các pháp đều do tâm hiển hiện. Vì thế, mới nói: *"Không có hình tượng nhưng là chủ của muôn hình tượng, không có pháp nhưng là tông của các pháp" (*Tông có nghĩa là quy thú (hướng về), như sông ngòi chảy xuôi về biển. Tông lại có nghĩa là chủ thể, bởi các pháp không pháp nào chẳng lấy tâm làm thể vậy), chúng sanh và Phật đồng thể, nào có sai biệt! Nếu sai biệt sao gọi là "đồng" được! Ông lẫn lộn Tướng, Dụng với Thể, nên mới hỏi câu ấy.

Chúng sanh và Phật về Thể vốn không hai, chỗ bất đồng chính là mê - ngộ, thuận - nghịch nơi Tướng và Dụng của Thể. Chúng sanh mê nghịch đối với Thể, còn Phật, Bồ Tát ngộ thuận theo Thể. Mê - ngộ, thuận - nghịch nơi Tướng và Dụng bèn thành khác biệt một trời một vực. Ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng, hãy nên xem Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm sẽ tự biết. Trong bộ Văn Sao của Quang chỗ nào cũng nói đến [điều này], sao chẳng lãnh hội? Về bốn cõi của Cực Lạc thì kẻ đới nghiệp vãng sanh sống trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, người đã đoạn Kiến Tư Hoặc sống trong Phương Tiện Độ, người phá được vô minh sống trong cõi Thật Báo. Người đoạn sạch vô minh sống trong cõi Tịch Quang.

---

[100] Tức cuốn Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Tiện Mông Sao của Đạt Mặc pháp sư (chỉ biết Sư có hiệu là Mộ Liên, chưa rõ sự tích). Tác phẩm này nhằm chú giải đại lược cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải của tổ Ngẫu Ích. Tác phẩm này nằm trong Vạn Tục Tạng, mang số thứ tự 875, tập 91.

[101] Thường Tàm (thường hổ thẹn) là một biệt hiệu khác của Tổ Ấn Quang.

Thêm nữa, cõi Thật Báo là ước trên quả báo cảm được mà nói. Tịch Quang là ước trên lý tánh chứng được mà nói, vốn cùng là một cõi, nhưng giảng như thế để cho người ta dễ hiểu. Do vậy, kẻ phần chứng thuộc về Thật Báo, còn người mãn chứng thuộc về Tịch Quang, chứ thật ra trong hai cõi đều có phần chứng và mãn chứng. Trong Văn Sao cũng nói cặn kẽ điều này. Cõi Đồng Cư tuy có đủ ba cõi kia, nhưng người chưa đoạn Hoặc chỉ thọ dụng được cảnh của Đồng Cư. Tuy là người đới nghiệp vãng sanh nhưng chẳng thể gọi là phàm phu vì họ đã đều đắc ba thứ Bất Thoái. Đây chính là lý luận thông thường, muốn so sánh với sở chứng của người được vãng sanh Cực Lạc thì cứ đọc kỹ sẽ tự biết.

Sự Trì là tin có Phật A Di Đà ở Tây Phương, tuy chưa đạt *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*, nhưng quyết chí cầu sanh như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Đây là chưa đạt lý tánh nhưng chỉ tu trì theo mặt Sự. Lý Trì là tin Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn có đủ, do tâm ta tạo. *"Tâm có đủ"* nghĩa là tâm ta vốn sẵn đủ lý ấy. "Tâm tạo" là nương vào lý "tâm có đủ" ấy để khởi tu, thì lý ấy mới hiển hiện. Do vậy, gọi là "tạo". "Tâm đầy đủ" chính là Lý Thể, "tâm tạo" chính là Sự Tu. "Tâm đầy đủ" chính là "tâm này là Phật"; "tâm tạo" chính là "tâm này làm Phật". "Tâm này làm Phật" bèn xứng tánh khởi tu; "tâm này là Phật" bèn toàn tu nơi tánh. Tu đức hữu công, tánh đức mới hiển. Tuy ngộ lý nhưng vẫn chẳng phế sự thì mới là chân tu. Nếu không, bèn rớt vào tri kiến cuồng vọng chấp lý phế sự! Do vậy, mới nói: *"Dùng cái hồng danh tự tâm sẵn đủ, do tâm tạo ra, để buộc tâm nơi cảnh, chẳng để cho tạm quên mất"*. Giải pháp này thiên cổ chưa từng có, quả thật là khế lý lẫn khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải là bậc Pháp Thân đại sĩ, ai có thể đạt đến điều này?

Vì Sự Trì dẫu chưa ngộ Lý nhưng há có thể ra ngoài Lý được ư? Bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm. Hễ đã ngộ thì Sự chính là Lý, há nào phải cái Lý được ngộ chẳng nằm trong Sự? Lý chẳng lìa Sự, Sự chẳng lìa Lý, Lý - Sự vô nhị! Như thân và tâm con người, cả hai thứ cùng sử dụng một lúc, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm đây kia tách rời nhau, người đã đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng không được! Còn tri kiến cuồng vọng chấp Lý phế Sự thì chẳng thể dung hợp được. Toàn chân thành vọng, toàn bộ vọng chính là chân, do giống như toàn thể nước biến thành sóng, toàn thể sóng chính là nước. Nước là tướng tịnh, sóng là tướng động. Động - tịnh tuy khác, tánh ướt vốn đồng. Suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến; suốt ngày bất biến nhưng suốt ngày tùy duyên.

Giống như hư không trọn chẳng có các tướng, nhưng mây đùn bèn tối, mặt trời chiếu bèn sáng tỏ. Bụi do gió thổi dậy nên bẩn thỉu, bụi do mưa gột bèn sạch sẽ. Hư không là bất biến, chẳng ngại tùy thuận các duyên, thành ra sáng - tối, trong - đục. Tuy là sáng - tối, trong - đục khác nhau, nhưng bản thể của hư không trọn chẳng biến đổi. Hiểu rõ điều này sẽ tùy thuận cái duyên ngộ tịnh để

tạo cõi Phật sẵn có trong tự tâm, bỏ cái duyên mê nhiễm để diệt sáu cõi và tam giới huyễn hiện trong chính cái tâm này (đây chính là ước theo mười pháp giới mà nói, nên bảo lục đạo là sáu cõi và tam thừa là ba cõi, chớ nên hiểu lầm!) Tâm này trọn khắp thường hằng, hệt như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước; ví như hư không bị vật ngăn ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng vậy. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chính là chấp trước vọng hiện, há nào phải hư không thật sự bị vật chướng ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thể thường hằng! Do vậy, cái tâm phàm phu và cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì nhau. Có khác là vì phàm phu mê nhiễm nên thành ra như vậy, chứ không phải tâm thể vốn có biến đổi!

Tịnh Độ của Phật Di Đà hoàn toàn ở trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta sẵn có Phật Di Đà. Đã là tâm ta sẵn có thì cố nhiên phải nên thường niệm. Đã có thể thường niệm thì sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức hữu công, tánh đức mới hiển hiện. Sự - Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai; do vậy, nói*: "Dùng cái tâm sẵn có Phật của ta để niệm đức Phật tâm ta sẵn có, lẽ đâu đức Phật sẵn có trong tâm ta lại chẳng ứng với cái tâm ta sẵn có Phật?"* Những điều đã nói đến trong phần sau của thư ông viết đều là vì chẳng hiểu: Thật sự chẳng có tự tướng, thuận theo mê nhiễm nên cái Thể ấy biến thành vọng. Vọng vốn không có tự tánh, bởi lẽ bản thể của mê nhiễm vốn là chân. Hai câu *"suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến"* và *"suốt ngày bất biến, suốt ngày tùy duyên"* soi rọi lẫn nhau, tán trợ lẫn nhau. Do tâm ông không có chánh trí nên nghi hai điều ấy là mâu thuẫn. Niệm Phật xong, bèn khởi [ý niệm] ta - người chính là tự sanh chướng ngại. Phàm người hành đạo Bồ Tát, phải phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Nếu có được cái tâm Tứ Hoằng Thệ Nguyện thì dù cảnh ta - người có phát, trong tâm địa rốt cuộc vẫn chẳng khởi chấp trước ta - người. Khởi ta - người đều là do tâm trụ vào tướng, chẳng biết ý chỉ vi diệu *"tâm Bồ Tát không trụ vào đâu, hành lục độ vạn hạnh, thượng cầu hạ hóa"*. Những điều vừa nói trên đây nếu tự lãnh hội được thì tốt; nếu như không thể lãnh hội thì cứ lắng lòng niệm Phật đến lúc nghiệp tiêu trí rạng, sẽ tự hiểu biết rõ ràng, chẳng cần phải chuyên chú hỏi ai khác nữa!

142. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười)

Pháp danh của lệnh ái[102] nên đặt là Phước Trinh. Trinh là chánh, là gốc đức hạnh của phụ nữ. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật khiến cho phiền não Hoặc nghiệp tiêu diệt hết sạch, công đức, trí huệ triệt để phơi bày toàn thể, cũng như đức hạnh trinh lương của người nữ không bị bên ngoài làm nhiễm, chánh đáng nghiễm nhiên tự lập. Vì thế, kinh Dịch nói: *"Trinh giả, sự chi cán dã"* (Trinh là

[102] Lệnh ái: Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng con gái người khác.

cái cốt lõi của sự). *"Cán"* chính là cái thân chánh của cây cối. Vì thế, người tu hành đạt được chánh thân Bồ Đề, thì đạo nghiệp sẽ tự thành tựu, tự được trọn đủ phước huệ. Tuy đứa bé chưa thể đạt được như vậy, nhưng mong mỏi như thế nên đặt tên như vậy đó, mong nó sẽ nghĩ đến ý nghĩa của cái tên rồi cuối cùng cũng đạt được như vậy thì sau này sẽ là vợ hiền của người ta, là mẹ hiền của người ta, giúp chồng thành tựu đức hạnh, dạy con cái từ khi còn đang mang thai, vẻ vang nào hơn? Lệnh nội đã quy y, nên siêng năng tu trì, chớ để hữu danh vô thật, thì may mắn lắm! Kinh lướt qua mắt tức là đã duyệt rồi, chớ nên xem rồi vướng mắc vào đó. Nếu có cần xem thì cũng mong nên xem ít, chỉ lấy việc niệm Phật để đối trị tập khí, tiêu nghiệp làm trọng. Nghiệp tiêu rồi thì hễ xem sách, vừa đọc liền lãnh hội được chỗ mầu nhiệm. Đây là ước theo sự đạt được diệu pháp mà luận. Người đời nay căn tánh hèn kém, xem nhiều sẽ lan man, không nơi nương tựa, tâm tình lắm mối phân vân, khó thể tương ứng được!

143. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười một)

Hai lần bão lốc, các xứ bị tai ương, Phổ Đà cũng thế. Ấy là do chúng sanh đồng phận ác nghiệp chiêu cảm mà ra. Chẳng biết quý trạch[103] phòng ốc ra sao? Cư Khoa đang độ tuổi tráng niên, phong thái thuần hậu, đáng làm pháp khí nhập đạo. Quang vì người khác trọn chẳng chấp trước. Ai trước đó nghĩ Quang đáng tin tưởng được bèn chẳng ngại kết giao, sau cho rằng Quang chẳng thể tin được bèn chẳng ngại tuyệt giao. Đến - đi mặc người, tôi vốn không để tâm đến chuyện kết giao hay cự tuyệt. Người khác dạy người đa phần chú trọng dốc sức nơi chỗ huyền diệu, còn Quang dạy người đa phần phát huy ý chỉ *"tận hết bổn phận"*. Nếu chẳng thể tận hết bổn phận thì dù có thấu triệt tận nguồn tột đáy mọi sự trong Thiền, trong Giáo, cũng chỉ thành một kẻ khiến cho tam thế chư Phật bị oan mà thôi! Huống chi còn có sự chưa thể tột nguồn thấu đáy ư!

Cư Quân đã đến núi này rồi, cần gì tháng Bảy lại phải lên đây? Qua lại nhiều lượt, lộ phí tiêu dùng tốn kém biết là bao nhiêu! Xin đừng tới nữa! Nếu có nghi vấn thì đã có cư sĩ Hiển Vi rồi! Nếu muốn hỏi Quang thì bưu điện là tiện lợi nhất, cần gì lại phải lên đây, làm chuyện vô ích khiến hại đến sự hữu ích! Nay vì Cư Quân đặt pháp danh là Khế Tâm. Vì ông ta tên là Bỉnh Bàn, tự Thấu Am. Nếu tâm ông ta quả thật ngay thẳng, kiên cố, chẳng động như "bàn thạch" (đá tảng), lại còn "thấu đãng" (gột rửa sạch) những chất nhơ bên ngoài thì bổn thể của cái tâm sẽ tự hiển hiện. Chữ Tâm chỉ cho chân tâm thường trụ, chứ không phải là cái tâm tùy duyên khởi lên tập khí. Tâm tập khí chính là tình nhiễm, chứ không phải là bổn thể!

[103] Quý trạch: danh xưng hoa mỹ để chỉ nhà của người khác.

144. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười hai)

(răn đừng in [danh hiệu Phật, Bồ Tát] lên vải bọc đệm quỳ lễ[104])

Đương gia[105] của hạ viện đem thơ Nhậm Niên gởi đến và gói hàng giao cho Quang, mới biết vải trơn được gởi tới là nhờ Nhậm Niên in. Chuyện này tội lỗi đến cùng cực, đem danh hiệu của Bồ Tát [in trên vải] làm đệm quỳ để lễ, thuộc vào cái tội khinh nhờn đến cùng cực. Huống chi có chỗ dùng vải ấy để bọc đệm ngồi. Năm Quang Tự thứ hai mươi (1894), ở Phổ Đà tôi đã từng trông thấy. Năm Quang Tự hai mươi mốt (1895) ở chùa A Dục Vương, tôi lại thấy, thật là quái dị. Tôi bảo cùng điện chủ điện Xá Lợi, ông ta bảo: "Đấy là tập quán của vùng Ninh Ba". Tự thẹn mình không có sức để cứu vãn thói ác đấy. Nếu như Quang là chủ nhân một phương, ắt sẽ đi khắp chốn nói rõ lỗi hại của chuyện này, ngõ hầu những ai có tín tâm chỉ được lợi ích chứ không bị tổn hại. Người gởi đã là bà con rất thân của ông, sao không thuật rõ tội phước, mong ông ta chỉ dùng vải trơn để làm đệm quỳ lễ, một là chẳng làm bẩn vải, hai là chỉ được lợi ích không bị tổn hại. Vậy mới là có ích cho ông ta, có nên theo thói tục im lặng chăng? Hãy thay tôi thỉnh cầu ông ta! An Sĩ Toàn Thư in chữ ở cuối sách (bìa sau) ông còn chịu nói đến tội lỗi, thế mà cái lỗi này còn lớn gấp trăm ngàn vạn lần lỗi kia! Hãy nên bảo tường tận cùng hết thảy những người tín tâm.

Ấn ở chùa A Dục Vương đã hư nát chẳng thành dạng chữ nữa (Đây chính là cái ấn mà Quang đã thấy trong năm Quang Tự hai mươi mốt), quả thật là ấn chân thân xá-lợi bảo tháp của Thích Ca Như Lai. Phổ Đà có mấy cái ấn, ấn vàng, ấn ngọc chùa Pháp Vũ, đều là Quán Âm bảo ấn sắc tứ kiến tạo Nam Hải Pháp Vũ thiền tự. Trong cõi tục, nếu con cháu đem tên tuổi tổ phụ in trên đệm quỳ lễ, ắt bị quở là ngỗ nghịch, huống hồ danh hiệu của Phật, Bồ Tát, đại thánh nhân ư? Hãy nên tự đối trước kẻ thân tín, khuyên họ chớ làm như thế, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, truyền ngàn, truyền vạn, há chẳng thể diệt được thói ác ấy hay sao? Phàm mọi chuyện đều do một người đề xướng, mọi người hùa theo bèn thành tục lệ, há riêng mình chuyện phản tà quy chánh là chẳng giống như vậy ư?

[104] Nguyên văn là "khấp đầu bố" (vải để rập đầu). Đây chính là loại vải dùng để bọc những cái tọa ỷ để người ta quỳ làm lễ, hay những cái đệm để áp đầu vào khi làm lễ.

[105] Đương gia: Theo nghĩa thông thường, đương gia là người lãnh trách nhiệm quản trị sự vụ chánh yếu trong một gia đình. Trong tùng lâm có thể hiểu là vị Tăng đảm lãnh trách nhiệm trị sự trong chùa. Chùa ở trên núi chia làm nhiều khu vực nên mới có thượng viện, hạ viện.

145. Thư gởi đốc quân[106] Trần Bá Sanh ở Thiểm Tây

Quang là một ông Tăng tầm thường, trọn không có hành trạng tốt đẹp nào. Tuy xuất gia đã bốn mươi mốt năm, lìa khỏi đất Tần[107] ba mươi sáu năm, nhưng đạo nghiệp vẫn chưa thành, không mặt mũi nào để gặp người cùng quê cũ, còn dám cho phép mình quay về nữa ư? Năm ngoái được lọt mắt xanh của các hạ, khiến cho Định Huệ hòa thượng sai Quang về đất Tần hoằng dương pháp hóa. Quang tuy cảm cái tâm chẳng chê bỏ, nhưng quả thật chẳng có tài đức đảm đương trách nhiệm ấy. Do vậy, lấy cái nguyện đã lập ban đầu *"nếu đạo nghiệp chưa thành, dù chết già nơi đất khách trọn chẳng quay lại đất Tần"* để từ tạ. Các hạ gương sáng treo cao, ắt sẽ thể tình lượng thứ cho. Kẻ bất tiếu[108] như Quang còn được từ ái chấp thuận như thế, đủ thấy cái tâm tôn trọng đức hạnh, thích đạo, vì pháp vì dân của các hạ. Mùa Xuân năm nay, Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán có xuất bản bộ Ấn Quang Văn Sao, riêng gởi đến ngài năm bộ để đáp tạ lòng yêu thương nồng hậu.

Người dân đất Tần đáng gọi là lương thiện. Thói đời ngày càng biến đổi, pháp luật bỏ phế, những phường du thủ du thực bại hoại bèn mặc sức hoành hành, cấu kết với những kẻ bại hoại nơi địa phương cướp đoạt hương thôn, thê thảm chẳng nỡ nghe. Trong mấy năm gần đây, có người từ đất Tần đến cho biết tình trạng hiện thời của đất Tần, không thể không ứa lệ nghẹn ngào. Bởi thổ phỉ xông đến gặp ai dư giả đôi chút bèn nung nướng, kềm kẹp, không chuyện gì chẳng làm, miễn sao người ta phải dâng sạch những gì đã tích cóp mới thôi. Người ta không chịu nổi khổ, ắt phải hiến sạch. Nhưng người đã bị hành hạ kiểu ấy, dẫu chưa chết ngay khi ấy cũng khó sống lâu được. Có nhiều nhà giàu đều phải đào sâu ba thước đất, phàm hầm lò tường vách đều bị hủy hoại để tìm chỗ chôn vàng. Thói cướp đoạt hung tàn quá mức ấy quả là từ ngàn xưa chưa từng nghe nói đến. Do quan phủ chẳng ngăn chặn được, trăm họ không biết kêu vào đâu, thật giống như ở mãi trong địa ngục, trọn chẳng có kỳ ra. Đấy là bọn thổ phỉ lớn. Còn bè lũ thổ phỉ nhỏ, tuy ít người hơn, nhưng cũng tàn khốc y hệt như thế. Chúng thường đến cướp vào ban đêm, nên mỗi khi nghe tin tức ấy, lúc trời sắp tối, mọi người đưa phụ nữ ra ngoài thôn trước hoặc cho ẩn vào đồng lúa, rừng cây, hoặc nơi mồ mả, dù mưa gió, tuyết, sương, cũng chẳng dám về. Trẻ con kêu khóc bèn dùng đồ vật nhét vào miệng, thường có đứa bị nghẹt thở chết luôn. Đàn ông thường núp ở trong nhà, thổ phỉ kéo qua như lửa cháy rụi,

---

[106] Đốc quân: Cấp chỉ huy quân sự cao nhất của một tỉnh sau cách mạng Tân Hợi (1911) trước khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được thành lập.

[107] Tỉnh Thiểm Tây là lãnh thổ nước Tần thời Xuân Thu Chiến Quốc nên người ta thường quen gọi Thiểm Tây là Tần.

[108] Bất tiếu: kẻ không xứng đáng, không nối nghiệp tổ tiên được, không xứng với ông bà cha mẹ, trò không xứng với thầy thì gọi là "bất tiếu".

không còn vật gì sống sót được. Tình trạng khổ sở ấy nói chẳng thể hết nổi, còn chẳng biết rốt cục sẽ ra sao?

Các hạ tuy ở đất Tần, nhưng quả thật chưa nghe [những chuyện ấy], bởi đi thì có quân lính ủng hộ, ở thì có lính bảo vệ, chưa từng đích thân đi thăm hỏi, xem xét; trăm họ cũng khó kêu nài, nên không cách chi biết được! Do vậy, phàm những kẻ có của ăn của để đều bỏ đi nơi khác, đều phải bỏ quê cha đất tổ, trốn tránh sang đất khách quê người. Những người trốn sang Thượng Hải không biết là bao nhiêu, huống chi các xứ khác! Chỉ một nạn thổ phỉ đã khó chịu đựng nổi, lại thêm quân Tĩnh Quốc[109] đánh nhau nhiều năm, đội quân ấy đi đến đâu cướp bóc tràn lan, còn nói gì được nữa! Ô hô! Người xứ Tần do tội gì mà phải mắc hung hiểm đến thế?

Các hạ túc căn sâu dầy, tài thao lược rộng sâu, nên binh lính suy tôn làm đốc soái. Tiếc là trong kiếp xưa, ít kết duyên cùng người nên đa số nhân dân chẳng chịu mến mộ. Do vậy, những kẻ chẳng lo cho nước, cho dân, lén gia nhập Nam Quân, trở thành quân Tĩnh Quốc đối địch cùng các hạ. Tuy đánh nhau mấy năm, chưa phân thắng bại. Quân hai bên đối địch, tiếng đại bác như sấm, tiếng đạn bay như mưa, người bị chết kẻ bị thương đều là đồng bào xứ Tần chúng ta. Binh lính hai đoàn quân đi đến đâu, nhân dân bị cướp đoạt tàn nhẫn cũng đều là đồng bào xứ Tần chúng ta. Thương thay đồng bào, kêu trời không thấu, không lối chui xuống đất, thân làm cá thịt, ai thương xót cho?

Quang trộm nghĩ: Tuy các hạ địa vị tôn quý, quyền oai cao trọng, ai dám khinh thường, nhưng thật ra trăm họ sợ thổ phỉ, không phân thượng hạ, lỡ có kẻ muốn hành thích, sẽ chẳng biết như thế nào? Huống chi quân Tĩnh Quốc đang phất cờ gióng trống để chống cự ngài! May là các hạ túc phước sâu dầy, chưa phải lo điều ấy! Nhưng quân hai bên đánh nhau, cố nhiên nguy hiểm muôn bề! Nếu chẳng lo liệu, thì hai vị cao đường (cha mẹ) và anh em, vợ con nương tựa vào đâu? Huống chi tâm của địch nhân quyết khó thể nghĩ tình hiếu hữu để bảo bọc cả nhà, chẳng chịu ra tay tàn sát một phen ư? Mối hoạn hại cay đắng của trăm họ thảm độc còn cạn, mối hoạn hại cay đắng của các hạ, thảm độc càng sâu. Chánh phủ trung ương thiết tha nghĩ đến dân chúng, cho rằng các hạ tuy tài đức cao sâu, nhưng chưa hợp lòng người, nên mới có quân Tĩnh Quốc dấy lên. Nếu các hạ chịu lui, ắt quân Tĩnh Quốc sẽ tự triệt thoái; vì thế mới đặc phái Diêm đốc tướng thay thế.

[109] Sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), Trung Hoa rơi vào tình trạng nội chiến, các tướng lãnh quân phiệt thừa cơ nổi lên thống trị từng địa phương, đánh nhau lung tung để giành quyền lực. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc phải phái quân đi dẹp các sứ quân, đội quân ấy mang tên là Tĩnh Quốc. Do chính quyền Dân Quốc lúc đó đóng đô ở Nam Kinh nên quân đội chính phủ còn được gọi là Nam Quân.

Các hạ đã từng trải, hãy nên nghĩ lại mấy năm gần đây, cừu địch như rừng, tuy chưa bị thương, cũng rất nguy hiểm. Dẫu cho quân oai lừng lẫy, quả thật là mộng mị chẳng yên, dẫu muốn rút mình ra khỏi cũng không thể được. Nay may sao có người khác thay thế, tự có thể trút bỏ được trách nhiệm nặng nề, rút lui về vườn rẫy, tiêu dao an lạc, dùng hiếu hữu để cai trị, vui với thiên chân của chính mình, gác ra ngoài chuyện cạnh tranh, khuyến hóa kẻ tham tàn kia. Tuy sống trong thời đại cạnh tranh, nhưng làm người trong thời Hy - Hoàng[110]. Một là chẳng phụ sở học, hai là vĩnh viễn đáp ứng lòng kỳ vọng của dân. Bỏ chuyên chế, hưng khởi cộng hòa, triệt để tương ứng với danh xưng tạo phước cho đồng bào, trọn chẳng trái nghịch. Há có nên nghe lời xúi giục sai trái của những kẻ chẳng biết đại thể, lầm lạc mong mỏi đoạt công danh mà cự tuyệt chẳng nghe lệnh chánh phủ, đem binh chống cự, khiến cho nhân dân lầm than, ngân sách đất nước trống rỗng? Dẫu cho các hạ một trận thắng ngay, vẫn giữ được nguyên chức vị, há có tránh khỏi về sau không bị các đội quân tấn công hay chăng?

Phàm vũ khí là thứ bất tường, thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng đến! Nay chẳng phải là chuyện bất đắc dĩ, chỉ vì nghe lời kẻ dối trá, dua vạy, mong muốn giữ chắc tước vị của chính mình, chẳng đoái hoài trăm họ thường bị lầm than, nguyên khí quốc gia bị hao hớt. Hành vi như thế khác nào như cái đích để bắn được dựng thẳng để hứng lấy các mũi tên, há có nên hằng ngày đem thân mạng tối trọng và cha mẹ, anh em, vợ con ra đánh đổi lẽ sống trong tay cừu địch? Ấn Quang tuy ngu, cũng chẳng thấy đó là cách hay. Dẫu thủy chung không lo lắng đến chuyện đó, nhưng trong lúc đêm thanh lặng lẽ nghĩ suy, há không hổ thẹn đối với những binh lính chết trận, người dân chết đói ư?

Mạnh Tử nói: *"Tuy có trí huệ chẳng bằng nương theo thế. Tuy có phương tiện, chẳng bằng được thời"*. Tài trí, thao lược của các hạ chính là trí huệ, phương tiện vậy. Dân không bội phục, đua nhau nổi dậy chống lại, là vì đời trước ít kết duyên cùng người. Nay cai trị chưa hợp lòng người tức là không có cái thế nào để nương vào. Không có thế gì để nương vào mà cứ cưỡng làm tức là chẳng đắc thời vậy. Đại trượng phu muốn tạo đại công, lập đại nghiệp, chưa hề có ai trên chẳng thuận theo thiên lý, dưới chẳng hợp lòng người cả! Vì thế, Khổng Tử thấy ra làm quan được bèn làm quan, nên thôi bèn thôi, cái gì nên lâu thì lâu, cái gì nhanh được thì nhanh, đợi thời cơ thích hợp, không gì chẳng thích đáng. Ngài từng bảo Nhan Uyên: *"Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng. Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù"* (Dùng đến thì ra sức, bỏ đi thì ẩn. Chỉ mình ta với ngươi là được như vậy thôi!) Mong các hạ noi gương Khổng Tử, coi cái địa vị Đốc Quân giống như nguồn tội, chẳng những không khởi chiến sự, mà cũng chẳng sanh tâm tiếc nuối thì không những dân Tần được nhờ mà quốc gia cũng

[110] Hy Hoàng: Hy là Phục Hy, Hoàng là Hoàng Đế, hai vị thánh quân của Trung Hoa thời cổ, tương truyền thời ấy là thời thái bình thịnh trị, con người đều là thánh hiền. Sử gọi là thời Hoàng Kim.

chẳng phải lo âu. Các hạ sẽ thật sự được phước không ngằn mé, phước thừa đượm khắp hậu duệ. Nếu giữ chắc ý kiến ấy, chẳng chịu nghĩ lại, ắt sẽ thành tượng Kháng Long Hữu Hối[111] của quẻ Càn, tuy quý nhưng không có địa vị, cao nhưng không có dân, sau này ắt phải hối hận. Sau này có hối, há còn kịp chăng? Khổng Tử giải thích [quẻ này] như sau: *"Kháng là đức, biết tiến nhưng không biết thoái, biết còn mà chẳng biết mất, biết được nhưng chẳng biết mất. Chỉ mình thánh nhân biết tiến thoái tồn vong, nhưng chẳng đánh mất lẽ chánh, chỉ có mỗi mình thánh nhân ư?"* Nhắc lại câu *"chỉ mình thánh nhân ư"* lần nữa để con người suy nghĩ sâu xa học lấy. Dẫu các hạ chẳng ở vào bậc thánh nhân, nhưng chẳng lẽ không xuôi theo cái tốt, tránh cái xấu hay sao? Mong các hạ trên hãy nghĩ đến chuyện nối tiếp dài lâu đức dầy của tổ tiên, dưới nghĩ để lại hạnh phước cho con cháu, sanh ý tưởng tri túc, mau dứt chiến sự thì nhân dân đất Tần mới còn sống sót được. Cường bạo các nơi không cậy vào đâu hoành hành được nữa! Tuy lui về ruộng rẫy, nhưng quả thật đã ban ân trạch *"xương khô được mọc thịt"* cho dân Tần không gì lớn lao hơn!

Ấn Quang tài đức đều thiếu, nào dám mạo phạm oai phong, bất quá muốn báo đáp các hạ một phen yêu thương nồng hậu, ngõ hầu dân xứ Tần ít phải chịu tai nạn binh đao. Do vậy, chẳng nề hà bị giết chóc, dâng lời thẳng lên ngài, nếu ngài rủ lòng xét soi tấm lòng ngu thành thì dân Tần may lắm, quốc gia may mắn lắm. Lại mong các hạ thiết thực nghĩ đến đời sống của nhân dân, ắt sẽ suy xét nguyên do họa phước, kết quả thiện ác. Một là để mở rộng bụng dạ, hai là để hướng dẫn, cảm hóa đồng nhân, nên tự đem một bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Phật Học Tiệp Kính, Phật Học Cơ Sở, Phật Học Khởi Tín Thiên, Phật Học Chỉ Nam, Lục Đạo Luân Hồi Lục[112], mỗi thứ một bản gởi kèm theo thư, mong ngài sẽ đọc vào những lúc nhàn hạ vô sự thì cái đạo thành ý, chánh tâm, cùng lý tận tánh, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử sẽ tự đạt được nơi tâm.

An Sĩ Toàn Thư là thiện thư đứng đầu thiên hạ từ xưa đến nay. Lưu tỉnh trưởng từng thỉnh bốn trăm bộ kết duyên, sẽ bảo ông ta gởi cho các hạ đọc. Ngoài ra, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên cũng thuộc vào bậc nhất. Sách này tuy nghị luận chẳng mười phần thấu triệt bằng An Sĩ Toàn Thư, nhưng so trong các thiện thư, chưa thấy sách nào bằng được, huống gì là hay hơn! Năm bộ sách kia đều từ cạn tiến vào sâu, do nhân quả để liễu sanh tử, không căn cơ nào chẳng

---

[111] Kháng Long Hữu Hối: Kháng Long Hữu Hối là phần Tiểu Tượng Truyện (giải thích ý nghĩa hình tượng từng vạch trong mỗi quẻ). Tượng "Kháng Long Hữu Hối" chỉ vạch thứ sáu trong quẻ Thuần Càn (gồm sáu hào Dương), cụ Nguyễn Hiến Lê giảng*: "Rồng lên cao quá, có hối hận. Hào Dương này ở trên cao của quẻ, cương kiện đến cùng rồi, như con rồng bay lên cao quá, không xuống được nữa, nếu vẫn còn hành động sẽ có điều đáng tiếc, vì lẽ thịnh quá ắt suy, đầy thì không được lâu".*

[112] Ba cuốn Phật Học Khởi Tín Thiên, Phật Học Chỉ Nam, Lục Đạo Luân Hồi Lục là tác phẩm của ông Đinh Phước Bảo. Trong Ấn Quang Văn Sao quyển 3, Tổ có viết lời tựa cho ba tác phẩm này.

kể đến, không pháp nào chẳng bao gồm. Người sâu sắc sẽ thấy sách sâu sắc, tự có thể đoạn Hoặc chứng Chân. Người nông cạn sẽ thấy chúng là nông cạn, cũng kham tiêu tai tăng phước. Pháp không có tướng nhất định, tổn hại hay lợi ích là do mỗi người. Người dốc chí tận tụy nơi đại sự để mình được luôn trường tồn bao kiếp sẽ chẳng cho là Quang lắm chuyện.

Phật pháp một phen nghe đến, lợi ích vô tận. Ông Vương Thiết San ở Bắc Thông Châu, từng làm chức Phiên Đài tỉnh Quảng Tây đời nhà Thanh trước kia. Do cõi ấy thổ phỉ quá đông, ông bèn lập cách tiêu diệt, giết hại không biết bao nhiêu mà kể. Đến năm trước bị bệnh, vừa chợp mắt bèn thấy thân ở trong nhà tối, vô số quỷ muốn đến bức bách khổ não, bèn hoảng hốt tỉnh dậy. Lúc lâu sau chợp mắt, lại thấy y hệt như thế, lại kinh hoảng thức dậy. Suốt ba ngày ba đêm chẳng ngủ yên giấc như thế, người đã suy sụp không kham nổi. Vợ ông ta dạy ông niệm *"nam mô A Di Đà Phật",* ông bèn cạn kiệt lòng thành niệm rõ, chưa được một lúc lâu sau bèn ngủ thiếp đi, ngủ được đẫy giấc, bệnh dần khỏi hẳn, mới biết công đức Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Mùa Hè năm ngoái, ông Thiết San lên núi, chính ông ta kể cùng Quang chuyện ấy. Quang đem chuyện này tỏ bày cùng các hạ, cũng mong các hạ được lợi ích thật sự nơi Niệm Phật.

146. Thư trả lời cư sĩ X… ở Dũng Giang[113]

Chuyện sắc dục là bệnh chung của người cả cõi đời, chứ không riêng gì hạng trung hạ căn bị sắc mê hoặc. Dù là người thượng căn nếu chẳng luôn canh cánh giữ gìn, luôn nghĩ kinh sợ thì cũng khó khỏi bị mê hoặc. Thử xem từ xưa đến nay bao nhiêu hào kiệt lỗi lạc, kham làm thánh làm hiền, chỉ do chẳng phá được cửa ải này, đâm ra thành kẻ hạ ngu bất tiếu, lại còn bị vĩnh viễn đọa trong ác đạo, chẳng biết là bao nhiêu! Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Nếu chúng sanh thuộc sáu đường trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng bị sống - chết tiếp nối. Ông tu tam-muội vốn để thoát trần lao, dâm tâm không trừ, chẳng thể xuất trần được!"* Người học đạo, vốn để thoát lìa sanh tử, nếu chẳng đau đáu dứt trừ bệnh này thì khó thể thoát lìa sanh tử.

Ngay như pháp môn Niệm Phật tuy có thể đới nghiệp vãng sanh, nhưng nếu tập khí dâm cố kết sẽ bị cách ngăn cùng Phật, khó thể cảm ứng đạo giao! Muốn tuyệt cái họa này, không gì bằng trông thấy hết thảy nữ nhân đều khởi thân tưởng, oán tưởng, bất tịnh tưởng:

1) Thân tưởng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, thấy người trẻ hơn coi như em gái, thấy trẻ nhỏ coi như con. Dục tâm dẫu lừng

[113] Dũng Giang là một con sông lớn thuộc tỉnh Chiết Giang, chảy qua thành phố Ninh Ba.

lẫy chẳng dám khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Xem hết thảy nữ nhân đều là mẹ, chị, em, con của mình thì lý bèn chế ngự dục, dục không do đâu phát được!

2) Oán tưởng là phàm thấy gái đẹp bèn khởi tâm ái; do tâm ái đó bèn đọa ác đạo, chịu khổ bao kiếp chẳng thể thoát lìa. Như thế thì những gì gọi là mỹ lệ, kiều mị so ra còn độc hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, bò cạp độc, phê sương, trầm độc[114] gấp trăm ngàn lần. Với những oan gia cực đại ấy vẫn cứ quyến luyến mơ tưởng, há chẳng phải là kẻ mê gấp bội ư?

3) Bất tịnh là vẻ đẹp lộng lẫy động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi thì chẳng dám nhìn: xương, thịt, máu mủ, phân, tiểu, lông, tóc, đầm đìa, ròng ròng, trọn không có vật gì đáng cho người khác yêu mến được! Nhưng do lớp da mỏng bao bọc, nên lầm sanh ái luyến; bình đẹp đựng phân, người ta chẳng muốn nâng niu. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân chẳng khác cái bình đẹp đẽ, những thứ được bọc trong đó còn gớm ghiếc hơn phân nữa! Há nên yêu mến lớp da bên ngoài, quên đi những thứ bẩn thỉu chứa bên trong da, lan man khởi vọng tưởng ư? Nếu chẳng khăng khăng kiêng sợ, đau đáu trừ khử tập khí ấy, sẽ chỉ thấy tư chất mỹ lệ khiến cho mũi tên ái lọt thấu xương chẳng thể nhổ được. Thường luôn như thế, lại muốn chết đi chẳng vào bụng người nữ sẽ chẳng thể được! Vào trong bụng người nữ còn tạm được, chứ vào trong bụng súc sanh cái biết làm sao đây? Thử suy nghĩ đến điều này, tâm thần kinh hãi.

Nhưng muốn thấy cảnh mà chẳng khởi nhiễm tâm thì phải trong lúc chưa thấy cảnh, thường khởi ba thứ tưởng này; khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dẫu không thấy cảnh, ý vẫn vấn vương, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục ràng buộc. Vì thế, phải nỗ lực gột trừ các tập khí ác nghiệp thì mới có phần được tự do. Mỗi ngày ngoại trừ lúc làm việc ra, chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Sáng chiều đối trước Phật, cạn lòng thành, trọn lòng kính, khẩn thiết sám hối tội nghiệp từ vô thỉ đến nay. Hành như thế lâu ngày sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn mà không hề hay biết. Kinh Pháp Hoa dạy: *"Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa dục",* sân khuể, ngu si cũng thế. Do vậy, ta biết: Chí thành niệm thánh hiệu Di Đà, Quán Thế Âm thì ba Hoặc tham - sân - si sẽ tự tiêu trừ. Thêm nữa, cõi đời nay đang hoạn nạn, ngoại trừ việc niệm Phật ra, cần phải niệm thêm thánh hiệu Quán Thế Âm, trong âm thầm sẽ có sự xoay chuyển chẳng thể nghĩ bàn, ngõ

[114] Phê sương (đôi khi còn gọi là tỳ sương) là chất độc, tức chất arsenic, còn gọi là Thạch Tín hoặc Nhân Ngôn. Trầm độc là chất độc của con chim Trầm (hoặc còn đọc là Trấm), một loài chim rất độc theo truyền thuyết, tương truyền một cái lông của nó rớt xuống sẽ làm chết sạch cả hồ cá.

hầu chẳng đến nỗi khi túc nghiệp hiện tiền, không cách gì đối phó. Lại nên thường đọc những sách dạy về kiêng dâm, nhân quả, báo ứng, xa lìa những bạn bè cuồng loạn, phóng đãng, hèn tệ thì trong tâm được chánh, sự dụ hoặc bên ngoài dứt tuyệt, sẽ tự có thể thành tựu tịnh nghiệp vậy! Hãy gắng lên!

147. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như

Nhận được thư nhưng công việc bộn bề, chưa thể trả lời được. Quang tuy vì thái phu nhân sáng chiều hồi hướng, há nào thật sự có ích cho thái phu nhân? Chỉ mong thái phu nhân thương cho một niệm chân thành của tôi, lôi kéo Di Đà, Quán Âm đến cứu vớt tôi. Các hạ ngợi khen tôi quá lẽ, khôn ngăn khiến cho người ta thẹn thùng. Lệnh đệ cũng đã phát tâm, xin hãy vì ông ta diễn giảng, đủ biết đời trước đã cùng gieo thiện căn, tương lai cùng làm anh em muôn kiếp trong Liên Trì Hải Hội, mừng mừng tủi tủi. Bài thuốc cai thuốc phiện đăng báo nên đăng nhiều kỳ suốt năm thì người ta mới biết rộng rãi được. Nên kêu gọi những người có tài lực cùng làm. Nếu một người trang trải phí tổn, e không đủ sức kéo dài.

Cách tóm gọn bộ Văn Sao hủ bại đều nên làm sao cho hợp lý, bởi thư Quang đã viết đều chỉ nhằm cho một người nào đó, nếu phổ cập đại chúng thì phải trọn không có chỗ trở ngại nào mới khỏi chuốc lấy lời gièm chê. Những chỗ chỉ trích những thứ cuồng vọng của bọn con cái của ma nên dùng cách trình bày tóm lược, sao cho phù hợp với văn thể. Nhưng nay đa phần môn đồ Thiền Tông chẳng biết Thiền, nếu chẳng chỉ ra những hình tích thật sự đơm đặt đồn thổi của bọn họ, môn đồ Thiền Tông sẽ cho là Quang báng Thiền. Ngay cả đối với bài Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận (luận về Tông và Giáo chẳng nên xen trộn), bọn Thiền giả chẳng hiểu Tông phong cũng cho là báng Thiền. Kiến thức của đồ chúng nhà Thiền đa phần đều là như thế cho nên pháp Thiền mới bị suy sụp sát đất.

Gần đây, Phật pháp lưu thông, cư sĩ Vương Hoằng Nguyện[115] ở Triều Châu rất ham Mật Tông; y theo đó tu trì, hơi có hiệu nghiệm, đối với các tông khác tuy chưa thông tỏ hoàn toàn, nhưng đã mon men ngoài bờ rào. Ông ta dịch cuốn Mật Giáo Cương Yếu[116] của Nhật Bản rồi in ra, gởi cho tôi hai bộ. Nay tôi

[115] Ông Vương Hoằng Nguyện người Triều An, Quảng Đông, là người đi tiên phong trong việc phục hưng Đông Mật tại Trung Hoa. Ông từng theo học Mật Tông với Quyền Điền Lôi Phủ suốt 13 năm, được truyền pháp Quán Đảnh. Về sau ông truyền quán đảnh cho người khác ở chùa Lục Dung tại Quảng Châu, chủ trương cư sĩ có thể làm A Xà Lê, chấp nhận các tỳ-kheo thọ pháp đảnh lễ mình, khiến cho các vị Thái Hư, Mạn Thù Yết Đế v.v… công kích, tạo thành đầu mối tranh luận gay gắt giữa Hiển Giáo và Mật Giáo.

[116] Mật Giáo Cương Yếu là tác phẩm nhập môn Mật Giáo gồm bốn quyển của ông Quyền Điền Lôi Phủ người Nhật biên soạn, Vương Hoằng Nguyện dịch cuốn này ra tiếng Hán vào năm 1918. Nội dung trình bày sự phát

gởi cho ông một bộ, mong ông tùy hỷ. Nhưng ông ta là người hoằng truyền Mật Tông, nên thiên về đề cao Mật Tông. Ước theo giáo mà luận, cố nhiên chẳng trở ngại lớn lao gì; nhưng nếu xét trên pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, thuyết giáo tương ứng với căn cơ mà luận thì cố nhiên khác hẳn nhau. Những điều Vương Hoằng Nguyện đã viết trong thư gởi đến đều là ước theo giáo bỏ sót căn cơ. Quang gởi thư cho ông ta ước trên căn cơ để luận sự lợi ích của giáo pháp, tuy chẳng phù hợp, nhưng cũng không trái nghịch cho lắm. Người ấy đã ngoài bốn mươi tuổi, nếu lại nghiên cứu hơn mười năm nữa cũng có thể trở thành bậc đại thông gia.

Bài bạt Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa Kinh, quyết phải nên thủ tiêu để khỏi gây nghi ngờ, lầm lẫn. Còn như Thanh Văn chuyển xoay Tiểu Quả họ đã chứng để hướng về Như Lai đại đạo, tuy là đốn - tiệm sai khác, nhưng những địa vị theo thứ tự trong khoảng giữa ấy bất tất phải dẹp mất. Đại bàng hễ cất cánh bèn bay chín vạn [dặm], cũng là từ thấp bốc dần lên cao. Dao bén chặt một nhát đứt ngàn tờ giấy, cũng là từ một đến ngàn. Đốn giáo chỉ ước trên mặt đốn mà nói nên không có địa vị thứ tự, nhưng trong chỗ không có địa vị thứ tự ấy, chẳng trở ngại chuyện có địa vị thứ tự rành rành. Nếu khác với Tiệm thì Tiệm chẳng phải là Tiệm như trong Đốn Giáo nói, mà Đốn cũng chẳng phải là Đốn như trong Tiệm Giáo. Hai pháp phán định khác biệt, trọn chẳng tương tức[117], chỉ nên dùng Thật Nghĩa để lập ngôn, chẳng nên dùng cách biểu hiện Tiệm Đốn làm căn cứ thì Phật pháp không pháp nào chẳng thông với nhau.

Vương Hoằng Nguyện luận về Mật Tông cũng là dùng những lời lẽ biểu thị hoằng dương Mật Tông để luận. Do vậy, biết là ông ta vẫn chưa hiểu biết ý tột cùng trong giáo pháp Như Lai là "phải khế cơ". Căn tánh La Hán cũng không nhất định. Có người hồi Tiểu hướng Đại bèn vượt lên, chứng ngay vào địa vị sâu; có người tiến lên từ từ. Dù đốn - tiệm sai khác, nhưng vị thứ vẫn rành rành, tợ hồ chẳng sai khác gì lớn. Tùy loại hiện thân trong mười phương thế giới, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã làm được như vậy. Không trải qua các địa vị Hạnh, Trụ, Hồi Hướng v.v... thì chỉ có bậc đã thành Phật, rồi thị hiện làm La Hán, mới có thể như thế. Nếu là thật chứng, tức thật sự là bậc La Hán hồi Tiểu hướng Đại, e rằng không có bản lãnh ấy. Nếu có thì các Bồ Tát thuộc những địa vị Trụ, Hạnh, Hồi Hướng đều thành hạng người độn căn, không có gì kỳ lạ cả, có lẽ ấy chăng? Lìa Đốn nói Tiệm, lìa Tiệm nói Đốn, lìa Giáo nói Tông, lìa Tông nói Giáo, đề cao Mật Tông, miệt thị Hiển Giáo, đều đáng gọi là "đảm bản hán"[118]

---

triển của Mật giáo tại Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, trình bày những giáo nghĩa, cách thức tác pháp tu trì theo truyền thống Đông Mật (gọi là Đông Mật để phân biệt với truyền thống Mật Giáo của Tây Tạng).

[117] Tương tức: Pháp này chính là pháp kia, như thường nói *"một tức là nhiều, nhiều tức là một"*.

[118] Nguyên văn là *"từ lục đảm bản, chỉ kiến nhất biên"* (kẻ đi vác gỗ, chỉ thấy được một bên). Đảm Bản Hán nguyên là những người công nhân chuyên vác các tấm gỗ, phiến gỗ. Do khiêng nặng và cồng kềng họ chỉ có

(gã vác gỗ) chỉ thấy được một bên mà thôi. Khéo hiểu Phật pháp thì pháp pháp lưu thông. Nếu không, pháp nào cũng gây ra trở ngại. Quang thật là kẻ thấy ít, nghe ít, nhưng ước nghĩa, ước lý mà luận thường dung thông như thế, trọn chẳng có hai đạo lý! Ý kiến hèn mọn của tôi là như vậy đó, chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào?

148. Thư trả lời hai vị cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như

Quý vị nói chuyện đời ràng buộc, không cách gì thoát khỏi được thì ngay trong lúc bị ràng buộc ấy chỉ cần không bị chúng xoay chuyển thì ràng buộc liền thành cởi gỡ như gương chiếu hình tượng, hình đến chẳng cự tuyệt, hình đi chẳng giữ lại. Nếu không biết nghĩa này, dẫu có trừ sạch mọi chuyện thế tục không còn có chuyện gì phải lo toan thì cũng vẫn bị cái tâm vọng tưởng, tán loạn, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột rửa, thoát khỏi. Người học đạo phải hành xử thuận theo địa vị, tận hết bổn phận của mình. Như thế thì dù suốt ngày việc đời ràng buộc, nhưng suốt ngày vẫn cứ tiêu dao ngoài vật. Câu nói *"nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều nhàn, chẳng ghét lục trần vẫn đồng Chánh Giác"* chính là nói về điều này vậy.

Chuyện niệm Phật quan trọng nhất là liễu sanh tử, đã vì liễu sanh tử thì tự sanh lòng nhàm chán đối với nỗi khổ sanh tử, tự sanh lòng ưa thích đối với sự vui Tây Phương. Như thế thì hai pháp Tín - Nguyện sẽ được vẹn toàn ngay trong một niệm, lại thêm niệm chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ thì Phật lực, pháp lực, sức công đức tín nguyện nơi tự tâm, ba pháp đều phô bày trọn vẹn. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, dẫu mây dầy, băng đóng tầng tầng, chẳng mấy chốc liền tiêu tan. Lúc sơ tâm niệm Phật, chưa tự chứng được tam-muội, ai có thể không có vọng niệm cho được? Quý sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyển theo vọng, ví như quân hai bên đối địch, ắt phải giữ vững thành quách của chính mình, chẳng cho quân giặc xâm phạm tí ti nào, đợi khi giặc vừa tấn công bèn đánh chặn đầu. Ắt phải xua quân Chánh Giác vây kín bốn mặt khiến cho chúng nó không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất, khiến chúng sợ bị diệt chủng, liền đua nhau quy hàng. Quan trọng nhất là chủ soái không mê muội, không lười nhác, thường luôn tỉnh táo mà thôi! Nếu mê muội, lười nhác thì chẳng những không diệt được giặc mà trái lại còn bị giặc diệt. Do vậy, người niệm Phật không biết nhiếp tâm thì càng niệm càng sanh vọng tưởng.

---

thể nhìn về đằng trước, không thể ngó xung quanh. Thiền lâm dùng thuật ngữ *"đảm bản hán"* để chỉ kẻ thiên chấp, chẳng dung thông toàn thể.

Nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến không còn nữa! Vì thế, nói:

Học đạo do như thủ cấm thành,
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,
Tướng quân chủ soái năng hành lệnh,
Bất động can qua định thái bình.
(Tạm dịch:
Học đạo dường như giữ cấm thành,
Ngày phòng sáu giặc, đêm thường tỉnh,
Tướng quân chủ soái nghiêm quân lệnh,
Chẳng dấy can qua, quyết thái bình)

149. Thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền

Tai họa ở Ôn Châu nghe thê thảm quá. Thiên tai, nhân họa không biết đến mức nào. Quả đúng là *"ba cõi không yên, giống như nhà lửa",* đấy cũng là lời răn nhắc thiết yếu nhất đối với chuyện tín nguyện niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết. Nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: *"Nghĩ cái khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ Đề".* Đấy chính là khai thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu thật sự suy nghĩ! Cái khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của nước - lửa sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bèn run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường là vì một đằng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy, còn một đằng là chính mắt thấy, bất giác lông tóc đều dựng đứng!

150. Thư gởi Hoằng Nhất thượng nhân

Giảng Khởi Tín Luận bất tất phải tuân theo Liệt Võng Sớ[119], nhưng quyết chẳng thể nói Liệt Võng là sai. Đấy là pháp quyết định chẳng thay đổi! Những

[119] Đại Thừa Khởi Tín Luận Liệt Võng Sớ (còn gọi là Khởi Tín Luận Liệt Võng Sớ, hoặc Liệt Võng Sớ) gồm sáu quyển, là tác phẩm của ngài Ngẫu Ích Trí Húc, được xếp vào quyển 44 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Đây là tác phẩm chú giải cuốn Khởi Tín Luận (bản dịch của ngài Thật Xoa Nan Đà). Tổ Ngẫu Ích đặt tên bản chú giải này là Liệt Võng (xé rách lưới) với ngụ ý phá trừ lưới rập kiến giải sai biệt giữa hai tông Pháp Tướng và Pháp Tánh. Trong luận này, Tổ đã dùng giáo nghĩa Viên Giáo để phối hợp nhất tâm với chúng sanh, nêu lên vọng tâm trong quán cảnh của Viên Giáo.

trước thuật của ngài Linh Phong xưa nay hiếm có. Những kẻ chưa mở Chánh Nhãn chẳng biết được lẽ trọng yếu, bèn giống như chó sủa bóng trăng khiến người sơ học bị lầm lạc. Còn người quả thật đầy đủ chánh tri chánh kiến nghe đến sẽ triệt để thấu hiểu bụng dạ của Ngài. Linh Phong lão nhân chính là người độc nhất vô nhị trong thời Mạt Pháp. Câu chữ, lý sự đầy đủ, lợi ích không thể lường được! Tùy theo căn cơ của mỗi người ai nấy đều được lợi ích.

151. Thư trả lời đại sư Pháp Hải

Hơn mười năm qua tọa hạ tầm thầy hỏi đạo, tự lợi, lợi tha khôn ngăn khâm phục. Nay ngài buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật, lấy cái Giác nơi quả địa làm cái tâm tu nhân, ắt sẽ tự chứng Niệm Phật tam-muội, lâm chung chắc chắn lên Thượng Phẩm. Đã chịu dốc lòng, quyết được thành tựu. Nhưng người đời niệm Phật thì đông, chứng được tam-muội thật ít lắm, ấy là do chưa thể *"buông xuống toàn thân, chỉ đề khởi một niệm"*! Do vậy, thành ra tâm và Phật khó thể tương ứng. Tọa hạ đã chân thành, thiết tha buông xuống, quyết chẳng lẽ nào không chứng đắc; nhưng đối với những chuyện liễu sanh thoát tử, minh tâm kiến tánh, và "nắm được mấu chốt sự chứng đạo" cần phải phân biệt đôi chút.

Nếu dựa theo giáo lý thông thường để tu thì dù đã minh tâm kiến tánh vẫn còn cách liễu sanh thoát tử xa lắm! Bởi minh tâm kiến tánh là ngộ, chứ chưa phải là chứng. Người đời nay ngộ được còn ít, huống chi là chứng! Chứng là Hoặc nghiệp hết sạch, đã đoạn cái nhân sanh tử, tự chẳng cảm lấy cái quả sanh tử. Bậc Sơ Quả bảy lần sanh lên trời, bảy lần trở lại nhân gian mới đoạn sạch được Kiến Hoặc và Tư Hoặc, chứng quả A La Hán. Ngài Thiên Thai (Trí Giả đại sư) thị hiện ở địa vị Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc[120] thị hiện ở địa vị Thập Tín. Bậc đại sĩ như thế còn tự ẩn đức mình, thị hiện trong địa vị nội ngoại phàm phu[121], thì việc chứng đạo không phải là chuyện dễ. Đây là ước theo giáo lý thông thường, muốn ngay trong một đời này chứng đạo khó lắm.

Nếu căn cứ theo pháp môn đặc biệt mà đức Như Lai đã lập *"sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương"* thì trên đến bậc Đẳng Giác, dưới đến phường Ngũ Nghịch, Thập Ác không ai chẳng nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã sanh về Tây Phương thì ngộ đạo, chứng đạo đều giống

[120] Tức ngài Huệ Tư, thầy của tổ Trí Khải.

[121] Là những địa vị trước khi đạt đến địa vị Kiến Đạo. Theo Thành Thật Luận, tu hành Phật đạo chưa thấy được chánh lý thì gọi là "phàm phu". Có trí giải tương tự đối với Chánh Lý thì gọi là "nội phàm", chưa phát được tương tự trí giải thì gọi là "ngoại phàm". Trong Tiểu Thừa, ba địa vị Ngũ Đình Tâm, Biệt Tướng Niệm Xứ, Tổng Tướng Niệm Xứ là "ngoại phàm"; bốn địa vị thiện căn Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất là "nội phàm". Trong Đại Thừa, Thập Tín Phục Nhẫn là "ngoại phàm", Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng là "nội phàm"; những địa vị này còn gọi là Địa Tiền Bồ Tát.

nhau khít khao, cực nhanh, cực dễ. Tọa hạ đã chuyên tâm niệm Phật, nhưng đối với chuyện lâm chung chẳng nói là *"vãng sanh"* mà nói là *"bằng cớ chứng đạo đến tay"*. Phàm nói *"chứng đạo"* là được rồi, há nên nói là *"bằng cớ đến tay"*. Bằng cớ đến tay thì không cần phải bàn nữa, nếu bằng chứng không nắm được thì làm sao đây? Xem ngữ ý của các hạ tợ hồ chỉ niệm Phật chứ không sanh lòng tin, không phát nguyện cầu sanh! Đấy là cách Thiền, Giáo dùng câu niệm Phật như câu thoại đầu vậy, chứ không phải là pháp Tín - Nguyện - Hạnh ba điều cùng hành trong Tịnh Tông. Không tín nguyện niệm Phật so với tham Thiền, khán thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng chưa tự đoạn Hoặc, cậy vào tự lực sẽ chẳng thể liễu thoát.

Lại nữa, không có tín nguyện sẽ chẳng được Phật tiếp dẫn liễu thoát, nên vẫn là pháp môn thông thường cậy vào tự lực. Chứng đạo kiểu này chẳng phải dễ dàng chi lắm! Đừng bảo tín nguyện cầu sanh là hèn kém, Hoa Tạng hải hội đều cùng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh làm chỗ kết thúc cuối cùng cho kinh Hoa Nghiêm. Huống chi tất cả ngôn giáo của các Bồ Tát, tổ sư Tịnh Độ, đều dạy tín nguyện cầu sanh. Sao tọa hạ lại tự lập môn đình, chẳng dựa theo quy củ đã thành lập của Phật, của Tổ?

Vả nữa, người suốt đời suốt ngày trọn năm niệm Phật há có nên đối với Phật chẳng hành lễ kính? Trong mười đại nguyện vương, lễ kính đứng đầu. Mọi chuyện tọa hạ có thể bỏ, chứ lễ kính quyết chẳng được bỏ! Nếu không lễ Phật, sẽ khó cảm thông. Vì sao vậy? Do thân mong cầu an nhàn, thong dong, nên tâm thành cũng không cách nào đạt đến cùng cực được! Ngài Thiện Đạo chuyên tu, thân nghiệp chuyên lễ, khẩu nghiệp chuyên xưng, ý nghiệp chuyên niệm. Niệm đến cùng cực thì vị Phật trong tâm và vị Phật bên ngoài hệt như một không hai. Chứng đạo như vậy thì sự chứng đạo do tự lực chẳng thể nào so sánh được. Cổ nhân nói: *"Kẻ hèn kém nhờ vào sức Luân Bảo*[122] *một ngày có thể đi khắp bốn đại bộ châu*[123]*",* há có nên dùng pháp môn Niệm Phật đặc biệt để tu quán hạnh theo đường lối tự lực thông thường? Quang tuy hạ ngu, chẳng dám tán thành. Nếu đem cái tâm thanh tịnh mảy trần chẳng nhiễm này để viên chứng tam tâm thì đời này tự chứng tam-muội, lâm chung vãng sanh Thượng Phẩm, xin mừng trước cho tọa hạ. Một tấm lòng ngu, kính mong soi xét.

[122] Tức Kim Luân Bảo (bánh xe bằng vàng) của Chuyển Luân Thánh Vương, Luân Vương ngự trên luân bảo này bay đi khắp bốn bộ châu.

[123] Bốn đại bộ châu là Nam Thiệm Bộ Châu (Diêm Phù Đề), Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lô Châu và Đông Thắng Thần Châu. Bốn châu này ở quanh núi Tu Di.

152. Thư trả lời cư sĩ Vương Dữ Tiếp

Quang là một ông Tăng tầm thường, trọn chẳng có hành trạng tốt đẹp gì, một bề ăn xin mà còn chẳng được, nên bèn nhặt nhạnh những thứ cơm thừa canh cặn vứt bỏ ngoài cửa trưởng giả đại phú để tự nuôi thân. Cũng có người chẳng hiềm chua hôi, nài ép tôi thí cho, bèn đem những thứ ấy trao ra, chỉ nhằm thích hợp giữa hai bên [người xin, kẻ cho] chứ chẳng dám khiến cho người khác chán nghe chẳng muốn thấy. Do vậy, một là chẳng có tông phái gì, hai là không môn đình, ba là không quyến thuộc, chưa từng kết bạn lập hội để tham cứu cùng ai. Phàm có ai hỏi đến đều bảo nên trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, dẫu là người thiên tư thượng đẳng, học thức tót vời cũng dâng lên những lời ấy. Ví như bé trai dâng cát[124], chỉ mong bày tỏ lòng thành của mình, hoàn toàn chẳng tính xem người khác có dùng được hay chăng! Chẳng ngờ hai chữ tiện danh đã làm bẩn tai các hạ. Ngày hai mươi nhận được thư, khôn ngăn thẹn thùng, hoảng sợ, vui mừng, lo lắng xen lẫn.

Do các hạ nghe lầm lời người, lầm tưởng tôi là người trong pháp môn, nên bèn đem sai lầm đáp tạ sai lầm, trình bày quẩn quanh kiến giải hèn kém của mình để đáp tạ sự khen lầm. Biết lời mình viết cố nhiên chẳng đáng lọt vào mắt các hạ, nhưng chẳng ngại giãi bày tấm lòng mình mà thôi. Trộm nghĩ hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cực điểm, lại thêm quốc khố trống rỗng, thuế má nặng nề hơn trước biết bao lần, vật giá đắt đỏ, dân không lẽ sống, thiên tai, nhân họa liên miên xảy ra. Gặp thời buổi này, muốn hoằng pháp đạo chỉ có thể đối với khắp những người đến hỏi chỉ dạy họ học lấy những nghĩa trọng yếu của Phật. Với cha nói đến từ, với con nói đến hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy tận hết bổn phận để lập nền tảng. Từ đấy, lại thêm trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, hiểu nhân rõ quả, mong khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao cũng vẫn cứ hành theo đó. Lúc có dư sức chẳng ngại nghiên cứu hết thảy kinh luận, dạy cho họ ở trong gia đình, tùy phận tu trì, chẳng cần phải tạo dựng điện đường cho nhiều, cắt đặt nhân viên cho đông, hai bên qua lại bận bịu chức vụ, tốn kém thời gian. Đây thật là cách tương kế tựu kế thích hợp nhất để hoằng pháp hiện thời.

Còn như chương trình khai khẩn chốn hoang vu của các hạ đã định, dù lúc đất nước hưng thạnh, dân chúng giàu có còn chẳng nên làm, huống chi đang lúc vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống này! Nhưng các hạ đã đưa ra đề nghị ấy, người trong toàn quốc không ai chẳng hoan hỷ khen ngợi, mừng đạo pháp

[124] Thời Phật còn tại thế, có một đứa trẻ thấy Phật hoan hỷ, kính quý, bèn dâng một vốc cát lên Phật để cúng dường.

sắp được hưng khởi. Quang thật ôm lòng lo lắng sâu xa, không thể không vì các hạ trình bày đại khái. Chỉ dựa theo những việc đã nêu ra trong chương trình thì số tiền vàn muôn cũng chẳng đủ dùng. Nếu các hạ có thể biến cả đại địa thành vàng ròng thì lời Quang nói quả thật là ngu si vô tri. Còn nếu muốn dựa vào sự quyên góp để thực hiện sự nghiệp trùm khắp vũ trụ này thì thật giống như giấc mộng đêm Xuân, chẳng thực tế mảy may nào! Huống chi chưa từng nghe các hạ có đại thần thông, bất luận ai dù xa hay gần đều có cách nhiếp trì, khiến họ chẳng vượt thoát được mảy may giống như tôn giả Ưu Ba Cúc Đa[125].

Như vậy, đại sự như thế, số người sử dụng há có thể bảo đảm ai nấy đều ôm lòng vì việc chung, tuyệt đối chẳng nẩy sanh mối tệ hay chăng? Con người hiện thời con thờ cha còn làm chuyện tệ hại, nữa là đại sự mênh mông không bờ bến này? Thêm nữa, con người hiện thời không có chí hướng nhất định, bất luận xã hội nào, đa phần đều thuộc loại như vậy. Nếu có kẻ mang lòng sai khác, xen vào trong ấy, dẫn dụ kẻ vô tri vô thức làm vây cánh, một mai sự việc dấy động ắt đến nỗi lửa thiêu rặng Côn Luân, ngọc đá đều cháy. Nhằm lúc nhân tâm chìm đắm đến cùng cực này, sao các hạ chẳng lo nghĩ đến điều ấy?

Tống Từ Vân Sám Chủ qua đất Tô giảng kinh, người nghe giảng ngày đến vạn người, đêm cả ngàn người, kẻ đồ tể, kẻ bán rượu chẳng buôn bán, pháp đạo lừng lẫy, quả là chưa từng có. Ngài Từ Vân lo sợ, e rằng có điều mình chưa tính đến, ắt sẽ có chỗ vụng về. Ngài Từ Vân là bậc cao tăng đại trí huệ, đại biện tài, lại còn có thần thông, nhằm lúc quốc gia thái bình, nhân tâm thuần thiện mà còn thận trọng như thế. Những nội hạnh bí mật của các hạ đương nhiên Quang chẳng thể biết được, nhưng căn cứ theo bên ngoài thì các hạ so với ngài Từ Vân nào chỉ như đem Thái Sơn sánh với Tu Di! Huống đang nhằm lúc trên không pháp để suy lường, dưới không pháp để tuân theo, dẫu là đại ân của cha mẹ, tình nghĩa vợ chồng riêng tư còn muốn vứt bỏ, họ công nhiên đề xướng ý tưởng "tận hiếu chính là tánh chất nô lệ, cùng chia xẻ vợ với nhau". Nếu những kẻ

[125] Ưu Ba Cúc Đa (Upagupta), vị tổ thứ tư của Thiền Tông Ấn Độ, tên Ngài còn được phiên âm là Ưu Ba Cấp Đa, Ưu Ba Quật Đa, Ô Ba Quật Đa, Ưu Ba Cúc Đề, Ưu Ba Cúc, Ưu Ba Quật, hoặc gọi tắt là Quật Đa, dịch sang tiếng Hán là Đại Hộ, Cận Tạng, Cận Hộ. Ngài là người xứ Mathura, Ấn Độ, là một trong những vị thầy nổi danh của vua A Dục (Asoka). Ngài là người nổi tiếng thông minh, từ mẫn. Ngài được vị tổ thứ ba là ngài Thương Na Hòa Tu dạy phép quán: *"Nếu khởi ác tâm, bèn quán tướng có một viên đá đen ở bên trái, nếu khởi thiện tâm, quán một viên đá trắng bên phải"*. Ngài bèn nhiếp tâm quán niệm. Thoạt đầu đá đen rất nhiều, quán đến ngày thứ bảy, chỉ thấy tướng đá trắng. Tổ Thương Na Hòa Tu bèn thuyết pháp Tứ Đế, ngay khi đó, tổ Ưu Ba Cúc Đa bèn chứng quả Tu Đà Hoàn. Ngài lần lượt quán các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, chứng lần lượt từ Nhị Quả đến quả A Na Hàm. Khi xuất gia thọ Cụ Túc Giới bèn chứng A La Hán Quả. Ngài trụ tại núi Ưu Lưu Mạn Trà ở nước Mathura thuyết pháp. Đồ chúng đông đến một vạn tám ngàn người. Ngài từng thuyết pháp cho vua nước Hoa Thị, chỉ bày các dấu tích cũ của Phật, dựng tháp cúng dường Phật và các đại đệ tử như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan v.v… Số tháp dựng nhiều đến tám vạn bốn ngàn cái. Theo các nhà nghiên cứu hiện thời, tôn giả Mục Liên Tử Đế Tu (Moggaliputta-tissa), thầy của vua A Dục, rất có thể chính là tôn giả Ưu Ba Cúc Đa, bởi lẽ danh hiệu Mục Liên Tử Đế Tu chính là ghép tên của ngài Mục Liên và họ của ngài Xá Lợi Phất. Theo truyện ký, ngài Ưu Ba Cúc Đa trí huệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Liên, nên rất có thể cổ nhân dùng danh xưng Mục Liên Tử Đế Tu để xưng dương tổ Ưu Ba Cúc Đa.

như vậy trà trộn vào thì nên xử trí thế nào? Nếu không thì họ kỵ pháp mình, lại nói bậy bạ, lại phải xử trí thế nào đây? Phàm một pháp đã lập, trăm mối tệ dần dần sanh; chẳng cẩn thận từ đầu, khó thể xong xuôi được! Vả nữa, cổ đức hoằng pháp ai nấy đều tự lập giới hạn. Các hạ vứt bỏ thời đại chuyên chế, lại lập một môn đình Phật pháp chuyên chế, mình nghiễm nhiên làm pháp vương, tự tại nơi pháp, ngàn căn cơ đều nuôi dưỡng, muôn phái đều chầu hầu; hay thì hay lắm, quả thật chỉ sợ không có sức thần thông chế phục, ắt có kẻ gian trà trộn phá hoại, hoặc ôm lòng đố kỵ, ghen ghét nên bèn vu báng, chưa thấy được ích lợi hưng thịnh pháp đã mắc vào cái họa diệt pháp. Do tâm đại Bồ Đề chuốc lấy quả ác này; người có tâm không ai chẳng đau thương! Tuy đau thương, rốt cuộc có ích gì?

Vì thế, Quang không thể không vì các hạ nói trước, chẳng tính đến chuyện người ta ghi nhận hay không! Nếu nhất quyết làm theo chương trình đã định thì Quang cũng chỉ khen ngợi cái tâm tốt đẹp của các hạ mà thôi, há có thể cưỡng các hạ đừng nên làm hay sao? Ngàn phần mong hãy đem cái tên hèn kém của Ấn Quang thủ tiêu đi, Ấn Quang quyết chẳng dám thừa nhận cái chức vị danh dự "Thượng Tọa đạo sư" đâu! Quang một mực rút lui, bởi kiến giải của mình khác với người ta. Nếu chẳng cho lời Quang là đúng, ắt sẽ có lúc phải hối nhưng không kịp. Kinh Dịch nói: "*Chỉ có mình thánh nhân mới biết tiến thoái tồn vong mà chẳng mất lẽ chánh, có lẽ chỉ có mình thánh nhân đó ư?"* Xin các hạ hãy suy nghĩ cặn kẽ!

153. Thư gởi cư sĩ X… ở Vĩnh Gia

Lệnh hữu cầu con tính bỏ ra trăm đồng để thỉnh một trăm bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên để tặng cho những bậc chánh nhân quân tử thông hiểu văn lý, có tín tâm, quả thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn, sẽ được cảm thông. Lại nên biết để cầu con thì phải bắt đầu từ chuyện vun bồi đức, tiết dục. In tặng thiện thư chính là một cách để vun bồi đức, nhưng không phải chỉ có mỗi cách đó. Hãy xem Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn để biết cách vun bồi đức: Điều thiện thì tùy phận, tùy sức thực hành, còn điều ác thì bỏ đi như thù, như oán. Viên Liễu Phàm nỗ lực chiêm nghiệm Công Quá Cách[126], chẳng chịu bỏ lỡ mảy may

[126] Công Quá Cách là một bộ thiện thư Đạo giáo, không rõ xuất hiện vào thời nào, thường được coi là của Phù Hựu Đế Quân (tức Thuần Dương Lã Động Tân) giáng cơ, có thuyết nói là Thái Vi Tiên Quân giáng cơ. Bản Công Quá Cách hoàn chỉnh cổ nhất mang tựa đề Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách được chép năm 1171. Từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18, có rất nhiều dị bản Công Quá Cách khác nhau được lưu hành. Do nội dung khuyến thiện tích cực của nó, Công Quá Cách được Phật giáo Trung Hoa đón nhận nồng nhiệt và đề xướng. Người tích cực nhất chính là tổ Vân Thê Liên Trì, cuốn Tự Tri Lục của Ngài được viết theo tinh thần Công Quá Cách. Hiện nay bản được phổ biến nhất là bản đầu đời Thanh mang tựa đề Thái Vi Tiên Quân Lữ Thuần Dương Tổ Sư Công Quá Cách. Công là những điều thiện, Quá là những chuyện ác. Ghi chép lại như nhật ký để tự sửa đổi nên gọi là Cách.

gì. Vì thế, mạng ông ta vốn không thọ lại sống thọ, không đại công danh lại được đại công danh, không con mà có con. Nếu có thể noi theo dấu thơm ấy để mong đức ngày càng tăng trưởng, lỗi ngày càng giảm, dẫu chẳng dùng đến Công Quá Cách thì những gì Viên Liễu Phàm đạt được, lệnh hữu cũng sẽ đạt được!

Huống chi ông ta làm chủ tòa báo, nắm quyền cơ quan ngôn luận, phàm những văn tự thương phong bại tục vô ích trọn chẳng cho đăng báo. Phàm những lời hay ý đẹp khiến đời yên dân lành mỗi ngày nên đăng mấy câu, dùi mài mãi sẽ từ từ nhiễm, khiến cho con người ngày càng hướng đến điều thiện mà chẳng tự biết. Đấy chính là đại trượng phu chẳng có quyền thế mà lại thực hành quyền hạn lớn lao để cứu quốc cứu dân vậy. Đầy đủ những nhân duyên này mà không biết làm như thế, có thể nói là *"tuy đã lên núi báu nhưng vẫn trở về tay không"*. Tiếc thay!

Chuyện tiết dục về lý rất thâm, quan hệ rất lớn, nói chẳng dễ dàng đâu nhé! Phàm trời sanh trai gái, thánh nhân phỏng theo trời lập ra quy củ cho nam nữ lập gia đình, chính là mối quan hệ lớn nhất giữa người với người, trên liên quan đến phong hóa, dưới để tiếp nối giống nòi, há phải đâu hằng ngày mong cầu khoái lạc, coi dục sự là trọng ư? Người tham dục, tinh loãng vô lực, như hạt giống lép chẳng thể nẩy mầm; vì thế khó sanh con. Nếu sanh con được, đa phần chưa thành người đã chết yểu! Nếu may mắn không chết yểu thì cũng bấy bớt, yếu đuối, không thể lớn mạnh được! Nếu bảo dưỡng tinh thần, tiết dục nửa năm, đợi đến khi vợ qua kỳ thiên quý, chọn ngày lành tháng tốt, cùng nhau vui vầy, quyết sẽ hoài thai. Sau đấy, vĩnh viễn dứt dục sự thì đứa con được sanh ra chẳng những tánh hạnh trinh lương, dục niệm mỏng nhẹ, mà thể chất mạnh mẽ, không lo bị thai độc, đậu chẩn[127], tật bệnh v.v… "Thiên quý" tức là hành kinh vậy. Phải qua kỳ kinh nguyệt mới đậu thai được, những lúc khác chẳng thể thọ thai. Khi kinh nguyệt chưa hết, trọn chẳng được ân ái. Ân ái thì người vợ sẽ mắc bệnh dây dưa, đừng mong chi hoài thai nữa.

Chuyện quan hệ lớn lao của con người há có thể làm vào ngày xấu, tiết xấu; vì thế, phải chọn lấy bữa tốt lành. Thiên Nguyệt Lệnh của sách Lễ Ký[128] có chép thánh nhân vào lúc giữa Xuân, trước khi sấm động ba ngày, đánh mõ lớn để truyền cho dân biết: *"Lôi tương phát thanh, hữu bất giới dung chỉ giả, sanh*

[127] Thai độc: các bệnh truyền nhiễm từ người mẹ lây sang con trong khi mang thai. Đậu chẩn: các loại sởi, ban đỏ, thủy đậu v.v…

[128] Lễ Ký là một bộ cổ thư ghi chép những nguyên lý về lễ nghi, ứng xử thời cổ. Tác phẩm này là công trình ghi chép, san định của các môn đệ Khổng Tử và các học giả đời sau. Thoạt đầu, bộ sách này gồm 214 thiên. Về sau, Đới Đức san định, rút gọn thành 85 thiên, tục gọi là Đại Đới Ký. Về sau, Đới Thánh đời Hán lại chỉnh lý lần nữa, rút gọn thành 49 thiên, tục gọi là Tiểu Đới Ký. Lễ Ký thông dụng hiện thời chính là Tiểu Đới Ký. Nguyệt Lệnh là một thiên sách trong Lễ Ký, ghi chép những chánh lệnh trong 12 tháng. Chánh lệnh là những quy định, lễ nghi phải tuân thủ theo quan điểm cổ nhân.

tử bất bị, tất hữu hung tai" (Sấm sắp động. Kẻ nào chẳng biết kiêng cử chuyện ăn nằm thì sanh con chẳng vẹn toàn, ắt bị tai họa hung hiểm). *"Gõ mõ gỗ truyền lệnh cho nhân dân"* là sai quan địa phương truyền báo cho trăm họ. *"Dung chỉ"* còn gọi là *"động tịnh"*. *"Bất giới dung chỉ"* (chẳng biết kiêng cử chuyện ăn nằm) là cứ ân ái. *"Sanh con chẳng vẹn toàn"* nghĩa là ngũ quan[129] chẳng hoàn toàn v.v… Trong đời thường có kẻ sanh con chẳng ra người, hoặc thân hình thiếu sứt đều là vì lẽ này. *"Ắt có tai họa hung hiểm"* ý nói cha mẹ còn gặp tai ương nguy hiểm như mắc bệnh ngặt nghèo, yểu thọ v.v… chứ chẳng phải chỉ sanh con không vẹn toàn! Thời xưa, thánh vương coi trọng mạng dân nên đặc biệt chú ý đến điều này, gõ mõ gỗ để báo cho dân biết. Chẳng những khi sấm sắp động nên kiêng kỵ, mà ngay cả khi mưa to gió lớn, gặp ngày có sao xấu, và lúc đổi mùa, nhằm ngày đản sanh của Phật, Thánh đều nên kiêng kỵ cả.

Đây thật là đại đạo tôn trời kính thánh, tuân theo vương pháp, giữ vẹn nhân luân. Tiếc rằng người đời nhất loạt chẳng chịu nói ra điều này khiến cho thể chất của con cháu đời sau ngày càng tệ hơn đời trước, hoặc là tuổi trẻ đã sớm chết yểu, hoặc vì hành dục quá độ, dẫu không chết yểu, cũng trở thành suy tàn, không làm nên trò trống gì! Quá nửa đều là do cha mẹ chẳng biết đạo nhân luân mà nên nỗi! Cha mẹ không biết là vì ông bà không dạy. Lúc con cái trưởng thành, nên đem những chuyện tiết dục bảo tồn thân thể v.v… cặn kẽ bảo ban, cha dạy con gái không tiện, còn mẹ thì không ngại gì! Làm được như thế mới là thật sự yêu thương con cái. Nhưng thế gian yêu thương đa phần là mặc cho nó phóng túng dục sự thì cái hại ấy còn quá giết chết con cái nữa, chẳng đáng buồn ư?

Thánh nhân trọng thai giáo, hết sức chú ý đến điều này: Lúc chưa có thai đã chuẩn bị dạy sẵn. Tôi lạm dự vào Tăng chúng, há nên lại bàn chuyện ăn nằm giữa vợ chồng? Là vì trước khi xuất gia đã từng coi những lời luận bàn chí lý của cổ nhân về chuyện củng cố cái gốc, nên muốn truyền cho tri kỷ để báo cái ân hộ pháp. Một lẽ nữa là vì đức Phật là đại y vương, không bệnh nào chẳng trị, Quang làm đệ tử Phật cũng muốn tùy phận, tùy sức hành y đạo. Căn bệnh này là căn bệnh lớn chung của cả thế gian. Nếu cứ để cho căn bệnh lớn phổ biến của cả thế gian này mặc tình phát sanh nẩy nở, chuyên đi trị những căn bệnh riêng biệt nhỏ nhặt khác, há chẳng phải là điên đảo không phân nặng - nhẹ hay sao?

Đặng Bá Thành cũng muốn cầu con, Quang viết thư cũng lược thuật ý này, đến khi ông Úy Như ấn hành ba lá thư ấy và in bộ Văn Sao đều lược đi, vì cho

[129] Ngũ quan: Theo tự điển Từ Hải, Ngũ Quan có hai cách hiểu: 1. Tai, mắt, mũi, miệng, tim. 2. Tai, mắt, mũi, miệng, da.

rằng chuyện ấy chẳng hợp với tăng sĩ, cũng chẳng hợp với những gì đã nói trong Phật pháp. Ý ấy cố nhiên là tốt lành, nhưng người ta khổ vì không con, dám đem sự ấy hướng về Phật mà cầu, hướng về Tăng mà nói, Tăng bèn vì người ấy nói đầu đuôi thiện pháp, khiến cho con cháu người ấy đều được đại thọ dụng thì nào có lỗi gì! Cho rằng Tăng dạy người tiết dục là lạm bàn dâm dục, hóa ra Tăng dạy người tránh giết chính là dính vào sát nghiệp ư?

Nhưng chuyện này chẳng thể nói cùng kẻ vô tri vô thức, sợ hắn không hiểu được ý, trái lại còn giễu cợt. Nếu nói cùng người quân tử hiểu lý, đúng là chẳng có địa vị mà lại gõ mõ gỗ để hiệu triệu nhân dân. Trị khi chưa loạn, giữ đất nước khi chưa nguy chính là cùng một phương kế với điều này vậy. Bảo nói đến chuyện này là sai trái thì thánh vương, thánh hiền, Phật, Bồ Tát chính là đầu sỏ gây lỗi vậy. Ở Hồ Nam có một nho sĩ họ Lưu, không nhớ tên, cưới vợ nhưng không gần gũi. Vợ bảo: "Cưới vợ vốn để sanh con, ông không gần gũi thì dòng giống bị đoạn tuyệt", bèn gần gũi một lần, sanh được con, nhân đó đặt tên là Truyền Chi, rồi tuyệt dục. Vợ lại bảo: "Chỉ một mụn con, trơ trọi không nương tựa, chi bằng sanh thêm một đứa nữa". Lại gần vợ lần nữa, lại sanh con, đặt tên là Tái Chi, hai con đều vào viện Hàn Lâm. Cả đời người ấy chỉ ân ái hai lần, nhưng lại ghi rõ những ngày nên kiêng ăn nằm, cũng như thanh tâm ít dục, bảo tồn nguyên khí, khang kiện tinh thần, chép vào trong gia phả ngõ hầu con cái đời đời tuân theo đó. Một người bạn ở Hồ Nam kể cho tôi nghe chuyện này.

Muốn cầu quý tử mà bỏ cách này để cầu thì dù có được, cũng chỉ là chuyện cầu may. Cầu theo cách này thì cầu ắt được! Phàm đỗ đạt đều là do tổ phụ có đại âm đức. Nếu không âm đức cứ dùng sức người để phát khởi ắt sẽ có đại họa về sau, chẳng thà không phát còn tốt hơn! Xem khắp từ xưa đến nay, bậc đại thánh đại hiền sanh ra đều là do tổ phụ tích đức mà được, đại phú đại quý cũng thế. Con cháu sanh trong phú quý chỉ biết hưởng phước tạo nghiệp, quên mất tổ phụ đã một phen vun bồi, do đấy chôn vùi tổ đức, phá sạch tổ nghiệp, trở thành nghèo hèn. Đấy chính là căn bệnh chung cho những người phú quý trong cả cõi đời.

Đời đời giữ được đức tổ tiên, vĩnh viễn không thay đổi chỉ có nhà họ Phạm ở Tô Châu xưa nay là bậc nhất. Từ Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm[130]) đời

[130] Phạm Trọng Yêm (989 - 1052), người đời Tống, tự là Hy Văn, mồ côi cha từ năm hai tuổi, nhà nghèo nên mẹ phải tái giá. Lớn lên một chút, bèn bỏ nhà ở nhờ ngôi chùa trong làng, dốc sức học hành. Sau đỗ Tiến Sĩ, giữ chức Giảo Lý trong Bí Thư Các. Thường khảng khái luận chuyện thiên hạ, sĩ phu đương thời rất kính trọng. Ông làm tướng thời Tống Nhân Tông, trấn thủ tỉnh Thiểm Tây, phòng ngự quân Tây Hạ, giặc chẳng dám xâm phạm. Sau bị sàm báng, bị truất làm Thị Lang bộ Hộ. Ông mất năm Hoàng Hựu thứ tư, hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi, được truy tặng chức Binh Bộ Thượng Thư, đặt thụy hiệu là Văn Chánh (do vậy, tổ Ấn Quang thường gọi ông là Văn Chánh Công). Trọng Yêm nghiêm trì giới luật, khắc khổ tinh chuyên. Dù làm quan lớn, thích thân cận cao tăng, tham cứu Thiền pháp, thích làm lành, bố thí, tạo nghĩa điền (ruộng nghĩa) nuôi người nghèo. Ngày ông mất, tiếng than khóc khôn xiết kể, dân chúng khóc như mất cha mẹ vậy.

Tống cho mãi đến cuối đời Thanh, hơn tám trăm năm gia phong chẳng đọa, luôn luôn đỗ đạt, có thể nói là nhà đức hạnh thư hương đời đời. Họ Bành (dòng họ của ông Bành Tế Thanh) ở Trường Châu từ đầu đời Thanh đến nay đỗ đạt đứng đầu thiên hạ. Nhà ấy bốn năm người đỗ Trạng Nguyên, có khi anh em cùng đỗ ba hạng đầu của bảng vàng, nhưng họ đời đời sùng phụng Phật pháp, dẫu là trạng nguyên, tể tướng vẫn hằng ngày đọc Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn ngõ hầu thành ý chánh tâm, làm tấm gương tận trung với vua, yêu dân. Kẻ cuồng sinh kia cho những sách ấy là những chuyện để ông già, bà cả dốt nát thực hành, chẳng những không biết vì sao thánh hiền thành thánh hiền mà còn chẳng biết con người phải nên làm người như thế nào nữa. Sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, nhưng ác nghiệp khó tiêu, vĩnh viễn trầm luân ác đạo. Bọn họ vênh váo tự cho mình là người thông suốt hiểu rộng đến nỗi đời sau trong thời gian không biết là bao lâu sau, những danh từ "trời đất, cha mẹ" còn chẳng được nghe!

Muốn cho con cháu chẳng theo con đường hư hỏng, cùng vào chánh đạo, hãy nên dùng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng Nghĩa làm kim chỉ nam định hướng, dù thế tục tập nhiễm sóng ác ngập trời, mây đen che khuất mặt trời cũng chẳng đến nỗi không biết phương hướng, lạc lõng, chìm đắm. Nếu không, dẫu gió lặng, sóng yên, mặt trời rạng chiếu, cũng khó giữ khỏi lặn ngụp, bị đắm chìm mất. Huống chi trọn chẳng có hy vọng thế đạo nhân tâm sẽ sóng yên, gió lặng, mặt trời chiếu rạng! Phải biết hai chữ Âm Đức bao trùm rộng lắm! Khiến cho con em người ta được thành tựu, khiến cho chúng được dự vào bậc thánh hiền, cố nhiên là âm đức. Thành tựu con em của chính mình, khiến cho chúng nó được dự vào bậc thánh hiền cũng là âm đức. Trái lại, khiến cho con em người ta bị lầm lạc cố nhiên bị tổn đức, mà làm con cái mình lầm lạc cũng bị tổn đức. Nếu đủ sức làm được thì còn may mắn nào hơn? Nếu không thì hãy nêu gương thánh, gương hiền qua những cư xử hằng ngày trong gia đình, đấy chính là tu chân ngay trong cõi tục, hiện thân cư sĩ để thuyết pháp vậy. Mong ông hãy đem ý này bảo cùng lệnh hữu và hết thảy bạn tri giao, tha thiết bảo ban, chưa bao giờ không phải là một cách để tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha vậy!

154. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết phu nhân mắc phải bệnh tật đã hơn cả tháng. Dùng thuốc khó khăn, các thầy thuốc đều bó tay. Nhằm ngay lúc này, đúng là lúc nên dùng thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh. Các hạ hay đem thuốc này thí khắp cho người, sao đối với bệnh của phu nhân lại chần chừ, lo ngại khó dùng thuốc

này vậy? Lệnh lang, lệnh ái, lệnh tức[131] v.v… đều thọ ân sanh thành; đúng ngay lúc thân mẹ mắc bệnh nặng, sống chết khó bảo đảm này, hãy dạy họ ai nấy vì mẹ chí thành khẩn thiết niệm *"nam-mô A Di Đà Phật"*, để cầu tuổi thọ mẹ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, tuổi thọ đã hết sẽ mau được sanh về Tây Phương. Các cậu con trai… hiếu tâm thuần thành, sốt sắng, ắt đều như cứu đầu cháy, sẽ thường trì niệm. Như thế chẳng phải chỉ hữu ích cho phu nhân mà còn có lợi ích sâu xa cho các cậu con trai, các cô con gái v.v… nữa! Phàm con người mắc bệnh, có thể dùng thuốc để trị được thì cũng không nhất quyết chẳng dùng đến thuốc. Nếu chẳng dùng thuốc để trị được thì dù có thuốc tiên cũng vô ích, huống gì là thuốc thế gian?

Bất luận bệnh có trị được hay không, đều nên uống thuốc A Già Đà. Thuốc này tuyệt đối chẳng hại người, uống vào dù thân hay tâm đều thấy công hiệu. Người sống trong thế gian, bất luận lâu mau, rốt cục đều phải chết. Chết không đáng tiếc, chết rồi sẽ đi về đâu há chẳng nên sắp đặt sẵn ư? Người có sức tự mình sắp đặt thỏa đáng sẵn sàng thì khi lâm chung cố nhiên chẳng cần đến ai khác giúp đỡ, nhưng nếu được phụ trợ lại càng thêm đắc lực. Người không có sức nên bảo gia thuộc thay mình niệm Phật, ắt đề khởi được chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn cứ bị ái tình trói buộc y như cũ, trụ mãi nơi đây không thoát ra được!

Quang nói lời này chẳng những vì lệnh phu nhân tính kế mà còn vì thái phu nhân đã tám mươi ba tuổi, dẫu đức của các hạ đủ để kéo dài tuổi thọ của mẹ, sau này rốt cuộc phải có ngày qua đời. Sợ các hạ chưa thể nghĩ tới điều này, lại chú ý lo chạy thuốc men, tức là bỏ gốc theo ngọn, chẳng đạt lợi ích. Trái lại, khiến cho nhất tâm niệm Phật do bận bịu nơi thuốc men thành ra gián đoạn, chẳng thể thuần nhất. Như thế sẽ bị tổn hại lớn. Vì thế, nương theo căn bệnh của phu nhân, trình bày sẵn để các hạ tận tâm lực lo cho điều mà thần thức của mẹ sẽ đạt được, ngõ hầu rốt cuộc các hạ có thể báo được ân mẹ. Nay đem bài "Nêu Tỏ Ý Nghĩa Phật Tánh và Trợ Niệm Cho Trần Liễu Thường"[132] gởi kèm theo thư, tuy văn không tao nhã, trôi chảy, nhưng ý nghĩa thì có thể chấp nhận được.

Đối với việc cầu an cho người bệnh, tiến vong, người đời nay hay chú trọng tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục[133] v.v… Quang đều bảo những bạn bè

---

[131] Lệnh tức: Tiếng gọi con dâu người khác một cách kính trọng.

[132] Xin coi bài "Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh" trong quyển 4

[133] Còn gọi là Thủy Lục Trai, Thủy Lục Đạo Tràng, Bi Trai Hội. Đây là pháp hội thí thực cho tất cả hữu tình sống trong nước (thủy) trên đất liền (lục) và các loài ngạ quỷ. Nguyên khởi do Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) mộng thấy có vị Tăng dạy lập đàn Thủy Lục, cúng thí cho lục đạo tứ sanh. Vua bèn ra lệnh cho biên tập khoa nghi từ các kinh điển, dựa theo chuyện A Nan gặp Diện Nhiên ngạ quỷ (quỷ mặt bốc lửa cháy bừng bừng), được Phật

quen biết nên niệm Phật, bởi niệm Phật lợi ích hơn tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục nhiều lắm. Vì sao vậy? Tụng kinh thì người không biết chữ chẳng thể đọc theo. Dù biết chữ nhưng tụng nhanh như nước chảy thì người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng được. Người biếng nhác tuy tụng được nhưng cũng không chịu tụng, thành ra hữu danh vô thực. Bái sám, làm đàn Thủy Lục cũng cứ theo đó mà suy. Niệm Phật thì không một ai chẳng thể niệm được, dẫu cho kẻ biếng nhác không chịu niệm, nhưng mọi người đồng thanh cùng niệm, kẻ ấy nếu không bịt tai thì một câu Phật hiệu cố nhiên sẽ rành rẽ phân minh rót vào tâm, tuy chẳng niệm mà cũng chẳng khác gì niệm. Như người nhiễm hương thân có mùi thơm, tuy không cố ý muốn thơm mà ngờ đâu lại được như thế. Vì thân quyến đảo bệnh, cầu siêu, không thể không biết điều này.

155. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ hai)

Ngày Hai Mươi Tám tháng Năm nhận được thư viết ngày 24, biết tôn phu nhân bệnh tình trầm trọng, các thầy thuốc đều bó tay, nhân đó yêu cầu gia quyến vì bà ta niệm Phật ngõ hầu tuổi thọ chưa hết sẽ mau lành, tuổi thọ đã hết sẽ mau được vãng sanh. Chẳng ngờ phu nhân tịnh nghiệp đã chín muồi bèn thoát xác ra đi, hôm qua nhận được thư Khế Tây gởi đến mới biết, khôn ngăn than thở cho các hạ đã mất đi vợ hiền, lệnh lang mất nơi nương tựa. Nhưng phu nhân túc căn sâu dầy, nên mới khiến cho lệnh từ[134], các hạ và lệnh lang v.v… cùng tha thiết nghĩ đến sự vô thường, gấp cầu xuất ly, riêng dùng thân mình thuyết pháp, ngõ hầu mọi người cùng tu Tịnh nghiệp, đồng sanh Tịnh Độ vậy! Quang được lọt vào mắt xanh, cũng chẳng thể không tận hết tấm lòng, nhưng Quang luôn khác với người đương thời, tuy hết sức đau buồn trước tang tóc của thân hữu, nhưng trọn chẳng làm những chuyện phúng viếng, viết điếu văn v.v… chỉ trong khóa tụng sáng tối, đối trước Phật hồi hướng một hai thất cho trọn tình bạn. Chiều tối hôm qua đã vì phu nhân hồi hướng, toan lấy hai thất làm chừng, nhưng ban ngày đủ mọi chuyện bận rộn, chỉ ban đêm mới có lúc rảnh. Mong các hạ đem đại nghĩa khai thị cho các con để họ lắng buồn, niệm Phật, ngõ hầu người mất, kẻ còn đều được lợi ích. Nếu chấp theo tình đời, buồn đau đến cùng cực, rốt cuộc có ích gì cho vong linh của mẹ đâu!

Làm Phật sự, bất tất phải niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, bởi những chuyện ấy đều thuộc bề ngoài, nên chuyên niệm Phật, khiến cho các con trai gái từ đầu đến cuối đều niệm theo, những người nữ nên ở trong phòng niệm, chẳng nên ngồi sau chư Tăng. Như thế thì chẳng những tôn phu nhân và lệnh quyến

---

dạy tạo Bình Đẳng Hộc để thí cho ngạ quỷ, soạn ra khoa nghi, tu Thủy Lục Trai Hội tại chùa Kim Sơn khoảng năm 504. Khoa nghi này được các đời sau bổ sung chi tiết hơn

[134] Lệnh từ: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng mẹ người khác.

thật sự được lợi ích mà ngay cả những vị Tăng niệm Phật và những ai thấy nghe không ai chẳng được lợi ích. Phàm khi làm Phật sự, nếu chủ nhân chịu tham dự đàn tràng thì Tăng sẽ tự phát tâm chân thật, nếu chủ nhân chỉ làm cho đủ lệ, thì Tăng cũng chỉ làm chiếu lệ! Như một kỳ Phật sự đã xong, trong ban đêm tổ chức lễ Diệm Khẩu[135] là xong.

Quang đem chuyện bốn mươi ba năm trải đời của mình tỏ bày cho tri kỷ. Nếu chẳng coi lời này là hủ bại, thì may mắn lắm! Thư chưa dán đã thấy bưu tá mang thư các hạ viết hôm mồng Năm đến, nhân đấy biết phu nhân bệnh tình tuy nặng, nhưng chánh niệm vẫn phân minh, đã có thể thường thấy Đại Sĩ, lại thêm có tín nguyện, có thể đoan chắc bà ta được vãng sanh. Như trong thư nói cho [người đã khuất] ăn mặc theo kiểu ni cô thì không nên; bà ta đã nguyện thọ Tam Quy, Ngũ Giới thì vẫn cứ mặc thường phục, đắp thêm pháp y lên trên là được rồi (pháp y chính là áo dài Tăng nhân thường mặc), hoặc mặc vào thân, hoặc xếp vào trong quan tài. Nếu quan tài đã đóng thì đốt trước linh vị, quy y, thọ giới sẽ tiến hành trong đêm nay, một mình Quang đối trước Phật kiền thành lễ bái xong, sẽ thuyết giới [cho phu nhân]. Vì thế, chẳng nên dùng các nghi thức phô trương lòe loẹt, chỉ nên lấy lòng chí thành cảm thông là được rồi. Pháp danh sẽ là Uẩn Không, trở thành Tam Quy Ngũ Giới Ưu Bà Di vậy. Nếu làm như hình thức ni sư thì về sự, về lý đều bị trở ngại.

---

[135] Diệm Khẩu: Pháp sự nhằm thí thực cho ngạ quỷ căn cứ trên Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh. Pháp hội này lấy ngạ quỷ làm đối tượng chủ yếu để cúng thí, thường được cử hành nhằm hồi hướng công đức cầu siêu cho người đã khuất. Pháp cúng căn bản của Diệm Khẩu là cúng nước sạch, cùng một chút thức ăn như cơm, mì, bánh trái v.v.. tụng chú Biến Thực, chú Cam Lộ Thủy mỗi thứ bảy biến, xưng danh hiệu các vị Phật Đa Bảo, Diệu Sắc Thân, Ly Bố Úy v.v.. rồi đổ vào chỗ đất sạch. Về sau, những nghi thức Diệm Khẩu thêm vào các khoa phức tạp hơn như thăng tòa, nhập định, sái tịnh, quy y, đạo tràng quán, hiến Mạn Đà La v.v… Theo Mật điển, khoa nghi này không được cử hành kéo dài quá 11 giờ đêm vì sau giờ đó, các ngạ quỷ không ăn được nữa. Bản kinh Diệm Khẩu được dịch sớm nhất ở Trung Hoa bởi ngài Thật Xoa Nan Đà (tức kinh Cứu Diện Nhiên Ngạ Quỷ Đà La Ni và Cam Lộ Đà La Ni) vào đời Đường. Về sau, ngài Bất Không Tam Tạng dịch thêm Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh. Đến đời Tống, do nhận thấy chư sư thực hành khoa này chưa đúng cách nên ngài Tuân Thức bèn soạn lại nghi thức, ngoài các mật chú, còn thêm phương pháp quán tưởng của tông Thiên Thai, chia pháp thí thực thành ba loại: Hộc Liệu, Minh Đạo và Thủy Lục. Hộc Liệu chính là Du Già Diệm Khẩu, Minh Đạo chính là đại trai Vô Giá thí thực cho người cõi âm. Thế nhưng vẫn có vị như Tông Hiểu chủ trương thí chung tất cả như thí Khoáng Dã Quỷ Thần, Quỷ Tử Mẫu v.v… Đến đời Nguyên, do ảnh hưởng của Mật Giáo, nghi thức Du Già Diệm Khẩu của Tây Tạng được truyền vào Trung Hoa. Nghi thức này cũng hơi giống với khoa nghi Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh do ngài Bất Không dịch, nhưng thêm các phần Tam Quy, Đại Luân Minh Vương Thần Chú, Chuyển Pháp Luân Bồ Tát Chú, danh hiệu 35 vị Phật, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Kệ, nhập Quán Âm định, Phá Địa Ngục chân ngôn, phần sau lại thêm những chú như Tôn Thắng Chân Ngôn, Kim Cang Tát Đỏa Bách Tự Chú v.v… Đến đời Minh, do các khoa nghi Diệm Khẩu truyền thừa bất nhất, trở thành mạnh ai nấy làm theo cách mình, nên ngài Thiên Cơ bèn san định lại, lược bỏ những chỗ rườm rà, soạn thành Tu Tập Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi, khoa nghi này được gọi là Thiên Cơ Diệm Khẩu. Tổ Vân Thê Liên Trì của Tịnh tông lại san định khoa nghi Diệm Khẩu của ngài Thiên Cơ một lần nữa, soạn thành Tu Thiết Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi, đồng thời viết lời chú giải. Năm Khang Hy 32 (1693), ngài Đức Cơ ở núi Bảo Hoa lại biên tập khoa nghi do tổ Liên Trì soạn một lần nữa, đặt tên là Du Già Diệm Khẩu Thí Thực Tập Yếu. Khoa nghi này thường được gọi là Bảo Hoa Diệm Khẩu. Ngày nay, hai khoa nghi Diệm Khẩu được sử dụng phổ biến nhất ở Trung Hoa là Thiên Cơ và Bảo Hoa Diệm Khẩu. Ở Việt Nam, khoa nghi Trai Đàn Chẩn Tế do chư Tổ người Việt soạn, có các bước pháp sự gần giống với đàn Thủy Lục hơn Diệm Khẩu.

Nên khuyên lơn các con trai gái, dâu v.v… lấy chí thành tựu sự vãng sanh cho mẹ làm hiếu, nỗ lực thay mẹ niệm Phật, ngõ hầu phẩm sen được cao thêm, hoa nở mau hơn, đấy mới là tận hiếu. Đừng uổng công bắt chước người đời làm chuyện vô ích gây hại cho chuyện hữu ích. Còn về tang sự, từ đầu đến cuối chẳng ăn mặn, để nhờ vào đây dạy dỗ cho kẻ ngu tục. Đấy cũng là trách nhiệm lớn lao của ông vậy!

156. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ ba)

Thư ngày mồng Chín đã nhận được, hôm qua nhận được thư ngày mồng Mười, biết tôn phu nhân quả thật được vãng sanh, trọn không còn nghi ngờ gì nữa! Đời trước bà ta đã vun bồi lớn lao nơi pháp môn Tịnh Độ, tiếc rằng các hạ đề xướng hơi chậm, chứ nếu đề xướng trước đó mười năm khiến cho đối với pháp môn Tịnh Độ dù sự hay lý thảy đều hiểu rõ lại thêm tận lực tu tập thì bà ta sẽ thành tựu Tịnh nghiệp không biết cao trỗi hơn bao nhiêu lần nữa! Bình thời, tâm yêu thương con cháu sâu nặng, tự nghĩ mình yếu hèn, đến lúc lâm chung lại bỏ sạch tình ái, quyết chí cầu sanh, đấy chính là thiện căn đời trước sai khiến. Bình thời, nằm hướng mặt về Đông, lúc lâm chung ngoảnh mặt về Tây nằm bên hông phải, cũng là do sức thiện căn đời trước xui khiến nên mới không mong cầu mà được như vậy. Lúc lâm chung có những thứ tướng lành sẽ chắn chắn vãng sanh, không cần phải khám xem hơi nóng nơi đảnh và ngực chỗ nào lạnh trước! Mặc pháp y hiện hình tướng đệ tử Phật, thỏa mãn ý nguyện, thật tốt lành thay!

Đã dặn dò con trai, con gái, dâu… sáng chiều đối trước bài vị niệm Phật cho nhiều thì các hạ nên khai thị cho họ biết: Thỏa nguyện cho thần thức của mẹ chính là hiếu cùng cực; dù thật sự được vãng sanh vẫn phải chí thành niệm Phật để cầu cho phẩm sen được tăng cao, mau chứng Vô Sanh, ai nấy tận hết lòng hiếu kính. Chuyện này tuy là lợi lạc cho vong linh nhưng cũng giúp cho con trai, con gái, dâu v.v… cùng gieo căn lành. Nếu đứa cháu nào niệm được cũng bảo chúng niệm theo. Lúc lâm chung, cả nhà không khóc lóc, niệm Phật là có lợi ích nhất. Lúc ấy tuy ngắn ngủi nhưng nên trong ba tiếng đồng hồ, không dứt tiếng niệm Phật, chẳng cất tiếng khóc, và di chuyển v.v… là tốt nhất. Mong hãy nhớ kỹ!

Lục số[136] cũng không cần phải bày vẽ thêm thắt, bởi nó không quan trọng, khẩn yếu. Nếu cho đó là nhất định thì lại thành ra xuyên tạc. Phải biết Sáu là

[136] Lục số: một khái niệm dựa theo Dịch Học. Căn cứ theo Hà Đồ Lạc Thư, người ta chia ra Thiên Số và Địa Số. Địa Số gồm những số chẵn 2, 4, 6, 8, 10. Số 6 thuộc Âm, hào Âm cũng được gọi là hào Lục. Quẻ Khôn (tượng trưng cho đất, cho nữ giới) cũng thuộc về Âm. Phép Lục Số ở đây là nói đến chuyện coi ngày giờ chết để đoán định sự cát hung cho người thân còn đang sống.

con số của quẻ Khôn, phu nhân trọn vẹn đức hạnh người nữ, kham làm khuôn mẫu cho đời, dẫu cho không có con số nào là Sáu, nhưng từ sống đến chết, hằng ngày xoay vần trong con số Sáu, vì thế không một hơi thở nào không phải là Sáu. Ý nghĩa của con số Sáu là tận tụy làm, chứ không phải ở nơi năm tháng, nhà cửa v.v… Năm tháng, nhà cửa trúng nhằm con số Sáu cũng rất bình thường, trọn chẳng có mảy may gì lạ lùng, đặc biệt cả. Ấy là *"các pháp từ duyên sanh, các pháp theo duyên diệt"*.

Người ác nghiệp nặng cứ hở ra là bị tai họa, người thiện căn sâu dày, không gì chẳng tốt lành, cũng là tự nhiên như thế, chẳng an bài gì mà tợ hồ thật sự có an bài. Người đời muốn được tốt lành, may mắn nhưng chẳng biết vun bồi đức, như phá hủy đuốc để cầu ánh sáng, muốn đi về hướng Nam mà xoay bánh xe hướng về phía Bắc, uổng công nhọc nhằn khổ tâm, bị tổn hại vô ích. Mong hãy đem nghĩa này bảo cùng lệnh lang và dâu, con v.v…sẽ có lợi lớn lắm. Chuyện làm Phật sự, Quang trước đây đã nói rõ rồi. Mong đừng bắt chước thói đời, làm những chuyện sáo rỗng.

Nếu niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày thì so với chuyện tụng kinh lợi ích nhiều hơn lắm lắm. Phép niệm Phật trọng tại tín nguyện. Tín nguyện chân thành, khẩn thiết, dù trong tâm chưa thể thanh tịnh, cũng được vãng sanh. Vì sao vậy? Do trong tâm có Phật để có thể cảm, nên Phật Di Đà bèn ứng. Như nước trong sông, biển, chưa thể trọn không có tướng động, nhưng hễ không có gió bạo, sóng cuồng, thì vầng trăng sáng trên không trung sẽ hiện bóng rõ ràng. Cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Những ai chuyên trọng tự lực, chẳng cậy vào Phật lực là vì không biết đến nghĩa này vậy!

157. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ tư)

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ. Tôn phu nhân đời trước có đại thiện căn, nên được các hạ uyển chuyển giúp thành Tịnh nghiệp, hỗ trợ vãng sanh. Lại còn suất lãnh con trai, con gái, dâu v.v… niệm Phật dài lâu, há chẳng riêng gì người mất được lợi, mà quả thật cũng khiến cho những người kia gieo thiện căn sâu xa. Lập pháp như thế có thể nói là đại từ, so với người đời vẫn giữ chuyện sát sanh nên bị chiết phước tổn thọ, khiến người mất bị lụy chốn u đồ; há có thể sánh kể được ư?

Chuyện của tôn phu nhân có thể nói là đúng pháp, nhưng thái phu nhân tuổi đã tám mươi ba, hãy nên thường khuyên dụ, khiến cho cụ tín nguyện niệm Phật. Nếu muốn cho cụ suốt ngày niệm Phật, e rằng chẳng thể làm như thế được. Trước đây tôi đã từng muốn lập cách để trợ niệm ngay khi còn sống, nhưng nghĩ chưa ra. Khi trấn thủ sứ Vương Duyệt Sơn đưa mẹ lên núi, thấy

quyến thuộc đông đảo, nhân đấy tìm được một cách trợ niệm tuyệt diệu; tôi đã từng nói đại lược cùng ông ta, nay cũng đem những lời đã bảo cùng ông ta kể với các hạ. Nếu các hạ thực hành được thì ông ta cũng chẳng đến nỗi coi thường bỏ xó, cũng là đạo tự lợi, lợi tha vậy!

Trong quyến thuộc của các hạ thì các ông con trai ai nấy đều có công việc làm, cố nhiên khó thể thường xuyên hành theo được, nhưng bọn con dâu thì vô sự rảnh rỗi, bọn tớ gái như các bà vú v.v… cũng không có chuyện gì quan trọng, nên dạy bọn họ căn theo đồng hồ, suốt ngày ở bên cạnh thái phu nhân, lớn tiếng niệm Phật nửa tiếng đồng hồ. Hết giờ lại đổi phiên, suốt ngày không ngớt tiếng niệm Phật. Thái phu nhân có thể niệm theo thì cũng tốt, nếu chẳng thể niệm theo thì hãy bảo cụ nhiếp tâm lắng nghe, trong một ngày sẽ thường chẳng rời Phật. Mà những người kia cũng không mất sức, do trong một ngày, bất quá chỉ niệm một lần, hoặc hai lần, thời gian cách quãng cũng lâu. Bọn họ không có sự gì để phải chăm lo, nhờ vào việc này để tận lòng hiếu kính, gieo căn lành. Bọn tớ gái cũng nhờ vào nhân này gieo duyên thoát ly sanh tử.

Từ đây trở đi, lấy đó làm thường, dẫu cho thái phu nhân sống rất thọ, cũng chớ để cách này bị thiếu sót giữa chừng, lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Phàm những ai có tín tâm muốn thành tựu đạo nghiệp vãng sanh cho cha mẹ, đều nên đem lời này bảo cùng họ. Các hạ việc nước đa đoan, chẳng thể lập giờ giấc nhất định. Nếu có rảnh rỗi cũng nên niệm như thế một lần để làm gương thì con, dâu, tớ gái v.v... cũng sẽ hớn hở, hoan hỷ. Ý Quang cho rằng hành như thế quả thật là thuận tiện, ích lợi, nên đem cách này viết thành một bài, in kèm vào sau bộ Ấn Quang Văn Sao để những người muốn báo ân phụ mẫu chẳng đến nỗi uổng công ngâm câu *"hạo thiên võng cực"*[137]

158. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh

Nhận được thư, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Pháp Trì Danh là pháp thích ứng căn cơ nhất trong đời Mạt Pháp. Ngài Thiện Đạo tuy sớ giải Quán Kinh, nhưng thật ra Ngài trọng nhất hạnh Trì Danh. Chẳng thấy [đoạn văn Ngài viết]: *"Chúng sanh đời Mạt Pháp thần thức chông chênh, tâm thô, cảnh tế, quán khó thành tựu. Đại Thánh bi mẫn, riêng khuyên chuyên trì danh hiệu, bởi xưng danh dễ dàng, [niệm Phật] liên tục bèn được vãng sanh"* hay sao? Tuy có mười sáu hạnh (pháp quán), nhưng hành giả tu tập phải hành từ pháp dễ tu trước,

[137] Bài thơ Lục Nga (cỏ nga xanh mướt) trong phần Nhĩ Nhã của kinh Thi, có đoạn: *"Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, phụ ngã súc ngã, trưởng ngã dục ngã, cố ngã phúc ngã, xuất nhập phúc ngã, dục báo chi đức, hạo thiên võng cực"* (Tạm dịch: Cha sanh ra ta, mẹ nuôi nấng ta, vỗ về chăm nom, quan tâm che chở, ra vào lo lắng, muốn báo ân đức, trời xanh thăm thẳm, khôn thấu cho cùng). Cổ nhân thường mượn bài thơ này để diễn tả nỗi lòng người con ngậm ngùi, hận chưa báo được ân cha mẹ.

hoặc là quán tướng Bạch Hào[138] của Như Lai, hoặc quán tưởng pháp Tạp Quán thứ mười ba. Đến phần quán chín phẩm, chẳng qua là để cho người ta biết nhân trước và quả sau của hành nhân vãng sanh mà thôi. Chỉ mong hiểu rõ là được rồi, thật ra không cần phải quán riêng phép này.

Quán về mặt Lý không thể không biết, nhưng về mặt Sự, phải từ từ hành. Nếu không hiểu rõ Lý, quán cảnh chẳng rành, dùng cái tâm tháo động, bộp chộp để tu rất có thể khởi lên ma sự. Khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm lầm lạc nẩy sanh ý niệm vui sướng, thì cũng do vui sướng mà thành chướng, rất có thể bị lui sụt công tu tập từ trước. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Chẳng khởi tâm tưởng là thánh [cảnh] thì gọi là cảnh giới lành; nếu tưởng là thánh cảnh bèn vướng vào các tà"*. Mong ông nhất tâm trì danh, bởi đây là hạnh ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng. Đợi đến khi tâm đã quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền. Tứ Thiếp Sớ[139] bị [in chép] sai ngoa rất nhiều; hai mươi năm trước, Quang đã từng giảo chánh đại lược. Năm ngoái, hòa thượng Diệu Liên thuộc Quán Âm Am ở ngõ Dương Bì tại Nam Kinh muốn khắc riêng bản ấy, sang năm chắc sẽ ra sách, xin hãy thỉnh về xem.

Tùy Tự Ý tam-muội[140] là hạnh cùng tu của ba căn thượng, trung, hạ. Người niệm Phật tuy chẳng chuyên lấy pháp ấy làm chủ, nhưng cũng không thể không biết. Biết pháp này thì tâm Bồ Đề niệm Phật càng thêm thù thắng, bởi biết đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, nói năng, không lúc nào chẳng phải là lúc tự lợi, lợi tha. Nhưng cần phải từ *"không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, ăn chay, kiêng giết"* mà khởi sự thì mới là người thật sự niệm Phật vậy.

---

[138] Bạch Hào (ūrna laksana): Còn gọi là hào tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuyễn bạch đâu-la-miên tướng. Đây là một trong 32 tướng hảo của đức Như Lai. Tức là khoảng giữa hai mày Phật có một sợi lông mềm mại, trắng, sạch, cuộn tròn, kéo ra dài đến một Tầm (có kinh nói lúc sơ sanh dài năm thước Tàu, lúc thành đạo dài một trượng sáu), buông tay ra liền uyển chuyển xoay về phía hữu, trông như một con ốc trắng, bên trong rỗng, lóng lánh như ống lưu ly. Bạch Hào trông xa như một viên minh châu giữa trán, tỏa quang minh chói ngời, quang minh ấy gọi là "bạch hào quang". Chúng sanh được quang minh ấy chạm vào bèn tiêu trừ túc nghiệp, thân tâm yên vui. Tướng này do trong lúc tu nhân, Như Lai luôn tán dương tùy hỷ những người tu tập Giới - Định - Huệ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải, tướng Bạch Hào là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của Như Lai (theo kinh này, ba mươi hai tướng đại nhân chỉ là ba mươi hai tướng tiêu biểu, dễ thấy nhất trong vô lượng tướng của Như Lai).

[139] Tứ Thiếp Sớ chính là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo trước tác. Do tác phẩm này được chia thành bốn quyển nên còn gọi là Tứ Thiếp Sớ.

[140] Theo Ma Ha Chỉ Quán, quyển 2, Tùy Tự Ý tam-muội là một trong bốn loại tam-muội của tông Thiên Thai, còn gọi là *"phi hành phi tọa tam-muội"*. Gọi là Tùy Tự Ý với ngụ ý: Hễ khởi ý liền tu tập Thiền Định, chẳng hạn cuộc là đi, đứng, hay nằm, ngồi. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã gọi cách tu này là Giác Ý tam-muội, ngài Nam Nhạc Huệ Tư gọi là Tùy Tự Ý tam-muội, với thâm ý: Trong hết thảy thời, hết thảy sự, tùy ý dụng quán, hễ niệm khởi bèn giác, hễ ý khởi bèn tu tam-muội.

159. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu

Nhận được thư, biết túc căn rất sâu, hạnh hiện tại khá thuần, nên mới có các cảnh tướng thù thắng hiển hiện, nhưng người đời nay quá nửa là chuộng thể diện, xây lầu gác trên không. Tuy chỉ có một phần, nửa phần, lại nói là có trăm ngàn vạn phần. Như trong cuốn sách của ông cư sĩ X… nọ, những cảnh giới được thuật toàn là do ngọn bút tạo ra, chẳng phải do tâm địa tạo thành. Cố nhiên ông chẳng bịa chuyện, tôi thật chỉ sợ ông có tập khí ấy thì lỗi hại chẳng nhỏ. Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để ngăn ngừa thói tệ này. Nếu như thấy nói là không thấy, không thấy nói thấy thì thuộc vào hạng vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa nói cảnh giới thù thắng, chính là phạm vào giới đại vọng ngữ; chưa đắc bèn nói là đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, tội ấy còn gấp trăm ngàn vạn ức lần tội giết, trộm, dâm! Người ấy nếu chẳng tận lực sám hối, khi một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục A Tỳ, bởi kẻ ấy hoại loạn Phật pháp, gây lầm lạc, nghi ngờ cho chúng sanh.

Ông phải rất thận trọng; thấy cảnh chỉ có một phân chẳng được nói lên một phân mốt, cũng chẳng được nói chín ly chín. Nói quá lên cũng là tội lỗi, mà nói giảm cũng là tội lỗi. Vì sao vậy? Do hàng tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhãn, chỉ có thể dựa vào lời nói để phán định. Đem cảnh giới ấy thưa cùng tri thức để chứng minh tà - chánh, đúng - sai thì không có lỗi gì. Nếu chẳng vì để chứng minh, chỉ muốn tự khoe khoang, cũng sẽ có lỗi. Nếu hướng về hết thảy những người khác nói ra thì sẽ mắc lỗi! Ngoại trừ chuyện cầu tri thức chứng minh ra, đều không được nói. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn không thể đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Cái ải lớn nhất của người tu hành này trong giáo thuyết tông Thiên Thai đã nhiều lần nói đến. Sở dĩ gần đây những người tu hành phần nhiều bị ma dựa, đều là do tâm tháo động, vọng niệm, mong cầu cảnh giới thù thắng. Đừng nói là cảnh ma, dẫu cho cảnh ấy là cảnh thù thắng, vừa sanh tâm tham chấp, hoan hỷ v.v… bèn bị tổn hại, chẳng được lợi ích, huống chi cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư? Nếu người ấy có hàm dưỡng, không mang tâm bộp chộp, vọng động, tâm không tham đắm, dù thấy các cảnh giới cũng hệt như không thấy. Đã không sanh tâm hoan hỷ, tham đắm, lại chẳng sanh tâm sợ hãi, kinh nghi, thì đừng nói là người ấy sẽ được lợi ích khi cảnh thù thắng hiện, dẫu là cảnh ma hiện cũng vẫn được lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng bị ma chuyển nên có thể tiến lên.

Lời này tôi chẳng thường bảo cùng người khác, chỉ vì ông có chuyện ấy nên mới không thể không nói. Hình tượng Đại Sĩ ông thấy được khi mới lễ Phật không đích xác, bởi nếu thật sự là đúng thì sẽ chẳng vì ông nghĩ hình tượng đó không phù hợp với Quán Kinh mà hình tượng ấy bèn ẩn. Nhưng do đấy, tín tâm

của ông càng tha thiết nên đó cũng là nhân duyên tốt; tuy vậy, chớ nên thường mong được thấy tượng, chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi, để khỏi phải lo lắng chi khác! Lúc ngủ thấy trước mắt có ánh sáng trắng và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng lơ lửng trên hư không tuy thuộc về thiện cảnh, nhưng chẳng nên tham đắm. Từ rày, chẳng lấy đó làm điều mong mỏi nữa thì sẽ có thể không hiện. Trộm xem căn tánh của ông, tợ hồ đời trước đã từng tu tập Thiền Định, nên mới thường hay có tướng ấy.

Đời Minh, ngài Ngu Thuần Hy bế tử quan[141] tịnh tu trên ngọn núi cao của núi Thiên Mục[142], lâu ngày, bèn có khả năng tiên tri, đoán trước được trời sẽ âm u hay trong sáng, việc họa - phước của người khác. Sư quy y với Liên Trì Đại Sư, Đại Sư nghe chuyện, gởi thư cực lực quở trách, bảo Sư đã lọt vào rọ ma; về sau, Sư không biết nữa. Nên biết: Người học đạo phải biết chuyện lớn; nếu không, được điều ích nhỏ nhặt ắt sẽ bị tổn hại lớn lao. Đừng kể chi loại cảnh giới này, dẫu thật sự đắc Ngũ Thông vẫn còn phải gác bỏ ra ngoài thì mới đạt được Lậu Tận Thông. Hễ tham đắm sẽ khó thể tiến lên, rất có thể bị lui sụt, không thể không biết!

Mộng thấy vào Phật điện nhớ hai câu kinh văn cố nhiên là thiện cảnh, nhưng hai câu kinh ấy lời lẽ thật minh bạch: "*Quay lưng với hư, nương theo đường giác. Quy chân, ngộ thường không",* ý nói: Con người lầm tưởng các pháp thế gian là thật, cho nên mê muội vào trong sanh tử. Nếu có thể xoay trở lại, quán sát bản thể của pháp vốn là không thì sẽ đi theo con đường giác, xuất mê nhập ngộ, quy Chân Đế, ngộ Chân Thường Chân Không Thật Tướng. Cảnh ma và cảnh thù thắng phân biệt ở chỗ nó có hợp với kinh giáo hay không. Nếu thật sự là thánh cảnh sẽ khiến cho người ta vừa trông thấy thì ngay khi đó tâm địa thanh tịnh, trọn không có cái tâm vọng động, chấp lấy. Nếu là cảnh ma, trông thấy sẽ khiến cho tâm không thanh tịnh, lại sanh khởi những tâm chấp trước, tháo động, vọng niệm v.v… Hơn nữa, Phật quang tuy cực sáng chói, nhưng chẳng lóa mắt. Nếu ánh sáng làm chói mắt thì không phải là đức Phật thật.

Khi Phật hiện, nếu dùng lý *"phàm những gì có tướng đều là hư vọng"* để khám định sẽ càng hiển hiện. Nếu dùng lý này để khám những tướng do ma hiện, chúng sẽ ẩn mất. Đây chính là lò nung luyện lớn để khám nghiệm chân - ngụy vậy. Ban đêm thấy ánh sáng trắng và những cảnh xanh trắng trên hư không thì đó đều là do tâm tịnh biến hiện, sao lại nghĩ là pháp giới nhất tướng

[141] Bế quan suốt đời không ra khỏi nơi ấy nữa thì gọi là tử quan.

[142] Núi Thiên Mục ở huyện Lâm An, tỉnh Chiết Giang, tiếp giáp ranh giới tỉnh An Huy. Tên cổ là núi Phù Ngọc. Chia làm hai ngọn: Đông Thiên Mục dài đến 290 km, cao 1.520 m, gồm các ngọn Đại Sơn, Tướng Quân, Bảo Châu v.v... Tây Thiên Mục lấn sang địa phận huyện Tiềm dài 216 km, cao 1.547 m. Ngọn núi này từ cổ đã nổi tiếng vì các đạo tràng đạo Phật, đạo Lão. Ngài Trung Phong Minh Bổn cũng từng tu ở núi này.

tịch chiếu bất nhị? Tự nghĩ như thế sẽ thành "đem phàm lạm thánh", lỗi ấy thật chẳng nông cạn đâu!

Hai câu kinh văn ấy chưa thấy phát xuất từ đâu, có lẽ cũng là văn được ghi nhớ từ đời trước, chưa chắc đã là câu văn từ trong kinh. Người tu Tịnh nghiệp chẳng coi các cảnh giới là quan trọng, nên cũng chẳng thấy các cảnh giới phát sanh. Nếu trong tâm cứ chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới sẽ nhiều lắm. Nếu chẳng khéo dụng tâm, rất có thể bị tổn hại, không thể không biết!

Lời nói của vị đầu-đà kia thuộc về đạo lý Thiền gia. Ông ta không phá Tịnh Độ, ấy là điểm hay; nhưng ông ta hoàn toàn chẳng biết tông chỉ Tịnh Độ, vì thế đem Thiền bàn luận [Tịnh Độ]. Lời ông ta luận chú trọng nơi ánh sáng tốt lành và cảnh thù thắng phải thật cân nhắc; nếu không, sẽ khiến cho người khác lầm lạc chẳng cạn. Lại nói chẳng được chấp trước, bởi Phật pháp vô lượng, hễ chấp sẽ thành hữu lượng nên chẳng thể nhập Phật trí được. Nào phải chỉ chẳng thể nhập Phật trí không thôi, còn rất có thể bị lạc vào ma giới nữa! Còn những điều ông ta nói về đức Phật nơi mỗi người chính là lời luận ước trên cái lý nơi tâm của nhà Thiền, chẳng liên can gì đến Tịnh Độ! Ánh sáng trắng trong sạch giữa hư không chỉ bằng chừng mảy lông công đức của Như Lai, sao ông lại lầm tưởng đấy chính là pháp giới nhất tướng tịch - chiếu bất nhị? Thật ra, nó chính là cảnh Định trong đời trước do tâm tịnh nên hiện ra, cố nhiên chẳng thể coi là chuyện lạ lùng đặc biệt được!

Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Có tín nguyện chẳng cần biết là hạnh nhiều - ít, sâu - cạn, đều được vãng sanh. Không có tín - nguyện, dù có đạt đến mức độ Năng - Sở cùng mất, thoát khỏi căn trần, cũng khó được vãng sanh. Còn như người thật sự chứng được Thật Lý *"Năng - Sở đều mất, thoát khỏi căn lẫn trần"* bèn có thể dùng tự lực để liễu sanh tử thì chẳng cần phải bàn đến nữa! Nếu chỉ có công phu thấy được lý ấy, nhưng chưa thật chứng, lại không có tín nguyện thì cũng khó thể vãng sanh. Thiền gia nói đến Tịnh Độ bèn quy về Thiền Tông, không nói đến tín - nguyện; nếu tu tập theo đó thì cũng có thể khai ngộ. Nhưng chưa đoạn Hoặc nghiệp mà muốn liễu sanh tử thì dù có nằm mơ cũng chẳng mộng được! Bởi lẽ, phàm phu vãng sanh do tín nguyện cảm Phật, nên có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Nay đã không sanh tín nguyện, lại đem mỗi lời Phật nói quy hết về tự tâm thì làm sao cảm Phật cho được? Cảm và ứng chẳng phù hợp nhau thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp "hoành siêu" (vượt thoát tam giới theo chiều ngang) thành "thụ xuất" (thoát ra theo chiều dọc), được lợi ích ít, bị tổn hại nhiều, không thể không biết! Được lợi ích là nương theo lời đó cũng có thể khai ngộ; còn bị tổn hại là đã bỏ tín nguyện thì không cách gì nương vào Phật từ lực cho được!

Vì thế, tôi nói: "*Đối với người thật sự tu Tịnh Độ, những khai thị của nhà Thiền chẳng thể dùng được; bởi lẽ pháp môn, tông chỉ bất đồng"*. Mong hãy sáng suốt suy xét. Nếu chẳng chấp nhận như thế, xin hãy thỉnh cầu nơi những bậc đại thông gia hầu có thể phù hợp với tâm chí của ông, dĩ nhiên Quang chẳng chấp trước!

160. Thư trả lời cư sĩ Thang Xương Hoằng

Nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, hổ thẹn. Quang là hạng người như thế nào làm sao kham nổi những lời khen ngợi quá mức như thế? Tuy vậy, người cùng bệnh mến nhau, nên chẳng thể không bày tỏ nỗi lòng cùng nhau. Nay những kẻ học thánh học hiền chỉ học lấy văn ngôn mà thôi! Đối với những chỗ vì sao thánh hiền thành thánh hiền, họ đều coi thường chẳng suy xét tới. Đấy là cái gốc bệnh của mọi người học trong cả thế gian này, chứ chẳng phải chỉ là căn bệnh của một hai người như tôi, như ông đâu! Đã có cái gốc ấy, chắc chắn sẽ chẳng thể thuận theo địa vị mà hành, chắc chắn khi gặp phải những cảnh phú quý, bần tiện, oai vũ ắt sẽ thành dâm, di, khuất[143] vậy!

Đừng nói gì người đời này, ngay những kẻ truyền tâm pháp của thánh nhân trong Tống Nho, đối với hai chữ *"cách vật"* vẫn còn chưa thể hiểu rõ, huống gì người đời sau! Muốn làm sáng tỏ Minh Đức (minh Minh Đức) mà trước hết chẳng *"cách trừ"* (trừ khử) "món vật" là sự ham muốn trong tâm con người thì chuyện làm sáng tỏ Minh Đức trở thành nói xuông. Dù có học đến mức văn chương trùm lấp cõi đời vẫn cứ quanh quẩn trong vòng ham muốn của con người, sao không bị chuyển theo cảnh?

Như ông nói *"minh Minh Đức giống như chứng Bồ Đề, Nho - Phật cố nhiên không hai; học Khổng, học Phật, lý không ngoài những gì đã nói trong một chương sách Đại Học"* chính là người minh bạch cưỡng làm hồ đồ, ấy có phải là muốn thử xem Ấn Quang đối với những chuyện đó có hiểu được phần nào hay chăng? Nếu có thì đủ chứng tỏ cái nhìn sáng suốt của các hạ; nếu không thì tôi muốn phát huy ý nghĩa tột cùng về duyên do vậy. Nhưng đã là đồng bệnh tương lân, nào ngại gì nói lên tình huống khổ sở, ngõ hầu nhẹ bớt nỗi uất ức mà thôi. Bản thể của Nho và Phật cố nhiên không hai, nhưng công phu của Nho và Phật, nếu luận một cách nông cạn thì cũng khá tương đồng; nhưng nếu bàn sâu xa hơn thì khác biệt như trời với đất. Vì sao nói thế? Nho lấy Thành làm gốc, Phật lấy Giác làm tông. Thành chính là Minh Đức, do Thành khởi Minh, do Minh đạt Thành, nên Minh và Thành hợp nhất, ấy chính

[143] Nho giáo có câu: *"Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai vũ bất năng khuất"* (Phú quý chẳng phóng đãng, nghèo khó chẳng đổi dời, oai vũ chẳng khuất phục)

là *"minh Minh Đức"* (làm sáng tỏ cái đức sáng). Giác có Bổn Giác và Thỉ Giác[144]; do Bổn Giác khởi Thỉ Giác, do Thỉ Giác chứng được Bổn Giác, Thỉ và Bổn hợp nhất bèn thành Phật. Bổn Giác chính là Thành, Thỉ Giác chính là Minh. Thuyết pháp như vậy thì Nho và Phật trọn chẳng hai.

Như các hạ nói *"học Khổng, học Phật, lý chẳng ngoài một chương Đại Học",* đấy chính là lời quyết định không nghi, nhưng chỉ là lời biện luận ở mức độ nông cạn! Đối với việc phát huy thứ lớp công phu tu chứng sâu - cạn theo thì gốc tuy đồng, nhưng cái chứng được, cái đạt đến khác biệt rất lớn! Nho gia làm sáng tỏ Minh Đức há có giống được như nhà Phật đoạn sạch hoàn toàn Tam Hoặc, nhị nghiêm (phước và trí) toàn vẹn chăng? Có được như hàng Bồ Tát chứng Pháp Thân phá từng phần vô minh, thấy được từng phần Phật Tánh hay chăng? Có được như Thanh Văn, Duyên Giác đoạn sạch Kiến Tư hai Hoặc hay chăng? Trong ba hạng trên, chỉ có Thanh Văn đoạn Kiến Tư Hoặc là thấp kém nhất, nhưng đã lục thông tự tại. Vì vậy, ngài Tử Bách[145] nói: *"Nếu có thể quên ngay tình kiến thì vách núi còn có thể xuyên thẳng qua được!"* Sơ Quả còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh vào nhân gian, nhưng đã có đạo lực tùy ý chẳng phạm Sát Giới. Do vậy, họ đi đến đâu, các loài trùng tự lìa khỏi chỗ ấy. Nên mới có câu: *"Sơ Quả cày đất, trùng tránh xa bốn tấc",* huống gì là hạng Nhị, Tam, Tứ Quả ư?

Hãy gác những người học theo Nho Giáo lại đã, chỉ bàn đến những bậc thánh nhân. Những vị thánh nhân ấy đa phần là bậc Đại Quyền thị hiện, không bàn đến Bổn của họ, nếu chỉ căn cứ theo Tích để luận thì e rằng chưa thể sánh bằng bậc đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc, huống chi bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ phá vô minh, chứng pháp tánh! Cứ cho là *"làm sáng tỏ Minh Đức"*

---

[144] Bổn Giác là giác tánh sẵn có. Theo giáo nghĩa Thiên Thai, thông qua tu tập, từ từ nhận biết, khơi mở được tâm nguyên sẵn có, đó gọi là Thỉ Giác. Còn bản tánh sẵn có thường hằng không hề bị nhiễm ô bởi phiền não, trần cảnh, thì gọi là Bổn Giác. Thành Phật Đạo chính là từ Thỉ Giác ngộ được Bổn Giác, Bổn Giác và Thỉ Giác hợp nhất.

[145] Tử Bách đại sư (1543-1603): Húy là Chân Khả, pháp tự Đạt Quan, hiệu là Tử Bách Lão Nhân, là người ở Ngô Giang, sống vào thời Minh. Sư tánh tình mạnh mẽ, quyết đoán, thân thể khôi vĩ, thuở nhỏ thích đi đó đây làm việc nghĩa hiệp. Năm mười bảy tuổi, xin xuống tóc với ngài Minh Giác ở núi Hổ Khâu, thường đóng cửa đọc sách, trọn chẳng ra ngoài phạm vi nơi ấy suốt cả nửa năm. Hễ thấy người xuất gia uống rượu, ăn mặn, Sư quở: "Người xuất gia như vậy đáng giết đi!" Sau khi thọ Cụ Túc Giới, Sư bế quan suốt ba năm tại chùa Cảnh Đức ở Vũ Đường. Hạn kỳ mãn, bèn tham học các nơi. Nghe tụng bài kệ của Trương Chuyết: *"Đoạn trừ vọng tưởng càng thêm bệnh, hướng đến Chân Như cũng chỉ tà"* càng ôm mối nghi tình lớn. Một ngày nọ thọ trai xong, đang uống nước bỗng đại ngộ, nói: *"Nếu ta thuộc tông Lâm Tế, ở dưới tòa ngài Đức Sơn, vỗ một cái liền tinh"*. Ngài lên kinh đô, y chỉ với Biến Dung đại lão suốt chín năm. Cùng với Hám Sơn Đại Sư, ngài Tử Bách san nhuận tu bổ bộ Đại Minh Truyền Đăng Lục. Năm Vạn Lịch 28 (1600), triều đình đặt ra thuế má nặng nề, quan lại thừa cơ bòn rút dân chúng tàn tệ, Sư phẫn nộ, lên kinh đô kháng nghị. Sẵn có vụ án yêu thư yêu ngôn phát sinh, bọn tham quan vu cáo Sư chủ xướng nên Sư bị hạ ngục. Đến năm 1603, dẫu không bằng chứng, Sư vẫn bị kết tội tử hình. Nghe kết án, Sư thản nhiên nói: "Đời đã đến thế, ở lâu nơi đời làm gì?" Sư tắm gội, đọc kệ, dặn dò thị giả rồi ngồi ngay ngắn qua đời, thọ sáu mươi mốt tuổi. Sư để lại các tác phẩm: Bát Nhã Tâm Kinh Thuyết, Bát Nhã Tâm Kinh Yếu Luận, Bát Nhã Tâm Kinh Lược Đàm, Tử Bách Lão Nhân Tập (15 quyển), Tử Bách Lão Nhân Biệt Tập (4 quyển).

ngang vai bằng lứa với bậc đã phá vô minh đi nữa, nhưng phá vô minh có bốn mươi mốt địa vị, những kẻ đã làm *"sáng tỏ Minh Đức ấy"* có bằng vai được với Sơ Trụ là địa vị đầu tiên hay không? Có bằng vai được với địa vị tối hậu là Đẳng Giác hay không? Dẫu cho có bằng vai với bậc tối hậu là Đẳng Giác đi nữa, thì Minh Đức vẫn chưa thể làm sáng tỏ đến cùng cực, còn phải phá một phần vô minh nữa mới có thể nói là Thành và Minh hợp nhất, Thỉ - Bổn không hai vậy! Vì thế, tôi nói: "*Về Thể tuy đồng, nhưng phát huy công phu chứng đắc bất đồng!"*

Người đời nghe nói là "đồng" bèn cho rằng Nho Giáo hoàn toàn bao trọn Phật giáo, nghe nói là "khác" bèn cho là Phật giáo hoàn toàn chẳng phải là Nho Giáo, chẳng biết duyên do *"tuy đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng"* vậy. Do đó, cứ tranh luận lung tung, ai nấy chia vạch môn đình, ai nấy đánh mất bản tâm yên đời, độ người của Phật, Bồ Tát, thánh nhân, chẳng đáng buồn sao? Trong tháng Sáu, ông Dương Lệ Đường người xứ Hương Sơn, Quảng Đông, từ Đàn Hương Sơn (Honolulu) trong Thái Bình Dương gởi thư cho Tạng Quán Thiền ở Sơn Đông nhờ đem cuốn sách hòa hội [những giải thích về] Nho - Phật xưa nay do ông ta biên soạn, đặt tên là Nho - Thích Nhất Quán, muốn dẫn dụ Nho nhập Phật, lầm lẫn ủy thác Quán Thiền nhờ Quang viết bài tựa. Quang thuở nhỏ không gắng sức, đến già vô tri, vì ông ta kèo nài, khó thể thoái thác, bèn nguệch ngoạc hơn ngàn chữ cho xong trách nhiệm. Nay đem bản thảo ấy gởi đi, xin hãy giảo chánh tỉ mỉ.

161. Thư gởi hội Phóng Sanh ở Đại Đồng, Tuyền Châu

Phóng sanh là lấy việc đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng làm gốc. Phàm những ai nhập hội đều nên ăn chay thì mới có thể đem lợi ích của việc ăn chay bảo cùng hết thảy mọi người. Dẫu không thể làm cho ai nấy đều thuận theo, nhưng do các vị trong quý hội đều là bậc quân tử đức dày, thật hành ăn chay, nên người ta cũng tự nhiên ngầm bị cảm hóa mà thay đổi, đều không còn sát sanh, không còn ăn thịt nữa. Nếu cứ ăn thịt như cũ thì công đức phóng sanh vẫn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vẫn tự mâu thuẫn với hạnh mình đang làm, vẫn là chẳng y theo đạo từ bi, trung hậu, khoan thứ để thực hành vậy; huống hồ là muốn cho những ai thấy nghe sẽ ngầm được cảm hóa, thay đổi ư? Quang chẳng có đạo đức, tài lực gì, chẳng thể giúp gì cho nghĩa cử tốt lành của quý hội được, kính dâng tấm ngu thành để bố thí.

Các vị cư sĩ ở Thượng Hải lập ra Thường Trai Hội (hội thường ăn chay). Phàm ai gia nhập hội, bất luận quan, hôn, tang, tế đều chẳng ăn mặn. Năm ngoái, cư sĩ Quan Quýnh Chi yêu cầu Quang viết một bài tựa. Xem bài ấy sẽ biết được đại khái. Muốn biết tường tận thì nên gởi thư cho cư sĩ Quan Quýnh

Chi ở đường Bạch Khắc, phố Hoài An, Thượng Hải. Họ có chương trình, hãy xin họ gởi cho một bản. Trong bộ Văn Sao của Quang, những văn tự khuyên người kiêng giết cũng có hơn mười thiên; tuy văn chương vụng về, chất phác, chẳng đáng lọt mắt người tao nhã, nhưng ý nghĩa cố nhiên có những chỗ chấp nhận được. Nếu chẳng chê là ô uế đáng vứt bỏ thì cũng có thể làm trò cười "đem hạt bụi vun vào hòn núi" vậy.

Thêm nữa, quý hội đề xướng học Phật, lại suy tôn tiên sinh Tấn Tô chẳng tiếc sức. Đã rộng thí Đạo Vị Lục, lại còn giới thiệu người muốn học đạo, cầu ông ta truyền thọ chân kinh diệu quyết hòng đồng lên được bờ Giác. Tâm chí ấy có thể nói là thành khẩn, chân thực nỗ lực mong làm lợi người khác, nhưng tiếc là chưa biết nguyên do Phật pháp nên mới coi pháp trường sanh luyện đan vận khí là Phật pháp! Nếu nói: "Phàm những ai muốn cầu trường sinh và phép vệ sinh bèn giới thiệu cho họ sách ấy" thì cố nhiên không trở ngại gì. Bởi cái lợi lớn của pháp luyện đan là có thể kéo dài tuổi thọ, sống lâu, còn cái lợi nhỏ là có thể bảo dưỡng sắc thân; quả thật là pháp có ích cho con người.

Nếu mù mờ gọi pháp ấy là Đạo, rồi xui khiến đệ tử Phật cầu cho được chân quyết (bí quyết chân thật) thì Danh và Thực mâu thuẫn lớn! Vì sao? Phật pháp có đầy đủ hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng sót mảy may điều thiện nào; chỉ có mỗi một pháp luyện đan tuyệt nhiên chẳng nhắc tới, lại còn cấm thật ngặt. Là vì trong bước đầu nhập đạo, Phật dạy con người tu Tứ Niệm Xứ Quán: Một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã. Muốn thấy thấu suốt cái thân tâm huyễn vọng này ngõ hầu ngộ chứng chân tâm diệu tánh sẵn có. Luyện đan chỉ chăm chú bảo dưỡng sắc thân, chẳng hợp với tông chỉ của Phật. Nhưng ai tu pháp nấy, tùy mỗi người tự đạt được lợi ích, nên hai bên chẳng trở ngại lẫn nhau.

Xem sách Đạo Vị Lục do tiên sinh Tấn Tô viết, đến phần khẩu quyết luyện Hỏa Hầu cho rằng*: "Đó là đạo liễu tánh mạng của Phật môn, gộp Tam Giáo đồng quy, thường hằng vạn cổ bất tuyệt. Lìa khỏi đạo này chính là ngoại đạo. Ra khỏi môn này bèn thành bàng môn. Đạo mạch Tiên Thiên đời đời nhất quán truyền thừa, từ lúc Đạt Ma Sơ Tổ từ trời Tây sang Đông, cho đến Bạch Mã Thất Tổ, y bát truyền trong nhà lửa"* v.v… Đấy chính là mượn danh nghĩa Phật giáo để truyền pháp luyện đan, đâm ra hủy báng Phật pháp. Tháng trước, ông ta đã gởi cho tôi hai bản. Quang thấy ông ta tự phụ quá sâu, lẽ đâu chịu nghe theo Quang là kẻ bất tài ư? Nên để đó chẳng bàn đến. Nay thấy quý hội đề xướng Phật học, mà vẫn không biết ông ta không phải là học Phật, cho nên không thể không dốc hết lòng ngu thành của tôi để thưa trình.

Nếu cho Quang là đa sự, cho là Quang thấy biết lầm lạc, chưa nghe đại đạo thì cũng xin cứ tùy ý. Chim cú giữ xác chuột rữa, phượng hoàng quyết chẳng

thể bảo nó đừng ăn. Nay gởi đến một gói Văn Sao tổng cộng ba bộ, mong mọi người trong quý hội hãy đọc, và gởi cho cư sĩ Châu Tử Tú xem. Nếu cho là đúng thì cũng chưa từng bao giờ không phải là điều may mắn cho quý hội, nếu cho là sai thì cũng mặc tình bịt vò thay củi[146]. Từ đấy gia công dụng hạnh khuếch trương đạo luyện đan vận khí của tiên sinh Tấn Tô, khiến cho người trong thiên hạ cùng được trường sanh cũng tốt, nhưng nếu gọi đó là Phật pháp thì tuy chẳng báng Phật pháp, cũng vẫn mắc lỗi hủy báng Phật pháp. Tôi trộm cho rằng quý hội chưa phân biệt được chánh - tà nên mới thành ra như thế. Đã coi Quang là người trong pháp môn, nếu Quang cứ đối đãi với quý hội như ông Tấn Tô thì Quang đã phụ lòng quý hội, cho nên mới phải một phen đôi co như thế.

162. Thư trả lời hiệu trưởng Vạn An ở An Huy

Bốn câu của nhà trường quý vị: *"Tận tánh học Phật, tận nhân luân học Khổng, Đạo học làm thể, khoa học làm Dụng",* quả thật là tông chỉ học đạo không thay đổi. Từ khi nhà Nho chú trọng cái học từ chương khiến cho pháp học đạo biến thành học nghề khéo, đau tiếc khôn xiết! Cái học mới mẻ ngày nay đa số bỏ gốc theo ngọn, nêu tông chỉ như nhà trường quý vị thật là ít thấy. Tận tánh học Phật thì mới có thể tận hết luân thường học Khổng. Tận hết luân thường học Khổng thì mới có thể tận tánh học Phật. Thử xem những bậc đại trung đại hiếu xưa nay cũng như những vị phát huy tâm pháp thánh hiền Nho Giáo, không một ai chẳng nghiên cứu sâu xa kinh điển nhà Phật, ngầm tu mật chứng.

Nho Giáo và Phật Giáo kết hợp lại thì cả hai cùng tốt đẹp, tách ra thì cả hai cùng bị thương tổn. Bởi lẽ trong cõi đời không một ai chẳng thuộc trong luân thường, cũng không một ai có thể vượt ngoài tâm tánh. Đầy đủ cả luân thường lẫn tâm tánh thì dùng "*không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"* của nhà Phật để giúp cho "*khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính"*. Do vậy cha con, anh em v.v… dắt dìu nhau tận hết luân thường, tận hết tâm tánh để trừ khử phiền hoặc huyễn vọng, khôi phục Phật tánh sẵn có. Chẳng những Thể là một, mà Dụng cũng chẳng có hai! Đấy là sự thực!

---

[146] Nguyên văn: "Phú phẫu đại tân" (bịt vò, thay củi). Lấy tích từ chuyện Dương Hùng đời Hán soạn sách Thái Huyền chú giải kinh Dịch muốn lưu danh hậu thế. Lưu Hâm đọc xong quở: *"Học giả trong thiên hạ còn không hiểu kinh Dịch, sao ông dám diễn giải Thái Huyền? Chỉ sợ người đời sau đem sách này để bịt vò tương mà thôi"*. Do đó, có thành ngữ "phú phẫu đại tân" (bịt vò thay củi) với ngụ ý văn chương không đáng trọng, chỉ đáng dùng giấy ấy để bịt miệng vò tương hay đốt thay củi mà thôi!

Nói *"Phật hóa Nho tông"* chẳng qua chỉ nhằm biểu thị sự thật mà thôi, lẽ đâu chẳng thể được? Nhưng tại gia học Phật, ắt phải lấy tin sâu nhân quả, tận hết bổn phận, kiêng giết, cứu giúp sanh mạng, chí tâm niệm Phật làm cách tu trì quyết định chẳng thay đổi! Nói *"tận hết bổn phận"* chính là những điều từ, hiếu, nhường, kính v.v… Thế nhưng, cõi đời loạn lạc, nước thiếu người hiền, căn bản là do gia đình không khéo dạy dỗ mà ra! Nhưng giáo dục gia đình, trách nhiệm người mẹ càng nặng. Vì thế, Quang hay nói *"dạy con là cái gốc để trị quốc, bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng trọng yếu hơn"* là vì như vậy đó. Nếu thường đem điều này bảo cùng học trò ngõ hầu chúng nó cùng đem điều này đề xướng, chỉ dạy nhau, còn lo chi chẳng thấy cõi đời bình trị nữa!

163. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Chuyện của Phước Tuấn theo như lời ông kể lúc còn sống và sau khi đã mất, nếu mọi điều đều thật thì chắc chắn là vãng sanh! Do lúc sống đã thấy thấu suốt cái vỏ thân xác này, điều này thuộc về sự lợi ích lớn nhất, vì nữ nhân thường hay lưu luyến huyễn chất, hằng ngày lo trang điểm. Đã không có ý niệm ấy, sẽ tự dễ dàng tương ứng với pháp môn Tịnh Độ. Lâm chung gầy còm và bị bệnh khổ chính là do nghiệp chướng nhiều kiếp. Do vì bà ta dốc lòng tu Tịnh nghiệp nên mới chuyển hậu báo nặng nề thành báo nhẹ trong hiện tại. Ông bảo: "Do tu trì tinh tấn đến nỗi thân thể ngày càng yếu ớt'; nói như vậy không hợp lẽ, lại còn mắc lỗi khiến cho kẻ tín tâm nông cạn nhân đó bèn thoái đọa.

Phải biết: Người niệm Phật quyết định tiêu trừ nghiệp chướng. Những người có nghiệp chướng hiện tiền đều là chuyển ác báo tam đồ trong tương lai thành bệnh khổ hiện tại để giải quyết cho hết. Kinh Kim Cang dạy người trì kinh Kim Cang do có nỗi nhục nhỏ là bị người khác khinh rẻ, liền diệt được nỗi khổ nhiều kiếp trong ác đạo. Như vậy Phước Tuấn khi sắp sanh về Tây Phương, do nỗi khổ nhỏ nhặt này sẽ giải quyết sạch các ác báo trong vô lượng kiếp đến nay, quả thật là may mắn lớn lao! Chớ nên học theo kẻ chẳng biết sự việc, bảo là "do tu trì nên thành bệnh, bị chết!"

Người niệm Phật bình thời có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết thì không ai chẳng được vãng sanh, huống chi Phước Tuấn lâm chung chánh niệm rỡ ràng, hiện các tướng xá bái, đảnh lễ v.v… Mất rồi thân thể vẫn mềm mại, sạch sẽ, vẻ mặt như còn sống, há có nên vì công phu của bà ta còn ít ỏi mà nghi ngờ hay chăng? Đối với Di Đà nguyện vương, mười niệm còn được độ, huống chi bà ta tinh tấn tu trì đã hai ba năm, há còn ngờ ư? Trong đời có hạng người ý chí thấp hèn, tuy thường niệm Phật, nhưng chẳng cầu vãng sanh, chỉ mong cầu phước báo nhân thiên; hạng người như vậy dù có tu hành suốt đời cũng chỉ được hưởng si phước trong đời sau mà thôi! Người có chánh tín tự mình dùng

tín nguyện cảm Phật, Phật do lòng từ bi nhiếp thọ, cảm ứng đạo giao, ắt có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh, cần gì phải hỏi người ấy có thấy Phật hay chăng rồi mới phán đoán được!

Ngay như trước lúc lâm chung, nếu [người sắp mất] tự tắm rửa, thay áo thì rất hay! Nếu người ấy không thể thì trọn chớ nên tắm rửa thay áo sẵn, khiến cho người ấy đau đớn khó chịu đựng nổi đến nỗi mất chánh niệm. Ông còn tiếc rằng lúc ấy bà ta còn chưa mặc pháp y, chưa ngồi khoanh chân xếp bằng; không biết lúc ấy, tốt nhất chỉ nên đồng thanh niệm Phật, vàn muôn phần chẳng được bày vẽ phô trương (như tắm rửa, thay áo, bắt ngồi lên v.v…) Nếu phô trương, bày vẽ sẽ thành ra như đã rớt xuống giếng còn bị ném đá, hãy nhớ kỹ! Lệnh từ tuổi đã cao, nếu Quang không nói lên mối tệ này, về sau, ông do tấm lòng tận hiếu sẽ gây trở ngại cho sự vãng sanh của mẹ, khiến mẹ phải lưu chuyển trong sanh tử bao kiếp dài lâu, không thể thoát ra được!

Chúng ta chỉ nên giữ lấy cái thật, chớ chuộng cái danh, bài ký của ông khá hay, chẳng cần phải nhờ người viết văn để lưu truyền. Đấy đều là những chuyện hư huyễn, phù phiếm trong thế gian, chỉ nên chính mình cùng người nhà niệm Phật mong cùng sanh Tây Phương là được rồi. Trong khóa tụng sáng tối mỗi ngày, lúc hồi hướng Quang đều đọc kèm tên của Phước Tuấn, hồi hướng một thất để tận mối tình thầy trò. Hơn nữa, Phước Tuấn sanh tử phen này có thể nói là chẳng sống thừa chết phí, may mắn thay! Còn như chuyện xương cốt làm thành viên bột thì rất tốt, nhưng chẳng được hời hợt làm! Phải đem xương nghiền thành bột mịn, dùng cái lưới kín mắt rây kỹ, không khác gì bột mì thì mới được. Nếu thô tâm nghiền qua loa, khi hòa với bột mì làm thành viên, chỉ sợ loài cá nhỏ ăn vào sẽ bị xương cứng xóc bụng. Quang sợ ông vô tâm, không thể không nói!

164. Thư trả lời cư sĩ X…

Bệnh và ma đều do túc nghiệp mà ra. Ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật thì bệnh sẽ tự lành, ma sẽ tự xa lìa. Nếu tâm ông không chí thành, hoặc khởi lên những ý niệm bất chánh, tà dâm v.v… thì toàn thể cái tâm ông đọa trong hắc ám. Do vậy, ma quỷ khuấy nhiễu! Niệm Phật xong, lúc hồi hướng, ông nên hồi hướng cho hết thảy oán gia trong đời trước, khiến cho ai nấy đều được hưởng lợi ích do việc niệm Phật của ông, siêu sanh đường lành. Ngoài ra, nhất loạt chẳng bận tâm đến chúng. Nếu chúng phát ra tiếng, cũng chẳng quan tâm, đừng sợ hãi. Chúng không phát ra tiếng, cũng đừng bận tâm sanh lòng hoan hỷ, cứ chí thành khẩn thiết niệm, tự nhiên nghiệp chướng tiêu, phước lẫn huệ đều được tăng trưởng.

Xem kinh điển chớ bắt chước như người đời nay đọc sách, trọn chẳng cung kính mảy may nào! Ắt phải như đang đối trước Phật, Tổ, thánh hiền giáng lâm thì mới có ích thật sự! Nếu ông làm được như thế thì tâm địa chánh đại quang minh, bọn tà quỷ, tà thần kia sẽ không có chỗ nào để ở yên được. Nếu tâm ông tà vạy trước thì sẽ do tà chiêu tà, làm sao có thể khiến cho bọn chúng xa lìa không quấy nhiễu cho được! Tuy quỷ thần có Tha Tâm Thông, nhưng vừa nhỏ lại vừa gần; còn nếu là bậc nghiệp tận tình không thì như gương báu đặt trên đài, có hình liền hiện bóng. Ông không chí tâm niệm Phật, lại muốn nghiên cứu chân tướng ấy, chẳng biết tâm ấy sẽ thành ma chủng. Ví như gương báu, không có mảy may bụi nhơ, sẽ tự có thể chiếu trời, chiếu đất. Tâm ông đã bị bụi nhơ phủ kín dày chắc, mà muốn được như thế, thì cũng như tấm gương bị bụi phủ dày kín mít, trọn chẳng thể tỏa sáng. Nếu có phát sáng thì cũng là ánh sáng yêu quái, chứ không phải là ánh sáng của gương. Hãy nên gác lại chuyện ấy, hãy niệm Phật như đang mắc nạn lửa nước, như cứu đầu đang bị cháy thì không nghiệp nào, ma nào chẳng tiêu!

165. Thư trả lời tiên sinh Trương Quý Trực

Quang chỉ là một ông Tăng tầm thường vô tri vô thức, chỉ biết cơm cháo. Do ông Từ Úy Như lầm lẫn bốn lần đem bản cảo dở tệ của Quang ra ấn hành, đến nỗi làm bẩn mắt xanh. Ông không những không chê bỏ là ô uế, trái lại, còn khen là Nho - Thích dung thông, có Thể, có Dụng. Đúng là chí tại kính Phật nên quên mất sự hèn kém, tầm thường của ông Tăng. Cảm thấy hết sức xấu hổ! Dịch Viên và Quang đã có túc duyên, thường muốn lôi kéo các hạ cùng về Tây Phương để thiện căn, phước đức đã vun bồi từ vô lượng kiếp đến nay cũng như trong đời hiện tại đều quy về Thật Tế. Quang hết sức bội phục! Bởi lẽ các hạ là bậc văn chương lỗi lạc đương thời, còn Quang là một ông Tăng sống nhờ ăn bám[147] vô tri vô thức, nên chẳng dám tuân theo lời mời dự vào ban tu thư của Dịch Viên.

Nay nhận được tờ hoa, nét mực của các hạ, thấy ông đã từng xem kinh, chẳng biết Thiền như thế nào, chỉ giác Tịnh mà thôi, khôn ngăn vui mừng, an ủi! Đủ biết các hạ đã gieo chủng tử Bát Nhã chẳng phải chỉ ở chỗ một, hai, ba, bốn, năm đức Phật. Phàm Thiền đến mức chẳng biết nó là gì thì mới là chân Thiền, bởi thấy - nghe - hay - biết đều là chuyện thuộc về ý thức, chỉ không biết thì mới có thể linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần, thể lộ chân thường,

[147] Nguyên văn Quải Đáp, còn gọi là Quải Đơn, Quải Tích, Quải Bát, nghĩa là một vị Tăng du phương hành cước, ôm y bát, hành lý vào ở nhờ trong Tăng Đường một tự viện nào đó. Nếu vị trụ trì đồng ý cho vị du Tăng ấy nhập chúng ở lại thì gọi là "hứa quải đáp". Ở đây, Tổ dùng chữ này với ý nghĩa mình chỉ là sống nhờ ở đậu nơi Phổ Đà.

chính là Như Như Phật[148] vậy! Tịnh đến mức chỉ giác thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật chẳng hai, tâm - Phật như một. Nếu không, sao gọi là Giác cho được? Các hạ kiến giải như thế, đã là vượt trỗi vàn muôn lần những kẻ học Phật trong thời gần đây. Nếu lại có thể sanh lòng tin, phát nguyện, hồi hướng vãng sanh thì đài sen thượng phẩm sẽ tự độc chiếm. Chỉ sợ các hạ đối với duyên do của Thiền và Tịnh, Phật lực và tự lực, lớn - nhỏ, khó - dễ còn chưa biết sâu xa; cho rằng *"đã ngộ tự tâm thì ngay nơi này chính là Tây Phương, chẳng cần cầu vãng sanh"* thì nỗi sai lầm ấy chẳng cạn đâu!

Vì sao vậy? Do phàm phu dù có thể ngộ đến cùng cực, nhưng nếu còn có tập khí phiền não từ vô thỉ đến nay chưa thể nhanh chóng đoạn được thì hễ còn có mảy may phiền não tập khí sẽ chẳng thể siêu xuất ra ngoài sanh tử luân hồi được! Đây chính là sự khó khăn của việc cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Pháp môn Niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh tử mà chẳng y vào pháp này sẽ khó khăn chẳng thể sánh ví được nổi! Mong hãy đọc kỹ sách Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ắt sẽ tự biết Quang nói không sai. Nếu chẳng cho lời Quang là sai lầm, lại không rảnh rỗi nhiều, chỉ cần lắng lòng đọc Văn Sao sẽ tự biết hết.

166. Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn

Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi sáu nẻo trải nhiều kiếp lâu xa, không thể thoát ra. Do vậy, khởi lòng Vô Duyên Từ, vận dụng lòng Đồng Thể Bi, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi rộng giảng các pháp. Nói bao quát đại cương thì gồm có năm tông, năm tông là như thế nào? Chính là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiền là Phật tâm. Phật sở dĩ thành Phật chỉ do ba pháp này, Phật sở dĩ độ sanh cũng chỉ có ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiền của Phật để tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn. Lại sợ kẻ túc nghiệp sâu nặng ắt chẳng dễ chuyển, nên dùng sức gia trì Đà La Ni tam mật[149] để un đúc. Như tò vò bảo con nhộng: "Giống ta, giống ta", bảy ngày sau sẽ biến thành tò

[148] Như Như Trí là Chân Như Diệu Trí, vốn sẵn thanh tịnh, không bị vô minh che lấp, không bị phiền não nhiễm ô, chiếu trọn các pháp, bình đẳng bất nhị. Chứng được Như Như Trí thì gọi là Như Như Phật

[149] Tam Mật là thân mật, khẩu mật, tâm mật.

vò[150]. Lại sợ kẻ căn khí kém hèn, chưa được giải thoát, thọ sanh lần nữa, khó tránh khỏi mê mất; do vậy, đặc biệt mở ra một môn "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ" để dù thánh hay phàm cùng trong đời này được vãng sanh Tây Phương. Thánh sẽ mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử buộc ràng. Do cậy vào Phật từ lực, nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Phải biết: Luật chính là nền tảng của Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Nếu chẳng nghiêm trì cấm giới sẽ chẳng thể đạt được lợi ích thật sự nơi Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Giống như xây lầu cao vạn trượng nếu nền móng không vững thì chưa xây xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Thiền, Mật, như trăm sông vạn dòng đều đổ vào biển cả. Bởi lẽ pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn *"trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thủy, thành chung"* của mười phương tam thế chư Phật. Vì vậy, trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài được Phổ Hiền Bồ Tát gia bị, khai thị, đã chứng Đẳng Giác, ngài Phổ Hiền bèn dạy phát mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên thành Phật Quả, lại dùng mười nguyện ấy khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh, dẫu là kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác sắp đọa A Tỳ địa ngục, được thiện tri thức dạy cho niệm Phật hoặc niệm mười tiếng, hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Xem đó thì trên từ Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể ra ngoài pháp này; dưới đến tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể vào trong pháp này. Công đức lợi ích ấy vượt trỗi hết thảy [các pháp khác] trong giáo pháp cả một đời đức Phật, bởi những giáo pháp trong cả một đời Ngài đều cậy vào tự lực để thoát sanh tử; còn pháp môn Tịnh Độ, kẻ chưa đoạn Hoặc, cậy vào Phật từ lực, liền có thể đới nghiệp vãng sanh. Người đã đoạn Hoặc cậy vào Phật từ lực bèn mau chứng lên bậc Địa Thượng Bồ Tát[151]. Đây chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp cả một đời đức Phật, chẳng thể dùng những giáo pháp theo đường lối thông thường để bàn luận được. Vì thế, các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v… các vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v…, các đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ v.v… thảy đều xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, khuyên khắp chúng sanh vãng sanh.

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn Công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Thoạt đầu, Ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh[152]

---

[150] Đây là truyền thuyết nói về sự biến thái từ ấu trùng thành tò vò. Ở đây, Tổ chỉ mượn truyền thuyết của dân gian Trung Quốc để nói cho dễ hiểu tác dụng của chú ngữ.

[151] Địa Thượng Bồ Tát: Từ địa vị Sơ Địa trong trở lên.

[152] Huệ Vĩnh (332-414), cao tăng đời Tấn, người xứ Hà Nội, họ Phan, xuất gia năm 20 tuổi, thờ ngài Trúc Đàm Hiện làm thầy, sau theo ngài Huệ Viễn qua học với ngài Đạo An. Khi ngài biệt cư ở Đông Lâm tại một chòi

qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An[153] lưu lại, sư Huệ Vĩnh bèn đi một mình trước. Đến Tầm Dương, thứ sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong, bèn lập chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Thời gian ấy nhằm năm Đinh Sửu tức năm Thái Nguyên thứ hai (377) đời Tấn Hiếu Võ Đế. Đến năm Giáp Thân, tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn Công mới đến Lô Sơn. Thoạt đầu ở tại chùa Tây Lâm, do học trò tụ họp đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không chứa hết nổi, thứ sử Hoàn Y bèn lập chùa ở phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến năm Canh Dần, tức năm Thái Nguyên thứ mười lăm (390), ngày hai mươi tám tháng Bảy, Viễn Công bèn cùng Tăng - tục một trăm hai mươi ba người kết liên xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân làm bài văn khắc vào đá để minh thị lời thề, Huệ Vĩnh pháp sư cũng dự vào liên xã này.

Vĩnh Công (ngài Huệ Vĩnh) sống ở Tây Lâm, kết riêng một lều tranh trên đỉnh núi để thường lên đó thiền tư. Đến bên thất ấy bèn nghe mùi hương lạ; do vậy, người ta gọi là Hương Cốc (hang thơm), cứ suy nghĩ sẽ biết Ngài là người như thế nào! Lúc Viễn Công kết xã, bèn có một trăm hai mươi ba người, đều thuộc hàng long tượng[154] trong pháp môn, là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho, do đạo phong của Viễn Công lan tỏa nên đều ùa nhau kéo đến. Nhưng trong

---

tranh trên đỉnh núi để tu tập, thất ngài ở thường tỏa mùi thơm lạ, nên người đời gọi là Hương Cốc. Có một con hổ quẩn quanh gần đấy, hễ ai đến, Ngài xua hổ chạy lên đỉnh núi. Người đi rồi, hổ lại về nằm phục bên lều. Ngài thông thạo kinh điển, khéo thuyết giảng, khi nói thường hay mỉm cười. Suốt đời cơm rau, áo vải thô, siêng năng tu hành không mệt mỏi. Năm Nghĩa Hy thứ mười Sư bị bệnh nhưng vẫn trì giới tinh chuyên. Lâm chung, tự đắp y, chắp tay, bảo đại chúng: "Phật đến rồi!" Nói xong, an tường qua đời, thọ 83 tuổi. Tăng tục ở trên núi ấy đều ngửi thấy mùi hương lạ, bảy ngày sau mới tan. Đường Huyền Tông truy tặng thụy hiệu Giác Tịch Đại Sư.

[153] Ngài Thích Đạo An sống nhằm thời Đông Tấn, là một trong những vị đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển Phật giáo thời sơ kỳ ở Trung Quốc. Sư người huyện Thường Sơn, nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Họ Vệ, sanh nhằm năm Vĩnh Gia thứ sáu nhà Đông Tấn (312), có thuyết nói là năm Kiến Hưng thứ hai (314). Ngài cực thông minh, mẫn tiệp, nối pháp của đại sư Phật Đồ Trừng. Sau phương Bắc Trung Hoa đại loạn, thầy trò hai vị phải lưu lạc khắp các nơi, giảng pháp, giáo hóa suốt 15 năm trong vùng Hồ Bắc, Tương Dương. Sau Phù Kiên nhà Tiền Tần, nghe danh đại sư, đem binh công hãm Tương Dương, đón ngài Đạo An về Trường An, cho sống ở chùa Ngũ Trùng, dùng lễ đãi Ngài như thầy. Ngài khuyên Phù Kiên nên thỉnh pháp sư Cưu Ma La Thập sang Tần. Chính ngài Đạo An đã khởi xướng việc đặt pháp danh và dùng chữ Thích trước tên họ Tăng chúng, với ngụ ý: Tăng chúng là con cháu nối tiếp pháp của Phật Thích Ca. Ngài chế định tăng y, nghi thức, oai nghi, quy củ của Tăng chúng cho nhất quán. Ngài còn chỉnh lý kinh luận Hán dịch, biên tập Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục (một loại thư mục kinh điển đầu tiên của Trung Hoa). Thư mục này nay không còn, nhưng bản Xuất Tam Ký Tập được biên soạn dựa trên thư mục này. Chính ngài Đạo An cũng là người đầu tiên đề xướng phân chia kinh Phật thành ba phần Tự Phần, Chánh Tông và Lưu Thông Phần để chú giải. Ngài tinh thông nhiều giáo thuyết Đại Tiểu Thừa, đặc biệt là Tánh tông. Chính sơ tổ Tịnh Tông là ngài Huệ Viễn nghe đại sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã bèn cảm thán: *"Chín phái Nho - Đạo đều là tấm cám",* rồi bèn xuất gia, hầu dưới tòa. Ngài tịch năm Thái Hòa thứ 10 (385).

[154] Thông thường, "long tượng" vốn để chỉ con voi mạnh mẽ nhất trong loài voi, nên thường được dùng để ví cho hàng Bồ Tát có năng lực oai mãnh. Ngài Cát Tạng cho rằng con vật nào giỏi nhất, tốt nhất thì dùng chữ Long để biểu thị, như ngựa quý sẽ gọi là "long mã". Kinh Đại Bát Niết Bàn gọi hàng Bồ Tát đã đoạn trừ các kết lậu Hoặc là Đại Long Tượng Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm lại nói "long tượng" để ví cho hàng Bồ Tát oai nghi tốt đẹp khôn sánh. Có thuyết nói "long tượng" là rồng và voi, hai loài có thế lực mạnh mẽ nhất trên cạn lẫn dưới nước, nên đời sau thường gọi người có sức Thiền Định mạnh mẽ tối thắng là bậc "long tượng".

suốt đời Ngài, trong hơn ba mươi năm, những người dự vào liên xã tu Tịnh nghiệp được tiếp dẫn vãng sanh nhiều khó thể biết được!

Sau đấy, như các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh, không vị nào chẳng dùng pháp này để tự hành, hóa độ người. Ngài Đàm Loan viết Vãng Sanh Luận Chú, diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận, chỉ bày tột cùng lẽ được - mất; ngài soạn Quán Kinh Sớ chỉ bày sâu xa pháp quán Tam Đế[155]. Ngài Đạo Xước giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba kinh Tịnh Độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, phát huy đạo rốt ráo thành Phật. Tổ Vĩnh Minh nói bài Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này. Từ xưa, những bậc cao nhân các tông, không ai chẳng quy tâm Tịnh Độ, chỉ có các sư Thiền Tông là chuyên chăm chú ngầm tu, ít vị nào chịu xiển dương rõ ràng.

Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng suất, ai nấy đều để lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài Khuyến Tu Tịnh Độ Văn của Tử Tâm Tân thiền sư[156] có câu: *"Di Đà thật dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh",* lại viết: *"Người tham Thiền tốt nhất nên niệm Phật, nếu căn cơ độn chỉ sợ chẳng thể đại ngộ trong đời này, hãy nhờ vào nguyện lực tiếp dẫn vãng sanh của đức Di Đà"*. Lại nói: *"Nếu ông niệm Phật chẳng sanh Tịnh Độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi)"*. Bài Tịnh Độ Thuyết của Chân Hiết Liễu thiền sư[157] có câu: *"Trong tông Tào Động đều chăm chú ngầm tu là do nguyên nhân nào vậy? Ấy là do pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, căn cứ theo Đại Tạng thì pháp này để tiếp độ căn khí thượng thượng, tiếp dẫn kèm thêm căn cơ trung hạ"*. Lại nói: *"Những bậc đại tượng trong Tông Môn đã ngộ pháp bất không bất hữu bèn dốc chí khăng khăng nơi Tịnh nghiệp, chẳng phải vì tịnh nghiệp thấy Phật đơn giản, dễ dàng hơn Tông môn nhiều lắm hay sao?"* Lại nói: "*Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền, đều tu Tịnh nghiệp, đồng quy một nguồn. Nhập được môn này thì vô lượng pháp môn thảy đều chứng nhập"*. Trường Lô Trách thiền sư kết liên hoa thắng hội, khuyên khắp Tăng, tục niệm Phật vãng sanh, cảm được hai vị Phổ Hiền, Phổ Huệ Bồ Tát xin được tham dự

[155] Tức quán Chân Đế, Tục Đế và Đệ Nhất Nghĩa Đế.

[156] Tử Tâm Tân Thiền Sư chính là ngài Ngộ Tân (1044-1115), cao Tăng đời Tống, thuộc pháp hệ Hoàng Long trong tông Lâm Tế, đệ tử của ngài Hoàng Long Tổ Tâm, không rõ hành trạng. Ngài dốc lòng chuyên tu Tịnh Độ, tự xưng là Tử Tâm Tẩu (ông già lòng đã chết), còn lưu lại ngữ lục là Tử Tâm Ngộ Tân Thiền Sư Ngữ Lục, được xếp trong quyển 12 của Vạn Tục Tạng.

[157] Ngài Chân Hiết, húy Thanh Liễu (1089-1151) là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động, nối pháp ngài Đan Hà Tử Thuần, người An Xương (tỉnh Tứ Xuyên), họ Ung. Xuất gia năm 11 tuổi với ngài Thanh Tuấn chùa Thánh Quả, thoạt đầu học Pháp Hoa. Ngài từng tham học khắp Nga Mi, Ngũ Đài. Sau đến Đặng Châu (Hà Nam), lên núi Đan Hà tham yết ngài Tử Thuần bèn khai ngộ, được phó chúc nối pháp mạch của Ngài. Ngài thọ 63 tuổi, pháp lạp 45 năm. Trước tác gồm Tín Tâm Minh Niêm Cổ, Nhất Chưởng Lục v.v…

vào hội thù thắng ấy trong giấc mộng, bèn ghi tên hai vị đứng đầu trong hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư thánh ngầm tán dương vậy!

Trong đời Tống Thái Tông - Tống Chân Tông, pháp sư Tỉnh Thường[158] trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang hâm mộ đạo phong của ngài Lô Sơn Viễn Công bèn kết Tịnh Hạnh Xã, Vương Văn Chánh Công Đán quy y đầu tiên, làm người đề xướng. Phàm là bậc tể phụ đại thần, học sĩ đại phu xưng là đệ tử dự vào Tịnh Hạnh Xã hơn một trăm hai mươi người, sa-môn số đến mấy ngàn, còn dân thường chẳng biết là bao nhiêu. Sau này có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, ra vào làm quan cao chức cả hơn năm mươi năm, làm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ Quốc Công. Bình sinh ông dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tuổi già càng dốc sức làm lợi cho đạo, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng - tối, đi - ngồi chưa từng biếng nhác. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm ở kinh đô kết xã gồm hơn mười vạn người cầu sanh Tịnh Độ. Các vị sĩ đại phu thời ấy đa phần chịu sự giáo hóa của ông; có bài tụng rằng:

Tri quân đảm khí đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương nhất vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu hoạt kế,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.
(Tạm dịch:
Biết ông gan lớn bằng trời,
Tây phương xin hãy kết mười nghìn duyên,
Sống còn chẳng tính kế riêng,
Mọi người ai nấy đã lên thuyền rồi!)

Ông thọ đến chín mươi hai tuổi, niệm Phật qua đời. Trong đời Nguyên - Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp hoặc là sáng tác thi ca, hoặc là biện luận, không vị nào chẳng cực lực xiển dương pháp "khế lý khế cơ, thông trên thấu dưới" này; nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là thiết tha, thành khẩn nhất. Đời Thanh có các ngài Phạm Thiên Tư Tề[159],

[158] Ngài Tỉnh Thường (959-1020) là vị Tổ thứ bảy của tông Tịnh Độ, sống vào đời Tống, người huyện Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, họ Nhan. Ngài xuất gia từ năm bảy tuổi, thọ Cụ Túc Giới năm 17 tuổi. Sau trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Hàng Châu. Ngài hâm mộ di phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, nên lập Bạch Liên Xã ở Tây Hồ, sau đổi thành Tịnh Hạnh Xã, lấy ý từ phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Tể tướng Vương Đán làm xã chủ. Ngài tịch năm 62 tuổi, nhục thân được táng ở núi Linh Ẩn gần phần mộ của Ô Khoa thiền sư, đời gọi Ngài là Tiền Đường Bạch Liên Xã Chủ, được phong hiệu là Chiêu Khánh Viên Tịnh Pháp Sư. Do ông Vương Đán có tước phong là Văn Chánh Công nên tổ Ấn Quang gọi là Vương Văn Chánh Công Đán.

[159] Phạm Thiên Tư Tề (1686-1734), tức tổ Thật Hiền, Tổ mười một của tông Tịnh Độ, người xứ Thường Thục, Giang Tô, Ngài có pháp tự là Tư Tề, pháp hiệu là Tỉnh Am, thuộc gia đình đời đời học Nho. Xuất gia năm 15 tuổi, kinh điển đọc qua không bao giờ quên. Năm 24 tuổi thọ Cụ Túc Giới, nghiêm trì giới luật, chẳng lìa y bát,

Hồng Loa Triệt Ngộ, cũng dốc sức hoằng dương đạo này. Bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của ngài Phạm Thiên, bài Thị Chúng Pháp Ngữ của ngài Triệt Ngộ đều có thể kế tục các vị thánh đời trước, khai ngộ cho hàng hậu học. Kinh trời đất, động quỷ thần! Người học nếu có thể hành theo đó thì nào có ai không từ tạ Sa Bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội!

Kể từ sau đó, vận nước ngày càng suy, chẳng ai đề xướng, pháp vận cũng suy sụp theo. Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị, binh lửa bốn mặt nổi lên, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, bọn kém cỏi ngày càng đông đúc. Nhà Nho chỉ sùng phụng những thuyết báng Phật của Âu, Dương, Trình, Châu, cho là danh ngôn chí lý, chẳng biết Phật pháp bao quát cái đạo tân truyền[160] của các thánh, nêu tỏ tâm tánh của đương nhân; nghĩa mầu nhiệm, lời lẽ tinh vi, công đức lợi ích ấy chẳng thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được. Do vậy, họ dốc chí hủy diệt Phật pháp, chẳng chịu đọc tụng, thọ trì, bảo vệ, lưu truyền, khiến cho Phật pháp bại hoại sát đất. Ví như trẻ nhỏ thấy châu ma-ni chẳng những không trân trọng, gìn giữ, lại còn muốn phá hủy, vứt đi.

Đến cuối đời Quang Tự, phế trừ cử nghiệp, khởi đầu du học rộng rãi, phàm những kẻ có thiên tư cao, đều lấy chuyện đọc nhiều làm trọng, tất cả các học thuyết lý luận đều chẳng đủ thỏa mãn tâm họ, chỉ có mình Phật học sâu xa, lớn lao, mênh mông, không hay khéo nào chẳng đầy đủ, chân - tục hỗ trợ nhau, Không - Hữu viên dung. Từ đấy, họ xúm vào nghiên cứu, tu tập. Lễ Kinh nói: *"Tuy có thức ăn ngon, không ăn sẽ không biết được vị ngon. Tuy có đạo chí lý, không học sẽ chẳng biết là hay"*. Nay đã biết ý chỉ, biết cái hay, há nhường cho cổ nhân riêng hưởng vô thượng tâm pháp này, còn chính mình và hết thảy những đồng nhân chẳng hưởng được gì ư? Do vậy, Nghiên Cứu Hội, Cư Sĩ Lâm, Niệm Phật Xã, Hội Ăn Chay lập ra khắp nơi. Những người kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật ngày thấy càng nhiều. Ví như đứa con nghèo khó, tự mê mất quê nhà, một ngày nọ được người khác chỉ dạy bèn thẳng hướng cầu đường về, trọn chẳng chịu đi ăn xin quẩn quanh, lẻ loi tha phương như cũ. Chùa Thanh Liên từ khi Hoàng Cốc pháp sư khai sơn đến nay đã là một đạo tràng Tịnh Độ lớn, hình thế hùng vĩ, quả thật là chốn thù thắng bậc nhất của Lô Sơn.

---

ngày chỉ ăn một bữa, không hề đặt mình xuống giường. Sau ngài tham yết sư Thiệu Đàm, nghe giảng Duy Thức, Lăng Nghiêm, Ma Ha Chỉ Quán, thông đạt giáo nghĩa Thiên Thai, Pháp Tướng v.v… nối tiếp pháp của ngài Thiệu Đàm thuộc Thiên Thai Chánh Tông, pháp phái Linh Phong. Ngài yểm quan ba năm tại núi Chân Tịch, đọc hết Đại Tạng, sáng chiều trì danh hiệu Phật. Sau ứng lời thỉnh của mười phương tùng lâm, giảng kinh hơn mười năm, tăng tục vùng Giang Tây quy y đông đảo. Tuổi già, ngài cự tuyệt mọi duyên, kết liên xã, chuyên tu Tịnh nghiệp, người đời xưng tụng là Vĩnh Minh Tái Lai. Năm Ung Chánh 11 (1733), Sư báo trước ngày mất, suốt ngày đêm niệm Phật đến hơn 10 vạn tiếng, đến tháng Tư năm sau bèn thị tịch, thọ 49 tuổi. Ngài còn để lại 108 bài thơ Tịnh Độ, Tây Phương Phát Nguyện Văn Chú, Tục Vãng Sanh Truyện, Niết Bàn Sám, nhưng bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của Ngài nổi tiếng hơn cả và được đặc biệt coi trọng trong mọi tông phái.

[160] Tân truyền: tức là nói gọn của thành ngữ "tân tận hỏa truyền" (củi hết nhưng lửa còn) ngụ ý đạo được truyền thừa từ thầy sang trò.

Do vậy, một ngàn mấy trăm năm qua, đạo phong chẳng suy, qua nạn Hồng Dương[161], đều thành tro tàn. Do pháp môn suy vi, không người khôi phục nên thành núi hoang. Diệu Bồi đại sư từ khi xuất gia trở đi bèn lấy Tịnh Độ làm tông, toan đem pháp "liễu thoát ngay trong một đời này" lợi khắp đồng nhân nên bèn đến Hồng Loa tu tập mấy năm. Mùa Xuân năm nay sang chơi Lô Sơn, cảm khái sâu xa *"đạo của Viễn Công không người chấn hưng, khiến cho thế đạo nhân tâm mất nhiều lợi ích"*. Khi đến nền cũ của chùa Thanh Liên, thấy hình thế giống như một đóa sen, chắn trước mặt là dòng thác Tam Điệp, sau lưng dựa vào ngọn núi Ngũ Lão hùng vĩ, hai bên là ngọn Sư Tử và Mũi Voi che chở. Đúng là một đạo tràng Tịnh Độ trời xây đất dựng, chẳng nỡ để vùi lấp, bèn phát nguyện khôi phục nhằm hoằng dương Liên Tông, nên thương nghị cùng các đại cư sĩ Thượng Hải, may đều được họ bày tỏ đồng tâm. Do vậy, trước hết xây cất vài gian điện đường làm chỗ tu trì. Còn như chuyện xây cất hoàn bị ngôi chùa phải đợi long thiên cảm ứng, không phải là chuyện cấp bách hiện thời.

Chuyện cấp bách bây giờ là mở liên xã hành đạo. Nếu bảo niệm Phật vãng sanh Tây Phương là được rồi, cần gì phải kết xã, tức là chẳng biết thế gian muôn sự cần phải có các duyên giúp đỡ mới hòng thành tựu được, huống chi là học vô thượng diệu pháp liễu sanh thoát tử! Kinh Dịch nói: *"Lệ Trạch Đoài; Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập"*.[162] Ấy là lấy ý nghĩa hai cái đầm cùng tồn tại, hai bên giúp ích cho nhau. Hơn nữa, thánh nhân liệt bằng hữu vào Ngũ Luân là vì khuyên làm lành, vạch điều lỗi, có nghĩa như hai vầng trăng cùng chiếu[163], giúp đỡ trong khi nguy, gìn giữ trong khi yên; như hai tay giúp đỡ nhau (chữ Hữu 友, viết theo lối cổ lại có nghĩa là tay).

Thói thường con người nếu không có gì để nương tựa, đa phần sẽ vướng vào thói tệ biếng nhác, coi thường. Đại chúng ở cùng nhau, công khóa nhất định, dẫu muốn biếng nhác cũng không thể được! Ngoài công khóa ra, những người mạnh mẽ tinh tấn cũng có thể thúc đẩy những người biếng nhác gắng sức tu hành. Ai nấy đều tiến lên, có ai đành chịu tụt hậu? Đây kia giúp đỡ nhau, nên hạnh dễ thành. Nếu có nghi ngờ và có kiến giải gì bèn có thể quyết trạch cho nhau. Mỗi ngày lúc rảnh, thỉnh các bậc kỳ túc chỉ bày đại lược cương yếu Tịnh Tông thì chuyện bỏ tà, giữ chánh sẽ rành mạch phân minh. Có những lợi ích như vậy nên cổ nhân đều đề xướng chuyện kết xã.

---

[161] Tức nạn Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864). Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh là hai lãnh tụ của đám loạn tặc này đã đốt phá rất nhiều chùa miếu ở Hoa Nam trong nỗ lực cải đạo Trung Hoa theo tà giáo của họ.

[162] Trong Kinh Dịch Phổ Thông (nxb Văn Hóa Thông Tin, tháng 07, 1997), nơi trang 383, tác giả Bùi Hạnh Cẩn dịch*: "Nước chằm chan chứa, giao lưu, vui mừng. Quân tử cần vui cùng bè bạn, giảng giải đạo lý, trao đổi học thuật"*.

[163] Bằng 朋 (bạn) gồm hai chữ Nguyệt (mặt trăng) ghép lại.

Nếu thân mang chức vụ, chẳng thể đích thân tham dự, chỉ tu trì theo chương trình của liên xã, đợi ngày Khai Hội hoặc đích thân đến, hoặc gởi thư báo, thuật rõ mình tu trì siêng hay lười, lợi ích lớn - nhỏ cũng chẳng khác gì như đã tham dự tu tập tại liên xã. Do tâm mong đua chen cùng liên hữu sẽ chẳng dám biếng nhác, bỏ bê! Phải biết Phật pháp vốn chẳng lìa pháp thế gian, phàm các xã hữu[164] ai nấy phải tận hết bổn phận, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành v.v… Lại phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, kiêng giết, cứu mạng, chẳng ăn mặn, chẳng uống rượu, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, tự lợi, lợi tha, lấy đó làm trách nhiệm. Như thế chính là nền tảng vững vàng, ngay ngắn, đáng được nhuần thấm bởi pháp. Nếu quả thật đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, ắt sẽ vãng sanh thượng phẩm.

Người ngu trong cõi đời thường chẳng tu hành chân thật, cứ muốn được cái hư danh là bậc chân tu, nên bày ra đủ mọi cách bôi son trát phấn, thành ra dáng vẻ giống như thật nhưng chẳng phải thật, cốt sao người khác ca ngợi mà thôi. Tâm hạnh đã ô trược chẳng kham nổi, dù có tu trì thì cũng vì tâm đã nhơ bẩn nên chắc chắn khó thể đạt được lợi ích chân thật! Đấy gọi là "ham danh ghét thật", là điều đại kỵ bậc nhất cho chuyện tu hành. Nếu đầy đủ những điều nên làm như trong phần trước, không có những điều đáng kỵ như đã nói ở phần sau thì trong thế gian là hiền nhân, trong Phật pháp là bậc Khai Sĩ[165]. Dùng thân mình làm gương cho người khác từ nhà đến làng, từ làng đến ấp, cho đến toàn quốc và khắp thiên hạ thì lễ nghĩa hưng thạnh, can qua vĩnh viễn dứt bặt, từ thiện khởi, tai họa chẳng sanh, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Nguyện người thấy kẻ nghe đều cùng phát khởi, đề xướng thì may mắn lắm thay! Chương trình đơn giản sẽ ghi trong phần sau.

167. Thư trả lời ông Dương Minh Trai, Phó Tư Lệnh Đệ Ngũ Quân ở Hà Nam

Nói tu hành ở chốn công môn không chỉ có nghĩa là tụng kinh, trì chú, niệm Phật mà thôi, mà còn phải tận hết chức phận của mình, trừ kẻ bạo, giữ yên cho người lành, cũng như binh lính thuộc quyền mình cai quản ai nấy đều dốc chí trừ kẻ bạo, giữ yên cho người lành, bảo vệ nhân dân thì địa phương ấy được hưởng phước, mà chủ tướng, quân lính sẽ ngầm cùng được nghiệp chướng tiêu trừ, tăng trưởng phước thọ. Nếu chẳng coi trọng chuyện này, dùng tấm lòng khẩn thiết chí thành để khuyến khích binh sĩ, thì quân đi đến đâu, nơi ấy phải

[164] Xã hữu: Người dự vào liên xã.
[165] Khai Sĩ là một danh xưng khác của Bồ Tát.

chịu nỗi thảm cướp bóc bừa bãi chẳng thể nào kể xiết; huống hồ thậm chí có kẻ còn hủy hoại nhà cửa, giết người để thị uy!

Nếu cư sĩ quả thật làm được như thế này: Dùng cái tâm chí thành dạy binh sĩ coi dân địa phương như người nhà của chính mình, chẳng để họ phải chịu bức bách, đè nén khổ sở vô lối thì công đức lớn lắm. Làm được như vậy, lại thêm tụng kinh, trì chú, niệm danh hiệu Phật thì sẽ được Phật, trời che chở, hộ trì. Khi vô sự thì quân oai lan xa, kẻ đớn hèn khuất phục. Khi hữu sự sẽ nương sức Phật, trời, đánh thắng quân địch, trở thành hộ quốc tướng quân, thành bậc Bồ Tát cứu thế vậy. Quang vốn thiếu đức, há kham làm thầy, nhưng nếu coi tượng đất nặn, gỗ khắc như Phật, kính trọng như đức Phật thật thì sẽ được lợi ích chẳng khác gì kính trọng đức Phật thật. Vì thế, tôi thuận theo chí ông, chịu làm thầy. Nếu ông kính Phật trọng Tăng thì cũng từ nơi ông Tăng tầm thường, chỉ biết cơm cháo này, ắt cũng chẳng đến nỗi không thể nhờ đó được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Nếu chỉ đòi hỏi Quang có đủ đạo đức thì Quang sẽ phụ lòng mong mỏi, chẳng thà không quy y còn tốt hơn. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Trí Nghị. Do bởi có trí mạnh mẽ, kiên nghị, nên trong có thể tu thánh đạo đoạn Kiến Hoặc, ngoài có thể giữ nước yên dân. Ông nghĩ tưởng đến ý nghĩa của cái tên ấy sẽ có lợi cho cả quốc gia lẫn xã hội, chứ nào phải riêng một mình ông đâu! Đối với chuyện tụng kinh, trì chú, niệm Phật, một mực dùng lòng chí thành, cung kính để thọ trì là được rồi, bất tất phải lấy chuyện mong mau hiểu được ý nghĩa làm trọng. Nếu thọ trì được như vậy thì lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, trí huệ phát hiện, còn chứng được lợi ích thật sự nơi kinh, huống gì văn nghĩa! Trong Văn Sao đã từng nhiều lần đề cập đến chuyện này, nên chẳng nói nhiều. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao, ấy chính là thường gặp gỡ lẫn nhau, chứ nào phải chỉ một hai lá thư mà thôi!

168. Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do

Mẹ các ông tuổi đã cao, đối với pháp Tịnh Độ còn chưa thể nỗ lực tu trì, hãy nên thường kể cùng bà cụ nỗi khổ luân hồi sáu nẻo, sự vui trong thế giới Cực Lạc. Con người sống trong thế gian, siêu thăng rất khó, đọa lạc thật dễ. Nếu không vãng sanh Tây Phương, đừng nói chi nhân đạo chẳng đáng tin tưởng, dù sanh lên trời phước thọ thật dài lâu, hễ phước lực hết vẫn bị đọa lạc trong nhân gian y như cũ, cũng như phải chịu khổ trong Tam Đồ ác đạo! Nếu không biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao, nay đã hiểu đại khái Phật pháp, há nhường một mối đại lợi ích này cho người khác, còn chính mình đành lòng luân hồi trong sáu nẻo, thoạt chìm thoạt nổi, vĩnh viễn không có ngày thoát khỏi ư? Nói như vậy sẽ có thể làm cho thiện căn đời trước của cụ được phát khởi bèn

tin nhận phụng hành! Bồ Tát độ sanh tùy thuận cơ nghi, trước hết dùng Dục để lôi kéo, sau mới dạy cho nhập Phật trí. Ông tận lực tu tập hiếu hữu[166] và đem pháp môn Tịnh Độ khuyên dạy quyến thuộc của chính mình cùng hết thảy kẻ hữu duyên đồng làm người trong hội Liên Trì thì công đức lớn lắm!

Người đời có bệnh và có những chuyện tai nạn, nguy hiểm v.v… nhưng chẳng biết niệm Phật, tu thiện, cứ lầm lạc muốn cầu đảo quỷ thần, bèn giết hại sanh mạng, nghiệp chồng thêm nghiệp, thật là đáng thương! Con người sống trong thế gian phàm có cảnh duyên đa phần do túc nghiệp. Đã mắc bệnh khổ thì phải niệm Phật tu thiện, sám hối nghiệp cũ, hễ nghiệp tiêu, bệnh liền lành! Những quỷ thần kia còn đang ở trong biển nghiệp, làm sao có thể tiêu nghiệp cho người khác được? Dẫu là vị chánh thần có đại oai lực thì oai lực của vị ấy sánh với oai lực của Phật, Bồ Tát khác nào lửa đom đóm sánh với ánh sáng mặt trời! Đệ tử Phật chẳng hướng về Phật, Bồ Tát cầu đảo lại hướng về quỷ thần cầu đảo. Đấy chính là tà kiến, chính là trái nghịch lời Phật dạy, không thể không biết!

Lại nữa, hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là vị lai chư Phật, lẽ ra phải nên kiêng giết, cứu mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, chớ thuận theo tri kiến thế tục, cho là phải cung phụng miếng ngon vật lạ cho cha mẹ mới là hiếu. Những kẻ chưa nghe được Phật pháp đó chẳng biết sự lý luân hồi lục đạo, lầm tưởng như vậy là hiếu, còn tha thứ được. Chớ nếu là người đã nghe biết Phật pháp, lại giết cha mẹ, thân thuộc quá khứ để phụng dưỡng cha mẹ hiện tại cũng như để ma chay, cúng giỗ v.v… thì chẳng những không phải là hiếu đạo mà còn trở thành ngỗ nghịch nữa! Vì vậy, những bậc thông đạt do nghe được chân thật nghĩa đế của Phật pháp bèn chẳng chịu hành theo những pháp quyền biến của thế gian, bởi những pháp quyền biến ấy đều là thuận theo tình kiến mê muội của thế tục mà lập, chứ không phải là đạo thấy thông suốt nhân quả ba đời của đức Như Lai. Nếu muốn hiểu sâu hơn, hãy đọc những bài văn khuyên kiêng giết trong bộ Văn Sao [167] và bài Phổ Khuyến Giới Sát Vãn Kiếp Văn (văn khuyên khắp mọi người kiêng giết để vãn hồi kiếp vận) trong bộ Quán Âm Tụng ắt sẽ tự biết.

Người niệm Phật nếu mắc bệnh hãy nên một dạ đợi chết. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, vì toàn thân buông xuống niệm Phật có thể tiêu được nghiệp chướng mạnh nhất. Nghiệp tiêu, bệnh sẽ lành. Nếu không buông xuống được, cứ muốn cầu lành bệnh thì vẫn chưa thể lành bệnh được, mà cũng chắc chắn không cách gì vãng sanh được vì chẳng nguyện vãng sanh! Nếu không hiểu rõ những đạo lý này, há còn có thể cậy vào Phật từ lực được ư? Đối với

[166] Hiếu kính cha mẹ, hòa thuận, thương yêu anh em.
[167] Bài số 10 trong phần Tạp Trước, Quyển 4

bệnh của mẹ ông, hãy khuyên bà cụ nên buông xuống, cầu vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết, đâm ra sẽ mau lành bệnh, vì tâm chí thành nên được Phật từ gia bị. Mong ông hãy uyển chuyển khuyên mẹ, đừng bắt chước kẻ si nói lời ngây ngô!

Hôm qua nhận được thư Thủ Lương, biết mẹ ông chưa thật sự phát tâm cầu sanh. Mẹ đang bệnh đừng nhắc đến chuyện đó, chỉ khuyên mẹ chí tâm niệm Phật sẽ được Phật gia bị khiến cho thân tâm an lạc. Đợi khi nào cụ khỏe hẳn, hãy khéo léo khuyên chỉ, khiến cho cụ cầu sanh thì lợi ích lớn lắm. Cũng mong ông đối trước cụ, thay tôi hỏi thăm sức khỏe, cũng như bảo cụ rằng Quang khuyên cụ nên buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật, lấy đó làm chuyện trọng yếu cho chính mình, mọi chuyện khác đều phó cho con cháu lo lắng để khỏi gây trở ngại cho lợi ích niệm Phật của chính mình.

Quần Tranh hãy nên biết rõ: Mẹ ông hiện đang có bệnh, mẹ chưa lành bệnh trọn chẳng thể bỏ đi. Nhưng Quang xem ra mẹ ông e rằng khó sống lâu, hãy nên cùng Mạnh Do và Trí Chiêu v.v… hằng ngày thay phiên nhau niệm Phật bên mẹ, khiến cụ niệm theo. Chẳng niệm được thì lặng lẽ nghe. Nếu tuổi thọ đã hết, hành như thế, sẽ quyết định vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn. Nếu ông nhất quyết muốn lên núi, chỉ đành bàn bạc như thế này cùng ông, ngõ hầu hai đằng đều không trở ngại: Hiện nay mẹ ông bệnh chưa khỏi, quyết chẳng thể phát cái tâm ấy. Nếu phát thì cả thế gian lẫn xuất thế gian hai đằng đều trái nghịch. Con người lâm chung được trợ niệm quyết có thể vãng sanh. Không được trợ niệm, hoặc lại vì khóc lóc, chuyển dời, khiến tình yêu mến hay lòng sân hận dấy động thì sẽ khó tránh khỏi bị đọa lạc, nguy hiểm lắm thay! Ông thành tựu được sự vãng sanh cho mẹ thì cũng chính là chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật, ấy là *"hành Phật sự ngay trong trần lao",* công đức thù thắng vạn phần hơn những chuyện tầm thường khác! Xin hãy bảo cùng Mạnh Do cách trợ niệm này và khuyên mẹ hãy nghe theo lời Quang. Vì mẹ diễn bày Phật pháp cố nhiên là đại thiện, nhưng chuyện thăm hỏi vỗ về cũng càng phải đặc biệt lưu ý thì may mắn lắm!

Mẹ ông phát nguyện gởi tiền cho Quang để tùy ý làm công đức và giúp in bộ Văn Sao hủ bại. Theo cái nhìn hèn tệ của Quang, hễ làm công đức thì phải coi việc khai phát trí thức cho con người là trọng yếu nhất. Quang tính dùng khoản tiền này in Quán Âm Tụng để thí khắp gần xa khiến cho hết thảy mọi người cùng biết Quán Âm Đại Sĩ là bậc nương cậy cho chúng sanh trong pháp giới, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ, lại còn phù tá Phật Di Đà tiếp dẫn chúng sanh. Huống chi thế nhân hiện thời hằng ngày ở trong hoạn nạn, không cách chi ngăn ngừa, gìn giữ được. Nếu ai nấy thấy được sách này, biết ân đức Đại Sĩ, không ai chẳng muốn cậy vào oai lực Ngài để tránh khỏi tai họa.

Đã phát tâm quy y, tin tưởng, nương tựa Đại Sĩ thì tự nhiên sẽ giữ lòng từ thiện, tu sửa lỗi cũ hòng chẳng trái nghịch Đại Sĩ để được che chở, gìn giữ, ban phước. Cõi đời loạn lạc là vì lòng người hiểm ác. Nếu ai nấy đều ngưỡng mộ lòng từ bi của Đại Sĩ, ắt có ngày tự đến được chốn lành. Do vậy, lưu thông sách này lợi lạc vô cùng, so với in những thứ lợi ích tạm thời khác quả thật cách xa một trời một vực! Do chuyện này mẹ ông sẽ tăng phước huệ, tiêu trừ tội khiên, ắt sống được an lạc, mất về Liên Bang. Còn như bộ Văn Sao hủ bại, người trông thấy phát tâm tu thiện niệm Phật rất nhiều, ở đây không viết tường tận.

Vì sao mẹ ông bệnh chẳng thấy lành? Ấy là do túc nghiệp mà ra! Là do báo nặng đời sau chuyển thành báo nhẹ trong hiện tại để giải quyết cho xong ngay lúc này đó vậy! Huyền Trang pháp sư lúc lâm chung cũng có chút bệnh khổ, tâm nghi ngờ những kinh mình dịch có bị sai lầm gì chăng, có một vị Bồ Tát an ủi Ngài: *"Do sự khổ nhỏ này, tội báo của Sư trong những kiếp trước đều tiêu cả, chớ hoài nghi!"* Hãy nên đem ý này an ủi mẹ ông, khuyên cụ sanh lòng hoan hỷ, đừng sanh lòng oán hận thì quyết định được Phật gia bị. Thọ mạng chưa hết sẽ chóng lành, đã hết sẽ vãng sanh. Phàm nhân trong lúc bệnh khổ nếu nghĩ thoái lui một bước thì an lạc vô lượng.

Gần đây, binh lửa liên miên, may sao chúng ta chưa mắc phải nạn ấy. Tuy có bệnh khổ, nhưng vẫn còn có thể dùng đó làm lời cảnh tỉnh, răn nhắc thoát khổ, phải nên cảm kích, tinh chuyên tu tập thì sẽ tự được lợi ích. Nếu không, oán trời hận người, chẳng những không tiêu được túc nghiệp, lại còn đèo thêm cái nghiệp oán trời trách người! Hãy bảo cùng mẹ ông như thế. Nếu có thể chẳng oán trời trách người, tịnh tâm niệm Phật thì tiêu được nghiệp như nước sôi tan tuyết. Từ khi Quang trở về núi, lúc hồi hướng trong khóa tụng hằng ngày đều hồi hướng cho mẹ ông, cầu Tam Bảo gia bị mạng chưa tận sẽ chóng lành, tuổi thọ đã hết sẽ mau được vãng sanh Tây Phương.

***

Nhận được thư biết mẹ ông đã niệm Phật vãng sanh bữa mồng Hai, khôn ngăn thương cảm, than thở! Tuy nhiên, các ông đã biết Phật pháp, nên y theo Phật pháp, chăm chú tạo lợi ích cho thần thức của cụ bà, chớ đừng buồn thương vô ích, khiến cho kẻ còn lẫn người mất chẳng được lợi ích gì. Trong lúc ma chay, toàn dùng đồ chay, đừng bị thế tục xoay chuyển. Dẫu bị kẻ chẳng hiểu thời thế chê là không đúng, cũng cứ mặc cho họ cười chê. Tang ma, chôn cất, chớ nên bày vẽ phô trương quá mức. Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự gì khác, cũng như bảo cả nhà đều khẩn thiết niệm Phật thì đối với mẹ ông, đối với quyến thuộc các ông và thân thích, bằng hữu đều có lợi ích thật sự. Có tài lực thì làm nhiều công đức. Nếu tiền chi tiêu cho tang sự không dư dả thì

chuyên lo tang sự là được rồi, đừng gắng gượng bày vẽ, đến nỗi thiếu hụt, để rồi sau này túng quẫn, không nên!

Nhận được thư, biết mẹ ông qua đời rất an lành. Ấy là do mẹ ông xưa kia tích chứa thiện căn cũng như do thiện nguyện trong hiện tại, mà cũng là kết quả của việc các ông giúp cho mẹ được thành tựu. Con người suốt cả một đời chuyện gì cũng có thể giả vờ được, chỉ có lúc sắp chết là không thể giả dối được! Huống chi cụ không có tình ái luyến, vẻ mặt vui tươi, ngồi yên qua đời. Nếu không phải là Tịnh nghiệp thành thục, làm sao được như thế? Chỉ cần nhìn vào anh em ông và gia đình quyến thuộc tích cực vì mẹ niệm Phật, chẳng những bà cụ được lợi ích mà thật ra so với công đức niệm Phật cho chính mình lại càng lớn hơn. Do vậy, đức Phật dạy con người phàm tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Bình thời còn hồi hướng cho chúng sanh không liên hệ gì với mình, huống gì lúc mẹ mất lại chẳng chí tâm vì mẹ niệm Phật hay sao? Do hồi hướng cho hết thảy chúng sanh chính là phù hợp với thệ nguyện Bồ Đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả cũng trở thành sâu rộng như biển cả. Nếu chưa đến được biển, đừng nói chi là một giọt nước, dẫu trường giang, sông lớn hiển nhiên vẫn thua xa biển cả như trời với đất. Do vậy, biết rằng phàm thí cho mẹ và hết thảy mọi người đều chính là tự vun bồi phước cho mình!

Biết được nghĩa này thì người có lòng hiếu sẽ càng tăng trưởng lòng hiếu; kẻ không có lòng hiếu cũng sẽ phát khởi tâm hiếu. Thỉnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày rất tốt. Lúc niệm thì anh em ông phải có người hiện diện niệm theo, phụ nữ bất tất phải ngồi sau Tăng. Bởi lẽ, niệm nhiều ngày, ắt quen biết nhau, dễ khiến người ta khởi hiềm nghi! Nên lập riêng một chỗ cho phụ nữ, hoặc cho họ ngồi sau màn, ra vào theo cửa riêng, hai bên chẳng thấy nhau để làm gương cho làng ấp, mở đầu khuôn phép nghi thức tốt đẹp. Nếu tràn lan không giới hạn thì rất có thể người khác bắt chước theo, lâu ngày nẩy sanh thói tệ. Người xưa lập pháp dẫu là thượng thượng nhân cũng phải tuân thủ khuôn phép dành cho kẻ hạ hạ, cho nên không thể có tệ hại.

Anh em ông vì mẹ có thể niệm Phật như thế lại còn vì mẹ in tặng Quán Âm Tụng, Văn Sao v.v… có thiện tâm, tư lương thanh tịnh, và chuyện công đức lợi người như thế há chẳng riêng gì mẹ ông phẩm sen được tăng cao, chắc rằng tổ phụ, tổ mẫu, phụ thân ông và tổ tiên nhiều đời cùng được thấm nhuần pháp lợi, cùng được vãng sanh. Những gì Quang nói vốn có lý có tình, chứ không phải là nói lan man để làm đẹp lòng vui dạ các ông. Con em nhà phú quý đa phần chẳng thành trò trống gì, vốn là do chẳng biết cách thương yêu, hoặc là thiên về cho con tiền tài, hoặc là thiên về cho con ăn mặc sang trọng, mặc sức dùng tiền, ắt đến nỗi ăn bậy thành bệnh. Nếu cho một đứa nào giữ tiền của để kiếm lời, những đứa khác không được sẽ sanh tâm oán cha mẹ, sanh lòng đố kỵ với

những anh em, chị em được giữ tiền. Đấy đều chẳng phải là cách dạy con hiếu đễ.

Nếu con gái có tiền, khi lấy chồng sẽ cậy tiền tự kiêu, hoặc khinh thường chồng, hoặc không hiểu việc, đem tiền giúp chồng làm chuyện trái pháp. Muốn con cái thành hiền nhân thì hãy nên vun bồi phước, chẳng nên tích cóp tiền tài. Tài là gốc họa, các ông thấy bao kẻ tay trắng làm nên đều là do không tiền nhưng siêng năng mà được, còn những nhà giàu to không ít kẻ chẳng bao lâu gia sản trống rỗng. Cổ nhân nói: *"Để cho con một rương đầy vàng, không bằng dạy con một bộ kinh"*. Học được thì học, không học được thì hoặc làm ruộng, làm thợ, buôn bán, mỗi đứa một nghề để làm cái vốn lập thân nuôi gia đình. Nếu con gái có tiền, hiểu biết đạo lý thì tiền sẽ thành cái gốc để giúp cho đạo. Nếu không hiểu đạo lý thì sẽ hại cả con lẫn rể, hại lây đến cháu trai, cháu gái.

Mẹ ông khéo kinh doanh, may là tổ đức nhà ông sâu dầy nên anh em trai, chị em gái đều hiền lành, hòa thuận. Dù mẹ có thương yêu một đứa con nào hơn những đứa khác cũng chẳng đến nỗi so bì lẫn nhau. Nhưng chẳng thể coi đó là cách hay, phải làm sao cho con cái vĩnh viễn không so đo, nẩy sanh hiềm khích, cũng như không sanh trưởng ý niệm ỷ lại, kiêu căng, ngõ hầu gia đạo hưng thịnh, con cháu đều tuân thủ quy củ. Quang thường hay có cái tánh dài dòng; do anh em ông coi Quang là thầy, chỉ sợ rằng sau này con cái các ông bị mắc hại nên mới lắm lời. Nếu không coi những gì tôi đã nói là không có nguyên nhân, không xem là lời thừa thì may mắn thay! Chỉ mong anh em ông tích cực niệm Phật, đấy chính là báo ân mẹ mà cũng là báo ân Phật vậy.

Cách hỏa táng khi Phật pháp hưng thạnh vào thời Đường - Tống, người tại gia thường dùng. Nhưng hãy nên thuận theo thói đời chôn cất, vì sợ kẻ chấp trước câu nệ sẽ lầm lạc nói ra nói vào, chứ thật ra thiêu sẽ dễ dàng gọn gàng hơn. Qua bốn mươi chín ngày hãy thiêu là ổn thỏa. Chôn lâu ngày rất có thể xương cốt bị phơi bày. Chuyện để tang ba năm không dùng đến lễ nhạc, cố nhiên nên tuân thủ. Đời Thanh trước kia, hễ là quan văn thì phải xin nghỉ cư tang, quan võ không cần phải cư tang do việc quân chẳng thể thiếu sót được, nên chẳng lấy đó làm lệ. Nay thì những thói "phế bỏ luân thường, bất hiếu" nhao nhao khởi lên, chuyện vâng giữ tang chế theo kỳ hạn há còn đáng để nhắc tới hay chăng? Chúng ta nên dựa theo cổ lễ, châm chước mà hành, chớ nên biến đổi hết, nhưng cũng bất tất phải câu nệ!

Những thuyết *"đảnh thánh nhãn thiên"*[168] quả thật có chứng cứ, nhưng Quang sợ kẻ vô tri chỉ chăm chú thăm dò chỗ nóng - lạnh, ý tôi cho rằng: *"Hễ*

[168] Đảnh thánh, nhãn sanh thiên: Đây là một bài kệ thời cổ luận về sự vãng sanh, nguyên văn như sau:
Đảnh thánh, nhãn thiên sanh
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc

có tín nguyện và lúc lâm chung chánh niệm phân minh bèn được vãng sanh, chẳng cần phải chuyên thăm dò nóng - lạnh để làm chứng cứ", nên mới nói cũng đừng theo lệ ấy vì sợ rằng thăm dò quá nhiều lần đến nỗi hỏng việc. Không thể không biết [điều này]!

Trong pháp hội Vô Lượng Thọ Như Lai của kinh Đại Bảo Tích[169] có nói những kẻ nghi ngờ hối hận thì gọi là Thai Sanh, cũng có chỗ gọi là Nghi Thành; tức là ước theo chướng ngại, che lấp, ngăn cách, trở ngại cho nên gọi là Thai Sanh, là Nghi Thành. Đó là vì ở trong hoa sen năm trăm năm chẳng thấy Phật, nghe pháp. Sao lại hiểu nghĩa theo kiểu chấp chết cứng vào văn tự, không kể những người ấy vào loại chín phẩm vãng sanh? Phải biết: Tây Phương không có Thai Sanh, cũng không có thành quách. Nói Thai Sanh hay Nghi Thành là ước trên ý nghĩa "chẳng vượt ra khỏi hoa sen và bị ngăn cách với Phật", nên ví như thai, như thành! Ông chấp chặt vào từ ngữ, cho rằng những người ấy không thuộc vào phẩm sen.

Hạ Phẩm Trung Sanh là sáu kiếp [hoa mới nở], Hạ Phẩm Hạ Sanh là mười hai kiếp; như vậy thành ấy, thai ấy lại càng dày, càng xa. Mười hai kiếp còn gộp trong chín phẩm, sao chỉ năm trăm năm lại lọt ra ngoài? Sao lại không thấy tám chữ *"ở trong hoa sen chẳng thể xuất hiện",* hoa sen ấy chẳng phải là sen trong chín phẩm hay sao? Phật pháp vốn chẳng thể nói được, hễ chấp chết vào điều gì thì là vô sự bèn sanh sự, phí hết bút mực vậy! Nói chung, do mình nghi nên bèn [ví như] ở trong thai, ở trong thành, dày còn hơn Thiết Vi. Nếu ngay đó bèn hiểu rõ thì đại địa phẳng phiu, Thiết Vi trọn chẳng còn có nữa. Mạnh Tử nói: *"Do ý nghịch chí, cho nên bèn có"*[170]. Chỉ một chữ Nghịch ấy cũng là nghi thành. Nếu biết là nghịch sẽ phù hợp cùng ý, Nghi Thành hóa ra không còn nữa! Do vậy, những gã chấp chết cứng suốt ngày giảng nói nhưng suốt ngày nghi

---

Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước phản xuất
Ý nói: Khi người chết tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu nóng thì ắt đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu mắt cùng trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Chỗ ngực còn ấm thì sanh nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh ngạ quỷ. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh làm súc sanh. Riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục.

[169] Kinh Đại Bảo Tích (Mahā-Ratnakūta-Sūtra) gồm 120 quyển, thật ra là bộ tổng tập các kinh liên quan đến những phương pháp tu hành, thọ ký, thành Phật của các Bồ Tát. Bảo Tích có nghĩa là tích tập pháp bảo. Do pháp Đại Thừa sâu mầu nên gọi là Bảo, tích tập vô lượng pháp môn nên gọi là Tích. Toàn kinh chia thành 49 hội. Trong số ấy, những bản dịch kinh cùng nội dung nhưng khác tên của các nhà dịch kinh trong thời Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triều, Tùy, Đường gồm hơn 28 hội, gọi là phần Cựu Dịch. Ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch mới hai mươi sáu hội nữa, gọi là bản Tân Dịch. Bản kinh Bảo Tích hiện thời là tổng hợp của hai phần này. Như vậy, mỗi một pháp hội là một bộ kinh. Bản kinh này đã được tập thành tại Ấn Độ, khi ngài Huyền Trang về lại Trung Hoa có mang theo Phạn bản. Theo Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện, quyển 10, sau khi dịch xong bộ Đại Bát Nhã 600 quyển, pháp sư Huyền Trang thuận theo lời cầu thỉnh của chư sơn cao đức dịch kinh này, nhưng tinh lực đã tận, nên chỉ dịch vài trang rồi ngưng. Bản kinh này đã được hòa thượng Trí Tịnh chuyển dịch sang Việt Văn.

[170] Theo Tứ Thư Bạch Thoại Dị Giải, câu này có nghĩa là "dùng ý kiến ức đoán của chính mình suy lường nên bị trở ngại, vướng mắc".

ngờ, trái nghịch, đều là vì cái gốc bệnh chấp chết cứng này chưa tiêu được cho nên khó thể đạt được lợi ích thật sự!

169. Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cửu

Nếu muốn giáo hóa người thì chính mình phải thật sự làm, người ta sẽ tự tin. Quang nói *"thật sự làm"* không chỉ có nghĩa là niệm Phật mà thôi! Phàm người phát tâm học Phật thì việc làm phải cao trỗi hơn người bình thường. Nói *"cao trỗi"* có nghĩa là phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, cha từ, con hiếu là những điều phải nên làm. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ chăm chú giữ lòng chân thật, phàm khởi tâm động niệm làm việc gì đều phải *"đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*. Phàm có ai mê chẳng tin tưởng thì phải dùng thành ý chân thật để tuyên nói những sự lý nhân quả mình biết. Nếu không biết, chớ nên cưỡng nói. Chúng sanh đang mê như sanh ra đã mù, mê nhưng vốn có nhà, muốn quay về phải nhờ vào người dẫn thì mới khỏi va tường đụng vách, sa hầm xảy hố. Người được dẫn dắt phải hoàn toàn tuân theo lời người dẫn đường, chẳng được nẩy sanh chút chống trái nào. Nếu chống trái thì chẳng những không thể về đến nhà, e rằng còn bị mất cả thân mạng. Pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói chính là vị thầy dẫn đường cho hết thảy chúng sanh trong tam giới. Chúng sanh tuân theo ngôn giáo của Phật mà tu hành quyết sẽ đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là quê nhà mình sẵn có, hưởng thụ an lạc. Chỉ vì dùng phàm tình không hiểu được thánh trí nên lại tự cho mình thông minh, rồi lầm lạc cật vấn, bắt bẻ, thật đáng xót thương! Nay tôi sẽ lần lượt đáp từng điều:

1) *"Vật đạt đến cùng cực sẽ xoay ngược lại, vui quá hóa buồn"* chính là lý chung, nguyên tắc chung thường hằng cổ kim, thông suốt khắp thiên hạ, trọn chẳng thể thay đổi mảy may nào. Tây Phương mang tên là Cực Lạc, như vậy cũng sẽ hóa thành buồn ư?

Đáp: Trong thế gian, tất cả căn thân (căn chính là cái thân chúng ta) hay thế giới (tức là trời đất mình đang sống) đều là đồng nghiệp (thế giới) và biệt nghiệp (căn thân) được cảm thành trong cái tâm sanh diệt của chúng sanh, đều có thành - hoại, đều chẳng lâu bền. Thân có sanh - lão - bệnh - tử, thế giới có thành - trụ - hoại - không. Nói *"vật đạt đến cùng cực ắt xoay ngược lại, vui quá hóa buồn"* chính là ý này. Bởi lẽ nhân đã là sanh diệt thì quả không thể nào không sanh diệt! Cực Lạc thế giới là do A Di Đà Phật chứng triệt để Phật Tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm hiện ra thế giới xứng tánh trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, sự vui không có thời kỳ cùng tận. Ví như hư không rộng rãi lớn lao, bao hàm hết

thảy sâm la vạn tượng. Tuy thế giới bao lượt thành, bao phen hoại, nhưng hư không rốt ráo chẳng tăng - giảm.

Ông dùng sự vui thế gian để cật vấn sự vui nơi Cực Lạc. Ông chưa thể thấy được sự vui nơi Cực Lạc; tuy ông chưa thể thấy hư không hoàn toàn, nhưng hư không trong vòng trời đất ông đã từng thấy qua, nó có biến đổi hay chăng? Phải biết hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật Tánh; vì thế, đức Phật (chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật) dạy người niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do nương vào đại từ bi nguyện lực của Phật A Di Đà nên cũng được hưởng sự vui bất sanh bất diệt ấy. Bởi lẽ căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ sanh - già - bệnh - chết; còn thế giới do công đức xứng tánh biến hiện nên không có những sự biến đổi thành - trụ - hoại - không! Dẫu là thánh nhân cũng còn có những điều không biết, há có nên do pháp thế gian sanh - diệt mà nghi ngờ ư?

2) *"Nhất Âm nhất Dương gọi là Đạo"*. Đời đồn đại tiên sinh Giang Thận Tu[171] ở một mình trong núi thẳm, làm ra thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú đều thành hình, nhưng chúng đều đứng yên không vận chuyển được, đến khi chúng được hưởng khí Âm của đứa tớ gái mới vận hành được! Tây Phương không có thân nữ, riêng có một mình Dương, làm sao sanh trưởng cho được?

Đáp: Giang Thận Tu là một bậc quân tử ẩn dật đời Thanh, đối với tâm pháp thánh hiền, thiên văn, địa lý, không gì chẳng thông đạt, quả là trong thế gian hiếm được mấy kẻ! Tiên sinh chưa từng nghiên cứu Phật pháp, nhưng đối với chuyện kiêng giết, phóng sanh v.v… lại suốt đời khen ngợi (Quang từng viết lời tựa cho sách và bản Niên Phổ của tiên sinh, cùng cho lưu truyền). Đối với pháp thiển cận nhất của Phật pháp, tiên sinh còn như thế; nếu khi đó được bậc cao nhân thông suốt Phật pháp hóa độ, ắt sẽ thâm nhập pháp tạng, triệt chứng tự tâm.

Còn như nói *"ông ta làm ra thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú đều thành hình, nhưng chúng chỉ đứng yên không vận chuyển được, phải đợi đến khi có Âm Khí của đứa tớ gái mới xoay vần được"* thì đấy chính là lời đơm đặt, đồn thổi của bọn hạ lưu luyện đan, nhằm lôi kéo những kẻ vô thức làm chuyện tà bậy, nên mượn chuyện ông Thận Tu làm ra thiên địa hòng chứng minh *"Âm Dương hòa hợp chính là Đạo"*. Đấy là chuyện cực ác, trái pháp, vô luân lý, vô liêm sỉ, dẫn con người sa vào lời ma, tà kiến cầm thú. Kẻ vô tri tưởng là diệu đạo, chẳng đáng buồn ư?

"Nhất Âm nhất Dương gọi là Đạo" chính là lời Khổng Tử khen ngợi kinh Dịch. Dịch lấy Âm Dương làm gốc nên Khổng Tử nói như thế. Người đời sau

[171] Giang Thận Tu là người huyện Hấp, tỉnh An Huy, thích nghiên cứu, rất tinh thông thuật bói toán. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Châu Dịch Thích Nghĩa gồm mười sáu quyển, vẫn còn được phổ biến đến tận ngày nay. Ông đề ra những kiến giải đặc biệt, tân kỳ và tinh xác về thuật Dịch Học, nhất là Hà Đồ và Lạc Thư. Ông còn nghiên cứu rộng rãi nhiều học thuật, triết học đương thời, nên được coi là bậc đại học giả cuối đời Thanh.

không biết đạo, liền hiểu sơ sài hai chữ "Âm Dương" có nghĩa là khí Âm, khí Dương; kẻ tà kiến lại hiểu lệch lạc Âm Dương là nam nữ, đúng là *"két học tiếng người, trọn chẳng biết chuyện người"*.

Nay chẳng nài phiền toái, chỉ bày đại lược ngõ hầu chẳng đến nỗi khiến cho lời dạy đạo của thánh nhân bị kẻ vô tri hiểu lầm tạo thành ác nghiệp vĩnh viễn đọa trong tam đồ. *"Nhất"* không phải là "một" như trong *"nhất, nhị"* (một, hai), mà có nghĩa là *"hỗn hợp, không gián đoạn"*. Dương chính là Minh Đức; Minh Đức này ai ai cũng có. Do bị món vật là lòng ham muốn của con người ngăn lấp nên Minh Đức sẵn có chẳng thể hiển hiện được! Nếu *"cách trừ"* (trừ khử) được "món vật" (tức "cách vật") là lòng Dục thì Minh Đức sẽ tự hiển lộ, đó gọi là *"minh Minh Đức"* (làm sáng tỏ đức sáng). Dương là Minh Đức, còn Âm là công dụng làm sáng tỏ Minh Đức.

Sách Trung Dung nói là *"thành minh"*. Thành chính là Minh Đức, Minh chính là sự sáng tỏ của việc *"minh Minh Đức"*. Thành và Minh hợp nhất chính là *"minh Minh Đức"*. Đấy chính là đạo được truyền bởi các vị Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ (vua Đại Vũ), Thang (vua Thành Thang), Văn (tức Châu Văn Vương), Vũ (tức Châu Vũ Vương), Châu Công, Khổng Tử. Trong sách Đại Học, Khổng Tử gọi thẳng là *"minh Minh Đức",* còn trong Trung Dung, Tử Tư gọi là *"thành minh"*. Sách Châu Dịch chính là sách thánh nhân xem xét hình tượng để sánh ví đạo nhằm dạy người, nên bảo *"nhất Âm nhất Dương là Đạo"*.

Đời sau trí thức nông cạn, hèn kém, hiểu chết cứng chữ "Âm Dương", rốt cuộc hiểu thành nam nữ, rồi tà nhân dùng đó làm chứng cứ để gạt gẫm người vô tri làm chuyện tà bậy. Cái tội vu báng, miệt thị Khổng Tử, phá hoại Dịch lý, gây nghi ngờ lầm lạc cho hậu thế há cùng cực được ư? Tôi nói như vậy, sợ ông không tin. Hãy xem phần Tượng Truyện nói về những con rồng trong sáu hào[172] của quẻ Thuần Càn ắt tự biết rõ, cũng chẳng cần phải nghiên cứu toàn bộ sáu mươi bốn quẻ. Kẻ kia cho Âm Dương hợp nhau là Đạo, trong núi sâu há lẽ chẳng có khí Âm Dương, cần chi cứ phải dùng đến khí Âm Dương của con người? Khí Âm Dương của con người là cái gốc để sanh con cái, nào phải là cái gốc của thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú? Loại tà kiến này xú uế đến cùng cực, chẳng đáng nhắc đến. Kẻ ấy vẫn cho đó là đạo, đúng là *"dùng phân người để làm chiên-đàn[173]"*, chính là hạng người chẳng biết thơm - thối! Buồn thay!

---

[172] Quẻ Thuần Càn gồm sáu hào Dương (tức sáu vạch liền), mỗi vạch đều được giảng bằng chữ Long, từ hào thứ nhất (sơ cửu) là Tiềm Long Vật Dụng, hào thứ hai là Hiện (Kiến) Long Tại Điền, cho đến hào thứ sáu (thượng cửu) là Kháng Long Hữu Hối.

[173] Chiên Đàn (gosĩr a-candana): Thường được gọi đủ là Ngưu Đầu Chiên Đàn, hay Ngưu Đàn Hương là một loại gỗ trầm hương (sandalwood), tương truyền lấy từ rặng núi Ngưu Đầu. Người Ấn Độ tin rằng bôi loại

3) Do tham Thiền điều thần dưỡng khí nên tin là có ích, còn niệm Phật nói nhiều tổn khí, há cũng có ích chăng? Vả nữa, nếu có kẻ nào đó suốt ngày ở bên cạnh ông, réo tên ông không ngừng, ông chẳng chán ghét hay sao?

Đáp: Nói "Thiền là tịnh tọa, dưỡng khí, điều thần" thì cũng là lời lẽ của kẻ chẳng biết Thiền, chỉ thấy được da lông của Thiền, chẳng biết nguồn cội Thiền. Thiền giả tuy ngồi nhưng tham cứu bản lai diện mục, chứ không phải nhằm dưỡng khí điều thần. Niệm Phật cũng là pháp dưỡng khí điều thần, mà cũng là pháp tham cứu bản lai diện mục! Vì sao nói thế? Cái tâm của chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết thảy tạp niệm vọng tưởng dần dần tiêu diệt. Hễ vọng tưởng tiêu diệt thì tâm quy về một mối, quy về một mối thì thần khí tự nhiên sung mãn, thông suốt.

Ông không biết niệm Phật là dứt vọng. Cứ thử niệm đi sẽ nhận thấy đủ mọi vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày sẽ tự chẳng còn những vọng niệm ấy. Thoạt đầu biết có vọng niệm, do niệm Phật nên mới hiển lộ được những vọng niệm trong tâm, không niệm thì chẳng hiển. Ví như trong nhà thanh tịnh không bụi, nhưng một tia nắng lọt qua khe cửa sổ sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi! Bụi trong nhà do ánh nắng thấy rõ, vọng trong tâm cũng do niệm Phật mà hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm thanh tịnh. Khổng Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công niệm niệm chẳng quên, nên thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng! Đấy là do thường luôn nghĩ nhớ, có khác gì niệm Phật!

Do tâm miệng của chúng sanh bị phiền não, Hoặc nghiệp nhiễm ô nên Phật dạy dùng tâm miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu *"nam-mô A Di Đà Phật"*. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện. Sao lại lấy chuyện người thế gian réo tên để so sánh vậy? Nếu như vậy thì Khổng Tử thường niệm Nghiêu, Thuấn, Châu Công cũng là chẳng đúng. Nếu cho niệm niệm nghĩ đến, ngưỡng mộ là đúng, thì sao lại coi mỗi tiếng luôn niệm Phật là sai? Huống chi niệm Phật chính là diệu pháp để chuyển phàm thành thánh, pháp thế gian há thể sánh bằng được ư?

4) Bệnh của con người là do trong thân thể có nhiều trùng, dùng thuốc để trị thì là giết trùng. Còn bỏ thuốc thì là ngồi nhìn người khác chết. Hai đằng phải làm sao đây?

Đáp: Bệnh thì có bệnh trị được, có bệnh không trị được! Bệnh trị được là bệnh ngoại cảm nội thương, còn nếu là bệnh do oán nghiệp thì thần tiên cũng

---

hương này lên thân sẽ ngăn được lửa, trị lành vết thương. Có nhiều loại chiên đàn, kinh Pháp Hoa nói có loại Hải Ngạn Chiên Đàn, một Thù của loại hương này giá trị bằng cả tam thiên đại thiên thế giới.

chẳng thể trị được! Niệm Phật bèn có thể khiến cho oán gia đời trước cậy vào Phật từ lực siêu sanh thiện đạo. Vì vậy, khi mối oán thù được cởi bỏ, bệnh liền lành mạnh. Ngoại cảm nội thương niệm Phật cũng rất hữu ích, không phải chỉ có bệnh do oán nghiệp mới có ích. Ông Giang Dịch Viên làm hiệu trưởng, do tận lực dạy dỗ học trò, dụng tâm quá độ nên mắc bệnh trầm trọng (khi đó, ông ta ở Thượng Hải), thuốc Tây, thuốc Tàu đều vô hiệu. Ông ta vốn không biết Phật pháp, ông Giang Vị Nông[174] đến thăm, nói: *"Thuốc đã không công hiệu thì không cần dùng đến thuốc nữa, hãy nên chí tâm niệm Phật liền có thể khỏi bệnh"*. Dịch Viên tin theo, bệnh liền khỏi. Do vậy, ông ta cực lực khuyên người khác niệm Phật. Sau ông về nhà, có một người thân thích tuổi gần bảy mươi, hai mắt lòa cả, Dịch Viên khuyên cụ nên niệm Phật, chưa đầy một năm, mắt bèn sáng lại. Mùa Hạ năm nay, vùng eo sông Vụ Nguyên hạn hán, Dịch Viên khuyên mọi người niệm Phật cầu mưa, chưa đầy bảy ngày liền mưa to; dân một vùng mừng rỡ, hớn hở!

Dịch Viên liền lập Phật Quang Xã, dạy hết thảy nam nữ, già trẻ đều niệm Phật, cũng lôi kéo Quang làm hội trưởng. Đủ thấy một pháp Niệm Phật với bất cứ chuyện gì cũng đều có thể thành tựu, nhưng chẳng thể dùng Niệm Phật để thành tựu việc ác. Nếu muốn làm việc ác, niệm Phật cầu thành tựu sẽ bị sét đánh, sợ kẻ ngu không biết nên phải nêu rõ! Lợi ích của việc niệm Phật xưa nay không biết là bao nhiêu, nay chỉ đem chuyện thấy được, có thể hỏi được ra nói để không còn nghi ngờ gì nữa! Người ta nói "bỏ thuốc niệm Phật, ngồi nhìn người khác chết" ư? Thử hỏi: Dịch Viên dùng thuốc sao không lành, niệm Phật lại lành bệnh? Đấy chỉ là lợi ích nhỏ, còn lợi ích lớn là vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thậm chí thành Phật. Kẻ ếch ngồi đáy giếng kia làm sao biết được nổi sự rộng sâu của biển cả Phật pháp, nên mới nói những lời nhảm nhí, hồ đồ như thế, càng lộ rõ sự thiếu hiểu biết của chính mình!

5) Như gà ăn trùng, nuôi gà chính là giết trùng. Bảo vệ trùng ắt phải giết gà. Vậy phải làm sao?

Đáp: Phật đại từ bi khiến cho hết thảy mọi loài được sống. Gà cũng do con người nuôi, nếu chẳng lập cách cho nó sống thì chúng sẽ chết mất, chúng không được như loài tự nuôi sống. Gà ăn trùng là vì nó đói. Nếu không đói sẽ chẳng ăn, không nhất định cứ phải ăn trùng! Nếu như ông nói "giết gà chính là cứu trùng" thì do con người ăn hết thảy mạng loài vật, cũng nên giết đi để cứu hết thảy tánh mạng loài vật, có nên hay không? Trí nhỏ chẳng biết lý lớn, lầm lạc đem ý kiến ngu muội của chính mình để ngăn trở thiện sự kiêng giết, phóng

[174] Giang Vị Nông (1873-1938), người xứ Ninh Ba, tỉnh Giang Tô, sống ở Hồ Bắc. Ông tên thật là Trung Nghiệp, tên tự là Vị Nông, pháp danh Diệu Hy. Từ nhỏ đã theo cha trì tụng kinh Kim Cang. Tuổi trung niên vợ mất, ngộ thế sự vô thường. Năm 1918, lễ ngài Vi Quân thiền sư làm thầy, thọ Bồ Tát Giới. Cuốn sách Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của ông được đánh giá rất cao, lưu truyền hết sức rộng rãi.

sanh của người khác. Về sau, làm thân con vật, quyết định chẳng gặp được người phóng sanh cứu mạng. Cái khổ khi ấy chính là do tà trí ngày nay vun bồi thành.

6) Phật cho vạn pháp đều là không, sao lại có Tây Phương Cực Lạc thế giới?

Đáp: Vạn pháp đều không chính là những cảnh do Hoặc nghiệp của phàm phu cảm thành, sao lại đem sánh với thế giới Cực Lạc là cảnh do phước huệ của đức Như Lai cảm thành. Kẻ kia cho Tây Phương cũng giống hệt như thế giới này chẳng khác gì ư? Dùng phàm tình suy lường thánh cảnh, khác nào kẻ thọt nghi "bậc thánh nhân Lục Thông trong một niệm có thể đến khắp hết thảy thế giới, ắt sẽ mệt đến chết!" Lại khác gì kẻ ngu cho một vầng trăng in bóng khắp ngàn dòng sông sẽ nhọc nhằn khôn xiết! Phật gọi đó là Thế Trí Biện Thông, không thể nhập đạo. Những kẻ nói như vậy, chính là người bị Phật quở là ngu si mà vẫn nhơn nhơn tự xưng là trí, há chẳng đáng đau buồn quá đỗi ư? Muốn nói cặn kẽ chuyện này, rất tốn bút mực. Đọc kỹ bộ Văn Sao thì không mối nghi nào chẳng được cởi gỡ!

170. Thư trả lời cư sĩ Mã Thuấn Khanh

Nhận được thư biết tâm cư sĩ vui đạo hết sức chân thành, tha thiết. Còn những lời khen ngợi Bất Huệ chưa thoát khỏi thói quen thế tục. Quang là một ông Tăng tầm thường, chỉ biết học theo ngu phu ngu phụ chuyên niệm danh hiệu Phật, sao lại khen ngợi quá mức như thế? Như ông quyên góp in bộ An Sĩ Toàn Thư, thật đúng là pháp chí thành tu [thân] tề [gia] trị [quốc] bình [thiên hạ] và đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử, mỗi mỗi đều đầy đủ. Tùy mỗi người thấy biết nông - sâu mà ai nấy đều được lợi ích. Những bộ Quang chịu trách nhiệm đã gởi đi xong hết cả rồi, nay đem một bộ do bạn bè kết duyên ấn tống còn sót lại đem gởi đi, xin hãy đọc kỹ, ắt sẽ có niềm vui tay vỗ chân giậm vậy.

Thêm nữa, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao do Từ Úy Như ba bốn lượt in ra, đã gởi đi hết. Nếu tháng Chín đến Thượng Hải sẽ thỉnh một bộ từ Thương Vụ Ấn Thư Quán gởi cho ông. Nếu ông xem kỹ thì nguyên do cũng như giới hạn giữa Thiền và Tịnh, Phật lực, tự lực, lớn - nhỏ, khó - dễ, lợi - hại, được - mất sẽ rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa, sẽ vĩnh viễn không còn lo ngờ nữa! Nhưng văn chương chẳng đáng coi, chỉ thích hợp cho người sơ cơ nhập đạo mà thôi! Nếu dùng khuôn mẫu trước tác của cổ nhân để giám định thì vứt đi còn chẳng kịp, nào đáng để nghiên cứu! Thoạt tiên dùng bộ sách này để nhập đạo thì sẽ biết được đường lối, rồi lại xem những trước tác của cổ nhân sẽ dễ dàng hiểu rõ. Đá nơi núi khác có thể coi là ngọc [cho chính mình]. Người tàn phế không chân ở

giữa đường chỉ lối, trao ngọc cho hành nhân, chớ nên vì [kẻ ấy] thô tệ, tàn phế mà vứt bỏ vậy!

Ngày 13 nhận được thư và hai bộ sách ghi chép lời giáng cơ liền đưa cho người ngoài đời. Tôi vốn muốn trả lời thư ngay, nhưng công việc đa đoan, chẳng rảnh rỗi. Đến ngày 21 lại nhận được thư và những lời lẽ có được do cầu cơ v.v… Về ý tứ, cố nhiên cũng muốn cho con người cải ác tùng thiện. Chịu cải ác tùng thiện thì lợi ích còn gì lớn hơn! Nếu bảo đó là do thầy Minh Ấn đến núi Phổ Đà được Đại Sĩ giáng cơ chỉ dạy thì chính là vu báng, miệt thị Phổ Đà và Đại Sĩ. Quang ở Phổ Đà đã tròn ba mươi năm, chưa từng thấy nghe có chuyện phù cơ[175]. Minh Ấn đã là bậc cao tăng, nên đem những sự lý nhân quả báo ứng trong Phật giáo và pháp tắc tu trì Tịnh Độ để phát huy chỉ dạy người, sao lại mạo danh Đại Sĩ để tạo lời bịa đặt, tuy cũng có cái lợi là khuyên người, nhưng chính mình trước hết đã hãm trong cái tội cuồng vọng!

Còn như Cứu Kiếp Tiên Phương lại càng thô tệ chẳng kham nổi, đấy chính là do kẻ thiêu đốt lưu ly đặt ra, trọn chẳng hề biết Quán Âm là người như thế nào, Ngọc Đế là người như thế nào. Cư sĩ xem kỹ cuốn đầu bộ An Sĩ Toàn Thư, ắt trời sẽ ban tưới phước cho cư sĩ; cũng như xem bài văn luận về trời, Phật, Bồ Tát trong cuốn ba sách Dục Hải Hồi Cuồng sẽ chẳng bị những lời lẽ tào lao, hồ đồ này mê hoặc! Tuy cư sĩ tín tâm thiết tha, hiềm rằng chưa từng được Phật pháp thấm đẫm, nên một bề tôn trọng những lời giáng cơ mạo danh tiên Phật của các linh quỷ!

Hai bộ sách nói trên (tức hai bộ sách giáng cơ, mà Cứu Kiếp Tiên Phương là một cuốn) là văn khuyên đời, hơi có lợi ích thiết thực cho thế đạo nhân tâm, nhưng tạp nhạp, lộn xộn chẳng thành chương đoạn. Huống chi Phật pháp được nói trong ấy đa phần không đúng pháp. Thiện nhân tại gia nên nhận lấy những lời khuyên răn trong ấy, nhưng không cần phải học theo những lời dạy về tu hành trong đó, ắt sẽ có lợi ích lớn, không tệ hại gì! Còn như Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh[176] đều là những bộ bảo giám dạy người khắc kỷ, giữ lễ, cố nhiên chẳng nên đem so với những lời cơ bút vớ vẩn, phù phiếm, coi cùng một giuộc như nhau! Đạo cầu cơ quả thật có thần tiên giáng lâm, nhưng trong trăm lần, không có đến hai ba lần [thần tiên thật sự giáng]. Nếu cứ nhất loạt cho là chân tiên thì chính là dân thường xưng bừa là đế vương. Những kẻ giáng đàn đa phần là linh quỷ. Nếu là linh quỷ có học thức thì lời lẽ còn hơi khả

[175] Do các đàn cầu cơ thường dùng cơ bút có hình cái giỏ, đầu giỏ có một cái mỏ nhọn, đôi khi khắc hình chim loan. Khi cầu cơ, hai người hầu cơ (thường gọi là đồng tử hay thanh đồng) nâng hai bên thành giỏ, hướng mũi chim loan xuống mâm cát hay mâm gạo viết thành chữ, nên thường gọi là "phù cơ" hay "phù (phò) loan".

[176] Giác Thế Kinh chính là Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh (tương truyền do Quan Thánh Đế Quân, tức Quan Công giáng cơ) có nội dung khuyến thiện, nêu lẽ nhân quả nên cũng rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

quan, nhưng bàn đến Phật pháp là điều họ chẳng biết nên đa số thường nói sai bét, bậy bạ! Những kẻ vô tri vô thức bèn tưởng là chân Phật, chân Bồ Tát, những chỗ sai lạc trong lời lẽ của bọn họ hại người thật sâu. Cư sĩ hãy nên lắng lòng đọc An Sĩ Toàn Thư và Ấn Quang Văn Sao. Nếu thâm nhập được, hãy nghiên cứu thêm các kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, sẽ biết rõ như xem ngọn lửa vậy.

Nhận được thư khôn ngăn cảm thương cho đời, hơn mười năm nay, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, toàn là do không biết nhân quả ba đời, chỉ mong tự lợi, chẳng hề đoái hoài chuyện sát sanh hại mạng cũng như hại người mà nên nỗi! Muốn vãn hồi kiếp vận, nếu không đề xướng nhân quả ba đời, sanh tử, luân hồi, cùng kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật sẽ không thể được! Cõi đời hiện tại thường trong hoạn nạn, chỉ có A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát là nương cậy được, hãy nên thường trì thánh hiệu, trong âm thầm sẽ tự có sự chuyển dời chẳng thể nghĩ bàn. Lại mong ông đối với quyến thuộc, thân hữu, làng xóm đều đề xướng, chỉ dạy điều này thì có lợi lớn lắm! Cách đề xướng chỉ dạy thì nên lấy An Sĩ Toàn Thư và Ấn Quang Văn Sao làm gốc, ngõ hầu chẳng đến nỗi họ đi vào pháp tà kiến của ngoại đạo.

Tháp Lôi Phong[177] bị đổ, kinh trong ấy bị phá hoại khôn xiết, kẻ hiếu sự ra giá cao tìm mua, ý họ thật ra chẳng phải là trọng kinh mà là chuộng đồ cổ. Nếu như họ quý trọng những bản kinh hoàn chỉnh hiện thời như những kinh [cổ bị hư nát ấy] thì công đức lợi ích chỉ có Phật mới có thể biết được! Bọn họ cho đó là thứ do cổ nhân cất giữ, chẳng nghĩ rằng những bản kinh hoàn bị [hiện thời] há chẳng phải do cổ nhân truyền lại hay sao? Quý trọng những kinh ấy cố nhiên có công đức, nhưng chỉ cho đồ cổ là quý, chẳng coi kinh là quý, nên thành ra vứt gốc theo ngọn vậy!

Kinh Kim Cang chú giải rất nhiều. Người tại gia nếu chưa nghiên cứu cùng tận giáo lý quả thật sẽ chẳng dễ gì lãnh hội được! Chỉ có bản chú giải kinh Kim Cang của Lã Tổ, trước hết chú thích ý nghĩa, rồi dùng lời lẽ để giải thích kinh văn là dễ hiểu rõ. Các hạ có tâm cứu vãn kiếp vận thì hãy nên cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, cùng kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tận lực giữ vẹn luân thường, ai nấy trọn hết bổn phận thì sẽ có lợi ích thật sự. Nếu không, chỉ là nói xuông, quyết chẳng có hiệu quả thật sự gì!

---

[177] Tháp Lôi Phong ở Tây Hồ thuộc huyện Hàng, tỉnh Chiết Giang, là thắng cảnh bậc nhất ở Tây Hồ. Tháp do bà vương phi họ Hoàng của vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại xây dựng để cất giữ mớ tóc xoắn ốc của đức Phật. Ngô Việt Vương Tiền Thục từng sai chép tám vạn bốn ngàn bản kinh cất trong tháp này. Tháp có tám cạnh, mỗi chiều rộng 18 bộ, trang hoàng rực rỡ. Thời Nguyên - Minh, tháp chỉ lại chỉ còn năm tầng, còn lại tám cửa. Do nền tháp bằng đá đỏ, trên xây bằng gạch hồng, lợp ngói vàng, trông rất rực rỡ trong nắng chiều. Năm Dân Quốc 14 (1925) đột nhiên sụp đổ, mới phát hiện gạch xây tháp toàn là khắc kinh Bảo Khiếp Ấn vào thời Ngũ Đại, nét chữ khắc rất tinh vi nên rất được giới yêu văn chương trân quý, tranh nhau sưu tập.

Nhận được thư khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng. Quang là hạng người gì mà dám nhận lời khen ngợi ấy. Thuyết pháp trong các nhà tù là do các cư sĩ ở Thượng Hải đề xướng, nhưng những người thường đi đến các huyện thuyết pháp đều là đệ tử quy y của Quang, do vậy họ để tên Quang làm hội trưởng danh dự; chỉ vì họ thỉnh cầu nên gần đây mới đến nhà tù số hai để chỉ dạy. Quán Âm Đại Sĩ Tụng là cuốn sách do Quang thỉnh một vị cư sĩ đại văn học ở Giang Tây soạn ra, năm ngoái mới hoàn tất bản thảo. Do chiến tranh nổ ra, chưa thể khắc in được, mùa Thu năm nay đến Thượng Hải ấn loát, sang năm sẽ ra sách. Cuốn sách này có quan hệ lớn lao đối với thế đạo nhân tâm, Quang muốn in đến hơn mấy chục vạn cuốn để truyền bá rộng khắp trong ngoài nước, chỉ sợ rằng con người đức mỏng, không cách nào cảm hóa được. [In] hơn mười vạn bộ là chuyện có thể thực hiện được, nay đã in xong hơn năm vạn cuốn. Quyển sách này chính là quyển đầu của bộ Phổ Đà Sơn Chí, do [Sơn Chí] số quyển quá nhiều nên in riêng cuốn này.

Sơn Chí bản mới soạn đã hoàn tất bản thảo, nhưng còn đợi Quang giảo chánh rồi mới ấn hành. Quang do bận rộn công việc, sợ rằng năm sau mới giao cho thợ in được! Sách in ra sẽ gởi tặng ông một hai bộ. Còn nói về những chỗ dị - đồng giữa các giáo thì con người thường hay thiên chấp. Nếu ai chấp là khác thì người ấy không thấy biết được cái gốc của đạo; nếu chấp là đồng thì chẳng biết tướng trạng phát huy, tu chứng sâu - cạn giữa các giáo khác biệt nhau rất lớn. Các hạ đừng bàn đến chuyện đồng - dị nữa. Nếu chẳng cho Phật pháp là sai thì hãy lắng lòng nghiên cứu tu trì, lâu ngày sẽ tự biết nguyên do đạo thể, đạo dụng tuy đồng nhưng chẳng giống hệt nhau, tuy dị (khác) nhưng chẳng thể tách rời nhau được. Phật pháp uyên áo, sâu xa, người đại thông minh tận hết tâm lực cả một đời còn chẳng thể nghiên cứu tường tận được! Nhưng Phật pháp tùy cơ ban giáo, nếu muốn được lợi ích thật sự, hãy nên nghiên cứu, tu trì từ nơi pháp môn đặc biệt siêu việt, lạ lùng là pháp Tịnh Độ thì sẽ bớt nhọc nhằn tâm lực, quả thật là đạo tối trọng yếu.

Các hạ sống trong lưới đời, lại khổ vì không có tri thức để thỉnh giáo. Nếu chẳng vì văn tự của Quang chất phác, vụng về mà vứt bỏ thì xin hãy đọc kỹ bộ Văn Sao, tu trì theo những điều nói trong đó sẽ được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Tuy văn chương của Quang khá gai mắt, nhưng dẫn nhiều kinh luận để viết thành, hoặc nêu bật ý nghĩa kinh luận, cho nên phải tận lòng thành, cạn lòng kính mà đọc thì mới hòng đạt được lợi ích. Sách Luận Ngữ nói: *"Chẳng hạ mình trước người thật sâu sẽ chẳng thể đạt được sự thật"*. Cung kính tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc như đức Phật thật thì lợi nhỏ là sẽ tiêu tai tăng phước, còn lợi lớn là siêu phàm nhập thánh, những lợi ích ấy là do chính mình có thành kính hay không, chứ chẳng phải vì tượng Phật là thật hay giả! Nếu các hạ quả thật có thể thuận theo ý này, ý lặng, tâm tịnh, đọc rồi tận lực thực hành

thì sẽ là bạn bè tốt lành trong pháp môn [Niệm Phật cầu sanh] Tây Phương Cực Lạc thế giới. Xin hãy gắng lên, chớ phụ lòng mong mỏi này thì may mắn thay!

171. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ nhất)

Nói đến sân tâm thì nó chính là tập tánh từ túc nghiệp. Nay đã biết sân là tổn hại vô ích thì đối với mọi chuyện trước mắt, hãy nên dùng tâm lượng biển rộng trời cao để dung nạp, tập tánh rộng rãi sẽ chuyển biến được tập tánh hẹp hòi trong đời trước. Nếu chẳng ra sức đối trị thì thói sân càng tăng, cái hại chẳng cạn. Đối với việc niệm Phật, phải án theo tinh thần, khí lực của chính mình để chọn lựa niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, hay niệm thầm, hoặc kim cang niệm (tức là niệm có tiếng, nhưng người khác không nghe thấy được. Những người trì chú gọi đó là kim cang niệm), sao lại niệm quá mạnh mẽ đến nỗi thành bệnh? Cái tâm quá mạnh mẽ ấy cũng là vì cái bệnh muốn cho lẹ. Nay đã chẳng thể niệm ra tiếng, nhưng chẳng lẽ trong tâm cũng không niệm thầm được hay sao, cớ gì chỉ hạn định trong Thập Niệm?

Huống chi người bệnh nằm trên giường, trong tâm trống rỗng như bị rửa sạch, trọn chẳng có niệm gì. Nếu nghĩ đến chuyện khác sao bằng niệm danh hiệu Phật chẳng tốt hơn ư? Nên đem những sự vụ quan trọng, cần gấp giao cho người nhà, luôn nghĩ mình sắp chết, nghĩ sắp đọa địa ngục, trong tâm chẳng để ý đến chuyện gì. Dùng cái tâm thanh tịnh ấy nghĩ tưởng hình tượng Phật, và thầm niệm danh hiệu Phật, cũng như hình tượng và danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu làm được như vậy, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, tật bệnh khỏi hẳn, thân tâm khỏe mạnh. Bệnh của các hạ vốn do túc nghiệp, do niệm Phật quá mạnh mẽ làm duyên nên bệnh mới phát hiện, chứ không phải chỉ hoàn toàn do vì niệm Phật quá mạnh mẽ mà có. Nếu không niệm Phật, cũng sẽ do nhân duyên khác mà bị bệnh. Trong đời, người không niệm Phật rất nhiều, nhưng nào có ai không bị bệnh, sống lâu, khỏe mạnh mãi mãi ư? Hiểu rõ điều này thì chính mình không lầm lạc, cho là "niệm Phật sanh bệnh, chỉ tổn hại, vô ích!" Quang và các hạ chưa từng gặp mặt, nhưng vì các hạ tính kế, thật chẳng khác nào cha mẹ, anh em của chính mình vậy! Do vì đức Phật vốn từ bi, muốn cho hết thảy những ai hữu duyên đều cùng được vãng sanh ngay trong đời này. Nếu chưa hiểu rành pháp môn Niệm Phật thì mỗi ngày hãy nên xem qua vài thiên Văn Sao để tìm sự hướng dẫn cho bước tiền đồ, mới khỏi phí một phen qua lại, bàn bạc, giãi bày vậy!

172. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ hai)

Các hạ đã tin tưởng Quang thì hãy nên làm theo lời Quang mới hòng được lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu có tín tâm nhưng cũng chỉ là gieo thiện căn trong đời tương lai mà thôi. Chúng ta đã ở bao kiếp dài lâu trong sanh tử luân hồi, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Nếu cậy vào tự lực để tu trì hòng diệt sạch Hoặc nghiệp phiền não để liễu sanh thoát tử thì còn khó hơn lên trời! Nếu có thể tin vào pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu Phật A Di Đà, cầu sanh Tây Phương thì bất luận nghiệp lực lớn hay nhỏ đều có thể cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Ví như một hạt cát bỏ vào nước liền chìm; nhưng khối đá mấy ngàn, mấy vạn cân đặt trên một chiếc đại hỏa luân thuyền[178] chẳng những không chìm, còn chuyển sang được nơi khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, đại hỏa luân thuyền ví như Di Đà nguyện lực rộng lớn.

Nếu không niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình để mong liễu sanh tử thì phải đạt đến địa vị nghiệp tận tình không mới được. Nếu không, dù cho đoạn được phiền não Hoặc nghiệp chỉ còn sót lại một tí xíu thì cũng chẳng thể liễu được. Ví như một hạt cát cực bé cũng phải chìm trong nước, quyết chẳng thể tự mình vượt ra ngoài nước được! Các hạ chỉ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đừng nghĩ gì khác nữa. Nếu làm được như thế thì tuổi thọ chưa tận sẽ liền mau được lành bệnh; vì công đức chuyên nhất, chí thành niệm Phật có thể diệt trừ được ác nghiệp đời trước. Ví như mặt trời đã mọc lên, tuyết sương bèn tan mất. Tuổi thọ đã tận thì liền vãng sanh. Do tâm không có ý niệm khác nên bèn được cảm ứng đạo giao cùng Phật; vì thế, được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu các hạ tin được lời này thì sống cũng được đại lợi ích mà thác cũng được đại lợi ích.

Sân tâm chính là tập tánh từ đời trước, nay nghĩ mình đã chết, mặc kệ người ta dao cắt hay hương bôi, chẳng ăn nhập gì đến mình. Đối với tất cả những cảnh trái ý, cứ nghĩ như mình đã chết, ắt sẽ chẳng khởi tâm sân được nữa! Đấy chính là tam-muội pháp thủy do đức Như Lai đã truyền để rửa sạch khắp các kết nghiệp của hết thảy chúng sanh, Quang riêng vì các hạ trình bày, chứ không phải là Quang tự ý bịa ra đâu nhé! Nếu không niệm Phật cầu sanh Tây Phương, dù có sanh vào chỗ cực tôn quý là Phi Phi Tưởng Thiên, khi phước trời hết sẽ lại luân hồi lục đạo. Nếu có đủ lòng chí thành khẩn thiết niệm Phật, dù có đọa vào A Tỳ địa ngục cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương.

Vàn muôn chớ đặt mình vào chỗ hèn kém, cho là mình nghiệp nặng, sợ rằng không thể vãng sanh. Nếu suy nghĩ như thế, chắc chắn sẽ không thể vãng

[178] Thời xưa gọi tàu chạy bằng hơi nước, có bánh xe để đẩy nước ở phía sau tàu là "đại hỏa luân thuyền".

sanh. Vì sao? Do tâm không có lòng tin chân thật, không nguyện thiết tha, không cách gì cảm Phật được! Quán Âm Bồ Tát thành Phật đã lâu, do tâm từ bi thiết tha bèn hiện thân trong chín pháp giới, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh (chín pháp giới chính là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A Tu La, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ). Trong pháp giới con người, Ngài lại hiện đủ mọi thân, hoặc hiện làm thân đế vương, tể quan, hoặc làm thứ dân ẩn dật, hoặc làm phụ nữ, hoặc làm ăn mày, trọn không nhất định. Nhưng vì hình tượng Bồ Tát vi diệu trang nghiêm người đời chẳng thể hình dung được, cho nên đa phần tạc tượng Ngài là nữ nhân, chứ không phải Bồ Tát thật sự mang thân nữ.

Muốn cúng dường Ngài hãy nên thỉnh hình Tây Phương Tam Thánh in theo lối thạch ấn (lithography) của Phật Kinh Lưu Thông Xứ ở ngõ Trường Khang, đường Bắc Kinh. Loại hình lồng gương đẹp đẽ nơi đó cũng có. Như vậy là Di Đà, Quán Âm, Thế Chí đều đầy đủ. Nếu phòng ngủ không thanh khiết, hãy nên thờ tượng Phật nơi tịnh thất, mỗi ngày đến nhìn kỹ một hai lần thì trong tâm sẽ có thể ức niệm được. Niệm Phật tuy quý tại chí thành thanh khiết, nhưng người bệnh không thể làm được thì chỉ cốt sao giữ lòng chí thành thầm niệm, hoặc niệm ra tiếng, công đức vẫn giống hệt nhau. Do Phật từ [lực] rộng lớn, như con trong lúc bệnh khổ, cha mẹ chẳng tính theo cách thức lúc bình thường để quở trách con, lại còn vỗ về xoa nắn thân thể, tẩy rửa gột trừ ô uế cho con. Nếu con cái đã lành bệnh, mà vẫn đối xử với cha mẹ như lúc mình còn đang bệnh thì sẽ bị sét đánh. Sao các hạ lại nghĩ mình đang nằm trên giường niệm thầm là có tội vậy? Nếu người không có bệnh, lúc ngủ còn nên thầm niệm, huống chi là bệnh nhân!

173. Thư gởi cư sĩ Phương Thánh Dận

Nghe ông mắc bệnh, mong có ngày được lành bệnh. Người chẳng hiểu lý trong thế gian, mỗi khi mắc bệnh nếu không oán trời trách người cũng bèn cầu thần vái quỷ, uổng công tăng thêm nghiệp chướng, chỉ tổn hại vô ích! Các hạ hoàn toàn tu Tịnh nghiệp, vợ ông lo chăm sóc mọi chuyện trong nhà. Vợ hiền, con hiếu, trong tâm trọn chẳng phải lo âu gì, hãy nên đem hết thảy gia sự và sắc thân của chính mình toàn thân buông trọn xuống. Dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, coi mình như đã chết, ngoại trừ niệm Phật cầu tiếp dẫn ra, chẳng khởi một tạp niệm nào. Làm được như thế thì quyết định vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh. Tuổi thọ chưa hết thì quyết định nghiệp tiêu, bệnh lành, huệ rạng, phước cao. Nếu không thể niệm như thế, cứ si dại cầu chóng được lành bệnh thì chẳng những không thể chóng lành, trái lại bệnh còn nặng thêm! Nếu mạng đã hết, chắc chắn phải trôi nổi

theo nghiệp, vĩnh viễn không có lúc thoát khỏi cõi khổ Sa Bà này. Mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm!

II. LUẬN

1. Tịnh Độ Quyết Nghi Luận

Thuốc không quý - tiện, thuốc trị lành bịnh là thuốc hay. Pháp không hơn - kém, pháp khế hợp căn cơ là pháp diệu. Thuở xưa, căn tánh con người thù thắng, tri thức như rừng, tùy ý tu một pháp đều có thể chứng đạo. Người đời nay, căn tánh kém cỏi, tri thức hiếm hoi, nếu bỏ Tịnh Độ thì chẳng nhờ vào đâu để được giải thoát. Tôi tự thẹn nhiều đời, nhiều kiếp, ít gieo căn lành, phước mỏng, huệ cạn, chướng nặng, nghiệp sâu; lúc đang cầu học hỏi lại chẳng gặp thiện hữu, chưa được nghe đạo truyền tân[179] của thánh hiền, lậm cái độc của Hàn, Âu[180] phế Phật. Học vấn chưa thành, nghiệp lực đã hiện ra trước. Từ đấy, bệnh nặng cả mấy năm, chẳng làm gì được. Nghĩ kỹ thiên địa quỷ thần chiếu soi như thế, cổ kim thánh hiền đông nhiều đến thế, huống chi Phật vốn chẳng có quyền lực để ép người thuận theo; ắt phải nhờ vào vua thánh, tôi hiền hộ trì thì đạo Phật mới có thể lưu truyền khắp thiên hạ vậy. Nếu pháp ấy quả thật đúng như lời họ Hàn, họ Âu: "Phật pháp trái nghịch thánh đạo, gây hại cho Trung Quốc" thì chẳng những riêng vua thánh, tôi hiền xưa nay chẳng dung thứ cho Phật pháp tồn tại nơi đời, mà thiên, địa, quỷ thần cũng tru diệt chẳng còn sót từ lâu rồi; nào phải đợi đến họ Âu, họ Hàn dùng lời hư vọng để bác bỏ nữa!

Sách Trung Dung nói: *"Đạo quân tử thì kẻ ngu phu, ngu phụ còn có thể biết được, hành được"*; còn như cái đạo đạt đến mức cùng cực thì ngay cả thánh nhân cũng có chỗ chẳng hay biết, chẳng thể thực hiện được nổi. Ông Âu, ông Hàn tuy hiền, nhưng còn kém xa thánh nhân rất nhiều! Huống gì có những điều thánh nhân còn chẳng biết chẳng hay! Phật pháp nào có phải là pháp mà phàm tình, trí thế gian có thể suy lường được nổi. Tôi bèn nhanh chóng sửa đổi tâm trước, xuất gia làm Tăng, tự lượng sức mình: Nếu chẳng nương vào sức thệ nguyện rộng lớn của đức Như Lai thì quyết khó có thể ngay trong đời này thoát khỏi sanh tử. Từ ấy, chỉ niệm Phật, chỉ cầu Tịnh Độ. Từ nhiều năm qua, tôi đã lạm dự vào chốn giảng pháp, nhiều phen tham vấn các bậc Thiền Đức[181], chẳng qua là muốn làm sáng tỏ Đệ Nhất Nghĩa Đế Tịnh Độ để làm tư lương[182] thượng phẩm vãng sanh mà thôi. Hận rằng sức lực yếu ớt nên hạnh khó dũng mãnh;

---

[179] Truyền tân: nói gọn của thành ngữ *"tân tận hỏa truyền"* (củi hết lửa còn) ý nói đạo truyền thừa giữa thầy và trò.

[180] Âu Dương Tu và Hàn Dũ: Hai nhà Nho bài xích Phật giáo mạnh mẽ nhất vào thời Đường - Tống

[181] Nguyên văn là Thiền tượng: Tượng là thợ giỏi, thợ khéo, thường được chỉ những bậc thông đạt pháp môn. Ở đây tạm dịch là Thiền Đức.

[182] Tư lương (sambhāra): Hiểu theo nghĩa hẹp là những thứ cần dùng, cần chuẩn bị. Tư là giúp đỡ, lương là lương thực. Như người đi xa ắt phải nhờ vào lương thực để duy trì cái thân. Cũng vậy, người muốn chứng quả trong tam thừa phải nhờ công đức thiện căn làm lương thực nuôi dưỡng cái thân huệ mạng. Do vậy, Tư Lương hiểu theo nghĩa rộng là hết thảy các thứ góp phần thành tựu đạo Bồ Đề.

nhưng tôi tín nguyện kiên cố, không những các sư giảng Thiền trong thế gian không thể lay chuyển tôi chút nào, dẫu cho chư Phật hiện thân dạy tu pháp khác, tôi cũng chẳng chịu bỏ pháp này nhận lấy pháp khác, trái nghịch cái tâm ban đầu. Hiềm rằng túc nghiệp gây chướng ngại nên rốt cuộc tôi chưa đạt được nhất tâm bất loạn để đích thân chứng được Niệm Phật Tam Muội, thẹn thùng vô kể.

Một ngày nọ có một Thượng Tọa, tham học Thiền tông đã lâu, kiêm thông giáo lý, mắt xem bốn biển rỗng không, thề chứng Nhất Thừa, noi gương Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến Loa Sơn gõ cửa thất tôi. Khi ấy, tôi vừa xem tập Di Đà Yếu Giải thấy văn sâu lý thẳm, chẳng tiện cho kẻ sơ cơ, mông muội, nên muốn thâu thập những giáo lý của tông Thiên Thai để viết lời giải thích, ngõ hầu giúp bậc sơ học dễ bề tiến bộ, chứ chẳng dám bắt chước cổ đức hoằng xiển đạo mầu, chỉ toan tạo nhân duyên thâm nhập chỗ thù thắng cho hậu học. Mừng có vị Thượng Tọa ấy đến, nên tôi liền tặng ông ta một cuốn Yếu Giải, rồi tỏ ý muốn viết lời giải thích. Nhân đấy, Thượng Tọa bảo tôi:

- Một cuốn Yếu Giải trước kia tôi đã từng xem, thấy trong ấy viết rằng: *"Tạng sâu thẳm của Hoa Nghiêm, cốt tủy bí nhiệm của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thảy chư Phật, kim chỉ nam cho vạn hạnh của Bồ Tát đều chẳng ra khỏi kinh này"*. Những câu như vậy chẳng thể kể hết, thật đúng chèn ép Tông (Thiền), Giáo (các tông phái khác như Hoa Nghiêm, Thiên Thai...), quá khen Tịnh Độ, báng chánh pháp luân, khiến chúng sanh nghi lầm! Chẳng hiểu đại sư Ngẫu Ích đã có học thức thiên cổ hy hữu sao lại không trực chỉ nhân tâm, hoằng dương Chỉ Quán. Trái lại, Ngài chấp vào thứ kiến giải ấy khiến kẻ ngu phu, ngu phụ dùng đó như bùa hộ thân, chỉ mong hàng Tăng, tục trong đời giữ một pháp buông bỏ vạn hạnh; lấy vũng nước nơi dấu chân, bỏ cả biển rộng, cùng bước vào nẻo mê, vĩnh viễn quay lưng với đường chánh, đoạn diệt giống Phật, tội ngập cả trời. Muốn báo ân Phật thì trước hết nên hủy diệt sạch sách này, sao thầy còn tính viết lời giải thích để giúp cho sách ấy được lưu thông vậy? Tâm giận ngùn ngụt, như đối diện cừu thù.

Tôi đợi cho ông ta bình tĩnh lại, thong thả bảo rằng:

- Ông coi lời giải thích này của ngài Ngẫu Ích là tội lỗi quá nặng; ấy là chỉ biết ngọn, nhánh, chứ chẳng biết đến cội, nguồn, như con chó khờ chạy theo hòn đất, như con ngỗng chúa chẳng chọn sữa[183]. Phải biết cái lỗi ấy chẳng do cuốn Yếu Giải này của ngài Ngẫu Ích mà thật sự là do Phật Thích Ca, Phật Di Đà, mười phương chư Phật và ba kinh Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa,

[183] Theo Tổ Đình Sự Uyển, quyển 5, nếu bỏ sữa và nước cùng trong một đồ đựng, ngỗng chúa chỉ uống sữa bỏ lại nước. Nước tượng trưng cho chúng sanh, sữa tượng trưng cho Phật. Dùng điển tích "ngỗng chúa chọn sữa" để tỷ dụ bậc giác ngộ sống trong thế gian chẳng bị nhiễm ô. Điển tích này còn dùng để chỉ khả năng phân biệt chân - ngụy, thiện - ác.

các kinh Đại Thừa và các vị đại Bồ Tát, tổ sư: Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v... Nếu ông có thể làm đại pháp vương trừng trị tội ấy thì lời ông sẽ được cả thế gian phụng hành; bằng không thì kẻ dân ngu nơi rừng núi xưng bừa là hoàng đế, tự chế pháp luật, bội phản luật vua, chẳng mấy chốc sẽ bị diệt môn tru tộc vậy. Ông nói như thế là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, ngay đời này sẽ hãm vào A Tỳ địa ngục thọ khổ bao kiếp, trọn không có lúc thoát ra. Cậy chút phước trong quá khứ, tạo khổ báo bao kiếp. Hạng người được tam thế chư Phật gọi là "đáng thương xót" chính là ông vậy.

Ông ta giật mình, nói:

- Thầy bảo tội nơi đức Thích Ca, Di Đà v.v... Sao mà lại trái nghịch lý thường đến như thế? Xin thầy giải thích cặn kẽ nguyên do. Nếu lý ấy thật sự thù thắng, tôi đâu dám chẳng tuân theo!

Tôi bảo:

- Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong đời. Đại sự nhân duyên vừa nói đó chính là muốn cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập[184] tri kiến của Phật, thẳng cho đến khi thành Phật mà thôi; há còn có gì khác nữa đâu!

Khốn nỗi chúng sanh căn tánh có lớn - nhỏ, mê có cạn - sâu, chẳng thể tỏ thấu trực tiếp bản hoài của Phật. Do đó, đức Phật mới thuận theo căn cơ đặt bày giáo pháp, đối bệnh phát thuốc, vì lẽ thật mà bày ra phương tiện quyền biến, khai Quyền hiển Thật[185]; [chỉ một pháp] Nhất Thừa mà bèn nói ra các thuyết. Nếu có kẻ thiện căn thành thục thì sẽ làm cho họ sanh lên được bờ kia; còn đối với kẻ ác nghiệp sâu dày, sẽ khiến họ dần dần thoát khỏi trần lao, rủ lòng tiếp dẫn; khéo khuyến dụ dần dần. Dẫu có dùng các ví dụ như trời, đất, mẹ cha… cũng chẳng diễn tả nổi chút phần [từ ân của Phật]. Hơn nữa, do hết thảy pháp môn đều nhờ vào tự lực. Dẫu là kẻ túc căn thâm hậu triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu hai thứ Kiến Hoặc, Tư Hoặc vẫn còn sót chút ít chưa hết thì vẫn sanh tử

---

[184] Đây là luận điểm chủ yếu của kinh Pháp Hoa: Khai là phá trừ vô minh của chúng sanh, mở toang Như Lai Tạng, thấy được lý Thật Tướng. Thị nghĩa là hiển thị, Hoặc chướng đã trừ thì tri kiến bộc lộ bản thể, pháp giới vạn đức hiển thị phân minh. Ngộ là chứng ngộ, sau khi chướng trừ, bản thể hiện thì sự (hiện tượng), lý (bản thể) dung thông nên có sở ngộ. Nhập nghĩa là chứng nhập, tức là sự lý đã dung thông nên tự tại vô ngại, chứng nhập biển trí huệ. Sách Pháp Hoa Văn Cú quyển 4 còn mở rộng hơn, phối hợp bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ như sau:

1. Khai tương ứng địa vị Thập Trụ.
2. Thị tương ứng địa vị Thập Hạnh.
3. Ngộ tương ứng địa vị Thập Hồi Hướng.
4. Nhập tương ứng địa vị Thập Địa.

Nếu phối hợp với Tứ Trí thì Khai là Đạo Huệ, Thị là Đạo Huệ Chủng, Ngộ là Nhất Thiết Trí, Nhập là Nhất Thiết Chủng Trí…

[185] Khai Quyền hiển Thật: Khai trừ những chấp trước của Quyền Giáo, hiển thị nghĩa chân thật. Nói cách khác, khai trừ, gạt bỏ những chấp trước vào những phương tiện quyền biến để hiển thị nghĩa Nhất Thừa chân thật.

trong luân hồi y như cũ không thoát được! Huống hồ là kẻ đã thọ thai ấm, đối cảnh liền sanh chấp trước, từ giác đến giác thì ít, nhưng từ mê vào mê lại nhiều. Bậc thượng căn còn như vậy, đối với kẻ trung căn, hạ căn còn biết nói sao nữa! Đoạn Kiến Hoặc giống như cắt dứt dòng sông rộng bốn mươi dặm, huống hồ là Tư Hoặc! Liễu sanh thoát tử há có dễ đâu!

Do vậy, [các pháp môn khác] chẳng thể độ trọn ba căn, thỏa trọn bản hoài của Phật; chỉ có một pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ, chuyên cậy vào hoằng thệ nguyện lực của Phật Di Đà, chẳng cần biết đến thiện căn thành thục hay chẳng thành thục, ác nghiệp nặng hay nhẹ; cứ hễ chịu sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật thì lúc lâm chung sẽ quyết định được Phật Di Đà rủ lòng từ tiếp dẫn, vãng sanh Tịnh Độ. Người thiện căn thuần thục sẽ nhanh chóng viên thành Phật quả; dẫu là kẻ ác nghiệp nặng nề cũng được dự vào dòng thánh. Đấy chính là đạo cốt yếu để độ sanh của tam thế chư Phật, là pháp mầu nhiệm để thượng thánh lẫn hạ phàm cùng tu. Do vậy, các kinh Đại Thừa đều tuyên bày pháp trọng yếu này; lịch đại tổ sư không vị nào chẳng tuân hành. Ông tự phụ Thiền - Giáo, bảo xằng rằng hoằng dương Tịnh Độ là báng chánh pháp luân, là đoạn diệt hạt giống Phật, đủ chứng tỏ ông đã bị ma dựa vào thân, mất trí điên rồ, nhận mê là giác, chỉ chánh bảo tà, là chủng tử địa ngục vậy!

Trong kiếp xưa, đức Thích Ca, đức Di Đà từng phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Một vị thị hiện sanh nơi uế độ, dùng cái uế, dùng điều khổ để chiết phục, đưa đi; một vị an cư Tịnh Độ, lấy tịnh, lấy lạc để nhiếp thọ hòng nhào luyện chúng sanh. Ông chỉ biết ngu phu, ngu phụ vẫn có thể niệm Phật nên đến nỗi miệt thị Tịnh Độ, sao chẳng xét suy: Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngài Thiện Tài đã chứng ngộ gần bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Lại còn khuyên dạy khắp Hoa Tạng hải chúng[186] đó ư? Trong toàn thể Hoa Tạng hải chúng, chẳng có một

[186] Biển Hoa Tạng tức Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải (Kusuma-tala Garbha Vyūhā Kāra Lokadhātu Samudra), dịch đủ nghĩa là Liên Hoa Xuất Sanh Thế Giới, hoặc Diệu Hoa Bố Địa Thai Tạng Trang Nghiêm Thế Giới, Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, Thập Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, hoặc chỉ gọi gọn là Hoa Tạng Giới hoặc Thập Hoa Tạng. Đây là thế giới thanh tịnh trang nghiêm do đức Tỳ Lô Giá Na Phật khi tu nhân phát nguyện cảm thành. Thế giới này do Tu-di sơn vi trần số phong luân nâng giữ. Trên tầng phong luân cao nhất có một biển nước thơm. Trong ấy có một hoa sen lớn, tên là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Hoa Tạng Thế Giới nằm chính giữa hoa sen ấy, vây quanh bằng Kim Cang Luân Vi Sơn. Đất trong đó do Kim Cang tạo thành, kiên cố không hư hoại, thanh tịnh bằng phẳng, có thế giới hải vi trần số sự trang nghiêm. Trong ấy lại có vi trần số biển nước thơm, mỗi biển rộng bằng bốn thiên hạ và có vi trần số con sông nước thơm. Đất hai bờ sông ấy đều bằng diệu bảo trang nghiêm, xếp đặt khéo léo như lưới Thiên Đế. Trong mỗi một biển nước thơm lại có bất khả thuyết vi trần số thế giới chủng, mỗi một thế giới chủng lại gồm bất khả thuyết vi trần số thế giới. Biển nước thơm chính giữa Hoa Tạng thế giới, có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang. Giữa biển ấy mọc lên một hoa sen, thế giới chủng trong hoa sen ấy tên là Phổ Chiếu Thập Phương. Trong đó có hai mươi thứ bất khả thuyết vi trần số thế giới xếp vòng quanh. Đức Phật xuất hiện trong thế giới này. Sách Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương giảng thêm: Cứ mười cảnh giới Phật gọi chung là một quốc độ hải hay thế giới hải. Thế giới hải chính là các thế giới thuộc phạm vi nhiếp hóa của mười đức Phật v.v… Nói chung,

ai là phàm phu, Nhị Thừa, mà đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể nương vào bổn nguyện luân hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng có vô lượng Tịnh Độ, nhưng các ngài đều hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới thì đủ biết: Vãng Sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì vậy, tự cổ chí kim, trong tất cả tùng lâm dù Thiền hay Giáo, hay Luật, không nơi nào chẳng sớm tối trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây phương. Ông đã tham bái khắp các tùng lâm, ắt hẳn hằng ngày cũng tu tập, cớ sao lại sanh hủy báng đến thế! Sách Nho có nói: *"Tu tập mà chẳng xem xét, dùng hằng ngày mà không biết"*, há không phải là nói đến hạng người như ông hay sao? Hoa Nghiêm là vua của các kinh, vua trong Tam Tạng; chẳng tin Hoa Nghiêm thì là nhất-xiển-đề[187]. Dẫu cho chẳng đọa vào A Tỳ ngay khi còn sống thì khi báo hết sẽ quyết định rớt vào Vô Gián. Tôi muốn thoát khổ nên cầu sanh Tịnh Độ, ông muốn được khổ nên hủy báng Hoa Nghiêm. Ông cứ giữ cái chí của ông, tôi hành cái đạo của tôi. Tướng quân chẳng xuống ngựa, ai nấy tự ruổi theo đường mình. Đạo đã khác thì chẳng thể cùng bàn luận được! Ông đi đi, tôi chẳng muốn trò chuyện với ông nữa!

Ông ta đáp:

- Đạo quý ở chỗ hoằng thông, hễ nghi thì cần phải đoạn nghi, sao thầy lại cự tuyệt đến thế? Tôi thường nghe *"Tỳ Lô Giá Na Như Lai ở khắp hết thảy chỗ, nơi đức Phật ở gọi là Thường Tịch Quang";* chỉ cần chứng được Pháp Thân thì đương xứ (ngay nơi người ấy đang ở) chính là Tịch Quang Tịnh Độ. Sao lại phải dùng cái tâm sanh diệt "bỏ Đông lấy Tây" mới coi là được vậy?

Tôi đáp:

- Ông nói sao dễ dàng quá! Tuy đương xứ chính là Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng nếu chẳng phải là Trí Đoạn[188] đã đạt đến rốt ráo, đã viên chứng pháp

---

cảnh giới Hoa Nghiêm Thế Giới Hải rất phức tạp, rộng lớn, hầu như không thể hình dung được nổi! Cảnh giới đã rộng lớn như thế thì dĩ nhiên thánh chúng trong ấy vô lượng vô biên không thể tính đếm được, cho nên dùng chữ *"hải chúng"* (chúng nhiều như biển) để tạm hình dung.

[187] Nhất xiển đề: Nhất-xiển-đề (Icchantika hoặc Ecchantika): được dịch nghĩa là đoạn thiện căn, lòng tin không đầy đủ, lòng ham muốn cùng cực, tham lam to lớn, hoặc Vô Chủng Tánh, Thiêu Chủng (hạt giống cháy), tức là hạng người không có lòng tin, đoạn sạch thiện căn. Kinh Lăng Già chia Nhất Xiển Đề thành hai loại:

1. Đoạn Thiện Xiển Đề, tức kẻ vốn thiếu nhân giải thoát (đoạn thiện căn).
2. Đại Bi Xiển Đề: Hoặc Bồ Tát Xiển Đề, tức bậc Bồ Tát thị hiện, cố ý không nhập Niết Bàn do bi nguyện.

Đa phần các kinh luận nói Nhất Xiển Đề không thể thành Phật, riêng Đại Bát Niết Bàn kinh khẳng định Nhất Xiển Đề vẫn có khả năng thành Phật.

[188] Có hai cách hiểu chữ "Trí Đoạn":

1. Dùng trí Bát Nhã đoạn trừ phiền não.
2. Trí Đoạn là Trí Đức và Đoạn Đức. Soi thấu tỏ chân lý thì gọi là Trí Đức, đây chính là Bồ Đề. Đoạn sạch phiền não thì gọi là Đoạn Đức, tức là Niết Bàn.

thân Tỳ Lô thì chẳng thể đích thân thọ dụng triệt để được nổi! Các địa vị như: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác, cả bốn mươi mốt địa vị trong Viên Giáo vẫn là Phần Chứng! Nếu ông đã chứng được trọn vẹn Tỳ Lô Pháp Thân thì nói *"đương xứ chính là Tịch Quang"* cũng chẳng hại gì; còn nếu chưa được như thế thì dẫu có nói đến thức ăn và tính đếm của cải vẫn chẳng thể khỏi bị chết vì đói lạnh được!

Ông ta hỏi:

- *"Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"* là điều trong Tông môn thường nói chẳng lẽ là sai lầm hay sao?

Tôi nói:

- Thuyết đó của nhà Thiền chuyên chỉ về lý tánh, chứ chẳng bàn đến sự tu. Vì sao vậy? Nhà Thiền muốn cho người ta trước hết biết đến cái lý *"chẳng dính mắc nhân quả, phàm - thánh, chúng sanh và Phật tu chứng"*. Sau đấy, mới y theo lý đó mà phát khởi tu nhân hòng chứng quả, siêu phàm nhập thánh. Đấy chính là mặt Sự: Chúng sanh chứng thành Phật đạo. Sao ông lẫn lộn Sự và Lý, tri kiến điên đảo đến thế? Ông lại bảo bỏ Đông lấy Tây là sanh diệt, nhưng chẳng biết chấp Đông phế Tây lại là đoạn diệt. Hễ còn chưa chứng Diệu Giác thì có ai thoát khỏi lấy - bỏ? Ba A Tăng Kỳ kiếp luyện hạnh, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn Hoặc chứng Chân, có việc gì chẳng phải là chuyện lấy - bỏ đâu? Phải biết: Đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh mau chứng Pháp Thân và Tịch Quang, nên Phật mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương vậy!

Hỏi:

- Sách Hoa Nghiêm Hợp Luận[189] của Táo Bá Lý Trưởng Giả[190] nhận định Tây phương Tịnh Độ chỉ [dành cho] hàng phàm phu còn có một phần chấp

[189] Gọi đủ là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận, gồm 120 quyển của cư sĩ Lý Thông Huyền soạn vào đời Đường, tác phẩm này được xếp vào Tục Tạng Kinh quyển 5. Đây là tác phẩm chú giải bản dịch kinh Hoa Nghiêm 80 cuốn (Bát Thập Hoa Nghiêm). Nội dung cuốn luận này chia kinh Hoa Nghiêm làm mười môn để nêu tỏ những ý nghĩa trọng yếu: Y giáo tông phần, y tông giáo biệt, giáo nghĩa sai biệt, thành Phật đồng biệt, thuyết giáo thời phần, Tịnh Độ quyền thật, nhiếp hóa cảnh giới, nhân quả diên súc (nhân quả kéo dài hay rút ngắn), hội giáo thỉ chung. Tác giả Lý Thông Huyền đặc biệt sùng mộ giáo thuyết Thập Huyền Lục Tướng của tông Pháp Tướng nên đã vận dụng những khái niệm này vào trong cách giải thích kinh điển. Tác phẩm Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận này đã ảnh hưởng sâu đậm đến ngài Thanh Lương Trừng Quán, ta có thể thấy rõ điều này qua tác phẩm Hoa Nghiêm Đại Sớ Sao.

[190] Tức Lý Thông Huyền (635-730) là học giả Hoa Nghiêm thời Đường, xuất thân từ hoàng tộc, quê ở Thương Châu (nay thuộc Thương Huyện, tỉnh Hà Bắc), thông minh đĩnh ngộ, tinh thông sách Nho lẫn kinh Phật. Năm Khai Nguyên thứ 7 (719), ông ẩn cư ở Phương Sơn, Thọ Dương, phủ Thái Nguyên để nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch (tức Bát Thập Hoa Nghiêm), chỉ ăn táo, lá tùng bách để sống suốt mấy năm trong núi. Vì vậy, thế gian gọi là Táo Bách (Bá) tiên sinh. Tháng Ba, năm Khai Nguyên thứ 18 (730), ông tọa hóa trong thất, hưởng thọ 96 tuổi. Tống Huy Tông ban hiệu là Hiển Giáo Diệu Nghiêm Trưởng Giả. Do vậy, người ta thường gọi ông là Lý Trưởng Giả. Ông lưu lại những tác phẩm như Hoa Nghiêm Kinh Hội Thích Luận 14 quyển, Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận 40 quyển, Lược Thích Tân Hoa Nghiêm Kinh Tu Hành Thứ Đệ Quyết Nghi Luận 4

tướng, chưa tin nổi thật lý Pháp Không. Nếu chuyên ức niệm thì tâm sẽ được tịnh một phần, sẽ được sanh Tịnh Độ. Pháp đó là Quyền pháp chứ chẳng phải Thật pháp; cớ sao Hoa Tạng hải chúng lại cùng nguyện vãng sanh? Ngài Táo Bá chứng thánh quả ngay trong hiện đời, thần thông trí huệ chẳng thể nghĩ bàn; nhất quyết Ngài phải là Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm thị hiện nên lời Ngài nói nhất định chẳng sai lầm!

Đáp:

- Tuy ngài Táo Bá là Bồ Tát thị hiện, nhưng khi ấy kinh Hoa Nghiêm chưa được truyền đến [Trung Hoa] trọn vẹn, Ngài chẳng dự đoán được nên mới lập thuyết như vậy. Xét ra, ngài Táo Bá tạo luận vào niên hiệu Khai Nguyên đời vua Đường Huyền Tông. Sau khi viết xong luận, Ngài liền nhập diệt; phải hơn năm mươi năm sau, mãi đến năm Trinh Nguyên thứ mười một (795) đời vua Đức Tông, vua nước Ô Trà[191] ở Nam Thiên Trúc mới dâng bộ Hoa Nghiêm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm gồm bốn mươi cuốn bằng Phạn văn. Đến năm Trinh Nguyên thứ mười bốn (798), kinh mới dịch xong để lưu thông. Ba mươi chín quyển trước tương ứng với phẩm Nhập Pháp Giới [của bản] Hoa Nghiêm tám mươi cuốn, nhưng văn nghĩa [trong bản Hoa Nghiêm bốn mươi quyển] có phần tường tận hơn. Trong cuốn thứ tám mươi, ngài Thiện Tài nương vào sức oai thần lực của ngài Phổ Hiền, sở chứng đã ngang với ngài Phổ Hiền, ngang bằng chư Phật, nên ngài Phổ Hiền bèn đọc cho nghe bài kệ khen ngợi công đức thắng diệu của Như Lai. Do kinh văn đến đây chưa hết nên [pháp hội] chưa kết thúc mà kinh [Bát Thập Hoa Nghiêm] đã hết. Kịp đến khi phẩm Hạnh Nguyện truyền đến, trong cuốn thứ bốn mươi, ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng khiến cho họ hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới; nói xong, Như Lai khen ngợi, đại chúng phụng hành. [Đến đây], kinh văn mới hoàn bị. Vì lẽ đó, cổ đức mới đem quyển này đặt nối theo sau tám mươi quyển kia để lưu thông, muốn cho kẻ hậu học đều được thọ trì toàn bộ bản kinh vậy. Cổ đức nói: *"Một pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ chỉ Phật với Phật mới biết trọn vẹn, bậc Đăng Địa Bồ Tát*[192] *còn chẳng biết nổi ít phần"*, chính là ý này. Pháp Tịnh Độ tóm trọn hết thảy bậc thượng căn lợi khí chẳng còn sót vậy.

Kinh Đại Tập dạy: *'Đời mạt pháp ức ức kẻ tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp Niệm Phật thì mới thoát khỏi sanh tử';* như vậy, pháp

---

quyển, Thích Giải Mê Hiển Trí Thành Bi Thập Minh Luận 1 quyển, Thập Huyền Lục Tướng, Bách Môn Nghĩa Hải, Phổ Hiền Hạnh Môn, Hoa Nghiêm Quán… Lý Thông Huyền được coi là một nhân vật tiên phong trong trào lưu nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch.

[191] Ô Trà (Odra), nước cổ ở Đông Ấn Độ, nay là Orissa, thường bị người Hán phiên sai thành Ô Tràng. Theo Đại Đường Tây Vực Ký, người dân xứ này khôi ngô, hiếu học, tín phụng Phật pháp, Tăng chúng đông đến hơn vạn người, đều học giáo pháp Đại Thừa.

[192] Đăng Địa Bồ Tát: tức Địa Thượng Bồ Tát, hay nói cách khác, những vị đã chứng từ Sơ Địa cho đến Thập Địa.

Tịnh Độ cũng thâu nhiếp hết thảy thiên nhân, lục đạo cụ phược phàm phu[193] chẳng còn sót gì! Ông tin ngài Táo Bá mà chẳng tin phẩm Hạnh Nguyện và kinh Đại Tập, tức là tuân theo cáo thị quyền nghi một thuở của quan huyện, trái nghịch sắc chỉ của hoàng đế muôn đời chẳng đổi. Sao mà chẳng biết tôn, ty, khinh, trọng đến như thế ấy!

Hỏi:

- Nếu đã là hải chúng thị hiện, sao lại phải đợi có kinh truyền đến mới biết?

Đáp:

- Hoằng dương Phật pháp quả thật chẳng phải là việc dễ! Cần phải có chứng cứ thì mới gây được lòng tin. Một bộ kinh Hoa Nghiêm siêu việt các kinh, chẳng thể không có dẫn chứng mà tự lập thuyết được!

Hỏi:

- Lúc kinh Niết Bàn chưa truyền đến Trung Hoa, sao ngài Đạo Sanh[194] đã đề xướng trước là Nhất Xiển Đề cũng có Phật tánh. Há có nên bảo là ngài Táo Bá chẳng bằng ngài Đạo Sanh ư?

Đáp:

- Xiển Đề nguyên là chúng sanh mà hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh thì sao riêng Xiển Đề lại chẳng có? Bậc có trí thức đều có thể dự đoán được điều này; còn chuyện vãng sanh sẽ viên mãn Phật quả thì các kinh tuyệt chưa tuyên nói, ai dám tự ý suy đoán dựng lên giáo nghĩa lạ lùng đó? Điều thứ hai là Sự và Lý tuyệt đối chẳng ngang bằng như nhau nên chẳng thể dẫn trường hợp này làm chứng. Còn về sở chứng của hai vị thì chẳng phải điều bọn phàm phu thấp sát đất ta có thể biết được nổi, nào dám hý luận! Phải biết: Bồ Tát hoằng pháp hoặc thuận hoặc nghịch, dùng các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn.

---

[193] Lục đạo cụ phược phàm phu: Phàm phu trong sáu nẻo có đầy đủ các món phiền não, chưa đoạn được một món nào.

[194] Tức ngài Trúc Đạo Sanh (355-434), nhà học giả Niết Bàn thời Đông Tấn. Ngài là người Cự Lộc (nay thuộc Bình Hương, Hà Bắc), họ Ngụy. Sư nổi tiếng thông minh dĩnh ngộ từ nhỏ, xuất gia với ngài Trúc Pháp Thải. Năm 15 tuổi đã lên tòa giảng, bậc túc học danh sĩ cũng không biện luận thắng Sư được. Khi ngài Tăng Già Đề Bà dừng gót tại Lô Sơn, dịch A Tỳ Đàm Tâm Luận, Sư bèn theo học giáo nghĩa Nhất Thiết Hữu Bộ với ngài. Khi ngài Cưu Ma La Thập vào Trung Nguyên, Sư lại quảy tráp theo học. Sư cùng với các vị Đạo Dung, Tăng Duệ, Tăng Triệu trở thành những học trò kiệt xuất của ngài La Thập, được đời gọi bằng mỹ hiệu "Quan Nội Tứ Thánh". Sư từng thỉnh ngài Phật Đà Thập dịch bộ Ngũ Phần Luật. Sư tinh thông học thuyết của các ngài Long Thọ, Đề Bà v.v… Chính Sư đề xướng thuyết "đốn ngộ thành Phật" và soạn các bộ luận Nhị Đế Luận, Phật Tánh Đương Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận. Nhân đọc bộ Nê Hoàn Kinh sáu quyển do ngài Pháp Hiển dịch, Sư bèn đề ra thuyết Nhất Xiển Đề vẫn có khả năng thành Phật. Lúc ấy, kinh Đại Bát Niết Bàn chưa truyền đến Trung Hoa, nên thuyết này của Sư bị công kích kịch liệt. Sư bị đại chúng tẫn xuất, phải ẩn cư tại Lô Sơn. Về sau, bản Đại Bát Niết Bàn Kinh của ngài Đàm Vô Sấm truyền đến phương Nam, nội dung hoàn toàn tương đồng với thuyết của ngài Đạo Sanh, đại chúng hết sức khâm phục. Theo truyền thuyết, Sư từng gom đá ở núi Hổ Khâu, tỉnh Giang Tô làm pháp chúng để giảng kinh. Do vậy mới có câu *"Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu"* (ngài Đạo Sanh giảng kinh, đá cũng gật đầu). Ngài mất trong khi đang giảng pháp trên tòa sư tử, thọ tám mươi tuổi.

Biết đâu ngài Táo Bá thị hiện không biết cốt là để đôn đốc sự tin tưởng nơi người đời sau!

Hỏi:

- Các sư Thiền tông đa số chê bỏ Tịnh Độ, đó là vì lẽ gì?

Đáp:

- Các sư Thiền tông chỉ truyền Phật tâm nên tất cả ngôn thuyết đều quy về hướng thượng. Ông đã tham Thiền nhiều năm mà còn chẳng biết lẽ này thì sự hiểu biết của ông đều là ác tri kiến phá hoại Thiền tông vậy.

Hỏi:

- Tôi còn đang là phàm phu sát đất, dám đâu lung lăng! Đấy thật là lời lẽ của chư Tổ, quyết có thể lấy làm bằng chứng. Lục Tổ nói: *"Người Đông phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây phương. Người Tây phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh cõi nào?"* Ngài Triệu Châu[195] nói: *"Một chữ Phật tôi chẳng thích nghe"*. Lại nói: *"Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày"*. Phần nhiều các sư Thiền tông có những câu nói như thế ấy thì thầy lại nói như thế nào đây?

Đáp:

- Lục Tổ trực chỉ hướng thượng để cho người ta biết giữ lấy tự tâm, còn ông lại chẻ văn giải nghĩa, biện luận pháp môn tu trì; đấy là như câu nói *"tưởng miếng xương lừa có hình yên ngựa là cái cằm của cha"*[196], lầm lẫn quá thể! Ông phải biết là người ở Tây phương đã hết sạch Kiến Hoặc và Tư Hoặc, tiến lên phá được Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc. Họ chỉ có tấn tu, tuyệt đối chẳng có chuyện tạo tội. Tổ nói *"kẻ ấy cầu sanh cõi nào?"* là nếu trong lúc ấy mà chưa đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc thì nương nhờ Phật từ lực, kẻ đới nghiệp vãng sanh sẽ được sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ. Một phen đã sanh trong cõi kia rồi thì hai hoặc Kiến và Tư sẽ triệt để tiêu diệt, giống như quăng miếng tuyết vào lò lửa lớn, tuyết chưa rơi đến nơi đã biến mất. Thân cận người đức hạnh thì ý niệm hèn tệ sẽ tiêu hết. Nếu như Kiến Hoặc, Tư Hoặc đã

---

[195] Triệu Châu Tùng Thẩm (778-897) là Thiền tăng đời Đường, người Tào Châu, Hác Hương (có thuyết nói là Thanh Châu, Lâm Truy), họ Hác, pháp hiệu Tùng Thẩm. Xuất gia từ nhỏ tại Hỗ Thông Viện, Tào Châu. Trước khi thọ Cụ Túc Giới đã từng tham yết ngài Nam Tuyền Phổ Nguyện. Sau khi thọ giới tại Lưu Ly Đàn ở Tung Sơn, quay lại y chỉ với ngài Nam Tuyền hai mươi năm. Sau đó tham học khắp với các đại đức Bảo Thọ, Diêm Quan, Giáp Sơn, Ngũ Đài v.v… Năm Sư tám mươi tuổi, đại chúng thỉnh trụ tích tại Quán Âm Viện thuộc Đông Thành, Triệu Châu. Sư tận lực chấn hưng Nam Tông Thiền suốt bốn mươi năm, thọ 120 tuổi, được vua ban thụy hiệu là Chân Tế Đại Sư.

[196] Đây là một điển tích xuất phát từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 11. Nguyên văn: *"Nhận lư yên kiều tác a da hạ hàm"*. "Yên kiều" tức là cái yên ngựa, do hình trạng của nó giống như cái cầu nên gọi như thế. "Lư yên kiều" có nghĩa là cái xương lừa có hình dạng giống như cái yên ngựa, chứ không phải thật sự là yên ngựa. Trong truyện cổ dân gian Trung Quốc có chuyện đứa trẻ ngu si tưởng lầm cái xương lừa hình yên ngựa là xương hàm của cha. Thiền lâm hay dùng hình ảnh này để ví cho kẻ ngu muội, chẳng phân biệt được thật - giả.

hết sạch thì sẽ sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ; phá được một phần vô minh thì sanh vào Thật Báo Vô Chướng Ngại Tịnh Độ. Vô minh hết sạch, phước huệ viên mãn thì sẽ sanh vào Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tại cõi này hiện chứng như thế thì tại cõi kia tấn tu cũng sẽ như thế.

Sao ông quá lo họ không có chốn để sanh về để rồi tự chướng mình, chướng người, chẳng chịu cầu sanh? Nghe nói [người khác] ăn bị mắc nghẹn bèn bỏ cả ăn đến nỗi chết mất thì đúng là kẻ si trong thiên hạ không ai bằng ông! Ông chỉ biết một câu của ngài Triệu Châu*: "Một chữ Phật, ta chẳng thích nghe"* sao chẳng lấy luôn câu kế tiếp. Ông Tăng hỏi: *"Hòa thượng có vì người hay không?"* Triệu Châu nói: *"Phật, Phật!"* Ông chỉ muốn căn cứ vào câu *'Niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày'* mà chẳng dựa theo câu: *"Hòa thượng được đại vương cúng dường như thế, sẽ dùng gì để báo đáp?"* Triệu Châu nói: *"Niệm Phật"*. Sao lại chăng y theo câu: *"Tăng hỏi: 'Mười phương chư Phật còn có thầy hay chăng?' Triệu Châu nói: 'Có'. Hỏi: 'Thầy của chư Phật là gì?' Triệu Châu đáp: 'A Di Đà Phật, A Di Đà Phật'*. Ông bảo phần nhiều các sư Thiền tông nói như thế, nhưng chẳng biết lời đáp tương ứng căn cơ của nhà Thiền được gọi là "cơ phong", gọi là "chuyển ngữ". Hỏi ở nơi đáp, đáp ở nơi hỏi. Ông chẳng biết phản chiếu hồi quang, tham cứu nơi chính mình, chỉ một bề nhai bã hèm, chạy theo hòn đất, bao giờ mới liễu thoát được! Tôi xuất gia hơn ba mươi năm, luôn nghe chư Tăng cùng nhắc những câu *"Niệm Phật súc miệng ba ngày, Phật hiệu chẳng thích nghe"*, còn câu *"lấy Phật, Phật để độ người", "dùng niệm Phật báo ân", "A Di Đà Phật là thầy mười phương chư Phật"* tuyệt chưa từng nghe có ai nhắc đến một lần.

Ôi! Những câu trên đều cùng từ một miệng thốt ra, nếu đã cho những câu trước là thật và đáng tin thì những câu sau cũng phải là thật và đáng tin, cớ sao chỉ chấp nhận lời tổn, còn lời ích lại chống báng! Một thuận, một chống, tự mâu thuẫn nhau. Phàm lời nói của ngài Triệu Châu đều quy về bổn phận; những câu *"Phật chẳng thích nghe"* và *"Niệm Phật báo ân"* đều là chuyển ngữ. Nếu có thể ngay từ những câu đó biết được tự tâm thì mới biết đạo của ngài Triệu Châu vượt khỏi thường tình, ý nghĩa vượt ngoài ngôn ngữ, ắt sẽ cắm cúi niệm Phật suốt cả ngày mà vẫn còn thấy là chưa đủ vậy! Nếu như đã không được đích thân gặp ngài Triệu Châu, sao chẳng lấy việc Niệm Phật để tu trì, há có nên chấp lấy câu bác Phật làm căn cứ! Hễ niệm Phật thì ngay trong đời này sẽ thoát khỏi luân hồi, trong tương lai quyết định thành Phật đạo. Còn nếu nương theo lời bác Phật thì là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng; hiện đời tội nghiệp chất như núi, phước huệ băng tiêu, khi mạng chung vĩnh viễn đọa trong A Tỳ chịu khổ nhiều kiếp. Lẽ lợi - hại, được - mất thật là một trời, một vực!

Nói chung, người đời nay toàn là hạng phước mỏng, huệ cạn, nghiệp nặng, chướng sâu; đối với điều được lợi ích thì khủng khỉnh nghe; đối với điều khiến

mình bị tổn hại lại toàn thân rạp lạy ("được lợi ích, bị tổn hại" là đối với những kẻ chưa ngộ, hiểu lầm mà nói, chứ không phải pháp của cổ đức nói có tổn hay ích). Lời chư sư đáp theo căn cơ thảy đều như thế, chẳng phiền phải giải thích cặn kẽ. Ông bảo lời chân thành của Tổ quyết có thể dùng làm bằng chứng thì sao chẳng tuân theo lời ngài Bách Trượng[197]: *"Tu hành thì niệm Phật là ổn đáng!"* Sao ông cũng lại chẳng tuân những quy củ ngài Bách Trượng đã lập: cầu đảo cho vị Tăng mắc bệnh, tống táng, thiêu hóa vị Tăng đã mất, [những quy củ ấy] chẳng phải đều là hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ đó ư? Có nên bảo là: Ngài Bách Trượng chỉ muốn cho kẻ chết được vãng sanh, chứ chẳng muốn kẻ sống cầu sanh hay sao! Sao ông lại chẳng thuận theo tổ thứ mười bốn ở trời Tây là ngài Long Thọ Bồ Tát: Như Lai huyền ký Bồ Tát sẽ vãng sanh, khôi phục kinh Hoa Nghiêm từ long cung. Ngài tạo nhiều bộ luận để riêng khen ngợi Tây phương như luận Tỳ Bà Sa[198] khen ngợi Tịnh Độ là đạo "dễ tu chóng đạt" đó ư! Sao ông lại chẳng tuân theo tổ thứ mười hai là Mã Minh Bồ Tát: Trong phần cuối của luận Khởi Tín, Ngài có dạy phương tiện tối thắng khiến người niệm Phật cầu sanh Tây phương thường hầu Di Đà, trọn chẳng thoái chuyển? Sao ông lại chẳng làm theo Nhị Tổ A Nan, Sơ Tổ Ca Diếp kết tập Tam Tạng và các kinh Tịnh Độ? Nếu Tịnh Độ chẳng đáng là pháp, có hại cho đời thì các Ngài há chẳng phân biệt tốt - xấu vẫn giữ lại tạo thành nguồn tội cho hậu thế hay sao? Thêm nữa, các kinh Đại Thừa đều khen ngợi Tịnh Độ, chỉ có kinh Tiểu Thừa là không có lấy một chữ nhắc đến. Há nên bảo các kinh Đại Thừa chẳng đáng là pháp sao?

---

[197] Bách Trượng Hoài Hải (720-814): Cao tăng đời Đường, từ nhỏ đã thích đi thăm chùa viện. Năm 20 tuổi, xuất gia với ngài Huệ Chiếu ở Tây Sơn, sau thọ Cụ Túc Giới với ngài Pháp Triều luật sư. Khi gặp Mã Tổ Đạo Nhất hoằng pháp tại Nam Khang bèn hết sức ngưỡng mộ, y chỉ theo, được ngài Mã Tổ ấn khả. Sư cùng với Tây Đường Trí Tạng, và Nam Tuyền Phổ Nguyện được xưng tụng là "tam đại sĩ". Về sau, Sư lập thiền viện ở núi Bách Trượng tỉnh Giang Tây, chế định Thanh Quy, hướng dẫn đại chúng tu trì. Thanh Quy tức là quy định sinh hoạt của Tăng đoàn theo chế độ nông thiền. Sư thường nói*: "Một ngày không làm là một ngày không ăn"*. Sư nhập diệt năm Nguyên Hòa thứ chín, thọ 95 tuổi, được vua ban thụy hiệu là Đại Trí Thiền Sư. Các đệ tử nổi tiếng của Sư là Hoàng Bá Hy Vận, Quy Sơn Linh Hựu v.v… Thanh Quy do Sư lập ra được gọi là Bách Trượng Thanh Quy, được khắp các tùng lâm trong thiên hạ tuân phụng.

[198] Luận Tỳ Bà Sa nói ở đây là bộ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận do ngài Long Thọ Bồ Tát soạn. Trong quyển năm của luận này, có câu: *"Phật pháp có vô lượng môn, như đường đi trên thế gian có khó, có dễ. Đi theo đường bộ thì khó nhọc, đi đường thủy ngồi thuyền thì sung sướng. Bồ Tát đạo cũng giống như thế, có đạo thì khó hành tinh tấn, có đạo chỉ dùng lòng tin làm phương tiện, dễ đi, mau đạt đến địa vị Bất Thoái"*. Tỳ Bà Sa (Vibhasa) có nghĩa là Quảng Giải (giảng giải rộng lớn), Quảng Thuyết (nói rộng), Thắng Thuyết, Chủng Chủng Thuyết, tức là những trước tác nhằm chú giải luật hay luận. Ngoài ra, còn một thể loại nhằm giải thích chi tiết kinh luận được gọi Tỳ Bà Sa Luận (Vibhasa-sastra). Hiện trong Đại Tạng có bốn bộ Tỳ Bà Sa Luận: A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận, Tỳ Bà Sa Luận, Ngũ Sự Tỳ Bà Sa Luận và Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận (Dasabhumika-vibhasa-sastra). Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận gồm 17 quyển, do ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán, thường gọi tắt là Thập Trụ Luận. Bộ luận này nhằm giải thích phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm (tức biệt bản của kinh Hoa Nghiêm với danh xưng Thập Địa Kinh). Ngài La Thập dịch chữ Thập Địa thành Thập Trụ nên luận này có tên như vậy. Thiên thứ 9 trong phẩm thứ 35 của luận này chính là Dị Hành Phẩm, là một điển tịch trọng yếu của Tịnh Tông.

Hơn nữa, lúc đức Phật nói kinh Di Đà, sáu phương hằng hà sa số chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài khuyên tin kinh này; có nên nói là sáu phương chư Phật cũng khiến cho người ta mắc tội hay sao? Nếu như ông bảo chẳng thể không tin các vị Lục Tổ, Triệu Châu... thì các ngài Long Thọ, Mã Minh, A Nan, Ca Diếp, Thích Ca, Di Đà, sáu phương chư Phật, các kinh Đại Thừa lại càng chẳng thể không tin! Nếu bảo chư Phật, chư Tổ, các kinh đều chẳng đáng tin thì sao lại tin lời Lục Tổ, Triệu Châu...? Thấy gần mà chẳng thấy xa, biết nhỏ chẳng biết lớn, giống như kẻ nhà quê chỉ nể thế lực ông huyện, chẳng biết oai đức của hoàng đế; trẻ nhỏ thấy tiền đồng bèn chộp lấy, gặp ma-ni bảo châu chẳng đoái hoài. Ông có biết bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chỉ bày lẽ có - không, lợi - hại, được - mất của Thiền và Tịnh hay chăng? Ngài Vĩnh Minh là hóa thân của Phật Di Đà, há lẽ nào Ngài đành để người khác mắc tội báng chánh pháp luân, khiến cho chúng sanh nghi lầm, đoạn diệt Phật chủng hay sao?

Ông ta đáp:

- Bài Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh quá chi ly, chẳng đáng để làm khuôn phép, vì sao vậy? Ông ấy nói: "*Có Thiền, có Tịnh Độ, ví như cọp mọc sừng, hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ*". Nếu đúng như lời ông ta nói thì phần đông các Thiền giả hiện tại đều khán câu *"Người Niệm Phật Là Ai?"* Lại có vị trụ trong Niệm Phật Đường niệm Phật bao năm, họ có đều hiện đời là thầy của người ta, kiếp sau liền thành Phật, Tổ hay chăng? Lại nói: *"Không Thiền có Tịnh Độ, muôn người tu muôn người đỗ, nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?"* Nay kẻ ngu phu, ngu phụ chuyên niệm danh hiệu Phật đâu đâu cũng có; chưa thấy mấy kẻ khi lâm chung hiện các tướng lành, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Bởi vậy, tôi biết Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chẳng đáng coi là khuôn phép!

Tôi nói:

- Sao ông hấp tấp nuốt trộng quả táo, chẳng nếm mùi vị của nó như thế. Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại Tạng, là khuôn phép tu trì. Trước hết phải nhận thức đích xác thế nào là Thiền, thế nào là Tịnh? Thế nào là Hữu, thế nào là Vô? Rồi mới phân tích theo lời văn thì sẽ biết mỗi một chữ đều như trời tạo, đất dựng, không chữ nào chẳng xác đáng, không chữ nào có thể thay đổi được! Trong vòng mấy mươi năm lại đây, tôi thấy lời lẽ các sư giảng Thiền đều giống hệt lời của ông, chẳng khác chút nào! Kiến thức như thế thì đúng là Thiền cùng Tịnh Độ mỗi ngày một suy tàn.

Hỏi:

- Sao gọi là Thiền, Tịnh cùng với Hữu, Vô, cúi xin dạy rõ cho!

Đáp:

- Thiền chính là Chân Như Phật tánh vốn sẵn có của chúng ta. Trong nhà Thiền gọi đó là*"bản lai diện mục trước lúc cha mẹ chưa sanh ra";* nhưng nhà Thiền chẳng nói toạc ra, chính là để người khác tham cứu tự chứng ngộ nên mới nói như vậy. Đó chính là tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa tịch, vừa chiếu, linh tri ly niệm vậy (Linh tri ly niệm nghĩa là trọn chẳng có ý niệm nhưng luôn nhận thức rõ ràng cảnh vật hiện tiền).

Tịnh Độ là tín nguyện, trì danh, cầu sanh Tây phương, chứ chẳng phải chỉ nói đến "Duy Tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà".

"Có Thiền" là tận sức tham cứu đến cùng cực, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt cái bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh.

"Có Tịnh Độ" là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương. Thiền và Tịnh Độ chỉ là ước theo giáo, ước theo lý. "Có Thiền" và "có Tịnh Độ" là ước theo căn cơ, ước về tu. Về giáo lý thời hằng nhiên như thế; Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Xét về căn cơ, tu hành thì phải nương vào giáo để khởi hạnh; hành cho đến khi chứng ngộ tột cùng lý, sao cho thật có mới thôi! Điều thứ hai là xét về văn từ tuy tương tự nhưng thật ra rất khác nhau, phải suy xét kỹ càng, chớ có lẫn lộn! Nếu như tham Thiền nhưng chưa ngộ hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là Có Thiền. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín, nguyện; hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thành, thiết tha, lơ là, hờ hững, làm cho lấy có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mến luyến trần cảnh, hoặc cầu đời sau sanh trong nhà phú quý để hưởng vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời để hưởng phước lạc cõi trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoằng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng được gọi là Có Tịnh Độ.

Hỏi:

- Xuất gia làm Tăng hoằng pháp lợi sanh lại có lỗi chi mà cũng bị loại trừ?

Đáp:

- Nếu đã đoạn Kiến Tư Hoặc, đã liễu sanh tử, nương theo đại nguyện luân, thị hiện sanh trong đời trược, thượng hoằng hạ hóa, độ thoát chúng sanh thì được. Nếu như tuy có trí nguyện nhưng chưa đoạn được Kiến, Tư Hoặc, dẫu cho lúc ban đầu thọ sanh chẳng mê, cũng khó giữ [không mê] trọn đời, nhiều đời. Tuy có thể hoằng pháp nhưng chưa chứng Vô Sanh, tình chủng vẫn còn nên khi gặp cảnh đối duyên khó tránh khỏi bị mê hoặc. Nếu đã mê theo cảnh mà còn có thể mau giác ngộ thì trong cả vạn người chẳng có được một, hai; từ mê vào mê, chẳng thể tự dứt, bao kiếp trầm luân, thật là vô số! Vì nghĩa ấy, đức Như Lai mới dạy người vãng sanh Tịnh Độ, gặp Phật, nghe pháp, chứng Vô

Sanh Nhẫn. Sau đó, nương theo Phật từ lực và tâm nguyện của chính mình, trở vào Sa Bà độ thoát chúng sanh thì chỉ có tiến chẳng thoái, có được không mất vậy. Chưa đoạn Kiến Tư Hoặc mà trụ trong cõi này hoằng pháp thì các tông khác không tông nào chẳng như vậy, chứ Tịnh Tông dứt khoát chẳng chấp thuận. Đời lắm kẻ cho rằng "tham Thiền là Có Thiền, niệm Phật là có Tịnh Độ"; như vậy thì chẳng những đã không hiểu Thiền, Tịnh, lại còn chẳng hiểu văn nghĩa, cô phụ tấm lòng đại từ bi của ngài Vĩnh Minh Cổ Phật, cắt đứt con đường tắt thoát khổ cho hành nhân đời sau. Tự mình lầm, làm người lầm, gây hại nào có cùng cực? Đấy chính là nhận lầm vạch khắc ở đòn cân, sai suyển hào ly, xa cách như trời với đất!

Ông ta nói:

- Tôi đã tạm hiểu ý nghĩa của Thiền, Tịnh và có - không; xin thầy giảng giải rành mạch lời văn sâu nhiệm của cả bốn bài kệ cho!

Tôi nói:

- Có Thiền, có Tịnh Độ.
Như cọp mọc thêm sừng.
Hiện tại làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ

Nghĩa là: Người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, hiểu trọn vẹn các pháp môn Quyền, Thật của đức Như Lai; nhưng trong các pháp lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để làm chánh hạnh chung nhằm tự lợi, lợi người. Bậc thượng phẩm thượng sanh đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa như đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này vậy. Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài; tà ma, ngoại đạo nghe tên vỡ mật. Người ấy như cọp đeo thêm sừng oai mãnh không chi sánh bằng. Đối với kẻ đến học sẽ thuyết pháp tùy theo căn cơ: Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp dẫn thì sẽ dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ; chỉ nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp dẫn thì sẽ dùng chuyên tu Tịnh Độ tiếp độ. Bất luận thượng, trung, hạ căn, không ai là chẳng được đội ơn, há chẳng phải là bậc đạo sư của trời, người hay sao? Đến lúc lâm chung, người ấy được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm; trong khoảng khảy ngón tay hoa nở gặp Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn; thấp nhất thì cũng chứng bậc Sơ Trụ trong Viên giáo; cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến bậc Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống hồ là các địa vị kế tiếp đó lại càng lần lượt thù thắng hơn; nhất là địa vị Đẳng Giác thứ bốn mươi mốt! Vì vậy Tổ mới nói: "*Đời sau làm Phật Tổ*".

Không Thiền, có Tịnh Độ.

Vạn người tu, vạn đỗ.
Nếu gặp Phật Di Đà,
Lo gì chẳng khai ngộ

Nghĩa là: Hành nhân tuy chưa minh tâm, kiến tánh, nhưng đã quyết chí cầu sanh Tây phương. Do vì trong kiếp xưa, đức Phật đã phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu chúng sanh thật sự có thể [nhớ Phật] như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì sẽ cảm ứng đạo giao, liền được đức Phật nhiếp thọ. Vì ra sức tu Định, Huệ nên được vãng sanh. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung bị các sự khổ bức bách bèn sanh lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi mất ngay trong lúc đó, họ đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Đấy há chẳng phải là "*vạn người tu, vạn đỗ"* hay sao? Những kẻ đó tuy niệm Phật chẳng lâu nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên có thể đạt được lợi ích lớn lao ấy, chẳng nên so với kẻ tu hành lơ là hờ hững mà bàn luận niệm nhiều hay ít. Đã sanh về Tây phương thì tuy gặp Phật, nghe pháp có nhanh - chậm chẳng đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, trọn chẳng thoái chuyển. Tùy theo căn tánh sâu, cạn, hoặc tiệm hay đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả thì cần gì bàn đến khai ngộ nữa. Ấy chính là: "*Nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"* vậy.

Có Thiền không Tịnh Độ,
Mười tu, chín lần chần,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

Nghĩa là: Hành nhân tuy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều duyên trui luyện để trừ sạch hết chẳng sót, mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử[199]. Người chưa đoạn một mảy nào thì chẳng cần bàn đến! Dẫu chỉ còn một mảy chưa đoạn sạch hết thì lục đạo luân hồi vẫn y như cũ khó thoát. Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi; còn chưa về được đến nhà thì đã mạng chung! Người đại ngộ mười người hết chín đều như vậy. Cho nên mới nói: "*Mười người, chín lần chần"*. Lần chần (ta đà) người đời thường nói là "chần chờ".

"Ấm cảnh" là cảnh của Trung Ấm thân; tức là những cảnh được hiển hiện trong khi lâm chung bởi nghiệp lực thiện - ác trong đời này và bao kiếp. Một

[199] Phần đoạn sanh tử là sự sanh tử của chúng sanh trong tam giới. Do quả báo sai khác nên có hình mạo, thọ lượng sai khác. Vì vậy gọi là phần đoạn (đoạn diệt theo phần hạn). Theo Duy Thức Học, phần đoạn sanh tử lấy nghiệp thiện ác làm thân nhân (cái nhân gần), lấy phiền não chướng làm trợ duyên để cảm quả trong tam giới. Do tuổi thọ có dài ngắn khác nhau, do sức nhân duyên nên có hạn định khác biệt; do vậy gọi là Phần Đoạn. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại chia phần đoạn sanh tử thành ác đạo phần đoạn (quả báo trong tam đồ) và thiện đạo phần đoạn (quả báo trong đường trời người).

khi những cảnh ấy hiện ra, trong chớp mắt sẽ liền theo nghiệp lực thiện - ác nào mạnh mẽ nhất để đi thọ sanh trong đường thiện hay ác; chẳng thể làm chủ tình thế một mảy may nào! Giống như người mắc nợ, chủ nào mạnh sẽ kéo đi trước. Tâm tình lắm mối đa đoan, coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào đấy. Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, đều là do lẽ trên vậy! Bởi thế mới nói: "*Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó"*. Chữ Ấm: âm và nghĩa đồng với chữ Âm, nghĩa là che đậy; tức là: do nghiệp lực này che lấp nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Miết (瞥), âm giống chữ Phiết (撇), nghĩa là nháy mắt, chớp mắt. Có người hiểu chữ Ta (蹉) nghĩa là "lầm lẫn", Ấm Cảnh là Ngũ Ấm Ma Cảnh, chung quy vì chẳng hiểu chữ Thiền và chữ Có nên mới nói hồ đồ như vậy. Lẽ nào những bậc đại triệt đại ngộ mười người tu chín người lạc đường đi theo Ngũ Ấm Ma nên bị ma dựa phát cuồng? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng đều là kẻ chẳng biết giáo lý, chẳng minh tự tâm, là giống tăng thượng mạn, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết hay - dở, lại đem gán cho bực đại triệt đại ngộ! Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện luận rõ!

Không Thiền không Tịnh Độ.
Giường sắt và cột đồng.
Vạn kiếp cùng ngàn đời.
Không một ai nương dựa.

Có kẻ bảo *"không Thiền, không Tịnh"* tức là vùi đầu tạo nghiệp ác, chẳng tu pháp lành. Lầm to, lầm to! Dù pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiền và Tịnh là thích hợp cho các căn cơ hơn hết. Hành nhân chưa được triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh, lơ là, hời hợt tu các pháp môn khác, Định - Huệ đã chẳng thể quân bình để đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng nương vào Phật từ lực để đới nghiệp vãng sanh; đem công đức trọn đời tu trì để cảm lấy phước báo đời sau sanh trong trời, người. Đời này đã không chánh trí thì đời sau ắt bị phước chuyển mê đắm trong ngũ dục, tạo đủ các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp sẽ khó thoát ác báo. Khi một hơi thở chẳng hít vào được nữa thì liền đọa địa ngục, rành rành sẽ ở trong bao kiếp dài lâu nằm lăn nơi giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả lòng tham thanh sắc, giết hại sanh mạng v.v... các thứ ác nghiệp. Tuy chư Phật, Bồ Tát rủ lòng xót thương, nhưng do ác nghiệp ngăn chướng, người ấy vẫn chẳng thể được hưởng lợi ích. Người xưa nói: *"Người tu hành nếu chẳng chánh tín, cầu sanh Tây phương, tu hành đủ các việc thiện khác thì gọi là kẻ oán đời thứ ba"*, chính là nói đến ý này. Ấy là vì đời nay tu hành, đời sau hưởng phước; vì ỷ phước làm ác nên liền bị đọa lạc. Đạt được cái vui giả tạm trong đời kế mà muôn kiếp phải vĩnh viễn chịu khổ. Ví dù nghiệp địa ngục tiêu thì lại chuyển sanh làm ngạ quỷ, súc sanh; muốn lại được thân người thì thật là

điều khó nhất trong những điều khó. Vì vậy, Phật lấy tay bốc đất rồi hỏi A Nan rằng: "Đất trong tay ta là nhiều, hay đất trong đại địa là nhiều?" A Nan bạch Phật: "Đất trong đại địa nhiều". Phật nói: *"Được thân người như đất trong tay, mất thân người như đất trong đại địa"*. [Xét theo lời Phật] thì "*muôn kiếp, ngàn đời, không một người nương dựa"* vẫn là lời luận rất nông cạn vì câu ấy còn hạn cuộc vào âm vận của bài kệ.

Ôi! Hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực; pháp môn Tịnh Độ chuyên nhờ Phật lực. Trong hết thảy pháp môn, phải trừ sạch Hoặc nghiệp mới liễu sanh tử; còn trong pháp môn Tịnh Độ: do đới nghiệp vãng sanh liền dự dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ đời chẳng hiểu biết nên mới đặc biệt phân định để chỉ bày cho tương lai. Liệu Giản đáng gọi là chiếc bè báu nơi bến mê, là đạo sư (người dẫn đường) nơi đường hiểm. Đáng tiếc người trong cõi đời hờ hững đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu kỹ. Có phải là do chúng sanh ác nghiệp đồng phận nên xui khiến thế chăng?

Ông ấy nói:

- Tôi xưa tội gì mà sớm mê mất chân thuyên[200], xưa có phước gì nay được nghe lời xuất yếu? Xin được ghé dự vào hàng đồ chúng, cầm nắm bình, khăn.

Tôi bảo:

- Tôi nào có đức gì mà dám nhận lời ấy. Những lời tôi nói đều là tuân theo ý chư Phật, chư Tổ. Nếu ông có thể ngưỡng tín Phật, Tổ, hoằng dương Tịnh Độ thì không đức gì chẳng báo được, không tội gì chẳng diệt được. Xưa ngài Thiên Thân Bồ Tát lúc ban đầu báng Đại Thừa, sau hoằng dương Đại Thừa để chuộc lỗi. Nếu ông có thể noi theo dấu chân thơm của Ngài thì tôi nguyện xả thân cúng dường.

Thượng tọa bèn lễ Phật, phát nguyện rằng:

- Con tên là... từ nay trở đi chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cầu khi lâm chung vãng sanh thượng phẩm, gặp Phật, nghe pháp, đốn chứng Vô Sanh. Sau đấy, chẳng rời An Dưỡng, vào khắp mười phương, dùng các thứ phương tiện: nghịch, thuận, ẩn, hiển để hoằng thông pháp này, độ thoát chúng sanh đến tột cùng vị lai chẳng hề gián đoạn. Hư không có tận, nguyện của con vô cùng. Nguyện Phật Thích Ca, Phật Di Đà, Thường Trụ Tam Bảo thương xót tấm lòng ngu thành của con, cùng rủ lòng nhiếp thọ.

Tôi bảo:

[200] Chân thuyên: lời giảng về lẽ thật, về chân lý.

- Về Sự, Tịnh Độ là đại nhân duyên; về Lý, Tịnh Độ là bí mật tạng. Ông có thể tin nhận phụng hành được thì chính là lấy sự trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm.

Thượng Tọa vâng dạ lui ra. Nhân đấy chép lại cuộc vấn đáp này để khuyên bảo người chưa biết đến pháp này.

2. Tịnh Độ pháp môn phổ bị tam căn luận

(Luận về pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn)

Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng do mê chân đuổi theo vọng, trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên toàn thể chuyển thành phiền não ác nghiệp. Do vậy, trải nhiều kiếp lâu xa luân hồi sanh tử. Như Lai thương xót, giảng ra các pháp khiến họ phản vọng quy chân, trái nghịch trần lao, xuôi theo tánh giác, khiến cho phiền não ác nghiệp của họ toàn thể khôi phục thành trí huệ đức tướng. Từ đây cho đến tận đời vị lai, an trụ trong Tịch Quang. Khác nào nước đọng thành băng, băng tan thành nước; Thể vốn chẳng khác, Dụng thật khác xa. Nhưng căn cơ chúng sanh có lớn - nhỏ, mê có cạn - sâu, nên tùy theo cơ nghi của mỗi người đều làm cho được lợi ích. Các pháp môn đã nói rộng nhiều như cát sông Hằng; trong ấy, cầu lấy một pháp chí viên chí đốn, tối diệu, tối huyền, hạ thủ dễ thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng, thích hợp khắp cho ba căn, thống nhiếp các pháp, thượng thánh lẫn hạ phàm đều cùng tu, căn cơ lớn - nhỏ đều cùng nhận lãnh được thì không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh Độ!

Vì sao nói vậy? Hết thảy pháp môn tuy là Đốn - Tiệm khác nhau, Quyền - Thật mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới có thể đoạn Hoặc chứng Chân, thoát ly sanh tử, siêu phàm nhập thánh. Đấy gọi là hoàn toàn cậy vào tự lực, không nương cậy vào chi khác. Nếu Hoặc nghiệp còn đôi chút chưa tận thì vẫn phải luân hồi y như cũ! Vả nữa, những pháp ấy lý đều rất sâu, chẳng dễ tu tập. Nếu chẳng phải trước đã có linh căn thì thật khó lòng chứng nhập được ngay trong đời này! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ bất luận phú quý, bần tiện, già, trẻ, nam, nữ, ngu, trí, Tăng, tục, sĩ, nông, công, thương, hết thảy mọi người đều có thể tu tập do vì A Di Đà Phật đại từ bi nguyện lực nhiếp thủ chúng sanh khổ não trong Sa Bà. Do vậy, so với các môn khác, pháp này dễ đắc quả hơn.

Phàm bọn hữu tình chúng ta được nghe pháp môn Tịnh Độ này, phải tin Sa Bà rất khổ, Tây Phương cực vui. Phải tin từ nhiều đời đến nay nghiệp chướng sâu nặng, nếu không cậy vào Phật lực, thật khó thể thoát lìa. Phải tin cầu sanh quyết định có ngày được sanh. Phải tin niệm Phật nhất định được Phật từ bi

nhiếp thọ. Do vậy, kiên định nhất tâm, nguyện lìa Sa Bà như tù nhân muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến. Nguyện sanh Tây Phương như người lữ khách nghĩ mong về cố hương, nào có ý niệm chần chừ! Từ đây, tùy phận, tùy lực, chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật. Bất luận nói năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo, ăn cơm, đều chú ý giữ sao cho Phật chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa Phật. Ví như có chuyện quan trọng canh cánh bên lòng, dù làm trăm việc vẫn không quên chuyện ấy. Nếu có chuyện công việc tư trọn chẳng rảnh rỗi chút nào, thì sáng tối nên tu Thập Niệm Niệm Phật, chí tâm phát nguyện thì cũng được vãng sanh. Do A Di Đà Phật từng có nguyện rằng: *"Mười phương chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về cõi ta, dẫu chỉ mười niệm mà chẳng được sanh thì ta không lấy ngôi Chánh Giác"* . Do vậy, mười niệm Niệm Phật cũng được vãng sanh vậy!

Nhưng đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải phát tâm từ bi, hành phương tiện sự, dứt tham - sân - si, kiêng giết - trộm - dâm, tự lợi, lợi người thì mới hợp với ý Phật. Nếu không, tâm trái với Phật, cảm ứng đạo giao bị ngăn cách, chỉ thành gieo nhân cho mai sau, khó gặt được quả trong hiện tại. Nếu chí thành niệm Phật, hạnh hợp với tâm Phật, tâm và miệng tương ứng thì người niệm Phật như thế đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các vị thánh thảy đều rủ lòng tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương rồi thì siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Đây là hoàn toàn cậy vào Phật lực, bất luận công sâu hay cạn, có phiền não hay không, chỉ cốt sao có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha thì nhất định vạn người chẳng sót một ai. Còn như người đã đoạn Hoặc cầu sanh thì mau vượt lên Thập Địa. Nếu đã Đăng Địa mà cầu sanh thì mau chứng Phật thừa. Do vậy, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v… các vị Bồ Tát đều nguyện vãng sanh. Kẻ có đủ Thập Ác niệm Phật còn dự vào phẩm chót. Người sắp đọa địa ngục niệm Phật còn lên được Liên Bang. Do vậy, Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ, Hùng Tuấn, Duy Cung[201] v.v… là những kẻ ác đồng thoát luân hồi.

---

[201] Theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Hùng Tuấn, họ Châu, người Thành Đô, Tứ Xuyên, tuy thường khuyên người làm lành, nhưng chẳng có giới luật và đức hạnh, từng hoàn tục làm lính. Chẳng lâu sau, lại xuất gia làm Tăng, nhưng cũng biết hổ thẹn, sám hối. Thường ngày thường trì niệm danh hiệu Phật. Trong niên hiệu Đại Lịch thời Đường Đại Tông, đột nhiên chết đi, vào U Minh, bị Diêm Vương quở trách, sai tống vào địa ngục. Hùng Tuấn kêu to: "*Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói tạo trọng tội Ngũ Nghịch, chỉ cần lâm chung niệm Phật mười tiếng liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hùng Tuấn tôi tuy từng tạo ác, nhưng cũng chưa hề phạm trọng tội Ngũ Nghịch. Nếu chiếu theo công đức niệm Phật thường ngày của tôi, đáng lẽ phải vãng sanh Tịnh Độ mới phải. Nếu không, mười phương chư Phật đều thành đại vọng ngữ!"* Nói xong, chắp tay cung kính chuyên tâm niệm Phật hiệu, ngay lúc đó, đài sen bảy báu chợt xuất hiện, Hùng Tuấn bèn cỡi đài sen báu ấy bay về Tây.

Duy Cung là người Kinh Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc), thường có những ác nghiệp rượu chè, cờ bạc, nhưng nếu không làm chuyện ấy bèn thường tụng kinh, cầu nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Một ngày nọ, Duy Cung sanh bệnh, Linh Quy ra ngoài chùa chơi, thấy một bầy trẻ nhỏ cầm nhạc khí bèn hỏi chúng

Những người khác tu đủ cả Giới lẫn Thiện, Định - Huệ đều bình đẳng, sống trong trần nhưng chẳng nhiễm trần, ở trong cõi trược nhưng lòng luôn thanh tịnh, quyết chí cầu sanh Tây Phương, cao đăng thượng phẩm như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước đổ vào biển Đông, làm sao kể nổi số! Do vậy, ngàn kinh muôn luận chỗ nào cũng chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, bởi pháp này là đạo trọng yếu để Như Lai phổ độ chúng sanh, là diệu pháp để chúng sanh thoát khổ ngay trong một đời này.

3. Tông - Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận

(Bài luận về chuyện không nên lẫn lộn giữa Thiền và Giáo)

Do người giảng kinh thường thích bàn về Thiền nên làm luận này.

Như Lai nói kinh, chư Tổ tạo luận. Hai môn Tông và Giáo vốn là một pháp. Dẫu không thể tách rời, nhưng cũng không thể hợp lại! Tùy theo căn cơ mà được lợi ích, tùy theo từng lợi ích mà đặt tên. Thượng căn vừa nghe liền nhanh chóng liễu giải tự tâm, viên tu đạo phẩm, nên gọi là Tông (Đây là ước theo đời sau mà nói, chứ thoạt đầu chỉ gọi là giáo pháp Viên Đốn). Hàng trung hạ nghe đến, tấn tu đạo phẩm, dần dần ngộ được chân lý, nên gọi là Giáo.

Đến cuối thời Tượng Pháp, Phật pháp truyền sang cõi này (Trung Hoa), căn cơ con người thông minh, nhạy bén, đa số đắc Văn Trì nên chú trọng chuyện ghi nhớ, đọc tụng, giảng nói. Tăng chúng chú trọng đến chuyện bổn phận, hướng thượng, chứ người thật chứng, thật ngộ thì ít, kẻ nói chuyện ăn, đếm của báu thì nhiều. Do vậy, đại sư Đạt Ma đặc biệt sang đây, xiển dương pháp Trực Chỉ Nhân Tâm (chỉ thẳng vào cái tâm của con người) khiến cho con người tự thấy được bản lai diện mục. Đời sau gọi đó là Tông. Đã thấy được bản lai diện mục rồi, sau đó xem kinh, tu hành, mới biết giáo pháp của toàn bộ Đại Tạng đều là những lời nói trong nhà mình, Lục Độ vạn hạnh đều là chuyện trong nhà mình. Do vậy, sự ngộ giải của Tông môn là mắt, sự tu trì của Giáo là chân. Không mắt thì không cách gì thấy đường được; không chân không thể về đến nhà. Như vậy, Tông - Giáo cần nhau, chứ không hề trái nghịch, hợp cùng nhau chứ chẳng tách lìa. Xét đến chỗ chỉ quy rốt ráo của các vị Nam Nhạc, Thiên Thai thì đại lược đều giống nhau. Do vậy, hai bộ sách Truyền Đăng Lục và Chỉ

đi đâu. Chúng đáp đến chuẩn bị tiếp dẫn Duy Cung Thượng Nhân về Tây. Trong đám đó, có một người cầm một đóa sen, búp sen còn chưa nở to như nắm tay. Cánh sen phóng quang minh. Ngày hôm sau, Linh Quy về chùa thấy Duy Cung đã vãng sanh; nhân đó, Linh Quy cảm kích, giác ngộ, từ đấy cải ác tu thiện, sau cũng được tiếng là người đức hạnh.

Nguyệt Lục[202] đều xếp hai vị này vào bậc Thánh Hiền ứng hóa, Cao Tăng Truyện không kể tên hai vị trong những vị nghĩa giải[203] mà xếp vào tiểu loại tu Thiền. Đấy là những vị tri thức đầy đủ con mắt thời xưa, cho Tông và Giáo là nhất quán.

Từ ngài Tào Khê (Lục Tổ Huệ Năng) trở về sau, Thiền Đạo thạnh hành, loại văn tự *"chẳng lập văn tự"* truyền khắp hoàn vũ. Đường giải ngày càng mở rộng, cửa ngộ[204] ngày càng lấp. Vì thế, các vị tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên đều dùng cơ ngữ để tiếp độ người, khiến cho Phật - Tổ đều thành ngữ ngôn, không cách nào trả lời câu hỏi được. Nếu không thật sự liễu ngộ thích đáng sẽ không thể suy lường được lời Tổ. Dùng điều đó để khám nghiệm hòng phân biệt vàng - thau, tách rời ngọc - đá vĩnh viễn, không thể giả dối để làm hại pháp đạo được! Đấy là duyên do của cơ phong chuyển ngữ!

Từ đấy về sau, pháp này ngày càng thịnh. Tri thức nêu bày, chỉ sợ lạc vào lối cũ của người khác thành ra sáo rỗng, gây nghi ngờ, lầm lạc cho người học khiến Tông phong bị bỏ phế, rối bời; vì vậy, cơ phong được dùng ngày càng cao chót vót, không cách chi chuyển biến được, khiến cho người ta không cách nào dò dẫm, nắm níu được! Do vậy, mới có kẻ quở Phật mắng Tổ, bài xích kinh giáo, phế bỏ Tịnh Độ (hai câu của Nam Nhạc Huệ Tư đại sư đã nói trọn tác dụng như vậy: *"Siêu quần xuất chúng thái hư huyền, chỉ vật truyền tâm nhân bất hội"* (Tạm dịch: Siêu quần xuất chúng huyền diệu như hư không. Chỉ vật để truyền thọ tâm pháp, con người không hiểu thấu được). Nếu hiểu đó là thật pháp thì tội giống như Ngũ Nghịch!) Dùng ngôn ngữ này để tước đoạt tình kiến của con người, lấp mất lối hiểu của họ. Người căn cơ chín muồi sẽ ngay lúc đó biết đường về, triệt ngộ nẻo hướng thượng. Người căn cơ còn sống sít sẽ thật sự tận lực tham cứu đến khi nào đại triệt đại ngộ mới thôi!

Ấy là do hàng tri thức còn đông, căn cơ người vẫn còn bén nhạy, giáo lý minh bạch, tâm sanh tử thiết tha. Dù chưa thể liễu ngộ ngay khi đó, quyết chẳng chịu sanh tâm kém hèn cho đó là thật pháp. Người đời nay đa phần ít đọc sách Nho, chẳng hiểu lẽ đời, chưa cùng tột giáo thừa, chẳng hiểu Phật pháp. Vừa mới phát tâm bèn vào ngay Tông môn. Còn hàng tri thức chỉ nhằm duy trì môn đình, cũng học đòi cổ nhân chỉ bày, xiển dương, chẳng đoái hoài chuyện lợi - hại cho pháp đạo. Người học chẳng hạ nghi tình chân thật, ai nấy cho đó là thật pháp. Hoặc có những điều người đời nay nêu lên đều là những đạo lý do họ

---

[202] Chỉ Nguyệt Lục: tác phẩm của Cù Nhữ Tắc soạn vào đời Minh, gồm 32 quyển, còn gọi là Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục. Nội dung chép về quá khứ thất Phật và hành trạng, pháp ngữ của tổ sư Tây Thiên, Đông Độ gồm sáu trăm năm mươi vị từ Sơ Tổ Ca Diếp cho đến ngài Đại Huệ Tông Cảo.

[203] Nghĩa giải: Hiểu rõ ý nghĩa; còn có nghĩa là phân tách chữ nghĩa để giải thích nghĩa lý. Trong Thiền Lâm thường dùng chữ "nghĩa giải thiền hòa tử" để chỉ kẻ chỉ hiểu nghĩa lý theo mặt văn tự bên ngoài, chẳng biết đường lối tu hành, không có thật hạnh.

[204] Đường giải, cửa ngộ: Tạm dịch hai chữ "giải lộ" và "ngộ môn". Giải lộ ý nói chỉ hiểu biết trên văn tự chứ không chứng ngộ, còn ngộ môn là thật sự chứng nhập.

tự ý suy lường, phỏng đoán những chuyện trong sách của cổ nhân xưa, nói chung không ngoài chuyện dựa theo văn tự để giải thích ý nghĩa, lại tự cho là mình triệt ngộ hướng thượng, đã tham học xong xuôi, tự dự vào địa vị tri thức để mở mang, chỉ dạy cho hàng hậu học!

Kẻ nắm giữ một môn đình, chỉ sợ người khác bảo mình không phải là bậc thông gia; do đó, cùng hoằng dương cả Thiền lẫn Giảng, muốn được gọi là bậc *"Tông thuyết đều thông"*. Bàn đến Tông thì những gì họ giảng về những lời chỉ quy hướng thượng của cổ đức toàn là giải thích ý nghĩa dựa theo văn tự. Giảng về Giáo thì đạo tu nhân chứng quả của Như Lai bị họ biến thành thuyết "*dùng pháp để tượng trưng, nhằm thuyết minh ý nghĩa"*. Dùng Giáo phá Tông, dùng Tông phá Giáo, người mù dẫn lũ đui, kéo nhau vào lửa! Đến nỗi về sau chẳng được nghe khuôn mẫu hay đẹp của cổ nhân, uổng công học đòi khinh Phật khinh Tổ, bài bác nhân quả mà thôi, trọn chẳng hiểu được lời lẽ của cổ nhân. Bổn phận của Tăng chúng há còn mộng thấy! Nay tôi sẽ đem lời lẽ, bản ý của Tông và Giáo phân biệt đại lược, ngõ hầu ai nấy chỉ được lợi ích, chẳng bị bệnh vậy!

Tông là gì? Giáo là gì? Về mặt diễn nói thì Tông và Giáo đều là Giáo, về mặt khế ngộ thì Tông và Giáo đều là Tông. Giáo cố nhiên có Tông, mà Tông cũng có Giáo. Tông của bên Giáo chính là diệu lý Thật Tướng, tam đức bí tạng; đấy chính là bổn phận hướng thượng của tăng chúng bên Tông vậy (Đây là đối với Tông mà nói, nên gọi Thể là Tông. Nếu luận theo Giáo thì gọi là Thể. Tông trong Giáo chính là cửa ngõ để nhập Thể, không giống như chỗ chú trọng hướng thượng của bên Tông).

Giáo của bên Giáo chính là văn tự, lời lẽ trong kinh luận và hành tướng của pháp môn, không gì đều chẳng nhằm diễn tả diệu lý, đều quy về bí tạng; cũng giống như những tác dụng của cơ phong chuyển ngữ bên Tông. Nhưng Giáo thì chưa ngộ vẫn làm cho hiểu được, còn Tông nếu chưa ngộ sẽ không biết. Đấy gọi là chỗ khác nhau [giữa Tông và Giáo].

Giáo của bên Tông chính là cơ phong chuyển ngữ, giơ nắm tay, dựng đứng phất trần, hoặc nói, hoặc im lặng, mọi thứ tác dụng đều thuận theo căn cơ của người đến tham vấn để chỉ quy hướng thượng. Những câu chuyển ngữ ấy nhằm để nêu bày lẽ hướng thượng, là ngón tay chỉ mặt trăng thật sự, chứ không phải những câu chuyển ngữ đó chính là lẽ hướng thượng hay mặt trăng thật sự. Nếu có thể nương theo ngón tay nhìn vào mặt trăng thì ngay khi đó sẽ tự thấy được vầng trăng thật sự. Vầng trăng thật sự được thấy ấy mới chính là Tông của Tông gia. Người đời nay lấy cơ phong chuyển ngữ làm Tông, chẳng cầu khế ngộ, chỉ cho rằng học theo đó sẽ hiểu thấu, tức là coi ngón tay chính là mặt trăng, không còn biết đến vầng trăng thật sự! Tiếc thay!

Vả nữa, Giáo thích hợp khắp ba căn, lợi - độn cùng thâu; ví như tờ chiếu sáng suốt của bậc vua thánh, muôn nước đều khâm phục, tôn sùng. Dù trí hay ngu, dù hiền hay tệ đều hiểu được, đều phải tuân hành; kẻ nào không tuân sẽ bị xử cực hình. Kẻ nào không tuân lời Phật dạy sẽ đọa trong ác đạo. Tông chỉ độ riêng bậc thượng căn, chẳng thâu nhiếp trung hạ. Ví như mật lệnh của vị tướng quân, kẻ trong doanh mới biết, người ngoài doanh dẫu cho thông minh cũng không thể hiểu được! Do vậy, toàn quân mới diệt được giặc, thiên hạ thái bình. Quân lịnh hễ bị tiết lộ thì ba quân sẽ tan vỡ; Tổ ấn bị tiết lộ, năm tông chết sạch. Trước khi ngộ, chỉ cho phép tham cứu thoại đầu, chẳng cho phép đọc sách Thiền thật ra là vì sợ hiểu lầm ý Tổ, coi mê là ngộ, đem giả loạn chân, đấy gọi là "tiết lộ", cái hại rất lớn! Sau khi đại ngộ, ắt phải rộng xem ngữ lục của chư Tổ hòng quyết trạch kiến địa của mình, hòng mở mang Sai Biệt Trí, để hiểu thấu chỗ cấm kỵ của thuốc. Lại còn phải trải qua nhiều duyên rèn luyện, khiến cho hạnh giải tương ứng mới thành bậc xuất thế, hoằng dương, xiển phát Tông phong.

Người đời nay chẳng dạy người tận lực tham cứu, cứ vì người diễn giảng, khiến cho đường hiểu mở rộng, khởi ý suy đoán, dùng ý kiến của mình để hiểu ý Tổ, dường như gần giống, suy tưởng nghĩa lý. Hoàn toàn sai lầm, nhưng cứ cho là đúng. Nói không sai cho lắm thì chỉ toàn là rồng bằng đất nặn, bánh vẽ, há có thể phun mưa, đỡ đói được chăng? Do vậy, nhà Thiền phải thật sự tham cứu mới có lợi ích thật sự! Người chưa mở mắt, nghe những lời giảng nói đó, mừng rỡ lộ ra ngoài. Còn người có đầy đủ con mắt ắt sẽ đau thấu xương tủy. Hoằng dương Tông kiểu đó chỉ có tổn hại lớn, chẳng có mảy may lợi ích thật sự gì! Khác nào đem quân lịnh bảo khắp quân địch, mời mọc chúng nó đánh nhau với mình mà không tự diệt vong thì hiếm lắm! Do vậy, kẻ giả vờ ngộ đạo không biết là bao nhiêu! Kẻ hoại loạn Phật pháp thật là đông đảo!

Thêm nữa, Giáo thì do văn tự hiển lộ ý nghĩa, y nghĩa tu Quán. Quán thành tựu sẽ chứng Lý, khiến cho con người do hiểu rồi bèn nhập. Vì vậy, ngài Thiên Thai dùng Tam Chỉ, Tam Quán[205] để truyền Phật tâm ấn. Còn Tông thì lìa văn tự để hiển ý, hễ lãnh hội được ý thì minh tâm, minh tâm rồi bèn khởi hạnh, dạy

---

[205] Tam Chỉ: Chỉ là ngưng dứt. Tam Chỉ là ba thứ Chỉ Hạnh được lập đối ứng ba phép quán Không, Giả, Trung, gồm:

a. Chân Thể Chỉ: đối ứng với Không Quán. Thấu hiểu cái vọng vô minh điên đảo chính là cái chân nơi Thật Tướng, nên gọi là Chân Thể Chỉ. Do thấu triệt các pháp nhân duyên hòa hợp, không có tự tánh nên có thể dứt hết thảy những phan duyên vọng tưởng, chứng nhập lý Không. Đạt đến cảnh giới này sẽ phát định, mở huệ nhãn, thấy được Đệ Nhất Nghĩa, thành tựu Chân Đế tam-muội.

b. Phương Tiện Tùy Duyên Chỉ: Đối ứng với Giả Quán. Bồ Tát tùy duyên trải qua mọi cảnh, ở trong Tục Đế nhưng tâm bất động, chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển. Người đạt cảnh giới này sẽ mở Pháp Nhãn, thành tựu Tục Đế tam-muội.

c. Tức Nhị Biên Phân Biệt Chỉ, còn gọi là Chế Tâm Chỉ: Đối ứng với Trung Quán. Không còn phân biệt hai bên sanh tử, Niết Bàn, tướng có, tướng không. Nếu đạt cảnh giới này sẽ phát Trung Đạo định, mở Phật Nhãn, thành tựu Trung Đạo tam-muội.

hành nhân do tham cứu mà chứng đắc. Do vậy, Thiền Tông lấy *"trực chỉ nhân tâm"* để truyền Phật tâm ấn.

Vả nữa, nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật, sự - lý, hành - tướng được nói trong kinh giáo vằng vặc phân minh. Nếu tu được nhân thì tự nhiên sẽ chứng quả, siêu phàm nhập thánh, tức là chúng sanh thành được Phật đạo! Đã đạt được sự này thì chẳng dính dáng đến lý nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật, há còn mong cầu bên ngoài nữa ư? Những gì nhà Thiền nói đều quy về bổn phận, chẳng dính dáng đến "nhân - quả, tu - chứng, chúng sanh - Phật" (Đây là Lý Tức Phật). Nếu hiểu được ý này (Đây gọi là Danh Tự và Quán Hạnh Sơ Tâm), quyết định y theo cái lý "chẳng dính dáng nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật" để khởi sự tu nhân chứng quả, siêu phàm nhập thánh thì đó chính là Sự để chúng sanh thành Phật đạo vậy (Đây là từ Quán Hạnh cho đến Cứu Cánh).

Do vậy, cổ đức sau khi đại ngộ có những vị ba lần bảy lượt xem Đại Tạng Kinh (Phần Châu Vô Nghiệp ba lượt đọc hết Đại Tạng. Ngài Tri Vi ở chùa A Dục Vương, là môn nhân của ngài Đại Huệ Tông Cảo, giam mình trên tháp viện hơn mười năm, bảy lượt đọc hết Đại Tạng. Xem trong sách Dục Vương Sơn Chí). Có người cho ngồi đọc là không cung kính, bèn quỳ đọc, đi thì đội lên đầu, đứng tụng (ngài Thê Hiền Đề ba lần đọc hết Đại Tạng đều như thế). Có vị suốt đời hằng ngày trì một bộ kinh Pháp Hoa (như các vị Vĩnh Minh Diên Thọ, Thủ Sơn Niệm). Có vị xem kinh chỉ sợ bị làm phiền, bèn dán thiếp ở cửa phương trượng, ghi: *"Lúc xem kinh chẳng được hỏi han"* (ngài Ngưỡng Sơn Tịch). Có vị trì thánh hiệu Quán Âm (ngài Minh Giáo Tung, mỗi ngày trì mười vạn thánh hiệu Quán Âm. Kinh sách thế gian, xuất thế gian không đọc nhưng đều biết. Lại còn có ngài Hoa Lâm Giác thường niệm Quán Âm, cảm được hai con hổ thường theo hầu). Có vị trì chú Chuẩn Đề (như Kim Hoa Câu Chi hòa thượng). Có vị mỗi ngày làm 108 Phật sự (Vĩnh Minh Diên Thọ, tụng một bộ Pháp Hoa cũng thuộc trong 108 việc ấy). Có vị đối trước tượng đứng không dám ngồi, đối trước tượng ngồi không dám nằm (ngài Đại Thông Bổn. Hễ thấy những vật thực mang tên thịt cá, Ngài không ăn). Có vị một ngày không làm sẽ không ăn suốt ngày đó (ngài Bách Trượng Hoài Hải). Còn những vị niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì nhiều không biết bao nhiêu mà kể!

Ấy là vì ngài Bách Trượng là đích tử truyền đạo của Mã Tổ, Ngài có lời khai thị rằng: *"Tu hành dùng niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng"*. Ngài còn lập ra Thanh Quy, phàm kỳ đảo cho vị Tăng bị bệnh, hóa tống Tăng đã mất, đều quy về Tịnh Độ. Do vậy, chư sư trong năm tông[206] đều chăm chú ngầm tu. Có lắm vị nhiều năm tận tụy làm những việc khó khăn (như ngài Quy Sơn làm Điển

[206] Năm Tông của nhà Thiền, tức Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.

Tọa[207], ngài Tuyết Phong làm phạn đầu). Không vị nào chẳng nhằm viên mãn Lục Độ, tự lợi, lợi tha, đều trọng Pháp này như của báu, coi thường cái thân như bụi bặm, trọn chẳng hề như người đời nay khinh mạn cổ kim, khinh nhờn kinh luận! Do vậy, biết Tông là đội xung kích, Giáo là quân mạnh mẽ theo sau. Những việc họ tu là một sự, những gì họ nói là một pháp, nhưng do lập bày ngôn ngữ, kiến lập môn đình bất đồng! Kẻ ngoài cửa chẳng biết duyên do "tuy đồng nhưng không thể hợp, tuy khác nhưng chẳng thể tách lìa", lầm lạc dựa theo ý mình, cưỡng làm chủ tể, nếu không báng bổ lẫn nhau thì cũng xen lộn.

Cái lỗi báng bổ lẫn nhau may ra kẻ ngu còn biết, chứ cái tội xen lộn thì người trí vẫn khó lòng hiểu được. Ấy là trở về nguồn thì không hai, nhưng phương tiện lắm cửa. Phương tiện của nhà Thiền vô cùng khác biệt, tợ hồ quét sạch tất cả ngôn ngữ. Kẻ không hiểu được ý, chẳng lãnh hội ý chỉ "lìa ngôn ngữ" chỉ nhai bã hèm: Nơi Tông môn bèn mở ra đường hiểu, chẳng chịu tận lực tham cứu; nơi Giáo bèn lầm học viên dung, phá hoại sự tướng. Chỉ có bậc đại đạt mới được lợi ích ở cả hai bên. Nếu không, đề-hồ, cam lộ chứa trong đồ đựng dính thuốc độc bèn biến thành phê sương, trầm độc.

Giáo tuy thường minh thị *"vạn pháp duy tâm",* nhưng cần phải dựa trên Sự để luận Sự. Sự - Lý, nhân - quả, chẳng được lẫn lộn mảy may. Vốn đã có đầu thì phải có cuối, chẳng ra ngoài duy tâm. Nhà Thiền thương lượng đích thực cũng giống như thế. Nếu chỉ nêu bày hướng thượng, thì dù có chỉ muôn pháp muôn sự trọn khắp thế gian để hỏi nhưng lúc đáp luôn quy về bổn phận, trọn chẳng đem Sự luận Sự. Đó gọi là *"hỏi ngay nơi đáp, đáp ngay tại chỗ hỏi*".

Dù tợ hồ dùng Sự để nói, nhưng ý nhằm đến chỗ khác chứ không phải ở tại đây. Nếu hiểu ngay nơi sự đó sẽ thành mây trắng ngàn dặm! Những thương lượng đích thực sách Thiền không chép, chỉ ghi chép những lời thuộc về bổn phận. Nếu muốn biết phải coi khắp mọi sách. Nếu không thì hãy xem bộ Vạn Thiện Đồng Quy Tập và những trước thuật của bậc Thiền Tượng trong Tịnh Độ Thập Yếu, cũng có thể thấy được đại khái.

Bàn rạch ròi Phật pháp về mặt đại thể, thì chẳng ngoài Chân - Tục nhị đế. Chân Đế thì một pháp chẳng lập, đó gọi là *"Thật Tế Lý Địa chẳng nhiễm mảy trần"*. Tục Đế thì không pháp nào chẳng đủ, đó gọi là *"trong cửa Phật sự, chẳng bỏ pháp nào!"* Giáo thì Chân - Tục cùng xiển dương, nhưng đa phần luận về Tục. Tông thì ngay từ Tục bèn nói Chân, nhưng quét sạch Tục tướng. Phải biết: Chân và Tục đồng thể, không phải là hai vật. Ví như gương báu tròn

[207] Điển Tọa: là chức phụ trách việc quản trị cơm nước cho đại chúng trong Thiền lâm, đảm bảo mọi thứ cúng dường phải tinh khiết, vật liệu sử dụng thích đáng, tiết kiệm. Tuy là chức quản lý tạp dịch ẩm thực, nhưng từ xưa chức này rất được coi trọng, thường cử vị tăng chí hạnh cao khiết giữ chức này. Chức vụ này rất vất vả, nhưng đối với bậc cao tăng thì lại là một phương tiện thù thắng để tu hành.

lớn, trống rỗng, sáng ngời, thông suốt, trọn không có một vật gì. Tuy trọn chẳng có vật gì nhưng lại có thể "người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán". Sâm la vạn tượng thảy đều hiện. Dẫu cho mọi tướng cùng hiện, nhưng vẫn trọn không có một vật nào. Dẫu không có một vật nào, nhưng chẳng ngại gì mọi tướng cùng hiện!

Đối với chỗ "mọi tướng cùng hiện", nhà Thiền chuyên nói "trọn không có một vật"; còn Giáo đối với chỗ "trọn không có một vật" lại nói cặn kẽ "mọi tướng đều hiện". Ấy là đối với Sự Tu, Tông bèn chỉ rõ Lý Tánh; chứ không vứt bỏ Sự Tu. Còn Giáo thì bèn luận Sự Tu nơi Lý Tánh, nhưng vẫn quy về Lý Tánh. Đấy gọi là *"xứng tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng được, Tông - Giáo bất nhị"* vậy! Tuy trung căn, hạ căn được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu không phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt vì phải học biết rộng rãi. Tuy trung hạ căn khó thể gởi lòng nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt; do đó phải ước theo căn cơ vậy!

Giáo thì thế gian pháp, Phật pháp, sự - lý, tánh - tướng đều phải thông đạt, lại phải đại khai viên giải (tức là *"đại triệt đại ngộ"* trong nhà Thiền) thì mới có thể làm đạo sư cho trời người. Tông phải tham sao cho thấu suốt một câu thoại đầu, đích thân thấy được bản lai mới hòng xiển dương tông phong Trực Chỉ. Lúc Phật pháp đại hưng thịnh và nếu là bậc thông đạt Phật pháp thì nên y theo Tông để tham cứu. Ví như ông Tăng Dao[208] vẽ rồng, vừa chấm mắt, rồng bèn bay lên ngay lập tức. Lúc Phật pháp suy nhược, và nếu là kẻ túc căn hèn kém, hãy nên y theo Giáo tu trì. Ví như thợ vụng làm đồ vật, bỏ dây mực sẽ hoàn toàn không làm được gì.

Giáo phần nhiều nói rõ (hiển thuyết), còn Tông hay nói kín (mật thuyết). Chuyện rõ ràng trong nhà Thiền là như Tổ Đạt Ma nói: *"Tịnh trí diệu viên, thể tự không tịch"* hay Mã Tổ nói*: "Tâm chính là Phật",* ngài Bách Trượng nói: *"Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần; thể lộ chân thường, chẳng câu nệ văn tự, tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm thì chính là Như Như Phật".* Những câu này chẳng khác các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm… mảy may nào! Nói chung, trước thời Lục Tổ đa phần là hiển thuyết, kể từ Lục Tổ trở đi đa phần là mật thuyết.

Kẻ ngu chẳng biết căn cội giống nhau – khác nhau giữa ngôn ngữ của Tông và Giáo, thường thấy khi Thiền sư nêu câu hỏi, những vị thuộc bên Giáo không

[208] Trương Tăng Dao (502-549) là một danh họa đời nhà Lương thời Nam Bắc Triều, cùng với Cố Khải Vi, Lục Thám Vi và Ngô Đạo Tử (thuộc đời Đường) được xưng tụng là Họa Gia Tứ Tổ (bốn ông tổ của hội họa). Tăng Dao sở trường tài vẽ diện mạo nhân vật. Lương Võ Đế từng sai ông vẽ hình các hoàng tử phải đi trấn nhậm nơi xa cho đỡ nhớ. Ông vẽ tài tình đến nỗi hoàng đế phải khen ngợi nhìn hình giống như thấy người thật. Ông chịu nhiều ảnh hưởng của hội họa Ấn Độ, là người đi tiên phong trong cách vẽ thể hiện không gian ba chiều.

thể đáp được, bèn đề cao Thiền Tông, miệt thị kinh sách bên Giáo, xem kinh Phật như giấy cũ, coi lời Tổ trọng hơn luân âm (luân âm tức là thánh chỉ). Nay muốn báo ơn Phật, lợi lạc hữu tình thì bên Thiền dù chuyên xiển dương Tông phong, vẫn phải dùng đến Giáo để ấn chứng, bên Giáo thì tận lực tu quán hạnh, chẳng xen lạm lời Thiền. Ấy là vì tâm thông diệu đế, gặp duyên bèn chính là Tông. Nếu *"cây bách, que phẩn khô, quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, hoa rơi, khạc nhổ, vung tay, cười chê, giận chửi",* pháp gì, chuyện gì cũng đều là Tông, thì lẽ đâu diệu pháp viên đốn do chính kim khẩu Như Lai nói ra lại chẳng đáng coi là Tông ư?

Cần gì phải vay mượn cái then chống cửa nhà người ta để chống đỡ môn đình của mình, còn những cây tiện, cây nam[209] đẹp đẽ nhà mình sẵn có lại bỏ đi không dùng? Phải biết: Pháp không thù thắng hay kém hèn, chỉ là một đạo thường nhiên. Căn cơ có sống - chín, nên tuy chỉ là một pháp mà thành ra hết sức sai khác đó thôi. Nếu vậy, cái thuyết *"giáo ngoại biệt truyền"* (truyền riêng ngoài giáo) chẳng đúng hay sao? Thưa: Nói *"giáo ngoại biệt truyền"* nhằm để cho con người thấy được mặt trăng ở ngoài ngón tay. Vả lại cách đề trì[210] trong nhà Thiền vượt ra ngoài cách thức thông thường, nên gọi là *"giáo ngoại biệt truyền"*. Nhưng bốn chữ *"giáo ngoại biệt truyền"* khiến bao hào kiệt mai một, nay nói toạc ra. Đối với Giáo mà nói thì là *"giáo ngoại biệt truyền"*, chứ cơ phong, chuyển ngữ v.v… cũng vẫn là Giáo. Đối với Tông mà nói thì [Giáo chính là] *"cơ phong chuyển ngữ ngoại biệt truyền",* mới khỏi cô phụ ơn Phật, uổng công gây tạo khẩu nghiệp.

Nếu thật sự những lời Phật dạy chẳng thể truyền được Phật tâm ấn, thì những vị Ca Diếp, A Nan, Mã Minh, Long Thọ đã được biệt truyền, đương nhiên sẽ truyền riêng cái pháp biệt truyền ấy, cần gì phải kết tập Tam Tạng, chú giải kinh, tạo luận để làm chi nữa? Tông phải dùng Giáo để ấn chứng cũng giống như gỗ phải cưa theo vạch dây mực mới ngay được! Tôi thường khuyên một vị cuồng Tăng niệm Phật, ông ta nói: "Lỗ mũi của nạp tăng[211] tam thế chư Phật còn chẳng mò trúng được, niệm Phật để làm gì?" Tôi nói: "Nếu quả thật mò trúng được cái mũi mà tam thế chư Phật chẳng mò trúng được thì vẫn phải thường dẫm theo vết chân của tam thế chư Phật mà đi. Nếu chẳng dẫm theo vết của tam thế chư Phật mà đi thì không phải là mò trúng lỗ mũi của nạp tăng mà là mò đúng lỗ lửa trên giường sắt, cột đồng trong A Tỳ địa ngục!" Tổ Đạt Ma

[209] Nam là tên một loại gỗ quý (Phoebe Zhennan), gần giống gỗ chò bên ta. Tiện là một loại danh mộc chỉ được nhắc đến trong cổ thư, thường gọi là Hoàng Tiện, rất cứng.

[210] Đề trì: phương pháp của vị thầy trong nhà Thiền dùng để hướng dẫn học trò, tức là nhằm tiếp độ hàng hậu học, thầy bèn dùng những cử chỉ, hành vi, lời nói để phá sạch những kiến giải, Ngã Kiến sẵn có của trò, chỉ cho đường nẻo hướng thượng.

[211] Áo ca-sa của Tăng gồm những mảnh vải khâu dính lại, nên gọi là "nạp y" (áo chằm), do đó, tăng nhân thường xưng là nạp tử, nạp tăng hay lão nạp.

nói: *"Hơn hai trăm năm sau, người hiểu đạo thì nhiều, người hành đạo thì ít; người nói lý thì nhiều, người thông lý thì ít"*. Ngài Trí Giả thị hiện chứng địa vị Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thiết Luân. Do vậy, biết rằng người đời nay đối với hai môn Tông và Giáo, mở mắt còn khó, huống gì thật chứng?

Có những ai từ bi, nguyện sâu nặng, tâm sanh tử khẩn thiết, hãy nên noi theo các ngài Huệ Viễn, Trí Giả, Vĩnh Minh, Liên Trì, chuyên dốc sức nơi một môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Viết đến đây, có người bên cạnh chẳng cam lòng, quở rằng: "Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, diệu tánh viên minh, lìa các danh tướng, sao ông lại đôi co, chia ranh vạch giới vậy?" Tôi đáp: "Diệu tánh tuy lìa danh tướng, nhưng danh tướng nào trở ngại diệu tánh. Hư không, pháp giới tuy không có ranh giới, nhưng ranh giới nào trở ngại hư không, pháp giới! Tôi muốn bỏ Đông về Tây nên phải biện định Nam - Bắc, ngõ hầu chẳng mê phương hướng, có nơi tá túc. Lại sợ mình thấy sai lầm, muốn thỉnh giáo bậc thông đạt. Đây chính là lộ trình của kẻ thọt chân, chứ không phải là "dư bản" của Luân Vương đi!" ("Dư bản" là bản địa đồ).

Nếu là bậc Khai Sĩ hiểu thấu suốt phương hướng, là bậc đại nhân đại lượng thì pháp thế gian đều là Phật pháp, không nghiệp đạo nào chẳng phải là Phật đạo, ý Tổ, giáo lý, kinh Phật, sách Thiền vốn tự dung thông, há nào xen lộn? Tận hết cái trí của tôi chẳng thể suy lường được cảnh giới ấy. Dốc cạn sức tôi, chẳng thể trộm bén mảng ngoài rào! Lời luận hèn tệ của tôi chỉ để dành cho những người căn cơ kém tệ như tôi vậy. Sao ông lại đem chuyện bay lượn của Ca Lâu La[212] vương để quở trách loài ruồi nhặng muỗi mòng, muốn coi đều ngang như nhau vậy!

4. Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bổn Luận

(Luận về Phật giáo lấy Hiếu làm gốc)

Hiếu là đạo không gì lớn hơn được nữa; bao trùm trời đất, uốn nắn thánh, đào tạo hiền, tiên vương tu đạo hiếu nên thành tựu đức tột cùng, Như Lai nương

[212] Ca Lâu La (Garuda), đôi khi còn phiên là Ca Lưu La., Già Lâu La, Yết Lộ Trà, dịch nghĩa là Thực Thổ Bi Khổ Thanh (ăn vào, phát ra tiếng buồn bã đau khổ), hoặc dịch là Kim Xí Điểu (chim cánh vàng), hoặc Diệu Thúy Điểu. Đây là một loại giống như chim đại bàng cực to, thần thoại Ấn Độ thường kể thần Tỳ Thấp Nô (Vishnu) hay cưỡi chim này. Theo kinh Trường A Hàm, quyển 19, Ca Lâu La có bốn loại: Thấp sanh, thai sanh, noãn sanh, hóa sanh. Loài noãn sanh sẽ ăn loại rồng sanh ra từ trứng, loài thai sanh ăn loại rồng sanh ra bằng thai v.v… Kinh Quán Phật Tam Muội Hải, quyển 1, cho biết: Do nghiệp báo chim này bay khắp Diêm Phù Đề, trong một ngày đêm phải ăn một long vương và năm trăm rồng nhỏ. Sải cánh của loài chim này rất lớn có thể quạt mạnh đến tách đôi nước biển cả. Các chùa Miên, Lào, Thái, Miến thường tạc Garuda với hình dạng đầu chim, hình người, có hai cánh to đứng nâng đỡ mái chùa (chữ Garuda bị biến thể theo âm Thái thành Krut). Garuda cũng được dùng làm biểu tượng cho hoàng gia Thái Lan.

theo đạo này chứng được đạo Giác. Vì thế, Hiếu kinh[213] đạo Nho có câu: *"Ôi! Hiếu là kinh của trời, là nghĩa của đất, là hạnh của dân vậy!"* Giới kinh nhà Phật dạy: *"Hiếu thuận phụ mẫu, sư Tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới, cũng gọi là ngăn dứt. Thế gian hay xuất thế gian không gì chẳng lấy Hiếu làm gốc"*. Hiềm rằng thế tục phàm tình chỉ biết hành đạo Hiếu nơi mặt hình tích rõ ràng, chẳng biết chỗ cùng cực tận hiếu. Hễ cứ thấy hàng Thích Tử xuất gia, liền dựa theo ngay ý kiến ức đoán của chính mình, mặc tình hủy báng: "Chẳng hiếu thuận phụ mẫu, chẳng khác gì phường đãng tử nghịch đồ!" Chẳng biết pháp thế gian trọng hiếu mà pháp xuất thế gian cũng không hề không trọng hiếu.

Bởi lẽ, Hiếu như thế gian nói thì có hình tích để tuân theo, còn đạo Hiếu của họ Thích thì giản lược nơi bề ngoài, mà chuyên chú dốc sức nơi cái gốc. Có hình tích để tuân theo thì rõ ràng dễ thấy, còn chuyên chú dụng sức nơi gốc thì kín đáo, khó thể tỏ rõ. Vì sao nói như vậy? Nho thì hầu hạ, phụng dưỡng cho cha mẹ yên thân, coi đó là Hiếu. Lập thân, hành đạo, dương danh hậu thế khiến cho cha mẹ nở mày nở mặt thì gọi là đại hiếu. Luận đến cùng cực thì phàm là Ngũ Thường[214], Bách Hạnh, không gì chẳng nhằm phát huy đạo Hiếu. Vì thế, thiên Tế Nghi của sách Lễ Ký có câu: *"Chặt một cái cây, giết một con thú chẳng đúng thời thì chẳng phải là hiếu"*. Vì thế mới nói: *"Đạo Hiếu Để thông thấu thần minh, sáng khắp bốn biển vậy"*. Luận về Hiếu đến mức như vậy, có thể nói là tột cùng, chí lý vậy, không còn thêm gì được nữa! Nhưng hiếu như vậy rõ ràng thuộc trong vòng tai mắt, con người ta dễ thấy.

Chỉ có hàng Thích Tử chúng ta lấy chuyện thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng. Không chỉ báo đáp cha mẹ nhiều đời mà còn báo đáp hết thảy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Không những hiếu kính cha mẹ khi còn sống mà còn độ thoát linh thức của cha mẹ, khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Vì vậy, mới nói: *"Đạo Hiếu của họ Thích ẩn kín, khó thể hiểu rõ vậy!"* Tuy vậy, đạo Hiếu của Nho lấy chuyện phụng dưỡng cha mẹ làm đầu, nếu đệ tử Phật từ biệt cha mẹ xuất gia thì có phải là chẳng đoái hoài công cha mẹ nuôi dưỡng hay chăng? Đức Phật chế định: Xuất gia phải bẩm cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu có thể nhờ cậy thì mới được bẩm thưa cùng cha mẹ, cha mẹ bằng lòng mới được xuất gia. Nếu không, chẳng cho xuống tóc. Có người xuất gia rồi, nếu anh em gặp chuyện,

---

[213] Hiếu Kinh có thuyết nói do chính Khổng Tử trước tác, có thuyết nói do Tăng Tử. Tổng Mục của Tứ Khố Toàn Thư ngả về thuyết cho rằng Hiếu Kinh do Tăng Tử hoặc một trong bảy mươi người học trò kiệt xuất của Khổng Tử biên soạn. Sách được hình thành vào thời Tần Hán. Đây là tác phẩm được chú giải mạnh mẽ nhất ngoài Tứ Thư. Bản Hiếu Kinh được lưu hành hiện thời do chính Đường Huyền Tông (Lý Long Cơ) chú giải. Toàn sách chia thành 18 chương, bàn luận xoay quanh chữ Hiếu. Sách này được xếp vào Thập Tam Kinh, tức 13 tác phẩm bắt buộc phải học của người theo đạo Nho.

[214] Ngũ Thường: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.

cha mẹ không nhờ cậy ai được, cũng được phép xẻ bớt cơm áo để giúp cho cha mẹ.

Do vậy, ngài Trường Lô còn nêu vết thơm phụng dưỡng mẹ (thiền sư Trường Lô Tông Trách đời Tống, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi. Bà mẹ ngài họ Trần nuôi nhờ con trong nhà người cậu. Đến lớn, Sư thông thạo bác lãm kinh điển thế tục. Năm hai mươi chín tuổi xuất gia, hiểu sâu xa tông yếu. Sau trụ tại chùa Trường Lô, đón mẹ về ở nơi thất phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bảy năm sau, mẹ niệm Phật qua đời. Chuyện này chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), ngài Đạo Phi có chuyện lạ "chôn cha" (ngài Đạo Phi là tông thất nhà Đường, người Trường An. Sanh ra mới vừa đầy năm, cha vì vương sự bỏ mình. Ngài xuất gia năm bảy tuổi. Đến năm mười chín, đời loạn gạo mắc, bèn cõng mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khất thực nuôi mẹ. Năm sau, ngài tìm đến chiến trường Hoắc Sơn, thâu thập xương trắng, kiền thành tụng kinh chú, mong tìm được xương cha. Vài ngày sau, xương cha từ giữa đống xương trồi lên, tiến thẳng đến trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn chôn vùi những bộ xương khác, mang xương cha đem về chôn cất. Chuyện này được chép trong Tống Cao Tăng Truyện). Vì thế kinh nói: *"Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường bậc Nhất Sanh Bổ Xứ Bồ Tát"*.

Cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ, khiến cho cha mẹ trì trai niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã khuất thì đem công đức tu trì đọc tụng của chính mình thường chí thành hồi hướng cho cha mẹ, khiến họ vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, từ biệt mãi mãi sáu nẻo, chứng Vô Sanh Nhẫn, đạt địa vị Bất Thoái. Đến tột cùng đời vị lai độ thoát chúng sanh khiến cho cả mình lẫn người đều thành giác đạo. Như vậy là chẳng giống với đại hiếu của thế gian. Luận đến cùng cực, toàn bộ Lục Độ vạn hạnh, không gì chẳng nhằm mở rộng đạo Hiếu. Do vậy, trong Phạm Võng Giới Kinh, nhất nhất đều dạy nên sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận. Lại nói: *"Nếu là đệ tử Phật hãy nên dùng tâm từ bi thực hiện chuyện phóng sanh vì hết thảy người nam đều là cha ta, hết thảy nữ nhân đều là mẹ ta. Đời đời không lúc nào ta chẳng được họ sanh ra. Do vậy, lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta. Giết chúng sanh ăn thịt chính là giết cha mẹ"*.

Do vậy, hết thảy những gì mình tu trì đều đem hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh chính là nghĩ đến tột cùng đời vị lai, hiếu với trọn khắp các hữu tình. Nếu đem đạo Hiếu thế gian ra so sánh thì về mặt hình tích cũng chẳng thiếu khuyết, mà về mặt gốc lại càng dư thừa! Tiếc cho những kẻ không thấy được lý này, nếu không bảo là nói dối, hoang đường thì cũng cho là mờ mịt! Nào biết theo chiều dọc thì suốt ba đời, theo chiều ngang thì trọn khắp mười phương, Phật nhãn thấy trọn vẹn như nhìn vào lòng bàn tay vậy!

5. Như Lai Tùy Cơ Lợi Sanh Thiển Cận Luận

(Lời bàn luận thiển cận về chuyện Như Lai tùy theo căn cơ lợi lạc chúng sanh)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này: *"Chúng sanh và Phật không hai, phàm và thánh hệt như nhau"*. Do mê - ngộ phân cách, đến nỗi thăng - trầm thật khác biệt! Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện thành Chánh Giác phổ độ chúng sanh, từ một vị Đề Hồ tùy cơ nghi nói ra sai khác. Vì hàng đại căn bèn nói đốn pháp, khiến cho họ mau chứng Phật đạo. Với hàng tiểu căn bèn trao truyền Tiệm Giáo, khiến họ dần dần thoát khỏi trần lao. Tùy thuận thế gian, khéo dẫn dụ lần lần; dạy giới thiện để vạch ra con đường trời - người bằng phẳng; nêu rõ nhân quả để tỏ bày khuôn mẫu tốt lành nhằm để tiến đến và né tránh. Nói *"giới thiện"* có nghĩa là trong Ngũ Giới, không giết là Nhân, không trộm là Nghĩa, không tà dâm là Lễ, không nói dối là là Tín, không uống rượu thì tâm thường trong, chí thường lặng, thần chẳng hôn mê nên lý hiện. Ấy chính là Trí. Trì trọn Ngũ Giới sẽ chẳng đọa Tam Đồ, luôn sanh trong Nhân đạo.

Về đại thể, những điều này giống với Ngũ Thường của Nho giáo, nhưng Nho chỉ dạy tận nghĩa, còn Phật giảng thêm về quả báo. Thập Thiện là không giết, không trộm, không tà dâm; đó là ba nghiệp nơi Thân. Không nói dối, không nói thêu dệt, không nói đôi chiều, không ác khẩu, đó gọi là bốn nghiệp của Miệng. Không tham, không sân, không si, gọi là ba nghiệp của Ý. Những điều này gần giống với Ngũ Giới, nhưng Ngũ Giới đa phần ước theo thân, còn Thập Thiện đa phần ước theo tâm. Thập Thiện trọn đủ nhất định sanh trong thiên giới. Còn như gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, đối với anh nói nhường, đối với em nói kính, đủ mọi luân lý răn dạy đều nhằm làm cho con người ai nấy tận hết bổn phận, không bị thiếu khuyết gì, tùy thuận tướng thế gian, tu pháp xuất thế. Lại còn rộng nói nhân quả báo ứng, chẳng sai sót hào ly, đọa địa ngục, sanh thiên, chỉ do con người tự chuốc lấy! Ấy chính là tâm Như Lai từ bi tột bậc muốn cho hết thảy chúng sanh vĩnh viễn thoát khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui! Vì thế, chẳng tiếc sức thị hiện tướng lưỡi rộng dài, vì các chúng sanh tận tình tuyên diễn.

Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Nếu muốn chẳng nhận lãnh quả khổ, ắt phải đoạn trước cái nhân ác! Nếu thường tu nhân lành, nhất định thường hưởng quả vui! Ý này chính là như kinh Thư nói: *"Làm thiện, giáng điều lành. Làm điều chẳng lành, tai ương giáng xuống"*, hoặc như kinh Dịch nói: *"Tích thiện ắt điều mừng vui có thừa, tích chứa điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa"*. Nhưng Nho chỉ ước trên đời này và con cháu mà luận, còn nhà Phật luận trọn tam thế quá khứ, hiện tại, vị lai vô tận; thế nhưng, phàm tình không thể suy lường nổi bèn coi là mịt mờ, chẳng chịu tin nhận. Như kẻ mù

không tuân theo người dẫn đường, tự đi vào đường hiểm; muốn chẳng sa hầm xảy hố há có được chăng?

Vì vậy, Phật pháp rộng độ khắp mọi căn cơ trong mười phương pháp giới. Nếu luận trên nhân đạo thì không một ai chẳng thể kham nhận Phật pháp, mà cũng không ai không thể lãnh nhận Phật pháp. Nếu như ai nấy tu trì giới thiện thì phong tục tốt đẹp, con người hòa thuận, nhà yên, nước ổn, phong tục hưng thịnh thuở Đường Ngu sẽ lại được thấy trong đời này nào còn khó chi! Do vậy, pháp khởi đầu từ Tây Càn (Ấn Độ), truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), vua quan các đời thảy đều sùng phụng. Do đạo này ngầm cải hóa nhân tâm, lại ngầm tán trợ trị đạo, khuất phục hung ác ngay khi chưa dấy, tiêu họa hoạn khi chưa chớm! Còn như xuất gia làm Tăng, chính là nhằm chuyên chí nơi Phật thừa và để gìn giữ pháp đạo mà đặt ra; đừng cho là "trong Phật pháp chỉ có Tăng mới có thể tu trì". Những lời nói nông cạn này chính là [luận trên phương diện] Như Lai tùy thuận thế gian, dần dần dạy cho pháp xuất thế Nhân Thiên Thừa. Còn như những thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát khác đều lấy những điều trên đây làm cơ sở. Nếu ai là bậc đại căn, tiến thẳng về Diệu Giác, triệt chứng Phật tánh sẵn có trong tâm mình, phô diễn cùng cực bản hoài xuất thế của Như Lai. Nghĩa ấy rộng sâu, hãy để lại đó không bàn tới!

6. Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận

(Luận về việc trì kinh được lợi ích tùy theo cái tâm)

Hết thảy các kinh Đại Thừa hiển hay mật do đức Đại Giác Thế Tôn đã nói, về lý đều vốn duy tâm, đạo phù hợp Thật Tướng. Trải ba đời chẳng biến đổi, cả mười pháp giới đều tuân theo. Là người dẫn đường để trở về nguồn, quay lại cội, dẹp khổ, ban vui, là đạo sư của chư Phật, là bậc cha lành dẹp khổ ban vui cho chúng sanh. Nếu có thể tột lòng thành, tận lòng kính, lễ tụng, thọ trì thì cả mình lẫn người đều được lợi ích thù thắng, u - hiển đều được gội ân quang. Dường như Như Ý Châu, giống như Vô Tận Tạng, lấy chẳng hết, dùng chẳng cùng. Tùy tâm hiện lượng đều vẹn sở nguyện. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu, như thế cho đến cầu đại Niết Bàn được đại Niết Bàn"*. Đại Niết Bàn chính là quả đức rốt ráo.

Nếu luận về bổn tâm của Như Lai thì toàn lực Khế Kinh thật ra đều nhắm về điều này. Nhưng do chúng sanh chí nguyện hẹp hòi, kém cỏi, lại thêm chẳng chí thành cùng cực nên chẳng thể trực tiếp khế hợp được. Vì thế, Phật thuận theo tâm hạnh của họ, thỏa mãn nguyện của họ. Nếu là bậc túc căn sâu dầy sẽ nhanh chóng hiểu rõ tự tánh, triệt chứng duy tâm, phá phiền hoặc, tiến thẳng

vào Bồ Đề, viên mãn phước huệ, chóng thành giác đạo, đạt được lợi ích hoàn toàn nơi Khế Kinh, thông suốt bản hoài của Như Lai. Ví như một trận mưa tưới khắp, cây cỏ đều tươi tốt. Đại căn thì [tăng trưởng] chọc mây, che lấp mặt trời. Tiểu căn thì cũng tăng trưởng vài phân, vài tấc. Đạo vốn Chân Như duy nhất, lợi ích do tùy theo tâm mà có thù thắng hay kém cỏi; nhưng nếu đã gieo căn lành thì Phật quả rốt cục sẽ thành. Dẫu chẳng thể đạt được lợi ích lớn lao ngay, cũng sẽ nhờ đó mà được độ thoát. Nghe tiếng cái trống bôi thuốc độc, xa gần đều chết. Ăn chút Kim Cang, quyết định chẳng tiêu. Trước dùng Dục để lôi kéo, sau mới làm cho nhập Phật trí. Chính là như vậy đó!

7. Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận

(Bàn về chuyện phải dốc kiệt lòng thành mới đạt được lợi ích thật sự)

Ngạn ngữ có câu: *"Chẳng hạ mình thật sâu trước người khác, chẳng đạt được lẽ thật"*. Lời này tuy nhỏ, nhưng có thể ví cho điều lớn lao. Phàm trong thế gian, lớn như kinh thuật[215], văn chương; nhỏ như một tài, một nghệ, nếu muốn thâm nhập diệu nghĩa đến mức thần tình, muốn được cốt tủy nơi đạo truyền tân, tài nghệ xuất chúng, danh truyền cổ kim, nếu chẳng chuyên tâm dốc ý, kiệt lòng thành, tận lòng kính, sẽ chẳng thể nào đạt được! Vì vậy, sách Quản Tử[216] có câu: *"Hãy suy nghĩ đi, hãy suy nghĩ đi, lại suy nghĩ chín chắn đi. Nghĩ không ra thì quỷ thần sẽ tương thông"*. Không phải là quỷ thần tương thông mà chính là do lòng tinh thành đến cùng cực vậy!

Đời Hán, Ngụy Chiêu gặp Quách Lâm Tông, cho rằng thầy dạy kinh sách dễ gặp, thầy dạy làm người khó gặp, bèn xin theo học, hầu hạ, quét tước. Lâm Tông thường hay bị bệnh, sai Chiêu nấu cháo. Cháo nấu xong, dâng lên, Lâm Tông mắng ầm ĩ: *"Vì người trên nấu cháo chẳng để lòng kính cẩn làm, nên không ăn được!"* Chiêu lại nấu cháo khác, dâng lên, lại mắng như thế ba lượt, mặt ông Chiêu vẫn không đổi sắc. Lâm Tông nói: *"Thoạt đầu ta thấy được mặt ông, nay ta mới biết được tâm ông"*. Đời Tống, Dương Thời và Du Thố thờ [Trình] Y Xuyên làm thầy. Một bữa học hỏi đã lâu, Y Xuyên chợt nhắm mắt vờ ngủ, hai người học trò đứng hầu chẳng dám bỏ đi. Lúc lâu sau, Y Xuyên chợt tỉnh giấc nói: "Các trò vẫn còn ở đây à? Về nghỉ đi!" Bèn lui ra, ngoài cửa tuyết xuống đã dầy hơn cả thước. Trương Cửu Thành, mười bốn tuổi sang chơi Quần Tường, suốt ngày đóng cửa, không có chuyện gì thì chẳng vượt ra ngoài giới hạn ấy. Người học trò ở bên cạnh xoi lỗ nhìn sang, thấy chàng ta ôm gối quỳ sát,

[215] Theo Lý Hồng Nham, trong bài Sử Thuật Thông Quán Kinh Thuật, thì Kinh Thuật chính là nghệ thuật cai trị, nghệ thuật chính trị, hoặc nói rộng hơn là ứng dụng lễ và những lý thuyết vào thực tế.

[216] Quản Tử: Một bộ sách thời cổ gồm 24 quyển, tác giả có thể là Quản Trọng thời Chiến Quốc (theo từ điển Từ Hải)

đối trước thi thư như đối diện thần minh, bèn kính phục như trò đối với thầy. Bốn vị trên đây, những gì họ học chính là đạo *"minh đức tân dân"* của thế gian, là pháp *"tu tề trị bình",* mà họ còn tôn sư trọng đạo chí thành như thế, cho nên học được thành, đức được lập, khiến cho khi còn sống cũng như sau khi đã khuất, người đời ngưỡng mộ không thôi! Còn như Dịch Thu dạy cờ vây cũng chỉ do chuyên tâm dốc chí cho nên giỏi giang, như [ông lão] khom lưng đón ve[217], do dụng chí chẳng phân nên đạt được như vậy.

Do vậy, thấy rằng: Sự học không phân lớn hay nhỏ, đều phải lấy thành kính làm chủ. Huống nữa, Như Lai trong bao kiếp xưa, muốn khiến cho chúng sanh đồng thành giác đạo, nếu không gieo duyên, sẽ không do đâu đắc độ! Do vậy, Phật bèn hiện đủ mọi sắc thân hiện hình trong sáu nẻo, đủ mọi phương tiện tùy cơ lợi vật, mở ra đủ cả ngàn môn, đồng quy một đạo. Kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa giải thoát, Phật bèn làm cho kẻ ấy gieo, chín muồi, giải thoát. Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Mây bủa cửa Từ, sóng trào biển Hạnh. Lục Độ đều tu, Tứ Nhiếp cùng lợi ích trọn khắp. Đấy là bố thí, trong ngoài đều xả, nghĩa là: quốc thành, vợ con, đầu mắt, tủy não, thịt trên thân, chân tay đều hoan hỷ thí cho. Vì vậy, kinh Pháp Hoa nói: *"Xem trong tam thiên đại thiên thế giới, không có chỗ nào chừng bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng"*.

Như Lai vì chúng sanh nên trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp rộng hành Lục Độ, để kết khắp duyên chủng. Đợi đến lúc căn cơ chín muồi, rồi Ngài mới thị hiện thành Chánh Giác, hoằng khai pháp hội, phổ ứng quần cơ. Với bậc thượng căn bèn hiển thị Thật Tướng khiến họ sanh lên được bờ đạo. Với trung hạ căn bèn khéo léo tiếp dẫn, un đúc dần dần, Hiển, Mật, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, tùy theo căn cơ xếp đặt, nên dùng pháp nào bèn dùng pháp đó. Tuy có ba thừa, nhưng đạo vốn không hai. Vì Thật lập Quyền, Quyền là Quyền đối với Thật; khai Quyền hiển Thật, Thật là Thật đối với Quyền. Thuận theo căn cơ, khéo léo khuyến dụ dần dần, khiến cho cả lý lẫn cơ đều khế hợp thì giải cùng hạnh mới được viên mãn. Dù người học chuyên chú Đại Thừa, cũng chẳng được khinh miệt, vứt bỏ Tiểu Thừa, bởi Tiểu Thừa chính là pháp được lập ra để

[217] Theo sách Trang Tử, thiên Đạt Sinh, có câu chuyện: Vào tiết Hạ, Khổng Tử dẫn học trò sang nước Sở, nghỉ chân trong bóng mát tại một khu rừng, trong rừng có một ông lão dùng gậy dính nhựa để bắt ve sầu. Thấy ông ta bắt ve quá dễ dàng, mọi người nhìn say mê. Khổng Tử hỏi: "Sao ông bắt ve khéo thế? Có bí quyết gì không?" Ông lão đáp: "Đương nhiên là có! Loài ve nhỏ này rất tinh ranh, gió thổi động cỏ nó chạy mất ngay, do vậy trước tiên phải luyện sao cho tay cầm cành tre không run rẩy. Tập đến mức ném hai viên bi vào cành tre chẳng rung động, sẽ nhất định bắt được ve…. Cho đến khi ném năm viên bi vào cành tre chẳng run tay, sẽ bắt ve như tiện tay tóm lấy vậy. Tôi đứng dưới gốc cây như cành cây khô, duỗi tay ra như nhánh cây. Cuối cùng, khi tôi bắt ve, bất kể trời đất bao lớn, vạn vật nhiều thế nào, tôi chỉ thấy hai cánh của con ve, chẳng cần biết tình huống chung quanh ra sao, không phân tán được ý lực của tôi". Do từ câu chuyện này, mới có thành ngữ *"khom lưng đón ve"* (câu lũ thừa điêu), ý nói tập luyện tinh thục, chuyên nhất, không còn bị phân tâm.

[người học] tiến nhập Đại Thừa, là diệu dụng độ sanh của Như Lai, quả thật là phương kế rộng lớn để cho hàng hạ căn thoát khổ.

Vì thế, kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: *"Người học đạo Phật thì đối với những gì Phật đã nói đều phải nên tin thuận. Ví như ăn mật, dù ở chính giữa hay chung quanh đều ngọt ngào, kinh của ta cũng giống như thế. Biển cả tuy có chỗ cạn, chỗ sâu, nhưng nước vốn chẳng hai vị"*. Phàm những gì thuộc về kinh Phật đều phải nhất loạt tôn kính, như mạng lệnh của Luân Vương dẫu đủ mọi chuyện khác nhau, nhưng đều cùng từ vua sắc truyền. Người viên đốn lãnh thọ pháp thì không pháp nào chẳng viên. Những lời cư xử trong cõi đời, những nghề nghiệp để nuôi sống v.v… đều thuận theo chánh pháp, huống chi những pháp như Sanh Diệt, Vô Sanh, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên v.v… do chính kim khẩu Như Lai nói ra. Đến khi một kỳ sự nghiệp của Như Lai đã xong, Phật bèn thị hiện diệt độ. Các đại đệ tử Ca Diếp, A Nan… kết tập pháp tạng lưu thông khắp pháp giới. Một ngàn năm sau, giáo pháp truyền sang cõi này. Cao tăng hai cõi, sang Đông, qua Tây, phiên dịch, lưu truyền kinh Phật, chẳng tiếc thân mạng. Đọc truyện các vị Pháp Hiển, Đàm Vô Kiệt[218], Huyền Trang v.v… thấy đường lối hiểm trở, vô cùng gian nan, khó nhọc, bất giác nghẹn ngào, ứa lệ không sao thôi được.

Kinh dạy: *"Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe"*. Nếu không có nhân duyên kiếp xưa thì danh hiệu kinh Phật còn chẳng được nghe, huống chi là được thọ trì, đọc tụng, tu nhân, chứng quả ư? Những gì đức Như Lai đã nói đều y theo lý vốn sẵn có trong tâm chúng sanh, ngoài tâm tánh trọn chẳng có một pháp nào để đạt được cả. Chỉ vì chúng sanh đang mê nên chẳng thể hiểu rõ, trong Chân Như Thật Tướng bèn huyễn sanh vọng tưởng, chấp trước. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, mê trí huệ nên thành phiền não, ngay nơi thường trụ bèn thành sanh diệt, trải trần điểm kiếp, không thể thoát được. May gặp được những kinh Đại Thừa hiển - mật do đức Như Lai đã nói, mới biết hạt châu vẫn y nguyên nơi chéo áo, Phật tánh vẫn tồn tại. Tự coi mình là khách, là kẻ hạ tiện, nhưng vốn thật là con ông trưởng giả. Trời - người sáu nẻo chẳng phải là chỗ mình ở; Thật Báo, Tịch Quang mới là quê nhà sẵn có. Nghĩ lại từ vô thủy đến bây giờ, chưa nghe lời Phật nên dù sẵn có tâm tánh này,

---

[218] Pháp Hiển là một vị cao tăng đời Tấn (không rõ năm sanh và năm mất), người xứ Vũ Dương (nay là Thiểm Tây). Xuất gia từ ba tuổi, 20 tuổi thọ Cụ Túc Giới, cảm thán tình trạng kinh luật còn thiếu sót, bèn cùng đồng học là Huệ Cảnh, Đạo Chỉnh, Huệ Ứng, Huệ Nguy, rời Trường An vào năm Long An thứ ba (399), sang tận Ấn Độ cầu pháp. Ngài đi hơn 30 nước, đến năm Nghĩa Hy thứ 9 (413) mới về Trung Hoa, đem về rất nhiều bản kinh Phật bằng tiếng Phạn. Tại Trường An, Sư hợp sức cùng Phật Đà Bạt Đà La dịch Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Đại Bát Nê Hoàn Kinh, Tạp Tạng Kinh, Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận. Ngài còn soạn bộ Phật Quốc Ký ghi lại cuộc viễn trình cầu pháp của mình.

Đàm Vô Kiệt (Dharmodgata): Cao Tăng đời Đường, người U Châu, họ Lý, siêng tu khổ hạnh, nghe chuyện ngài Pháp Hiển sang Ấn Độ cầu pháp, rất hâm mộ, lập chí noi theo. Ngài đi từ xứ Lưu Sa, qua Quy Tư, Sớ Lặc, đến tận Kế Tân, cầu được kinh Quán Thế Âm Thọ Ký bằng tiếng Phạn. Không rõ năm sanh và năm mất.

vô cớ bị luân hồi oan uổng! Thật là đáng đau đớn khóc than, tiếng rền đại thiên, tim từng miếng xé toạc, ruột từng tấc đứt lìa. Ân ấy, đức ấy quả còn hơn trời đất, cha mẹ gấp trăm ngàn vạn lần. Dẫu nghiền thân nát xương, há có thể báo đền được! Chỉ có y theo lời dạy tu hành, tự hành, hóa độ người khác thì cỏ Xuân mới đền đáp được ân nắng soi chút phần, hoa quỳ mùa Hạ hướng theo ánh mặt trời mà thôi. Nhưng hiện thời Tăng - tục mở xem kinh sách, trọn chẳng thành kính tí ti nào. Đủ mọi điều khinh nhờn, khó thể nêu trọn; nhưng tập thành thói đã lâu, ai nấy coi là thường, hình tích khinh nhờn đó không nỡ nêu đủ. Xem pháp ngôn của Như Lai giống như giấy cũ rách nát! Đừng nói chi những kẻ không biết chỉ thú nên trọn chẳng được lợi ích; ngay cả những người biết thật nghĩa sâu xa cũng chỉ là tam-muội đằng miệng, tỏa sáng ngoài mặt. Như đang đói kể chuyện ăn, như nghèo cùng đếm của báu, dù có công nghiên cứu, nhưng trọn chẳng được lợi ích thật chứng. Huống chi cái tội khinh nhờn quả thật ngập trời, thời gian thọ khổ há nào phải chỉ hết kiếp? Tuy là nhân lành, nhưng lại chuốc lấy quả ác. Dẫu thành cái nhân đắc độ cho tương lai, khó tránh khỏi nhiều kiếp chịu đủ mọi bề khổ sở.

Dùng cái tâm ôm nỗi thảm thương dám bày tỏ lời quê mùa, mong những ai vâng làm theo lời Phật chỉ được lợi, không bị tổn hại. Kinh Kim Cang dạy: *"Nếu kinh điển này ở đâu, chỗ ấy có Phật, phải như đệ tử tôn trọng [Phật]"*. Lại dạy: *"Nơi nơi, chốn chốn, nếu có kinh này thì hết thảy thế gian trời, người, A Tu La đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp, đều nên cung kính, làm lễ, đi nhiễu, dùng các hương hoa rải lên nơi đó"*. Vì sao lại dạy như thế? Do hết thảy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của hết thảy chư Phật đều từ kinh này mà ra; các kinh Đại Thừa đâu đâu cũng dạy con người phải cung kính kinh điển, chứ không phải chỉ nói một lần rồi thôi! Ấy là vì các kinh Đại Thừa chính là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ Tát, là Pháp Thân xá-lợi của tam thế Như Lai, là thuyền từ thoát khổ của chúng sanh trong chín giới. Dù cao đăng Phật quả vẫn còn phải kính pháp, ngõ hầu báo đáp đến tận gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế, kinh Niết Bàn dạy: *"Pháp là mẹ của Phật, Phật từ Pháp sanh"*.

Tam thế Như Lai đều cúng dường Pháp, huống gì hạng phàm phu sát đất, toàn thân đầy nghiệp lực, như tù phạm tội nặng bị giam cầm lâu ngày trong lao ngục, không cách gì thoát ra được! May sao nhờ vào thiện căn đời trước, được xem kinh Phật, như tù nhân nhận được lệnh tha, mừng rỡ vô ngần! Do vậy, bèn nương theo kinh pháp vái chào tam giới mãi mãi, thoát khỏi lao ngục sanh tử vĩnh viễn, đích thân chứng Tam Thân, về thẳng quê nhà Niết Bàn. Vô biên lợi ích do nghe kinh bèn đạt được, há có nên dựa theo tri kiến cuồng vọng chẳng giữ lòng kính sợ, giống như nhà Nho đọc sách trong cõi tục, buông tuồng khinh nhờn ư? Đã đọc kinh Phật, sao không nương theo những gì kinh Phật dạy mà

cung kính, tôn trọng? Đã khinh nhờn Phật pháp, há có thể đạt được tất cả những lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư? Nếu có thể tạm dứt những kiến giải cuồng vọng, đêm thanh tự nghĩ, tâm thần ắt sẽ kinh hoàng, thẹn thùng, nước mắt ràn rụa, buồn cho ngày trước vô tri, thề suốt đời sẽ dốc kiệt lòng thành. Từ ấy, tâm ý nghiêm túc, cung kính, thân miệng thanh tịnh, vĩnh viễn dứt sạch tâm thái xấu xa thô lậu, luôn y theo khuôn phép thánh hiền của kinh luận.

Nếu làm được như thế ắt sẽ ở trong biển cả Phật pháp, tùy phần, tùy sức đạt được lợi ích. Như Tu La, hương tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả, [loài nào loài nấy] đều được no bụng. Lại như một trận mưa thấm ướt khắp, cây cỏ đều tươi tốt. Như thế thì cái công thọ trì của chính mình mới chẳng uổng phí, mà tâm Như Lai giảng kinh, tâm hoằng pháp của chư Tổ cũng được vui đẹp, an ủi, sung sướng phần nào! Nay đem những sự tích lợi ích do cung kính kinh điển của chư cổ đức chép đại lược vài điều, ngõ hầu những người chân tu thật hành có cái để noi theo:

1) Vị Tăng tên Đức Viên đời Tề, không biết thuộc tộc họ nào, người xứ Thiên Thủy, thường lấy kinh Hoa Nghiêm làm sự nghiệp, thọ trì, đọc tụng nắm vững chỗ yếu diệu đến cùng cực. Sư sửa dọn một khu vườn sạch, trồng toàn cây cốc chử[219] và trồng cỏ thơm, trồng xen lẫn các loại hoa tươi. Mỗi lần vào vườn, đều tắm rửa, thân mặc áo sạch. Tưới bằng nước thơm, cây dó mọc được ba năm, mùi thơm sực nức. Lại tạo riêng tịnh thất, dùng chất bùn thơm tô vách, trát đất, kết đàn, bày đồ vật tinh sạch, tắm gội. Nhà tắm có để sẵn áo dành riêng cho khi đi vệ sinh. Thợ đều phải trai giới, ra vào đều phải thay áo, súc miệng cho thơm tho. Lột vỏ cây dó, ngâm trong nước trầm cho sạch để làm giấy. Cả năm mới làm xong. Bèn đắp riêng một cái nền sạch, lại cất một ngôi thất mới. [Từ đầu] cho đến khi bắc kèo, lợp ngói, tắm rửa đều dùng nước thơm, mỗi việc đều nghiêm khiết. Trong nhà, đặt một tòa vuông bằng gỗ bách khảm ngà, chung quanh xếp hương hoa, phía trên treo lọng báu, treo các thứ ngọc có tiếng thanh tao, kết xen lẫn thành tua rủ xuống chung quanh. Dùng gỗ bạch đàn và tử trầm (gỗ trầm tía) làm án kinh và quản bút. Người chép kinh hằng ngày giữ trai giới, tắm gội bằng nước thơm ba lần, đội mão hoa, mặc áo sạch, chưng diện như người cõi trời.

Lúc vào kinh thất, bèn đốt hương hai bên đường, có người xướng tụng dẫn đường đằng trước. Đức Viên cũng ăn mặc theo hình thức nghiêm tịnh như thế, cầm lư hương cung kính dẫn đường. Rải hoa cúng dường rồi mới biên chép. Đức Viên hồ quỳ[220], vận tưởng, mắt nhìn chăm chú, dốc lòng. Vừa chép được

[219] Cốc: Một loại cây có tên khoa học là Broussonetia Papyrifera, vỏ thường được dùng để làm giấy (theo Trần Văn Chánh). "Chử" là cây dó (vỏ được dùng để làm giấy bản).

[220] Cách thức quỳ lễ của người Hồ (từ thời cổ, Ấn Độ hay những xứ phía Tây Trung Hoa đều được gọi là Hồ), có nhiều cách hiểu khác nhau:

mấy hàng, mỗi chữ đều phóng quang, chiếu khắp cả viện, mọi người đều thấy, không ai chẳng bi cảm, một lúc lâu sau mới hết. Lại có thần nhân cầm giáo hiện hình hộ vệ, Đức Viên và người chép kinh đều thấy, người khác không thấy được! Lại có phạm đồng áo xanh, không biết từ đâu đến, tay cầm hoa trời, chợt dâng lên cúng dường. Những chuyện linh cảm trước sau đều giống như vậy. Phải mất hai năm, mới chép xong kinh. Đựng trong hộp thơm, đặt trong trướng báu, cất trong tịnh đường. Mỗi lần đều đảnh lễ rồi mới chuyển đọc, hộp tỏa ra ánh sáng lạ. Nghiêm khiết đến thế, kính trọng tuyệt cổ siêu kim. Bộ kinh này được trao truyền đến nay qua năm đời (Ngũ Đại), có ai thanh tịnh chuyển đọc thì cũng có lúc hiện sự linh ứng rõ rệt như vậy. Bộ kinh ấy nay được thủ hộ cúng dường ở chỗ pháp sư Hiền Thủ chùa Tây Thái Nguyên.

Chú thích[221]:

Chuyện này và hai chuyện tiếp theo đều là nói về bản Lục Thập Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm bản dịch gồm sáu mươi quyển) được dịch vào đời Tấn. Chữ Cốc 穀 đọc như chữ Cốc 谷, thân mộc chứ không phải thân thảo, là một loài khác của giống cây Chử 楮 (cây dó). Đức Viên trồng cây dó để làm giấy chép kinh. Vào trong vườn trồng cây dó này mà còn phải tắm gội, mặc y phục sạch sẽ. Do đây biết rằng: Hằng ngày Sư lễ Phật tụng kinh, thành kính, tịnh khiết [đến mực nào!] Người thời nay lên Đại Hùng bảo điện còn chẳng được kiền thành, thanh khiết như sư Đức Viên vào vườn trồng cây dó. Thật đáng cảm khái, than thở! [Trong câu *"mộc cụ tân y"* (dịch theo ý là "tắm rửa, vào chỗ bẩn đều thay áo mới")], thì "mộc" là "mộc thất" (nhà tắm), còn "tân" nên đọc là "xúc" (dơ bẩn), ý nói: Trong nhà tắm có áo để mặc riêng khi vào nhà cầu. Câu *"tượng nhân trai giới, dịch phục xuất nhập"* nghĩa là những người thợ được dùng ở đây đều phải trì Ngũ Giới, hằng ngày thọ pháp Bát Quan Trai. Phàm muốn đi vệ sinh, phải đến chỗ nhà tắm, cởi bỏ thường phục, mặc áo dành riêng cho nhà vệ sinh. Khi đi ra, phải tắm gội sạch rồi mới được mặc lại thường phục.

"Tuyền tô" là những cái tua: Dùng những sợi tơ, đầu thắt lại, cho rủ xuống. *"Bái"* tức là "xướng tán". Ngũ Đại là Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường. Truyện này do người đời Đường soạn, nên ghi là *"cho đến nay là năm đời"*. Lòng thành của Đức Viên siêu việt cổ kim, nên mới linh ứng nhiều điều như thế. Người đời nay dù không tài lực, nhưng với những chuyện sức mình làm được, há chẳng nên dốc kiệt lòng thành, vét tận lòng kính để mong Tam Bảo rủ lòng từ, gia bị thầm kín hay rõ ràng ư? Nếu chỉ chuộng bề ngoài, trọn chẳng thành kính, sẽ không cách gì cảm thông được pháp lực vô biên, bèn cho là Phật pháp

---

a. Chỉ gập gối là hồ quỳ.
b. Hồ quỳ là trường quỳ, tức là đặt sát hai đầu gối sát đất, hai đùi dựng thẳng lên theo thân mình.
c. Gối hữu đặt sát đất, gối trái dựng lên
[221] Đây là phần giải thích của tổ Ấn Quang đối với câu chuyện vừa được sao lục.

không linh, há có được ư? Chuyện này sao lục từ bộ Hoa Nghiêm Huyền Đàm[222] và dung hội hai bộ Huyền Ký[223].

2) Vị tăng Tu Đức ở Trung Sơn, Định Châu vào đời Đường, không biết họ tên, khổ hạnh, tiết tháo thành tánh, tu hành nơi rừng núi. Kết nghiệp an tâm nơi kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi Tín. Năm Vĩnh Huy thứ tư (653), phát tâm sao chép. Vì thế, lập riêng một tịnh viện, trồng cây dó, trồng kèm các loại hoa thơm. Tưới bằng nước thơm, ba năm sau, tịnh khiết làm thành giấy. Lại cất riêng một cái đài thanh tịnh, dựng nhà trên đó. Mời người viết chữ đẹp ở Vi Châu là Vương Cung, trai giới nơi biệt viện, tắm gội, mặc áo sạch, thắp hương, rải hoa, treo các loại phan lọng, lễ kinh sám hối rồi mới lên tòa viết. Hạ bút xuống bèn ngậm hương, nhấc bút lên mới thở ra. Mỗi ngày đều như thế. Sư Tu Đức vào tịnh thất, vận tưởng. Mỗi lần chép xong một quyển bèn tặng mười xấp lụa mịn, một bộ tặng tổng cộng sáu trăm tấm lụa mịn. Ông Cung dốc kiệt lòng chí thành, đều chẳng nhận lấy; vừa chép xong kinh, liền mất ngay. Do kinh đã hoàn thành, Tu Đức bèn mở trai hội ăn mừng. Đại chúng nhóm đến, Tu Đức đối trước Phật, đốt hương, rải hoa, phát hoằng thệ nguyện, rồi mới mở hộp đựng kinh, tỏa ra quang minh lớn, chiếu khắp hơn bảy mươi dặm, chiếu đến tận thành Định Châu. Dân chúng trong thành đều thấy. Đại chúng đến dự trai hội tại Trung Sơn đều gieo thân phủ phục, nghẹn ngào khóc lóc sám hối.

Chú thích:

Truyện này gần giống với sự tích ở phần trước. Đủ thấy cổ nhân đối với Tam Bảo đều kiệt thành tận kính, hoàn toàn chẳng như người bây giờ coi thường, khinh nhờn, hữu danh vô thực! *"Nâng bút, thở ra"* có nghĩa là muốn ho hắng, hoặc muốn ngáp, đều ngừng bút một chút, mặt hướng sang phía bên cạnh, thở hơi ra, chẳng dám để hơi thở xông vào kinh. *"Vừa chép kinh xong, ngay lập tức bèn mất"* nghĩa là do chuyên tâm chép kinh, chẳng cầu danh lợi, chí thành đến cùng cực, đến nỗi nghiệp tận tình không, liễu sanh thoát tử, cao đăng sen báu thượng phẩm, tự chứng địa vị Bất Thoái. Xem đây có thể biết Phật pháp chẳng cô phụ con người, nhưng Tăng, tục thời nay đa phần đều cô phụ Phật pháp. Biết làm sao được! Chuyện này gộp từ hai sách Huyền Ký.

---

[222] Hoa Nghiêm Huyền Đàm: Tác phẩm của ngài Trừng Quán soạn vào đời Đường, gọi đủ là Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao Huyền Đàm, gồm chín quyển. Tác phẩm này trình bày cương yếu của bộ Bát Thập Hoa Nghiêm, hiển dương những ý nghĩa chánh yếu của tông Hoa Nghiêm. Nội dung được chia thành nhiều phần như luận về nhân duyên, tạng giáo, nghĩa lý, căn cơ được hóa độ bởi kinh này, giáo thể, tông, thú, bộ loại, phẩm, hội của kinh, những chuyện cảm ứng… Tác phẩm này thật ra là những phần liên quan đến huyền nghĩa trong bộ Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao được trích riêng ra.

[223] Tức là Hoa Nghiêm Sưu Huyền Ký (gọi đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sưu Huyền Phận Tề Thông Trí Phương Quỹ) do ngài Trí Nghiễm soạn vào đời Đường nhằm giải thích kinh Hoa Nghiêm. Nội dung nêu lên cương yếu huyền nghĩa của kinh và giải thích đại lược kinh văn. Bộ thứ hai là Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký do ngài Pháp Tạng (cũng sống vào đời Đường) soạn nhằm đặc biệt phát huy giáo nghĩa Thập Huyền Môn được giảng trong phần huyền nghĩa trong bộ Hoa Nghiêm Sưu Huyền Ký.

3) Sư Pháp Thành đời Đường, họ Phan, người huyện Vạn Niên thuộc Ung Châu, xuất gia từ nhỏ, lấy việc tụng Hoa Nghiêm làm sự nghiệp. Do gặp Huệ Siêu thiền sư ẩn cư trong ngọn núi cao Lam Cốc, bèn vứt bỏ phiền hoặc, dốc lòng thành cầu học. Về sau, Sư tạo Hoa Nghiêm Đường ở ngọn núi phía Nam chùa, trong ngoài đều trong sạch. Trang nghiêm xong xuôi, bèn vẽ cảnh bảy xứ chín hội[224]. Lại dốc cạn lòng chí thành tinh chuyên, biên chép, thọ trì. Hoằng Văn học sĩ Trương Tịnh, là người chữ đẹp nổi tiếng tài hoa hãn hữu khi ấy. Sư bèn thỉnh đến sơn xá, bảo hãy thọ trai giới, khiết tịnh tự tu. Miệng ngậm nước thơm, thân mặc áo sạch. Trương Tịnh chép kinh lâu ngày, mỗi trang giấy đòi giá năm mươi đồng. Sư Pháp Thành liệu trước, vừa chép hai trang, đã ứng trước năm trăm. Trương Tịnh được lợi, dốc sức chép. Cho đến hết bộ kinh, Pháp Thành hằng ngày đều thiêu hương cúng dường trước án. Trong khi vẽ vời, tâm duyên theo, mắt nhìn chăm chú, trọn chẳng sót chút nào. Do dốc lòng chăm chú, khi đó cảm được con chim lạ, hình sắc hiếm có trong đời, bay vào trong nhà, bay quanh quẩn cổ vũ, đáp xuống án kinh, rồi lại đậu lên lư hương, lặng lẽ đứng nhìn, tự nhiên như thân quen, một hồi lâu sau bay đi.

Năm sau, kinh chép xong, sắp sửa ăn mừng, chim lại bay tới, lẩn quẩn như trước, hót tiếng thánh thót. Năm đầu niên hiệu Trinh Quán (627), Sư vẽ hình ngàn vị Phật, chim lại bay tới, đậu trên lưng người thợ. Sau Sư mở trai hội, cúng mừng các kinh tượng. Trong ngày hôm ấy, Sư lấy làm lạ không thấy chim đến, nhìn lên đỉnh núi nói: *"Chim đã không đến, ta thật không cảm [được chim]. Phải chăng hiềm vì có các uế hạnh nên mới có điềm này?"* Nói xong, chim đột nhiên bay đến chao lượn kêu hót, đậu vào trong nước thơm, nhảy nhót

---

[224] Bảy xứ chín hội: Kinh Hoa Nghiêm được nói ở bảy nơi, chia thành chín hội. Căn cứ theo kinh Bát Thập Hoa Nghiêm thì:

1) Hội thứ nhất tại Bồ Đề đạo tràng gồm sáu phẩm, mười một quyển. Phổ Hiền Bồ Tát giảng về y báo nhân quả của đức Tỳ Lô Giá Na Phật.

2) Hội thứ hai giảng tại điện Quang Minh, cũng là do Phổ Hiền Bồ Tát nói về chánh báo nhân quả của Phật, gồm ba phẩm. Nửa phần sau hội thứ hai, Văn Thù Bồ Tát giảng Thập Tín, giảng về Sơ Phát Tâm, tổng cộng ba phẩm.

3) Hội thứ ba trên trời Đao Lợi, giảng trên cung trời Đao Lợi do Pháp Hội Bồ Tát chủ giảng. Vì thế, hội thứ ba do Pháp Hội Bồ Tát giảng Thập Trụ, có sáu phẩm, ba quyển.

4) Hội thứ tư tại trời Dạ Ma, do Công Đức Lâm Bồ Tát giảng pháp môn Thập Hạnh, cũng gồm bốn phẩm, ba quyển.

5) Hội thứ năm trên trời Đâu Suất – Di Lặc Bồ Tát sống trên trời Đâu Suất – Hội này do Kim Cang Tạng Bồ Tát giảng pháp môn Thập Hồi Hướng, có ba phẩm, gồm mười hai quyển.

6) Hội thứ sáu tại trời Tha Hóa Tự Tại, do Kim Cang Tạng Bồ Tát làm hội chủ, giảng pháp môn Thập Địa. Hội này chỉ có một phẩm, nhưng là một phẩm rất dài, dài đến cả sáu quyển.

7) Hội thứ bảy lại là điện Phổ Quang Minh, trong hội này, đức Phật làm chủ, giảng về Đẳng Giác, về Diệu Giác. Phần này gồm mười một phẩm, mười ba quyển.

8) Hội thứ tám cũng tại điện Phổ Quang Minh, Phổ Hiền Bồ Tát giảng, chủ yếu nói về các pháp môn tu hành. Phổ Hiền Bồ Tát nói hai ngàn pháp môn tu hành. Phần này chỉ có một phẩm, gồm bảy quyển.

9) Hội thứ chín tại rừng Thệ Đa, tức là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, diễn tả cuộc cầu pháp tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức của Thiện Tài Đồng Tử.

tắm gội, rồi lại bay đi. Trước sau đều như thế, không cần phải nhắc lại. Trương Tịnh khéo tài bút mực, nên được trong làng đề cử, các bài kinh kệ được khắc trên vách núi bên đường đều do ông ta viết. Ông chép Pháp Hoa ở ngay nơi đất trống. Nhân có chuyện phải đi nơi khác, chưa kịp đem cất. Mưa to như trút, khe, suối đều ngập tràn. Chạy đến xem thấy cả án kinh đều khô ráo, còn những thứ khác đều ướt đẫm. Ông từng tựa vào cây tùng mọc ngang, bị té xuống dòng suối chảy xiết, chưa trôi đến khe nước bên dưới, bất giác đã lên được bờ cao, chẳng tổn hại một mảy lông.

Chú thích:

Pháp Thành, Trương Tịnh đều dốc kiệt lòng thành kính nên được cảm ứng, đều khó thể nghĩ bàn. Truyện này trích từ Hoa Nghiêm Huyền Đàm và dung hội hai sách Huyền Ký và Tục Cao Tăng Truyện.

4) Sư Đàm Vận đời Đường, người Định Châu. Năm bảy mươi tuổi, nhằm lúc cuối đời Tùy đất nước loạn lạc, bèn ẩn cư trong Ly Thạch Bắc Thiên Sơn, thường tụng kinh Pháp Hoa. Sư muốn chép kinh này, nhưng không ai cùng chí hướng. Qua nhiều năm như thế, chợt có người thư sinh không biết từ đâu đến, nói muốn tắm gội sạch sẽ, rồi mới chép được. Liền vào lúc sáng sớm, ăn xong, tắm gội, mặc áo sạch, thọ tám giới, vào tịnh thất, miệng ngậm đàn hương, đốt hương, treo phan, lặng lẽ sao chép, đến chiều mới ra. Hôm sau lại như trước, chưa từng than mệt. Đến khi kinh chép xong, Sư đúng pháp dâng tiền công, đưa ra ngoài cửa, liền chẳng thấy đâu nữa. Còn như trang hoàng [bản kinh đã chép], một mực đúng chánh pháp, Đàm Vận thọ trì, đọc tụng, thắt trong bảy lớp bọc. Cứ mỗi một lớp là một lượt dùng nước thơm rửa tay. Lúc đầu chưa từng tạm sót, sau gặp phải giặc Hồ, bèn bỏ kinh trong rương, đặt trên ngọn núi cao. Năm sau, giặc yên, tìm lại, nhưng không thấy. Lục tìm cùng khắp, cuối cùng tìm được rương dưới vách đá. Vải bọc rương đã mục nát rã rời, bới gỗ mục ra, thấy kinh vẫn tốt nguyên y như cũ.

Chú thích:

Chép kinh tâm chí thành, cảm thánh chúng ứng đến. Thánh tuy ứng hiện, nhưng thị hiện giống như phàm phu. Vì thế, một mực theo đúng pháp: Sáng sớm, ăn xong bèn tắm gội, mặc áo sạch… *"Tám giới"* là Bát Quan Trai pháp. Lấy việc quá Ngọ không ăn để làm Thể, lấy tám giới như không giết v.v… để hỗ trợ nhằm đóng lấp các phiền não Hoặc nghiệp tham, sân, si v.v… chẳng cho sanh khởi. Đây chính là khiến cho người tại gia thọ giới xuất gia. Kỳ hạn thọ giới này là từ lúc sáng sớm ngày hôm nay cho đến rạng sáng ngày hôm sau. Do chép kinh hằng ngày phải trì, vì thế phải hằng ngày thường thọ. *"Đến chiều mới ra"* tức là giờ Ngọ cũng không ăn. Chữ Khỏa 裹 âm đọc giống như chữ

Quả, tức là cái bao. *"Mỗi một lớp bao là một lượt rửa tay bằng nước thơm"*, tức là đọc một hồi kinh, bèn dùng nước thơm rửa tay một lượt. *"Vải bọc rương mục nát mà kinh vẫn còn nguyên, đẹp đẽ"* thì một là do được pháp lực của thánh nhân gia trì, hai là do thành tâm của ngài Đàm Vận chiêu cảm, ba là do công đức khó thể nghĩ bàn của bộ kinh mầu nhiệm này. Về sau, sư Đàm Vận trụ tại Thấp Châu. Năm Trinh Quán thứ mười một (637), Đạo Tuyên luật sư đã đến gặp Sư. Khi ấy, Sư niên kỷ đã bảy mươi. Những chuyện tiếp theo đây đều trích từ Tam Bảo Cảm Thông Lục[225].

4) Năm Trinh Quán thứ năm (631) đời Đường, có ông Lệnh Hồ Nguyên Quỹ ở huyện Ba Tây, Long Châu, kính tín Phật pháp, muốn chép kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Bát Nhã, Niết Bàn v.v… nhưng không cách nào tự kiểm lại được, bèn nhờ Kháng thiền sư ở nơi ấy kiểm giảo. Thầy Kháng bèn ở trong chùa, khiết tịnh đúng pháp. Chép xong cuốn cuối, bèn đưa về trang trại tại Kỹ Châu, giữ kinh trong trang và năm ngàn lời của Lão Tử cùng để một chỗ, chợt bị lửa bên ngoài cháy lan đến, nhà lợp bằng cỏ, bị lửa cháy sạch hết. Khi ấy, ông Quỹ đang làm huyện lệnh ở Bằng Dực, gia nhân liều mạng bới tro, lôi được ống đồng pha vàng đựng kinh ra khỏi tro. Các kinh đựng trong ống vẫn như cũ không bị hư hại gì, màu sắc đẹp đẽ không thay đổi. Chỉ có lớp bọc là biến thành tro. Lại tìm kinh của Lão Tử, nó đã bị cháy tiêu. Họ bèn thâu thập các kinh ấy, người trong làng xóm đều khen là lạ lùng. Quyển kinh Kim Cang Bát Nhã, hàng chữ ghi tựa đề bị cháy đen, hỏi đến nguyên do, thì ra lúc viết tựa đề kinh, có vị quan trong châu viết chữ đẹp, vị này đi gấp, không giữ khiết tịnh mà cất bút viết ngay. Do vậy, đề kinh bị lửa đốt. Người này hiện vẫn còn sống, những kinh tốt lành ấy vẫn còn. Chủ Thần Tế ở chùa Tây Minh tại kinh đô chính mắt chứng kiến, kể lại.

Chú thích:

"Năm ngàn lời của Lão Tử" chính là Đạo Đức Kinh. Hết thảy Phật sự đều lấy giới hạnh, thành kính làm chủ. Nếu giới hạnh tinh nghiêm, thành kính, chuyên dốc thì Tam Bảo chư thiên sẽ đều ủng hộ. Nếu không, sẽ không cách nào cảm được vô biên pháp lực. Xem thấy những kinh ấy không bị tổn hại mảy may, chỉ có tựa đề kinh Kim Cang nét chữ bị cháy đen là do người ấy đã không có giới lực, lại không thành tâm vậy! Người thọ trì kinh Phật há chẳng lấy việc trì giới dốc cạn lòng thành làm nhiệm vụ cấp bách ư?

[225] Tác phẩm của ngài Đạo Tuyên Luật Sư soạn vào đời Đường, gồm 3 quyển, có tên gọi đầy đủ là Tập Thần Châu Tháp Tự Tam Bảo Cảm Thông Lục; đôi khi còn gọi là Đông Hạ Tam Bảo Cảm Thông Lục. Nội dung chép về sự tích xá-lợi Phật, tượng Phật, chùa Phật, kinh điển và chuyện linh dị của hàng Tăng, tục.

5) Đời Đường, ở Hà Đông, có ni sư tên Luyện Hạnh thường tụng kinh Pháp Hoa, mời người viết chữ đẹp chép kinh, phải trả công cao gấp nhiều lần, nhưng khiết tịnh, ân cần quả thật có thừa! Cứ mỗi lần khởi đầu là một lần tắm, đốt hương xông áo, thở vào ống đồng thông ra ngoài vách. Chép hết bảy quyển phải tám năm mới xong. Sư Pháp Đoan chùa Long Môn nhóm chúng giảng thuyết, mượn ni sư bộ kinh ấy để thẩm định. Cố nhiên ni sư không cho, Pháp Đoan quở trách. Sự chẳng đặng đừng, ni sư bèn tự đem đưa cho Pháp Đoan. Pháp Đoan mở ra đọc, chỉ thấy giấy vàng, trọn chẳng có chữ nào! Các quyển khác cũng vậy. Đoan hổ thẹn, đưa trả cho ni sư. Ni sư buồn khóc, nhận lấy. Dùng nước thơm rửa hộp đựng kinh, đội lên đầu nhiễu Phật bảy ngày không nghỉ. Mở ra xem, chữ hiện như cũ. Khi ấy nhằm năm Trinh Quán thứ hai (628), Sư Pháp Đoan tự kể chuyện này (tôi vốn muốn sao chép rộng rãi những lợi ích do cung kính Tam Bảo và những tội khiên do khinh nhờn Tam Bảo để người nghiên cứu học Phật có cơ sở để giữ pháp, không do đâu mắc tội, nhưng vì mục lực chẳng đủ nên đành ngưng).

8. Vãn hồi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên luận

(Luận về "gốc chánh nguồn trong" của việc vãn hồi kiếp vận bảo vệ đất nước cứu dân)

Đạo đức, nhân nghĩa chính là tánh đức sẵn có của chúng ta. Nhân quả, báo ứng quả thật là phương tiện quyền biến lớn lao để sanh thành dưỡng dục của thiên địa. Con người sống giữa trời đất; cái thân bảy thước nhỏ nhoi lại đứng cùng trời đất rộng lớn, cao dày không lường thành ba yếu tố, gọi chung là Tam Tài. Ai lãnh hội được đức của trời đất sẽ đều là Nghiêu, Thuấn, đều có thể thành Phật, góp phần giúp đỡ sự sanh thành dưỡng dục vậy. Vì thế, đối với hai tượng Càn - Khôn trong kinh Dịch, thánh nhân lấy pháp *"tự cường không ngơi"* của Trời, lấy "*đức dầy chở vật"* của Đất để giáo hóa con người. *"Tự cường không ngơi"* thì ngăn lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, không đạt đến mức "làm sáng tỏ Minh Đức, trụ nơi chí thiện, trừ hết sạch lòng ham muốn của con người, thiên lý lưu hành" để khôi phục lại tánh đức sẵn có thì không đành lòng! *"Đức dầy chở vật"* thì yêu dân, thương vật, khiến cho chính mình lẫn người đều ôm lòng chuyên chú trung hậu, khoan thứ, hành từ bi, coi như ruột thịt, coi loài vật và ta giống hệt như nhau, không tận hết thiên chức góp phần tán trợ sự sanh thành dưỡng dục thì chẳng thôi!

Những lời này chẳng phải chỉ để nói về hạng người có địa vị, nắm quyền cai trị, mà ngay cả thất phu, thất phụ cũng đều có thể hành được; bởi lẽ, đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu - đễ mà thôi! Cái học của thánh hiền chỉ là tu thân mà thôi! Tu được thân, ắt sẽ tu hiếu đễ, ắt trừ sạch vật dục, mở rộng lương tri để cho riêng thân mình được thiện, nhưng sẽ có hiệu quả [giống như Văn

Vương] nêu gương cho vợ, gương ấy lan đến anh em, rồi phổ biến khắp đất nước! Huống chi người có địa vị nắm quyền cai trị, há lẽ nào chẳng khiến cho thiên hạ đều cùng được tốt lành ư? Thiên hạ loạn lạc, thất phu có trách nhiệm! Nếu ai nấy đều dốc tận lòng thành, ai nấy tận sức hiếu - đễ, ai nấy làm điều từ thiện, thương cô nhi, giúp đỡ kẻ góa bụa, cứu nạn, thương nghèo, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, thì do con người dùng điều lành để cảm, trời sẽ ứng phước xuống, tự nhiên mưa thuận, gió hòa, dân yên, vật thịnh vượng, quyết chẳng đến nỗi trời thường giáng những tai nạn như lụt lội, hạn hán, ôn hoàng[226], gió bão, động đất v.v…mà thời thế sẽ yên ổn, được mùa, dân an cư lạc nghiệp. Lại còn từ hòa, nhân nhượng, quen tập thành phong tục. Dẫu có một hai kẻ ngu độn ương bướng, cũng sẽ hóa thành lương thiện. Như cảm hóa được chàng quân tử trên kèo nhà[227] thì một phương sẽ vĩnh viễn tuyệt sạch nạn trộm cắp; điều phục được đứa dòm lén trong nhà kín thì từ đấy về sau nó sẽ thành người lành.

Cổ nhân dùng nhân từ để cai trị, chân thành yêu dân, còn cảm hóa được dị loại, như những chứng cớ tốt lành: hổ không vào cõi ấy, cá dữ bỏ sang nơi khác v.v…. chép trong các sử sách, nào phải chỉ một chuyện! Nếu ai nấy đều có thể dùng từ thiện tương cảm, quyết chẳng đến nỗi thường có những cái họa: thổ phỉ, đao binh, giày xéo, cướp đoạt v.v… Nhưng bẩm tánh con người có vàn muôn thứ chẳng giống nhau. Người căn tánh thiên bẩm sâu dày, ắt tự có thể tận lực tuân thủ đạo nghĩa để tận hết trách nhiệm con người. Những người có tập khí sâu dầy từ kiếp trước, nên tánh đức bị ngăn lấp, đến nỗi những gì tâm họ nghĩ, những gì tâm họ nói, những gì thân họ làm mỗi mỗi đều trái nghịch đạo nghĩa. Nhưng do nghe đến lẽ phước thiện họa dâm và trông thấy sự thiện ác báo ứng thì chưa ai chẳng kinh hoàng, run sợ, bèn tự tu tỉnh, mong sao được phước khỏi họa!

Do vậy, biết rằng trời đất dùng phước thiện dâm họa làm phương tiện lớn lao để thâu tóm con người đều tuân thủ đạo đức nhân nghĩa. Thánh nhân vốn dùng cái tâm của trời đất để giáo hóa. Vì vậy, những câu *"thuận theo đạo lý dẫn đến điều lành, trái nghịch lại sẽ đưa đến hung hiểm, ngũ phước, lục cực, làm lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm ác thì trăm sự tai ương giáng xuống, nhà tích thiện ắt điều vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa"* thường thấy đầy trong các kinh. Do vậy, cảm phát thiện tâm của con người, nghiêm cấm, răn đe chí ý phóng dật của con người hết sức thâm thiết.

Nhưng cát - hung, họa - phước do nhân quả báo ứng chính là chứng nghiệm sự chân thật hay giả dối của việc y thuận hay trái nghịch đạo đức, nhân nghĩa.

[226] Ôn: bệnh dịch, hoàng: tức nạn cào cào, châu chấu, sâu bọ phá hoại mùa màng.
[227] Quân tử trên kèo nhà (lương thượng quân tử) tức kẻ trộm.

Đã biết là chứng nghiệm thật sự thì muốn làm lành ắt sẽ càng thêm mạnh mẽ, hăng hái cho đến khi thành tựu; muốn làm chuyện chẳng lành sẽ sanh lòng sợ hãi, có khi không dám làm. Như vậy, đề xướng nhân quả báo ứng chính là vâng theo tâm thiên địa, thánh nhân để thành toàn tánh đức "đạo đức, nhân nghĩa" cho người đời. Nếu coi nhân quả báo ứng là chuyện mông lung không bằng cớ, thì chẳng những trái nghịch tâm thiên địa thánh nhân mà thần thức của chính mình còn vĩnh viễn bị đọa trong đường ác. Lại còn khiến cho bậc thượng trí không thể dũng mãnh quyết chí ưu thời mẫn thế để tu đức của mình, kẻ hạ ngu không e dè gì, dám làm chuyện ác đến nỗi quyền nuôi dạy của thiên địa, thánh nhân bị ngăn trở không tỏ lộ được; cái lý vốn sẵn có trong tâm của chúng ta sẽ bị ẩn, không sao hiển lộ được! Cái họa ấy khôn xiết kể! Nhưng thánh nhân thế gian lời lẽ giản lược, lại chỉ nói chuyện đời này và con cháu; còn như chuyện trước khi sanh và chuyện sau khi chết, cũng như nhân duyên tội phước từ vô thỉ đến nay, luân hồi sáu nẻo, đều chưa thể làm cho sáng tỏ được! Bởi vậy, kẻ thấy biết nông cạn dù hằng ngày đọc những lời dạy về nhân quả báo ứng của thánh nhân, vẫn không tin vào nhân quả báo ứng!

Đại giáo của Như Lai hiển thị sự mầu nhiệm của tâm tánh chúng ta cũng như sự tinh vi của lẽ nhân quả ba đời. Phàm là đạo cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ và pháp đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử không gì chẳng nêu đầy đủ. Do vậy, gặp cha nói về từ, gặp con nói đến hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, ai nấy trọn hết bổn phận, như vậy là trọn chẳng khác với những gì thánh nhân thế gian đã dạy; nhưng với mỗi một điều lại chỉ rõ nhân trước quả sau là những điều thánh nhân thế gian chưa hề đề cập tới.

Những lời dạy về tận phận, tận nghĩa, chỉ có thể dạy được bậc thượng trí, chứ chẳng thể chế phục kẻ hạ ngu. Nếu biết nhân quả báo ứng thì thiện - ác, họa - phước rõ ràng như xem ngọn lửa, ai lại chẳng muốn xuôi theo điều tốt lành, tránh né điều hung hiểm, tránh nạn được phước ư? Vả nữa, chẳng biết nhân quả sẽ đa phần phô bày tướng thiện bề ngoài, chứ thật ra ngầm ôm lòng ác để làm chuyện ác. Cứ nghĩ rằng người ta đã không biết, nào có trở ngại gì! Chẳng biết cái tâm chúng ta tương tức tương thông[228] với tâm thiên địa, quỷ thần, và chư Phật, Bồ Tát. Hễ mỗi khi chúng ta khởi lên một niệm, các vị ấy không điều gì không biết! Vì thế, nói: *"Những lời nói riêng tư trong nhân gian, chư thiên nghe như tiếng sấm. Tâm tồi tệ trong nhà kín, trong mắt thần giống như ánh chớp"*. Ông Châu An Sĩ nói: *"Ai nấy đều biết nhân quả, ấy chính là đạo để thiên hạ đại thái bình vậy! Người người không biết nhân quả, chính là*

[228] Tương tức tương thông: Tâm ta và tâm người hệt như nhau, cùng một bản thể nên có thể coi như một. Do có cùng bản thể nên thông suốt không trở ngại, người khác khởi lên tâm niệm, ta nhận biết rõ ràng; ta khởi lên tâm niệm, người khác biết ngay.

đạo gây đại loạn vậy!" Quả là ân Phật thấm đẫm con người; chỉ vì con người không suy nghĩ sâu xa nên chẳng hề biết đến vậy!

Đời thượng cổ, tánh tình con người thuần phác, hơn hẳn những đời sau tệ bạc biết bao lần! Ân trạch của Văn Vương thấm nhuần đến cả xương khô suốt mấy trăm năm; nhưng cái phong tục giết người tuẫn táng đầy khắp thiên hạ. Chư hầu thời Liệt Quốc[229] chết đi, giết theo những sủng thần, thiếp yêu cả mấy chục, mấy trăm người. Chẳng những không sanh lòng thương xót, lại còn ngược ngạo cho đó là vinh, ai nấy đua nhau học theo. Ngay như Tần Mục Công là vua hiền, còn giết một trăm bảy mươi bảy người để tuẫn táng theo. Ba người con của Tử Xa là bầy tôi trung lương của đất nước, mà cũng chẳng vì nước và dân mà được tính miễn trừ! Huống chi những bạo quân vô đạo khác! Vua cả một nước đã như thế thì đại phu và các quan ai nấy cũng tùy sức làm theo. Dù Khổng, Mạnh, Lão, Trang cùng xuất hiện cũng không thể ngăn dứt được!

Đến khi Phật giáo truyền sang Đông, xiển minh nhân quả báo ứng, dạy người kiêng giết, phóng sanh, bỏ ăn mặn mà ăn chay thì trùng, kiến, rận rệp còn được thương tiếc, che chở, không đành sát hại, huống chi con người! Do hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, đều biết tham sống sợ chết, đều là cha mẹ quyến thuộc trong quá khứ, đều là vị lai chư Phật Thế Tôn. Vì thế phải thương xót, che chở, nào dám giết hại bừa bãi để thỏa bụng miệng. Gió Từ vừa thổi, thắng hung tàn, trừ sát hại. Đừng nói chi hàng chư hầu, đại phu, quan chức chẳng dám giết người tuẫn táng, ngay cả kẻ hướng mặt về phía Nam xưng Trẫm[230] cũng chẳng dám hành ác pháp này. Dẫu có một hai kẻ bạo ngược làm như thế, cũng trọn chẳng dám cho giết nhiều người là vinh! Nếu không có thuyết sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng của Phật pháp thì người đời sau hết tuổi thọ rồi mới chết cũng là chuyện hiếm hoi lắm.

Đấy mới là pháp thiển cận mà hiệu quả còn được như thế, huống gì những lý luận về tâm tánh cực sâu xa và đạo đoạn Hoặc chứng Chân ư? Như Lai tùy thuận chúng sanh, từ từ khuyến dụ khéo léo. Thoạt tiên, dùng Nhân Thiên Thừa Ngũ Giới Thập Thiện để tiếp dẫn những căn cơ kém cỏi, dùng đó làm phương tiện ban đầu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu căn cơ hơi sâu

---

[229] Liệt Quốc: Tức thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa kể từ sau khi Châu Bình Vương (Cơ Nghi Cữu) nghe lời ông ngoại là Thân Hầu, mượn sức Hung Nô diệt phe đảng Bao Tự, lên ngôi, kinh đô bị giặc Hung Nô tàn phá, phải dời đô sang Đông, Sử gọi Đông Châu, cho đến khi Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước, thống nhất Trung Hoa. Trong thời này, vua Châu chỉ còn hư vị, chư hầu đánh phá lẫn nhau, xưng bá. Thời kỳ này kéo dài từ năm 770 trước Công Nguyên cho đến 221 trước Công Nguyên, và được chia làm hai giai đoạn: Xuân Thu (770 tr.CN - 476 tr.CN) và Chiến Quốc (475 tr. CN – 221 tr.CN). Thời Xuân Thu có 12 nước chư hầu lớn, nhiều nước nhỏ (phụ dung); thời Chiến Quốc chỉ còn sáu nước. Tần Mục Công, làm vua Tần từ năm 659 tr. CN đến năm 620 tr. CN, là người có công đưa nước Tần lên địa vị bá chủ chư hầu.

[230] Hoàng đế ngồi ở phía Bắc ngoảnh mặt về phía Nam. Trẫm vốn là một đại từ nhân xưng thông dụng thời cổ, có nghĩa là ta, hay tôi. Về sau, Tần Thủy Hoàng hạ lệnh cấm dân chúng dùng chữ này, chỉ mình hoàng đế được quyền xưng là Trẫm.

hơn, bèn giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên khiến cho đoạn Kiến Tư Hoặc, chứng Thanh Văn, Duyên Giác là những quả Nhị Thừa. Nếu là căn tánh Đại Thừa bèn dạy phát Đại Bồ Đề tâm, tu khắp Lục Độ vạn hạnh, thượng cầu hạ hóa chúng sanh, khởi lòng Vô Duyên Từ, khởi Đồng Thể Bi, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành Bố Thí và Lục Độ vạn hạnh, độ thoát hết thảy chúng sanh, khiến cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn, nhưng chẳng thấy ta là người hóa độ và người khác cùng chúng sanh là kẻ được độ, và tướng thọ giả của Vô Dư Niết Bàn để chứng. Do chẳng chấp vào bốn tướng nên tam luân thể không. Vì vậy, Trần Sa vô minh nhân đó bèn tiêu diệt. Tùy theo công hạnh, lần lượt chứng các quả Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, và hiển lộ toàn thể tự tánh, triệt ngộ duy tâm, phước huệ viên mãn, Phật Quả trí đoạn rốt ráo.

Lại do căn cơ chúng sanh đời mạt kém hèn, nếu không cậy vào thệ nguyện lực lớn lao của Như Lai quyết sẽ khó thể thoát khỏi sanh tử ngay trong đời này. Vì vậy, do lòng đại từ bi, Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ cậy Phật từ lực, liễu sanh thoát tử. Chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm một mảy may điều thiện thế gian nào cũng như mọi công đức Lục Độ vạn hạnh đều đem hồi hướng vãng sanh. Đây chính là dùng tín nguyện của chính mình để cảm Phật từ bi, cảm ứng đạo giao, ắt được Phật nhiếp thọ. Đợi đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh rồi sẽ lìa xa trọn vẹn các khổ, chỉ hưởng các sự vui, thân cận Di Đà, dự vào hải chúng, chứng Vô Sanh, thành giác đạo, như trao bằng khoán lấy lại vật cũ. So với các pháp cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử khác thì sự khó - dễ cố nhiên là khác biệt một trời một vực.

Hơn nữa, cậy vào tự lực thì trong trăm ngàn vạn người khó được một hai kẻ liễu thoát ngay trong đời này, bởi lẽ Định - Huệ phải trọn đủ, phải hết sạch Hoặc nghiệp thì mới được như nguyện. Nếu Hoặc nghiệp còn mảy may chưa đoạn hết thì sanh tử luân hồi quyết khó thể xuất ly. Cậy vào Phật từ lực thì tín nguyện chân thành thiết tha, vạn kẻ chẳng sót một ai! Độ khắp ba căn, gồm thâu lợi - độn, thượng căn thì mau chứng Pháp Thân, hạ căn bèn đới nghiệp vãng sanh. Bản hoài độ tận chúng sanh của Như Lai chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ mới có thể thỏa rốt ráo được. Do có những sự lợi ích như trên cho nên xưa nay, vua thánh, tôi hiền, hào kiệt, vĩ nhân không ai chẳng tự hành, dạy người, hộ trì lưu thông, để về mặt ngầm là giúp cho việc trị nước, còn mặt hiển là yên dân tình, tiêu họa loạn khi chưa chớm nẩy, chứng Phật Tánh vốn sẵn có.

Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, ai nấy chấp vào sự hiểu biết của chính mình, cạnh tranh với nhau đến nỗi đao binh liên miên, không lúc nào yên ổn. Hễ người trên thích điều gì, kẻ dưới ắt làm cho được. Những tên dân

ương bướng đều thành thổ phỉ hết, mặc tình cướp đoạt, độc hại dân sanh. Do sự ác của con người chiêu cảm, nên trời bèn ứng thiên tai, lụt lội, hạn hán, tật dịch, gió bão, động đất, đủ mọi tai họa thảm khốc thường thấy xảy ra luôn, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Muốn ra tay cứu vớt, nhưng khổ nỗi không sức, chỉ khẩn cầu những vị đương có quyền thế và hết thảy đồng bào, ai nấy hãy dùng cái tâm trung hậu, khoan thứ sẵn có để hành đạo từ bi, coi hết thảy nhân dân đều như người ruột thịt, nâng đỡ lẫn nhau, chớ nên tàn hại! Nghĩ đến tiền nhân hậu quả ắt sẽ tu đức hành nhân, lợi người quả thật chính là lợi mình, đời này, đời khác phước báo vô cùng. Hại người gây ra sự khổ còn hơn tự hại, đời này, tương lai, khổ báo vô tận! Phô phang quyền thế trong một lúc để rồi thần thức chịu khổ mãi bao kiếp. Sao bằng tu đức suốt đời, ngõ hầu thân tâm được hưởng vui sướng nhiều đời!

Nhưng còn trong địa vị phàm phu chưa đoạn được Hoặc nghiệp, dẫu sanh vào nhân thiên, rốt cuộc vẫn chẳng phải là chỗ an ổn rốt ráo. Nếu có thể tùy phận, tùy sức, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, để mong khi hết Báo Thân này sẽ cao đăng Cực Lạc, đấy là đạo thoát khổ tối thượng. Nhưng đường đường là trượng phu, nỡ để Phật tánh sẵn có thường bị Hoặc nghiệp xoay chuyển, chịu sanh tử đau khổ ư? Trong Trung Hoa Tân Báo, ông Trương Quý Loan mỗi ngày chuyên dành riêng một cột để in bài đề xướng Phật học, tùy thời đăng tải hết những chuyện Như Lai ứng hóa, pháp đạo lưu thông, tội - phước do tin nhận hay hủy báng, lợi ích do tu trì, và những ngôn luận sự tích kiêng giết, phóng sanh, ăn chay niệm Phật, ngõ hầu những vị đọc báo đều cùng ngộ được lý *"Phật, tâm, chúng sanh ba điều không sai biệt"* và làm chuyện "đoạn ác, tu thiện, khôi phục nguồn tâm sẵn có". Tôi cho rằng đây quả thật là đạo "gốc chánh, nguồn trong" để giữ nước, bảo vệ dân, nhân đó toan đem những điều quan trọng về thiên chức của chúng ta, sự sanh thành dưỡng dục của trời đất, tâm pháp của thánh hiền, cương yếu của Phật giáo, và nguồn gốc đời loạn, nguyên do thái bình, thuật đại lược hòng cống hiến cho bậc cao nhân có đủ con mắt trong cõi đời, nhưng thẹn mình văn tự thô vụng, chất phác, chẳng thể diễn tả sâu xa, uẩn súc. Tuy vậy, về mặt ý nghĩa cố nhiên chẳng phải là bàn xằng, bịa đặt, nên có thể chấp nhận được!

Hơn nữa, con người sống trong thế gian, việc thành đức đạt tài, dựng lập công nghiệp, cũng như thành được một tài một nghề để nuôi thân mình và gia đình đều phải nhờ vào sức văn tự chủ trì giúp đỡ thì mới được thành tựu. Chữ nghĩa là của báu quý nhất trong thế gian, có thể khiến cho phàm thành thánh, ngu thành trí, nghèo hèn trở thành phú quý, bệnh tật trở thành khỏe mạnh, yên ổn. Đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ, việc kinh doanh của gia đình mình được truyền đến con cháu, không gì không nhờ vào sức văn tự. Nếu cõi đời không có văn tự thì hết thảy sự lý đều chẳng thành lập, con người chẳng

khác gì cầm thú! Đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng mến tiếc chữ nghĩa. Trộm thấy con người hiện thời mặc tình khinh nhờn, quả thật coi của quý báu nhất khác nào phân, đất; sao không đến nỗi hiện đời tổn phước, giảm thọ; đời sau trở thành vô tri vô thức ư? Thêm nữa, chẳng những không được khinh nhờn, ruồng rẫy văn tự hữu hình, mà đối với chữ nghĩa vô hình lại càng chẳng được khinh nhờn, ruồng rẫy! Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nếu chẳng tận sức thực hiện thì chính là quên mất tám chữ đó. Đã quên mất tám chữ ấy thì sống làm hạng cầm thú mặc áo, đội mũ; chết sẽ đọa trong tam đồ ác đạo, có đáng buồn hay chăng?

III. SỚ [231]

1. Sớ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm[232]

Kiêng giết phóng sanh về mặt Sự thì nông cạn, dễ thấy; nhưng về mặt Lý lại sâu xa, khó hiểu rõ. Nếu chẳng hiểu rõ Lý, dù có làm chuyện này, trong tâm chắc chắn chẳng chí thành, thương xót thiết tha, phước điền lợi ích cũng do tâm lượng mà trở thành nhỏ nhoi, nông cạn. Nếu gặp phải kẻ vô tri ngăn trở, phỉ báng, [người phóng sanh] sẽ bị kẻ đó xoay chuyển, khiến cho một dạ thiện tâm vì đó bị tiêu diệt chẳng còn. Do vậy, chẳng ngại lắm lời giãi bày ý nghĩa, để những loài vật đều được gội từ ân, loài người đều được vun bồi nền phước, ngõ hầu khẩn thiết động đến lòng nhân sâu xa, diệt được sát báo cho ta lẫn người, cùng đều được về cõi thọ, cùng vui tuổi trời. Lại nguyện đem công đức này hồi hướng Tây Phương để vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát tam giới, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải chúng. May ra sẽ được người đọc chú ý vậy! Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh sống trên đất hay dưới nước, vốn quả thật chẳng hai, chẳng khác gì với tam thế chư Phật; nhưng vì sức ác nghiệp đời trước chướng lấp nên diệu minh chẳng thể hiển hiện, trầm luân trong dị loại, đến nỗi sự hay biết hèn kém, ngoại trừ chuyện tìm cái ăn, tránh cái chết ra, trọn chẳng biết đến điều chi khác nữa!

---

[231] Sớ: Theo từ điển Từ Hải, chữ Sớ có hai nghĩa:
1) Trình bày rõ ràng từng điểm một.
2) Chú thích ý nghĩa của sách vở.
Ngoài ra, Sớ còn được dùng để chỉ những công văn hoặc tờ trình lên thượng cấp, lên vua. Do vậy, những bài văn được tuyên đọc trong khi tụng kinh với mục đích cầu đảo, giãi bày ý nghĩa của pháp hội đang làm cũng được gọi là Sớ. Ở đây, chữ Sớ được dùng theo nghĩa thứ nhất. Những bài Sớ trong phần này được viết nhằm trình bày rõ ý nghĩa sự việc để cổ động mọi người tham gia, ủng hộ.

[232] Thị trấn Nam Tầm thuộc thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang.

Ví như tấm gương đồng quý báu lớn, trải bao kiếp bị bụi lấp, chẳng những không có mảy may quang minh nào, ngay cả chất đồng của gương cũng chẳng thể hiển hiện được, khác gì phế vật! Chợt gặp được người trí, biết là gương báu sẵn có đủ vô biên quang minh chiếu trời soi đất, bèn ngày ngày chăm chú giồi mài. Thoạt đầu bèn lộ chút chất gương, dần dần tỏa ra ánh sáng. Mài đến cùng cực thì ánh sáng chiếu trời soi đất bèn hiển hiện toàn thể; người vô trí mới bèn quý trọng, xem là vật quý báu nhất. Phải biết: Ánh sáng ấy gương vốn sẵn tự có, nào phải do mài mà có! Tuy là tự sẵn có, nhưng nếu không có duyên giồi mài thì từ kiếp này sang kiếp khác cũng chẳng có ngày tỏa ra quang minh. Tâm tánh của hết thảy trời - người chúng sanh lục đạo đều giống như vậy. Do Hoặc nghiệp từ vô thỉ đến nay che lấp nên chẳng thể tỏ lộ diệu minh sẵn có, mê trái chân tánh, tạo nghiệp sanh tử. Đức Đại Giác Thế Tôn biết nhất niệm tâm tánh của các chúng sanh bằng với chư Phật; do vậy, [dùng] đủ mọi phương tiện tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi loài đều tu đạo Giới - Định - Huệ, ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục cái mình sẵn có, trọn vẹn phước huệ để chứng Pháp Thân.

Lại dạy người đời phát tâm từ bi, kiêng giết, phóng sanh; ấy là vì ta và hết thảy chúng sanh đều ở trong luân hồi, từ vô thỉ đến nay lần lượt sanh ra nhau, xoay vần giết lẫn nhau. Bọn họ cố nhiên là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của ta, mà ta cũng là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của mỗi một người trong bọn họ. Bọn họ nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại[233], bị ta giết chóc; ta cũng nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại, bị họ giết chóc. Trải bao kiếp lâu xa, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn không ngơi ngớt! Phàm phu không biết, Như Lai thấy thấu suốt. Hễ không nghĩ thì thôi, nếu nghĩ đến ắt khôn ngăn hổ thẹn, thương xót! Nay ta may nhờ phước thiện đời trước, sanh trong loài người, cố nhiên nên cởi gỡ mối oán kết, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thảy những loài có sanh mạng đều được yên ổn; lại vì họ niệm Phật hồi hướng Tịnh Độ, khiến cho họ được độ thoát. Nếu họ nghiệp nặng chưa thể vãng sanh ngay, ta bèn nhờ vào công đức từ thiện này, quyết cầu lâm chung vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh ắt sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chứng được Phật quả.

Vả nữa, yêu thương loài vật, phóng sanh thì bậc cổ thánh tiên hiền đều làm chuyện này. Vì thế, kinh Thư có đoạn văn chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui[234], Văn Vương ân trạch thấm đến xương khô, huống chi loài vật có tri

[233] Dị loại: Khác chủng loại. Do loài vật không thuộc loài người nên thường được gọi là Dị Loại.

[234] Nguyên văn: *"Điểu, thú, ngư, miết hàm nhược"*. Trong bài tựa cho cuốn Vệ Sinh Tập, Tổ đã giải thích: *"Nhược là thuận. Hàm Nhược có nghĩa là đều được thuận theo thiên tánh, chẳng vướng mắc nỗi khổ bị sát hại"*. Ở đây, chúng tôi chỉ dịch tóm gọn là *"chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui"*.

giác. Như Giản Tử thả chim cưu, Tử Sản[235] nuôi cá, Tùy Hầu giúp rắn[236], Dương Bảo cứu chim sẻ[237]. Đấy là tâm thánh hiền cùng dùng lòng nhân đối đãi với loài vật, dẫu họ không biết đến những nghĩa lý: *"Những loài có tri giác, có cử động đều có Phật tánh, lần lượt thăng lên, đọa xuống, làm kẻ oán người thân lẫn nhau, và tương lai quyết định thành Phật"*. Đến khi đại giáo truyền sang Đông, thì nhân quả ba đời và lý *"chúng sanh, Phật, tâm, ba thứ bình đẳng không hai"* sáng lòa trong thế gian. Phàm là bậc đại thánh đại hiền, không ai chẳng kiêng giết, phóng sanh, nhằm vãn hồi sát kiếp để vun bồi quả phước, làm nền tảng để dứt nạn binh đao, vui hưởng tuổi trời. Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp, tu thính đồ môn bán dạ thanh"* (tạm dịch: "Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe lò mổ giữa đêm thanh"). Lại nói: *"Muốn cho thế gian không còn nạn đao binh thì trừ phi chúng sanh không ăn thịt"*. Do vậy, biết rằng: Kiêng giết, phóng sanh chính là khuôn mẫu tốt đẹp để nhổ rễ lấp nguồn [tai nạn], cứu đời.

Vì thế, Trí Giả đại sư đời Trần mua hơn sáu mươi chỗ ở Lâm Hải, Giang, Hỗ, Khê, Lương, cả hơn bốn trăm dặm làm ao phóng sanh, xin sắc chỉ lập bia cấm ngặt đánh cá. Kẻ nào bắt trộm làm càn sẽ bị mắc vạ. Đến niên hiệu Trinh Quán đời Đường (triều vua Đường Thái Tông) vẫn còn như thế. Đến năm Càn Nguyên thứ hai đời Đường Túc Tông (759), vua hạ chiếu truyền các châu trong thiên hạ lập ao phóng sanh, sai Nhan Chân Khanh[238] soạn bài văn bia và viết bằng bút son; trong ấy có câu: *"Đức vua ta lấy cả thiên hạ làm ao, hết thảy*

---

[235] Tử Sản (không rõ năm sinh -522 trước Công nguyên), tên thật là Công Tôn Kiều, tự Tử Sản, hiệu là Tử Khương, sống vào thời Xuân Thu, người nước Trịnh. Ông chính là dòng dõi của Trịnh Mục Công, nổi tiếng thông minh từ nhỏ, rất giỏi về cai trị, làm chức Khanh đời Trịnh Giản Công, chấp chính suốt hai mươi ba năm, rất nhân từ. Ông tiến hành nhiều cải cách quan trọng, chỉnh đốn quyền tư hữu ruộng đất của quý tộc để nông dân có ruộng làm, định lại sắc thuế cho hợp lý hơn. Ông là người đầu tiên cho biên soạn hình luật và cho khắc tân luật lên một cái đỉnh to đặt trong cung vua để mọi người đều được biết luật. Ông chủ trương thuyết Nhân Bản, và cũng được coi là một trong những Nho Gia điển hình trước thời Khổng Tử. Không rõ chuyện nuôi cá của ông ta được trích từ điển tích nào.

[236] Đời Xuân Thu, Tùy Hầu (vua nước Tùy) đi ra ngoài chơi thấy một con rắn bị người ta đánh gần chết, vứt trên vệ đường, động lòng thương xót, liền sai tùy tùng đem thuốc cứu rắn, rồi đem thả đi. Ít lâu sau, rắn từ sông ngoi lên, nhả tặng vua một viên minh châu để báo ân cứu mạng. Do vậy, viên ngọc ấy thường được gọi là Tùy Hầu Châu, hoặc Linh Xà Châu. Sách Sưu Thần Ký mô tả viên ngọc ấy như sau: *"Kích thước tròn trặn chừng một tấc, trắng muốt, ban đêm tỏa ánh sáng, có thể soi sáng cả gian phòng"*.

[237] Có lần Dương Bảo vào Hoa Sơn thấy con chim sẻ bị thương rơi xuống đất, máu me bê bết, cảm thương ông liền đem về băng bó, chăm sóc, khi chim lành bèn thả đi. Chim tha đến bốn cái chén ngọc, lại nói: "Mong con cháu ông sẽ trắng trong, tinh thuần như bạch ngọc". Đêm ấy, ông mộng thấy một vị trời mặc áo vàng đến bảo: "Tôi là con chim sẻ vàng được ông cứu mạng. Tôi vốn là sứ giả của Tây Vương Mẫu, bị thương giữa đường. May được ông cứu giúp, nay được trở về Nam Hải nên đến đáp tạ". Về sau, con cháu ông đều nổi tiếng đức hạnh, hiển đạt.

[238] Nhan Chân Khanh (707-784), tự Thanh Thần, thường được gọi là Lỗ Công (vì ông được phong chức Lỗ Quận Khai Quốc Công), là một thư pháp gia nổi tiếng thời Đường. Tuy cũng là thi nhân, thơ ông không nổi tiếng như các nhà thơ khác thời Thịnh Đường. Tài thư pháp của ông được người đương thời bình luận: *"Phóng khoáng nhưng không buông tuồng, dễ dãi nhưng không vụng về, đặt bút viết xuống là được ngay"*. Lối viết Khải Thư của ông được coi là mẫu mực cho mọi hành giả viết chữ Khải Thư về sau. Ông còn được coi là truyền nhân của Trương Húc về lối chữ Thảo.

[các loài] trong toàn cõi đều nhờ phước, nương sức Đà La Ni gia trì, cạn bờ mé phiền não sanh tử; suy đến tận ngàn xưa, chưa hề phảng phất giống được như vậy". Năm Thiên Hỷ nguyên niên (1017) đời Tống Chân Tông, hạ chiếu truyền thiên hạ lập ao phóng sanh, Tây Hồ ở Hàng Châu cũng trở thành ao phóng sanh của vua Tống. Đời Minh, đại sư Liên Trì lập ao phóng sanh ở hai nơi là Thượng Phương và Trường Thọ. Bài Giới Sát Phóng Sanh Văn của ngài lưu truyền khắp thiên hạ. Cho đến nay đã hơn ba trăm năm, những người thông hiểu trong hàng Tăng - tục đều ngưỡng mộ cao phong, từ bi cứu tế loài vật không thể tính kể.

Như có kẻ nói:

- Kẻ quan quả cô độc[239], bần cùng hoạn nạn đâu đâu cũng có, sao không châu cấp, lại gấp rút lo lắng cho loài dị loại chẳng liên quan gì đến ta? Đấy chẳng phải là điên đảo nơi chuyện thong thả - gấp rút, nặng - nhẹ đó ư?

Đáp:

- Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Tuy người và vật khác nhau, nhưng Phật tánh vốn đồng. Do ác nghiệp nên chúng bị trầm luân trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được thân người. Nếu chẳng xót thương, giúp đỡ, cứ mặc tình giết hại, ăn nuốt, thì một mai kia nếu phước ta hết rồi, tội của chúng đã trả xong, khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu, [đem thân mình] thỏa miệng bụng của chúng. Phải biết đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dẫu thân gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi lòng lành, chẳng giết hại mình. Huống chi những tai nạn bất ngờ như ôn dịch, nước, lửa thì người kiêng giết, phóng sanh rất ít gặp phải. Do vậy, biết rằng: Che chở loài vật chính là tự che chở mình. Kiêng giết sẽ khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, trộm cướp giết, [khỏi bị] oán - thân giết nhau báo thù trong tương lai. Những kẻ quan quả cô độc bần cùng hoạn nạn cũng nên tùy phần tùy lực châu cấp cho họ, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh hoàn toàn chẳng hành những điều công đức ấy! Tuy người quan quả cô độc rất đáng thương, nhưng họ chưa đến nỗi lâm vào tử địa, còn loài vật nếu không bỏ tiền chuộc mạng, sẽ lập tức phải lên chảo, thớt để thỏa bụng miệng con người!

Lại có kẻ nói:

- Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy?

Đáp rằng:

- Phải biết chuyện phóng sanh thật ra nhằm để phát khởi thiện tâm tối thắng "bảo vệ sanh mạng mọi loài vật" của mọi người, ngõ hầu lãnh hội được ý nghĩa

[239] Quan quả cô độc: Quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là mất cha mẹ, độc là không con cái.

của chữ "Phóng" (thả), trong tâm đã động lòng trắc ẩn, ắt chẳng nỡ ăn nuốt. Đã không có người ăn nuốt thì người đánh bắt sẽ phải thôi, khiến cho hết thảy loài vật dưới nước, trên mặt đất, trên hư không đều tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sinh sống của chúng. Như vậy, thành ra không phóng sanh mà hóa ra là phóng sanh khắp tất cả. Đấy chẳng phải là "*cả thiên hạ biến thành một cái ao"* ư? Dẫu không phải ai cũng đều như vậy cả, nhưng một người chẳng nỡ ăn thịt thì vô lượng sanh mạng trên đất liền, dưới nước khỏi bị giết chóc; huống chi nào phải chỉ có một người! Lại vì hiện tại, vị lai hết thảy đồng nhân đoạn trừ cái nhân của quan quả, cô độc, hoạn nạn, bần cùng, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, an lạc, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão cho họ. Đấy chính là làm chuyện châu cấp, cứu tế sẵn để đời đời kiếp kiếp trong vị lai mãi mãi chẳng bị những nỗi khổ quan quả cô độc v.v… hưởng thụ dài lâu những niềm vui sống lâu, giàu sang v.v… Đấy chẳng phải là *"toàn nước được hưởng phước"* ư? Há có nên coi thường gác bỏ? Ông hãy nghĩ kỹ đi, kiêng giết, phóng sanh rốt ráo là khăng khăng vì con người hay là khăng khăng vì loài vật, điên đảo nơi chuyện thong thả - gấp rút, nhẹ - nặng vậy?

Phía ngoài chùa Cực Lạc ở Nam Tầm từ trước đã có ao phóng sanh, nhưng do bờ vách chưa xây nên bị sụp lở, lại thêm nhiều năm chưa được khơi vét, bùn lầy đầy ứ. Thường có những người lành phải ra sông phóng sanh, dù phát thiện tâm nhưng sanh vật khó được hưởng lợi ích. Sáng vừa được thả, chiều lại bị bắt, quá nửa là như vậy. Nếu gần sông to thì dĩ nhiên nên thả xuống sông, nơi sông nhỏ trọn chớ nên thả xuống. Viên Lâm đại sư lòng bất nhẫn, muốn đào sâu ao đó, phía ngoài đắp tường vây bọc bảo vệ để có chỗ phóng sanh mà kẻ bắt cá trộm cũng không làm gì được! Ý ấy cũng rất tốt lành, nhưng chưa tiến hành, đến khi Giác Tam đại sư từ Phổ Đà đến đó, vừa trông thấy liền hợp ý, trở về chùa bàn bạc chuyện ấy, nhưng tôi đã buông xuống vạn duyên, chuyên tu Tịnh nghiệp rồi [nên không thể cáng đáng việc ấy]. Thầy Giác Tam kế thừa đầu mối cũ, muốn sự ấy chóng thành, nhưng công trình rộng lớn, sức một mình Sư khó thể thành tựu, tính quyên mộ thiện tín toàn trấn cùng giúp cho việc thù thắng, xin tôi viết lời tự (phần sau lược đi).

2. Bài sớ về ao phóng sanh chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa[240], Kim Lăng

Kim Lăng[241] là đất văn hiến, thường được gọi là Phật Quốc. Người xứ ấy đa phần có căn tánh Đại Thừa. Từ khi đại pháp truyền sang Đông, hơn một trăm

[240] Sông Tam Xoa nằm phía Nam Kim Lăng, do sông hợp nhánh cùng với sông Tần Hoài ở phía Đông và Thanh Giang tại phía Nam cùng đổ ra biển, có hình dáng giống như cái chĩa ba nên có tên như vậy.

[241] Kim Lăng là tên cũ của Nam Kinh. Nam Kinh còn có tên khác là Giang Ninh. Đây là kinh đô của nhiều triều đại trong lịch sử, thường được biết đến dưới tên gọi Lục Triều Cổ Đô. Năm Vĩnh Lạc 19, Minh Thành Tổ dời đô lên Bắc Kinh; do vậy, đổi Kim Lăng thành Nam Kinh.

bảy mươi năm chỉ ở phương Bắc. Đến năm Xích Ô thứ tư (241) đời Tôn Quyền nhà Ngô, tôn giả Khang Tăng Hội đến giáo hóa đất này, cảm được xá-lợi Phật giáng lâm, Tôn Quyền bèn cho dựng tháp lập chùa để hoằng pháp hóa. Đến đời Tấn, ngài Phật Đà Bạt Đà La[242] cũng dịch kinh Hoa Nghiêm ở nơi đây. Từ đời Tống, Tề, Lương, Trần trở đi, dịch kinh hoằng pháp có rất nhiều vị. Một là do thiện căn xưa kia un đúc khiến thành ra như thế; hai là núi cao, nước sâu, địa linh khiến thành ra như vậy. Đến thời Đường Túc Tông, Lỗ Công Nhan Chân Khanh trấn giữ đất này, vua hạ chiếu truyền các châu trong thiên hạ đều lập ao phóng sanh, sai Lỗ Công soạn bài văn, có câu: *"Cả thiên hạ đều thành ao, trọn đất nước đều nhờ phước, chứ nào phải chỉ tính kế riêng cho loài vật mà thôi ư!"* ấy là muốn cho [người đọc đến] phải cảm động vậy!

Đầm Ô Long dưới núi Thanh Lương chính là ao phóng sanh do Lỗ Công tự lập. Lỗ Công lòng tinh trung ngời nhật nguyệt, văn bút động gió mây, nhưng lại dốc lòng tin tưởng Phật pháp, cực lực bảo vệ sanh mạng loài vật. Đức hạnh tốt đẹp, lòng từ bao la ấy một ngàn trăm năm sau không ai chẳng kính ngưỡng! Gần đây, thế đạo nhân tâm suy kém đã đến độ cùng cực, thiên tai, nhân họa xảy ra liên miên. Người có lòng lo lắng cho đời đều cho rằng những nghiệp quả ấy đều do sát nghiệp tạo ra. Nếu biết được loài vật chẳng nên giết, chắc chắn không khi nào có người giết! Do vậy, những người ôm lòng từ thiện nâng đỡ lẫn nhau, sẽ tự có thể thay đổi phong tục, chiêu cảm được thiên hòa. Do vậy, các vị cư sĩ Phùng Mộng Lão, Vương Ấu Nông, Bàng Tánh Tồn, Ngụy Mai Tôn… tính lập ao phóng sanh để đề xướng đạo "ngưng giết, hành từ", ngõ hầu đề cao phong tục "coi dân chúng như ruột thịt, coi loài vật như chính mình".

Do nền cũ đầm Ô Long của Lỗ Công không thông ra sông, nên họ tìm riêng một cuộc đất rộng rãi hơn một trăm mấy mươi mẫu ở phía dưới bờ đập nhà họ Phương ở sông Tam Xoa, đủ để kiến lập đạo tràng, đào ao phóng sanh. May là chủ cuộc đất ấy là ông Phương Tuấn Sanh vốn là bậc quân tử thích làm lành, chỉ lấy nửa giá, cũng có thể nói là công đức hy hữu vậy! Bàn bạc vừa xong, nhằm đúng lúc tôi đến Kim Lăng, ông Ngụy đem chuyện này bảo với tôi, nhờ viết tờ sớ để xướng suất. Tôi thường đau đớn trước nỗi thảm sát kiếp trong thời

[242] Phật Đà Bạt Đà La (359-429), tiếng Phạn là Buddhabhadra, dịch nghĩa là Giác Hiền hoặc Phật Hiền. Ngài là vị cao tăng, người thành Na Ha Lợi, Bắc Ấn, là hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương thành Ca Tỳ La Vệ. Xuất gia năm mười bảy tuổi, tu hành tinh tấn, đọc rộng các kinh sách, tinh thông Thiền, Luật. Sau Ngài cùng đồng học là Tăng Già Đạt Đa qua Kế Tân học Thiền với ngài Phật Đại Tiên. Rồi ngài nhận lời thỉnh của sư Trí Nghiêm, đến Trường An vào năm Hoằng Thì thứ 10 (408) nhà Hậu Tần để hoằng truyền Thiền học. Do không quen tập tục ở Trường An, lại không hợp với ngài Cưu Ma La Thập nên cùng những đệ tử như Huệ Quán v.v… hơn 40 người rời Trường An, sang cư ngụ ở Lô Sơn với ngài Huệ Viễn mấy năm, dịch kinh Đạt Ma Đa La Thiền Kinh. Năm Nghĩa Hy thứ 11 (415), Sư đến Kiến Khang, nay là Nam Kinh, ở lại chùa Đạo Tràng, chuyên chú dịch thuật. Ngài cùng đại sư Pháp Hiển hợp dịch Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Đại Bát Nê Hoàn Kinh, lại dịch bộ Hoa Nghiêm sáu mươi quyển một mình. Ngài tịch diệt năm Nguyên Gia thứ sáu nhà Lưu Tống, thọ 71 tuổi. Đời gọi Ngài là Thiên Trúc Thiền Sư.

gần đây, muốn vãn hồi nhưng không có sức. Nay do ông ta thỉnh, lòng xúc động, trước kia tôi từng soạn bài sớ cho ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm, đã trình bày đại lược chuyện chúng ta cùng loài vật vốn có đủ chân tâm, do tùy theo nghiệp mà thăng - trầm, cũng như quả báo do sát sanh hay phóng sanh trong hiện tại - tương lai, nên ở đây chỉ nói đại lược, không nhắc lại nữa.

Kính mong chư vị đàn-việt[243] cùng phát thiện tâm, cùng bỏ ra tịnh tài khiến cho việc này mau được thành công, ngõ hầu muôn vật loài nào loài nấy sống yên; công đức lợi ích ấy vô lượng, vô biên, há nào phải chỉ trong hiện đời vạn họa băng tiêu, ngàn sự tốt lành nhóm đến như mây, mà trong đời vị lai những người đền ân báo đức cũng chẳng biết là bao nhiêu ngàn vạn ức! Phải biết phóng sánh vốn là kiêng giết, kiêng giết phải khởi đầu từ việc ăn chay! Nếu ai nấy đều kiêng giết, ai nấy đều ăn chay thì nhà nhà tập thói từ thiện, người người giữ trọn lễ nghĩa, phong tục tốt đẹp tinh thuần, thời thế hòa bình, được mùa, nào đến nỗi có chuyện đao binh kiếp khởi, đây - kia đánh lẫn nhau! Đấy chính là chuyện trọng yếu, là "nguồn trong gốc chánh" để vãn hồi thiên tai nhân họa vậy! Phàm những ai muốn cho cửa nhà yên ổn, thân tâm khỏe mạnh, yên vui, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, xin hãy cầu từ nơi kiêng giết phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì cầu gì mà chẳng được!

3. Bài sớ [kêu gọi đóng góp] xây dựng viện mồ côi Phật giáo chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu. Dân là đồng bào của chúng ta, loài vật và ta cũng giống như thế. Do vậy, Khổng Tử lấy chuyện yên ổn người già, lo lắng cho trẻ nhỏ làm chí, đức Như Lai lấy việc phổ độ chúng sanh làm tâm. Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ thân thuộc trong quá khứ của chúng ta, đều sẽ thành Phật đạo trong đời tương lai. Có những kẻ do nghiệp lực nên đọa trong dị loại sống trên đất, dưới nước, trên không trung, nhưng Phật tánh của họ chẳng bị tổn hại chút nào. Cái tâm tham sống, sợ chết, tránh khổ, cầu vui chẳng khác chúng ta chút nào! Do vậy, ông Phùng Mộng Lão mời các vị cư sĩ cùng chí hướng đề xướng tạo dựng Pháp Vân Tự làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh. Mong hết thảy thiện nhân cảm cái tâm của cha trời mẹ đất, cùng mang ý niệm *"dân là đồng bào, loài vật cũng giống như ta"*, dứt sát nghiệp cho cả người lẫn ta, vun cội đạo Bồ Đề, chứ nào phải chỉ chăm chú vào một đạo tràng nhỏ bé mà thôi! Ấy là vì muốn cho cả thiên hạ đều cùng phát khởi cái tâm trắc ẩn không chi chẳng thấu.

[243] Đàn-việt (danapati): Thí chủ, người đứng ra bố thí.

Đối với hết thảy những kẻ quan quả cô độc, khốn khổ, lênh đênh, không nơi nương tựa, không phải là chẳng muốn cứu giúp, nhưng do tài lực khó khăn, nên bèn lập thêm một Viện Mồ Côi nơi cuộc đất hẹp bên cạnh ao phóng sanh chùa Pháp Vân, đem những cô nhi không cha, không mẹ, không cách sống còn về nuôi dạy cho đến khi chúng thành tài tự lập, để chúng khỏi bị đói lạnh mà chết vùi lấp bên khe ngòi, no lòng quạ, chó; đến nỗi tổ tông chúng không người thờ phụng, cũng như quốc gia thiếu nhân dân. Tâm ấy có thể nói là chân thành khẩn thiết, biết điều gì cần phải lo trước. Ấy là vì trẻ nhỏ hễ mất cha mẹ ắt phải đến nỗi chết đi. Dẫu cho nó có thể xin ăn được đôi chút, không đến nỗi chết ngay, nhưng vì không thể học hành, bất quá chỉ suốt đời làm mướn, làm sao mở mang trí thức để thấu đạt thiên tư sẵn có, giữ vẹn luân lý hòng chẳng trái đạo làm người cho được? Hãy thử nghĩ: Ngài Đạo An đời Tấn, ngài Nhất Hạnh đời Đường, ngài Diệu Phong đời Minh[244] đều là cô nhi. Do các vị được làm Tăng

---

[244] Về ngài Đạo An, xin xem chú thích 153, trang 204, quyển 2.

* Nhất Hạnh (683-727), thường được xưng tụng là Nhất Hạnh A Xà Lê, là một cao tăng bên Mật Tông, đồng thời là một nhà thiên văn lịch số nổi tiếng. Ngài sống vào thời Đường, quê ở Cự Lộc (nay thuộc huyện Cự Lộc, tỉnh Hà Bắc). Xuất thân từ nhà quyền quý, tánh ưa thích kinh sử, xuất gia với ngài Cảnh thiền sư ở Kinh Châu, sau học Thiền với ngài Phổ Tịch thiền sư ở Tung Sơn, rồi lại học Luật với ngài Đương Dương Chân Toản. Ngài gom góp những đoạn kinh văn trọng yếu trong các kinh luận soạn thành bộ Nhiếp Điều Phục Tạng, mười quyển. Sư còn theo học với các vị Thiện Vô Úy, Kim Cang Trí, cùng với ngài Thiện Vô Úy dịch bộ kinh căn bản quan trọng nhất của Mật Tông là kinh Đại Nhật. Sư được ngài Kim Cang Trí truyền thọ Bí Mật Quán Đảnh. Năm Khai Nguyên thứ chín (721), vua xuống chiếu sai Sư hiệu đính lịch pháp. Sư soạn thành bộ Đại Diên Lịch gồm 52 quyển (lịch pháp này đến nay vẫn được người Nhật sử dụng). Ngài còn cùng với ông Lương Lệnh Toản chế ra dụng cụ thiên văn gọi là Hoàng Đạo Du Nghi để trắc định vị trí của hơn 150 hằng tinh, cũng như tính ra kinh độ của các ngôi sao ấy. Tác phẩm quan trọng của Sư là bộ Đại Nhật Kinh Sớ gồm 20 quyển, được coi là tác phẩm kinh điển trọng yếu, có thẩm quyền nhất trong các sớ giải của Mật giáo. Ngài tịch diệt năm Khai Nguyên 15, thọ 45 tuổi, thụy hiệu là Đại Huệ Thiền Sư. Ngài còn soạn những tác phẩm nổi tiếng khác là Tú Diệu Nghi Quỹ, Phạm Thiên Hỏa La Nghi Quỹ, Thất Diệu Tinh Thần Biệt Hành Pháp, Dược Sư Lưu Ly Như Lai Tiêu Tai Trừ Nạn Niệm Tụng Nghi Quỹ. Ngoài ra, còn có bộ Hoa Nghiêm Kinh Hải Ấn Đạo Tràng Sám Nghi bốn mươi hai quyển soạn chung với đệ tử là Huệ Giác.

* Ngài Diệu Phong sống vào thời Minh, tên là Phước Đăng, người Bình Dương, Sơn Tây, họ Tục, hậu duệ của Tục Cúc Cư thời Xuân Thu. Sanh ra đã có tướng mạo kỳ lạ: Môi trớt, răng vẩu, mũi huếch, cổ lộ hầu. Bảy tuổi mồ côi, phải đi chăn dê cho người ta. Năm 12 tuổi xin vào tu tại một ngôi chùa gần đó, bị Tăng nhân đối xử tàn tệ, phải trốn sang Bồ Bản, xin ăn ở chợ, đêm ngủ nhờ ở Văn Xương Các tại phía Đông quận ấy. Gác ấy do Sơn Âm Vương xây để mời Lương Công chùa Vạn Thọ ở. Một bữa, Sơn Âm Vương trông thấy bèn bảo Lương Công: "Đứa bé này ngũ quan đều lộ, nhưng thần trí ngưng lặng, xương cứng cỏi, ắt ngày sau thành đại khí, nên thâu làm đồ đệ, đối đãi tử tế". Ít lâu sau, có động đất lớn, những chỗ dân chúng cư ngụ bị sụp đổ hết, Sư bị đè ở dưới nhưng không bị thương. Vương càng lấy làm lạ, bèn cho sửa Lâu Nham Lan Nhã trong Điều Sơn, bảo Sư bế quan chuyên tu Thiền Quán, đêm ngày đứng sừng sững suốt ba năm. Bế quan không lâu đã có chỗ ngộ, Vương bảo: "Đứa bé này kiến giải đã như thế, nếu không chiết phục ắt về sau phát cuồng". Bèn lấy một miếng đế giầy rách, viết bài kệ rằng*: "Đế giày hôi thối này, gói lại gởi cho ngươi, đừng làm chuyện chi khác, hãy chuyên chú ngâm thơ"*. Gói lại, gởi cho Sư. Sư nhận được, lễ Phật, lấy vải trùm đầu, từ đấy im lặng không nói năng gì nữa. Ba năm bế quan xong, đến gặp Vương đã thông tỏ bổn phận. Vương rất mừng, bảo đi nghe giảng kinh Lăng Nghiêm, thọ Cụ Túc. Sư tham học với khắp các tri thức. Sư triều bái Phổ Đà, do không quen phong thổ, bị ghẻ khắp người, bèn phát nguyện thếp vàng ba tượng Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm Đại Sĩ, tạo khám thờ bằng đồng gởi đến Ngũ Đài, Nga Mi, Phổ Đà để cúng dường vĩnh viễn. Khi trở về Ninh Ba, Sư mắc bệnh thời khí, gần chết. Đêm đi đường, tìm không ra một giọt nước, bèn lấy tay vốc nước từ trong một cái chậu tắm, uống vào ngọt ngào vô cùng. Sáng ra thấy nước ấy dơ quá, ói mật xanh mật vàng, liền ngộ*: "Uống vào thật ngon, trông thấy thật dơ. Dơ sạch do tâm, chẳng liên quan đến vật bên ngoài"*, toàn thân đổ mồ hôi bèn lành bệnh, nhưng vẫn còn ghẻ. Đến chùa Đại Báo Ân ở Nam Kinh, nghe Vô Cực pháp sư giảng Hoa Nghiêm Huyền

nên đạo bèn truyền khắp thiên hạ, đức phủ triệu dân. Ông Lã Văn Mục đời Tống lúc hàn vi đọc sách, xin ăn nuôi thân; một vị Tăng thương xót bèn giúp đỡ, ông đậu cao, tận tụy với vua, thương yêu dân chúng. Do vậy, ông có phát nguyện rằng: *"Nguyện con cháu đời đời ăn lộc, hộ trì Phật pháp. Kẻ nào chẳng tin Tam Bảo đừng sanh vào nhà ta"*. Ấy là vì lòng cảm kích sâu xa. Do vậy, biết rằng thần long còn bé thường hay bị cát đá gây khốn, người có lòng nhân đem nước chừng một thưng, một đấu giúp cho, đợi đến khi rồng đủ vây cánh, gió mây gặp hội, ắt có thể rưới mưa ngọt khắp cả thiên hạ. Dẫu những đứa thiên tư tầm thường, không bản lãnh gì, nhưng được nuôi dưỡng lương năng lương tri khiến cho đứa nào đứa nấy hiền lành thì cũng có thể tạo thành cái gốc làm cho thiên hạ thái bình. Huống hồ cô nhi rất nhiều, trong ấy ắt có những đứa tài năng xuất chúng, có thể thành đạo lập đức, tán trợ quyền giáo hóa, dưỡng dục, như các vị Đạo An, Nhất Hạnh, Diệu Phong, Văn Mục vậy! Công đức nuôi dạy thành tựu ấy há thể tính lường được ư?

Kính mong những bậc quân tử nhân từ, hết thảy thiện tín, đều khởi lòng giúp đỡ trẻ nhỏ, đừng keo kiệt, giúp đỡ nhỏ giọt. Phải biết bố thí là cội phước, đạo trời sẽ đền đáp tốt đẹp. Mình đã giúp con côi của người ta thì con cháu mình ắt sẽ có nhiều đứa tài năng xuất chúng, làm chuyện lớn lao, quyết chẳng đến nỗi khổ sở lênh đênh, không biết kêu ca vào đâu! Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) đời Tống chỉ chăm chú giúp đời, cứu người. Con cháu ông cho đến tận bây giờ nhiều người hiển đạt. Do vậy biết rằng cứu giúp người bị tai ương thì chính mình và con cháu mình đời đời kiếp kiếp đều chẳng đến nỗi bị tai ương phải đợi người cứu giúp. Nếu có thể nhận lãnh lời bàn luận kém hèn, chẳng tiếc của báu trong nhà, ngõ hầu sự việc này được thành tựu mỹ mãn, thì há nào phải chỉ cô nhi được may mắn, mà thật ra chính là thiên hạ quốc gia được may mắn lớn lao vậy!

Đàm, ngài Hám Sơn làm phó giảng. Sư xin làm chức Tịnh Đầu (trông coi nhà tiêu) để dưỡng bệnh nghe kinh. Mỗi ngày đại chúng ăn trưa xong, nghỉ ngơi, Sư bèn quét dọn nhà xí cho thật sạch sẽ. Ngài Hám Sơn biết vị Tịnh Đầu ắt là một cao tăng, bèn đến thăm riêng, ước hẹn làm bạn đồng tham. Không lâu sau, nhà xí không sạch nữa, Hám Sơn đoán vị Tịnh Đầu đã bỏ đi, bèn đi tìm. Sư sau khi bỏ đi, tìm chỗ sâu nhất trong núi ở Bồ Châu, kết tranh làm am, không ăn cơm suốt ba năm, được đại ngộ. Sơn Âm Vương dựng chùa ở Nam Sơn, mời Sư về ở, lại nhờ lên Bắc Kinh thỉnh Tạng kinh. Sư gặp Hám Sơn ở giữa chợ tại kinh đô, kinh cũng đã thỉnh xong, bèn cùng nhau về Bồ Châu. Năm sau, cùng đến Ngũ Đài, ở nhờ nơi am Diệu Đức thuộc Long Môn dưới chân ngọn Bắc Đài. Ba năm sau, mỗi vị đều trích máu từ lưỡi hòa vụn vàng chép kinh Hoa Nghiêm. Vàng và giấy do Từ Thánh Thái Hậu ban tặng. Chép kinh xong, Sư tổ chức Vô Già Đại Hội hai mươi ngày. Thái Hậu sai quan đến xin Sư cầu hoàng tự (người nối dòng cho hoàng triều), họ bèn đem công đức ấy hồi hướng cho việc ấy. Mười tháng sau, sanh được hoàng nam, tức Thái Xương. Thấy quá nổi tiếng, không thể ở lâu được, hai vị bèn xuống núi ẩn cư. Sư vào núi Lô Nha, kết am tu. Thái hậu sai người tìm được, bèn cho cất chùa Hoa Nghiêm nơi ấy. Từ đó, suốt hai mươi năm, xây dựng tùng lâm, sửa cầu cống, đắp đường trong núi, phàm những công trình lớn, người khác không hoàn thành được thỉnh Sư trông coi, chẳng lâu sau đều hoàn thành. Việc xong liền đi, không bận tâm đến nữa. Sư ngồi viên tịch, thọ 73 tuổi, tăng lạp 49 năm.

4. Sớ phổ khuyến thí tiền khắc in Đại Tạng

Đại Tạng chính là tùng lâm Bát Nhã, là kho tàng Chân Như, là biển thẳm của hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian. Toàn bộ đạo do chính đức Như Lai rốt ráo chứng đắc, pháp sẵn có trong tâm của chúng sanh và pháp rộng khắp mười phương thế giới, tinh vi như nhân quả ba đời, cũng như những đạo luân thường hiếu đễ từ thiện thường ngày thảy đều xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy hoàn toàn chẳng sót chút nào. Do vậy, bậc hoằng pháp đại sĩ không ai chẳng lấy việc lưu thông Đại Tạng làm nhiệm vụ cấp bách để hoằng pháp lợi sanh.

Khắc Đại Tạng Kinh khác với chỉ khắc một hai bộ kinh luận, nhưng không được nói là công đức này lớn, công đức kia nhỏ, pháp này thích đáng căn cơ, pháp kia không thích đáng căn cơ. Ấy là vì một Đại Tạng giáo tuy có kinh, luật, luận, và những trước thuật của Tây Trúc (Ấn Độ), phương này (Trung Hoa), bộ loại khác biệt, số quyển vượt quá vạn cuốn, nhưng đều là một bộ Đại Tạng Kinh. Đã là một bộ sao có thể chia xẻ cương vực, lầm lạc phân chia hơn - kém? Ví như vạn con sông đổ vào biển cả cùng một vị mặn, trăm hoa gom thành mật cùng một vị ngọt. Cây cỏ tuy có lớn - nhỏ, nhưng ánh nắng xuân trọn chẳng thiên vị; hình tướng tuy rất khác biệt, nhưng gương sáng nào soi khác nhau? Như xây tháp chín tầng, xếp gạch đá thành từng bậc, công đức giống hệt như nhau. Như đúc tượng Phật ngàn thước, nung vàng và đồng trong cùng một lò, nào phân cao - thấp?

Chỉ nên do ngọn tìm được gốc, há nên chấp nguồn bỏ giòng! Bồ Tát độ sanh chẳng thấy tướng người độ và kẻ được độ. Bồ Tát hành bố thí chẳng chấp vào tướng Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Vì thế, đắc nhất tâm vô trụ, tam luân thể không, đạt được phước đức bằng với mười phương hư không, cùng một dạng rộng lớn lâu dài. Giáo pháp Đại Tạng tuy có Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, Hiển, Mật, Chân, Tục, Thiền, Tịnh, Tánh, Tướng, đủ mọi thứ bất đồng, nhưng tâm quang huyết mạch cố nhiên đều dung hội quán thông, không một điều gì trệ ngại. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Đế Thích, rọi bóng lẫn nhau trùng trùng; như ngàn ngọn đèn trong điện Phật, ánh sáng bao phủ lẫn nhau. Đàn-việt giúp khắc in kinh chỉ [cần biết] là tiền bỏ ra chẳng uổng phí, đừng hỏi khắc in những kinh gì, khiến cho người đứng trông coi đỡ tốn tâm lực và Đại Tạng mênh mông chóng được viên thành. Nếu như có tâm phân biệt, lầm lạc sanh lòng chọn lựa, thì ai nấy có lòng ưa thích riêng, ắt đến nỗi có loại được nhiều người nguyện khắc trở thành trùng lặp, có loại thì không ai phát tâm, thường bị thiếu sót. Công đức tuy có, nhưng thong thả hay gấp rút chẳng thích đáng, biết đến khi nào toàn tạng mới được lưu thông?

Huống chi lúc này người trông nom, giảo chánh, đối chiếu đều đã có, duyên thù thắng ấy khó thể có lần nữa, nỡ nào bỏ lỡ qua ư? Phải biết: Vì Thật bày

Quyền, Quyền ấy là Quyền đối với Thật. Khai Quyền hiển Thật thì Thật ấy là Thật đối với Quyền vậy. Như Lai nói kinh, Bồ Tát tạo luận, nếu không có chư tổ sư Tây Trúc, phương này trước thuật, phụ giúp khen ngợi thì làm sao có thể lưu thông trong nước ngoài nước mãi cho đến nay chẳng suy phế được?

Vả nữa, bậc thế chủ trị quốc còn phải nhờ vào văn võ phù tá thì mới được vạn dân ngưỡng mộ đức, kiêng oai, nhìn vào gương sáng mà tự thay đổi. Huống chi tam đức bí tạng do đức Như Lai đã chứng, diệu lý Thật Tướng, nếu bỏ đi những thứ phát huy tùy thuận cơ nghi của cổ đức những gì tâm Phật đã chứng thì chỉ có Phật và các vị Pháp Thân đại sĩ biết được, còn những chúng sanh căn cơ kém cỏi khác sẽ dựa vào đâu để biết được? Nhờ vào đâu để chứng được? Do vậy, biết rằng hơn một vạn quyển kinh trong Đại Tạng đều là cùng một pháp, há có thể phân biệt được sao? Mong rằng các đại đàn-việt bỏ tiền của giúp khắc in đều cùng dùng vô sở trụ để sanh tâm, chẳng trụ vào pháp để hành bố thí thì công đức chẳng thể nghĩ bàn của Đại Tạng ai nấy đều đạt được toàn phần. Như một vầng trăng giữa trời hiện bóng khắp muôn sông, cùng một tiết khí cả cõi đất đều là mùa Xuân.

5. Sớ sáng lập chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Cát Lâm

Phật pháp lưu thông, lợi ích vô lượng. Người căn cơ thiên bẩm sâu sẽ đạt sâu xa, tức là có thể minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân. Người căn cơ thiên bẩm nông cạn sẽ đạt được nông cạn, cũng có thể cải ác tu thiện, mong thành thánh, thành hiền. Ấy là do Như Lai lập giáo, tuy chánh yếu vì lẽ xuất thế, nhưng tùy thuận cơ nghi nên khéo léo khuyên dụ dần dần. Vì thế, đối với đạo xử thế cũng phát huy trọn vẹn, chẳng sót mảy may điều gì. Gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh kính, em nhường, chồng xướng, vợ theo. Phàm hết thảy đạo luân thường hằng ngày trọn chẳng khác gì đạo Nho đã dạy. Điểm khác biệt là trong mỗi pháp đều dạy nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, khiến cho con người giữ tấm lòng kính sợ, chẳng dám vượt phạm, dẫu ở trong nhà tối phòng kín vẫn thường như đối trước Phật, trời. Dẫu là phường tham tàn bạo ác trọn không có lòng tin, nhưng do nghe chuyện nhân quả báo ứng lâu ngày, tâm chúng cũng ngầm bị chế phục, cũng chẳng đến nỗi mười phần tàn khốc.

Xem thời Liệt Quốc, giết người để tuẫn táng, càng giết nhiều càng vinh. Đến khi Phật giáo truyền sang Đông, phong tục này bèn bị diệt là đủ thấy vậy! Thấm sâu vào con người, lợi ích rộng lớn, ví như mặt trời sáng rực giữa trời, dẫu kẻ mù từ lúc mới sanh vẫn đều được an lạc; ánh dương xuân chiếu xuống đất, mầm đã bị thiêu cũng được sanh thành. Quả thật: *"Nếu Như Lai không xuất thế, vàn muôn đời như đi trong đêm tối. Nếu Phật pháp lưu thông, trời người*

đều có chỗ nương tựa". Giáo pháp truyền sang Đông Chấn[245] gần hai ngàn năm, trong thời gian ấy những bậc thông minh duệ trí, lập nên sự nghiệp lòa trời rợp đất, học thức thông trời thấu người, tiết tháo át gió mây, không ai chẳng sùng phụng, hộ trì, cực lực lưu thông, chẳng tiếc tiền của lớn lao tạo dựng chùa tháp. Là vì về mặt ngầm thì đạo Phật giúp cho việc trị đạo, về mặt rõ ràng là làm cho dân tình được yên, khiến cho dân ngày càng hướng về điều lành mà chẳng hay biết duyên do. Vì thế, xưa nay những bậc lỗi lạc không ai chẳng lưu thông Phật pháp để làm nền tảng khiến thiên hạ thái bình, muôn nước đều được yên ổn.

Thành phố Cáp Nhĩ Tân tỉnh Cát Lâm hẻo lánh chốn biên thùy, xưa kia chỉ là vùng đánh cá của Trung Hoa và Nga mà thôi! Từ khi đường sắt được mở, bèn trở thành một địa điểm giao thông trọng yếu giữa Âu và Á, muôn thương nhân như mây tụ về, các hãng la liệt như sao. So với Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Vũ Hán, không kém cạnh cho mấy! Thế nhưng hoàn toàn chẳng có chùa, miếu, cao tăng chẳng đến trụ tích[246], kinh điển chưa lưu truyền, nhân dân không có duyên để tu tập, bồi dưỡng. Cục trưởng giám sát đường sắt Trung Đông là ông Trần Phi Thanh, xưa đã gieo cội lành, dốc lòng tin vào Phật thừa, muốn khiến cho mọi người cùng sống ở vùng Cáp Nhĩ Tân, Hắc Long Giang, đều được tắm gội pháp hóa của Như Lai, nên bèn hướng về cục quản trị đường sắt Trung Đông, xin vài mẫu đất, muốn dựng một tùng lâm thập phương, đặt tên là Cực Lạc, hòng hoằng truyền Phật pháp, giúp cho tín ngưỡng. Những lãnh tụ của hàng thân sĩ, thương nhân như ông này, ông nọ, mấy mươi người không ai chẳng có lòng thành tựu cho mình, thành tựu cho người, dốc lòng hành tự lợi, lợi tha, hiệp lực giúp đỡ cho việc này mau được thành công. Quy mô kiến trúc chùa đều phỏng theo quy cách những ngôi đại tự trong nội địa. Pháp sư Đàm Hư[247] bác học đa văn, thông hiểu kinh giáo sâu xa, chí thiết tha hoằng pháp lợi

---

[245] Theo Tiên Thiên Bát Quái của Văn Vương, quẻ Chấn thuộc phương Đông, Trung Hoa ở phương Đông của Ấn Độ nên cũng thường được gọi là Đông Chấn. Có người giải thích: Vì người Trung Hoa nghĩ Ấn Độ ở phía Tây Bắc Trung Hoa (do thời xưa, các vị tổ sư thường theo con đường Tơ Lụa ở phía Tây Bắc Trung Hoa vào Trung Nguyên, người Tàu thường nghĩ Ấn Độ nằm về phía Tây Bắc Trung Hoa) nên gọi là Tây Càn (quẻ Càn ở phía Tây Bắc trong Tiên Thiên Bát Quái đồ). Xin ghi lại lời giải thích này như một vấn đề tồn nghi.

[246] Trụ tích: Vị tăng trụ lại một nơi nào gọi là trụ tích, tích ở đây là tích trượng.

[247] Đàm Hư (1875-1963), cao tăng thời cận đại. Sư họ Vương, tên Phước Đình, pháp tự Long Hàm, pháp hiệu Đàm Hư, người Ninh Hà, tỉnh Hà Bắc. Năm 17 tuổi, vâng lệnh cha lập gia đình, sanh được năm người con. Trước kia, Sư làm nghề nông và buôn bán, sau theo nghề y. Năm 40 tuổi, nhân nghe kinh Pháp Hoa, liền phát chí xuất gia. Năm 1917, Sư xin xuất gia với ngài Ấn Khôi tại chùa Cao Minh. Rồi về Nam, y chỉ với ngài Đế Nhàn chùa Quán Tông ở Ninh Ba học giáo nghĩa Thiên Thai. Năm 1921, đảm nhiệm dạy học tại Phật Học Viện chùa Vạn Thọ tại Thẩm Dương. Năm 1925, được ngài Đế Nhàn phó pháp trở thành người nối pháp đời bốn mươi bốn tông Thiên Thai, được ban tên là Kim Hàm. Từ đó, Sư chuyên giảng kinh hoằng pháp tại các nơi thuộc Đông Bắc Trung Hoa, sáng lập đạo tràng. Các chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, chùa Bát Nhã ở Trường Xuân, và chùa Lăng Nghiêm ở Doanh Khẩu là những ngôi phạm-sát lớn nhất. Sau Ngài thường trụ tại chùa Trạm Sơn thuộc Thanh Đảo, tự xưng là Trạm Sơn Lão Nhân. Về cuối đời, Sư sang hoằng pháp tại Hương Cảng, sáng lập Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán, Hoa Nam Phật Học Viện. Ngài mất năm 1963, thọ 89 tuổi. Sư từng kể lại những chuyện trong cuộc đời mình và môn đệ là Đại Quang đã chép lại thành cuốn Ảnh Trần Hồi Ức Lục. Những trước tác quan trọng của Sư là Tâm Kinh Sớ Nghĩa, Tâm Kinh Giảng Nghĩa, Khởi Tín Luận Giảng Nghĩa, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Thích Yếu, Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa.

người, nên được mời làm Trụ Trì. Mong sau khi chùa này được thành lập xong sẽ giảng kinh suốt năm, ngõ hầu nhân sĩ đến Cáp Nhĩ Tân đều biết đạo tu thân yên đời và pháp liễu sanh thoát tử, kèm thêm mở liên xã, kế thừa di phong của Lô Sơn, mở ra nơi chốn đọc kinh, thấu hiểu tột cùng bí yếu tu trì.

Nhưng xây dựng từ nơi đất trống và hoằng pháp lâu dài, sự thể rất lớn, phí tổn rất nhiều. Do vậy, khẩn thiết mong những bậc trưởng quan đang cai trị, những phú thương, đại thân sĩ và hết thảy hàng thiện tín, ai nấy đều phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, mở kho báu, vun bồi ruộng phước, quyên tiền góp gạo, lần lượt khuyên bảo, quyên mộ, ngõ hầu điện báu mênh mông sớm ngày thành tựu, mãn nguyệt kim dung[248] thường trụ bao kiếp, cao tăng đến đây ở lại, kinh điển lưu thông, liên xã mở, tông phong Tịnh Độ chấn hưng, kinh giáo được tuyên giảng khiến cho thuyền bè [cứu độ] trong biển khổ được tồn tại mãi. Từ đấy, con người cẩn thận tam nghiệp, nhà nhà chăm lo Thập Thiện, đè nén hung tàn, bỏ giết chóc, đồng chứng cảnh nhân từ, sống thọ, tín nguyện niệm Phật, cùng sanh cõi Cực Lạc. Sẽ thấy hàng thiện sĩ xuất tiền của thường được Phật trời phù hộ, tai chướng ắt băng tiêu, cát khánh (điều tốt lành, may mắn) như mây nhóm, thân tâm yên vui, thanh thản, cửa nhà yên tịnh, dư dật, sống lâu, mạnh khỏe, bình an, hiện đời ngũ phước nườm nượp, chức tước tăng cao, hậu duệ được hưởng trăm điều lành như đã nói trong bài Y Huấn[249].

6. Sớ duyên khởi thành lập liên xã chùa Di Đà tại Hàng Châu

Nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh và chư Phật hoàn toàn giống nhau, nhưng suy nghĩ và cư xử hoàn toàn khác với chư Phật. Là do lẽ gì vậy? Ấy là do mê tánh đức sẵn có, bèn lầm lạc xuôi theo trần lao, khiến cho Giới - Định - Huệ không vướng mắc vốn sẵn có trong tánh bị biến thành tham - sân - si nhiễm ô nơi cảnh, tạo ra những chuyện giết - trộm - dâm tranh chấp nơi sự. Do vì lẽ đó, luân hồi lục đạo, chịu các nỗi khổ cùng cực trải kiếp dài lâu, không thể thoát được. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, khởi Vô Duyên Từ, vận lòng Bi Đồng Thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội. Trong khoảng thời gian ấy, do căn cơ [khác nhau] nên giáo pháp sai khác, pháp do duyên mà khác biệt. Đại - Tiểu, Thiên - Viên, Quyền - Thật, Tiệm - Đốn, khiến cho ai nấy tùy theo

[248] Mãn nguyệt kim dung: Khuôn mặt đức Phật được ví như vầng trăng đầy viên mãn, thân Phật sắc vàng ròng nên gọi là kim dung.

[249] Y Huấn là một đoạn văn nhỏ trong kinh Thư, ghi lại lời khuyên dạy của Y Doãn, trong đó có câu: *"Tác thiện giáng bách tường, tác bất thiện giáng bách ương"* (Làm lành trăm điều tốt đẹp giáng xuống, làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống).

cơ nghi[250] đều được lợi ích. Trong ấy, nếu cầu lấy pháp độ khắp ba căn, gồm thâu lợi - độn, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh, chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào Hải Hội, ngay trong một đời này nhất định thoát khỏi luân hồi, thì không gì thù thắng siêu tuyệt bằng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v… các đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền... các đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ… đều cực lực tán dương, khuyên khắp [mọi người] vãng sanh.

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn công đại sư ẩn cư tại Lô Sơn, sáng lập Liên Xã, hoằng thông pháp này. Thoạt đầu, lúc kết xã, cao tăng, đại nho dự vào hội là một trăm hai mươi ba người. Nếu tính suốt cuộc đời Ngài, thì trong hơn ba mươi năm, những người gia nhập liên xã niệm danh hiệu Phật được tiếp dẫn vãng sanh nhiều không biết bao nhiêu mà kể! Từ đấy trở đi, đời đời có bậc cao nhân hoằng dương Liên tông, dẫn dắt lợi lạc hàm thức. Đầu đời Tống có Vĩnh Minh đại sư trụ trì Tịnh Từ (chùa Tịnh Từ thoạt đầu có tên là Vĩnh Minh), tu trọn vạn thiện, riêng xưng tán Tịnh Độ. Ngài sợ kẻ học chẳng biết cội nguồn của Phật lực và tự lực bèn soạn Tứ Liệu Giản để làm kim chỉ nam, ngõ hầu thượng trung hạ căn dù thánh hay phàm đều có cái để noi theo. Nếu không phải là Di Đà hóa thân, dễ đâu được như vậy! Sau đấy có Tỉnh Thường pháp sư, nhằm vào đời Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, trụ trì chùa Chiêu Khánh, hâm mộ di phong Lô Sơn, bèn kết Tịnh Hạnh Liên Xã, mà ông Văn Chánh Công Vương Đán là người quy y đầu tiên, trở thành người đề xướng, hướng dẫn. Những quan to chức cả, học sĩ, đại phu xưng là đệ tử dự vào liên xã, hơn một trăm hai mươi người. Hàng sa-môn có đến mấy ngàn, còn những hạng thứ dân không thể ghi chép nổi.

Cuối đời Minh, đại sư Liên Trì sau khi tham Thiền đại ngộ, bèn tận lực tu Tịnh nghiệp, trùng hưng chùa Vân Thê. Do pháp khế lý khế cơ không gì hơn được Tịnh Độ nên Ngài bèn viết Di Đà Kinh Sớ Sao, phát huy chỉ thú thật sâu. Tông phong Tịnh Độ được chấn hưng lớn lao, suốt đời Ngài bi kính song tu[251], Sự - Lý bất nhị. Do vậy, gương cao đẹp kiêng giết, phóng sanh, giúp kẻ côi cút, lợi lạc cõi âm của Ngài được trong nước lẫn ngoài nước kính ngưỡng suốt cả mấy trăm năm. Trong thời Ung Chánh đời Thanh, Tỉnh Am pháp sư trụ trì chùa Phạm Thiên[252], hoằng dương xiển phát Tịnh Độ chẳng tiếc sức. Bài Khuyến

[250] Cơ là căn cơ, Nghi là thích đáng. Ý nói chúng sanh có thiện căn, muốn giáo hóa thì phải thuận theo căn cơ lập ra giáo pháp thích nghi. Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 1, có câu: *"Giáo vốn ứng cơ, cơ nghi bất đồng nên bộ loại khác biệt!"*

[251] Bi kính song tu: Tu bi điền và kính điền đồng thời. Bi điền là thương xót giúp đỡ chúng sanh, kính điền lễ kính Tam Bảo, chăm tu pháp yếu.

[252] Chùa Phạm Thiên thuộc huyện Đồng An, tỉnh Phước Kiến, nằm vào phía Đông Bắc ngọn núi chính của rặng Đại Luân Sơn. Chùa được dựng vào đời Tùy, thoạt đầu có tên là chùa Hưng Quốc, vốn là chùa thập phương. Đời đời có các thiền sư nổi tiếng trụ trì, Tổ Sư Hoàng Bá cũng từng ngộ đạo tại đây.

Phát Bồ Đề Tâm Văn của Ngài quả thật đã tranh sáng cùng nhật nguyệt, thọ ngang với hư không.

Do vậy, tâm quang của chư Tổ tỏa sáng, nhân sĩ Hàng Châu đa phần đều tin tưởng, hướng về. Lại do nước non xinh đẹp, cao nhân nẩy sanh đông đảo, con người tụ hội đông đúc, nên nhiều bậc tri thức trong pháp môn cũng đến ở lại. Vì thế, pháp hóa hưng thạnh, trỗi hơn mọi xứ. Địa linh nhân kiệt, pháp nhờ vào duyên mà hưng khởi, lòng tin chẳng phải là nói xuông. Đến đầu thời Quang Tự, Ngọc Phong pháp sư sáng lập chùa Di Đà để làm đạo tràng Tịnh Độ, khoét núi khắc kinh, hoằng dương Tịnh Độ. Tuy đạo đức chẳng dám sánh bằng chư tổ như Vĩnh Minh, nhưng thệ nguyện hoằng thâm, lời lẽ thống thiết, chẳng thẹn là bậc tạo ảnh hưởng, dắt dìu trong Tịnh Độ, là bậc tri thức trong pháp môn. Kế thừa quá khứ, chỉ dạy tương lai, quả thật công lao ấy chẳng cạn nhỏ.

Về sau, đất nước lắm nỗi gian truân, không người trụ trì, đến nỗi suy sụp sát đất. Mấy năm gần đây, tầm mắt của mọi giới được rộng mở, phàm những ai có chí học thánh, học hiền không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì Tịnh nghiệp. Những vị cư sĩ như ông X…. chẳng nỡ để đạo tràng bị chìm lấp mãi, cùng suy cử Trí Huệ pháp sư làm trụ trì, ngõ hầu đề xướng Liên tông, lợi lạc khắp hết thảy. Thầy Trí Huệ có tâm tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha, ngửa trông theo đường lối tu trì trước kia, đặc biệt mở ra liên xã. Mỗi tháng, vào sáu ngày chay, cử hành một lần. Người có tín tâm đồng đến niệm Phật. Niệm xong được một chốc bèn cung thỉnh thầy Trí Huệ, hoặc những bậc tri thức khác, hoặc hàng cư sĩ thông hiểu Phật pháp thăng tòa diễn giảng hết thảy lý sự trong pháp môn Tịnh Độ, để cho ai nấy đều khắc phục tập khí, tăng trưởng tín tâm, quả thật là một việc tốt đẹp. Quang và thầy Trí Huệ chí đồng đạo hợp, nên thầy bèn ủy thác Quang trần thuật duyên khởi để khuyên hết thảy đại chúng.

Thiền sư Trường Lô Trách đời Tống, hâm mộ Lô Sơn liên xã nên lập ra Liên Hoa Thắng Hội, trong mộng cảm được hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ xin được ghi danh. Do đó, biết rằng hội này được gọi là hội pháp thí tối thắng. Phàm những ai nhập hội, đều phải gắng công. Vả nữa, con người gần đây đa phần chuộng hư danh, chẳng tu thật hạnh. Miệng tuy niệm Phật, tâm trái nghịch Phật. Ví như thuốc và chất kỵ thuốc đều uống hết, làm sao lành bệnh cho được! Ắt phải niệm niệm khắc phục, đối trị tập khí của chính mình, tâm tâm ức niệm hồng danh Di Đà. Phàm có những ý niệm chẳng phù hợp với Phật thì phải tự trách rằng: "Ngươi là người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sao lại khởi lên ý niệm ấy?" Chánh niệm vừa khởi thì tà niệm tự tiêu, quyết chẳng cho nó tồn tại trong khoảnh khắc, phải làm sao cho trong tâm sạch sẽ không tỳ vết, không nhơ bẩn như tịnh lưu ly, bên trong đựng bảo nguyệt. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện trì danh, quyết định cầu sanh thì mới là người thật sự tu Tịnh Độ. Nếu tâm có một niệm cầu phước báo trời người trong đời

sau thì tuy tu trì tinh thuần vẫn gọi là "trái nghịch Phật giáo". Tuy gieo thiện căn, nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn dài lâu lắm, chẳng đáng buồn ư? Tuy đoạn này chẳng ăn nhập gì đến duyên khởi, nhưng quả thật là nghĩa lý tu trì trọng yếu, nên viết lẫn vào đây!

7. Sớ trùng tu bảo tháp của Vinh Quốc Thiền Tự ở Nam Cao Phong, Hàng Châu (viết thay cho thầy trụ trì Chấn Cơ)

Đấng Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê mất diệu tâm vốn có, luân hồi sanh tử, nên thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói diệu pháp, khiến cho mọi loài hữu tình đều được lợi lạc. Đến khi xong việc, bèn thị hiện diệt độ. Lại do bi tâm vô tận nên đặc biệt nát toàn thân thành tám hộc bốn đấu xá-lợi, phân bố trong cõi trời, nhân gian, để làm nhân duyên vô thượng chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất cho chúng sanh vị lai được diệt tội gieo phước, thoát ly luân hồi, vượt thoát sanh tử cho đến thành Phật. Do vậy, những ai có được xá-lợi Phật không ai chẳng dựng tháp báu cao vút để cất giữ, khiến cho cả mình lẫn người, u lẫn hiển cùng được tiêu túc nghiệp, cùng gieo thiện căn.

Nam Cao Phong là danh sơn thuộc Tỉnh Hội - một thị trấn lớn của tỉnh Chiết Giang. Từ chân núi lên đến đỉnh hơn một ngàn sáu trăm trượng, lên đỉnh nhìn ra xa, Trường Giang như một dải thắt lưng, Tây Hồ như cái chén. Nhìn trọn vẹn vẻ đẹp của hồ lẫn núi, bậc khoát đạt ưa thích. Đứng sóng đôi cùng ngọn Bắc Cao Phong, cách nhau hơn mười dặm. Thế núi trùng điệp, quanh co uốn lượn. Hình thế núi cao ngất, lại hay có mưa, nên trên đỉnh thường có mây phủ. Núi cao ngất lẫn vào trong mây, có lúc lộ ra hai chóp núi, trông xa như được cắm vào mây. Do đó, được gọi là Song Phong Sáp Vân (hai ngọn núi cắm vào mây), là một trong mười cảnh của Tây Hồ.

Trong niên hiệu Thiên Phước (936-942) của nhà Thạch Tấn[253] thời Ngũ Đại; khi ấy, Chiết Giang thuộc về xứ Ngô Việt, có Phạm tăng từ Tây Trúc đến đây, lên ngọn Nam Cao Phong, trông xa không ngằn mé, bèn vui vẻ nói: *"Nơi đây có thể lập làm chỗ biểu hiện hình tướng của đấng Đại Giác Thế Tôn khiến cho những người trong bốn phương dõi nhìn cùng gieo thiện căn"*. Do đó, Sư bỏ ra một viên xá-lợi, gởi cho vị tăng có đạo đức trọng vọng là Đạo Viên, bẩm với quốc chúa xứ Ngô Việt là Văn Mục Vương[254] lập bảo tháp, cao bảy tầng, rộng

[253] Gọi là Thạch Tấn vì triều đại này do Thạch Kính Đường thành lập, chỉ truyền được hai đời (936-946). Sử còn gọi triều đại này là Hậu Tấn để phân biệt với nhà Tiền Tấn do Tư Mã Viêm sáng lập.

[254] Văn Mục Vương tên thật là Tiền Nguyên Quyền, con của Tiền Mục, theo cha chinh chiến, lập nhiều chiến công, từng làm Thanh Hải Quân Tiết Độ Sứ, Trấn Đông Quân Tiết Độ Sứ. Vào thời Ngũ Đại, Trung Hoa bị chia nát thành từng tiểu quốc. Các Tiết Độ Sứ đua nhau chiếm cứ, lập quốc tự xưng vương. Tiền Mục chiếm Chiết Giang, lập nước Ngô Việt. Khi Tiền Mục chết, Tiền Nguyên Quyền lên thay. Về sau Tiền Nguyên Quyền

mười trượng, quy mô kiểu cách tinh diệu tuyệt luân. Dưới chân tháp lập một ngôi chùa, đặt tên là Vinh Quốc, coi việc xá-lợi của Như Lai truyền đến là điều vinh dự, vui mừng cho đất nước. Trải các triều Hán, Châu[255], Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho đến ngày nay, đã tròn một ngàn năm, sửa cũ xây mới không phải chỉ một lần.

Hiện thời bảo tháp hư nát, chỉ còn một tầng, tự viện đổ nát gần hết, mấy gian nhà nát không che được mưa gió. Vị trụ trì trước đây không chịu nổi khổ đã bỏ đi. Gần đây, Chấn Cơ tôi đến làm trụ trì, hầu hạ nhang đèn. Trộm nghĩ tiền nhân dựng tháp vốn là để gieo phước cho quốc dân, nay đã hư nát gần hết, nỡ nào để cổ tích mất đi, làm tổn hại thắng cảnh Tây Hồ, bỏ hoang ruộng phước của chúng sanh ư? Mắt nhìn lòng đau, chẳng thể yên tâm được! Tính khởi công sửa chữa, tận lực trùng tu. Lại do cách kiến tạo của tiền nhân khó thể tồn tại lâu dài, nay không thể không suy nghĩ dự phòng cẩn thận từ trước. Ấy là vì cổ nhân dựng tháp nhằm để chứa xá-lợi của Như Lai, khiến cho kẻ ở xa ngưỡng vọng, người ở gần lễ bái đều trồng thiện căn, cùng được giải thoát, nên bên trong tháp lại tạo đường đi quanh co, uốn vòng từ thấp dần lên cao cho đến tận đỉnh. Bốn mặt đều trổ cửa sổ để nhìn ra bốn phương, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh hiểu rõ *"muốn đạt được Phật Quả, thì phải giẫm trên Thật Địa[256]; đoạn ác tu thiện từ phàm đến thánh tăng tiến theo từng bậc"*. Thân đã Đăng Địa (dự vào những địa vị thuộc Thập Địa) thì mới tự có thể vĩnh viễn đoạn phàm tình. Do vậy, thấy thấu suốt chân không, nào khó chứng ngay vào Diệu Giác. Nhưng do chính giữa trống rỗng nên tháp không kiên cố, chẳng tồn tại lâu dài.

Thêm nữa, người vô tri không biết chỗ dụng ý của cổ nhân, thường cứ thích lên cao để nhìn ra xa, thành ra khinh nhờn thật sâu, mắc tội chẳng cạn. Nay dự tính bên trong tháp không lập đường đi, làm toàn bộ tháp kín chắc, chính giữa dựng trụ sắt để làm cái lõi cứng. Một là để khỏi bị gió lốc, động đất xô đổ; hai là khỏi mắc tội lỗi lên cao vui chơi. Như vậy thì chỉ được lợi ích, không bị tổn hại. Ắt sẽ được Phật, trời chấp thuận, được thiện tín tán thành vậy! Nhưng do công trình lớn lao, nếu không có hơn ba vạn đồng sẽ chẳng thể hoàn thành được! Do vậy, cung kính vẽ hình tháp, kính cẩn giãi bày lòng ngu thành, khẩn cầu các đàn-việt mười phương cảm ân đức Phật, phát Bồ Đề tâm, mở rộng kho báu, vun bồi phước điền, khiến cho bảo tháp vòi vọi lại được chọc trời, chúng sanh đông

---

thần phục nhà Nam Đường, dùng niên hiệu Nam Đường. Văn Mục Vương xây dựng quá nhiều cung điện, sưu thuế nặng nề khiến dân chúng oán thán. Năm 914, kinh thành Hàng Châu bị phát hỏa. Vua hoảng sợ, chạy tới đâu, lửa cháy theo tới đó. Đấy là do lòng dân quá phẫn uất, cố ý phóng hỏa trả thù. Do vậy, vua kinh hãi, sanh bệnh, chết vào tháng Chín năm đó.

[255] Hai triều đại Hán, Châu được nói ở đây nhằm thời Ngũ Đại, tức là nhà Hậu Hán do Lưu Trí Viễn sáng lập chỉ tồn tại được năm năm (946-950), nhà Hậu Châu do Quách Oai sáng lập chỉ tồn tại được gần mười năm (951-960).

[256] Ý nói phải thật sự tu hành, chứ không thể nói lý xuông, phô phang ngoài miệng được.

đảo lại được ngắm nhìn pháp tướng, diệt tội nghiệp trong quá khứ, gieo thiện căn cho tương lai. Chỉ thấy Phật, trời như mây che chở, tai chướng băng tiêu, thân tâm yên vui, cửa nhà đón tiếp chuyện lành, tiền trình thuận theo cõi lòng được xa rộng, quyết định đạt được những điềm giàu, thọ, khỏe mạnh, yên ổn, những điều mừng vui đều dồi dào, đức không ngăn mé, vĩnh viễn hưởng phước quyền cao chức cả.

8. Sớ mộ duyên làm đàn thủy lục vạn niên ở Phật Đảnh Sơn

(Đây là phần dẫn khởi, phần sau trình bày sự việc, lược đi, không sao lục)

Trộm nghĩ lòng Từ vô duyên mới độ được hạng vô duyên, việc phi thường ắt phải đợi người phi thường. Truy nguyên, duyên khởi Thủy Lục là do đức Quán Âm hành phương tiện khéo, hiện tướng Diện Nhiên để nhắc nhở A Nan cầu xin đức Như Lai nói thần chú bí mật, khiến cho tất cả kẻ đói khát đều được no đủ, khiến cho tất cả loài quỷ, hữu tình trong địa ngục đều được sanh lên trời hay vào nhân gian. Đến khi đại giáo từ phương Tây truyền sang, Lương Võ Đế lên ngôi vua, kiền thành tu trì trai giới, cảm thông u minh, mộng thấy cô hồn đến cầu xin cứu độ, bèn lập pháp để cầu siêu cứu độ, rộng thỉnh cao tăng trong Thiền, Giáo, xem khắp các áo điển Hiển - Mật, vận dụng tài thi văn, soạn ra văn Thủy Lục, cậy vào chân thuyên của Tam Thừa Tam Mật[257], nương theo oai lực của vạn đức vạn linh để tiêu tan Hoặc nghiệp, diệt trừ tội khiên. Như sương mỏng phơi trước mặt trời rạng rỡ, khác nào mảnh tuyết rớt vào lò to, lợi ích khó nêu, công huân khôn lường. Những kẻ thiện căn từ những kiếp trước [nay đã] chín muồi liền bỏ cõi khổ mau siêu về lạc bang, dẫu cho căn cơ từ đời trước hãy còn sống sít vẫn được thăng lên cõi trời người, vĩnh viễn lìa khỏi địa ngục, ngạ quỷ. Do vậy, đương thời cầu Phật chứng minh, ngọn đuốc này tàn bèn tự nhiên có ngọn đuốc khác tiếp nối. Đời sau, y theo khoa nghi này làm khuôn phép để siêu tiến cha mẹ thì cha mẹ liền được độ thoát.

9. Sớ quyên mộ tu bổ điện đường, tăng phòng và vét ao phóng sanh của chùa Di Đà, núi Thạch Kinh, Hàng Châu

Danh lam thắng cảnh trong thiên hạ được truyền rộng trong vũ trụ thì trước hết phải có chỗ, rồi sau đó là có được người thì tên tuổi mới bắt đầu [nổi lên được]. Chỗ đất thù thắng ấy, ngọn núi nổi tiếng ấy thoạt đầu phải nhờ vào bậc cao nhân đủ đức có thể làm gương cho hiện tại, tương lai, khiến cho người ta mơ tưởng tới, sanh lòng kính ngưỡng. Như Lô Sơn nổi tiếng nhờ Viễn Công, Vân Thê được trọng vọng bởi ngài Liên Trì. Non nước Chiết Giang đứng đầu

[257] Tam Mật: Thân mật, ngữ mật, ý mật.

thiên hạ, nơi ấy thường được gọi là "Phật quốc". Cao nhân, triết sĩ nối tiếp nhau xuất hiện, đúng là *"hễ địa linh ắt có nhân kiệt"*.

Trong niên hiệu Đồng Trị (1862-1874) đời Thanh, Diệu Nhiên pháp sư chuyên tu Tịnh nghiệp. Do thấy kinh Di Đà độ khắp ba căn, quả thật là nghĩa trọng yếu quy túc của kinh Hoa Nghiêm, mà cũng là thuyền từ tối thắng trong đời Mạt Pháp, nên Ngài tính tạc vào đá núi để kinh được lưu truyền vĩnh cửu, ngõ hầu những ai thấy nghe trong hiện tại hoặc tương lai đều gieo căn lành, nẩy sanh chánh tín, tu Tịnh nghiệp vãng sanh Tây Phương. Nhân thấy khoảnh đất trồng cây tùng phía Bắc thành ấy, vách đá chót vót, chất đá cứng rắn, bèn mua khu đất đó, thuê thợ đục chạm, mời người viết chữ đẹp là cư sĩ Trầm Thiện Đăng[258] đến viết.

Cư sĩ bèn lên núi Đặng Úy[259], trước hết thỉnh bốn vị đạo hữu phát Bồ Đề tâm ngày đêm niệm Phật để gia trì, chính mình buông xuống vạn duyên, trai giới, tắm gội, kính cẩn viết. Cứ hễ viết một chữ thì trước đó lễ Phật ba lạy, trì Phật hiệu 108 lần, kết ấn trì chú Uế Tích Kim Cang[260] bảy lần, quỳ gối viết. Ngoài việc viết kinh ra, chỉ lắng lòng niệm Phật, chẳng bận tâm đến chuyện gì khác. Do công đức Phật lực, pháp lực gia trì này mong hết thảy mọi người hiện tại hoặc trong vị lai nếu thấy hay nghe đều phát đại tâm Bồ Đề, mau thoát khỏi Sa Bà uế khổ. Năm mươi ba ngày như thế, hơn một ngàn tám trăm chữ mới viết xong. Chữ lớn độ mấy tấc, sắc sảo[261], cứng cáp, tròn đầy, tươi đẹp, thật là hy hữu.

Thầy Diệu Nhiên bèn cho khắc đá, đục sâu xuống tám phân, hằng ngày trì Phật hiệu để gia trì. Việc còn chưa xong, Sư bèn quy Tây, bạn của Sư là hai vị

---

[258] Trầm Thiện Đăng, tên thật là Trầm Cốc Thành, pháp hiệu Giác Trần, giữ chức Hàn Lâm Viện Thứ Cát Sĩ cuối đời Thanh. Ông chủ trì việc viết kinh Di Đà để khắc lên vách núi vào năm Quang Tự thứ 4 (1878). Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Báo Ân Luận.

[259] Núi Đặng Úy cách Tô Châu ba mươi dặm, nhìn xuống Thái Hồ, tương truyền thái úy Đặng Vũ thời Đông Hán ẩn cư tại đây nên có tên như thế. Đây là một thắng cảnh về hoa mai nổi tiếng của vùng Tô - Hàng.

[260] Uế Tích Kim Cang: Uế Tích Kim Cang (Ucchushma), còn phiên là Ô Xu Sa Ma, hoặc Ô Sô Sa Ma Minh Vương, dịch nghĩa là Bất Tịnh Khiết, Trừ Uế Phẫn Thiêu, Uế Ác, Uế Tích Kim Cang, Thọ Xúc Kim Cang, Hỏa Đầu Kim Cang, Bất Tịnh Kim Cang. Ngài là một vị Phẫn Nộ Tôn được tôn thờ trong Mật Tông và các tự viện Thiền Tông. Ngài là giáo lệnh luân thân của Bắc Phương Yết Ma Bộ. Trong Mật Tông có nhiều cách giải thích về vị này. Có thuyết coi Ngài đồng thể với Kim Cang Dạ Xoa (tức là giáo lệnh thân luân của Bất Không Thành Tựu Như Lai). Theo thuyết này, Ngài là một trong năm vị đại Minh Vương. Có thuyết lại nói Ngài chính là các thân hóa hiện của những vị Thích Ca, Phổ Hiền, Bất Động, Kim Cang Thủ v.v… Nói chung, tánh đức của Ngài là chuyển bất tịnh thành thanh tịnh. Ngài đại bi sâu xa, chẳng nề hà nhơ uế, dùng đại oai quang như ngọn lửa hừng hực, thiêu trừ cái tâm vọng kiến, phân biệt, nhơ sạch, sanh diệt của chúng sanh. Do vậy, Ngài được gọi là Trừ Uế Kim Cang. Ngài thường được tạc với hình dáng phẫn nộ, khắp lỗ chân lông tỏa ra ngọn lửa hừng hực, có bốn tay, tay phải phía trên cầm kiếm, tay phải phía dưới cầm dây quyến sách, tay trái cầm gậy, tay tiếp đó cầm chĩa ba. Mỗi món khí giới đều bốc lửa. Ở đây với mục đích khiết tịnh thân tâm, cõi đất, cư sĩ Trầm Thiện Đăng trì Mật chú của Ngài trước khi viết kinh.

[261] Nguyên văn *"thiết hoạch ngân câu"*: Ý nói chữ viết sắc sảo, đẹp đẽ, từng nét vạch như khắc bằng sắt, từng nét móc như được chạm bằng bạc.

pháp sư Ngọc Phong và Thành Phương vốn đã giúp đỡ từ trước, đến nay bèn tận lực lo liệu. Kinh khắc trên đá xong xuôi, dùng vàng trang hoàng. Phàm những ai trông thấy, không ai không nghiêm trang cung kính, sanh ý tưởng hy hữu nên công đức của toàn bản kinh cố nhiên đã in vào trong tám thức điền, tạo thành chủng tử vãng sanh Tây Phương rốt ráo thành Phật trong vị lai. Như vậy là lấy Phật lực, pháp lực và tâm lực của ba vị pháp sư và Trầm cư sĩ làm tăng thượng duyên để hiển phát công đức sẵn có nơi tánh của người thấy, kẻ nghe, khiến cho họ cuối cùng được thọ dụng. Do vậy, các đàn-việt thảy đều hoan hỷ, trước hết đua nhau cúng vàng, nên Phật điện, phòng Tăng mỗi mỗi đều được hoàn chỉnh, nghiễm nhiên trở thành một đại đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp, chẳng phải là *"đất do người tạo thành"* hay sao? Ngoài cửa tam quan, đào ao để thả các loài động vật thủy tộc, kế thừa hạnh từ bi của các vị Vân Thê, Thiên Thai, khiến cho những loài sắp phải vào chảo vạc để thỏa bụng miệng con người đều được bơi lội trong ấy, được sống hết tuổi trời. Đấy chính là sách lược tốt đẹp cao cả nhất để dứt đao binh, ngưng sát kiếp vậy!

Từ khi kiến lập cho đến nay đã hơn năm mươi năm đều theo quy củ đã định, không tu sửa gì thêm. Mấy năm gần đây, trụ trì tài lực bạc nhược, khá khó khăn. Đã không có điền sản để trang trải những nhu cầu của thường trụ, lại không có đạo đức để cảm đàn-việt tin tưởng cúng dường; đạo tràng này gần như diệt mất. Các cư sĩ lo lắng, mùa Thu năm ngoái ép pháp sư Trí Huệ làm trụ trì. Sư riêng mở liên xã để nối nghiệp ngài Ngọc Phong, mong cho tứ chúng cùng niệm Di Đà, cùng cầu vãng sanh. Lại còn chuyển hóa hết thảy đều cùng từ tạ ngũ trược, cùng lên chín phẩm mới thôi.

Điện đường, liêu xá đã hơn năm mươi năm chưa từng tu bổ. Lại thêm, mùa Hạ năm nay có tai nạn gió lốc, nhiều chỗ bị hư sụp, đổ nát. Nếu không sửa ngay, lâu ngày sẽ khó đủ sức. Đã thế, ao phóng sanh nhiều năm không nạo vét, bùn lầy đầy ứ, gây trở ngại lớn cho việc phóng sanh nên tính khơi đào, nạo vét cho rộng hơn. Phía ngoài dựng lan can vây quanh để gìn giữ, ngõ hầu có chỗ phóng sanh, mà kẻ đánh bắt trộm cũng không làm gì được, khiến cho lòng từ bi bố thí của Lưu Thủy[262], Trí Giả, Từ Vân, Liên Trì vĩnh viễn không bị mất đi.

[262] Lưu Thủy là tiền thân của Phật Thích Ca lúc còn hành đạo Bồ Tát. Theo phẩm thứ tư "Lưu Thủy Trưởng Giả Tử" trong kinh Kim Quang Minh thì vị trưởng giả này cùng hai con là Thủy Không, Thủy Tạng đi chơi đến một thôn xóm, thấy trong vùng đồng lầy có một cái ao, nước ao đã cạn, những con cá trong ấy sắp bị nắng thiêu chết, bị chim thú chầu chực chờ ăn. Trưởng giả thương xót, bèn lấy nhánh cây che đậy, rồi mượn hai con voi lớn chở nước sông đổ đầy ao cho cá được sống. Lại còn thí thức ăn cho cá, nói cho chúng nghe danh hiệu Phật và Phật pháp. Sau đó, khi ông quay về nhà, đang cùng khách khứa ăn uống, chợt thấy đại địa chấn động, mười ngàn con cá cùng mạng chung trong ngày ấy, cùng sanh lên trời Đao Lợi. Khi ấy, trưởng giả say rượu nằm ngủ trên lầu, thấy mười ngàn thiên tử đem vô số trân châu, anh lạc xếp quanh bốn phía, lại rải hoa trời để báo ân. Phật bảo Lưu Thủy khi ấy chính là thân ta, Thủy Không là La Hầu La, Thủy Tạng là A Nan. Mười ngàn con cá khi ấy chính là mười ngàn vị thiên tử đang hiện diện trong pháp hội Kim Quang Minh.

Đấy chẳng phải chỉ hoàn toàn vì sanh mạng loài vật mà quả thật là còn muốn khơi gợi lòng nhân từ trong đời.

Nếu như con người ai nấy đều không giết, thì thế đạo chẳng thái bình hay sao? Nhưng do công trình lớn lao, phí tổn thật nhiều, nên cậy Quang viết sớ, khẩn cầu khắp các đại đàn-việt, ai nấy phát tâm Bồ Đề, cùng trồng nghiệp xuất thế, bỏ ra một giọt nước trong biển báu, để tạo thành cảnh phạm vũ trang nghiêm. Phải biết: Vừa khởi công xây cất Kỳ Viên, cung điện trên thiên giới đã hiện[263]. Phật niệm vừa phát khởi, hoa sen trong Tịnh Độ liền mọc. Những con cá được ngài Lưu Thủy cứu vớt, đã trở thành mười ngàn vị thiên tử. Những con vật được ngài Trí Giả thả, đa phần là vương thần ngoài biển Đông. Xưa đã như thế, nay há chẳng vậy? Do nhân như thế, cảm quả như thế. Nếu chẳng tiếc của quý báu là tài sản chung của năm nhà[264] để thành tựu sự nghiệp thù thắng hưng long Tam Bảo, ắt thấy đời này vĩnh viễn hưởng nhiều phước, lâm chung cao đăng chín phẩm, ngõ hầu phô bày trọn vẹn Phật tánh sẵn có, mau chứng Vô Thượng Bồ Đề.

10. Sớ quyên mộ xây bến thuyền cho Phổ Đà Sơn

Quán Âm đại sĩ thệ nguyện hoằng thâm, tế độ không ngằn mé, là chốn nương náu không lường, trọn chẳng phan duyên mà ứng hóa đến với mọi chúng sanh cơ cảm. Như một vầng trăng in bóng khắp ngàn con sông, trụ trong Chân Tế nhưng ứng khắp quần cơ, như ánh nắng Xuân tăng trưởng khắp muôn cây cỏ. Vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, theo tiếng cứu khổ, hiện thân ứng hóa mọi chốn, tùy theo từng loài mà hiện hình, nơi nơi làm bậc chỉ đường trong nẻo mê. Ân bủa khắp muôn loài, thấm nhuần muôn dân, mong hàm thức tự thấy được bầu trời chân tánh. Vì thế, không cõi nào Ngài chẳng ứng hiện theo lòng cảm. Bởi muốn cho chúng sanh có chỗ gieo lòng thành nên đặc biệt ứng tích nơi Phổ Đà. Do vậy, bao triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Điện Phật, lầu kinh cao ngất tầng mây, văn chương trác tuyệt huy hoàng trong chốn biển cả.

Theo phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đi về Nam tham học [với vị thiện tri thức] thứ hai mươi tám, tham học với Quán

[263] Khi trưởng giả Cấp Cô Độc vừa khởi công xây dựng tinh xá Kỳ Viên, trên thiên giới đã có cung điện hóa hiện sẵn chờ khi ông hết tuổi thọ trong nhân gian sẽ sanh về trong ấy.

[264] Ý nói tài vật thế gian là tài sản chung của năm nhà: Vua, giặc cướp, lửa, nước, con cháu ngỗ nghịch. Gọi là "của chung của năm nhà" vì năm loại trên sẽ cướp mất tài sản của ta bất cứ lúc nào.

Thế Âm Bồ Tát ở Bổ Đát Lạc Ca[265], chính là núi này vậy.

Xưa kia, khi đại giáo chưa truyền sang, đạo tràng chưa mở, tuy phàm tục chưa đích thân thấy được từ dung, nhưng chân tiên cố nhiên thường chiêm ngưỡng Phật nhật. Vì thế, ông An Kỳ Sinh đời Tần, ông Mai Tử Chân đời Hán, ông Cát Trĩ Xuyên đời Tấn[266] đều sống nhờ núi này để tu chân dưỡng đạo. Đến đời Châu Lương[267] khai sơn, tứ chúng mới biết quy hướng. Tâm báo đức thiết tha, chẳng sợ nhọc nhằn trèo núi, vượt biển. Do gieo lòng thành ân cần, cho nên phải thể hiện lòng cung kính bằng cách chiêm ngưỡng thánh tượng, lễ dưới chân Phật. Nhưng do thuyền to chưa có bến, thường phải dùng thuyền nhỏ để đón vào bờ, hễ hơi có chút sóng gió bèn thành ra rất nguy hiểm. Người trẻ mạnh còn được, chứ người già yếu, phụ nữ thật rất đáng lo. Do vậy, không tu bổ bến thuyền thì quả thật là một chuyện đáng tiếc lớn đối với tâm từ bi của Đại Sĩ, mà cũng là chuyện thiếu sót lớn lao trong việc báo đáp thiện tín.

---

[265] Bổ Đát Lạc Ca (Potalaka) còn được phiên âm là Phổ Đà Lạc Già, hay gọi tắt là Phổ Đà. Núi Phổ Đà thuộc quần đảo Châu Sơn trong biển Đông, huyện Định Hải, tỉnh Chiết Giang. Núi này trước kia có tên là Mai Sầm Sơn. Tương truyền trong niên hiệu Đại Trung đời Đường (847-860), có một vị tăng Ấn Độ đến đây đốt mười ngón tay, đích thân thấy Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân thuyết pháp, trao cho hòn đá báu bảy màu, nên nơi đây được coi là thánh địa của Quán Âm. Trong năm Trinh Minh thứ hai (916) đời Hậu Lương, sư Huệ Ngạc người Nhật lén đem tượng Quán Thế Âm từ Ngũ Đài Sơn trốn về nước, thuyền đi đến đây không tiến được nữa, bèn dựng chùa Bảo Đà ở nơi này để thờ tượng Ngài. Do trụ xứ của Quán Thế Âm Bồ Tát ở Ấn Độ tên là Bổ Đát Lạc Ca, nên bèn đặt cho hòn đảo này tên là Phổ Đà. Còn núi Bổ Đà Lạc Già ở Ấn Độ (dịch nghĩa là Tiểu Hoa Thụ, Tiểu Bạch Hoa, Tiểu Thụ Man Trang Nghiêm, Hải Đảo, Quang Minh) nằm ngoài biển Nam Ấn Độ, phía Đông núi Malaya. Theo kinh Hoa Nghiêm, núi này do các báu hợp thành, hết sức thanh tịnh, bên trong có cung điện trời bằng đá của Bồ Tát Quán Thế Âm.

[266] An Kỳ Sinh theo truyền thuyết là một tiên nhân sống vào thời Tần Hán, họ Trịnh, tên là An Kỳ, được Đạo Giáo coi là một trong tám vị Chân Tiên thuộc Thượng Thanh. Tương truyền, ông già đánh rớt giày dưới chân cầu bắt Trương Lương ba lần lượm lên, Trương Lương vẫn kiên nhẫn nhặt, nên được truyền cho binh thư, phù chú, chính là An Kỳ Sinh. Tại Trung Hoa có rất nhiều nơi được coi là chỗ tu luyện của An Kỳ Sinh, nhất là các đảo ngoài biển Đông, hai nơi nổi tiếng nhất là Phổ Đà và đảo Đào Hoa (sau gọi là Bạch Vân Sơn) thuộc quần đảo Châu Sơn ở miền Nam Trung Hoa. Người Việt cho rằng núi Yên Tử ở Đông Triều, Việt Nam cũng từng là nơi tu luyện của An Kỳ Sinh.

Theo Hán Thư, Mai Phước Truyện thì Mai Tử Chân tên thật là Mai Phước, người huyện Thọ Xuân, Cửu Giang, thông hiểu sách vở, đặc biệt sùng bái Nho Học. Do chán ghét thời cuộc hỗn loạn sau khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán bèn đem vợ con về ẩn cư tại Hồng Nhai. Sau ông ngao du khắp vùng Mân Việt, tu tiên.

Cát Trĩ Xuyên, tên thật là Cát Hồng, hiệu là Bão Phác Tử, người huyện Cú Dung, Đơn Dương (nay thuộc Giang Tô). Ông sanh ra trong khoảng niên hiệu Thái Khang đời Tấn, mất vào năm Hưng Ninh nguyên niên (363). Về già, ẩn cư tại núi La Phù vùng Quảng Đông. Chuyên nghiên cứu luyện đan, làm thuốc. Tác phẩm quan trọng nhất của ông là bộ Bão Phác Tử, được chia thành Nội Thiên (gồm hai mươi quyển) và Ngoại Thiên (năm mươi quyển). Nội Thiên dạy cách luyện thuốc tiên (kim đan), sự biến hóa của quỷ thần, cách dưỡng sanh kéo dài tuổi thọ. Những chương Kim Đan, Tiên Dược, Hoàng Bạch trong ấy được coi là thánh điển cho những kẻ luyện đan. Ngoại Thiên bàn về lẽ được mất trong nhân gian, thế đạo tốt xấu v.v… Ngoài ra ông ta còn soạn sách y học như Kim Quỹ Dược Phương (100 quyển), Thần Tiên Phục Dược Phương (10 quyển), Phục Dược Phương (4 quyển), Ngọc Hàm Tiễn Phương (năm quyển). Những bài kim đan của ông ta thường chứa những chất độc như thủy ngân, chì v.v… Rất nhiều đạo sĩ, vua chúa luyện kim đan xong, uống vào hộc máu chết tươi!

[267] Châu Lương là nhà Lương thuộc đời Ngũ Đại do Châu Ôn sáng lập, lập ra năm 907. Gọi là Châu Lương hay Hậu Lương để phân biệt với nhà Lương của Tiêu Diễn (Lương Võ Đế). Ngài Huệ Ngạc khai sơn Phổ Đà vào thời Châu Lương.

Hễ gió lớn vừa dậy thì sóng dữ ào ạt, đá to mấy vạn cân khác nào viên thuốc bị xoay vần. Nếu chẳng bỏ vốn liếng lớn lao, quyết chẳng thể tồn tại lâu dài, không bị hư hoại được! Do vậy, gần đây nhiều người phát tâm nhưng vẫn chưa thể thực hiện vì phí tổn quá lớn lao, sợ rằng chẳng tồn tại lâu dài thì uổng phí tiền của, uổng công nhọc nhằn tâm lực. Vị đại hộ pháp là ông Chúc Lan Phưởng và con là Y Tài, nhiệt tâm làm chuyện ích lợi chung, lại còn dốc lòng tin nơi Tam Bảo, thấy tình hình này lòng thương xót, phát Bồ Đề tâm, tuy biết chẳng dễ tạo dựng, nhưng cứ muốn thực hiện chuyện này. Nếu không mang lòng tự lợi, lợi tha của đức Như Lai, mang tâm tự lập, lập người của Khổng Tử há có thể dũng mãnh, kiên nghị như vậy ư?

Nhưng công đức này nào phải chỉ có mấy mươi vạn đồng nên sức họ không lo liệu được hết. Không những do sức mình chẳng đủ, mà còn vì muốn cho người khác cùng làm lành nên mới ủy thác cho Quang trình bày duyên khởi. Quang sống ở núi này đã nhiều năm biết rõ việc này khó khăn, lại may là ông Chúc có chí làm lợi cho người, đứng ra đề xướng, ắt sẽ có những người có tâm lực, tài lực giống như ông Chúc đua nhau phụ họa. Mọi người dốc chí sẽ thành, khó gì chẳng thành tựu?

Huống nữa khắp tứ chúng cùng kết tâm báo ân chí thành, khế hợp nguyện lực từ bi của Đại Sĩ, sẽ thấy Hải Nhược, Phong Bá[268] cũng trên là tuân theo thánh ý, dưới là thuận phàm tình nên thường ủng hộ, khiến cho vĩnh viễn không còn phải lo lắng nữa. Ngõ hầu sau này những người đến lễ Đại Sĩ khỏi bị lo lắng không đáng, yên ổn lên được bờ kia. Kinh dạy: *"Nếu làm cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ thì chính là làm cho hết thảy Như Lai hoan hỷ"*. Vì thế, biết rằng: Dùng một câu, hoặc dùng một đồng tán thành chuyện này, thì hết thảy chư Phật đều cùng hoan hỷ, huống chi còn làm nhiều hơn nữa! Nếu chỉ luận về công đức tối thiểu thì ví như một giọt nước, gieo vào trong biển cả, sẽ rộng sâu, dài lâu hệt như biển cả. Nếu nhiều hơn thì cần gì phải luận nữa! Nay hãy dốc lòng đem tịnh tài gieo vào biển giác thì biển khổ ắt sẽ khô cạn, biển phước rộng sâu, cho đến khi nào biển giác tròn đầy, lặng trong mới thôi. Khẩn cầu những người vào núi báu chớ trở về tay không; người được tắm gội nơi pháp phải dốc lòng báo ân Phật!

11. Sớ quyên mộ tu bổ điện Tam Thánh chùa Thượng Phương Quảng núi Thiên Thai

Thiên Thai là đệ nhất danh sơn vùng Đông Nam, Thượng Phương Quảng chính là cổ tự khai sơn bậc nhất của Thiên Thai. Truy nguyên, kể từ khi tôn giả

[268] Hải Nhược: Theo truyền thuyết xưa, thần biển có tên là Nhược. Phong Bá là thần gió.

Đàm Du đời Tấn[269] dùng thần thông đạo lực hàng phục sơn thần, khai sơn dựng nên chùa này. Thoạt đầu chùa có tên là Thạch Kiều Tự, do chùa ở gần bên cầu đá. Qua khỏi cầu đá có chùa Phương Quảng, tức là thánh tự của năm trăm bậc Ứng Chân ở nhờ. Nếu không phải là bậc Ứng Chân gần đạo sẽ không thể thấy được. Ngài Đàm Du từng vào chùa này, thọ trai rồi ra, biết đó là sự thị hiện vô ngại của các vị Ứng Chân. Về sau, do hâm mộ thắng tích của những bậc Ứng Chân bèn gọi chùa Thạch Kiều là Phương Quảng.

Chỗ cao nhất trong chùa Phương Quảng là điện Tây Phương Tam Thánh, trước kia là Niệm Phật Đường, ba gian chánh điện thờ tượng Tam Thánh, để làm chỗ lễ niệm. Hai gian hai bên dùng làm chỗ an trụ cho những vị Tăng niệm Phật. Trộm nghĩ pháp môn vô lượng, đều phải đoạn hết Kiến Hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử, chỉ riêng pháp Niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì đều có thể nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Do vậy, những bậc cao nhân lỗi lạc xưa nay không vị nào chẳng chú trọng pháp

---

[269] Theo Cao Tăng Truyện, Đàm Du (còn có tên là Pháp Du, Bạch Đạo Du), người xứ Đôn Hoàng, bỏ nhà xuất gia năm 20 tuổi. Sau Ngài xuống miền Giang Đông, trụ tại núi Thạch Thành, khất thực tu hành. Sau Ngài dời đến núi Xích Thành. Ngài vào núi Thiên Thai trong niên hiệu Hưng Ninh (363-365) thời Đông Tấn chuyên tu Thiền Định. Khi Ngài tụng kinh trong hang núi, khoảng mười mấy con hổ vây quanh hang, gầm rú, Sư vẫn an tường tụng kinh. Từng con cọp nằm phục trước hang, Sư cứ tụng kinh mãi không ngừng, mặt trời dần dần xế bóng, cọp ngủ gục trước hang. Sư cầm cây như ý gõ nhẹ vào đầu cọp quở: "Nghiệt chướng! Sao chẳng chịu nghe kinh?" Cọp chồm dậy, Sư lại tụng kinh tiếp. Không lâu sau, từng đàn rắn lớn bò tới quấn quanh cửa hang, ngẩng cổ nhìn. Nghe mãi rắn mệt cũng từ từ bỏ đi. Đến ngày thứ hai, sơn thần hiện thân thưa hỏi:
- Pháp sư oai nghi, phong thái nghiêm túc, đức hạnh khác người, đã đến nơi đây, đệ tử xin dâng nhà cửa! Sư nói:
- Bần tăng ở nhờ núi này, chỉ xin một miếng đất chừng một trượng vuông. Ông đến khiến tôi vui lắm, sao không ở lại?
- Con thì không nói làm gì, nhưng thuộc hạ chưa được đại pháp thuần hóa, rất khó cai quản, Ngài là người từ xa đến, đi ra ngoài khó tránh khỏi bị chúng xâm phạm. Thần và người không cùng một đường, đệ tử không thể thường ở bên thầy được!
- Ông là thần phương nào? Trụ nơi đâu bao lâu rồi? Sẽ dời đi đâu?
- Con vốn là con trai của Hạ Đế, đã sống ở đây hơn hai ngàn năm rồi. Núi Hàn Thạch là chỗ cậu con ở, con sẽ dời sang đó.
Nói xong, thần triệu tập thuộc hạ bay lên mây bỏ đi. Không lâu sau, tiếng tăm Sư lan rộng, người học Thiền tìm đến. Trong núi có cây cầu đá, rêu phủ đầy vừa trơn vừa ướt, vì thế từ không ai dám trèo lên. Sư đến gần khu vực có cầu đá, chợt nghe trên không có tiếng nói: "Biết ngươi lòng tin tưởng kiền thành, chuyên dốc, nhưng hiện thời ngươi chưa qua được, 10 năm nữa hãy lại đến đây!" Lúc đó, trời đã tối, Sư nghỉ lại qua đêm, mơ hồ nghe thấy những âm thanh giống như đang có pháp sự tụng niệm cử hành. Sáng ra, Sư dò dẫm lên đường, đi nửa đường gặp một ông lão tóc lẫn lông mày trắng muốt, hỏi Sư đang đi đâu. Sư thuật đầu đuôi, ông lão nói: "Thầy là người có thân thể hữu sanh hữu tử. Đi tiếp chẳng phải là đón nhận cái chết ư? Ta là sơn thần đến khuyên ngăn thầy!" Đàm Du đành quay về, giữa đường thấy một cái hang đá, bèn vào nghỉ trong ấy, chợt chim ở đâu tụ lại trong hang nhiều vô kể, kêu la ầm ĩ. Sư vẫn thản nhiên, không sợ hãi. Ngày hôm sau, có một người đầu bịt khăn, mặc áo đơn, đến bảo: "Đây là chỗ ở của bỉ nhân, ngày hôm qua vắng nhà khiến thầy bị khuấy nhiễu, thật thẹn hãi sâu xa!" Đàm Du bảo: "Nếu đây là nhà ông, xin hãy dọn đi nơi khác". Thần nói: "Con đã dọn rồi, xin Sư cứ ở!" Đàm Du ở lại đó mấy ngày. Sư trai giới thanh tịnh mấy ngày, rồi lại đến bên cầu đá, chợt thấy thạch động nứt ra, thấy tinh xá Phương Quảng và các thần tăng, liền tiến đến dâng hương, được họ đãi ăn. Ăn xong, thần tăng bảo: "Mười năm nữa, ông sẽ tự nhiên đến được nơi đây. Bây giờ chưa thể lưu lại được, hãy về đi!" Sư trở ra, nhìn lại đã thành chốn hoang vu như cũ. Năm trăm vị Ứng Chân chính là năm trăm vị La Hán trong ngôi chùa nơi cầu đá.

này, tự hành, dạy người, ngõ hầu hết thảy đồng nhân đều được siêu phàm nhập thánh ngay trong một đời này.

Điện Tam Thánh của chùa Phương Quảng trải qua năm tháng lâu xa, rường cột mục nát, lẽ ra phải trùng tu từ lâu, hiềm rằng trụ trì không đủ tài lực, đành phải đợi thời cơ. Đầu tháng Ba năm nay, có một vị khách Tăng đến trụ nơi đó niệm Phật, khá là siêng năng, khẩn thiết, đến đêm mồng Bốn tháng Tư tự thiêu thân nơi điện Tam Thánh. Đến khi mọi người trong chùa biết được thì ngọn lửa đã cháy to, không cách gì cứu chữa được. Nhưng may là chỉ cháy nơi ấy, những nơi khác không bị ảnh hưởng. Không biết có phải là vị Tăng ấy muốn sửa mới điện ấy nên làm như vậy? Hay là những vị linh thiêng nơi núi ấy muốn tu bổ chùa nên mới xui khiến vị Tăng ấy làm như vậy? Hay là Phật, Bồ Tát, năm trăm vị Ứng Chân muốn hoằng dương pháp môn Tịnh Độ lớn lao để hết thảy các thiện tín bỏ tiền của giúp trùng tu, cùng nhờ vào thiện căn này thoát khỏi cõi khổ Sa Bà, sanh về Cực Lạc thế giới, mà xui khiến vị Tăng ấy làm như thế?

Nay Trụ Trì muốn trùng tu, nhờ Quang viết sớ, thuật chuyện khai sơn dựng chùa và chuyện điện ấy đáng lẽ phải được trùng tu từ lâu, gặp nhân duyên này, bèn mong hết thảy đàn-việt nghĩ đến chỗ mầu nhiệm khế lý khế cơ của pháp môn Tịnh Độ, lòng thành vì pháp tổn thân của vị Tăng ấy, ai nấy đều bỏ ra tịnh tài giúp cho công việc thù thắng này. Công đức ấy chỉ có Phật mới có thể biết được!

12. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện Bán Sơn Am ở Phổ Đà Sơn (soạn giùm)

Viên Thông đại sĩ lưu dấu nơi Phổ Đà, thệ nguyện không ngằn mé, từ bi khôn lường, hoàn toàn không phan duyên mà ứng hiện khắp cả, như một vầng trăng in bóng nơi ngàn con sông, trụ nơi Chân Tế nhưng ứng khắp quần cơ, như một trận mưa thấm khắp vạn loài thảo mộc. Bán Sơn Am là chùa phụ của chùa Pháp Vũ, là biệt viện của Đại Sĩ. Trống khuya chuông sớm, tiếp nối nhịp điệu trong trẻo của chùa Phổ Tế, cầm cành hoa phe phẩy, ngưỡng thừa tông phong chùa Pháp Vũ, phù tá hai chùa, hoằng xiển Nhất Thừa. Do vậy, mới gọi tên là Bán Sơn (lưng chừng núi).

Kể từ khi sáng lập đến nay, trải năm tháng đã lâu, sửa cũ dựng mới đời nào cũng có người. Đến nay, mưa dầm, nắng hun, sương ngấm, mây chưng, gần muốn sụp đổ, cần phải sửa chữa gấp. Nạp tăng xuất gia nơi viện ấy, tham phỏng khắp các phương, một buổi nọ đi rách cả giày cỏ, gót chân bết đất. Do vậy, biết mệt quay về, quên duyên vui đạo, hưởng gió trăng nơi cố hương, giữ gìn môn đình của Biệt Am. Trông thấy hình thế của chùa nhức mắt đau lòng,

thường sợ kim dung khuất sắc, không tỏ lộ ánh sáng trong tam thiên. Phổ Môn cửa gài, khó thể làm đường nẻo cho hai mươi lăm [pháp Viên Thông].

Muốn triệt để thay đổi để khôi phục diện mạo sẵn có của chùa, hiềm rằng phí tổn lớn lao, bát rỗng, túi không, toan giãi bày tấm lòng thành hèn kém, quyên mộ khắp các đàn-việt, khẩn khoản mong hãy phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, bỏ ra của quý báu sẵn có trong nhà để vun bồi công đức chẳng mục nát. Lượng sức tùy duyên, thí tiền quyên thóc, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày thành tựu, mãn nguyệt kim dung thường trụ cả kiếp. Khiến cho hàng truy tố nam tham[270], phường Tăng tục đông thỉnh vào cửa quy mạng, trông thấy hình tướng bèn phát tâm, hiểu rõ các tướng lìa tướng, đích thân chứng diệu tướng Thật Tướng. Môn nào cũng đều là Phổ Môn, vào thẳng pháp môn Vô Môn. Mở mang phong thái huyền diệu vượt ngoài cả kiếp, giúp cho sự bình trị trong cả vũ trụ. Công đức lợi ích ấy há có thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được nổi ư?

13. Sớ quyên mộ thiết lập đại đạo tràng Phổ Môn Vô Giá[271] Phổ Độ Thắng Hội (viết giùm)

Quán Âm Đại Sĩ nương đại nguyện luân, độ thoát chúng sanh, gọi là Phổ Môn vì pháp nào, sự nào cũng đều quy về Thật Tướng, [do từ] căn nào, trần nào cũng đều chứng Viên Thông, chẳng có pháp nào không thông Niết Bàn, do vậy gọi là Phổ Môn. Lại khiến cho thượng trung hạ căn đều theo đường trở về nhà, thiện, ác, hay trung dung[272], không ai chẳng được bình đẳng nhiếp thọ. Không một ai Bồ Tát chẳng rủ lòng từ cứu vớt, nên gọi là Phổ Môn. Nhưng do chúng sanh ở trong mê, đối với những cảnh Căn, Trần v.v… lầm lạc khởi Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, trải bao kiếp lâu xa, trọn chẳng có lúc ra. Do vậy, thiên tai nhân họa càng ngày càng nổi lên, thủy, hỏa, đao binh, liên tiếp xảy ra. Há phải đâu trời đối xử hung cuồng, bạo ngược với dân, mà là do nghiệp xưa của dân chiêu cảm!

---

[270] Nam tham là nhắc đến điển tích Thiện Tài đồng tử từ Phước Thành đi về phía Nam lần lượt tham học với 53 vị thiện tri thức, không rõ Đông Thỉnh muốn nhắc đến điển tích nào, nhưng theo mạch văn đều cùng có nghĩa là đi tham học. Truy là áo có màu thâm, tức là Tăng chúng, Tố là áo trắng, tức người tại gia (xưa kia, cư sĩ tại gia Ấn Độ hay mặc áo trắng).

[271] Vô Giá (còn đọc là Vô Già) Thắng Hội (Pañcavārsika Maha), còn được phiên âm là Bát Giá Vu Sắt Hội. Gọi là Vô Giá (không ngăn trở) với ngụ ý đây là một pháp hội khoan dung, không ngăn ngại, chẳng phân biệt hiền thánh, đạo tục, quý tiện, bình đẳng bố thí tài thí lẫn pháp thí. Thời cổ, các vua chúa thường cứ năm năm cử hành một lần nên còn gọi là Ngũ Niên Đại Hội. Phong tục này có nguồn gốc từ thời vua A Dục. Ngài Huyền Trang từng tham dự một đại hội Vô Giá tại Khúc Nữ Thành do vua Giới Nhật tổ chức vào thế kỷ thứ 7. Lương Võ Đế từng tổ chức hội Vô Giá tại chùa Đồng Thái vào năm Đại Thông thứ năm (529), quy tụ năm vạn Tăng, tục.

[272] Trung dung ở đây là không thiện, không ác, hay thiện ác xen lẫn.

Nếu không quy mạng Đại Sĩ thì khổ quả lại sanh ra khổ nhân. Nếu khẩn cầu nơi tòa sen thì do thiện duyên sẽ đạt thiện báo. Trộm nghĩ vùng chúng ta mấy năm gần đây nhiều lượt bị ôn dịch, lại trải qua nạn đao binh, lại gặp nạn động đất, lụt lội, hạn hán, châu chấu, sâu rầy thình lình xảy ra. Do mấy lẽ ấy, người nghèo túng đến nỗi phải chết đói thật rất nhiều. Dẫu có kẻ may mắn tránh khỏi chưa bị tổn thương, cũng vẫn hoảng sợ, kinh hãi, như nuốt phải gai, như ngồi trên đệm kim, ôm nỗi đau đớn, không cách nào than van.

Những vị tên X…. do vậy kính cẩn phát lòng kiền thành, quy mạng Từ Phụ, mong diệt được tội khiên quá khứ, bồi đắp sẵn nền phước cho tương lai. Tính trong năm đó, tháng đó, sẽ thiết lập đại đạo tràng phổ độ thù thắng Phổ Môn Vô Già bảy ngày bảy đêm tại Pháp Vũ Thiền Tự ở Phổ Đà Sơn. Nhờ nhân tốt đẹp ấy, người mất sẽ được Phật tiếp dẫn, thần thức siêu sanh về cõi trời Cực Lạc, người còn sống sẽ được tắm gội oai lực của pháp, thân hưởng phước khang ninh, túc nghiệp tiêu, đều được giải thoát, mưu cầu mọi chuyện thuận lợi hanh thông, chuyển phiền não bức bách thành tiêu dao tự tại, cha mẹ ông bà đã khuất ai nấy đều được siêu thăng, con cháu đời sau của mọi người thường hưởng cát khánh. Chỉ vì đạo tràng này phí tổn rất nhiều, khẩn cầu những vị thiện tín trong ấp ta cùng phát thiện tâm, cùng giúp cho sự thù thắng thì công đức vô lượng vậy.

14. Sớ khuyên đóng góp cho viện tàn tật ở Thượng Hải

Hết thảy chúng sanh tâm tánh vốn đồng, nhưng thân tâm thọ dụng, khổ -vui khác biệt vời vợi là do đời trước tu trì không giống nhau nên đến đời này cảm báo khác biệt. Vì thế, kinh dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Tạm dịch: Muốn biết nhân đời trước thì [hãy nhìn vào] những gì phải hưởng trong đời này. Muốn biết quả trong đời sau, hãy nhìn vào những gì đang làm trong đời này). Sách Cảm Ứng Thiên nói: *"Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy. Thiện báo, ác báo như bóng theo hình. Do vậy, người quân tử vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hờn, chỉ tu đức mình. Chỉ cầu nhiều phước để mong tiêu diệt nghiệp cũ, vun bồi quả báo cho tương lai"*.

Kẻ đáng thương xót nhất trong cõi đời không gì bằng kẻ bần cùng không cơm áo, mù lòa, tàn tật. Cùng là con người, người ta mắt sáng, thấy rõ hết thảy, còn những kẻ ấy tuy cùng ở dưới ánh sáng mặt trời rực rỡ, khác gì ở trong nhà tối, hang thẳm. Người ta ai cũng tay chân vẹn toàn, tùy ý làm lụng, còn họ chi thể tàn khuyết, chuyện gì cũng bất tiện. Người như vậy lại còn không có gia đình để nương thân, không cơm áo để nuôi mạng. Bọn họ cùng do cha trời mẹ đất sanh ra, dĩ nhiên họ là ruột thịt của chúng ta. Chúng ta may được cha trời

mẹ đất che chở, cảnh ngộ còn khá hơn một chút. Nếu chẳng lập phương cách khiến cho thân họ có chỗ gởi gắm, tâm có chỗ nương tựa, ngõ hầu túc nghiệp tiêu diệt, quả báo đời sau thắng diệu, thì là đã đánh mất cái tâm sanh trưởng bình đẳng của cha trời mẹ đất, lại còn phụ bạc ý niệm cha trời mẹ đất đã ban phước lạc, an vui cho chúng ta. Huống hồ rộng thí giúp đỡ mọi người, yên già, lo trẻ, xem dân như người thân, thi ân chẳng nói, cổ thánh tiên hiền không vị nào chẳng đề xướng tận lực thực hành để hậu thế noi theo. Há có nên chẳng thấu hiểu tâm của thiên địa hiền thánh để hành cái đạo "dùng lòng nhân đối xử với mọi người", lại coi thường gạt qua một bên ư?

Do vậy, cư sĩ Vương Nhất Hanh riêng phát đại tâm, tụ họp những người cùng chí hướng, lập ra viện tàn tật ở vùng phụ cận trạm xe phía Nam Thượng Hải, cho những người tàn tật không có nhà cửa để quay về ấy được sống yên trong đó, được chu cấp cơm áo cho đến hết đời. Với những người chân tay chẳng vẹn toàn, sẽ phái người chăm sóc. Những người có mắt để nhìn, có tay làm lụng được, bèn tùy theo khả năng của người ấy, cho làm các nghề nghiệp để bù đắp đôi chút vào chi phí. Lại thỉnh người thông đạt Phật pháp, cách vài ngày đến đó vì họ diễn nói pháp sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu bọn họ hiểu rõ tiền nhân hậu quả, quyết tu đức mình, nhất tâm niệm Phật để cầu vãng sanh hòng vĩnh viễn lìa khỏi cái khổ sanh tử luân hồi trong Sa Bà, thường hưởng niềm vui thường - lạc - ngã - tịnh nơi Tịnh Độ. Vì những người ấy lo toan có thể nói là khẩn thiết, châu đáo đến mức cùng cực không chi hơn được nữa! Nhưng số người thì đông, chi phí quả thật rất nhiều, hoàn toàn cậy vào những người giàu có cùng phát lòng Bi Đồng Thể, quyên ra vô tận bảo tạng giúp cho nỗi lo lắng sanh thành dưỡng dục của thiên địa, bồi đắp Pháp Thân trang nghiêm của chính mình thì thật là may mắn lắm thay!

15. Sớ quyên mộ tu bổ Cảnh Đức Thiền Tự núi La Hán, Vĩnh Gia

Phật pháp thâm diệu, phàm tình chẳng thể suy lường được nổi. Nếu chẳng phải là thánh nhân có đại trí huệ, đại biện tài, đại thần thông mà muốn giáo hóa, dẫn dắt kẻ ngu tục cùng hướng về chánh pháp, bỏ đi kiến giải hèn kém, câu nệ, hư huyễn, mở mang chánh tri kiến sẵn có nơi tánh thì ai nấy đều bỏ tiền của trong nhà để sáng lập phạm-sát ngõ hầu hoằng Tông diễn Giáo, làm đèn sáng trong đêm dài, tập đạo tu tâm, làm chiếc bè to trong biển khổ, thật chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chùa Cảnh Đức ở núi La Hán tại Vĩnh Gia do tôn giả Đằng La[273] tạo ra vào thời Đường. Theo tự chí, tôn giả chẳng biết là người như thế

[273] Sách Thích Thị Kê Cổ Lược chỉ nói đại khái Ngài tên Vô Dịch, nhằm thời Đường Võ Đế phá hoại Phật pháp, Sư vào ẩn cư trong sơn cốc, kết am tranh thiền định cả mười mấy năm, dây mây quấn kín am, Ngài vẫn

nào, vào năm Hội Xương thứ hai (842) đời Đường Võ Tông, cưỡi gỗ vượt biển đến trước ty tuần giản[274] ở Thụy An. Người trong ấp lấy làm lạ, mời Sư lên bờ. Do vậy, dân chúng cả một vùng sùng tín, kính ngưỡng như vị Phật sống. Do vậy, Sư bèn tùy cơ chỉ dạy, khiến họ sanh chánh tín. Sư biết trước chuyện Đường Võ Tông sẽ diệt pháp nên chuyện kiến lập phạm-sát đều tiến hành thong thả, đến khi Trung Tông kế vị, Phật nhật lại sáng, tôn giả mới giáo hóa, chỉ dạy khắp những thôn ấp thuộc Ôn Châu cùng xây dựng phạm-sát gồm mười tám chỗ, có thể nói là đại hoằng pháp hóa, làm phước điền cho chúng sanh. Chùa Cảnh Đức ở núi La Hán là một trong số đó. Núi ấy quanh co, cao ngất, đẹp đẽ, cảnh sắc thanh tịnh, u nhã, là chỗ quan trọng đứng đầu của Vĩnh Gia, là khu vực linh thiêng để tu đạo.

Chùa ấy từ đời Đường đến nay đã hơn một ngàn một trăm năm. Trong thời gian hoằng dương pháp hóa đó, cảnh chùa được sửa sang cố nhiên không biết bao lượt. Nay đã lâu chưa được sửa chữa, Phật điện, tăng liêu đổ nát gần hết. Thánh tích của tôn giả sắp bị tiêu mất. Người trong ấp như các vị Phan Giám Tông, Ngô Bích Hoa, Diệp Kiến Hùng v.v… mấy mươi người lo lắng, cùng bàn tính cách phục hưng. Nhưng vì thời cuộc khó khăn, bèn rút nhỏ quy mô, tính lập năm gian Phật điện, tiền điện ba gian, liêu xá hai bên hơn mười gian để những người đến lễ tụng nghỉ lại đều có nơi chỗ. Mấy vị tỳ-kheo an trụ, cư sĩ tinh tu Tịnh nghiệp thường sống nơi ấy, chuyên tu Niệm Phật tam-muội để mong mình lẫn người cùng thoát Sa Bà, đồng sanh Tịnh Độ, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn bè tốt nơi Hải Hội.

Nhưng do công trình rộng lớn, sức lực đơn độc khó thành, khẩn cầu những vị thiện tín đàn-việt mười phương phát lòng Bồ Đề, hành phương tiện sự, mở rộng bảo tạng, vun đắp phước điền, khiến cho bảo điện mênh mông sớm có ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ muôn kiếp. Liên xã mở ra, người thấy kẻ nghe đều được lợi ích, Tịnh tông được xiển phát, Tăng - tục minh tâm, ắt thấy Phật trời hộ trì như mây nhóm, cát khánh chen nhau đưa đến. Giàu, thọ, khang, ninh, đời này được ngũ phước kín dầy, quan cao tước cả, con cháu được hưởng trăm điều tốt lành như đã nói trong bài Y Huấn.

---

nghiễm nhiên Thiền Định nên dân chúng gọi là Đằng La Tôn Giả (tôn giả bị dây mây quấn). Sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 3 chép hơi khác: Vào cuối thời Đường, tôn giả cưỡi cây gỗ nổi từ ngoài biển vào Thụy An, Ôn Châu (nay là Chiết Giang), kết am tu Thiền Định cả mấy năm trong núi sâu, dây mây phủ kín bốn bề. Một ngày nọ có người thợ săn dẫn chó đi săn, chó chui vào bụi dây mây mãi không ra, bèn dùng rìu chặt mây, thấy bầy chó đang phủ phục trước Sư, chợt kính ngưỡng, xin xuống tóc. Từ đó, lập thành chùa Bản Tịch. Do tôn giả bị dây mây quấn quanh thảo am, nên gọi là Đằng La Tôn Giả.

[274] Tuần giản: Cơ quan giữ nhiệm vụ kiểm soát đường thủy. Thụy An nay là một thị trấn trọng yếu vùng Đông Nam tỉnh Chiết Giang.

16. Sớ thuật duyên khởi thành lập liên xã chùa Thanh Liên ở Lô Sơn

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, nhưng toàn thể đại dụng đều ở trong một niệm tâm của chúng sanh. Chỉ do mê chưa ngộ, nên đến nỗi trong chỗ vốn không có sanh tử lại lầm chịu nỗi khổ luân hồi sanh tử. Vì thế, đức Thích Ca Thế Tôn ta riêng rủ lòng ai mẫn, thị hiện sanh trong thế gian để cứu vớt. Khi đó, Ngài vứt bỏ vinh hoa nơi cõi nước, xuất gia tu đạo, thành Đẳng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đều triệt chứng tự tâm, viên thành Phật đạo. Do vậy, Phật bèn tùy cơ thuyết pháp, theo bệnh cho thuốc, để những người thiện căn chín muồi mau chứng Vô Dư Niết Bàn, người thiện căn chưa chín muồi tùy phần đều được lợi ích. Thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, tuy là Đại - Tiểu, Quyền - Thật bất đồng, Thiên - Viên, Tiệm - Đốn có khác, nhưng trong tâm Phật, không gì chẳng nhằm truyền dạy thẳng vào giác đạo chính Ngài đã chứng. Chỉ vì căn cơ đa phần chẳng phù hợp, nên không thể không uyển chuyển lập phương tiện để nhiếp thọ, còn bổn hoài xuất thế chưa thể nhanh chóng diễn bày.

Do vậy, ngoài những giáo lý thông thường, Phật mở ra một pháp môn đặc biệt, tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khiến cho chúng sanh dù thánh hay phàm, dù ngu hay trí, đều cùng trong đời này thoát lìa sanh tử, khiến cho những người đã phá vô minh sẽ viên chứng Pháp Thân, người còn đủ Kiến Hoặc cũng lên Bất Thoái. Công huân lợi ích ấy vượt trỗi hết thảy giáo pháp suốt cả một đời, thật có thể gọi là *"giáo ngoại biệt truyền chí viên chí đốn"*. Do vậy, trong hết thảy kinh Đại Thừa không kinh nào chẳng hiển phát, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy; hết thảy Bồ Tát, tổ sư không vị nào chẳng y giáo phụng hành bởi lẽ pháp này là đại đạo phổ độ chúng sanh của tam thế chư Phật, là diệu pháp để viên chứng Phật Quả của chúng sanh trong chín giới.

Đến khi đại pháp truyền sang Đông, Viễn Công đại sư hoằng dương pháp này đầu tiên tại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Cao nhân Tăng - tục khi ấy đều như mây nhóm lũ lượt kéo về Lô Sơn ghi danh, pháp Tịnh Độ ai nấy đều kính ngưỡng tu trì. Từ đấy về sau, tất cả Luật, Giáo, Thiền, Mật không ai chẳng lấy việc cầu sanh Tịnh Độ làm bước cuối cùng để phản bổn hoàn nguyên. Do vậy, Liên phong thổi khắp trong nước, ngoài nước, pháp lợi trọn khắp cổ kim. Huống chi lúc này nhằm đúng thời Mạt Pháp, con người căn tánh hèn tệ, càng phải nên chuyên chú nơi pháp này để mong được liễu thoát ngay trong đời này.

Cuộc đất tối thắng ở Lô Sơn nhằm đúng ngay nền chùa Thanh Liên. Chùa ngự cao trên đỉnh núi, hình thế giống như một đóa sen tự nhiên. Vì thế, đại sư Hoàng Cốc đời Tấn tiếp nối chí lớn của Viễn Công, lập chùa nơi đây để xiển dương Liên Tông. Từ đời Tấn đến đời Thanh, hơn một ngàn năm trăm năm, do cao nhân nối tiếp nhau trụ trì nên liên phong thường được chấn hưng mạnh mẽ.

Đến cơn biến loạn Hồng Dương[275], đều thành tro bụi. Pháp đạo suy vi, không người khôi phục, đến nỗi đạo tràng tuyển Phật suốt hơn một ngàn năm rốt cục biến thành núi hoang, chẳng đáng buồn ư!

May còn có Diệu Bồi đại sư là cao túc đệ tử của Vi Quân lão nhân, tận lực tuân theo lời thầy dạy, dốc chí tu Tịnh nghiệp, riêng qua Hồng Loa tham học nhiều năm. Mùa Xuân năm nay qua chơi Lô Sơn, đến chỗ nền chùa, thấy hình dáng như đóa hoa sen, trước mặt lại nhìn ra thác nước Tam Điệp, sau lưng dựa vào ngọn núi Ngũ Lão hùng vĩ, hai bên có hai ngọn Sư Tử và Tượng Tỵ (vòi voi) để che chở. Đúng là chốn Tịnh Độ đạo tràng trời xây đất dựng, chẳng nỡ để bị chìm đắm mãi mãi, nên phát nguyện khôi phục để hoằng dương Liên Tông, bèn bàn bạc cùng các đại cư sĩ ở Thượng Hải, trước hết quyên được hơn một ngàn đồng dùng để lập một tòa Niệm Phật Đường, vài gian tăng liêu [làm chỗ] an trú cho vài người chân tâm tu đạo, sáu thời hành đạo, nối tiếp khuôn phép thơm của Viễn Công. Đợi sau này có đại công đức chủ sẽ tùy sức mở rộng ra thêm. Do tài lực khó khăn, tu hành lại là chuyện gấp, nên không thể không tùy phần tùy sức để mong tu trì đạt được lợi ích, chẳng đến nỗi gây trở ngại cho Tịnh nghiệp vậy.

Pháp kết xã thì một là tuân theo quy củ đã thành lập bởi tổ Huệ Viễn, bất luận Tăng - tục đều phải đầy đủ tín nguyện chân thành, quyết định cầu sanh Tây Phương. Ai nấy lại phải giữ trai giới, thanh tịnh thân - khẩu - ý nghiệp, khóa tụng sáng chiều, ba thời niệm Phật, trừ khi có bệnh và có việc chung ra,

[275] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864), quân phiến loạn do Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh cầm đầu nên gọi là loạn Hồng Dương. Hồng Tú Toàn (1812-1864) là người cuối đời Thanh, vốn là người huyện Hoa, tỉnh Quảng Đông. Năm Đạo Quang 23 (1843), Hồng Tú Toàn cùng Phùng Vân Sơn lập đạo tại huyện Hoa, Quảng Đông, tự xưng mình được Thượng Đế mặc khải, gọi chúa Jesus là anh cả, vay mượn giáo nghĩa Thiên Chúa Giáo, pha trộn với những mê tín dân gian để truyền đạo với danh xưng Bái Thượng Đế Hội. Năm sau, sang Quảng Tây truyền giáo, tích cực tuyên truyền quyến rũ nông dân. Mùa Xuân năm 1848, Phùng Vân Sơn bị quan nhà Thanh bắt giam. Tháng Bảy năm 1850, Hồng Tú Toàn hô hào dân chúng đứng lên làm loạn, bọn thảo khấu, vô lại tham dự lên đến hai vạn người. Ngày 11 tháng 1 năm 1851, nhân dịp sinh nhật của chính mình, Hồng Tú Toàn tự xưng là Thiên Vương, ra sắc lệnh thiết lập Thái Bình Thiên Quốc, phong cho Dương Tú Thanh làm quân sư, rồi lại phong họ Dương làm Đông Vương. Phùng Vân Sơn tích cực thiết lập quân chế, lễ nghi và tổ chức quân đội cho Thái Bình Thiên Quốc, đặt ra lịch pháp mới. Năm 1852, từ Quảng Đông, quân Thái Bình Thiên Quốc đánh lên Hồ Nam, quân Thanh giữ thành bắn đại pháo chống cự. Phùng Vân Sơn bị trọng thương, không bao lâu thì chết. Năm 1853, loạn quân chiếm được Nam Kinh, đổi tên thành Thiên Kinh. Không lâu sau các bầy tôi của Hồng Tú Toàn tranh giành quyền lực, hãm hại lẫn nhau. Tháng 9 năm 1856, Bắc Vương Hàn Xương Huy cùng Yên Vương Tần Nhật Võng lén vào thành Nam Kinh, đột kích phủ Đông Vương, giết sạch cả nhà Đông Vương Dương Tú Thanh, thuộc hạ của Đông Vương cũng bị thảm sát trong biến cố này rất nhiều. Do Thạch Đạt Khai phản đối, hai người bèn tấn công luôn Thạch Đạt Khai, giết sạch gia quyến họ Thạch. Họ Thạch phải bỏ thành trốn ra ngoài. Sợ nội loạn sẽ xảy ra vì phe đảng họ Thạch quá đông, Hồng Tú Toàn bèn xử tử Hàn Xương Huy, thâu tóm binh quyền về tay anh em họ Hồng. Tuy nội bộ chia rẽ tàn sát lẫn nhau, thế lực loạn quân vẫn còn rất mạnh, chúng liên tục đốt phá, tấn công đến tận Thượng Hải, mãi đến năm 1864, Tăng Quốc Phiên mới dẹp yên được loạn quân. Do Hồng Tú Toàn chủ trương biến Trung Hoa thành một nước Thiên Chúa Giáo theo kiểu của họ nên ra sức đốt phá chùa chiền, đạo quán, văn miếu cả miền Hoa Nam. Vì họ chống lại quy định cạo nửa đầu, thắt bím đuôi sam của nhà Thanh, cứ để nguyên tóc dài như thời nhà Minh, nên sử thường gọi là Trường Mao Phát Tặc (giặc lông tóc dài).

trọn chẳng được tránh né, kiếm cớ thảnh thơi. Ngoài ra thì tùy ý lễ tụng, tọa thiền, cốt sao đạt được lợi ích nơi đạo mà thôi. Chỉ có điều không được học tập thi văn, xem lung tung sách vở thế tục, cũng như chẳng được chuyện trò tạp nhạp lúc rảnh rỗi kẻo uổng phí quang âm! Xưa Viễn Công kết xã có một trăm hai mươi ba người thảy đều là bậc rường cột trong Phật môn, là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho. Nay thì căn tánh con người hèn tệ, kém xa xưa kia, nhưng trong tâm vốn có Phật tánh, cố nhiên pháp môn độ khắp ba căn xưa - nay chẳng khác. Như vậy lý *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*, sự *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* há chẳng phải do tự mình tu, tự mình chứng hay sao? Vì thế, kính cẩn soạn ra một chương đơn giản để khuyên lơn những người cùng chí hướng.

Lại mong các đại đàn-việt phát Bồ Đề tâm, cùng nhau hộ trì, bỏ tiền, thí gạo, xoay vần khuyên bảo, quyên mộ, khiến cho bảo điện thênh thang sớm có ngày được thành tựu, mãn nguyệt kim dung thường trụ muôn kiếp. Liên xã hưng khởi, tông phong rạng rỡ, chánh pháp thạnh, tai chướng ngầm tiêu, sẽ thấy Phật trời hộ trì như mây nhóm, cát khánh tranh nhau đưa đến, trong đời hiện tại sẽ hưởng ngũ phước, lâm chung cao đăng chín phẩm. Như thế có thể gọi là bậc đại trượng phu thật sự, là đệ tử Phật thật sự, trên chẳng phụ công giáo hóa của chư Phật, dưới chẳng phụ linh tánh của chính mình. Nguyện người thấy, kẻ nghe cùng tu đạo này, để một truyền mười, mười truyền thành trăm, cho đến khắp pháp giới thì thế giới thái bình, nhân dân an lạc, khôn ngăn thơm thảo cầu chúc vậy.

17. Sớ quyên mộ tu bổ điện Thiên Vương và lầu trống chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà

Phổ Đà danh sơn là cõi đất thù thắng, nơi Đại Sĩ ứng tích. Pháp Vũ Thiền Tự quả thật là đạo tràng cầu phước cho quốc dân. Từ khi được sáng lập đến nay đã trải nhiều năm lâu xa, sửa cũ đổi mới đời nào cũng có người. Hai phen được vua ban tiền[276] [sửa chữa], vào đời Thanh trước kia được hai phen sắc tu, quyên mộ khắp các duyên. Sau cơn loạn lạc lại được tu tạo một lần nữa, khổ là ở giữa biển cả, hơi muối, gió táp, xói mòn các vật. So với nội địa càng bị hư mục nhanh hơn. Nay lầu trống, điện Thiên Vương, kèo cột hư nát, chân cột mục ruỗng. Nếu chẳng sớm lo liệu, ắt sẽ thấy bị sụp đổ rất nhanh.

Tuy mang tên là Thiên Vương Điện[277], nhưng thật ra thờ pháp tướng của đức Di Lặc. Từ tâm của ngài Di Lặc và Quán Âm phù hợp nhau, tùy theo từng loài

[276] Nguyên văn *"lưỡng ban nội noa"* (hai phen được vua ban tiền). "Nội noa" chính là tiền bạc trong quỹ riêng của nhà vua, chứ không phải tiền lấy từ quốc khố.

[277] Gọi là điện Thiên Vương vì chính giữa thờ tượng Di Lặc Bồ Tát có bốn vị đại thiên vương hộ thế đứng hầu.

mà hiện hình, tầm thanh cứu khổ. Lòng Từ lừng lẫy khắp đời này, lòng Bi thấu đến mạt kiếp, làm chỗ nương tựa cho đời hiện tại, làm Thế Tôn cho đời tương lai. Lúc này, vừa nhìn mặt liền cười, để kết duyên hệ châu[278]; trong tương lai ba hội Long Hoa cùng được thọ ký Vô Sanh. Ngài Di Lặc có nhân duyên rất sâu với cõi đời. Nếu chẳng tu bổ làm sao thỏa được lòng thành khẩn đối với bậc thánh linh, tiêu tai họa, dịch lệ, tạo phước cho muôn dân? Nhưng vì công trình to lớn, sức lực đơn độc khó thành; do vậy, giãi bày lòng ngu thành, kính quyên mộ thập phương đàn-việt, khẩn cầu hãy phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, mở rộng bảo tạng, vun trồng ruộng phước, khiến cho bảo điện thênh thang sớm ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ vĩnh kiếp. Ngõ hầu hết thảy ai đến đây đều lên địa vị Hoan Hỷ, vào trong cửa lâu các[279], hiện đời khế hợp Phật tâm sâu xa, tương lai cùng viên thành Chủng Trí, sẽ thấy Phật, trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh tranh nhau đưa tới, đời này vĩnh viễn hưởng nhiều phước, sự tốt lành thấu mãi đến con cháu.

18. Sớ thuật duyên khởi mở Niệm Phật Đường chuyên tu Tịnh nghiệp tại chùa Chân Như ở Gia Hưng[280]

Phật pháp rộng sâu, khác nào biển cả, dẫu là bậc Pháp Thân đại sĩ vẫn chẳng thể tột nguồn thấu đáy được, huống gì hạng phàm phu sát đất! Nhưng Như Lai do lòng đại từ bi, muốn cho hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong một đời này thoát lìa sanh tử, nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Như kẻ thọt chân yếu ớt, cả ngày khó đi được vài dặm, nếu nương theo Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương chưa đầy nửa buổi liền có thể đến khắp bốn đại bộ châu. Hai điều này nhanh - chậm khác biệt một trời một vực!

Phàm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp, cố nhiên chẳng thể liễu sanh tử. Nếu dùng tín nguyện niệm Phật, cảm Phật từ bi nhiếp thọ liền ngay trong đời này vãng sanh Tịnh Độ, siêu phàm nhập thánh, vượt lên địa vị Bất Thoái. So với những kẻ chỉ cậy vào tự lực, tu Giới - Định - Huệ để mong nghiệp tận tình không, liễu sanh thoát tử, thì chẳng thể nào thí dụ, diễn giải để hình dung cho được! Do vậy, những bậc cao nhân Tăng - tục các đời không vị nào chẳng dùng pháp này để tự

[278] Hệ châu: là buộc viên châu. Đây chính là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa: Đứa con cùng quẫn được người bạn buộc viên châu vào trong chéo áo, nhưng người đó không biết, cứ phải làm thuê làm mướn kiếm ăn khổ cực, sau gặp lại người bạn chỉ cho viên châu trong chéo áo mới biết thụ hưởng. Kết duyên hệ châu chính là kết duyên được Phật Di Lặc tiếp độ trong tương lai.

[279] Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử được Bồ Tát Di Lặc dẫn vào trong Tỳ Lô Giá Na Lâu Các của Ngài. Thiện Tài nhờ quan sát những cảnh tượng trong ấy bèn chứng Đẳng Giác.

[280] Gia Hưng là một thành phố thuộc tỉnh Chiết Giang.

hành, dạy người, lấy pháp này làm môn trọng yếu nhập đạo, làm đường tắt để thành Phật.

Chân Như Thiền Tự từ khi được sáng lập đến nay đã hơn một ngàn mấy trăm năm, đời nào cũng có người hoằng Tông diễn Giáo. Sau cơn binh hỏa, chi dùng ngày càng thiếu hụt, đến nỗi pháp luân gần như ngừng xoay. Do vậy, thầy trụ trì là Niệm Huệ chí muốn khôi phục, nhưng do không có tài lực, tạm thời muốn cho tám vị Tăng giữ giới thanh tịnh được an trụ, suốt năm ngoài hai thời khóa tụng ra, chuyên trì Phật hiệu suốt ba cây hương. Ngoài ra thì tùy ý lễ tụng, mỗi người được cấp tiền chi dụng ba đồng mỗi tháng, những chuyện kinh sám Phật sự đều không làm. Nếu thí chủ đến chùa niệm Phật và đả Phật thất thì chẳng cự tuyệt. Làm như vậy để nhất ý tinh tu, mau đạt được lợi ích thật sự, mà cũng có thể trên là báo bốn ân, giúp khắp tam hữu[281]. Lợi ích ấy cố nhiên hết thảy những cách tu trì thông thường chẳng thể sánh bằng được!

Nhưng do tài sản của chùa ít ỏi, của dành dụm chẳng đủ, nên khẩn cầu những vị đàn-việt hộ trì có sức hãy phát Bồ Đề tâm, thành tựu chuyện thù thắng này, hoặc giúp cho gạo nước, hoặc giúp đỡ đèn, dầu, ngõ hầu đạo tràng niệm Phật này ngày càng mở rộng, khiến cho kẻ thấy người nghe đều cùng hưng khởi, sẽ thấy Phật trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh đua nhau đưa đến, lúc sống được hưởng ngũ phước nườm nượp, mất đi dự vào chín phẩm trong ao báu. Chỉ mong chẳng tiếc của cải ngõ hầu ai nấy cùng được gội ân Phật.

---

[281] Tam hữu: Ba cõi tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Hữu có nghĩa là hữu sanh tử, hữu nhân quả báo ứng. Có tam hữu, tứ hữu, thất hữu, cửu hữu, nhị thập ngũ hữu sai khác; nhưng kinh chỉ thường nói đến tam hữu (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) và cửu hữu. Cửu Hữu tức là từ tam hữu, phân ra thành chín cõi. Hữu có nghĩa là y báo của chúng sanh trong thế giới.
Từ A Tỳ địa ngục lên đến tầng trời Tha Hóa Tự Tại thuộc về Dục Giới, còn gọi là Ngũ Thú Tạp Cư địa; tức là gồm năm đường: trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.
Mười tám tầng trời thuộc Sắc Giới chia làm bốn loại:
a) Ba tầng trời thuộc Sơ Thiền, gọi là Ly Sanh Hoan Hỷ Địa, bởi họ đã khỏi phải tái sanh trong Dục Giới, tâm rất vui mừng, sung sướng.
b) Ba tầng trời thuộc Nhị Thiền, gọi là Định Sanh Hoan Hỷ Địa, bởi họ do Thiền Định mà sanh về cõi này.
c) Ba tầng trời thuộc Tam Thiền, gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, bởi họ đã lìa khỏi những tướng tâm hoan hỷ thô tháp, tâm niệm hoan hỷ rất vi diệu.
d) Chín tầng trời thuộc Tứ Thiền, gọi là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa, đã bỏ những tâm niệm vui sướng của ba tầng Thiền Thiên ở dưới, tâm niệm rất thanh tịnh.
Bốn tầng trời thuộc Vô Sắc Giới, chia thành bốn loại:
a) Không Vô Biên Xứ Thiên, còn gọi là Không Biên Xứ Địa
b) Thức Vô Biên Xứ Thiên.
c) Vô Sở Hữu Xứ Thiên.
d) Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên.
Như vậy Dục Giới có một hữu, Sắc Giới có bốn hữu, Vô Sắc Giới có bốn hữu, tổng cộng là chín hữu.

19. Sớ quyên mộ đúc chuông U Minh chùa Pháp Vân sông Tam Xoa, Nam Kinh

Thế giới Sa Bà dùng âm thanh làm Phật sự, pháp khí chốn tùng lâm chỉ có chuông lớn là bậc nhất. Bởi lẽ [tiếng chuông] phát khởi kẻ mù, lay động kẻ điếc, khơi động tai mắt của trời người, thông cõi âm, thấu cõi dương, thật sự cứu giúp cho [những người đang ở trong] đường ác. Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: *"Như khi đánh chuông, nguyện cho các sự khổ trong hết thảy ác đạo đều được ngưng nghỉ. Nếu nghe tiếng chuông và kinh chú của Phật, sẽ trừ được trọng tội trong năm trăm ức kiếp sanh tử"*.

Vì thế, Phó Pháp Truyện[282] có ghi vua Kế Nị Tra[283] do sát hại quá nhiều, chết đi đọa làm con cá có một ngàn đầu, có vầng kiếm xoay quanh thân, chặt đứt đầu này lại mọc ra cái khác. Vị La Hán làm Tăng Duy Na[284] đúng giờ đánh chuông, hễ nghe tiếng chuông, vầng kiếm bèn dừng trên không. Do vậy, cá nhắn lời xin đánh chuông cho lâu, qua bảy ngày liền hết bị chịu khổ. Sách

---

[282] Gọi đủ là Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện, do ngài Cát Ca Dạ và Đàm Diệu cùng dịch vào thời Nguyên Ngụy. Tác phẩm này còn có tên gọi khác là Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Kinh, Phó Pháp Tạng Truyện hay Phó Pháp Tạng Kinh. Sách ghi chép sự tích phó chúc pháp, truyền pháp của hai mươi ba vị tổ Ấn Độ kể từ ngài Ca Diếp trở đi. Vị Tổ cuối cùng là Sư Tử tôn giả bị vua nước Kế Tân là Di La Quật giết hại, nên việc phó pháp bị đoạn tuyệt. Truyền thống Trung Hoa thường nói đến Tây Thiên Tứ Thất (28 vị tổ Ấn Độ), tức là căn cứ theo sách này. Tổ Trí Khải kể thêm vị tổ thứ 24 là ngài Ma Điền Đề. Ngài Đạo Nguyên trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, kể thêm năm vị Bà Tu Mật, Bà Xá Tư Đa, Bất Như Mật Đa, Bát Nhã Đa La, Bồ Đề Đạt Ma, trở thành 28 vị Tổ Ấn Độ của Thiền Tông. Truyền thống Trung Hoa thường theo thuyết của ngài Đạo Nguyên.

[283] Tức vua Ca Sắc Nị Ca (Kaniska), còn phiên âm là Đàn Kế Nị Tra, hay Cát Ni Thi Cát, Ca Nị Sắt Tra v.v… Ông là vua nước Kiền Đà La (Gandhara), tức đời vua thứ ba của vương triều Quý Sương (Kushana). Niên đại của ông có nhiều thuyết khác nhau, nhưng nay đa phần công nhận ông sống nhằm thế kỷ thứ hai sau Công Nguyên. Đế quốc của ông rất lớn, chiếm trọn miền Bắc Ấn Độ. Trong sử Phật giáo, ông cùng với vua A Dục được gọi là hai vị đại vương hộ trì Phật pháp. Thoạt đầu, vua tôn thờ Tỏa La A Tư Đức giáo (Bái Hỏa Giáo), không tin tội phước, khinh nhục Phật pháp. Về sau được Mã Minh Bồ Tát cảm hóa bèn quy hướng Phật pháp, cực lực hộ trì Phật pháp, kiến lập tự viện. Vua chiêu tập năm trăm vị thánh giả như các vị Hiếp Tôn Giả, Thế Hữu, Pháp Cứu, Giác Thiên v.v… kết tập Tam Tạng tại thành Ca Thấp Di La (Kashmir). Trước khi quy ngưỡng Phật pháp, vua chinh phạt bốn phương giết người quá nhiều nên mới bị ác báo như vậy.

[284] Hai chữ Duy Na vốn là hợp dịch của tiếng Phạn và tiếng Hán. Duy là giềng mối, quản trị, coi sóc. Na là lược âm từ tiếng Phạn Karma-dàna. Karma-dàna có nghĩa là chấp sự, hàm nghĩa người phân phối mọi việc cho đại chúng. Như vậy, Duy Na là người quản trị tăng chúng trong chùa. Theo Thập Tụng Luật, do xưa kia Phật ở Xá Vệ quốc, muốn cho Tăng chúng lần lượt lo liệu mọi việc trong chùa nên lập ra chức Duy Na. Sách Tứ Phần Luật San Phiền Bổ Khuyết Sao giảng: *"Thập Tụng Luật nói trong Tăng phường có người biết thời hạn, đến giờ xướng tụng bèn đánh kiền chùy. Lại do không có người quét tước, dọn dẹp giảng đường, nhà ăn, không ai liên tục trông nom giường tòa, dạy người khác làm sạch trùng kiến khỏi trái cây, thức ăn. Lúc ăn uống không có ai lo nước nôi, lúc đại chúng nói chuyện lung tung không có ai khảy ngón tay [nhắc nhở] v.v… nên Phật lập ra chức Duy Na. Thanh Luận phiên là Thứ Đệ, nghĩa là biết thứ tự các việc, còn gọi là Duyệt Chúng (làm cho chúng vui đẹp)"*. Như vậy, Duy Na là chức vụ do Phật chế định để cai quản tạp sự trong Tăng chúng. Xưa nay, các đại tự viện lập ra Tam Cương tức Thượng Tọa, Trụ Trì, Duy Na. Trong nhà Thiền, Duy Na là một trong sáu chức tri sự, là chức vụ trọng yếu quản lý oai nghi tăng chúng. Trong các tông phái khác, Duy Na thường là người hướng dẫn, nhắc nhở đại chúng tu hành pháp yếu, kiêm nhiệm việc dẫn xướng trong khi tụng niệm, hồi hướng. Nay chữ Duy Na thường bị hiểu theo nghĩa hẹp chỉ là người giữ chuông, xướng giọng dẫn lễ trong các buổi tụng kinh. Tuy Duyệt Chúng là dịch nghĩa của chữ Duy Na, nhưng nay chữ Duyệt Chúng lại thường được hiểu là người giữ mõ trong khi tụng kinh.

Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập[285] lại chép: Thời Nam Đường, ở huyện Thượng Nguyên có một người dân chết bất ngờ, ba ngày sau sống lại, kể:

- Chết rồi đi vào cõi âm, thấy tiên chúa[286] bị gông xiềng rất ngặt, bảo: "Ta bị Tống Tề Khâu xui dại, giết những người ở Hòa Châu ra hàng hơn một ngàn người, họ oán hận tố cáo nên bị tù ở đây. Hễ nghe tiếng chuông liền tạm dứt khổ. Ngươi về bảo cùng tự quân vì ta đúc một cái chuông, gõ mãi. Nếu nó chẳng tin, lấy bức tượng Thiên Vương bằng ngọc ta giấu ở gối trái tượng Phật chùa Ngõa Quan không ai biết để làm bằng chứng.

Người dân thuật chuyện đầy đủ, kiểm nghiệm đúng thực, vua bèn tạo một quả chuông đặt ở chùa Thanh Lương, khắc bài văn rằng: "Cầu cho liệt tổ Hiếu Cao Hoàng Đế thoát chốn tối tăm, khỏi khổ". Đấy là duyên do đánh chuông U Minh vậy.

Huống chi chùa Pháp Vân phỏng theo cách thức ngài Vân Thê, niệm Phật, phóng sanh, nuôi dạy cô nhi, là đạo tràng từ thiện bậc nhất ở Giang Nam. Gần đây, sát kiếp quá thảm, hãng Hòa Ký của người Tây Dương ở Nam Kinh lại giết hết thảy những loài trâu, dê, những con vật bay chạy không biết là bao nhiêu. Do vậy, các cư sĩ Phùng Mộng Lão, Ngụy Mai Tôn v.v… nhóm họp mấy vị Tăng tục đề xướng kiêng giết phóng sanh, ăn chay niệm Phật hòng vãn hồi kiếp vận, bèn mua bốn trăm bốn mươi mẫu đất bên sông Tam Xoa, mở ra ao phóng sanh chín khu, chiếm hơn một trăm mẫu. Lại còn lập viện mồ côi nuôi dạy cô nhi, nay đã nuôi được sáu mươi trẻ. Cư sĩ Đặng Phác Quân quyên mộ bốn mươi tám nguyện để dựng đại điện, mỗi nguyện là một ngàn đồng, hiện đã sắp tròn nguyện. Sang năm sẽ kiến tạo. Đại điện dựng xong, sẽ dựa vào tiền bạc sẵn có mà an trụ Tăng chúng, chuyên tu Tịnh nghiệp kiêm giảng diễn. Cư sĩ Thôi Ích Vinh phát tâm quyên mộ đúc hồng chung, tùy lòng tùy sức mỗi người bố thí, một ngàn, một trăm, mười đồng hay một đồng đều được! Nhưng chuông này thường gõ suốt ngày đêm, cho nên phải dùng loại đồng có tiếng vang, cần tối thiểu ba ngàn cân. Loại đồng có tiếng vang khá đắt, mỗi cân giá hơn một đồng. Tính ra vật liệu và công xá phải đến bốn, năm ngàn đồng. Nếu tiền quyên mộ có dư sẽ dùng để đúc báo chung, đại khánh, hô bản[287] mỗi loại một cái. Những thứ này chẳng thể thiếu để làm Phật sự.

---

[285] Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập là một bộ từ điển Phạn Hán do ngài Pháp Vân soạn vào đời Tống. Từ năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống Cao Tông, Sư thâu thập tài liệu suốt 20 năm, qua nhiều phen chỉnh lý mới hoàn thành. Bộ sách này chú giải 2.040 từ ngữ trọng yếu trong kinh Phật, chia làm 64 thiên theo bộ loại. Với mỗi từ ngữ, nêu đại ý và liệt kê những cách dịch khác nhau cũng như xuất xứ của những từ ngữ ấy.

[286] Tiên chúa: vua đã mất. Tự quân: vua nối ngôi.

[287] Báo chung: Chuông nhỏ thường treo trong thiền đường, hay tăng xá dùng để báo giờ ngồi Thiền, tụng kinh, niệm Phật, hoặc triệu tập đại chúng. Hô bản: Theo Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, Bản có hình dạng gần như một tấm gỗ phẳng, có nhiều thứ, tùy theo công dụng mà làm bằng gỗ hay kim loại. Trong các Đường có loại gọi là Báo Danh Bản (khi hòa thượng trụ trì vào thiền đường, trực nhật tăng sẽ đánh một tiếng cho đại chúng

Phải biết: Pháp Vân Tự vừa dựng lên, hãng Hòa Ký của người Tây Dương bèn ngừng sát nghiệp, chỉ còn là hãng sản xuất trứng. Mối quan hệ thật chẳng phải nông cạn. Ấy là do tâm thành của mọi người, cảm Tam Bảo ngấm ngầm gia bị nên mới được như thế. Mong rằng các đại đàn-việt thiện tín đều cùng phát thiện tâm, thành tựu việc này. Tất cả công đức có thể dùng để siêu tiến cho tổ tiên đã khuất đều được sanh về Liên Bang, che chở cho quyến thuộc hiện tại ai nấy đều hưởng phước khánh. Tên những người bỏ tiền ra đều được khắc vào một bài vị lớn đặt ở dưới chuông. Quanh thân chuông khắc mọi kinh chú, chỉ ghi tổng cộng có bao nhiêu người thí tiền, thí tất cả bao nhiêu tiền mà thôi! Ví như một giọt gieo vào biển cả cũng liền sâu rộng như biển cả. Nếu ai do lòng tịnh tín hoan hỷ bố thí, liền sẽ khế hợp cùng biển pháp đại giác của Như Lai, công đức ấy há có thể nêu được ư?

20. Sớ quyên mộ thiếp vàng tượng La Hán chùa Pháp Vũ (viết thay)

Đấng Đại Giác Pháp Vương xuất hiện trong thế gian, tùy cơ thuyết pháp, độ thoát chúng sanh, ắt phải có Bồ Tát, Thanh Văn phụ giúp giáo hóa thì mới có thể độ khắp mọi loài, khiến đều được lợi ích.

Ví như một người ngự trên ngôi báu, trăm quan giúp cai trị, mới có thể rủ áo khoanh tay, ngồi hưởng thái bình. Vì thế, khi có bậc vượt trỗi Thập Địa, đức bằng Đẳng Giác xuất thế thì phải có bậc tam kỳ quả mãn, vạn đức nhân tròn đầy ẩn giấu thật đức, quyền biến thị hiện Tiểu Quả, như kinh Pháp Hoa nói các vị A La Hán bên trong đều ngầm tu hạnh Bồ Tát, ngoài hiện tướng Thanh Văn, nếu chưa đạt đến địa vị Phật nào ai có thể suy lường được nổi!

Hơn nữa, Phật sắc truyền các A La Hán thường trụ thế gian, nhận sự cúng dường của trời người để làm phước điền cho đời như năm trăm vị đại A La Hán.

---

biết. Khi khách viếng thăm, bước vào khách đường đánh hai tiếng. Vị đứng đầu Đường ấy vào Đường thì đánh ba tiếng). Trong mỗi Đường loại có các loại bản khác như bản để đánh khi chạy hương, bản để đánh khi thắp hương v.v… Mộc Dục Bản treo trong nhà tắm, được đánh lên khi nước nóng đã sẵn sàng. Các loại này đều bằng gỗ. Hô Bản được nói ở đây là loại bản đúc bằng đồng hay sắt treo trước cửa nhà bếp, được đánh lên để báo giờ cơm đã bắt đầu. Đại khánh là chuông gia trì, tức chuông để gõ trong khi tụng kinh.

Mười tám vị La Hán[288] là thủ lãnh của họ. Do vậy, tùng lâm, Phật điện đều đắp hình tượng để người chiêm lễ diệt tội tăng phước. Pháp Vũ thường trụ chính là đạo tràng viên thông của Quán Âm Đại Sĩ, được bao triều đại sắc kiến[289], được cả cõi đời tôn sùng. Do vậy, dựng điện bèn tạo tượng chín con rồng quấn quanh, tượng thánh thì đắp hình tượng từ bi của Đại Sĩ. Mười tám vị La Hán chia ra ngồi hai bên, như các ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, phụ giúp sự giáo hóa từ bi.

Nhưng do năm tháng đã lâu, sắc vàng tróc rớt, chẳng những là khó coi, mà quả thật còn khó thỏa thánh linh. Lão nạp muốn thếp vàng lại kim thân ngõ hầu được chiếu rọi tam thiên mãi mãi, nếu không nhiều lần kêu gọi góp của làm sao có thể hoàn thành được một hai phần. Dùng lời sớ này để giãi bày trọn vẹn lòng ngu thành, mong cầu thập phương thiện tín tùy duyên vui vẻ giúp cho vàng, tiền, để thánh tượng tự phóng quang minh sáng ngời. Sẽ thấy do nhân như thế, cảm được quả như thế, vị lai cũng sẽ chứng kim sắc thân, làm phước điền cho đời. Còn như trong đời này tai chướng tiêu diệt, phước thọ tăng cao, tiền trình xa lớn, hậu duệ dài lâu chỉ là chuyện nhỏ nhặt mà thôi!

21. Sớ quyên mộ xây dựng Như Ý Liêu chùa Pháp Vũ (viết thay)

Sanh - lão - bệnh - tử ai nấy đều có. Như Lai thuyết pháp, đầu tiên là trình bày những điều này. Ấy là muốn cho chúng sanh ngộ được đạo trọng yếu để thoát khổ, chứng Phật tánh vốn sẵn đủ; do vậy, vĩnh viễn lìa huyễn khổ, thường hưởng chân lạc. Nhưng trong tứ khổ, bệnh - tử là nặng nề nhất. Tại gia thì có quyến thuộc trông nom, săn sóc; xuất gia chỉ trơ trọi một thân, không nơi nương tựa. Vì thế, từ xưa, cổ đức thể hội lòng từ của Phật, lập ra liêu xá, tuyển người chăm sóc, khiến cho ăn uống, thuốc thang, thảy đều như ý, không kém ngoài đời cho mấy. Đấy chính là cội nguồn của Như Ý Liêu vậy.

---

[288] Thập Bát La Hán thật ra chỉ có 16 vị La Hán. Theo Pháp Trụ Ký của tôn giả Khánh Hữu, lúc đức Phật sắp nhập Niết Bàn, đã phó chúc việc hoằng dương Phật pháp lại cho 16 vị La Hán. Từ đời Đường, người Trung Quốc đã thêm vào hai vị tôn giả, thành ra 18 vị. Tạng truyền Phật giáo lại ghép hai vị cư sĩ Đạt Ma Đa La và Bố Đại Hòa Thượng vào số 16 vị La Hán kể trên thành 18 vị. Hiện thời, danh tánh của 18 vị La Hán (theo quy định từ thời Càn Long) như sau: Tân Đầu La Phả La Đọa Xà (Pindola-Bharadvaja), Ca Nặc Ca Phạt Sa (Kanakavatsa), Ca Nặc Ca Bạt La Đọa Xà (Kanaka-bharadvaja), Tô Tần Đà (Suvinda), Nặc Cự La (Nakula), Bạt Đà La (Bhadra), Ca Lý Ca (Karika), Phạt Xà La Phất Đa La (Vajraputra), Thú Bác Ca (Svaka), Bán Tra Ca (Panthaka), La Hỗ La (Rahula), Na Già Tê Na (Nagasena), Nhân Yết Đà (Ingata), Phạt Ba Bà Tư (Vanavasin), A Thị Đa (Ajita), Chú Đồ Bán Tra Ca (Cuda Panthaka), Ca Diếp tôn giả và Di Lặc tôn giả

[289] Vua hạ chiếu sai người xây dựng, tu bổ thì gọi là "sắc kiến" hay "sắc tạo". Chùa được vua công nhận là quốc tự thì gọi là Sắc Tứ.

Phổ Đà là danh sơn bậc nhất trong thiên hạ, bổn tự lại là một trong ba đại tùng lâm của núi này. Vì thế, nạp tăng mười phương qua lại không ngớt, những người ở lại lâu không đi số đến cả trăm. Thế nhưng Như Ý Liêu chật chội, tù túng, lại thêm sản nghiệp thường trụ ít ỏi, chẳng đủ để phù hợp với thân tâm người bệnh. Lại không đủ sức cung ứng thuốc thang cho người bệnh. Liêu tên Như Ý, nhưng nghĩa chưa tròn! Kể từ khi lão nạp mới tiếp nhận trụ trì, đã coi chuyện này là nhiệm vụ cấp bách, muốn tạo dựng bảy gian tinh xá riêng, gian giữa thờ thánh tượng Như Lai, gian sau thờ bài vị của những vị Tăng đã mất, khiến cho người bệnh có chỗ lễ tụng, quán cảm dễ khởi. Hai bên phân làm mười hai gian, trừ phòng hương đăng ra, đều dùng làm chốn dưỡng bệnh. Ít thì mỗi người một liêu, nhiều thì hai người ở chung một liêu. Hai bên cách biệt để không sợ bị truyền nhiễm, thân tâm vui sướng, dễ được lành bệnh không cần đến thuốc. Hết bệnh thì mặc tình đi hay ở, mất thì sẽ chôn cất, khiến cho người đến thì sống có chỗ y chỉ, mất thì có chỗ quy túc. Lại để riêng một trăm mẫu ruộng để sau này chi dùng vào quan quách, thuốc men, khắc bia thông cáo rõ, khiến cho vị trụ trì nhậm chức trong tương lai chẳng dám phế bỏ, sửa đổi chuyện này. Khẩn cầu các vị đại hộ pháp, vui vẻ chia hạc bổng, bỏ ra phù nang[290] khiến cho chuyện này chóng được viên thành, ngõ hầu phước báo vĩnh viễn không thiếu sót, sẽ thấy Phật trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh đua nhau xảy đến, ngũ phước ùn ùn, điều tốt lành lan đến tận hậu duệ.

QUYỂN THỨ HAI HẾT

[290] Theo từ điển Từ Hải, "hạc bổng" là bổng lộc của quan chức, phù là một loại côn trùng, vừa có nghĩa là đồng tiền. Như vậy, "phù nang" là túi đựng tiền.

Nói đến Tín thì phải tin Sa Bà quả thật là khổ, Cực Lạc quả thật là vui. Sa Bà khổ vô lượng vô biên, nói tóm lại chẳng ngoài tám khổ, tức là: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu không được, Ngũ Ấm hừng hực. Tám nỗi khổ này dù sang đến cực phẩm hay hèn như ăn mày, ai nấy đều có. Bảy nỗi khổ đầu là quả do đời quá khứ cảm thành. Suy nghĩ kỹ ắt tự biết, không cần phải viết tường tận, nói nhiều quá tốn bút mực. Cái khổ thứ tám là Ngũ Ấm hừng hực chính là hiện tại khởi tâm động niệm và những hành động, nói năng, chính là nhân của cái khổ trong vị lai. Nhân quả kéo dắt nhau, nối tiếp không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, không thể giải thoát!

Ngũ Ấm chính là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức chính là cái tâm khởi huyễn vọng khi tiếp xúc cảnh. Do những pháp "thân tâm huyễn vọng" này bèn khởi Hoặc tạo nghiệp nơi sáu trần cảnh như lửa cháy hừng hực chẳng thể ngưng tắt nên gọi là "xí thạnh" (cháy hừng hực) vậy.

Sa Bà khổ, khổ không nói nổi; Cực Lạc vui, vui chẳng ví tầy. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là chân tín. Chớ nên dùng tri kiến phàm phu ngoại đạo lầm sanh suy lường, bảo các thứ thù thắng trang nghiêm mầu nhiệm trong Tịnh Độ đều là ngụ ngôn, tỷ dụ tâm pháp, chẳng phải là cảnh thật! Nếu có sự thấy biết tà vạy, sai lầm như thế sẽ mất lợi ích thật sự được vãng sanh Tịnh Độ, tai hại quá lớn! Không thể không biết!

Đã biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui, hãy nên phát tín nguyện thiết thực, nguyện lìa Sa Bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui. Nguyện khẩn thiết như đang té trong hầm xí mong gấp được thoát ra. Lại như đang bị trói buộc trong lao ngục, tha thiết nhớ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự ra, ắt phải cầu người có đại thế lực kéo ra. Hết thảy chúng sanh trong thế giới Sa Bà đối với cảnh thuận hay nghịch, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có, khác nào hầm xí không đáy. Đã tạo ác nghiệp phải chịu ác báo, trải kiếp dài lâu, luân hồi lục đạo, không được tha khỏi lao ngục.

A Di Đà Phật trong kiếp xưa, phát ra bốn mươi tám nguyện độ thoát chúng sanh, có một nguyện là: "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh nước ta, dẫu chỉ mười niệm, nếu như chẳng sanh, chẳng lấy Chánh Giác". A Di Đà Phật thệ nguyện độ sanh. Nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng làm gì được! Nếu chí tâm xưng danh, thệ cầu xuất ly Sa Bà, không ai chẳng được Phật rủ lòng từ nhiếp thọ. A Di Đà Phật có đại thế lực, cứu được người trong hầm xí không đáy, trong lao ngục không tha, ngay đó được xuất ly, đều được đặt yên nơi quê nhà Cực Lạc vốn có, khiến được nhập Phật cảnh giới, thọ dụng giống như Phật. Muốn sanh Tây Phương, trước hết phải có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu có tu hành, chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và thành cái nhân đắc độ trong tương lai

mà thôi. Nếu tín nguyện đầy đủ thì vạn người tu vạn người về, không sót một ai. Tổ Vĩnh Minh nói: "Vạn người tu, vạn người về" là chỉ những người có đủ tín nguyện. Đã có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Dùng Tín - Nguyện để dẫn đường, Niệm Phật là Chánh Hạnh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng không Tín -Nguyện, chẳng thể vãng sanh. Có Tín - Nguyện không Hạnh cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ không khuyết, quyết định vãng sanh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn do Tín - Nguyện có hay không; phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

Nói đến Chánh Hạnh Niệm Phật thì tùy theo sức mình mà lập, chẳng được chấp cố định một pháp. Nếu như thân không bận việc, cố nhiên phải từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, giữ cho một câu hồng danh thánh hiệu này chẳng lìa tâm - miệng. Nếu khi tắm táp, súc miệng thanh tịnh xong, mũ áo tề chỉnh, và ở nơi thanh khiết thì niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, lõa lồ, tắm rửa, đại tiểu tiện và lúc đến những nơi ô uế không sạch, chỉ nên thầm niệm, chớ nên niệm ra tiếng. Công đức niệm thầm cũng giống vậy. Niệm ra tiếng là không cung kính, chứ không phải là ở những nơi, những lúc ấy, không được niệm Phật! Phải biết: Trong những nơi, những lúc ấy,

không được niệm ra tiếng. Thêm nữa, lúc nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính mà còn đến nỗi bị tổn khí, không thể không biết!

Lại nữa, người niệm Phật đối với mỗi sự phải giữ lòng trung hậu, khoan thứ, tâm luôn đề phòng lỗi hại. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu không như thế là trái nghịch Phật, quyết khó cảm thông. Lại phàm lễ bái đọc tụng kinh điển Đại Thừa, và làm hết thảy những chuyện có ích cho đời cho người, đều đem chuyện đó hồi hướng Tây Phương, chẳng nên chỉ đem việc niệm Phật hồi hướng Tây Phương, còn những công đức khác hồi hướng cho phước báo thế gian. Làm vậy, niệm chẳng quy nhất sẽ khó vãng sanh. Phải biết người thật sự niệm Phật chẳng cầu phước báo thế gian, mà tự được phước báo thế gian (như trường thọ, không bệnh, gia đình yên vui, con cháu phát đạt, các duyên như ý, vạn sự cát tường v.v…) Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh thì phước báo thế gian đạt được lại thành hèn kém, do tâm không chuyên nhất, vãng sanh lại càng khó quyết định!

Ấn Quang Đại Sư

Thư gởi cư sĩ Trần Tích Châu

Sách ấn tống. Không được bán.

Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Có tín nguyện chẳng cần biết là hạnh nhiều - ít, sâu - cạn, đều được vãng sanh. Không có tín - nguyện, dù có đạt đến mức độ Năng - Sở cùng mất, thoát khỏi căn trần, cũng khó được vãng sanh. Còn như người thật sự chứng được Thật Lý "Năng - Sở đều mất, thoát khỏi căn lẫn trần" bèn có thể dùng tự lực để liễu sanh tử thì chẳng cần phải bàn đến nữa! Nếu chỉ có công phu thấy được lý ấy, nhưng chưa thật chứng, lại không có tín nguyện thì cũng khó thể vãng sanh. Thiền gia nói đến Tịnh Độ bèn quy về Thiền Tông, không nói đến tín - nguyện; nếu tu tập theo đó thì cũng có thể khai ngộ. Nhưng chưa đoạn Hoặc nghiệp mà muốn liễu sanh tử thì dù có nằm mơ cũng chẳng mộng được! Bởi lẽ, phàm phu vãng sanh do tín nguyện cảm Phật, nên có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Nay đã không sanh tín nguyện, lại đem mỗi lời Phật nói quy hết về tự tâm thì làm sao cảm Phật cho được? Cảm và ứng chẳng phù hợp nhau thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp "hoành siêu" (vượt thoát tam giới theo chiều ngang) thành "thụ xuất" (thoát ra theo chiều dọc), được lợi ích ít, bị tổn hại nhiều, không thể không biết! Được lợi ích là nương theo lời đó cũng có thể khai ngộ; còn bị tổn hại là đã bỏ tín nguyện thì không cách gì nương vào Phật từ lực cho được! Vì thế, tôi nói: "Đối với người thật sự tu Tịnh Độ, những khai thị của nhà Thiền chẳng thể dùng được; bởi lẽ pháp môn, tông chỉ bất đồng".

Ấn Quang đại sư
Trích Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu

Hồi hướng

Nguyện đem công đức này trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ân nặng, dưới độ ba đường khổ
Nếu có người nghe được đều phát Tâm Bồ Đề
Đến hết báo thân này đồng sanh Cực Lạc quốc

Amida Society, Los Angeles
Tịnh Tông Học Hội
5918 Cloverly Ave,
Temple City, CA 91780
Tel: (626)-286-5700. (626)-282-3700
Fax: (626)-286-7988

Sách biếu không bán.
Not for sale. For free distribution only.

"Wherever the Buddha's teachings have flourished,

either in cities or countrysides,

people would gain inconceivable benefits.

The land and people would be enveloped in peace.

The sun and moon will shine clear and bright.

Wind and rain would appear accordingly,

and there will be no disasters.

Nations would be prosperous

and there would be no use for soldiers or weapons.

People would abide by morality and accord with laws.

They would be courteous and humble,

and everyone would be content without injustices.

There would be no thefts or violence.

The strong would not dominate the weak

and everyone would get their fair share."

~THE BUDDHA SPEAKS OF
THE INFINITE LIFE SUTRA OF
ADORNMENT, PURITY, EQUALITY
AND ENLIGHTENMENT OF
THE MAHAYANA SCHOOL~

GREAT VOW

BODHISATTVA EARTH-TREASURY
(BODHISATTVA KSITIGARBHA)

" Unless Hells become empty,
I vow not to attain Buddhahood;
Till all have achieved the Ultimate Liberation,
I shall then consider my Enlightenment full !"

Bodhisattva Earth-Treasury is entrusted as the Caretaker of the World until Buddha Maitreya reincarnates on Earth in 5.7 billion years.

Reciting the Holy Name:
NAMO BODHISATTVA EARTH-TREASURY

Karma-erasing Mantra:
OM BA LA MO LING TO NING SVAHA

Taking Refuge with a mind of Bodhichitta

In the Buddha, the Dharma and the Sangha,
I shall always take refuge
Until the attainment of full awakening.

Through the merit of practicing generosity
and other perfections,
May I swiftly accomplish Buddhahood,
And benefit of all sentient beings.

The Prayers of the Bodhisattvas

With a wish to awaken all beings,
I shall always go for refuge
To the Buddha, Dharma, and Sangha,
Until I attain full enlightenment.

Possessing compassion and wisdom,
Today, in the Buddha's presence,
I sincerely generate
the supreme mind of Bodhichitta
For the benefit of all sentient beings.

"As long as space endures,
As long as sentient beings dwell,
Until then, may I too remain
To dispel the miseries of all sentient beings."

With bad advisors forever left behind,
From paths of evil he departs for eternity,
Soon to see the Buddha of Limitless Light
And perfect Samantabhadra's Supreme Vows.

The supreme and endless blessings
of Samantabhadra's deeds,
I now universally transfer.
May every living being, drowning and adrift,
Soon return to the Pure Land of Limitless Light!

⁕ The Vows of Samantabhadra ⁕

I vow that when my life approaches its end,
All obstructions will be swept away;
I will see Amitabha Buddha,
And be born in His Western Pure Land of
Ultimate Bliss and Peace.

When reborn in the Western Pure Land,
I will perfect and completely fulfill
Without exception these Great Vows,
To delight and benefit all beings.

⁕ The Vows of Samantabhadra Avatamsaka Sutra ⁕

NAME OF SPONSOR

助 印 功 德 芳 名

Document Serial No : 102244

委印文號：*102244*

Book Title: 越南文：印光法師文鈔正編 卷一&卷二
Book Serial No.,書號：VI171.1

N.T.Dollars：

106,000：Một nhóm Phật tử tại Quận Cam và Los Angeles.

Nguyện đem công đức ấn tống kinh sách này trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Nếu có chút công đức nào chúng con xin chân thành hồi hướng về Tây phương Cực Lạc quốc và tất cả mười phương chúng sanh trọn khắp hư không pháp giới, nhất là những oan gia trái chủ của chúng con và của mọi người từ vô thỉ đến nay.

Nguyện cho hết thảy ân sư, phụ mẫu, tổ tiên, quyến thuộc cùng các liên hữu trong vô lượng kiếp cũng như hiện đời, và những người hữu duyên, hoan hỷ, tán thán, tu trì pháp môn Tịnh Độ, hoặc những ai chê gièm pháp môn Niệm Phật đều được vãng sanh Cực Lạc, cùng chứng đại Bồ Đề.

Nguyện cho chánh pháp trường tồn, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Nam mô A Di Đà Phật.

106,000：佛陀教育基金會。

Total: N.T.Dollars 212,000, 2,000 **copies.**
以上合計:台幣 212,000 元，恭印 2,000 冊。

DEDICATION OF MERIT

May the merit and virtue
accrued from this work
adorn Amitabha Buddha's Pure Land,
repay the four great kindnesses above,
and relieve the suffering of
those on the three paths below.

May those who see or hear of these efforts
generate Bodhi-mind,
spend their lives devoted to the Buddha Dharma,
and finally be reborn together in
the Land of Ultimate Bliss.
Homage to Amita Buddha!

NAMO AMITABHA
南無阿彌陀佛

【越南文：印光法師文鈔正編 卷一&卷二】

財團法人佛陀教育基金會 印贈
台北市杭州南路一段五十五號十一樓
Printed and donated for free distribution by
The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415
Email: overseas@budaedu.org
Website:http://www.budaedu.org
This book is strictly for free distribution, it is not for sale.
KINH ẤN TỐNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN
Printed in Taiwan
2,000 copies;August 2013
VI171.1-11484